

Đại Bát Niết Bàn Kinh, 40 quyển 29 Phẩm, Tỳ
Kheo Thích Trí Tịnh.

VT0375

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

MỤC LỤC

TẬP 1

- [01. Phẩm Tự ...2](#)
- [02. Phẩm Thuần Đà ...29](#)
- [03. Phẩm Ai Thán ...58](#)
- [04. Phẩm Trường Thọ ...78](#)
- [05. Phẩm Kim Cang Thân ...103](#)
- [06. Phẩm Danh Tự Công Đức ...115](#)
- [07. Phẩm Tứ Tướng ...118](#)
- [08. Phẩm Tứ Y ...212](#)
- [09. Phẩm Tà Chánh ...244](#)
- [10. Phẩm Tứ Đế ...260](#)
- [11. Phẩm Tứ Đảo ...264](#)
- [12. Phẩm Như-Lai Tánh ...268](#)
- [13. Phẩm Văn Tự ...306](#)
- [14. Phẩm Điều Dụ ...317](#)
- [15. Phẩm Nguyệt Dụ ...328](#)
- [16. Phẩm Bồ Tát ...338](#)
- [17. Phẩm Đại Chúng Vấn ...376](#)
- [18. Phẩm Hiện Bệnh ...404](#)
- [19. Phẩm Thánh Hạnh ... 424](#)
- [20. Phẩm Phạm Hạnh ...533](#)
- [21. Phẩm Anh Nhi Hạnh ...732](#)

TẬP 2

- [22. Phẩm Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát ...737](#)
- [23. Phẩm Sư Tử Hồng Bồ Tát ...939](#)
- [24. Phẩm Ca Diếp Bồ Tát ...1188](#)
- [25. Phẩm Kiều Trần Như ...1285](#)
- [26. Phẩm Di Giáo ...1377](#)
- [27. Phẩm Ứng Tân Hườn Nguyên ...1397](#)

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

TẬP I

PHẨM TỰ THỨ NHẤT

Như vậy, tôi nghe: một lúc nọ, đức Thích-Ca-Mâu-Ni Phật ở tại rừng Ta-La Song-Thọ nơi thành Câu-Thi-Na (1), cùng với tám mươi ức trăm ngàn vị đại Tỳ-Kheo.

Bảy giờ nhằm ngày rằm tháng hai vào lúc sáng sớm sắp nhập Niết-bàn, đức Phật dùng thần lực vang ra tiếng lớn thấu khắp các nơi, suốt đến trời Hữu-đánh (2) theo từng ngôn-ngữ của mỗi loài mà bảo rằng: “Đức Như-Lai Vô-Thượng-Đẳng, Chánh-giác thương mến che chở chúng-sanh, là ngôi nhà to rộng cho chúng sanh về

nương, xem chúng-sanh đồng như La-Hầu-La.

Đấng Đại-Giác Thế-Tôn sắp nhập Niết-bàn, tất cả chúng-sanh nếu có chỗ nghi nay đều nên bạch hỏi, cũng là lần hỏi cuối cùng!

Từ mắt, mũi, miệng, đức Thế-Tôn phóng ra các thứ ánh sáng. Những ánh sáng ấy có nhiều màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng, màu pha-lê, màu mã-nã, chiếu khắp cõi đại-thiên (3), cũng lại chiếu suốt cả mười phương. Lục-đạo chúng-sanh (4), ai gặp được ánh sáng này chiếu đến mình thời tất cả tội-cấu phiền-não đều tiêu trừ. Những chúng sanh này thấy ánh sáng cùng nghe lời tuyên-bố trên đây, tất cả đều rầu lo, buồn khóc nức nở: “Than ôi! Còn gì đáng Từ-Phụ: Thương thay khổ thay !”

Lúc đó khắp đại-địa, núi non biển cả thấy đều chấn động.

Các chúng sanh bảo nhau rằng: “ Chúng ta gắng dần lòng chớ quá buồn khổ. Phải kíp đến thành Câu-Thi-Na, nơi rừng Ta-La đánh lễ Phật, cầu thỉnh đức Như-Lai trụ thế thêm một thời gian”.

Mọi người lại nắm tay nhau mà nói rằng: “Chúng sanh hết phước, thế gian trống rỗng, những ác nghiệp

thêm nhiều.

Đức Như-Lai sắp nhập Niết-bàn. Các Ngài mau đến hầu Phật”.

Rồi lại cùng than rằng: “Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Chúng ta từ nay không chỗ phụng thờ, không ai cứu hộ, cô cút nghèo cùng. Một mai xa lìa đấng Vô-Thượng-Giác, nếu có chỗ nghi làm, chúng ta sẽ bạch hỏi với ai ?”

Bấy giờ các vị đại Tỳ-kheo (5): Tôn-giả Ma-Ha-Ca-Chiên-Diên, Tôn-giả Bạc-Câu-La, Tôn-giả Ưu-Ba Nan-Đà v.v... chạm phải ánh sáng của Phật, thân của các Ngài liền run giật, tâm tưởng mê loạn, hốt hoảng kêu la.

Lại có tám trăm vạn vị Tỳ-kheo đều là bậc vô-lậu A-La-Hán, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, rời các phiến-não, điều-phục các căn, có oai-đức lớn, thành tựu không-huệ, đã khởi sanh tử, tất cả đều là chân Phật-tử. Sáng hôm ấy, lúc mặt trời vừa mọc, các Ngài đang nhắm nhành dương, thấy ánh sáng của Phật chiếu đến, các Ngài hỏi nhau súc miệng, rửa tay. Toàn thân của các Ngài đều rỏ ốc máu nổi đỏ như bông ba-la-xa, hai mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ. Vì muốn lợi-lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ-nhất-không của Đại-thừa, cùng muốn hiển phát

giáo-pháp phương tiện bí mật của Như-Lai, để các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt và cũng vì muốn làm nhân duyên điều phục chúng sanh, nên các Ngài vội đến trước Phật, cúi đầu lay chân Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

Lại có sáu mươi ức vị Tỳ-kheo-ni, như Thiện-Hiền Tỳ-kheo-ni, Ưu-Ba Nan-Đà Tỳ-kheo-ni, Hải-Y Tỳ-kheo-ni v.v... đều là bậc Đại-A-La-Hán, đã sạch phiền-não, tâm được tự tại, chỗ làm đã xong, các căn điều – phục có oai đức lớn, thành tựu không – huệ.

Các Tỳ-kheo-ni ấy cũng vào buổi sáng sớm, lúc mặt trời vừa mọc, toàn thân rớn ốc, máu nổi đỏ như bông ba-la-xa, đôi mắt đầy lệ, lòng rất buồn khổ, cũng vì muốn lợi lạc cho chúng sanh và làm nhân duyên điều-phục, nên các Tỳ-kheo-ni ấy vội đến chỗ Phật, cúi đầu lay chân Phật, nhiễu Phật trăm ngàn vòng, rồi chấp tay cung kính, ngồi qua một bên. Trong chúng Tỳ-kheo-ni này, có những vị Bồ-Tát đến bậc thập-địa an-trụ bất-động. Vì hóa độ chúng sanh nên hiện thân phụ nữ, nhưng thường tu tập bốn tâm vô-lượng (6), đặng sức tự-tại có thể biến-hóa làm Phật.

Bấy giờ lại có một hằng-hà-sa đại Bồ-Tát (7) chứng

bậc thập địa an trụ bất động, phương tiện hiện thân. Danh hiệu của các vị Thượng thủ là: Hải Đức Bồ tát, Vô Tận Ý Bồ Tát v.v... Các Ngài thấy đều kính trọng Đại thừa, an trụ Đại thừa, hiểu sâu Đại thừa, ưa thích Đại thừa, gìn giữ Đại thừa. Các Ngài khéo tùy thuận được tất cả thế gian mà lập thế rằng: “ Những ai chưa giải thoát, sẽ làm cho được giải thoát”.

Các Ngài từ vô lượng kiếp về quá khứ tu trì giới pháp thanh tịnh, khéo đem chỗ đã làm dạy lại cho người chưa hiểu, nói thành ngôi Tam Bảo (8) làm cho chẳng đoạn tuyệt, sau này sẽ chuyển pháp luân, dùng đại trang nghiêm mà tự trang nghiêm, thành tựu vô lượng công đức như thế, xem chúng sanh đồng như con một. Các vị đại Bồ Tát này cũng vào lúc sáng sớm gặp ánh sáng của Phật chiếu đến cả mình rờn ốc, máu đỏ nổi kên như bông ba-la-xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất đau xót, vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ nhất không của Đại thừa, hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như – Lai, cho các cuộc thuyết pháp chẳng đoạn tuyệt, cùng làm nhân duyên điều phục cho chúng sanh, nên các Ngài vội đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chân Phật, đi nhiễu Phật trăm ngàn vòng, chấp tay cung kính ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có hai hăng-hà-sa vị Ưu-bà-tắc (9) thọ trì ngũ giới (10) đầy đủ oai nghi, các ông Oai Đức Ưu-Bà-Tắc, Thiện Đức Ưu-Bà-Tắc v.v... làm thượng-thủ trong số ấy. Tất cả đều thích quan sát sâu kỹ các môn đối-trị như các môn khô, vui, thường, vô-thường, tịnh, bất-tịnh, ngã, vô ngã, thật, bất thật, quy y, phi quy y, chúng sanh, phi chúng sanh, hăng, phi hăng, an, phi an, vi, vô vi, đoạn, bất đoạn, Niết bàn, phi Niết bàn, tăng thượng, phi tăng thượng v.v.... Cũng thích muốn nghe vô-thượng đại-thừa, nghe rồi có thể giảng lại cho người khác, khéo giữ gìn giới luật thanh tịnh, khát ngưỡng đại-thừa, đã tự đầy đủ lại có thể làm đầy đủ kẻ khác, khéo nhiếp thủ trí-huệ vô-thượng, ưa thích và gìn giữ đại-thừa. Khéo tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, nói giống Tam-Bảo cho khỏi đoạn tuyệt, sau này sẽ chuyển pháp-luân, dùng đại trang-nghiêm mà tự trang-nghiêm, tâm các vị ấy luôn say sưa nơi giới-hạnh thanh-tịnh, thành-tựu những công đức như thế, đối với chúng sanh phát tâm đại-bi bình-đẳng xem như con một.

Sáng sớm hôm ấy, vì muốn làm lễ trà-tỳ (11) thân của Như-Lai, nên mỗi người đem vạn bó gỗ thơm: gỗ chiên-đàn trầm-thủy, gỗ ngưu-đầu chiên-đàn, gỗ thiên -

mộc-hương v.v.... Do thần lực của Phật nên các bó gỗ thơm ấy chiếu ra nhiều màu xanh vàng đỏ trắng rất sáng đẹp. Gỗ thơm ấy đều ướp bằng các thứ dầu thơm. Các thứ hoa sen đơm trên những bó gỗ, cùng treo những lá phan năm màu mịn đẹp. Chở gỗ là các thứ xe bằng loại thất bảo (12) thặng bốn ngựa hùng tráng. Trên xe tàn lọng che giăng, rủ những tràng hoa sen đẹp đủ màu, làm bằng vàng ròng và kim cương, các loại ong đen vui vẻ bu hớp trong hoa vang ra tiếng diển nói những pháp vô-thường, khô, không, vô –ngã và thuật đạo hạnh của Bồ-Tát tu tập ngày trước. Lại có các thứ âm nhạc hòa tấu thành tiếng buồn than: “Khô thay ! Khô thay ! Thế gian trống rỗng !” Trước mỗi xe có Ưu-Bà-Tắc bung hương-án bằng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trên án xông các thứ hương thơm thượng hảo, cùng chung các thứ hoa sen đẹp đủ màu. Các vị Ưu-Bà-Tắc này muốn cúng dường Phật cùng chư Tăng, nên đã dự sắm các thứ thực phẩm nấu bằng củi chiên-đàn trầm thủy. Những thực phẩm ấy thơm ngon đủ sáu vị: mặn, ngọt, chua, cay, đắng, lạt cùng đủ ba đức: mềm dẻo, sạch sẽ, đúng pháp. Khi đến rừng Ta-La, họ lấy mặt vàng ròng rải khắp các nơi, rồi trải gấm lụa lên trên rộng đến mười hai do-tuần. Họ thiết tòa sư tử cao lớn bằng bảy báu để thỉnh Phật và chư Tăng ngồi.

Họ đem dầu thơm quý thoa vào thân cây trong rừng rồi treo các lá phan, các tàn lọng xinh đẹp họ rải những thứ hoa đẹp thơm vào các khoảng giữa cây cách nhau. Các Ưu-Bà-Tắc này đều suy nghĩ rằng:

“Tất cả chúng sanh nếu ai có chỗ thiếu hụt: cần thức ăn, tôi sẽ cho ăn; cần uống, cho uống; cần dầu, cho dầu; cần mắt, cho mắt; bất luận là cần dùng thứ gì, tôi sẽ cho thứ ấy. Lúc bố-thí như thế tôi sẽ không có lòng tham sân ác độc nhen-nhóp. Tôi không hề mong niệm cầu phước lộc thế gian mà chỉ nhất tâm cầu quả vô-thượng Bồ-đề”.

Các vị Ưu-Bà-Tắc này đều đã an-trụ nơi đạo Bồ-đề. Các ông nghĩ thầm: “Hôm nay đức Như-Lai thọ thực của chúng tôi xong sẽ nhập Niết-Bàn”. Vừa nghĩ đến đây, cả mình các ông đều rợn ốc, máu đỏ nổi lên như bông ba-la-xa, đôi mắt tràn lệ, lòng rất buồn khổ. Các ông lật đật đem những đồ cúng dường dâng lên đức Phật, cúi đầu lay chân Phật đi nhiều trăm ngàn vòng, khóc lóc nước mắt, tiếng động trời đất, nước mắt như mưa. Các ông than vói nhau rằng: “Thế gian sẽ trống rỗng, thế gian sẽ trống rỗng, rồi các ông lại nhào lặn trước Phật, vừa khóc vừa bạch Phật: “Cúi xin Đức Như-Lai xót thương chúng con mà nhận lễ cúng dường cuối cùng này”.

Đức Thế-Tôn biết giờ nên yên-lặng không nhận. Các ông yêu cầu ba phen mà Phật vẫn không hứa nhận. Không được đức Phật nhận, các ông rất đau khổ như người có con một phải bệnh chết vừa mới chôn xong. Các ông đem những đồ cúng an trí một nơi rồi cùng nhau ngồi qua một bên.

Bấy giờ lại có ba hàng-hà-sa Ưu-Ba-Di thọ-trì ngũ-giới đầy đủ oai nghi, trong số đó có tám vạn bốn ngàn vị thượng –thủ, như các bà Thọ-Đức Ưu-Bà-Di, Đức-Man Ưu-Bà-Di, Tỳ-Xá-Khur Ưu-Ba-Di v.v...Chư Ưu-Bà-Di này đều kham hộ trì chánh pháp, vì độ chúng sanh mà hiện thân phụ nữ. Thường chê trách gia pháp. Tự xem thân mình như bốn rắn độc: thân này thường là món ăn của vô số vi trùng, thân này hôi thúi bị ràng trong ngục tham dục, thân này đáng ghét dường như thầy chó chết, thân này như nhớp, chín lỗ chảy luôn. Thân này như thành trì: da mỏng bọc trên máu thịt gân xương, tay chân là gậy gộc ngăn địch, đôi mắt là lỗ hở, đầu là cung điện chỗ của tâm vương ngự. Những ác quỷ gian tham, dâm dục, sân hận, thù ghét, si mê, tà kiến cư ngụ trong thành này. Đây là chỗ vất bỏ của chư Phật Thế Tôn, mà phàm phu ngu si lại mê say. Thân này là vật không bền chắc,

khác nào bọt nước, cây chuối, cọng lau. Thân này vô thường niệm niệm không dừng như làn chớp, nước dốc, như ảo thuật, ngọn lửa, làn vẽ trên nước. Thân này dễ hư rã như cây bên bờ sông lở. Thân này không mấy chốc sẽ là thức ăn của sói, còn quạ, kên, chó đói. Có ai là người trí mà ưa thích thân này. Đem hết nước biển đựng trong dầu chân trâu còn không khó bằng kể cho đủ những sự vô thường, như nhớp hôi thúi của thân này. Vò quả địa cầu làm cho nhỏ lại bằng trái táo, bằng hạt đình lịch, bằng hạt bụi, là việc dễ hơn kể hết những tội lỗi tai hại của thân này. Thế nên phải nhàm bỏ thân này như nhàm bỏ đàm mũi, vì những nhân duyên ấy, các Ưu-Bà-Di đây thường tu pháp không, vô-tướng, vô-nguyên. Các bà rất thích học hỏi kinh điển đại – thừa, thủ hộ Đại-thừa và cũng có thể giảng dạy lại cho người khác. Dầu là hiện thân nữ, mà các bà đều là Bồ-Tát, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu. Các bà nói giống Tam-Bảo khiến chẳng đoạn tuyệt, sẽ chuyển pháp – luân nơi đời vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm. Đối với chúng sanh phát tâm đại bi bình đẳng, xem như con một. Sáng sớm hôm ấy, các bà bảo nhau đến rừng Ta-La. Các bà đem rất nhiều đồ cúng dường cùng đến trước Phật, cúi đầu lễ chân Phật,

đi nhiều trăm ngàn vòng rồi bạch Phật rằng: “Thế-Tôn ! Hôm nay chúng con sắm sửa đồ cúng dường kính dâng lên đức Thế-Tôn và chư Tăng. Ngửa mong Đức Như-Lai thương xót nhận cho”. Các bà ba phen khẩn cầu mà đức Phật yên lặng không nhận. Các bà than thở ngồi qua một bên.

Bấy giờ nơi thành Tỳ-Gia-Ly, các quyền-thuộc trai gái già trẻ của dòng Ly-Xa và những quyền thuộc của vua chúa ở các nước, vì cầu chánh pháp nên khéo tu giới hạnh, đầy đủ oai-nghi, trừ dẹp các môn dị học làm tổn hại chánh pháp. Họ thường bảo nhau rằng: “Chúng ta phải dùng vàng bạc kho đụn làm cho tạng chánh-pháp thâm-áo còn mãi nơi đời. Nguyên cho chúng ta thường được tu học. Nếu có ai khinh chê chánh pháp của Phật thời phải cắt lưỡi người đó”. Họ lại nguyện rằng: “Người xuất gia nếu phá hư giới cấm, chúng ta bắt phải thôi tu, hườn tục, để làm tội mọi. Còn bậc hộ-trì chánh pháp giới đức tinh nghiêm, chúng ta phải kính trọng phụng thờ như cha mẹ. Nếu chư Tăng có thể tu theo chánh pháp, chúng ta phải tùy hỷ tán trợ cho những vị ấy được thế lực”. Những hoàng tộc này rất thích nghe kinh điển Đại-thừa và cũng có thể giảng giải lại cho người khác những pháp

Đại-thừa mà họ đã được nghe. Tất cả đều thành tựu những công đức như vậy. Danh hiệu của họ là: Tịnh Vô Cấu Tạng Ly Xa Tử. Tịnh Bất Phóng Dật Ly Xa Tử, Vô Cấu Tịnh Đức Ly Xa Tử v.v... Họ bảo nhau kíp đến chỗ Phật cùng đem vô số đồ cúng dường với vô số châu minh nguyệt, gỗ trầm, chiên đàn, chở bằng những thớt tượng lớn và những cỗ xe báu tứ mã. Trên xe trang hoàng vô số phang lọng. Lúc đến trước Phật, họ cúi đầu lạy chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng, rồi bạch rằng: “Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật cúng dường đức Phật và chư Tăng. Ngừa mong đức Như-Lai thương xót nhận cho”.

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Các hoàng tộc chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng mà trụ giữa hư không.

Bấy giờ lại có vô số Đại Thần Trưởng Giả kính trọng Đại-thừa, ủng hộ Đại-thừa, dẹp trừ các phái dị học, như mưa đá tuôn nát cỏ cây. Các ông Nhựt Quang Trưởng giả, Hộ Thế Trưởng giả, Hộ Pháp Trưởng giả v.v... là bậc thượng thủ trong hàng người ấy. Họ sắm vô số đồ cúng dường cùng đem nhau đến trước Phật, cúi đầu lạy

chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng rồi bạch rằng: “Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm các phẩm vật dâng cúng đức Phật và chư Tăng. Ngửa mong đức Như-Lai thương xót nhận cho”.

Đức Phật yên lặng chẳng hứa nhận. Các vị Trưởng giả không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ. Do thần lực của Phật, họ bay lên cao cách đất bảy cây đa la rồi yên lặng trụ giữa hư không.

Bảy giờ vua thành Tỳ-Xá-Ly và vua các nước, trừ vua A-Xà-Thế và phu nhân, mỗi vua cùng với các bà phu nhân và thần dân đem theo vô số cúng phẩm đến rừng Ta-La. Các vua và phu nhân đây đều đã an trụ nơi chánh pháp, kính trọng và rất mến Đại-thừa, thương chúng sanh đồng như con một. Lúc đến trước Phật, các vua và phu nhân bạch rằng: “Bạch đức Thế Tôn ! Hôm nay chúng con sắm phẩm vật dâng cúng đức Phật và chư Tăng. Ngửa mong đức Như-Lai thương xót nhận cho”.

Đức Phật tự biết chưa phải lúc, nên cũng chẳng hứa nhận. Các vua và phu nhân không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bảy giờ có vô số Thiên -Nữ. Thượng thủ Quảng-Mục Thiên-Nữ bảo rằng: “Chị em xem kia ! Đại chúng

sắm phẩm vật muốn cúng dường Phật và chư Tăng. Chúng ta cũng nên đem phẩm vật dâng lên đức Phật, đức Phật thọ xong sẽ nhập Niết-bàn. Chị em nên biết, Phật xuất thế rất khó, được cúng dường Phật lần cuối cùng càng khó hơn. Nếu Phật nhập Niết bàn thời thế gian sẽ trống rỗng”.

Hàng Thiên Nữ này đều giữ gìn giới hạnh, đầy đủ oai nghi, rất thích tu học và hộ trì Đại-thừa, khéo hay tùy thuận tất cả thế gian, độ người chưa được độ, dạy người chưa được hiểu, sẽ chuyển pháp luân ở vị lai, dùng đại trang nghiêm để tự trang nghiêm bình đẳng thương chúng sanh đồng như con một. Vì muốn lợi lạc cho chúng sanh, thành tựu hạnh đệ-nhất-nghĩa-không của Đại-thừa hiển phát giáo pháp phương tiện bí mật của Như-Lai, mà cũng muốn các sự thuyết pháp không đoạn tuyệt, nên các Thiên Nữ sắm vô số đồ cúng dường ở cõi trời và vô số thứ hương trời, chở trên những xe báu trên thiết vô số lọng báu, phan báu, bửu châu, kỹ nhạc, rải vô số hoa trời, cùng nhau đến trước Phật, khóc lóc lay chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng rồi bạch rằng: “Ngửa mong đức Như-Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con”.

Đức Phật yên lặng chẳng nhận. Các Thiên Nữ chẳng được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bảy giờ có vô số chư Thiên-Tử, Thiên-Vương, tứ Thiên-Vương, vô số Thiên Thần, Tỳ-Sa-Môn-Thiên-Vương làm thượng thủ; vô số Long Vương Hòa-Tu-Kiết-Long-Vương, Nan-Đà-Long-Vương, Bạt-Nan-Đà Long-Vương làm thượng thủ; vô số Kim-Sí-Điều-Vương, Hàng-Oán-Điều-Vương làm thượng thủ; vô số Càn-Thát Bà-Vương, Na-La-Đạt-Vương làm thượng thủ; vô số Khẩn-Na-La-Vương, Thiện-Kiến-Vương làm thượng thủ; vô số Ma-Hầu-La-Già Vương, Đại-Thiện-Kiến Vương làm thượng thủ; vô số A-Tu-La Vương, Viêm-Bà-Lợi-Vương làm thượng thủ; vô số Đà-Na-Bà-Vương, Vô-Cấu-Hà-Thủy-Vương, Bạt-Đề-Đạt-Đa Vương làm thượng thủ, vô số La-Sát-Vương, Khả-Úy-Vương làm thượng thủ; vô số Thọ-Lâm-Thần-Vương, Lạc-Hương-Vương làm thượng thủ; vô số Hải-Thần, Hà-Thần, vô số Trì-Chú-Vương, Đại-Huyền-Vương làm thượng thủ; vô số Quý-My, Thiện-Kiến-Vương làm thượng thủ, vô số Quý-Vương, Bạch-Thấp-Vương làm thượng thủ; vô số Tượng-Vương; vô số Sư-Tử-Vương; vô số Điều-Vương; vô số Ngưu-Vương; vô số Phong-Vương; vô số Vân-Vũ-

Vương; vô số Thần-Tiên v.v... Đại-chúng trên đây đều đem vô số phẩm vật, vô số hương hoa, vô số nhũ mật hảo hạng đến lễ Phật cúng dường.

Đức Như-Lai đều chẳng hứa nhận. Họ rất buồn khổ ngồi qua một bên.

Chư Tỳ-Kheo, Tỳ-Kheo-Ni thấy đều họp đủ, chỉ thiếu mặt hai chúng Ma-Ha-Ca-Diếp và A-Nan-Đà.

Hôm ấy toàn rừng Ta-La bỗng đổi màu trắng như lông bạch hạc. Trên hư không tự nhiên có tòa nhà thất bửu, dưới tòa nhà có ao suối mọc đầy hoa sen xinh đẹp, như vườn hoan hỷ ở Thiên-cung Đao-Lợi. Cả rừng Ta-La cũng biến thành trang nghiêm xinh đẹp khác thường.

Trời Đế-thích, cũng như Tứ-Thiên-Vương và chư thiên trong Dục giới đều đem phẩm vật thượng hảo dâng lên đức Phật, mong Phật nhận phần cúng dường cuối cùng của mình hầu được sớm thành tựu pháp bố-thí ba-la-mật, nhưng đức Phật vẫn không hứa nhận. Chư Thiên-Dục giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại Phạm-Thiên-vương cùng Chư Thiên Sắc giới đến lễ Phật, tha thiết dâng phẩm vật cõi sắc. Phật không

hứa nhận. Đại Phạm-Thiên và Chư-Thiên Sắc giới không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ ngồi qua một bên.

Bảy giờ Ma-Vương Ba-Tuần cùng quyền thuộc vô lượng đại chúng mở cửa địa ngục ban nước thanh-tịnh, nhân đó bảo đại chúng rằng: Nay đây các người không làm gì được, chỉ nên chuyên niệm Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri, trần thiết lễ tỳ hỷ cúng dường cuối cùng, các người sẽ được an vui mãi mãi”. Liền đó, Ma-Ba-Tuần dẹp bỏ dao gươm v.v... những độc cụ trong địa ngục cùng làm mưa to dập tắt ngọn lửa đang cháy hừng. Do thần lực của Phật, Ma-Vương lại phát tâm lành truyền lệnh cho toàn thể quyền thuộc ma đều bỏ hết binh khí, rồi mang vô số cúng phẩm cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chân Phật mà bạch rằng: -Chúng con từ nay ưa thích và gìn giữ Đại-thừa. Bạch Thế-Tôn ! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân vì cúng dường, vì sợ hãi, vì phỉnh người, vì tiền của, vì tùy theo người v.v... mà thọ lấy pháp Đại-thừa này hoặc chân hoặc ngụy chúng con nói chú này để trừ diệt sợ hãi của người đó: “ Sá chỉ, trá trá la sá chỉ, lô ha lệ, ma ha lô ha lệ, a la, giá la, đa la, tóa ha”.

Bài chú này có thể làm cho người điên cuồng, người kinh sợ, người thuyết pháp, người chẳng dứt chánh pháp

đều được an ổn. Vì hàng phục ngoại đạo, vì gìn giữ thân mình, vì hộ trì chánh pháp, vì hộ trì đại-thừa, mà chúng con nói bài chú này. Nếu người nào thọ trì chú này thời không còn sợ voi dữ làm hại; hoặc đi đến rừng hoang, đầm trũng, những nơi nguy hiểm chẳng sanh sự kinh sợ; cũng không có những tai nạn nước, lửa, sư tử, cọp, sói, trộm, cướp, vua, quan. Bạch đức Thế-Tôn ! Nay đây, chúng con không vì đua nịnh mà nói những việc này. Ai thọ trì bài chú này thời con sẽ chí thành ủng hộ làm cho thêm thế lực. Ngừa mong đức Như-Lai thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con”.

Đức Phật bảo Ma-Vương Ba-Tuần rằng: “Như-Lai không nhận thực phẩm của nhà người dưng, mà chỉ nhận lấy thần chú của người nói, vì Như-Lai muốn cho chúng sanh và bốn bộ chúng được an vui”.

Ma Vương cầu thỉnh ba lần, mà đức Phật vẫn không hứa nhận. Ma Ba-Tuần không được toại nguyện, lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Đại-Tự-Tại-Thiên-Vương cùng vô lượng Chư-Thiên sắm những cúng phẩm tội hơn tất cả thứ phẩm vật của các đại chúng trời người đã thuật ở trước, cho đến phẩm vật của Phạm-Thiên Đế-Thích sánh với những cúng

phẩm này thời như khối mực đen sánh với đồng châu ngọc, một cây lọng báu nhỏ nhất giương ra có thể che trùm cả cõi đại thiên. Đại-Tự-Tại Thiên Vương cùng Chư-thiên đem những cúng phẩm ấy đến chỗ Phật, cúi đầu lạy chân Phật đi nhiều trăm ngàn vòng rồi bạch rằng: “Thế-Tôn ! Cúng phẩm của chúng con dâng lên đây rất hèn mọn khác nào con muỗi dâng cho Chư-Thiên. Lại cũng như đem một bụm nước đổ vào biển lớn, thắp một cây đèn nhỏ giúp sáng cho trăm ngàn mặt trời, cầm một cái bông thêm vào vườn bông giữa mùa xuân muôn hoa đua nở, đặt một hạt đing lịch thêm lớn cho núi Tu-Di. Nào có ích gì cho biển rộng, mặt trời, vườn hoa, núi lớn. Cúng phẩm của chúng con đối với đức Phật cũng như thế.

Dầu mang cả hương hoa, kỹ nhạc, phan lọng đây khắp cõi đại thiên đến cúng dường Như-Lai còn không đáng kể. Vì sao vậy ? Vì đức Như-Lai thường ở địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh trong các ác thú thọ nhiều sự khổ để cứu vớt mọi loài. Xin đức Thế-tôn thương xót nhận phần cúng dường của chúng con.

Đức Phật yên lặng không hứa nhận. Đại-Tự-Tại Thiên-vương cùng chư Thiên không được toại nguyện lòng rất buồn khổ, ngồi qua một bên.

Bảy giờ phương đông cách đây vô lượng vô số a-tăng-kỳ hằng hà sa vi trần thế giới, nơi cõi Ý-Lạc-Mỹ-Âm, có Phật hiệu Hu-Không-Đẳng Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri Minh-Hạnh-Túc Thiện-Thế Thế gian-giải Vô-thượng-sĩ Điều ngự trượng-phu Thiên-nhân-sư Phật Thế-Tôn, bảo vị đệ tử lớn nhất là Vô-Biên-Thân Bồ-Tát rằng: “Thiện-nam-tử nên qua Tây phương Ta-Bà thế giới. Cõi ấy có Phật Thích-Ca-Mâu-Ni đủ mười đức hiệu sắp nhập Niết-bàn. Ông đem cơm thơm ăn vào an ổn nơi cõi này qua dâng lên Phật Thích-Ca-Mâu-Ni, Phật thọ rồi sẽ nhập Niết-bàn. Nhân đó ông có thể lễ kính Phật cầu giải quyết những điều nghi”.

Vô-Biên-Thân Bồ-Tát tuân lời Phật dạy, liền cùng vô lượng chúng Bồ-Tát đồng đến cõi Ta-Bà. Lúc ấy toàn cõi Ta-Bà chấn động sáu cách. Đại chúng nơi rừng Ta-La: Phạm-Thiên Đế-thích, Tứ Thiên-Vương, Ma-Vương-Ba-Tuần, Đại-Tự-Tại-Thiên v.v... Thấy đất rung động, cả mình rờn óc, cổ lưỡn khô khan tự thấy thân mình không còn ánh sáng mắt cả oai đức, kinh hãi run rẩy đều muốn giải tán.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát liền đứng dậy bảo đại chúng rằng: “Mọi người chớ sợ ! Cách đây về phương

đông vô lượng vô số a-tăng-kỳ hằng-hà-sa vi-trần thế giới (13) có cõi Ý-lạc-Mỹ-Âm. Phật Hư-Không-Đẳng đủ cả mười đức hiệu. Nơi cõi đó có đại Bồ-tát tên Vô-Biên-Thân cùng vô lượng Bồ-Tát sắp đến đây. Bởi oai đức của đại Bồ-Tát ấy làm oai quang của mọi người phải ẩn đi. Mọi người nên vui mừng đừng kinh sợ”.

Liền đó mọi người đều thấy rõ chúng đại Bồ-tát nơi cõi Mỹ-Âm, như nhìn trong gương tự thấy thân mình.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát lại bảo đại chúng: “ Nay đây, mọi người thấy chúng đại Bồ-Tát đó như thấy đức Phật Thích-Ca. Do thần lực của Phật sẽ được thấy vô-lượng chư Phật ở chín phương”.

Bảy giờ đại chúng đều thấy Vô-Biên-Thân Bồ-Tát cùng quyến thuộc của Ngài. Nơi mỗi lỗ chân lông của Vô-Biên-Thân Bồ-Tát đều xuất sanh một hoa sen lớn, mỗi hoa sen đều có bảy muôn tám ngàn thành áp rộng như thành Tỳ-Gia-Ly. Vách thành hào thành toàn bằng thất bảo, cây báu hàng liệt bông trái sum sê.

Gió nhẹ thổi động vang ra tiếng hòa nhã như tiếng nhạc trời. Nhân dân trong những thành ấy nghe tiếng gió reo liền đặng hưởng thọ nhiều sự vui vẻ. Nước trong hào thành trong sạch thơm tho như chân lưu-ly, trên mặt

nước có thuyền thất bảo, chúng nhân ngồi thuyền dạo chơi tắm gội rất mực vui sướng. Trong hào lại có vô lượng hoa sen đủ màu: xanh, vàng, đỏ, trắng, lớn như bánh xe. Trên bờ hào lại có vườn rừng, trong mỗi vườn có năm ao suối đầy hoa sen bốn màu, hương thơm ngào ngạt. Nước ao sạch trong có các loài chim bơi lội. Trong vườn lại có nhiều lầu đài, mỗi tòa lầu đài rộng bốn do-tuần, vách cột mặt đất toàn bằng các chất báu, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trong ấy có nhiều ao suối thất bảo, bậc thang bằng vàng ròng, vàng Diêm-Phù-Đàn làm cây, không khác vườn Hoan-hỷ ở cung trời Đao-Lợi. Nơi mỗi thành ấp ấy có vô số dân chúng luôn luôn vui sướng. Dân chúng này chỉ nghe tiếng pháp vô-thượng đại-thừa, không nghe danh từ gì khác. Có vị quốc vương ngự trên tòa sư tử (14) dùng pháp đại-thừa giáo hóa nhân dân. Và nhân dân biên chép đọc tụng, tu hành theo kinh điển đại-thừa. Nhờ thần lực của Bồ-Tát mà đại chúng được thấy các sự biến hóa ấy. Thân của Bồ-Tát cao lớn vô-lượng vô-biên đồng hư không, trừ Phật, không ai có thể thấy ngần mé thân của Ngài. Vô-Biên-Thân Bồ-Tát cùng vô-lượng Bồ-Tát thị-hiện thần-thông như thế rồi, đem vô lượng cúng phẩm và thức ăn thơm ngon đến chỗ Phật, ai ngửi đến mùi thơm của thức ăn này thời phiền não đều

tiêu diệt, đánh lễ chân Phật mà bạch rằng: “Ngửa mong đức Thế-Tôn thương xót nhận đồ cúng dường của chúng con”. Các Bồ-Tát ba phen dâng bạch, đức Phật biết chưa phải lúc nên không hứa nhận. Vô-Biên-Thân Bồ-Tát cùng chúng Bồ-Tát ngồi qua một bên.

Các cõi Phật ở Nam-phương, Tây-phương, Bắc-phương, cũng có vô lượng Vô-Biên-Thân Bồ-Tát và vô lượng đại Bồ-Tát ở mười phương đều đến rừng Ta-La. Bốn bộ chúng ở Diêm-Phù-Đề (15) hội về đông đủ, trừ Ma-Ha-Ca-Diếp, A-Nan-đà, vua A-Xà-Thế và quyền thuộc của vua này. Thần Đà-Na-Bà, A-Tu-La nhẫn đến mười sáu loài ác độc, rắn, rít, bò cạp, bọ hung v.v... đều bỏ ác niệm mà sanh lòng nhân từ xem nhau như cha mẹ, chị em. Tất cả chúng sanh trong cõi Đại-thiên sanh lòng nhân từ đối với nhau cũng như thế, trừ hạng nhất-xiển-đề.

Hôm ấy, cả đại thiên thế giới do thần lực của Phật, biến thành trang nghiêm đẹp sáng như cõi Cực lạc của Đức Vô-Lượng-Thọ Phật ở phương Tây (16). Đại-chúng trong pháp-hội Ta-La đều thấy rõ các thế giới của chư Phật ở mười phương, như thấy mình trong gương sáng.

Lúc ấy ánh sáng năm màu từ mặt Phật phóng ra bao

trùm đại hội rồi thâm vào miệng Phật. Cả chúng-hội trời, người, a-tu-la v.v... thấy ánh sáng thâm vào miệng Phật, thời cả kinh mà nói rằng: “Đức Phật phóng ánh sáng rồi thâm vào nơi miệng, chắc có duyên có. Hay chính là tướng sắp nhập Niết-Bàn khổ thay !

Khổ thay ! Sao Đức Thế-Tôn lại rời bỏ bốn tâm vô-lượng, chẳng nhận sự cúng dường của Trời, của người. Mặt trời Thánh-huệ từ nay sắp tắt hẳn, thuyền pháp vô-thượng từ nay sắp chìm mất. Thế gian rất khổ. Than ôi ! Đau lòng lắm thay ! Than xong, đại chúng nhào lăn kêu khóc, nước mắt hòa máu rơi đầy nơi đất.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

THÍCH NGHĨA

(1) Rừng cây Ta-La, cũng đọc là Sa-La, vì chỗ Phật ngự, bốn phía có tám cây Ta-La chia làm bốn cặp nên gọi là Ta-La Song-Thọ Câu-Thi-Na

(2) HỮU ĐẢNH gọi đủ là “Tam hữu chi đảnh” – Cõi trời cao nhất trong tam giới, tức là sắc Cứu-Cánh-Thiên.

(3) CÔI ĐẠI-THIÊN, nói đủ là Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-Giới: Một Thái-dương-hệ gọi là một tiểu thế-giới, gồm một tầng trời Sơ Thiên và một cõi dục.

Một ngàn tiểu thế giới hiệp lại cùng một tầng trời Nhị-Thiên, gọi là một Tiểu-Thiên Thế-giới ($1 \text{ T. H. G} \times 1000 = 1 \text{ Tiểu Thiên}$)

Một ngàn Tiểu Thiên hiệp lại cùng một tầng trời Tam-Thiên. Gọi là một Trung-Thiên Thế-Giới ($1 \text{ T. TH. G.} \times 1000 = 1 \text{ T. TH} \times 1000 = 1 \text{ Trung Thiên}$)

Một ngàn Trung-Thiên hiệp lại gồm một tầng trời Tứ-Thiên, gọi là một Đại-Thiên Thế-Giới ($1 \text{ T. TH. G} \times 1000 = 1 \text{ TH} \times 1000 = 1 \text{ TR. TH} \times 1000 = 1 \text{ Đại-Thiên}$)

Từ một Thái-dương-hệ hay một Tiểu Thế-giới phải ba lần nhân ngàn chồng lên mới thành một Đại-Thiên Thế-Giới, tức là 1.000.000.000 Tiểu thế giới cùng 1.000.000 trời Nhị-Thiên, 1.000 Trời Tam-Thiên và một tầng Trời Tứ-Thiên, nên cũng có chỗ gọi Tam-Thiên Đại-Thiên Thế-Giới.

(4) - Trong toàn cõi Đại-Thiên có vô số loài hữu tình chúng sanh. Đại khái chia làm 6: Trời, Người, A-Tu-La, Quỷ, Súc sanh và Địa ngục. Có chỗ thêm Tiên thành bảy loài. Có chỗ lược A-Tu-La thành năm loài gọi là “ Ngũ-Thú”.

(5) - TỶ-KHUU có ba nghĩa: Khất-sĩ, Phá ác và Bô-

ma.

Có ba trường hợp thành Tỳ-Kheo:

I – Người chứng Thánh quả vô-lậu gọi là pháp tánh Tỳ-kheo.

II- Được Phật hiện diện, gọi là Thiện-Lai Tỳ-kheo, thời thành Tỳ-kheo.

III-Chư Tăng hòa hợp đúng pháp bạch tứ yết-ma trao giới Tỳ-kheo, đây gọi là Tác-pháp Tỳ-kheo.

(6) - TỨ VÔ-LƯỢNG-TÂM: Từ, Bi, Hỷ, Xả. Vận dụng bốn tâm trên đây bủa khắp vô-lượng chúng sanh trong vô lượng thế giới, nên gọi là bốn tâm vô lượng.

(7)- Nói đủ là BỒ-ĐỀ-TÁT-ĐOÀ có nghĩa là Hữu-tình đã giác ngộ và giác ngộ các hữu tình khác. Bắt đầu từ khi mới phát tâm bồ đề Vô Thượng: “nguyện thành Phật độ muôn loài”, tu lục độ vạn hạnh, phá hai chướng, chứng pháp thân. Tất cả có 57 bậc BỒ-TÁT: những bậc Thập Địa đã chứng Pháp thân gọi là Đại-BỒ-TÁT (BỒ-TÁT Ma-Ha-Tát)

(8)- TAM BẢO: Ba ngôi báu quý nhất ở thế gian: Phật Bảo, Pháp Bảo, Tăng Bảo.

(9)- Ưu-Bà-Tắc: Cận-sự-nam. ƯU-BÀ-DI: Cận-sự-

nữ. Hai phái tại gia thường gán gũ hộ trì Tam-Bảo. Bắt đầu quy-y Tam-Bảo thời được danh hiệu này.

(10)-NGŨ-GIỚI: năm điều giới của hàng tại gia: không được sát sanh, không được trộm cắp, không được tà dâm, không được vọng ngữ, không được uống rượu say.

(11)- TRÀ-TỠ: Lễ thiêu thi hài lấy tro để thờ.

12)- THẮT-BẢO: vàng, bạc, lưu ly, ngọc xà cừ, ngọc mã não, ngọc san hô, ngọc hổ phách, trân châu

(13)- A-TĂNG-KỶ: vô số HĂNG-HÀ-SA: Sông Hằng (Gange). là con sông to, nguồn từ Hy-Mã-Lạp-Son (Himalaya) chảy qua trung châu Ấn-Độ đổ ra Ấn-Độ-Dương. Bờ sông và đáy sông này có nhiều cát mịn. Khi thuyết pháp, Phật thường dùng số hạt cát của sông Hằng để thay một số lớn.

VI-TRẦN: Bụi nhỏ. Số nhiều như bụi nhỏ không thể tính đếm được.

THẾ-GIỚI: Mỗi thế-giới là cả một Đại-Thiên, phạm vi giáo hóa của một Đức Phật.

(14)-TÒA SU-TỬ: Chỗ ngồi chạm hình sư tử tiêu biểu oai đức tự tại đối với đại chúng, như sư tử oai khiếp

quần thú.

(15)-DIÊM-PHÙ-ĐỀ cũng gọi là Nam Thiệm-Bộ-Châu, tức là quả địa cầu này.

(16) A-Di-Đà-PHẬT, Phạm-âm, Tàu dịch là Vô-Lượng-Thọ-Phật, hoặc Vô-Lượng-Quang-Phật, giáo chủ cõi Cực-Lạc, cũng gọi cõi An-Lạc hay cõi An-Dưỡng. Cõi này cách cõi Ta-Bà đây mười muôn ức cõi về phương Tây.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM THUẦN ĐÀ THỨ HAI

Bấy giờ trong đại hội có vị Ưu-bà-tắc, con nhà thợ thuyền trong thành Câu-Thi-Na, tên là Thuần-Đà cùng với mười lăm bạn đồng nghiệp, vì muốn đem quả lành đến cho người đời nên đến trước Phật, quỳ gối chấp tay cúi lạy chân Phật, buồn khóc rơi lệ, bạch rằng: “ Ngửa mong đức Thế-Tôn và Tỳ-Kheo-Tăng thương xót nhận phần cúng dường cuối cùng của chúng con, cho vô-lượng

chúng sanh được độ.

Bạch Thế-tôn ! Chúng con từ nay nghèo cùng đói khổ không ai cứu giúp, không nơi nương nhờ, muốn xin phước lộc tương lai ở Đức thế-Tôn (17). Cúi xin xót thương nhận chút lễ mọn rồi sẽ nhập Niết-bàn. Bạch Thế-Tôn ! Ví như có người nghèo cùng đến xứ xa lạ ra sức làm ruộng, đặng trâu cày giỏi, ruộng đất tốt màu, bằng phẳng sạch cỏ, chỉ còn chờ trời mưa. Trâu giỏi dụ cho bầy nghiệp của thân và miệng, ruộng tốt bằng phẳng dụ cho trí huệ, sạch cỏ dụ cho trừ sạch phiền não. Bạch Thế-tôn ! Nay đây con đã có trâu giỏi ruộng tốt sạch cỏ, chỉ còn trông chờ trận mưa pháp cam-lồ của Như-Lai. Người nghèo kia chính là con đây, nghèo nơi của báu pháp-bảo vô-thượng. Ngừa mong xót thương dứt trừ sự nghèo cùng khốn khổ của chúng con và cả vô-lượng chúng-sanh. Cúng phẩm của con dầu kém mọn, cũng mong đức Như-Lai và chư Tăng dùng được đủ. Ngày nay con không nơi nương nhờ, không ai nâng đỡ, xin đức Thế-tôn rủ lòng thương xót coi con như La-Hầu-La (18).

Đức Thế-Tôn, bậc Nhứt-thiết chủng-trí vô-thượng điều-ngự, bảo Thuần-Đà rằng. Lành thay ! Lành thay ! Hôm nay Như-Lai trừ sự nghèo cùng [cho] ông, mưa

pháp vô-thượng xuống cho ruộng thân tâm ông mọc mầm pháp. Ông muốn cầu thọ-mạng, sắc, lực, an-lạc vô ngại, biện-tài nơi Như-Lai. Như-Lai sẽ ban cho ông các thứ ấy. “Thuần-Đà ! Thí-thực có hai, đồng một quả báo; một là thọ xong liền chứng vô-thượng chánh-đẳng chánh-giác, hai là thọ xong liền nhập Niết-Bàn. Hôm nay Như-Lai nhận phần cúng dường cuối cùng của ông, cho ông đầy đủ Bồ-thí Ba-la-mật” (19).

Thuần-Đà liền bạch Phật rằng: “Như Đức Thế-Tôn vừa dạy rằng hai lúc cúng-thí quả-báo đồng nhau, theo ý con nghĩ, e rằng không đúng nghĩa. Vì vị thọ-thí trước là bậc chưa sạch phiền não, chưa chứng Nhứt-thiết-chủng-trí (20) cũng chưa có thể làm cho chúng sanh đầy đủ Bồ-thí Ba-la-mật. Còn vị thọ thí sau là bậc Nhứt-thiết chủng-trí, đã sạch phiền-não, có thể làm cho khắp chúng sanh đầy đủ Bồ-thí-Ba-la-mật.

Vị thọ-thí trước còn là chúng sanh, vị thọ-thí sau là bậc trời trong các trời. Vị thọ-thí trước là thân tạp-thực, thân phiền-não, thân vô-thường cuối cùng; vị thọ-thí sau là thân kim-cang không phiền-não, là pháp-thân chân-thường vô cùng. Sao lại cho rằng hai sự cúng-thí quả báo đồng như nhau ?

Vị thọ thí trước chưa được đầy đủ Đản-ba-la-mật nhân đến Bát-nhã Ba-la-mật, chỉ có nhục nhân chưa có huệ nhân nhân đến Phật-nhãn (21). Vị thọ thí sau đã được đầy đủ cả sáu ba-la-mật nhân đến Phật-nhãn. Sao lại cho rằng hai sự cúng-thí được quả-báo đồng nhau ?

Bạch đức Thế-Tôn ! Vị thọ-thí trước, thọ xong ăn nuốt vào bụng tiêu hóa đặng sống còn, đặng sức khỏe, xinh đẹp, an vui, vô-ngại-biện. Vị thọ thí sau chẳng ăn chẳng tiêu, không năm sự quả. Sao lại cho rằng hai sự cúng thí được quả báo đồng nhau ?”

Đức Phật phán: “Thuần-Đà ! Như-Lai đã từ vô-lượng vô-biên vô số kiếp (22) không có những thân ăn uống, thân phiền não, thân sau cùng, mà là thân chân-thường, thân kim-cang, là pháp-thân.

Thuần-Đà ! Người chưa thấy Phật-tánh gọi là thân tạp-thực, (*thân*) phiền não, (*thân*) cuối cùng. Lúc đó Bồ-tát thọ đồ ăn uống rồi nhập kim-cang tam-muội, đồ ăn tiêu hóa xong liền thấy Phật-tánh, chứng vô-thượng chánh đẳng chánh giác. Vì lẽ ấy nên Như-Lai nói hai sự cúng-thí được quả báo đồng nhau.

Lúc thành đạo, Bồ-tát phá hoại bốn ma (23), nay nhập Niết-bàn cũng phá hoại bốn ma, nên Như-Lai nói

hai quả-báo không sai khác.

Lúc trước dẫu BỒ-tát chẳng rộng giảng-diễn mười hai bộ kinh nhưng đã thông đạt rồi, nay nhập Niết-bàn rộng vì chúng sanh phân biệt giảng dạy. Vì thế nên Như-Lai nói hai quả báo đồng nhau.

Thuần-Đà ! Thân của Như-Lai đã từ vô-lượng vô số kiếp chẳng thọ sự ăn uống. Vì hàng Thanh-Văn mà nói rằng trước thọ cháo sữa của hai nàng chăn bò là Nan-Đà và Nan-Đà Ba-La, rồi sau mới chứng quả vô-thượng chánh-giác, nhưng chính thật Như-Lai không ăn. Hôm nay vì đại-chúng trong hội này, mà Như-Lai nhận sự cúng dường cuối cùng của ông dâng. Thật ra Như-Lai không ăn”.

Đại-chúng nghe đức Thế-Tôn khắp vì đại-hội mà nhận sự cúng dường cuối cùng của Thuần-Đà, đều vui mừng hớn hờ. Đồng rập tiếng khen rằng: Lành thay ! Lành thay ! Hy hữu thay cho Thuần-Đà ! Thật ông không uống tên là Thuần-Đà. Vì hai chữ Thuần-Đà là “hiếu diệu-nghĩa”. Ông nay kiến lập hiếu-diệu-nghĩa như thế, cứ nghĩa đặt tên gọi là Thuần-Đà. Hiện đời đây ông được đầy đủ cả danh tiếng, tài lợi, đức hạnh, chí nguyện. Rất lạ cho ông Thuần-Đà ! Sanh trong loài người lại được

quả lành vô-thượng rất khó được. Lành thay cho Thuần-Đà ! Trong đời khó có người thứ hai. Khác nào hoa Ưu-Đàm. Đức Phật ra đời là rất khó. Gặp Phật sanh lòng tin, được nghe chánh pháp, lại là rất khó. Đức Phật sắp nhập Niết-Bàn, thỉnh được đức Phật nhận phần cúng dường cuối cùng lại càng khó hơn.

Nam-mô Thuần-Đà ! Nam-mô Thuần-Đà ! Nay ông đã đầy đủ Bồ-thí Ba-la-mật. Đại chúng liền nói kệ rằng:

Ông dầu sanh nhân đạo
Đã siêu trời thứ sáu
Tôi cùng tất cả chúng
Nay xin yêu cầu ông:
Đấng tối-thắng trong người
Nay sẽ nhập Niết-bàn,
Ông nên thương chúng tôi
Xin kíp thỉnh đức Phật
Ở lâu lại thế gian
Diễn thuyết pháp vô-thượng
Mà bậc trí tán thán

Hầu lợi ích chúng sanh.
Nếu ông không thỉnh Phật
Mạng tôi ắt khó toàn
Ông nên vì chúng tôi
Đánh lễ đức Điều-Ngự.

Thuần-Đà vui mừng hơn hở như người có cha mẹ
vừa chết bỗng sống lại. Ông đánh lễ Phật mà nói kệ rằng:

Vui thay được lợi mình !
Khéo thọ nơi thân người
Dẹp trừ tham sân si
Thoát hẳn ba ác đạo (24)
Thích thay được lợi mình !
Được gặp kho vàng báu
Gặp gỡ đức Điều-Ngự
Chẳng sợ đọa súc sanh
Phật như hoa Ưu-Đàm (25)
Khó gặp gỡ tín kính
Gặp rồi trông căn lành

Dứt hẳn khổ nga-quỷ,
Lại cũng hay tôn giảm
Chủng loại A-Tu-La.
Hột cải ghim đầu kim (26)
Phật ra đời khó hơn,
Tôi đã đủ đàn độ (27)
Độ thiên nhân sanh tử.
Phật chẳng nhiệm việc đời
Như hoa sen ở nước
Khéo dứt giống tam-giới (28)
Thoát hẳn giòng sanh tử,
Sanh làm người là khó
Gặp đời Phật cũng khó
Dường như trong biển lớn
Rùa mù gặp bọng cây.
Nay tôi dâng thực phẩm
Nguyện đặng báo Vô Thượng
Xô phá phiền –não kiết

Tất cả không bền chắc.
Nay tôi ở nơi đây
Chẳng cầu thân nhân thiên
Dầu có được thân ấy
Cũng không lòng ham thích
Được Phật nhận cúng phẩm
Con vui sướng không lường
Khác nào bông Y-Lan (29)
Ngát mùi hương chiên đàn.
Thân tôi như Y-Lan
Thế-Tôn nhận cúng phẩm
Như ngát hương chiên đàn
Vì thế tôi vui mừng.
Tôi nay được hiện báu
Chỗ tối-thắng thượng-diệu
Đế-Thích cùng Phạm-Thiên (30)
Đều đến cúng dường tôi,
Tất cả các thế gian

Đều sanh lòng buồn khổ
Vì biết Phật Thế-tôn
Muốn nhập đại-Niết-bàn
Đồng cất tiếng xướng to:
Đời sẽ không Điều-Ngự
Chẳng nên bỏ chúng sanh
Phải xem như con một
Phật ở giữa chư Tăng
Diễn thuyết pháp Vô Thượng
Như núi báu Tu-di
Cao vọi giữa biển cả.
Trí Phật hay khéo dứt
Tối vô-minh của tôi
Dường như giữa hư không
Mây nổi đặng mát mẻ
Như –Lai khéo dứt trừ
Tất cả các phiền não(31)
Như mặt trời mọc lên

Tan mây sáng khắp soi
Các loài chúng sanh đây
Khóc than sung cả mắt
Đều bị dòng sanh tử
Đầy trôi rất khôn khổ.
Đức Thế-Tôn cần phải
Thêm căn lành chúng sanh
Vì dứt khổ sanh tử
Ở nán lại thế gian.

Phật bảo Thuần-Đà: “Đúng như lời người nói. Phật ra đời là khó như hoa Ưu-đàm. Gặp Phật sanh lòng tin lại khó hơn. Phật sắp nhập Niết-Bàn, được cúng dường lần cuối cùng đầy đủ Bồ-thí Ba-la-mật, lại là việc rất khó gặp bội.

Nay ông chớ buồn khổ, nên phải vui mừng vì đã được dịp cúng dường Như-Lai lần cuối cùng, do đây thành-tựu Bồ-thí Ba-la-mật. Ông chẳng nên thỉnh Phật ở lại nơi đời, mà phải quan sát cảnh giới của chư Phật thấy đều vô-thường, tánh và tướng của các hành-pháp cũng như vậy”.

Đức Phật liền vì Thuần-Đà mà nói kệ rằng:

Tất cả các thế gian
Có sanh đều có tử,
Dầu thọ-mạng vô-lượng
Tất có kỳ phải hết.
Có thành tất có suy,
Sum hiệp có biệt ly,
Tuổi trẻ chẳng dừng lâu
Khỏe mạnh bị bệnh xâm,
Sự chết nuốt mạng người
Không có gì thường còn.
Bậc vua chúa tự-tại
Thế-lực không ai bằng
Tất cả đều đời đời
Mạng sống cũng như vậy.
Sự khổ xoay không ngăn
Lưu-chuyển không thôi dừng
Ba cõi đều vô thường
Mọi loài không có vui.

Tánh tướng của pháp có
Tất cả đều trống không,
Pháp sanh diệt lưu-chuyển
Luôn có những lo khổ,
Sợ sệt, các lỗi ác,
Già, bệnh, chết, buồn rầu.
Những khổ ấy không ngăn
Hư rã nhiều tai hại,
Phiền não bao gói kín
Khác nào tâm ở kén,
Là người có trí huệ
Đâu nên thích chốn này.
Các khổ nhóm nơi thân
Tất cả đều như nhớp,
Tai nạn, ghẻ nhọt thảy
Cội gốc của khổ đau,
Dầu là thân chư-Thiên
Đều cũng giống như vậy.

Dục ái đều vô-thường
Nên Phật chẳng tham ưa,
Ly dục khéo tư duy
Đặng chứng quả chân thật
Rốt ráo dứt sanh tử
Nay sẽ vào Niết-bàn.
Phật đã vượt bờ kia
Đã thoát hẳn các khổ
Vì thế nên hiện nay
Thuần hưởng những diệu-lạc,
Do các nhân duyên ấy
Chứng quả vị chân thật
Dứt hẳn những triền phược
Hôm nay vào Niết-bàn.
Phật không già, bệnh, chết,
Thọ mạng vô cùng tận,
Phật nay vào Niết-bàn
Như ngọn lửa lớn tắt.

Thuần-Đà ! Ông chẳng nên
Suy lường nghĩa Như-Lai,
Nên xét tánh Như-Lai
Dường như núi Tu Di.
Phật nay vào Niết-bàn
Thọ-trì đệ nhất lạc,
Pháp chư Phật như vậy
Các ông chớ nên khóc.

Thuần-Đà bạch Phật rằng: Bạch đức Thế-Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Trí huệ của con kém nhỏ như muỗi mòng, đâu có thể nghĩ bàn được nghĩa Niết-bàn sâu kín của Như-Lai.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như người tuổi thơ ấu mới xuất gia, dầu chưa thọ giới cụ-túc, mà đã được dự vào số chúng Tăng. Con nay cũng vậy, nhờ thần lực của Phật và Bồ Tát, mà con được dự vào số đại Bồ-Tát, đã được cùng hàng với các bậc Đại-Long-Tượng (32) dứt phiền não, như ngài Văn-Thù Sư-Lợi Pháp-Vương –Tử v.v...

Thế nên hôm nay con muốn đức Như-Lai thường ở nơi đời mà chẳng vào Niết-bàn.

Văn-Thù Sư-Lợi Pháp-Vương-Tử (33) bảo Thuần-Đà rằng: Ông chẳng nên nói rằng muốn đức Như-Lai thường ở nơi đời mà chẳng vào Niết-bàn. Ông phải quán-sát tánh tướng của hành pháp, quán sát như thế đặng “không” tam-muội. Muốn cầu chánh pháp nên học pháp quán-sát như vậy.

Thuần-Đà nói: “Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Đức Như-Lai là bậc cao cả nhất trong người trên trời. Đức Như-Lai như thế há lại là hành pháp sao ? (34) Nếu là hành-pháp thời là pháp sanh diệt. Ví như bóng nước chóng nổi chóng tan, qua lại xoay vần như bánh xe lăn, các hành-pháp cũng như thế. Tôi nghe chư Thiên sống rất lâu, tại sao đức Thế-Tôn là bậc trời trong các trời mà lại sống chẳng đầy trăm tuổi.

Các hành-pháp là pháp sanh tử, nếu đức Như-Lai nhập diệt thời đồng với hành-pháp, đâu được gọi là bậc trời trong các trời, là Pháp Vương tự-tại. Vì thế chẳng nên xem đức Như-Lai đồng với hành-pháp.

Đức Như-Lai hàng phục phiền-nã ma, ngũ-âm ma, thiên-ma, tử ma do nhân duyên ấy mà thành-tựu đầy đủ vô-lượng công-đức chân thật, nên hiệu là Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri, hiệu là Tam-Giới-Tôn.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi: Chẳng nên ức-tưởng phân biệt mà đem pháp Như-Lai cho đồng với các hành pháp. Ví như phú ông sanh con trai, nhà tướng số xem trẻ ấy có tướng đoản mạng. Phú ông biết rằng trẻ ấy không thể nối lấy gia nghiệp, nên chẳng ái trọng. Và kẻ đoản mạng thời chẳng được mọi người kính trọng. Nếu đức Như-Lai đồng với các hành-pháp, ắt chẳng được sa-môn bà-la-môn tất cả trời người kính thờ, mà pháp chân thật bất biến bất dị của Như-Lai dạy ra cũng không ai tin thọ. Vì lẽ ấy, Ngài chẳng nên nói rằng Như-Lai đồng với các hành-pháp.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Như bần-nữ đang có mang mà lại đói khát không nhà cửa, để nhờ dưới mái nhà kia, chủ nhà xua đuổi, bần nữ bồng con muốn đến xứ khác để mưu sanh. Dọc đường phải lội qua con sông, ra giữa dòng bị nước chảy, xoáy mạnh, không nở buông con nên mẹ con đồng bị chết đuối. Vì tâm lòng từ ái ấy, bần nữ được sanh lên cõi phạm-thiên.

Nếu có thiện-nam-tử muốn hộ trì chánh-pháp, chớ nói Như-Lai đồng với các hành-pháp hay chẳng đồng với các hành-pháp. Chỉ nên tự trách mình ngu si không có huệ-nhãn, chánh-pháp của Như-Lai không thể nghĩ bàn,

không nên tuyên nói Như-Lai quyết định là hữu-vi, hay vô-vi. Nếu là người chánh-kiến nên nói Như-Lai quyết định là vô-vi. Vì sao thế ? Vì nói Như-Lai là vô-vi thời có thể sanh pháp lành cho chúng sanh.

Thiện-nam-tử hộ-trì chánh-pháp thà chết chớ chẳng nói Như-Lai đồng với pháp hữu-vi, mà chỉ nên nói Như-Lai đồng với pháp vô-vi. Nhân vì hộ-trì chánh-pháp nói Như-Lai đồng với pháp vô-vi mà đặng quả vô-thượng chánh-giác. Như bần-nữ thà chết đuối giữa dòng chớ không chịu buông con, nhân đó mà được sanh lên cõi phạm-thiên. Thiện nam-tử này chẳng cầu giải thoát mà giải thoát tự đến. Khác nào bần nữ kia chẳng cầu sanh phạm-thiên mà quả phạm-thiên tự đến.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Như người đi xa giữa đường mỏi mệt, nghỉ nhờ nhà người. Giữa lúc ngủ, nhà ấy bỗng bốc lửa to. Người ấy choàng dậy biết chắc phải chết, lòng hổ thẹn sợ thân thể lỏa lồ bèn lấy y áo vấn thân mà chết, liền được sanh lên cõi trời Đao-Lợi. Sau đó tám mươi đời làm Đại-Phạm-Vương, trăm ngàn đời làm Chuyển-Luân-vương, người ấy mãi hưởng phước lành như vậy, hẳn không bị đọa vào ác đạo. Vì duyên có ấy, nếu là người có tâm tâm-quý chẳng nên xem Như-Lai

đồng với các hành-pháp.

Bọn ngoại đạo tà-kiến mới được nói Như-Lai đồng với pháp hữu-vi.

Là Tỳ-Kheo trì-giới đâu nên có quan niệm rằng Như-Lai là pháp hữu-vi.

Nếu nói Như-Lai là pháp hữu-vi, đó chính là vọng-ngữ. Phải biết người này sẽ đọa địa ngục.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Như-Lai chân thật, chính là pháp vô-vi, chẳng nên lại nói là hữu-vi. Từ nay ở trong đường sanh tử, Ngài nên bỏ vô-trí mà cầu nơi chính-trí. Phải biết Như-Lai chính là vô-vi. Được chánh-quán như thế, sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng, chóng thành tựu quả vô-thượng Bồ-đề”.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát khen Thuần-Đà rằng: “Lành thay ! Lành thay ! Nay ông đã tạo nhân duyên trường thọ, ông biết được Như-Lai là pháp thường-trụ, là pháp chẳng biến-dị, là pháp vô-vi. Nay ông khéo che đậy tướng hữu-vi của Như-Lai, sau này ông sẽ đặng đầy đủ ba mươi hai tướng, tám mươi tùy hình, mười tám pháp bất cộng, thọ mạng vô-lượng, luôn được an vui, không còn sanh tử sẽ thành bậc Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri. Như người lữ

khách bị lửa thiêu mà có lòng hổ thẹn lấy y áo vắn thân, nhờ tâm lành ấy nên được sanh lên cõi Đao-Lợi, lại nhiều đời làm Phạm-Vương, Chuyển-Luân-Vương, luôn được an vui chẳng sa ác đạo.

Tôi cùng ông đều nên che đậy tướng hữu-vi của Như-Lai. Lát nữa đức Thế-Tôn sẽ giảng rộng về ý nghĩa này.

Nên để hữu-vi vô-vi lại đó. Ông nên kíp lo cúng-dường cơm nước cho kịp giờ và cũng nên sắm sửa đồ cần thiết cho hàng tứ-chúng từ xa hội về đang mỗi một. Cúng dường như thế chính là đầy đủ chủng-tử căn-bản của Đàn-ba-la-mật.

Thuần-Đà ! Nếu cúng dường đức Phật và chư Tăng lần cuối cùng, hoặc nhiều hay ít, đủ hay thiếu đều phải sớm lo cho kịp giờ. Đức Như-Lai sẽ nhập Niết-bàn”.

Thuần-Đà nói: “ Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Sao Ngài lại tham chút uống ăn mà nói hoặc ít hoặc nhiều, đủ hay chẳng đủ, rồi bảo tôi lo cho kịp giờ ? Xưa kia đức Như-Lai khổ hạnh trọn sáu năm còn chịu nổi, huống là giây lát hôm nay. Ngài thật cho rằng đức Như-Lai chánh giác thọ đồ uống ăn này ư ? Tôi thời biết quyết định thân Như-Lai chính là pháp-thân, không phải thực-thân.

Phật bảo Văn-thù Sư-Lợi: “Thật đúng như lời của Thuần-đà ! Lành thay Thuần-Đà ! Ông đã thành-tựu đại trí-huệ, khéo thâm nhập kinh-điển đại-thừa”.

Văn-Thù Sư-Lợi nói với Thuần-Đà: “ Ông cho rằng Như-Lai là vô-vi, thân Như-Lai là trường-thọ, hiểu biết như vậy đức Phật rất hài lòng”.

Thuần-Đà nói: “Đức Như-Lai chẳng riêng gì hài lòng nơi tôi, mà cũng hài lòng với tất cả chúng sanh”.

Văn-Thù Sư-Lợi nói: “Đức Như-Lai đối với ông, với tôi, với tất cả chúng sanh, đều hài lòng”.

Thuần-Đà nói: “Ngài chẳng nên nói đức Như-Lai hài lòng. Luận về hài lòng, chính là đảo-tướng. Phạm có đảo-tướng thời là sanh tử, có sanh tử thời là pháp hữu-vi. Vì lẽ ấy Ngài chẳng nên cho Như-Lai là hữu-vi. Nếu nói Như-Lai là hữu-vi thời Ngài cùng tôi đều điên-đảo cả.

Thưa ngài Văn-Thù Sư-Lợi ! Đức Như-Lai không có ái-niệm. Luận về ái-niệm, như trâu mẹ kia ái-niệm con của nó, dầu là đói khát đi tìm cỏ nước, hoặc no hay chưa no, bỗng nhiên nhớ con liền trở về. Chư Phật Thế-Tôn không có ái-niệm như vậy, bình đẳng xem tất cả chúng sanh như La-Hầu-La. Từ-niệm bình đẳng như vậy chính

là cảnh-giới trí-huệ của chư Phật.

Thưa ngài Văn-thù Sư-Lợi ! Ví như quốc vương ngự trên xe tứ mã, có người muốn cho xe bò theo kịp xe vua, tất không thể được. Ngài cùng tôi muốn cùng tận chỗ vi-mật thâm-áo của Như-Lai cũng không thể được.

Ví như Kim-Sí-Điêu (35) bay vọt trên cao vô lượng do-tuần, nhìn xuống biển cả thấy rõ những loài thủy tộc cùng loài rồng và bóng của nó. Kẻ phàm tục trí kém, không thể suy lường chỗ thấy của Kim-Sí-Điêu được. Cũng thế, Ngài cùng tôi không thể suy lường được trí huệ của Như-Lai”.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-tát bảo Thuần-Đà rằng: “ Đúng như lời ông vừa nói. Đối với những việc ấy không phải là tôi không hiểu. Chẳng qua vì muốn đem việc của Bồ-Tát thử ông đó thôi”.

Bấy giờ đức Thế-tôn từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng chiếu thân ngài Văn-Thù. Ngài Văn-Thù liền bảo Thuần-Đà rằng: “Nay đây đức Như-Lai hiện thoạt-tướng từ trên mặt phóng ra nhiều tia sáng như thế chẳng phải là không duyên có, đó là điềm đức Phật sắp nhập Niết-bàn. Ông phải sớm lo dâng lễ cúng dường lên đức Phật và chư Tăng cho kịp giờ”.

Đức Phật bảo Thuần-Đà: “Đã phải giờ cho ông dâng thực phẩm cúng dường Phật và đại-chúng. Như-Lai sẽ nhập Niết-bàn”.

Đức Phật bảo luôn ba lần như vậy.

Thuần-Đà nghe đức Phật dạy như vậy, bất giác nghẹn ngào khóc than nức nở:

“ Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian sẽ trống rỗng”. Rồi ông lại thưa cùng đại-hội:

“ Hôm nay chúng ta phải đồng tha-thiết đánh lễ cầu đức Phật đừng nhập Niết-bàn”.

Đức Thế-Tôn lại bảo Thuần-Đà: “Ông chớ nên khóc than tiêu-tụy như vậy. Ông phải quán sát thân này như cây chuối, như ánh nắng, như bọt nước, như huyễn-hóa, như thành Càn-thát-bà, như đồ gốm chưa hầm, như làn chớp, như hình vẽ trên nước, Như tù sắp hành hình, như trái muối, như cục thịt, như bức dẹt đã hết khổ, như chày giã lên xuống. Phải quán sát các hành-pháp như món ăn lẫn chất độc, pháp hữu-vi nhiều tai hại”.

Thuần-Đà bạch Phật: “Đức Thế-Tôn chẳng muốn ở lại đời làm sao con chẳng buồn khóc cho được. Khổ thay ! Khổ thay ! Thế-gian sẽ trống rỗng. Ngừa mong Đức Thế-

Tôn thương xót chúng con và chúng sanh mà ở luôn nơi đời, chẳng nhập Niết-bàn”.

Phật bảo Thuần-Đà: “Ông chẳng nên nói rằng thương xót các ông mà ở luôn nơi đời. Chính vì thương xót ông và các chúng sanh mà hôm nay Phật mới muốn nhập Niết-bàn. Vì sao thế ? Chư Phật pháp-nhĩ như vậy. Pháp hữu-vi cũng thế. Nên chư Phật nói kệ rằng:

Các pháp hữu-vi

Tánh nó vô thường

Sanh rồi chẳng trụ

Tịch-diệt là vui.

Thuần-Đà ! Ông nên quán-sát các hành pháp là tạp độc. Các pháp hữu-vi là vô-ngã vô-thường chẳng trụ. Tám thân này có rất nhiều tai hại như bóng nước. Vì lẽ ấy ông chớ nên khóc lóc”.

Thuần-Đà bạch Phật: “Thật đúng như lời Thế-Tôn dạy. Mặc dầu con vốn biết đức Như-Lai phương tiện thị-hiện nhập Niết-bàn, nhưng con không làm sao ngăn sự buồn thảm được. Giờ đây tự suy xét, con lại sanh lòng vui mừng”.

Phật khen Thuần-Đà: “Lành thay ! Lành thay ! Ông

có thể rõ biết Như-Lai thị-hiện đồng với chúng sanh mà phương tiện nhập Niết-bàn.

Thuần-Đà ! Ông nên nghe đây: Như mùa xuân chim ta-la-tà đều nhóm nơi ao A-Nậu-Đạt. Chư Phật cũng thế đều đến chỗ ấy. Ông chẳng nên suy nghĩ chư Phật là trường thọ hay đoản thọ. Tất cả các pháp đều như tướng huyền-thuật. Như-Lai ở trong ấy do sức phương tiện không có nhiệm trước. Vì sao thế ? Vì chư Phật pháp-nhĩ như vậy.

Thuần-Đà ! Nay Như-Lai nhận phần cúng dường của ông là vì muốn cho ông thoát khỏi các dòng sanh tử trong ba cõi. Hàng nhân-thiên ở nơi sự cúng dường cuối cùng đối với Như-Lai đây, đều sẽ được quả-báo bất động, luôn được an vui. Vì sao thế ? Vì Như-Lai là phước điền tốt của chúng sanh. Nếu ông muốn vì chúng sanh mà làm phước-điền, thời phải kíp sắm sửa cúng phẩm, chẳng nên trễ”.

Bấy giờ Thuần-Đà vì các chúng sanh được độ thoát nên cúi đầu lau lệ mà bạch Phật: “Lành thay đức Thế-Tôn ! Nếu lúc con kham có thể làm phước-điền, thời có thể biết rõ Như-Lai là nhập Niết-bàn hay chẳng phải nhập Niết-bàn. Nay trí huệ của chúng con cùng Thanh-

Văn, Duyên-Giác nhỏ kém như kiến muối, thật không thể suy lường Như-Lai nhập Niết-bàn hay chẳng phải nhập Niết-bàn”.

Bạch xong, Thuần-Đà cùng quyến thuộc buồn rầu khóc lóc, thiêu hương rải hoa, hết lòng cung kính, rồi liền cùng ngài Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát đi lo sắm sửa thực phẩm.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

THÍCH NGHĨA

(17) THÊ TÔN: Đáng tôn quý nhất trong tất cả thế gian và xuất thế gian. Từ ngữ này gồm đủ mười điều vô-thượng: 1 – Như-Lai, 2 – Ứng-Cúng. 3- Chánh-Biến-Tri. 4- Minh-Hạnh-Túc. 5- Thiện-Thệ. 6- Thế-Gian-Giải. 7- Vô-Thượng-Sĩ. 8- Điều-Ngự-Trượng-Phu. 9- Thiên-Nhân-Sư. 10- Phật.

(18) LA-HẦU-LA: Con trai của Thái-Tử Sĩ-Đạt-Ta và Da-Du-Đà-La

(19) BỐ-THÍ-BA-LA-MẬT: Công hạnh bố thí đã đến từng ngã và pháp đều không, đã rớt ráo viên mãn. Biệt-Giáo bậc sơ địa viên giáo bậc sơ trụ mới thành tựu hạnh này.

(20) TRÍ-HUỆ CHỨNG-NGÃ-KHÔNG gọi là “Nhất-thiết-trí” Hàng nhị thừa có trí này. Trí-huệ chứng ngã-không và phần chứng pháp không gọi là “Đạo-chủng-trí”. Pháp thân Bồ-Tát có trí này. Trí huệ chứng ngã-không và toàn chứng pháp-không gọi là “Nhất-thiết-chủng-trí” Chỉ bậc Phật mới có trí này. Trí huệ này gồm có bốn trí: 1- Thành-sở-tác-trí. 2- Diệu quán-sát-trí. 3- Bình-đẳng tánh-trí. 4- Đại-viên cảnh-trí.

(21) NGŨ NHÃN: 1- Nhục nhãn. 2- Thiên nhãn. 3- Huệ nhãn. 4 Pháp nhãn. 5- Phật nhãn. Phạm phu chỉ có nhục nhãn, riêng chư Thiên và chư ngũ thông tiên-nhân gồm có thiên nhãn. A-La-Hán và Bích-Chi-Phật có nhục nhãn, thiên nhãn và huệ nhãn. Pháp thân Bồ-Tát có ba nhãn trên và pháp nhãn. Đức Phật có đủ 5 nhãn.

(22) KIẾP-BA: là thời gian dài. Có tiểu, trung và đại ba kiếp. Một tiểu kiếp có

16798.000 năm (theo năm của nhân loại địa cầu). Một trung kiếp có 20 tiểu kiếp. Và một đại kiếp có 4 trung kiếp hay 80 tiểu kiếp, tức là: (16798.000 năm x 80 = 1.343.840.000 năm) (một tỷ, ba trăm bốn mươi ba triệu, tám trăm bốn chục ngàn năm). Phạm trong kinh chỉ nói bao nhiêu kiếp, mà không nói trung hay tiểu, thời thường

là nói đại kiếp.

(23) BỐN MA : Ma phiền não, Ma ngũ-âm, Ma chết, và Thiên ma. Nói đủ là Ma-La có nghĩa là hay phá hoại thiện căn của chúng sanh, của người tu hành.

(24) BA ÁC ĐẠO: Súc sanh, ngạ quỷ và địa ngục. Ba loài này vì phạm tội thập ác nhẹ, vừa và nặng mà phải thọ lấy quả khổ ấy, nên gọi là ác đạo, đây là cứ nơi nghiệp nhân ác mà đặt tên. Nếu theo quả khổ thời gọi là tam đồ: 1- Huyết đồ, loài súc sanh thường ăn nuốt máu thịt lẫn nhau; 2- Dao đồ, loài ngạ quỷ thường dùng dao gậy đánh đập nhau; 3- Hỏa đồ, loài địa ngục thường bị lửa thui đốt, nấu rang.

(25) ƯU-ĐÀM-BÁT-LA-HOÀ: dịch là Linh-Thoại-Hoa. Tục truyền ba ngàn năm mới xuất hiện một lần, là điềm Thánh-Vương, hay Thánh-Nhân xuất thế.

(26) Ném hột cải trứng dính vào đầu nhọn cây kim.

(27) “Đàn” là bố thí, “Độ” là ba-la-mật. “Đàn-Độ” là Bồ-thí Ba-la-mật.

(28) TAM GIỚI: ba cõi: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

(29) BÔNG Y-LAN: là một thứ hoa có mùi rất hôi

thú.

(30) ĐẾ-THÍCH: nói đủ là Thiên Đế Thích-Đề-Hoàn-Nhân, vua cõi trời Đao-Lợi.

PHẠM-THIÊN: Thiên Vương cõi sắc.

(31) PHIÊN NÃO: Phiền nhiễu, não loạn, tức là những tâm niệm xấu, cùng ý tưởng ác như: tham, sân, si, mạn, nghi, ác-kiến v.v... nó làm nhiễu loạn thân tâm người, đồng thời hay phá hoại thiện căn của người, nên cũng gọi là phiền não ma.

(32) ĐẠI-LONG-TƯỢNG: Rồng lớn và Voi lớn là loài to mạnh trong các muông thú. Dùng danh từ này là dụ cho các bậc siêu nhân đại Bồ-Tát. Phật là Pháp-Vương, đại Bồ-Tát sẽ thành Phật, là con của đấng Pháp-Vương nên gọi là Pháp-Vương-Tử.

(34) HÀNH-PHÁP: Pháp di động chuyển biến.

(35) KIM-SÍ-ĐIỀU: Chim cánh vàng, một loài chim to nhất hay dùng rồng làm món ăn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sấm

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM AI THÁN THỨ BA

Ông Thuần-Đà ra đi không bao lâu, khắp cả đại-địa nhả đến trời Phạm Thiên bỗng chấn động sáu cách (36). Phạm địa động có hai: đại động và tiểu động. Có tiếng nhỏ, chỉ riêng nơi mặt đất chấn động, chỉ động một chiều, đây là tiểu địa động. Có tiếng lớn, cả đất liền cùng núi biển sông rạch cây cối đều động, động xoay nhiều chiều, lúc động có thể làm động cả tâm của chúng sanh, đây là đại địa động. Đức Phật ra đời có những lần đại địa động: Từ cung trời Đâu-Suất giáng thân xuống nhân gian, sơ sanh, xuất gia, thành đạo, chuyển pháp luân và nhập Niết-bàn. Giờ đây Như-Lai sắp nhập Niết-bàn nên có điềm đại-địa-động như vậy.

Thiên-Long bát bộ (37) cả mình rờn ốc, đồng thanh buồn khóc mà nói kệ rằng:

Cúi đầu lạy Thế-Tôn

Chúng con đồng khuyến thỉnh,

Chúng con mà xa Phật

Thời không ai cứu hộ.

Đức Phật nhập Niết-bàn
Chúng con chìm biển khổ
Khác nào ghé mắt mẹ
Sầu lo rất buồn khổ,
Nghèo cùng không ai giúp
Cũng như người bệnh ngặt
Không lương y săn sóc
Tự ý ăn uống lầm
Chúng sanh bệnh phiền não
Thường bị kiến-chấp hại
Xa lìa đấng y-vương (38)
Uống ăn thuốc tà độc
Ngửa mong Phật Thế-Tôn
Chớ bỏ rơi chúng con.
Ví như mặt trời mọc
Quang minh rất sáng chói
Đã có thể tự soi
Cũng từ tất cả tối,

Phật phóng thần thông quang

Trừ khổ não chúng sanh

Ở giữa các chúng hội

Ví như núi Tu-di (39)

Bạch Thế-Tôn ! Ví như quốc-vương sanh các vương tử diện mạo xinh đẹp. Vua rất yêu mến dạy cho rành nghề văn, nghiệp võ rồi sai người đem giết.

Ngày nay chúng con là con của Phật, nhờ Phật dạy dỗ có đủ chánh kiến, xin chớ bỏ con. Nếu bỏ chúng con thời chúng con khác nào các vương tử kia. Ngừa mong đức Phật ở luôn nơi đời, chớ nhập Niết-bàn.

Bạch Thế-tôn ! Ví như có người học giỏi nơi các bộ luận rồi lại sanh lòng sợ đối với các bộ luận ấy, cũng thế, đức Như-Lai thông đạt các pháp mà lại sợ các pháp. Nếu được đức Như-Lai ở luôn nơi đời giảng pháp cam lồ cho chúng sanh được thấm nhuần đầy đủ, thời các chúng sanh đây chẳng còn lại sợ phải bị sa vào địa ngục.

Bạch Thế-tôn ! Ví như có người mới vừa học làm nghề, kẻ bị quan bắt giam vào ngục, có hỏi thăm hiện tại thế nào ? Người ấy tất đáp: “Nay tôi rất buồn khổ”.

Nếu người ấy được thả, thời được an vui. Cũng thế,

đức Thế-Tôn vì chúng con mà tu các khổ hạnh, hiện nay chúng con chưa được thoát khỏi sanh tử, thế sao đức Như-Lai đặng thọ hưởng an vui.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như y vương hiểu rành các phương thuốc, đem phương bí truyền dạy riêng cho con mình, mà không dạy cho các trò khác. Cũng thế, đức Như-Lai đem tạng pháp thậm thâm bí mật dạy riêng cho Văn-Thù Sư-Lợi, mà chẳng thương chẳng dạy cho chúng con. Như ông thầy thuốc kia vì lòng còn riêng tư thân sơ, nên sự dạy không bình đẳng rộng rãi, chỉ dạy riêng cho con mình môn bí-phương, mà không truyền cho các trò khác. Đức Như-Lai trọn không có lòng thân sơ tư vị, tại sao chẳng dạy dỗ chúng con. Ngửa mong đức Phật ở lâu nơi đời, chớ nhập Niết-bàn.

Bạch đức Thế-Tôn ! Ví như những người già trẻ bệnh khổ đi nơi đường hiểm rất khốn khó gian lao, có bậc dị nhân thấy vậy xót thương bèn chỉ cho con đường tốt bằng phẳng. Chúng con cũng như vậy. Người trẻ dụ cho những kẻ chưa tăng trưởng pháp thân, người già dụ cho những kẻ nặng phiền não, bệnh khổ dụ cho sanh tử, đường hiểm nạn dụ cho tam giới. Cúi xin đức Như-Lai chỉ dẫn con đường chân chánh giải thoát cho chúng con, ở lâu nơi

đời, chớ nhập Niết-bàn”.

Đức Thế-Tôn bảo các Tỳ-kheo: “Các thầy đừng ưu sầu khóc kể như hàng trời người phàm phu kia.

Các thầy phải siêng năng tinh tấn giữ vững chánh niệm”.

Nghe đức Phật phán như vậy, hàng trời người bát bộ liền nín khóc.

Đức Thế-Tôn vì đại chúng mà nói kệ rằng:

Đại chúng phải sáng suốt

Chẳng nên quá sầu khổ.

Chư Phật đều vậy cả

Vì thế nên im lặng,

Thích nơi hạnh tinh tấn

Gìn lòng giữ chánh niệm

Xa lìa các điều quấy

Hơn hở được an vui.

Lại này các thầy Tỳ-kheo ! Nếu có chỗ nào nghi ngờ đều phải bạch hỏi. Ở trong những pháp không, bất không, thường, vô thường, khổ, phi khổ, y, phi y, khứ, bất khứ,

quy, phi quy, hằng, phi hằng, đoạn, phi đoạn, chúng sanh, phi chúng sanh, hữu, vô hữu, thật, bất thật, chân, bất chân, diệt, bất diệt, mật, bất mật, nhị, bất nhị v.v... nếu còn nghi ngờ nay nên bạch hỏi, Như-Lai sẽ giải quyết cho. Như-Lai trước nói pháp cam-lộ cho các thầy rồi, sau mới nhập Niết-bàn.

Này các thầy Tỳ-kheo ! Phật ra đời là khó, thân người khó được, gặp Phật sanh tín-tâm, việc đây cũng khó, nhân sự khó nhân lại là khó hơn, đầy đủ giới hạnh chứng quả A-La-Hán (40) cũng là việc khó. Như tìm cát vàng cùng hoa ưu-đàm-bát-la.

Các thầy khỏi bát nạn được thân người là sự khó, nay gặp Như-Lai chẳng nên để luống uổng. Ngày xưa, Như-Lai tu nhiều hạnh khổ, nay được phương tiện Vô Thượng như thế, trong vô lượng kiếp vì các thầy mà xả thí thân thịt, tay chân, đầu mắt, tủy não. Vì thế các thầy chẳng nên phóng dật.

Này các thầy Tỳ-kheo ! Thành báu chánh pháp trang nghiêm, đầy đủ các thứ công đức trân bảo, giới, định và trí huệ làm tường thành và hào thành. Nay các thầy gặp được thành báu Phật pháp, chẳng nên lượm lấy những vật hư ngụy. Ví như nhà thương mại gặp thành trân bảo,

lượm lấy ngói sạn rồi trở về nhà. Các thầy chớ để tâm hạ liệt, cam đủ nơi chút ít pháp môn. Các thầy dầu xuất gia mà không ham mộ pháp Đại-thừa. Thân các thầy dầu được đắp cà sa mà tâm chưa được nhuộm pháp Đại-thừa thanh tịnh. Các thầy dầu khát thực ở nhiều nơi mà chưa từng khát pháp-thực đại-thừa. Các thầy dầu cạo bỏ râu tóc mà chưa vì chánh pháp cạo sạch kiết-sử.

Này các thầy Tỳ-kheo ! Nay Như-Lai bảo thật các thầy, hiện nay Như-Lai đại chúng hòa hiệp pháp tánh chân thật chẳng điên đảo. Vì thế các thầy phải nhiếp tâm đồng mãnh tinh tấn xô dẹp các kiết sử. Khi mặt trời Phật huệ lặn mất rồi, các thầy sẽ bị vô minh trùm đậy.

Này các thầy ! Ví như những cỏ thuốc trên mặt đất để chúng sanh dùng. Phật pháp cũng vậy, sanh ra pháp vị cam lồ diệu thiện làm thuốc hay chữa bệnh phiền não của chúng sanh. Nay Như-Lai sẽ làm cho tất cả chúng sanh cùng bốn bộ chúng đều được an trụ trong tạng bí mật. Cũng như chữ y, nếu ba điểm đứng chung hàng, hoặc đứng ngay, hoặc khác nhau đều không thành chữ y. Ba điểm phải như ba con mắt trên mặt Đại-Tự-Tại-Thiên mới thành chữ y. Như-Lai cũng thế, pháp giải thoát không phải Niết-bàn, thân Như-Lai không phải Niết-bàn,

ma-ha-bát-nhã cũng không phải Niết-bàn, ba pháp đều khác nhau cũng không phải Niết-bàn. Như-Lai này an trụ ba pháp ấy, vì chúng sanh mà nói là nhập Niết-bàn, như chữ y trong đời”.

Các Tỳ-kheo nghe đức Phật Thế-Tôn nói quyết định sẽ nhập Niết-bàn, ai nấy đều lo rầu, cả mình rờn ốc, lệ tràn đầy mắt, cúi lạy chân Phật mà bạch rằng: “Đức Thế-Tôn khéo dạy vô thường, khổ, không, vô-ngã.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như các dấu chân của muông thú, dấu chân voi là hơn cả. Vô thường quán cũng lại như vậy là pháp quán tướng bậc nhất trong các pháp quán tướng. Nếu ai tinh cần tu tập pháp này, thời có thể trừ tất cả sự ái nhiễm cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc, trừ vô minh, kiêu mạn và vô thường tướng. Đức Như-Lai nếu đã lìa hẳn vô thường tướng thời nay chẳng nên nhập Niết-bàn. Còn nếu chẳng lìa hẳn, có sao lại dạy rằng tu vô thường quán trừ được sự ái nhiễm ba cõi, vô minh, kiêu mạn và vô thường tướng.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như đế vương biết mạng sắp chết, bèn ân xá ngục tù trong thiên hạ rồi sau mới băng. Ngày nay đức Như-Lai cũng nên như vậy, độ cho tất cả chúng sanh thoát khỏi lao ngục vô tri vô minh rồi sẽ nhập Niết-

bàn. Hiện tại chúng con đều chưa được giải thoát, sao đức Thế-Tôn lại vất bỏ mà muốn nhập Niết-bàn ?

Bạch Thế-Tôn ! Như người say rượu mê loạn nói xàm, không còn biết thân sơ, mẹ con, chị em, nằm vùi trong phần nhơ, nhờ lương y cho uống thuốc, ói sạch rượu ra mới được tỉnh lại, lòng rất hổ thẹn tự răn trách lấy mình, rượu là thứ hại, là cội gốc của các tội lỗi, nếu chưa được rượu thì khỏi tội lỗi. Chúng con cũng thế, từ nhiều đời đến nay luân chuyển sanh tử, tình sắc làm say mê tham đắm trong ngũ dục, không phải mẹ, tưởng là mẹ, không phải con, chị, em, mà tưởng là con, chị, em, không phải chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, vì có ấy nên luân chuyển chịu khổ sanh tử, như người say kia nằm trong phần nhơ. Nay đức Như-Lai nên ban pháp dược cho chúng con uống để ói rượu độc phiền não, chúng con còn chưa được tỉnh ngộ, sao đức Như-Lai lại vất bỏ mà muốn nhập Niết-bàn.

Bạch Thế-Tôn ! Không có cứ gì khen cây chuối là cứng chắc được. Chúng sanh cũng thế, không có cứ gì khen ngã, nhân, chúng sanh, thọ mạng, dưỡng-dục, tri-kiến, tác-giả, thọ-giả là chân thật được. Chúng con tu vô ngã quán cũng như vậy.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như bã xác không còn dùng được, bông thất diệp không có mùi thơm. Cũng vậy, thân thể của người không ngã, không chủ. Chúng con thường tu tập pháp quán tưởng vô ngã như vậy.

Như đức Phật từng dạy tất cả các pháp không ngã và không ngã sở, các Tỳ-kheo phải tu tập. Tu như đây thời trừ ngã mạn, rời ngã mạn thời chứng Niết-bàn. Bạch Thế-Tôn ! Không bao giờ có dấu chim bay nơi hư không. Người hay tu tập pháp quán vô-ngã không bao giờ có các kiến-chấp”.

Đức Phật khen các Tỳ-kheo: “Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo hay tu tập pháp quán vô-ngã”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn ! Chẳng những chúng con tu pháp quán vô-ngã tưởng, mà chúng con cũng tu tập các pháp quán khác như: khổ, vô thường.

Bạch Thế-Tôn ! Như người say, tâm trí mê loạn, thấy nhà cửa cây cỏ núi sông thấy đều xoay lộn.

Người không tu các pháp quán khổ, vô thường, vô ngã thời chẳng gọi là bậc Thánh, người này nhiều phóng dật trôi lăn trong vòng sanh tử. Vì thế nên các con khéo tu tập các pháp quán ấy”.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “Lóng nghe ! Lóng nghe ! Vừa rồi các thầy trình bày ví dụ người say đờ, các thầy chỉ biết danh tự mà chưa hiểu thấu “thật nghĩa”. Thế nào là “thật nghĩa” ? Như người say kia thấy nhà cửa núi sông vốn thật không xoay lộn, mà tưởng cho là xoay lộn. Cũng vậy, bị những phiền não vô minh trùm đậy nên chúng sanh khởi tâm điên đảo: ngã cho là vô ngã, thường cho là vô thường, tịnh cho là bất tịnh, lạc cho là khổ. Vì mắc phải phiền não trùm che, nên dầu nghĩ tưởng như vậy mà không thấu rõ “thật nghĩa”, như người say kia đối với sự không xoay lộn mà tưởng cho là xoay lộn.

“ Ngã” chính là thật nghĩa của “Phật”, “Thường” chính là thật nghĩa của “Pháp-Thân”, “Lạc” là thật nghĩa của “Niết-bàn”, “Tịnh” là thật nghĩa của “Pháp”.

Các thầy sao lại nói người có ngã thời kiêu-mạn cống-cao lưu chuyển sanh tử. Nếu các thầy nói rằng, tôi cũng tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã. Ba môn tu tập này không có “thật nghĩa”.

Như-Lai sẽ nói ba pháp tu đặc thắng.

Khổ cho là vui, vui cho là khổ, là pháp điên đảo. Vô thường cho là thường, thường cho là vô thường, là pháp điên đảo. Vô-ngã cho là ngã, ngã cho là vô ngã, là pháp

điên đảo. Bất tịnh cho là tịnh, tịnh cho là bất tịnh, là pháp điên đảo. Có bốn pháp điên đảo như vậy thời là người chẳng rõ pháp tu chân chánh.

Các thầy ở trong pháp khổ tưởng cho là vui, ở trong vô thường tưởng cho là thường, ở trong vô-ngã tưởng cho là ngã, ở trong bất tịnh tưởng cho là tịnh.

Thế gian cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Xuất thế cũng có thường, lạc, ngã, tịnh. Pháp thế gian có văn tự mà không thật nghĩa. Xuất thế có văn tự, có thật nghĩa. Tại sao vậy ? Vì pháp thế gian có bốn sự điên đảo nên chẳng biết thật nghĩa. Lại có tưởng điên đảo, tâm điên đảo, kiến điên đảo. Vì có ba sự điên đảo này nên người thế gian ở trong lạc thấy là khổ, trong thường thấy vô thường, trong ngã thấy vô ngã, trong tịnh thấy bất tịnh, đây gọi là điên đảo. Vì điên đảo nên thế gian biết văn tự mà chẳng biết thật nghĩa.

Gì là thật nghĩa? Vô ngã gọi là sanh tử, còn ngã gọi là Như-Lai. Vô thường là Thanh-văn Duyên-giác, còn thường là Như-Lai pháp thân. Khổ là tất cả ngoại đạo, còn lạc là Niết-bàn. Bất tịnh là pháp hữu vi, còn tịnh là chánh pháp của chư Phật và Bồ-Tát. Đây gọi là chẳng điên đảo. Vì chẳng điên đảo nên biết văn tự biết thật

nghĩa. Nếu muốn lìa khỏi bốn sự điên đảo thời phải rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn ! Như lời đức Thế-Tôn dạy rằng dứt lìa bốn sự điên đảo ấy thời được rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nay đức Như-Lai trọn không có bốn sự điên đảo thời đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu đã rõ biết thường, lạc, ngã, tịnh sao đức Như-Lai không ở đời một kiếp hoặc nửa kiếp để dạy dỗ chúng con, cho chúng con khỏi lìa bốn sự điên đảo, mà lại vất bỏ chúng con muốn nhập Niết-bàn. Nếu được đức Như-Lai đoái thương dạy bảo, chúng con sẽ hết lòng tuân lời tu tập. Nếu đức Như-Lai nhập Niết-bàn, chúng con không thể mang thân độc hại này mà tu phạm hạnh. Chúng con cũng sẽ nhập Niết-bàn theo Phật”.

Phật bảo các Tỳ-kheo: “Các thầy chớ nói như vậy. Bao nhiêu Vô Thượng chánh pháp của Phật, Như-Lai đều đem giao phó cho Ma-Ha-Ca-Diếp. Ma-Ha-Ca-Diếp sẽ là chỗ y-chỉ hoàn toàn cho các thầy, cũng như đức Như-Lai là chỗ y-chỉ của tất cả chúng sanh.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du, đem quốc sự giao phó cả cho đại thần. Cũng vậy, Như-Lai đem chánh pháp giao phó cho Ma-Ha-Ca-Diếp.

Các thầy nên biết rằng chỗ tu pháp khổ vô thường trước kia chẳng phải là chân thật. Ví như mùa xuân, có một nhóm người chơi thuyền trong hồ lớn làm rớt chìm ngọc lưu ly. Nhóm người ấy, liền cùng nhau hụp lặn tìm ngọc, bốc nhằm hòn sỏi viên đá, bụng mừng cho là ngọc, đến lúc đem ra khỏi nước mới rõ là không phải. Lúc ấy ngọc lưu ly vẫn ở dưới nước, do thế lực của ngọc mà nước hồ đều đứng trong. Bây giờ nhóm người ấy mới nhìn thấy viên ngọc. Có một người trí tìm cách khéo chậm rãi lặn xuống liền vớt được ngọc.

Các thầy chớ nên cho sự nghiệp tu tập pháp quán vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh như vậy là thật nghĩa. Như nhóm người kia lặn xuống nước bốc nhằm sạn đá mà cho là ngọc. Các thầy phải khôn khéo nơi nơi chỗ chỗ luôn tu pháp quán ngã, thường, lạc, tịnh. Lại cần nên biết tướng mạo tu tập bốn pháp trước kia đều là điên đảo. Muốn được chân thật tu các pháp quán, tức là quán ngã, thường, lạc, tịnh, thời phải như người trí khéo vớt được ngọc kia”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn ! Ngày trước đức Phật dạy rằng các pháp vô ngã, các ông phải tu học. Tu học pháp vô ngã sẽ lìa sự chấp ngã, lìa chấp

ngã thời lìa kiêu mạn, lìa kiêu mạn, thời chứng Niết-bàn.
Nghĩa ấy thế nào ?

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo: “ Lành thay ! Lành thay !
Nay các thầy có thể bạch hỏi nghĩa ấy để tự dứt chỗ nghi
ngờ.

Này các thầy ! Ví như quốc vương kém sáng suốt, tin
dùng một y sư vụng về, tánh tình lại cao ngạo, phạm trị
bệnh gì cũng thuận dùng sữa để làm thuốc cả, thêm nổi
chẳng rõ căn do của bệnh, dầu biết dùng sữa mà chẳng
hiểu rành, chẳng biện biệt sữa tốt, xấu, lành, không lành.
Một hôm, từ phương xa lại một minh y thông cả tám nghề,
rành các phương thuốc, trị bệnh rất giỏi. Cựu-y vì sẵn
tánh công-cao khinh mạn nên không đếm xỉa tới. Minh
y thấy vậy, bèn hạ mình thỉnh cựu-y làm thầy, nhân đó
được vào hầu quốc vương. Minh y trình bày lên quốc
vương các phương thuốc và những nghệ thuật khác. Bấy
giờ quốc vương tỉnh ngộ, xét biết cựu y là hạng vụng về
cao ngạo, liền biếm truất đi, rồi trọng dụng minh y. Minh
y mới yêu cầu quốc vương cấm dân chúng uống thuốc
sữa của cựu-y, vì thuốc ấy độc hại, làm thương tổn người
bệnh. Quốc vương chuẩn lời, ra lệnh cấm hẳn, nếu ai
dùng sữa để trị bệnh sẽ bị tử hình. Minh y cứ theo phương

được chế các thứ thuốc, phàm dân chúng có bệnh gì đều trị lành cả.

Ít lúc sau, quốc vương phải bệnh nặng, truyền vời minh y điều trị. Sau khi khám bệnh, biết rằng quốc vương phải dùng thuốc sữa, minh y liền tâu rằng: “Ngày trước tôi yêu cầu cấm dùng sữa làm thuốc, đó là đại vọng ngữ. Nếu uống thuốc sữa rất có thể trị được bệnh. Hiện nhà vua đang phải bệnh nóng, chính nên dùng sữa”.

Vua bảo: “Có lẽ ông điên cuồng hay bị bệnh loạn óc rồi, mới nói rằng uống sữa trị được bệnh của ta. Cựu-y dùng sữa, ông cho là độc, bảo ta biếm truất và cấm hẳn, nay trở lại nói sữa là tốt hay trị được bệnh.

Ông muốn khi dối ta ư? Cứ theo lời ông nói thời cựu-y có thể hơn ông rồi”.

Minh y tâu: “Thưa Đại-Vương! Như mỗi ăn gỗ ngẫu nhiên thành chữ, con mỗi này tự nói không biết là chữ hay không phải chữ. Người trí xem thấy trọn không bao giờ tuyên xưng rằng con mỗi biết chữ và cũng chẳng lấy làm lạ.

Cũng vậy, cựu-y không hiểu căn bệnh, bệnh gì cũng dùng thuần sữa để trị, lại không biết sữa là tốt hay xấu,

là lành hay không lành”

Vua nói: “Xin ông giải thích cho ta rõ”

Minh y tâu: “Thuốc sữa kia cũng là độc hại, cũng là cam lộ. Thế nào là thuốc sữa cam lộ ? Nếu là bò cái không ăn bã hèm trâu cặn, con nghé của nó rất điều thiện, chỗ thả chăn không phải cao nguyên cũng không quá thấp ướt, nước uống trong sạch, chẳng cho chạy nhảy, chẳng cho chung bầy với bò đực, cho nó ăn uống đi đứng vừa chừng phải cách. Sữa của bò này trị được nhiều bệnh gọi là cam lộ. Ngoài ra các thứ sữa khác thì gọi là độc hại.

Nghe minh y giảng giải, vua khen rằng: “Hay lắm ! Hay lắm ! Nay ta mới rõ thế nào là sữa tốt, xấu, lành, cùng chẳng lành”.

Sau khi được uống [thuốc] sữa của minh y, vua được lành mạnh. Vua liền truyền lệnh cho dân chúng được dùng sữa để trị bệnh. Dân chúng không vừa lòng với thái độ của nhà vua, nên hội đến hoàng cung để cật vấn.

Quốc vương bảo dân chúng: “Mọi người chẳng nên oán trách nơi ta, về vấn đề thuốc sữa nên uống hay không nên uống đều là ý của y sư cả không phải lỗi của ta”.

Dân chúng vui lòng tuân lời minh y dùng thuốc sữa tốt trị bệnh, được nhiều kết quả tốt.

Này các Tỳ-kheo ! Các thầy nên biết đức Như-Lai Ứng-Cúng, Chánh-Biến-Tri, Minh-Hạnh-Túc, Thiện-Thệ, Thế-Gian-Giải, Vô-Thượng-Sĩ, Điều-Ngự Trượng-Phu, Thiên-Nhân-Sư, Phật Thế-Tôn cũng lại như vậy. Là bậc đại y vương hiện ra nơi đời hàng phục tất cả tà y ngoại đạo. Giữa đại chúng xưng rằng ta là y vương, vì hàng phục ngoại đạo nên không nói ngã, không nhân, không chúng sanh, không thọ giả. Các thầy nên biết ngoại đạo mà nói là ngã đó, như moi ăn cây ngẫu nhiên thành chữ thôi. Vì thế nên trong Phật pháp đức Như-Lai nói là vô ngã để điều phục chúng sanh và vì là lúc phải nói là vô ngã. Rồi cũng vì có nhân duyên nên cũng nói có ngã. Như minh y kia biết rõ nơi sữa phải thuốc, hay không phải thuốc. Chẳng phải như chỗ chấp ngã của phàm phu. Phàm phu chấp ngã lớn như ngón tay cái, hoặc như hột cải, hoặc như vi trần. Ngã của Như-Lai nói đều không phải như vậy, vì thế nên nói các pháp không ngã, mà chính thật chẳng phải là không ngã.

Thế nào là thật ?

Nếu Pháp là thật, là chân, là thường, là chủ, là sở-y,

tánh không biến đổi, đó gọi là ngã như minh y kia hiệu rành thuốc sữa. Cũng vậy, Như-Lai vì chúng sanh mà nói trong các pháp chân thật có ngã.

Bốn bộ đệ tử của Như-Lai đều phải tu pháp quán chân ngã như vậy.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

THÍCH-NGHĨA

(36) –SÁU CÁCH CHÂN ĐỘNG: 3 CÁCH VỀ TIẾNG: 1. Tiếng nổ, 2. Tiếng loài hữu tình kêu la, 3. tiếng loài vô tình khua chạm, 3 cách về hình: 1 rung động qua lại, 2. vọt lên khỏi chỗ cũ, 3. đang nằm bỗng đứng dậy dựng lên.

(37)- TÁM BỘ THIÊN THẦN: Thiên thần, Long thần, Dạ xoa thần, Càn-thát-bà thần, A-Tu-La-thần, Ca-Lâu-La thần, Khẩn-Na-La thần, Ma-hầu-la thần.

(38) Y-VƯƠNG: Đức Phật là ông Vua thuốc pháp, hay chữa lành tâm bệnh phiền não cứu chúng sanh thoát khỏi tất cả khổ thống, sanh tử, để được an vui Niết-bàn thường lạc, ngã, tịnh.

(39)-TU-DI SƠN (Suméru): Quả núi to nhất ở thế gian, ở giữa biển Hương-Thủy, toàn bằng bốn chất báu

Vàng, bạc, lưu ly và pha lê. Đảõnh núi là cõi trời Đao-Lợi, thuộc quyền Đế-Thích thống trị. Giữa núi là Cõi Tứ-Vương, do 4 vị Thiên-Vương cai quản.

(40)- A-La-Hán: Quả thứ tư trong bốn quả Thánh xuất thế thuộc tiểu thừa: Tu-Đà-Hoàn (Dự lưu) bậc này thấy lý tứ đế, dứt ngã chấp, phân biệt hết kiến hoặc, ra khỏi phàm phu, dự vào hàng Thánh xuất thế. Tu-Đà-Hàm (Nhất-Lai) bậc Thánh này đã hết kiến hoặc dứt thêm sáu phẩm trong chín phẩm tư-hoặc cõi dục, còn một lần sanh trở lại cõi dục mới thoát hẳn.

A-Na-Hàm (Bát-Lai) bậc Thánh đã hết kiến –hoặc và dứt cả chín phẩm tư-hoặc cõi dục, không còn sanh trở lại cõi dục nữa.

A-La-Hán (Vô-sanh Sát-tặc Ứng-cúng) bậc Thánh cao nhất trong hàng Thanh-văn Tiểu-thừa, đã dứt sạch kiến-hoặc và tư –hoặc tam giới cùng cấu-sanh ngã-chấp nên gọi là Sát-Tặc. Đã khỏi hẳn sanh tử luân hồi trong lục đạo, nên hiệu là Vô-sanh, là bậc đáng thọ sự cúng dường của Nhân-Thiên, nên hiệu là Ứng-Cúng.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sâm

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TRƯỜNG THỌ THỨ TƯ

Đức Phật lại bảo các vị Tỳ-kheo: “Các thầy ở nơi giới luật có chỗ nào Nghi ngờ, cho phép các thầy hỏi Như-Lai sẽ giải thích cho. Tất cả các pháp bốn-tánh không-tịch. Như-Lai đã tu học rành rẽ thông đạt. Các thầy chớ nghĩ rằng Như-Lai chỉ tu các pháp bốn-tánh không-tịch. Ở nơi giới luật có chỗ nào nghi ngờ, các thầy nên hỏi”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn ! Chúng con không đủ trí huệ để hỏi đức Như-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri. Vì cảnh giới của Như-Lai không thể nghĩ bàn, thiên định của Như-Lai không thể nghĩ bàn, lời phán dạy của Như-Lai không thể nghĩ bàn. Vì có ấy nên chúng con là hạng không đủ trí huệ để hỏi đức Như-Lai.

Bạch Thế-Tôn ! Ví như ông già trên trăm tuổi đang phải bệnh trầm trọng nằm liệt trên giường sẽ chết mất nay mai. Một người giàu kia có duyên sự muốn đến xứ khác, đem trăm cân vàng gởi cho ông già ấy mà giao ước rằng: hoặc mười năm hoặc hai mươi năm chừng nào tôi trở về thời ông hườn số vàng này lại cho tôi. Ông già

nhận giữ vàng, không bao lâu thời chết, ông già lại không người kế tự, số vàng gửi kia đều thất lạc cả. Lúc người chủ vàng trở về không biết đòi hỏi ai, đành chịu mất vàng. Chủ vàng là kẻ vô trí, khi gửi vàng không biết chọn nơi đáng gửi, nên phải mất vàng..

Cũng vậy, hàng Thanh-Văn chúng con dầu nghe đức Như-Lai ân cần dạy bảo mà chúng con không thể thọ trì khiến chánh pháp được bền lâu, khác nào ông già kia nhận vàng của người gửi, rồi không sống được mà giữ gìn. Chúng con vô trí, ở nơi giới luật sẽ hỏi những gì !”

Đức Phật nói: “ Nếu nay các thầy hỏi Như-Lai thời có thể đem lại sự lợi ích cho chúng sanh, nên Như-Lai mới bảo các thầy có chỗ nào nghi thời cho phép hỏi”.

Các Tỳ-kheo bạch Phật: “Bạch Thế-tôn ! Ví như một người trai trẻ khỏe mạnh lối hai mươi lăm tuổi, nhà giàu có, cha mẹ vợ con quyến thuộc đông đủ. Có người đem vàng bạc đến gửi cho người trai trẻ này mà nói rằng: “Tôi có duyên sự cần phải đi xa. Khi tôi trở về, anh sẽ hườn số vàng bạc này lại cho tôi”. Người trai trẻ nhận vàng bạc và cất giữ kỹ-lưỡng. Ít lúc phải bệnh, người trai trẻ dặn thân quyến rằng số vàng bạc này là của ông già gửi, khi nào ông ấy đến hỏi thời giao đủ cho ông ấy. Thời

gian sau, người gởi vàng bạc trở về được thân quyến của người trai trẻ huờn đủ số đã gởi. Đây là người có trí, biết chọn chỗ đáng gởi nên khỏi mất của.

Cũng vậy, nếu đức Thế-Tôn đem pháp-bảo giao phó cho A-Nan và các Tỳ-kheo ắt chẳng đặng lâu dài, vì tất cả hàng Thanh-Văn và Ma-Ha-Ca-Diếp đều sẽ vô thường, như ông già trước kia. Đức Như-Lai nên đem Phật pháp vô-thượng giao phó cho Bồ-Tát. Vì hàng Bồ-Tát đủ trí huệ có thể hỏi Như-Lai, pháp bảo sẽ được lâu dài hưng thịnh lợi ích cho chúng sanh, như người trai trẻ trước kia. Vì những lẽ ấy, nên chỉ có hàng Bồ-tát là có thể hỏi đức Như-Lai thôi. Trí huệ của chúng con như mòng muối, làm sao hỏi được pháp thâm diệu của Như-Lai”.

Bạch xong, các Tỳ-kheo đều ngồi yên lặng.

Đức Phật khen các Tỳ-kheo rằng: “Lành thay ! Lành thay ! Các thầy khéo được tâm vô lậu, tâm A-La-Hán. Như-Lai cũng đã suy xét hai duyên có mà các thầy vừa trình bày, nên đem pháp Đại-thừa giao phó cho hàng Bồ-Tát, khiến diệu pháp này được còn lâu nơi đời”.

Đức Phật bảo toàn thể đại chúng: “Thọ-mạng của Như-Lai không thể tính lường, biện tài cũng chẳng thể

cùng tận. Đại chúng phải nên tùy ý bạch hỏi hoặc nơi giới luật, hoặc nơi pháp quy-y”.

Đức Phật tuyên bố luôn ba lần như vậy.

Bảy giờ trong đại chúng có một vị đại Bồ-Tát tuổi còn trẻ, vốn là người trong tự-lạc Đa-La, họ Đại-Ca-Diếp giống Bà-La-Môn, do thần lực của Phật, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trích vai áo bên hữu, cung kính nhiễu Phật, gồi hữu chাম đất, chắp tay hướng Phật mà bạch rằng: “Nay con có chút việc muốn bạch hỏi, xin đức Thế-Tôn hứa khả cho”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Nhu-Lai Ứng-Cúng Chánh-Biến-Tri cho phép ông hỏi. Nhu-Lai sẽ giải quyết chỗ nghi của ông, cho ông vui mừng”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Đức Thế-Tôn xót thương đã cho phép, nay con sẽ hỏi. Nhưng trí huệ của con rất kém. Đạo đức của Thế-Tôn cao vòi vọi, thân của Nhu-Lai như chân Kim Cang, màu như ngọc lưu ly. Trong đại hội đây, các vị đại Bồ-Tát thấy đều thành tựu vô lượng vô biên thâm diệu công đức. Ở trước một đại hội như thế này, đâu dám bạch hỏi. Nay con nương sức thần thông của Phật và nhân thiện-căn oai-đức của đại chúng mà bạch hỏi ít điều thôi”.

Ca-Diếp Bồ-Tát liền ở trước Phật, nói kệ rằng:
Thế nào được trường thọ
Thân Kim Cang chẳng hoại ?
Lại do nhân duyên gì
Đặng sức kiên cố lớn ?
Thế nào nơi kinh này
Rốt ráo đến bờ kia?
Nguyện Phật vì chúng sanh
Giảng bày nghĩa kín nhiệm.
Thế nào đặng rộng lớn
Làm y-chỉ cho chúng ?
Thật chẳng phải La-Hán
Mà đồng hàng La-Hán ?
Thế nào biết thiên ma
Làm lưu nạn cho chúng ?
Lời Phật, lời Ba-Tuần,
Thế nào phân biệt biết ?
Thế nào bậc Điều-Ngự

Hoan hỷ nói chân đế
Đủ thành tựu chánh thiện
Diễn nói bốn điên đảo ?
Làm nghiệp lành thế nào
Xin Thế-Tôn dạy bảo.
Thế nào các BỒ-tát
Thấy được tánh khó thấy ?
Nghĩa mãn-tự, bán-tự
Phải hiểu như thế nào ?
Thế nào cộng Thánh hạnh
Như chim Ta-La-Ta ?
Thế nào chưa phát tâm
Mà gọi là BỒ-Tát ?
Thế nào giữa đại chúng
Mà đặng không kinh sợ
Như vàng Diêm-Phù-Đàn
Không ai chỉ trích được ?
Thế nào ở đời trược

Chẳng như như hoa sen ?
Thế nào ở phiền não
Phiền não chẳng nhiễm được,
Như y-sư trị bệnh
Chẳng bị bệnh truyền lây ?
Thế nào làm lái thuyền
Ở giữa biển sanh tử ?
Thế nào thoát sanh tử
Như rắn lột da cũ ?
Thế nào xem Tam-Bảo
Dường như cây Thiên-Ý ?
Ba thừa nếu vô tánh
Thế nào mà nói đặng,
Như sự vui chưa có
Sao lại nói thọ vui ?
Thế nào các Bồ-Tát
Mà đặng chứng bất-hoại ?
Thế nào vì người mù

Mà làm người chỉ đường ?
Thị hiện nhiều đầu kia
Xin Phật giải rõ có.
Thế nào người thuyết pháp
Thêm lớn như trăng mọc
Thế nào lại thị hiện
Rốt ráo nơi Niết-bàn ?
Thế nào bậc dũng kiện
Hiện nhân, thiên, ma, đạo ?
Thế nào biết pháp tánh
Mà thọ nơi pháp lạc ?
Thế nào các Bồ-Tát
Xa lìa tất cả bệnh ?
Thế nào vì chúng sanh
Diễn thuyết nơi bí mật
Thế nào nói rốt ráo
Và cũng chẳng rốt ráo ?
Như kia dứt lưới nghi

Tại sao nói bất định ?
Thế nào là đặng gần
Đạo tối thắng Vô Thượng ?
Con nay thỉnh Như-Lai
Vì các hàng Bồ-Tát
Giảng nói pháp thậm thâm
Các hạnh vi-diệu thảy
Trong tất cả các pháp
Đều có tánh an lạc
Cúi xin đấng Thế-tôn
Phân biệt dạy chúng con.
Bậc nương tựa của chúng
Diệu-dược Lương-Túc-Tôn !
Nay muốn hỏi các âm
Mà con không trí huệ
Các Bồ-Tát tinh tấn
Cũng lại chẳng biết được.
Cảnh giới của chư Phật

Rất sâu mâu như vậy.

Đức Phật khen Ca-Diếp Bồ-tát: “ Lành thay ! Lành thay ! Nay ông chưa được Nhưt thiết chủng trí, Như-Lai đã được, nhưng bí tạng rất sâu của ông vừa hỏi đồng như chỗ hỏi của bậc Nhất thiết trí.

Này thiện nam tử ! Lúc ta mới thành đạo chánh giác nơi cõi BỒ-đề, có vô lượng BỒ-Tát ở mười phương thế giới cũng từng đến hỏi Như-Lai những nghĩa thậm thâm ấy. Văn nghĩa công đức đã hỏi ngày trước cùng với của ông hôm nay đồng nhau không khác.

Hỏi như vậy có thể đem sự lợi ích lại cho vô lượng chúng sanh”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn ! Con không đủ trí để hỏi Như-Lai về những thâm nghĩa ấy.

Ví như muỗi mòng chẳng thể bay qua đến bờ kia của biển cả, cùng lượn khắp hư không. Cũng vậy, con không thể bạch hỏi Như-Lai về những nghĩa biển cả trí huệ và hư không pháp tánh rất sâu như vậy.

Ví như quốc vương đem viên minh châu trong búi tóc giao cho quan giữ kho. Quan giữ kho lãnh châu hết lòng cung kính gìn giữ. Cũng vậy, con hết lòng cung kính

giữ gìn nghĩa lý Đại-thừa rất sâu của Như-Lai truyền dạy. Vì nghĩa lý ấy làm cho con được trí huệ sâu rộng”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Lóng nghe ! Lóng nghe ! Như –Lai sẽ vì ông mà nói nghiệp nhân trường thọ của Như-Lai đã được. Do nơi nghiệp nhân này mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu. Nếu hạnh nghiệp có thể làm nhân cho quả Bồ-Đề thời phải nên thành tâm nghe kỹ và lãnh thọ nghĩa ấy. Đã tự lãnh thọ rồi nói lại cho người khác. Do tu tập hạnh nghiệp ấy mà Như-Lai đặng thành vô thượng Chánh giác. Nay lại vì người mà giảng rộng ý nghĩa ấy.

Ví như vương tử phạm tội bị giam vào ngục, nhà vua rất nhớ thương con, đích thân ngự đến ngục thất. Cũng vậy, muốn được trường thọ, Bồ Tát phải nên hộ niệm tất cả chúng sanh, xem như con ruột, sanh lòng đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả, truyền cho giới bất sát, dạy cho tu pháp lành. Cũng nên để tất cả chúng sanh ở nơi ngũ giới thập thiện. Lại đến địa ngục, nga quỷ, súc sanh, a-tu-la v.v... để cứu vớt những kẻ khổ não trong các nơi ấy. Giải thoát kẻ chưa giải thoát, cứu độ người chưa được cứu độ. Người chưa chứng Niết bàn làm cho chứng Niết bàn. An ủi tất cả người đang ở trong cảnh kinh sợ. Do các nghiệp

nhân trên đây mà Bồ Tát được thọ mạng dài lâu. Nơi các trí huệ được tự tại. Sau khi mạng chung sanh lên cõi trên”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn ! Bồ-Tát Ma-Ha-Tát bình đẳng xem chúng sanh đồng như con ruột, nghĩa ấy rất sâu, con chưa hiểu được. Đức Thế Tôn chẳng nên nói Bồ Tát đối với chúng sanh tu tâm bình đẳng xem đồng như con, vì trong Phật pháp có người phá giới, có kẻ phạm tội nghịch, có kẻ hủy báng chánh pháp. Sao lại với những hạng ấy mà xem đồng như con ?”.

Phật dạy: “Phải đấy ! Như-Lai đối với chúng sanh thật xem đồng là con như La-Hầu-La”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Trước kia, ngày rằm lúc Chư Tăng đang bố tác. Có một đứa trẻ không khéo tu tập ba nghiệp thân, khẩu, ý, núp ở chỗ kín rình nghe chư Tỳ-kheo-tăng thuyết giới. Mật-Tích Lực-Sĩ nương thần lực của Phật lấy chày kim cang đập đứa trẻ ấy nát ra như bụi. Bạch Thế Tôn ! Vị thần Kim Cang ấy rất là bạo ác mới giết được đứa trẻ. Thế sao Như-Lai xem các chúng sanh đồng như con là La Hầu La?”

Phật dạy: “Ông không nên nói như vậy.

Đứa trẻ ấy chính là người biến hóa, chẳng phải người

thật. Vì muốn xua đuổi những kẻ phá giới hủy pháp ra ngoài chư Tăng nên hiện như vậy. Thần Kim Cang kia cũng là biến hóa thôi. Hạng hủy báng chánh pháp cùng nhất-xiên-đề hoặc có người sát sanh nhẫn đến tà kiến và cố ý phạm giới, Như-Lai đối với những hạng ấy đều thương xót như con là La-Hầu-La.

Như quốc vương đối với bầy tôi phạm phép thời cứ tội tru lục mà chẳng tha. Như-Lai Thế-Tôn không phải như vậy; với hạng hủy pháp, làm pháp yết-ma khu-khiển, quở trách, cử tội v.v... Sở dĩ Như-Lai làm các pháp yết-ma trừng trị những hạng hủy báng chánh pháp như vậy là vì chỉ muốn chỉ rõ những người ác hạnh thời có quả báo.

Ông phải biết Như-Lai là vị ban bố sự vô úy cho chúng sanh ác. Nếu Như-Lai phóng ra một tia sáng, hoặc hai, năm tia sáng, kẻ nào gặp thời đều xa lìa tất cả các điều ác. Nay Như-Lai đầy đủ vô lượng thế lực như vậy.

Pháp chưa được thấy, nếu ông muốn thấy, nay sẽ vì ông nói tướng mạo đó. Sau khi Như-Lai nhập Niết-bàn, nơi nào có Tỳ-Kheo trì giới đầy đủ oai nghi hộ trì chánh pháp, thấy người hoại pháp bèn có thể khu-khiển, quở trách, trừng trị. Phải biết Tỳ kheo ấy đặng phước vô

lượng không thể tính kể.

Ví như quốc vương chuyên làm việc bạo ác, rồi mang bệnh nặng. Vua nước láng giềng nghe biết tình hình đem binh đến đánh, trách tội muốn giết. Vua ác bệnh ấy vì không thể lực sợ hãi ăn năn chữa lỗi mà làm lành. Vua láng giềng kia được phước vô lượng. Cũng vậy, Tỳ kheo giữ phép khu-khiển quở trách người phạm giới cho họ chữa lỗi làm lành thời đặng phước vô lượng.

Ví như nhà cửa ruộng vườn của ông Trưởng giả mọc lên những cây gai độc. Trưởng giả biết được bèn chặt đốn sạch cả.

Lại như người trai trẻ đầu có tóc bạc, vì hồ thẹn nên nhổ bỏ chẳng cho ra dài.

Cũng vậy, Tỳ kheo giữ pháp thấy có người phá giới hủy hoại chánh pháp, bèn nên khu-khiển, quở trách, cử tội. Tỳ kheo này là đệ tử của Như-Lai, là chân thật Thanh-Văn. Nếu thấy mà bỏ qua, thời nên biết Tỳ kheo này là người hại Phật pháp”.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn ! Cứ như lời Phật dạy thời là không bình đẳng xem tất cả chúng sanh đồng như con là La-Hầu-La. Bạch Thế Tôn !

Nếu có một người cầm dao hại Phật, lại có một người đem nước chiên đàn thoa thân Phật. Như-Lai đối với hai người này nếu tâm là bình đẳng, sao lại bảo rằng phải trừng trị kẻ phạm luật. Nếu trừng trị kẻ phạm luật thì lời dạy kia có lỗi”.

Phật nói: “ Như quốc vương, đại thần tể tướng có bốn người con trai diện mạo khôi ngô, thông minh sáng suốt, đem giao cho giáo sư dạy dỗ và dặn rằng: -Thầy gắng dạy chúng nó cho được toàn vẹn cả tài lẫn đức. Nếu chúng nó ngỗ nghịch, thầy phải nghiêm trị, dầu ba đứa bị đòn chết, còn một đứa được nên, chúng tôi cũng vui lòng.

Này Ca-Diếp ! Như vậy thì cha và thầy của các trẻ có phải tội sát sanh chăng ?

Ca-Diếp BỒ-Tát thưa: “ Bạch Thế-Tôn, Không ! Vì lòng thương muốn cho các trẻ được nên, chớ chẳng phải ác tâm. Dạy dỗ như thế đặng phước vô lượng”.

Phật nói: “ Cũng vậy, Như-Lai đối với kẻ phạm pháp xem đồng như con cả. Nay Như-Lai đem chánh pháp Vô Thượng phó chúc các vua, đại thần, tể tướng, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di. Các vua, quan và bốn bộ chúng phải nên khuyên răn khích lệ các học

chúng, khiến đặng tăng thượng giới, định, trí huệ. Nếu người nào không tu học ba phẩm pháp này, lười biếng phá giới, hủy hoại chánh pháp, thời vua quan, bốn bộ chúng phải nên nghiêm trị.

Này Ca-Diếp ! Như vậy các vua, quan, bốn bộ chúng có mắc tội chăng?’

Ca-Diếp Bồ-tát thưa: “Bạch Thế Tôn. Không !”

Phật nói: “ Các vua quan và bốn bộ chúng ấy còn không tội, huống là Như-Lai.

Này Ca-Diếp ! Như-Lai khéo tu đức bình đẳng như vậy, xem các chúng sanh đồng là con cả. Tu như vậy gọi là Bồ-Tát tu tâm bình đẳng nơi các chúng sanh xem đồng là con. Bồ-Tát tu tập hạnh nghiệp bình đẳng này thời được thọ mạng lâu dài, lại cũng khéo biết những việc đời trước”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Như lời Phật dạy nếu Bồ-Tát tu tâm bình đẳng đối với chúng sanh xem như con ruột thời được thọ mạng dài lâu. Đức Như-Lai chẳng nên dạy như thế.

Như người biết phép, có thể giảng nói các hạnh hiếu thuận, khi về đến nhà lại lấy ngói đá ném đánh cha mẹ.

Mà cha mẹ là ruộng phước lớn có ơn nhiều nên phải cúng dường, trở lại đánh đập, thời người biết phép này lời nói cùng hành động trái ngược nhau.

Lời dạy của Như-Lai cũng vậy. Bồ-Tát tu tâm từ bình đẳng được thọ mạng dài lâu biết được túc mạng, thường ở nơi đời không có đời. Nay đây do duyên có gì mà đức Thế-Tôn thọ mạng rất ngắn đồng nhân-gian u ? Hay là Như-Lai có oán ghét chi chúng sanh ? Ngày trước Như-Lai làm nghiệp ác gì, giết chết mấy mạng, mà mắc báo đoan thọ sống không đầy trăm tuổi u ?”

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát: “ Nay duyên có gì mà ông nói lời thô ở trước Như-Lai như thế ? Như-Lai trường thọ rất hơn hết trong các tuổi thọ. Như-Lai chứng được pháp thường trụ hơn hết trong các pháp thường trụ”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn ! Đức Như-Lai được thọ mạng dài lâu thế nào?”

Phật nói: “ Như tám con sông lớn: một là sông Hằng, hai là sông Diêm-Ma-La, ba là sông Tát-La, bốn là sông A-Lợi-La, năm là sông Ma-Ha, sáu là sông Tân-Đầu, bảy là sông Bác-Xoa, tám là sông Tát-Đà. Tám con sông này cùng các sông nhỏ đều chảy vào biển lớn.

Cũng vậy, tất cả con sông thọ mạng của người, của trời, của đất, của hư không, đều vào trong biển thọ mạng của Như-Lai. Vì vậy, nên Như-Lai thọ mạng vô lượng.

Ví như ao A-Nậu chảy ra thành bốn con sông lớn. Cũng vậy, Như-Lai xuất sanh tất cả thọ mạng.

Ví như trong các pháp thường trụ, hư không là đệ nhất. Cũng vậy, ở trong các pháp thường trụ, Như-Lai là đệ nhất.

Như trong các vị thuốc, vị đề-hồ là đệ nhất. Cũng vậy, trong các chúng sanh, thọ mạng của Như-Lai là đệ nhất”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Nếu thọ mạng của Như-Lai dài lâu như vậy, thời Như-Lai nên ở nơi đời hoặc một kiếp, hoặc ít hơn để thường tuyên diệu pháp, như tuôn mưa lớn”.

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Ông chẳng nên ở nơi Như-Lai có quan niệm là diệt tận.

Này Ca-Diếp ! Nếu có Tỳ-Kheo, Tỳ-Kheo ni, Ưu-Bà-tắc, Ưu-Bà-Di, nhân đến ngoại đạo ngũ thông thần tiên, hạng được tự tại, hoặc sống một kiếp hay ít hơn, ở giữa hư không đi đứng nằm ngồi tự tại, nách tả phun lửa, nách hữu vọt nước, thân tuôn khói lửa, nếu muốn sống

lâu, thời được như ý muốn. Đối với mạng sống hoặc dài hoặc ngắn đều tự tại. Người được ngũ thông còn đặng thần lực tùy ý như vậy, huống là Như-Lai đặng sức tự tại đối với tất cả pháp, mà lại không thể ở đời hoặc nửa kiếp, hoặc một, hai kiếp, hoặc trăm ngàn kiếp, hoặc vô lượng kiếp sao ? Vì những nghĩa ấy, phải biết rằng Như-Lai là pháp thường trụ chẳng biến đổi. Thân của Như-Lai đây là thân biến hóa chẳng phải thân tạp thực. Vì độ chúng sanh nên thị hiện đồng với chúng. Vì vậy nên thị hiện bỏ thân mà nhập Niết-bàn.

Ông nên biết rằng Phật là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi. Ở trong đệ nhất nghĩa này, các ông phải nên siêng năng tinh tấn nhất tâm tu tập. Mình đã tu tập và vì người khác mà giảng nói”.

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa: “ Bạch Thế-Tôn ! Có sự sai khác gì giữa xuất-thế-pháp cùng thế pháp ? Như lời Phật dạy: Phật là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi. Người đời cũng nói Phạm-Thiên là thường, Tự-Tại-Thiên là thường, không biến đổi, họ cũng nói Ngã là thường, Tánh là thường, Vi-Trần cũng thường.

Nếu nói Như-Lai là pháp thường trụ, có sao Như-Lai chẳng thường hiện nơi đời ? Nếu không thường hiện nơi

đời thời có khác gì nghĩa thường của thế gian. Vì Phạm-Thiên nhấn đến vi trần cũng chẳng hiện”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Ví như nhà Trưởng giả kia có nuôi nhiều bò, màu lông khác nhau, đồng chung một bầy. Trưởng giả giao bầy bò cho người chăn thả đi ăn cỏ uống nước, chỉ vì vị đê-hồ chớ chẳng cầu sữa bơ. Người chăn ấy vắt sữa rồi tự uống. Trưởng giả chết, bao nhiêu bò đều bị bọn cướp đoạt cả. Bọn cướp tự vắt sữa ra uống, rồi bàn với nhau rằng ông Trưởng giả nuôi bầy bò này chỉ muốnặng vị đê-hồ chớ không cầu sữa bơ. Chúng ta làm cách gì đểặng đê-hồ. Đê-hồ là phẩm vật quý nhất trong đời. Chúng ta không có gì đựng, dầu vắt được sữa cũng không chỗ chứa. Chúng lại bàn đựng sữa trong túi da. Dầu có đồ đựng nhưng vì không biết cách làm, nên bơ còn không được thành, huông là đê-hồ. Vì muốn được đê-hồ, bọn cướp đồ thêm nước vào túi sữa, vì quá nhiều nước nên chẳng những không được đê-hồ, bơ, mà cả sữa cũng mất.

Phàm phu cũng vậy, dầu có pháp lành nhưng đều là pháp thừa của Như-Lai. Sau khi Thế-Tôn nhập Niết-bàn, họ trộm pháp lành thừa của Như-Lai hoặc, giới, định, hoặc huệ. Như bọn cướp đoạt bầy bò. Hạng phàm phu

dầu lại đặng giới, định, trí huệ, nhưng không có phương tiện nên chẳng giải thuyết được. Vì nghĩa này nên họ không thể đặng thường giới, thường định, thường huệ giải thoát. Nhưng bọn cướp kia chẳng biết phương tiện không được đề-hồ, rồi vì đề-hồ mà đổ nước vào sữa. Cũng vậy, hạng phàm phu vì giải thoát mà nói Ngã hoặc Phạm-Thiên, Tự-Tại-Thiên, nhĩn đến Phi-Tướng, Phi-Phi-Tướng-Thiên chính là Niết-bàn, kỳ thật họ chẳng được giải thoát Niết-bàn. Như bọn cướp kia không được đề-hồ.

Hạng phàm phu ấy có chút ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ, nhờ đây được sanh lên trời hưởng một ít an lạc, như bọn cướp kia được sữa pha với nước. Mà hạng phàm phu ấy thật chẳng biết là do tu ít phạm hạnh, cúng dường cha mẹ đặng sanh lên cõi trời, họ lại chẳng biết được giới, định, trí huệ, quy-y Tam-bảo, rồi do chẳng biết mà nói thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu lại nói thường, lạc, ngã, tịnh, mà thật ra thời họ chẳng biết. Vì thế nên sau khi ra đời, Như-Lai vì chúng sanh mà diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh.

Như vua Chuyển-Luân ra đời, do sức phước đức của vua nên bọn cướp tan vỡ, bày bò vẫn còn nguyên vẹn. Nhà vua bèn giao bày bò cho người chăn rãnh nghề, do

đó mà được đề-hồ và nhờ đề-hồ mà nhân dân khỏi bệnh khổ.

Lúc đấng Pháp-Vương ra đời, hạng phàm phu không thể diễn thuyết giới, định, trí huệ kia liền tan rã như bọt cươp. Bây giờ Như-Lai khéo giảng thế-pháp và xuất-thế-pháp. Vì chúng sanh mà khiến các vị Bồ-tát theo đó để diễn thuyết. Chư đại Bồ-tát đã được đề-hồ, lại làm cho vô số chúng sanh được pháp-vị cam-lộ vô-thượng, tức là thường, lạc, ngã, tịnh, của Như-Lai.

Này Ca-Diếp ! Vì những nghĩa ấy nên Như-Lai là thường, là pháp không biến đổi. Chẳng đồng hạng người ngu trong đời gọi Phạm-Thiên v.v... là pháp thường còn.

Gọi là pháp thường trụ thời phải là Như-Lai chớ chẳng phải pháp nào khác. Ông phải hiểu biết thân Như-Lai là như vậy.

Này Ca-Diếp ! Mọi người nên thường chuyên lòng tu hai chữ này: Phật là “Thường-trụ”. Nếu thiện-nam-tử, thiện-nữ-nhân nào tu hai chữ này, nên biết người ấy đi theo đường Phật đi, đến chỗ Phật đến.

Này Ca-Diếp ! Nếu người tu tập hai chữ này làm tướng tịch diệt, nên biết Như-Lai thời là nhập Niết-bàn

đôi với người ấy.

Này Ca-Diếp ! Nghĩa Niết-bàn chính là pháp tánh của chư Phật”.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Pháp tánh của chư Phật nghĩa thế nào ? Nay con muốn biết nghĩa của pháp tánh. Cúi mong Đức Như-Lai xót thương giải rộng cho.

Vả pháp tánh tức là xả thân, xả thân gọi là vô-sở-hữu, nếu vô-sở-hữu thì thân làm sao còn. Thân nếu còn tại sao lại nói thân có pháp tánh ? Thân có pháp tánh sao thân lại còn ?

Nay con phải hiểu như thế nào về nghĩa ấy ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Nay ông chẳng nên nói diệt là pháp tánh. Pháp tánh không có diệt.

Ví như Vô-tướng-thiên thành tựu sắc ấm mà không có sắc tướng. Chẳng nên hỏi rằng các ông trời ấy sung sướng hưởng vui thế nào ? Nghĩ tưởng những gì ? Thấy nghe thế nào ?

Này Ca-Diếp ! Cảnh giới của Như-Lai chẳng phải là chỗ biết của Thanh-Văn, Duyên-Giác. Chẳng nên nói rằng thân của Như-Lai là pháp diệt.

Này Ca-Diếp ! Pháp diệt như thế là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được.

Nay ông không nên nghĩ lường Như-Lai ở chỗ nào, đi chỗ nào, thấy chỗ nào, vui chỗ nào ? Những nghĩa ấy, cũng chẳng phải các ông biết được. Pháp thân của Phật, các thứ phương tiện chẳng thể nghĩ bàn.

Này Ca-Diếp ! Nên phải tu tập Phật, Pháp và Tăng mà quán tưởng là thường. Ba pháp ấy không có dị tướng. Không vô thường tướng, không biến dị tướng. Nếu ở nơi ba pháp tu dị-tướng, phải biết rằng tam quy thanh tịnh của những người này thời không chỗ y-nương, cấm giới của họ đều chẳng đầy đủ. Trọn chẳng chứng được quả Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Đề. Nếu có thể ở nơi bất khả tư-nghị này tu thường-tướng thời có chỗ quy-y.

Này Ca-Diếp ! Ví như nhân nơi cây thời có bóng cây. Cũng vậy, vì Như-Lai có pháp thường trụ thời có chỗ quy-y, chớ chẳng phải là vô thường. Nếu cho rằng Như-Lai là vô thường thời Như-Lai không phải là chỗ quy-y của người và của trời”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Ví như trong tối có cây mà không có bóng”.

Phật nói: “Này Ca-Diếp ! Ông không nên nói là có cây mà không có bóng, chỉ vì nhục nhãn không thấy đó thôi. Cũng vậy, tánh Như-Lai là thường trụ, là không biến đổi. Người không có con mắt trí huệ thời không thấy được. Như trong tôi không thấy bóng cây. Cũng vậy, sau khi Phật nhập diệt, hạng phàm phu nói Như-Lai là vô thường. Nếu cho rằng Phật khác với Pháp và Tăng thời chẳng thành chỗ của ba Pháp quy-y. Như cha mẹ của ông mỗi mỗi sai khác, nên thành vô thường”.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Bắt đầu từ nay, con sẽ đem ba pháp thường trụ Phật, Pháp và Tăng để khai ngộ cho cha mẹ, nhân đến cha mẹ trong bảy đời đều khiến phụng trì.

Bạch Thế-Tôn ! Nay con phải học Phật, Pháp, Tăng bất-khả-tư-nghị. Tự mình học rồi lại sẽ vì người mà giảng giải những nghĩa ấy. Nếu người nào không tin không nhận, thời người đó là kẻ tu pháp vô thường đã lâu. Con sẽ làm sương móc, làm mưa giá cho hạng người này”.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát: “Lành thay ! Lành thay ! Nay ông khéo có Thế hộ trì chánh pháp. Hộ pháp như vậy thời là không khinh khi người. Do nơi nghiệp nhân

không khinh khi người mà được quả báo trường thọ, biết rành những đời đã qua”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM KIM CANG THÂN THỨ NĂM

Bấy giờ đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Này Ca Diếp! Thân Như-Lai là thân thường trụ, thân bất hoại, thân Kim Cang. Chẳng phải là thân tạp thực. Chính là pháp thân”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch thế tôn! Những thân của Phật nói đó con đều chẳng thấy. Con chỉ thấy những thân vô thường, phá hoại, vi trần, tạp thực thôi. Vì rằng đức Như-Lai sắp nhập Niết-bàn”.

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Ông chớ cho rằng thân của Như-Lai hư hoại không bền, như thân phàm phu”.

“Ông nên biết rằng thân Như-Lai trong vô lượng ức kiếp luôn bền chắc không hư hoại, không phải thân người,

thân trời, không phải thân sợ sệt, chẳng phải thân tạp thực. Thân của Như-Lai chẳng phải thân mà là thân, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng tập chẳng tu, vô lượng vô biên, không có dấu vết, vô tri vô hình, rớt ráo thanh tịnh, không có lay động, không phải thọ hành, chẳng trụ chẳng làm, không mùi vị không xen tạp, chẳng phải hữu vi, chẳng phải nghiệp, chẳng phải quả, chẳng phải đời chẳng phải diệt, chẳng phải tâm vương, tâm sở, chẳng thể nghĩ bàn, thường chẳng thể nghĩ bàn, không thức, rời tâm cũng chẳng rời tâm, tâm đó bình đẳng không có mà cũng có, không đến đi mà cũng đến đi, chẳng phá hoại, chẳng đoạn tuyệt, chẳng sanh diệt, không chủ mà cũng là chủ, chẳng phải hữu vô, chẳng phải giác quán, chẳng danh tự chẳng phải không danh tự, chẳng phải định chẳng phải không định, không thể thấy mà cũng thấy rành rành, không nơi chỗ cũng là nơi chỗ, không tối không sáng, không tịch tịnh mà cũng tịch tịnh, là vô sở hữu, chẳng nhận lấy chẳng ban cho, trong sạch không như, không tranh đua, dứt tranh đua, trụ nơi vô trụ, chẳng chấp lấy chẳng sa mắc, chẳng phải pháp chẳng phải phi pháp, chẳng phải phước điền chẳng phải không phước điền, vô tận bất tận, lìa tất cả tận, là rộng không rời rộng không, dầu chẳng thường trụ mà cũng thường trụ, chẳng phải

niệm niệm diệt, không có cấu trúc, không danh tự rời danh tự, chẳng phải tiếng chẳng phải nói, cũng chẳng phải tu tập, chẳng phải cân lường, chẳng phải nhất dị, chẳng phải hình tượng, chẳng phải tướng mạo mà đủ tướng tốt trang nghiêm, chẳng phải đồng mãnh, chẳng phải sợ sệt, không tịch chẳng tịch, không nhiệt chẳng nhiệt, không thể xem thấy không có tướng mạo.

Như-Lai độ thoát tất cả chúng sanh vì không ai độ thoát cho. Như-Lai có thể làm cho chúng sanh được hiểu biết được giác ngộ, vì không ai giác ngộ cho. Như-Lai thuyết pháp đúng như thật vì không có hai, chẳng thể nghĩ lường vì không sánh bằng, bình đẳng như hư không chẳng có hình mạo, đồng tánh vô sanh chẳng đoạn chẳng thường, thường hành nhất thừa chúng sanh thấy là ba, chẳng thôi chẳng chuyển, dứt tất cả kiết sử, chẳng gây chẳng chạm, chẳng phải tánh mà trụ nơi tánh, chẳng phải hiệp chẳng phải tan, chẳng phải dài chẳng phải vắn, chẳng phải tròn chẳng phải vuông, chẳng phải ngũ âm lục nhập, thập bát giới mà là âm, nhập, giới, chẳng phải thêm chẳng phải tổn, chẳng phải hơn chẳng phải thua. Thân của Như-Lai thành tựu vô lượng công đức như vậy, không có ai biết không ai chẳng biết, không ai thấy

không ai chẳng thấy, chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi, chẳng phải thời gian chẳng phải không thời gian, chẳng phải làm chẳng phải chẳng làm, chẳng phải nương chẳng phải không nương, chẳng phải tứ đại chẳng phải không tứ đại, chẳng phải nhân chẳng phải chẳng nhân, chẳng phải chúng sanh chẳng phải chẳng chúng sanh, chẳng phải Sa Môn chẳng phải Bà La Môn, là sư tử là đại sư tử, chẳng phải thân chẳng phải chẳng thân, chẳng thể tuyên thuyết, trừ một pháp tướng không tính đếm được, lúc nhập Niết-bàn chẳng nhập Niết-bàn. Pháp thân của Như-Lai thấy đều thành tựu vô lượng công đức vi diệu như vậy.

Này Ca Diếp! Chỉ có Như-Lai mới biết tướng ấy, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Những công đức như vậy thành thân của Như-Lai, chẳng phải thân do tạp thực nuôi lớn.

Này Ca Diếp! Chân thân của Như-Lai có công đức như vậy, đâu lại có các bệnh hoạn mỏng manh chẳng bền như đồ gốm chưa hầm kia ư? Sở dĩ Như-Lai thị hiện có sự khổ là vì muốn điều phục các chúng sanh.

Nay ông phải biết thân Như-Lai là thân Kim Cang. Từ ngày nay ông phải chuyên tâm suy nghĩ nghĩa ấy, chớ

nghĩ là thân tạp thực. Cũng nên vì người mà giảng nói thân Như-Lai tức là pháp thân”.

Ca Diếp bồ tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Đức Như-Lai thành tựu công đức như vậy, sao thân của Như-Lai phải có bệnh khổ vô thường phá hoại?”

Từ ngày nay, con phải thường suy nghĩ thân của Như-Lai là pháp thân thường trụ, là thân an lạc. Con cũng sẽ nói rộng nghĩa ấy cho người khác cùng nghe biết.

Kính bạch Thế Tôn! Pháp thân của Như-Lai Kim Cang bất hoại, mà con chưa rõ nguyên do thế nào”.

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Vì nhân duyên hay hộ trì chánh pháp nên được thành tựu thân Kim Cang này.

Này Ca Diếp! Do vì ngày trước Như-Lai hộ pháp nên nay được thân Kim Cang thường trụ bất hoại này.

Này Ca Diếp! Người hộ trì chánh pháp chẳng thọ năm giới, chẳng tu oai nghi. Phải cầm binh khí hộ trì Tỳ Kheo giữ giới thanh tịnh”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu có Tỳ Kheo rời sự hộ trì, ở riêng nơi vắng vẻ, bên gò, dưới cây, thời nên gọi vị này là chân Tỳ Kheo. Nếu có người theo giữ gìn, phải biết vị này là cư sĩ trợ”.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Ông chớ nói là Cư sĩ trọc. Nếu có Tỳ Kheo tùy ở chỗ nào nuôi thân vừa đủ, đọc tụng kinh điển, tư duy tọa thiền. Có ai đến thưa hỏi đạo pháp, thời giảng nói phước đức trì giới, bố thí, ít muốn biết đủ. Dầu hay thuyết pháp như vậy mà vẫn không thể tuyên thuyết pháp Đại-thừa, không có đồ chứng Đại-thừa, không hàng phục được kẻ ác phi pháp. Tỳ Kheo này không có thể đem lợi ích lại cho chính mình và chúng sanh. Phải biết Tỳ Kheo này lười nhác biếng trễ. Dầu hay giữ giới gìn hạnh thanh tịnh mà không làm được việc gì.

Nếu có Tỳ Kheo nuôi thân đầy đủ, giữ gìn cấm giới đã thọ, có thể giảng rộng giáo lý vi diệu Đại-thừa trong chín bộ kinh, để lợi ích an lạc các hạng chúng sanh. Xương lên rằng: Trong kinh Niết Bàn, đức Phật bảo các Tỳ Kheo chẳng được chứa nuôi tôi tớ trâu bò dê lợn, những vật phi pháp. Nếu có Tỳ Kheo nào chứa nuôi những vật bất tịnh ấy thời phải răn trị. Đức Như-Lai ở trong bộ kinh khác đã từng nói có Tỳ Kheo nuôi chứa những vật phi pháp ấy, bị quốc vương [y] cứ pháp trừng trị bắt phải hoàn tục.

Nếu có Tỳ Kheo lúc tuyên thuyết những lời như trên đây, những kẻ phá giới nghe được rất oán giận bèn hại vị

pháp sư này. Dầu bị giết chết, nhưng vị pháp sư này vẫn được gọi là bậc trì giới lợi mình lợi người. Vì do duyên này nên Như-Lai cho phép vua quan, cư sĩ hộ trì người thuyết pháp. Nếu ai muốn được hộ trì chánh pháp phải nên học như vậy.

Này Ca Diếp! Người phá giới chẳng hộ trì chánh pháp, gọi là cư sĩ trọc. Chẳng phải người trì giới mang danh từ ấy.

Này Ca Diếp! Về đời quá khứ đã vô lượng vô biên vô số kiếp, nơi thành Câu Thi Na này có Phật ra đời hiệu Hoan Hỉ Tăng Ích Như-Lai đủ cả mười đức hiệu. Lúc ấy cõi nước rộng lớn tốt đẹp giàu vui, nhân dân đông đầy ấm no như chư Bồ Tát ở cõi An Lạc. Phật Hoan Hỉ Tăng Ích ở đời rất lâu, cơ duyên đã mãn, Ngài nhập Niết Bàn, nơi rừng Ta La. Sau khi Phật Hoan Hỉ Tăng Ích nhập Niết Bàn. Chánh pháp còn ở đời vô lượng ức năm, lúc còn lại bốn mươi năm cuối cùng, bấy giờ có một Tỳ Kheo trì giới hiệu là Giác Đức có đông đồ chúng. Tỳ Kheo Giác Đức hay tuyên thuyết chín bộ kinh. Cấm các Tỳ Kheo không được chứa nuôi dê, heo, những vật phi pháp. Bấy giờ có các Tỳ Kheo phá giới oán ghét theo làm hại Giác Đức. Quốc vương Hữu Đức nghe được việc ấy,

vì hộ pháp nên nhà vua liền vội đến đầu chiến với bọn phá giới, nhờ đó mà pháp sư Giác Đức khỏi nạn. Nhà vua cả mình bị thương rất nặng. Pháp sư Giác Đức liền khen vua rằng: “Lành thay! Lành thay! Nay vua thật là người hộ pháp, đời sau, thân vua sẽ là vô lượng pháp khí”. Vua nghe lời ấy lòng rất vui mừng, rồi liền chết sanh về cõi Phật A Súc làm vị đệ tử thứ nhất. Quân lính nhân dân hoặc người theo vua chiến đấu, hoặc tùy hỷ đều được không thôi chuyển tâm bồ đề, sau khi chết họ cũng được sanh về nước của Phật A Súc. Pháp sư Giác Đức khi mãn thọ cũng sanh về cõi ấy làm vị đệ tử thứ hai trong chúng Thanh Văn của Phật A Súc.

Này Ca Diếp! Quốc Vương trước kia là tiền thân của Như-Lai đây, Pháp sư Giác Đức là tiền thân của Phật Ca Diếp.

Nếu lúc chánh pháp sắp diệt phải nên hộ trì như vậy. Người hộ pháp được vô lượng quả báo, vì thế nên nay Như-Lai được nhiều tướng tốt để tự trang nghiêm, thành tựu pháp thân không biến hoại”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Thân chân thường của Như-Lai cũng như khắc chạm vào đá”.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Này Ca Diếp! Vì nhân duyên như vậy nên Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di phải siêng năng hộ trì chánh pháp. Hộ pháp được quả báo rộng lớn vô lượng.

Này Ca Diếp! Vì những cứ ấy nên hàng Ưu Bà Tắc v.v... phải cầm binh khí ủng hộ vị Tỳ Kheo trì pháp như Giác Đức kia. Nếu cứ thọ trì ngũ giới chẳng đặng gọi là người Đại-thừa. Vì hộ trì chánh pháp mà chẳng thọ ngũ giới mới gọi là người Đại thừa. Người hộ trì chánh pháp nên phải cầm binh khí hầu người thuyết pháp”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Nếu chư Tỳ Kheo làm bạn với hàng Ưu Bà Tắc cầm binh khí như vậy, là có thầy hay không có thầy? Là trì giới hay phá giới?”.

Phật nói: “Ông chớ nói những người ấy là phá giới.

Này Ca Diếp ! Sau khi ta nhập Niết-bàn đời trước ác, cõi nước hoang loạn, đánh cướp lẫn nhau, nhân dân đói khổ. Bấy giờ có người vì đói khổ nên phát tâm xuất gia, người như vậy gọi là người trọc. Hạng trọc ấy thấy Tỳ Kheo thanh tịnh giữ giới oai nghi đầy đủ hộ trì chánh pháp, bèn xua đuổi hoặc giết hại”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thì Tỳ Kheo trì giới hộ trì chánh pháp, làm thế nào đi vào tụ lạc thành ấp để giáo hóa”.

Phật nói: “Vì vậy nên Như-Lai cho phép Tỳ Kheo trì giới cùng làm bạn với hàng cư sĩ cầm khí giới. Trong trường hợp trên đây, các quốc vương, đại thần, Trưởng giả, Ưu Bà Tắc v.v... vì hộ pháp mà cầm binh khí. Như-Lai gọi họ là người trì giới. Dầu cầm binh khí, nhưng chẳng nên giết chết người, nếu được như vậy thì được gọi là người trì giới bậc nhất.

Này Ca Diếp ! Người đủ chánh kiến có thể giảng rộng kinh điển Đại-thừa, trọn chẳng nắm cầm tàng lọng của hàng vương giả, binh dầu, gạo thóc, các thứ dưa trái. Chẳng vì lợi dưỡng mà thân cận vua, quan, Trưởng giả. Đối với các đàn việt tâm không dua vạy, đầy đủ oai nghi, phục trừ hạng ác phá giới, đây gọi là bậc thầy trì giới hộ pháp. Người này có thể làm chân Thiện tri thức cho chúng sanh. Tâm người này rộng lớn như biển cả.

Này Ca Diếp ! Nếu có Tỳ Kheo vì cầu lợi mà thuyết pháp cho người. Đồ chúng quyến thuộc của Tỳ Kheo này cũng bắt chước thầy mà cầu lợi, Tỳ Kheo này bèn là tự phá hoại Tăng chúng.

Này Ca Diếp ! Tăng chúng có ba hạng: một là phạm giới tạp Tăng, hai là ngu si Tăng, ba là thanh tịnh Tăng. Hạng phá giới tạp Tăng thời dễ phá hoại. Hạng Tăng thanh tịnh trì giới thời lợi danh không làm hư hoại được.

Thế nào là phá giới tạp Tăng ? Nếu thầy Tỳ Kheo dầu là giữ gìn giới cấm, mà vì cầu lợi nên cùng với người phá giới ở chung, ngồi chung, đi chung, sự nghiệp chung, đây gọi là phá giới cũng gọi là tạp Tăng.

Thế nào là ngu si Tăng ? Nếu có Tỳ Kheo ở nơi A Lan Nhã, tâm trí tối khờ đần độn, thiếu dục đi khát thực. Đến ngày thuyết giới ngày tự tứ, bảo các đệ tử thanh tịnh sám hối. Thấy người không phải đệ tử phạm giới không có thể bảo thanh tịnh sám hối, mà bèn chung thuyết giới tự tứ. Đây gọi là hạng ngu si Tăng.

Thế nào là thanh tịnh Tăng ? Có Tỳ Kheo Tăng không bị trăm ngàn loài ma làm trở hoại. Đại chúng Bồ Tát này bốn tánh thanh tịnh, có thể điều phục hai bộ chúng trên làm cho đều an trụ trong chúng thanh tịnh. Đây gọi là bậc đại sư Hộ Pháp Vô Thượng.

Người khéo trì luật vì muốn điều phục lợi ích chúng sanh, rõ biết hành tướng hoặc khinh hoặc trọng của giới, không phải luật thời không chứng biết, còn phải là luật

thời bèn chúng biết.

Thế nào là điều phục lợi ích chúng sanh? Nếu là Bồ Tát vì giáo hóa chúng sanh mà thường vào xóm làng chẳng chọn thời tiết, hoặc đến nhà của góa phụ, dâm nữ mà cùng ở chung nhiều năm. Đây gọi là điều phục lợi ích chúng sanh. Nếu là hàng Thanh Văn thời không nên làm như vậy.

Thế nào là giới trọng ? Nếu thấy đức Như-Lai nhân sự chế giới, từ ngày nay ông phải cẩn thận chớ lại phạm, như bốn giới trọng người xuất gia không nên làm mà bèn cố ý làm là không phải thầy Sa Môn, không phải hàng Thích tử, đây gọi là trọng.

Thế nào là giới khinh? Nếu phạm tội nhẹ, ba lần can gián, nếu hay bỏ được, đây gọi là khinh. Chẳng phải luật không chúng biết, là khi có người khen nói những vật không thanh tịnh nên thọ dùng thời không ở chung với người ấy.

Phải là luật thời chúng biết, là khéo học giới luật, chẳng gàn người phá giới, thấy ai thật hành thuận với giới luật thời lòng vui mừng, khéo hay giải thuyết thế nào là chỗ làm của Phật pháp, đây gọi là luật sư. Khéo hiểu nhất tự, khéo gìn khế kinh cũng lại như vậy.

Này Ca Diếp ! Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như-Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời đức Phật dạy, Phật pháp vô lượng chẳng thể nghĩ bàn. Như-Lai cũng vậy chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế nên biết Như-Lai thường trụ chẳng biến đổi chẳng hư hoại. Nay con khéo học và cũng sẽ giảng rộng cho người về nghĩa ấy”.

Phật khen Ca Diếp Bồ Tát: “Lành thay! Lành thay! Thân Như-Lai là thân Kim Cang bất hoại. Bồ Tát phải khéo học như vậy, thấy chân chánh biết chân chánh như vậy. Nếu có thể thấy biết rành rẽ như vậy, thời là thấy thân Kim Cang không hư hoại của Phật, như thấy hình sắc trong gương sáng”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM DANH TỰ CÔNG ĐỨC THỨ SÁU

Bảy giờ đức Như-Lai lại bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “Này

Ca-Diếp ! Nay ông nên khéo thọ trì danh tự chương cú cùng công đức của kinh này. Nếu có ai được nghe tên kinh này, thời không còn phải sanh vào bốn đường ác. Vì kinh này là chỗ tu tập của vô-lượng vô-biên chư Phật. Nay Như-Lai sẽ nói về chỗ được công đức.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Kinh này tên gì ? Đại Bồ-Tát phụng trì thế nào ?”

Phật dạy: “ Kinh này tên là Đại-Bát-Niết-Bàn”. Tất cả lời hoặc thượng, hoặc trung, hoặc hạ đều lành cả. Nghĩa vị thâm thúy, văn trong kinh cũng lành, tinh-thuần đầy đủ phạm-hạnh thanh tịnh, Bửu-tạng Kim Cang đầy đủ không thiếu. Nay ông khéo nghe, Như-Lai sẽ nói.

Này Ca-Diếp ! Nói là Đại đó gọi là Thường, như tám sông lớn đều chảy về biển cả. Kinh này hàng phục các kiết sử phiền não và các tánh ma, rồi cần phải ở nơi Đại-bát Niết-bàn mà buông bỏ thân mạng. Vì thế nên tên là Đại-Bát-Niết-Bàn.

Lại như Y-sư có một bí phương, nhiếp cả các phương thuốc khác. Cũng vậy, bao nhiêu môn diệu pháp thâm-áo bí mật đều vào nơi “Đại-Bát Niết-Bàn”. Vì thế nên gọi là “Đại-Bát-Niết-Bàn”.

Ví như nông phu, tháng mùa xuân gieo giống thường có hy vọng lúc đã gặt hái xong thời không hy vọng nữa.

Cũng vậy, tất cả chúng sanh tu học các thứ kinh khác thường hy vọng mùi vị, nếu được nghe kinh Đại-Bát-Niết-Bàn này, thời sự hy vọng mùi vị nơi các kinh kia thấy đều dứt hẳn.

Đại-Niết-Bàn đây có thể làm cho chúng sanh qua khỏi các giòng hữu-lậu trong ba cõi.

Này Ca-Diếp ! Như trong các dấu chân, dấu chân voi là hơn cả. Cũng vậy, kinh này là đệ nhất nơi các kinh Tam-muội.

Như cày ruộng, mùa thu cày là hơn cả, cũng vậy, trong các kinh, kinh này là hơn cả.

Như trong các vị thuốc, vị đề-hồ là thứ nhất hay trị bệnh nhiệt não loạn tâm của chúng sanh, cũng vậy, kinh Đại-Bát-Niết-Bàn là thứ nhất.

Như bơ ngọt đủ cả tám mùi. Cũng vậy, kinh này đầy đủ tám vị. Những gì là tám ? Một là “thường”, hai là “hằng”, ba là “an”, bốn là “thanh lương”, năm là “chẳng già”, sáu là “chẳng chết”, bảy là “không nhớ”, tám là “khoái lạc”. Vì đầy đủ tám vị nên gọi là “Đại-Bát-Niết-

Bàn”.

Nếu các đại BỒ-Tát an trụ trong đây thời lại có thể thị hiện Niết-bàn ở nhiều nơi. Vì thế nên gọi là “Đại-Bát-Niết-Bàn”.

Này Ca-Diếp ! Nếu người nào muốn ở nơi Đại-Bát-Niết-Bàn đây mà Niết-Bàn thời phải học như vậy: Như-Lai thường-trụ, Pháp và Tăng cũng thường-trụ.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-tôn ! Công đức của Như-Lai chẳng thể nghĩ bàn. Pháp và Tăng cũng không thể nghĩ bàn. Đại-Niết-Bàn đây cũng không thể nghĩ bàn.

Nếu có người tu học kinh điển này thời đặng pháp môn chân chánh, có thể làm lương y. Nếu là chưa học, nên biết người này đui mù không con mắt trí huệ bị vô minh che đậy”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TỬ TƯỚNG THỨ BẢY

Đức Phật lại bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Vị Đại Bồ Tát phân biệt khai thị Đại Bát Niết Bàn có bốn tướng nghĩa: một là tự chánh, hai là chánh tha, ba là hay tùy vấn đáp, bốn là khéo hiểu nghĩa nhân duyên.

Thế nào là “Tự Chánh” ? Nếu đức Như-Lai thấy các nhân duyên mà có chỗ đáng dạy bảo. Như có Tỳ Kheo thấy cụm lửa lớn bèn nói rằng: thà rằng tôi tự ôm lấy cụm lửa này, trọn chẳng dám ở nơi chỗ đức Như-Lai giảng thuyết mười hai phần kinh và tạng bí mật, mà hủy báng là của ma Ba Tuần nói chứ không phải Phật. Thà lấy dao bén cắt đứt lưỡi mình, không bao giờ nói Như-Lai, Pháp và Tăng là vô thường. Hoặc nghe người khác nói như vậy tôi cũng không tin nhận mà còn thương xót cho kẻ ấy.

Như-Lai, Pháp và Tăng chẳng thể nghĩ bàn, nên thọ trì như vậy. Tự xem thân mình như cụm lửa. Đây gọi là Tự Chánh”.

Thế nào là “Chánh Tha” ? Lúc nọ Phật đang thuyết pháp, có một người nữ vào lễ Phật rồi ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi rằng: Có phải nàng vì quá thương con, mà mớm cho con ăn nhiều chất bơ, rồi

không biết có tiêu hóa hay không tiêu hóa? - Người nữ liền bạch Phật: “Lạ lòng thay! Đức Thế Tôn biết được tâm niệm của con. Bạch Thế Tôn! Sớm mai này tiện nữ cho con ăn nhiều chất bơ, lòng tiện nữ sợ rằng không tiêu hóa được, nó sẽ phải bệnh. Ngưỡng mong đức Như-Lai chỉ dạy cho”. - Phật dạy: “Con nài ăn thức ấy đã tiêu hóa tốt, nó sẽ được khoẻ mạnh”. Người nữ nghe đức Phật nói, thời vui mừng hơn hởi và thốt lời rằng: “Vì đức Như-Lai nói đúng như thật nên con vui mừng”.

Đức Thế Tôn vì muốn điều phục các chúng sanh, mà khéo phân biệt nói tiêu hay chẳng tiêu, cũng nói các pháp vô ngã, vô thường. Nếu Phật nói “thường” trước, các đệ tử sẽ cho rằng pháp này đồng với ngoại đạo mà không chịu tin theo, vì hàng Thanh-Văn đệ tử chẳng tiêu được pháp thường trụ, nên Như-Lai trước dạy pháp “khô”, “vô thường”. Khi mà hàng Thanh-Văn đệ tử đã đầy đủ công đức, đủ sức tu tập kinh pháp Đại-thừa, Như-Lai ở kinh này nói sáu vị: Một là “Khô”, vị chua; hai là “vô thường”, vị mặn; ba là “vô ngã”, vị đắng; bốn là “lạc”, vị ngọt; năm là “ngã”, vị cay; sáu là “thường”, vị lạt.

Trong thế gian kia có ba vị: vô thường, vô ngã và khô, phiền não làm củi, trí huệ làm lửa, do các nhân duyên đó

mà thành cơm Niết-bàn tức là “thường, lạc và ngã”, làm cho các đệ tử đều được nếm mùi ngọt ngon.

Phật lại bảo người nữ rằng: “Nếu nàng có sự duyên muốn đến xứ khác, thì phải đuổi đứa con trai hung ác ra khỏi nhà, rồi đem gia nghiệp giao cho đứa con trai hiền lành”. Người nữ bạch Phật rằng: “Thật đúng như lời đức Thế Tôn dạy, gia nghiệp nên giao cho đứa con hiền, chớ chẳng nên giao cho đứa con dữ”. Phật nói: “Nhu-Lai cũng vậy, lúc nhập Niết-bàn, đem tặng pháp Vô Thượng phó chúc cho các vị Bồ Tát, chớ không giao cho hàng Thanh văn, vì hàng Thanh văn tưởng là Nhu-Lai thật diệt độ. Còn các vị Bồ Tát thì nhận rằng Nhu-Lai thường trụ không biến đổi. Mà quả thật Nhu-Lai không có diệt độ. Như lúc nàng xa nhà chưa trở về, đứa con ác kia bèn nói là nàng đã chết mất rồi, còn đứa con hiền vẫn tin tưởng là nàng còn sống. Mà chính thật thì nàng còn sống.

Nếu có chúng sanh nào nhận rằng Phật là thường trụ không biến đổi, phải biết nhà kẻ ấy thì là có Phật.

Đây gọi là Chánh Tha.

Thế nào là Hay Tùy Vấn Đáp? Nếu có người đến hỏi Phật rằng: tôi phải làm thế nào không mất tiền của mà được gọi là Đản Việt đại bố thí? Phật dạy: “Đem tôi trai

tớ gái bố thí cho những bậc Sa Môn, Bà La Môn thiếu dục tri túc chẳng nhận chẳng chứa các vật bất tịnh. Dem người nữ thí cho vị tu phạm hạnh. Dem rượu thịt thí cho người đã dứt rượu thịt. Dem thực phẩm phi thời thí cho người không ăn phi thời. Dem đồ trang sức thí cho người không trang sức. Bố thí như vậy rất có danh tiếng, mà của tiền khởi mất hào ly”.

Đây gọi là Hay Tùy Vấn Đáp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Với người ăn thịt chẳng nên đem thịt đến cho. Vì con thấy người không ăn thịt được công đức lớn”.

Phật khen: “Lành thay! Lành thay! Nay ông có thể khéo biết ý của Như-Lai. Bồ Tát hộ pháp phải như vậy.

Này Ca Diếp! Bắt đầu từ ngày nay trở đi Như-Lai không cho phép hàng Thanh-Văn đệ tử ăn thịt, nếu đàn việt đem đến dâng thí, phải xem thịt ấy như thịt con mình”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Tại sao đức Như-Lai không cho phép ăn thịt?”

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Luận về người ăn thịt thời dứt mất giống đại từ”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Duyên có gì ngày trước đức Như-Lai cho phép hàng Tỳ Kheo ăn ba thứ tịnh nhục?” Phật dạy: “Này Ca Diếp! Ba thứ tịnh nhục ấy chỉ là theo việc mà tạm chế thôi”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch: “Bạch Thế Tôn! Duyên có gì mà mười thứ bất tịnh nhân đến chín thứ thanh tịnh, Như-Lai lại chẳng cho phép?”

Phật nói: “Cũng là nhân nơi sự mà lần lượt chế. Nên biết chính là nghĩa đoạn nhục hiện nay”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch: “Cớ sao Như-Lai khen ngợi ngư nhục là món ăn ngon?”

Phật dạy: “Như-Lai cũng chẳng nói loài ngư nhục là món ăn ngon, mà Như-Lai vẫn nói mía, đường, gạo, tất cả thứ lúa, bắp, sũa, bơ, dầu, là những thức ăn ngon.

Dẫu rằng Như-Lai nói được chứa các thứ y phục, mà đều phải hoại sắc, huống lại tham ưa nơi vị ngư nhục kia”

Ca Diếp lại bạch Phật: “Đức Như-Lai nếu chế không được ăn ngư nhục, thì những thứ sũa, bơ, dầu, v.v... và các thứ y phục kiêu xa gia, đồ bằng da thú, ngọc ngà, bồn chậu bằng vàng bạc, cũng đều chẳng nên dùng”.

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Chẳng nên có kiến chấp

đồng với bọn lã thể ngoại đạo kia. Bao nhiêu giới cấm của Như-Lai chế ra đều có dị ý. Vì dị ý nên cho ăn ba thứ tịnh nhục. Vì dị ý nên cấm ăn mười thứ thịt. Vì dị ý nên cấm tất cả thứ thịt đều không được ăn, dầu là thịt của con vật tự chết.

Này Ca Diếp! Từ nay Như-Lai cấm các đệ tử không được ăn tất cả thứ thịt.

Này Ca Diếp! Người mà ăn thịt, hoặc đi đứng nằm ngồi chúng sanh nào nghe đến hơi thịt thời kinh sợ. Ví như người ở gần sư tử, đi đến đâu, mọi người nghe mùi hôi của sư tử thời đều kinh sợ. Như người ăn tỏi, không ai dám gần người ấy vì tanh mùi tỏi. Kẻ ăn thịt cũng vậy, tất cả chúng sanh nghe hơi thịt, thấy đều kinh sợ, nghĩ đến sự chết, các loài cá trạnh, muôn thú cùng chim chóc, đều chạy tránh xa, đều có quan niệm rằng người ấy là kẻ hại ta. Vì thế nên Bồ Tát không ăn thịt, vì độ chúng sanh mà thị hiện ăn thịt. Dầu thị hiện ăn thịt mà thật ra thời không có ăn.

Này Ca Diếp! Hàng Bồ Tát này còn không ăn những thức ăn thanh tịnh, huống lại ăn thịt.

Sau khi Như-Lai nhập Niết-bàn, các bậc tứ quả Thánh Nhân đều lần lượt nhập Niết-bàn. Sau khi chánh

pháp diệt, trong thời tượng pháp, sẽ có các Tỳ Kheo in tuồng trì luật, ít đọc tụng kinh, tham ưa ăn uống, lo bồi bổ thân thể, y phục mặc trên thân thô xấu hôi dơ, hình dung tiêu tụy không có oai đức, chăn nuôi bò dê vác củi gánh cỏ, tóc râu để dài, dầu mặc cà sa mà như thợ săn, dầu ngó xuống đi chậm rãi mà như mèo rình chuột. Thường tự xưng rằng ta chứng được quả A La Hán, mang nhiều bệnh khổ nằm lăn trên phân uest, ngoài thời hiện ra tướng hiền thiện, trong thời đầy lòng tham sân như bà la môn, thọ phép cầm, thật chẳng phải Sa môn mà hiện tướng Sa môn, tà kiến xí thanh, chê bai chánh pháp. Những người như vậy phá hoại giới luật, chánh hạnh oai nghi của Như-Lai chế và quả giải thoát của Như-Lai nói.

Họ rời pháp thanh tịnh và làm hư hoại giáo pháp thậm thâm bí mật. Họ theo ý riêng, nói ngược với kinh luật rằng đức Phật cho phép chúng tôi ăn thịt. Họ đều tự xưng là Sa môn Thích tử.

Này Ca Diếp! Bây giờ lại có các hàng Sa môn chứa thóc, nhận lấy thịt cá, tay tự nấu ăn, cầm xách bình dầu ăn, cùng giày dép bằng da và lông bấu, thân cận quốc vương, quan lớn, nhà giàu sang, xem tướng, coi sao, siêng học nghề thuốc, chứa nuôi tôi tớ, vàng bạc bấu bấu,

các thứ dưa trái, học tập các nghề: nghề vẽ, nghề nắn, làm sách dạy học, gieo trồng, chú thuật, chế thuốc, đàn ca xướng hát, hương hoa trang điểm, cờ bạc, học các nghề thợ.

Nếu có Tỳ Kheo nào hay tránh lìa các việc ác như trên, nên nói người ấy thật là đệ tử của Như-Lai.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, nhân người khác giúp mà sống. Lúc khát thực, nếu đặng món ăn lộn với thịt, phải làm cách nào để ăn đúng với pháp thanh tịnh?”

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Nên lấy nước rửa sạch thịt rồi hãy ăn. Nếu đồ đựng bị thịt làm dơ, chỉ làm cho không có vị thịt thôi cho phép được dùng không tội. Nếu thấy trong thức ăn có nhiều thịt thôi không được nhận. Tất cả thứ thịt đều không được ăn. Người ăn thịt thôi phải tội.

Nay Như-Lai xuống điều chế đoạn nhục như vậy, nếu giảng rộng thôi không thể hết. Giờ Niết-bàn gần đến phải nói lược”.

Đây gọi là “Hay tùy vấn đáp”.

Này Ca Diếp! Thế nào là Khéo Hiểu Nghĩa Nhân Duyên?

Như có bốn bộ chúng đến hỏi Như-Lai rằng: những nghĩa như vậy, thưở đức Như-Lai mới ra đời, có sao chẳng vì vua Ba Tư Nặc nói pháp môn nghĩa lý thâm diệu, hoặc có lúc nói thâm, có lúc nói thiên, hoặc gọi là phạm, hoặc gọi là không phạm, thế nào gọi là đọa? Thế nào gọi là luật? Thế nào là Ba-la-đề-mộc-xoa?

Phật dạy: “ Ba-la-đề-mộc-xoa gọi là tri túc, thành tựu oai nghi, không cất chứa, cũng gọi là tịnh mạng.

“Đọa” đó gọi là bốn ác thú và lại đọa đó là đọa nơi địa ngục, nhân đến A Tỳ, luận về chậm mau thời hơn nơi mưa to. Người nghe sợ hãi bèn giữ chặt cấm giới không phạm oai nghi, tu tập tri túc, chẳng thọ lấy tất cả vật bất tịnh. Và lại đọa là thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì những nghĩa ấy nên gọi là đọa.

Ba-la-đề-mộc-xoa là lìa nghiệp tà bất thiện của thân, khẩu và ý.

Luật là các giới, oai nghi, nghĩa hay trong các kinh thâm diệu, ngăn thọ tất cả vật bất tịnh và nhân duyên bất tịnh, cũng ngăn bốn trọng tội, mười ba tội Tăng tàn, hai tội bất định, ba mươi tội xả đọa, chín mươi tội đơn đọa, bốn pháp hồi quá, các pháp học, bảy pháp “Diệt tránh”.

Hoặc có người phá tất cả giới, nghĩa là bốn pháp trọng nhần đến bảy pháp "Diệt tránh". Hoặc có người chê bai chánh pháp, những kinh điển thậm thâm và hạng hoàn toàn nhất-xiên-đề. Những người trên đây tự nói mình thông minh nhiều trí, che giấu tất cả những tội nặng tội nhẹ, che giấu điều xấu ác như rùa giấu cả sáu chi. Vì che giấu mãi không chịu sám hối nên tội lỗi càng lớn thêm lần. Như-Lai biết như vậy nên lần lượt mà chế giới, chẳng đồng thời chế cả thảy được.

Bấy giờ có người đến hỏi: "Bạch Thế Tôn! Đức Như-Lai từ lâu đã biết trước những sự ấy, sao không chế trước, phải chăng đức Thế Tôn muốn để chúng sanh mắc tội đọa địa ngục ư? Ví như có nhóm người muốn đến xứ khác, quên đường, đi lạc, mà vẫn không tự biết là lạc đường, lại không gặp ai để hỏi là phải hay không phải. Cũng vậy, chúng sanh mê tối nơi Phật pháp chẳng thấy con đường chánh chân. Đáng lẽ đức Như-Lai nên trước dạy đạo chân chánh. Bảo các Tỳ Kheo này là phạm giới, này là trì giới, phải chế giới như vậy. Vì đức Như-Lai là bậc chánh giác chân thật thấy rõ đạo chân chánh. Chỉ có đức Như-Lai là đấng trời trong các trời, hay nói pháp thập thiện công đức tăng thượng và nghĩa vị của pháp ấy.

Thế nên khái thỉnh đức Thế Tôn chế giới trước.

Phật nói: “Này Thiện nam tử, nếu ông đã nói rằng đức Như-Lai hay vì chúng sanh mà dạy pháp thập thiện công đức tăng thượng, thế thời Như-Lai xem các chúng sanh như La Hầu La, sao ông lại nạn rằng phải chăng Như-Lai muốn chúng sanh phải đọa địa ngục! Như-Lai thấy một người có nhân duyên đọa A Tỳ địa ngục, còn vì người ấy mà trụ một kiếp, hoặc không đầy một kiếp. Như-Lai có lòng đại từ bi đối với chúng sanh, đâu có có gì lại phỉnh gạt kẻ mà Như-Lai đã xem như con ruột, làm cho nó bị sa vào địa ngục!

Này Thiện nam tử! Như người vá áo, thấy áo có lỗ rách vậy sau mới vá. Cũng vậy, thấy chúng sanh có nhân duyên sa vào A Tỳ địa ngục, Như-Lai bèn dùng giới lành mà vá đó.

Ví như vua Chuyển Luân trước dạy nhân dân mười nghiệp lành, về sau có người làm ác, vua bèn theo mỗi sự mà dứt ác lần lần, khi sự ác đã dứt rồi, pháp luật của nhà vua tự hành trong dân chúng. Cũng vậy, Như-Lai dầu có thuyết pháp mà không được chế luật trước, phải do nơi Tỳ Kheo làm phi pháp, mới theo sự mà chế lần lần. Những người thích chánh pháp, tu hành theo lời dạy

của Như-Lai, hạng người này mới có thể thấy pháp thân của Như-Lai.

Như luân bửu của vua Chuyển Luân không thể nghĩ bàn. Như-Lai, Pháp và Tăng cũng chẳng thể nghĩ bàn. Người hay thuyết pháp và người nghe pháp cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Đây gọi là Khéo Hiểu Nghĩa Nhân Duyên.

Bồ Tát phân biệt khai thị nghĩa của bốn điều như vậy, đây là nghĩa nhân duyên trong Đại Thừa Đại Niết-bàn.

Lại còn có nghĩa thế này: “Tự Chánh” là được Đại Bát Niết-bàn đây.

“Chánh Tha” là Như-Lai vì Tỳ Kheo mà nói rằng Như-Lai thường còn không biến đổi.

“Tùy vấn đáp” là, này Ca Diếp! Nhân ông hỏi mà Như-Lai mới được dịp vì đại chúng giảng nói nghĩa lý thậm thâm vi diệu trên đây.

“Nghĩa nhân duyên” là, hàng Thanh văn Duyên giác không hiểu được nghĩa rất sâu như vậy, chẳng nghe chữ y do ba điềm mà thành, giải thoát cùng Niết-bàn và Ma ha bát nhã thành tạng bí mật.

Nay Như-Lai ở nơi đại hội đây xiển dương phân biệt,

khai phát huệ nhãn cho hàng Thanh văn. Giả sử có người nói rằng bốn sự như vậy là một, thế nào chẳng phải hư vọng ư? Thời nên gạn trở lại rằng hư không đây, không chỗ có, không ngại, không động, bốn sự như vậy có gì là khác. Đâu gọi là hư vọng được!”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Các câu như vậy chính là một nghĩa, đó là nghĩa không.

Tự chánh, chánh tha, hay tùy vấn đáp và hiểu nghĩa nhân duyên, cũng lại như vậy, đồng là Đại Niết-bàn cả”

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Nếu có người nói thế này: Như-Lai vô thường. Biết là vô thường, vì như lời Phật dạy diệt các phiền não gọi là Niết-bàn, cũng như lửa tắt thời không chỗ có, dứt các phiền não gọi là Niết-bàn cũng lại như vậy, thế sao Như-Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Lại như Phật dạy, rời các cõi hữu lậu, bèn gọi là Niết-bàn, trong Niết-bàn đây không có các cõi hữu lậu, thế sao Như-Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Như cái áo hư rách hết, chẳng còn gọi là món vật. Cũng vậy, Niết-bàn dứt các phiền não chẳng gọi là vật gì. Thế sao Như-Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Đức Phật cũng dạy: ly dục tịch diệt gọi là Niết-bàn, như người bị chém đứt đầu thời không còn có đầu, cũng

vậy, ly dục tịch diệt rỗng trống, không chỗ có nên gọi là Niết-bàn. Thế sao Như-Lai là pháp thường trụ không biến đổi ư? Phật từng dạy rằng:

Như sắt nung đỏ

Đập văng mặt lửa

Văng ra liền tắt,

Chẳng biết ở đâu!

Được chánh giải thoát.

Cũng lại như vậy.

Đã lìa dâm dục,

Các cõi hữu lậu.

Được quả vô-động,

Không rõ đến đâu!

Thế sao Như-Lai là pháp thường trụ không biến đổi?

Này Ca Diếp! Nếu ai hỏi gạn như vậy, gọi là lời gạn tà. Ông cũng chẳng nên suy nghĩ rằng tánh Như-Lai là diệt tận.

Này Ca Diếp! Dứt hết phiền não không còn gọi là vật, vì đã trọn rốt ráo hẳn, thế nên gọi là “Thường”. Câu này

tịch tịnh không có gì hơn. Dứt hết các tướng không có thừa sót. Câu đây trắng sạch thường trụ không thối chuyển. Thế nên Niết-bàn gọi là thường trụ. Như-Lai thường trụ không biến đổi cũng lại như vậy.

Mặt lửa để dụ phiền não, văng ra liền tắt không biết ở đâu, để chỉ Như-Lai đã dứt phiền não, chẳng ở trong năm loài. Thế nên Như-Lai là pháp thường trụ không có biến đổi.

Này Ca Diếp! Chánh pháp là chỗ tôn thờ của chư Phật, nên Như-Lai cung kính cúng dường. Vì pháp là thường trụ nên chư Phật cũng thường trụ”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Nếu lửa phiền não tắt, Như-Lai cũng tắt, thế thời Như-Lai không có chỗ thường trụ, như mặt sắt kia, mất ánh lửa đỏ rồi chẳng biết văng đến đâu. Như-Lai phiền não cũng vậy, diệt rồi thời vô thường. Lại như trên thanh sắt kia, hơi nóng và màu đỏ tắt rồi thời không còn có, Như-Lai cũng vậy diệt rồi thời vô thường. Diệt lửa phiền não bèn nhập Niết-bàn, nên biết Như-Lai tức là vô thường”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Thanh sắt là nói các phàm phu. Người phàm dầu diệt phiền não, diệt rồi sanh lại, nên gọi là vô thường. Như-Lai chẳng phải như vậy, diệt

rồi không còn sanh lại nên gọi là thường”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch: “Như nơi thanh sắt, màu lửa đỏ đã tắt, đem thanh sắt để lại trong lửa, thời màu đỏ sẽ sanh lại. Nếu như vậy, Như-Lai lẽ ra sanh phiền não lại, nếu phiền não sanh trở lại bèn là vô thường”.

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ông không nên nói Như-Lai vô thường, vì Như-Lai là thường trụ.

Như đốt gỗ, khi gỗ hết lửa tắt thời còn tro, phiền não diệt rồi bèn có Niết-bàn. Các điều dụ như áo hư, chém đầu, lọ vỡ cũng như vậy.

Này Ca Diếp! Như sắt nguội có thể làm nóng lại. Như-Lai không phải như vậy, dứt phiền não rồi rốt ráo thanh lương, lửa phiền não chẳng còn sanh trở lại.

Vô lượng chúng sanh như thanh sắt kia Như-Lai dùng lửa mạnh trí tuệ đốt sắt kết sử phiền não của chúng sanh”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Lành thay! Lành thay! Con nay thật biết rõ chư Phật là thường trụ”.

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ví như Thánh Vương vốn ở trong cung, hoặc có lúc dạo chơi nơi vườn; dầu lúc ấy vua không có ở giữa đám cung phi, cũng chẳng được nói

là vua đã chết. Cũng vậy, Như-Lai dần nhập vào trong Niết-bàn không hiện nơi cõi Diêm Phù, chẳng gọi là vô thường. Như-Lai ra khỏi vô lượng phiền não vào nơi Niết-bàn an vui, dạo chơi vui vẻ nơi các vườn hoa chánh giác”.

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi: “Như đức Phật đã dạy: Từ lâu Như-Lai đã vượt khỏi biển phiền não. Duyên có gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La? Do có đây mà biết rằng Như-Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não. Cúi xin Như-Lai nói về nhân duyên đó”.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “Ông chẳng nên nói Như-Lai từ lâu đã vượt khỏi biển cả phiền não, duyên có gì lại cùng Gia Du Đà La sanh La Hầu La, vì có đây nên biết Như-Lai chưa vượt khỏi biển cả phiền não.

Này Ca Diếp! Đại Niết-bàn đây hay kiến lập sự nghĩa to lớn. Nay các ông nên chí tâm lắng nghe, rồi rộng vì người mà giảng thuyết, chớ sanh lòng nghi ngờ.

Nếu có vị đại Bồ Tát trụ đại Niết bàn, có thể đem núi Tu Di cao rộng để vào trong vỏ hộp đình lịch. Các loài ở tại núi Tu Di không bị chật hẹp, vẫn y như thường, cũng không có quan niệm gì khác, chỉ có người đáng được độ mới thấy vị Bồ Tát ấy đem núi Tu Di để vào vỏ hộp đình

lich, rồi đem để lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp! Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết-bàn, có thể đem cả cõi đại thiên để vào vỏ hột đình lịch, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này, ngoài ra tất cả chúng sanh đều không hay biết cũng không thấy chật hẹp, vẫn y như cũ. Cho đến đem cõi đại thiên để vào lỗ chân lông cũng như vậy.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết-bàn ngắt lấy nhiều thế giới ở mười phương để nơi đầu mũi kim, như ghim lá táo, rồi ném để nơi thế giới khác. Những chúng sanh trong các thế giới bị ném đó không hay không biết, chỉ có người đáng được độ là thấy việc làm này và cũng thấy Bồ Tát đem các thế giới đã ném để lại chỗ cũ.

Lại có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết-bàn, bứt lấy các thế giới ở mười phương để trên bàn tay mặt, rồi ném vọt qua khỏi vô lượng thế giới khác. Cũng có vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết-bàn đem vô lượng thế giới ở mười phương để vào trong thân mình, hoặc để vào trong một vi trần, vẫn không chật hẹp. Chúng sanh trong các cõi ấy không bị bức ngộp, cũng chẳng hay chẳng biết, chỉ có người đáng được độ mới thấy biết việc làm này và cũng thấy Bồ Tát đem những thế giới để lại chỗ cũ.

Này Ca Diếp! Vị đại Bồ Tát trụ Đại Niết-bàn thời có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hóa, vì thế nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.

Tất cả chúng sanh không có thể suy lường đến được. Nay ông làm thế nào biết Như-Lai gần nơi ái dục sanh La Hầu La?

Này Ca Diếp! Như-Lai từ lâu đã trụ nơi Đại Niết-bàn, thị hiện vô lượng thân thông biến hóa, ở trong cõi đại thiên trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức Diêm Phù Đề này, thị hiện vô lượng thân thông biến hóa, như trong kinh Thủ Lăng Nghiêm đã có nói nhiều. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện nhập Niết-bàn, mà chẳng rớt ráo nhập Niết-bàn. Hoặc ở Diêm Phù Đề thị hiện vào thai mẹ, làm cho cha mẹ tưởng là con trai của mình sanh đẻ, mà thân của Như-Lai đây trọn hẳn chẳng từ nơi ái dục hòa hiệp mà sanh. Như-Lai đã lìa ái dục từ nơi vô lượng kiếp rồi. Thân của Như-Lai đây chính là pháp thân, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện vào thai mẹ.

Này Ca Diếp! Nơi vườn Lâm Tỳ Ni, thị hiện từ nơi mẹ là Ma-Gia sanh ra, vừa sanh liền đi qua hướng đông bảy bước xướng lên rằng: Ở trong hàng trời, người, A Tu La, ta là bậc tôn thượng hơn cả.

Cha mẹ và trời người thấy thế vừa sợ vừa mừng cho rằng hy hữu. Mà mọi người nói là đứa trẻ nhỏ. Nhưng chính thật thời thân của Như-Lai đã lìa cách trên đây từ vô lượng kiếp.

Thân của Như-Lai tức là pháp thân, chẳng phải thân thịt máu mạch gân xương tùy hiệp thành. Vì tùy thuận cách sanh của chúng sanh mà thị hiện làm đứa trẻ. Đi qua hướng Nam bảy bước là thị hiện muốn làm phước điền Vô Thượng cho chúng sanh. Đi qua hướng Tây bảy bước là thị hiện thân này là thân cuối cùng không còn sanh tử nữa. Đi qua hướng Bắc bảy bước là thị hiện đã qua khỏi sự sanh tử của các cõi. Đi qua hướng Đông bảy bước là thị hiện làm đạo sư cho chúng sanh. Đi qua bốn hướng cạnh bảy bước là thị hiện dứt diệt các thứ phiền não và bốn loài ma, mà thành đấng Như-Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri. Đi lên bảy bước là thị hiện không bị vật dơ làm ô nhiễm, như hư không. Đi xuống bảy bước, là thị hiện rưới mưa pháp dập tắt lửa địa ngục, cho chúng sanh hưởng vui an ổn.

Nơi Diêm Phù Đề, sau khi sanh bảy ngày lại thị hiện cạo tóc, mọi người đều cho rằng Như-Lai là đứa trẻ mới cạo tóc lần đầu. Kỳ thật, tất cả trời, người, ma vương, Sa

môn, Bà la môn, không một ai có thể thấy được đánh tướng của Như-Lai, huống là có người cầm dao đến cạo tóc được. Trong vô lượng kiếp lâu xa về trước, Như-Lai đã cạo bỏ râu tóc rồi. Vì muốn tùy thuận theo pháp thế gian, nên Như-Lai thị hiện cạo tóc.

Cha mẹ đem ta đến miếu thờ trời, ra mắt Đại Tự Tại Thiên. Lúc Đại Tự Tại Thiên thấy Như-Lai, liền chấp tay cung kính đứng qua một bên. Từ lâu xa vô lượng kiếp, Như-Lai đã bỏ lìa cách vào miếu trời, nhưng vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Ở Diêm Phù Đề, Như-Lai thị hiện xỏ lỗ tai, kỳ thật, tất cả chúng sanh không ai có thể xỏ lỗ tai Như-Lai được, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại lấy các châu báu làm bông tai sư tử để đeo vào, kỳ thật từ vô lượng kiếp, Như-Lai đã bỏ lìa đồ trang điểm, nhưng vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện việc như vậy.

Rồi vào học đường học tập chữ nghĩa, võ nghệ, nghề nghiệp v.v... kỳ thật từ vô lượng kiếp Như-Lai đã hoàn toàn rành rẽ tất cả những môn ấy. Xem khắp cả ba cõi, không một ai có khả năng làm thầy của Như-Lai được, vì muốn tùy thuận thế gian mà thị hiện vào học đường.

Vì thế nên gọi là đấng Như-Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri.

Ở cõi Diêm Phù Đề, tùy thuận thế gian mà thị hiện làm Thái Tử, mọi người đều thấy Như-Lai là Thái Tử con trai lớn vua Tịnh Phạn và Hoàng Hậu Ma Gia, hưởng sự vui sướng trong cảnh ngũ dục (41). Kỳ thật trong vô lượng kiếp, Như-Lai đã bỏ lìa sự vui ngũ dục rồi.

Nhà tướng số đoán rằng Thái Tử nếu chẳng xuất gia thời sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương cai trị Diêm Phù Đề, mọi người đều tin lời đoán ấy. Kỳ thật, từ vô lượng kiếp, Như-Lai đã bỏ vị Chuyển Luân Thánh Vương mà làm bậc Pháp Vương.

Thị hiện nhằm lìa cảnh vui ngũ dục, dạo thành gặp người già, bệnh, chết cùng vị Sa môn, rồi vượt thành xuất gia hành đạo. Mọi người đều cho rằng Thái Tử Sĩ Đạt Đa mới xuất gia. Nhưng từ vô lượng kiếp Như-Lai đã xuất gia hành đạo rồi.

Thị hiện thọ giới cụ túc, tinh tấn hành đạo, chứng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán. Mọi người thấy vậy đều nói quả A La Hán dễ được không khó. Nhưng từ vô lượng kiếp Như-Lai đã thành tựu quả A La Hán rồi.

Vì muốn độ thoát mọi loài chúng sanh, mà thị hiện trải cỏ làm tòa, ngồi nơi đạo tràng dưới cội Bồ Đề hàng phục Ma quân. Đại chúng đều cho rằng Như-Lai mới thành đạo, hàng phục Ma quân. Nhưng từ vô lượng kiếp Như-Lai đã hàng phục Ma quân rồi. Vì muốn hàng phục chúng sanh càng cường nên thị hiện như vậy.

Như-Lai lại thị hiện đại tiện, tiểu tiện, thở ra, hít vào. Mọi người đều cho rằng Như-Lai có đại tiện, tiểu tiện và thở. Kỳ thật thân của Như-Lai đây đều không có những việc ấy, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Lại thị hiện thọ thực phẩm của người dưng cúng, nhưng thật ra thân của Như-Lai đều không có sự đói khát. Lại thị hiện ngủ nghỉ đồng như chúng sanh, nhưng từ vô lượng kiếp, Như-Lai đầy đủ trí huệ thâm diệu, xa lìa tất cả những sự thế gian như đi, đứng, nằm, ngồi, đau đầu, đau bụng, đau lưng, rửa tay, rửa mặt, súc miệng v.v... mọi người đều cho rằng Như-Lai có các oai nghi như vậy. Nhưng thân của Như-Lai đều không có những sự ấy, tay chân trong sạch như hoa sen, hơi miệng thơm sạch như mùi thơm hoa ưu-bát-la.

Đại chúng cho rằng Như-Lai là nhân loại, mà thật thời Như-Lai không phải nhân loại.

Lại thị hiện nhận lấy y phần tảo, giặt giũ may nhuộm, nhưng từ lâu Như-Lai chẳng cần đến cái y ấy.

Này Ca Diếp! Dầu Như-Lai luôn thị hiện nhập Niết-bàn tại Diêm Phù Đề này. Kỳ thật Như-Lai chẳng rớt ráo nhập Niết-bàn, mà chúng sanh cho rằng Như-Lai thật diệt độ. Phải biết tánh Như-Lai thật chẳng diệt hẳn, là pháp thường trụ, là pháp không biến đổi.

Này Ca Diếp! Đại Niết bàn là pháp giới của chư Phật Như-Lai.

Như-Lai thị hiện ra đời thành Phật, chúng sanh đều nói Như-Lai mới thành Phật; nhưng thật ra Như-Lai chỗ làm đã xong từ vô lượng kiếp rồi, vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Này Ca Diếp! Ở Diêm Phù Đề có lúc Như-Lai thị hiện chẳng giữ giới cấm, phạm tứ trọng tội, nhưng từ vô lượng kiếp Như-Lai giữ chặt cấm giới chẳng một mảy thiếu sót.

Có lúc thị hiện làm gã nhất-xiển-đề, nhưng thật ra không phải nhất-xiển-đề. Làm gì có nhất-xiển-đề mà thành bậc Vô thượng Chánh giác!

Có lúc thị hiện phá hòa hiệp Tăng, có lúc thị hiện hộ

trì chánh pháp, mọi người đều kinh quái.

Có lúc thị hiện làm Ma vương Ba tuần, nhưng từ vô lượng kiếp, Như-Lai đã lìa ma sự, trong sạch không nhiễm như hoa sen.

Có lúc thị hiện thân gái thành Phật, mọi người đều nói, rất lạ cho người nữ mà có thể thành Phật. Phải biết Như-Lai trọn hẳn không thọ thân gái, vì muốn điều phục vô lượng chúng sanh nên hiện thân gái. Và cũng vì thương xót chúng sanh mà hiện nhiều thứ thân, cho đến hiện thân A Tu La, Súc Sanh, Nga Quỷ, Địa Ngục, để độ chúng sanh trong các loài ấy.

Lại thị hiện làm Phạm Thiên Vương để cho người thờ Phạm Thiên vào trong chánh pháp, nhấn đến thị hiện các thân trời khắp các miếu trời cũng vì mục đích ấy. Nhưng thật ra Như-Lai không phải Phạm Thiên, không phải thân trời.

Có lúc thị hiện vào nhà gái dâm, nhưng Như-Lai thật không có niệm dục, lòng Như-Lai trong sạch không nhiễm ô như hoa sen, vào đây để tuyên thuyết diệu pháp cho hạng người say mê sắc dục.

Lại thị hiện vào nhà thanh y, để giáo hóa hạng nô tỳ

cho chúng nó được trụ nơi chánh pháp.

Lại thị hiện làm bác sĩ để dạy học trò, thị hiện chơi bài bạc để độ hạng người bài bạc, thị hiện thân chim thú để độ loài thú, lại thị hiện làm Trưởng giả để an lập mọi người trụ nơi chánh pháp, thị hiện làm vua, làm quan, để dìu dắt nhân dân tu chánh pháp.

Lại thị hiện tạt dịch (42) tại nơi Diêm Phù đề, rồi trước thí thuốc cho bệnh nhân, sau giảng dạy đạo pháp. Lại thị hiện cơ cần tai, trước bố thí cơm áo, sau tuyên truyền diệu pháp. Lại thị hiện đao binh tai, rồi thuyết diệu pháp cho mọi người bỏ lòng oán hận.

Lại thị hiện vì hạng chấp thường mà giảng pháp vô thường, vì hạng chấp lạc mà giảng pháp khổ, vì hạng chấp ngã mà giảng pháp vô ngã, vì hạng chấp tịnh mà giảng pháp bất tịnh. Vì người tham chấp ba cõi, mà thuyết pháp cho họ xa lìa ba cõi, vì độ chúng sanh mà tuyên thuyết diệu pháp Vô Thượng, trồng cây pháp dược Vô Thượng để thay cây phiền não, diễn nói chánh pháp để cứu bọn ngoại đạo tà kiến. Dầu thị hiện làm thầy chúng sanh, nhưng Như-Lai trọn không có quan niệm là Thầy.

Đức Như-Lai chánh giác an trụ Đại Bát Niết-bàn như

vậy, nên gọi là thường trụ không biến đổi.

Cũng như thị hiện ở Diêm Phù Đề, ở Đông Thắng Thần Châu, Tây Ngu Hóa Châu, Bắc Cu Lô Châu, nhân đến ở khắp cõi đại thiên, Như-Lai đều thị hiện như vậy. Như kinh Thủ Lăng Nghiêm đã nói rộng. Vì lẽ ấy nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.

Nếu có vị đại Bồ Tát an trụ Đại Bát Niết-bàn như vậy, thời có thể thị hiện vô lượng thân thông biến hóa như trên, mà trọn không có chút chướng ngại cùng e sợ.

Này Ca Diếp! Do nhân duyên trên đây, ông chẳng nên nói rằng La Hâu La là con trai của Phật, vì từ vô lượng kiếp Như-Lai đã lìa hẳn dục nhiễm, nên Như-Lai gọi là thường trụ không biến đổi”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Như lời Phật nói: như ngọn đèn đã tắt thời không có phương sở. Cũng vậy, Như-Lai diệt độ rồi thời không phương sở. Thế nào Như-Lai gọi là thường trụ?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ví như người đời thắp đèn dầu, theo số dầu còn thời ngọn đèn còn cháy, khi dầu hết thời ngọn đèn tắt, ngọn đèn tắt dụ cho lửa phiền não dứt. Ngọn đèn tắt mà bình đèn vẫn còn. Cũng vậy, phiền não

dầu dứt mà Như-Lai pháp thân thường còn.

Này Ca Diếp! Ngọn đèn cùng bình đèn có cùng tắt dứt cả không?”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! không ạ! Tuy không cùng tắt dứt cả, nhưng là vô thường. Nếu đem pháp thân dụ với bình đèn, thời pháp thân cũng vô thường”.

Phật nói: “Này Ca Diếp! Ông không nên nạn như vậy. Đồ vật thế gian là vô thường, Như-Lai không phải vô thường. Trong tất cả pháp Niết-bàn là thường, Như-Lai tức Niết-bàn nên gọi là thường.

Này Ca Diếp! Nói đèn tắt đó, là nói Niết-bàn của bậc A La Hán chứng, vì A La Hán dứt tham ái phiền não nên dụ như đèn tắt. Bậc A Na Hàm gọi là có tham, vì có tham nên chẳng được gọi là đồng với đèn tắt. Do nghĩa ấy nên ngày trước Như-Lai nói dụ như đèn tắt, chớ chẳng phải Đại Niết-bàn đồng với đèn tắt. Bậc A Na Hàm chẳng còn lại thọ thân trong ba cõi nữa, chẳng còn lại thọ thân hôi nhơ, thân trùng, thân ăn uống, thân độc khổ, nên gọi là A Na Hàm. Nếu còn thọ thân thời gọi là Na Hàm, không còn thọ thân mới gọi là A Na Hàm. Nếu còn khứ lai thời gọi là Na Hàm, không còn khứ lai mới gọi là A Na Hàm.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Như lời Phật dạy “Chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật!” Nghĩa này không phải. Vì chư Phật Thế Tôn chỉ có mật ngữ mà không có mật tạng. Như nhà ảo thuật điều khiển người máy. Mọi người đều thấy người máy co duỗi, cúi ngửa, nhưng chẳng biết bộ phận ở trong thế nào. Phật pháp không phải như vậy, Phật pháp làm cho chúng sanh đều hiểu đều biết. Thế sao lại bảo rằng chư Phật Thế Tôn có tạng bí mật?”

Phật khen: “Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông vừa nói. Như-Lai thật không có tạng bí mật. Như trăng tròn giữa đêm thu, trời trong không mây mù, mọi người ai cũng thấy rõ vàng trắng sáng. Lời của Như-Lai cũng khai phát hiển lộ rõ ràng, kẻ ngu kia tự không hiểu rồi cho là tạng bí mật. Người trí suốt thấu thời không gọi là tạng.

Này Ca Diếp! Ví như có người để dành vàng bạc đến số ức triệu, vì lòng bòn xén nên chẳng ban ơn bố thí cho kẻ nghèo cùng, chứa của như vậy mới gọi là giấu kín. Như-Lai thời không phải thế, từ vô lượng kiếp chứa đê vô lượng diệu pháp, lòng không bòn xén, thường đem ban bố cho mọi loài chúng sanh, đâu có thể gọi là Như-

Lai bí tạng được.

Như có người tật nguyên, hoặc một mắt, cụt tay, què chân, vì hổ thẹn mà không cho người thấy, vì thế nên gọi là núp kín. Như-Lai thời không phải thế, bao nhiêu chánh pháp đầy đủ không thiếu đều cho người thấy cả nên pháp của Như-Lai không gọi là bí tạng được.

Như người nghèo thiếu nợ nhiều, vì sợ chủ nợ đòi mà ẩn trốn, nên gọi là trốn kín. Như-Lai thời không phải thế, Như-Lai không có nợ chúng sanh về pháp thế gian. Dầu đối với chúng sanh có nợ xuất thế, nhưng cũng chẳng ẩn mặt, vì Như-Lai luôn xem chúng sanh như con đẻ, mà thường diễn thuyết pháp nghĩa Vô Thượng.

Như Trưởng giả giàu có nhiều của, chỉ có một người con trai, Trưởng giả rất mến yêu con, bao nhiêu tiền của châu báu đều chỉ cho con biết. Cũng vậy, Như-Lai xem chúng sanh đồng là con một.

Như người đời vì nam căn, nữ căn (43) xấu xí nên dùng y phục để che đậy nên gọi là phúc tàng. Như-Lai không phải thế, đã dứt hẳn thứ căn ấy, vì không căn nên không chỗ phúc tàng.

Như dòng Bà La Môn có những điều luận nói, trọn

không muốn cho người trong dòng Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà (44) nghe biết, vì trong các luận điều của họ có chỗ lỗi ác. Chánh pháp của Như-Lai thời không phải như vậy, tất cả đều là lành là phải, vì thế nên chẳng được gọi là bí tạng.

Như Trưởng giả (45) rất cưng yêu đứa con trai một, dắt đến nhà trường ý muốn cho học, sau vì sợ con không được mau thành tài nên lại dắt về. Vì thương con nên Trưởng giả ngày đêm ân cần dạy cho nó về bán tự, mà không dạy luận Tỳ Già La, vì nó còn nhỏ tuổi quá, chưa đủ sức học.

Này Ca Diếp! Giả sử Trưởng giả dạy về bán tự xong, đứa con trai ấy có thể liền đặng hiểu biết luận Tỳ Già La không?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Không”.

Phật hỏi: “Như vậy Trưởng giả có bí tàng (*giấu kín*) đối với con của ông không?”

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Không”. Vì đứa con còn thơ ấu, nên Trưởng giả không dạy, chớ chẳng phải vì bí tàng lẫn tiếc mà không dạy. Nếu có lòng tật đố lẫn tiếc mới gọi là giấu kín (bí tạng). Như-Lai

không như vậy, sao lại gọi là Như-Lai bí tàng được”.

Phật nói: “Lành thay! Lành thay! Đúng như lời ông nói. Nếu có lòng tật đố giận hờn lẫn tiếc mới gọi là bí tàng. Như-Lai không có những lòng quấy ấy đâu gọi là bí tàng được.

Này Ca Diếp! Ông Trưởng giả trên kia là chỉ cho Như-Lai, đứa con trai một của ông là chỉ cho tất cả chúng sanh. Như-Lai xem tất cả chúng sanh như con một. Dạy con trai một là nói hàng Thanh văn đệ tử. Còn bán tự (46) đó là nói chín bộ kinh Tiểu Thừa. Luận Tỳ Già La là nói về kinh điển Phương Đẳng (47) Đại Thừa. Vì hàng Thanh văn không đủ sức trí huệ nên Như-Lai dạy cho họ bán tự chín bộ kinh điển mà chẳng dạy luận Tỳ Già La kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa.

Này Ca Diếp! Như đứa con trai kia tuổi đã lớn, đủ sức học tập, mà Trưởng giả không dạy luận Tỳ Già La mới có thể gọi Trưởng giả là bí tàng. Nếu hàng Thanh văn (48) đủ sức lãnh thọ Đại Thừa mà Như-Lai lẫn tiếc không dạy, mới có thể gọi Như-Lai có tạng bí mật. Nhưng thật ra Như-Lai không phải như vậy, nên Như-Lai không có bí tàng.

Như Trưởng giả sau khi dạy bán tự xong, kể vì con

mà diễn nói luận Tỳ Già La. Cũng vậy, Như-Lai vì các đệ tử giảng nói bán tự chín phần kinh xong, kể vì giảng nói luận Tỳ Già La Phương Đẳng Đại Thừa, chính là diệu lý Như-Lai thường còn không biến đổi.

Này Ca Diếp! Như tháng mùa hạ, kéo mây nổi sấm xối mưa lớn, khiến nhà nông cày cấy đặng mùa. Người không gieo trồng thời không chỗ được, chẳng phải lỗi của Long Vương, mà Long Vương cũng không chỗ tiếc giầu. Như-Lai đây cũng như vậy, xối mưa pháp lớn: Kinh Đại Niết Bàn. Nếu các chúng sanh gieo hạt lành thời được mầm trái trí huệ. Nếu không gieo hạt lành thời không chỗ được. Đây không phải là lỗi ở Như-Lai, mà Phật Như-Lai cũng không chỗ bí tàng”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Nay con quyết định rõ biết Như-Lai không chỗ bí tàng. Như lời Phật nói: “Luận Tỳ Già La là nói Phật Như-Lai thường còn không biến đổi”. Nghĩa đây không phải. Vì sao? Vì ngày trước Phật có nói kệ:

Chư Phật cùng Duyên giác

Nhẫn đến chúng đệ tử

Còn bỏ thân vô thường

Huông là hạng phàm phu.

Nay Phật nói là thường còn không biến đổi, nghĩa đây như thế nào?

Phật dạy: “Này Ca Diếp! Như-Lai vì hàng Thanh văn đệ tử mà dạy về bán tự nên nói bài kệ vô thường ấy.

Này Ca Diếp! Xưa kia, vì mẹ chết nên vua Ba Tư Nặc rất thương nhớ buồn khổ, đến thăm Như-Lai. Như-Lai liền hỏi có sao nhà vua lại quá buồn khổ như vậy? - Vua đáp: “Bạch Thế Tôn ! Hôm nay Thái Hậu thăng hà. Giả sử có người nào làm cho mẹ tôi sống lại, tôi sẽ nhường ngôi và đem của tiền châu báu cùng thân này để thưởng tặng cho người ấy sử dụng.

Như-Lai khuyên: “Này Đại Vương! Nhà vua chớ nên quá sầu khổ. Tất cả chúng sanh hễ thọ mạng hết gọi là chết. Chư Phật, Duyên giác, Thanh văn còn bỏ thân này, huông là phàm phu!”.

Này Ca Diếp! Vì dạy bán tự cho vua Ba Tư Nặc nên Như-Lai nói bài kệ ấy.

Nay Như-Lai vì các hàng Thanh văn đệ tử giảng nói luận Tỳ Già La, tức là Như-Lai thường còn không biến đổi”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật:

“Như lời Phật dạy:

Không chỗ chứa nhóm

Nơi ăn biết đủ

Như chim bay không

Dấu không thể tìm”.

Bạch Thế Tôn, những nghĩa này là thế nào? Trong chúng hội đây ai được gọi là không chỗ chứa nhóm? Ai được gọi là nơi ăn biết đủ? Ai đi nơi hư không chẳng thể tìm dấu? Mà sự đi này là đến phương nào?

Phật dạy: “Luận về chứa nhóm là nói về của báu.

Này Ca Diếp! Chứa nhóm có hai thứ: một là hữu vi, hai là vô vi. Chứa nhóm hữu vi là hạnh Thanh văn, chứa nhóm vô vi là hạnh Như-Lai.

Này Ca Diếp! Tăng cũng [có] hai hạng: một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Tăng gọi là hàng Thanh văn. Thanh văn Tăng không có chứa nhóm những tội tứ đồ vật phi pháp, kho đụn lúa gạo, muối, mè, đậu, bắp. Nếu có người nói Như-Lai cho chứa tội tứ các đồ vật như vậy, người ấy sẽ bị báo rút lưỡi. Hàng Thanh văn đệ tử của

Như-Lai gọi là không chứa nhóm, cũng được gọi là nơi ăn biết đủ. Nếu có tham ăn gọi là chẳng biết đủ.

Người khó tìm dấu thời là bậc gần đạo Vô thượng Bồ-đề. Như-Lai nói người này dấu đi mà không chỗ đến”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Hàng hữu vi Tăng còn không chứa nhóm huống là vô vi Tăng. Vô vi Tăng chính là Như-Lai. Thế sao Như-Lai phải có chứa nhóm. Và chứa nhóm đó gọi là cát giấu. Thế nên Như-Lai phàm có nói ra đều không lẫn tiếc, thế nào gọi là giấu cát?”

Không thể tìm ra dấu vết đó, gọi là Niết-bàn. Trong Niết-bàn không có mặt trời, mặt trăng, tinh tú, lạnh nóng gió mưa, sanh già bệnh chết, hai mươi lăm cõi, lìa các sự lo khổ và các phiền não. Niết bàn như vậy là chỗ Như-Lai ở thường không biến đổi. Vì nhân duyên ấy, Như-Lai đến trong rừng Ta La nơi Đại Niết-bàn mà nhập Đại Niết-bàn”.

Phật nói: “Này Ca Diếp! Chử Đại đó tánh ấy rộng lớn. Như người sống lâu vô lượng tuổi thời gọi là đại trượng phu. Người này nếu có thể an trụ nơi chánh pháp thời gọi là bậc siêu thăng trong loài người. Như tám điều giác ngộ của bậc đại nhân mà Như-Lai đã dạy, là một người có đủ hay nhiều người có đủ. Nếu một người đủ

cả tám, thời là rất siêu thắng. Nói rằng Niết-bàn đó, không có tỳ vết.

Này Ca Diếp! Như người bị xưỡng (*trúng*) tên độc đau nhức lắm, gặp được lương y nhỏ tên độc ra rồi truyền cho thuốc hay, người ấy hết đau nhức được an vui. Vị lương y này liền đi nơi thành ấp và các xóm làng, hễ chỗ nào có người bị thương đau khổ liền đến điều trị.

Cũng vậy, Như-Lai thành bậc Đẳng Chánh Giác làm vị đại Y Vương, thấy chúng sanh khổ não nơi Diêm Phù Đề, từ vô lượng kiếp bị tên độc phiền não, dâm nộ, si làm đau nhức, bèn nói kinh Đại Thừa cam lộ pháp dược. Điều trị nơi đây rồi, Như-Lai lại đến xứ khác, nơi có tên độc phiền não, thị hiện làm Phật để điều trị. Thế nên gọi là Đại Bát Niết-bàn.

Đại bát Niết Bàn đó gọi là chỗ giải thoát. Tùy nơi nào có chúng sanh đáng được điều phục, thời Như-Lai ở trong ấy mà thị hiện. Vì nghĩa chân thật thậm thâm này nên gọi là Đại Bát Niết-bàn”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn! Y sư trong đời có thể điều trị thương tích cho tất cả chúng sanh chăng?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Thương tích của người đời phàm có hai thứ: một là bệnh có thể trị, hai là bệnh không thể trị. Bệnh có thể trị thời y sư trị được, còn bệnh không thể trị thời y sư không trị được”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Cứ như lời Phật dạy, thời Như-Lai đã trị bệnh cho chúng sanh nơi Diêm Phù Đề này rồi. Nếu nói đã trị rồi, sao nơi đây còn có chúng sanh chưa được Niết-bàn? Nếu chưa được Niết-bàn cả, sao Như-Lai nói rằng điều trị đã xong mà muốn đến xứ khác?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Chúng sanh trong Diêm Phù Đề này có hai hạng: một hạng tin và một hạng không tin. Hạng có lòng tin thời gọi là trị được, vì sẽ không phiền não quyết định được Niết-bàn, thế nên Như-Lai nói trị chúng sanh nơi Diêm Phù Đề rồi. Hạng không lòng tin gọi là Nhất-xiển-đề. Hạng Nhất-xiển-đề gọi là không trị được. Trừ hạng Nhất-xiển-đề, ngoài ra đều đã trị xong, thế nên Niết-bàn gọi là không thương tích”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Bạch Thế Tôn! Những gì gọi là Niết-bàn?”

Phật nói: “Này Ca Diếp! Niết bàn đó, gọi là giải thoát”.

- Bạch Thế Tôn! Chỗ nói giải thoát, là sắc hay chẳng phải sắc?

- Này Ca Diếp! Hoặc là sắc, hoặc là chẳng phải sắc. Thanh văn, Duyên giác giải thoát là không phải sắc. Chư Phật Như-Lai giải thoát là sắc.

- Này Ca Diếp! Thế nên giải thoát cũng sắc, cũng chẳng phải sắc. Như-Lai vì hàng Thanh văn đệ tử nói là chẳng phải sắc.

- Bạch Thế Tôn! Thanh văn Duyên giác nếu chẳng phải sắc thì thế nào được trụ?

- Này Ca Diếp! Như trời Phi Tướng phi Phi Tướng cũng là sắc chẳng phải sắc, Như-Lai cũng nói là chẳng phải sắc. Như có người nạn rằng Trời Phi Tướng phi Phi Tướng nếu chẳng phải sắc thì thế nào được trụ, đi lại, cử động? Những nghĩa này là cảnh giới của chư Phật. Chẳng phải Thanh văn Duyên giác biết được. Giải thoát cũng vậy, là sắc chẳng phải sắc nói là chẳng phải sắc, cũng là tướng chẳng phải tướng nói là chẳng phải tướng. Những nghĩa như vậy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải hàng Thanh văn Duyên giác biết được.

Bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật rằng: “Ngửa

mong đức Thế Tôn thương xót nói rộng lại những nghĩa hạnh Đại Niết-bàn giải thoát”.

Phật khen: “Lành thay! Lành thay! Này Ca Diếp! Người chân giải thoát gọi là xa lìa tất cả hệ phược. Nếu chân giải thoát lìa các hệ phược thì không có sanh cũng không hòa hiệp. Ví như cha mẹ hòa hiệp sanh ra con. Người chân giải thoát thì không phải như vậy, thế nên giải thoát gọi rằng chẳng sanh.

Này Ca Diếp! Như đề hồ, tánh nó thanh tịnh. Cũng vậy, Như-Lai chẳng phải nhân cha mẹ hòa hiệp mà sanh, tánh Như-Lai thanh tịnh, sở dĩ thị hiện có cha mẹ là vì muốn hóa độ các chúng sanh. Người chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai cùng giải thoát không hai không khác.

Ví như tháng mùa xuân gieo các hạt giống, đặng hơi ẩm ướt liền mọc mầm lên cây. Người chân giải thoát thì chẳng như vậy.

Lại giải thoát gọi là hư vô. Hư vô tức là giải thoát, giải thoát tức là Như-Lai, Như-Lai tức là hư vô, chẳng phải năng tác sở tác. Phàm là tác giả dường như thành quách lầu nhà để ngăn kẻ địch, chân giải thoát thì chẳng như vậy. Thế nên giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát tức là pháp vô vi. Ví như thợ gốm làm đồ rồi lại bị bể. Giải thoát chẳng như vậy. Chân thật giải thoát chẳng sanh chẳng diệt. Thế nên giải thoát tức là Như-Lai. Cũng vậy, Như-Lai bất sanh bất diệt, chẳng già, chẳng chết, chẳng hư chẳng hoại, chẳng phải pháp hữu vi. Do những nghĩa này nên gọi Như-Lai nhập Đại Niết-bàn.

Già là dòi dôi, tóc bạc, mặt nhăn, chết là thân hư mạng hết, trong giải thoát không hai thứ này. Vì không già chết nên gọi giải thoát. Như-Lai cũng không tóc bạc mặt nhăn các pháp hữu vi dòi dôi, thế nên Như-Lai không có già. Không có già thì không có chết.

Lại giải thoát gọi rằng không bệnh. Bệnh là bốn trăm lẻ bốn bệnh và các thứ bệnh ở ngoài đến xâm tổn nơi thân. Nơi đây không có các bệnh ấy nên gọi là giải thoát. Không tật bệnh là chân thật giải thoát, chân thật giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai không bệnh cho nên pháp thân cũng không có bệnh. Không bệnh như vậy tức là Như-Lai.

Chết là thân hư mạng hết. Nơi đây không chết tức là cam lộ. Cam lộ này là chân thật giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như-Lai thành tựu công đức như vậy, thế sao lại nói Như-Lai vô thường? Không có lẽ gì nói Như-Lai là vô thường được. Là thân Kim Cang thế nào vô thường! Thế nên Như-Lai không gọi là chết.

Như-Lai thanh tịnh không có cấu nhơ. Thân Như-Lai chẳng bị nhơ nhớp trong thai, như hoa sen trắng bồng tánh trong sạch. Như-Lai giải thoát cũng lại như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Thế nên Như-Lai thanh tịnh không cấu nhơ.

Lại giải thoát trọn không còn sót thừa những phiền não lỗi lầm. Cũng vậy, Như-Lai không có tất cả phiền não lỗi lầm.

Lại giải thoát không có đấu tranh. Ví như người đói, thấy kẻ khác ăn uống thì sanh lòng tham đoạt. Giải thoát không phải như vậy.

Lại giải thoát gọi là an tịnh. Người phàm tục cho rằng an tịnh là Đại Tự Tại thiên, đây là lời hư vọng. Chân thật an tịnh là rốt ráo giải thoát, rốt ráo giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát tức là an ổn. Như chỗ nhiều giặc cướp chẳng gọi là an ổn. Nơi thanh bình mới gọi là an ổn.

Trong giải thoát không có bổ úy nên gọi là an ổn. Thế nên an ổn tức là chân thật giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát không có bạn đồng hàng. Có bạn đồng hàng như quốc vương có các lân quốc. Không bạn đồng hàng như Chuyển Luân Thánh Vương không có vua nào đứng ngang hàng. Cũng vậy, giải thoát không có đồng hàng. Không có đồng hàng là chân giải thoát. Chân giải thoát là Như-Lai Chuyển Pháp Luân Vương. Thế nên Như-Lai không bạn đồng hàng.

Lại giải thoát không ưu sầu. Có ưu sầu như Quốc Vương sợ nước láng giềng mạnh nên ưu sầu. Giải thoát không như vậy. Như phá được oán địch thời không còn lo sợ nữa. Cũng vậy, giải thoát không có lo sợ, không lo sợ tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là không lo mừng. Ví như người đàn bà chỉ có một đứa con trai, có việc xa nhà, thoát có tin con bị nạn chết thời rất sầu khổ, về sau lại nghe rằng còn sống thời rất vui mừng. Trong giải thoát không có sự lo mừng như vậy. Không lo mừng là chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát không có bụi nhơ. Như tháng mùa xuân

sau khi mặt trời lặn, gió nổi bụi mù. Trong giải thoát không có việc ấy. Không bụi mù dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như viên minh châu trong búi tóc của Thánh-Vương không có như bọt. Tánh giải thoát cũng không như bọt. Không như bọt dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như chất vàng không lộn cát đá mới gọi là vàng ròng, ai được vàng ròng thời tự biết là mình có của.

Cũng vậy, tánh giải thoát như chất vàng ròng. Vàng ròng kia dụ cho chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như bình sành bị bể, tiếng nghe lạch cạch. Bình bằng kim cương bửu thời chẳng như vậy. Giải thoát cũng không diếc (*có tiếng*) bể. Bình báu kim cương dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai. Thế nên thân Như-Lai không hư hoại.

Tiếng lạch cạch như hột đu đủ dầu phơi trong nắng, nổ tiếng lạch cạch. Giải thoát không có như vậy. Như bình báu kim cương không có tiếng bể lạch cạch. Giả sử trăm ngàn người, cùng đua nhau bắn, không ai làm bể

được. Không tiếng bẻ lạch cạch dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Như người nghèo thiếu nợ, bị chủ nợ đòi hỏi kiện thưa, gông cùm trói nhốt. Trong giải thoát không có các việc ấy. Như Trưởng giả giàu lớn có vô số vàng bạc châu báu, thế lực tự tại, chẳng mang nợ ai. Giải thoát cũng như vậy, chứa vô lượng của pháp bảo, thế lực tự tại, không có nợ thiếu. Không nợ thiếu dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại chân giải thoát gọi rằng không bức ngặt. Như mùa xuân làn nóng, mùa hạ oi bức, mùa đông rét lạnh. Trong chân giải thoát không có những sự chẳng vừa ý như vậy. Không bức ngặt dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Ví như người ăn cá đã no mà lại uống sữa, người này thời là gần sự chết. Trong chân giải thoát không có sự như vậy. Người này nếu được thuốc hay cam lồ thời được khỏi bệnh. Chân giải thoát cũng như vậy. Thuốc hay cam lồ dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Thế nào là bức ngặt và không bức ngặt ? Như người phàm ngã-mạn tự cao cho rằng không ai hại được mình, bèn ở chung với rắn cạp độc trùng, nên biết người này sẽ

bị hoạnh tử. Đây là bức ngặt. Trong chân giải thoát không có việc như vậy.

Không bị bức ngặt là như thần châu của vua Chuyển Luân trừ được chín mươi sáu thứ độc trùng, ai nghe được thần châu này thời các thứ độc đều tiêu diệt. Chân giải thoát cũng lại như vậy xa lìa cả hai mươi lăm cõi. Tiêu độc dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại không bức ngặt như hư không. Giải thoát cũng vậy. Hư không kia dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại bức ngặt như gần cỏ khô mà đốt đèn lửa thời bị cháy lan. Trong chân giải thoát không có sự như vậy.

Lại không bức ngặt, ví như mặt trời mặt trăng không bức chúng sanh. Cũng vậy, giải thoát không bức chúng sanh. Không bức ngặt đây dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp vô-động, vô-động là không oan không thân. Như vua Chuyển-Luân-Vương không có vị Thánh vương khác để làm thân hữu. Giải thoát cũng vậy. Thánh vương không thân hữu dụ cho chân giải thoát.

Chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Như áo trắng dễ nhuộm màu. Giải thoát không như vậy, nên giải thoát là vô-động.

Như hoa bà-sur, muốn có mùi hôi và màu xanh thời không thể được. Cũng vậy, muốn trong giải thoát có mùi hôi và có các màu thời không thể được, nên giải thoát là pháp vô-động. Giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là hy hữu. Như trong nước mọc hoa sen thời không phải hy hữu. Trong lửa mọc hoa sen mới là hy hữu, ai thấy cũng đều vui mừng. Cũng vậy, ai được thấy chân giải thoát cũng đều vui mừng.

Hy hữu kia dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai, Như-Lai tức là Pháp thân.

Như trẻ nít chưa mọc răng, khôn lớn lần răng mới mọc. Giải thoát chẳng phải vậy. Không có sanh cùng bất sanh.

Lại giải thoát gọi là hư-tịch, vô-hữu, bất-định. Bất-định là như hạng Nhất-xiên-đề không phải rất ráo chẳng dòi, như người phạm tội trọng, không phải rất ráo chẳng thành Phật. Nếu có lòng tin trong sạch ở nơi chánh pháp, hoặc được làm Ưu-Bà-Tắc thời diệt Nhất-xiên-đề. Còn

người phạm tội trọng, khi diệt tội ấy thời được thành Phật. Nếu nói là rốt ráo không dòi, rốt ráo chẳng thành Phật-đạo thời là không đúng.

Trong chân giải thoát đều không có sự diệt tận như vậy.

Lại hư-tịch thuộc về pháp-giới, như pháp-giới tánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại Nhất-xiên-đề nếu diệt tận thời chẳng được gọi là Nhất-xiên-đề. Những gì gọi là Nhất-xiên-đề. Hạng Nhất-xiên-đề đoạn diệt tất cả căn lành, tâm họ không vin níu tất cả pháp lành, nhẫn đến không sanh một niệm lành. Trong chân giải thoát đều không có sự như vậy. Không các việc ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể lường được. Ví như đồng thóc, có thể biết số cân lượng. Chân giải thoát thời chẳng như vậy. Ví như biển lớn thời không thể đo lường được. Cũng vậy, giải thoát không thể đo lường. Không thể đo lường là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô-lượng pháp. Như một chúng

sanh có nhiều nghiệp báo. Cũng vậy, giải thoát có vô lượng quả báo. Vô lượng quả báo là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là rộng lớn. Như biển lớn không gì sánh bằng. Cũng vậy, giải thoát không gì sánh bằng. Không gì sánh bằng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tối thượng, như hư không cao hơn cả không gì sánh. Cũng vậy, giải thoát cao hơn cả không gì sánh. Cao không gì sánh tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không gì qua. Ví như chỗ ở của sư tử, các loài thú không con nào qua được. Cũng vậy, giải thoát không gì qua được là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là Vô Thượng. Như phương Bắc là trên cả các phương. Cũng vậy, giải thoát là không còn gì trên. Không gì trên là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô-thượng-thượng. Như phương Bắc qua nơi phương Đông là vô-thượng-thượng. Cũng

vậy, giải thoát là vô-thượng-thượng. Vô-thượng-thượng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp hằng. Như thân của Trời người chết, đây gọi là hằng, chẳng phải không hằng. Cũng vậy, giải thoát chẳng phải không hằng. Chẳng phải không hằng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng chắc. Như Khur-đà-la chiêm-đàn trầm-thủy, tánh của nó cứng chắc. Cũng vậy, tánh của giải thoát cứng chắc. Tánh cứng chắc tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không rỗng bộng. Như thân cây tre lau rỗng bộng. Giải thoát không phải như vậy, nên biết giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không ở được. Như tường vách khi chưa sơn phết thời ruồi muỗi đáp đậu trên đó, lúc sơn phết rồi, côn trùng nghe mùi sơn bèn không đến đậu ở. Không ở như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vô biên. Ví như tụ-lạc đều có biên giới. Giải thoát không phải như vậy, không có biên-

tế như hư không. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể thấy. Ví như khó thấy dấu chim bay trên hư không, khó thấy như vậy dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thậm thâm. Vì hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác không thể vào được. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại thậm thâm đó là chỗ cung kính của Phật và Bồ-Tát. Ví như hiếu tử cúng dường cha mẹ công đức rất sâu. Công đức rất sâu, dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thấy được. Như người đời không thấy được đỉnh đầu của mình. Cũng vậy, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác không thấy được giải thoát. Chân giải thoát đây tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không nhà cửa. Ví như hư không, không có nhà cửa. Nói nhà cửa là dụ cho hai mươi lăm cõi. Không nhà cửa dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng thể nắm lấy. Như trái a-ma-lặc, người nắm lấy được. Giải thoát không thể nắm

lấy. Không thể nắm lấy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không thể cầm. Ví như vật huyền không thể cầm. Không thể cầm là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát không có thân thể. Ví như thân người sanh các thứ ghẻ lác, ung nhọt, điên cuồng, gầy ốm. Trong chân giải thoát không có những bệnh như vậy. Không bệnh dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là một vị. Như sữa có một vị. Một vị như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thanh tịnh. Như nước không bùn đứng lặn trong sạch. Đứng lặn trong sạch là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là nhất vị thanh-tịnh. Như giọt mưa nơi hư không nhất vị thanh-tịnh. Nhất vị thanh-tịnh dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là trừ dục. Ví như trăng tròn không mây mù. Không mây mù là chân giải thoát. Chân giải

thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch-tịnh. Ví như người mang bệnh nóng khi được lành mạnh thì thân tịch-tịnh. Giải thoát cũng vậy, thân được tịch-tịnh. Thân được tịch-tịnh tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát tức là bình đẳng. Ví như ruộng hoang, loài rắn độc, lang sói đều có tâm sát hại. Giải thoát không như vậy, không có tâm sát hại. Không tâm sát hại là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại bình đẳng đó, như lòng bình đẳng của cha mẹ đối với các con. Giải thoát cũng vậy, tâm ấy bình đẳng. Tâm bình đẳng tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không chỗ khác. Ví như có người chỉ ở nơi tòa nhà cao đẹp sạch sẽ, không có chỗ ở nào khác. Giải thoát cũng vậy, không có chỗ nào khác. Không chỗ nào khác là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tri-túc. Ví như người đói gặp được món ăn ngon thì ăn mãi không nhàm. Giải thoát không phải như vậy. Như ăn cháo sữa thì không cần

món gì nữa. Không cần món gì dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tuyệt. Như người bị trói đứt dây được thoát khỏi. Cũng vậy, giải thoát đứt đứt tất cả sự trói buộc của lòng nghi ngờ. Đoạn nghi như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đến bờ kia. Ví như con sông lớn có bờ bên này bờ bên kia. Giải thoát không như vậy. Dầu không bờ bên này mà có bờ bên kia. Có bờ bên kia đó là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là im lặng, không phải như biển lớn vang tiếng ồ-ạt của thủy triều. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là mỹ-diệu. Ví như các thứ thuốc trộn với trái A-lê-lặc thời có vị đắng. Giải thoát không như vậy, vị như cam lồ. Vị như cam lồ dụ cho chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát trừ các phiền não. Ví như lương y hòa hiệp các thứ thuốc trị lành các bệnh tật. Cũng vậy, giải thoát trừ được các phiền não. Trừ phiền não tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không hẹp. Ví như căn nhà nhỏ không dung được nhiều người. Giải thoát không phải như vậy, dung chứa được nhiều. Dung được nhiều là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là diệt những tham ái, chẳng xen dâm dục. Ví như người nữ nhiều sự tham dục. Giải thoát không như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai không có những phiền não, tham dục, sân hận, ngu si, kiêu mạn v.v...

Lại giải thoát gọi là không ái nhiễm. Ái có hai thứ: một là ngã quý ái, hai là pháp ái. Chân giải thoát là nơi ngã quý ái. Vì thương xót chúng sanh mà có pháp ái. Pháp ái như vậy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là ngã và ngã sở. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là diệt tận, là sự tham trong ba cõi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là cứu hộ. Hay cứu hộ tất cả những kẻ sợ hãi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai là

Pháp vậy.

Lại giải thoát tức là chỗ về. Nếu về nương nơi giải thoát như vậy thì chẳng cầu nương chỗ khác. Ví như có người nương tựa nơi vua, chẳng cầu nương tựa chỗ khác. Dầu nương tựa nơi vua mà có động chuyển. Về nương nơi giải thoát không có động chuyển. Không động chuyển là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai là Pháp vậy.

Lại giải thoát gọi là tòa nhà. Ví như có người đi nơi rừng vắng thì có hiểm nạn. Giải thoát không như vậy, chẳng có hiểm nạn. Chẳng có hiểm nạn tức chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là vô sở úy. Như sư tử chúa không sợ trăm thú. Cũng vậy, giải thoát không sợ các loài ma. Không sợ sệt là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát không có chật hẹp. Ví như con đường hẹp không dung được hai người đi ngang nhau. Giải thoát chẳng như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai. Ví như có người bị cộp rượt té xuống giếng sâu. Giải thoát không như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai.

Lại không chật hẹp, như đi thuyền vượt biển an ổn, lòng được vui mừng. Giải thoát cũng vậy, tâm được vui mừng. Được vui mừng là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát là lìa các nhân duyên. Ví như nhân sữa được lạc, nhân lạc được tô, nhân tô được đề-hồ. Trong chân giải thoát đều không có những nhân ấy. Không nhân là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại chân giải thoát hay phục kiêu-mạn. Ví như Đại-vương kiêu mạn đối với Tiểu-vương. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát ấy tức là Như-Lai, Như-Lai tức là Pháp vậy.

Lại giải thoát phục các phóng dật. Người phóng dật thời có nhiều tham dục. Trong chân giải thoát không có tên gọi ấy. Không tên gọi ấy là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát hay trừ vô minh. Như thứ tô thượng hạng lọc sạch cả cặn như bèn gọi là đề-hồ. Cũng vậy, giải thoát trừ sạch vô minh sanh ra chân minh. Chân minh ấy tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là tịch-tĩnh, thuần một không hai.

Như voi nơi đồng hoang trống, riêng một mình không bạn bầu. Cũng vậy, giải thoát thuần một không hai, thuần một không hai là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là cứng đặc. Như tre, lau, thâu dầu, cọng cây rỗng bọng mà hột thời cứng đặc. Trừ Phật Như-Lai, tất cả trời người đều không cứng đặc. Chân giải thoát xa lìa tất cả các dòng hữu lậu. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là bỏ các hữu-lậu, như có người ăn rồi mà ói ra. Bỏ các hữu lậu là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là quyết định, như mùi thơm hoa bà-sư không có trong hoa thất-diệp. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là thủy-đại. Ví như thủy-đại thắng hơn các đại khác, hay nhuận hột giống của tất cả cỏ cây. Cũng vậy, giải thoát hay nhuận tất cả loài có sự sanh sống. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là vào. Như có cửa nẻo thời thông vào hầm vàng, có thể được vàng. Cũng vậy, giải thoát

như cửa nẻo kia. Người tu vô ngã thời được vào trong. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là hay giỏi. Ví như học trò theo bên thầy, làm đúng theo chỗ thầy dạy bảo thời được gọi là hay giỏi. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là pháp xuất-thế, ra khỏi hơn nơi tất cả pháp. Như vị của sữa và tô hơn vị của các thứ khác. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là bất động. Như ngạch cửa gió không làm động được. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không sóng dợn. Như nước biển cả luôn có sóng dợn. Giải thoát không phải như vậy. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là có chỗ dừng. Như vàng Diêm-phù-đàn dùng được nhiều việc. Không ai nói được chỗ xấu dở của vàng này. Cũng vậy, giải thoát không có xấu dở. Không có xấu dở là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát bỏ hạnh anh-nhi, như người lớn bỏ hạnh trẻ nít. Cũng vậy, giải thoát trừ bỏ năm ấm. Trừ bỏ năm ấm là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-

Lai.

Lại giải thoát gọi là rốt ráo. Như người bị trói, được mở thả, tắm rửa sạch sẽ rồi về nhà. Cũng vậy, giải thoát là rốt ráo thanh tịnh. Rốt ráo thanh tịnh là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là sự vui vô-tác, vì đã ói sạch tham dục, sân hận cùng ngu si. Ví như có người uống nhầm thuốc độc, phải uống thuốc ói, khi ói hết chất độc thời thân được an vui. Giải thoát cũng vậy, ói các độc phiền não kiết phược, thân được an-vui gọi là sự vui vô-tác. Sự vui vô-tác tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là đoạn tất cả pháp hữu-vi xuất sanh tất cả vô-lậu thiện-pháp. Đoạn bát các đạo: hoặc là ngã, vô-ngã, phi-ngã, phi vô-ngã. Chỉ đoạn sự chấp lấy, chớ không đoạn ngã-kiến. Ngã kiến đó gọi là Phật tánh. Phật tánh tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là chẳng không mà không. Phàm không – không gọi là vô-sở-hữu, vô-sở-hữu là sự vọng chấp – giải thoát của các nhà ngoại đạo Ni-kiền-tử, mà thật ra không có giải thoát nên gọi là không-không. Chân

giải thoát thời không như vậy nên gọi là chẳng không mà không. Chẳng không mà không là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là không mà chẳng không. Như bình đựng nước đựng sữa, dầu không nước không sữa nhưng vẫn được gọi là bình nước, bình sữa. Các thứ bình đây không thể gọi là không hay chẳng không được. Nếu nói là không thời không được có sắc, hương, vị, xúc. Nếu nói là chẳng không thời lại không có nước sữa. Giải thoát cũng vậy không thể nói là sắc cùng với chẳng phải sắc. Chẳng thể nói là không cùng với chẳng không. Nếu nói là không thời chẳng được có thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu nói là chẳng không thời ai thọ thường, lạc, ngã, tịnh này. Vì những nghĩa ấy nên không thể nói là không cùng với bất không. Không là nói không hai mươi lăm cõi và các phiền não, tất cả sự khổ, tất cả tướng, tất cả hạnh hữu-vi. Như bình không nước thời gọi là không. Chẳng không là nói chân thật thiện sắc: thường lạc, ngã, tịnh, chẳng động, chẳng biến. Như sắc, hương, vị, xúc của cái bình, thời gọi là chẳng không. Vì vậy nên giải thoát dụ như cái bình kia. Cái bình kia gặp duyên thời bị bể hư. Giải thoát không hề bị hư hoại. Không thể hư hoại là

chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát gọi là lìa ham muốn. Ví như có người lòng ham muốn ngôi Thiên-Đế, Phạm-Vương, Tự-Tại-Thiên-vương. Giải thoát không như vậy. Khi đã thành bậc Vô-thượng Chánh-giác rồi thì không ai không nghi. Không ai không nghi là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai.

Lại giải thoát đoạn sự ham muốn của ba cõi, đoạn tất cả tướng, tất cả hệ phược, tất cả phiền não, tất cả sanh tử, tất cả nhân duyên, tất cả quả báo. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Niết-bàn.

Tất cả chúng sanh vì sợ phiền não sanh tử nên thọ tam quy-y. Ví như bầy nai sợ thợ săn, nhảy khỏi một nhảy dụ cho một quy-y, nhảy ba nhảy dụ ba quy-y. Do nhảy khỏi ba nhảy mà được thoát nạn an vui. Chúng sanh cũng vậy vì sợ bốn loài ma mà thọ tam quy-y. Do tam quy-y nên được an vui. Được an vui tức là chân giải thoát. Chân giải thoát tức là Như-Lai. Như-Lai tức là Niết-bàn. Niết-bàn tức là vô tận. Vô tận tức là Phật tánh. Phật tánh tức là quyết định. Quyết định tức là Vô-thượng Chánh-Giác”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Nếu

Niết-bàn, Phật tánh, quyết định và Như-Lai là một nghĩa, thế sao nói rằng có ba quy-y ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Tất cả chúng sanh sợ sanh tử nên cầu tam quy-y.

Vì do tam quy-y , mà biết Phật tánh, quyết định, Niết-bàn.

Này Ca-Diếp ! Có pháp, tên thời một mà nghĩa thời khác. Có pháp, tên cùng nghĩa đều khác. Tên một nghĩa khác như Phật thường, Pháp thường, Tăng thường, Niết-bàn, Hư không cũng đều thường. Tên cùng nghĩa đều khác: Như Phật gọi là giác, Pháp gọi là bất giác, Tăng gọi là hòa hiệp, Niết-bàn gọi là giải thoát, Hư không gọi là phi-thiện cũng gọi là vô-ngại.

Này Ca-Diếp ! Tam quy-y danh nghĩa đều khác, thế nên Như-Lai bảo Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề rằng: Này Kiều Đàm-Di chớ cúng dường Như-Lai, nên cúng dường Tăng, nếu cúng dường Tăng thời được cúng dường tam quy đầy đủ. Ma-Ha-Ba-Xà-Ba-Đề thưa rằng trong chúng Tăng không Phật, không Pháp, sao cho rằng cúng dường Tăng thời được đầy đủ cúng dường tam-quy ? Như-Lai dạy: Bà tuân lời Như-Lai đó là cúng dường Phật. Vì giải thoát là cúng dường Pháp. Chúng Tăng nhận lãnh là cúng

dường Tăng.

Này Ca-Diếp ! Thế nên tam quy chẳng được là một.

Này Ca-Diếp ! Hoặc có lúc Như-Lai nói một làm ba, nói ba làm một. Nghĩa ấy là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh-Văn cùng Duyên-Giác biết được.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Như lời Thế-Tôn nói rốt ráo an vui gọi là Niết-bàn, nghĩa này như thế nào ? Luận về Niết-bàn thời bỏ thân, bỏ trí, nếu bỏ thân trí ai sẽ thọ vui ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Ví như có người ăn xong buồn nôn, bèn đi ra ngoài mà ói, ói rồi trở vào nhà. Bạn bè hỏi anh đã lành mạnh chưa mà trở vào nhà. Người ấy đáp đã lành, thân tôi được an vui. Như-Lai cũng vậy, rốt ráo xa lìa hai mươi lăm cõi, trọn được chỗ Niết-bàn an lạc, không thể động chuyển, không có diệt tận, dứt tất cả thọ, gọi là sự vui không thọ. Không thọ như vậy gọi là sự vui thường trụ. Nếu nói Như-Lai có thọ sự vui thời là không đúng. Thế nên rốt ráo vui tức là Niết-bàn, Niết-bàn tức là chân giải thoát, chân giải thoát tức là Như-Lai.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Bất

sanh bất diệt là giải thoát ư ?”

Phật nói: “ Phải ! Bất sanh bất diệt tức là giải thoát, giải thoát như vậy tức là Như-Lai”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Nếu bất sanh bất diệt là giải thoát, thời tánh hư-không cũng không sanh diệt lẽ ra là Như-Lai. Như tánh Như-Lai tức là giải thoát”.

Phật nói: “ Này Ca-Diếp ! Việc ấy không phải vậy. Như tiếng hót rất thanh diệu của chim Ca-Lăng-Tần-Già cùng chim Mạng-Mạng, chừng có đồng với tiếng hót của chim quạ, chim khách chăng ?”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Trăm ngàn muôn lần tiếng hót của chim quạ, chim khách sánh cũng không bằng tiếng hót của chim Ca-Lăng-Tần-Già cùng chim Mạng-Mạng.

Bạch Thế-Tôn ! Tiếng của chim Ca-Lăng-Tần-Già rất thanh diệu, thân cũng khác, sao đức Thế-Tôn lại đem so sánh với chim quạ, chim khách. Khác nào đem hột đình lịch sánh với núi Tu-Di. Phật sánh cùng hư-không cũng lại như vậy. Tiếng của chim Ca-Lăng-Tần-Già có thể dụ cho tiếng nói của Phật. Không thể đem dụ với tiếng của chim quạ, chim khách”.

Phật khen: “ Hay thay ! Hay thay ! Nay ông khéo hiểu được pháp rất sâu khó hiểu.

Có lúc vì một nhân duyên mà Như-Lai dẫn hư không để dụ cho giải thoát. Giải thoát như vậy tức là Như-Lai.

Chân giải thoát, tất cả trời người không ai có thể sánh ví được. Mà hư không kia thật cũng chẳng phải là ví dụ. Nhưng vì giáo hóa chúng sanh nên đem sự chẳng phải ví dụ để làm dụ. Phải biết giải thoát tức là Như-Lai. Tánh Như-Lai tức là giải thoát. Giải thoát cùng Như-Lai không hai, không khác.

Này Ca-Diếp ! Chẳng phải ví-dụ, như vật không gì sánh không thể dẫn làm dụ. Vì có nhân duyên có thể dẫn làm dụ. Như trong khế-kinh có nói diện mạo đoan chánh dường như mặt trăng tròn. Voi trắng sạch sẽ như núi tuyết. Trăng tròn không đồng với gương mặt. Núi tuyết chẳng được tức là voi trắng.

Này Ca-Diếp ! Chẳng thể đem dụ nào để ví dụ cho chân giải thoát. Chỉ vì giáo hóa chúng sanh mà làm ví dụ thôi. Do nơi ví dụ mà biết các pháp-tánh cũng lại như vậy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Cớ sao đức Như-Lai

nói hai thuyết như thế ?”

Phật nói: “Này Ca-Diếp ! Ví như có người lòng giận tức tay cầm dao gươm muốn hại Như-Lai. Như-Lai vẫn hòa vui không có vẻ giận hờn. Người ấy có thể hại được Như-Lai để thành tội nghịch chăng ?”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn ! Không thể được. Vì thân Như-Lai không thể phá hại. Bởi thân Như-Lai vốn không thân chỉ có pháp-tánh. Tánh của pháp-tánh chẳng thể phá hoại. Người ấy đâu hại được thân Phật. Do vì có lòng ác hại mà người ấy thành tội vô-gián.

Do nhân duyên này dẫn các thứ ví dụ để được biết pháp chân thật”.

Phật khen: “ Hay thay ! Hay thay ! Lời ông vừa nói chính là chỗ Như-Lai muốn nói.

Này Ca-Diếp ! Lại như đứa con ác muốn hại mẹ nó. Nhằm lúc nó ở bên đồng thóc, mẹ nó đem cơm đến. Nó thấy mẹ liền đi mài dao để giết mẹ. Mẹ nó biết ý bèn chui vào đồng thóc để trốn. Nó cầm dao chém khắp đồng thóc, tự cho là đã giết được mẹ nên rất vừa lòng. Lát sau mẹ nó lén chui ra khỏi đồng thóc và trở về nhà.

Ông nghĩ thế nào, đưa con ấy có thành tội vô gián không ?”

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “Bạch Thế-Tôn ! Không quyết định được. Nếu nói là thành tội thì mẹ nó chưa bị giết chết. Nếu nói là không tội, thì chính nó tự cho là đã giết được mẹ và rất vừa lòng. Người ấy dầu chẳng đầy đủ tội nghịch, mà cũng là nghịch. Do nhân duyên này, nên dẫn các ví dụ để được biết pháp chân thật”.

Phật khen: “ Hay thay ! Hay thay ! Này Ca-Diếp ! Vì nhân duyên ấy nên Như-Lai nói các phương tiện ví-dụ để dụ giải thoát. Dầu nói vô-lượng vô số ví-dụ, mà thật không thể đem dụ để sánh được. Hoặc có nhân duyên cũng nói ví dụ. Hoặc có nhân duyên chẳng nói ví dụ. Thế nên giải thoát thành tựu vô lượng công đức như vậy, thẳng đến Niết-bàn. Niết-bàn Như-Lai cũng có vô lượng công đức như vậy. Do vì thành tựu viên-mãn vô lượng công đức như vậy nên gọi là Đại-Niết-Bàn”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Nay con mới biết chỗ đến của Như-Lai là không có cùng tận. Nếu chỗ đã không cùng tận, phải biết thọ mạng cũng phải không cùng tận”.

Phật nói: “ Hay thay ! Hay thay ! Này Ca-Diếp ! Nay

ông khéo hay hộ trì chánh pháp. Nếu có người nào muốn đoạn trừ phiền não kiết-phược, phải nên hộ trì chánh pháp như vậy”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN THÍCH NGHĨA

(41)– NGŨ-DỤC: Năm điều tham dục: 1- Tiền của, 2- Sắc đẹp, 3-Danh vị, 4- An mặc. 5- Ngủ nghỉ. Cũng có chỗ nói NGŨ DỤC là tham mê nơi cảnh ngũ trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc.

(42)– Nhân gian có TIÊU TAM TAI (ba tai nạn nhỏ). 1- Tai nạn về bệnh tật nguy hiểm truyền nhiễm, như bệnh dịch, bệnh trái trời, bệnh thiên thời v.v... 2- Tai nạn về sự đói khát. 3- Tai nạn về sự đao binh (giặc loạn). Thế giới có ĐẠI TAM TAI (3 TAI NẠN LỚN): 1- Hỏa tai: tai nạn về lửa đốt cháy từ A-tỳ địa-ngục đến cõi trời Sơ-Thiên. 2- Thủy tai: tai nạn về nước ngập đến cõi trời Nhị-Thiên. 3- Phong tai: tai nạn về gió thổi tan đến cõi trời Tam-Thiên.

(43)- NAM-CĂN: bộ phận sanh dục của đàn ông.
NỮ CĂN: bộ phận sanh dục của đàn bà.

(44)- BỐN GIAI CẤP ở xứ Thiên-Trúc thời kỳ đức

Thích-Ca xuất thế 1- Ba-La-Môn: giai cấp bậc thầy của quốc dân, gồm những dòng trí thức thông thái, nắm chủ quyền về văn hóa lễ nghi trong nước. 2- Sát-Đế-Lợi: giai cấp vua chúa hoàng tộc. 3-Tỳ-xá: giai cấp thương mại, thợ thuyền. 4- Thủ-Đà: giai cấp lao công, cần vụ.

(45)-TRƯỜNG-GIẢ: Danh từ tôn gọi hạng giàu sang cũng có đức hạnh.

(46)– “ BÁN TU” chỉ cho những học thuyết sơ cấp, phổ thông, chưa đến trình độ rốt ráo viên mãn.

(47)– PHƯƠNG ĐĂNG: rộng lớn cùng khắp.

(48)– THANH VĂN: Nghe thanh âm; hàng Tiểu-Thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc-nghiệp, chứng chân-quả. Không phải như Đại-Thừa Bồ-Tát tự-ngộ bốn tâm, tự-chứng bốn tánh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TỬ Y THỨ TÁM

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp! Trong kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu này có bốn hạng người hay hộ trì chánh pháp, kiến-lập chánh pháp, ức-niệm chánh pháp. Thương xót và làm lợi ích an lạc nhiều cho thế gian và làm chỗ nương tựa cho thế gian.

Một là bậc xuất thế đủ tánh phiền não.

Hai là bậc Tu-Đà-Hoàn và Tư-Đà-Hàm.

Ba là bậc A-Na-Hàm.

Bốn là bậc A-La-Hán.

Bốn hạng người trên đây hiện ra nơi đời có thể xót thương làm nhiều điều lợi ích an-lạc cho thế gian, cho trời, cho người, làm chỗ y chỉ cho thế gian.

Thế nào gọi là đủ tánh phiền não ?

Nếu có người hay phụng trì giới cấm, đầy đủ oai nghi, kiến lập chánh pháp. Nghe hiểu lời Phật dạy, rồi đem phân biệt tuyên thuyết cho người khác. Chỗ gọi rằng thiếu dục là đạo, đa dục không phải đạo. Rộng giảng nói tám điều giác ngộ của bậc đại nhân như vậy. Có ai phạm tội thời chỉ bảo cho phát lồ sám hối để trừ tội. Khéo biết pháp bí mật của Bồ-Tát phương tiện ra làm. Hạng người

này gọi là phàm phu chớ không phải người bậc thứ tám. Người bậc thứ tám không phải phàm phu gọi là Bồ-Tát, không gọi là Phật.

Hạng thứ hai là bậc Tu-Đà-Hoàn và bậc Tu-Đà-Hàm. Hạng này nếu được chánh pháp thời thọ trì chánh pháp. Nghe pháp nơi Phật, đúng theo chỗ đã được nghe bèn biên chép, thọ-trì, đọc tụng, rồi nói lại cho người khác. Không bao giờ hạng người này nghe pháp rồi mà không chép, không thọ, không nói và cũng không bao giờ nói Phật cho chứa vật bất-tịnh như tôi tớ v.v...Hạng thứ hai đây chưa được bậc thứ ba. Trụ nơi bậc thứ ba gọi là Bồ-tát, đã được thọ ký.

Hạng người thứ ba gọi là bậc A-Na-Hàm. Bậc này không có những việc phỉ báng chánh pháp, cho chứa tôi tớ các vật bất-tịnh, (hoặc) thọ trì sách luận ngoại đạo; cũng không bị khách trần phiền não làm chướng, cự phiền não che ngăn; cũng không dẫu chân thật xá lợi của Như-Lai; không bị bệnh ngoài làm não hại, không bị bốn thứ rắn độc xâm nhiễu mà luận nói là ngã. Thường nói lý vô-ngã. Không bao giờ nói tham luyến thế pháp, mà thường nói pháp Đại-thừa nối liền không dứt. Thân thể của vị này không có tám vạn hộ-trùng, đã lìa hẳn dâm

dục, nhãn đến trong giấc mộng chẳng chảy bất tịnh. Lúc sắp chết không sợ hãi.

A-Na-Hàm nghĩa là gì ?

Vị này không còn trở lại, những sự lỗi lầm không làm như nhóp được người, là bậc BỒ-Tát đã được thọ ký, sắp sẽ thành bậc Vô thượng Chánh giác. Đây gọi là hạng thứ ba.

Hạng người thứ tư là bậc A-La-Hán. Bậc này dứt hẳn phiền não, giải thoát sanh tử, việc làm đã xong là BỒ-Tát trụ-địa thứ mười, đặng trí huệ tự tại, có thể hiện bất cứ thân hình nào mà mọi loài ưa thích. Muốn thành Phật liền có thể được thành. Trọn nên vô lượng công đức như vậy nên gọi là A-La-hán.

Trên đây là bốn hạng người xuất hiện nơi đời, xót thương người đời, đem nhiều lợi ích an vui cho thế gian, là chỗ thế gian nương tựa, là bậc rất tôn quý của cõi trời, cõi người, không khác gì đức Như-Lai”.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Nay con không nương tựa nơi bốn hạng người ấy. Vì rằng trong kinh Cù-Sư-La, đức Phật từng bảo ông Xà-Sư-Lê: -Nếu có thiên ma vì muốn phá hoại chánh pháp mà biến

ra hình Phật, đủ cả tướng tốt oai nghiêm, cũng viên quang, cũng bạch hào, ông phải kiểm giáo là giả hay thật. Đã rõ là ma thời phải hàng phục.

Bạch Thế-Tôn ! Bọn ma còn biến làm thân Phật được huông là thân của bốn hạng người trên với những thần thông: Nằm ngò giữa hư không, nách bên tả tuôn nước, nách bên hữu phun lửa, cả thân ra khói lửa v.v... Vì lẽ ấy nên lời tuyên nói của các hạng người trên đây, lòng con không dám tin cùng bảm thọ, con cũng không có quan niệm kính mến để nương tựa theo”.

Đức Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Cho đến đôi với lời nói của Như-Lai mà có lòng nghi ngờ còn không nên thọ trì, huông là lời của các hạng người ấy. Vì thế nên phải khéo phân biệt cho rõ là lành hay chẳng lành, nên làm hay chẳng nên làm. Được như vậy mới có kết quả an lạc lâu dài. Này Ca-Diếp! Ví như con chó gian trộm, đêm tối lén vào nhà người, người trong nhà nếu hay được phải liền la đuổi, chó ấy sợ bỏ đi không dám trở lại. Cũng thế, từ nay các ông phải theo cách ấy mà trị loài thiên ma. Bảo thiên ma rằng: Này Ba-tuần, nhà ngươi không được dôi hiện ra các thân hình ấy, nếu còn hiện, ta sẽ dùng năm món trói buộc để trói nhà ngươi. Ma nghe rồi sẽ bỏ đi

không trở lại phá nữa”.

Ca-Diếp bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Như Phật vì ông Cù-Sur-La mà dạy rằng: Nếu có thể hàng phục thiên ma như vậy thì cũng có thể được gần Đại-Niết-Bàn.

Thế thời đức Như-Lai cần gì nói bốn hạng người trên đây là chỗ quy-y của mọi người. Lời nói của bốn hạng người trên đây chưa ắt đáng tin”.

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Như-Lai vì hàng Thanh-Văn nhục nhãn mà nói là hàng phục loài thiên ma, chứ chẳng phải vì người tu học Đại-thừa mà nói. Hàng Thanh-Văn dầu có thiên nhãn, nhưng vẫn gọi là nhục nhãn. Người tu học đại-thừa dầu có nhục nhãn nhưng gọi là Phật nhãn. Vì kinh điển đại-thừa gọi là Phật-thừa, là trên tất cả và hơn tất cả.

Này Ca-Diếp ! Ví như vị đại-kiện-sĩ khuyên bảo những người nhút nhát theo mình rằng: -Các người phải học tập bản cung múa kiếm như thế này, phải có胆 dĩ đừng khiếp sợ, xem ai cũng yếu kém chỉ có mình là mạnh mẽ. Nếu có kẻ vốn hèn yếu giả là lực sĩ mang cung đao kiếm đến dọa nạt hò hét, người chớ lo sợ, kẻ dối giả ấy thấy người không có vẻ kinh hãi tất sẽ tự rút lui không dám khuấy phá, như con chó gian trộm kia.

Này Ca-Diếp! Cũng thế, đức Như-Lai bảo hàng Thanh-Văn chớ sợ ma Ba-Tuần. Nếu ma Ba-Tuần hiện hình Phật đến trước các ông, thời các ông phải tinh tấn gìn chánh niệm cho vững chắc, ma kia tất lo sầu mà bỏ đi.

Này Ca-Diếp ! Như vị đại kiện sĩ không bắt chước ai, người học Đại-Thừa cũng vậy. Khi được nghe các kinh điển thâm-mật, lòng họ vui thích không hề kinh sợ. Vì người tu học Đại-Thừa ấy từ trước đã từng cúng dường, cung kính, lễ bái vô-lượng muôn ức đức Phật. Dầu có vô số loài ma muốn đến phá khuấy, cũng không chút kinh sợ.

Ví như người được thuốc A-già-đà thời không sợ tất cả rắn độc và súc thuốc ấy cũng trừ được tất cả chất độc. Kinh điển Đại-Thừa cũng vậy, không sợ tất cả loài ma độc mà lại có thể hàng phục loài ma, không cho nó làm quấy.

Này Ca-Diếp ! Ví như loài độc long lúc muốn hại ai, hoặc lấy mắt độc nhìn, hoặc dùng miệng hà hơi độc. Tất cả muông thú sư tử, cọp, sói đều kinh sợ độc long, nếu sông nhằm hơi độc thời đều bị hại. Có người giỏi thần chú có thể điều phục loài độc long cùng các ác thú, dùng

làm con vật để cưỡi.

Cũng vậy, người học Đại-Thừa thấy hàng Thanh-Văn sợ những sự làm hại của ma Ba-Tuần, đối với pháp Đại-Thừa, không chịu tin, bèn dùng phương tiện hàng phục loài ma trước, rồi nhân đó rộng nói các môn diệu-pháp. Hàng Thanh-Văn kia thấy đã hàng phục được loài ma nên hết sợ, mới có lòng tin đối với chánh pháp Vô Thượng của Đại-Thừa và bảo nhau rằng: -Từ nay trở đi, ở nơi trong pháp Đại-Thừa chúng ta chớ có làm chướng ngại.

Này Ca-Diếp ! Hàng Thanh-Văn cùng Duyên-Giác rất sợ phiền não. Người học Đại-Thừa đều không sợ phiền não. Vì người học Đại-Thừa có oai lực như vậy, nên lời ta nói thưở trước chính là để khuyến khích hàng Thanh-Văn cùng Duyên-Giác điều phục các loài ma, chớ chẳng phải nói với người học Đại-Thừa.

Kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn đây rất kỳ lạ, rất đặc biệt. Nếu có người được nghe mà kính tin thọ trì cùng tin chắc Như-Lai là pháp thường trụ, thời người này rất là hy hữu như hoa Ưu-Đàm.

Sau khi Như-Lai vào Niết-bàn, nếu có người được nghe kinh điển vi diệu Đại-Thừa này mà sanh lòng kính

tin, nên biết người này trăm ngàn ức kiếp về sau không bị sa vào ác đạo.

Này Ca-Diếp ! Sau khi ta vào Niết-bàn, sẽ có vô lượng chúng sanh chẳng tin và chê bai kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn này”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Sau khi Phật diệt độ chừng bao lâu sẽ có hạng người chê bai ấy ? Và có bậc thuần-thiện nào cứu vớt được kẻ chê bai ấy chẳng ?”.

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Sau khi ta vào Niết-bàn trong khoảng bốn mươi năm, kinh này sẽ được lưu bố rộng trong cõi Diêm-Phù-Đề, rồi sau sẽ ẩn mất trong đất.

Này Ca-Diếp ! Như xứ nào có gạo thơm, mía, đường, sữa, đề-hồ, người xứ ấy tất cho các thực phẩm ấy là món ăn ngon nhất. Nếu chôn nào mà người bốn xứ chỉ ăn rỗng những gạo hẩm, hột cỏ, tất họ cũng sẽ cho món họ ăn là ngon nhất, vì đây là những người bạc phước, nghiệp báo của họ khiến như vậy. Nếu là người có phước đức lớn thì chỉ hưởng những thực phẩm quý: cơm ngon, mía, đường, sữa, đề-hồ, trọn đời không nghe đến tên cơm hẩm hột cỏ.

Cũng vậy, đối với kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn đây, hàng nhị thừa độn căn bậc phước chẳng ưa chẳng thích, còn người học Đại-thừa thời kính tin vui mừng khi đã được nghe.

Này Ca-Diếp ! Ví như có một vị Quốc-vương ở trong núi hiểm trở, dầu có lúa, đường, gạo, nếp, nhưng vì khan hiếm nên không dám ăn, cứ lo chứa cất, mà chỉ ăn những rau cỏ. Vua nước láng giềng nghe biết vừa thương vừa cười, bèn cho xe chở gạo, nếp, lúa, đường sang biếu tặng. Quốc-vương được tặng phẩm liền phân phát cho nhân dân cả nước cùng ăn. Nhân dân được ăn đều vui mừng và nói rằng nhờ vua láng giềng mà chúng ta được món ăn rất ngon lạ.

Này Ca-Diếp ! Bốn hạng người y-chỉ trên đây cũng vậy, là đại tướng của pháp Đại-thừa Vô Thượng. Trong bốn hạng người này, hoặc có một người thấy xứ khác có vô-lượng Bồ-Tát dầu học kinh điển Đại-thừa, hoặc biên chép, hoặc khuyên bảo người biên chép, nhưng vì lợi dưỡng, vì danh vị, vì tự-độ, vì y-chỉ, nên đem đổi các kinh điển khác, mà không đem pháp Đại-thừa tuyên dạy cho mọi người, bèn đem kinh Đại-Niết-Bàn gửi tặng cho các vị Bồ-tát ấy, cho các vị này phát tâm và an trụ nơi

đạo Bồ-đề vô-thượng. Vị Bồ-Tát ấy khi được kinh này rồi, liền đem tuyên dạy lại mọi người, làm cho vô lượng chúng sanh đặng lãnh thọ pháp vị Đại-thừa, mọi người đều nhờ nơi sức của một vị Bồ-Tát này mà được nghe thứ kinh vi diệu chưa từng nghe. Như nhân dân trong nước kia, nhờ sức vua mà được hưởng các thức ăn ngon lạ.

Này Ca-Diếp ! Phàm chỗ nào có kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn này lưu-bố, phải biết chốn ấy là kim-cang, người ở chỗ ấy cũng như kim-cang. Người được nghe kinh này thời chẳng thôi chuyển nơi đạo Vô-thượng Chánh giác, đều được thành tựu những điều mong muốn. Như những điều mà Như-Lai đã tuyên nói đây, chư Tỳ-Kheo phải khéo thọ trì. Chúng sanh nào không nghe được kinh điển này thời thật là hạng đáng thương hại, vì họ không thọ trì được nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại-thừa như thế này”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Sau khi Như-Lai diệt độ, trong khoảng bốn mươi năm, kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này sẽ rộng truyền ở cõi Diêm-Phù-Đề, qua thời gian ấy sẽ ảm mất vào đất. Vậy chẳng biết chừng nào kinh này sẽ lại xuất hiện ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Lúc chánh pháp của Như-Lai còn thừa tám mươi năm, bốn mươi năm đầu là thời gian mà kinh này lại được thanh truyền”.

Ca-Diếp BỒ-Tát lại thưa: “Bạch Thế-Tôn ! Lúc chánh pháp diệt, chánh giới hư, phi pháp tăng trưởng, chúng sanh tệ ác, thời ai là người có thể nghe hiểu thọ trì, đọc tụng nhuần thuộc, cùng cúng dường cung kính biên chép giải nói kinh điển Đại-thừa này. Mong Như-Lai xót thương chỉ bảo, cho các hàng BỒ-Tát được bậc bất thối tâm vô-thượng BỒ-đề”.

Phật khen: “ Lành thay ! Lành thay ! Này Ca-Diếp ! Chúng sanh nào đã từng phát tâm BỒ-đề ở chỗ chư Phật nhiều bằng số cát của một sông Ni-Liên mới có thể nơi đời ác thọ trì kinh điển như thế này mà không phỉ báng.

Chúng sanh nào được phát tâm BỒ-đề nơi chư Phật bằng số cát của một sông Hằng, vậy sau mới có thể ở trong đời ác ưa thích pháp Đại-thừa này, nhưng chẳng thể giảng giải cho mọi người. Chúng sanh nào từng ở trước chư Phật bằng số cát của hai sông Hằng phát tâm BỒ-đề, mới có thể ở trong đời ác chẳng phỉ báng kinh này, mà tin hiểu chân chánh cùng ưa thích thọ trì, đọc tụng, nhưng cũng chẳng thể giảng rộng cho người.

Chúng sanh phát tâm Bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của ba sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin hiểu, thọ-trì, đọc tụng và giảng nói kinh này, nhưng chưa hiểu thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm Bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của bốn sông Hằng, mới có thể ở đời ác tin ưa đọc tụng kinh này và giảng nói một phần trong mười sáu phần thâm nghĩa. Chúng sanh phát tâm Bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của năm sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói tám phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm Bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát trong sáu sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười hai phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Chúng sanh phát tâm Bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát trong bảy sông Hằng, mới có thể ở đời ác giảng nói mười bốn phần trong mười sáu phần thâm nghĩa của kinh này. Và chúng sanh phát tâm Bồ-đề nơi chư Phật bằng số cát của tám sông Hằng, ở đời ác, mới có thể tự mình và khuyên người đối với kinh này tin ưa đọc tụng, biên chép, thọ trì, cúng dường cung kính và hiểu thấu tất cả nghĩa vị, tức là Như-Lai thường trụ chẳng dời, rốt ráo an vui, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, người này khéo biết các pháp tạng của Như-Lai, cúng dường vô lượng chư Phật, kiến lập chánh pháp Vô Thượng và thọ trì ủng hộ.

Nếu có người mới phát tâm vô-thượng Bồ-đề, phải biết rằng đời vị lai, người này ắt có thể kiến lập và thọ trì ủng hộ chánh pháp như thế này.

Này Ca-Diếp ! Có hạng ác Tỳ-kheo nghe Như-Lai vào Niết-Bàn, chẳng những không lo buồn mà còn mừng rỡ rằng: từ nay về sau không ai ngăn chế kiềm thúc, ngày Như-Lai còn ở đời thời cấm giới cao nghiêm, nay đã vào Niết-Bàn sẽ giải bỏ tất cả, Ca Sa vốn là pháp thức nay cũng sẽ dẹp bỏ như lá phan trên cây. Hạng Tỳ-kheo ấy chê bai chống cự kinh điển Đại-thừa này.

Này Ca-Diếp ! Nay ông phải ghi nhớ như vậy. Nếu có chúng sanh trọn nên đầy đủ vô lượng công đức, mới có thể tin kinh điển Đại-thừa này, tin rồi thọ trì. Những chúng sanh nào ưa thích pháp Đại-thừa, nên vì họ mà giảng giải kinh này. Họ được nghe kinh này, thời bao nhiêu nghiệp ác đã tạo ra từ vô lượng kiếp trước thảy đều tiêu trừ. Nếu kẻ nào không tin kinh điển này, thời hiện thân sẽ bị vô lượng bệnh khổ não hại, phần nhiều bị người trách mắng, sau khi chết, sẽ thọ thân hình xấu xí, nghèo thiếu, bị người khinh tiện, đời đời sanh trong nhà bần cùng hạ tiện tà kiến, thường bị tai nạn đao binh, hình pháp, giặc cướp, oán thù làm hại, không được gặp gỡ bạn

lành, hằng ngày đói khát, không chịu tin nghe lời chân chánh, lời hay phải. Những kẻ ấy không bao giờ được đến chỗ lành ở cõi trời, cõi người, như chim gãy cánh không bay cao được.

Nếu người nào kính tin kinh điển này, thời dầu đã mang thân hình thô kệch xấu xa, do công đức của kinh, sẽ được xinh tốt, sắc lực oai nhan ngày ngày thêm hơn, thường được trời người mến ưa. Người này có nói ra lời chi, ai nghe đến đều kính tin cả. Trong hàng Thanh-Văn đệ tử của Như-Lai, nếu vị nào muốn thi hành việc hy hữu nhất, thời nên tuyên rộng kinh điển Đại-thừa như đây.

Này Ca-Diếp ! Như sương mù kia chỉ có thể tồn tại đến lúc mặt trời mọc. Khi mặt trời đã mọc, sương mù sẽ tiêu tan. Bao nhiêu nghiệp ác của chúng sanh, thế lực nó sẽ phải tiêu diệt khi được thấy mặt trời Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này.

Này Ca-Diếp ! Như có người mới xuất gia cạo tóc đắp ca-sa vẫn chưa thọ mười giới Sa-di, có tín thí Trưởng giả đến thỉnh chúng Tăng, người ấy cùng đại chúng đồng đi thọ trai, dầu chưa thọ giới mà đã vào số chư Tăng.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh nào phát tâm mới học kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn biên chép đọc tụng, người

này dầu chưa đầy đủ công đức bằng bậc Thập-Địa Bồ-tát, nhưng đã được dự trong [các] số các bậc Thập-Trụ Bồ-Tát.

Nếu có chúng sanh nào hoặc là đệ tử Phật, hoặc không phải đệ tử Phật, hoặc vì tham vì sợ, hoặc vì lợi dưỡng mà nghe học thọ trì kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này nhận đến một bài kệ, kính tin không hủy báng, phải biết người này thời là đã được gần vô-thượng Bồ-đề.

Này Ca-Diếp ! Vì nhân duyên trên đây, nên Như-Lai nói bốn hạng người trước kia là chỗ nương tựa của thế gian. Bốn hạng người ấy không bao giờ đem lời Phật dạy, nói là không phải của Phật. Vì thế nên Như-Lai nói bốn hạng người ấy là chỗ nương tựa của thế gian. Ông phải cúng dường bốn hạng người ấy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa: “ Bạch Thế-Tôn ! Con làm thế nào biết được hạng người ấy để cúng dường ?”

Phật dạy: “ Nếu có người nào kiến lập hộ trì chánh pháp, thời phải thỉnh hỏi và xả thân cúng dường người ấy. Như ta từng nói nơi kinh Đại-thừa này:

Có ai biết chánh-pháp

Không luận già hay trẻ

Đều nên phải cúng dường

Cung kính và lễ lạy

Như hàng Bà-La-Môn

Chí thành thờ thần lửa

Và như các thiên-thần

Cung kính trời Đế-Thích”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Như lời Phật dạy cúng dường bậc Sư-trưởng chính phải như vậy. Nay con có chỗ nghi, xin Như-Lai giảng giải. Nếu có vị trưởng-túc giới-hạnh tinh nghiêm đến học hỏi với người trẻ tuổi, thì có phải lễ kính chăng ?

Nếu lễ kính thì đâu gọi là trì giới. Hoặc người tuổi trẻ tinh nghiêm giới luật đến học với vị trưởng-túc phá giới, có nên lễ kính chăng ?

Hoặc người xuất gia đến học với người tại gia thì có nên làm lễ chăng ? Nhưng người xuất gia không nên lễ kính người tại gia. Và trong giáo pháp của Phật, người trẻ tuổi phải cung kính bậc trưởng-túc cao niên, vì bậc trưởng-túc thọ giới cụ-túc trước, đã thành tựu oai nghi. Như-Lai từng bảo rằng người phá giới không được dung thọ ở trong Phật pháp, như đám cỏ ở trong thửa ruộng tốt.

Như-Lai lại nói có ai biết chánh pháp, không luận là già trẻ, phải cúng dường người ấy như Thiên-thần kính thờ trời Đê-Thích. Các lời dạy trên có chỗ trái nhau, xin Như-Lai giải thích cho. Như Phật từng nói thầy Tỳ-kheo trì giới cũng có chỗ sai phạm. Duyên có gì mà Như-Lai nói lời ấy. Trong các kinh khác, Thế-Tôn cũng có nói cho tội kẻ phá giới. Những lời dạy ấy chưa được trọn nghĩa”.

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Bài kệ vừa rồi là Như-Lai vì chư Bồ-Tát học Đại-thừa sau này mà nói, chớ chẳng phải nói với hàng Thanh-Văn đệ tử.

Này Ca-Diếp ! Như lời của Như-Lai đã nói, lúc chánh pháp diệt, thời kỳ chánh giới bị hủy hoại tăng trưởng sự phá giới, chớ chẳng phải lúc chánh pháp hưng thịnh. Lúc mà tất cả Thánh-nhân không hiện, lúc mà hạng xuất gia nhận và chứa tội trai tứ gái cùng vật bất tịnh, trong bốn hạng người trên sẽ có một người hiện ra nơi đời cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, thấy chư Tỳ-kheo không biết vật tịnh cùng bất tịnh, cũng không hiểu là luật hay phi luật, vì muốn điều phục họ nên cùng họ hòa quang, nhưng không tội lỗi như họ. Người này khéo phân biệt chỗ làm của mình cùng chỗ làm của Phật. Dầu thấy các người phạm tội ba-la-di, vẫn im lặng không cử

tội.

Này Ca-Diếp ! Người này vì hộ trì chánh pháp nên dầu có chỗ phạm luật mà không gọi là phá giới. Như có vị Quốc-vương phải bệnh chết, Thái-tử còn thơ ấu chưa có thể nối ngôi. Có người Chiên-đà-la giàu có, quyền thuộc đông, thừa dịp soán ngôi, tự lên làm vua. Trong nước, các hàng Cư-sĩ, Bà-la-môn, phần nhiều trốn sang nước khác. Người ở lại cũng ỉn tránh không muốn thấy mặt vua ấy. Vua Chiên-đà-la hay nhiều người trong nước bỏ sang nước khác, bèn truyền lệnh rằng nếu có vị Bà-La-Môn nào có thể vì nhà vua mà làm thầy chủ lễ tôn vương, thời nhà vua sẽ chia đôi cõi nước cho cai trị. Mọi người nói với nhau bao giờ có người dòng Bà-La-Môn lại đi chủ lễ tôn vương cho một gã Chiên-đà-la. Vua thấy không có vị Bà-La-Môn nào ra mặt cả, bèn xuống lệnh nếu trong hàng Bà-La-Môn không một ai chịu ra làm thầy cho nhà vua, thời nhà vua tất sẽ buộc các người Bà-La-Môn cùng ở chung, làm việc chung với người Chiên-đà-la.

Còn nếu ai chịu chủ lễ tôn vương thời nhà vua quyết chia đôi cõi nước để phong thưởng, cho đến thuốc cam-lộ bất tử của cõi trời Đao-Lợi do sức thần chú cầu được,

nhà vua cũng sẽ chia đều cho người ấy.

Bấy giờ có một người Bà-La-Môn tuổi trẻ, đức hạnh thanh tịnh, giỏi về chú thuật ra lãnh làm chủ lễ tôn vương cho vua Chiên-đà-la. Nhà vua y lời hứa chia nước làm đôi, cùng Bà-La-Môn trẻ đồng cai trị. Hàng Bà-La-Môn đều giận trách người ấy: “Người là dòng Bà-La-Môn sao lại đi làm thầy cho gã Chiên-đà-la ?”

Ít lâu sau, Bà-La-Môn trẻ bảo vua rằng: “Tôi bỏ phép của dòng tôi đến làm thầy cho nhà vua và dạy cho vua chú thuật vi-mật. Nhưng đến ngày nay, nhà vua vẫn chưa thương tưởng đến tôi”.

Vua hỏi có. Bà-La-Môn trẻ đáp: “Nhà vua chưa cho tôi cùng được uống thuốc cam-lộ bất tử của Tiên-vương”. Vua bảo: “ Phải lắm quả nhân thật không biết, nếu Đại sư cần thời lấy mà dùng”. Bà-La-Môn trẻ đem thuốc cam-lộ về nhà mời các đại thần đến cùng chia nhau uống. Vua được tin ấy bèn nói với Bà-La-Môn trẻ rằng: “ Sao Đại sư cùng các đại thần uống thuốc cam-lộ mà không chia phần cho quả nhân”. Bà-La-Môn trẻ dâng thuốc độc cho vua. Nhà vua uống xong say mê như người chết. Bấy giờ Bà-La-Môn trẻ liền lập Thái-tử con Tiên-vương lên ngôi, mà xưng lên rằng: “ Theo phép ngai vàng không

bao giờ hạng người Chiên-đà-la được ngự. Từ xưa đến nay tôi chưa từng nghe thấy dòng Chiên-đà-la làm vua, phải tôn Thái-tử lên ngôi để chặn dân trị nước”.

Sau khi sắp đặt việc triều chính xong, Bà-La-môn trẻ giải độc cho Chiên-đà-la rồi đuổi ra khỏi nước. Bà-La-Môn trẻ dầu hành động các việc như trên nhưng vẫn không mất pháp Bà-La-Môn. Bảy giờ người trong nước, hàng cư sĩ và Bà-la-môn đều khen ngợi việc làm ấy và đều kính trọng Bà-La-Môn trẻ.

Này Ca-Diếp ! Sau khi Như-Lai vào Niết-bàn, hàng Bồ-Tát hộ trì chánh pháp, phương tiện giả đồng sự với các Tỳ-kheo phá giới. Nếu thấy có người dầu phạm giới nhiều, nhưng có thể trị các ác Tỳ-kheo, Bồ-Tát liền đến cúng dường kính lễ người ấy, vì việc cúng dường nên phải cầu xin với nhà đàn việt và cất chứa vật bất tịnh.

Mặc dầu Bồ-Tát cung kính lễ bái cúng dường người ấy và chứa vật bất tịnh, nhưng vẫn không có tội lỗi, vì là phương tiện để tấn trị các ác Tỳ-kheo cho Tăng chúng thanh tịnh được an ổn và lưu bố kinh điển Đại-thừa, làm lợi ích cho trời cho người.

Này Ca-Diếp ! Vì duyên do ấy, nên Như-Lai nói hai bài kệ trước kia để bảo các Bồ-Tát khen ngợi người hộ

pháp. Như hàng Cư-sĩ và Bà-La-Môn ngợi khen Bà-La-Môn trẻ. Nếu có ai thấy người vì hộ pháp mà cùng đồng sự với các Tỳ-kheo phá giới, rồi nói là có tội, thì phải biết kẻ ấy tự chuốc lấy họa hại. Người hộ pháp kia thật không có tội.

Này Ca-Diếp ! Nếu có Tỳ-kheo phạm cấm giới rồi tự kiêu mạn không sám hối, phải biết đó chính là người thật phá giới. BỒ-Tát vì hộ pháp nên mặc dầu có chỗ sai phạm, nhưng không kiêu mạn, chịu sám hối, nên không gọi là phá giới. Vì có ấy nên Như-Lai nói trong kinh:

Có ai biết chánh pháp
Không luận già hay trẻ
Đều nên phải cúng dường
Cung kính và lễ lạy
Như hàng Bà-La-Môn
Chí thành thờ thần lửa
Và như các Thiên-Thần
Cung kính trời Đế-Thích.

Lời kệ trên đây là Như-Lai vì các BỒ-Tát học Đại-Thừa mà nói, chớ chẳng phải nói với hạng người học

pháp Thanh-Văn”.

Ca-Diếp BỒ-Tát thưa: “Bạch Thế-Tôn ! Các vị BỒ-tát như thế ở nơi giới rất là huỗn đãi. Giới của các vị ấy đã thọ có còn đủ chãng ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Nay ông không nên nói như vậy. Vì giới của các vị ấy đã thọ vẫn đủ không mất. Giả sử có sai phạm liền phải sám hối. Sám hối xong thời được thanh tịnh.

Này Ca-Diếp ! Như bờ đê cũ có lỗ hở trông thời nước rịn chảy, vì không người sửa sang. Nếu được sửa sang thời nước không rịn chảy. Cũng thế, các vị BỒ-tát dầu cùng kẻ phá giới đồng sự, nhưng ở nơi giới đã thọ vẫn không hư mất. Vì nếu không có người thanh tịnh trì giới thời Tăng chúng sẽ tổn giảm, ngày càng lười trễ. Nếu có người trì giới thanh tịnh thời giới đã thọ được đầy đủ không mất.

Này Ca-Diếp ! Đối với “thừa” mà huỗn đãi mới gọi là huỗn đãi, còn huỗn đãi nơi “giới” không gọi là huỗn đãi. Các vị BỒ-Tát không trễ lười nơi Đại-thừa, đây gọi là giới căn bản. Các vị ấy vì hộ trì chánh pháp nên dùng nước Đại-thừa mà tự tắm gội. Vì thế nên BỒ-Tát dầu hiện ra sự phá giới nhưng không gọi là huỗn đãi”.

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa: “ Trong chư Tăng có bốn hạng người, như trái am-la khó phân biệt trái sống trái chín. Làm thế nào biết được người trì giới cùng người phá giới ?”.

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Nhân nơi kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn thời dễ biết. Ví như nông phu gieo mạ cấy lúa, cày bừa hết cỏ, cứ mắt thịt xem thời gọi thửa ruộng sạch. Đến mùa bông trái thời lúa cùng cỏ khác nhau. Tắm việc như vậy hay làm như nhớp chúng Tăng, nếu trừ được thời dùng mắt thịt cũng biết là thanh tịnh. Hoặc khi trì giới hay phá giới mà không tác ác, dùng mắt thịt khó biện biệt được, lúc việc ác lộ bày thời dễ thấy biết. Như loại cỏ dễ nhận được. Cũng vậy, trong chúng Tăng nếu có thể xa lìa nơi tám pháp bất tịnh, thời gọi là Thánh chúng thanh tịnh, là phước điền, đáng được cõi trời cõi người cúng dường, quả báo thanh tịnh dùng mắt thịt không thể biện biệt.

Này Ca-Diếp ! Như rừng Ca-La-Ca rất rậm rạp nhiều cây. Trong rừng này chỉ có một cây Trán-đầu-ca. Trái của hai thứ cây này rất giống nhau khó biện biệt được. Đến mùa trái chín, một thiếu nữ lượm cả hai thứ, một phần trái Trán-đầu-ca, mười phần trái Ca-la-ca đem ra

chợ bán. Các trẻ nít ngu dại mua lầm trái Ca-la-ca, ăn xong phải độc mà chết. Hàng thức giả nghe được việc ấy, liền hỏi thiếu nữ lượm những trái này ở nơi nào ? Thiếu nữ nói là lượm ở rừng Ca-la-ca. Thức giả bảo trong rừng ấy toàn là cây Ca-la-ca chỉ có một cây Trán-đầu-ca thôi. Mọi người biết rõ đều chê cười rồi bỏ đi.

Này Ca-Diếp ! Tám pháp bất tịnh trong chư Tăng cũng vậy. Trong chư Tăng phần đông đều thọ dụng tám thứ bất tịnh ấy, chỉ có một người trì giới thanh tịnh không thọ tám thứ bất tịnh và biết đại chúng thọ dụng phi pháp, nhưng vẫn đồng sự không xa tránh, như cây Trán-đầu-ca đứng giữa rừng Ca-la-ca. Có Ưu-Bà-Tắc thấy phần đông phi pháp và chẳng cung kính cúng dường vị thanh tịnh này. Nếu muốn cúng dường nên trước hỏi bạch Đại-Đức, tám việc như vậy có nên nhận và chứa không ! Phật có cho phép không ? Nếu nói là Phật cho phép, thời người nhận chứa ấy đặng cùng chung bố-tát, yết-ma, tự-tứ không? Đại chúng đáp rằng: Tám việc ấy, đức Như-Lai xót thương thấy đều cho phép chứa. – Ưu-Bà-tắc nói: “Trong tinh-xá Kỳ-Hoàn, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật cho phép chứa vàng bạc, hoặc có Tỳ-kheo nói Phật không cho phép. Người nói là Phật cho phép, thời người nói

Phật không cho phép chẳng chịu ở chung, chẳng đồng thuyết giới, tự tứ, nhẫn đến không chịu cùng uống nước một con sông, chẳng chịu chung hưởng vật lợi dưỡng. Sao các Ngài lại bảo là Phật cho phép ?

Phật là đấng trời trong hàng trời, dầu cho Phật có nhận các thứ ấy, chư Tăng các Ngài cũng chẳng nên chứa cất. Nếu vị nào nhận chứa thời không nên đồng sự, chẳng nên cùng thuyết giới, tự tứ, yết-ma. Nếu chung cùng, sau khi chết sẽ đọa vào địa ngục, như kẻ phải chết vì ăn lầm trái Ca-la-ca”.

Này Ca-Diếp ! Như nơi chợ có người bán thuốc, bán cả thuốc quý Tuyết-sơn cùng nhiều thứ thuốc độc khác, mùi vị đều giống nhau. Người mua không rành mặt thuốc hỏi mua thuốc Tuyết-sơn. Người bán dối trá lấy các thứ thuốc độc đưa ra. Người mua nhận lầm là thật nên trả tiền mang thuốc đi và mừng thầm rằng đã mua được thuốc quý Tuyết-sơn.

Này Ca-Diếp ! Trong chư Tăng Thanh-Văn có giả-danh-tăng có chân-thật-tăng và hòa-hiệp-tăng, hoặc trì giới, hoặc phá giới. Đối với trong đại-chúng ấy, phải bình đẳng cúng dường cung kính lễ bái, vì với mắt thịt, hàng Ưu-Bà-Tắc chẳng phân biệt được vị nào trì giới, vị nào

phá giới, ai là chân-thật-tăng, ai là giả-danh-tăng, như người mua thuốc không phân biệt được thuốc quý Tuyết-son. Người có thiên-nhãn mới có thể biết rõ.

Này Ca-Diếp ! Nếu Ưu-Bà-Tắc biết rõ là Tỳ-kheo phá giới thì chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu biết Tỳ-kheo nhận và chứa tám vật bất tịnh, cũng lại chẳng nên cung cấp lễ bái cúng dường. Nếu trong chư Tăng có người phá giới, chẳng nên vì đắp ca-sa mà cung kính lễ bái”.

Ca-Diếp BỒ-Tát thưa: “ Bạch Thế-Tôn ! Lành thay ! Lành thay ! Lời Phật dạy chân thật không hư, con sẽ trân trọng tuân theo, xem như bảo vật kim-cang.

Như lời Phật dạy: Các Tỳ-kheo phải y theo bốn điều: Y theo pháp không y theo người, y theo nghĩa không y theo lời, y theo trí không y theo thức, y theo kinh liễu nghĩa không y theo kinh chẳng liễu nghĩa. Bốn pháp như vậy, nên phải chứng biết không phải bốn hạng người”.

Phật dạy: Này Ca-Diếp ! Y theo pháp đó chính là Như-Lai Đại-Bát-Niết-Bàn, tất cả Phật pháp tức là pháp tánh. Pháp tánh ấy tức là Như-Lai. Thế nên Như-Lai thường trụ không biến đổi. Nếu ai bảo rằng Như-Lai vô thường, người này không biết không thấy pháp tánh. Nếu

là người không biết không thấy pháp tánh thời không nên nương tựa. Như trên đã nói bốn hạng người hiện ra nơi đời hộ trì chánh pháp nên phải chứng biết để mà y chỉ. Vì các vị này khéo hiểu biết pháp-tạng thâm-áo vi-mật của Như-Lai, biết rõ Như-Lai thường trụ không biến đổi. Không bao giờ Như-Lai vô-thường biến đổi. Bốn hạng người này có thể gọi là Như-Lai, vì hiểu được và nói được mật ngữ của Như-Lai. Nếu có người biết được pháp tạng thâm mật và biết Như-Lai thường trụ không biến đổi, người này chẳng bao giờ vì lợi dưỡng mà nói Như-Lai là vô thường. Còn nên y chỉ với người này hướng là chẳng y chỉ với bốn bậc trên.

Y chỉ nơi pháp tức là pháp tánh, không y chỉ với người tức là hàng Thanh-Văn. Pháp tánh tức là Như-Lai, Thanh-Văn tức là hữu-vi. Như-Lai tức là thường trụ, hữu vi tức là vô thường.

Này Ca-Diếp ! Nếu là người phá giới vì lợi dưỡng mà nói Như-Lai là vô thường biến đổi, thời không nên nương tựa với người ấy.

Trên đây là định nghĩa “ Y theo pháp không y theo người”. “ Y theo nghĩa không y theo lời” là thế nào ? Này Ca-Diếp ! Nghĩa là giác-liễu, nghĩa giác-liễu là nghĩa

không thiếu sót tức là nghĩa đầy đủ. Nghĩa đầy đủ là Như-Lai. Pháp cùng Tăng đều thường trụ chẳng biến đổi. Đó là y theo nghĩa. Còn những lời gì chẳng nên y theo ? Tức là các bộ luận trau chuốt lời văn. Như Phật từng bảo rằng có rất nhiều thứ kinh điển tham cầu không biết nhàm, gian dối đua bợ, bày nhiều cách để cầu lợi, làm việc cho kẻ bạch y, lại xưng rằng đức Phật cho phép thầy Tỳ-kheo nuôi tôi trai tứ gái, các vật bất tịnh như vàng, bạc, châu báu, lúa gạo kho đụn, trâu dê voi ngựa, cùng buôn bán lấy lời. Nơi đời cơ-cần Phật vì thương độ tử nên cho phép Tỳ-kheo chứa đồ ăn cũ, để cách đêm, tự tay nấu nướng, không lãnh thọ mà ăn. Không nên y theo những lời như thế.

“Y theo trí không y theo thức” là thế nào ?

Này Ca-Diếp ! Trí tức là Như-Lai. Nếu có hàng Thanh-Văn chẳng khéo rõ biết công đức của Như-Lai, đó là “thức” không nên y theo. Nếu rõ biết Như-Lai tức là pháp thân, đó là “chân trí” nên phải y theo. Nếu thấy thân phương tiện ứng hóa của Như-Lai mà nói là thuộc về âm-giới nhập, do ăn mà được sống được lớn, sự nhận xét này là “thức” cũng chẳng nên y theo. Người cùng kinh điển nói những điều ấy đều chẳng nên y theo.

Thế nào là “y theo kinh liễu nghĩa mà không y theo kinh chẳng liễu nghĩa” ?

Hàng Thanh-Văn nghe đến chỗ tằng pháp thâm mật của Như-Lai đều nghi ngờ không hiểu pháp ấy từ nơi biên đại trí huệ mà có ra. Khác nào những đứa trẻ thơ không hiểu biết xa rộng. Đây gọi là chẳng liễu-nghĩa. Còn bậc Bồ-tát có trí huệ chân thật, theo trí lớn vô ngại nơi tự tâm, như người tuổi tác hiểu biết xa rộng. Đây gọi là liễu-nghĩa. Lại Thanh-Văn thừa là không liễu-nghĩa. Vô thượng đại-thừa mới gọi là liễu-nghĩa. Nếu nói Như-Lai vô-thường biến đổi thời gọi là chẳng liễu nghĩa. Còn nói Như-Lai thường trụ không biến đổi thời gọi là liễu nghĩa. Lời của hàng Thanh-Văn nên chứng biết, gọi là chẳng liễu-nghĩa. Lời của Bồ-tát nên chứng biết, gọi là liễu-nghĩa. Nếu nói Như-Lai nhờ sự ăn mà sống còn, đó là lời không liễu nghĩa. Nếu nói Như-Lai thường trụ không biến đổi, đây gọi là lời liễu nghĩa. Nếu nói Như-Lai nhập Niết-bàn như củi hết lửa tắt, đó là lời không liễu-nghĩa. Nếu nói Như-Lai nhập pháp tánh, đây là lời liễu nghĩa.

Giáo pháp của Thanh-Văn thừa, thời không nên nương tựa vì Như-Lai muốn độ chúng sanh nên phương

tiện nói ra pháp Thanh-Văn thừa, như ông Trương giả đem bán tự dạy cho con.

Này Ca-Diếp ! Thanh-Văn thừa như mới cày bừa chưa có hạt trái, gọi là chẳng liễu-nghĩa vì thế chẳng nên nương theo Thanh-Văn thừa. Phải nương theo pháp đại-thừa. Vì Như-Lai muốn độ chúng sanh mà phương tiện nói pháp đại-thừa, Pháp đại-thừa là liễu-nghĩa, là chỗ nên nương tựa.

Trên đây là bốn điều nên y theo, cần phải chúng biết.

Lại nữa, “nghĩa” đáng y theo gọi là chất trực. Chất trực gọi là sáng suốt. Sáng suốt gọi là không kém thiếu. Không kém thiếu gọi là Như-Lai. Sáng suốt lại gọi là trí huệ. Chất trực gọi là thường trụ. Như-Lai thường trụ gọi là y theo “Pháp”, “Pháp” ấy gọi là thường trụ, cũng gọi là vô biên, bất tư nghị, chẳng có thể chấp trì, chẳng có thể trói buộc, mà cũng có thể chúng thấy. Nếu kẻ nào nói là không có thể chúng thấy được “Pháp”, thì không nên y theo kẻ ấy. Vì thế nên theo “Pháp” mà không y theo người.

Nếu có người dùng lời vi-diệu tuyên nói vô-thường. Không nên y theo những lời này. Vì thế nên y theo “nghĩa” mà không y theo “lời”.

Còn nhận biết chúng Tăng là thường trụ, là vô-vi không biến đổi, chẳng chứa cát tám vật bất tịnh. Đây là “y theo trí không y theo thức”.

Nếu có người nói: Thức làm, thức thọ, không chúng Tăng hòa hiệp. Tại vì sao ? Luận về hòa hiệp gọi là vô sở hữu. Đã vô sở hữu sao lại gọi là thường trụ. Đây là tình thức không nên y theo.

Còn liễu-nghĩa gọi là tri túc, trọn không dối hiện oai nghi thanh bạch, không kiêu mạn tự cao tham cầu lợi dưỡng và đối với trong giáo pháp tùy nghi phương tiện của Như-Lai không sanh lòng chấp trước. Nếu vị nào an trụ được trong những điều này, phải biết người ấy đã trụ được nơi đệ nhất nghĩa. Đây gọi là y theo kinh liễu-nghĩa.

Như trong kinh nói: Tất cả phùng cháy, tất cả đều khô, tất cả đều không, tất cả vô ngã. Đây gọi là không liễu nghĩa. Tại vì sao ? Vì không có thể hiểu rõ nghĩa như vậy, hay làm cho chúng sanh phải đọa A-Tỳ địa ngục. Do vì chấp trước nên không hiểu thấu ý nghĩa. Với câu “Tất cả phùng cháy”, cho rằng Như-Lai nói Niết-bàn cũng cháy. Tất cả vô thường thời Niết-bàn cũng vô thường. Khô, không, vô-ngã cũng như vậy. Đây gọi là kinh không liễu nghĩa chẳng nên y theo.

Này Ca-Diếp ! Nếu có người nói Như-Lai thương xót chúng sanh khéo biết thời nghi. Vì biết thời nghi nên có lúc Như-Lai nói nhẹ là nặng, hoặc nói nặng là nhẹ. Như-Lai xét biết hàng đệ tử có các nhà thí chủ cung cấp đồ cần dùng không thiếu, nên Phật không cho nhận và chứa tôi tở, vàng bạc của báu, không cho buôn bán đổi chác những vật bất tịnh. Nếu hàng đệ tử không có thí chủ cung cấp và thời kỳ mất mùa đói kém, vì muốn hộ trì chánh pháp, nên Phật cho nhận và chứa tôi tở vàng bạc xe cộ, ruộng nhà gạo thóc, đổi lấy đồ dùng. Dầu cho nhận chứa các thứ ấy, nhưng phải tịnh thí cho nhà đàn việt nhiệt thành tin chánh pháp.

Bốn pháp trên đây nên y theo. Nếu có các thứ kinh, luật cùng luận nào chẳng trái bốn pháp trên đây cũng nên y theo.

Nếu có người bảo: “Phải thời nghi hay không phải thời nghi, có thể hộ pháp hay không thể hộ pháp. Như-Lai đều cho tất cả Tỳ-kheo nhận và chứa những vật bất tịnh ấy”. Đây là những lời không nên y theo. Nếu có những kinh, luật, luận nào mà đồng với những thuyết này cũng chẳng nên y theo.

Như-Lai vì người nhục nhãn mà nói bốn điều nên y

theo, không phải nói với các vị có huệ nhãn.

Thế nên nay Như-Lai nói bốn điều y chỉ như vậy. “Pháp” chính là Pháp tánh. “Nghĩa” chính là Như-Lai thường trụ chẳng biến đổi. “Trí” là rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. “Liễu-nghĩa” là thấu rõ tất cả kinh điển Đại-thừa.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TÀ CHÁNH THỨ CHÍN

Bấy giờ Ca-Diếp Bồ-Tát thưa: “ Bạch Thế-tôn ! Có phải cần y-chỉ theo bốn hạng người như trên đã nói chẳng” ?

Phật dạy: “ Chính thế ! Nay Ca-Diếp ! Nên phải y-chỉ như Như-Lai đã nói. Sao lại phải y chỉ với bốn bậc ấy ? Vì rằng có bốn thứ ma”.

Ca-Diếp Bồ-Tát thưa: “ Bạch Thế-Tôn ! Như lời Phật dạy có bốn thứ ma. Nay con phải làm thế nào để phân

biệt là lời của Phật, là lời của ma?

Có những chúng sanh chạy theo hạnh ma, cũng có nhiều người thuận theo lời Phật dạy. Phải làm thế nào để biết rành hai hạng ấy ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Sau khi Như-Lai vào Niết-bàn bảy trăm năm, ma Ba-Tuần sẽ ngăn trở và làm hư hại chánh pháp. Ví như thợ săn thân mặc pháp-y, cũng vậy, ma-vương Ba-tuần giả hình Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di. Nó cũng hóa làm thân Tu-Đà-Hoàn, Tư-Đà-Hàm, A-Na-Hàm, A-La-Hán và hóa làm hình Phật. Ma-Vương đem thân hữu lậu hóa làm thân vô-lậu để làm hư hại chánh pháp. Thời kỳ Ma-Vương Ba-tuần làm hư hại chánh pháp, nó sẽ nói rằng xưa kia Bồ-Tát ở cung trời Đâu-Suất chết, rồi sanh nơi cung vua Bạch-Tịnh tại thành Ca-Tỳ-La-Vệ, nương sự ái dục hòa hiệp của cha mẹ sanh dục mà có thân. Không bao giờ có người nào sanh trong loài người mà được đại chúng cõi Trời cõi người tôn kính. Và lại nói rằng xưa kia khổ hạnh bố thí những đầu, mắt, tủy, não, bố thí những vợ, con, quốc thành, nên nay đặng thành Phật, vì thế nên được chư Thiên, chư Thần cùng mọi người cung kính. Nếu có kinh luật nào nói như lời trên đây, phải biết đó là lời của

ma.

Này Ca-Diếp ! Nếu kinh luật nào nói đức Như-Lai chánh giác đã thành Phật từ lâu, vì muốn cứu độ chúng sanh nên nay mới thị hiện thành Phật và vì tùy thuận theo thế gian nên cũng thị hiện có cha mẹ, nhân nơi ái dục hòa hiệp mà sanh. Phải biết kinh luật này chính thật là của Như-Lai nói.

Nếu ai tin theo lời ma, thời là quyền thuộc của ma. Bằng người nào có thể tùy thuận kinh luật của Phật, người đó là Bồ-Tát.

Nếu có chỗ nào nói không nên tin rằng lúc mới sanh, cả bốn phương Như-Lai đều đi bảy bước, phải biết đây là lời của ma. Ai tùy thuận theo lời ma thời là quyền thuộc của ma.

Nếu nói lúc Như-Lai mới ra đời cả bốn phương đều đi bảy bước, đó là Như-Lai phương tiện thị hiện. Phải biết đây là kinh luật của Như-Lai nói. Người nào tùy thuận lời Phật dạy thời là bậc Bồ-tát.

Nếu có chỗ nói khi Bồ-tát giáng sanh, Phụ-Vương cho người đem đến miếu thờ trời, tất cả chư Thiên, Thần, như Đại-Tự-Tại-Thiên, Đại-Phạm-Thiên-Vương, Thiên-

Đế-Thích v.v... thấy đều chấp tay lễ chân BỒ-Tát. Đây là lời của Phật. Người thuận theo lời này là bậc BỒ-Tát.

Nếu gạn rằng: Trời sanh trước, Phật sanh sau, có sao chư Thiên lại lễ kính Phật ? Phải biết lời gạn này là lời của ma Ba-Tuần. Nếu ai thuận theo lời gạn này thì là quyền thuộc của ma.

Nếu chỗ nào nói: Lúc làm Thái-tử, vì lòng tham dục nên BỒ-tát cưới vợ, hưởng thọ khoái lạc nơi chốn thâm cung. Nên biết trên đây là lời của Ma-Vương. Người thuận theo đây thì là quyền thuộc của ma.

Nếu nói rằng: Từ lâu BỒ-Tát đã bỏ lìa tâm tham dục, vợ con, cho đến sự vui vi diệu của tam-thập, tam-thiên, như bỏ đờm mũi, hưởng là sự vui ở cõi người. BỒ-Tát cạo bỏ râu tóc, xuất gia hành đạo. Đây là lời Phật nói, là kinh luật của Phật. Người thuận theo đây thì là BỒ-Tát.

Nếu có chỗ nói, tại Kỳ-Hoàn tinh xá ở nước Xá-Vệ, vì lòng đại từ thương xót chúng sanh, nên Phật cho các Tỳ-kheo nuôi tôi tó, voi ngựa, gia súc, chứa vàng bạc châu báu, cho buôn bán, gieo trồng v.v... Phải biết đây là lời của ma. Ai thuận theo đây thì là quyền thuộc của ma.

Nếu nói rằng, tại nước Xá-Vệ nơi tinh xá Kỳ-Hoàn, trước vua Ba-Tư-Nặc và Cồ-Chi-Đức Bà-La-Môn, đức Phật cấm các Tỳ-kheo không được nuôi chứa và làm các điều trên. Người phạm các điều này thời không được ở trong hàng Tỳ-kheo, phải hoàn tục, như đám cỏ trong ruộng lúa cần phải nhổ bỏ. Đây chính là kinh, luật của Phật. Người thuận theo đây thời là bậc BỒ-tát.

Nếu nói rằng: Thái-Tử BỒ-Tát thị hiện vào miếu thờ Trời, ở trong pháp ngoại đạo xuất gia tu hành, thị hiện biết tất cả oai nghi lễ tiết, khéo hiểu biết tất cả văn tự kỹ nghệ, thị hiện làm bậc tôn quý nhất trong các giai cấp của xã hội. Dầu vậy, BỒ-Tát chẳng có lòng luyện ái, như hoa sen không nhiễm bùn nhơ. Vì độ chúng sanh nên BỒ-Tát phương tiện thị hiện thuận theo thế-pháp. Những lời trên đây là của Phật nói, người thuận theo đây là bậc BỒ-Tát. Nếu nói trái lại thời là lời của ma cùng quyến thuộc của ma.

Nếu có người cố chấp chín bộ kinh luật mà không chịu tin kinh điển Phương Đẳng Đại-thừa, cho rằng không phải của Phật nói vì trong kinh luật của họ không có nói đến. Phải biết người này có tội, không phải đệ tử của Phật.

Nếu có người tin kinh điển Phương Đẳng Đại-thừa, cho rằng vì độ chúng sanh nên Như-Lai nói kinh Đại-thừa. Người này chính là thật là đệ tử của Phật.

Nếu có chỗ nói Như-Lai không phải là kết quả của vô lượng công đức, là vô thường biến đổi, do chứng pháp không nên tuyên nói lý vô-ngã, chẳng thuận với thế gian. Đây là lời của ma, người tin lời này thời là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng Như-Lai là bậc Đẳng-Chánh-Giác không thể nghĩ bàn, là kết quả của vô lượng công đức, là thường trụ không biến đổi. Đây là lời Phật nói, ai thuận theo lời này thời là bậc Bồ-Tát.

Nếu có Tỳ-kheo thật không chỗ được mà dối hiện tướng đã được, cùng nói được các pháp hơn người, thời phạm tội ba-la-di, mất pháp làm người, như viên đá bẻ hai không còn liền lại được.

Nếu có Tỳ-kheo giới đức trong sạch, ít muốn biết đủ, ở nơi vắng vẻ rảnh rang. Vua quan gặp Tỳ-kheo cho là bậc A-La-hán, rồi cung kính khen ngợi rằng Đại-sư đây sau khi bỏ thân này sẽ chứng quả Vô Thượng Bồ-đề. Tỳ-kheo nghe được liền cải chính là mình chưa chứng quả Thánh và khuyên vua quan chớ nhận lầm. Nhà vua vẫn

cổ kính tin và loan truyền cho mọi người cùng tôn trọng cúng dường. Tỳ-kheo này thật là người giới đức trong sạch nên làm cho mọi người được phước đức lớn. Tỳ-kheo này không phạm tội ba-la-di vì tự mọi người sanh lòng kính tin cúng dường. Nếu nói Tỳ-kheo này mắc tội, phải biết đó là lời của ma.

Lại có Tỳ-kheo giảng tuyên giáo-điển Đại-thừa rất sâu của chư Phật rằng: “Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì có Phật tánh sẽ dứt trừ vô lượng phiền não bèn thành bậc Vô thượng Chánh giác, trừ hạng Nhất-xiển-đề”.

Nếu có người hỏi Tỳ-kheo: “Nhà thầy có Phật tánh chăng ? Sẽ được làm Phật hay không ?”

Tỳ-kheo đáp: “Chính tôi đây quyết định có Phật tánh, còn thành Phật hay không chưa có thể thẩm định”.

Người lại nói: “Đại-Đức không phải hạng Nhất-xiển-đề, tất được thành Phật không còn nghi ngờ gì”.

Tỳ-kheo đáp rằng: “ Vâng ! Đúng như lời người đã nói”.

Dẫu Tỳ-kheo này nói quyết định có Phật tánh, mà vẫn không phạm tội.

Lại có Tỳ-kheo lúc xuất gia tự nghĩ rằng: “Nay ta quyết định thành bậc Vô thượng Chánh giác”. Tỳ-kheo này dầu chưa được thành Phật, nhưng đã được vô lượng vô biên phước đức. Vì xưa kia, trong tám mươi ức kiếp, ta giữ giới trong sạch, ít muốn biết đủ, thành tựu oai nghi, khéo tu vô lượng pháp tạng của chư Phật, thưở ấy ta cũng quyết định rằng mình có Phật tánh, nhờ đó nên nay ta được thành Phật, có đức đại-từ-bi.

Những điều trên đây là lời Phật nói, nếu ai thuận theo thời là bậc Bồ-Tát. Còn ai không chịu thuận theo thời là quyến thuộc của ma.

Ma lại sẽ bảo rằng: -Không có bốn tội trọng, mười ba tội tăng tàn, hai tội bất định, ba mươi tội xả-đọa, chín mươi tội đọa, bốn pháp phải sám hối, các pháp phải học, bảy điều diệt tránh, nhữn đến không có tội thô, tội nghịch, Nhất-xiển-đề. Nếu có Tỳ-kheo phạm các tội đã kể trên đây mà phải đọa địa ngục thời hàng ngoại đạo lẽ ra đều được sanh lên cõi trời cả, vì ngoại đạo không thọ giới, tất không có giới gì mà phạm. Đó là Như-Lai muốn khùng bố người nên nói các điều giới ấy. Dầu Như-Lai có nói phạm tội đột-kiết-la, phải bị đọa vào địa ngục mãi đến tám trăm muôn năm của cõi trời Đao-Lợi mới mãn tội,

đó cũng là việc thị hiện để khùng bố người. Rằng ba-la-di cho đến đột-kiết-la tội nặng tội nhẹ không sai. Đây là các nhà luật sư vọng nói là lời của Phật chế, kỳ thật không phải Phật chế như vậy. Tất cả những lời trên đây là điển từ của ma cả.

Có chỗ nói rằng: “Ở trong các điều giới, nếu phạm một giới nhỏ, sẽ bị khổ báo trong thời gian rất lâu. Nhận thức như vậy sẽ giữ gìn tự thân như rùa giấu kín sáu chi”.

Nếu có luật sư nào nói rằng: “ Phạm chỗ phạm giới đều không tội báo”.

Không nên gàn gỏi luật sư này. Như Phật đã từng dạy:
Nếu nói quá một pháp.

Đây gọi là vọng ngữ,

Chẳng nhận thấy đời sau.

Không ác nào chẳng tạo.

Do đây, chẳng được thân cận người phủ nhận nhân quả. Trong chánh pháp của Phật trong sạch như vậy, huống lại có phạm tội du-lan-giá hoặc phạm tăng-tàn và ba-la-di mà chẳng phải là tội ư ! Thế nên rất phải tự giữ gìn những giới pháp như vậy. Nếu không giữ gìn, thời lấy pháp gì mà gọi là cấm giới ?

Trong các kinh, Như-Lai cũng nói nếu có phạm bốn tội trọng ba-la-di cho đến phạm tội nhỏ đột-kiết-la, thời phải theo luật mà trị tội. Nếu chúng sanh chẳng hộ trì cấm giới làm sao thấy được Phật tánh.

Dầu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng phải do nơi trì giới rồi sau mới được thấy. Do thấy Phật tánh mà được thành Vô thượng Chánh giác.

Trong chín bộ kinh, không có kinh đại-thừa Phương Đẳng, cho nên không nói có Phật tánh. Dầu không nói, nhưng phải biết là thật có Phật tánh.

Người nào nói những lời như đây, thời thật là đệ tử của Như-Lai”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế Tôn ! Như trên đã nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trong chín bộ kinh chưa từng nghe thấy điều này. Như nói là có thời sao lại không phạm tội ba-la-di ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Như lời ông nói đó, thật chẳng phạm tội ba-la-di. Như có người nói trong biển cả chỉ có bảy thứ báu, không có tám thứ. Người này không có lỗi. Cũng vậy, nếu nói trong chín bộ kinh, không có Phật tánh, vẫn là vô tội vì Như-Lai ở trong biển lớn đại

trí, Đại-thừa nói có Phật tánh. Hàng Nhị thừa chẳng thấy biết mà nói là không, nên chẳng mắc tội. Cảnh giới này là chỗ thấy biết của Phật, chẳng phải hàng Thanh-Văn và Duyên giác biết đến.

Này Ca-Diếp ! Người không được nghe tạng pháp thậm thâm bí mật của Như-Lai thì làm thế nào biết rằng có Phật tánh. Những gì gọi là tạng pháp thậm thâm bí mật của Như-Lai ? Chính là kinh điển đại-thừa Phương Đẳng vậy.

Này Ca-Diếp ! Có các nhà ngoại đạo, hoặc nói ngã là thường còn, hoặc nói ngã là đoạn diệt.

Như-Lai không nói như vậy, mà cũng nói là có ngã và cũng nói là không ngã. Đây gọi là trung đạo.

Nếu có người nói: “Đức Phật nói trung đạo: -Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên không thấy không biết. Vì thế nên phải siêng năng tu tập để dứt trừ phiền não”.

Ai nói được những lời trên đây thì chẳng phạm bốn tội trọng. Nếu không nói được như đây thì gọi là phạm tội ba-la-di.

Nếu có người nói: “ Tôi đã thành Phật, vì tôi có Phật

tánh”. Người nói lời này phạm tội ba-la-di. Vì dầu có Phật tánh, nhưng chưa tu tập các pháp lành nên chưa được thấy, vì chưa thấy Phật tánh nên chẳng được thành Phật.

Này Ca-Diếp ! Do những nghĩa này nên Phật pháp rất sâu chẳng thể nghĩ bàn”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-tôn ! Có Quốc vương hỏi thế nào là Tỳ-kheo mắc phải tội đại vọng ngữ ?”

Phật dạy: “ Này Ca-Diếp ! Nếu có Tỳ-kheo vì cầu lợi, vì việc uống ăn, rồi làm những cách đua nịnh gian nguy khi trá, thế nào cho người đời tưởng thật ta là bậc khát sĩ, để ta được danh to lợi lớn. Tỳ-kheo này nhiều ngu si, tự biết rằng chính mình chưa chứng đặng bốn quả Thánh, trong lòng luôn suy nghĩ phải làm thế nào cho người đời, các Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di đều nói rằng ta đã chứng quả, là bậc phước đức lớn, thật là Thánh nhân.

Tỳ-kheo suy nghĩ cầu lợi chẳng phải cầu pháp, ta phải đi đứng đoan nghiêm, chấp trì y-bát, giữ đúng oai nghi, ở riêng nơi yên vắng như A-La-Hán. Làm cho người đời đều bảo rằng: Tỳ-kheo như thế là bậc lành, bậc tốt nhất, Ngài tinh cần khổ hạnh tu pháp tịch diệt. Như

thể ta sẽ có đệ tử đông, cũng sẽ được người cúng dường trọng hậu, khiến hàng phụ nữ cung kính mến tưởng.

Nếu có Tỳ-kheo hay Tỳ-kheo-ni nào làm những sự như vậy thì mắc phải tội đại vọng ngữ.

Lại như có Tỳ-kheo vì muốn kiến lập chánh pháp Vô Thượng nên ở nơi yên vắng, tự chẳng phải A-la-Hán mà muốn làm cho mọi người tin tưởng gọi là A-La-Hán, là Tỳ-kheo tốt, Tỳ-kheo lành, Tỳ-kheo tịch-tĩnh, được nhiều người xuất gia theo làm quyến thuộc. Nhân đó khuyên dạy các Tỳ-kheo và Ưu-Bà-tắc phá giới, đều khiến trì giới. Do đây mà chánh pháp được kiến lập, làm rạng rỡ pháp Vô Thượng của Như-Lai, khai hiển Phương Đẳng đại-thừa, độ thoát vô lượng chúng sanh, khéo hiểu những nghĩa khinh trọng trong kinh luật mà Như-Lai đã nói. Tỳ-kheo này lại nói: Nay ta cũng có Phật tánh. Có kinh điển gọi là tạng bí-mật của Như-Lai. Nơi trong kinh này, ta sẽ quyết định đặng thành Phật đạo, có thể dứt sạch vô lượng ức phiền não kiết sử. Vì vô lượng Ưu-Bà-Tắc mà nói rằng: Các ông đều có Phật tánh, ta cùng các ông đều sẽ an trụ nơi cấp bậc của Như-Lai mà thành Vô thượng Chánh giác, dứt sạch vô lượng phiền não kiết sử. Tỳ-kheo nói những lời trên đây không gọi là người phạm

đại vọng ngữ mà gọi là bậc Bồ-Tát.

Như nói: Người phạm tội đột-kiết-la phải bị đọa trong địa ngục chịu tội đến tám trăm muôn năm tính theo năm tháng ở cõi trời Đao-Lợi, huống là cố phạm tội du-lan-giá.

Trong đại-thừa đây, nếu có Tỳ-kheo phạm tội du-lan-giá thời không nên thân cận.

Những gì gọi là tội du-lan-giá trong kinh đại-thừa ?

Nếu có đàn-tín tạo lập chùa Phật, đem các tràng hoa dùng cúng dường Phật. Có Tỳ-kheo thấy chỉ trong xâu hoa, không hỏi xin mà lấy thời phạm tội du-lan-giá. Hoặc biết hay chẳng biết cũng đều phạm như vậy. Nếu vì tâm tham mà phá hoại tháp Phật thời phạm tội du-lan-giá. Không nên thân cận những người như vậy.

Nếu đàn-tín thấy tháp Phật hư, vì muốn tu bổ cúng dường xá lợi, nơi trong tháp này hoặc được châu báu bèn đem gởi Tỳ-kheo. Tỳ-kheo lãnh rồi bèn tự ý thọ dụng. Tỳ-kheo này gọi là hạng bất tịnh, sanh nhiều sự đấu tranh. Các Ưu-Bà-Tắc tốt không nên gần gũi cúng dường. Tỳ-kheo như vậy gọi là vô căn, gọi là hai căn, gọi là bất định căn.

Người bất định căn lúc tham muốn làm gái, thân liền biến làm gái, lúc tham muốn làm trai thân liền biến làm trai.

Tỳ-kheo như vậy gọi là ác-căn, không gọi là nam, không gọi là nữ, không gọi là tại gia, không gọi là xuất gia. Với Tỳ-kheo này, không nên thân cận cung kính cúng dường.

Trong Phật pháp, về pháp tắc của hàng Sa-Môn, phải sanh lòng từ bi lợi ích chúng sanh, cho đến loài trùng kiến cũng phải ban sự vô úy, đây là pháp của Sa-Môn. Xa lìa uống rượu cho đến ngửi mùi, đây là pháp của Sa-Môn. Chẳng được vọng ngữ, cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến sự vọng ngữ, đây là pháp của Sa-Môn. Chẳng sanh lòng dục cho đến trong giấc mộng cũng không nghĩ đến lòng dục, đây là pháp của Sa-Môn.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-Tôn ! Nếu Tỳ-kheo ngủ chiêm bao hành dâm dục, có phạm giới chăng ?”

Phật dạy: “ Không phạm giới. Ở nơi sự dâm dục, phải sanh ý nghĩ là hôi nhơ, cho đến không có một niệm tưởng là sạch tốt. Tránh sự nghĩ tưởng ái nhiễm hàng phụ nữ. Nếu chiêm bao hành dâm, lúc thức dậy phải hổ thẹn ăn

năn. Nếu móng lòng dâm dục phải kíp trừ bỏ. Tỳ-kheo đi khất thực, lúc nhận cúng dường, phải có ý tưởng như ăn thịt con đẻ trong thời kỳ đói kém. Pháp môn trên đây là kinh luật của Phật nói, Người thuận theo đây thời là bậc Bồ-tát.

Nếu có kẻ nào nói rằng: Đức Phật cho phép Tỳ-kheo luôn đứng co một chân, luôn nín lặng không nói, hoặc nhảy vào lửa, nhảy xuống vực, từ trên gộp đá cao tự nhảy xuống chẳng tránh sự hiểm nạn, hoặc uống độc dược, hoặc tuyệt thực, nằm trên tro đất, tự trói tay chân, hoặc giết hại chúng sanh, bàng môn chú thuật, con nhà hàng thịt, không căn, hai căn, bất định căn, giác quan không đủ, Như-Lai đều cho những người trên đây xuất gia hành đạo. Phải biết lời này của ma nói.

Nếu có chỗ nào nói rằng cho mặc ma-ha-lăng-già, đều cho chứa cát tất cả hột giống, loài cỏ cây đều có thọ mạng, Như-Lai nói lời này rồi bèn vào Niết-bàn. Phải biết trên đây là lời của ma nói.

Trước kia Như-Lai cho ăn năm thứ sữa bò cùng với dầu, mật, cho mặc y kiêu-xa-gia, dép da v.v... trừ những vật của ngoại đạo.

Như-Lai cũng không cho luôn đứng co một chân, mà

bảo theo đúng chánh pháp pháp tùy ý đi đứng nằm ngồi. Như-Lai cũng chẳng cho tuyệt thực hay uống độc dược, hoặc năm thứ nóng đốt thân, trói cột tay chân, giết hại chúng sanh, luyện bùa môn chú thuật, dùng ngà voi châu ngọc làm dép da. Chẳng cho mặc ma-ha-lăng-già, chứa cát các hột giống. Chẳng nói cỏ cây có thọ mạng. Nếu ai nói Như-Lai cho phép và nói như trên đây, phải biết kẻ ấy là quyền thuộc của ngoại đạo, không phải là đệ tử của Phật.

Như-Lai chỉ cho ăn năm thứ sữa bò và dầu, mật, cho mang dép da, mặc y kiêu-xa-gia. Như-Lai nói tứ đại không có thọ mạng. Kinh luật nào nói như vậy chính là lời của Phật. Thuận theo lời Phật là đệ tử của Phật. Còn không thuận theo lời Phật thì là quyền thuộc của ma. Nếu có người nào tùy thuận kinh luật của Phật, phải biết đó là bậc Bồ-Tát.

Này Ca-Diếp ! Thế nào là lời của ma nói, thế nào là lời của Phật nói. Nay Như-Lai đã phân biệt nhiều cho ông rồi”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Bạch Thế-tôn ! Nay con mới biết rõ chỗ sai biệt của lời Phật nói cùng lời ma nói, nhân đây mà con được ngộ nhập nghĩa sâu của Phật

pháp”.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát: Này Ca-Diếp ! Ông có thể hiểu rành rẽ như vậy, đáng gọi là người thông sáng.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TỨ ĐẾ THỨ MƯỜI

Này Ca-Diếp ! Nói là “khổ” đó, chẳng gọi là Thánh-đế. Tại sao vậy ? Vì nếu nói “khổ” là khổ Thánh-đế, thì tất cả trâu, dê, lừa, ngựa cùng người địa ngục lẽ ra có Thánh-đế.

Này Ca-Diếp ! Nếu có người nào chẳng biết cảnh giới rất sâu của Như-Lai với pháp thân vi mật thường trụ không biến đổi, cho là thực thân không phải pháp thân, chẳng biết đạo đức oai lực của Như-Lai, đây gọi là “khổ”.

Do vì chẳng biết nên nơi “pháp” thấy là “phi-pháp”, nơi “phi pháp” thấy là “pháp”. Phải biết người này ắt phải đọa vào ác thú mãi trôi lăn trong vòng sanh tử, thêm

lớn nghiệp hoặc chịu nhiều khổ não.

Nếu có người hay biết Như-Lai thường trụ không có biến đổi, hoặc nghe tiếng nói hai chữ “thường trụ” một lần phớt qua tai, bèn được sanh lên cõi trời. Về sau, lúc được giải thoát, mới được chứng biết Như-Lai thường trụ không có biến đổi. Khi đã chứng biết bèn tự nói: “ Ngày trước, tôi từng nghe nghĩa thường trụ này, nay được giải thoát mới được chứng biết. Đối với bốn tế, vì không rõ biết, nên tôi phải luân hồi sanh tử xoay lăn vô cùng, ngày nay mới bắt đầu đặng chứng biết như thật”.

Nếu người nào biết như vậy, thật là tu “khổ-đế”, được nhiều lợi ích lớn. Nếu người không biết, dầu là siêng tu nhưng không được lợi ích, đây gọi là “khổ”, gọi là “khổ Thánh-đế”.

Nếu người nào không tu tập được như vậy, thời gọi là “khổ”, chẳng phải “khổ Thánh-đế”.

“ Khổ-tập-đế” là, nơi trong chân pháp chẳng sanh chân trí. Thọ lấy vật bất tịnh, tức là nô tỳ, hay nói phi pháp là chánh pháp, dứt diệt chánh pháp chẳng cho còn lâu. Vì nhân duyên này mà không biết được pháp tánh, vì không biết mà luân hồi sanh tử chịu nhiều sự khổ não, chẳng được sanh cõi trời và chánh giải thoát. Nếu có

thâm trí chẳng hoại chánh pháp, do nhân duyên này được sanh cõi trời và chánh giải thoát.

Nếu có người không biết khổ tập đế, mà nói chánh pháp không có thường trụ. Đây đều là diệt pháp. Vì nhân duyên này nên trong vô lượng kiếp lưu chuyển sanh tử chịu các sự khổ não.

Nếu có thể biết pháp thường trụ chẳng khác, đây gọi là biết “tập”, gọi là “tập Thánh-đế”. Nếu người không thể tu tập được như vậy thời gọi là “tập”, chẳng phải “tập Thánh-đế”.

“Khổ diệt-đế” là, nếu người tu học nhiều pháp không thời là chẳng tốt. Bởi vì sao? Vì dứt tất cả pháp, vì hư hoại chân pháp tạng Như-Lai. Tu học như trên đây gọi là tu pháp không. Người tu “khổ diệt-đế” thời nghịch lại tất cả pháp tu của ngoại đạo. Nếu nói rằng tu pháp không là diệt-đế đó, thời tất cả ngoại đạo cũng tu pháp không, đáng lẽ họ có diệt-đế.

Nếu có người tu tập Như-Lai tạng: Vô ngã không-tịch, người này nơi vô lượng đời lưu chuyển thọ khổ trong vòng sanh tử. Nếu có người chẳng tu tập như vậy, dầu có phiền não nhưng chóng có thể diệt trừ, vì người này biết tạng bí mật Như-Lai.

Nếu có người nói rằng có tạng Như-Lai, dầu chẳng thấy được nhưng nếu có thể diệt trừ tất cả phiền não đây thời đặng chứng nhập. Nếu phát tâm như trên đây, nhân duyên trong một niệm, có thể đặng tự tại đối với tất cả pháp.

Nếu người nào có thể tu tập Diệt-đế như vậy chính là đệ tử của ta. Bằng không, thời gọi là tu pháp không chẳng phải “diệt Thánh-đế” vậy.

“Đạo Thánh-đế” tức là Phật-bảo, Pháp-bảo, Tăng-bảo và chánh giải thoát.

Có hạng chúng sanh điên đảo cho rằng không Phật, không Pháp, không Tăng và không chánh giải thoát, sanh tử lưu chuyển dường như huyễn hóa. Do kiến chấp này nên lưu chuyển ba cõi chịu nhiều khổ não.

Nếu người có thể phát tâm thấy rằng Như-Lai thường trụ không biến đổi, Pháp, Tăng giải thoát cũng thường trụ như vậy. Nhờ một niệm này trong vô lượng đời tùy ý mà đặng quả báo tự tại.

Như ta thưở trước, vì bốn thứ điên đảo, chẳng phải pháp chấp là pháp, nên mắc lấy vô lượng nghiệp quả ác. Ngày nay ta đã diệt hết những kiến chấp như vậy, nên

đặng thành Phật Vô thượng Chánh giác. Đây gọi là đạo Thánh-đế.

Nếu có người cho rằng Tam-bảo là vô thường, đây là lỗi tu hư vọng chẳng phải đạo Thánh-đế.

Nếu người tu tập Tam-bảo là thường trụ, người này là đệ tử của ta, chân chánh tu tập thấy bốn pháp Thánh-đế. Trên đây gọi là bốn Thánh đế”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng: “ Thế-tôn ! Nay tôi mới biết tu tập bốn pháp Thánh-đế rất sâu”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TỨ ĐẢO THỨ MƯỜI MỘT

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát: “ Này thiện-nam-tử ! Thế nào là Tứ-Đảo ?

Bốn điều điên đảo: “ Nơi chẳng phải khổ tưởng cho là khổ”, gọi là điên đảo. Chẳng phải khổ chỉ cho Như-Lai.

Tưởng cho là khổ, tức là cho rằng Như-Lai là vô thường biến đổi.

Nếu có người nói Như-Lai là vô thường, đây gọi là tội khổ rất lớn.

Nếu nói Như-Lai khi xả thân khổ này để nhập Niết-bàn như củi hết lửa tắt, đây gọi là chẳng phải khổ mà tưởng cho là khổ. Chính đó là điên đảo.

Nếu ta nói rằng: Như-Lai là thường thì là chấp ngã, vì chấp ngã nên có vô lượng tội, thế nên phải nói Như-Lai là vô thường, nói như thế thì ta vui thích.

Như-Lai là vô thường chính đó là khổ, nếu đã là khổ thế nào sanh vui. Bởi ở trong khổ tưởng cho là vui nên gọi là điên đảo.

Nơi vui tưởng cho là khổ, gọi là điên đảo. Vui tức là Như-Lai. Khổ tức là Như-Lai vô thường. Nếu nói Như-Lai là vô thường đây gọi là nơi vui tưởng cho là khổ.

Như-Lai thường trụ, đây gọi là vui.

Nếu ta nói rằng: Như-Lai là thường, sao lại nhập nơi Niết-bàn. Nếu nói Như-Lai chẳng phải là khổ, sao lại bỏ thân mà diệt độ. Bởi ở trong vui tưởng cho là khổ nên gọi đó là điên đảo. Các điều tưởng lầm như trên gọi là sự

điên đảo thứ nhất.

“ Vô-thường tướng là thường, thường tướng là vô-thường”, đây gọi là điên đảo.

Vô thường chỉ chẳng tu pháp không. Vì chẳng tu pháp không nên thọ mạng ngắn ngủi.

Nếu có người cho rằng chẳng tu pháp không tịch thời đặng trường thọ. Quan niệm đó gọi là điên đảo. Đây là sự điên đảo thứ hai.

“ Vô-ngã tướng là ngã, ngã tướng là vô-ngã”, đây là điên đảo.

Người đời cũng nói có ngã, trong Phật pháp cũng nói có ngã.

Người đời dầu nói có ngã nhưng không có Phật tánh, đây thời gọi là nơi vô-ngã mà tướng là ngã gọi đó là điên đảo.

Phật pháp nói có ngã tức là Phật tánh. Người đời lại nói Phật pháp không ngã, đây gọi là nơi ngã tướng là vô ngã. Nếu nói Phật pháp quyết định vô ngã nên đức Như-Lai dạy hàng đệ tử tu tập pháp vô ngã. Lời trên đây là điên đảo. Đây là điều điên đảo thứ ba.

Tịnh tướng là bất tịnh, bất tịnh tướng là tịnh, đây gọi

là điên đảo.

Tịnh chính là Như-Lai thường trụ, chẳng phải thân tạp thực, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân thịt, chẳng phải là thân gân xương rành rọt.

Nếu có người nói rằng Như-Lai là vô thường, là thân tạp thực, là thân thịt, là gân xương rành rọt, cũng cho rằng Pháp, Tăng, giải thoát đều là diệt tận, đó gọi là những quan niệm điên đảo vì tịnh mà cho là bất tịnh.

Bất tịnh tưởng cho là tịnh, gọi đó là điên đảo.

Nếu có người nói rằng trong thân của ta đây không có một pháp nào là bất tịnh cả, bởi không có bất tịnh nên quyết định sẽ đặng vào nơi chỗ thanh tịnh. Thuyết tu bất tịnh quán của Như-Lai là thuyết hư-vọng.

Trên đây là quan niệm điên đảo. Đó gọi là điều điên đảo thứ tư”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng: “ Thế-Tôn ! Từ nay tôi mới đặng chánh kiến. Bạch thế-Tôn, trước đây chúng tôi đều là người tà kiến cả”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM NHƯ-LAI TÁNH THỨ MƯỜI HAI

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Hai mươi
lăm cõi có ngã cùng chăng ?”

Phật dạy: “ Này Thiện-nam-tử ! Ngã tức là nghĩa
Như-Lai tạng. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh tức là
nghĩa của ngã. Nghĩa của ngã như vậy từ nào tới giờ
thường bị vô lượng phiền não che đậy, vì thế nên chúng
sanh chẳng nhận thấy được.

Như cô gái nghèo, trong nhà có nhiều kho tàng vàng
ròng, tất cả người nhà không ai biết. Một hôm có người
khách lạ khéo biết phương tiện bảo cô gái nghèo: “ Nay
tôi thuê cô dọn cỏ rác cho tôi”.

Cô gái liền đáp: “ Nếu ông có thể chỉ kho vàng cho
tôi, rồi tôi sẽ dọn cỏ rác cho ông”.

Người khách nói: “ Tôi biết cách thức, có thể chỉ kho
vàng cho cô”.

Cô gái nói: “ Tất cả người nhà của tôi còn chẳng biết
được, huống là ông mà có thể biết !”

Khách lại nói: “ Nay tôi có thể biết chắc chắn”.

Cô gái nói: “ Tôi gấp muốn thấy, ông nên chỉ cho tôi”.

Người khách liền ở trong nhà cô, đào được kho vàng rỗng. Cô gái thấy kho vàng lòng rất vui mừng ngạc nhiên lạ lùng, kính trọng người khách.

Này Thiện-nam-tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tất cả chúng sanh chẳng nhận thấy được. Khác nào cô gái nghèo có kho vàng mà chẳng biết. Hôm nay ta chỉ bày Phật tánh sẵn có của tất cả chúng sanh hiện bị các phiền não che đậy. Như cô gái nghèo kia trong nhà sẵn có kho vàng nhưng không thấy được. Hôm nay đức Như-Lai chỉ bày kho báu giác tánh cho chúng sanh, đây chính là Phật tánh. Chúng sanh thấy được tánh này lòng rất vui mừng quy ngưỡng đức Như-Lai.

Người khách khéo biết phương tiện dụ cho Như-Lai. Cô gái nghèo dụ cho vô lượng chúng sanh. Kho vàng rỗng dụ cho Phật tánh.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như cô gái sanh một trai, trẻ này mắc bệnh, cô gái buồn rầu tìm y sĩ. Y sĩ đến xem bệnh, dùng ba thứ bọ, sữa, đường phèn hiệp lại bảo cho đứa trẻ uống. Y sĩ dặn cô gái, đứa trẻ sau khi uống thuốc

chớ cho nó bú, phải chờ thuốc tiêu hóa, rồi mới được cho bú.

Cô gái liền lấy chất đấng thoa trên vú rồi bảo đứa bé: “Vú của mẹ đã thoa thuốc độc, con chớ chạm đến”.

Đứa bé đói khát muốn bú, nhưng nghe mùi đấng trên vú bèn chẳng dám gần. Thời gian sau thuốc uống đã tiêu hóa, người mẹ lấy nước rửa sạch vú mình, gọi con đến bú.

Lúc đó đứa trẻ mặc dầu đói khát nhưng nhớ mùi đấng nên chẳng dám đến bú.

Người mẹ bảo: “Vì con uống thuốc nên mẹ lấy chất đấng thoa trên vú. Thuốc con uống đã tiêu hóa, vú của mẹ cũng đã rửa sạch, giờ đây con có thể đến bú không hại gì”.

Đứa trẻ nghe mẹ bảo lần lần đến bú.

Này Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai cũng vậy. Vì độ tất cả chúng sanh nên dạy tu pháp vô ngã. Nhờ tu pháp đó dứt hẳn tâm chấp ngã, được nhập Niết-bàn. Vì trừ những vọng kiến trong đời nên thị hiện pháp xuất thế gian. Lại chỉ rõ quan niệm chấp ngã của người đời là hư vọng chẳng phải chân thật, nên dạy tu pháp vô ngã để

được thân thanh tịnh.

Như cô gái kia chữa bệnh cho con, nên lấy chất đắng thoa trên vú. Cũng vậy, Đức Như-Lai vì dạy tu pháp không nên nói các pháp đều không có ngã.

Như cô gái kia rửa sạch vú rồi kêu con đến bú. Cũng vậy, đức Phật hôm nay nói Như-Lai tạng.

Vì thế nên các Tỳ-kheo chớ có sanh lòng kinh sợ.

Như đứa trẻ kia nghe mẹ kêu lần lần đến bú. Cũng vậy, các Tỳ-kheo nên tự phân biệt Như-Lai tạng, chẳng được, chẳng có.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Thật không có ngã. Vì lúc đứa trẻ mới sanh không hiểu biết. Nếu là có ngã thời ngày mới sanh lẽ ra liền có hiểu biết. Do nghĩa này nên định biết là không ngã.

Nếu quyết định có ngã, sau khi đã thọ sanh, lẽ ra không chết mất. Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, là thường trụ, lẽ ra không hư hoại. Nếu là không hư hoại, sao lại có Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la, súc sanh v.v... sai biệt nhau. Hiện nay thấy các thứ nghiệp duyên chẳng đồng, các loài đều riêng khác. Nếu quyết định có ngã, thời tất cả chúng sanh lẽ ra không hơn

kém.

Do những nghĩa trên đây nên quyết định biết Phật tánh chẳng phải là pháp thường trụ.

Nếu cho rằng Phật tánh quyết định là thường trụ, thì do duyên gì lại nói có sát sanh, trộm cướp, tà dâm, lưỡng thiệt, ác khẩu, vọng ngôn, ỷ ngữ, tham lam, sân khuê, tà kiến.

Nếu ngã tánh là thường trụ, có gì sau khi uống rượu lại say mê.

Nếu ngã tánh là thường trụ, thì kẻ mù lẽ ra thấy sắc, kẻ điếc lẽ ra nghe tiếng, kẻ câm lẽ ra nói được, người què lẽ ra có thể đi.

Nếu ngã tánh là thường trụ, lẽ ra chẳng còn tránh hầm lửa, nước lụt, thuốc độc, dao gươm, kẻ ác, thú dữ.

Nếu ngã là thường trụ, thì những việc đã từng nghe thấy lẽ ra chẳng quên. Nếu chẳng quên có gì lại nói: tôi đã từng thấy người này ở chỗ đó.

Nếu ngã là thường, thì lẽ ra chẳng nên có niên thiếu, tráng niên, lão thành v.v... Lẽ ra chẳng nên có thịnh, suy, mạnh, yếu cùng nhớ đến việc đã qua.

Nếu ngã là thường, thì nó ở chỗ nào ? Nó ở trong

nước mũi, nước miếng, hay ở trong các màu sắc xanh, vàng, đỏ, trắng ư !

Nếu ngã là thường, lẽ ra nó phải khắp trong thân, như dầu mè không chỗ hở trống. Nếu như vậy lúc chặt đứt thân thể, thời ngã đó lẽ ra cũng bị đứt !”

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-tát: “ Thiên-nam-tử ! Ví như nhà vua có đại lực sĩ. Trên trán lực sĩ gắn hột châu kim cương. Lực sĩ này cùng người đánh vật. Hột châu kim cương bị đầu kẻ địch đụng lún khuất trong da. Nơi đó thành vết thương. Liền nhờ y sĩ cứu chữa. Y sĩ tài giỏi xem vết thương biết là do hột châu lún vào ở khuất dưới da. Y sĩ hỏi lực sĩ: “ Châu kim cương trên trán của ông đâu rồi ?”

Lực sĩ kinh hãi đáp: “ Hột châu trên trán của tôi đã mất rồi ư ? Nó rơi rớt ở đâu ?” Nói xong lo rầu khóc lóc.

Y sĩ an ủi:

“ Nay ông chẳng nên buồn khổ. Vì lúc ông đánh vật, hột châu lún vào ở ẩn dưới da, bóng nó hiện ra nơi ngoài. Lúc các ông vật đánh nhau, lòng quá giận tức, nên hột châu lún vào trán mà chẳng hay biết”.

Lực sĩ chẳng tin lời của y sĩ, nghĩ rằng: Nếu hột châu

ở dưới da, máu mủ chảy tuôn có sao hột châu chẳng trôi lên. Còn nếu hột châu ở trong gân, lẽ ra không thể thấy. Hoặc giả y sĩ gạt gẫm ta chăng ?

Bấy giờ y sĩ cầm gương soi trên mặt lục sĩ. Hột châu kim cương hiện ánh sáng trong gương. Lục sĩ nhìn thấy, ngạc nhiên mừng rỡ.

Này Thiện-nam-tử ! Tất cả chúng sanh cũng vậy. Vì không được gần gũi bậc thiện-tri-thức, dầu có Phật tánh mà đều không nhận thấy. Bị tham, sân, si che đậy. Vì thế nên đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, A-tu-la, Chiên-đà-la, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà. Sanh vào trong các dòng đó, như tâm tưởng mà gây ra các thứ nghiệp duyên. Dầu được thân người, nhưng phải điếc, đui, câm, ngọng, què, thọt. Thọ các quả báo trong hai mươi lăm cõi. Vì tham, sân, si, che lấp bản tâm, nên chẳng biết Phật tánh. Như lục sĩ kia hột châu vẫn ở trong thân mà hô đã mất.

Cũng vậy, chúng sanh chẳng biết gần gũi thiện-tri-thức, chẳng biết bảo tạng Như-Lai, nên tu học vô ngã. Như hạng chẳng phải bậc Thánh, dầu nói là có ngã, nhưng lại chẳng biết chơn tánh của ngã.

Hàng đệ tử của ta cũng giống như vậy, vì chẳng biết

gần gũi bậc thiện-tri-thức, nên tu học vô ngã mà chẳng biết chỗ thật của vô ngã. Còn chẳng tự biết chân tánh của vô ngã, huống lại có thể biết chân tánh của ngã.

Này Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai nói các chúng sanh đều có Phật tánh, ví như y sĩ chỉ hột châu kim cương cho lực sĩ, các chúng sanh này bị vô lượng phiền não che đậy chẳng biết Phật tánh. Nếu dứt hết phiền não, bây giờ mới đặng chứng biết rõ ràng. Như lực sĩ thấy hạt châu trong gương sáng.

Tặng Như-Lai vô lượng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như núi Tuyết có một vị thuốc tên là “Được vị”. Thuốc đó rất ngọt, ở dưới lùm bụi rậm, người không thấy được. Có người nghe mùi thuốc liền biết chỗ đó chắc có thuốc ấy. Thuở trước có vua Chuyển Luân ở nơi núi Tuyết này đặt những bông cây để tiếp lấy thuốc. Lúc thuốc đó chín thì từ đất chảy ra chứa vào trong bông cây, mùi vị thuốc ngọt ngon. Sau khi Vua đã băng, thì thuốc đó hoặc chua, hoặc mặn, hoặc ngọt, hoặc đắng, hoặc cay, hoặc lạt, tùy địa phương của thuốc sanh ra mùi vị đều khác nhau. Nhưng vị thật của thuốc đọng ở nơi núi như mặt trăng tròn. Người phàm ít phước dầu có đào xới chỉ luống khôn khổ mà

không thể được. Lúc có Thánh-Vương ra đời, vì phước lớn của Vua, liền đặng vị thật của thuốc.

Này Thiện-nam-tử ! Mùi vị tạng Như-Lai cũng như vậy, bị các rùng bụi phiền não che đậy, chúng sanh mê mờ chẳng thấy được.

“Dược vị” trên kia dụ cho Phật tánh. Bởi các phiền não nên sanh ra các thứ mùi vị sai khác như là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, Trời, người, nam, nữ, Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà v.v...

Phật tánh hùng mãnh không thể hư hoại, vì thế nên không ai có thể sát hại được. Nếu sát hại được thì Phật tánh dứt, nhưng Phật tánh trọn không thể dứt, vì không bao giờ tánh có thể dứt được.

Như tánh của ngã tức là tạng Như-Lai không có gì phá hoại, đốt cháy được tánh ấy. Dầu không có thể phá hoại, nhưng chẳng thấy được. Nếu chứng đặng Vô Thượng chánh đẳng chánh giác mới thấy được tánh. Do có đó nên không ai có thể sát hại được.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng: “ Thế Tôn ! Nếu không ai sát hại được, thì lẽ ra không có nghiệp bất thiện ?”

Phật nói:

“Này Ca-Diếp ! Thật có sát sanh. Vì Phật tánh của chúng sanh ở trong thân ngũ ấm, nếu sát hại ngũ ấm, gọi là sát sanh, đã có sát sanh, thời đọa ác thú.

Do nhân duyên của nghiệp mà có Sát-đế-lợi, Bà-la-môn, Tỳ-xá, Thủ-đà, Chiên-đà-la, nam-nữ v.v... hai mươi lăm cõi sai khác lưu chuyển trong dòng sanh tử.

Người chẳng phải bậc Thánh vọng chấp tướng của ngã là lớn hay nhỏ, bằng hột cỏ, hoặc bằng hột gạo, hột đậu, nhấn đến bằng ngón tay cái. Họ vọng sanh các thứ tướng tượng như vậy. Tướng của vọng tưởng không có chân thật.

Tướng ngã xuất thế gian, gọi là Phật tánh. Nhận lấy ngã này, gọi là rất lành.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người giỏi biết kho báu dưới đất, liền lấy cuốc bèn đào đất, thẳng đến đá bàn, cát, sỏi, có thể đào qua không khó, chỉ đến lớp kim cương thì không thể xoi thấu.

Luận về chất kim cương, tất cả dao búa không thể làm hư bể. Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, tất cả nhà biện luận, Thiên-ma, Ba-tuần, cho đến các

hàng Trời, người, không thể phá hoại.

Tướng ngũ âm là hữu vi, tướng hữu vi dụ như đá, cát, sỏi, có thể đào, có thể xoi. Phật tánh dụ như kim cương, không thể phá hoại được.

Do nghĩa này, nên phá hoại thân ngũ âm thời gọi đó là sát sanh.

Này Thiện-nam-tử ! Nên biết quyết định rằng Phật pháp chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện nam-tử ! Kinh Đại-thừa Phương-đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Do nhân duyên gì mà Đức Như-Lai nói Kinh Đại-thừa Phương-Đẳng như chất cam lồ, cũng có lúc như thuốc độc”.

-Này Thiện-nam-tử ! Nay ông muốn biết nghĩa chân thật của tạng Như-Lai chăng ?

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Tôi nay thật muốn biết nghĩa của tạng Như-Lai”.

Bấy giờ Đức Thế-Tôn nói kệ rằng:

Hoặc có người uống cam lồ.

Hại thân mạng mà chết sớm.

Hoặc có người uống cam lồ.
Thêm tuổi thọ sống được lâu,
Hoặc uống thuốc độc được sống,
Có người uống độc mà chết.
Trí vô ngại như cam lồ,
Đó chính là kinh Đại thừa.
Kinh điển Đại thừa như vậy,
Cũng gọi là chất thuốc độc.
Như bơ, đề-hồ v.v...
Nhấn đến các thứ đường phèn.
Uống vào tiêu hóa là thuốc.
Chẳng tiêu hóa thì thành độc.
Kinh Đại-thừa cũng như vậy,
Nơi người trí là cam lồ,
Kẻ ngu chẳng biết Phật tánh.
Nghe Đại-thừa thành thuốc độc.
Với bậc Thanh-Văn, Duyên-Giác.
Pháp Đại thừa là cam lồ.

Cũng như trong các mùi vị.
Chất sữa là hơn tất cả.
Những người siêng năng tinh tấn.
Nhờ nương nơi pháp Đại-thừa.
Đặng đến nơi Đại-Niết-bàn.
Thành bậc vua trong loài người.
Chúng sanh chúng biết Phật tánh.
Được chất cam lồ Vô Thượng.
Thời không sanh cũng không tử.
Như Ca-Diếp Bồ-Tát thấy.
Này Ca-Diếp ông nên phải.
Khéo phân biệt pháp tam-quy,
Thật tánh của pháp tam-quy.
Thời là chân tánh của ngã.
Nếu có thể gẫm xét kỹ.
Tánh của ngã có tánh Phật.
Nên biết những người như vậy.
Đặng chúng nhập tạng Như-Lai.

Biết ngã cùng biết ngã sở.
Người này đã được xuất thế.
Tánh, Phật, Pháp, Tăng, Tam-Bảo.
Là bậc đệ nhất Vô Thượng.
Kệ trên đây của ta nói.
Phật tánh đó nghĩ như vậy.
Ca-Diếp Bồ-Tát nói kệ bạch Phật:
Tôi nay đều chẳng biết.
Quy y nơi Tam-Bảo.
Thế nào sẽ về đến.
Vô thượng vô-sở-úy ?
Chẳng biết chỗ Tam-Bảo.
Thế nào là vô ngã ?
Quy y Phật thế nào,
Mà đặng nơi an ổn ?
Quy y Pháp thế nào,
Xin Phật vì tôi nói.
Thế nào đặng tự tại ?

Thế nào chẳng tự tại ?
Quy y Tăng thế nào,
Lại đặng lợi Vô Thượng ?
Thế nào thuyết chân thật,
Đời sau thành Phật đạo ?
Đời sau nếu chẳng thành,
Thế nào quy Tam-Bảo ?
Nay tôi không dự biết,
Nên tuân tự quy y.
Thế nào chưa thai nghén,
Mà tưởng sẽ sanh con?
Nếu biết ở trong thai,
Thời gọi là có con,
Con nếu ở trong thai,
Chắc sẽ sanh chẳng lâu,
Đây gọi là nghĩa con,
Nghiệp chúng sanh cũng vậy.
Như lời Phật đã nói,

Người ngu chẳng biết được.
Do vì họ chẳng biết,
Luân hồi ngục sanh tử,
Giả danh Ưu-bà-tắc,
Chẳng biết nghĩa chân thật.
Xin Phật rộng phân biệt,
Dứt trừ lưới nghi cho.
Đức Phật trí huệ lớn,
Xin thương vì phân biệt,
Xin nói nơi Như-Lai,
Tặng báu rất bí mật.
Ca-Diếp ông nên biết,
Ta nay sẽ vì ông,
Khéo mở tặng bí mật,
Cho ông đừng dứt nghi,
Nay phải hết lòng nghe:
Ông trong hàng Bồ-Tát,
Thời đồng một danh hiệu,

Với Đức Phật thứ bảy.
Người quy y nơi Phật,
Thật là Ưu-Bà-Tắc,
Trọn chẳng lại quy y.
Những thiên thần nào khác.
Người quy y nơi Pháp,
Thời lìa sự sát hại.
Người quy y Thánh-Tăng,
Chẳng cầu các ngoại đạo,
Quy Tam-Bảo như vậy,
Thời đặng vô-sở-úy.
Ca-Diếp bạch Phật rằng:
Tôi cũng quy Tam-bảo,
Đây gọi là đường chánh,
Cảnh giới của chư Phật,
Tướng Tam-bảo bình đẳng.
Thường có tánh trí huệ,
Tánh ngã và tánh Phật,

Không hai không sai khác,
Đạo này Phật khen ngợi,
Thẳng đến chỗ ở an.
Cũng gọi chánh biến tri.
Nên được Phật tán thán.
Tôi cũng đến Phật đạo.
Của Đức Phật ngợi khen.
Là cam lồ tối thượng.
Các cõi chỗ không có.

Đức Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Này Thiện-nam-tử !
Nay ông chẳng nên như hàng Thanh-văn, cùng hàng
phàm phu phân biệt ngôi Tam-bảo. Nơi Đại-thừa đây
không có tướng Tam-quy sai khác, vì trong Phật tánh bèn
có Pháp và Tăng. Nhân muốn hóa độ hàng Thanh-văn và
phàm phu, nên phân biệt nói tướng Tam-quy sai khác.

Này Thiện nam-tử ! Nếu muốn tùy thuận pháp thế
gian, thời nên phân biệt có ba pháp quy y.

Này Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát nên suy nghĩ như thế này,
nay thân của ta đây quy y nơi Phật, nếu chính nơi thân
này đặng thành Phật đạo, đã thành Phật rồi, chẳng nên

cung kính lễ bái cúng dường các đức Thế-Tôn. Vì chư Phật đều bình đẳng. Khấp vì chúng sanh mà làm chỗ quy y. Nếu muốn tôn trọng pháp thân xá lợi, thì nên lễ kính tháp miếu của chư Phật, vì muốn hóa độ chúng sanh, cũng làm cho chúng sanh đối với thân của ta tưởng là tháp miếu mà lễ bái cúng dường. Những chúng sanh đó, lấy pháp thân của ta làm chỗ quy y.

Tất cả chúng sanh đều nương theo pháp tà ngụy chẳng chân thật, ta sẽ tuần tự vì chúng sanh nói pháp chân thật.

Nếu lại có chúng sanh nương theo phái chẳng phải chân Tăng, ta sẽ vì chúng sanh làm chỗ chân Tăng để chúng quy y.

Nếu có người phân biệt ba pháp quy y ta sẽ vì họ mà làm chỗ quy y duy nhất, không ba pháp sai khác.

Đối với hạng sanh-manh (49), ta vì họ làm nhãn-mục.

Ta lại sẽ vì hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà làm chỗ chân quy.

Này Thiện-nam-tử ! Như vậy, Bồ-tát vì vô lượng chúng sanh ác và những người trí mà làm Phật sự.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như người lúc ra trận chiến

đầu, tự nghĩ rằng trong đội ngũ đây, ta là người thứ nhất, tất cả binh sĩ đều nương cậy nơi ta.

Cũng như vương-tử suy nghĩ thế này, ta sẽ điều-phục các vương-tử khác, nối ngôi đại vương giữ gìn nghiệp bá chủ, để đặng tự tại, khiến các vương tử đều phải quy y. Vì thế nên chẳng được sanh tâm hạ liệt. Như vương tử, vua và các quan cũng như vậy. Nay Thiên-nam-tử ! Bồ-Tát cũng suy nghĩ như vậy: Thế nào ba sự cùng ta đồng một thể ?

Nay Thiên-nam-tử ! Đức Phật nói ba sự tức là Niết-bàn. Như-Lai đó gọi là Vô-Thượng-Sĩ. Ví như thân người, đầu là trên tất cả, chẳng đồng với tay chân lóng đốt. Phật cũng như vậy, là bậc tôn thượng, chẳng phải Pháp cùng Tăng. Vì muốn hóa độ các thế gian, nên thị hiện những tướng sai khác, ví như bậc thang kia.

Vì thế, nay ông chẳng nên như hàng phàm phu, nhận biết tướng ba pháp quy y sai khác. Đối với Đại-thừa, ông phải như dao bén mạnh mẽ quyết đoán.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Tôi vẫn biết, nhưng cố ý hỏi, chẳng phải là không biết, tôi vì các vị Bồ-Tát đại đồng mãnh, mà bạch hỏi chỗ thật hành thanh tịnh không như, muốn đức Như-Lai vì các Bồ-Tát tuyên

nói những việc kỳ-đặc, tuyên dương kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng. Đức Đại-Bi Thế-Tôn hôm nay đã khéo giải thuyết. Tôi cũng đã an trụ trong pháp đó. Chỗ thật hành thanh tịnh của Bồ-Tát mà Phật đã nói đó, tức là tuyên thuyết kinh Đại Niết-Bàn.

Thế-Tôn ! Nay tôi cũng sẽ rộng vì chúng sanh diễn dương tạng Như-Lai bí mật như vậy, cũng sẽ chứng biết chỗ tam-quy chân thật.

Nếu có chúng sanh nào có thể tin kinh Đại-Niết-Bàn này, người đó thời có thể tự nhiên rõ thấu chỗ ba pháp quy y. Vì tạng Như-Lai có Phật tánh vậy.

Có người tuyên nói kinh điển này, thời đều nói rằng trong thân vẫn có Phật tánh. Người này bèn chẳng cầu ba pháp quy y nơi đâu xa. Vì đời vị lai đây, thân ta bèn sẽ thành tựu ngôi Tam-Bảo. Vì thế nên hàng Thanh-Văn, Duyên-giác và những chúng sanh khác đều nương nơi ta mà cung kính lễ bái. Do nghĩa đó nên phải khéo học kinh điển Đại thừa.

Phật tánh như vậy chẳng thể nghĩ bàn, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt cũng chẳng thể nghĩ bàn”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Lành thay ! Lành thay !

Này Thiện-nam-tử ! Ông đã thành tựu trí huệ rất sâu.

Nay ta sẽ lại vì ông nói pháp chứng nhập Tạng Như-Lai.

Nếu ngã là có, thời là pháp thường chẳng rời nơi khổ. Nếu không có ngã, thời tu hạnh thanh tịnh không được lợi ích.

Nếu cho rằng các pháp đều không có ngã, đó là đoạn kiến, nếu cho rằng có ngã thời là thường kiến.

Nếu cho rằng tất cả hành pháp là vô thường, thời là đoạn kiến, cho rằng các hành pháp là thường, thời lại là thường kiến.

Nếu nói là khổ, thời là đoạn kiến, nếu nói là lạc, thời lại là thường kiến.

Tu tất cả pháp thường đó, thời sa nơi đoạn kiến, tu tất cả pháp đoạn đó, thời sa nơi thường kiến. Như bước đi, cần phải do chân trước, mới dời đặt chân sau. Người tu pháp thường, pháp đoạn, cũng lại như vậy, cần phải do nơi đoạn và thường.

Do nghĩa này, nên người tu các pháp khổ đều gọi là chẳng lành, người tu các pháp lạc, thời gọi là lành. Người tu các pháp vô ngã, thời thuộc về phiền não, người tu các

pháp thường, thời gọi là tạng Như-Lai.

Niết-bàn, không có nơi chốn. Tu những pháp vô thường, thời là tài vật, tu những pháp thường, gọi là Phật, Pháp, Tăng và chánh giải thoát.

Nên biết Phật pháp trung đạo như vậy, xa lìa hai bên mà nói pháp chân thật. Người phàm phu ngu mê đối trong pháp đó không nghi, như người gầy yếu, được uống thuốc bổ, thời khí lực khỏe khoắn.

Những pháp hữu, vô, thể tánh chẳng nhất định. Ví như tứ-đại tánh nó chẳng đồng, đều trái phản nhau. Lương y khéo biết tùy món đại nào phát bệnh mà điều chỉnh đó.

Này Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, đức Như-Lai đối với các chúng sanh, cũng như vị lương y, rõ biết thể tướng sai khác của các phiền não mà dứt trừ, khai-thị tạng Như-Lai bí mật, Phật tánh thanh tịnh thường trụ chẳng biến đổi. Nếu cho rằng có, thời lẽ ra trí chẳng nhiễm. Nếu nói là không, bèn thành vọng ngữ. Nếu nói là có, lẽ ra chẳng nên nín lặng. Lại cũng chẳng nên hý luận cãi cộ, chỉ nên cầu được rõ biết chân tánh của các pháp.

Người phàm phu hý luận cãi cộ vì chẳng hiểu tạng

Như-Lai. Nếu nói pháp khô, người ngu bèn cho thân là vô thường, chẳng có thể biết nơi thân có tánh lạc.

Nếu nói vô thường, người phàm phu chấp tất cả thân đều là vô thường, như ngói chưa hầm chín.

Nếu là người trí nên phải quan sát, chẳng nên nói tất cả đều vô thường, vì nơi thân của ta có chủng tử Phật tánh.

Nếu nói vô ngã, người phàm phu sẽ cho là tất cả Phật, Pháp đều không có ngã. Người trí nên phải quan sát vô ngã là giả danh chẳng thật, rõ biết như vậy chẳng nên sanh nghi.

Nếu nói tạng Như-Lai là không tịch, người phàm phu nghe như thế sanh kiến chấp đoạn diệt. Người trí nên phải quan sát Như-Lai là thường, không có biến đổi.

Nếu nói giải thoát dụ như huyễn hóa, người phàm phu sẽ cho rằng chúng đặng giải thoát tức là dứt mất. Người trí nên phải quan sát đức Như-Lai giải thoát, dầu có đến đi, nhưng vẫn thường trụ không biến đổi.

Nếu nói vô minh làm nhân duyên mà có các hành pháp, người phàm phu liền phân biệt tưởng rằng có hai pháp: “minh” đến “vô minh”. Người trí rõ biết tánh đó

vốn không có hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói các hành làm nhân duyên có ra thức, người phàm phu cho rằng có hai: “hành” cùng “thức”.

Người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói thập thiện, thập ác có thể tạo tác, không thể tạo tác, đường lành, đường dữ, pháp lành, pháp dữ, người phàm phu nghe đó cho là có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai. Tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói nên tu tất cả pháp khổ, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh kia không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả hành pháp là vô thường thời tạng Như-Lai cũng là vô thường, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Nếu nói tất cả pháp vô ngã, tạng Như-Lai cũng không có ngã, phàm phu cho rằng có hai, người trí rõ biết tánh đó không hai, tánh không hai đó tức là thật tánh.

Ngã với vô ngã nơi tánh không có hai thứ.

Tạng Như-Lai, nghĩa tánh vô lượng vô biên như vậy,

là chỗ mà chư Phật đều tán thán, hôm nay ta ở nơi trong kinh thành tự tất cả công đức này đều đã nói rồi.

Này Thiện-nam-tử ! Ngã cùng vô ngã tánh và tướng không có hai thứ, ông phải trân trọng thọ trì như vậy, ông cũng phải ghi nhớ giữ gìn kinh điển này. Như ta ngày trước trong kinh Đại-Bát-Nhã cũng nói ngã và vô ngã không có hai thứ.

Này Thiện-nam-tử ! Như do sữa thành lạc, do lạc thành sanh-tô, do sanh-tô thành thực-tô, do thực-tô đặng chất đề-hồ. Chất lạc đó là từ sữa sanh ra, hay là nó tự sanh, hoặc do cái khác sanh ra, nhữ đến đề-hồ cũng lại như vậy. Nếu từ cái khác sanh, thì là lẽ ra chẳng phải do sữa mà thành. Nếu chẳng phải từ nơi sữa sanh, thì sữa thành vô dụng đối với lạc, bởi sữa vốn không có lạc. Nếu lạc, tự nó sanh lấy nó, lẽ ra chẳng từ sữa lần lần biến thành lạc. Nếu lần lần biến thành, thì là chẳng sanh chung. Nếu chẳng sanh chung thì cả năm thứ không đồng một thời. Dầu chẳng đồng một thời nhưng quyết định chẳng phải từ nơi chỗ khác mà có.

Phải biết trong chất sữa đã có tướng của chất lạc. Vì nhiều vị ngọt nên chẳng thể tự biến, Nhữ đến chất đề-hồ cũng lại như vậy.

Do con bò cái ăn cỏ, uống nước, huyết mạch chuyển biến mà đặng có sữa. Nếu nó ăn cỏ ngọt thì sữa nó nhiều vị ngọt. Nếu nó ăn cỏ đắng, thì sữa nó có lẫn vị đắng. Núi Tuyết có thứ cỏ tên là Phì-Nhị. Bò cái ăn cỏ Phì-Nhị, thì đặng thuần chất đê-hồ, không có những màu xanh, vàng, đỏ, trắng, đen.

Do cỏ lúa làm nhân duyên mà sữa bò có màu vị khác nhau. Cũng vậy, các chúng sanh do minh cùng vô minh, vì nghiệp làm nhân duyên mà sanh có hai tướng. Nếu vô minh chuyển thì biến làm minh. Tất cả những pháp thiện, bất thiện v.v... cũng lại như vậy, không có hai thứ”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“Thế-Tôn ! Như lời Phật nói, trong sữa có tướng lạc, nghĩa đó như thế nào ? Thế-Tôn ! Nếu nói rằng trong sữa quyết định có tướng lạc, do vì vi tế chẳng thấy được, thế sao lại nói từ nơi sữa mà thành lạc. Phàm trước vốn không mà nay có thì gọi đó là sanh. Như lạc đã vốn có, sao lại nói là sanh. Nếu nói trong sữa quyết định có tướng lạc, thì trong cỏ lúa lẽ ra cũng có sữa và trong sữa lẽ ra cũng có cỏ lúa.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, thế sao nhân sữa mà đặng thành lạc. Nếu trước vốn không, sau

mới sanh ra có, thời có gì trong sữa chẳng sanh ra cỏ lúa ?

- Thiện-nam-tử ! Chẳng nên nói quyết định trong sữa có lạc hay trong sữa không lạc, cũng chẳng nên nói từ nơi khác mà sanh.

Nếu nói trong sữa quyết định có lạc, thời chất và vị của hai thứ sao lại khác nhau. Vì thế nên chẳng nên nói trong sữa quyết định có chất lạc.

Nếu nói trong sữa quyết định không có lạc, có sao trong sữa chẳng sanh vật khác. Dem chất độc pha vào trong sữa, lúc sữa đó thành lạc, thời chất lạc đó giết chết người, vì thế nên chẳng nên nói rằng trong sữa quyết định không có chất lạc.

Nếu nói chất lạc từ nơi khác mà sanh, thời có gì trong nước lã chẳng sanh chất lạc, mà phải từ nơi sữa, vì thế nên chẳng nên nói chất lạc từ nơi khác mà sanh.

Này Thiện-nam-tử ! Bò cái kia ăn cỏ tiêu hóa biến thành bạch huyết, do phước lực của chúng sanh, cỏ huyết biến thành sữa. Sữa này dầu từ nơi cỏ huyết mà ra, nhưng chẳng đặng nói là hai thứ, chỉ đặng gọi là từ nhân duyên mà sanh. Chất lạc, nhữn đến đê-hồ cũng lại như vậy.

Do nhân duyên nên sau khi sữa mất biến thành chất

lạc, ủ đông, hâm nóng, đó là nhân duyên. Nhân đến đề-hồ cũng lại như vậy. Vì thế nên chẳng đặng nói quyết định rằng trong sữa không có tướng lạc.

Nếu nói từ nơi khác mà sanh, thời ngoài sữa không do đâu để có chất lạc.

Này Thiện-nam-tử ! “Minh” cùng “vô minh” cũng lại như vậy. Nếu chung với phiền não thời gọi là vô minh, nếu chung với tất cả pháp lành thời gọi là minh. Do đó nên ta nói không có hai tướng. Vì thế nên trước kia ta nói bò cái ăn cỏ Phì-Nhị ở núi Tuyết, thời sanh thuần chất đề-hồ. Phật tánh cũng vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Do vì phiền não che đậy nên chúng sanh chẳng thấy Phật tánh, như người phước bạc chẳng thấy được cỏ Phì-Nhị.

Như trong biển lớn, dầu đồng một vị mặn, nhưng trong đó cũng có nước ngọt ngon, vị đồng như sữa. Như nơi núi Tuyết, dầu sanh nhiều cỏ thuốc, nhưng cũng có cỏ độc.

Thân của các chúng sanh cũng lại như vậy, dầu có giống rắn độc tứ đại, nhưng trong đó cũng có diệu dược, tức là Phật tánh. Phật tánh chẳng phải là pháp tạo tác làm

ra, chỉ vì phiền não khách trần che khuất, nếu chúng sanh nào dứt trừ được phiền não, thời liền thấy được Phật tánh thành đạo Vô Thượng.

Ví như giữa hư không, giăng mây nổi sấm, trên ngà của tất cả voi đều sanh bông. Nếu không có sấm nổi, thời bông không sanh.

Phật tánh của chúng sanh cũng lại như vậy, thường bị tất cả phiền não che khuất nên chẳng thấy được. Vì thế nên ta nói chúng sanh không có ngã.

Nếu được nghe kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu này, thời được thấy Phật tánh như bông hiện trên ngà voi.

Dẫu nghe tất cả tam muội trong khế kinh, mà chẳng nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, thời chẳng biết được tướng Như-Lai vi diệu. Như lúc không có tiếng sấm, thời chẳng thấy được bông trên ngà voi.

Nếu được nghe kinh này rồi, liền biết tạng Phật tánh của tất cả Như-Lai nói. Như trời sấm thấy bông trên ngà voi. Được nghe kinh này liền biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Do nghĩa trên đây, nên nói Đại-Niết-Bàn là tạng Như-Lai thêm lớn pháp thân, như lúc trời sấm, bông trên

ngà voi nhờ đó mà được sanh thêm.

Nếu có thiện-nam, tín-nữ, có thể tập học kinh điển vi diệu Đại-Niết-Bàn này, nên biết những người đây có thể báo được ân Phật, thật là đệ tử của Phật.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng:

“ Thế-Tôn ! Phật tánh như đã nói rất sâu, khó thấy, khó vào, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác không thể đến được”.

Phật nói:

“ Này Thiện nam-tử ! Đúng như lời ông vừa khen, chẳng trái lời nói của ta”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Phật tánh ấy rất sâu, khó thấy, khó vào như thế nào ?”

Phật nói: “ Này Thiện-nam-tử ! Như trăm người mù đến lương y để trị bệnh mắt. Lúc đó lương y dùng kim vàng lột màng mắt của họ, lột xong, giơ một ngón tay hỏi rằng: Thấy không ?

Người mù đáp rằng:

Tôi vẫn chưa thấy. Lương y lại giơ hai ngón, ba ngón; người mù mới nói rằng thấy mờ mờ.

Này Thiện-nam-tử ! Kinh điển Đại-Niết-Bàn vi diệu này, lúc đức Như-Lai chưa nói cũng lại như vậy. Vô lượng BỒ-tát dầu đầy đủ thật hành các ba-la-mật, nhẫn đến bậc thập-trụ vẫn còn chưa thấy được Phật tánh. Lúc Như-Lai đã nói, mới thấy được chút ít. Lúc BỒ-Tát này đã được thấy, đều nói rằng:

“ Thế-Tôn ! Lạ lòng thay, chúng tôi lưu chuyển thọ vô lượng sanh tử, thường bị vô ngã làm mê lầm.

Này Thiện-nam-tử ! BỒ-tát này lên bậc thập-địa còn chưa thấy được Phật tánh rõ ràng, hướng là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà có thể thấy đặng.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người ngược mặt nhìn đàn chim nhạn trên hư không, nhìn kỹ phương phát thấy dạng bày nhạn. Bậc thập trụ BỒ-tát đối nơi Phật tánh, thấy biết được chút ít cũng lại như vậy, hướng là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác mà thấy biết được !

Này Thiện-nam-tử ! Ví như người say, đi trên đường xa, ngó thấy mập mờ. Bậc thập trụ BỒ-tát đối với Phật tánh thấy biết được ít phần cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Như người khát nước, đi trong đồng trống, khắp nơi tìm nước, thấy có lùm cây, trong lùm có chim bạch hạc, người đó bị cơn khát bức ngặt, mê muội chẳng phân biệt được là cây hay là nước. Đến lúc nhìn kỹ mới biết là chim bạch hạc cùng với lùm cây. Bậc thập trụ Bồ-Tát, đối với Phật tánh, thấy biết phần ít cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, nhìn đến trăm ngàn do tuần, trông thấy chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi xa, liền nghĩ rằng: Đó là chiếc thuyền hay là khoảng không. Nhìn lâu, trong tâm quyết định biết là thuyền lớn. Bậc thập trụ Bồ-Tát, ở trong tự thân, thấy Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như vị Vương-tử, thân rất yếu đuối, dạo chơi suốt đêm, đến sáng ngày sau, mắt mờ thấy không được rõ. Bậc Thập-trụ Bồ-Tát dầu ở nơi thân mình thấy được Phật tánh nhưng chưa được rõ ràng cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như quan lại, vì công sự suốt đêm trở về nhà chớp nhoáng thấy bày trâu, liền nghĩ rằng: Đó là trâu ư, hay là dây nhà, nhìn lâu, dầu nhận là trâu mà còn chưa định chắc. Bậc Thập-trụ Bồ-Tát, dầu ở nơi

thân mình thấy Phật tánh, chưa có thể định chắc cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Như Tỳ-kheo trì giới, nhìn trong bát nước không có trùng, mà thấy tướng trùng, liền nghĩ rằng: Trong nước đây là trùng hay là bụi đất, nhìn lâu, dần biết là bụi nhưng chẳng rõ ràng. Bạc Thập-trụ Bồ-tát, ở trong thân mình thấy Phật tánh chẳng được rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người, xa thấy đứa trẻ đứng trong bóng tối, liền nghĩ rằng: Đó là con vật, là chim, hay là người ? Nhìn lâu, dần nhận thấy là đứa trẻ, nhưng vẫn chẳng rõ ràng. Bạc Thập-trụ Bồ-tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người ở trong đêm tối, thấy bức họa tượng Bồ-Tát liền nghĩ rằng: Đây là tượng Bồ-Tát hay là tượng Thiên-thần, nhìn lâu dần nhận là tượng Bồ-Tát, nhưng chẳng rõ ràng. Bạc Thập-trụ Bồ-Tát ở nơi thân mình thấy Phật tánh chẳng rõ ràng lắm cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Phật tánh ấy rất sâu như vậy, khó biết khó thấy, chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác đến được. Người trí phải quan sát như

vậy để rõ biết Phật tánh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“Phật tánh vi-tế khó thấy như vậy, thế sao nhục nhãn mà có thể thấy được”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát:

“ Này Thiện-nam-tử ! Như trời Phi-tướng Phi-Phi-tướng kia, cũng chẳng phải hàng nhị thừa biết được, chỉ tin theo khế-kinh mà biết.

Này Thiện-nam-tử ! Hàng Thanh-Văn Duyên Giác tin thuận theo kinh Đại-Niết-Bàn này tự biết thân mình có Phật tánh.

Này Thiện-nam-tử ! Vì thế nên phải tinh tấn tu tập kinh Đại-Niết-Bàn. Phật tánh đó chỉ Phật biết rõ, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác đến được”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Hàng chúng sanh phàm phu chẳng phải Thánh đều nói có ngã”.

Phật nói:

“ Ví như hai người làm bạn thân nhau: Một người là vương tử, một người là dân hèn, hai người đó thường qua

lại nhau, lúc đó người nghèo thấy vương tử có một con dao tốt, trong lòng thích muốn, thời gian sau, vương tử mang dao trốn qua nước khác. Một hôm, người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, giữa giấc ngủ mơ nói: Con dao ! Con dao ! Người nhà nghe được bắt nộp cho vua.

Vua gạn hỏi:

Nhà người nói con dao, nay ở đâu ? Người dân bèn thuật rõ việc trước. Nay nhà vua dầu giết thần, banh xẻ tay chân cũng không thể tìm được dao. Thần cùng vương tử vốn là bạn thân, trước kia, dầu mắt được thấy con dao, nhưng còn không dám chạm đến, huống lại cố ý lấy.

Vua lại hỏi:

“ Lúc nhà người thấy dao, hình dạng giống thứ gì”.

Người dân bèn thưa:

“ Tâu Đại-Vương, thần thấy con dao ấy giống như sừng dê đen”.

Vua nghe xong, vui mừng cả cười, bảo rằng: “ Nhà người chớ sợ, ta tha cho người, trong kho tàng của ta, đều không có thứ dao ấy, huống là người thấy con dao nơi vương tử”.

Lúc đó nhà vua lại hỏi các quan:

“ Các khanh từng thấy con dao đó chăng ?” Nói xong vua liền băng. Triều thần liền lập vương tử khác lên làm vua.

Tân Vương lại hỏi các quan:

“ Các khanh từng thấy con dao đó chăng ? Hình dáng nó như thế nào ?”

Các quan đồng tâu:

“ Chúng thần từng thấy hình nó như sừng dê đen”.

Vua nói:

“ Trong kho tàng của ta, chỗ nào mà có thứ dao hình dạng như vậy ?”

Lần lượt bốn vị tân Vương tra tìm con dao ấy đều chẳng đặng.

Sau đó, vị Vương tử đào vong ngày trước, trở về nước, được tôn làm vua. Khi lên ngôi xong, tân Vương này lại hỏi các quan:

“ Các khanh có thấy con dao đó chăng ? Hình dáng nó thế nào ?”

Các quan tâu:

“ Chúng tôi đều thấy”. Rồi đua nhau trình bày hình

dáng của con dao. Người thì nói sắc dao thanh tịnh như hoa sen xanh. Người lại nói hình như sừng dê. Người thì nói dao màu hồng đỏ như lửa. Người lại nói dao đen tuyền như rắn đen.

Nhà vua cả cười bảo:

“ Các khanh đều chẳng thấy biết hình dáng thật của con dao của ta”.

Này Thiện-nam-tử ! BỒ-Tát xuất hiện nơi đời nói tướng chân thật của ngã cũng như vậy. Nói xong bỏ đi. Như Vương-tử mang con dao tốt trốn qua nước khác.

Người phàm phu ngu mê cho rằng tất cả đều có ngã, có ngã. Như người dân hèn ngủ nhờ nhà người khác, mơ nói: Con dao ! Con dao ! Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác hỏi các chúng sanh, tướng của ngã như thế nào ?

Đáp rằng:

“ Tôi thấy tướng của ngã lớn bằng ngón tay cái. Có kẻ nói, như hạt gạo. Có kẻ nói như hạt cỏ. Cũng có kẻ nói tướng của ngã ở trong tâm, sáng rõ như mặt trời”.

Những chúng sanh đó đều chẳng biết tướng của ngã. Như các quan chẳng biết hình dáng của con dao.

BỒ-Tát nói tướng trạng của ngã, hàng phàm phu

chẳng rõ biết, vọng tưởng ra các hình tướng của ngã, như những người nói hình dáng của con dao, giống như sừng dê đen v.v...

Các hạng phàm phu đó, tuần tự nói nhau mà sanh những tà kiến.

Vì dứt những tà kiến đó, nên đức Như-Lai hiện ra đời, nói pháp vô-ngã. Vương-tử bảo các quan: Trong kho tàng của ta không có thứ dao như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Hôm nay đức Như-Lai nói ngã chân thật gọi là Phật tánh. Phật tánh như vậy ở trong Phật pháp của ta, như con dao tốt kia.

Thiện-nam-tử ! Nếu có kẻ phàm phu, có thể nói đúng, đó chính là do vì tùy thuận Phật pháp Vô Thượng. Nếu có người khéo phân biệt tùy thuận tuyên nói như đây, nên biết người đó chính là Bồ-tát.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

THÍCH NGHĨA

(47) – PHƯƠNG-ĐẰNG: Rộng lớn cùng khắp.

(48) – THANH-VĂN: Nghe thanh âm: hàng Tiểu-thừa nghe thanh âm thuyết pháp của Phật rồi y theo đó tu tập mà đoạn hoặc nghiệp, chứng chân quả. Không phải

như Đại-Thừa Bồ-Tát tự ngộ bốn tâm, tự chứng bốn tánh.

(49) – SANH – MANH: Kể từ khi sanh ra. Nơi đây chỉ cho hạng phàm phu không trí huệ chân chánh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM VĂN TỰ THỨ MƯỜI BA

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát:

“ Bao nhiêu những dị-luận, chú thuật, ngôn ngữ, văn tự, đều là của Phật nói, chẳng phải của ngoại đạo nói”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“Thế-Tôn ! Đức Như-Lai nói văn tự căn bản ra thế nào ?”

Phật nói:

Này Thiện-nam-tử ! Ban đầu nói bán tự để làm căn bản, để ghi nhận những thật pháp, như ký luận, chú-thuật, văn chương, các âm. Hạng phàm phu học bán tự căn bản này mới biết được những pháp đó là chẳng phải pháp”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“Thế-Tôn ! Bán tự của Phật nói nghĩa như thế nào ?”

Này Thiện-nam-tử ! Có mười bốn âm gọi là nghĩa của bán tự.

Tự ở đây nói gọi là Niết-bàn. Vì là thường, nên chẳng lưu chuyển. Nếu chẳng lưu chuyển, thời là vô tận. Vô tận chính là thân Kim Cang của Như-Lai.

Mười bốn âm là căn bản của tự.

“A” (giọng ngắn), là chẳng phá hoại, chẳng phá hoại gọi là Tam-bảo, dụ như chất kim-cang. Lại A là chẳng lưu-dật, chẳng lưu-dật tức là Như-Lai. Vì cửu-khiếu của Như-Lai không có chảy ra, nên là chẳng lưu-dật. Lại không có cửu-khiếu, nên chẳng lưu-dật. Chẳng lưu-dật, thời là thường, thường chính là Như-Lai. Vì thế Như-Lai không tạo-tác, nên chẳng lưu-dật. Lại A gọi là công đức, công đức tức là Tam-bảo, nên gọi là A.

A (giọng dài), gọi là A-Xà-Lê, A-Xà-Lê nghĩa là gì ? Chính là người được trong đời gọi là bậc Thánh. Thánh là không chấp trước, thiếu-dục, tri-túc, thanh tịnh, có thể cứu độ chúng sanh thoát khỏi biển lớn sanh tử trong ba cõi.

Lại A là chế độ, tu-trì giới thanh tịnh, tùy thuận oai nghi. Lại A là nương nơi Thánh nhân để học oai nghi, đứng, đi, hành động, cúng dường, cung kính, lễ bái Tam bảo, thảo nuôi cha mẹ. Và hàng thiện nam, cùng thiện nữ học tập Đại-thừa, thọ trì đủ cấm giới và các vị đại Bồ-Tát, đây gọi là Thánh-nhân.

Lại A là giáo hối. Như nói các người phải làm như thế này, chẳng nên làm như thế này. Nếu có thể ngăn dứt những điều chẳng phải oai nghi, thời gọi là Thánh-nhân. Vì thế nên gọi là A.

“Y” (giọng ngắn), là Phật pháp. Hạnh thanh tịnh rộng lớn, trong sạch không như như mặt trăng tròn, các người nên làm như vậy, chẳng được làm như vậy, nghĩa này phải, nghĩa này chẳng phải, đây là lời Phật nói, đây là lời ma nói. Vì thế nên gọi là Y.

“Y” (giọng dài), là Phật pháp vi diệu rất sâu khó đặng. Như Đại-Tự-Tại-Thiên, Đại-Phạm-Thiên-Vương gọi rằng tự tại. Nếu có thể thọ trì Phật pháp, thời gọi là hộ pháp.

Lại tự-tại chỉ cho bốn bậc hộ-thế, bốn bậc tự-tại này thời có thể nhiếp hộ kinh Đại-Niết-Bàn, cũng có thể tự tại tuyên dương giảng thuyết.

Lại Y là có thể vì chúng sanh thuyết pháp tự tại.

Lại Y là vì được tự tại, nên tuyên thuyết pháp tức là tu tập kinh điển Đại-thừa Phương-Đẳng.

Lại Y là dứt tật-đố, như dọn sạch cỏ rác, đều có thể làm cho trở thành tốt lành. Vì thế nên gọi là Y.

“Ưu” (giọng ngắn), là tối thượng, tối thắng, tăng trưởng thượng thượng trong các kinh, tức là Đại-Niết-Bàn.

Lại Ưu là Như-Lai tánh, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chưa từng nghe biết. Như Bắc-Câu-Lô-Châu hơn hết các châu. Bò-Tát nếu nghe thọ được kinh này, thời là tối thắng, tối thượng đối với tất cả đại chúng. Vì thế nên gọi là Ưu.

“Ưu ưu” (giọng dài), ví như sữa bò hơn hết trong các thức ăn. Như-Lai tánh cũng như vậy, là tối tôn, tối thượng ở trong các kinh. Nếu có kẻ chê bai hủy báng Như-Lai tánh phải biết người này không khác với bò.

Lại Ưu ưu là nói người trên đây là kẻ không có trí huệ chánh niệm, chê bai tạt Như-Lai, tạt Như-Lai bí mật. Người này rất đáng thương xót, ngoài tạt Như-Lai bí mật mà nói không ngã, không pháp. Vì thế nên gọi là

Ưu ưu.

“Yên” là Phật tánh Niết-Bàn.

“Dã” là nghĩa Như-Lai. Lại Dã là Như-Lai đứng, đi, cử động không gì chẳng lợi ích tất cả chúng sanh, vì thế nên gọi là “Dã”.

“Ô” là nghĩa phiền não. Phiền não gọi là những hữu lậu. Đức Như-Lai dứt hẳn tất cả phiền não, vì thế nên gọi là “Ô”.

“Pháo”, là nghĩa Đại-thừa, nghĩa rớt ráo trong mười bốn âm. Kinh điển Đại-thừa cũng vậy, là rớt ráo trong các kinh luận. Vì thế nên gọi là “Pháo”.

“AM”, có thể ngăn tất cả những vật bất tịnh, nơi trong Phật pháp có thể bỏ tất cả vàng bạc, châu báu, vì thế nên gọi là “AM”.

“Ă”, là nghĩa thắng thừa. Kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn đây hơn hết trong các kinh vì thế nên gọi là “Ă”.

“CA”, đối với các chúng sanh khởi lòng từ bi tương như con ruột như La-Hầu-La làm những việc nghĩa, lành tốt đẹp, vì thế nên gọi là “CA”.

“Khu”, gọi là bạn chẳng lành. Bạn chẳng lành gọi là dơ dáy, chẳng tin tọng Như-Lai bí mật. Vì thế nên gọi là

“Khu”.

“Dà”, gọi là tạng. Tức là tạng Như-Lai bí mật. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên gọi là “Dà”.

“Rằng”, là âm-vận thường hằng của Như-Lai, tức là Như-Lai thường trụ chẳng biến đổi. Vì thế nên gọi là “Rằng”.

“Nga”, là tướng phá hoại của tất cả các hành pháp.

“GIÁ”, nghĩa là tu. Điều-phục tất cả chúng sanh gọi đó là tu. Vì thế nên gọi là “GIÁ”.

“XA”, Như-Lai che chở tất cả chúng sanh, dụ như cây lọng lớn. Vì thế nên gọi là “XA”.

“XÀ”, là chánh giải thoát không có tướng già. Vì thế nên gọi là “XÀ”.

“THÀ”, là phiền não rậm rạp như lùm rùng. Vì thế nên gọi là “THÀ”.

“NHÃ”, là nghĩa trí huệ, biết pháp tánh chân thật. Vì thế nên gọi là NHÃ.

“TRA”, là ở nơi cõi Diêm-Phù-Đề thị hiện bán thân mà thuyết pháp, ví như bán nguyệt. Vì thế nên gọi là “TRA”.

“TRẠCH”, là Pháp thân đầy đủ ví như mãn nguyệt, vì thế nên gọi là “TRẠCH”.

“TRÀ”, là ngu si Tăng, chẳng biết thường cùng với vô thường, ví như trẻ nít, vì thế nên gọi là “TRÀ”.

“TỔ”, là chẳng biết ơn thầy, ví như con dê đực, vì thế nên gọi là “TỔ”.

“NOA”, là nghĩa chẳng phải Thánh, dụ như ngoại đạo, vì thế nên gọi là “NOA”.

“ĐA”, đức Như-Lai một lúc kia bảo các Tỳ-Kheo, các ông nên lìa sự kinh sợ, sẽ vì các ông nói Pháp vi-diệu, vì thế nên gọi là “ĐA”.

“THA”, là nghĩa ngu si, chúng sanh lưu chuyển trong dòng sanh tử, như tầm làm kén, như bọ ngựa làm ổ. Vì thế nên gọi là “THA”.

“ĐÀ”, là bố thí lớn, tức là Đại-thừa, vì thế nên gọi là “ĐÀ”.

“ĐẠN”, là khen ngợi công đức, tức là Tam-Bảo, như núi Tu-Di cao vợi rộng lớn, không có nghiêng ngã, cho nên gọi là “ĐẠN”.

“NA”, là Tam-Bảo an trụ không có nghiêng động, ví như gạch cửa, nên gọi là “NA”.

“BA”, là nghĩa điên đảo, như nói, Tam-Bảo thấy đều dứt mắt, nên biết người này là tự nghi hoặc điên đảo, vì thế nên gọi là “BA”.

“PHẢ”, là tai họa thế gian, nếu nói rằng lúc tai họa thế gian khởi lên thời Tam-bảo cũng dứt mắt, nên biết người này là kẻ ngu si vô trí, trái với ý nghĩa của Thánh-nhân. Vì thế nên gọi là “PHẢ”.

“BÀ”, là mười trí lực của Phật.

“PHẠM”, là gánh nặng, có thể kham-nhiệm gánh mang chánh pháp Vô Thượng nên biết người này là đại Bồ-Tát. Vì thế nên gọi là “PHẠM”.

“MA”, là chế độ nghiêm tuấn của Bồ-Tát, tức là Đại-thừa, Đại Niết-Bàn. Vì thế nên gọi là “MA”.

“GIA”, là các vị Bồ-Tát ở mọi nơi chốn, vì các chúng sanh nói pháp Đại-thừa. Vì thế nên gọi là “GIA”.

“RA”, là có thể phá hoại tham dục, sân-khú, ngu si, mà nói pháp chân thật. Vì thế nên gọi là “RA”.

“LÀ”, là Thanh-văn-thừa động chuyển chẳng dừng, đại-thừa bền vững không có lay động. Bồ Thanh-văn-thừa, siêng năng tu tập vô-thượng đại-thừa. Vì thế nên gọi là “LÀ”.

“HÒA”, đức Như-Lai Thế-Tôn vì các chúng sanh rưới mưa pháp lớn, như những chú thuật, kinh sách thế gian. Vì thế nên gọi là “HÒA”.

“SA”, xa lìa ba mũi tên độc, vì thế nên gọi là “SA”.

“SÁ” là, nghĩa đầy đủ, nếu nghe được kinh Đại-Niết-Bàn này, thời là đã đặng nghe và thọ trì tất cả kinh điển đại-thừa, vì thế nên gọi là “SÁ”.

“TA”, vì các chúng sanh diễn nói chánh pháp làm cho lòng họ vui mừng, nên gọi là “TA”.

“HA”, là tâm hoan hỷ, lạ lòng thay đức Thế-Tôn rời tất cả hành vi. Lạ thay đức Như-Lai nhập Niết Bàn. Vì thế nên gọi là “HA”.

“LA”, là nghĩa ma, vô lượng loài ma không thể hủy hoại tạng bí mật của Như-Lai cho nên gọi là “LA”. Lại “LA” (là) nhấn đến thị hiện tùy thuận thế gian, mà có cha mẹ vợ con. Vì thế nên gọi là “LA”.

“LÔ, LƯU, LƯ, LÂU”, bốn chữ như vậy nói có bốn nghĩa: tức là Phật, Pháp, Tăng và đối pháp. Đối pháp là tùy thuận thế gian, như Đề-Bà Đạt-Đa thị hiện phá Tăng, hóa làm các thứ hình dáng, sắc-tượng để làm duyên cho Phật chế giới. Người trí rõ thấu chẳng nên đối với việc

này mà sanh lòng sợ sệt. Đây gọi là những hành vi tùy thuận thế gian, vì thế nên gọi là “LÔ, LƯU, LƯ, LÂU”.

Hít khí trời, cuống lưỡi theo tiếng lỗ mũi, tiếng dài, ngắn, cao, thấp, theo giọng nói để giải bày ý nghĩa đều do lưỡi, răng mà có sai khác. Những chữ nghĩa như vậy có thể làm cho chúng sanh khẩu nghiệp thanh tịnh.

Phật tánh của chúng sanh thời không phải nhờ nơi văn tự rồi sau mới được thanh tịnh, vì Phật tánh vẫn thanh tịnh, nên dầu ở trong ngũ âm, lục nhập, thập bát giới, nhưng chẳng đồng với ngũ âm, lục nhập, thập bát giới. Vì thế nên chúng sanh đều phải quy y.

Các vị Bồ-Tát do nơi Phật tánh mà đều coi chúng sanh bình đẳng như nhau không có sai khác.

Vì thế nên bán tự làm căn bản của những kinh sách, ký-luận, văn chương.

Lại nghĩa của bán tự đều là căn bản của phiền não ngôn thuyết.

Nghĩa của mãn tự thời là căn bản của tất cả thiện pháp ngôn thuyết.

Ví như trong đời, người làm ác gọi là bán nhân, người tu hành gọi là mãn nhân. Cũng vậy, tất cả kinh sách ký-

luận đều do bán tự làm căn bản.

Nếu nói Như-Lai là chánh giải thoát, vào trong phạm vi bán tự, lời nói này không đúng. Vì Như-Lai và chánh giải thoát rời danh tự. Do đó nên đức Như-Lai đối với tất cả pháp, không chướng ngại, không đả-m-trước mà đặng chân thật giải thoát.

Thế nào gọi là hiểu rõ chữ nghĩa ?

Có người biết đức Như-Lai hiện ra nơi đời có thể dứt được bán tự, nên gọi là hiểu rõ chữ nghĩa.

Nếu có kẻ chạy theo nghĩa bán tự thời người này chẳng biết được tánh Như-Lai.

Thế nào gọi là nghĩa vô-tự ?

Người gần gũi tu tập pháp bất thiện, đây gọi là vô tự. Lại người vô tự dầu có thể gần gũi tu tập pháp lành, nhưng chẳng biết Như-Lai là thường cùng vô thường, hằng cùng chẳng phải hằng, chẳng biết Pháp và Tăng, luật cùng phi luật, kinh cùng chẳng phải kinh, chẳng biết lời ma, lời Phật. Nếu người không thể phân biệt rõ biết như vậy, thời gọi là chạy theo nghĩa vô-tự.

Nay ta đã nói, chạy theo nghĩa vô-tự như vậy, cùng nghĩa bán-tự và mãn-tự, nên các ông phải rời bán-tự,

khéo hiểu mẫn-tự.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Chúng tôi phải nên khéo học tự-số. Nay tôi được gặp ngay Đức Thầy vô-thượng, đã lãnh thọ những lời dạy bảo ân cần của Như-Lai”.

Đức Phật khen ngợi Ca-Diếp Bồ-Tát”:

Lành thay ! Lành Thay ! Người ưa thích chánh-pháp phải học như vậy”.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM ĐIỀU DỤ THỨ MƯỜI BỐN

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Này Thiện-nam-tử ! Có hai giống chim: Một tên là Ca-Lân-Đề, hai tên là Oan-Uơng. Hai giống chim đó lúc bay, lúc ở đều cùng chung chẳng xa rời nhau. Các pháp khổ, vô-thường, vô-ngã, chẳng rời nhau cũng như vậy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: Thế-Tôn ! Thế nào là các

pháp khổ vô thường vô ngã, như chim Oan-ương và Ca-lân-Đề kia”.

Phật nói: “Này Thiện-nam-tử ! Pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp thường khác, pháp vô thường khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác. Ví như lúa gạo khác với mè bắp. Mè bắp lại khác với đậu mía. Các thứ ấy từ mầm mống của nó, nhứt đến trở lá, đơm bông đều là vô thường. Đến lúc thành trái thành hột khô chín, mọi người thọ dụng mới gọi là thường, vì tánh chất chân thật”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Những vật như vậy nếu là thường thì có đồng với Như-Lai chăng ?”

Phật nói: “ Này Thiện-nam-tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy, vì nói cho rằng Như-Lai như núi Tu-Di, lúc kiếp-hoại núi Tu-Di lở sụp, thời đức Như-Lai há lại cũng đồng hư hoại ư !

Này Thiện-nam-tử ! Ông chẳng nên giữ lấy những nghĩa ấy.

Tất cả các pháp chỉ trừ Phật tánh và Niết-Bàn, không có một pháp nào là thường cả. Nói trái và hột là thường, đó là nói theo thế gian thôi”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Lành thay !

Lành thay ! Đúng như lời Phật nói”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Đúng như vậy. Này Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định, nhẫn đến chưa nghe pháp Đại-Niết-Bàn thời đều nói tất cả là vô thường. Nghe kinh này rồi dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như cây Am-la bông nó mới trở gọi là vô thường, đến lúc thành trái có thể ăn dùng mới gọi là thường.

Cũng thế, này Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiền định lúc chưa nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi, dầu có phiền não mà như không phiền não, bèn có thể lợi ích cõi trời, cõi người. Vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lúc nấu, lọc, quặng vàng, là tướng vô thường, lọc xong thành vàng ròng, có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Cũng vậy, này Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh

các môn thiên định, lúc chưa nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, đều cho rằng tất cả pháp đều là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi, dầu có phiền não như không phiền não, bèn có thể lợi ích tất cả cõi trời, cõi người, vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh, đây gọi là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như hột mè lúc chưa bị ép, gọi là vô thường. Lúc ép thành dầu có nhiều lợi ích bèn gọi rằng thường.

Này Thiện-nam-tử ! Dầu tu tất cả khế kinh, các môn thiên định mà chưa nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, đều cho rằng tất cả là vô thường. Lúc nghe kinh này rồi dầu có phiền não, như không phiền não, đều có thể lợi ích cõi người cõi trời vì hiểu rõ thân mình có Phật tánh đây gọi rằng thường.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như các dòng nước đều chảy về biển. Cũng vậy, tất cả khế kinh, các môn thiên-định tam-muội đều quy về kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, vì khéo nói có Phật tánh.

Này Thiện-nam-tử ! Vì thế nên ta nói: pháp thường khác, pháp vô thường khác ; nhẫn đến vô ngã cũng lại như vậy.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Đức Như-Lai đã lìa tên độc ưu-bi, luận về có ưu-bi gọi là trời. Đức Như-Lai chẳng phải trời. Có ưu-bi gọi là người, Như-Lai chẳng phải người, có ưu-bi gọi là hai mươi lăm cõi hữu-lậu, đức Như-Lai chẳng phải hai mươi lăm cõi hữu-lậu. Vì thế nên đức Như-Lai không có ưu-bi, có sao nói rằng đức Như-Lai ưu-bi ?”

Này Thiện-nam-tử ! Vô-tướng-thiên gọi là không tướng. Nếu không tướng thì không thọ mạng, nếu không thọ mạng, sao lại có âm, nhập, các giới. Do vì nghĩa đó, nên thân thọ mạng của vô-tướng-thiên, không thể nói là có chỗ ở.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như Thọ-thần nương theo cây mà ở, chẳng thể quyết định nói nương nhánh, nương lóng, nương thân, nương lá.

Cũng vậy, dầu không chỗ quyết định, nhưng không thể nói là không có thân thọ mạng của vô-tướng-thiên.

Này Thiện-nam-tử ! Phật pháp cũng vậy, rất sâu khó hiểu. Đức Như-Lai thật không ưu-bi khổ não, mà ở nơi hàng chúng sanh khởi lòng đại từ bi, thị hiện có ưu-bi, coi hàng chúng sanh như La-Hầu-La.

Này Thiện-nam-tử ! Trong vô-tướng-thiên có bao nhiêu thọ mạng, chỉ Phật biết được, chẳng phải người khác có thể biết. Nhấn đến trời Phi-tướng, phi Phi-tướng cũng như vậy.

Này Ca-Diếp, Như-Lai tánh thanh tịnh không ô-nhiễm, dường như hóa thân, chỗ nào mà có ưu-bi khổ não.

Nếu nói đức Như-Lai không ưu-bi đó, thế nào có thể lợi ích chúng sanh, rộng hoằng Phật pháp. Và nếu nói là không ưu-bi, sao lại nói bình đẳng xem chúng sanh như La-Hầu-La, nếu chẳng bình đẳng xem như La-Hầu-La, thời lời nói trên là hư vọng.

Này Thiện-nam-tử ! Do vì nghĩa đó, Phật chẳng thể nghĩ bàn, Pháp chẳng thể nghĩ bàn, chúng sanh Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, thọ mạng vô-tướng-thiên chẳng thể nghĩ bàn. Đức Như-Lai có ưu-bi cùng không ưu-bi, là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được.

Này Thiện-nam-tử ! Thí như nhà, cửa, bụi, đất, không thể trụ giữa hư không, nhưng nếu nói nhà cửa chẳng cần hư không mà có thể trụ, thời không đúng. Do vì nghĩa đó nên chẳng thể nói nhà trụ nơi hư không, hay

chẳng trụ nơi hư không. Kẻ phàm phu dầu nói rằng nhà trụ ở hư không, mà hư không thật không chỗ trụ, vì tánh hư không vốn là vô-trụ.

Này Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, không thể nói rằng tâm trụ nơi âm, giới, nhập cùng chẳng trụ. Thọ mạng vô tướng thiên cũng như vậy. Đức Như-Lai ưu-bi cũng như vậy. Nếu không ưu-bi, thế nào nói rằng bình đẳng xem chúng sanh như La-Hầu-La. Nếu cho là có ưu-bi, thì sao lại nói Như-Lai tánh đồng với hư không.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như nhà ảo thuật, dầu hóa làm các thứ cung điện sát sanh nuôi dưỡng, bắt, trói, mở, thả nhân đến hóa làm các vật báu vàng bạc, lưu ly, lùm rùng, cây cối v.v... đều không có tánh chất chân thật.

Cũng vậy, Đức Như-Lai tùy thuận theo thế gian, thị hiện ưu-bi mà không có chân thật. Đức Như-Lai đã chứng nhập nơi Đại-Niết-Bàn thế nào lại có ưu-bi khổ não.

Nếu có kẻ cho rằng đức Như-Lai chứng nhập Niết-Bàn là vô thường, nên biết người này thời có ưu-bi. Nếu nói đức Như-Lai chẳng nhập Niết-Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên biết người này không có ưu-bi.

Đức Như-Lai có ưu-bi cùng không ưu-bi không ai có thể biết được.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như người bậc hạ biết được pháp bậc hạ, mà chẳng biết bậc trung và bậc thượng. Người bậc trung, thì biết pháp bậc trung mà chẳng biết nơi bậc thượng. Người bậc thượng thì biết bậc thượng và biết cả bậc trung bậc hạ.

Cũng thế, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chỉ biết ngang chùng bậc của mình. Đức Như-Lai thì không phải như vậy, đều biết rõ bậc của mình và cả những bậc khác. Vì thế nên đức Như-Lai gọi là đấng vô-ngại-trí, tùy thuận theo thế gian mà hóa hiện. Kẻ phàm phu nhục nhĩ cho là chân thật, mà muốn biết hết trí vô-thượng vô-ngại của Như-Lai, quan niệm này không đúng.

Đức Như-Lai có ưu-bi cùng không ưu-bi chỉ Phật biết được. Do nhân duyên này, pháp có ngã khác, pháp vô ngã khác. Đây gọi là điều dụ chim Oan-ương, chim La-lân-Đề.

Này Thiện-nam-tử ! Phật pháp dường như chim Oan-ương đồng nhau bay đi. Chim Ca-lân-Đề và chim Oan-ương này, mùa thanh hạ nước dâng lên, lựa chọn gò cao làm ổ cho con chúng ở, rồi sau chúng nó mới trở về chốn

cũ u-u-du an ỏn.

Cũng vậy, Đức Như-Lai xuất thế giáo hóa vô lượng chúng sanh, làm cho đều đượ trụ nơi chánh pháp. Như chim kia lựa gò cao lỏt ổ cho con chúng nó ở.

Đức Như-Lai làm cho các chúng sanh đều đượ giải thoát, chỗ làm đã xong, bèn nhập Đại-Niết-Bàn.

Này Thiện-nam-tử ! Đây gọi là pháp khổ khác, pháp vui khác. Những hành pháp là khổ. Niết-Bàn là vui vi-diệu thứ nhất, vì đã phá hoại các hành pháp”.

Ca-Diếp Bờ-tát bạch Phật: “ Thế-tôn ! Thế nào chúng sanh chúng đặng Niết-Bàn gọi là an-lạc đệ nhất ?”

- Này Thiện-nam-tử ! Như lời ta đã nói các hành pháp hòa hiệp gọi đó là lão-tử.

Cẩn thận chẳng phóng dật,

Đây gọi là cam lộ.

Phóng dật chẳng cẩn thận,

Đây gọi là tử-cú.

Nếu người chẳng phóng dật,

Thời đặng chỗ bất tử,

Như kẻ phóng dật kia,

Thường đến nơi tử lộ.

Nếu phóng dật gọi là Pháp hữu-vi. Pháp hữu-vi này là khổ đệ nhất. Nếu chẳng phóng dật thời gọi là Niết-Bàn. Niết-Bàn đó gọi là cam lộ an vui đệ nhất. Nếu xu hướng các hành pháp, thời gọi là chỗ chết thọ khổ đệ nhất. Nếu đến Niết-Bàn thời gọi là bất tử thọ vui vi-diệu. Nếu chẳng phóng dật, dầu nhóm họp các hành pháp, cũng gọi là thường lạc bất tử, thân chẳng phá hoại.

Thế nào là phóng dật, thế nào là chẳng phóng dật ? Hàng phàm phu chẳng phải Thánh thời gọi là phóng dật, là pháp thường tử. Bậc Thánh xuất thế là chẳng phóng dật không có lão tử, vì chúng nhập nơi Niết-Bàn thường lạc đệ nhất.

Do nghĩa này nên pháp khổ khác, pháp lạc khác, pháp ngã khác, pháp vô ngã khác.

Như người đứng dưới đất, ngược mặt nhìn lên hư không chẳng thấy dấu chim bay.

Này Thiện-nam-tử ! Chúng sanh không có thiên nhãn, ở trong phiền não mà chẳng tự thấy có Như-Lai tánh. Cho nên ta nói giáo pháp vô ngã bí mật, vì người không có thiên nhãn, chẳng biết được chân-ngã, mà vọng chấp

nơi ngã.

Do các phiền não tạo nghiệp hữu-vi, chính đó là vô thường. Cho nên ta nói pháp thường khác, pháp vô thường khác.

Người tinh tấn đông mãi.

Hoặc ở nơi đánh núi.

Đất bằng cùng đồng trống,

Thường thấy những phạm phu,

Lên điện đại-trí-huệ.

Đài Vô-thượng vi diệu.

Đã tự trừ ưu-khổ.

Cũng thấy khổ chúng sanh.

Đức Như-Lai dứt hết vô lượng phiền não ở núi trí huệ, thấy hàng chúng sanh thường ở trong vô lượng phiền não”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Ý nghĩa như bài kệ vừa nói không đúng.

Vì người nhập Niết-Bàn không ưu không hỷ, thế nào đặng lên điện đài trí huệ và thế nào ở nơi đánh núi mà thấy chúng sanh ?”

- Này Thiện-nam-tử ! Điện trí huệ đó chính là nói Niết-Bàn, người không ưu-khổ là nói đức Như-Lai vậy. Người có ưu sâu gọi là phàm phu. Bởi phàm phu ưu khổ, nên Như-Lai không ưu khổ.

Đảnh núi Tu-Di là nói chánh giải thoát. Người tinh tấn dũng mãnh như núi Tu-Di không động chuyển. Đất là nói công hạnh hữu vi. Hàng phàm phu này, đứng trên đất đây tạo tác những hành nghiệp. Người trí huệ kia thời gọi là chánh giác, lìa hữu lậu, thường trụ, nên gọi là Như-Lai.

Đức Như-Lai thương xót vô lượng chúng sanh thường bị trúng tên độc các cõi, nên nói rằng đức Như-Lai có ưu-bi”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Giả sử nếu Như-Lai có ưu-bi, thời chẳng đặng gọi là bậc đẳng chánh giác”.

- Này thiện-nam-tử ! Đều có nhân duyên cả. Tùy chỗ nào có chúng sanh đáng được hóa độ, thời đức Như-Lai thị hiện thọ sanh ở trong đó. Dầu thị hiện thọ sanh, nhưng thật không có sanh, nên đức Như-Lai gọi là pháp thường trụ. Như chim Oan-ương, chim Ca-Lân-Đề vậy.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sấm

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM NGUYỆT DỤ THỨ MƯỜI LĂM

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Ví như có người thấy mặt trăng lặn, cho rằng mặt trăng đã mất, nhưng thật ra mặt trăng không mất, đang hiện ra ở phương khác. Chúng sanh xứ kia lại nói là mặt trăng mọc, nhưng thật ra mặt trăng không có mọc, vì bị che chướng không thấy, nên cho rằng mặt trăng có mọc, có lặn, nhưng thật ra mặt trăng không mọc, không lặn.

Cũng vậy, đức Như-Lai Chánh Biến Tri hiện ra nơi Đại-Thiên-Thế-Giới, hoặc sanh tại Diêm-Phù-Đề, có cha, có mẹ, chúng sanh đều cho rằng đức Như-Lai giáng sanh trong Diêm-Phù-Đề. Hoặc thị hiện Niết-Bàn, chúng sanh cho rằng đức Như-Lai nhập Niết-Bàn. Nhưng thật ra, Như-Lai tánh không sanh không diệt. Vì giáo hóa chúng sanh nên thị hiện sanh diệt.

Này Thiện-nam-tử ! Như xứ này thấy mặt trăng tròn,

phương khác thấy mặt trăng khuyết, phương này thấy mặt trăng khuyết, phương khác thấy mặt trăng tròn. Người Diêm-Phù-Đề nếu thấy bắt đầu có mặt trăng nói là ngày mừng một, tưởng là đầu tháng. Lúc thấy trăng tròn, nói là ngày rằm. Nhưng mặt trăng thật không có khuyết với tròn, vì bị che chướng mà có thêm bớt.

Cũng vậy, ở trong Diêm-Phù-Đề, Đức Như-Lai hoặc hiện giáng sanh, hoặc hiện Niết-Bàn. Lúc mới giáng sanh như mặt trăng đầu tháng. Đi bảy bước, như mặt trăng ngày mừng hai. Vào học đường, như mặt trăng ngày mừng ba. Lúc xuất gia như mặt trăng ngày mừng tám. Phóng ánh sáng trí huệ vi diệu, phá vô lượng chúng ma như trăng tròn ngày rằm. Thị hiện ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt để tự trang nghiêm. Rồi thị hiện nhập Niết-Bàn, như cuối tháng mặt trăng ẩn.

Chỗ thấy của chúng sanh chẳng đồng: Hoặc thấy trăng nửa, hoặc thấy trăng tròn, hoặc thấy trăng ẩn, nhưng thật ra mặt trăng không có thêm bớt, vẫn luôn là mặt trăng đầy đủ.

Cũng vậy, thân của đức Như-Lai vẫn luôn là thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện-nam-tử ! Như mặt trăng tròn chiếu sáng,

tất cả thành ấp, xóm làng, trong nước suối, nước đầm, trong giếng, trong ao, trong nước bồn nước chậu, tất cả đều có mặt trăng hiện. Có người đi trăm do tuần, ngàn do tuần vẫn thấy mặt trăng luôn đi theo mình. Phạm phu ngu mê tưởng rằng ta trước kia ở trong thành ấp nhà cửa thấy mặt trăng như vậy, giờ đây ở nơi đầm trống này thấy mặt trăng. Đây là mặt trăng trước kia hay là mặt trăng khác. Mỗi người tự nghĩ tưởng hình dáng mặt trăng lớn nhỏ, hoặc nói như miệng chậu, hoặc cho rằng lớn như bánh xe v.v... Mặt trăng này vốn có một, mà chúng sanh nhận thấy hình dáng khác nhau.

Cũng vậy, đức Như-Lai xuất hiện ra đời, có người hay trời nghĩ rằng nay đây đức Như-Lai ở trước mặt chúng tôi. Cũng có những chúng sanh khác cho rằng hiện nay đức Như-Lai ở trước mặt họ. Hoặc có kẻ điếc câm cũng thấy đức Như-Lai có tướng điếc câm. Muôn loài chúng sanh nói tiếng khác nhau, đều cho rằng đức Như-Lai đồng tiếng với mình. Cũng đều nghĩ rằng đức Như-Lai đang thọ cúng dường tại nhà tôi.

Có chúng sanh thấy thân Như-Lai rộng lớn vô lượng, có loài thấy thân Phật nhỏ bé. Có kẻ thấy Phật là hình dáng Thanh-Văn, hoặc là hình dáng Duyên-Giác.

Cũng có hàng ngoại đạo lại cho rằng hiện nay Đức Như-Lai xuất gia học đạo ở trong giáo phái chúng ta.

Hoặc có chúng sanh nghĩ rằng, nay Đức Như-Lai riêng vì chúng ta mà xuất hiện nơi đời.

Thật tánh của Như-Lai tức là pháp thân, là thân vô sanh, là thân phương tiện, tùy thuận nơi thế gian thị hiện vô lượng nghiệp dụng, thị hiện sanh ra nơi này nơi khác. Như mặt trăng kia hiện ra trong tất cả chỗ có nước.

Do nghĩa này nên Như-Lai là thường trụ không có biến đổi.

Này Thiên-nam-tử ! Như La-Hầu-La Tu-La-Vương lấy tay che mặt trăng, người đời cho rằng mặt trăng bị nuốt. Nhưng mặt trăng vẫn luôn đầy đủ không có sút mẻ, vì tay A-Tu-La che nên ánh sáng chẳng hiện. Lúc A-tu-La tháo tay, người đời cho rằng mặt trăng sanh trở lại và cho rằng mặt trăng chịu nhiều sự khổ não. Nhưng mặt trăng vẫn không có những sự ấy, giả sử trăm ngàn A-Tu-La-Vương cũng chẳng làm khổ não được mặt trăng.

Cũng vậy, đức Như-Lai thị hiện, có chúng sanh đối với đức Như-Lai sanh tâm hung ác, hại thân Phật chảy máu thành tội ngũ nghịch, hoặc hủy báng chánh pháp

thành hạng Nhất-xiên-đề. Vì các chúng sanh mà thị hiện những sự phá hoại Tăng đoàn dứt diệt chánh pháp, làm những điều chướng nạn. Nhưng thật ra, giả sử trăm ngàn vô lượng loài ma cũng không thể làm thân Như-Lai chảy máu. Vì thân Như-Lai không có huyết, nhục, gân mạch, xương tủy, Như-Lai chân thật, thật không có sự não hoại. Chúng sanh đều cho rằng pháp và Tăng bị hủy hoại, Như-Lai dứt diệt. Nhưng Như-Lai tánh chân thật không biến đổi, không có phá hoại. Vì tùy thuận thế gian mà thị hiện như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Như hai người đấu võ, hoặc dùng dao gậy chém đập tuôn máu, đầu đánh nhau đến chết mà chẳng nghĩ tương là giết nhau, thời nghiệp tương ấy nhẹ mà chẳng nặng. Đối với đức Như-Lai vốn không có tâm giết hại, đầu làm cho thân Phật ra máu, thời nghiệp này cũng nhẹ mà chẳng nặng. Vì giáo hóa chúng sanh đời vị lai, nên đức Phật thị hiện nghiệp báo.

Này Thiện-nam-tử ! Như lương y đem những phương thuốc căn bản ân cần truyền dạy cho người con, người con kính vâng lời của cha, chuyên cần học tập, hiểu rành các phương thuốc. Thời gian sau, lương y chết. Người con kêu khóc mà nói thế này: Cha tôi dạy cho tôi những

phương thuốc như vậy như vậy.

Cũng vậy, đức Như-Lai vì giáo hóa chúng sanh mà thị hiện chế giới luật: Phải thọ trì như vậy, chớ phạm tội ngũ nghịch, chê bai chánh pháp và Nhất-xiển-đề. Vì đời vị lai chúng sanh khởi các tội ấy nên thị hiện như vậy, để cho các Tỳ-Kheo sau khi Phật diệt độ, rõ biết những điều như vậy: Đây là nghĩa rất sâu của khế kinh, đây là tướng nhẹ nặng của giới luật, đây là luận phân biệt những pháp cú. Như người con của lương y.

Loài người hoặc sáu tháng một lần thấy mặt trăng bị nuốt, mà chư Thiên trong khoảng giây lát đã nhiều lần thấy mặt trăng bị nuốt. Vì thời gian của nhân loại ngắn, còn ngày giờ của chư thiên dài.

Này Thiện-nam-tử ! Trời và người đều cho rằng đức Như-Lai thọ mạng ngắn ngủi. Như chư Thiên trên trời trong khoảng giây lát, thấy mặt trăng bị nuốt nhiều lần. Trong khoảng giây lát, đức Như-Lai thị hiện trăm ngàn muôn ức lần nhập Niết-Bàn, dứt ma phiền não, ma ngũ ấm, ma chết. Vì vậy nên trăm ngàn muôn ức thiên ma đều biết đức Như-Lai nhập Niết-Bàn. Đức Như-Lai lại thị hiện vô lượng trăm ngàn nhân duyên nghiệp báo tiền thân.

Vì tùy thuận theo chủng tánh của thế gian mà thị hiện vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nên Như-Lai là thường trụ không biến đổi.

Này Thiện-nam-tử ! Như mặt trăng tròn sáng chúng sanh ưa thấy, nên gọi mặt trăng là lạc-kiến.

Chúng sanh nếu có tham, sân, si thời chẳng đặng gọi là lạc-kiến.

Tánh Như-Lai thuần thiện thanh tịnh không cấu nhiễm, thời rất đáng gọi là lạc-kiến. Những chúng sanh ưa thích chánh pháp nhìn ngó đức Như-Lai không nhầm. Những người tâm ác chẳng ưa nhìn ngó. Vì thế nên đức Như-Lai dụ như mặt trăng tròn sáng.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như mặt trời mọc có ba thời kỳ khác nhau, tức là xuân, hạ và đông. Ngày mùa đông thời ngắn, ngày mùa xuân thời vừa, ngày mùa hạ thời rất dài.

Cũng vậy, ở nơi đại-thiên thế-giới này, đối với người thọ mạng ngắn ngủi và hàng Thanh-Văn, đức Như-Lai thị hiện tuổi thọ ngắn. Những hạng người trên đây thấy như vậy đều cho rằng đức Như-Lai thọ mạng ngắn ngủi, dụ như ngày mùa đông.

Đối với hàng Bồ-tát đức Như-Lai thị hiện tuổi thọ bậc trung, hoặc một kiếp, hoặc dưới một kiếp, dụ như ngày mùa xuân.

Chỉ Phật thấy Phật thọ mạng vô lượng, dụ như ngày mùa hạ.

Này Thiện-nam-tử ! Giáo pháp Phương Đẳng đại-thừa vi-mật của Như-Lai nói là đức Như-Lai thị hiện rưới mưa đại pháp nơi thế gian.

Đời vị lai nếu có người nào có thể thọ trì kinh điển này, giảng nói khai-thị lợi ích cho chúng sanh, nên biết những người này thật là Bồ-Tát. Dụ như ngày thanh-hạ rưới mưa cam-lồ.

Nếu có hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác nghe giáo pháp vi mật của Như-Lai thời dụ như ngày mùa đông gặp nhiều lạnh lẽo.

Hàng Bồ-Tát nếu nghe giáo pháp vi-mật: Như-Lai tánh thường trụ không biến đổi như vậy, thời dụ như ngày mùa xuân nảy mầm, nở hoa.

Thật ra Như-Lai tánh không có dài ngắn, vì thuận theo thế gian mà thị hiện như vậy. Đó chính là Pháp-tánh chân thật của chư Phật.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như ban ngày các ngôi sao chẳng hiện ra, mà mọi người cho rằng ban ngày các ngôi sao lặn mất, kỳ thật chẳng phải lặn mất, vì ánh sáng mặt trời chói sáng nên sao chẳng hiện.

Cũng vậy, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chẳng thấy được Như-Lai, như người đời ban ngày chẳng thấy sao.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lúc tối tăm, mặt trời mặt trăng chẳng hiện ra, kẻ ngu cho rằng mặt trời mặt trăng lặn mất, nhưng thật ra mặt trời, mặt trăng chẳng phải lặn mất.

Lúc chánh pháp của Như-Lai diệt hết. Tam-bảo chẳng còn, cũng chẳng phải là dứt hẳn, lệ như mặt trời, mặt trăng lúc lặn mất kia. Vì thế nên biết Như-Lai là thường trụ không có biến đổi. Vì chân tánh của Tam-bảo chẳng bị những cấu như làm ô nhiễm.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như đêm không trăng, sao chổi hiện ra, chiếu sáng giây lát rồi lặn mất, chúng sanh ngó thấy cho đó là điềm chẳng lành.

Cũng vậy, hàng Bích-Chi-Phật hiện ra đời trong thời kỳ không Phật, chúng sanh ngó thấy đều cho rằng đức Như-Lai thật diệt độ, nên sanh lòng buồn khổ. Nhưng

thân Như-Lai thật chẳng diệt mắt như mặt trời mặt trăng kia không có diệt mắt.

Này Thiện-nam-tử ! Như lúc mặt trời mọc lên, sương mù đều tan. Kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu này cũng như vậy. Lúc kinh này xuất hiện ra đời, nếu có chúng sanh nào một lần được nghe, đều có thể dứt trừ tất cả tội nghiệp vô gián, tất cả những điều ác. Kinh Đại-Niết-Bàn này cảnh giới rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, khéo nói lên được tánh Như-Lai vi-mật.

Do nghĩa này nên Thiện-nam-tử, Thiện-nữ-nhân đối với Như-Lai phải có tâm tin nhận là thường trụ không biến đổi, chánh pháp chẳng dứt, Tăng bảo chẳng diệt. Nên phải dùng nhiều phương tiện siêng năng học tập kinh điển này. Người này chẳng bao lâu sẽ đặng thành Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Vì thế nên kinh này gọi là do vô lượng công đức kết thành, cũng gọi là chánh giác chẳng cùng tận, do vì chẳng cùng tận, nên đặng gọi là Đại-Niết-Bàn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM BỒ TÁT THỨ MƯỜI SÁU

Này Thiện-nam-tử ! Như ánh sáng mặt trời mặt trăng hơn hết trong các ánh sáng. Ánh sáng Đại-Niết-Bàn rất là thù-thắng đối với ánh sáng của các khế kinh. Ánh sáng của các khế kinh không thể kịp được. Vì ánh sáng Đại-Niết-Bàn có thể chiếu vào các lỗ chân lông của chúng sanh. Chúng sanh dầu không có tâm Bồ-đề, nhưng có thể làm nhân duyên cho Bồ-đề, vì thế nên gọi là Đại-Niết-Bàn.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Như lời Phật vừa nói “ánh sáng Đại-Niết-Bàn chiếu vào các lỗ chân lông của chúng sanh, chúng sanh dầu không tâm Bồ-đề, nhưng có thể làm nhân (*duyên*) cho Bồ-đề”. Xét ra, nghĩa trên đây chẳng đúng.

Bạch Thế-Tôn ! Người phạm bốn giới trọng, người tạo tội ngũ nghịch và hạng Nhất-xiển-đề, ánh sáng chiếu vào thân họ làm nhân bồ đề, thời những hạng này có khác gì người trì giới thanh tịnh, tu tập các hạnh lành, nếu không khác, có sao đức Như-Lai nói nghĩa tứ-y.

Bạch Thế-Tôn ! Lại như lời Phật nói, nếu có chúng

sanh một lần được nghe kinh Đại-Niết-Bàn, thời dứt trừ đặng các phiền não. Trước kia đức Như-Lai lại nói có người ở nơi hàng hà sa chur Phật mà phát tâm, nghe kinh Đại-Niết-Bàn chẳng hiểu được nghĩa, sao lại có thể dứt tất cả phiền não ?

Này Thiện-nam-tử ! Trừ hạng Nhất-xiển-đề, những chúng sanh khác được nghe kinh này, thấy đều có thể làm nhân duyên cho Bồ-đề. Ánh sáng của tiếng pháp chiếu vào lỗ chân lông quyết định sẽ đặng Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Vì người đã có thể cúng dường cung kính vô lượng chur Phật mới đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn. Người phước bạc thời chẳng được nghe. Việc lớn như đây người đại-phước mới có thể được nghe, kẻ tiểu nhân thời chẳng được nghe. Những gì là việc lớn ? Chính là chỉ cho tạng bí mật rất sâu của chur Phật, tức là Phật tánh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Những gì làm nhân Bồ-đề cho người chưa phát tâm Bồ-đề ?

Này Thiện-nam-tử ! Nếu có người nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, không tin nói rằng tôi chẳng cần phát Bồ-đề tâm. Người đó liền ở trong chiêm bao thấy hình La-

Sát, lòng rất kính sợ. La Sát bảo rằng: Nếu người chẳng phát Bồ-đề tâm, ta sẽ giết người. Vì sợ sệt nên khi thức giấc người này liền phát tâm bồ đề. Sau khi chết, nếu người này hoặc đọa trong ba đường ác, cùng sanh trong loài trời, loài người tiếp tục nhớ lại tâm bồ đề đã phát. Nên biết người này là bậc Bồ-tát.

Do nghĩa trên đây, nên oai thần của kinh Đại-Niết-Bàn này có thể làm nhân bồ đề cho người chưa phát tâm.

Đây gọi là Bồ-Tát có nhân duyên mà phát tâm, chẳng phải không nhân duyên. Do vì nghĩa này nên kinh điển Đại-Thừa vi diệu thật là của Phật nói.

Này Thiện-nam-tử ! Như trên hư không kéo mây mưa xuống, nơi cây khô, núi đá, gò nong, cao nguyên nước không đọng lại. Ruộng thấp hồ cao đều đầy nước sanh nơi đó được lợi ích. Cũng vậy, kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu này khắp nhuần chúng sanh, làm cho nảy nở tâm bồ đề. Còn hàng Nhất-xiển-đề chẳng phát tâm bồ đề không được lợi ích.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như hột giống đã cháy, dầu có gặp mưa trồn chẳng mọc mầm. Cũng vậy, hàng Nhất-xiển-đề dầu nghe kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu này, trồn không phát tâm bồ đề. Vì hạng này đoạn diệt tất cả căn

lành như hột giồng đã cháy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như ngọc minh châu để trong nước đục, thế lực của minh châu làm cho nước liền trong. Nhưng để minh châu trong bùn lầy không thể làm cho trong. Kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu này cũng như vậy, có thể làm cho chúng sanh phạm tội vô gián, tứ trọng, tiêu tội được thanh tịnh phát tâm bồ đề. Không thể làm cho Nhất-xiển-đề phát bồ đề tâm, vì Nhất-xiển-đề dứt hết căn lành không phải pháp khí.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như cây thuốc Dược Vương là vua trong những thứ thuốc. Nếu đem Dược Vương hòa với lạc, hoặc tô, hoặc mật, hoặc nước, sữa, hoặc thuốc bột, thuốc huờn, hoặc dùng thoa ghẻ, thoa mắt, hoặc uống, hoặc xông, hoặc nhìn, hoặc ngửi, đều có thể làm cho chúng sanh được lành tất cả bệnh. Dược Vương ấy chẳng nghĩ rằng chúng sanh nếu lấy rễ của ta, thì chẳng nên lấy hết, cũng chẳng nghĩ rằng, nếu lấy lá chẳng nên lấy rễ, nếu lấy thân chẳng nên lấy vỏ, nếu lấy vỏ chẳng nên lấy thân. Dược Vương ấy dầu chẳng tưởng niệm mà có thể trừ tất cả bệnh khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Kinh Đại-Niết-bàn vi diệu này có thể diệt trừ tất cả ác nghiệp, bốn tội trọng, năm tội vô

gián của chúng sanh. Người chưa phát bồ đề tâm nhân kinh này thời đặng phát bồ đề tâm. Vì kinh này là vua trong các thứ kinh, như cây thuốc Dược Vương là vua trong các thứ thuốc. Nếu có người tu tập cùng chẳng tu tập kinh Đại-Niết-Bàn này, nếu nghe được danh tự của kinh này, nghe rồi sanh lòng kính tin, thời đều trừ diệt được tất cả phiền não. Nhưng chỉ chẳng thể làm cho hạng Nhất-xiển-đề an trụ nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Như Dược Vương kia dầu có thể chữa lành tất cả bệnh nặng, nhưng không thể cứu chữa người quyết định chết.

Này Thiện-nam-tử ! Như người tay có ghẻ lở, bốc nắm thuốc độc, thời chất độc thấm vào thịt. Người tay không ghẻ lở, dầu có cầm nắm chất độc cũng chẳng thấm vào được. Hạng Nhất-xiển-đề không có nhân bồ đề, như người tay không ghẻ, không thể thấm chất độc. Chất độc dụ cho diệu nghĩa đệ nhất.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như kim cương không gì phá vỡ được, mà kim cương có thể phá vỡ tất cả vật khác, chỉ trừ mu rùa và sừng bạch dương. Kinh Đại-Niết-Bàn vi diệu này có thể làm cho vô lượng chúng sanh trụ nơi đạo bồ đề, chỉ không thể khiến hạng Nhất-xiển-đề thành lập

nhân bồ đề.

Này Thiện-nam-tử ! Như cỏ Mã-Xỉ, cây Ta-La-Xí, cây Ni-Ca-La, dầu chặt nhánh, đốn cây, nhưng rồi đâm chồi mọc lên như cũ, chẳng phải như cây Đa-la đốn rồi không thể mọc lại.

Cũng vậy, những chúng sanh đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, dầu phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, vẫn có thể sanh nhân bồ đề, hạng Nhất-xiển-đề thời chẳng như vậy, dầu đặng nghe kinh điển vi diệu, nhưng không thể sanh nhân bồ đề.

Này Thiện-nam-tử ! Như cây Khư-đà-la, cây Trán-đầu-ca bị đốn thời chẳng mọc lại và những hột giống bị cháy thời chẳng mọc mầm, cũng vậy, hạng Nhất-xiển-đề dầu đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, nhưng không thể phát tâm Bồ-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như mưa to, nước mưa chẳng dừng ở hư không. Kinh Đại-Niết-Bàn này cũng chẳng dừng ở nơi hạng Nhất-xiển-đề.

Hạng Nhất-xiển-đề này khắp mình kín dày như chất kim cương, vật ngoài không thể lọt vào được.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“Thế-Tôn ! Như đức Phật từng nói kệ rằng:
Chẳng thấy, lành, chẳng làm.

Chỉ thấy, ác, nên làm.

Điều đó đáng kinh sợ.

Dường như đường nguy hiểm.

Bạch Thế-Tôn ! Bài kệ đó có những nghĩa gì ?”

Phật nói:

“Này Thiện-nam-tử ! Chẳng thấy là chẳng thấy Phật tánh. Lành là Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Chẳng làm là chẳng gần gũi Thiện tri thức. Chỉ thấy là thấy không nhân quả. Ác là hủy báng kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng. Nên làm là hạng Nhất-xiển-đề nói không có Đại-thừa. Hạng Nhất-xiển-đề không có tâm xu hướng pháp lành thanh tịnh. Pháp lành là Đại-Niết-Bàn. Xu hướng Đại-Niết-Bàn là nói có thể tu tập hạnh hiền-thiện. Hạng Nhất-xiển-đề không hạnh hiền-thiện, nên không thể xu hướng Đại-Niết-Bàn. Điều đó đáng kinh sợ là nói hủy báng chánh pháp: Người trí phải kinh sợ, vì người hủy báng chánh pháp không có tâm lành, không có phương tiện tu tập, con đường nguy hiểm là nói các hành pháp.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch: Như Phật từng nói:

Thấy chỗ làm thế nào ?

Đặng pháp lành thế nào ?

Chỗ nào chẳng kinh sợ ?

Như đường bằng vua đi.

Thế-Tôn ! Bài kệ này nghĩa như thế nào ?

Này Thiện-nam-tử ! Thấy chỗ làm là phát-lò các tội ác: Từ vô lượng đời gây tạo các nghiệp ác thấy đều phát lò, đến nơi rớt ráo thanh tịnh. Đó là chỗ không kinh sợ. Như đường bằng thẳng của vua đi, trộm cướp đều chạy trốn. Cũng vậy, phát lò như trên thời tất cả tội ác đều dứt trừ.

Lại chẳng thấy chỗ làm là nói hàng Nhất-xiên-đề làm những việc ác mà chẳng tự thấy. Hàng Nhất-xiên-đề do lòng kiêu mạn nên dẫu làm ác nhưng không kinh sợ. Vì thế nên hạng này chẳng đặng Niết-Bàn. Dụ như khỉ vượn mò nắm mặt trăng trong nước.

Này Thiện-nam-tử ! Giả sử vô lượng chúng sanh đồng thời chứng đặng Vô Thượng chánh đẳng chánh giác, các đức Như-Lai này cũng chẳng thấy hạng Nhất-xiên-đề kia đặng thành Bồ-đề. Vì nghĩa này nên gọi là chẳng

thấy chỗ làm.

Và lại chẳng thấy chỗ làm của ai ? Đây là chẳng thấy chỗ làm của Phật. Phật vì chúng sanh nói có Phật tánh. Hạng Nhất-xiển-đề trôi lăn trong sanh tử, không thể thấy biết Phật tánh. Vì nghĩa này nên gọi là chẳng thấy chỗ làm của Như-Lai.

Lại hàng Nhất-xiển-đề thấy đức Như-Lai rất ráo nhập Niết-bàn, họ cho rằng thật vô thường, như đèn tắt, dầu mỡ đều hết. Vì hạng này nghiệp ác của họ chẳng giảm bớt.

Nếu có Bồ-Tát lúc làm những nghiệp lành hồi hướng Vô Thượng chánh đẳng chánh giác, dầu hàng Nhất-xiển-đề chẳng tin chê bai phá hoại, nhưng các vị Bồ-Tát vẫn đem công đức thí cho, muốn cùng họ đồng thành đạo Vô Thượng. Vì pháp của chư Phật và Bồ-Tát tự nhiên như vậy.

Làm ác chẳng liên thọ,

Như sữa liền thành lạc,

Như tro che trên lửa.

Người ngu khinh đạp đó.

Hàng Nhất-xiển-đề gọi là kẻ không con mắt, nên

chẳng thấy đạo A-La-Hán, vì không con mắt, nên chê bai Đại-thừa chẳng muốn tu tập. Như A-La-Hán siêng tu tâm từ.

Nếu người nói rằng: Nay tôi chẳng tin kinh điển Thanh-văn, chỉ tin thọ Đại-thừa, đọc tụng giải thuyết. Vì thế nên nay tôi là Bồ-Tát. Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Do có Phật tánh nên trong thân chúng sanh bèn có mười trí lực ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt. Lời nói của tôi không khác lời nói của Phật. Nay anh cùng tôi đều phá vô lượng phiền não ác, như phá vỡ bình nước. Vì phá kiệt sử nên liền đặng thấy Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Người đó dầu diễn nói như vậy, nhưng tâm nó thật chẳng tin có Phật tánh, chỉ vì lợi dưỡng nên nói theo văn kinh, đây gọi là người ác. Người ác như vậy chẳng liền thọ quả báo, như sữa thành lạt.

Ví như Vương sứ biện luận giỏi, nhiều chức khéo, phụng mạng qua nước khác, thà chết chớ trọn chẳng ản giấu lời truyền của vua. Cũng vậy, người trí ở trong hàng phàm phu, chẳng tiếc thân mạng, quyết phải tuyên nói Như-Lai tạng kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện-nam-tử ! Có kẻ Nhất-xiên-đề làm dạng A-La-Hán, chê bai kinh điển Đại-thừa. Người phàm phu thấy đó đều cho là thật A-La-Hán, là đại Bồ-Tát. Bọn ác Tỳ-kheo Nhất-xiên-đề này, ở nơi A-Lan-Nhã phá hoại pháp A-Lan-Nhã, thấy người khác đặng lợi sanh lòng ganh ghét, nói rằng những kinh điển Đại-thừa đều là lời của Thiên-Ma Ba-Tuần nói. Họ cũng nói Như-Lai là pháp vô thường. Họ hủy diệt chánh pháp, phá hoại chúng tăng. Họ lại nói lời của Thiên-Ma Ba-Tuần chẳng phải là lời lành, lời thuận.

Bọn trên đây tuyên nói lời tà ác như vậy. Bọn này làm ác chẳng liên thọ báo. Như sữa thành lạc. Người như vậy gọi là Nhất-xiên-đề. Như tro trùn trên lửa, người ngu khinh đạp đó.

Vì thế nên biết kinh điển Đại-thừa vi diệu quyết định thanh tịnh. Như châu Ma-Ni ném vào nước đục, nước liền trong.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như hoa sen được mặt trời rọi đến đều nở. Tất cả chúng sanh nếu đặng thấy nghe kinh Đại-Niết-Bàn, thời đều phát Bồ-đề tâm. Vì thế nên ta nói ánh sáng Đại-Niết-Bàn chiếu vào lỗ chân lông, quyết định làm nhân vi diệu.

Nhất-xiên-đề kia dầu có Phật tánh, nhưng bị vô lượng tội chướng ràng buộc, nên chẳng thể hiện ra, như con tằm ở trong kén, do nghiệp chướng đó chẳng thể sanh nhân bồ đề, lưu chuyển mãi trong sanh tử.

Này Thiện-nam-tử ! Như hoa sen mọc nơi bùn lầy, mà trọn chẳng bị bùn lầy làm nhơ. Nếu có chúng sanh tu tập kinh điển Đại-Niết-Bàn vì diệu này, dầu có phiền não, mà trọn chẳng bị phiền não làm nhơ, vì nhờ năng lực rõ biết Như-Lai tánh.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có nước kia nhiều gió mát mẻ. Nếu gió ấy thổi vào lỗ chân lông nơi thân của chúng sanh, thời có thể trừ tất cả sự nóng bức bực bội.

Kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này cũng lại như vậy, vào khắp lỗ chân lông của tất cả chúng sanh, mà làm nhân Bồ-đề, trừ hạng Nhất-xiên-đề vì hạng này chẳng phải pháp-khí.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y, hiểu rõ tám thứ thuốc trị lành tất cả bệnh, chỉ trừ người quyết định chết. Cũng vậy, tất cả khế kinh, thiên định, tam muội, có thể trị tất cả phiền não tham sân, si, mà không thể trị kẻ phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián.

Này Thiện-nam-tử ! Lại có lương y giỏi hơn, có thể chữa lành tất cả bệnh khổ của người, chỉ trừ bệnh quyết định chết. Cũng vậy, kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-bàn này, có thể trừ tất cả phiền não, làm cho chúng sanh an trụ nơi nhân Như-Lai thanh tịnh, người chưa phát tâm làm cho phát tâm, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y có thể dùng thuốc hay chữa trị cho các người mù, khiến mắt họ được sáng, thấy tất cả cảnh vật, chỉ chẳng thể trị lành con mắt của người sanh-manh. Cũng vậy, Kinh Đại-Niết-Bàn này có thể làm cho hàng Thanh-văn, Duyên-Giác khai phát huệ nhãn, khiến cho họ an trụ nơi vô lượng vô biên kinh điển Đại-thừa. Những người chưa phát tâm, hoặc phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh này đều có thể làm cho họ phát tâm bồ đề, chỉ trừ bọn Nhất-xiển-đề, như kẻ sanh-manh.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y hiểu rõ tám khoa trị bệnh vì trị tất cả bệnh khổ cho người, dùng các phương thuốc, theo bệnh mà trị, mà người bệnh ngu chẳng muốn uống đó. Lương y xót thương, dắt người này về nhà mình, ép uống thuốc, bệnh liền được lành. Phụ nữ sanh sản, lá nhau chẳng ra, nếu uống thuốc này lá nhau

liền ra, cũng làm cho hài nhi được an lành.

Cũng vậy, kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này có thể trừ vô lượng phiền não cho chúng sanh, trừ bốn tội trọng, năm tội vô gián, người chưa phát tâm đều làm cho phát tâm trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Phạm bốn tội trọng và năm tội vô gián gọi là rất nặng, rất ác. Ví như cây đa-la đã bị đốn chẳng còn mọc lại được. Những người phạm tội này chưa phát tâm Bồ-đề thế nào có thể làm nhân Bồ-đề cho họ được ?”

- Nay Thiện-nam-tử ! Những người phạm tội này, hoặc ở trong chiêm bao thấy bị đọa địa ngục, thọ những sự khổ não, liền sanh lòng ăn năn, sau khi thức dậy, tin có quả báo lớn, bèn phát tâm Bồ-đề.

Như hài nhi kia, lần lần khôn lớn, thường nghĩ nhớ rằng: Lương y đó rất giỏi, nhờ ông cho thuốc, mẹ mìnhặng an lành, do đó nên mạng của mình cũngặng toàn. Cảm thương mẹ mình chịu nhiều sự khổ não, mang thai cả mười tháng, sau khi sanh nở, nhường khô năm ướt, hốt rửa phân dãi, bú mớm nuôi nấng. Vì những công ơn ấy, ta phải báo đền, săn sóc hầu hạ, tùy thuận cúng dường mẹ ta.

Người phạm bốn tội nặng và năm tội vô gián, lúc sắp chết nhớ đến kinh Đại-Niết-Bàn này, dầu đọa địa ngục, súc sanh, ngã quý, hay sanh trên trời, trong loài người, kinh điển này cũng làm nhân Bồ-đề cho người này, trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y và con trai của lương y hiểu biết sâu rộng hơn các y sĩ khác, biết rành phương trừ độc: Độc rắn, độc rồng, độc rít, độc bò cạp, lại đem phương thuốc này thoa nơi giày dép, các độc trùng chạm đến chất độc liền tiêu, chỉ không thể tiêu được độc của đại-long.

Cũng vậy, nếu có chúng sanh phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián, kinh Đại Niết-Bàn này có thể làm cho tội tiêu diệt, an trụ nơi đạo Bồ-đề. Oai thần của kinh làm cho chúng sanh được an-lạc chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người lấy chất thuốc độc thoa trên mặt trống, những người nghe tiếng trống này, dầu là vô tâm đều trúng độc mà chết, chỉ trừ một người.

Cũng vậy, những người nghe tiếng kinh Đại-Niết-Bàn này, bao nhiêu tham dục, sân-khú, ngu si thảy đều dứt hết. Oai lực của kinh này có thể diệt trừ phiền não,

dầu là người không lòng nghĩ nhớ. Người phạm bốn tội nặng, năm tội vô gián được nghe kinh này cũng thành nhân Vô Thượng Bồ-đề, lặn dứt phiền não, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như đêm tối, tất cả công việc làm đều ngưng nghỉ. Nếu việc chưa làm xong phải chờ đến sáng ngày sau. Cũng vậy, người học Đại-thừa dầu tu tập theo kệ kinh tất cả các môn thiên định, cần phải chờ nghe lời dạy vi mật của Như-Lai, nơi hội Đại-thừa Đại-Niết-Bàn rồi sau mới có thể tu tạo nghiệp nhân Bồ-đề an trụ nơi chánh pháp.

Như trời mưa nhuần thấm làm cho tất cả hạt giống nảy mầm lên cây, đơm bông kết trái, mọi người nhờ đó được no đủ, khỏi đói khát. Cũng vậy, pháp tạng của Như-Lai có thể diệt trừ tám thứ thống khổ. Kinh này ra đời, như những trái, hạt đem sự no đủ an vui đến cho mọi người, tức là làm cho chúng sanh thấy Phật tánh. Như trong hội Pháp-Hoa tám ngàn Thanh Văn đặng thọ ký thành Phật.

Hạng Nhất-xiển-đề không tu tập pháp lành như mùa thanh đông.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y nghe con người

khác bị quỷ thần bắt, liền sai một người đem thuốc đến cứu, dặn rằng: Người đem thuốc này mau trao cho người đó, sức thuốc sẽ làm cho quỷ thần tránh xa. Nếu người chậm trễ thời ta phải tự đi, quyết chẳng để người đó bị hại. Nếu người bệnh đó đặn thuốc và oai đức của lương y, bệnh khổ liền hết. Cũng vậy, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và hàng ngoại đạo có thể thọ trì đọc tụng kinh điển này, lại phân biệt giảng nói cho người khác, hoặc tự biên chép, khiến người biên chép, tất cả đều là nhân Bồ-đề.

Nếu người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, hoặc bị quỷ tà ác độc làm hại, nghe kinh điển này tất cả ác độc đều tiêu diệt, nên biết người này thật là Bồ-tát. Vì tạm đặn nghe kinh Đại-Niết-Bàn này, cũng do vì sanh lòng tưởng niệm Như-Lai thường-trụ. Tạm đặn nghe còn đặn công đức như vậy, huống là biên chép thọ trì đọc tụng, tất cả đều là Bồ-Tát, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như người điếc chẳng nghe được tiếng. Cũng vậy, hàng Nhất-xiển-đề dầu muốn nghe kinh điển vi diệu này, cũng chẳng đặn nghe.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y thông suốt tất cả phương thuốc và rộng biết vô lượng chú thuật. Lương y

này thấy nhà vua bèn tâu rằng: “Nay Đại-Vương có bệnh nguy đến tánh mạng”. Vua nói: “ Khanh chẳng thấy việc trong bụng ta, sao lại nói rằng có bệnh nguy đến tánh mạng”. Lương y tâu: “Nếu chẳng tin lời của thần, xin Đại-Vương uống thuốc xỏ, sau khi xỏ Đại-Vương tự nghiệm lấy”. Vua không bằng lòng uống.

Bấy giờ lương y dùng chú thuật làm cho hậu môn của vua sưng phồng lên và thông xuống, trùng máu tuôn ra. Vua nhìn thấy kinh sợ, hết lời khen ngợi lương y: Ta rất tiếc trước chẳng dùng lời của khanh, giờ đây mới biết khanh thật lương y, nhờ khanh mà thân ta đặng an lạc. Vua bèn cung kính lương y xem như cha mẹ.

Kinh Đại-Niết-Bàn này cũng lại như vậy. Tất cả chúng sanh không luận hàng hữu dục hay vô dục, đều có thể làm phiền não của kia tiêu dứt.

Những chúng sanh này nhận đến trong chiêm bao, cung kính cúng dường kinh này, như nhà vua cung kính lương y.

Nếu vị lương y đó biết người quyết định chết thời không chữa trị. Cũng vậy, kinh Đại-Niết-Bàn này chẳng thể chữa trị hạng Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bệnh có thể trị lành tất cả các bệnh. Chỉ chẳng thể chữa trị người quyết định chết. Cũng vậy, chư Phật, Bồ-Tát, có thể cứu độ tất cả chúng sanh có tội, chỉ không thể độ hạng Nhất-xiển -đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như lương y biết rành tám khoa trị bệnh, lại thông hiểu nhiều khoa cao siêu khác, đem chỗ hiểu biết của mình truyền dạy cho con. Lần lần truyền dạy cả tám khoa, lại thêm những khoa cao siêu khác. Cũng vậy, Đức Như-Lai trước dạy các Tỳ-kheo những phương tiện diệt trừ tất cả phiền não, dạy quán thân chẳng bền chắc, quán thân thọ khổ, quán vô ngã, khiến các đệ tử học thông thuộc chín bộ kinh, rồi sau mới dạy học tạng Như-Lai bí mật, nói Như-Lai thường trụ. Đức Như-Lai nói kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn để làm nhân Bồ-đề cho những chúng sanh đã phát tâm và người chưa phát tâm, chỉ trừ hạng Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Kinh Đại-Niết-Bàn này là giáo pháp vô lượng vô số chẳng thể nghĩ bàn chưa từng có. Nên biết kinh này là lương y Vô Thượng tôn quý nhất hơn tất cả, là vua trong các kinh.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như thuyền lớn từ bờ biển

này đi đến bờ kia lại từ bờ biển kia trở về bờ này. Cũng vậy, Đức Như-Lai ngồi thuyền báu Đại-thừa Đại-Niết-Bàn qua lại tế độ chúng sanh. Nơi nào chốn nào có kẻ đáng được độ thời đều làm cho đặng thấy thân Như-Lai. Vì thế nên Đức Như-Lai có hiệu là vô-thượng thuyền-sư.

Ví như có thuyền, thời có thuyền sư, do có thuyền sư thời có người đi qua biển lớn. Đức Như-Lai thường trụ hóa độ chúng sanh cũng lại như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người ở trong biển lớn, ngồi thuyền muốn đi qua, nếu đặng thuận gió, thời trong khoảnh khắc có thể đi đặng trăm ngàn do tuần. Nếu chẳng đặng thuận gió dầu ngồi thuyền trải qua nhiều năm chẳng rời khỏi chỗ cũ, có lúc thuyền hư lủng, đắm chìm mà chết.

Cũng vậy, chúng sanh ở nơi biển lớn sanh tử ngu si, ngồi trên thuyền các công hạnh, nếu gặp được gió mạnh Đại-Niết-Bàn, thời có thể mau đến bờ Vô Thượng đạo. Nếu chẳng gặp kinh này, sẽ phải luân chuyển mãi trong sanh tử. Hoặc có lúc phá hư công hạnh, phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người chẳng gặp gió thuận lớn, ở lâu trong biển nghĩ rằng: Nay chúng ta ắt

chết tại đây. Lúc nghĩ như vậy bỗng gặp gió lớn, thuận theo gió qua khỏi biển, vui mừng nói rằng ngọn gió tốt này thật chưa từng có, làm cho chúng ta đặng an ổn qua khỏi nạn biển lớn. Cũng vậy, chúng sanh từ lâu ở trong biển lớn ngu si sanh tử, nghèo cùng tiều tụy khốn khổ, lúc chưa gặp kinh Đại-Niết-Bàn thời nên nghĩ rằng: Chúng ta quyết định phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Lúc chúng sanh này suy nghĩ như vậy, bỗng gặp kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, tùy thuận tu hành vào nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác, khen rằng: Chúng ta từ trước đến nay chưa từng được nghe tạng Như-Lai vi mật như vậy. Lúc bấy giờ mới sanh lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại-Niết-Bàn.

Này Thiện-nam-tử ! Như rắn lột da, nó có chết đặng chăng ?

- Bạch Thế-Tôn ! “ Rắn không chết”.

- Này Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, Đức Như-Lai phương tiện thị hiện dứt bỏ thân độc này, có thể nói rằng Đức Như-Lai là vô thường diệt mất ư.

- Bạch Thế-Tôn ! Không phải vậy.

Đức Như-Lai ở trong Diêm-Phù-Đề phương tiện bỏ

thân, như rắn kia lột bỏ lớp da cũ, vì thế nên Đức Như-Lai gọi là thường trụ.

- Nay Thiện-nam-tử ! Ví như thợ kim hoàn đặng vàng thật tốt làm thành các món đồ tùy theo ý mình. Cũng vậy, Đức Như-Lai ở trong hai mươi lăm cõi, vì hóa độ chúng sanh khỏi dòng sanh tử, nên thị hiện các thứ sắc thân tùy ý tự tại, nên Đức Như-Lai có hiệu là vô-biên-thân. Dầu lại thị hiện các thứ sắc thân, nhưng cũng gọi là thường trụ không biến đổi.

Nay Thiện-nam-tử ! Như cây Am-la và cây Diêm-phù. Trong một năm ba lần biến đổi; có lúc sanh bông màu sắc sáng rỡ, có lúc mọc lá sum sê rậm rạp có lúc điêu tàn như khô chết.

Nay Thiện-nam-tử ! Cây ấy có thật là khô chết chăng ?

- Bạch Thế-Tôn ! Cây ấy không phải chết.

- Nay Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai ở trong ba cõi, thị hiện ba thứ sắc thân cũng lại như vậy: Có lúc mới giáng sanh, có thời kỳ lớn khôn, có thời kỳ nhập Niết-Bàn. Dầu vậy, nhưng thân Đức Như-Lai thật chẳng phải vô thường.

Ca-Diếp Bồ-Tát tán thán rằng:

“Lành thay ! Lành thay ! Thật đúng như lời Phật dạy. Đức Như-Lai thường trụ không có biến đổi”.

Này Thiện-nam-tử ! Mật ngữ của Như-Lai rất sâu khó hiểu, ví như nhà vua bảo các quan đem Tiên-Đà-Bà đến. Danh từ Tiên-Đà-Bà chỉ cho bốn thứ: Một là muối, hai là chén, ba là nước, bốn là ngựa. Có cả bốn thứ ấy đều đồng một danh từ Tiên-Đà-Bà. Quan hầu có trí biết rành danh từ này. Lúc vua muốn rửa ráy đòi Tiên-Đà-Bà, liền dâng nước. Lúc vua ăn đòi Tiên-Đà-Bà liền dâng muối. Lúc vua ăn xong muốn uống nước ngọt, đòi Tiên-Đà-Bà liền dâng chén. Lúc vua muốn du hành đòi Tiên-Đà-Bà liền đem ngựa dâng. Quan hầu có trí hiểu rành mật ngữ của nhà vua.

Kinh Đại-thừa này có bốn nghĩa vô thường cũng như vậy. Hàng Phật-tử Đại-thừa phải nên biết rành. Nếu đức Phật ra đời vì chúng sanh nói Như-Lai Niết-Bàn, người trí nên biết đây là đức Như-Lai vì người chấp thường mà nói pháp quán vô thường, muốn cho các Tỳ-kheo tu pháp quán vô thường. Hoặc đức Phật lại nói chánh pháp sẽ diệt, người trí nên biết đây là đức Như-Lai vì người chấp lạc nói pháp quán về khổ, muốn cho các Tỳ-kheo tu pháp quán khổ.

Hoặc đức Như-Lai nói, nay ta bệnh khổ, chúng Tăng phá hoại. Người trí nên biết đây là đức Như-Lai vì người chấp ngã nói pháp quán vô ngã, muốn cho các Tỳ-kheo tu pháp quán vô ngã. Hoặc đức Phật lại nói, pháp quán không là chánh giải thoát. Người trí nên biết đây là đức Như-Lai nói chánh giải thoát, không hai mươi lăm cõi, muốn cho các Tỳ-kheo tu học pháp quán không. Vì nghĩa này nên chánh giải thoát gọi là không, cũng gọi là bất động. Bất động là vì trong giải thoát không có khổ. Cho nên bất động là chánh giải thoát, là không có tướng. Nói rằng không tướng đó là không có sắc, thanh, hương, vị, xúc v.v... nên gọi là không tướng. Chánh giải thoát này thường chẳng biến đổi. Trong giải thoát này không có vô thường khổ não biến đổi. Vì thế nên giải thoát hiệu là thường trụ, mát mẻ chẳng biến đổi.

Hoặc đức Phật nói rằng tất cả chúng sanh đều có Như-Lai tánh. Người trí nên biết.

Đây là đức Như-Lai nói pháp thường, muốn cho các Tỳ-kheo tu tập pháp thường. Các Tỳ-kheo này nếu có thể tùy thuận học tập như vậy, nên biết người này thật là đệ tử của Phật, biết rành tạng Như-Lai vi mật, như quan hầu có trí, biết rành ý của nhà vua.

Này thiện-nam-tử ! Nhà vua kia cũng có mật ngữ như vậy, huông là đức Như-Lai mà lại không có.

Này Thiện-nam-tử ! Vì thế nên giáo pháp vi mật của Như-Lai khó có thể biết được. Chỉ người trí mới có thể hiểu được Phật pháp rất sâu vi diệu của Như-Lai, chẳng phải hạng phàm phu trong đời mà có thể tin được.

Này Thiện-nam-tử ! Như cây Ba-la-xa, cây Ca-ni-ca, cây A-thúc-ca gặp lúc nắng hạn thời chẳng sanh hoa trái. Nhãn đến các sanh vật dưới nước trên đất thấy đều khô héo, không thể tăng trưởng, tất cả các phương thuốc không còn công hiệu.

Kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này cũng lại như vậy. Sau khi ta diệt độ, có các chúng sanh chẳng thể cung kính thời chẳng có oai đức. Vì các chúng sanh này chẳng biết tằng Như-Lai vi mật, bởi chúng sanh này phước đức mỏng kém.

Này Thiện-nam-tử ! Lúc chánh pháp của Như-Lai sắp diệt, bây giờ có số đông ác hạnh Tỳ-kheo chẳng biết tằng Như-Lai vi mật, chênh mảng biếng nhác, chẳng thể đọc tụng tuyên dương chánh pháp của Như-Lai.

Ví như kẻ cướp ngu si, vất bỏ châu báu mà mang

gánh cỏ trâu. Vì chẳng hiểu tạng Như-Lai vì mật nên biếng nhác đối với kinh này.

Thương thay đời vị lai rất nguy hiểm, rất đáng sợ sệt.

Khổ thay chúng sanh chẳng siêng năng thọ trì kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này.

Chỉ các vị Đại Bồ-Tát có thể ở nơi kinh này chẳng chấp văn tự, tùy thuận nghĩa chân thật mà vì chúng sanh giảng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Như đứa gái chăn bò vì muốn bán sữa, tham lợi nhiều nên thêm hai phần nước rồi bán cho đứa gái chăn bò khác. Đứa gái kia lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở gần thành. Đứa gái này lại thêm hai phần nước rồi bán lại cho đứa gái ở trong thành. Đứa gái này lại thêm hai phần nước rồi đem ra chợ bán. Bây giờ có một người cần sữa tốt để đãi tân khách, nên đến chợ muốn mua sữa. Đứa gái bán sữa đòi giá mắc. Người mua nói sữa này pha nhiều nước, không đến giá đó, nay nhằm lúc tôi phải đãi đằng tân khách nên đành mua mắc. Mua xong đem về nhà, nấu thành cháo trộn không có mùi sữa. Dầu không có mùi sữa, nhưng cũng ngàn lần hơn vị chất đắng, vì vị sữa hơn hết trong các vị.

Này Thiện-nam-tử ! Sau khi ta nhập Niết-Bàn, lúc chánh pháp chưa dứt, còn tám mươi năm, kinh này sẽ lưu hành rộng nơi Diêm-Phù-Đề.

Lúc bấy giờ sẽ có các ác Tỳ-kheo sao lược kinh này chia làm nhiều phần, có thể làm mất mùi vị tốt đẹp của chánh pháp. Những người này dầu đọc tụng kinh điển đây, nhưng lại diệt trừ yếu nghĩa thâm mật của Như-Lai, đem lời thế gian vô nghĩa văn sức lẫn lộn, sao phần trước để ở sau, sao phần sau để ở trước, phần trước phần sau để ở giữa, phần giữa để ở phía sau phía trước. Nên biết các Tỳ-kheo này là bạn bè của ma. Họ nhận chứa tất cả vật bất tịnh mà nói rằng đức Như-Lai đều cho chúng tôi nhận chứa. Như đưa gái chần bò pha nhiều nước vào trong sữa. Cũng vậy, các ác Tỳ-kheo này đem lời thế tục xen tạp vào kinh này. Làm cho đa số chúng sanh chẳng dặng lời nói chân chánh, biên chép chân chánh, nhận lấy chân chánh, để tôn trọng tán thán cúng dường cung kính. Ác Tỳ-kheo đây vì lợi dưỡng nên chẳng thể lưu truyền rộng kinh này. Dầu có lưu truyền cũng là chút ít phần chẳng đáng kể. Như các đưa gái xoay vần bán sữa. Nhẫn đến nấu thành cháo mà không có vị sữa. Cũng vậy, Kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này lần lược lạt lẽo không có khí

vị. Dầu không khí vị vẫn còn hơn những kinh khác cả ngàn lần. Như cháo không mùi sữa kia vẫn ngàn lần hơn các vị đắng. Vì kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này là thượng-thủ nhất đối với kinh điển Thanh-văn. Như sữa bò hơn hết trong các vị. Vì nghĩa này nên gọi là Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Này thiện-nam-tử ! Như loài người không ai chẳng mong mỗi được thân nam tử. Vì thân người nữ đều là chỗ nhóm ở của các sự nhơ xấu.

Này Thiện-nam-tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được nhuận ướt. Người nữ lòng dục khó đầy cũng như vậy. Ví như cả quả địa cầu, đem vò viên như hột đình lịch. Nam tử đông như số hột ấy, cùng dâm với một người nữ, vẫn không thể đủ.

Giả sử số nam tử như hằng sa cùng dâm với một người nữ, cũng không thể đủ.

Ví như trời mưa, trăm sông các dòng đều chảy vào biển cả, mà biển cả vẫn chưa từng đầy.

Cũng vậy, giả sử tất cả đều là nam tử, cùng dâm với một người nữ cũng không đủ.

Này Thiện-nam-tử ! Như cây A-thúc-ca, cây Ba-tra-

la, cây Ca-ni-ca, mùa xuân hoa nở, có con ong hút mật lấy hương nhụy của hoa chẳng chán chẳng đủ.

Cũng vậy, người nữ muốn người nam chẳng nhàm chẳng đủ.

Này Thiện-nam-tử ! Do nghĩa này nên mọi người khi nghe kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này, thường phải quở trách thân nữ cầu được thân nam. Vì kinh này có tướng trượng phu, tức là Phật tánh. Nếu người chẳng biết Phật tánh này, thì không có tướng nam, ta nói những người này gọi là nữ nhân. Nếu có thể tự biết Phật tánh, ta nói người này gọi là tướng trượng phu. Nếu có người nữ biết thân mình quyết có Phật tánh, nên biết những người này chính là nam tử.

Kinh Đại-thừa Đại-Niết-bàn này chứa nhóm vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn, vì nói tạng Như-Lai vi mật. Thế nên mọi người nếu muốn mau biết tạng Như-Lai, nên phải phương tiện siêng tu kinh này.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn! Phải lắm, phải lắm, đúng như lời Phật nói. Nay tôi nhân có tướng trượng phu nên đặng vào tạng Như-Lai vi mật. Hôm nay đức Như-Lai mới giác ngộ cho

tôi, nhân đây tôi liền được quyết định thông đạt”.

Phật nói:

“ Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện-nam-tử ! Nay ông tùy thuận thế gian mà nói”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Tôi chẳng tùy thuận pháp thế gian”.

Đức Phật khen ngợi Ca-Diếp Bồ-tát:

“ Lành thay ! Lành thay ! Nay chỗ biết của ông là pháp vị Vô Thượng, pháp ấy rất sâu khó biết mà ông có thể biết đặng. Như con ong hút lấy mật hoa.

Nay Thiện-nam-tử ! Như nước tiểu của con muỗi không thể làm cho mặt đất được thấm ướt. Đời đàng-lai kinh này lưu truyền cũng lại như vậy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ trước ẩn mất nơi cõi đất này. Nên biết đó là tướng suy của chánh pháp.

Nay Thiện-nam-tử ! Ví như hết mùa hạ qua đầu mùa thu, mưa thu tầm tã. Cũng vậy, kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này vì các vị Bồ-Tát ở phương nam sẽ lưu truyền rộng, rưới pháp võ đầy khắp xứ ấy. Lúc chánh pháp sắp diệt, kinh này sẽ truyền đủ nơi nước Kế-Tân. Hoặc có người tin, có người chẳng tin, kinh này ẩn mất trong đất.

Khi kinh này ần mất rồi, tất cả kinh điển Đại-thừa khác, thảy đều dứt mất. Nếu ai gặp đặng kinh này đầy đủ, thời người đó là đệ nhất trong loài người. Các hàng Bồ-Tát nên biết chánh pháp Vô Thượng của Như-Lai sắp diệt chẳng còn lâu.

Lúc bấy giờ ngài Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật rằng: “Thế-tôn ! Nay ông Thuần-Đà còn có tâm nghi, ngưỡng mong đức Như-Lai vì ông giảng giải.

- Nay Thiện-nam-tử ! Tâm nghi thế nào, ông cứ trình bày Như-Lai sẽ dạy nữa cho.

Văn-Thù Sư-Lợi nói: “ Ông Thuần-Đà nghi rằng: Đức Như-Lai là thường trụ, do vì đặng sức tri kiến Phật tánh. Nếu thấy Phật tánh mà là thường trụ, thời lúc trước chưa thấy lẽ ra là vô thường. Nếu lúc trước là vô thường, lúc sau cũng phải như vậy. Như những vật trong đời trước không nay có, có rồi trở thành không. Những vật như vậy đều là vô thường. Do nghĩa này nên chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn không sai khác nhau”.

Đức Thế-Tôn liền nói kệ rằng:

Trước có nay không,

Trước không nay có,

Trợn không có nghĩa.

Ba đời là có.

Này thiện-nam-tử ! Do nghĩa này mà chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn, cũng có sai khác, cũng không sai khác.

Văn-Thù Sư-Lợi tán thán rằng:

“ Lành thay ! Thật như lời dạy của Như-Lai, nay tôi mới biết chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn cũng có sai khác, cũng không sai khác”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Như lời Phật nói, Chư Phật, Bồ-tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn, tánh không sai khác, cúi mong đức Như-Lai giảng rộng nghĩa ấy, để lợi ích, an lạc tất cả chúng sanh”.

Phật nói:

“ Này Thiện-nam-tử ! Lóng nghe suy xét kỹ, đức Như-Lai sẽ vì ông giảng nói nghĩa ấy.

Này Thiện-nam-Tử ! Ví như Trưởng giả nuôi nhiều bò sữa, đủ các màu lông, sai một người chăn nuôi. Một hôm người chăn vì sự cúng kiếng, vắt sữa tất cả bò đặng

chung trong một thùng. Người ấy thấy sữa đồng một màu trắng, lấy làm lạ nghĩ rằng: Bầy bò mỗi con đều khác màu, sao sữa của chúng nó đều đồng màu. Người ấy gẫm kỹ, xét rằng tất cả đều do nhân duyên nghiệp báo của chúng sanh làm cho sữa đồng một màu.

Này Thiện-nam-tử ! Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát, đồng một Phật tánh, như sữa của bầy bò đồng một màu. Vì đồng sạch hết phiền não. Nhưng các chúng sanh nói chư Phật, Bồ-Tát, Duyên-Giác, Thanh-Văn, sai khác nhau. Cũng có hàng Thanh-Văn và người phàm phu nghĩ rằng: Ba thừa sao lại không sai khác. Những người này lâu lâu về sau tự hiểu rằng, tất cả ba thừa đồng một Phật tánh. Như người chăn bò hiểu rằng màu sữa đồng một, là do nhân duyên nghiệp báo.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như quặng vàng, nấu lọc cặn bã, sau khi tiêu dung (*nấu chảy*) thành vàng, thời giá trị vô lượng. Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-Tát đều đặng thành tự đồng một Phật tánh, vì trừ hết phiền não, như quặng vàng trừ hết cặn bã thành vàng. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh đồng một Phật tánh không có sai khác. Vì họ trước kia nghe tạng Như-Lai vi mật, thời gian sau thành Phật tự nhiên đặng biết, vì dứt vô lượng phiền não.

Như ông Trương giả kia biết sữa đồng một màu”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật rằng:

Thế-tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thời Phật cùng chúng sanh có gì sai khác. Người nói như vậy có nhiều lỗi lầm. Nếu các chúng sanh đều có Phật tánh, do nhân duyên gì Ngài Xá-Lợi-Phất v.v... lại nhập Tiểu Niết-Bàn. Hàng Duyên-Giác nhập Trung Niết-Bàn, các vị Bồ-Tát nhập Đại Niết-Bàn. Ba hạng người như vậy nếu đồng Phật tánh sao lại chẳng đồng nhập Đại-Niết-Bàn như đức Như-Lai ?”

- Nay thiện-nam-tử ! Niết-Bàn của chư Phật Thế-Tôn chính là chẳng phải chỗ chứng của Thanh-Văn, Duyên-Giác.

Do nghĩa này nếu nhập Đại Niết-Bàn gọi là thuận-thiện. Thế gian nếu không Phật ra đời chẳng phải là không có hàng nhị thừa chứng đặng hai thứ Niết-Bàn”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: Thế-Tôn ! Nghĩa ấy như thế nào ?

Phật nói vô lượng vô biên vô số kiếp mới có một đức Phật hiện ra nơi đời khai thị pháp tam thừa.

Nay Thiện-nam-tử ! Như lời ông nói, Bồ-Tát, Duyên-

Giác và Thanh-Văn không sai khác đó, trước kia trong tạng Như-Lai Đại-Niết-Bàn này ta đã có nói nghĩa đó. Các vị A-La-Hán không có thuần thiện, vì các vị A-La-Hán đều sẽ đặng Đại-Niết-Bàn này, do nghĩa này nên nhập Đại-Niết-Bàn có lạc rớt ráo, vì có lạc rớt ráo nên gọi là nhập Đại-Niết-Bàn.

Ca-Diếp Bồ-tát bạch Phật rằng: “ Như lời Phật nói tôi nay mới biết nghĩa sai khác, cùng nghĩa không sai khác, vì tất cả Bồ-Tát Thanh-Văn, Duyên-Giác đều sẽ đồng quy nơi Đại-Niết-Bàn ở đời vị lai, như các dòng nước chảy về biển cả. Thế nên hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác đều gọi là thường chẳng phải là vô thường. Do nghĩa này nên cũng có sai khác, cũng không sai khác.

- Bạch Thế-Tôn ! Thế nào là tánh sai khác ?

- Nay Thiện-nam-tử ! Thanh-Văn như sữa. Duyên-Giác như lạc, Bồ-Tát như sanh-tô thực-tô, chư Phật Thế-tôn như đề-hồ. Do nghĩa này nên trong Đại-Niết-Bàn nói bốn chủng tánh sai khác nhau.

- Bạch Thế-Tôn ! Tánh tướng của tất cả chúng sanh như thế nào ?

Nay Thiện-nam-tử ! Như bò mới sanh, sữa máu chưa

sai khác. Tánh phàm phu các phiền não xen tạp cũng lại như vậy.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch rằng: “ Trong thành Câu-Thi-Na có gã chiêm-đà-la tên là Hoan-Hỷ, Phật thọ ký người này do một lần phát tâm nên sẽ mau thành đạo Vô thượng Chánh giác trong số ngàn Phật ở thế giới này. Có sao đức Như-Lai chẳng thọ ký cho Tôn-Giả Xá-Lợi-Phất, Tôn-Giả Mục-Kiền-Liên v.v... mau thành Phật đạo ?

- Này Thiện-nam-tử ! Hoặc có Thanh-Văn, Duyên-Giác, BỒ-Tát phát nguyện rằng: Tôi sẽ mãi mãi hộ trì chánh pháp vậy sau mới thành Phật đạo. Vì phát nguyện mau, nên thọ ký cho mau thành Phật.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như người buôn bán, có châu báu vô giá đem ra chợ bán. Người ngu thấy báu chẳng biết, khinh cười. Nhà buôn xưng rằng châu báu của tôi giá trị vô số. Bọn ngu càng nghe lại khinh cười thêm bảo nhau rằng: Thứ đó không phải trân châu hay là châu pha lê. Cũng vậy, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác nếu nghe thọ ký mau thành Phật, thời bèn giải đãi khinh cười coi rẻ. Như bọn người ngu chẳng biết trân châu.

Đời vị lai có hàng Tỳ-kheo chẳng thể siêng năng tu tập pháp lành. Do nghèo cùng khốn khổ, đói khát mà

xuất gia để thân được no ấm, tâm chí họ khinh tháo, tà mạn, siểm khúc. Hạng này nếu nghe đức Như-Lai thọ ký hàng Thanh-Văn mau thành Phật, họ sẽ cả cười khinh mạn chê bai. Nên biết bọn này tức là kẻ phá giới, tự nói rằng đã chứng đặng hơn người. Do nghĩa này nên tùy theo người phát nguyện mau thành, thời thọ ký cho mau thành. Người hộ trì chánh pháp, thời vì thọ ký cho lâu thành.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Đại BỒ-Tát như thế nào sẽ đặng chẳng hư hoại quyền thuộc ?

Phật nói: “ Nếu các BỒ-tát siêng năng tinh tấn muốn hộ trì chánh pháp. Do nhân duyên này được quyền thuộc chẳng thể hư hoại”.

- Bạch Thế-Tôn ! Do nhân duyên gì chúng sanh môi miệng khô cháy ?

- Nếu có người chẳng biết Tam-bảo là thường còn, do nhân duyên này, môi miệng khô cháy. Như người miệng bệnh chẳng biết vị ngọt, đắng, cay, chua mặn, lạt. Tất cả chúng sanh ngu si vô trí chẳng biết Tam-bảo là thường còn, thế nên gọi là môi miệng khô cháy.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu có chúng sanh chẳng biết

Như-Lai là thường trụ, nên biết người này là kẻ sanh manh, nếu biết Như-Lai là thường trụ, người này dầu là nhục nhãn nhưng Phật nói là thiên-nhãn.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu người có thể biết Như-Lai là thường trụ nên biết người này từ lâu đã tu tập kinh điển này. Phật nói những người này cũng gọi là thiên nhãn.

Nếu chẳng thể biết Như-Lai là thường trụ, người này dầu có thiên nhãn, nhưng Phật gọi là nhục nhãn. Người này nhãn đến chẳng biết tay chân chi tiết của thân mình, cũng không thể làm cho người khác biết, do nghĩa này nên gọi là nhục nhãn.

Này Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai thường vì tất cả chúng sanh mà làm cha mẹ. Vì tất cả chúng sanh các thứ hình loại: Hai chân, bốn chân, nhiều chân, không chân, đức Phật dùng một âm thanh mà vì thuyết pháp. Những loài chúng sanh khác nhau kia đều tự đặng nhận hiểu, đều tán thán rằng: Đức Như-Lai ngày nay vì tôi mà thuyết pháp. Do nghĩa này nên đức Như-Lai gọi là cha mẹ.

Này Thiện-nam-tử ! Như người sanh con trai mới được mười sáu tháng, đứa trẻ dầu biết nói nhưng chưa rành rẽ. Mà cha mẹ của đứa trẻ muốn dạy con nói, nên

theo đồng tiếng của nó để dạy lần lần. Lời nói của cha mẹ đứa trẻ có phải là chẳng đúng giọng ư ?

- Bạch Thế-tôn ! Không phải vậy.

- Nay Thiện-nam-tử ! Chư Phật Như-Lai tùy theo các thứ tiếng nói của mọi loài chúng sanh mà thuyết pháp. Vì làm cho chúng sanh an trụ nơi chánh pháp. Tùy theo chúng sanh đáng được thấy mà vì thị hiện các thứ hình tượng. Đức Như-Lai nói năng đồng với chúng sanh, có thể cho rằng âm thanh của Như-Lai là chẳng chánh ư ?

- Bạch Thế-Tôn ! Không phải vậy. Vì Đức Như-Lai tùy thuận theo các thứ âm thanh của thế gian, mà vì chúng sanh diễn nói diệu-pháp.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM ĐẠI CHÚNG SỞ VẤN THỨ MƯỜI BẢY

Bảy giờ đức Thế-Tôn từ trên mặt phóng các thứ ánh sáng màu: Những ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng,

tía, chiếu thân Thuần-Đà. Thuần-Đà gặp ánh sáng này, bèn cùng quyến thuộc mang những thức ăn đến rừng Ta-La để cúng dường đức Phật lần cuối cùng và cúng dường chúng Tỳ-kheo.

Lúc đó có Trời Đại-Oai-Đức đứng án trước mặt bảo Thuần-Đà rằng:

Ông Thuần-Đà nên dừng lại, chớ dâng cúng.

Đức Như-Lai lại phóng vô lượng vô biên ánh sáng, đại chúng cõi trời gặp ánh sáng này liền để cho Thuần-Đà đem những thức ăn uống dâng lên Phật.

Lúc đó chư thiên cùng các chúng sanh đem đồ cúng dường cũng lần đến nơi trước Phật, đồng quỳ bạch rằng: “Ngưỡng mong đức Như-Lai cho phép các Tỳ-kheo thọ vật thực này”.

Các Tỳ-kheo biết đã đến giờ ăn, bèn chấp trì y-bát an lành ngồi yên.

Thuần-Đà vì Phật và chúng sanh mà bố thí những tòa báu sư tử, treo phan lọng lụa cùng chuỗi ngọc hương hoa. Lúc bấy giờ cả tam thiên đại thiên thế giới trang nghiêm tốt đẹp như cõi Cực-lạc ở phương Tây.

Thuần-Đà quỳ trước Phật, sầu lo buồn bã bạch rằng:

“ Ngưỡng mong đức Như-Lai xót thương trụ thọ một kiếp, hoặc dưới một kiếp”.

Phật bảo Thuần-Đà:

“ Ông muốn đức Phật ở lâu nơi đời, phải nên mau dâng cúng dường lần cuối cùng”.

Lúc đó tất cả Đại-Bồ-Tát, chư thiên, mọi người khác miệng đồng lời xưng rằng:

“ Lạ lòng thay ông Thuần-Đà, trọn nên phước đức lớn có thể làm cho đức Như-Lai nhận lấy lần cúng dường cuối cùng. Chúng ta vô phước uổng công trần thiết !”

Đức Thế-Tôn muốn làm cho tất cả đại chúng mãn nguyện, mỗi mỗi lỗ chân lông trên thân Phật hóa thành vô lượng Phật, mỗi đức Phật đều có vô lượng Tỳ-kheo Tăng. Chư Phật và Tỳ-kheo Tăng này thị hiện thọ sự cúng dường của Đại-chúng. Thích-Ca Như-Lai tự thọ phần của Thuần-Đà dâng.

Do thần lực của Phật tám hộ cơm của Thuần-Đà đều cung cấp đầy đủ tất cả Đại-hội. Thuần-Đà thấy vậy, vui mừng hơn hở, tất cả đại chúng cũng đều hoan hỷ.

Toàn thể đại chúng lúc đó đều nghĩ rằng:

“ Nay đức Như-Lai đã nhận sự cúng dường rồi,

không bao lâu sẽ vào Niết-Bàn. Lòng đại chúng vừa buồn vừa mừng”.

Lúc bấy giờ rừng cây Ta-La vốn hẹp nhỏ, do thần lực của Phật, khoảng không gian như mũi kim đều có vô lượng chư Phật Thế-Tôn và quyền thuộc Bồ-Tát đồng ngồi thọ thực. Những thức ăn cũng đồng không sai khác.

Lúc đó chư Thiên, mọi người, A-Tu-La v.v... khóc lóc buồn khổ than rằng: Nay đức Như-Lai đã thọ lần cúng dường cuối cùng của chúng ta, rồi đây đức Phật sẽ nhập Niết-Bàn, chúng ta còn biết sẽ cúng dường ai. Nay chúng ta mất hẳn bậc điều-ngự Vô Thượng, khác nào người mù không con mắt.

Đức Thế-Tôn vì muốn an ủi tất cả đại chúng mà nói kệ rằng:

Đại chúng chớ buồn than

Pháp chư Phật phải vậy.

Phật nhập nơi Niết-Bàn

Đã trải vô lượng kiếp.

Thường hưởng vui Vô Thượng

Vĩnh viễn ở an ổn.

Mọi người lóng lòng nghe !
Phật sẽ nói Niết-Bàn:
Phật đã lìa ăn uống
Trợn không khổ đói khát
Phật sẽ vì mọi người
Nói nguyện tùy thuận kia,
Khiến tất cả đại chúng
Đều được vui an ổn,
Nghe xong nên tu hành
Pháp thường trụ của Phật
Giả sử quạ chim cắt
Chung một cây làm ổ
Như anh em thân yêu
Phật mới Niết-Bàn hẳn
Như-Lai xem tất cả
Thương như La-Hầu-La
Thường làm thầy chúng sanh
Sao lại Niết-Bàn hẳn

Giả sử rắn chuột sói
Đồng ở chung một hang
Thương nhau như anh em
Phật mới Niết-bàn hẳn
Nhu-Lai xem tất cả
Thương như La-Hầu-La
Thường làm cha chúng sanh
Thế nào Niết-Bàn hẳn
Giả sử hoa thất-diệp
Thơm như hoa bàn-sư
Trái cây ca-lưu-ca
Chuyển làm trái trần-đầu
Nhu-Lai xem tất cả
Thương như La-Hầu-La
Sao lại bỏ Từ-Bi
Vĩnh viễn nhập Niết-Bàn.
Giả sử Nhất-xiển-đề
Hiện thân thành Phật đạo

Thọ hản vui đệ nhất
Phật mới vào Niết-Bàn
Nhu-Lai xem tất cả
Đều như La-Hầu-La
Sao lại bỏ Từ-Bi
Vĩnh viễn nhập niết-Bàn.
Giả sử tất cả chúng
Đồng thời thành Phật đạo
Xa lìa các lỗi lầm
Phật mới nhập Niết-Bàn
Nhu-Lai xem tất cả
Đều như La-Hầu-La
Sao lại bỏ Từ-bi
Vĩnh viễn nhập Niết-Bàn.
Giả sử nước đái muối
Ngập lụt cả đại địa
Ngập núi và trăm sông
Biển cả đều đầy tràn

Nếu có việc như vậy
Phật mới vào Niết-Bàn
Lòng bi xem tất cả
Đều như La-Hầu-La
Thường làm thầy chúng sanh
Sao lại Niết-Bàn hẳn
Vì thế nên mọi người
Phải ưa thích chánh pháp
Chẳng nên sanh buồn rầu
Than thở mà khóc lóc
Muốn có hạnh chân chánh
Phải tu Phật thường trụ,
Nên xét pháp như vậy
Còn mãi chẳng biến đổi
Lại nên suy nghĩ rằng:
Tam-Bảo đều thường trụ
Thời đặng lợi ích lớn
Như cây khô sanh trái

Đây gọi là Tam-Bảo
Tứ chúng phải khéo nghe
Nghe rồi thêm vui mừng
Liên phát tâm Bồ-Đề
Nếu biết được Tam-Bảo
Thường trụ đồng chân-đế
Đây thời là thệ nguyện
Tối-thượng của chư Phật.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, có thể y cứ theo thệ nguyện tối thượng của Như-Lai mà tự phát nguyện, nên biết người này không có ngu si, kham lãnh thọ sự cúng dường. Bởi nguyện lực này có công đức quả báo rất thù thắng nơi thế gian, như A-La-Hán. Nếu ai chẳng thể quan sát Tam-bảo thường trụ như vậy, kẻ này là chiêm-đà-la.

Nếu có người biết được Tam-Bảo là thường trụ, là nhân duyên pháp chân thật, thời lìa khổ đặng an vui, không có gì nhiều hại lưu nạn được người này.

Lúc đó cả đại chúng trời, người, a-tu-la v.v... nghe lời Phật dạy, đều vui mừng hơn hở tâm tưởng đều nhu,

dung nhan vui vẻ, oai đức thanh tịnh, khéo dứt ngũ cái, tâm không phân biệt cao hạ, biết Phật là thường trụ. Do đó đại chúng sắp đặt các thứ cúng dường cõi trời rải các thứ hoa trời, hương bột, hương thoa, đánh trống trời, thổi kỹ nhạc trời để cúng dường Phật.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát rằng:

“Ông thấy việc hy hữu của đại chúng đây chăng ?

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Tôi đã thấy. Tôi thấy các đức Như-Lai đông vô lượng vô biên không thể tính đếm, lãnh thọ những thức uống ăn của đại chúng cúng dường. Lại thấy chư Phật thân rất cao lớn, mà chỗ ngồi chỉ choán khoảng bằng mũi kim. Chúng đông vi nhiều không chướng ngại nhau. Lại thấy đại chúng đều phát nguyện nói mười ba bài kệ. Tôi cũng biết đại chúng đều tự nghĩ rằng: Nay đức Như-Lai riêng thọ tôi cúng dường. Giả sử tất cả vật thực của Thuần-Đà dâng cúng, nghiền nhỏ như vi trần, đem một vi trần dâng một đức Phật, vẫn không khắp đủ, nhưng nhờ thần lực của Phật, mà đều cung cấp đủ tất cả đại chúng, chỉ có các vị Đại-Bồ-Tát như Văn-Thù Sư-Lợi Pháp-Vương Tử v.v... mới biết được sự hy hữu này. Đây đều là đức Như-Lai phương tiện thị hiện, chúng

Thanh-Văn và A-Tu-La v.v... đều biết đức Như-Lai là pháp thường trụ”.

Đức Thế-Tôn bảo Thuần-Đà rằng:

“ Nay ông có thấy việc hy hữu lạ lùng này chăng ?”

- Bạch Thế-Tôn ! Tôi thật có thấy. Tôi trước thấy vô lượng chư Phật, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Chư Đại-Bồ-Tát cung kính vi nhiều”.

Phật bảo Thuần-Đà:

“ Vô lượng chư Phật mà ông đã thấy, đó là ta hóa hiện ra để đem sự lợi ích vui mừng đến cho tất cả chúng sanh. Hàng Đại Bồ-Tát như vậy công hạnh tu hành chẳng thể nghĩ bàn, có thể làm vô lượng Phật sự. Nay Thuần-Đà, nay ông đã thành tựu hạnh Đại-Bồ-Tát, đặng trụ thập địa, đã làm xong đầy đủ công hạnh của Bồ-tát”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Đúng như lời Phật dạy. Chỗ tu tập của Thuần-Đà trọn nên hạnh Bồ-Tát, tôi cũng tùy hỷ.

Hôm nay đức Như-Lai vì muốn đem sự sáng suốt lớn cho chúng sanh đời vị lai, mà nói kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này.

Bạch Thế-Tôn ! Tất cả khế kinh có còn nghĩa dư thừa hay không nghĩa dư thừa ?

Này Thiện-nam-tử ! Kinh của Phật đã nói cũng có nghĩa dư thừa, cũng không nghĩa dư thừa.

Thuần-Đà bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Như lời Phật nói:

Tất cả vật của mình có

Đem bố thí cho tất cả,

Chỉ phải nên đều tán thán

Trọn không được có khuy tổn.

Bạch Thế-Tôn ! Nghĩa đó thế nào? Trì giới, hủy giới có sai khác gì ?

Phật nói:

“ Chỉ trừ một người, ngoài ra tất cả bố-thí đều nên tán thán”.

Thuần-Đà bạch Phật:

“ Thế nào gọi là chỉ trừ một người ?”

Phật nói:

“ Người phá giới như trong kinh này đã nói”.

Thuần-Đà lại bạch:

“ Nay tôi chưa được rõ, cúi mong đức Phật nói rõ cho”.

Phật bảo Thuần-Đà:

“ Trong kinh đây nói người phá giới là Nhất-xiển-đề. Ngoài ra tất cả chỗ bố-thí đều nên tán thán, đặng quả báo rất lớn”.

Thuần-Đà bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Nghĩa Nhất-xiển-đề như thế nào ?”

Phật bảo Thuần-Đà:

“ Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nói lời thô ác, chê bai chánh pháp, tạo tội nặng nề, trợn chẳng ăn năn, tâm không hổ thẹn, người như vậy gọi là xu hướng con đường Nhất-xiển-đề.

Nếu người phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch, tự quyết định biết phạm tội trọng như vậy, mà tâm chẳng biết sợ sệt hổ thẹn, chẳng bằng lòng phát lồ, ở nơi chánh pháp trợn không lòng hộ trì kiến lập, chê bai khinh tiệt, nhiều lời lỗi lầm, người như vậy cũng gọi là hướng đến đường Nhất-xiển-đề.

Nếu lại có người nói rằng: Không Phật, không Pháp, không Tăng, người như vậy, cũng gọi là hướng đến đường Nhất-xiên-đề.

Chỉ trừ bọn Nhất-xiên-đề này, ngoài ra tất cả chỗ bồ thí đều nên tán thán.

Thuần-Đà lại bạch Phật rằng:

“Thế-Tôn ! Như Phật nói phá giới, nghĩa đó thế nào ?”

- Này Thuần-Đà ! Nếu phạm bốn tội nặng và năm tội nghịch, cùng hủy báng chánh pháp, người như vậy gọi là phá giới.

Thuần-Đà bạch Phật:

“Thế-Tôn ! Người phá giới như vậy có thể cứu vớt được chăng ?”

- Này Thuần-Đà ! Có nhân duyên thời cứu vớt được. Nếu người đó còn mặc pháp phục chưa bỏ, trong tâm luôn hổ thẹn sợ sệt, tự trách cứ lấy mình, trong lòng ăn năn, sanh tâm hộ trì chánh pháp, muốn kiên lập chánh pháp và nguyện sẽ cúng dường người hộ pháp. Nếu có người đọc tụng kinh điển Đại-thừa, tôi sẽ đến hỏi han để được thọ trì đọc tụng. Khi đã thông thuộc rồi, tôi sẽ vì người khác giảng nói.

Này Thuần-Đà, người như trên đây Phật gọi là chẳng phá giới. Ví như mặt trời mọc lên có thể phá trừ tất cả tối tăm sương mù. Cũng vậy, kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn vi diệu này, khi hiện ra nơi đời, có thể phá trừ những nghiệp tội trong vô lượng kiếp của chúng sanh. Thế nên kinh này nói rằng hộ trì chánh pháp đặng quả báo lớn, có thể cứu vớt kẻ phá giới.

Nếu có người hủy báng chánh pháp này, mà có thể tự ăn năn chừa cải, trở về nơi chánh pháp, tự nghĩ tất cả điều ác đã làm, như người tự hại lấy mình, sanh lòng kính sợ hổ thẹn. Trừ chánh pháp này ra không có gì cứu hộ được. Vì thế nên phải trở về nơi chánh pháp.

Người này nếu có thể quy y chánh pháp như trên, bố thí cho người này sẽ đặng vô lượng phước. Người này cũng gọi là bậc đáng lãnh thọ sự cúng dường của thế gian.

Nếu người phạm những tội nghiệp ác như trên, trải qua một tháng, hoặc mười lăm ngày, chẳng có lòng phát lồ quy y chánh pháp, nếu bố thí cho người này được quả báo rất ít.

Người phạm tội ngũ nghịch, nếu có thể sanh lòng ăn năn hổ thẹn quy y hộ trì chánh pháp như trên, người này chẳng gọi là phạm tội ngũ nghịch. Nếu bố thí cho người

này, đặng vô lượng phước. Nếu phạm tội ngũ nghịch, mà chẳng sanh tâm quy y hộ pháp. Nếu bố thí cho người này, đặng phước không đáng kể.

Này Thiện-nam-tử ! Người phạm tội trọng nên có tâm này: Chánh pháp tức là tạng Như-Lai vi mật, tôi phải hộ trì kiến lập. Nếu ai bố thí cho người này, thời đặng quả báo rất tốt.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như thiếu phụ kia mang thai gần ngày sanh nở, nhằm lúc trong nước loạn lạc, lánh nạn trốn đến xứ khác, giữa đường sanh nở. Sau đó nghe nước nhà đã an ổn, đem con trở về, giữa đường phải lội qua con sông nước đầy chảy xiết, đến giữa dòng đuối sức, tự nghĩ rằng: Tôi thà cùng con tôi đồng chết, quyết không bỏ con để được sống một mình. Do đó mẹ con đều bị nước cuốn chìm. Phụ nữ ấy, sau khi chết được sanh lên cõi trời. Phụ nữ này tánh vốn tệ ác nhờ lòng thương con mà đặng sanh lên cõi trời.

Cũng vậy, người phạm bốn tội nặng, năm tội nghịch, nếu sanh tâm quy y hộ trì chánh pháp thời là phước điền Vô Thượng của thế gian. Người hộ pháp này được vô lượng quả báo tốt như vậy.

Thuần-Đà bạch Phật: Thế-Tôn ! Nếu hạng Nhất-

xiên-đề có thể tự ăn năn chừa cải, cung kính cúng dường tán thán Tam-Bảo. Bồ thí cho người này có đặng quả báo lớn chăng ?

Này Thiện-nam-tử ! Nay ông chẳng nên nói như vậy. Ví như có người ăn trái Am-La nghĩ rằng: Trong hột trái này có lẽ ngọt, liền đập bể hột ra để nếm, thấy vị rất chát đắng, lòng sanh hối hận sợ mất giống trái tốt, mới gom góp mảnh hột vụn đem ươm nơi đất, siêng năng săn sóc, đến dùng sữa, tô, dầu để tưới bón. Ý ông nghĩ thế nào, hột đó có thể mọc lên cây được chăng ?

- Bạch Thế-Tôn ! Không thể mọc lên được, dầu cho trời mưa chát cam lồ, hột nát bể ấy cũng mọc không được.

- Này Thiện-nam-tử ! Hạng Nhất-xiên-đề đã đốt cháy căn lành, sẽ ở nơi chỗ nào mà trừ tội đặng.

Nếu sanh tâm lành, thời kẻ đó chẳng gọi là Nhất-xiên-đề.

Do nghĩa này tất cả chỗ bồ thí đặng quả báo chẳng phải không sai khác. Ví thí cho hàng Thanh-Văn đặng quả báo khác, thí hàng Bích-Chi Phật đặng quả báo cũng khác.

Duy cúng thí đức Như-Lai đặng quả báo Vô Thượng.

Thế nên nói rằng: Tất cả chỗ bổ thí chẳng phải không sai khác.

Thuần-Đà lại bạch:

“ Thế-Tôn ! Do có chi đức Như-Lai nói bài kệ ấy ?”

- Này Thuần-Đà ! Vì có nhân duyên nên ta nói bài kệ ấy.

Trong thành Vương-Xá có nhà cư sĩ không lòng tin Tam-Bảo, phụng thờ phái Ni-Kiên-Tử đến hỏi Phật nghĩa bổ thí nên ta nói bài kệ ấy. Cũng vì các vị Đại-Bồ-Tát mà nói nghĩa tạng bí mật, bài kệ ấy nghĩa như vậy:

Tất cả đó là ít phần tất cả. Phải biết Đại-Bồ-Tát là bậc tôn quý trong loài người, nhiếp thủ hạng trì giới cung cấp cho đồ cần dùng, dứt bỏ hạng phá giới, như bỏ cỏ rác.

Này Thiện-nam-tử ! Như xưa kia ta nói kệ rằng:

Tất cả sông ngòi,

Quyết có xoáy cong

Tất cả rừng rậm

Ắt có cây cối

Tất cả người nữ

Quyết lòng dua vạy

Tất cả tự tại,

Quyết hưởng an vui.

Lúc đó Văn-thù Sư-Lợi Bồ-Tát đến lạy chân Phật mà nói kệ rằng:

Chẳng phải tất cả sông

Điều quyết có xoáy cong

Chẳng phải tất cả rừng

Quyết gọi là cây cối.

Chẳng phải mọi người nữ

Quyết có lòng dua vạy.

Tất cả hàng tự tại

Chẳng quyết đều hưởng vui.

Văn-Thù Sư-Lợi lại bạch:

“ Kệ của đức Phật nói còn có nghĩa dư thừa, cúi mong đức Như-Lai nói rõ nhân duyên kia.

Thế-Tôn ! Vì nơi thế giới này, có bờ Câu-da-ni, nơi ấy có con sông Ta-bà-da ngay thẳng chẳng cong, như sợi dây, chạy thẳng vào biển Tây. Con sông ấy nơi trong những kinh khác Phật chưa từng nói, xin đức Như-Lai

nhân hội Phương Đẳng này, nói nghĩa còn dư thừa trong kinh A-Hàm, khiến các vị Bồ-Tát hiểu rõ nghĩa ấy.

Thế-Tôn ! Ví như có người, lúc trước thời biết quặng vàng, lúc sau lại chẳng biết vàng. Cũng vậy, đức Như-Lai biết rõ tất cả pháp mà lời nói ra còn có nghĩa dư thừa chẳng trọn. Dầu đức Như-Lai nói nghĩa thừa như vậy, nhưng cũng nên phương tiện giải rõ ý nghĩa kia.

Tất cả rừng rậm quyết là cây cối. Đây cũng chưa được trọn, vì các thứ cây vàng, bạc, lưu ly những cây bằng chất báu, cũng gọi là rừng.

Tất cả người nữ quyết có lòng dua vạ. Đây cũng chưa trọn, vì cũng có người nữ khéo giữ giới cấm trọn nên công đức, có lòng đại từ bi.

Tất cả tự tại quyết hưởng an vui. Đây cũng chưa trọn, ví như Thích-Ca Như-Lai là đấng Pháp Vương tự tại, chẳng ở trong phạm vi vô thường, chẳng thể diệt dứt là rốt ráo an vui. Hàng Phạm-Vương Đế-Thích, các trời, dầu đặng tự tại, nhưng đều là vô thường, chưa phải an vui. Nếu đặng thường trụ không biến đổi mới đặng gọi là tự tại, chính là Đại-thừa Đại-Niết-bàn”.

Phật bảo Văn-Thù Sư-lợi:

“ Nay ông khéo đặng biện tài vô ngại.

Này Thiện-nam-tử ! Vả thôi, nên lóng nghe. Ví như Trương giả mang bệnh khổ, y sĩ hiệp thuốc cao để điều trị. Vì tham, người bệnh muốn uống nhiều. Y sĩ bảo, nếu có thể tiêu hóa được thì nên uống nhiều, nay thân Trương giả gây yếu chẳng nên uống nhiều. Phải biết thuốc cao này gọi là cam lồ, cũng gọi là độc dược, nếu uống nhiều chẳng tiêu hóa được thì thành chất độc.

Này Thiện-nam-tử ! Nay ông chớ cho rằng lời nói của y sĩ là trái nghĩa mật lý, làm hư công hiệu của thuốc cao.

Này Thiện-nam-tử ! Cũng vậy, đức Như-Lai nhân vua Ba-Tư -Nặc, Vương-tử và hậu phi có lòng kiêu mạn, vì muốn điều phục họ nên thị hiện nói lời ấy cho họ sợ sệt, như y sĩ kia. Do đó mà ta nói kệ rằng:

Tất cả sông ngòi
Quyết có xoáy cong,
Tất cả rừng rậm
Quyết là cây cối.
Tất cả người nữ,

Quyết lòng dua vạy.

Tất cả tự tại,

Quyết hưởng an vui.

Này Văn-Thù Sư-Lợi ! Ông nên biết rằng lời nói của đức Như-Lai không có sai sót. Như cội đất này, có thể làm cho lật úp, lời nói của Như-Lai trọn không sai sót. Do nghĩa này nên lời nói của đức Như-Lai tất cả có dư thừa.

Lúc đó đức Phật khen Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát: “Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện-nam-tử ! Từ lâu ông đã biết nghĩa như vậy. Vì thương xót tất cả, muốn làm cho chúng sanh đặng trí huệ, nên ông cố ý hỏi đức Như-Lai nghĩa của bài kệ như vậy”.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát lại ở nơi trước Phật mà nói bài kệ rằng:

Với lời nói của người,

Tùy thuận chẳng chống trái

Cũng chẳng xem người khác

Làm hay là chẳng làm,

Chỉ tự xem thân mình

Làm lành hay chẳng lành.

Thế-Tôn ! Pháp được như vậy chẳng phải là chánh thuyết, chỉ là đối với lời nói của người khác mà tùy thuận chẳng trái. Cúi mong đức Như-Lai xót thương chánh thuyết cho. Vì Thế-Tôn thường nói, tất cả ngoại giáo cả chín mươi lăm phái, đều đi đến ác đạo. Hàng Thanh-Văn đệ tử đều hướng đến chánh lộ. Khéo giữ gìn cấm giới, nhiếp trì oai nghi, gìn giữ sáu căn, những người như vậy, rất ưa thích Đại-thừa, thẳng đến thiện-đạo. Có sao đức Như-Lai ở trong chín loại kinh thấy có ai hủy báng người khác, thời bèn quở trách. Bài kệ trên đây ý nghĩa như thế nào ?

- Nay Thiện-nam-tử ! Ta nói kệ ấy cũng chẳng phải vì tất cả chúng sanh. Lúc đó chỉ vì vua A-Xà-Thế. Chư Phật nếu không nhân duyên trọn chẳng nghịch thuyết.

Nay Thiện-nam-tử ! Vua A-Xà-Thế khi hại cha rồi, đến giáo hội muốn chiết phục ta, hỏi rằng: Thế-Tôn có Nhất-thiết-trí hay chẳng có Nhất-thiết-trí. Điều-Đạt trong vô lượng đời đã qua, thường ôm lòng ác, theo dõi muốn làm hại Như-Lai. Nếu là bậc Nhất-thiết-trí, sao Như-Lai cho Điều-Đạt xuất gia.

Do nhân duyên vua A-Xà-Thế hỏi mà ta nói bài kệ:

Với lời nói của người
Tùy thuận chẳng trái nghịch,
Cũng chẳng xem người khác
Làm hay là chẳng làm
Chỉ tự xem thân mình
Làm lành hay chẳng lành.

Rồi Phật bảo nhà vua, nay nhà vua hại cha đã tạo tội
nghịch, nay phải phát lồ để được tiêu tội, có sao lại xem
lỗi lầm của người khác.

Này Thiện-nam-tử ! Do nghĩa đó nên ta vì vua A-Xà-
Thế mà nói bài kệ ấy.

Này Thiện-nam-tử ! Ta cũng vì người hộ trì cấm giới
thành tựu oai nghi, lại xem lỗi của người khác mà nói bài
kệ ấy.

Nếu lại có người, nhận lãnh lời dạy của người khác,
xa lìa những tội ác, rồi dạy lại người khác, làm cho lìa
những tội ác. Người như vậy thời là đệ tử của Phật. Đức
Thế-tôn vì Văn-thù-Sư-Lợi Bồ-tát mà nói kệ rằng:

Tất cả đều sợ dao gậy
Không ai chẳng mến thân mạng

Tự tha thứ đáng làm lệ,
Chớ giết cũng chớ đánh đập.

Văn-Thù-Sư-Lợi BỒ-Tát lại ở trước Phật mà nói kệ
rằng:

Chẳng phải tất cả đều sợ gây
Chẳng phải tất cả mền thân mạng
Tự tha thứ đáng lấy làm lệ,
Siêng thực hành những phương tiện lành.

Pháp cú của đức Như-Lai nói cũng chưa trọn nghĩa.
Vì như A-La-hán, Chuyển-Luân Thánh-Vương, ngọc nữ,
tượng bảo, mã bảo, chủ tạng đại-thân, Chư Thiên và A-
tu-la, không có ai cầm gươm bén có thể làm hại được.

Dũng sĩ, liệt nữ, mã vương, thú vương, Tỳ-kheo trì
giới, dầu có oan đối đến làm hại, nhưng họ chẳng sợ sệt.
Do nghĩa này bài kệ của Như-Lai nói cũng chưa trọn
nghĩa.

Nếu nói tự tha thứ đáng lấy làm lệ đó, cũng không
trọn nghĩa. Vì nếu giả sử A-La-Hán, lấy mình làm lệ cho
người, thời có ngã tướng và thọ mạng tướng. Nếu có ngã
tướng và thọ mạng tướng thời phải giữ gìn. Như thế thời

phàm phu lẽ ra cũng thấy A-La-Hán đều là hạng người còn tu hành. Nếu thấy như vậy, thời thành tà kiến, sẽ phải đọa Địa ngục A-Tỳ.

Lại A-La-Hán trọn không móng tâm sát hại chúng sanh. Vô lượng chúng sanh cũng không thể làm hại A-la-Hán.

- Này Thiện-nam-tử! Nói rằng ngã tưởng là đối với chúng sanh có lòng đại bi, không có tưởng giết hại là nói tâm bình đẳng của A-La-hán. Chớ cho rằng đức Thế-Tôn không nhân duyên mà nghịch thuyết.

Ngày xưa trong thành Vương-Xá, có người thợ săn giết nhiều nai, mời ta ăn thịt. Lúc đó dầu ta nhận lời mời, nhưng đối với các chúng sanh, sanh lòng từ bi xem như La-Hầu-La mà nói kệ rằng:

Sẽ khiến người được trường thọ,

Mãi mãi sống ở nơi đời

Thọ trì pháp chẳng giết hại

Dường như thọ mạng của Phật.

Do có đó nên ta nói bài kệ:

Tất cả đều sợ dao gậy

Không ai chẳng mến thân mạng.

Tự tha thứ, đáng làm lệ,

Chớ giết, cũng chớ đánh đập.

Lành thay ! Lành thay ! Văn-Thù-Sư-Lợi vì các vị
Đại-Bồ-Tát gạn hỏi đức Như-Lai giáo pháp như vậy.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát lại nói kệ rằng:

Thế nào là kính cha mẹ

Tùy thuận tôn trọng song thân ?

Thế nào thật hành pháp này

Bị đọa nơi ngục vô gián ?

Đức Như-Lai nói kệ đáp:

Nếu dùng tham ái làm mẹ

Dùng vô minh, để làm cha.

Rồi tùy thuận tôn trọng

Đó thời phải đọa ngục vô gián.

Đức Như-Lai lại vì Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát nói kệ
rằng:

Tất cả thuộc kẻ khác

Thời gọi đó là khổ
Tất cả do nơi mình.
Tự tại được an vui
Tất cả kẻ kiêu mạn
Thế lực rất bạo ác
Những người hiền người lành
Tất cả đều mến trọng.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật rằng:

“ Thế-Tôn ! Lời nói của Như-Lai cũng chẳng trọn nghĩa. Ngưỡng mong đức Như-Lai thương xót nói nhân duyên đó. Ví như con trai của Trưởng giả, lúc theo thầy học tập, là thuộc nơi thầy chăng ? Nếu thuộc nơi thầy, thời chẳng phải. Nếu chẳng thuộc nơi thầy, thời cũng chẳng phải. Nếu đặng tự tại, theo nghĩa cũng chẳng phải.

Ví như Vương-tử không có học tập, làm việc gì cũng chẳng thành, ngu tối thường khổ. Vương-tử ấy nếu cho là tự tại, thời chẳng đúng nghĩa, nếu nói thuộc người khác, nghĩa cũng chẳng phải.

Do lẽ trên đây lời nói của Phật gọi là có thừa. Vì thế nên tất cả thuộc người khác chẳng ắt thọ khổ. Tất cả tự

tại chẳng ắt hưởng vui. Tất cả kẻ kiêu mạn, thể lực rất bạo ác, lời này cũng có thừa. Thế-tôn ! Như các liệt nữ, vì tâm kiêu mạn, mà xuất gia học đạo, giữ gìn cấm giới, thành tựu oai nghi, kèm giữ sáu căn chẳng cho buông lung. Thế nên tất cả phiền não kiêu mạn chẳng ắt là bạo ác.

Người hiền, người lành, tất cả đều mến tưởng lời này cũng có thừa. Như người phạm bốn tội nặng rồi chẳng bỏ pháp phục, giữ gìn oai nghi, hộ trì chánh pháp, người khác thấy chẳng mến, người này sau khi chết ắt đọa địa ngục. Nếu có người hiền phạm tội trọng, người hộ pháp thấy đó, liền đuổi ra bảo hoàn tục. Do nghĩa này tất cả người hiền người lành chẳng ắt đều được mến tưởng.

Phật bảo Văn-thù Sư-Lợi Bồ-tát:

Vì có duyên do nên đức Như-Lai ở trong trường hợp này nói pháp có nghĩa thừa. Lúc đó trong thành Vương-Xá có người nữ tên Thiện-Hiền trở về nhà cha mẹ. Nhân đó nàng đến chỗ ta quy y Phật, Pháp và chúng Tăng mà bạch rằng: Tất cả người nữ chẳng được tự do, tất cả người nam tự tại vô ngại.

Ta biết rõ tâm nàng bèn vì nàng mà nói bài kệ tụng như trên.

Này Văn-Thù-Sư-Lợi ! Lành thay ! Lành thay ! Nay ông có thể vì tất cả chúng sanh hỏi nơi đức Như-Lai mật ngữ như vậy”.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát lại nói kệ rằng:

Tất cả loài chúng sanh,
Nhờ ăn uống được sống,
Tất cả người đại-lực,
Tâm họ không tật đó,
Tất cả nhân uống ăn,
Mà mắc nhiều bệnh khổ,
Tất cả tu tịnh hạnh,
Mà đặng hưởng an vui.

Nay đức Thế-Tôn thọ vật thực của ông Thuần-Đà cúng dường, phải chăng đức Như-Lai có sợ sệt ư ?

Đức Phật vì Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát mà nói kệ rằng:
Chẳng phải tất cả chúng sanh,
Đều nhờ uống ăn mà sống,
Chẳng phải tất cả đại lực,
Tâm họ đều không tật đó,

Chẳng phải tất cả do ăn,
Mà chuốc lấy bệnh hoạn,
Chẳng phải tất cả tịnh hạnh.
Đều đặn hưởng quả an vui.

Này Văn-Thù Sư-Lợi ! Nếu ông mang bệnh, thời đức Phật cũng mang bệnh. Vì hàng A-La-Hán và Bích-Chi Phật, các vị Bồ-Tát cùng chư Phật Như-Lai đều thật không có ăn uống. Chỉ vì muốn giáo hóa chúng sanh nên thị hiện thọ dụng vật thực của chúng sanh cúng thí. Làm cho chúng sanh đầy đủ Đản-ba-la-mật, cứu vớt cho ngã quý, súc sanh, địa ngục.

Nếu cho rằng đức Như-Lai khổ hạnh sáu năm, thân thể ốm gầy, thời là không đúng. Chư Phật Thế-Tôn giải thoát ba cõi chẳng đồng với phàm phu. Lẽ nào thân thể lại ốm gầy. Chư Phật siêng năng tu tập đặng thân kim cương chẳng đồng với thân nguy hiểm vô thường của người đời. Hàng đệ tử của ta cũng chẳng thể nghĩ bàn, đều chẳng nương nơi ăn uống mà sống.

Nói rằng tất cả người đại lực tâm không tật đố, đây cũng là không trọn nghĩa. Như trong thế gian có người cả đời không có lòng tật đố, mà họ cũng không có đại

lực.

Nói rằng tất cả bệnh khổ do ăn uống sanh ra, đây cũng chưa trọn nghĩa. Vì thấy có người mang phải bệnh ở ngoài đưa đến, như bị chém đâm v.v...

Nói rằng tất cả người tu tịnh hạnh hưởng quả an vui, đây cũng chưa trọn nghĩa, vì trong đời cũng có hàng ngoại đạo tu tịnh hạnh, mà vẫn thọ lấy quả khổ não.

Lời thuyết pháp của đức Như-Lai còn có nghĩa thừa, đó là đức Như-Lai vì có duyên do mà nói những kệ như vậy: Xưa kia nơi nước Ưu-Thiên-Ni, có nhà Bà-La-Môn tên Cỗ-Đê-Đức đến nơi Phật thọ pháp bát-quan-trai. Lúc đó ta vì nhà Bà-La-Môn ấy mà nói kệ như vậy”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“Thế-Tôn ! Những gì gọi là không nghĩa thừa ? Thế nào lại gọi là Nhất-thiết-nghĩa ?”

- Nay Thiện-nam-tử ! Chỉ trừ pháp lành trợ đạo, thường, lạc, gọi là Nhất-thiết, cũng gọi là không thừa, ngoài ra các pháp khác cũng gọi là có thừa, cũng gọi là không thừa. Vì muốn làm cho mọi người ưa thích chánh pháp, biết nghĩa có thừa và nghĩa không thừa này.

Ca-Diếp Bồ-Tát vui mừng hơn hở bạch Phật rằng:

Rất lạ lùng ! Rất lạ lùng ! Đức Thế-Tôn bình đẳng xem chúng sanh như La-Hầu-La”.

Đức Phật tán thán Ca-Diếp Bồ-Tát:

“Lành thay ! Lành thay ! Chỗ kiến giải của ông rất sâu vi diệu”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Cúi xin đức Như-Lai nói về sự được công đức ở nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này”.

- Nay Thiện-nam-tử ! Nếu có người đặng nghe danh hiệu của kinh này, công đức của người đó đặng chẳng phải hàng Thanh-Văn, Bích-Chi Phật có thể tuyên thuyết, duy đức Phật biết rõ thôi. Vì chẳng thể nghĩ bàn là cảnh giới Phật. Huống là người thọ trì đọc tụng thông thuộc, biên chép kinh này.

Lúc đó chư Thiên, mọi người và A-tu-La ở trước Phật khác miệng đồng lời mà nói kệ rằng:

Chư Phật khó nghĩ bàn

Pháp, Tăng cũng như vậy,

Vì thế nay kính thỉnh.

Xin Phật nán ở lại

Đại-Ca-Diếp Tôn-Giả,
Cùng với A-Nan-Đà
Quyển thuộc của hai Ngài
Xin chờ giây lát đến.

Và chúa nước Ma-Già,
Đại-vương A-Xà-Thế
Chí tâm kính tin Phật
Vẫn còn chưa đến đây.

Cúi xin đức Như-Lai,
Xót thương ở giây lát
Nơi trong đại chúng này
Quyết lới nghi chúng tôi.

Đức Như-Lai vì đại chúng mà nói kệ rằng:

Trưởng tử trong giáo pháp ta,
Tức là ông Đại-Ca-Diếp,
Ông A-Nan siêng tinh tấn.

Dứt được tất cả lới nghi
Đại chúng nên quán sát kỹ,

A-Nan là bậc đa văn,

Tự nhiên có thể hiểu rõ.

Pháp thường và pháp vô thường.

Vì thế đại chúng chẳng nên,

Sanh lòng lo buồn sâu khổ.

Bấy giờ đại chúng đem các đồ vật cúng dường Như-Lai. Cúng Phật xong tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Vô lượng vô biên hằng hà sa Bồ-Tát đặng trụ bậc sơ địa.

Đức Thế-Tôn thọ ký cho Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát, Ca-Diếp Bồ-Tát và Thuần-Đà. Thọ ký xong đức Phật nói rằng:

Này các Thiên-nam-tử, phải tự tu tập tâm mình, chớ nên phóng dật. Nay lưng ta có bệnh, cả mình đều đau nhức, ta muốn nằm như đứa trẻ nít và người thường bệnh hoạn. Các ông Văn-Thù Sư-Lợi nên vì bốn bộ chúng mà giảng nói đại pháp. Nay ta đem pháp này, giao phó cho các ông. Đến khi Đại-Ca-Diếp và A-Nan đến, các ông sẽ phó chúc chánh pháp như vậy”.

Dặn dò xong, vì muốn điều phục chúng sanh, nên đức Phật hiện thân có bệnh, nằm nghiêng bên mặt.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sấm

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM HIỆN BỊNH THỨ MƯỜI TÁM

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn đức Như-Lai đã khởi tất cả tật bệnh, không còn đau khổ, không sợ sệt. Thế-Tôn ! Tất cả chúng sanh có bốn mũi tên độc: Tham Dục, sân-khúe, ngu si và kiêu mạn. Bốn thứ độc này là nhân sanh ra bệnh. Nếu có bệnh nhân, thời có bệnh sanh ra tức là những thứ bệnh hàn, nhiệt, bệnh phổi, ói mửa, da thịt ngứa xót, buồn nôn, ngẫn nghẹn, đi chảy, bệnh kiết, tiểu dãi lâm dịch, nhức tai, xôn mắt, đau lưng, bụng đầy, điên cuồng, ốm gầy, quý mị dựa, các thứ thân bệnh tâm bệnh như vậy. Chư Phật dầu không còn có những thứ bệnh ấy. Hôm nay đức Như-Lai có sao bảo Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát rằng Phật đau lưng, các ông nên vì đại chúng mà thuyết pháp ?

Bạch Thế-Tôn ! Có hai nhân duyên thời không bệnh khổ ! Một là thương xót tất cả chúng sanh, hai là cung

cấp thuốc men cho người bệnh. Từ xưa đức Như-Lai đã tu đạo Bồ-Tát trong vô lượng muôn ức kiếp: Thường thật hành lời nói dịu dàng, thân yêu, lợi ích cho chúng sanh chẳng để họ phải khổ não, bổ thí các thứ thuốc men cho người bệnh. Có sao hôm nay lại tự nói là có bệnh ?

Thế-Tôn ! Trong đời, người có bệnh, hoặc ngồi, hoặc nằm chẳng yên, hoặc đòi uống đòi ăn, dặn bảo người nhà coi sóc sản nghiệp. Có sao đức Như-Lai nằm yên lặng, chẳng dạy bảo hàng Thanh-Văn đệ tử những giới luật, Thiên-Định giải thoát tam muội, tu hạnh chánh cần. Có sao chẳng giảng nói kinh điển Đại-thừa rất sâu vi diệu. Có sao đức Như-Lai chẳng dùng vô lượng phương tiện dạy ngài Đại Ca-Diếp cùng các hàng đại-nhân cho họ đặng bậc bất thối Vô Thượng Bồ-đề. Có sao chẳng trị phạt các ác Tỳ-kheo nhận chứa tất cả vật bất tịnh. Đức Thế-Tôn thật không có bệnh tật, sao lại yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Các vị Bồ-Tát phàm cung cấp thuốc men cho người bệnh, đem căn lành ấy ban cho chúng sanh, đồng hồi hướng nhất thể chúng trí. Vì trừ các thứ phiền não chướng, nghiệp chướng và báo chướng cho chúng sanh. Phiền não chướng là tham dục, sân khuê ngu si, phần nộ,

triền cái, tập nã, tật đố, xan lẫn, gian trá, siểm khúc, vô tâm vô quý, mạn, mạn mạn, đại mạn, bất như mạn, tăng thượng mạn, ngã mạn, tà mạn, kiêu mạn, phóng dật, công cao, phần hận, tranh tụng, tà mạn, siểm mị, dối bày tướng lạ, dùng lợi cầu lợi, cầu quấy cầu nhiều, không cung kính, chẳng tùy thuận lời dạy bảo, gần gũi ác hữu, tham lợi không nhàm, ràng buộc khó mở, mong mọi điều ác, tham lam việc ác chấp thân chấp có, chấp không, vơ vai ưa ngủ, ngáp dài chẳng vui, tham uống tham ăn, tâm trí mờ tối, tâm tưởng sai lầm, chẳng khéo suy nghĩ, thân và miệng nhiều lỗi ác, hay mừng, nói nhiều, căn tánh ám độn, lời nói phần nhiều rộng tuếch, thường bị các giác quán: Dục giác, khuể giác, hai giác che đậy. Tất cả trên đây gọi là phiền não chướng.

Nghiệp chướng là năm tội vô gián, những bệnh nặng dữ.

Báo chướng là sanh vào địa ngục, ngã quý, súc sanh, hủy báng chánh pháp và nhất xiển đề.

Ba chướng như vậy gọi là căn bệnh lớn.

Các vị Bồ-Tát lúc tu hạnh Bồ-đề trong vô lượng kiếp, cung cấp thuốc men cho tất cả người tật bệnh, thường nguyện rằng làm cho tất cả chúng sanh dứt hẳn ba

chương.

Bồ-Tát lúc tu hạnh bồ đề cung cấp thuốc men cho tất cả người bệnh thường nguyện rằng: Nguyện cho chúng sanh dứt hẳn tật bệnh đặng thân kim cương của Như-Lai. Lại nguyện vì tất cả chúng sanh làm diệu dược dứt trừ tất cả những bệnh nặng, bệnh dữ. Nguyện các chúng sanh đặng thuốc A-Dà-Đà, thuốc này có công hiệu trừ vô lượng độc dữ. Nguyện chúng sanh không thối chuyển nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác, mau đặng thành tựu Vô Thượng Phật đạo, tiêu trừ tất cả mũi tên độc phiền não. Nguyện chúng sanh tinh tấn tu hành, thành tựu thân kim cương của Như-Lai, làm thuốc hay vi diệu trị lành các thứ bệnh, chẳng để có người sanh lòng tranh tụng. Cũng nguyện chúng sanh làm dược thọ lớn, trị lành tất cả những bệnh dữ bệnh nặng. Lại nguyện chúng sanh nhỏ mũi tên độc đặng thành quang minh vô lượng của Như-Lai. Lại nguyện chúng sanh đặng vào trí huệ của Như-Lai, thông đạt pháp tạng vi mật.

Thế-Tôn ! Bồ-Tát đã phát nguyện này trong vô lượng trăm ngàn muôn ức na-do-tha kiếp làm cho chúng sanh không còn bệnh tật. Có sao hôm nay đức Như-Lai lại xưng rằng có bệnh.

Thế-Tôn, trong đời có người bệnh không ngồi dậy được, không thể cúi ngược cựa động, ăn uống không đặng, đổ nước chẳng xuống, cũng không thể dặn bảo con cái xem sóc gia nghiệp. Cha mẹ, vợ con, anh em, thân thuộc đều nghĩ rằng: Người này quyết định chết. Cũng vậy, hôm nay đức Như-Lai nằm nghiêng bên hữu, không nói năng đàm luận, nơi Diêm-Phù-Đề này, có những người ngu sẽ nghĩ rằng: Đức Như-Lai chánh giác quyết sẽ diệt tận nhập Niết-Bàn. Nhưng thật ra tánh như, Như-Lai chẳng rốt ráo nhập Niết-Bàn. Vì Như-Lai thường trụ không biến đổi. Do có này đức Như-Lai chẳng nên nói rằng: Nay ta đau lưng.

Thế-Tôn ! Trong đời có người bệnh. Thân thể ốm gầy, hoặc nằm nghiêng nằm ngửa trên giường nệm, gia quyến người đó sanh lòng ghét bỏ, cho rằng người đó ắt chết. Cũng vậy, nay đức Như-Lai sẽ bị chín mươi lăm phái ngoại đạo khinh mạn, cho là vô thường. Các ngoại đạo đó sẽ nói rằng: Chẳng bằng chúng ta do ngã tánh thường còn, thời tiết tự tại, các pháp vi trần v.v... mà làm thường trụ không có biến đổi. Sa-Môn Cu-Đàm bị vô thường thuyên chuyển, đó là biến đổi. Do nghĩa này, hôm nay đức Thế-Tôn chẳng nên yên lặng nằm nghiêng bên mặt.

Thế-Tôn ! Trong đời người có bệnh tứ đại tăng tôn không điều thích, ốm gầy mất sức. Vì thế nên không thể ngồi đứng tùy ý, phải nằm trên giường nệm. Tứ đại của Như-Lai điều hòa thích, sức lực đầy đủ, cũng không ốm gầy.

Thế-Tôn ! Như sức của mười con trâu nhỏ, chẳng bằng sức của một con trâu lớn. Sức của mười con trâu lớn không bằng sức của một con thanh ngưu. Sức của mười con thanh ngưu không bằng sức của một con voi thường. Sức của mười con voi thường không bằng sức của một con voi rừng. Sức của mười con voi rừng chẳng bằng sức của một con voi hai ngà. Sức của mười con voi hai ngà chẳng bằng sức của một con voi bốn ngà. Sức của mười con voi bốn ngà chẳng bằng sức của bạch tượng ở núi Tuyết-son. Sức của mười bạch tượng ở Tuyết-son chẳng bằng sức của một hương tượng. Sức của mười hương tượng không bằng sức của một thanh tượng. Sức của mười thanh tượng không bằng sức của một huỳnh tượng. Sức của mười huỳnh tượng chẳng bằng sức của một xích tượng. Sức của mười xích tượng không bằng sức của một bạch tượng vương. Sức của mười bạch tượng vương không bằng sức của một sơn

tượng. Sức của mười sơn tượng không bằng sức của một ưu-bát-la-tượng. Sức của mười ưu-bát-la tượng không bằng sức của ba-đầu-ma tượng. Sức của mười ba-đầu-ma tượng không bằng sức của một câu-vật-đầu-tượng. Sức của mười câu-vật-đầu tượng không bằng sức của một phân-đà-lợi tượng. Sức của mười phân-đà-lợi tượng không bằng sức của một đại lực sĩ trong loài người. Sức của mười đại lực sĩ không bằng sức của một bát-kiền-đề. Sức của mười bát-kiền-đề chẳng bằng sức của bát-tý na-la-diên. Sức của mười na-la-diên không bằng sức một lóng tay của vị Thập trụ Bồ-Tát.

Các lóng xương trong thân của người thường, đầu xương chẳng đến nhau. Đại lực sĩ trong loài người đầu xương đến nhau. Thân của bát-kiền-đề các lóng xương tiếp nhau. Thân của Na-La-Diên đầu xương móc nhau, thân của Thập-trụ của Bồ-Tát đầu những lóng xương kết liền với nhau. Vì thế nên sức mạnh của Bồ-Tát rất lớn. Lúc thế giới thành lập từ Kim Cang tế có tòa Kim Cang nổi lên đến đạo tràng dưới cây Bồ-Đề. Bồ-Tát ngồi trên tòa đó, tâm liền chứng đặng mười trí lực.

Nay đức Như-Lai chẳng nên như trẻ con thơ bé. Trẻ nít ngu si không biết nói năng, tùy ý nằm ngửa nằm

ngiêng không ai quở trách. Đức Như-Lai Thế-Tôn có trí huệ lớn hiểu biết tất cả, là bậc tối tôn trong loài người, đầy đủ oai đức lớn, thành tựu đại thần thông, dứt hẳn lưới nghi, đã nhổ tên độc đi đứng an lành, đặng tự tại vô sở úy, giờ đây có chi nằm nghiêng bên mặt, làm cho hàng nhân thiên lo rầu khốn khổ ?

Ca-Diếp Bồ-Tát liền ở trước Phật mà nói kệ rằng:

Như-Lai đại Thánh đức,
Xin dạy giảng pháp màu.

Chẳng nên như trẻ thơ,
Người bệnh nằm giường nệm,
Điều-Ngự-Thiên-Nhân-Sư

Nằm dựa nơi song thọ,
Kẻ phàm phu ngó thấy,
Cho rằng ắt Niết-Bàn.

Chẳng biết kinh Đại-thừa,
Hạnh của Phật rất sâu.
Chẳng thấy tạng vi mật.
Như mù chẳng thấy đường.

Duy các vị Bồ-Tát,
Văn-Thù-Sư-Lợi thầy.
Hiếu được mật tạng này,
Ví như người bắn giỏi.
Chư Phật trong ba đời,
Đại-bi làm căn bản,
Đại-từ-bi như vậy.
Nay ở tại chỗ nào ?
Nếu là không đại bi,
Thời chẳng gọi là Phật.
Phật nếu ắt Niết-Bàn.
Thời chẳng gọi là thường.
Ngưỡng mong đáng Vô Thượng,
Nhận lời mời của tôi,
Lợi ích các chúng sanh,
Xô dẹp những ngoại đạo.
Lúc bấy giờ đức Thế-Tôn, đại-bi huân nơi lòng, rõ
biết tâm niệm của đại chúng muốn tùy thuận để đại

chúng được lợi ích rất ráo, liền dậy ngồi kiết già, dung nhan vui vẻ sáng rỡ như vàng ròng, mặt mắt xinh đẹp dường như trăng tròn, hình dung thanh tịnh không có những cấu-úế, phóng ánh sáng lớn chiếu khắp hư không. Ánh sáng đó hơn cả trăm ngàn mặt trời chiếu suốt mười phương thế giới, ban bố trí huệ cho chúng sanh, diệt trừ vô minh hắc ám, làm cho trăm ngàn ức na-do-tha chúng sanh Bồ-đề tâm vững chắc.

Đức Thế-Tôn lòng không nghi lự. Như sư tử vương dùng ba mươi hai tướng đại nhân, tám mươi thứ tốt trang nghiêm nơi thân. Mỗi lỗ chân lông trên thân đều hiện ra một hoa sen. Hoa sen ấy đủ ngàn cánh thuần màu vàng ròng, cọng bằng lưu ly, tua bằng kim cang, gương bằng ngọc mai khôi, hình lớn tròn như bánh xe. Những hoa sen ấy đều phóng ra ánh sáng nhiều màu: Xanh, vàng, đỏ, trắng, màu tía, màu pha lê, các ánh sáng ấy chiếu suốt đến địa ngục A-Tỳ cùng các đại địa ngục, chúng sanh đang bị khổ đốt, nấu, đâm, chém, lột da v.v... gặp ánh sáng này đều được khỏi khổ, an ổn mát mẻ. Trong ánh sáng ấy lại tuyên nói tạng bí mật của Như-Lai, nói rằng: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Chúng sanh trong địa ngục nghe pháp âm rồi, liền bỏ thân sanh lên cõi trời

hay trong loài người. Chúng sanh trong hàn-băng địa ngục ánh sáng của Phật chiếu đến cũng được khởi khổ, được nghe pháp và được sanh lên cõi trời hay trong loài người. Bao nhiêu địa ngục nơi cõi Diêm-Phù-Đề này và các thế giới khác thấy đều trống không, không người thọ tội, trừ kẻ Nhất-xiên-đề.

Loài nga-quỷ khổ vì đói khát tóc vắn lấy thân, cả trăm ngàn năm chưa từng được nghe tên nước, đồ uống, họ gặp ánh sáng của Phật liền hết đói khát. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như-Lai, nói rằng:

“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

Nhờ nghe pháp âm này loài nga quỷ được sanh lên trời hay loài người, trừ những kẻ hủy báng kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng.

Những loài súc sanh, giết hại ăn nuốt lẫn nhau. Chúng nó gặp ánh sáng của Phật trừ được tâm hung ác. Trong ánh sáng ấy cũng nói tạng vi mật của Như-Lai, nói rằng:

“Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh”.

Những loài súc sanh nhờ nghe pháp âm sau khi chết sanh lên cõi trời hay trong loài người, trừ những kẻ hủy

báng chánh pháp.

Trên mỗi hoa sen đó đều có một đức Phật Viên-Quang rộng một tâm. Màu vàng chói sáng, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ đẹp trang nghiêm nơi thân. Trong các đức Phật đó có vị thì ngồi, có vị thì đi, có vị thì đứng, có vị thì nằm, có vị nổi tiếng sấm, có vị rưới mưa, có vị phóng chớp sáng, có vị nổi gió, có vị phóng khói lửa, có vị thị hiện những núi bảy báu, suối, ao, sông, ngòi, núi rừng, cây cối, có vị hiện ra cõi nước bảy báu, thành ấp xóm làng cung điện nhà cửa. Có vị hiện ra voi, ngựa, sư tử, cọp, sói, chim công, phụng hoàng. Có vị làm cho bao nhiêu chúng sanh trong Diêm-Phù-Đề đều được thấy địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, nhân đến thấy sáu cõi trời Dục giới. Trong các đức Phật đó lại có vị thuyết về âm, giới, các nhập, nhiều sự tội lỗi. Có vị nói pháp tứ-đế. Có vị nói pháp thập nhị nhân duyên. Có vị nói những phiền não, những nghiệp đều do nhân duyên sanh. Có vị nói pháp ngã cùng vô ngã. Có vị nói hai pháp khổ và lạc. Có vị nói pháp thường và vô thường. Có vị nói pháp tịnh cùng bất tịnh. Lại có đức Phật vì các Bồ-Tát nói sáu pháp ba-la-mật. Lại có đức Phật nói công đức của Đại Bồ-Tát. Lại có đức Phật nói công đức của chư Phật Thế-Tôn. Lại có

đức Phật nói công đức của hàng Thanh-Văn. Lại có đức Phật nói tùy thuận Nhất-thừa. Hoặc có đức Phật nói tam-thừa thành đạo. Có đức Phật hông bên trái hiện ra nước, hông bên hữu hiện ra lửa. Có đức Phật thị hiện giáng sanh, xuất gia ngồi đạo tràng dưới cây Bồ-đề chuyên pháp luân vi diệu, nhập Niết-bàn. Lại có đức Phật thuyết pháp làm cho trong đại hội này có người chứng đặng sơ quả, nhị quả, tam quả, nhẫn đến tứ quả. Hoặc có đức Phật nói vô lượng nhân duyên thoát ly sanh tử.

Những chúng sanh trong Diêm-Phù-Đề này được ánh sáng của Phật chiếu đến người mù được thấy, người điếc được nghe, người câm nói được, người què bại đi được, người nghèo được của, kẻ bòn xén phát tâm Bồ thí, kẻ sân hận sanh lòng từ. Người không chánh tín bèn có chánh tín. Chúng sanh trong thế giới không có ai làm việc ác, trừ hạng nhất xiển đề.

Tất cả trời, rồng, quý thần, càn-thát-bà, a-tu-la, ca-lâu-la, khẩn-na-la, ma-hầu-la-già, la-sát, kiện-đà, ưu-ma-đà, a-bà-ma-la, nhân, phi nhân v.v... đều đồng tiếng xưng rằng: Lành thay ! Lành thay ! Đấng Vô Thượng Thiên-Tôn, làm sự lợi ích lớn. Tất cả đều vui mừng hơn hở, hoặc ca hoặc múa, đem các thứ hoa rải trên Phật và

chúng Tăng. Đó là những hoa cõi trời: Hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng, hoa mạn-đà-la, hoa ma-ha-mạn-đà-la, hoa mạn-thù-sa, hoa ma-ha-mạn-thù-sa, hoa tán-đà-na, hoa ma-ha tán-đà-na, hoa lư-chỉ-na, hoa ma-ha-lư-chỉ-na, hoa hương, hoa đại-hương, hoa thích-ý, hoa đại thích-ý, hoa ái-kiến, hoa đại ái-kiến, hoa đoan-nghiêm, hoa đệ nhất đoan-nghiêm.

Lại rải các thứ hương: Hương trầm-thủy, hương đa-dà-lâu, chiêm-đàn, uất-kim, hương pha trộn, hương hải ngân.

Lại đem tràng phan lọng báu cõi trời, kỹ nhạc cõi trời: đàn tranh, đàn sắt, ống địch, ống sanh, không hầu, khảy, thổi cúng dường lên Phật, đồng nói kệ rằng:

Tôi nay đánh lễ đức Đại Tinh Tấn

Đấng Lương-Túc-Tôn Vô thượng Chánh giác.

Đại chúng trời người chẳng thể biết thấu,

Chỉ có đức Cù-Đàm mới rõ được.

Đức Thế-Tôn thưở trước vì chúng tôi,

Trong vô lượng kiếp siêng tu khổ hạnh,

Tại sao một mai bỏ thế nguyện cũ,

Mà bèn xả mạng muốn nhập Niết-bàn ?
Tất cả chúng sanh chẳng thể thấy biết,
Tạng bí mật của chư Phật Thế-Tôn,
Do nhân duyên này khó đặng xuất ly,
Luân chuyển trong sanh tử đọa ác đạo.
Như Phật đã từng nói A-La-Hán.
Tất cả đều sẽ đến nơi Niết-Bàn,
Công hạnh rất sâu của Phật như vậy.
Hạng phàm phu ngu mê ai biết được.
Ban pháp cam lồ cho các chúng sanh,
Vì muốn dứt trừ hết những phiền não,
Nếu có người uống chất cam lộ này,
Chẳng còn lại thọ sanh lão bệnh tử.
Đức Như-Lai Thế-Tôn vì chữa trị,
Trăm ngàn vô lượng tất cả chúng sanh.
Bao nhiêu những bệnh nặng của chúng sanh,
Đều làm tiêu diệt không còn thừa sót.
Đức Thế-Tôn từ lâu khỏi bệnh khổ.

Nên đặng gọi là đức Phật thứ bảy,

Ngưỡng mong ngày nay lại rưới mưa pháp,

Nhuần thấm giống công đức của chúng tôi.

Đại chúng trời người trong pháp hội này,

Thỉnh cầu như vậy rồi đều yên lặng.

Phật bảo Ca-Diếp bồ-Tát:

Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiên-nam-tử, ông đã đầy đủ trí huệ vi diệu rất sâu như vậy, chẳng bị tất cả tà ma ngoại đạo phá hoại.

Này Thiên-nam-tử ! Nay ông thành tựu biện tài vô ngại. Ông đã từng cúng dường vô lượng hằng hà sa chư Phật quá khứ, nên có thể hỏi đức Như-Lai những nghĩa như vậy.

Này Thiên-nam-tử ! Ta đã từ vô lượng vô biên ức na-do-tha trăm ngàn muôn kiếp, trừ hết bệnh căn, lìa hẳn sự dựa nằm, vô lượng a-tăng-kỳ kiếp về quá khứ, có đức Phật ra đời hiệu là Vô-Thượng-Thắng, đầy đủ mười hiệu. Đức Phật đó vì hàng Thanh-Văn nói kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này. Thuở đó ta cũng làm Thanh-Văn của đức Phật ấy. Ta thọ trì kinh điển Đại-Niết-Bàn như vậy, đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, rồi ta rộng vì

người khác phân biệt giảng thuyết. Ta đem căn lành đó hồi hướng Vô Thượng Bồ-Đề.

Này Thiện-nam-tử ! Từ đó trở đi, ta chưa từng có những phiền não nghiệp ác, chẳng đọa nơi ác đạo, chẳng hủy báng chánh pháp làm nhất xiển đề, chẳng thọ thân hoàng môn, chẳng phạm năm tội nghịch, bốn tội trọng. Từ đó đến nay thân tâm ta an ổn, không có các sự khổ não.

Này Thiện-nam-tử ! Nay ta thật không có tất cả tật bệnh. Vì chư Phật Thế-tôn từ lâu đã xa lìa tất cả bệnh khổ. Các chúng sanh chẳng biết giáo pháp bí mật Đại-thừa Phương-Đẳng, bèn cho rằng đức Như-Lai thật có bệnh.

Này thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai là sư tử trong loài người nhưng đức Như-Lai thật chẳng phải là sư tử. Như nói đức Như-Lai là rồng lớn trong loài người, nhưng đức Như-Lai thật chẳng phải rồng. Đức Phật từ vô lượng kiếp đã xa lìa ác nghiệp. Nên biết những lời như vậy chính là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai là người, là trời, nhưng thật ra đức Phật chẳng phải người, chẳng phải trời, cũng chẳng phải quỷ thần, càn-thát-bà, a-tu-la,

ca-lâu-la, khản-na-la, ma-hâu-la-già, chẳng phải ngã, chẳng phải mạn, chẳng phải dưỡng dục, chẳng phải sĩ phu, chẳng phải làm, chẳng phải không làm, chẳng phải thọ, chẳng phải không thọ, chẳng phải Thế-Tôn chẳng phải Thanh-Văn, chẳng phải thuyết, chẳng phải không thuyết. Những lời như vậy đều là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai dường như biển cả, như núi Tu-Di, nhưng đức Như-Lai thật chẳng phải vị mặn, cũng chẳng phải đồng như đá núi. Phải biết lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai như hoa Phân-Đà-Lợi, nhưng thật ra đức Phật chẳng phải hoa Phân-Đà-Lợi. Như nói đức Như-Lai dường như cha mẹ, nhưng thật ra đức Như-Lai chẳng phải cha mẹ. Như nói đức Như-Lai là Đại Thuyền-Sư, nhưng đức Như-Lai chẳng phải Thuyền-Sư. Như nói đức Như-Lai như Thương-chủ, nhưng đức Như-Lai thật chẳng phải Thương-chủ. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Như nói đức Như-Lai hay trừ

đẹp loài ma, nhưng thật ra đức Như-Lai không có ác tâm muốn khiến ma bị xô đẹp. Như nói đức Như-Lai trị được ung thư ghê độc, nhưng thật ra đức Phật chẳng phải thầy thuốc trị ung nhọt. Những lời như vậy cũng là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Như đức Phật trước kia đã nói, nếu có thiện-nam, tín nữ nào có thể khéo tu hành ba nghiệp thân, khẩu, ý, lúc người đó chết, dầu trong thân tộc hoặc đem thi hài thiêu đốt, hoặc ném xuống sông, hoặc bỏ trong gò mả, chôn sỏi cầm thú cùng nhau đến xé ăn, nhưng tâm ý thức của người đó liền sanh nơi cõi lành. Tâm thức như vậy thật không đi, không lại cũng không chỗ đến, chỉ là trước sau giống nhau, nối nhau, tương mạo chẳng sai khác. Lời nói như vậy là giáo pháp bí mật của Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Nay ta nói rằng có bệnh cũng như vậy, cũng là giáo pháp bí mật của Như-Lai. Đức Như-Lai Đẳng Chánh-Giác thật không có bệnh nằm nghiêng bên hữu, cũng không rớt ráo nhập nơi Niết-bàn. Này Ca-Điếp Bồ-Tát ! Đại-Niết-bàn đây thật là thiên định rất sâu của chư Phật. Thiên định này chẳng phải cảnh giới của Thanh-Văn, Duyên-Giác.

Này thiện-nam-tử ! Vừa rồi ông hỏi có chi đức Như-Lai dựa nằm chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyền thuộc coi sóc sản nghiệp.

Này Thiện-nam-tử ! Tánh hư không cũng chẳng ngồi dậy, chẳng đòi uống ăn, chẳng dặn bảo quyền thuộc coi sóc sản nghiệp, cũng không đi, không lại, không sanh diệt, không già, trẻ, không mọc lặn, hư bẻ, giải thoát, ràng buộc, cũng không nói mình, nói người, cũng không hiểu mình hiểu người, chẳng phải ăn, chẳng phải bệnh.

Này Thiện-nam-tử ! Chư Phật Thế-Tôn cũng như vậy, dường như hư không, thế nào sẽ có những bệnh khổ ư ?

Này Thiện-nam-tử ! Trong đời có ba hạng người bệnh khó trị: Một là kẻ hủy báng Đại-thừa, hai là kẻ phạm tội ngũ nghịch, ba là hạng Nhất-xiên-đề, ba hạng bệnh này là rất nặng ở trong đời. Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát đều không thể trị được.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có bệnh khó trị chắc chết, dầu có săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, người bệnh ấy chắc chết chẳng nghi. Ba hạng người trên đây cũng như vậy, dầu có Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát thuyết pháp cho, hay chẳng thuyết pháp, đều không thể làm cho họ phát tâm Vô

Thượng Bồ-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như người bệnh có sự săn sóc, tùy ý thuốc men, thì có thể lành bệnh, nếu không ba việc này, thì bệnh chẳng lành. Cũng vậy, hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác, theo Phật và Bồ-Tát đặng nghe pháp rồi liền có thể phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Không phải chẳng nghe pháp mà có thể phát Bồ-đề tâm.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như người bệnh, nếu được săn sóc, tùy ý thuốc men, hoặc không săn sóc, tùy ý thuốc men, đều được lành bệnh. Cũng vậy, có một hạng người, hoặc gặp Thanh-Văn hay chẳng gặp, hoặc gặp Duyên-Giác hay chẳng gặp, hoặc gặp Bồ-Tát hay chẳng gặp, hoặc gặp Như-Lai hay chẳng gặp, hoặc đặng nghe pháp hay chẳng đặng nghe, tự nhiên đặng thành Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Đây là hạng người nào? Chính là người vì thân mình hay vì người khác, hoặc vì sợ sệt hoặc vì lợi dưỡng, hoặc vì đua nịnh, hoặc vì phỉnh gạt người mà biên chép kinh Đại-Niết-Bàn này, rồi thọ trì đọc tụng cúng dường cung kính, giải nói cho người khác.

Này Thiện-nam-tử ! Có năm hạng người đối với kinh điển Đại-thừa Đại-Niết-Bàn này có bệnh mà tu hành, chẳng phải là đức Như-Lai. Những gì là năm hạng ?

Một là bậc dứt kiến-hoặc trong tam giới đặng quả Tu-đà-hoàn, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ-quỷ, bảy lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các sự khổ nhập Niết-bàn. Đây gọi là hạng người thứ nhất có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai, qua khỏi tám muôn kiếp sẽ đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Bậc thứ hai dứt kiến-hoặc trong tam giới, tham, sân, si, mạn, đặng quả Tu-đà-hàm, còn một lần sanh trong loài người, trên trời, dứt hẳn các khổ nhập Niết-Bàn. Đây gọi là bậc thứ hai có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi sáu muôn kiếp, sẽ đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Bậc thứ ba dứt kiến-hoặc trong tam giới, tư-hoặc cõi dục đã dứt, đặng quả A-na-hàm, chẳng còn sanh trong loài người, dứt hẳn các khổ nhập Niết-Bàn. Đây gọi là bậc thứ ba có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi bốn muôn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Bậc thứ tư dứt hẳn tham dục, sân-khú, ngu si, đặng quả A-la-hán, không còn phiền não nhập Niết-Bàn, cũng chẳng phải hạnh kỳ-lân độc nhất. Đây gọi là bậc thứ tư có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi hai muôn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Bậc thứ năm dứt hẳn tham dục, sân khuê, ngu si, đặng quả Bích-Chi Phật phiền não hết sạch nhập Niết-Bàn, thật là hạnh kỳ-lân độc nhất. Đây gọi là bậc thứ năm có bệnh tu hành. Người này thưở vị lai qua khỏi mười ngàn kiếp, sẽ đặng quả Vô thượng Chánh giác.

Đây gọi là năm hạng người có bệnh tu hành, chẳng phải đức Như-Lai vậy.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM THÁNH HẠNH THỨ MƯỜI CHÍN

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Diếp:

“Đại Bồ-Tát phải nên ở nơi kinh Đại-Niết-Bàn này chuyên tâm tư duy năm thứ hạnh:

Một là Thánh hạnh,

Hai là phạm hạnh,

Ba là thiên hạnh,

Bốn là anh-nhi-hạnh,

Năm là bệnh hạnh.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát thường nên tu tập năm thứ hạnh này. Lại có một hạnh, chính là Như-Lai hạnh, cũng chính là kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Đại Bồ-Tát tu Thánh hạnh thế nào ? Đại Bồ-Tát hoặc từ Thanh-Văn, hoặc từ đức Như-Lai đặng nghe kinh Đại-Niết-Bàn như vậy, nghe xong sanh lòng tin, tin xong nên suy nghĩ như vậy: Chư Phật Thế-Tôn có đạo Vô Thượng, có chánh pháp lớn, có chánh hạnh cho đại chúng, lại có kinh điển Phương-đẳng Đại-thừa, nay ta nên vì ưa thích mong cầu kinh Đại-thừa mà bỏ lìa vợ con, quyến thuộc, nhà cửa, vàng bạc, châu báu, chuỗi ngọc tốt đẹp, hương hoa, kỹ nhạc, tôi trai, tớ gái, voi ngựa, xe cộ, trâu dê, gà chó, heo lợn. Lại nghĩ thế này, ở nhà ràng buộc như lao ngục, do đó mà sanh tất cả phiền não. Xuất gia khoảng khoát như hư không, tất cả pháp lành nhân đây được tăng trưởng. Nếu ở nhà chẳng đặng trọn đời tu phạm hạnh, nay ta phải nên cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo Vô Thượng.

Lúc Bồ-Tát muốn xuất gia như vậy, Thiên-ma Ba-tuần rất lo khổ, nói rằng: Bồ-Tát này lại sẽ cùng ta sanh sự chiến tranh lớn.

Này Thiện-nam-tử ! BỒ-Tát này ở nơi chỗ nào lại sẽ cùng người chiến tranh ? BỒ-Tát này qua đến Tăng phòng nếu thấy Như-Lai và hàng đệ tử oai nghi đầy đủ, thân tâm tịch tịnh, lòng liền nhu hòa thanh tịnh mà cầu xuất gia, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y.

Xuất gia xong tuân giữ giới cấm, oai nghi chẳng thiếu, cử chỉ an lành không có sai phạm, nhẫn đến tội nhỏ cũng sanh lòng sợ sệt, tâm hộ giới như kim cương.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có người đeo trái nỏ muốn lội qua biển lớn. Trong biển có quỷ La-sát theo người đó để xin trái nỏ. Người đó nghĩ rằng: Nếu ta cho nó quyết định phải chìm chết. Nghĩ rồi đáp rằng: Này La-Sát, thà ngươi giết ta, chớ ta không thể cho trái nỏ được.

La-Sát lại nói: Nếu ông chẳng cho hết, thời cho ta phân nửa. Người ấy vẫn không cho. La-Sát lại xin một phần ba, không được, lại xin một mảnh bằng bàn tay, nhẫn đến xin chùng bằng hột bụi. Người này đáp rằng: Nhà ngươi dầu xin rất ít, nhưng hiện nay ta cần phải lội qua biển, chẳng biết đường còn xa hay gần. Nếu ta cho ngươi một ít, trái nỏ sẽ xì hơi, làm sao qua được biển lớn, có thể sẽ bị chìm chết giữa đường.

Này Thiện-nam-tử ! BỒ-Tát hộ trì cấm giới cũng như

vậy. Lúc Bồ-Tát hộ giới, thường có phiền não bảo Bồ-Tát rằng: Ông nên tin tôi trọn chẳng dối nhau, chỉ phá bốn giới trọng, giữ gìn những giới khác sẽ được an ổn nhập Niết-bàn. Lúc đó Bồ-Tát nên nghĩ rằng: Thà ta giữ gìn giới cấm mà đọa A-tỳ địa-ngục, quyết chẳng hủy phạm mà sanh trên cõi trời. Phiền não lại nói: Ông nếu chẳng phá bốn giới trọng, thì nên phá Tăng tàn, sẽ được an ổn nhập Niết-bàn. Bồ-Tát không bằng lòng.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng phạm Tăng tàn, cũng nên phạm tội thâm-lan-giá, thì đặng an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng thể phạm thâm-lan-giá, nên phạm xả-đọa thì nên an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng thể phạm xả-đọa nên phạm ba-dật-đề sẽ đặng an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát cũng chẳng nghe theo.

Phiền não lại bảo: Ông nếu chẳng thể phạm ba-dật-đề, thì nên phạm đột kiết-la, do đây được an ổn nhập Niết-bàn.

Bồ-Tát vẫn không nghe theo, tự nghĩ rằng: Nay nếu ta phạm tội đột-kiết-la, mà chẳng phát-lồ, thì không thể qua khỏi biển sanh tử đến bờ Niết-Bàn được. Bồ-Tát đối với tội rất nhỏ trong giới luật, giữ gìn bền chắc, tâm như kim cương. Bồ-Tát đối với bốn giới trọng cùng đột-kiết-la, giữ gìn kính trọng như nhau không khác.

Bồ-Tát nếu có thể bền giữ giới luật như vậy, thì là đầy đủ năm chi giới:

Một là đầy đủ giới nghiệp thanh tịnh căn bản của Bồ-Tát;

Hai là những giới thanh tịnh khác, quyền thuộc của giới trước giới sau;

Ba là giới giác quán thanh tịnh, chẳng phải những ác giác;

Bốn là giới niệm thanh tịnh hộ trì chánh niệm;

Năm là giới hồi hướng Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát đây lại có hai thứ giới: Một là giới thọ thế-giáo; hai là giới đặng chánh pháp. Bồ-Tát nếu thọ giới chánh pháp thì trọn chẳng làm ác. Nếu thọ giới thế giáo, thì bạch tứ Yết-Ma, rồi sau mới đặng.

Này Thiên-nam-tử ! Lại có hai thứ giới: Một là giới-tánh-trọng, hai là giới dứt sự cơ-hiềm thế gian. Giới-tánh-trọng tức là bốn giới trọng. Giới dứt cơ-hiềm thế gian là chẳng buôn bán, cân thiếu, giả non, khi dối người, cậy thế lực người để lấy tài vật của kẻ khác, ác tâm trói buộc người, phá hoại sự thành công của người, thấp đèn sáng mà nằm, ruộng nương gieo trồng, gia nghiệp buôn bán. Chẳng chứa voi ngựa, xe cộ, trâu, dê, đà, lừa, gà, chó, khỉ, vượn, chim công, chim két, chim cộng mạng, cùng chim câu-chỉ-la, cọp, beo, chó sói, mèo, chồn, heo lợn và những ác thú khác. Chẳng chứa đồng nam, đồng nữ, đại nam, đại nữ, tôi tớ, vàng, bạc, lưu ly, pha lê, trân châu, xa cừ, mã não, san hô, bích ngọc, kha bối, các thứ châu báu, đồng cỏ, thiếc nhôm, thau, chì, những thứ chén bát to lớn. Chẳng chứa áo lông, áo cừu, áo da, tất cả lúa, gạo nếp, mè, bắp, đậu, những đồ đựng món ăn sống, đồ đựng món ăn chín. Thường ăn một bữa, chẳng từng ăn hai lần. Thường đi khát thực và thọ thực trong chúng Tăng, thường biết vừa đủ. Chẳng thọ thỉnh riêng, chẳng ăn thịt, chẳng uống rượu, loại ngũ tân tánh nồng đều chẳng ăn, vì thế nên thân Bồ-Tát chẳng có hôi hám. Thường được chư Thiên tất cả người cung kính, cúng dường, tôn trọng, tán thán. Ăn vừa đủ trọn chẳng lãnh

thọ của dư. Nhận lấy y phục vừa đủ che thân. Thường dùng ba y, bát, tọa cụ, trọn chẳng xa lìa như hai cánh chim. Chẳng chứa các thứ củ, cọng, mắt, hột, trái, các loại hột. Chẳng chứa của báu hoặc vàng, hoặc bạc, kho bếp chứa đồ ăn, áo xiêm thô vế, giường rộng, cao lớn giường ngà, giường vàng, mùng màn nhiều màu, đều chẳng ngồi nằm. Chẳng chứa tất cả thứ chiếu, mềm nhuyễn. Chẳng ngồi yên voi, yên ngựa. Chẳng dùng áo xiêm mịn nhuyễn tốt đẹp để trải giường nằm. Trên giường ngủ nghỉ chẳng để hai gối, cũng chẳng nhận chứa gối đồ tốt đẹp, gối cây lông chàm. Trọn chẳng nhìn xem đua voi, đua ngựa, đua xe, diễn binh, cũng chẳng coi xem hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, dê, gà, chim trĩ, chim két, đánh đá nhau. Cũng chẳng cố ý đi xem binh trận. Cũng chẳng cố ý nghe thổi ốc, thổi sừng, tiếng đàn cầm, đàn sắt, đàn tranh, ống địch, không hầu, ca ngâm, các thứ kỹ nhạc, trừ khi cúng dường Phật. Trọn chẳng xem chẳng làm tất cả những sự chơi đùa cờ bạc. Chẳng coi tướng tay chân mặt mắt, chẳng bói quẻ, xử quẻ. Chẳng ngược xem hư không tinh tú, trừ khi muốn giải sự buồn ngủ. Chẳng làm sứ mạng cho nhà vua. Cũng chẳng đem lời người này truyền đến người kia, lời người kia truyền đến người này. Chẳng dua nịnh tà mạn để nuôi sống. Chẳng

tuyên nói những việc của vua của quan, của kẻ trộm cướp, việc kiện cáo, việc uống ăn trong nước, trong xứ thất mùa đói khát, những việc khủng bố, những việc đặng mùa an ổn. Đây gọi là giới dứt sự cơ hiềm trong đời của Đại-Bồ-Tát.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát giữ gìn những điều giới ngăn chế như vậy đồng như giữ gìn những giới tánh trọng.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát thọ trì những giới cấm như vậy rồi lại nguyện rằng: Thà đem thân này nhảy vào trong hầm lửa, trọn chẳng hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời mà cùng tất cả người nữ làm điều bất tịnh. Lại nguyện thà lấy sắt nóng vắn nơi thân, trọn chẳng dám đem thân phá giới để thọ y phục của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà nuốt hòn sắt cháy đỏ, trọn chẳng dám đem thân phá giới ăn các thực vật của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nằm trên sắt nóng trọn chẳng đem thân này thọ giường chiếu của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này chịu ba trăm mũi mâu đâm, trọn chẳng dám đem thân phá giới thọ thuốc men của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà đem thân này nhảy vào vạc sắt nóng, chẳng dám đem thân phá giới thọ

phòng nhà của tín tâm đàn việt. Lại nguyện thà dùng chùy sắt đập nát thân này từ đầu đến chân nát như tro bụi, chẳng đem thân phá giới thọ sự cung kính của mọi người. Lại nguyện thà dùng sắt nóng khoét đôi mắt, chẳng dùng nhiệm tâm nhìn sắc đẹp của người. Lại nguyện thà dùng dùi sắt đâm thủng lỗ tai, chẳng dùng nhiệm tâm nghe tiếng hay giọng tốt. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt bỏ lỗ mũi, chẳng dùng nhiệm tâm tham ngửi những mùi thơm. Lại nguyện thà dùng dao bén cắt rách lưỡi mình, chẳng dùng nhiệm tâm tham vị ngon ngọt. Lại nguyện rằng thà dùng búa bén chặt chém thân thể, chẳng dùng nhiệm tâm tham chạm xúc êm dịu. Vì những sự trên đây có thể làm cho nhà tu hành đọa địa ngục, súc sanh, ngã-quỷ. Đây gọi là Đại-Bồ-Tát hộ trì cấm giới.

Đại Bồ-Tát hộ trì những cấm giới như vậy rồi, đều đem bố thí cho tất cả chúng sanh, nguyện cho chúng sanh hộ trì cấm giới, đặng giới thanh tịnh, giới thiện, giới chẳng thiếu, giới chẳng phân tích, giới đại-thừa, giới bất thối, giới tùy thuận, giới rốt ráo, thành tựu đầy đủ giới ba-la-mật.

Này Thiện-nam-tử ! Đại Bồ-Tát lúc tu trì giới thanh tịnh như vậy liền đặng trụ bậc sơ-bất-động.

Thế nào gọi là bậc bất-động ? BỒ-Tát trụ trong bậc bất-động này thời chẳng động, chẳng đọa, chẳng thối, chẳng tán.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như núi Tu-di, gió trốt gió bão, không thể làm lay động sụp đổ tan nát được. Cũng vậy, Đại-BỒ-Tát trụ trong bậc này, chẳng bị sắc, thanh, hương, vị, xúc, làm động, chẳng đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chẳng lui xuống bậc Thanh-Văn, Bích-Chi Phật, chẳng bị dị-kiến tà phong làm tan, mà theo tà mạn để nuôi sống.

Lại bất động là chẳng bị tham dục, sân khuê, ngu si làm động. Lại bất đọa là chẳng đọa bốn tội trọng. Lại bất thối là chẳng lui bỏ giới để hoàn tục. Lại bất tán là chẳng bị người trái nghịch kinh Đại-thừa làm tan hoại.

Đại BỒ-Tát cũng chẳng bị các ma phiền não làm lay động, chẳng bị ma ngũ âm làm đọa. Nhẫn đến ngồi nơi cội cây BỒ-đề đạo tràng dầu có Thiên-ma chẳng thể làm BỒ-Tát thối bỏ Vô Thượng chánh đẳng chánh giác, cũng chẳng bị ma chết làm tan.

Này Thiện-nam-tử ! Đây gọi là BỒ-Tát tu tập Thánh-hạnh. Thế nào gọi là Thánh-hạnh ? Vì là chỗ thật hành của Phật và BỒ-tát nên gọi là Thánh-hạnh. Do có chi Phật

và Bồ-Tát gọi là Thánh-nhân ? Vì những bậc này có Thánh-pháp, vì thường quán các pháp thể tánh không tịch, do nghĩa này nên gọi là Thánh-nhân. Lại vì có Thánh giới, Thánh định, Thánh huệ, nên gọi là Thánh nhân. Lại vì có bảy Thánh tài: Tín, giới, tâm, quý, đa văn, trí huệ, xả ly, nên gọi là Thánh nhân. Lại vì có bảy Thánh giác nên gọi là Thánh nhân. Do nghĩa này nên lại gọi là Thánh hạnh.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát thực hành Thánh hạnh, quán sát thân này từ đầu đến chân trong đó chỉ có tóc, lông, móng, răng, hôi dơ chẳng sạch, da, thịt, gân, xương, tỳ, thận, tâm, phế, gan, mật, bao tử, ruột non, ruột già, tiểu tiện, đại tiện, nước mũi, nước miếng, nước mắt, óc, tủy, mủ, máu, mạch lạc. Lúc Bồ-Tát chuyên tâm quán sát như vậy: Cái gì là ngã, ngã thuộc về cái gì ? Ngã ở chỗ nào ? Cái gì thuộc về ngã ? Lại nghĩ rằng: Xương có phải là ngã chăng ? Hay rời xương là ngã ? Lúc đó Bồ-Tát trừ bỏ da thịt chỉ quán sát xương trắng lại suy xét sắc tướng của xương sai khác, là xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen, xương như vậy cũng chẳng phải ngã, vì ngã chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng và xanh đen. Lúc Bồ-Tát chuyên tâm quán sát như vậy, liền dứt trừ đặng tất cả sắc

dục. Lại nghĩ rằng: Những xương như vậy đều từ nhân duyên mà sanh. Nhờ xương bàn chân để gắn xương mắt cá do xương mắt cá để gắn xương ống quyển, nhân xương ống quyển dùng gắn xương đầu gối, nhân xương đầu gối để gắn xương đùi, do xương đùi kết với xương hông, nhờ xương hông dựng xương sống, nhờ xương sống kết xương sườn, trên xương sống có xương cổ, nhân xương cổ gắn xương hàm, nơi xương hàm cắn răng nanh, trên đó có xương sọ. Lại nhân xương cổ kết xương vai, nhân xương vai gắn xương cánh tay, đầu xương cánh tay gắn xương bắp tay, do xương bắp tay kết xương bàn tay, nhân xương bàn tay có xương ngón tay. Lúc Bồ-Tát quán sát như vậy, tất cả xương trong thân đều chia lìa. Quán sát như vậy rồi, liền dứt đặng ba thứ dục nhiễm: Một là sự dục nhiễm về hình mạo, hai là sự dục nhiễm về tư thái, ba là sự dục nhiễm về chạm xúc mịn màng.

Đại Bồ-Tát lúc quán sát xương màu xanh, thấy cõi đất khắp mười phương Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng trên, dưới thấy đều màu xanh cả. Lúc quán xương màu vàng, màu đỏ, màu trắng, màu xanh đen cũng như vậy.

Lúc Bồ-Tát quán sát như trên đây giữa chặng mây liền chiếu ra ánh sáng xanh, vàng, đỏ, trắng, xanh đen.

Trong mỗi ánh sáng này Bồ-tát thấy có tượng Phật, liền hỏi: Thân này do nhân duyên bất tịnh hòa hợp chung lại mà thành, sao lại đặng ngồi, nằm, đi, đứng, co duỗi, cúi, ngược xem, nháy, thở, buồn, khóc, vui, cười, trong thân này không chủ tể, ai sai sử có những việc như vậy ? Vừa hỏi xong, chư Phật trong ánh sáng liền ẩn mất.

Bồ-Tát lại suy nghĩ: Hoặc thức tâm là ngã, nên chư Phật chẳng vì tôi mà nói. Lại quán sát thức tâm này thứ đệ sanh diệt dường như nước chảy cũng chẳng phải là ngã. Lại suy nghĩ nếu thức tâm chẳng phải là ngã, thời hơi thở ra vào hoặc có thể là ngã chăng ? Lại suy nghĩ: Hơi thở ra vào chỉ là tánh gió, mà tánh gió là tứ đại, trong tứ đại, đại nào là ngã ? Tánh địa đại chẳng phải ngã, tánh thủy, tánh hỏa, tánh phong cũng chẳng phải ngã. Lại suy nghĩ: Tất cả trong thân này đều không có ngã, chỉ có tâm niệm do nhân duyên hòa hiệp mà hiện ra có những tác dụng. Ví như sức bùa chú, ảo thuật làm ra. Cũng như ông không hầu tùy ý thổi ra tiếng. Thế nên thân này là bất tịnh, nhờ những nhân duyên hòa hiệp chung lại mà thành, thế thì sẽ ở chỗ nào mà sanh tham dục. Lại ở chỗ nào mà sanh giận hờn nếu bị người mắng nhục. Thân này của ta do ba mươi sáu vật hội hiệp, hơi như bất tịnh, chỗ nào

mà có người lãnh thọ sự mắng nhục. Nếu nghe tiếng mắng, bèn suy nghĩ, do tiếng tăm gì mà thành mắng nhiếc ? Riêng mỗi mỗi tiếng chẳng thể thành mắng nhiếc. Nếu một tiếng chẳng thành, thời nhiều tiếng cũng chẳng thành. Do nghĩa này nên chẳng nên sanh lòng giận hờn.

Nếu có người đến đánh, cũng nên suy nghĩ, sự đánh đập này từ đâu mà có. Lại suy nghĩ: Nhân tay, dao, gậy, cùng với thân của ta nên gọi là đánh. Nay ta có sao lại giận hờn nơi người, bèn là thân ta tự chuốc lấy lỗi này, vì ta thọ thân ngũ âm. Ví như nhân cái đích thời có mũi tên bắn trúng. Cũng vậy, do có thân ta, mới có sự đánh. Ta nếu chẳng có nhân, thời tâm tán loạn, tâm nếu tán loạn thời mất chánh niệm, nếu mất chánh niệm thời chẳng thể quan sát nghĩa lành cùng chẳng lành. Nếu chẳng thể quan sát nghĩa lành cùng chẳng lành thời phạm việc ác. Đã phạm việc ác tất phải đọa địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Lúc Bồ-Tát quán sát như vậy rồi, thời đặng tứ niệm xứ. Đặng tứ niệm xứ rồi thời đặng trụ nơi trong bậc kham nhẫn. Đại-Bồ-Tát trụ nơi bậc này thời có thể kham nhẫn những sự tham dục, sân khuê, ngu si. Cũng có thể kham nhẫn những sự lạnh, nóng, đói khát, muỗi mòng, rận, rệp, gió dữ, đụng chạm, thô cứng, các thứ tật dịch, chửi rủa

mắng nhiếc, đánh đập khổ sở tất cả những sự khổ não nơi thân, nơi tâm đều có thể nhẫn. Vì thế nên gọi là trụ bậc kham nhẫn.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Bồ-Tát chưa trụ đặng bậc bất động, lúc trì tịnh giới, có nhân duyên gì đặng phá giới chẳng ?

- Nay Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát chưa đặng trụ bậc bất động, vì có nhân duyên thời có thể đặng phá giới.

- Bạch Thế-Tôn ! Nhân duyên như thế nào ?

- Nay Thiện-nam-tử ! Nếu Bồ-Tát biết rằng do nhân duyên phá giới, thời có thể làm cho người ưa thích thọ trì kinh điển đại-thừa, lại có thể làm cho người đọc tụng thông thuộc, biên chép quyển kinh, giảng thuyết rộng ra, chẳng thôi chuyên nơi Vô thượng Chánh giác. Vì có như vậy nên đặng phá giới. Lúc đó Bồ-Tát nên nghĩ rằng: Ta thà chịu tội đọa nơi A-Tỳ địa ngục, một kiếp hoặc dưới một kiếp, cần phải làm cho người như vậy chẳng thôi chuyên nơi Vô thượng Chánh giác. Do nhân duyên này Bồ-Tát đặng phá tịnh giới.

Văn-Thù-Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật:

Thế-Tôn ! Nếu có Bồ-Tát nhiếp thủ hộ trì như vậy,

làm cho chẳng thôi chuyển tâm Bồ-Đề, quyết không vì duyên có ấy phá giới mà bị đọa A-Tỳ.

Phật khen Văn-Thù Sư-Lợi:

“Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói. Ta nhớ thuở xưa, nơi Diêm-Phù-Đề này, ta làm Đại Quốc-Vương, tên là Tiên-Dur. Nhà vua mến ưa kính trọng kinh điển Đại-thừa, tâm vua thuần thiện, không có tật ác, tật đố, san lẫn, miệng vua thường nói lời dịu dàng, lời lành, thân vua thường nhiếp hộ kẻ nghèo cùng cô độc. Bồ thí, tinh tấn, không ngừng nghỉ.

Thuở đó không có Phật ra đời, cũng không Thanh-Văn, Duyên Giác. Nhà vua ưa thích kinh điển Đại-thừa Phương-đẳng, trong mười hai năm phụng thờ Bà-La-Môn, cung cấp những đồ cần dùng. Qua khỏi mười hai năm, nhà vua bảo Bà-La-Môn các Ngài nay phải phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Bà-La-Môn đáp: Tâu Đại-vương tánh Bồ-đề là không chỗ có, kinh điển Đại-thừa cũng như vậy. Sao Đại-vương muốn cho người cùng vật đồng như hư không.

Nhà vua lúc đó tâm tôn trọng Đại-thừa, nghe Bà-La-Môn hủy báng Phương-đẳng Đại-thừa, bèn giết Bà-La-Môn.

Này thiện-nam-tử ! Do nhân duyên trên đây, từ đó trở đi, ta chẳng bị đọa địa ngục.

Này Thiện-nam-tử ! Ủng hộ nhiếp trì kinh điển Đại-thừa, bèn có vô lượng thế lực như vậy.

Phật lại bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Có Thánh hạnh là tứ Thánh đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Khổ là tướng bức bách. Tập là tướng có thể sanh trưởng. Diệt là tướng tịch diệt. Đạo là tướng đại-thừa. Lại khổ là hiện tướng. Tập là chuyển tướng. Diệt là trừ tướng. Đạo là năng trừ tướng. Lại khổ có ba tướng: Tướng khổ khổ, tướng hành khổ, tướng hoại khổ. Tập là hai mươi lăm cõi. Diệt là diệt dứt hai mươi lăm cõi. Đạo là tu tập giới, định, huệ.

Này Thiện-nam-tử ! Pháp hữu lậu có hai thứ: Có nhân, có quả. Pháp vô lậu cũng có hai thứ: Có nhân, có quả.

Quả hữu lậu thời gọi là khổ.

Nhân hữu lậu thời gọi là tập.

Quả vô lậu thời gọi là diệt.

Nhân vô lậu thời gọi là đạo.

Này Thiện-nam-tử ! Có tám tướng gọi là khổ: Sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tăng

hội khô, cầu bất đắc khô, ngũ âm thanh khô. Có thể sanh ra tám thứ khô như vậy gọi đó là “Tập”. Nơi không có tám thứ khô như vậy đây gọi là “Diệt”. Mười trí lực, bốn vô-sở-úy ba niệm xứ, đại-bi, đây gọi là “Đạo”.

Sanh là tướng sanh ra có năm:

Một là mới sanh ra,

Hai là đến rốt sau,

Ba là tăng trưởng,

Bốn là xuất thai,

Năm là chủng loại sanh.

Lão có hai thứ: Một là niệm niệm lão, hai là chung thân lão. Lại có hai: Một là Tăng trưởng lão, hai là diệt hoại lão.

Bệnh là nói tứ đại chẳng điều thích lẫn nhau cũng có hai: Một là thân bệnh, hai là tâm bệnh. Thân bệnh có năm: Một là nhân nơi nước, hai là nhân nơi gió, ba là nhân nơi nhiệt, bốn là tạp bệnh, năm là khách bệnh. Khách bệnh có bốn: Một là chẳng phải phận sự gắng gổ làm, hai là vì quên làm mà té ngã, ba là dao gậy ngói đá, bốn là quý mị dựa. Tâm bệnh cũng có bốn: Một là hớn hở, hai là sợ sệt, ba là lo rầu, bốn là ngu si.

Này Thiện-nam-tử ! Thân bệnh, tâm bệnh phạm có ba thứ: Một là nghiệp báo, hai là xa lìa chẳng đặng ác-đôi, ba là thời tiết thay đổi. Sanh ra các thứ nhân duyên danh tự thọ bệnh sai khác như vậy. Nhân duyên là những bệnh phong v.v... danh tự là buồn nôn, phổi sung, hơi lên, ho hen, tim nhảy, chảy kiết. Thọ sai khác là: Nhức đầu, đau mắt, đau tay, đau chân v.v... đây gọi là bệnh.

Tử là bỏ thân đã thọ. Bỏ thân cũng có hai: Một là căn mạng hết mà chết, hai là do duyên ngoài là chất mạng hết mà chết. Mạng hết mà chết có ba: Một là mạng hết chẳng phải phước hết, hai là phước hết chẳng phải mạng hết, ba là phước mạng đều hết. Duyên ngoài chết cũng có ba: Một là chẳng phải phần tự hại mà chết, hai là bị kẻ khác hại chết, ba là do mình và kẻ khác mà chết. Lại có ba thứ chết: Một là phóng dật mà chết, hai là phá giới mà chết, ba là mạng căn hư hoại mà chết. Những gì gọi là phóng dật mà chết ? Nếu có hủy báng Đại-thừa Phương-đẳng Bát-nhã-Ba-la-mật, đây gọi là phóng dật mà chết. Những gì gọi là phá giới mà chết ? Hủy phạm giới cấm của chư Phật ba đời, đây gọi là phá giới mà chết. Những gì gọi là mạng căn hư hoại mà chết ? Bỏ thân ngũ ấm, đây gọi là mạng căn hư hoại mà chết. Do đây nên

gọi rằng chết là rất khổ.

Những gì gọi là ái biệt ly khổ ? Những vật mến yêu bị hư hoại lìa tan. Vật mến yêu hư hoại lìa tan đó cũng có hai thứ: Một là ngũ ấm trong loài người hư hoại, hai là ngũ ấm trong cõi trời hư hoại. Ngũ ấm mến yêu trong cõi người, cõi trời phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là ái biệt ly khổ.

Những gì gọi là oán-tắng-hội khổ ? Tức là chẳng yêu thương mà hội họp cùng nhau, chẳng yêu thương hội họp này cũng có ba: Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ba ác thú như vậy phân biệt tính đếm có vô lượng thứ. Đây gọi là oán-tắng-hội khổ.

Những gì gọi là cầu bất-đắc khổ ? Cũng có hai thứ: Một là chỗ trông mong được mà cầu chẳng được, hai là tốn nhiều công lực mà chẳng đặng kết quả. Đây gọi là cầu bất-đắc khổ.

Những gì gọi là ngũ-ấm-thạnh khổ ? Chính là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ái-biệt-ly khổ, oán-tắng-hội khổ, cầu-bất-đắc khổ. Đây gọi là ngũ-ấm-thạnh khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Sanh làm cội gốc có ra lão khổ nhân đến ngũ-ấm-thạnh khổ, bảy khổ như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Luận về sự già suy, chẳng phải tất cả đều có. Phật cùng Chư Thiên một bề quyết định không, trong loài người thời chẳng nhất định, hoặc có hoặc không.

Này Thiện-nam-tử ! Thọ thân trong ba cõi không ai chẳng có sanh, cho nên sanh là cội gốc của tất cả thân. Còn già thời chẳng quyết định.

Chúng sanh trong thế gian, do điên đảo che mờ tâm tánh, nên tham đắm nơi sanh mà nhàm lo già chết. Bồ-Tát chẳng như vậy. Bồ-Tát quán sát thân mới sanh đã thấy nổi khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Như có người nữ vào nhà người khác. Người nữ này xinh đẹp chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân.

Chủ nhà hỏi rằng:

Nàng tên là gì, thuộc nơi ai ? Người nữ đáp rằng: Thân tôi tức là Công Đức Đại-Thiên.

Chủ nhà hỏi:

Nàng đến để làm gì ?

Người nữ đáp:

Chỗ nào tôi đến, tôi có thể cho các thứ vàng, bạc, lưu-ly, pha lê, trân châu, san hô, hồ phách, xa cừ, mã não, voi, ngựa, xe cộ, tôi tớ.

Chủ nhà nghe rồi vui mừng hơn hở:

Nay ta phước đức, nên khiến nàng này đến nhà ta. Liền bèn đốt hương, rải hoa cúng dường, cung kính lễ bái.

Lại thấy ngoài cửa có một người nữ hình dạng xấu xa, áo xiêm rách nát, da thừa nứt nẻ, sắc mặt xám trắng, đơ dáy hôi hám. Chủ nhà hỏi: Nàng tên gì? thuộc về ai ?

Cô gái đáp:

Tôi tên Hắc-ám.

- Tại sao tên Hắc-ám ?

- Tôi đi đến chỗ nào có thể làm cho nhà đó hao tài, tổn của.

Chủ nhà nghe xong bèn cầm dao bén bảo rằng:

Nàng nếu chẳng đi, ta sẽ chém chết.

Cô gái nói:

Ông ngu si lắm, không có trí huệ.

Chủ nhà hỏi:

Tại sao nói ta là ngu si không có trí huệ.

Cô gái đáp:

Người đẹp đứng trong nhà ông chính là chị của tôi. Tôi thường đi chung với chị, nếu ông đuổi tôi cũng phải đuổi chị tôi.

Chủ nhà trở vô hỏi Công-Đức-Thiên:

Ngoài cửa có cô gái nói là em của nàng có phải vậy chăng ?

Công-Đức-Thiên nói:

Thật là em gái tôi, tôi cùng đi chung với nó, chưa có lúc nào lìa nhau. Tùy ở chỗ nào tôi thường làm việc tốt, còn nó thường làm việc xấu. Tôi thường làm việc lợi ích, còn nó luôn làm sự suy hao. Nếu ai yêu tôi cũng phải yêu nó. Nếu cung kính tôi, cũng phải cung kính nó.

Chủ nhà liền nói:

Nếu có cả sự tốt lẫn sự xấu như vậy, thì ta chẳng cần, hai nàng nên tùy ý đi đi.

Lúc đó hai người nữ cùng dắt nhau trở về. Chủ nhà thấy cả hai đi rồi, trong lòng rất vui mừng hơn hở.

Bây giờ hai người nữ lại cùng dắt nhau đến một nhà

nghèo. Người nghèo này lòng rất vui mừng mời rằng:

Từ nay trở đi, xin hai nàng ở luôn nhà tôi.

Công-Đức-Thiên nói:

Chúng tôi vừa bị người xua đuổi, có sao ông lại mời chúng tôi ở ?

Người nghèo nói:

Nay nàng tưởng đến tôi, vì nàng nên tôi phải kính cô kia, vì thế nên tôi mời cả hai ở nơi nhà tôi.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, vì sanh thời có già, bệnh, chết, thế nên đều bỏ. Không chút tâm luyến ái. Kẻ phàm phu chẳng biết lỗi lầm khổ hoạn của già, bệnh, chết nên họ tham luyến sanh tử.

Này Thiện-nam-tử ! Như đứa trẻ dòng Bà-La-Môn đang lúc quá đói thấy trong đồng phân có trái am-la, bèn lượm lên. Người trí ngó thấy quả rằng:

Người là Bà-La-Môn, giòng giống thanh tịnh, có sao lại lượm trái như trong đồng phân. Đồng tử nghe xong hổ thẹn nói:

“ Tôi thật chẳng ăn, muốn đem trái ấy rửa sạch rồi

ném bỏ”.

Người trí nói:

“Người ngu si quá, nếu rồi sẽ ném bỏ, đáng lẽ chẳng nên lượm lấy”.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-tát cũng như vậy, đối với vấn đề sanh chẳng lãnh thọ, cũng chẳng dứt bỏ, như người trí kia quở trách đứa trẻ. Kẻ phàm phu thích sanh ghét tử, như đứa trẻ kia lượm trái dơ rồi trở lại bỏ.

Này Thiện-nam-tử ! Như nơi ngã tư đường có người đựng đầy đồ ăn thơm ngon trong chậu, trong bát, bày ra để bán. Có người khách từ xa đến quá đói, thấy đồ ăn ấy thơm ngon, liền hỏi đây là vật gì ? Người bán nói: Đây là đồ ăn thơm ngon, nếu ai ăn thứ này, thời đặng sắc tốt, sức mạnh, có thể hết đói, hết khát và đặng thấy chư Thiên. Nhưng chỉ có một tai hại là sẽ chết. Người khách nghe xong nghĩ rằng: Nay tôi chẳng dùng sắc đẹp, sức mạnh, thấy chư Thiên, vì tôi chẳng muốn chết. Nghĩ xong hỏi rằng: Ăn vật thực này nếu phải chết sao ông lại đem bán.

Người bán đáp:

Những người có trí không ai bằng lòng mua. Chỉ có kẻ ngu, chẳng biết việc này, họ tham ăn nên họ trả giá

đặt cho tôi.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, chẳng nguyện sanh cõi trời, đặng sắc đẹp, đặng sức mạnh, thấy chư Thiên, vì sanh cõi trời chẳng khỏi những khổ não. Kẻ phàm phu ngu si sanh chỗ nào cũng đều tham luyến vì họ chẳng thấy già, bệnh, chết.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như cây độc, gốc rễ cũng có thể giết người, thân cây, vỏ, bông, trái, hạt đều cũng có thể giết người. Tất cả thân ngũ ấm trong hai mươi lăm cõi đều có thể hại chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như phân nhơ, nhiều hay ít đều hôi cả. Cũng vậy, thọ sanh lâu sống lâu tám muôn tuổi hay mười tuổi cũng đều khổ não cả.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như hầm sâu nguy hiểm, lấy cỏ che trên miệng hầm, bờ bên kia của hầm có mạch cam-lồ, người nào được ăn chất cam lồ, sẽ sống lâu ngàn năm không bệnh tật, an ổn, khoan khoái. Kẻ ngu si tham chất cam lồ, chẳng biết dưới đó có hầm sâu, bèn chạy đến lấy, chẳng ngờ trật chân té xuống hầm mà chết. Người trí biết sự nguy hiểm, nên không đến lấy chất cam-lồ.

Đại-Bồ-Tát cũng như vậy còn chẳng muốn nhận lấy vật thực thượng diệu cõi trời huông là trong loài người. Kẻ phàm phu bèn ở nơi địa ngục nuốt hoàn sắt, huông là thức ăn thượng diệu cõi trời cõi người mà có thể chẳng ăn.

Này Thiện-nam-tử ! Do những điều thí dụ như vậy, ngoài ra còn vô lượng thí dụ khác, nên biết thọ sanh thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát sanh là khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát lão là khổ như thế nào ?

Sự già yếu hay làm ho hen, ngăn nghẹn hơi, đưa lên, có thể làm mất sức mạnh, trí nhớ kém, sự tráng kiện không còn, mất sự an vui thơ thới, khoan khoái. Tuổi già hay làm lưng còm, mõi nhọc, lười biếng, bị người khi dễ.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như hoa sen nở tốt đầy trong ao nước rất đáng ưa thích, gặp trận mưa đá, tất cả đều hư nát. Cũng vậy, tuổi già có thể phá hoại tráng kiện, sắc đẹp.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như quốc vương có một trí

thần dùng binh giỏi. Có vua nước địch chống cự chẳng thuận hảo. Quốc vương sai trí thần đem binh qua đánh, bắt vua nước nghịch mang về dâng cho quốc vương. Cũng vậy, tuổi già bắt được tráng kiện, sắc đẹp đem giao cho tử vương.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như trục xe đã gãy, xe đó không còn dùng được. Cũng vậy, già suy thời không còn dùng được vào việc gì.

Này Thiện-nam-tử ! Như nhà giàu to có nhiều của báu: Vàng, bạc, lưu ly, san hô, hổ phách, xa cừ, mã não. Có bọn cướp núp vào đặng nhà đó thời có thể cướp giựt hết cả. Cũng vậy, tuổi tráng kiện và sắc đẹp thường bị giặc già suy cướp giựt.

Này thiện-nam-tử ! Ví như người nghèo tham thức ăn ngon, y phục mịn màng, dầu có hy vọng nhưng không thể được. Cũng vậy, tuổi già suy dầu có tâm tham, muốn hưởng thọ ngũ dục sung sướng mà chẳng thể đặng.

Này Thiện-nam-tử ! Như con rùa ở trên đất cao lòng nó thường nghĩ đến nước. Cũng vậy, người đời đã già suy khô héo mà lòng họ thường nhớ tưởng những khoái lạc ngũ dục thuở tráng kiện.

Này thiện-nam-tử ! Như mùa thu ai cũng ưa ngắm hoa sen nở, đến khi hoa tàn héo, mọi người đều không thích. Cũng vậy, sự tráng kiện, sắc đẹp mọi người đều ưa thích, đến khi già suy ai cũng nhàm ghét.

Này thiện-nam-tử ! Ví như cây mía, sau khi bị ép, bã xác không còn vị ngọt. Cũng vậy, tráng kiện sắc đẹp đã bị già ép, thời không có ba thứ vị: Một là vị xuất gia, hai là vị độc tụng, ba là vị tọa thiền.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như mặt trăng tròn ban đêm thời tỏ sáng, ban ngày thời không như vậy. Cũng vậy, tráng kiện thời hình mạo nở nang xinh đẹp, già thời suy yếu, thân thể và tinh thần kém suy.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như có nhà vua thường dùng chánh pháp cai trị nhân dân, chân thật, không lừa dối, từ bi ưa bố thí. Thuở đó nhà vua bị nước địch xâm lăng đánh bại, bèn lưu vong đến nước khác. Nhân dân trong nước kia thấy nhà vua đều cảm thương nói rằng: Đại-vương ngày trước dùng chánh pháp trị nước chẳng uổng lạm bá tánh, thế sao nay lại lưu vong đến đây. Cũng vậy, loài người đã bị già suy làm bại hoại, thời thường tán thán sự nghiệp đã làm thuở tráng kiện.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như tim đèn dầu nhờ mỡ dầu

nhưng mỡ dầu sẽ hết, thế chẳng lâu dài. Cũng vậy, thân người dầu nhờ cậy sự tráng kiện, nhưng tráng kiện phải trải qua già suy, đâu còn được dùng lâu.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như con sông cạn khô không có thể lợi ích cho người, cho phi nhân, chim thú. Cũng vậy, thân người bị già suy khô héo, không còn làm được việc gì, chẳng thể có lợi ích.

Này Thiện-nam-tử ! Ví như cây cheo leo bờ sông, nếu gặp gió to, ắt sẽ đổ ngã. Như vậy đến tuổi già ắt phải chết, thế chẳng thể còn được.

Này Thiện-nam-tử ! Như trục xe đã gãy, không thể chở chuyên. Cũng vậy, già suy không thể học hỏi tất cả pháp lành.

Này Thiện-nam-tử ! Như trẻ thơ bị người khinh khi. Cũng vậy, già suy thường bị người khinh hủy.

Này Thiện-nam-tử ! Do những điều dụ như vậy cùng vô lượng thí dụ khác nên biết sự già thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát già là khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát bệnh khổ như thế nào ?

Ví như mưa đá làm hại mạ lúa. Cũng vậy, tật bệnh có thể phá hoại tất cả những sự an ổn vui vẻ.

Như người có oán thù, tâm thường lo rầu sợ sệt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh thường bị bệnh khổ, lo rầu không yên.

Ví như có người hình dung xinh đẹp, Vương-phi tâm dục yêu thương, sai sứ đòi đến để cùng giao thông. Vua bắt đặng, liền truyền lệnh khoét một mắt, cắt một vành tai, chặt một tay, một chân, bấy giờ người đó hình dung đổi khác bị người nhòm góm khinh rẻ. Cũng vậy, thân người trước thời dung mạo tươi tốt, tai mắt đầy đủ, đã bị bệnh khổ hành hạ, thời xấu xa bị người nhòm góm.

Như cây chuối, cây tre, cây lau, cây la, hễ có cây, có trái thì chết. Cũng vậy, người có bệnh thời chết.

Như vua Chuyên-Luân, đại thần, chủ binh thường làm tiền đạo đi trước, nhà vua theo sau cũng như chúa cá, chúa kiến, chúa ốc, chúa trâu, thương chủ, lúc ở trước chúng mà đi, thời toàn chúng thấy đều đi theo không rời. Cũng vậy, sự chết thường theo sát bệnh khổ không rời.

Này Thiện-nam-tử ! Nhân duyên của bệnh làm cho khổ não, rầu lo, buồn than, thân tâm không an ổn. Hoặc

bị kẻ giặc cướp bức hại, trái nổi bề hư, phá hoại cầu công, đều cũng có thể cướp giật mạng sống. Bệnh lại có thể phá hoại sự tráng kiện, sắc đẹp, thể lực, an vui, mất lòng tầm quý, có thể làm cho thân tâm xót xa bức rức.

Do những điều dụ đó và vô lượng thí dụ khác, nên biết bệnh rất là khổ não.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát bệnh khổ.

Này thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tử khổ ? Sự chết có thể đốt cháy tiêu diệt. Như hỏa tai khởi lên có thể đốt cháy tất cả, chỉ trừ cõi trời nhị thiên trở lên, vì thế lực của hỏa tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-bàn vì thế lực của sự chết không đến được.

Như lúc thủy tai khởi lên, tất cả đều trôi, đều ngập, chỉ trừ cõi tam-thiên trở lên, vì thế lực của thủy tai chẳng đến được. Cũng vậy, sự chết làm chìm mất tất cả, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Như lúc phong tai khởi lên, có thể thổi tan tất cả, chỉ trừ cõi tứ thiên, vì thế lực của phong tai chẳng đến được.

Cũng vậy, sự chết có thể tiêu diệt tất cả, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Ca-Diếp-Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Cõi Tứ-thiên kia do có gì mà gió không thổi đến, nước chẳng ngập đến, lửa chẳng cháy đến ?”

- Nay Thiện-nam-tử ! Cõi Tứ-Thiên kia không có tất cả quá hoạn trong thân và ngoại cảnh.

Cõi Sơ-Thiên có quá hoạn: Trong có giác quán, ngoài có hỏa tai.

Cõi Nhị-Thiên có quá hoạn: Trong có vui mừng, ngoài có thủy tai.

Cõi Tam-Thiên có quá hoạn: Trong có hơi thở, ngoài có phong tai.

Cõi Tứ-Thiên trong ngoài đều không quá hoạn, nên ba thứ tai họa lớn chẳng thể đến được.

Đại-Bồ-Tát cũng như vậy, an trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, trong ngoài đều không tất cả quá hoạn, nên sự chết chẳng đến được.

Lại này Thiện-nam-tử: Như Kim-Súy-Điều có thể nuốt, có thể tiêu tất cả loài rồng, cá và châu báu, vàng,

bạc v.v... chỉ trừ chất kim cương không tiêu được. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt, có thể tiêu tất cả chúng sanh, chỉ không tiêu được Đại-Bồ-tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử ! Ví như những cỏ cây ở bờ sông, nước lụt dâng lên đều trôi theo dòng vào biển lớn, chỉ trừ cây dương liễu, vì thứ cây này mềm dẻo. Cũng vậy, tất cả chúng sanh đều trôi lăn vào biển chết, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử ! Như thần Na-La-Diên có thể hàng phục tất cả lực sĩ, chỉ trừ gió to, vì gió to vô ngại. Cũng vậy, sự chết có thể hàng phục tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn, vì bậc này vô ngại.

Lại này Thiện-nam-tử ! Ví như có người đối với kẻ thù giả làm thân thiện, theo sát bên như bóng theo hình, chờ khi thuận tiện mà giết đó, nếu phòng bị chặt chẽ, thời người kia không hại được. Cũng vậy, sự chết luôn theo rình chúng sanh chờ dịp làm hại, chỉ không thể hại được bậc Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-bàn, vì bậc Bồ-Tát này chẳng phóng dật.

Lại này Thiện-nam-tử ! Ví như trời bỗng mưa kim

cương xối xuống tất cả cỏ cây, núi rừng, đất cát, ngói, đá, vàng, bạc, lưu ly, cùng tất cả vật đều bị hư nát, chỉ kim cương chân bảo không bị hư. Cũng vậy, sự chết đều có thể phá hoại tất cả chúng sanh, chỉ trừ kim cương Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử ! Như Kim-sí-điều có thể nuốt các loài rồng, chỉ không nuốt được rồng thọ Tam-quy-y. Cũng vậy, sự chết có thể nuốt tất cả chúng sanh, chỉ trừ Bồ-Tát trụ ba môn chánh định: Không, vô tướng vô nguyện.

Lại này Thiện-nam-tử ! Như độc rắn Ma-la, khi rắn này cắn nhằm người, những chú hay, thuốc tốt đều không cứu được, chỉ có chú A-Kiệt Đa-Tinh là có thể chữa lành. Cũng vậy, sự chết tất cả phương thuốc đều không cứu được, chỉ trừ Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn.

Lại này Thiện-nam-tử ! Như có người bị nhà vua giận, có thể dùng lời dịu dàng khéo léo, dâng của cải châu báu mà đặng khỏi tội. Sự chết không như vậy, dầu dùng lời nói dịu dàng, tiền của châu báu để công dâng cũng chẳng thoát khỏi.

Này Thiện-nam-tử ! Luận về sự chết là chỗ hiểm nạn, không gì giúp đỡ, đi đường xa xôi mà không bạn bè, ngày

đêm đi luôn chẳng biết bờ mé, sâu thăm tối tăm, không có đèn đuốc, nó vào không có cửa nẻo mà có chỗ nơi, dầu không chỗ đau đón nhưng chẳng thể chữa lành, nó qua không ai ngăn được, nó đến không thể thoát được, không phá phách gì mà người thấy sâu khổ, nó không phải màu sắc xấu xa mà làm cho người kinh sợ. Nó ở bên thân người mà chẳng hay biết được.

Này Ca-Diếp Bồ-Tát, do những điều dụ đó cùng vô lượng thí dụ khác, nên biết sự chết thật là rất khổ.

Đây gọi là Đại-Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tử khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát ái-biệt-ly khổ ? Ái-biệt-ly này có thể làm cội gốc cho tất cả sự khổ. Như nói bài kệ rằng:

Nhân ái sanh lo,

Nhân ái sanh sợ,

Nếu lìa sự ái,

Nào lo nào sợ.

Vì ái nên sanh sự lo khổ, vì lo khổ nên làm cho chúng sanh có già suy. Ái-biệt-ly khổ là nói sự chết. Vì biệt-ly

hay sanh những sự khổ vi-tế, nay sẽ vì ông mà phân biệt rõ ràng.

Này Thiện-nam-tử ! Thuở quá khứ người sống vô lượng tuổi, có quốc vương tên là Thiện-Trụ nhà vua trị nước tám muôn bốn ngàn năm. Trên đỉnh đầu của vua mọc lên một bươu thịt mềm nhuyễn như bông. Bươu ấy lần lần to lớn, không làm đau nhức. Mãn mười tháng, bươu ấy nứt ra, sanh một đồng tử hình dung đẹp lạ. Nhà vua vui mừng đặt tên là Đảnh-Sanh.

Thời gian sau vua Thiện-Trụ đem việc nước giao cho Thái-tử Đảnh-Sanh, rồi rời bỏ cung điện quyền thuộc vào núi tu hành. Ngày rằm Thái-Tử Đảnh-Sanh lên ngôi, đang ở trên lầu cao tám gôì trai giới, phương Đông liền có báu kim-luân, bánh xe vàng đủ một ngàn cây cãm tự nhiên bay đến. Vua Đảnh-Sanh nghĩ rằng: Từng nghe Ngũ-Thông tiên nhân nói: Nếu dòng vua Sát-Đế-Lợi ngày rằm ở trên lầu cao tám gôì trai giới, có báu kim luân đủ ngàn cây cãm tự nhiên bay đến, thời nhà vua đó sẽ đặng làm Chuyển-Luân Thánh-Vương. Nay ta nên thí nghiệm. Nghĩ xong, vua Đảnh-Sanh tay tả bưng báu kim-luân, tay hữu cầm lư hương, quỳ gối bên mặt mà phát thệ rằng: Nếu đây thật là báu kim-luân, thời nên bay đi như

vua Chuy²ên-Luân Thánh-Vương thưở quá khứ. Nhà vua phát thệ vừa xong, thời báu kim-luân bay lên hư không, bay khắp mười phương, rồi trở về dừng lại trên tay tả vua Đảnh-Sanh. Nhà vua vui mừng biết chắc mình sẽ là Chuy²ên-Luân Thánh-Vương.

Sau đó không bao lâu, có tượng bảo xuất hiện, mình trắng như bạch liên-hoa, xinh đẹp, mạnh mẽ đôi ngà chắm đất. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh-Sanh liền bung lư hương quỳ gối bên hữu mà phát thệ rằng: Nếu thật là báu bạch tượng nên bay đi như thưở vua Chuy²ên-Luân Thánh-Vương quá khứ. Phát thệ xong, bạch tượng liền từ sáng đến chiều bay đi khắp tám phương, tột đến mé biển, rồi trở về cung vua. Kế đó lại có Mã-bửu xuất hiện, lông màu xanh biếc mượt đẹp, lông đuôi cùng gáy màu vàng rờng. Vì muốn thí nghiệm vua Đảnh-Sanh tay bung lư hương quỳ gối bên hữu phát thệ rằng: Nếu thật là Mã-bảo thời phải như của vua Chuy²ên-Luân Thánh-Vương thưở quá khứ. Phát thệ xong, từ sáng đến chiều, Mã-bảo ấy đi khắp tám phương, đến mé biển rồi trở về cung vua.

Kế đó lại có Nữ-bảo xuất hiện xinh đẹp đệ nhất, chân lông thoảng mùi chiên đàn, hơi miệng thơm sạch như hoa sen xanh, mắt sáng nhìn xa một do tuần, tai nghe, mũi

người cũng xa như mắt, lưỡi rộng lớn le ra có thể trùm cả mặt, da mịn láng như lá đồng đỏ, rất thông minh có trí huệ, lời nói dịu dàng đối với tất cả mọi người. Tay người ấy lúc chạm đến áo của vua, liền biết thân vua khỏe mạnh hay bệnh hoạn, cũng biết những ý nghĩ của vua.

Kế đó trong cung vua tự nhiên có Ma-ni bảo châu lớn bằng bắp vế của người, màu thuần xanh, trong suốt, trong chỗ tối có thể chiếu sáng một do tuần. Nếu trời mưa giọt lớn như trục xe, thế lực của bảo châu này có thể che một do tuần, giọt mưa không rơi xuống được.

Sau đó, lại có Chủ-tạng thần hiện ra, cặp mắt có thể thấy thấu những kho châu báu ở trong lòng đất, tùy ý vua muốn đều có thể dâng đủ. Vua Đảnh-Sanh muốn thí nghiệm bèn cùng Chủ-tạng thần ngồi thuyền ra biển, vua bảo chủ-tạng thần: Nay ta muốnặng châu báu. Chủ-tạng thần liền lấy hai tay quậy nước biển, đầu mười ngón tay liền hiện ra mười kho châu báu lấy dâng cho vua tâu rằng: “Tùy ý nhà vua chọn dùng, còn thừa lại nên ném trả xuống biển”.

Kế đó lại có chủ-binh thần xuất hiện, thao lược đệ nhất, điều khiển bốn binh chủng rất giỏi. Lúc vua cần binh thời hiện quân lính ra để dùng. Lúc chẳng dùng binh,

thời quân lính ăn mất. Xứ nào chưa hàng phục chủ binh thần này có thể làm cho hàng phục. Xứ nào đã hàng phục, thời đủ sức giữ gìn.

Lúc đó vua Đảnh-Sanh tự biết là Chuyên-Luân - Vương, bèn bảo các quan:

“ Cõi Diêm-Phù-Đề này an ổn giàu vui, nay bảu báu đã đủ, cả ngàn vương tử cũng đủ, giờ đây nên làm việc gì ?”

Các quan tâu:

“ Châu Phát-Bà-Đề phương Đông còn chưa quy thuận, đại vương nên đem binh qua chinh phục”.

Vua Đảnh-Sanh bèn cùng thất-bảo bay qua châu Phát-Bà-Đề, nhân dân trong châu đó đều vui mừng quy thuận.

Các quan lại tâu nên chinh phục châu Cù-Đà-Ni ở phương Tây. Kế đó lại đến chinh phục châu Uất-Đơn-Việt. Sau khi chinh phục ba châu xong. Vua Đảnh-Sanh bảo các quan:

“ Châu Nam-Diêm-Phù-Đề này cùng ba châu đều an ổn giàu vui, tất cả đều quy thuận ta, nay đây lại nên làm việc gì ?”

Các quan tâu:

“ Cõi trời Đao-Lợi tuổi thọ dài lâu, an ổn, khoái lạc, thân chư Thiên xinh đẹp hơn nhân gian, cung điện nhẵn đến giường ghế toàn bằng bảy báu, cây phước trời chưa chịu đến quy phục, nay nên đem binh đánh dẹp”.

Vua Đảnh-Sanh lại cùng thất bảo bay lên cõi trời Đao-Lợi, trông thấy một cây màu xanh đậm bèn hỏi đại thần: Đó là cây gì ?

Đại-thần tâu: Cây ấy tên là Ba-Lợi-Chất-Đa-La, chư Thiên cõi Đao-Lợi này đến ngày mùa hạ thường tụ họp vui chơi dưới cây đó.

Lại trông thấy màu trắng như bạch vân, vua Đảnh-Sanh hỏi đại thần chỗ đó là gì ? Đại-thần tâu đó là Thiện-pháp-đường, chư thiên cõi Đao-Lợi thường nhóm nơi đó để bàn luận những việc cõi trời cõi người.

Thiên-Chúa Thích-Đề-Hoàn-Nhân biết vua Đảnh-Sanh đã đến, liền ra tiếp rước, cầm tay vào Thiện-pháp-đường lên tòa mà ngồi. Hai vua hình dung tướng mạo giống nhau, chỉ có đôi mắt nhìn nháy là khác nhau.

Lúc đó vua Đảnh-Sanh nghĩ rằng:

Nay ta có thể đuổi thiên-chủ này để ta ở đây làm

thiên-vương.

Thiên-Đế-Thích vốn thọ trì đọc tụng kinh điển Đại-thừa, thường vì chư Thiên giảng thuyết, chỉ chưa thông đạt hết thâm nghĩa của kinh. Do thọ trì giảng thuyết Đại-thừa nên Thiên-Đế có oai đức hơn.

Khi vua Đảnh-Sanh khởi ác tâm đối với Thiên-Đế, tôn phước liền tự rớt xuống Diêm-Phù-Đề, nhớ tiếc cõi trời lòng rất khổ não. Không bao lâu vua Đảnh-Sanh phải bệnh chết.

Này Thiện-nam-tử ! Thiên-Đế thuở đó chính là Phật Ca-Diếp, vua Đảnh-Sanh thời là tiền thân của ta.

Này Thiện-nam-tử ! Phải biết ái-biệt-ly như vậy rất là khổ não.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát còn nhớ những trường hợp ái-biệt-ly khổ thuở quá khứ, huống là Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn mà nên chẳng quán sát sự ái-biệt-ly khổ trong đời hiện tại !

Này Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại Bồ-Tát tu hành kinh Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát oán-tắng-hội khổ ?

Đại-Bồ-Tát này quán sát địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, loài người, trên trời đều có sự oán-tắng-hội-khổ như vậy.

Ví như có người quán sát lao ngục giam nhốt, gông xiềng là rất khổ. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát quán sát năm loài chúng sanh đều là oán-tắng-hội-hiệp rất khổ sở.

Ví như có người thường sợ kẻ oán thù, gông cùm, xiềng xích, nên bỏ cha mẹ, vợ con, quyến thuộc, cùng của báu sản nghiệp mà trốn lánh đi xa. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát sợ sanh tử, nên tu hành sáu môn Ba-La-Mật, chúng nhập Niết-Bàn. Đây gọi là Bồ-Tát tu hành Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát oán-tắng-hội khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát tu hành Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát cầu-bất-đắc khổ ?

Cầu là mong cầu tất cả, có hai thứ: Một là cầu pháp lành, hai là cầu pháp chẳng lành. Cầu pháp lành mà chưa đặng thời khổ, pháp ác muốn rời mà chưa rời được thời khổ.

Đây là lược nói ngũ-âm-thạnh khổ. Đây gọi là khổ đế.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Như lời Phật nói, ngũ âm thạnh khổ nghĩa đó chẳng phải. Vì như ngày trước Phật bảo Thích-Ma-Nam: Nếu sắc là khổ, tất cả chúng sanh lẽ ra chẳng

nên cầu sắc, nếu có người cầu thời chẳng gọi là khổ. Lại như Phật bảo các Tỷ-kheo thọ có ba thứ: Khổ thọ, lạc thọ, bất khổ bất lạc thọ. Lại như lúc trước đức Phật nói với các Tỷ-kheo: Nếu người nào có thể tu hành pháp lành thời đặng thọ lạc. Lại như đức Phật nói: Ở trong đường lành sáu căn lãnh thọ sáu cảnh vui: Mắt thấy sắc đẹp là vui, tai, mũi, lưỡi, thân nhận đến ý suy nghĩ pháp lành cũng như vậy.

Như Phật từng nói kệ:

Trì giới thời là vui,

Thân chẳng thọ sự khổ.

Ngủ nghỉ đặng an ổn,

Thức dậy lòng vui vẻ.

Lúc nhận lấy y thực,

Đọc tụng và kinh hành,

Ở riêng nơi núi rừng,

Như vậy là rất vui.

Nếu đối với chúng sanh,

Ngày đêm tu lòng từ,

Nhân đây được thường vui,

Vì chẳng hại người khác.

Ít muốn biết đủ vui,

Học rộng biết nhiều vui,

A-La-Hán không chấp,

Cũng gọi là thọ vui,

Các vị Đại Bồ-Tát,

Rốt ráo đến bờ kia.

Những việc làm đã xong,

Đây gọi là rất vui.

Thế-Tôn ! Trong các bộ kinh nói về tướng vui ý nghĩa như vậy. Thế nào tương ứng với nghĩa của Phật nói hôm nay ?

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo có thể thừa hỏi đức Như-Lai những nghĩa như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Tất cả chúng sanh đối với sự khổ hạnh hạ tướng lầm là vui. Vì thế nên nay ta nói tướng khổ không khác với ngày trước đã nói”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Như lời Phật hỏi: Đối với sự khổ hạnh hạ tướng cho là vui, thời sanh, lão, bệnh,

tử hạng hạ cùng ái-biệt-ly, cầu-bất-đắc, oán-tắng-hội, ngũ-âm-thạnh hạng hạ, những sự khổ như vậy lẽ ra cũng nên có vui.

Thế-Tôn ! Sanh hạng hạ là ba ác thú, sanh hạng trung là loài người, sanh hạng thượng là trên trời.

Nếu lại có người hỏi rằng: Nếu ở nơi sự vui hạng hạ tưởng cho là khổ, trong sự vui hạng trung tưởng cho là không khổ không vui. Trong sự vui hạng thượng tưởng cho là vui, thì phải trả lời thế nào ?

Thế-Tôn ! Nếu trong sự khổ hạng hạ tưởng cho là vui, chưa thấy có người nào sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, lúc mới đánh một trượng đầu mà đã tưởng là vui. Nếu lúc đánh trượng đầu chẳng tưởng là vui, thế sao nói rằng: Nơi trong sự khổ hạng hạ mà tưởng cho là vui ?”

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát:

“ Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời ông nói. Do nghĩa này nên không có tưởng là vui, vì như người tội kia sẽ bị phạt đánh ngàn trượng, khi bị đánh một trượng rồi liền đặng tha. Người này bèn sanh lòng vui. Vì thế nên biết rằng trong sự không vui lầm tưởng là vui”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

Thế-Tôn ! Người đó chẳng vì bị đánh một trượng mà sanh vui. Chính vì đặng tha mà sanh lòng vui.

- Nay Thiện-nam-tử ! Vì thế nên ta ngày trước nói với Thích-Ma-Nam trong ngũ ấm có vui, lời đó là đúng, thật chẳng phải mâu thuẫn vậy.

Nay Thiện-nam-tử ! Có ba thọ và ba khổ. Ba thọ là: Lạc thọ, khổ thọ và bất khổ bất lạc thọ. Ba khổ là: Khổ-khổ, hành khổ, hoại khổ.

Nay Thiện-nam-tử ! Khổ thọ chính là cả ba món khổ: Khổ-khổ, hành khổ và hoại khổ. Hai món thọ kia chính là hành khổ và hoại khổ. Do đây nên trong sanh tử thật có lạc thọ. Đại-Bồ-Tát thấy tánh khổ cùng tánh lạc chẳng rời lìa nhau nên nói rằng tất cả đều khổ.

Nay Thiện-nam-tử ! Trong sanh tử thật không có vui, vì chư Phật Bồ-Tát tùy thuận thế gian nên nói là có vui.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Chư Phật và Bồ-Tát nếu tùy theo thế tục mà nói, thì là có hư vọng chẳng ? Như Phật thường nói, người tu hành pháp lành thì thọ quả báo vui. Trì giới an vui thân chẳng thọ khổ, nhẫn đến việc làm đã xong đây là rất vui. Lời nói thọ vui trong các kinh như vậy, chùng

có hư vọng chẳng. Nếu là hư vọng, thời chư Phật Thế-tôn trong vô lượng trăm ngàn muôn ức a-tăng-kỳ-kiếp tu hành đạo Bồ-đề đã lìa vọng ngữ. Nay Phật nói như vậy ý nghĩa thế nào ?

- Nay Thiện-nam-tử ! Như bài kệ nói về những sự thọ lạc trước kia chính là cội gốc của đạo Bồ-Đề, cũng có thể trưởng-dưỡng Vô Thượng Bồ-đề. Do nghĩa đó nên trong những kinh trước nói tướng vui như vậy.

Ví như trong thế gian những đồ cần dùng cho đời sống, có thể làm nhân cho sự vui, nên gọi là vui. Như nữ sắc, rượu uống, đồ ăn ngon, lúc khát được nước, lúc lạnh được lửa, y phục, chuỗi ngọc, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ, vàng, bạc, lưu ly, san hô, trân châu, kho đựng lúa gạo, những vật như vậy người đời cần dùng có thể làm nhân cho sự vui nên gọi là vui.

Này Thiện-nam-tử ! Những vật như vậy cũng có thể sanh sự khổ. Nhân nơi nữ sắc sanh sự khổ, lo, rầu, buồn, khóc nhĩn đến phải chết cho người nam. Nhân nơi rượu, đồ ăn ngon, nhĩn đến lúa gạo cũng có thể làm cho người phải lo khổ nhiều. Do nghĩa đó nên tất cả đều khổ không có tướng rốt ráo vui.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát nơi tám điều khổ

này, hiểu rõ là khổ nên không bị khổ.

Này Thiện-nam-tử ! Tất cả hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác chẳng biết nhân của sự vui, nên Phật vì họ ở trong sự khổ hạnh hạ nói có tướng vui. Chỉ có Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn bèn có thể biết nhân của sự khổ sự vui này.

Này Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tập đế ?

Đại-Bồ-Tát quán sát tập đế là nhân duyên ngũ ấm. Tập nghĩa là trở lại ái-luyến nơi hữu. Ái có hai thứ: Một là ái thân mình, hai là ái đồ cần dùng.

Lại có hai thứ: Năm thứ dục lạc, lúc chưa dặng tâm luôn tìm cầu, đã tìm cầu dặng rồi luôn đắm trước. Lại có ba thứ: dục ái, sắc ái, vô sắc ái.

Lại có ba thứ: Nghiệp nhân duyên ái, phiền não nhân duyên ái, khổ nhân duyên ái. Người xuất gia có bốn thứ ái: Y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc thang.

Lại có năm thứ: Tham lam nơi ngũ ấm, tùy chỗ cần dùng tất cả đều tham ái toan tính phân biệt vô-lượng vô-biên.

Này Thiện-nam-tử ! Ái có hai thứ: Một là thiện ái,

hai là bất thiện ái. Chỉ người ngu tìm cầu bất thiện ái. Các vị Bồ-Tát cầu nơi thiện-ái. Thiện ái lại có hai thứ: Bất thiện và thiện. Cầu pháp Nhị-thừa gọi là bất thiện. Cầu pháp Đại-thừa gọi là thiện.

Này Thiện-nam-tử ! Kẻ phàm phu tham ái gọi là “tập” chẳng gọi là “đế”. Sự ái của Bồ-Tát thời gọi là thật đế chẳng gọi là tập, vì Bồ-Tát muốn độ chúng sanh nên thị hiện thọ sanh, chẳng phải vì tham ái mà thọ sanh.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

Thế-Tôn ! Như trong các kinh khác đức Phật vì chúng sanh mà nói nghiệp làm nhân duyên, hoặc nói kiêu mạn, hoặc nói lục xúc, hoặc nói vô minh làm nhân duyên mà có ngũ ấm xí-thạnh. Hôm nay do nghĩa gì đức Phật nói bốn Thánh-Đế riêng lấy ái làm nhân cho ngũ ấm.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát:

“Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông vừa nói, các nhân duyên chẳng phải làm cũng chẳng phải nhân, chỉ vì năm ấm cần phải nhân nơi ái.

Ví như quốc vương lúc đi tuần du các quan quyền thuộc thấy đều theo hầu. Cũng vậy, ái đi đến chỗ nào thời các kiết sử cũng đi theo.

Ví như y phục thấm mồ hôi, bụi bay đến liền bám dính. Cũng vậy, chỗ nào có ái những nghiệp kiết cũng ở nơi đó.

Ví như đất ướt thời có thể mọc mầm. Cũng vậy, ái có thể sanh tất cả mầm nghiệp phiền não.

Này Thiện-nam-tử ! Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát kỹ ái này có chín thứ: Một là như thiếu nợ, hai là như vợ La-Sát, ba là như trong cọng hoa đẹp có rắn độc vẫn, bốn là như vật thực độc mà cố ăn đó, năm là như dâm nữ, sáu là như hột ma-lâu-ca, bảy là như thịt thú trong mụn nhọt, tám là như gió bão, chín là như sao chổi.

Như thiếu nợ là thế nào ! Ví như người nghèo cùng thiếu tiền của người khác, dầu đã trả nợ mà vẫn còn thiếu, nên bị giam nhốt chưa ra khỏi ngục. Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác vì còn tập khí thừa của ái nên chẳng chứng đặng Vô Thượng Bồ-đề.

Như vợ La-Sát là thế nào ? Ví như có người lấy gái La-Sát làm vợ, gái La-Sát này hễ sanh con liền ăn thịt, ăn thịt con để hết lại ăn luôn thịt chồng. Ái cũng vậy, tùy người sanh thiện căn nó liền ăn, ăn hết thiện căn nó lại ăn luôn cả người làm cho phải đọa địa ngục, súc sanh ngựa

quỷ. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như cọng hoa đẹp có rắn độc vẫn là thế nào ? Như có người thích hoa đẹp mà chẳng thấy cọng hoa có rắn độc, liền đến ngắt hoa bị rắn cắn chết. Tất cả phàm phu tham đắm ngũ dục mà chẳng thấy độc hại của ái, nên bị ái làm hại, sau khi chết đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Vật thực độc mà cố ăn là thế nào ? Như có người cố ăn vật thực độc, ăn xong đau bụng thổ tả mà chết. Chúng sanh trong ngũ đạo vì tham ái mà phải bị đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như dâm nữ là thế nào ? Như người ngu tư thông với dâm nữ, dâm nữ này thường dối phỉnh gạt đoạt hết tiền của rồi xua đuổi người ấy. Người ngu không có trí tuệ bị tham ái đoạt tất cả pháp lành rồi xua đuổi vào trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như hột ma-lâu-ca là thế nào ? Nếu chim ăn hột ma-lâu-ca, phần chim do gió thổi rớt dưới cây liền mọc lên đeo vắn cây to làm cho khô chết, tham ái ràng buộc phàm phu làm cho pháp lành không tăng trưởng nhẫn đến khô diệt, sau khi chết đọa vào ba đường ác. Chỉ trừ các vị đại Bồ-Tát.

Thịt thú trong mụn nhọt như thế nào ? Như người bị ung nhọt, trong nhọt sanh thịt thú, người bệnh này phải chuyên tâm chạy chữa, nếu chênh mảng thời thịt thú sanh trùng có thể phải chết, ngũ âm của phàm phu cũng như vậy, ái sanh trong đó, phải nên siêng năng điều trị tham ái, nếu không điều trị sẽ phải đọa trong ba đường ác. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như gió bão là thế nào ? Gió bão có thể làm lở núi ngã cây. Cũng vậy, tham ái sanh tâm ác đối với cha mẹ, có thể làm ngã trốc cội cây Vô Thượng Bồ-Đề của các ông Đại-Trí Xá-Lợi-Phát v.v... Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Như sao chổi là thế nào ? Như sao chổi mọc thời trong thiên hạ phải bệnh tật, đói kém, họa tai khổ sở. Cũng vậy, ái có thể dứt tất cả căn lành làm cho phàm phu cơ cùng thiếu thốn sanh bệnh phiền não lưu chuyển trong sanh tử mang nhiều sự khổ. Chỉ trừ các vị Bồ-Tát.

Này Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn quán sát tham ái có chín thứ như vậy.

Do nghĩa trên đây, hàng phàm phu có khổ, không đế. Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác có khổ đế mà không chân thật. Các vị Bồ-Tát hiểu khổ không có khổ mà có chân đế. Hàng phàm phu có tập không có đế. Hàng Thanh-

Văn, Duyên-Giác có tập có tập đế. Các vị Bồ-Tát hiểu tập không có tập mà có chân đế. Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác có diệt mà chẳng phải chân. Đại-Bồ-Tát có diệt có chân đế. Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác có đạo mà chẳng phải chân. Đại Bồ-Tát có đạo có chân đế.

Này Thiện-nam-tử ! Thế nào là Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn thấy diệt cùng thấy diệt-đế ? Chính là dứt trừ tất cả phiền não, nếu phiền não đã dứt thời gọi là thường. Dứt lửa phiền não thời gọi là tịch diệt. Vì phiền não diệt nên đặng hưởng thọ chân lạc. Chư Phật và Bồ-Tát do nguyện cầu nên gọi là tịnh, chẳng còn thọ thân trong hai mươi lăm cõi nên gọi là xuất thế. Do xuất thế nên gọi là ngã, là thường. Đối với sắc, thanh, hương, vị xúc, nam, nữ, sanh, trụ, diệt, khổ, lạc, bất khổ, bất lạc, đều chẳng chấp lấy tướng mạo nên gọi là rốt ráo tịch diệt chân đế. Đây là Đại Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát diệt Thánh-đế.

Thế nào là Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát đạo Thánh-đế ?

Ví như trong tối nhân đèn mà đặng thấy những vật lớn nhỏ. Cũng vậy, Đại-Bồ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn nhân bát Thánh-đạo mà thấy tất cả pháp:

Thường, vô thường, hữu vi, vô vi, chúng sanh, phi chúng sanh, vật, phi vật, khổ, lạc, ngã, vô ngã, tịnh, bất tịnh, phiền não, phi phiền não, nghiệp, phi nghiệp, thật, phi thật, thừa, phi thừa, tri, bất tri, đà-la-phiên, phi-đà-la-phiên, cầu na¹, phi cầu na, kiến, phi kiến, sắc, phi sắc, đạo, phi đạo, giải, phi giải. BỒ-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại-Niết-Bàn quán sát đạo Thánh-đế như vậy”.

Ca-Diếp BỒ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Nếu tám Thánh-đạo là đạo Thánh-đế thời nghĩa chẳng tương ứng. Như đức Phật hoặc có lúc nói lòng tin là đạo có thể thoát khỏi các phiền não. Hoặc có lúc nói chẳng phóng dật là đạo vì chư Phật chẳng phóng dật nên đặng Vô Thượng BỒ-đề và cũng là phép trợ đạo của BỒ-Tát. Hoặc có lúc nói tinh tấn là đạo, như Phật bảo A-Nan nếu có người siêng tu tinh tấn thời đặng Vô Thượng BỒ-đề. Hoặc có lúc nói quán thân niệm xứ, nếu chuyên tu tập thân niệm xứ này đặng thành Vô Thượng BỒ-đề. Hoặc có lúc nói chánh định là đạo. Như Phật bảo Ma-Ha-Ca-Diếp: Chánh định là đạo chân thật, nếu nhập chánh định bèn có thể tư duy sự sanh diệt của

¹ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “y chỉ”

ngũ âm, chẳng nhập thời không thể tư duy. Hoặc có lúc nói một pháp: Nếu người tu tập có thể thanh tịnh chúng sanh, dứt trừ tất cả ưu sầu khổ não chúng đặng chánh pháp, tức là niệm Phật tam muội. Hoặc Phật lại nói rằng tu quán tưởng vô thường thời gọi là đạo có thể chúng đặng Vô Thượng Bồ-đề. Hoặc Phật nói không tịch ở nơi A-Lan-Nhã, ngồi một mình tư duy có thể mau chúng đặng Vô Thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói: Vì người diễn thuyết thời gọi là đạo, nếu người nghe pháp dứt được lưới nghi thời chúng đặng Vô Thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói trì giới là đạo, nếu người tinh tấn tu trì giới cấm, người này thoát khỏi khổ sanh tử. Hoặc có lúc Phật nói gần gũi Thiện-hữu gọi là đạo, như Phật bảo A-Nan: Người gần gũi thiện-tri-thức thời đầy đủ tịnh giới nếu có chúng sanh nào gần gũi nơi Phật thời đặng phát tâm Vô Thượng Bồ-đề. Hoặc có lúc Phật nói tu lòng từ là đạo, người tu học lòng từ dứt các phiền não thời đặng bậc bất động. Hoặc có lúc Phật nói trí huệ là đạo, như ngày trước Phật vì Tỳ-kheo-ni Ba-Xà-Ba-Đề mà nói rằng: Này Tỳ-kheo-ni ! Như hàng Thanh-Văn dùng sức trí huệ dứt được các lậu phiền não. Hoặc có lúc Phật nói bố thí là đạo, như ngày trước Phật bảo vua Ba-Tư-Nặc: Này Đại-Vương ! Ngày trước đức Phật làm nhiều việc bố thí

do đó mà nay đặng thành Vô Thượng Bồ-đề.

Bạch Thế-Tôn ! Nếu bát Thánh đạo là đạo đế, những kinh như vậy há chẳng phải là hư vọng. Nếu những kinh đó chẳng phải hư vọng thời duyên có gì trong những kinh đó chẳng nói bát Thánh đạo là đạo Thánh đế. Nếu những kinh đó chẳng nói, dễ thường ngày trước đức Như-Lai có lầm lộn. Nhưng tôi quyết định biết rằng chư Phật từ lâu đã là lầm lộn.

Đức Phật khen Ca-Diếp-Bồ-Tát:

“ Lành thay ! Lành thay ! Nay thiện-nam-tử ! Nay ông muốn biết Kinh-điển Đại-thừa vi diệu có những pháp bí mật nên hỏi như vậy. Những kinh ngày trước như vậy đều vào trong đạo Thánh đế.

Này Thiện-nam-tử ! Như ta nói lòng tin là đạo. Tín căn này có thể tá trợ đạo Bồ-đề. Vì thế nên lời Phật nói không có lầm lộn. Đức Như-Lai khéo biết vô lượng phương tiện vì muốn hóa độ chúng sanh nên sự thuyết pháp có nhiều loại.

Ví như lương y biết các căn bệnh của chúng sanh, tùy theo bệnh mà hiệp thuốc và những thứ cấm kỵ đối với thuốc. Chỉ nước chẳng ở trong lệ cấm. Hoặc cho uống

nước gừng, nước cam thảo, nước tể tân, nước đường phèn, nước trái a-ma-lặc, nước ni-ba-la, hoặc nước bát-trú-la, hoặc cho uống nước lạnh, nước nóng, nước nhỏ, nước thạch lựu.

Này Thiện-nam-tử ! Lương y ấy khéo biết căn bệnh của chúng sanh. Dầu rằng thuốc có nhiều sự cấm kỵ, nhưng chỉ có nước là không ở trong lệ cấm.

Cũng như vậy, đức Như-Lai khéo biết phương tiện, trong một pháp tướng tùy theo các loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết nhiều loại danh tướng. Các loài chúng sanh kia tùy theo chỗ lãnh thọ của họ mà tu tập, dứt trừ phiền não. Như người bệnh kia theo lời dặn của lương y mà bệnh được lành.

Này Thiện-nam-tử ! Như có một người biết nhiều thứ tiếng ở chung trong đại chúng. Một hôm đại chúng khát nước đều kêu rằng: Tôi muốn uống nước ! Tôi muốn uống nước ! Người đó liền đem nước mát lạnh tùy theo từng người mà trao cho uống. Hoặc nói là ba-ni, hoặc nói là uất-đặt, hoặc nói là xa-ly-lam, hoặc nói là ba-ly, hoặc nói là ba-da, hoặc nói là cam-lồ, hoặc nói là ngu-nhũ, dùng vô lượng tên nước như vậy để nói với đại chúng. Cũng vậy, đức Như-Lai dùng một Thánh đạo vì hàng

Thanh-Văn mà diễn thuyết nhiều cách: Từ Tín-căn v.v... đến bát Thánh-đạo.

Này Thiện-nam-tử ! Như thợ kim hoàn dùng một chất vàng tùy ý tạo làm các thứ trang sức: Dây chuyền, vòng, xuyên, xoa, khoen tai, mào, ấn. Dầu làm nhiều thứ chẳng đồng nhưng chẳng rời chất vàng. Cũng vậy, đức Như-Lai dùng một Phật đạo, tùy theo mọi loài chúng sanh mà phân biệt diễn thuyết. Hoặ nói một thứ, như nói chư Phật một đạo không hai. Hoặ nói hai thứ là định và huệ. Hoặ nói ba thứ là kiến, trí và huệ. Hoặ nói bốn thứ là kiến-đạo, tu đạo, vô học đạo và Phật đạo. Hoặ nói năm thứ là tín-hành-đạo, pháp-hành-đạo, tín-giải-thoát-đạo, kiến-đạo-đạo, thân chứng đạo. Lại nói sáu thứ là Tu-Đà-Hoàn-Đạo, Tư-Đà-Hàm-Đạo, A-Na-Hàm-Đạo, A-La-Hán-Đạo, Bích-Chi-Phật Đạo và Phật-Đạo. Lại nói bảy thứ là niệm-giác-phân, trạch-pháp-giác-phân, tinh-tân-giác-phân, hỷ-giác-phân, trú-giác-phân, định-giác-phân và xả-giác-phân. Lại nói tám thứ là Chánh kiến, Chánh tư-duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh-tân, Chánh niệm và Chánh định. Lại nói chín thứ là bát-Thánh-đạo và tín. Lại nói mười thứ là thập-lực. Lại nói mười một thứ là thập-lực và đại-từ. Lại nói mười

hai thứ là thập-lực, đại-từ và đại-bi. Lại nói mười ba thứ là thập-lực, đại-từ, đại-bi và niệm Phật tam-muội. Lại nói mười sáu thứ là thập-lực, đại-từ, đại-bi, niệm-Phật tam-muội và ba Chánh niệm. Lại nói hai mươi đạo là thập-lực, tứ-vô-sở-úy, đại-từ, đại-bi, niệm-Phật tam-muội và ba Chánh niệm.

Đạo-chỉ là một thể, ngày trước đức Như-Lai vì chúng sanh mà phân biệt diễn nói sai khác.

Này Thiện-nam-tử ! Như một thứ lửa, nhân nơi chỗ nó đốt cháy mà có nhiều tên sai khác, như lửa cây, lửa cỏ, lửa trấu, lửa phân bò, lửa phân ngựa. Cũng vậy, Phật đạo chỉ là một không có hai vì chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện-nam-tử ! Như một thức phân biệt nói có sáu, nếu đến nơi nhãn căn, thời gọi là nhãn thức, nhãn đến nơi ý-căn thời gọi là ý-thức. Đạo cũng như vậy, chỉ là một không hai vì hóa độ chúng sanh mà phân biệt sai khác.

Này Thiện-nam-tử ! Như một sắc pháp, mắt thấy thời gọi là sắc, tai nghe gọi là tiếng, mũi ngửi thời gọi là mùi, lưỡi nếm thời gọi là vị, thân cảm giác thời gọi là xúc. Đạo cũng như vậy, là một không có hai, vì muốn hóa độ

chúng sanh nên đức Như-Lai phân biệt sai khác.

Do nghĩa này nên bát-Thánh-đạo gọi là đạo Thánh-đế.

Này Thiện-nam-tử ! Bốn Thánh đế này chư Phật theo thứ lớp mà giảng nói. Do đây vô lượng chúng sanh đang thoát khỏi sanh tử.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật:

“Thế-Tôn ! Ngày trước có một lúc Phật ở trong rừng Thi-Thủ trên bờ sông Hằng, đức Như-Lai lấy lá cây bảo các Tỳ-kheo: Lá trong tay của ta đây là nhiều hay tất cả lá trên mặt địa cầu là nhiều ? Các Tỳ-kheo bạch Phật: Tất cả lá trên địa cầu rất nhiều không thể tính đếm, lá trong tay Phật cầm rất ít không đáng kể. Phật bảo các Tỳ-kheo: Những pháp mà ta giác ngộ nhiều như những lá cỏ cây trên địa cầu, còn pháp mà ta vì chúng sanh tuyên nói như mấy chiếc lá trong bàn tay.

Bạch Thế-Tôn ! Cứ theo lời của Phật, thời đức Như-Lai rõ biết vô lượng pháp-môn, nếu vào trong bốn Thánh-đế thời như đã nói, còn nếu chẳng vào nơi bốn Thánh-đế lẽ ra phải có năm đế.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát:

Lành thay ! Lành thay ! Lời hỏi của ông có thể lợi ích an vui vô lượng chúng sanh.

Này Thiện-nam-tử ! Những pháp môn như vậy đều đã nhiếp ở trong bốn Thánh-đế.

Ca-Diếp Bồ-Tát lại bạch Phật:

Những pháp như vậy ở trong bốn Thánh đế có sao đức Như-Lai xưng rằng chẳng nói ?

- Này Thiện-nam-tử ! Dầu là nhiếp trong bốn Thánh đế nhưng còn chẳng gọi là đã nói, vì người rõ biết bốn Thánh đế có hai thứ trí: Một là trí bậc trung, hai là trí bậc thượng. Bậc trung là trí của Thanh-Văn, Duyên-Giác. Bậc thượng là trí của chư Phật và Bồ-Tát. Biết thân ngũ ấm là khổ thời gọi là trí bậc trung, phân biệt các ấm có vô lượng tướng thấy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta trọn chẳng nói đến.

Này Thiện-nam-tử ! Biết các nhập gọi đó là môn cũng gọi là khổ, đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt các nhập có vô lượng tướng thấy đều là khổ thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí

bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết các giới gọi đó là phân, cũng gọi là tánh, cũng gọi là khô, đây là trí bậc trung. Phân biệt các giới có vô lượng tướng thấy đều là khô thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết sắc là tướng hư-hoại, đây là trí bậc trung. Phân biệt các sắc có vô lượng tướng hư hoại thấy đều là khô, thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được đây lại gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết thọ là tướng giác xúc đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt các thọ có vô lượng tướng giác xúc thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết tướng là chấp lấy tướng đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt nơi tướng có vô lượng tướng chấp lấy, thời chẳng phải hàng Thanh-Văn,

Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác, ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết hành là tướng tạo-tác, đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt nơi hành có vô lượng tướng tạo tác thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết thức là tướng phân biệt, đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt nơi thức có vô lượng trí tướng, thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết ái làm nhân duyên có thể sanh năm ấm đây gọi là trí bậc trung. Một người sanh ra ái vô lượng vô biên, hàng Thanh-Văn Duyên-Giác không biết được. Có thể biết tất cả chúng sanh khởi lên lòng có những ái như vậy đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết dứt phiền não đây gọi là trí bậc trung, phân biệt phiền não chẳng thể tính đếm, dứt diệt cũng chẳng thể tính đếm như vậy thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được, đây gọi là trí

bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết đạo có thể là phiền não đây gọi là trí bậc trung. Phân biệt đạo có vô lượng vô biên tướng, là phiền não cũng vô lượng vô biên thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Biết thế-đế gọi là trí bậc trung. Phân biệt thế-đế vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa ấy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Này Thiện-nam-tử ! Tất cả hành vô thường, các pháp vô ngã, Niết-bàn tịch diệt, đây là đệ nhất nghĩa, gọi là trí bậc trung. Biết đệ nhất nghĩa vô lượng vô biên chẳng thể tính đếm thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được đây gọi là trí bậc thượng. Những nghĩa như vậy nơi các kinh khác ta cũng chẳng nói.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Đức Phật nói thế-đế và đệ nhất nghĩa-

đế ý nghĩa thế nào ? Bạch Thế-Tôn trong đệ nhất nghĩa-đế có thế-đế chẳng ? Trong thế-đế có đệ-nhất nghĩa-đế chẳng ? Nếu là có thì có một đế. Nếu là không, chừng có phải đức Như-Lai hư vọng diễn thuyết chẳng ?”

- Nay Thiện-nam-tử ! Thế-đế chính là đệ-nhất nghĩa-đế.

- Bạch Thế-Tôn ! Nếu như vậy thì không có hai đế.

- Nay Thiện-nam-tử ! Có phương tiện khéo tùy thuận chúng sanh diễn thuyết hai đế. Nếu cứ theo ngôn thuyết thì có hai thứ: Một là thế pháp, hai là xuất thế pháp.

Như chỗ biết của người xuất thế. Thì gọi là đệ nhất nghĩa-đế. Chỗ biết của người đời thì gọi là thế-đế.

Nay Thiện-nam-tử ! Năm âm hòa hiệp gọi là tên mỡ giáp². Phàm phu chúng sanh tùy theo tên gọi đó là thế đế. Hiểu biết năm âm không có tên mỡ giáp, rời ngũ âm cũng không có mỡ giáp, người xuất thế đúng như tánh tướng mà hiểu biết, gọi là đệ nhất nghĩa đế.

Nay Thiện-nam-tử ! Hoặc có pháp có tên có sự thật.

² Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “cái gì đó”

Lại có pháp có tên không có sự thật. Có tên không sự thật chính là thế-đế. Có tên có sự thật là đệ nhất nghĩa-đế.

Như: Ngã, chúng sanh, thọ mạng, tri kiến, dưỡng dục, sĩ phu, tác giả, thọ giả dương-diệm, thành Càn-Thất-Bà, lông rùa, sừng thỏ, vòng lửa xoay, các âm, giới, nhập... Đây gọi là thế-đế. Khổ, tập, diệt, đạo, gọi là đệ nhất nghĩa-đế.

Thế-pháp có năm thứ: Một là danh thế, hai là cú thế, ba là phược thế, bốn là pháp thế, năm là chấp-trước-thế.

Nam, nữ, bình, áo, xe, nhà..... Những vật này gọi đó là danh-thế.

Bốn câu thành một bài kệ, những bài kệ như vậy gọi là cú thế.

Cuốn, hiệp, trói, cột, chấp tay... đây gọi là phược thế-đế.

Đánh kiền-chùy nhóm Tăng, chiêm trống răn quân lính, thổi ốc để biết giờ... đây gọi là pháp thế.

Như trông thấy đằng xa có người mặc y hoại sắc tưởng là Sa-Môn chẳng phải Bà-La-Môn, thấy có người gút dây đeo trên thân bèn nghĩ rằng là Bà-La-Môn chẳng phải Sa-Môn, đây là chấp-trước thế-đế.

Như trên đây gọi là năm thứ thế-pháp.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu có chúng sanh nào đối với năm thứ thế pháp như vậy tâm không điên đảo biết đúng như thật đây gọi là đệ nhất nghĩa-đế.

Lại như hoặc đốt, hoặc cắt, hoặc chết, hoặc hoại, đây gọi là thế-đế.

Không đốt, không cắt, không chết, không hoại, đây gọi là đệ-nhất nghĩa-đế.

Lại có tám tướng khổ gọi là thế đế, không sanh, không già v.v... đây gọi là đệ-nhất nghĩa-đế.

Ví như một người có nhiều tài: Lúc họ chạy thời gọi là người chạy, lúc gặt cắt lại gọi là người gặt, lúc nấu nướng thời gọi là người làm đồ ăn, lúc cưa đẽo cây gỗ thời gọi là thợ mộc, lúc nấu đập vàng bạc thời gọi là thợ bạc. Chỉ có một người mà có nhiều danh hiệu. Pháp cũng như vậy, thật chỉ là một mà có nhiều tên. Nhân nơi cha mẹ hòa hiệp mà sanh gọi là thế-đế. Mười hai nhân duyên hòa hiệp mà sanh gọi là đệ-nhất nghĩa-đế.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Thật đế của Phật nói ý nghĩa thế nào ?”

- Này Thiện-nam-tử ! Thật-đế là pháp chân thật. Nếu

pháp chẳng phải chân thời chẳng gọi là thật-đế. Thật-đế là không điên đảo. Thật-đế là không hư vọng. Thật-đế gọi là đại-thừa. Thật-đế là lời của Phật nói chẳng phải lời của ma. Thật-đế là đạo duy nhất thanh tịnh không có hai, có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời gọi là nghĩa thật-đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật:

“ Thế-Tôn ! Nếu cho chân thật là thật-đế thời pháp chân thật tức là Như-Lai, hư không, Phật tánh. Nếu như vậy thời Như-Lai, hư không và Phật tánh không có sai khác”.

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi: Có khổ, có đế, có thật. Có tập có đế có thật. Có diệt có đế có thật. Có đạo có đế có thật.

Này Thiện-nam-tử ! Như-Lai chẳng phải khổ chẳng phải đế là “thật”. Hư không chẳng phải khổ chẳng phải đế là “thật”. Phật tánh chẳng phải khổ chẳng phải đế là “thật”.

Khổ là tướng vô thường, là tướng dứt được đó là thật đế. Như-Lai tánh chẳng phải khổ chẳng phải vô thường chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không

và Phật tánh cũng như vậy.

Tập là có thể làm cho ngũ âm hòa hiệp mà sanh, cũng gọi là khổ cũng gọi là vô thường, là tướng dứt được, đây là thật đế. Như-Lai chẳng phải là tập, chẳng phải nhân của ngũ âm, chẳng phải tướng dứt được vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Diệt là nói phiền não dứt diệt cũng là thường, cũng là vô thường, hàng nhị thừa chứng đặng gọi là vô thường, chư Phật chứng đặng thời gọi là thường, cũng gọi là pháp chứng đặng, đây là thật đế, Như-Lai tánh chẳng gọi là diệt, có thể dứt diệt phiền não, chẳng phải thường chẳng phải vô thường, chẳng gọi là chứng tri, thường trụ không biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Đạo là có thể dứt phiền não cũng là thường cũng là vô thường, là pháp có thể tu tập, đây gọi là thật đế. Như-Lai chẳng phải đạo có thể dứt phiền não, chẳng phải là thường chẳng phải vô thường, chẳng phải pháp có thể tu tập, thường trụ chẳng biến đổi, vì thế nên là thật. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Chân thật chính là Như-Lai. Như-Lai chính là chân thật. Hư không và Phật tánh cũng

như vậy.

Này Văn-Thù Sư-Lợi có khổ, có khổ nhân, có khổ tận, có khổ đối. Như-Lai chẳng phải khổ nhân đến chẳng phải đối, vì thế nên là thật, chẳng gọi là đế. Hư không và Phật tánh cũng như vậy.

Khổ là hữu-vi hữu-lậu không an lạc. Như-Lai chẳng phải hữu-vi chẳng phải hữu-lậu, đứng lạng an vui, nên là thật chẳng phải đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: Thế-Tôn như lời Phật nói chẳng điên đảo gọi là thật đế, nếu như vậy trong tứ đế có bốn thứ điên đảo chẳng ? Nếu là có, sao lại nói rằng không có điên đảo gọi là thật đế ! Tất cả điên đảo chẳng gọi là thật.

- Này Thiện-nam-tử ! Tất cả điên đảo đều vào trong khổ-đế. Như chúng sanh có tâm điên đảo thời gọi là điên đảo. Ví như có người chẳng lãnh thọ lời dạy răn của cha mẹ tôn trưởng, hoặc dầu lãnh thọ mà không tùy thuận thật hành, người này gọi là điên đảo. Điên đảo như vậy chẳng phải không là khổ mà chính là khổ.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “ Như lời Phật nói chẳng hư vọng chính là thật đế. Nếu như vậy thời biết rằng hư

vọng chẳng phải thật đế”.

- Này Thiện-nam-tử ! Tất cả hư vọng đều vào trong khổ đế. Như có chúng sanh khi dối người khác, do nhân duyên này đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, đây gọi là hư vọng, cũng chính là khổ. Những điều đó hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác cùng chư Phật đều xa lìa chẳng thật hành, vì thế nên gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy là chỗ dứt trừ của nhị thừa và chư Phật, nên gọi là thật đế.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “ Như lời Phật nói Đại-thừa là thật đế. Do đó biết rằng Thanh-Văn thừa và Bích-Chi Phật thừa thời là chẳng thật”.

- Này Thiện-nam-tử ! Hàng nhị thừa cũng là thật cũng là chẳng thật. Thanh-Văn, Duyên-Giác dứt các phiền não thời gọi là thật. Hàng nhị thừa vô thường chẳng trụ là pháp biến đổi nên gọi là chẳng thật.

Văn-thù Sư-Lợi bạch Phật: “ Như lời Phật nói những pháp của đức Phật nói gọi là thật.

Do đó biết rằng lời nói của ma thời chẳng phải thật. Bạch Thế-Tôn ! Lời nói của ma có nhiếp trong Thánh-đế chẳng ?”

Này Thiện-nam-tử ! Lời nói của ma nhiếp trong hai đế là khổ và tập. Phàm tất cả những điều phi pháp phi luật không thể làm cho người được lợi ích, dầu cả ngày diễn nói cũng không có người nào thấy được khổ, dứt được tập, chúng được diệt, tu được đạo, đây gọi là hư vọng. Những điều hư vọng như vậy cũng đều là lời nói của ma.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “ Như lời Phật nói đạo duy nhất thanh tịnh không có hai. Các phái ngoại đạo cũng nói ta có đạo duy nhất thanh tịnh không hai. Nếu cho rằng đạo duy nhất là thật đế thời cùng với ngoại đạo kia có sai khác gì. Nếu không sai khác thời lẽ ra chẳng nên nói rằng đạo duy nhất thanh tịnh”.

-Này Thiện-nam-tử ! Các phái ngoại đạo có khổ đế và tập đế mà không diệt đế và đạo đế. Ở trong chẳng phải diệt đế chẳng phải đạo đế, mà họ tưởng là diệt là đạo. Ở trong chẳng phải quả chẳng phải nhân, mà họ tưởng là quả là nhân. Do nghĩa này nên họ không có đạo duy nhất thanh tịnh không hai.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật: “ Như lời Phật nói có: Thường, lạc, ngã, tịnh là thật nghĩa, thời các phái ngoại đạo lẽ ra cũng có thật-đế mà trong Phật pháp thời không.

Vì các phái ngoại đạo nói hành là thường. Thế nào là thường ? Vì khả ý, bất khả ý, các nghiệp báo v.v... khi thọ rồi thời chẳng mất. Khả-ý là nói mười báo lành. Bất khả ý là nói mười báo chẳng lành. Nếu cho rằng các hành thấy đều vô thường, kẻ tạo nghiệp đã chết mất thời ai ở nơi kia mà thọ quả báo. Do nghĩa này nên các hành là thường. Sát sanh nhân duyên gọi là thường. Nếu cho rằng vô thường thời kẻ giết cùng bị giết đều vô thường cả, còn ai ở nơi địa ngục mà thọ tội báo. Nếu nói quyết định có địa ngục thọ báo, thời các hành thật chẳng phải là vô thường. Chuyên tâm ghi nhớ cũng gọi là thường, như chỗ nhớ biết trải qua mười năm nhĩn đến trăm năm cũng chẳng quên mất, vì thế nên là thường. Nếu là vô thường thời những việc đã thấy biết lấy gì để nhớ. Do có ấy nên tất cả các hành chẳng phải là vô thường. Tất cả sự tưởng nhớ cũng là thường. Như có người ngày trước thấy tay chân mặt mày đầu cổ của người khác, lúc sau gặp lại liền nhớ biết. Nếu là vô thường thời những tướng thấy biết ngày trước lẽ ra đã diệt mất. Nghề nghiệp tạo tác do tập học từ lâu, hoặc ba năm hoặc năm năm rồi sau mới giỏi, nên gọi là thường. Phương pháp tính đếm từ một, hai, ba nhĩn đến trăm ngàn, nếu là vô thường lẽ ra một phải diệt, nếu một đã diệt thời lấy chi đến hai. Do một chẳng diệt

nên được đến hai, nhẫn đến trăm ngàn, vì thế nên là thường. Như phương pháp đọc tụng: Đọc Nhất-A-Hàm rồi đến Nhị-A-Hàm, nhẫn đến Tam tứ A-Hàm. Nếu là vô thường thời chỗ đọc tụng trọn chẳng đến bốn. Do sự đọc tụng có tăng trưởng nên gọi là thường. Bình, y, xe cộ, như người mang nợ, hình tướng, địa cầu, núi, sông, cây rừng, cây cỏ, lá thuốc, chúng sanh trị bệnh tất cả đều là thường cũng như vậy. Các phái ngoại đạo đều nói rằng các hành là thường. Nếu là thường thời là thật đế.

Bạch Thế-Tôn ! Các phái ngoại đạo lại nói lạc. Thế nào biết rằng có ? Vì người thọ quyết định đặng báo khả ý. Phàm người thọ lạc quyết định đặng đó. Như Đại-Phạm-Thiên-Vương, Đại-Tự-Tại-thiên, Thích-Đề-Hoàn-Nhân và chư Thiên. Do nghĩa này nên nói rằng quyết định có lạc. Lại vì chúng sanh mong cầu nên ngoại đạo nói rằng có lạc. Như người đói cầu ăn, người khát cầu uống, người lạnh cầu ấm, người nóng cầu mát, người mệt nhọc cầu ngơi nghỉ, người bệnh cầu lành. Nếu không có lạc thời những người kia duyên có gì mà cầu. Do vì có người cầu nên biết rằng có lạc.

Các phái ngoại đạo lại cho rằng bồ thí có thể đặng lạc. Người đời ưa bồ thí cho Sa-Môn, Bà-La-Môn và kẻ

nghèo cùng khôn khổ những y phục, vật thực, giường ghế, thuốc thang, voi ngựa, xe cộ, hương bột, hương thoa, nhà cửa, đèn đuốc. Bồ thí những thứ như vậy vì muốn đời sau tôi được thọ báo khả ý. Vì thế nên biết rằng quyết định có lạc.

Có phái ngoại đạo nói rằng người thọ lạc vì có nhân duyên nên có lạc xúc. Nếu không lạc đâu thành có nhân duyên, như sừng thỏ không có, thời không nhân duyên. Vì có nhân duyên lạc, nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói lạc có thượng trung và hạ. Thọ lạc bậc hạ như Thích-Đề-Hoàn-Nhân. Thọ lạc bậc trung như Đại-Phạm-thiên-Vương. Thọ lạc bậc thượng như Đại-Tự-Tại-Thiên. Vì thế nên biết rằng có lạc.

Ngoại đạo lại nói rằng có tịnh. Nếu không tịnh thời lẽ ra chẳng sanh lòng mong muốn. Vì có mong muốn nên biết là có tịnh. Như vàng bạc, châu báu, lưu ly, pha lê, xa cừ, mã não, san hô, trân châu, bích ngọc, kha bồi, suối mát, ao tắm, vật thực, y phục, hoa hương, đèn đuốc, những vật như vậy đều là tịnh. Họ lại nói thân ngũ âm chính là tịnh khí đặng những tịnh vật như thân người, Trời, Tiên, A-La-Hán, Bích-Chi Phật, Bồ-Tát chư Phật. Do nghĩa này nên gọi là tịnh.

Có phái ngoại đạo lại nói rằng có ngã vì có thấy biết, vì có thể tạo tác. Như có người vào nhà thợ gốm, dầu chẳng thấy thân người thợ nhưng vì thấy khí cụ nên biết quyết định nhà đó là nhà thợ gốm. Ngã cũng như vậy, do mắt thấy sắc biết chắc là có ngã. Nếu không có ngã thì ai có thể thấy sắc ? Nghe tiếng nhận đến giác xúc cũng như vậy. Họ lại nói có ngã. Làm sao biết rằng có ? Vì do nơi tướng mà biết: Thở, ngáy, ngó, nháy, mạng sống, móng tâm, lãnh thọ sự khổ vui, tham cầu, giận hờn, đều là tướng của ngã. Vì thế nên biết quyết định của ngã.

Ngoại đạo lại nói rằng có ngã, vì phân biệt được mùi vị: Như có người ăn trái cây, thấy trái biết mùi vị. Do đây nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có chấp tác làm việc nên biết là có ngã: Như cầm lưỡi liềm thì có thể cắt gặt, cầm búa thì có thể chặt, cầm bình thì đựng nước, ngồi xe thì cầm cương, do đó nên biết quyết định có ngã. Ngoại đạo lại nói lúc mới sanh biết đòi bú đó là do tập quán đòi trước, nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì hòa hiệp lợi ích chúng sanh khác nên biết rằng có ngã. Như bình, y, xe cộ, ruộng nhà, núi rừng, cây cối, voi ngựa, trâu, dê những vật như vậy nếu

hòa hiệp thời có sự lợi ích. Năm ấm trong thân người cũng như vậy: Nhân căn v.v... vì có hòa hiệp thời có sự lợi ích cho người, do đó nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói có ngã vì rằng có sự vật ngăn ngại. Như có vật thời có ngăn ngại. Nếu không vật thời không ngăn ngại. Vì có ngăn ngại nên biết quyết định có ngã.

Ngoại đạo lại nói vì có bạn cùng chẳng phải bạn nên biết là có ngã. Như thân yêu cùng chẳng phải thân yêu thời chẳng phải là bạn. Chánh pháp với tà pháp, trí với chẳng trí. Sa Môn cùng chẳng phải Sa-Môn, Bà-La-Môn với chẳng phải Bà-La-Môn, con cùng chẳng phải con, ngày với chẳng phải ngày, đêm với chẳng phải đêm, ngã với chẳng phải ngã, các pháp như vậy là bạn và chẳng phải bạn, do đó nên biết quyết định có ngã.

Bạch Thế-Tôn ! Các phái ngoại đạo nhiều cách nói có thường, lạc, ngã, tịnh, nên biết quyết định có thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa đó nên các phái ngoại đạo cũng nói được rằng: Ta có chân-đế”.

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi: “ Nếu có Sa-Môn hay Bà-La-Môn mà có thường, có lạc, có ngã, có tịnh, thời người đó chẳng phải là Sa-Môn chẳng phải là Bà-La-Môn. Vì họ mê nơi sanh tử xa lìa bậc đại-đạo-sư nhất thế-trí. Hàng

Sa-Môn và Bà-La-Môn như vậy thiếu kém pháp lành tham đắm các dục nhiễm. Hàng ngoại đạo này ràng buộc trong ngục tham dục, sân khuê, ngu si mà kham nhẫn thọ lạc. Các ngoại đạo này dầu biết nghiệp quả mình làm mình chịu, nhưng còn chẳng thể xa lìa pháp ác. Hàng ngoại đạo này chẳng phải là chánh pháp, chánh mạng, đề tự sống, vì họ không có lựa trí huệ nên chẳng thể tiêu được vậy.

Các phái ngoại đạo dầu tham đắm ngũ dục thượng diệu, tham nơi pháp lành nhưng chẳng siêng tu. Ngoại đạo này dầu muốn đến chánh giải thoát, nhưng trì cầm giới chẳng thành tựu. Các ngoại đạo này dầu muốn cầu vui nhưng chẳng có thể cầu nhân duyên của vui. Các ngoại đạo này dầu bị bốn rắn độc lớn đeo vắn nhưng vẫn phóng dật chẳng cẩn thận. Các ngoại đạo này bị vô minh che đậy, xa lìa phương pháp lành, thích ở trong tam giới, lửa vô thường đốt cháy mà chẳng thể ra được. Các ngoại đạo này gặp những bệnh phiền não khó lành mà họ chẳng cầu bậc lương y đại trí. Các ngoại đạo này thưở vị lai sẽ đi trên đường xa hiểm vô biên, mà chẳng biết tu tập tu-lương pháp lành đề tự trang nghiêm. Các ngoại đạo này thường bị tay độc dâm dục làm hại mà trở lại ôm áp

rương độc ngũ dục. Các ngoại đạo này giận hờn hung dữ mà trở lại gần gũi bạn ác. Các ngoại đạo này thường bị vô minh che đậy mà trở lại tìm cầu pháp tà ác. Các ngoại đạo này thường bị tà kiến mê lầm mà trở lại thân thiện với tà kiến. Các ngoại đạo này trông mong ăn trái ngọt mà lại gieo giống đắng. Các ngoại đạo này đã ở trong nhà tối phiền não mà trở lại xa lìa đuốc sáng đại trí. Các ngoại đạo này mang bệnh khát phiền não mà trở lại uống nước mặn dục nhiễm. Các ngoại đạo này mê lầm điên đảo nói các hành là thường. Cho các hành là thường thời không đúng.

Này Thiện-nam-tử ! Đức Phật quán sát các hành thấy đều vô thường. Tại sao biết như vậy ? Vì các hành đều do nhân duyên. Phàm những pháp do nhân duyên, mà sanh thời biết là vô thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhân duyên sanh.

Này Thiện-nam-tử ! Phật tánh không sanh không diệt, không đi không đến, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải do nhân làm ra cũng chẳng phải không nhân, chẳng phải tu tác chẳng phải tác giả chẳng phải tướng chẳng phải không tướng, chẳng phải có danh chẳng phải không danh, chẳng phải danh sắc, chẳng phải dài ngắn,

chẳng phải nhiếp trì trong âm, giới, nhập. Vì thế nên Phật tánh gọi là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Phật tánh là Như-Lai, Như-Lai là pháp, pháp là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Thường là Như-Lai, Như-Lai là Tăng, Tăng là thường.

Do nghĩa này nên những pháp từ nhân duyên mà sanh chẳng gọi là thường. Các ngoại đạo này không có một pháp gì chẳng từ nhân duyên mà sanh. Các ngoại đạo này chẳng thấy Phật tánh Như-Lai là pháp. Vì thế nên lời nói của ngoại đạo đều là vọng ngữ, không có chân đế.

Người phàm phu lúc trước thấy bình, y, xe cộ, nhà cửa, thành quách, nước sông, rừng núi, nam nữ, voi ngựa, trâu dê, lúc sau thấy tương tợ bèn nói là thường. Phải biết những vật ấy thật chẳng phải là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Tất cả pháp hữu vi đều là vô thường. Pháp vô vi là thường. Hư không là Phật tánh là vô vi nên là thường. Hư không tức là Phật tánh, Phật tánh là Như-Lai, Như-Lai là vô vi, vô-vi là thường. Thường là pháp, pháp là Tăng, Tăng là vô-vi, vô-vi là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Có hai thứ pháp hữu vi: Một là

sắc pháp, hai là phi sắc pháp. Phi sắc pháp là tâm và tâm sở. Sắc pháp là địa, thủy, hỏa, phong.

Này Thiện-nam-tử ! Tâm gọi là vô thường vì tánh nó phan-duyên phân biệt. Tánh của nhãn thức khác, nhãn đến tánh của ý thức khác, nên là vô thường. Cảnh giới sắc khác, nhãn đến cảnh giới pháp khác, nên là vô thường.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu tâm là thường thì nhãn thức lẽ ra một mình duyên tất cả pháp. Nếu nhãn thức khác, nhãn đến ý thức khác, thì biết là vô thường. Bởi các pháp tương tự niệm niệm sanh diệt, người phàm phu thấy đó chấp cho là thường.

Này Thiện-nam-tử ! Vì các tướng nhân duyên có thể phá hoại, nên cũng gọi là vô thường. Như nhân nhãn căn, nhân sắc, nhân ánh sáng, nhân tư duy mà sanh nhãn thức. Lúc nhĩ thức sanh ra nhân duyên đều khác chẳng phải là nhân duyên của nhãn thức, nhãn đến nhân duyên của ý thức cũng khác như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Nhân duyên phá hoại các hạnh sai khác, nên tâm gọi là vô thường. Như tâm tu vô thường khác, tâm tu khổ, không, vô ngã khác. Nếu tâm là thường lẽ ra thường tu vô thường. Còn chẳng đặng quán khổ, không, vô ngã huống lại quán thường, lạc, ngã, tịnh. Do

nghĩa này nên trong giáo pháp của ngoại đạo chẳng có thể nhiếp lấy thường, lạc, ngã, tịnh, phải biết tâm pháp quyết định là vô thường.

Này Thiện-nam-tử ! Vì tâm tánh sai khác nên gọi là vô thường. Như tâm tánh Thanh-Văn khác, tâm tánh Duyên-Giác khác, tâm tánh chư Phật khác.

Tất cả ngoại đạo có ba thứ tâm: Một là tâm xuất gia, hai là tâm tại gia, ba là tâm xa lìa tại gia. Tâm tương-ung với lạc khác, tâm tương-ung với khổ khác, tâm tương-ung với bất khổ bất lạc khác, tâm tương-ung với tham dục khác, tâm tương-ung với sân-khúe khác, tâm tương-ung với ngu si khác. Tâm tướng của tất cả ngoại đạo cũng khác: Các tâm tương-ung với ngu si, nghi hoặc cùng tà kiến đều khác, lúc đi, đứng, nằm, ngồi tâm đó cũng khác. Nếu tâm là thường thời lẽ ra chẳng phân biệt được các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, tía. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng quên những việc đã từng ghi nhớ. Nếu tâm là thường thời sự đọc tụng lẽ ra chẳng tăng trưởng. Nếu tâm là thường lẽ ra chẳng nên nói rằng: Đã làm, đang làm, sẽ làm. Nếu có đã làm, đang làm, sẽ làm thời biết rằng tâm này quyết định là vô thường. Nếu tâm là thường thời không có oán thù thân ái cũng chẳng oán chẳng thân. Nếu

tâm là thường thời chẳng nên nói rằng vật của tôi, vật của người hoặc sống hoặc chết. Nếu tâm là thường thời dầu có tạo tác lẽ ra chẳng tăng trưởng. Do những nghĩa đó, nên biết tâm tánh mỗi mỗi đều sai khác. Vì sai khác nên biết là vô thường.

Này Thiện-nam-tử ! Nay đức Phật ở trong tâm pháp này diễn nói nghĩa vô thường, đã rõ, nay vì ông mà nói sắc là vô thường. Sắc này vô thường vốn không có sanh, vì sanh đã diệt. Lúc thân ở thai bào vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Các mầm cây vốn không có sanh, vì sanh đã biến đổi. Do đó biết rằng, tất cả sắc pháp thay đều vô thường.

Này Thiện-nam-tử ! Sắc thân tùy theo thời gian mà biến đổi: Lúc tượng thai nhũn đến lúc mới sanh đều đổi khác. Lúc thơ bé, lớn khôn nhũn đến tuổi già luôn luôn đổi khác. Lúc nẩy mầm, lên cây, mọc nhánh sanh lá, trở bông, kết trái đều đổi khác.

Này Thiện-nam-tử ! Chất vị ở trong cũng đổi khác, lúc tượng thai nhũn đến lúc già luôn luôn biến đổi. Mầm cây, nhánh, lá, hoa, trái, chất vị cũng đều đổi khác. Sức lực lúc tượng thai nhũn đến sức lực lúc tuổi già đều đổi khác. Trạng mạo lúc tượng thai nhũn đến trạng mạo lúc

tuổi già đều đối khác. Quả báo lúc tượng thai nhân đến quả báo lúc tuổi già cũng khác. Danh tự lúc tượng thai nhân đến danh tự lúc tuổi già cũng sai khác. Sắc thân có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Cây cối cũng có hoại có hiệp nên biết là vô thường. Thứ đệ sanh lần lần, như lúc tượng thai sanh lần lần đến tuổi già. Lúc này mầm sanh lần lần đến khi kết trái. Vì thế nên biết là vô thường vì những sắc pháp có thể hoại diệt, như lúc tượng thai hoại diệt nhân đến lúc tuổi già hoại diệt đều sai khác, lúc này mầm hoại diệt nhân đến lúc kết trái đều hoại diệt nên biết là vô thường. Người phàm phu không hiểu biết thấy tương tự sanh ra chấp cho là thường. Do những nghĩa này nên gọi là vô thường. Đã là vô thường thời chính là khổ, đã là khổ thời chính là bất tịnh.

Này Thiện-nam-tử ! Các hạnh đều không có ngã. Tổng tất cả pháp không ngoài hai thứ: Sắc và tâm. Sắc không phải ngã, vì sắc có thể phá có thể hoại, có thể vỡ có thể đập, có thể tăng trưởng. Ngã thời chẳng thể phá hoại vỡ đập sanh trưởng. Do nghĩa này nên biết sắc chẳng phải là ngã.

Tâm cũng chẳng phải ngã vì do nhân duyên mà sanh khởi. Các ngoại đạo do chuyên niệm mà biết là có ngã.

Tánh chuyên niệm thật ra chẳng phải ngã. Nếu cho chuyên niệm là ngã, những việc quá khứ có lúc quên mất, vì có quên mất nên quyết định biết là không ngã. Nếu các ngoại đạo do ức tưởng mà biết là có ngã, vì có lúc không ức tưởng nên quyết định biết là không ngã. Như nói: Thấy người bàn tay có sáu ngón, bèn hỏi rằng chúng ta ngày trước gặp nhau ở chỗ nào. Nếu là có ngã thì chẳng nên lại hỏi. Vì hỏi nhau nên quyết định biết là không ngã.

Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có ngăn ngại mà biết là có ngã. Xét ra vì có ngăn ngại nên quyết định biết là vô ngã, như nói Điều-Đạt thời trọn chẳng nói rằng không phải Điều-Đạt. Cũng vậy, nếu ngã quyết định là ngã thì trọn chẳng ngăn ngại ngã. Nhưng vì cũng ngăn ngại ngã nên quyết định biết là vô ngã. Nếu vì ngăn ngại mà biết là có ngã, nay ông chẳng ngăn ngại đáng lẽ là không ngã !

Này Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì bạn cùng chẳng phải bạn mà biết rằng có ngã. Cứ nơi thuyết này mà suy, vì không bạn lẽ ra không có ngã. Có những pháp không bạn: Như-Lai, Hư-Không, Phật tánh, Ngã cũng như vậy thật không có bạn. Do vì nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu có ngoại đạo cho rằng vì có

danh tự mà biết là có ngã. Trong pháp không ngã cũng có danh tự ngã: Như người nghèo hèn mà tên là phú quý. Như nói ta chết, nếu ta chết thời là ta giết ta, nhưng ngã thật chẳng có thể giết, giả danh là giết ngã. Cũng như người lùn mà tên là Trưởng-giả. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì người mới sanh đã biết đòi bú nên biết là có ngã. Nếu có ngã thời tất cả trẻ thơ chẳng nên bóc phần, đất, lửa, rắn, thuốc độc. Do nghĩa này nên quyết định biết không ngã.

Này Thiện-nam-tử ! Tất cả chúng sanh đối với ba pháp: Dâm dục, uống ăn, kinh sợ đều có sự hiểu biết đồng nhau, vì thế nên không có ngã.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo cho rằng vì có tướng mạo mà biết là có ngã. Vì có tướng thời không có ngã, không có tướng cũng là không ngã. Như lúc ngủ, người không thể đi đứng ngược cúi nhìn ngó, chẳng biết khổ biết vui, như thế thời đáng lẽ không có ngã. Nếu cho rằng vì có đi đứng cúi ngược mà biết là có ngã, thời người máy lẽ ra cũng có ngã.

Như-Lai chẳng đi, chẳng đứng, chẳng cúi, chẳng ngược, chẳng nhìn, chẳng ngó, chẳng khổ, chẳng vui,

chẳng tham sân si. Như-Lai như vậy mà có ngã chân thật.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu các ngoại đạo vì thấy người khác ăn trái cây, trong miệng mình sanh nước miếng, nên biết là có ngã. Do vì nhớ tưởng thấy thời sanh nước miếng, nước miếng chẳng phải ngã, ngã cũng chẳng phải là nước miếng, chẳng phải vui buồn, chẳng phải ngáp, chẳng phải cười, chẳng phải nằm, chẳng phải đứng, chẳng phải đói, chẳng phải no. Do nghĩa này nên quyết định biết là không ngã.

Này Thiện-nam-tử ! Các ngoại đạo ấy ngu si như trẻ nít không có trí huệ phương tiện chẳng hiểu thấu được thường cùng vô thường, khổ, vui, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, thọ mạng, phi thọ mạng, chúng sanh, phi chúng sanh, thật, phi thật, hữu, phi hữu. Ở trong Phật pháp họ lấy chút ít phần rồi vọng chấp là có thường, lạc, ngã, tịnh, như người sanh manh chẳng biết màu sữa, bèn hỏi người khác rằng màu sữa giống như thứ gì ? Người khác đáp: Màu sữa trắng như vỏ ốc.

Người sanh manh lại hỏi: “ Thế thì màu sữa như tiếng thối ốc ư ?

Đáp: Không phải.

Người sanh manh lại hỏi màu ốc giống thứ gì ?

- Màu ốc trắng như bột gạo.

Người sanh manh nghe nói cho rằng màu sữa mịn nhuyễn như bột gạo. Khi biết không phải lại hỏi.

Người khác đáp: Màu sữa trắng như tuyết.

Người sanh manh lại cho rằng màu sữa lạnh lẽo như tuyết.

Người khác lại bảo màu sữa trắng như lông chim bạch hạc.

Người sanh manh ấy dần nghe cả bốn thứ thí dụ tỉ lệ, nhưng trọn chẳng biết được màu sắc thật của sữa.

Cũng vậy, các ngoại đạo này trọn không thể biết được thường, lạc, ngã, tịnh. Do nghĩa này trong Phật pháp của ta có chân-thật-đế, không phải hàng ngoại đạo có được.

Văn-Thù Sư-Lợi Bồ-Tát bạch Phật: “ Hy hữu thay: Hôm nay đức Như-Lai sắp nhập Niết-Bàn phương tiện chuyển pháp luân Vô Thượng, bèn phân biệt chân-thật-đế như vậy”.

Phật bảo Văn-Thù Sư-Lợi: Nay ông có sao ở nơi đức

Như-Lai mà sanh quan niệm nhập Niết-Bàn. Nay Thiện-nam-tử ! Như-Lai thật là thường trụ chẳng biến đổi chẳng nhập Niết-Bàn.

Nay Thiện-nam-tử ! Đức Như-Lai trọn chẳng có quan niệm ta là Phật, ta thành Vô thượng Chánh giác, ta chính là pháp, pháp là cái có của ta, ta là đạo, đạo là của ta có, ta là Thế-Tôn, Thế-Tôn là của ta, ta là Thanh-Văn, Thanh-Văn là của ta, ta có thể thuyết pháp làm cho người khác nghe và thọ trì, ta chuyển pháp luân, người khác không chuyển được. Đức Như-Lai trọn không có quan niệm như vậy nên đức Như-Lai chẳng chuyển pháp luân.

Nay Thiện-nam-tử ! Như-Lai không có những quan niệm ta thấy biết, sự thấy biết là của ta, tai nghe, mũi ngửi v.v... cũng như vậy, ta là sắc, sắc là của ta, tinh, hương, nhãn đến pháp cũng như vậy, ta là địa đại, địa đại là của ta, thủy hỏa phong đại cũng như vậy. Như-Lai cũng không có những quan niệm ngã là tín, là đa-văn, tín và đa-văn là của ta, ta là Đàn-ba-la-mật, là Thi-ba-la-mật, nhãn đến là Bát-nhã-Ba-la-mật, Đàn-ba-la-mật nhãn đến là Bát-nhã-Ba-la-mật, Đàn-ba-la-mật nhãn đến Bát-nhã-Ba-la-mật là của ta, ta là tứ niệm xứ là tứ chánh cần, nhãn đến là bát-Thánh-đạo, tứ-niệm-xứ nhãn đến bát-Thánh-

đạo là của ta. Như-Lai trọn chẳng có những quan niệm như vậy, nên Như-Lai chẳng chuyển pháp luân.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu nói thường trụ không biến đổi, sao lại nói rằng Phật chuyển pháp luân ! Vì thế nên ông chẳng nên nói rằng đức Như-Lai phương tiện chuyển pháp luân.

Này Thiện-nam-tử ! Như nhân nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tư duy hòa hiệp sanh ra nhãn thức. Nhãn căn chẳng nghĩ rằng ta sanh ra thức, sắc, ánh sáng và tư duy, cũng chẳng nghĩ rằng ta sanh nhãn thức, nhãn thức cũng chẳng nghĩ rằng ta có thể tự sanh. Những pháp như vậy nhân duyên hòa hợp đặng gọi là thấy. Cũng vậy, đức Như-Lai nhân sáu ba-la-mật cùng ba mươi bảy pháp trợ đạo mà giác ngộ rõ thấu các pháp. Lại nhân yết hầu, lưỡi răng, môi miệng có ra lời ra tiếng, vì các ông Kiều-Trần-Như v.v... mà thuyết pháp lần đầu tiên, gọi đó là chuyển pháp luân. Do nghĩa này nên đức Như-Lai chẳng gọi là chuyển pháp luân.

Này Thiện-nam-tử ! Nếu chẳng chuyển thời gọi là pháp, pháp là Như-Lai. Như do bụi nhùi, do cọ xát, do tay, do phân bò khô mà có lửa sanh ra. Bụi nhùi v.v... đều chẳng nghĩ rằng ta sanh ra lửa. Lửa cũng chẳng nói

rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như-Lai nhân sáu ba-la-mật v.v... Vì các ông Kiều-Trần-Như thuyết pháp gọi là chuyển pháp luân, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ tưởng như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy bèn gọi là Như-Lai.

Như do nơi chất lạc, nước khuấy, bình, giầy, tay người mà có chất tô sanh ra. Lạc v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tô. Tô cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh ra. Do các duyên hòa hiệp nên sanh ra chất tô. Cũng vậy, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy, thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Như do hột giống, đất, nước, phân, hơi nóng, gió, thời gian, công tác của người mà có mầm mọc lên. Hột giống v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra mầm. Mầm cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh. Cũng vậy, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Nếu chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Như do trống, khoảng không, da,

dùi, người hòa hiệp nhau mà sanh ra tiếng trống v.v... chẳng nghĩ rằng ta sanh ra tiếng. Tiếng cũng chẳng nói rằng ta có thể tự sanh.

Cũng vậy, đức Như-Lai trọn chẳng nghĩ rằng ta chuyển pháp luân. Chẳng nghĩ như vậy thời gọi đó là chuyển chánh pháp luân. Chuyển pháp luân như vậy thời là Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Chuyển pháp luân là cảnh giới của chư Phật Thế-Tôn, chẳng phải là hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được.

Này Thiện-nam-tử ! Hư không chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải tạo tác, chẳng phải pháp hữu vi. Cũng vậy, Như-Lai chẳng phải sanh, xuất, tạo tác, chẳng phải pháp hữu vi. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện-nam-tử ! Chư Phật Thế-Tôn lời thuyết giáo có hai thứ: Một là thế ngữ hai là xuất thế ngữ. Đức Như-Lai vì hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác dùng thế ngữ để thuyết giáo. Vì các vị Bồ-Tát nói xuất thế ngữ.

Này Thiện-nam-tử ! Hàng đại chúng nghe pháp cũng có hai hạng: Một là hạng cầu tiểu thừa, hai là hạng cầu Đại-thừa. Ngày trước ở thành Ba-La-Nại ta chuyển pháp

luân cho hàng Thanh-Văn. Nay ở thành Câu-Thi-Na này mới vì các vị Bồ-Tát chuyển đại pháp luân.

Này Thiện-nam-tử ! Lại có hai hạng người trung căn và thượng căn. Vì hạng trung căn ở thành Ba-La-Nại ta chuyển pháp luân. Vì hạng thượng văn như Ca-Diếp Bồ-Tát v.v... ở nơi thành Câu-Thi-Na này ta chuyển đại pháp luân.

Này Thiện-nam-tử ! Hạng tốt hạ-căn đức Như-Lai trọn chẳng chuyển pháp luân cho họ. Hạng tốt hạ-căn tức là Nhất-xiển-đề.

Này Thiện-nam-tử ! Người cầu Phật đạo có hai hạng: Một là hạng trung tinh tấn, hai là hạng thượng tinh tấn. Như-Lai ở thành Ba-La-Nại vì hạng trung tinh tấn mà chuyển pháp luân. Nay ở thành Câu-Thi-Na này chuyển đại pháp luân cho hạng thượng tinh tấn.

Này Thiện-nam-tử ! Ngày trước Như-Lai ở thành Ba-La-Nại chuyển pháp-luân lần đầu tiên, có tám muôn thiên nhân chứng đặng quả Tu-Đà hoàn. Nay trong hội thuyết pháp tại thành Câu-Thi-Na này, có tám mươi muôn ức người chứng bậc bất thối chuyển Vô Thượng Bồ-Đề.

Này Thiện-nam-tử ! Ngày trước ở thành Ba-La-Nại, Đại-Phạm Thiên-Vương đánh lễ thỉnh Phật chuyển pháp luân. Nay tại thành Câu-Thi-Na này, Ca-Diếp Bồ-Tát đánh lễ thỉnh Phật chuyển đại pháp luân.

Này Thiện-nam-tử ! Ngày trước ở thành Ba-La-Nại lúc chuyển pháp luân Phật giảng thuyết về vô thường, khổ, không và vô ngã. Nay tại thành Câu-Thi-Na này Như-Lai giảng thuyết về thường, lạc, ngã và tịnh.

Này Thiện-nam-tử ! Ngày trước ở thành Ba-La-nại, lúc thuyết pháp tiếng nói của Phật nghe xa đến trời Phạm-Thiên. Nay tại thành Câu-Thi-Na này, lúc chuyển pháp luân tiếng của Phật khắp đến hai mươi hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Này thiện-nam-tử ! Chư Phật Thế-Tôn phàm có lời nói ra đều gọi là chuyển pháp luân.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo, kẻ chưa hàng phục có thể làm cho hàng phục, người đã hàng phục có thể làm cho an ổn. Chư Phật Thế-Tôn phàm có thuyết pháp cũng như vậy. Vô lượng phiền não người chưa điều phục có thể làm cho điều phục, người đã điều phục làm cho sanh căn lành.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo có thể phá tan tất cả oán tặc. Cũng vậy, đức Như-Lai thuyết pháp có thể làm cho tất cả giấc phiền não thấy đều tịch tịnh.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương có Luân-bảo trên dưới xoay chuyển. Cũng vậy, Như-Lai thuyết pháp có thể làm cho các chúng sanh ở ác thú sanh lên cõi trời, cõi người nhân đến thành Phật đạo.

Này Thiện-nam-tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên khen rằng đức Như-Lai ở nơi đây lại chuyển pháp luân.

Văn-Thù Sư-Lợi bạch Phật rằng: “ Thế-Tôn ! Đối với nghĩa này chẳng phải là tôi không biết. Hỏi Phật là vì muốn lợi ích cho những chúng sanh. Từ lâu tôi đã biết chuyển pháp luân thật là cảnh giới của chư Phật Như-Lai, chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác biết được”.

Phật bảo Ca-Diếp Bồ-Tát: “ Này Thiện-nam-tử ! Đây gọi là Bồ-Tát trụ nơi kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn thật hành Thánh-hạnh”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: Thế-Tôn, do nghĩa gì gọi là Thánh-hạnh ?

- Này Thiện-nam-tử ! Thánh là nói chư Phật Thế-Tôn.

Do nghĩa này nên gọi là Thánh-hạnh.

- Bạch Thế-Tôn ! Nếu là chỗ thật hành của chư Phật thời chẳng phải hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác, Bồ-tát có thể tu hành được.

- Nay Thiện-nam-tử ! Đây là chư Phật Thế-Tôn an trụ nơi Đại-Niết-Bàn này mà phân biệt khai thị như vậy, do nghĩa này nên gọi là Thánh-hạnh. Hàng Thanh-Văn, Duyên-Giác và Bồ-Tát nghe như vậy rồi thời có thể phụng hành nên gọi là Thánh-hạnh. Đại-Bồ-Tát này đặng tu hành hạnh đây rồi thời đặng trụ nơi bậc vô sở úy. Chẳng còn sợ tham, sân, si, sanh, lão, bệnh, tử. Cũng chẳng còn sợ ác đạo, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Nay Thiện-nam-tử ! Luận về sự ác có hai hạng: Một là A-Tu-La, hai là trong loài người. Trong loài người có ba hạng ác: Một là Nhất-xiển-đề, hai là hủy báng kinh điển Đại-Thừa Phương-Đẳng, ba là phạm bốn tội trọng. Trụ trong vô sở úy này, hàng Bồ-Tát trọn chẳng sợ đọa trong những hạng ác như vậy. Cũng chẳng còn sợ Sa-Môn, Bà-La-Môn, ngoại đạo tà kiến, Thiên-Ma Ba-Tuần. Cũng chẳng còn sợ thọ thân trong hai mươi lăm cõi. Vì thế nên bậc này gọi là vô sở úy.

Nay Thiện-nam-tử ! Đại-Bồ-Tát trụ bậc vô sở úy

chúng đặng hai mươi lăm môn tam muội, phá hoại hai mươi lăm cõi. Đặng vô-câu tam-muội có thể phá hoại cõi địa ngục. Đặng bất-thôi tam muội có thể phá hoại cõi súc sanh. Đặng tâm-lạc tam muội có thể phá hoại cõi naga quý. Đặng hoan-hỷ tam muội có thể phá hoại cõi A-Tu-La. Đặng nhựt-quang tam muội có thể dứt cõi Phất-Bà-Đề. Đặng nguyệt-quang tam muội có thể dứt cõi Cù-Da-Ni. Đặng nhiệt-diệm (*viêm*) tam muội có thể dứt cõi Uất-Đơn-Việt. Đặng như-huyễn tam muội có thể dứt cõi Diêm-Phù-Đề. Đặng Nhất-thiết pháp bất-động tam muội có thể dứt cõi Tứ-Thiên-Vương. Đặng tồi-phục tam muội có thể dứt cõi Đao-Lợi-Thiên. Đặng Duyệt-ý tam muội có thể dứt cõi Diệm-Ma-Thiên. Đặng Thanh-sắc tam muội có thể dứt cõi Đâu-Suất-Thiên. Đặng Huỳnh-sắc tam muội có thể dứt cõi Hóa-Lạc-Thiên. Đặng xích-sắc tam muội có thể dứt cõi Tha-Hóa-Tự-tại-Thiên. Đặng Bạch-sắc tam muội có thể dứt cõi Sơ-Thiên. Đặng chủng chủng tam muội có thể dứt cõi Đại-Phạm-Vương. Đặng song tam muội có thể dứt cõi Nhị-Thiên. Đặng lô-âm tam muội có thể dứt cõi Tam-Thiên. Đặng chú-võ tam muội có thể dứt cõi Tứ-Thiên. Đặng như hư-không tam muội có thể dứt cõi Vô-Tướng. Đặng chiếu-cảnh tam muội có thể dứt cõi Tịnh-Cư A-Na-Hàm. Đặng vô-ngại

tam muội có thể dứt cỗi Không-Xứ-Thiên. Đặng thường tam muội có thể dứt cỗi Thức-Xứ-Thiên. Đặng lạc tam muội có thể dứt cỗi Bất-Dụng Xứ-Thiên. Đặng ngã tam muội có thể dứt cỗi Phi-Tướng-Phi-Phi-Tướng-Xứ-Thiên.

Đây gọi là Bồ-Tát chứng đặng hai mươi lăm tam muội dứt hai mươi lăm cỗi.

Này Thiện-nam-tử ! Hai mươi lăm môn tam muội này gọi là vua của các môn tam-muội. Đại Bồ-Tát nhập trong những môn tam muội vương này, nếu muốn thối hoại núi Tu-Di liền có thể tùy ý. Nếu muốn biết tâm niệm của mọi loài chúng sanh trong cỗi đại thiên, cũng đều có thể biết. Muốn đem mọi loài chúng sanh trong cỗi đại thiên để vào trong một lỗ chân lông nơi thân của mình liền có thể tùy ý, cũng có thể làm cho những chúng sanh đó không có quan niệm chật hẹp. Nếu muốn hóa làm vô lượng chúng sanh đầy khắp trong cỗi đại thiên, cũng liền có thể tùy ý. Muốn chia một thân làm nhiều thân, lại hiệp nhiều thân làm một thân, dầu làm những sự như vậy nhưng tâm không trụ trước, dường như hoa sen.

Này Thiện-nam-tử ! Đại Bồ-Tát nhập trong những môn tam muội vương như vậy rồi, liền đặng trụ nơi bậc

tự tại. Bồ-Tát trụ bậc tự tại này thời đặng sức tự tại, tùy ý muốn sanh chỗ nào liền đặng vắng sanh.

Ví như Chuyển-Luân-Thánh-Vương thống lãnh bốn cõi thiên hạ, tùy ý qua lại không bị chướng ngại. Cũng vậy, tất cả chỗ muốn thọ sanh Bồ-Tát này có thể tùy ý vắng sanh.

Bồ-Tát này nếu thấy tất cả chúng sanh nơi địa ngục, kẻ nào có thể làm cho sanh căn lành, Bồ-Tát liền qua mà thọ sanh trong đó, dầu sanh nhưng chẳng phải là nghiệp quả, do sức tự tại mà thọ sanh trong đó. Bồ-Tát này dầu ở nơi địa ngục nhưng chẳng bị những sự khổ đốt cháy nát thân v.v...

Này Thiện-nam-tử ! Bồ-Tát này thành tựu vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức công đức như vậy, còn không thể nói hết, huống là công đức của Phật mà có thể nói được”.

Bấy giờ trong chúng hội, có một vị Bồ-Tát tên là Trụ-Vô-Cầu-Tạng-Vương, có oai đức lớn thành tựu thân thông, đặng đại tổng trì đầy đủ môn tam muội, chứng bậc vô sở úy, liền đứng dậy trích y bày vai bên hữu quỳ gối hữu, chấp tay bạch Phật rằng: “Thế-Tôn ! Như lời đức Phật nói: Chư Phật Bồ-Tát thành tựu vô lượng vô biên

trăm ngàn muôn ức công đức thật không thể nói được. Ý tôi còn cho rằng vẫn chẳng bằng kinh điển Đại-thừa này vì nhân sức của kinh Đại-Thừa Phương-Đẳng này nên có thể xuất sanh chư Phật Thế-Tôn Vô thượng Chánh giác”.

Phật khen rằng: Lành thay ! Lành thay ! Phải lắm đúng như lời ông nói. Những kinh Phương-Đẳng Đại-Thừa dầu thành tựu vô lượng công đức, muốn so sánh với kinh này thì không thể kịp được, trăm lần, ngàn lần, trăm ngàn muôn ức lần, nhẫn đến toán số thí dụ cũng chẳng kịp được.

Ví như từ bò có sữa, từ sữa sanh ra chất lạc, từ lạc sanh ra chất sanh tô, từ sanh tô sanh ra chất thực tô, từ thực tô sanh ra chất đề hồ. Chất đề hồ là vị hơn hết, nếu có người uống chất này các thứ bệnh đều tiêu trừ, bao nhiêu chất thuốc đều vào trong đề hồ.

Cũng vậy, từ Phật có ra mười hai loại kinh, từ mười hai loại kinh có ra Tu-đa-la, từ Tu-đa-la có ra kinh Phương-đẳng, từ kinh Phương-đẳng có ra Bát-Nhã Ba-La-Mật, từ Bát-Nhã Ba-La-Mật có ra Đại-Niết-Bàn, như chất đề hồ. Chất đề hồ dụ cho Phật tánh. Phật tánh tức là Như-Lai.

Này Thiện-nam-tử ! Do nghĩa này nên nói rằng Như-

Lai có vô lượng vô biên công đức chẳng thể nói được tính được”.

Ca-Diếp Bồ-Tát bạch Phật: “ Thế-Tôn ! Như lời Phật khen kinh Đại-Niết-Bàn như chất đề hồ là vị thượng diệu, nếu có người uống đề hồ thời những chứng bệnh đều tiêu trừ, tất cả các vị thuốc đều vào trong chất đề hồ. Tôi nghe lời này trộm nghĩ rằng: Nếu có người chẳng nghe, chẳng lãnh thọ được kinh này, phải biết người đó rất là ngu si không có tâm lành.

Bạch Thế-Tôn ! Nay tôi thật có thể kham chịu lột da làm giấy, chích máu làm mực, lấy tủy làm nước, chẻ xương làm viết, biên chép kinh Đại-Niết-Bàn này. Biên chép đọc tụng thông thuộc, rồi vì người mà giảng rộng ý nghĩa đó.

Bạch Thế-Tôn ! Nếu có chúng sanh tham trước của cải, tôi sẽ bố thí của cải rồi sau đem kinh Đại-Niết-Bàn này khuyên họ đọc. Nếu có người sang quý, tôi trước dùng ái ngữ để được cảm tình, rồi sau lần lần sẽ đem kinh Đại-Thừa Đại-Niết-Bàn này khuyên họ đọc. Nếu là kẻ thường dân, tôi sẽ dùng oai thế ép họ đọc tụng. Nếu với người kiêu mạn tôi sẽ làm tôi tớ họ, tùy thuận ý của họ cho họ vui lòng, rồi sau sẽ đem kinh Đại-Niết-Bàn này

mà dẫn dắt họ. Nếu có người hủy báng kinh Đại-Thừa tôi sẽ dùng thế lực hàng phục họ, rồi sau khuyên họ đọc kinh Đại-Niết-Bàn. Nếu có người ưa thích kinh Đại-Thừa, tôi đích thân đến cung kính cúng dường tôn trọng tán thán họ.

Phật khen Ca-Diếp Bồ-Tát: Lành thay ! Lành thay ! Ông thật đáng là người ưa thích kinh điển Đại-Thừa, tham kinh Đại-Thừa, thọ kinh Đại-Thừa, say kinh Đại-Thừa, kính tin tôn trọng cúng dường kinh Đại-Thừa.

Này Thiện-nam-tử ! Nay do tâm lành này, ông sẽ siêu việt vô lượng vô biên hằng hà sa đại Bồ-Tát, đặng thành Vô thượng Chánh giác trước, chẳng bao lâu ông cũng sẽ vì đại chúng diễn nói tạng bí mật Đại-Niết-Bàn, Như-Lai, Phật tánh, như ta hôm nay.

Này Thiện-nam-tử ! Về thuở quá khứ thời kỳ không có Phật ra đời, lúc đó ta làm Bà-La-Môn tu hạnh Bồ-Tát, có thể thông đạt những kinh luận của tất cả ngoại đạo, tu hạnh tịch diệt, đầy đủ oai nghi, tâm ta thanh tịnh chẳng bị các dục nhiễm ở ngoài phá hoại, dứt lửa sân hận, thọ trì pháp môn thường, lạc, ngã, tịnh. Khắp nơi ta tìm cầu kinh điển Đại-Thừa, nhần đến vẫn chẳng được nghe danh tự kinh Phương-Đẳng. Bây giờ ta ở núi Tuyết, núi này

thanh tịnh có suối chảy ao tắm, rừng rậm cây thuốc, hoa thơm nở khắp núi, chim thú không thể tính đếm, nhiều thứ trái ngon, lại có vô lượng ngó sen, củ ngọt củ thơm. Ta ở một mình trong núi chỉ ăn các thứ trái, ăn xong ngồi thiền chuyên tâm quán tưởng. Ta tu khổ hạnh như vậy trải qua vô lượng năm, cũng chẳng được nghe có Phật ra đời cùng tên kinh Đại-Thừa.

Thích-Đề-Hoàn-Nhân và chư Thiên thấy ta bền tu khổ hạnh như vậy lòng họ kinh sợ bảo nhau rằng:

Chúng ta nên xem coi.

Trong núi Tuyết thanh tịnh,

Người ly dục tịch tịnh.

Vua công đức trang nghiêm,

Đã lìa tham sân mạn.

Dứt hẳn lòng ngu si,

Miệng chưa từng nói ra,

Những lời thô ác thảy.

Có một vị Thiên-tử tên là Hoan-Hỷ lại nói kệ rằng:

Người ly dục như vậy,

Thanh tịnh siêng tinh tấn,

Toan chẳng cầu Đế-Thích,

Và làm chur Thiên ư !

Nếu là hạng ngoại đạo,

Họ tu hành khổ hạnh,

Phần nhiều đều mong cầu,

Tòa ngòì của Đế-Thích.

Có một vị Tiên-thiên-tử lại vì Đế-Thích mà nói kệ
rằng:

Thiên-Chúa Kiêu-Thi-Ca,

Chẳng nên sanh lòng lo,

Ngoại đạo tu khổ hạnh,

Hà tất cầu Đế-Thích.

Thiên-Tử này lại thưa với Đế-Thích: “ Bậc đại-sĩ
trong đời vì chúng sanh nên chẳng tham luyến thân mình
mà tu vô lượng khổ hạnh để làm lợi ích cho chúng sanh.
Hạng người như vậy thấy rõ những lỗi lầm trong giòng
sanh tử, dầu của báu đầy cả mặt đất, đại sĩ này cũng
chẳng tham muốn như thấy mũi dãi.

Bậc đại sĩ này rời bỏ của cải, vợ con, đầu mắt, tủy
não, tay chân, da thịt, nhà cửa, voi ngựa, xe cộ, tôi tớ,

cũng chẳng mong cầu sanh lên cõi trời, chỉ mong muốn làm cho tất cả chúng sanh được an vui. Như chỗ tôi hiểu bậc Đại-sĩ như vậy lòng thanh tịnh không ô nhiễm, đã dứt hết phiền não chỉ muốn cầu quả Vô thượng Bồ-đề.

Thích-Đề-Hoàn-Nhân bảo rằng: “ Theo như lời ông nói thời người ấy vì nhiếp thủ tất cả chúng sanh trong đời. Nay Đại-Tiên ! Nếu trong đời này có Phật dứt trừ được tất cả rắn độc phiền não của chư Thiên, loài người và A-Tu-La. Nếu các chúng sanh ở trong bóng mát của Phật thời tất cả những độc phiền não đều tiêu diệt. Nay Đại-Tiên ! Bậc Đại-sĩ này nếu trong đời vị lai sẽ thành Phật, thời chúng ta sẽ được dứt trừ vô lượng phiền não. Việc này thật là khó tin, vì vô lượng chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ-đề, bị chút ít duyên liền thôi thất Bồ-đề tâm, như bóng trăng trong nước, nước động thời trăng động. Lại như họa tượng, khó thành mà dễ hư. Cũng vậy, tâm Bồ-đề khó phát mà dễ thôi thất.

Nay Đại-Tiên ! Như có nhiều người mặc giáp cầm gậy muốn đi dẹp giặc, lúc ra đến chiến trận lòng sợ sệt thời bèn chạy lui. Cũng vậy vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ-đề tự trang nghiêm bền chắc, lúc thấy lỗi sanh tử lòng sợ sệt bèn thôi thất. Nay Đại-Tiên ! Ta từng thấy vô

lượng chúng sanh sau khi phát tâm Bồ-Đề đều bị thối chuyển. Vì thế nên nay dầu thấy người này tu khổ hạnh tịch tịnh không phiền não nhưng ta chưa tin được. Nay ta sẽ đến thử xem coi người này thật có thể gánh vác nỗi Vô Thượng Bồ-Đề chăng ?

Này Đại-Tiên ! Như xe có hai bánh thì có công dụng chở chuyên, như chim có hai cánh mới có thể bay đi. Người tu khổ hạnh này, dầu thấy là giữ gìn giới cấm, nhưng chưa biết có trí sâu chăng. Nếu có trí sâu thì có thể gánh vác nỗi Vô Thượng Bồ-Đề.

Này Đại-Tiên ! Như cá mẹ đẻ ra bầy cá con, nhưng số cá được lớn khôn rất ít. Như cây am-la nhiều bông mà ít trái. Chúng sanh phát tâm Bồ-Đề đông vô lượng nhưng ít người được thành tựu. Này Đại-Tiên ! Ông nên cùng ta đồng qua thử đó. Như vàng ròng sau khi thử đủ ba cách mới biết là vàng thật, là đốt, đập và mài. Nay chúng ta cũng thử người tu khổ hạnh này.

Lúc đó Thích-Đề-Hoàn-Nhân tự biến thân mình làm quỷ La-sát dung mạo đáng sợ, bay xuống núi Tuyết đến gần người tu khổ hạnh, cất tiếng thanh nhã tuyên nói nửa bài kệ của Phật quá khứ:

Các hành vô thường,

Là pháp sanh diệt.

Quý La-sát nói nửa kệ xong liếc mắt tìm ngó bốn phía. Người tu khổ hạnh nghe hai câu kệ ấy lòng rất vui mừng, như người khách buôn ban đêm đến đường hiểm lạc mất đồng bạn, kinh sợ tìm kiếm bỗng gặp được đồng bạn, lòng rất vui mừng. Cũng như người bệnh lâu chưa gặp được lương y, về sau bỗng gặp được. Như người trôi nổi ngoài biển khơi bỗng gặp được thuyền bè. Như người quá khát gặp được nước mát trong. Như người bị oán-địch rượt mà chạy thoát được. Như người bị trói nhốt đã lâu bỗng đặng thả. Cũng như nhà nông trời nắng hạn mà gặp mưa. Như người đi xa trở về đến nhà, cả nhà đều vui mừng.

Này Thiện-nam-tử ! Lúc nghe được nửa bài kệ ấy, lòng người khổ hạnh vui mừng cũng như vậy. Liền đứng dậy lấy tay đỡ tóc lên ngó tìm bốn phía nói rằng: “ Chẳng biết ai vừa nói hai câu kệ ? Ngó mãi không thấy người nào khác chỉ thấy quý La-Sát bèn nói rằng: “ Ai khai môn giải thoát như vậy ? Ai có thể thuật lời của Phật như vậy ? Ai có thể ở trong giấc ngủ sanh tử mà có thể riêng được giác ngộ xướng lên lời đó vậy ? Ai có thể ở chốn này đem đạo vị Vô Thượng chỉ dạy cho chúng sanh đang đói

khát trong vòng sanh tử ? Ai có thể làm thuyền lớn cứu vớt vô lượng chúng sanh đang nổi chìm trong biển sanh tử ? Những chúng sanh này thường mang bệnh nặng phiền não, ai có thể làm lương y nói hai câu kệ ấy khai ngộ tâm của tôi. Như mặt trăng nửa như hoa sen hé nở”.

Người khổ hạnh lúc đó không thấy có ai khác chỉ thấy quý La-Sát nghĩ rằng có lẽ quý này nói hai câu kệ ấy chẳng ? Rồi lại nghĩ rằng quý này hình dung hung dữ đáng sợ, phàm người đặng nghe những câu kệ ấy thời tất cả sự sợ sệt xấu xa liền tiêu trừ, đâu có lẽ người hình mạo xấu xa này mà có thể nói lời kệ ấy. Như trong lửa mọc được hoa sen. Trong ánh nắng mặt trời chẳng sanh được nước mát. Rồi lại tự trách: Ta thật là vô trí hoặc quý này đặng gặp chư Phật quá khứ, nên được nghe nửa bài kệ ấy, nay ta nên hỏi ý nghĩa của lời ấy. Suy nghĩ xong liền đến trước quý La-Sát nói rằng: “ Lành thay ! Lành thay ! Đại-Sĩ ! Ngài ở đâu mà học được nửa bài kệ của Phật quá khứ như vậy ?”

Quý La-Sát liền đáp rằng: “ Này Bà-La-Môn ! Ông chẳng nên hỏi ta về việc ấy. Vì ta đã nhiều ngày không được ăn đói khát khổ não tâm ý mê loạn. Ta tìm cầu khắp nơi vẫn chẳng được thức ăn. Vì thế nên ta nói những lời

như vậy”.

Người khổ hạnh lại nói với quý La-Sát: “ Nếu Đại-Sĩ có thể vì tôi nói trọn bài kệ, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử Ngài. Kệ của Đại-Sĩ vừa nói lời chẳng đủ, nghĩa chẳng trọn, sao Đại-Sĩ chẳng nói cho trọn ? Luận về tài-thí thời có cạn hết, còn pháp-thí thời chẳng thể cùng tận, nhiều sự lợi ích. Tôi nghe nửa bài kệ ấy sanh lòng kính nghi. Trông mong Ngài vì tôi mà nói cho trọn, tôi sẽ trọn đời làm đệ tử Ngài”.

Quý La-Sát nói: “ Ông tham thái quá chỉ biết tự thương thân mình mà chẳng nghĩ đến người. Ta đang đói khổ thật không thể nói đặng”.

Người khổ hạnh hỏi: “ Thức ăn của Ngài là vật gì ?

Quý nói: “ Ông đừng hỏi, nếu ta nói ra thời mọi người phải kinh sợ”.

Người khổ hạnh nói: “ Giữa đây chỉ có mình tôi không có người nào khác. Tôi không sợ, Ngài cứ nói”.

Quý nói: “ Tôi chỉ ăn thịt người tươi nóng, chỉ uống máu nóng của người. Vì ta phước mỏng nên chỉ ăn những thứ đó. Ta tìm khắp các nơi mà chẳng đặng. Trong đời dầu có người đông nhiều, nhưng mỗi người đều có phước

đức, lại được chư Thiên-Thần thủ hộ, ta không đủ sức bắt ăn được”.

Người khổ hạnh nói: “ Ngài cứ nói đủ bài kệ ấy, tôi nghe kệ rồi sẽ đem thân này dâng cho Ngài dùng. Thưa Đại-Sĩ nếu lúc tôi chết thân này sẽ không dùng vào việc gì được, sẽ bị cọp, sói, chim hiêu, kên kên ăn mổ, không được một mảy phước đức. Nay tôi vì cầu Vô-thượng Bồ-đề xả thí thân vô thường chẳng bền này, để đổi lấy thân thường trụ bền chắc”.

Quý nói: “ Ai tin được lời của ông, chỉ vì có tám chữ mà thí bỏ thân đáng mến đáng tiếc”.

Người khổ hạnh nói: “ Như có người đem đồ sành bố thí cho người khác mà đặng đồ bằng thất bảo. Cũng vậy, tôi xả thí thân vô thường này để đặng thân kim cương. Ngài nói ai tin được lời tôi ?”

Các vị Đại-Phạm-Thiên-Vương, Thích-Đề-Hoàn-Nhân và Tứ-Thiên-Vương có thể chứng minh lời tôi. Lại có các vị Bồ-Tát tu hành Đại-thừa đủ lục độ, lợi ích vô lượng chúng sanh, có thiên nhãn cũng chứng biết được lời của tôi, Thập phương chư Phật cũng chứng biết cho tôi vì tám chữ mà xả thí thân mạng.

Quý nói: “Nếu ông có thể xả thí thân mạng như vậy, thời nên lóng nghe kỹ tôi sẽ vì ông nói nửa bài kệ sau”.

Người khổ hạnh nghe quý hứa nói vui mừng hớn hở, liền cởi tấm da nai đang mặc trên thân trải tòa rồi mời quý: “ Bạch Hòa-Thượng xin thỉnh Ngài lên tòa này”.

Quý ngồi xong người khổ hạnh quỳ dài, vòng tay thưa rằng: “ Mong Hòa-Thượng vì tôi mà nói nửa bài kệ còn lại cho được đầy đủ”.

Quý La-sát liền tuyên rằng:

Sanh-diệt diệt rồi,

Tịch diệt là vui.

Quý La-Sát nói hai câu kệ rồi bảo rằng: “ Này Đại Bồ-Tát nay ông đã nghe đủ cả nghĩa bài kệ, lòng mong muốn của ông đã đầy đủ, nếu ông muốn lợi ích chúng sanh giờ đây nên thí thân cho ta”.

Người khổ hạnh suy nghĩ kỹ những nghĩa trong bài kệ rồi biên chép lên trên đá, trên vách, trên cây, bên đường đi. TỰ CỘT ÁO XIÊM, sợ sau khi chết thân thể lỏa lồ, rồi leo lên cây cao.

Thọ-Thần bảo người khổ hạnh: “ Lành thay ! Lành thay ! Nay ông muốn làm việc gì ?”

Người khỏ hạnh đáp: “ Tôi muốn thí xả thân này để trả giá bài kệ”.

Thọ-Thần nói: “ Bài kệ như vậy có những lợi ích gì ?”

Người khỏ hạnh đáp: “ Những câu kệ ấy là lời thuyết pháp của Phật ba đời, trong ấy chỉ dạy đạo pháp chân không. Tôi vì pháp này muốn lợi ích tất cả chúng sanh mà thí xả thân này, chẳng phải vì lợi danh, chẳng cầu Chuyển-Luân-Thánh-Vương, Tứ-Thiên-Vương, Thích-Đề-Hoàn-Nhân, Đại-Phạm-thiên-Vương, chẳng cầu quả vui của người, của trời”.

Lúc sắp sửa xả thân, người khỏ hạnh nói rằng: “ Nguyện cho tất cả người tham lam bòn sẻn đều thấy tôi xả thân. Những người bố thí chút ít sanh lòng cống cao cũng đặng thấy tôi vì một bài kệ mà xả thân mạng”.

Nói xong, người khỏ hạnh buông mình từ trên cây rơi xuống. Lúc thân chưa tới đất. Trong hư không vang ra các thứ tiếng thâu đến cõi trời Sắc-Cứu-Cánh. Quỷ La-sát huờn lại hình Thiên-Đế hứng lấy thân người khỏ hạnh để nhẹ nhàng xuống đất.

Bảy giờ Thích-Đề-Hoàn-Nhân, Đại-Phạm-Thiên-Vương cùng chư Thiên đánh lễ người khỏ hạnh mà khen

rằng: “ Lành thay ! Lành thay ! Thật là BỒ-Tát có thể lợi ích nhiều cho vô lượng chúng sanh, muốn thấp đức pháp lên giữa đêm tối vô minh. Vì tôi mến tiếc pháp lớn của Như-Lai nên cố nhiều nãi Ngài. Ngưỡng mong Ngài cho tôi sám hối tội lỗi. Thuở vị lai Ngài quyết định thành Vô-thượng Chánh-giác. Khi được thành Phật, mong Ngài tế độ chúng tôi.

Nói xong, Thích-Đề-Hoàn-Nhân và chư Thiên đánh lễ người khổ hạnh, cáo từ, bỗng nhiên ẩn mất.

Này Thiện-nam-tử ! Người khổ hạnh thuở xưa chính là tiền thân của ta. Ngày trước vì nửa bài kệ ấy mà ta xả thí thân mạng. Do có đó ta đặng vượt bậc thành Phật trước Di-Lặc mười hai kiếp.

Này Thiện-nam-tử ! Ta đặng vô lượng công đức như vậy đều do cúng dường chánh pháp của Như-Lai.

Nay ông phát tâm Vô-thượng Bồ-đề, thời ông cũng đã vượt hơn vô lượng vô biên hằng hà sa BỒ-Tát.

Này Thiện-nam-tử ! Đây gọi là BỒ-Tát trụ nơi Đại-Thừa Đại-Bát Niết-Bàn tu hành Thánh hạnh.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM PHẠM HẠNH THỨ HAI MƯỜI

Này Thiện nam tử ! BỒ-Tát-Ma-Ha-Tát tu phạm hạnh như thế nào ? BỒ-Tát-Ma-Ha-Tát trụ nơi Đại-thừa Đại Niết Bàn, trụ bảy pháp lành thời phạm hạnh đầy đủ.

Bảy pháp lành là: Một là biết pháp, hai là biết nghĩa, ba là biết giờ, bốn là biết tri túc, năm là biết mình, sáu là biết chúng, bảy là biết tôn ti.

BỒ-Tát-Ma-Ha-Tát như thế nào gọi là biết pháp. Này Thiện nam tử ! BỒ Tát này biết mười hai bộ kinh tức là Tu Đa La, Kỳ Dạ, Thọ Ký, Đà Đà, Ưu Đà Na, Ni Đà Na, A Ba Đà Na, Y Đế Mục Đà Na, Xà Đà Đà, Tỳ Phật Lược, A Phù Đà Đạt Ma, Ưu Bà Đề Xá.

Đây là khế kinh Tu Đa La: Từ “ như thị ngã văn --- nhĩ đến câu --- hoan hỷ phụng hành” tất cả như vậy gọi là Tu Đa La kinh (Trường Hàng).

Đây là Kỳ-dạ: Phật bảo các Tỳ kheo ngày xưa ta cùng các ông ngu si không trí huệ, chẳng thể thấy bốn chân đế đúng như thật, nên lưu chuyển mãi trong biển khổ sanh

tử. Bốn chân đế là: Khổ Đế, Tập Đế, Diệt Đế và Đạo Đế.

Ngày xưa đức Phật vì các Tỳ Kheo nói kệ kinh xong lại có hàng chúng sanh căn trí sáng tỏ, vì muốn nghe pháp nên đến chỗ Phật hỏi mọi người rằng, đức Như-Lai vừa rồi nói những việc gì ?

Lúc đó Phật vì hàng chúng sanh ấy đem kinh vừa giảng nói thành kệ tụng:

Ta xưa cùng các ông,
Chẳng thấy bốn chân đế,
Nên phải lưu chuyển mãi,
Trong biển khổ sanh tử,
Nếu thấy được bốn đế,
Thời dứt đặng sanh tử.
Sanh tử đã hết rồi,
Chẳng còn thọ thân nữa.

Kệ tụng trên đây gọi là Kỳ-Dạ kinh (Trùng Tụng).

Những gì gọi là thọ ký ? Như có lúc đức Như-Lai nói kinh hay luật, vì các hàng trời hay người mà thọ ký sẽ làm Phật. Như nói: “Đời sau có vua hiệu là Nhưong Khư, ông A Dật Đa sẽ ở cõi này thành bậc chánh giác hiệu là

Di Lạc Phật. Đây gọi là Thọ Ký Kinh.

Những gì gọi là Đà Đà ? Trừ trường hàng và các giới luật, ngoài ra những bài kệ bốn câu như:

Các điều ác chớ làm,
Phụng hành những điều lành,
Lóng sạch tâm ý mình,
Là lời dạy của Phật.

Trên đây gọi là Đà Đà kinh (Kệ Cô Khởi).

Những gì gọi là Ưu Đà Na ? Như đức Phật lúc xế chiều nhập thiền định, vì chư thiên giảng rộng các pháp yếu. Lúc đó các Tỳ-kheo đều nghĩ rằng: Giờ đây đức Như-Lai đang làm việc gì ?

Sáng ngày sau, đức Như-Lai xuất định, không ai hỏi, dùng tha tâm trí mà tự nói rằng: Nay các Tỳ-kheo: Tất cả chư thiên thọ mạng rất dài. Lành thay ! Các Tỳ-kheo biết vì người, chẳng cầu tư lợi, biết thiếu dục, biết tri túc, được tịch tịnh.

Những kinh như trên đây không ai hỏi đức Phật tự giảng nói đó gọi là Ưu Đà Na kinh (Tự Thuyết).

Những gì là Ni Đà Na ? Như trong các kinh do nhân

duyên Phật vì người khác diễn nói. Lệ như: Trong nước Xá Vệ có một chàng trai giăng lưới bắt chim, bắt đặng chim nhốt trong lồng, cho ăn lúa uống nước rồi lại thả đi. Đức Thế Tôn biết nhân duyên đó mà nói kệ rằng:

Chớ khinh tội nhỏ,
Cho là không họa,
Giọt nước dầu nhỏ,
Lần đầy lu lớn.

Như trên đây gọi là Ni Đà Na kinh (Nhân Duyên).

Những gì là A Ba Đà Na ? Như những thí dụ trong luật nói.

Những gì là Y Đế Mục Đa Đà ! Lệ như đức Phật nói: Này các Tỳ-kheo ! Lúc ta xuất thế những điều ta dạy bảo gọi là giới kinh. Lúc đức Câu Lưu Tôn Phật xuất thế lời Phật dạy gọi là trống Cam-lồ. Lúc đức Phật Câu Na Hàm Mâu Ni xuất thế lời Phật dạy gọi (là) Pháp cảnh.

Lúc đức Phật Ca Diếp xuất thế lời Phật dạy gọi là Phân biệt không.

Như trên đây gọi là Y Đế Mục Đa Đà kinh (Bổn Sự).

Những gì là Xà Đà Đà ? Lệ như đức Phật xưa kia làm

vị Bồ Tát tu khổ hạnh. Như Phật nói: Này các Tỳ kheo ! Thuở quá khứ ta từng làm nai, làm gấu, làm cheo³, làm thỏ, làm quốc vương, làm Chuyển Luân Thánh Vương, làm rồng, làm Kim Sí điều v.v... Như trên đây gọi là Xà Đà Đà kinh (Bồn Sanh).

Những gì là Tỳ Phật Lực ? Tức là những kinh điển thuộc về Đại thừa Phương đẳng nghĩa lý rộng lớn dường như hư không (Phương Quảng).

Những gì là Vị Tăng Hữu ? Lệ như lúc đức Bồ Tát mới sanh không ai đỡ dắt mà tự đi bảy bước, phóng quang minh lớn ngó khắp mười phương. Lệ như con vượn tay bung bát mật dâng cúng đức Như-Lai. Lệ như chó cỏ trắng đến bên Phật nghe pháp. Lệ như ma vương Ba Tuần biến làm trâu xanh đi trong bát sành, làm cho các bát sành đụng chạm lẫn nhau mà không nứt bể. Lệ như Phật lúc mới sanh lúc vào thiên miếu làm cho thiên tượng đứng dậy bước xuống đánh lễ.

Những đoạn kinh như trên đây gọi là Vị Tăng Hữu kinh.

Những gì là Ưu Ba Đề Xá ? Lệ như đức Phật lúc nói

³ Là con mouse deer (hươu chuột)

kinh hoặc luận nghĩa cùng phân biệt giảng rộng biện luận các tướng mạo, đây gọi là Ưu Ba Đề Xá kinh (Luận Nghi).

Bồ Tát nếu có thể rõ biết mười hai bộ kinh như vậy thời gọi là biết pháp.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết nghĩa ? Nếu Bồ Tát ở nơi tất cả văn tự ngữ ngôn biết rộng những ý nghĩa thời gọi là biết nghĩa.

Bồ Tát Ma Ha Tát thế nào là biết giờ ? Bồ Tát khéo biết trong những giờ như vậy có thể tu tịch tịnh, trong những giờ như vậy có thể tu tinh tấn, trong những giờ như vậy có thể tu xả định, trong những giờ như vậy có thể cúng dường Phật, trong những giờ như vậy có thể cúng dường Sư trưởng, trong những giờ như vậy có thể tu hạnh bố thí, trì giới nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, đầy đủ Bát Nhã Ba La Mật. Như trên đây gọi là biết giờ.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là tri túc ?

Bồ Tát biết đủ đối với những việc dưới đây: Uống ăn, y phục, thuốc men, đi, đứng, ngồi, nằm, ngủ, thức, nói, nín. Như trên đây gọi là tri túc.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết mình ? Vị

Bồ Tát này tự biết rằng ta có đức tin như vậy, có giới như vậy, có đa văn như vậy, có xả như vậy, có huệ như vậy, có đi đến như vậy, có chánh niệm như vậy, có hạnh lành như vậy, hỏi như vậy, đáp như vậy, như trên đây gọi là biết mình.

Bồ Tát Ma Ha Tát như thế nào gọi là biết người ? Bồ Tát này biết những người đây là hàng Sát Đế Lợi, là hàng Bà La Môn, là hàng Cư Sĩ, là hàng Sa Môn. Nên ở trong chúng này đi đến như vậy, ngồi đứng như vậy, thuyết pháp như vậy, hỏi đáp như vậy. Như trên đây gọi là biết người.

Bồ Tát Ma Ha Tát thế nào gọi là biết người bậc tôn bậc ti ? Người có hai hạng: Một là có tín tâm, hai là chẳng có tín tâm. Bồ Tát phải biết người có tín tâm thời là người lành, người chẳng có tín tâm thời chẳng gọi là người lành.

Người có tín tâm lại có hai hạng: Một là người thường đến chùa chiền, hai là người chẳng đến chùa, Bồ Tát phải biết người đến chùa là lành, người chẳng đến chùa thời chẳng gọi là lành.

Người đến chùa lại có hai hạng: Một là lễ bái, hai là chẳng lễ bái, Bồ Tát phải biết người lễ bái là lành, người chẳng lễ bái thời chẳng gọi là lành.

Người lễ bái lại có hai hạng: Một là nghe pháp, hai là chẳng nghe pháp. Bồ Tát phải biết người nghe pháp là lành, người chẳng nghe pháp thì chẳng gọi là lành.

Người nghe pháp lại có hai hạng: Một là hết lòng lắng nghe, hai là chẳng hết lòng. Bồ Tát phải biết người hết lòng nghe thì gọi là lành, người chẳng hết lòng nghe thì chẳng gọi là lành.

Hết lòng nghe pháp lại có hai hạng: Một là suy gẫm ý nghĩa, hai là chẳng suy gẫm ý nghĩa. Bồ Tát phải biết người gẫm nghĩa là lành, người chẳng gẫm nghĩa thì chẳng gọi là lành.

Người gẫm nghĩa lại có hai hạng: Một là đúng như lời nói thật hành, hai là chẳng thật hành đúng như lời nói. Người thật hành gọi là lành, người chẳng thật hành thì chẳng gọi là lành.

Thật hành đúng như lời nói lại có hai hạng: Một là cầu quả Thanh Văn chẳng có thể lợi ích an lạc tất cả chúng sanh khổ não, hai là hồi hướng Đại thừa Vô Thượng, lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc. Bồ Tát phải biết lợi ích mọi người làm cho đặng an lạc là điều lành Vô Thượng.

Này Thiện nam tử ! Như trong các châu báu, như ý bảo châu tốt đẹp hơn tất cả. Như trong các mùi vị, chất cam lồ là hơn hết. Bồ Tát này ở nơi trong hàng trời người là bậc hơn tất cả không gì ví dụ được.

Như trên đây gọi là bậc Đại Bồ Tát trụ nơi kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn an trụ nơi bảy pháp lành. Bồ Tát trụ nơi bảy pháp lành này thời đặng đầy đủ phạm hạnh.

Này Thiện nam tử ! Lại có phạm hạnh gọi là từ, bi, hỷ, xả.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Nếu người tu hạnh từ có thể dứt sân khuể. Người tu lòng bi cũng dứt được sân khuể. Sao lại nói là bốn tâm vô lượng. Xét theo nghĩa đó thời lẽ ra chỉ có ba.

Thế Tôn ! Lòng từ có ba duyên: Một là duyên chúng sanh, hai là duyên nơi pháp, ba thời duyên không. Lòng bi, hỷ, xả, cũng ba duyên như vậy, nếu theo nghĩa này thời lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn.

Duyên chúng sanh là duyên nơi thân ngũ ấm nguyện cho họ được vui. Duyên nơi pháp là những vật chúng sanh cần dùng đem ban cho họ. Không duyên tức là duyên nơi Như-Lai.

Lòng từ thời phần nhiều duyên nơi chúng sanh nghèo cùng. Đức Như-Lai Đại Sư là hẳn sự nghèo cùng hưởng sự vui đê nhất. Nếu duyên chúng sanh thời chẳng duyên nơi Phật, Pháp cũng như vậy. Vì do nghĩa này nên duyên Như-Lai gọi là không duyên.

Thế Tôn ! Lòng từ duyên tất cả chúng sanh, như duyên cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Do nghĩa này nên gọi là chúng sanh duyên.

Pháp duyên là chẳng thấy cha mẹ, vợ con, thân thuộc. Thấy tất cả pháp đều từ nơi duyên sanh ra. Đây gọi là pháp duyên.

Vô duyên là chẳng trụ nơi pháp tướng và chúng sanh tướng.

Từ, Bi, Hỷ, Xả, đều duyên như vậy, vì thế nên lẽ ra chỉ có ba chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Người có hai hạng: Một là kiến hành, hai là ái hành. Người kiến hành nhiều tu từ bi, người ái hành nhiều tu hỷ xả. Vì thế nên đáng lẽ có hai chẳng nên có bốn.

Thế Tôn ! Luận về vô lượng gọi là vô biên. Vì chẳng thể được biên bờ nên gọi là vô lượng. Nếu là vô lượng

thời lẽ ra nên có một chẳng nên nói là bốn.

Nếu nói là bốn đâu đặng vô lượng. Vì thế nên là một chẳng nên là bốn vậy”.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “ Này Thiện nam tử ! Chư Phật Như-Lai vì mọi loài chúng sanh mà giảng nói pháp yếu. Lời của Phật bí mật khó hiểu biết được. Hoặc vì chúng sanh nói một nhân duyên. Như nói những gì là một nhân duyên tức là tất cả pháp hữu vi.

Hoặc nói hai thứ là nhân cùng quả.

Hoặc nói ba thứ là phiền não, nghiệp và khổ.

Hoặc nói bốn thứ là vô minh, hành, sanh và lão tử.

Hoặc nói năm thứ là thọ, ái, thủ, hữu và vô sanh.

Hoặc nói sáu thứ là nhân quả ba đời.

Hoặc nói bảy thứ là thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái và thủ. Hoặc nói tám thứ là trong mười hai nhân duyên trừ vô minh, hành, sanh và lão tử.

Hoặc nói chín thứ như trong Thánh kinh nói mười hai nhân duyên trừ vô minh, hành và thức.

Hoặc nói mười một thứ như trong kinh Tát Giá Ni Kiên Tử nói mười hai nhân duyên trừ sanh.

Hoặc có lúc nói đủ cả mười hai nhân duyên. Như nơi thành Vương Xá vì Ca Diếp v.v... nói vô minh nhân đến sanh, lão, bệnh, tử.

Này Thiện nam tử ! Như một nhân duyên vì chúng sanh nên phân biệt nhiều thứ, vô lượng tâm cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Vì do nghĩa này đối với hạnh thâm mật của Như-Lai chẳng nên sanh nghi.

Đức Như-Lai có phương tiện lớn: Vô thường nói là thường, thường nói là vô thường, nói vui là khổ, nói khổ là vui, bất tịnh nói là tịnh, tịnh nói là bất tịnh, ngã nói là vô ngã, vô ngã nói là ngã, nơi vô tình nói là hữu tình, nơi hữu tình nói là vô tình, chẳng phải vật nói là vật, vật nói là chẳng phải vật, chẳng phải thật nói là thật, thật nói là chẳng phải thật, chẳng phải cảnh nói là cảnh, cảnh nói là chẳng phải cảnh, chẳng phải sanh nói là sanh, sanh nói là chẳng phải sanh, nhân đến vô minh nói là minh, minh nói là vô minh, sắc nói là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc nói là sắc, chẳng phải đạo nói là đạo, đạo nói là chẳng phải đạo. Này thiện nam tử ! Đức Như-Lai vì điều phục chúng sanh dùng vô lượng phương tiện như vậy há lại là hư vọng ư !

Hoặc có chúng sanh tham của cải, đối với người đó

ta tự hóa thân mình làm vua Chuyển Luân, theo chỗ cần dùng của người đó cung cấp các thứ vật dụng trong nhiều năm, rồi sau giáo hóa nó, cho nó được trụ nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Nếu có chúng sanh tham đắm ngũ dục, trong nhiều năm ta đem ngũ dục cung cấp nó, rồi sau khuyến hóa, cho nó trụ nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Nếu có chúng sanh sang giàu, thời ta trong nhiều năm vì người đó mà làm tội tứ hậu hạ cho người đó vừa lòng, rồi sau khuyến hóa người đó trụ nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Nếu có chúng sanh cứng cõi tự thị cần có người can gián, thời ta trong nhiều năm can ngăn khuyên dạy, làm cho tâm người đó điều thuận rồi sau khuyến hóa người đó trụ nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Đức Như-Lai trong vô lượng năm dùng mọi thứ phương tiện làm cho chúng sanh được trụ nơi Vô Thượng chánh đẳng chánh giác như vậy há lại hư vọng ư !

Chư Phật Như-Lai dầu ở trong chỗ ác nhưng như hoa sen không bị nhiễm ô.

Này Thiện nam tử ! Nên biết nghĩa của bốn tâm vô lượng cũng như vậy, tâm vô lượng này thể tánh có bốn. Nếu có người tu hành thời sanh lên cõi trời Đại Phạm.

Tâm vô lượng này có bốn loại, nên nói là bốn.

Luận về người tu lòng từ có thể dứt tham dục. Người tu lòng bi có thể dứt sân khuê. Người tu lòng hỷ có thể dứt sự chẳng vui. Người tu lòng xả có thể dứt tham dục và sân khuê.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên được gọi là bốn, chẳng phải một, hai cũng chẳng phải ba.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông nói lòng từ có thể dứt được sân, lòng bi cũng như vậy nên nói là ba đó, ông chẳng nên nạn như vậy. Sân khuê có hai thứ: Một là giết chết, hai là đánh đập. Tu lòng từ thời dứt được sự giận giết chết. Tu lòng bi thời dứt được sự giận đánh đập. Do nghĩa đó há lại chẳng phải là bốn ư !

Sân lại có hai thứ: Một là sân với chúng sanh, hai là sân với chẳng phải chúng sanh. Người tu lòng từ dứt được sự sân với chúng sanh. Người tu lòng bi dứt được sự sân với chẳng phải chúng sanh.

Sân lại có hai thứ: Một là có nhân duyên, hai là không

nhân duyên.

Tu lòng từ dứt được sự sân có nhân duyên. Tu lòng bi dứt được sự sân không nhân duyên.

Sân lại có hai thứ: Một là tập quán quá khứ, hai là tập quán hiện tại. Tu lòng từ dứt được sân quá khứ. Tu lòng bi dứt được sân hiện tại.

Sân lại có hai thứ: Một là sân Thánh nhân hai là sân phàm phu. Tu lòng từ dứt được sân Thánh nhân. Tu lòng bi dứt được sân phàm phu.

Sân lại có hai thứ: Một là thượng hai là trung. Tu lòng từ dứt được sân hạng thượng. Tu lòng bi dứt được sân hạng trung.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên gọi là bốn, đâu đặng nạn rằng: Nên ba chẳng nên bốn. Thế nên tâm vô lượng này loại của nó đối nhau phân biệt làm bốn.

Lại do vì căn khí nên thành bốn: Căn khí nếu có tâm từ thời chẳng đặng có tâm bi, hỷ, xả. Vì do nghĩa này nên phải là bốn không bớt được.

Này Thiện nam tử ! Do thật hành sai khác nên phải có bốn. Nếu lúc thật hành hạnh từ không có hạnh bi, hỷ, xả, vì thế nên có bốn.

Này Thiện nam tử ! Do vì vô lượng cũng đặng gọi là bốn. Luận về vô lượng thì có bốn thứ:

Có tâm vô lượng, có duyên chẳng tự tại,

Có tâm vô lượng tự tại, chẳng phải duyên,

Có tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại,

Có tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng phải tự tại.

Thế nào là tâm vô lượng có duyên chẳng tự tại ?
Duyên nơi vô lượng vô biên chúng sanh mà chẳng đặng chánh định tự tại, dầu đặng chánh định nhưng hoặc đặng hoặc mất.

Thế nào là tâm vô lượng tự tại chẳng phải duyên ?
Nhu duyên cha mẹ, anh em, chị em, muốn làm cho được an vui, chẳng phải là duyên vô lượng.

Thế nào là tâm vô lượng cũng duyên cũng tự tại ?
Tức là nói chư Phật Bồ Tát.

Thế nào tâm vô lượng chẳng phải duyên chẳng tự tại ?
Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng có thể duyên rộng vô lượng chúng sanh cũng chẳng phải tự tại.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa đây nên gọi là bốn thứ vô lượng, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết

được, đây là cảnh giới của chư Phật.

Bốn thứ vô lượng như vậy, hàng Thanh Văn, Duyên Giác đều gọi là vô lượng, nhưng chỉ chút ít không đáng kể. Chư Phật và Bồ Tát thời đặng gọi là vô lượng vô biên.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Thật đúng như lời dạy của Phật. Bao nhiêu cảnh giới của Như-Lai, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết đến được. Thế Tôn ! Có Bồ Tát nào trụ nơi Đại thừa Đại Niết Bàn đặng tâm từ bi mà chẳng phải là tâm đại từ đại bi chăng ?”

Phật nói: “ Có. Nay Thiên nam tử ! Bồ Tát nếu đối trong hàng chúng sanh phân biệt ba hạng: Một là người thân yêu, hai là kẻ oán ghét, ba là người không thương không ghét. Đối trong những người thương yêu lại chia ba hạng: Thượng, trung, hạ. Đối với kẻ oán ghét cũng vậy. Vị Bồ Tát này ở trong hạng thương yêu bậc thượng ban cho sự vui tăng thượng. Nơi trong hạng thân yêu bậc trung, bậc hạ cũng bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng. Ở nơi trong hạng oán ghét bậc thượng cho ít phần vui. Nơi trong kẻ oán ghét bậc trung cho sự vui vừa vừa. Nơi trong hạng oán ghét bậc hạ cho sự vui tăng thượng. Bồ Tát lần lượt tu tập thêm lên như vậy. Ở trong hạng oán

ghét bậc thượng ban cho sự vui vừa vừa. Trong hạng oán ghét bậc trung, bậc hạ bình đẳng cho sự vui tăng thượng. Lại tu tập thêm nơi những kẻ oán ghét thượng, trung, hạ bình đẳng ban cho sự vui tăng thượng.

Nếu trong hạng oán ghét bậc thượng ban cho sự vui tăng thượng, bấy giờ đặng gọi là thành tựu tâm từ.

Lúc bấy giờ Bồ Tát đối với cha mẹ và kẻ oán ghét bậc thượng tâm được bình đẳng không sai khác.

Này Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là đặng tâm từ chẳng phải tâm đại từ.

- Bạch Thế Tôn ! Do duyên gì Bồ Tát đặng tâm từ như vậy mà vẫn chẳng đặng gọi là Đại từ ?

- Này Thiện nam tử ! Bởi vì khó thành nên chẳng gọi là Đại từ. Do trong vô lượng kiếp thuở quá khứ chứa nhiều phiền não chưa tu pháp lành, thế nên chẳng có thể ở nơi trong một ngày điều phục được tâm mình.

Này Thiện nam tử ! Ví như hột đậu đá lúc đã khô lấy dùi ghim trọn không dính được. Phiền não cứng rắn cũng như vậy. Dầu một ngày đêm nhiếp tâm chẳng tán, nhưng khó điều phục được.

Lại như chó nhà chẳng sợ người, còn con nai rừng

thấy người sợ chạy. Sân khuê khó trừ như giữ chó nhà, lòng từ dễ mất như nai rừng kia. Thế nên tâm này khó điều phục được. Do nghĩa này nên chẳng gọi là đại từ.

Này Thiện nam tử ! Ví như khắc trên đá lần chữ còn mãi. Vẽ trên nước thì chóng mất. Sân như khắc trên đá. Các căn lành như vẽ trên nước. Vì thế nên tâm này khó điều phục được.

Như đồng lửa lớn chói sáng được lâu. Ánh sáng của điện chớp thoạt có, liền mất. Sân như đồng lửa. Lòng từ như ánh sáng chớp. Vì thế nên tâm này khó điều phục được. Do vì nghĩa này nên chẳng gọi là đại từ.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát trụ bậc Sơ địa gọi là Đại từ. Tại sao vậy ? Vì người tốt hung ác gọi là nhất xiển đề.

Bậc Sơ địa Bồ Tát lúc tu Đại thừa nơi hạng nhất xiển đề tâm không phân biệt chẳng thấy lỗi của họ nên chẳng sanh lòng sân. Do nghĩa này mà đặng gọi là đại từ.

Này Thiện nam tử ! Vì trừ những sự không lợi ích cho các chúng sanh, đây gọi là đại từ.

Muốn cho chúng sanh được vô lượng lợi ích an vui, đây gọi là đại bi.

Đối với các chúng sanh, lòng vui mừng đây gọi là đại

hỷ. Không thấy có chúng sanh được ủng hộ, đây gọi là đại xả.

Nếu chẳng thấy có ngã, pháp tướng, thân mình, thấy tất cả pháp đều bình đẳng không sai khác, đây gọi là đại xả. Tự rời bỏ sự vui của mình mà đem ban cho người khác, đây gọi là đại xả,

Này Thiện nam tử ! Chỉ có bốn tâm vô lượng có thể làm cho Bồ Tát được đầy đủ sáu pháp Ba La Mật, những công hạnh khác chẳng quyết định được như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát trước đặng bốn tâm vô lượng thế gian, vậy sau mới phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, kế đó mới đặng tâm vô lượng xuất thế. Nhân tâm vô lượng thế gian mà được tâm vô lượng xuất thế do vì nghĩa này nên gọi là đại vô lượng”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Trừ sự không lợi ích cùng sự lợi ích an vui thật không còn có việc gì để làm. Suy nghĩ như vậy thời là hư vọng quán sát không có lợi ích thiết thật.

Thế Tôn ! Ví như Tỳ kheo lúc quán bất tịnh thấy y của mình đắp đều trở thành tướng da mà thật chẳng phải là da. Những thức uống ăn đều thấy thành tướng dòi

trùng mà thật chẳng phải dòi trùng. Quán bát canh đậu thành tướng phân dãi mà thật chẳng phải phân.

Quán dầu bơ đang ăn thấy như tủy óc mà thật chẳng phải óc.

Quán xương nát bề đường như bột bún, mà thật chẳng phải bột.

Cũng vậy, bốn tâm vô lượng chẳng có thể thiết thực đem sự lợi ích an vui cho chúng sanh. Dầu miệng nói rằng ban vui cho chúng sanh mà thật chúng sanh chẳng được vui. Tu quán như vậy chẳng phải là hư vọng ư !

Thế Tôn ! Nếu chẳng phải hư vọng mà thật ban cho sự vui, có sao chúng sanh chẳng nhờ oai lực của chư Phật Bồ Tát đặng hoàn toàn an vui tất cả.

Còn nếu quả là thật chẳng được an vui đó, như lời Phật nói: Ta nhớ thuở trước riêng tu tâm từ, trải qua bảy phen thành hoại của cõi này chẳng đến sanh trong nhân gian, lúc thế giới thành sanh lên trời Phạm Thiên. Lúc thế giới hoại sanh lên trời Quang Âm. Khi sanh lên trời Phạm Thiên ta có oai thế tự tại tôn quý hơn hết trong ngàn cõi Phạm Thiên gọi là Đại Phạm Vương. Nếu các chúng sanh đối với ta đều tưởng là bậc tôn thượng thời

được làm vua cõi trời Đao Lợi ba mươi sáu lần. Làm vua Chuyển Luân vô lượng trăm ngàn lần.

Riêng tu lòng từ bèn đặng phước báu cõi trời cõi người như vậy. Nếu chẳng thật được lợi ích, sao hiệp với nghĩa này ?”

Phật nói: “ Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ông thật là dũng mãnh không e sợ.

Phật liền vì Ca Diếp Bồ Tát mà nói kệ rằng:

Đối với một chúng sanh,

Chẳng sanh lòng giận hờn,

Mà muốn ban cho vui,

Đây gọi là từ thiện.

Trong tất cả chúng sanh,

Nếu sanh được lòng bi,

Gọi là thành chủng tánh,

Đặng phước báo vô lượng.

Giả sử Tiên Ngũ thông,

Đông khắp mặt đất này,

Có vua chúa tự tại,

Dâng cấp đủ đồ dùng:
Voi, ngựa, các vật dụng,
Thí cho Tiên được phước,
Chẳng bằng tu lòng từ,
Trong một phần mười sáu.

Này Thiện nam tử ! Luận về người tu lòng từ thật chẳng phải vọng tưởng, mà chắc chắn là chân thật. Nếu là lòng từ của Thanh Văn, Duyên Giác thời gọi là hư vọng. Chư Phật Bồ Tát lòng từ chân thật chẳng hư vọng. Do đâu mà biết như vậy ? Này Thiện nam tử ! Bồ Tát tu hành Đại Niết Bàn. Quán đất làm vàng, quán vàng làm đất, quán mặt đất thành tướng nước, quán mặt nước thành tướng đất, nước quán thành lửa, lửa quán thành nước, đất quán thành gió, gió quán thành đất, tùy ý thành tựu không có hư vọng. Quán chúng sanh thật thành chẳng phải chúng sanh, quán chẳng phải chúng sanh thành chúng sanh thật, đều tùy ý mà thành không có hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Nên biết bốn tâm vô lượng của Bồ Tát là sự tư duy chân thật chẳng phải là không chân thật.

Này Thiện nam tử ! Thế nào gọi là tư duy chân thật ?

Do vì có thể dứt trừ các phiền não vậy. Luận về tu lòng từ có thể dứt được tham dục. Tu lòng bi có thể dứt được sân khuê. Tu lòng hỷ có thể dứt được sự chẳng vui vẻ. Tu lòng xả có thể dứt được tham dục, sân khuê và tướng chúng sanh.

Vì thế nên gọi là tư duy chân thật.

Này Thiện nam tử ! Bốn tâm vô lượng của Bồ Tát có thể làm cội gốc cho tất cả hạnh lành.

Bồ Tát nếu chẳng thấy được chúng sanh nghèo cùng thời không duyên để sanh lòng từ. Nếu lòng từ chẳng sanh thời không thể khởi tâm huệ thí. Do nhân duyên huệ thí làm cho chúng sanh đặng an vui. Ban cho những đồ uống ăn, xe cộ, y phục, hoa hương, giường ghế, nhà cửa, đèn đuốc. Lúc ban cho như vậy, lòng cởi mở chẳng sanh niệm tham đắm, quyết định hồi hướng Vô Thượng chánh đẳng, chánh giác. Lúc đó tâm của Bồ Tát không dừng ở chỗ nào, dứt hẳn vọng tưởng, chẳng kẹt nơi sự sợ sệt, danh dự, tài lợi, chẳng cầu quả báo vui sướng cõi trời cõi người, chẳng kiêu mạn, chẳng trông người trả ơn, chẳng vì phỉnh người mà làm việc bố thí, chẳng cầu giàu sang.

Phàm lúc làm việc bố thí, chẳng thấy người thọ là tri giới hay phá giới, là phước điền hay chẳng phải phước

điền, là hàng tri thức hay chẳng phải tri thức, lúc bổ thí cũng chẳng thấy là căn khí hay chẳng phải căn khí, chẳng lựa ngày giờ, chẳng chọn chỗ nơi, cũng chẳng tính là lúc được mùa hay đói kém, chẳng thấy nhân quả chẳng phân biệt là chúng sanh hay chẳng phải chúng sanh, là phước hay chẳng phải phước.

Dầu lại chẳng thấy người thí kẻ thọ cùng của cải nhân đến chẳng thấy nhân tu cùng quả báo, mà luôn luôn làm việc bổ thí không ngừng.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát nếu thấy người lãnh thọ là trì giới hay phá giới v.v... nhân đến thấy có quả báo thời chẳng thể bổ thí trọn vẹn. Nếu chẳng bổ thí trọn vẹn thời không thể đầy đủ Đàn Ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật thời không thể thành Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người thân bị trúng tên độc. Quyến thuộc của người đó vì muốn cho người đó được an ổn liền mời lương y đến để nhổ tên độc.

Người đó nói đừng động đến chờ tôi quan sát coi mũi tên độc này từ phương nào bay đến, của ai bắn, người bắn là dòng nào: Là Sát Đế Lợi hay Bà La Môn, là Tỳ Xá hay Thủ Đà. Nghiệm coi mũi tên làm bằng cây, bằng

tre hay bằng gỗ liễu. Mũi sắt từ lò nào rèn, cứng hay mềm, đuôi lông và lông cánh chim gì, chim quạ hay kên kên. Chất độc tẩm trong mũi tên tự nhiên mà có hay chế ra, là độc của loài người hay độc của loài rắn.

Người ngu si đó chưa biết được mà đã chết.

Này Thiện nam tử ! Cũng vậy, Bồ Tát nếu lúc làm việc bố thí phân biệt người thọ là trì giới hay phá giới, nhân đến phân biệt quả báo, thì chẳng bố thí trọn vẹn

Nếu chẳng bố thí trọn vẹn thì chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật. Nếu chẳng đầy đủ Đàn Ba la mật thì chẳng đặng thành Vô Thượng chánh đẳng chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Lúc làm việc bố thí Bồ Tát đối với chúng sanh lòng từ bình đẳng tưởng như con mình. Lại lúc làm việc bố thí, đối với các chúng sanh Bồ Tát sanh lòng thương xót như cha mẹ săn sóc đứa con đang đau ốm. Lúc làm việc bố thí, lòng Bồ Tát vui mừng như cha mẹ thấy con lành mạnh.

Sau khi đã bố thí lòng Bồ Tát buông bỏ như cha mẹ thấy con khôn lớn đã có thể tự sanh sống.

Vị Bồ Tát này ở trong tâm từ, lúc bố thí thức ăn thường nguyện như vậy: Nay những đồ ăn của ta bố thí

đều cho chung tất cả chúng sanh, do nhân duyên này làm cho chúng sanh đặng có trí huệ lớn, siêng tu hồi hướng Đại-thừa Vô Thượng. Nguyên các chúng sanh đặng có trí lành chẳng cầu báo Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyên các chúng sanh đặng món ăn pháp hỷ chẳng cầu món ăn ái nhiễm. Nguyên các chúng sanh đặng món ăn Bát Nhã Ba La Mật, đều được đầy đủ phương tiện vô ngại, thêm lớn căn lành. Nguyên các chúng sanh hiểu thấu tướng vô đắc, thân vô ngại dường như hư không. Nguyên các chúng sanh thường làm người lãnh thọ, thương xót tất cả mọi loài mà làm phước điền cho chúng.

Này Thiện nam tử ! Lúc tu lòng từ khi đem thức ăn bố thí nên phải phát những điều nguyện như trên.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí các thức uống, Bồ Tát ở trong lòng từ nên nguyện rằng: Những thức uống bố thí hôm nay ta đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhân duyên này làm cho chúng sanh đến sông Đại Thừa uống nước bát vị mau lên đường Vô Thượng Bồ Đề, rời khỏi sự khô khát của Thanh Văn, Duyên Giác mà khát ngưỡng cầu Phật thừa Vô Thượng, dứt khát phiền não mà khát ngưỡng pháp vị. Rời niệm ưa sanh tử mà ưa thích Đại Thừa Đại Niết Bàn đầy đủ pháp thân đặng các

tam muội vào nơi biển lớn trí huệ rất sâu. Nguyên các chúng sanh đặng vị cam lồ trí giác xuất thế ly dục tịch tịnh. Nguyên các chúng sanh đầy đủ vô lượng trăm ngàn pháp vị. Đủ pháp vị rồi đặng thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh rồi có thể rưới mưa pháp. Rưới mưa pháp rồi Phật tánh trùm khắp dường như hư không. Lại làm cho vô lượng chúng sanh khác đặng pháp vị duy nhất tức là Đại thừa, chẳng phải vị sai biệt Thanh Văn và Duyên Giác. Nguyên các chúng sanh chỉ cầu pháp vị Phật tánh vô ngại, chẳng cầu những vị khác.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí các thức uống trong tâm từ Bồ Tát phải phát những nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí xe cộ Bồ Tát ở trong tâm từ nên nguyện rằng: Những đồ của tôi bố thí hôm nay đều cho chúng sanh chung hưởng. Do nhân duyên này khiến tất cả chúng sanh trọn nên Đại thừa, trụ nơi Đại thừa, bất thối Đại thừa, bất động chuyển thừa, Kim Cang tòa thừa. Chẳng cầu thừa Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ hồi hướng nơi Phật thừa Vô Thượng.

Bồ Tát ở trong tâm từ lúc bố thí xe cộ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong

tâm từ nên nguyện rằng: Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng, do nhân duyên này làm cho chúng sanh đặng y phục tầm quý. Pháp giới che thân xé rách y phục kiến chấp. Y phục rời thân một thước sáu tấc, đặng thân sắc vàng chạm xúc êm dịu, màu sắc nhuần láng, da thừa mịn màng, chiếu sáng vô lượng: Không sắc, rời nơi sắc. Nguyện các chúng sanh tất cả đều đặng thân không sắc vượt tất cả sắc, đặng chứng nhập Đại Niết Bàn không sắc.

Lúc bố thí y phục Bồ Tát ở trong tâm từ nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bố thí hoa hương, hương thoa, hương bột, các hương thơm, trong tâm từ Bồ Tát nên nguyện rằng: Những đồ bố thí của ta hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhân duyên này làm cho tất cả chúng sanh đều được bông tam muội của Phật, tràng hoa thất giác chi tốt đẹp vấn trên đầu của chúng. Nguyện các chúng sanh thân hình xinh đẹp như trăng tròn, các màu sắc được thấy diệu màu đệ nhất. Nguyện các chúng sanh đều thành tướng trăm phước trang nghiêm. Nguyện các chúng sanh tùy ý đặng thấy màu sắc vừa ý. Nguyện các chúng sanh thường gặp bạn

lành đặng hương vô ngại rời những hôi nhờn. Nguyên các chúng sanh, đầy đủ căn lành trân bảo Vô Thượng. Nguyên các chúng sanh nhìn nhau hòa vui không có lo khổ, đầy đủ hạnh lành. Nguyên các chúng sanh trọn đủ giới hương. Nguyên các chúng sanh trì giới vô ngại mùi thơm ngạt ngào khắp cả mười phương. Nguyên các chúng sanh, đặng giới bền chắc, đặng giới không nghi hối đặng giới nhất thể trí, rời các sự phá giới, đều đặng giới không, giới chưa từng có, giới vô sự, giới vô tác, giới không ô nhiễm, giới hoàn toàn, giới rốt ráo, giới bình đẳng. Lấy hương xoa nơi thân xem đồng như chém đâm không có ưa cùng ghét. Nguyên các chúng sanh đặng giới Vô Thượng, giới Đại thừa, chẳng phải giới Tiểu thừa. Nguyên các chúng sanh đều đặng đầy đủ Thi Ba La Mật, như chư Phật thành tựu giới độ. Nguyên các chúng sanh đều được huân tu hạnh bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Nguyên các chúng sanh đều đặng trọn nên hoa sen vi diệu Đại Niết Bàn. Hoa đó mùi thơm khắp cả mười phương. Nguyên các chúng sanh thuần ăn cơm thơm Vô Thượng Đại Thừa Đại Niết Bàn. Như con ong hút hoa chỉ lấy vị mật. Nguyên các chúng sanh đều đặng thành tựu thân vô lượng công đức.

Lúc bồ thí hoa hương Bồ Tát ở trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Lúc bồ thí giường chiếu, Bồ Tát ở trong tâm từ nên phát nguyện rằng: Những giường chiếu của tôi hôm nay cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhân duyên này làm cho chúng sanh đặng giường nằm của bậc trời ở trong các trời, đặng trí huệ lớn ngồi tứ thiên, nằm ở nơi giường của Bồ Tát, chẳng nằm nơi giường của Thanh Văn, Bích Chi Phật là giường nằm thô ác. Nguyện cho chúng sanh đặng giường an lạc, là giường sanh tử thành tựu giường sư tử Đại Niết Bàn.

Nguyện cho các chúng sanh ngồi trên giường này rồi, lại vì vô lượng chúng sanh khác thị hiện thân thông sư tử du hý. Nguyện các chúng sanh trụ trong cung điện lớn Đại thừa này vì các chúng sanh khác diễn nói Phật tánh.

Nguyện các chúng sanh ngồi trên giường Vô Thượng chẳng bị pháp thế gian chi phối.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nhẵn nhục, rời hẳn sanh tử đói khát lạnh lẽo.

Nguyện các chúng sanh đặng giường vô úy là hẳn tất cả giấc phiền não.

Nguyện các chúng sanh đặng giường thanh tịnh
chuyên cầu đạo Vô Thượng chánh chân.

Nguyện các chúng sanh đặng giường pháp lành
thường được bạn lành ủng hộ.

Nguyện các chúng sanh đặng giường nằm hông bên
hữu, nương nơi pháp của chư Phật đã làm.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí giường chiếu ở
trong tâm từ nên phải phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong
tâm từ thường phát nguyện rằng: Nhà cửa của tôi bố thí
hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do
nhân duyên này làm cho các chúng sanh ở nhà Đại thừa,
tu hành những hạnh của thiện hữu làm, thật hành hạnh
đại bi, hạnh lục độ, hạnh đại chánh giác, đạo hạnh của tất
cả Bồ Tát làm, hạnh rộng lớn vô biên như hư không.

Nguyện các chúng sanh đều đặng chánh niệm, xa lìa
niệm ác.

Nguyện các chúng sanh đều đặng an trụ thường, lạc,
ngã, tịnh, lìa hẳn bốn thứ điên đảo.

Nguyện các chúng sanh thấy đều thọ trì nhà xuất thế.

Nguyện các chúng sanh đều là căn khí Vô Thượng

nhất thiết trí.

Nguyện các chúng sanh đều đặn vào nơi ngôi nhà cam lồ.

Nguyện các chúng sanh trong tất cả tâm thường vào ngôi nhà Niết Bàn.

Nguyện các chúng sanh nơi đời vị lai thường ở cung điện của Bồ Tát ở. Bồ Tát lúc bố thí nhà cửa ở trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng ở trong tâm từ thường nguyện rằng những đèn sáng của tôi bố thí hôm nay đều cho tất cả chúng sanh chung hưởng. Do nhân duyên này làm cho các chúng sanh có vô lượng ánh sáng an trụ nơi Phật pháp.

Nguyện các chúng sanh thường đặn chiếu sáng.

Nguyện các chúng sanh được sắc thân tốt đẹp nhuần sáng đệ nhất.

Nguyện các chúng sanh đặn con mắt thanh tịnh không có những màng lòa.

Nguyện các chúng sanh đặn đước đại trí huệ, khéo hiểu lý vô ngại, không tướng chúng sanh, không tướng nhân, không tướng thọ mạng.

Nguyện các chúng sanh đều đặng nhìn thấy Phật tánh thanh tịnh dường như hư không.

Nguyện các chúng sanh nhục nhãn thanh tịnh thấy suốt hằng hà sa thế giới ở mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng ánh sáng của Phật chiếu khắp mười phương.

Nguyện các chúng sanh đặng con mắt vô ngại đều được thấy Phật tánh thanh tịnh.

Nguyện các chúng sanh đặng trí huệ lớn phá tất cả tối tăm và kẻ nhất xiển đề.

Nguyện các chúng sanh đặng vô lượng quang minh chiếu vô lượng thế giới của chư Phật.

Nguyện các chúng sanh thấp đèn Đại-thừa rời đèn nhị thừa.

Nguyện các chúng sanh đặng quang minh dứt trừ tối vô minh hơn công dụng chiếu sáng của ngàn mặt trời.

Nguyện các chúng sanh được ánh sáng hỏa châu, diệt hết những tối tăm của tam thiên đại thiên thế giới.

Nguyện các chúng sanh đầy đủ ngũ nhãn, tỏ ngộ pháp tướng, thành vô sư trí.

Nguyện các chúng sanh không kiến không minh.

Nguyện các chúng sanh đều đặng ánh sáng vi diệu Đại Thừa Đại Niết Bàn, khai thị cho chúng sanh ngộ Phật tánh chân thật.

Bồ Tát lúc bố thí đèn sáng trong tâm từ thường nên phát nguyện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả Thanh Văn, Duyên Giác Bồ Tát chư Phật chỗ có căn lành đều do tâm từ làm căn bản.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát tu tập tâm từ, có thể sanh vô lượng căn lành như những quán hạnh: Bất tịnh, sở tức, vô thường, tứ niệm xứ, bảy phương tiện, ba quán xứ, mười hai nhân duyên, vô ngã v.v... Cùng với pháp noãn, pháp đánh, pháp nhẫn, pháp thế đệ nhất, kiến đạo, tu đạo, chánh cần, như ý, ngũ căn, ngũ lực, thất bồ đề phần, bát Thánh đạo phần, tứ thiên, tứ vô lượng tâm, bát giải thoát, bát thắng xứ, mười nhất thiết nhập, không, vô tướng, vô nguyện, vô tránh tam muội, tha tâm trí, các thần thông, trí biết bốn tế, trí Thanh Văn, trí Duyên Giác, trí Bồ Tát, trí Phật.

Này Thiện nam tử ! Những pháp như vậy tâm từ là

căn bản. Do vì nghĩa đó nên từ là chân thật chẳng phải là hư vọng.

Nếu có người hỏi gì là căn bản của tất cả pháp lành ? Nên đáp: Chính là tâm từ. Do vì nghĩa đó nên từ là chân thật, chẳng phải hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Người có thể thực hành pháp lành, gọi là thật tư duy, người thật tư duy, bèn gọi là có tâm từ. Tâm từ chính là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại thừa, Đại thừa tức là tâm từ, tâm từ tức là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo Bồ Đề, đạo Bồ Đề tức là tâm từ, tâm từ tức là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại Phạm, Đại Phạm tức là tâm từ, tâm từ tức là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ có thể vì tất cả chúng sanh mà làm phụ mẫu, phụ mẫu tức là tâm từ, tâm từ chính là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ là cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật. Cảnh giới chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật chính là tâm từ. Nên biết tâm từ chính là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ chính là Phật tánh của chúng sanh. Phật tánh như vậy từ lâu bị phiền não che đậy nên làm cho chúng sanh chẳng đặng nhìn thấy, Phật tánh tức là tâm từ, tâm từ chính là Như-Lai.

Này thiện nam tử ! Tâm từ tức là Đại không, Đại không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là hư không, hư không tức là tâm từ, tâm từ tức là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là thường, thường tức là pháp, pháp tức là Tăng. Tăng tức là từ, từ chính là Như-Lai.

Và này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là lạc, lạc tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, từ chính là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là tịnh, tịnh tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ tức là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là ngã, ngã tức là pháp, pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cam lồ, cam lồ tức

là tâm từ, tâm từ tức là Phật tánh, Phật tánh tức là Pháp, Pháp tức là Tăng, Tăng tức là tâm từ, tâm từ chính là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là đạo Vô Thượng của tất cả Bồ Tát, đạo là tâm từ, tâm từ chính là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ tức là cảnh giới vô lượng của chư Phật, cảnh giới vô lượng tức là tâm từ, nên biết tâm từ tức là Như-Lai.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô thường, vô thường tức là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là khổ, khổ là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là bất tịnh, bất tịnh là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là vô ngã, vô ngã là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là vọng tưởng, vọng tưởng là tâm từ, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng gọi là Đản Ba

La Mật nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Nhẫn đến Bát Nhã Ba La Mật cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể lợi ích chúng sanh, tâm từ như vậy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng vào đạo nhất tướng, nên biết tâm từ đó là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu chẳng có thể thấu rõ các pháp, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu thấy các pháp đều có tướng, nên biết tâm từ ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu lậu ấy là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ là hữu vi, tâm từ hữu vi này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng trụ nơi bậc sơ trụ thời chẳng phải tâm từ của sơ trụ, nên biết tức là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ chẳng có thể đặng mười trí lực của Phật và bốn món vô sở úy, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu tâm từ có thể đặng bốn quả Sa Môn, nên biết tâm từ này là tâm từ của Thanh Văn.

Này Thiện nam tử ! Tâm từ nếu là có, không, chẳng phải có, chẳng phải không, tâm từ như vậy chẳng phải hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật nghĩ bàn được. Tâm từ nếu chẳng thể nghĩ bàn, thời pháp chẳng thể nghĩ bàn, Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn, Như-Lai cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vị Đại Bồ Tát trụ nơi Đại Thừa Đại Niết Bàn tu tâm từ như vậy, dầu lại an trụ trong thùy miên mà chẳng thùy miên, do vì siêng năng tinh tấn. Dầu thường thức giấc cũng không thức giấc, vì không có ngủ. Ở trong thùy miên chư thiên dầu hộ vệ cũng không hộ vệ, vì chẳng làm việc ác. Thùy miên chẳng ác mộng, không có việc chẳng lành vì rời thùy miên. Sau khi mạng chung dầu sanh lên Phạm Thiên cũng không sanh vì đặng tự tại.

Này Thiện nam tử ! Luận về người tu từ có thể đặng thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy.

Này Thiện nam tử ! Kinh điển Đại Niết Bàn vi diệu này cũng có thể thành tựu vô lượng vô biên công đức như vậy. Chư Phật Như-Lai cũng đặng thành tựu vô

lượng vô biên công đức như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Phàm Bồ Tát tư duy đều là chân thật. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng phải là chân thật. Tất cả chúng sanh có chi chẳng nhờ oai lực của Bồ Tát đồng thọ khoái lạc. Nếu các chúng sanh thật chẳng đặng khoái lạc, nên biết tâm từ của Bồ Tát tu tập là không lợi ích”.

Phật nói: “ Này Thiện nam tử ! Tâm từ của Bồ Tát chẳng phải không lợi ích.

Có những chúng sanh hoặc quyết định thọ khổ. Hoặc có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ. Nếu có chúng sanh quyết định thọ khổ, lòng từ của Bồ Tát là không lợi ích, vì đó là hàng nhất xiển đề.

Nếu có chúng sanh chẳng quyết định thọ khổ thời lòng từ của Bồ Tát là lợi ích, làm cho chúng sanh đó đều thọ khoái lạc.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người từ xa thấy sư tử, cọp, beo, chó sói, quỷ La Sát v.v... tự nhiên sanh sợ sệt. Ban đêm thấy gốc cây trụi cũng sanh sợ sệt.

Những người như vậy tự nhiên sợ sệt, cũng thế, chúng sanh thấy người tu tâm từ tự nhiên thọ khoái lạc.

Do nghĩa đó nên Bồ Tát tu tâm từ là tư duy chân thật chẳng phải không lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Ta nói tâm từ này có vô lượng môn, chính là những thần thông.

Này Thiện nam tử ! Như Đề Bà Đạt Đa xưa kia bảo vua A Xà Thế làm hại đức Như-Lai. Lúc đó ta cùng chúng Tăng vào thành Vương Xá thứ đệ khát thực.

Vua A Xà Thế liền thả voi say để hại ta cùng chư Tăng. Lúc đó voi say đạp chết trăm ngàn chúng sanh. Voi ấy ngửi hơi máu, nên hung tợn càng thêm hung tợn, nhắm ngay đoàn của ta mà chạy thẳng đến. Các đệ tử chưa ly dục kinh sợ chạy tứ tán chỉ một mình A Nan ở lại. Lúc đó nhân dân trong thành Vương Xá đều cả tiếng kêu khóc, hôm nay đức Như-Lai có thể bị hại, có sao đáng Chánh Giác lại vội sẽ diệt mất. Còn Điều Đạt trong lòng hớn hở. Sa Môn Cù Đàm bị hại chết thời là rất tốt, kế của ta rất hay, ta sắp sẽ được toại nguyện.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta vì muốn hàng phục voi say liền nhập từ tâm tam muội, xòè bàn tay chỉ voi, năm đầu ngón tay ta hiện năm sư tử. Voi say thấy sư tử, lòng nó quá sợ, phần tiểu vẩy ra, gieo mình mọp xuống kính lễ dưới chân ta.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó năm đầu ngón tay của ta thật không hư tử, đó là do sức thiện căn tu tâm từ làm cho voi say được điều phục.

Thiện nam tử ! Vừa rồi lúc ta muốn nhập Niết Bàn, mới khởi sự đi đến thành Câu Thi Na. Giữa đường có năm trăm lực sĩ dọn quét đường sá có một hòn đá to, bọn họ muốn khiêng bỏ nhưng sức họ chẳng khiêng nổi. Lúc đó ta xót thương liền khởi tâm từ. Bọn lực sĩ kia liền thấy ta lấy ngón chân cái hất hòn đá văng lên hư không, rồi lấy tay hứng bắt để hòn đá trên bàn tay mặt, thổi nát ra rồi ráp liền lại làm cho bọn lực sĩ hết cao mạn. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho họ đồng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó Như-Lai thật chẳng dùng ngón chân hất văng hòn đá, cho đến chẳng thổi nát và ráp lại.

Này Thiện nam tử ! Nên biết chính là sức thiện căn của tâm từ làm cho bọn lực sĩ thấy như vậy.

Này Thiện nam tử ! Xứ Nam Thiên Trúc này có một thành lớn Thủ Ba La. Trong thành đó có một Trưởng giả tên Lưu Chí, được đại chúng kính trọng. Ông này đã vun trồng cội lành từ vô lượng đức Phật thưở quá khứ. Nhân

dân trong thành đó tin theo đạo tà, phụng sự phái Ni Kiên Tử. Ta muốn độ ông Trưởng giả Lưu Chí, liền từ Vương Xá thành đến thành Thủ Ba La. Phái Ni Kiên Tử nghe ta sắp đến thành liền bàn với nhau: Sa Môn Cù Đàm nếu đến thành này, nhân dân chắc sẽ bỏ ta chẳng còn cung cấp, chúng ta lấy gì sanh sống.

Bàn xong, chúng Ni Kiên Tử chia ra loan báo với người trong thành. Sa Môn Cù Đàm sắp đến thành này. Nhưng Sa Môn đó lìa bỏ cha mẹ du phương các xứ, ông đến đâu thời làm cho xứ đó mất mùa đói khát nhân dân bị bệnh trời, bệnh dịch không thể cứu chữa. Cù Đàm là hạng vô lại dốt theo toàn những quỷ La Sát hung ác, là kẻ cô cùng, không cha, không mẹ đi theo làm môn đồ. Giáo thuyết của ông toàn là hư vọng. Ông đến nơi nào thời xứ đó không an vui.

Nhân dân trong thành nghe những lời đó kinh sợ quá lay mọp dưới chân bọn Ni Kiên Tử thưa rằng: Đại Sư ! Nay chúng tôi phải thiết kế gì ?

Bọn Ni Kiên Tử đáp: Tánh của Sa Môn Cù Đàm ưa lùm rừng, suối chảy nước trong. Các người nên ra ngoài thành, chỗ nào có rừng suối phải đốn hết cây cối đem phần dơ rẫy xuống giếng, ao, khe, suối. Rồi đóng chặt

cửa thành võ trang phòng vệ. Ông ấy đến thời dừng cho vào. Ông ấy không vào thành được thời các người sẽ được an ổn. Chúng ta cũng sẽ dùng pháp thuật làm cho ông Cù Đàm phải rút lui.

Nhân dân trong thành liền thật hành theo: Đốn hết cây cối, làm như đục hết các giòng suối, võ trang phòng vệ.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta đến ngoài thành kia chẳng thấy rừng cây, chỉ thấy trên mặt thành võ trang giữ gìn chặt chẽ, ta liền thương xót khởi tâm từ. Những cây cối mọc lên như cũ mà còn có phần tươi tốt hơn. Nước trong sông, ao giếng, suối đều trở nên sạch sẽ, đầy tràn trong như lưu ly, nhiều thứ hoa đẹp thơm mọc lan tràn mặt đất. Vách thành biến làm lưu ly xanh. Nhân dân trong thành đều thấy đặng ta và đại chúng. Cửa thành tự mở toang, không ai kèm ngăn được. Võ khí của nhân dân biến thành cảnh hoa đẹp. Lúc đó Trưởng giả Lưu Chí dẫn nhân dân hiệp đoàn đến chỗ Phật. Ta liền vì họ nói các pháp yếu làm cho mọi người đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta thật chẳng hóa những rừng cây, cũng chẳng làm cho nước trong sạch đặng đầy tràn, cũng chẳng biến thành đó làm lưu ly xanh để cho

nhân dân kia thấy suốt ta và đại chúng, cũng chẳng mở cửa thành, biến võ khí làm cành hoa. Nên biết những việc ấy đều do sức căn lành của lòng từ làm cho nhân dân thành Thủ Ba La thấy việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Thành Xá Vệ có nàng Bà Tư Tra, giòng Bà La Môn, chỉ sanh một trai, nên nàng yêu quý lắm. Một hôm đứa trẻ bị bệnh chết, nàng quá tiếc thương, buồn rầu đến mất trí, như điên như cuồng, xé nát quần áo, thân thể lỏa lồ, đi rong khắp thành ấp tìm con, miệng luôn kêu khóc: Ôi ! Con ôi ! Con bỏ mẹ đi đâu ?

Nàng Bà Tư Tra này đời trước đã từng gieo trồng căn lành ở nơi chư Phật quá khứ.

Này Thiện nam tử ! Ta nghe việc như vậy động lòng xót thương. Bà Tư Tra liền thấy được ta, nàng ngỡ là con trai của nàng, chạy vội đến ôm như cách yêu con, tâm trí tỉnh lại. Ta liền bảo A Nan mang y phục đến cho nàng mặc, rồi ta vì nàng mà giảng giải pháp yếu. Được nghe pháp, nàng Bà Tư Tra vui mừng hơn hờ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thật ra ta không phải là con của nàng ấy, nàng ấy không phải là mẹ ta, cũng không có việc ôm ấp. Nên biết đều do sức căn lành của

lòng từ làm cho nàng Bà Tư Tra thấy việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Có cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa ở tại thành Ba La Nại. Cô này đã từng gieo trồng căn lành từ vô lượng đức Phật thuở quá khứ.

Một mùa hạ kia, cô nguyện dâng thuốc (*men*) cho chư Tăng.

Trong chư Tăng, bỗng có một Tỳ kheo mang bệnh nặng. Y sĩ điều trị bảo phải dùng thịt tươi làm thuốc. Ngoài thịt tươi ra không gì trị được và sẽ nguy đến tánh mạng. Nhằm ngày quốc pháp cấm giết thịt, nên không tìm đâu ra thịt tươi để mua mặc dầu cô muốn đem vàng ròng trọng lượng bằng thịt để đổi. Cô Ưu Bà Di Ma Ha Tư Na Đạt Đa bèn tự cắt thịt bắp vế, chế nấu theo lời Y Sĩ, rồi đem dâng cho Tỳ kheo bệnh dùng. Nhờ đó Tỳ kheo được lành mạnh.

Vết thương nơi bắp vế hành quá đau nhức, cô rên rỉ niệm Phật: Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật !

Bấy giờ ta đang ở tại thành Xá Vệ, nghe tiếng niệm Phật của cô, động lòng đại từ. Liên đó, cô thấy ta đem thuốc đến đắp lên vết thương, hết đau nhức, thịt lành như cũ. Rồi ta vì cô mà giảng giải pháp yếu. Cô được nghe

Pháp vui mừng hơn hờ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thật ra ta không đem thuốc đến thành Ba La Nại đắp cho cô Ma Ha Tư Na Đạt Đa, nên biết đó là do sức căn lành của lòng từ khiến cô Ưu Bà Di ấy thấy những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông Điều Đạt tham uống quá nhiều chất tồ, nên nhức đầu đau bụng. Quá khốn khổ chịu không nổi, ông liền niệm: Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật !

Bấy giờ ta đang ở tại thành Ưu Thiên Ni, nghe tiếng niệm động lòng đại từ.

Điều Đạt liền thấy ta đem thuốc đến cho uống, cùng dùng tay xoa đầu xoa bụng, do đó ông được hết bệnh.

Này Thiện nam tử ! Thật ra ta không có đến chỗ Điều Đạt để xoa đầu xoa bụng và cho ông ấy uống thuốc. Đó là do sức căn lành của lòng từ khiến ông Điều Đạt thấy việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nước Kiền Tát La có đảng cướp năm trăm người, lộng hành làm hại dân chúng. Vua Ba Tư nặc sai binh vây đánh bắt sống được trọn đảng cướp. Vua truyền khoét mắt cả năm trăm tên cướp, rồi thả trong rừng sâu.

Đảng cướp này đã từng gieo trồng căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ, nên khi đau đớn khôn khổ quá bèn đồng xưng rằng: Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật ! Chúng con nay không người cứu hộ. Cùng nhau khóc than thâm.

Bấy giờ ta đang ở tại Kỳ Hoàn tịnh xá, nghe tiếng kêu cầu, động lòng đại từ. Lúc đó có gió mát thổi chất thuốc từ núi Hương Sơn đến tụ đầy lỗ mắt của năm trăm người, biến thành tròng mắt, bọn họ đều được thấy tỏ như xưa. Mở mắt ra, bọn họ thấy đức Như-Lai đứng trước mặt họ giảng pháp yếu. Sau khi nghe pháp, cả bọn đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó thật ra ta không làm gió thổi thuốc đến cứu mắt họ, cũng không có đến thuyết pháp cho họ. Đó là do sức căn lành của lòng từ, khiến họ thấy những việc như vậy.

Này Thiện nam tử ! Vì ngu si, Thái Tử Lưu Ly phế Phụ Vương lập mình làm vua, lại nhớ đến sự hiềm oán ngày trước giết hại giòng họ Thích. Vua Lưu Ly bắt hai ngàn phụ nữ họ Thích cắt tai theo mũi, chặt đứt tay chân, rồi bỏ xuống hầm. Các phụ nữ họ Thích quá đau khổ bèn niệm rằng: “Nam Mô Phật ! Nam Mô Phật ! Chúng tôi

ngày nay không ai cứu vớt”. Cùng nhau khóc than thâm.

Các phụ nữ này đã từng trông căn lành nơi chư Phật thuở quá khứ.

Lúc đó ta ở tại Trúc Lâm Tịnh Xá nghe tiếng than của họ liền sanh lòng từ. Các phụ nữ khổ nạn kia bèn thấy ta đến thành Ca Tỳ La, lấy nước rửa vết thương cho họ rồi dùng thuốc đắp lên vết thương. Họ không còn đau nhức. Lỗ tai, lỗ mũi và tay chân lành lại như cũ. Ta liền vì họ giảng nói pháp yếu. Vừa hết đau khổ lại được nghe pháp, các phụ nữ ấy đều phát tâm Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Sau đó các phụ nữ ấy đến nơi bà Đại Ái Đạo Tỳ Kheo Ni xuất gia thọ giới cụ túc.

Này Thiện nam tử ! Thật ra lúc đó đức Phật không có đến thành Ca Tỳ La, cũng không có lấy nước rửa và đắp thuốc nơi vết thương. Phải biết đều là do sức căn lành của lòng từ làm cho các phụ nữ kia thấy những việc như vậy.

Như căn lành của lòng từ, lòng bi, lòng hỷ cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Đại Bồ tát tu

tập lòng từ là chân thật chẳng phải hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Luận về vô lượng là chẳng thể nghĩ bàn. Công hạnh của Bồ Tát cũng chẳng thể nghĩ bàn, công hạnh của Phật và kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn cũng đều chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu từ, bi, hỷ rồi đặng trụ nơi bậc rất yêu thương con một.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là bậc ? Sao gọi là rất yêu thương và sao gọi là con một ?

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con an ổn lòng rất vui mừng. Đại Bồ Tát ở bậc này xem các chúng sanh đồng như con một, thấy người tu hạnh lành Bồ Tát rất vui mừng, vì thế nên bậc này gọi là rất yêu thương.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ thấy con đau ốm lòng rất khổ não xót thương sẵn sóc không tạm rời. Cũng vậy, Đại Bồ Tát ở trong bậc này thấy các chúng sanh bị bệnh phiền não ràng buộc bức khổ, trong lòng rầu lo thương tưởng như con, đến nỗi lỗ chân lông nơi thân đều rỉ máu ra. Vì thế nên gọi là bậc này là con một.

Này Thiện nam tử ! Như người lúc bé thơ lượm đất cục, ngói đá, xương khô, nhánh cây đút vào miệng. Cha

mẹ xem thấy sợ bị hại, tay tả nắm đầu con, tay hữu móc ra. Cũng vậy, Đại Bồ Tát trụ nơi bậc này thấy các chúng sanh pháp thân chưa tăng trưởng, hoặc thân khẩu ý tạo nghiệp chẳng lành. Bồ Tát bèn lấy tay trí huệ cứu vớt đó, chẳng muốn chúng sanh lưu chuyển trong sanh tử mà phải thọ những khổ não. Vì thế nên bậc này lại gọi là con một.

Này Thiện nam tử ! Ví như đứa con thân yêu chết mất, thời cha mẹ buồn rầu muốn cùng chết theo con. Cũng vậy, Đại Bồ Tát thấy hạng nhất xiển đề đọa nơi địa ngục, cũng nguyện cùng họ sanh chung trong địa ngục. Vì hạng nhất xiển đề này lúc bị khổ, hoặc sanh một niệm ăn năn chừa cải, Bồ Tát sẽ vì họ thuyết pháp làm cho họ sanh đặng một niệm căn lành. Vì thế nên bậc này gọi là con một.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con, lúc đứa con ngủ, thức, đi, đứng, ngồi, nằm, lòng cha mẹ luôn luôn nhớ tưởng. Nếu con có lỗi làm cha mẹ chỉ thương xót dạy dỗ chớ chẳng làm hại. Cũng vậy, Đại Bồ Tát thấy các chúng sanh hoặc bị đọa địa ngục súc sanh ngã quý, hoặc sanh trong loài người, trên trời, gây tạo những nghiệp lành nghiệp dữ, lòng Bồ Tát thường nhớ

tưởng trọn không rời bỏ chúng sanh. Nếu có chúng sanh tạo ác, Bồ Tát trọn chẳng giận hờn, chẳng làm hại. Vì thế nên bậc này gọi là con một.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: “ Thế Tôn ! Như lời Phật đã nói ý rất sâu kín, nay tôi trí cạn cợt làm sao hiểu được. Nếu các vị Đại Bồ Tát trụ nơi bậc con một có thể được như thế, tại sao đức Như-Lai xưa kia là vị quốc vương thật hành đạo Bồ Tát mà lại giết hại giòng Bà La Môn. Nếu đặng bậc này thời lẽ ra phải xót thương ủng hộ, còn nếu chẳng đặng bậc này, nhân duyên gì lại chẳng đọa vào địa ngục.

Nếu bình đẳng xem tất cả chúng sanh là con như La Hầu La, có sao đức Phật lại quở Đê Bà Đạt Đa: Đồ ngu si không biết hổ thẹn ăn nước miếng, nước mũi của người. Làm cho Đê Bà Đạt Đa sanh lòng giận hờn hại thân Phật ra máu. Đê Bà Đạt Đa tạo nghiệp ác này rồi, đức Như-Lai lại huyền ký cho ông ấy sẽ bị đọa địa ngục chịu khổ một kiếp.

Thế Tôn ! Những lời như vậy làm thế nào chẳng trái nghịch với nghĩa lý.

Thế Tôn ! Ông Tu Bồ Đề trụ bậc giải không, lúc muốn vào thành khát thực, trước hết ông quán sát nếu có

người đối với ông sanh tâm ganh ghét thời ông thôi chẳng đi khát thực, dầu cho quá đói ông vẫn chẳng đi. Vì ông Tu Bồ Đề thường nghĩ rằng: Tôi tự nhớ đời trước đối với phước điền sanh một niệm ác, do nhân duyên này tôi bị đọa địa ngục lớn chịu nhiều thống khổ. Nay tôi thà đói trọn ngày chẳng ăn, quyết không khiến những người kia vì ganh ghét tôi mà phải đọa vào địa ngục chịu khổ. Ông Tu Bồ Đề lại nghĩ rằng: Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi đứng, tôi sẽ trọn ngày ngồi yên chẳng đứng dậy. Nếu có chúng sanh không bằng lòng cho tôi ngồi, tôi sẽ đứng trọn ngày chẳng dời chỗ. Đi cùng năm cũng vậy.

Ông Tu Bồ Đề vì hộ chúng sanh còn có tâm như vậy, hà huống là Đại Bồ Tát. Bồ Tát nếu đặng bậc con một, có duyên cơ gì mà đức Như-Lai nói ra lời thô như vậy làm cho ông Đề Bà Đạt Đa sanh lòng giận ác ?

- Nay Thiện nam tử ! Nay ông chẳng nên gạn như vậy. Chẳng nên nói rằng đức Như-Lai làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử vòi con muỗi có thể hút hết nước đến đáy biển, đức Như-Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử mặt đất đều thành không màu, nước thành tướng khô, lửa thành

lạnh, gió đứng lại. Giả sử Tam Bảo Phật tánh nhẫn đến hư không thành tướng vô thường, đức Như-Lai cũng trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử người phạm bốn tội nặng, hạg nhất xiển đề, hủy báng chánh pháp hiện thân đặng thành mười trí lực, bốn vô úy, ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, đức Như-Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh. Giả sử hàng Thanh Văn và Bích Chi Phật là thường trụ chẳng biến đổi, đức Như-Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử bậc thập trụ Bồ Tát phạm bốn tội nặng, làm nhất xiển đề hủy báng chánh pháp, đức Như-Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vô lượng chúng sanh dứt mất Phật tánh, chư Phật rốt ráo nhập Niết Bàn, đức Như-Lai cũng trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

Giả sử vải chài có thể cột trời được gió, răng có thể nhai nát sắt, móng tay cào đổ núi Tu Di, đức Như-Lai trọn chẳng làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

Thà ở chung với rắn độc, đút hai tay vào miệng sư tử đói, lấy than hồng dùng tắm rửa trọn chẳng nên nói rằng đức Như-Lai làm nhân duyên phiền não cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Đức Như-Lai thật có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, chớ trợn chẳng làm nhân duyên sanh phiền não.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói đức Như-Lai ngày xưa giết dòng Bà La Môn. Nên biết Đại Bồ Tát, còn không cố sát một con kiến, huống lại giết Bà La Môn. Bồ tát thường dùng mọi cách thức ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Luận về bố thí thời là bố thí mạng sống, vật thực. Đại Bồ Tát lúc thật hành Đàn Ba La Mật, thường ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh. Người giữ giới bất sát thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành Thi La Ba La Mật, thời là ban bố vô lượng thọ mạng cho tất cả chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Giữ gìn miệng không lỗi thời đặng sống lâu.

Đại Bồ Tát lúc thật hành sằn đề Ba La Mật, thường khuyên chúng sanh chớ ôm lòng oán thù những việc phải cho người đem sự quấy về mình, không cãi cộ kiện cáo thời đặng sống lâu. Vì thế nên Bồ Tát lúc thật hành sằn đề Ba La Mật, thời đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Siêng năng tu tập hạnh lành thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ Lô Da Ba La Mật thường khuyên chúng sanh siêng tu pháp lành, chúng sanh thật hành rồi đặng sống lâu vô lượng. Vì thế nên Đại Bồ Tát lúc thật hành Tỳ Lô Da Ba La Mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Người nhiếp tâm tu thiền thời đặng sống lâu. Đại Bồ Tát lúc thật hành thiền Ba La Mật, khuyên các chúng sanh tu tâm bình đẳng. Chúng sanh thật hành rồi thì đặng sống lâu. Vì thế nên Bồ Tát lúc thật hành thiền Ba La Mật đã ban bố cho chúng sanh vô lượng thọ mạng.

Này Thiện nam tử ! Ở nơi những pháp lành, (*người*) không phóng dật thời đặng sống lâu. Đại Bồ tát lúc thật hành Bát Nhã Ba La Mật, khuyên các chúng sanh nơi những pháp lành chẳng sanh lòng phóng dật. Chúng sanh thật hành rồi thời đặng sống lâu. Vì thế nên lúc Bồ Tát thật hành Bát Nhã Ba La Mật đã ban bố vô lượng thọ mạng cho chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên Đại Bồ Tát trọn không giết hại mạng sống của chúng sanh.

Này Thiện nam tử ! Như vừa rồi ông hỏi, lúc giết hại

dòng Bà La Môn, đức Phật đã đặng được bậc con một.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta đã đặng bậc ấy. Vì lòng thương họ mà giết chẳng phải vì tâm ác.

Này Thiện nam tử ! Ví như cha mẹ chỉ có một đứa con nên rất cưng yêu, đứa con đó phạm hiến pháp của quan. Vì quá sợ nên cha mẹ hoặc đuổi hoặc giết. Dầu cha mẹ đuổi hay giết nhưng không có tâm ác.

Cũng vậy, Đại Bồ Tát vì hộ trì chánh pháp nếu có chúng sanh hủy báng Đại Thừa, liền lấy roi gậy để trị, hoặc giết chết, đó là muốn chúng sanh chừa bỏ để tu pháp lành.

Bồ Tát thường nên suy nghĩ: Dùng nhân duyên gì làm cho chúng sanh phát khởi lòng tin thanh tịnh, tùy phương cách nào thuận tiện thời sẽ thật hành đó. Những người Bà La Môn sau khi chết đọa A Tỳ địa ngục liền suy nghĩ ba điều: Một là tự nghĩ rằng ta từ đâu mà sanh đến đây, liền tự biết rằng từ trong loài người. Hai là tự nghĩ rằng: Ta hiện sanh đây là chỗ nào, liền tự biết rằng đây là địa ngục A Tỳ. Ba là tự nghĩ rằng do nghiệp duyên gì mà đọa địa ngục, liền tự biết rằng do chẳng tin và hủy báng kinh điển Đại Thừa, bị nhà vua giết mà sanh đến địa ngục này. Họ nghĩ như vậy rồi liền sanh lòng kính tin kinh điển Đại

Thừa. Do lòng kính tin đó thân địa ngục chết họ sanh đến thế giới của Cam Lô Cổ Như-Lai, sống lâu đủ mười kiếp.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này thưở xưa kia ta ban cho những người ấy mười kiếp thọ mạng, sao lại giết hại họ.

Này Thiện nam tử ! Có người đào đất, cắt cỏ, đốn cây, chặt tử thi, mắng chửi, đánh đập tử thi, do nghiệp duyên này có bị đọa địa ngục chăng ?

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa của Phật nói kẻ đó phải đọa địa ngục. Vì có sao ? Như ngày trước Phật nói pháp cho hàng Thanh Văn: Này các Tỳ Kheo ở nơi cây cháy rụi chớ sanh lòng ác. Vì tất cả chúng sanh do lòng ác mà phải đọa nơi địa ngục”.

Đức Phật khen Ca Diếp Bồ Tát: “ Lành thay ! Lành thay ! Đúng như lời ông nói, phải khéo thọ trì.

Này Thiện nam tử ! Nếu nhân ác tâm phải đọa địa ngục, lúc đó Bồ Tát thật không ác tâm. Vì Đại Bồ Tát đối với tất cả chúng sanh nhân đến con trùng, con kiến đều sanh lòng thương xót, muốn làm cho họ được lợi ích vì Bồ tát khéo biết các phương tiện, các nhân duyên, do sức phương tiện muốn cho chúng sanh vun trồng cội lành.

Do nghĩa đó, lúc ấy ta dùng phương tiện, dầu giết hại mạng họ mà chẳng phải là tâm ác.

Này Thiện nam tử ! Cứ theo giáo pháp Bà La Môn, cho rằng nếu giết chết kiến đầy cả mười xe không có tội báo, muỗi, ruồi, rận, rệp, mèo, chồn, sư tử, cọp, sói, gấu, những độc trùng, ác thú và những loài có thể làm hại người: Quỷ Thần, La Sát, Cưu Bàn Trà, Ca La, Phú Đơn Na, Diên cuồng, Càn khôn, có ai giết hại mạng họ đầy cả mười xe cũng không có tội báo, nếu giết người ác thời có tội báo. Giết rồi chẳng ăn năn thời đọa nga quý. Nếu có thể sám hối tuyệt thực ba ngày, thời tội đó tiêu diệt không còn thừa. Nếu giết Hòa Thượng, giết cha, hại mẹ, giết phụ nữ, giết bò, trâu, thời phải đọa địa ngục trong vô số ngàn năm.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát biết giết hại có ba hạng: hạ, trung và thượng.

Hạng hạ là trùng kiến nhân đến tất cả các súc sanh chỉ trừ Bồ Tát thị hiện thọ sanh. Đại Bồ Tát do nguyện lực nên thị hiện làm thân súc sanh, trừ đây gọi là sát sanh hạng hạ. Nghiệp duyên này sẽ phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, nga quý chịu lấy sự khổ hạng hạ. Vì những súc sanh có căn lành rất kém ít nên kẻ giết phải thọ tội báo

hạng hạ.

Sát hại hạng trung là từ người phạm phu đến vị chứng quả A Na Hàm, đây gọi là hạng trung. Nghiệp duyên giết hại hạng này phải đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ thọ sự khổ hạng trung.

Sát sanh hạng thượng là giết cha mẹ, nhân đến A La Hán, Bích Chi Phật, quyết định Bồ Tát, đây gọi là hạng thượng. Nghiệp duyên giết hại hạng này phải đọa vào trong địa ngục A Tỳ chịu lấy sự khổ hạng thượng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người giết kẻ nhất xiển đề, thì chẳng đọa vào trong ba hạng sát hại này.

Này Thiện nam tử ! Những người dòng Bà La Môn bị nhà vua giết trước kia tất cả đều là hạng nhất xiển đề. Thí như đào đất cắt cỏ đốn cây chặt tử thi mảnh nhiếc đánh đập, đều không có tội báo. Giết hạng nhất xiển đề cũng không có tội báo như vậy. Vì những người Bà La Môn không có căn lành nhân đến không có năm pháp tín v.v... Vì thế nên dẫu giết hại họ mà chẳng đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Ông trước nói rằng: Đức Như-Lai có chi mắng Đề Bà Đạt Đa là người ngu si ăn nước miếng. Ông không nên hỏi như vậy. Vì chư Phật Thế Tôn

phàm nói ra lời gì đều chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có thật ngữ được người đời mến ưa nhưng phi thời, phi pháp chẳng lợi ích, những lời như vậy đức Phật trọn chẳng nói. Hoặc lại nói lời thô vụng hư vọng, phi thời, phi pháp, chẳng lợi ích người nghe chẳng ưa thích, đức Phật cũng chẳng nói.

Này Thiện nam tử ! Nếu có những lời dầu là thô rắn nhưng chân thật chẳng hư vọng, phải thời đúng pháp có thể lợi ích cho tất cả chúng sanh, người nghe dầu chẳng vui đẹp nhưng ta cần phải nói. Vì chư Phật Thế Tôn chánh đẳng chánh giác khéo biết phương tiện.

Này Thiện nam tử ! Trước kia có một hôm ta đi ngang thôn Khoáng Dã, ở dưới rừng có một quỷ thần tên là Khoáng Dã. Quỷ này thuần ăn máu thịt giết hại nhiều chúng sanh. Quỷ ấy lại mỗi ngày ăn một người trong thôn xóm gần đó. Lúc đó ta rộng nói pháp yếu cho quỷ Khoáng Dã, nhưng quỷ ấy hung bạo ngu si chẳng lãnh thọ giáo pháp. Ta liền hóa thân ra làm đại lực quỷ, làm rung động cung điện của nó. Quỷ Khoáng Dã dất quyền thuộc và bộ hạ kéo ra muốn chống cự với ta. Chúng nó vừa thấy ta liền run sợ té xuống đất ngất xỉu như người chết. Ta dùng lòng từ bi lấy tay xoa lên mình nó. Nó tỉnh

dậy nói rằng: “ Hôm nay may mắn được sống lại. Vị Đại Thần Vương này có oai đức lớn có tâm từ bi tha tội lỗi của tôi”. Quý Khoáng Dã liền sanh tâm lành kính tin nơi ta.

Ta hiện hườn lại thân Như-Lai vì họ nói pháp yếu cho các quý thần kia thọ giới bất sát.

Chính ngày đó trong thôn Khoáng Dã có một ông Trưởng giả đến phiên phải chết, người trong thôn đã đưa ông ấy giao cho quý Khoáng Dã. Quý Khoáng Dã liền đem đến cúng thí cho ta. Ta lãnh ông Trưởng giả và đặt hiệu cho ông là Thủ Trưởng giả.

Quý Khoáng Dã bạch ta rằng: “ Thế Tôn ! Con và quyến thuộc của con chỉ nhờ máu thịt mà đặng sống, nay thọ giới bất sát biết lấy gì để sống được ?”

Ta bảo rằng: “ Từ nay trở đi đức Phật sẽ bảo hàng Thanh Văn đệ tử tùy chỗ nào có Phật pháp lưu hành đều sẽ cúng thí đồ uống ăn cho nhà người”.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên đó ta chế điều giới: Các Tỳ Kheo từ nay trở đi thường phải thí thực cho quý Khoáng Dã. Nếu người xuất gia nào chẳng cúng thí, nên biết người đó chẳng phải là đệ tử Phật, chính là đồ

đảng quyền thuộc của Thiên Ma.

Này Thiện nam tử ! Đức Như-Lai vì muốn điều phục chúng sanh nên thị hiện những phương tiện như vậy. Chẳng phải cố ý làm cho họ sanh lòng sợ hãi.

Cũng có một lúc ta dùng cây đánh quỷ hộ pháp.

Lại có một hôm ta đang đi trên một ngọn núi xô quỷ Dương Đầu làm nó té xuống dưới núi.

Lại một hôm nơi ngọn cây ta xô ngã quỷ Hộ Di Hâu.

Một ngày nọ làm cho voi Hộ Tài thấy năm sư tử.

Có lúc ta sai thần Kim Cương khùng bố ngoại đạo Tát Giá Ni Kiên Tử.

Ngày kia ta cũng lấy kim đâm thân của quỷ Tiên Mao.

Dầu ta làm những việc như vậy nhưng cũng chẳng làm cho các quỷ thần kia đến phải chết. Chỉ vì muốn khiến họ an trụ nơi chánh pháp nên thị hiện những phương tiện như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trước kia thật ra đức Phật chẳng mắng nhục Đề Bà Đạt Đa. Còn Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng ngu si ăn nước miếng của người, cùng chẳng đọa A Tỳ địa ngục thọ tội một kiếp, cũng chẳng phá hoại chúng

Tăng, chẳng làm thân Phật ra máu, Đề Bà Đạt Đa cũng chẳng trái phạm bốn tội nặng, chẳng hủy báng kinh điển Đại Thừa, ông ấy chẳng phải nhất xiển đề, chẳng phải Thanh Văn cũng chẳng phải Bích Chi Phật.

Này Thiện nam tử ! Đề Bà Đạt Đa thật chẳng phải cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác. Duy chư Phật thấy biết được thôi.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên nay ông chẳng nên gạn rằng: “Cớ gì đức Như-Lai quở trách mắng nhiếc làm nhục Đề Bà Đạt Đa. Đối với cảnh giới của chư Phật, ông chẳng nên có lòng nghi như vậy”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Thế Tôn ! Như mía nấu nhiều lần thì đắng nhiều thứ vị. Tôi cũng vậy, nghe Phật nói pháp nhiều lần đắng nhiều pháp vị. Chính là những vị: Xuất gia vị, ly dục vị, tịch diệt vị, đạo vị. Thế-Tôn ! Như vàng ròng đốt đập nhiều lần càng thêm sáng sạch, giá trị vô lượng, được trời người quý trọng. Đức Như-Lai cũng vậy, trân trọng thưa hỏi liền đắng nghe thấy nghĩa rất sâu vi diệu, khiến người tu hành phụng tu thọ trì vô lượng chúng sanh phát tâm Vô thượng Bồ-đề. Do đó đức Phật được trời người tôn trọng cung kính cúng dường.

Đức Phật tán thán Ca Diếp Bồ Tát: “ Lành thay ! Lành thay ! Đại Bồ tát vì muốn lợi ích chúng sanh nên thưa hỏi đức Như-Lai những nghĩa sâu như vậy. Do nghĩa này ta tùy theo ý của ông mà nói pháp Đại Thừa Phương Đẳng rất sâu, bí mật, tức là bậc rất yêu thương như con một”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Nếu Bồ Tát tu tâm từ, bi, hỷ, đặng bậc con một, lúc tu tâm xả thời đặng bậc gì ?

Phật nói: “ Lành thay ! Lành thay ! Ông khéo biết thời, biết ta muốn nói nên ông thưa hỏi.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc tu tâm xả thời đặng bậc bình đẳng không, như ông Tu Bồ Đề. Đại Bồ Tát trụ bậc bình đẳng không, thời chẳng thấy có cha mẹ, anh em, chị em, họ hàng quyến thuộc, oán thù kẻ không thân không oán nhân đến chẳng thấy: Âm, giới, nhập, chúng sanh thọ mạng. Ví như hư không, không có cha mẹ, anh em, vợ con, nhân đến không có chúng sanh thọ mạng, tất cả các pháp cũng không có cha mẹ nhân đến thọ mạng.

Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp cũng như vậy, tâm của Bồ Tát bình đẳng như hư không, vì Bồ Tát khéo tu tập

những pháp không”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: Thế Tôn ! Sao gọi là không ?

- Nay Thiện nam tử ! Nói là không đó: nội không, ngoại không, nội ngoại không, hữu vi không, vô vi không, vô thủ không, tánh không, vô sở hữu không, đệ nhất nghĩa không, Không Không, đại không.

Đại Bồ Tát quán nội không như thế nào ? Đại Bồ Tát này quán nội pháp là không, chính là không cha mẹ, kẻ oán, người thân, không oán, không thân, chúng sanh, thọ mạng, thường, lạc, ngã, tịnh, Như-Lai, Pháp, Tăng, tài vật. Trong nội pháp này dầu có Phật tánh, nhưng Phật tánh này chẳng phải nội chẳng phải ngoại. Vì Phật tánh thường trụ không biến đổi. Đây gọi là Đại Bồ Tát quán nơi nội không.

Ngoại không cũng như vậy không có ngoại pháp.

Nội ngoại không cũng như vậy.

Nay Thiện nam tử ! Chỉ có Như-Lai, Pháp, Tăng, Phật tánh, chẳng ở nơi phạm vi hai thứ không. Vì bốn pháp như vậy là thường, lạc, ngã, tịnh, nên chẳng gọi là không. Đây gọi là nội và ngoại đều không.

Này Thiện nam tử ! Hữu vi không là các pháp hữu vi thấy đều không. Chính là nội không, ngoại không, nội ngoại không, thường, lạc, ngã, tịnh không, chúng sanh thọ mạng Như-Lai pháp, Tăng, đệ nhất nghĩa không. Trong đây Phật tánh chẳng phải pháp hữu vi, nên Phật tánh chẳng phải là pháp hữu vi không. Trên đây gọi là hữu vi không.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát quán vô vi không như thế nào ? Pháp vô vi thấy đều là không tức là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, âm, giới, nhập, chúng sanh, thọ mạng, hữu vi, hữu lậu, nội pháp, ngoại pháp. Trong pháp vô vi Phật, Pháp v.v... bốn pháp đều chẳng phải hữu vi chẳng phải vô vi: Vì là thiện nên chẳng phải vô vi, vì tánh thường trụ nên chẳng phải hữu vi. Đây gọi là Bồ Tát quán vô vi không.

Thế nào là Bồ Tát quán vô thỉ không ? Đại Bồ Tát thấy sanh tử vô thỉ thấy đều không tịch gọi là không, đó tức là thường, lạc, ngã, tịnh, thấy đều không tịch chẳng có biến đổi. Chúng sanh thọ mạng Tam Bảo, Phật tánh và vô vi pháp cũng như vậy. Đây gọi là quán vô thỉ không.

Đại Bồ Tát quán nơi tánh không thế nào ? Đại Bồ tát này quán tất cả pháp bốn tánh đều không: Âm, giới, nhập,

thường, vô thường, khổ, lạc, tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã. Tất cả pháp đều chẳng thấy bốn tánh, đây gọi là quán nơi tánh không.

Đại Bồ Tát quán vô sở hữu không như thế nào ? Như người không con nói nhà cửa trống không, rớt ráo quán không chẳng có thân yêu. Người ngu si thời gọi là các phương không. Người nghèo cùng thời gọi là tất cả không. Những kiến chấp như vậy, hoặc không hoặc chẳng phải không. Lúc Bồ Tát quán sát như người nghèo cùng tất cả đều không. Đây gọi là Bồ Tát quán vô sở hữu không.

Đại Bồ Tát quán đệ nhất nghĩa không như thế nào ? Bồ Tát lúc quán đệ nhất nghĩa, nhãn căn này lúc sanh ra không từ đâu lại, lúc nó diệt mất cũng không đi đến đâu, trước không, nay có, có rồi trở lại không, suy thật tánh của nó không nhãn căn, không chủ thể. Như nhãn căn vô tánh, tất cả pháp cũng như vậy. Những gì gọi là đệ nhất nghĩa không ? Có nghiệp, có báo, chẳng thấy tác giả, pháp không như vậy gọi là đệ nhất nghĩa không. Đây gọi là quán đệ nhất nghĩa không.

Đại Bồ Tát quán Không Không như thế nào ? Trong Không Không này là chỗ mê mờ của Thanh Văn, Bích

chi Phật.

Này Thiện nam tử ! Là có, là không, đây gọi là Không Không. Là phải là chẳng phải đây gọi là Không Không.

Này Thiện nam tử ! Bạc Thập trụ Bồ Tát còn ở trong đây thông đạt phần ít như vi trần, huống là những người khác, Không Không như vậy cũng chẳng đồng Không Không Tam Muội của Thanh Văn chứng đặng. Đây gọi là Bồ Tát quán nơi Không Không.

Đại Bồ Tát quán Đại Không thế nào ? Đại Không tức là Bát Nhã Ba La Mật.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đặng pháp môn Không như vậy thời đặng trụ nơi bậc hư không.

Này Thiện nam tử ! Nay đức Phật ở trong đại chúng này lúc nói những nghĩa không như vậy, có mười hằng hà sa Đại Bồ Tát liền đặng trụ nơi bậc hư không đặng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi bậc này ở trong tất cả pháp không bị trở ngại, không bị ràng buộc câu chấp, tâm không mê muội. Do nghĩa này nên gọi là bậc hư không đặng.

Này Thiện nam tử ! Ví như hư không đối sắc đáng

ura chẳng sanh tham đắm, đối với sắc chẳng ưa chẳng sanh giận hờn. Đại Bồ Tát trụ trong bậc này cũng như vậy, đối với sắc tốt xấu, tâm không tham không giận, ví như hư không rộng lớn tuyệt đối, có thể dung chứa tất cả vật. Đại Bồ tát trụ trong bậc này cũng như vậy, rộng lớn tuyệt đối, có thể dung thọ tất cả pháp. Do nghĩa nên đặng gọi là bậc hư không đẳng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bậc này đối với tất cả pháp cũng thấy cũng biết, là hành, là duyên, là tánh, là tướng, là nhân, là duyên, là chúng sanh tâm, là căn, là thiên định, là thừa, là Thiện tri thức, là trì cấm giới, là vật bố thí, những pháp như vậy tất cả đều biết đều thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trụ trong bậc này biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tự nhìn đói, gieo xuống vực, nhảy vào lửa tự té từ ngọn núi cao, thường co một chân, năm thứ nóng đốt thân, thường nằm trên tro, trên đất, trên gai góc, trên lá cây, cỏ cứng, trên phân bò, mặc y phục bằng gai thô của người vất bỏ trong gò mả, áo lông phấn tảo, áo khâm bà la, da nai, da huơu, áo quần bằng cỏ, ăn rau, ăn trái, ăn ngó, ăn củ, xác dầu, phân bò. Nếu đi khát thực hạn định từ nhà, gia chủ nếu nói rằng

không liền bỏ đi, dầu kêu trở lại cũng chẳng ngó ngoái lại. Chẳng ăn muối ăn thịt, cùng năm thứ sữa lạt, tô v.v... Thường uống nước cám trâu, nước sôi. Thọ trì ngu giới, kê giới, cầu giới, trĩ giới. Lấy tro trét trên mình, để tóc dài làm tướng. Lúc dùng dê để cúng tế trước chú nguyện rồi sau giết thịt. Bốn tháng thờ lửa, bảy ngày hợp gió. Trăm ngàn ức thứ hoa cúng dường chư Thiên. Muốn nhân những việc trên đây để được thành tựu chỗ mong cầu. Những phương pháp trên đây không bao giờ có thể làm nhân giải thoát được. Đây gọi là biết.

Thế nào là chẳng thấy ? Đại Bồ Tát chẳng thấy một người nào thật hành phương pháp như vậy mà đặng chánh giải thoát. Đây gọi là chẳng thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát cũng thấy cũng biết. Những gì là thấy ? Thấy các chúng sanh thật hành tà pháp ấy quyết đọa địa ngục đây gọi là thấy.

Thế nào là biết ? Biết các chúng sanh từ địa ngục ra, sanh trong loài người nếu có thể tu hành Đản Ba La Mật nhân đến đầy đủ các môn Ba La Mật người này quyết đặng tám môn chánh giải thoát. Đây gọi là biết.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng thấy cũng biết. Thế nào là thấy ? Thấy thường, vô thường, khổ, lạc,

tịnh, bất tịnh, ngã, vô ngã, đây gọi là thấy. Thế nào là biết ? Biết các đức Như-Lai quyết định chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn, biết thân Như-Lai là Kim Cang không hư hoại, chẳng phải là thân do phiền não mà thành, lại chẳng phải hôi như hư rã. Cũng lại có thể biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là biết.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Thế nào là biết ? Biết chúng sanh này tín tâm thành tựu, biết chúng sanh này cầu pháp Đại thừa, người này thuận lưu, người này nghịch lưu, người này chánh trụ, biết chúng sanh này đã đến bờ kia.

Người thuận lưu là nói hạng phàm phu. Người nghịch lưu là từ bậc Tu Đà Hoàn nhẫn đến Duyên Giác. Người chánh trụ là nói các bậc Bồ Tát. Người đến bờ kia là nói các đức Như-Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát trụ nơi kinh điển Đại Thừa Đại Niết Bàn tu phạm hạnh dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy các chúng sanh ba nghiệp thân, khẩu, ý tạo điều ác đọa nơi địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Thấy các chúng sanh tu nghiệp lành sau khi chết sẽ sanh trên trời hay trong loài người. Những chúng sanh này từ tối tăm vào

tối tăm. Có những chúng sanh từ tối tăm vào sáng suốt. Có những chúng sanh từ sáng suốt vào tối tăm. Có những chúng sanh từ sáng suốt vào sáng suốt. Đây gọi là thấy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lại có cũng biết cũng thấy. Đại Bồ Tát biết các chúng sanh tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ. Người này đời nay thành tựu nghiệp ác, hoặc nhân tham dục, sân khuê, ngu si nghiệp này ắt phải thọ báo nơi địa ngục, người này do tu thân, tu giới, tu tâm, tu huệ, nên hiện đời thọ quả báo nhẹ chẳng đọa địa ngục. Nghiệp này thế nào có thể đăng báo hiện tại ? Phát lồ sám hối những tội ác đã làm, đã ăn năn chừa cải về sau chẳng dám tái phạm. Vì hổ thẹn, vì cúng dường Tam-Bảo, vì thường trụ quả trách, người này do nhân duyên nghiệp lành đây nên chẳng đọa địa ngục. Hiện đời thọ quả báo là nhức đầu, đau mắt, đau bụng, đau lưng, chết vì hoạn nạn, bị mắng nhiếc làm nhục, bị đánh đập trói nhốt, bị đói khát khốn khổ, những việc như vậy là hiện đời thọ quả báo nhẹ. Đây gọi là biết.

Thế nào là thấy ? Đại Bồ Tát thấy người như vậy chẳng có thể tu tập thân, giới tâm, huệ, tạo chút ít nghiệp ác. Nhân duyên của nghiệp này đáng lẽ hiện đời thọ quả báo. Người này tạo chút ít nghiệp ác chẳng có thể sám

hỏi, chẳng tự quở trách, chẳng sanh lòng hổ thẹn, chẳng sợ sệt, nghiệp ác này tăng trưởng nên thọ quả báo nơi địa ngục. Đây gọi là thấy.

Lại có biết mà chẳng thấy. Thế nào là biết ? Biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che đậy nên chẳng thể thấy. Đây gọi là biết mà chẳng thấy.

Lại có biết mà thấy chút ít. Bạc thập trụ Bồ Tát biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, thấy chẳng được rõ ràng dường như đêm tối thấy vật chẳng rõ.

Lại có cũng thấy cũng biết, chính là chư Phật Như-Lai cũng thấy cũng biết.

Lại có cũng thấy cũng biết, chẳng thấy chẳng biết. Cũng thấy cũng biết là: Trong thế gian những văn tự, ngôn ngữ, nam, nữ, xe cộ, bình chầu, nhà cửa, thành ấp, áo xiêm, uống ăn, núi sông, vườn rừng, chúng sanh, thọ mạng. Đây gọi là cũng biết cũng thấy.

Thế nào là chẳng thấy chẳng biết ? Thánh nhân chỗ có nói ra lời vi mật, không có nam nữ nhãn đến vườn rừng. Đây gọi là chẳng thấy chẳng biết.

Lại có biết mà chẳng thấy: Biết vật bố thí, biết chỗ cúng dường, biết người lãnh thọ, biết nhân quả. Đây gọi

là biết. Chẳng thấy đồ bồ thí, chỗ cúng dường, người thọ
nhẫn đến quả báo. Đây gọi là chẳng thấy.

Đại Bồ Tát biết có tám thứ, chính là ngũ nhãn của
đức Như-Lai chỗ biết.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Đại Bồ Tát
có thể biết như vậy thời đặng những lợi ích gì ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thể biết như vậy
thời đặng bốn vô ngại. Pháp vô ngại, nghĩa vô ngại, từ
vô ngại, nhạo thuyết vô ngại. Pháp vô ngại là biết tất cả
pháp và danh tự của pháp. Nghĩa vô ngại là: Biết những
nghĩa của tất cả pháp, có thể tùy theo danh tự đã đặt cho
các pháp mà giải nghĩa. Từ vô ngại là giảng luận tùy theo
danh tự, giảng luận theo chánh âm, giảng luận về pháp
cú, giảng luận về thế biện. Nhạo thuyết vô ngại là: Đại
Bồ Tát khi diễn thuyết không có chướng ngại, không ai
động chuyển được, không có sợ sệt, khó có ai tội phục
được.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là Bồ Tát có thể thấy và
biết như vậy, bèn đặng bốn trí vô ngại như thế.

Lại này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là: Đại Bồ Tát
biết khắp những pháp Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát,

chư Phật. Nghĩa vô ngại là thừa, dầu có ba, nhưng biết quy về một, trọn chẳng cho rằng có tướng sai biệt hẳn. Từ vô ngại là: Đại Bồ Tát ở trong một pháp đặt thành nhiều thứ tên, trải vô lượng kiếp nói chẳng hết, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, không thể nói như vậy được. Nhạo thuyết vô ngại là: Đại Bồ Tát trong vô lượng kiếp vì các chúng sanh diễn thuyết các pháp: Hoặc danh hoặc nghĩa, nhiều loại giảng thuyết khác nhau chẳng thể cùng tận.

Lại này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại: Là Đại Bồ Tát dầu biết các pháp nhưng chẳng chấp lấy. Nghĩa vô ngại là: Đại Bồ Tát dầu biết những nghĩa nhưng cũng chẳng chấp. Từ vô ngại là Đại Bồ Tát dầu biết danh tự cũng chẳng chấp lấy. Nhạo thuyết vô ngại là Đại Bồ tát dầu biết nhạo thuyết tối thượng như vậy nhưng cũng chẳng chấp. Vì có sao chẳng chấp ? Vì nếu chấp lấy thời chẳng gọi là Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Nếu chẳng chấp lấy thời chẳng biết pháp, nếu biết pháp thời là chấp lấy, nếu biết mà chẳng chấp lấy thời là không chỗ biết, thế sao đức Như-Lai nói rằng: Biết pháp mà chẳng chấp lấy ? Phật nói: Này Thiện nam tử ! Luận về người chấp

lấy thời chẳng gọi là vô ngại. Người không chấp lấy mới gọi là vô ngại. Thế nên tất cả Bồ Tát nếu có chấp lấy thời không vô ngại, nếu không vô ngại thời chẳng gọi là Bồ Tát. Nên biết người ấy gọi là phàm phu. Tại sao chấp lấy gọi là phàm phu ? Vì tất cả phàm phu chấp lấy nơi sắc, thanh, nhãn đến chấp lấy thức. Vì chấp lấy sắc thời sanh tâm tham, vì sanh tâm tham nên bị sắc ràng buộc, nhãn đến bị thức ràng buộc. Do bị ràng buộc nên chẳng đặng thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Thế nên chấp lấy gọi là phàm phu. Do nghĩa này nên tất cả phàm phu không có bốn vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát đã ở nơi vô lượng a tăng kỳ kiếp biết và thấy pháp tướng. Do biết thấy nên biết nghĩa. Do thấy pháp tướng và biết nghĩa nên ở trong sắc v.v... chẳng sanh lòng chấp lấy, nhãn đến trong thức cũng lại như vậy. Do chẳng chấp lấy, Bồ Tát đối với sắc chẳng sanh lòng tham, nhãn đến nơi thức cũng chẳng sanh lòng tham. Do không tham nên chẳng bị sắc ràng buộc, nhãn đến chẳng bị thức ràng buộc. Bởi chẳng ràng buộc thời đặng thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, ưu, bi, khổ não. Do nghĩa này nên tất cả Bồ Tát đặng bốn vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên này trong mười hai bộ kinh, đức Phật vì hàng đệ tử nói chấp lấy gọi là bị ma trói buộc. Nếu chẳng chấp lấy thì thoát khỏi sự trói buộc của ma. Ví như trong đời, người có tội bị vua bắt trói, người không tội nhà vua không bắt. Đại Bồ Tát cũng như vậy: Người chấp lấy thì bị ma ràng buộc, người không chấp lấy thì ma không ràng buộc được. Do nghĩa này nên Đại Bồ Tát không có chấp lấy.

Này Thiện nam tử ! Pháp vô ngại là: Đại Bồ Tát khéo biết danh tự giữ lấy chẳng quên, nói giữ lấy là như đất, núi, như con mắt, như đám mây, như người, như mẹ, tất cả các pháp cũng lại như vậy. Nghĩa vô ngại là: Bồ Tát chẳng những biết danh tự của các pháp cũng biết nơi nghĩa. Biết nghĩa thế nào ? Như đất khắp giữ lấy tất cả chúng sanh và phi chúng sanh, do nghĩa này nên gọi là đất giữ lấy. Bồ Tát lại suy nghĩ núi có thể giữ lấy đất làm cho vững vàng không nghiêng động nên gọi là núi giữ lấy. Con mắt có thể giữ lấy ánh sáng. Mây gọi là hơi của rỗng, hơi của rỗng giữ lấy nước cho nên gọi là mây giữ lấy. Người có thể giữ lấy pháp và phi pháp. Mẹ có thể giữ lấy con. Đại Bồ Tát biết danh tự cú nghĩa của tất cả pháp cũng như vậy.

Từ vô ngại là: Đại Bồ Tát dùng các thứ ngôn từ diễn nói một nghĩa, cũng không có nghĩa. Như những danh từ nam nữ, nhà cửa, xe cộ, chúng sanh v.v... Có sao là vô nghĩa ? Luận về nghĩa là cảnh giới của Phật của Bồ Tát, ngôn từ là cảnh giới của phàm phu. Do biết nghĩa nên đặt từ vô ngại.

Nhạo thuyết vô ngại là Đại Bồ Tát biết từ, biết nghĩa, nên trong vô lượng a tăng kỳ kiếp thuyết từ, thuyết nghĩa, chẳng cùng tận. Đây gọi là nhạo thuyết vô ngại.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp tu hành thế đế, do sự tu hành này biết pháp vô ngại. Lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu đệ nhất nghĩa đế nên đặt nghĩa vô ngại. Lại vô lượng a tăng kỳ kiếp tập học luận Tỳ Đà La Na nên đặt từ vô ngại. Cũng ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu tập luận thuyết về thế đế, nên đặt nhạo thuyết vô ngại. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác không đặt bốn vô ngại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong chín bộ kinh, đức Phật nói Thanh Văn, Duyên Giác có bốn vô ngại, nhưng Thanh Văn, Duyên Giác thật không có. Tại vì sao ? Vì Đại Bồ Tát nhân độ chúng sanh nên tu tập bốn trí vô ngại như

vậy. Hàng Duyên Giác tu pháp tịch diệt chỉ ưa ở một mình, nếu hóa độ chúng sanh chỉ hiện thần thông, trọn ngày nín lặng không thuyết pháp làm sao có được bốn trí vô ngại. Cớ sao nín lặng mà không thuyết pháp ? Hàng Duyên Giác chẳng thể thuyết pháp độ người khiến đặng pháp noãn, pháp đánh, pháp nhãn, pháp thể đệ nhất, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, chẳng thể khiến người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Hàng Duyên Giác ra đời trong thế gian không có chín bộ kinh, vì thế nên Duyên Giác không có từ vô ngại và nhạo thuyết vô ngại. Hàng Duyên Giác dầu biết các pháp nhưng không được pháp vô ngại. Vì pháp vô ngại gọi là biết văn tự. Hàng Duyên Giác dầu biết văn tự nhưng không được văn tự vô ngại. Vì chẳng biết hai chữ: “ Thường Trụ”. Thế nên hàng Duyên Giác chẳng đặng pháp vô ngại. Hàng Duyên Giác dầu biết nơi nghĩa nhưng không được nghĩa vô ngại.

Người thật biết nghĩa thời biết chúng sanh đều có Phật tánh. Nghĩa Phật tánh gọi là Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Do nghĩa này nên hàng Duyên Giác chẳng đặng nghĩa vô ngại, thế nên tất cả hàng Duyên Giác

không có bốn trí vô ngại.

Thế nào là hàng Thanh Văn không có bốn trí vô ngại ?
Hàng Thanh Văn không có ba thứ thiện xảo phương tiện:

Một là quyết cần phải lời nói dụ dàng rồi sau mới lãnh thọ giáo pháp,

Hai là quyết phải lời nói thô rồi sau mới lãnh thọ sự giáo hóa,

Ba là lời nói chẳng dụ dàng chẳng thô rồi sau mới lãnh thọ sự giáo hóa.

Vì hàng Thanh Văn không có ba phương tiện này nên không có bốn trí vô ngại. Lại hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng có thể biết lời, biết nghĩa rất ráo, không có trí tự tại, hiểu rõ nơi cảnh giới, không có mười trí lực, bốn vô sở úy, chẳng có thể rớt ráo ra khỏi sông lớn mười hai nhân duyên, chẳng có thể khéo biết những căn tánh lợi độn sai khác của chúng sanh, chưa có thể dứt hẳn lòng nghi đối với hai đế lý, chẳng biết các thứ cảnh giới sở duyên nơi tâm của chúng sanh, chẳng có thể khéo nói đệ nhất nghĩa không, thế nên hàng nhị thừa không có bốn trí vô ngại.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Thế Tôn ! Nếu tất cả

hàng Thanh Văn, Duyên Giác đều không có bốn trí vô ngại, tại sao đức Thế Tôn lại nói Xá Lợi Phất là trí huệ đệ nhất. Đại Mục Kiền Liên là thần thông đệ nhất, Ma Ha Câu Si La là tứ vô ngại đệ nhất. Nếu các Ngài đó không có bốn trí vô ngại, sao đức Như-Lai tuyên bố những lời như vậy.

Đức Phật khen ngợi Ca Diếp Bồ Tát: “ Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Ví như sông Hằng có nước nhiều vô lượng, sông lớn Tân Đầu cũng có nước vô lượng, sông lớn Bác Xoa cũng có nước vô lượng, sông lớn Tát Đà cũng có nước vô lượng, ao A Nậu Đạt cũng có nước vô lượng, trong đại hải nước cũng vô lượng. Các con sông lớn ao A Nậu cùng đại hải dầu đồng có nước nhiều vô lượng, nhưng thật ra nhiều ít chẳng đồng nhau. Bốn trí vô ngại của hàng Thanh Văn, Duyên Giác cùng các bậc Đại Bồ Tát vốn cũng như vậy, nếu nói là đồng nhau thì không đúng.

Này Thiện nam tử ! Ta vì phàm phu mà nói Ma Ha Câu Si La bốn trí vô ngại đệ nhất. Ý nghĩa lời hỏi của ông là như vậy.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn hoặc có vị đặng một trí vô ngại, hoặc có vị đặng hai, không có vị nào có

đủ được bốn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Như trong phẩm Phạm Hạnh, đức Phật đã nói sự tri kiến của Bồ tát đặng bốn trí vô ngại. Tri kiến của Bồ Tát thời là Vô Sở Đắc cũng không có tâm niệm cho rằng Vô Sở Đắc. Thế Tôn ! Đại Bồ Tát này thật Vô Sở Đắc. Nếu giả sử tâm niệm Bồ Tát có sở đắc thời chẳng phải là Bồ Tát, nên gọi là phàm phu. Đức Như-Lai sao lại nói Bồ Tát mà có sở đắc ?

- Nay Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ta sắp sửa nói mà ông lại hỏi. Đại Bồ Tát thật Vô Sở Đắc, Vô Sở Đắc gọi là bốn trí vô ngại.

Nay Thiện nam tử ! Do nghĩa gì Vô Sở Đắc gọi là bốn trí vô ngại. Nếu có sở đắc thời gọi là ngại. Có chướng ngại gọi là bốn thứ điên đảo.

Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ tát vì không bốn thứ điên đảo nên đặng vô ngại. Thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Lại nay Thiện nam tử ! Vô sở đắc thời gọi là huệ. Đại Bồ Tát đặng huệ này nên gọi là Vô Sở Đắc. Có sở đắc gọi là vô minh. Bồ Tát dứt hẳn vô minh tối tăm nên Vô Sở Đắc. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc thời gọi là Đại Niết bàn. Bồ Tát an trụ trong Đại Niết Bàn như vậy, chẳng thấy tánh tướng của tất cả pháp vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc. Có sở đắc gọi là hai mươi lăm cõi, Bồ Tát dứt hẳn hai mươi lăm cõi đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là Đại Thừa, Đại Bồ Tát chẳng trụ nơi các pháp nên đặng Đại Thừa. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Có sở đắc gọi là đạo Thanh Văn, Bích Chi Phật. Bồ Tát dứt hẳn đạo Nhị Thừa nên đặng Phật đạo. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô sở đắc gọi là kinh Phương Đẳng. Bồ Tát đọc tụng kinh như vậy nên đặng Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Có sở đắc gọi là mười một bộ kinh. Bồ Tát tu tập kinh điển thuần giảng thuyết Phương đẳng Đại Thừa. Vì thế nên gọi là Bồ Tát Vô Sở Đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là hư không. Trong thế gian không có vật gọi là hư không. Bồ Tát đặng hư không tam muội này thời không chỗ thấy. Vì thế

nên Bồ Tát gọi là Vô Sở Đắc.

Có Sở Đắc gọi là luân hồi sanh tử. Tất cả phàm phu luân hồi sanh tử nên có chỗ thấy. Bồ Tát dứt hẳn tất cả sanh tử nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc. Lại này Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc của Đại Bồ Tát gọi là thường, lạc, ngã, tịnh, vì Đại Bồ Tát thấy Phật tánh nên đặng thường, lạc, ngã, tịnh. Do đó nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Có Sở Đắc gọi là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đại Bồ Tát dứt bốn thứ này nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là Đệ Nhất Nghĩa Không. Đại Bồ Tát quán Đệ Nhất Nghĩa Không đều không chỗ thấy nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Có Sở Đắc gọi là năm sự thấy. Bồ Tát dứt hẳn năm sự thấy này nên chứng đặng đệ nhất nghĩa không, vì thế nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Lại này Thiện nam tử ! Vô Sở Đắc gọi là Vô Thượng Chánh đẳng chánh giác. Đại Bồ Tát lúc đặng Vô thượng Chánh giác đều không chỗ thấy nên gọi Bồ Tát là Vô Sở Đắc.

Có Sở Đắc gọi là Thanh Văn Bồ Đề, Duyên Giác Bồ Đề, Bồ Tát dứt hẳn Bồ Đề của Nhị thừa nên gọi Bồ Tát

là Vô Sở Đắc.

Này Thiện nam tử ! Lời hỏi của ông cũng Vô Sở Đắc. Lời nói của ta cũng Vô Sở Đắc. Nếu có Sở Đắc là quyền thuộc của ma, chẳng phải đệ tử của Phật.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Vì tôi lúc nói Bồ Tát Vô Sở Đắc này, có vô lượng chúng sanh dứt tâm chấp có tướng. Do việc này tôi dám thưa hỏi Vô Sở Đắc, làm cho vô lượng chúng sanh như vậy rời quyền thuộc ma làm đệ tử Phật”.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật: “ Thế Tôn ! Đức Như-Lai vừa rời ở rừng Ta La Song Thọ này vì Thuần Đà nói bài kệ:

Trước có nay không.

Trước không nay có.

Ba đời có pháp,

Không có lẽ ấy.

- Này Thiện nam tử ! Đức Phật vì hóa độ chúng sanh mà nói lời ấy, cũng vì hàng Thanh Văn, Duyên Giác mà nói lời ấy, cũng vì Văn Thù Sư Lợi mà nói lời ấy, chẳng phải chỉ vì một mình Thuần Đà mà nói kệ ấy. Lúc đó Văn Thù Sư Lợi toan muốn hỏi Phật. Phật biết tâm niệm của

Văn Thù mà nói bài kệ ấy. Phật nói bài kệ ấy rồi thời Văn Thù Sư Lợi liền hiểu rõ.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Như Văn Thù Sư Lợi, có được mấy người hiểu nghĩa ấy. Xin đức Như-Lai vì đại chúng lại phân biệt giảng rộng.

- Nay Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Nay sẽ vì ông diễn giải lại.

Nói rằng trước có đó: Ngày trước ta vốn có vô lượng phiền não, do phiền não nên hiện tại không có Đại Niết Bàn.

Nói rằng trước không đó: Trước không Bát Nhã Ba La Mật, vì không Bát Nhã Ba La Mật nên hiện tại có đủ phiền não. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không ai có thể nói đức Như-Lai thưở quá khứ, vị lai, hay hiện tại có phiền não.

Lại nay Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó: Ta trước có thân hòa hiệp của cha mẹ sanh vì thế nên hiện tại không có pháp thân Kim Cang vi diệu.

Nói rằng trước không đó: Thân ta vốn không ba mươi hai tướng, tám mươi thứ tốt, bởi trước không có tướng

tốt nên hiện tại có đủ bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh.

Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời hoặc ma, hoặc Phạm vương hoặc người, không thể nói rằng đức Như-Lai thưở quá khứ, vị lai, hiện tại có bệnh khổ đó.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó ta trước vốn có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh. Bởi có vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, nên hiện tại không có Vô Thượng Bồ Đề. Nói rằng trước không đó: Trước không thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên không có thường, lạc, ngã, tịnh, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn hoặc trời hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, không thể nói rằng đức Như-Lai thưở quá khứ vị lai hiện tại không có thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, là trước có tâm niệm tu khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng Vô thượng Chánh giác, vì vậy nên hiện tại không thể phá hoại bốn thứ ma. Nói rằng trước không đó, ta trước không có sáu môn Ba La Mật, do trước không sáu môn Ba La Mật nên có tâm niệm tu, tu hành khổ hạnh của phàm phu cho rằng đặng Vô thượng Bồ-đề. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm vương, không thể nói đức Như-Lai thưở quá khứ vị lai,

hiện tại có khổ hạnh.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, ta xưa trước có thân tạp thực nên hiện tại không thân vô biên. Nói rằng trước không đó, trước không ba mươi bảy pháp trợ đạo, do không pháp trợ đạo nên hiện tại có thân tạp thực. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người, nói rằng đức Như-Lai thưở quá khứ vị lai hiện tại có thân tạp thực, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó: Ta xưa trước có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp, vì thế nên hiện tại không có chánh định rốt ráo không. Nói rằng trước không đó: Ta trước không có thật nghĩa trung đạo, do không có thật nghĩa trung đạo nên có tâm niệm chấp lấy tất cả pháp. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm vương, hoặc người nói rằng đức Như-Lai thưở quá khứ, vị lai, hiện tại nói tất cả pháp là có tướng, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó, lúc ta mới đặng Vô thượng Bồ-đề, có các đệ tử Thanh Văn căn độn, do có đệ tử Thanh văn căn độn nên không thể diễn nói đạo nhất thừa chân thật. Nói rằng trước không đó:

Trước không bậc lợi căn Tượng Vương trong loài người như Ca Diếp Bồ Tát v.v... Bởi không hạng lợi căn nên đức Phật tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa. Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm vương, hoặc người, nói rằng đức Như-Lai thưở quá khứ vị lai, hiện tại rất ráo diễn thuyết pháp ba thừa, thời không đúng.

Lại này Thiện nam tử ! Nói rằng trước có đó: Ta trước nói rằng sau đây ba tháng nơi rừng Ta La Song Thọ, ta sẽ nhập Niết Bàn. Vì thế nên hiện tại đây chẳng diễn thuyết được kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn. Nói rằng trước không đó: Ngày trước không có Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát v.v... Vì không có nên hiện tại nói đức Như-Lai vô thường. Hoặc Sa Môn hay Bà La Môn, hoặc Phạm Vương, hoặc người, hoặc trời, hoặc ma, nói rằng đức Như-Lai thưở quá khứ, vị lai, hiện tại là vô thường thời không đúng.

Này Thiện nam tử ! Đức Như-Lai khắp vì chúng sanh nên dầu biết rõ tất cả pháp mà nói là chẳng biết, dầu thấy mà nói là chẳng thấy, Pháp có tướng nói rằng không tướng, pháp không tướng nói rằng có tướng. Thật có thường nói rằng vô thường, lạc, ngã và tịnh cũng như vậy.

Pháp tam thừa nói là nhất thừa, pháp nhất thừa tùy nghi nói thành ba: Tướng đón gọn nói thành tướng rộng, tướng rộng nói thành tướng đón gọn. Bốn tội trọng nói là tội thâm lan giá, tội thâm lan giá nói là bốn tội trọng. Phạm nói chẳng phải phạm, chẳng phải phạm nói là phạm. Tội khinh nói là trọng, tội trọng nói là khinh. Tại sao vậy ? Vì đức Như-Lai thấy rõ căn tánh của chúng sanh. Đức Như-Lai dầu nói như vậy mà trọn không hư vọng. Vì lời hư vọng chính là tội lỗi. Đức Như-Lai đã dứt hết tất cả tội lỗi, thời đâu còn có nói lời hư vọng.

Này Thiện nam tử ! Đức Như-Lai dầu không lời hư vọng, nếu biết chúng sanh do nơi lời hư vọng mà đặng lợi ích đối với chánh pháp, thời tùy nghi phương tiện vì họ mà nói.

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế đế đối với Như-Lai tức là đệ nhất nghĩa đế. Chư Phật Thế Tôn vì đệ nhất nghĩa đế mà nói thế đế, làm cho chúng sanh chứng đặng đệ nhất nghĩa đế. Giả sử chúng sanh chẳng đặng đệ nhất nghĩa đế như vậy, thời chư Phật trọn chẳng tuyên nói thế đế.

Này Thiện nam tử ! Đức Như-Lai có lúc diễn nói thế đế, chúng sanh cho rằng Phật nói đệ nhất nghĩa đế. Đức

Như-Lai có lúc diễn nói đệ nhất nghĩa đế, chúng sanh cho rằng Phật nói thế đế. Nên cảnh giới rất sâu của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác có thể biết được.

Này Thiện nam tử ! Vì thế nên ông chẳng nên gạn rằng: Đại Bồ Tát là Vô Sở Đắc. Bồ Tát thường chúng đặng đệ nhất nghĩa đế, sao lại gạn rằng là Vô Sở Đắc.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: Thế Tôn ! Đệ nhất nghĩa đế cũng gọi là đạo, cũng gọi là Bồ Đề, cũng gọi là Niết Bàn. Nếu có Bồ Tát nói rằng có đắc đạo, có bồ đề, Niết Bàn thì là vô thường. Vì pháp nếu là thường thì chẳng thể đặng, dường như hư không, có ai được.

Thế Tôn ! Như vật trong thế gian trước không nay có gọi đó là vô thường. Cũng vậy, nếu đạo là có thể được thì gọi là vô thường. Pháp nếu là thường thì không đặng, không sanh, dường như Phật tánh không đặng, không sanh.

Thế Tôn ! Luận về đạo: Chẳng phải sắc, chẳng phải chẳng sắc, chẳng dài, chẳng ngắn, chẳng phải cao, chẳng phải thấp, chẳng phải sanh, chẳng phải diệt, chẳng phải đỏ, chẳng phải trắng, chẳng phải xanh, chẳng phải vàng, chẳng phải có, chẳng phải không, có sao đức Như-Lai

nói là có thể được. Bồ Đề cùng Niết Bàn cũng như vậy.

Phật nói: “ Phải lắm ! Phải lắm ! Này Thiện nam tử ! Đạo có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Tướng Bồ Đề cũng có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Niết Bàn cũng vậy.

Đạo của ngoại đạo gọi là vô thường. Đạo của nội đạo gọi là thường. Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác là vô thường. Bồ Đề của Bồ Tát và chư Phật gọi là thường. Ngoại giải thoát gọi là vô thường. Nội giải thoát gọi là thường.

Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn đều gọi là thường. Tất cả chúng sanh vì bị vô lượng phiền não che đậy không huệ nhãn nên chẳng thể thấy được. Mà các chúng sanh vì muốn được thấy nên tu giới, định, huệ. Do tu hành nên thấy đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát chứng đặng đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn.

Tánh tướng của đạo thật chẳng sanh, chẳng diệt. Do nghĩa này nên chẳng thể nắm lấy. Này Thiện nam tử ! Đạo dầu không hình sắc thấy được, không thể cân lường biết. Nhưng thật có công dụng. Như tâm chúng sanh dầu chẳng phải sắc, chẳng phải dài, vắn, thô, tế, chẳng phải buộc chẳng phải mở. Chẳng phải là pháp có thể thấy

nhưng cũng là có.

Do nghĩa này nên đức Phật vì ông Tu Đạt Đa nói rằng: Trưởng Giả ! Tâm là chúa trong thành. Trưởng Giả nếu chẳng giữ gìn tâm thì chẳng giữ gìn thân miệng. Nếu giữ gìn tâm thì là giữ gìn thân miệng. Bởi chẳng khéo giữ gìn thân miệng nên làm cho chúng sanh sa đến ba ác thú. Giữ gìn thân miệng thì làm cho chúng sanh đặng báo trời người và Niết Bàn. Chúng đặng gọi là chân thật, còn chẳng chứng đặng gọi là chẳng chân thật. Đạo cùng Bồ Đề và Niết Bàn cũng như vậy: Cũng là có cũng là thường. Nếu như không có làm sao có thể dứt được tất cả phiền não. Vì có nên tất cả Bồ Tát thấy biết rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Một là thấy tướng mạo, hai là thấy rõ ràng. Thế nào là thấy tướng mạo ? Như thấy khói đằng xa gọi là thấy lửa, kỳ thật chẳng thấy lửa, dầu chẳng thấy lửa, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Thấy chim hạc bay trên không bèn nói là thấy nước. Dầu chẳng thấy nước nhưng chẳng phải là hư vọng. Như thấy lá cây bèn nói là thấy gốc cây, dầu chẳng phải thấy gốc cây nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như người thấy sừng trâu trong rào đằng xa bèn nói là thấy trâu, dầu chẳng thấy trâu nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy người

nữ thai nghén bèn nói là thấy đục, dầu chẳng thấy đục, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy cây mọc lá bèn nói là thấy nước, dầu chẳng thấy nước nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy mây bèn nói là thấy mưa, dầu chẳng thấy mưa nhưng cũng chẳng phải là hư vọng. Như thấy thân nghiệp cùng khẩu nghiệp bèn nói là thấy tâm, dầu chẳng thấy tâm, nhưng cũng chẳng phải là hư vọng, đây gọi là thấy tướng mạo.

Thế nào là thấy rõ ràng ? Như mắt thấy sắc. Nay Thiện nam tử ! Như người có con mắt sáng tự xem trái A Ma Lạc trong bàn tay. Đại Bồ Tát thấy đạo Bồ Đề, Bồ Đề và Niết Bàn rõ ràng cũng như vậy, dầu thấy như vậy nhưng vẫn không có tướng thấy.

Nay Thiện nam tử ! Do nhân duyên này ngày trước ta bảo Xá Lợi Phất: Tất cả trong đời hoặc Sa Môn, Bà La Môn, hoặc trời, hoặc ma, hoặc Phạm Vương, hoặc người chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chỉ có đức Như-Lai đều biết thấy và hiểu, chư vị Đại Bồ Tát cũng như vậy. Còn nếu trong các thế gian chỗ biết thấy và hiểu, thời ta cùng Bồ Tát cũng biết thấy và hiểu. Chúng sanh trong thế gian chỗ chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, cũng chẳng tự biết là mình chẳng biết, chẳng thấy, chẳng

hiếu. Chúng sanh trong thế gian chỗ biết thấy và hiểu bèn tự nói rằng tôi biết thấy và hiểu. Đức Như-Lai tất cả đều biết thấy và hiểu, cũng chẳng tự nói rằng ta biết thấy và hiểu, tất cả Bồ Tát cũng như vậy, vì nếu giả sử đức Như-Lai còn có tướng biết thấy và hiểu, phải biết đó là chẳng Phật Thế Tôn mà là phàm phu, Bồ Tát cũng vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Như đức Thế Tôn bảo Xá Lợi Phất: Thế gian biết ta cũng biết, thế gian chẳng biết ta cũng biết rõ. Ý nghĩa đó thế nào ?

Này Thiện nam tử ! Tất cả thế gian chẳng biết, chẳng thấy chẳng hiểu được Phật tánh. Nếu có biết thấy và hiểu Phật tánh thời chẳng gọi là thế gian, mà (là) Bồ Tát. Người thế gian cũng lại chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu mười hai loại kinh, mười hai nhân duyên, bốn đảo, bốn đế, ba mươi bảy phẩm, Vô Thượng Bồ Đề, Đại Niết Bàn, nếu biết, thấy và hiểu thời chẳng phải là thế gian nên gọi là Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu.

Thế nào là chỗ biết thấy và hiểu của thế gian ? Chính là Phạm Thiên, Tự Tại Thiên, Bát Tỳ Thiên, tánh, thời, vi trần, pháp và phi pháp là chủ tạo hóa, chung thí của

thế gian, hai kiến chấp đoạn thường, cho rằng sơ thiên đến trời phi Phi Tướng Là Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là chỗ thấy, biết và hiểu của thế gian. Đại Bồ Tát đối với những việc như vậy cũng biết thấy và hiểu. Bồ Tát thấy biết và hiểu như vậy rồi, nếu nói rằng chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu thì là hư vọng. Hư vọng thì là tội. Do tội này phải đọa địa ngục.

Này Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ, hoặc Sa Môn hay Bà La Môn nói rằng không có đạo Bồ Đề Niết Bàn. Phải biết bọn này gọi là Nhất Xiển Đề, là quyến thuộc của Ma, gọi là hủy báng chánh pháp. Hủy báng chánh pháp như vậy chính là hủy báng chư Phật. Người như vậy chẳng gọi là thế gian cũng chẳng gọi là chẳng phải thế gian.

Lúc bấy giờ Ca Diếp Bồ Tát liền nói kệ tán thán Phật.

Đức đại từ thương chúng sanh,

Nên nay tôi quy y Phật.

Khéo nhờ những mũi tên độc,

Nên hiệu là đại Y Vương.

Y sĩ trong đời trị bệnh,

Dầu lành nhưng sanh trở lại,
Đức Như-Lai trị lành hẳn,
Rốt ráo chẳng còn phát sanh.
Thuốc cam lộ của Thế Tôn,
Đem ban cho các chúng sanh,
Chúng sanh đã uống thuốc rồi,
Thời chẳng chết cũng chẳng sanh.
Đức Như-Lai nay vì tôi,
Diễn nói kinh Đại Niết Bàn,
Chúng sanh nghe tạng bí mật.
Liên đặng chẳng sanh chẳng diệt.

Nói kệ xong, Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn !
Như lời Phật nói tất cả thế gian chẳng biết, thấy, hiểu, Bồ
Tát đều có thể biết, thấy, hiểu. Giả sử Bồ Tát là thế gian
thời chẳng đặng nói rằng thế gian chẳng biết, chẳng thấy,
chẳng hiểu, mà Bồ Tát có thể biết, thấy, hiểu. Còn nếu
Bồ Tát chẳng phải thế gian thời có tướng gì khác ?”

- Nay Thiện nam tử ! Bồ Tát cũng là thế gian cũng
chẳng phải thế gian. Chẳng biết, thấy, hiểu gọi là thế gian.
Biết, thấy, hiểu chẳng gọi là thế gian. Ông hỏi có tướng

gì khác nay ta sẽ nói.

Này Thiện nam tử ! Hoặc nam nữ nếu có người mới nghe kinh Đại Niết Bàn này liền sanh lòng kính tin phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là thế gian Bồ Tát. Tất cả thế gian chẳng biết, thấy, hiểu, Bồ Tát này cũng chẳng biết, thấy, hiểu đồng như thế gian. Bồ Tát nghe kinh Đại Niết Bàn này rồi biết có sự mà thế gian chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu là chỗ biết, thấy, hiểu của Bồ Tát. Biết như vậy rồi liền tự nghĩ rằng: Tôi phải tu tập thế nào để được biết thấy và hiểu ? Lại tự nghĩ: Chỉ phải thâm tâm tu trì tịnh giới.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên đó Bồ Tát này ở đời vị lai sanh vào chốn nào giới đức vẫn thường thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Do giới thanh tịnh nên Đại Bồ Tát sanh vào chốn nào vẫn thường không kiêu mạn, tà kiến, nghi lầm. Không bao giờ cho rằng: Đức Như-Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh.

Giới đã thanh tịnh kể đến tu thiên định. Do tu thiên định nên đời đời chẳng mất chánh niệm: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, mười hai bộ kinh, chư Phật Thế

Tôn thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả Bồ Tát an trụ nơi kinh Phương Đẳng Đại Niết Bàn đều thấy Phật tánh, những việc như vậy đời đời nhớ chẳng quên. Do tu chánh định, nên chúng đặng mười một pháp không. Đây gọi là Bồ tát tu thanh tịnh.

Giới định đã đủ kể tu huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên chẳng chấp trước trong thân có ngã, trong ngã có thân, là thân là ngã, chẳng phải thân chẳng phải ngã. Đây gọi là Bồ Tát tu tập huệ thanh tịnh. Do tu huệ nên giới cấm đang thọ trì bền chắc chẳng lay động.

Như núi Tu Di chẳng bị bốn ngọn gió làm lay động. Cũng vậy, Đại Bồ Tát chẳng bị bốn thứ điên đảo làm động.

Bảy giờ Bồ Tát tự rõ biết rằng giới cấm của mình thọ trì không có lay động. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thấy giới cấm của mình thọ trì bền chắc chẳng lay động thì tâm không hối hận. Vì không hối hận nên tâm vui mừng. Vì vui mừng nên tâm thỏa thích. Vì thỏa thích nên tâm an ổn. Vì an ổn nên đặng chánh định vô-động. Vì đặng chánh định vô-động nên đặng tri kiến chân thật. Vì đặng tri kiến chân thật nên

nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử bèn đặng giải thoát. Vì đặng giải thoát nên thấy rõ Phật tánh. Đây gọi là chỗ thấy biết của Bồ Tát, chẳng phải là thế gian.

Này Thiện nam tử ! Như trên đây gọi là thế gian chẳng biết chẳng thấy, mà là chỗ thấy chỗ biết của Bồ Tát.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “ Thế nào là Bồ Tát tu trì giới thanh tịnh tâm không hối hận nhãn đến thấy rõ Phật tánh ?”

- Này Thiện nam tử ! Giới cấm của thế gian chẳng gọi là thanh tịnh. Vì giới của thế gian để cầu pháp có, vì tánh bất định, vì chẳng rốt ráo, chẳng thể khắp vì tất cả chúng sanh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng thanh tịnh. Vì chẳng thanh tịnh nên có tâm hối hận. Vì hối hận nên tâm không vui mừng. Vì không vui mừng thì không thỏa thích. Vì không thỏa thích thì tâm không an ổn. Vì không an ổn nên không có chánh định bất động. Vì không chánh định bất động nên không có tri kiến chân thật. Vì không tri kiến chân thật thì tâm không nhàm lìa. Vì không nhàm lìa thì không được giải thoát. Vì không giải thoát nên chẳng thấy Phật tánh. Vì không thấy Phật tánh nên trọn chẳng đặng Đại Niết Bàn. Đây gọi là giới

cầm của thế gian chẳng thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Giới của Đại Bồ Tát thanh tịnh: Vì giới mà chẳng phải giới, vì chẳng phải là có, vì quyết định rõ ràng, vì lợi ích chúng sanh. Đây gọi là giới thanh tịnh của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát ở trong giới thanh tịnh, dầu chẳng muốn sanh lòng không hối hận, nhưng lòng không hối hận tự nhiên sanh. Như người cầm gương sáng chẳng trông mong thấy mặt mình mà ảnh của mặt mình tự nhiên hiện.

Như nhà nông đem giống gieo trong ruộng tốt, chẳng mong mỗi mầm mọc lên mà mầm mọc tự mọc. Lại cũng như thắp đèn chẳng muốn trừ tối mà tối tự mất.

Đại Bồ Tát bền giữ giới thanh tịnh tâm không hối hận tự nhiên sanh cũng như vậy, do giới thanh tịnh nên tâm đặng vui mừng.

Như người xinh đẹp thấy diện mạo mình lòng sanh vui mừng, người trì tịnh giới cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Người phá giới thấy giới không thanh tịnh lòng không vui mừng, như người tàn tật xấu xa thấy diện mạo mình lòng rất buồn bã.

Như hai cô gái chẵn bò: Một người cầm bình đựng chất lạc, một người cầm bình đựng chất nước trái ép, đồng vào thành để bán, giữa đường vấp chân té hai bình đều bể. Một thời vui mừng, một thời rầu rĩ. Trì giới và phá giới mừng rầu cũng như vậy. Người trì tịnh giới tâm vui mừng. Vì vui mừng bèn suy nghĩ:

- Chư Phật ở trong Niết Bàn nói rằng: Người có thể trì tịnh giới thanh tịnh sẽ đặng Niết Bàn. Nay tôi tu tập tịnh giới như vậy cũng đáng được đó. Do có này nên tâm thỏa thích.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: “Vui mừng cùng thỏa thích có sai khác gì ?”

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát lúc chẳng làm ác gọi là vui mừng, lúc trì tịnh giới gọi là thỏa thích. Đại Bồ Tát lúc quán sát sanh tử gọi là vui mừng, lúc thấy Đại Niết Bàn gọi là thỏa thích. Bậc hạ gọi là vui mừng, bậc thượng gọi là thỏa thích. Lìa pháp thế gian gọi là vui mừng, đặng pháp bất cộng gọi là thỏa thích. Do giới thanh tịnh nên thân thể dịu dàng, miệng không nói lời thô ác lỗi lầm. Lúc bấy giờ Bồ Tát hoặc thấy hoặc nghe, hoặc ngửi, hoặc nếm, hoặc xúc chạm, hoặc biết, đều không có các sự ác. Vì không ác nên tâm đặng an ổn. Vì an ổn nên đặng

chánh định. Vì đặng chánh định nên thấy biết chân thật. Vì thấy biết chân thật nên nhàm lìa sanh tử. Vì nhàm lìa sanh tử nên đặng giải thoát. Vì giải thoát nên thấy Phật tánh. Vì thấy Phật tánh nên đặng Niết Bàn. Đây gọi là Bồ Tát trì tịnh giới, chẳng phải giới cấm thế gian. Vì Đại Bồ Tát thọ trì tịnh giới có năm pháp tá trợ: Một là tín, hai là tâm, ba là quý, bốn là Thiện tri thức, năm là tôn kính giới, do đã lìa ngũ cái, chỗ thấy thanh tịnh vì đã lìa năm ác kiến. Tâm không nghi hoặc vì đã lìa năm thứ nghi: Một là nghi Phật, hai là nghi Pháp, ba là nghi Tăng, bốn là nghi giới, năm là nghi chẳng phóng dật. Bồ Tát bèn đặng ngũ căn: Tín niệm, tinh tấn, định và huệ. Vì đặng ngũ căn nên đặng năm thứ Niết Bàn: Sắc giải thoát nhãn đến thức giải thoát. Đây gọi là Bồ Tát trì tịnh giới thanh tịnh chẳng phải thế gian vậy.

Này Thiện nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng thấy mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng biên chép, diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn mà có phá giới. Bị người quở trách khinh tiện hủy nhục và nói rằng: “Nếu tạng bí mật của Phật, kinh Đại Niết Bàn có oai lực, sao lại làm cho người hủy phá giới cấm. Nếu người thọ trì kinh Niết Bàn

này hủy phá giới cấm, nên biết kinh này là không có oai lực nếu không oai lực dầu có đọc tụng cũng không lợi ích”. Do vì khinh hủy kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này mà hủy phá giới cấm là ác tri thức của chúng sanh, là quyền thuộc của ma chẳng phải đệ tử của ta. Người như vậy ta cũng chẳng cho thọ trì kinh này. Thà khiến họ chẳng thọ chẳng trì, chẳng tu, chớ chẳng để họ hủy phá giới cấm mà thọ trì tu tập.

Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn phải chánh thân tâm, cẩn thận chớ cợt đùa, cử động khinh tháo, thân không cợt đùa, tâm không khinh động. Tâm cầu pháp có thời gọi là khinh động, thân tạo các nghiệp gọi là cợt đùa. Nếu đệ tử ta cầu pháp có, tạo các nghiệp, thời không nên thọ trì kinh điển Đại thừa Đại Niết Bàn này. Nếu người như vậy mà thọ trì kinh này, sẽ làm cho nhiều người khinh chê mà nói rằng: Nếu kinh Đại Niết Bàn, tạng bí mật của Phật có oai lực, sao lại làm cho người cầu pháp có, gây tạo các nghiệp. Nếu người trì kinh này cầu pháp có, gây tạo các nghiệp do đó biết rằng kinh này không có oai lực, không oai lực nên thọ trì cũng không lợi ích gì.

Do khinh hủy kinh Đại Niết Bàn lại làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này nếu cầu pháp có, gây tạo các nghiệp, họ là ác tri thức của chúng sanh, là quyền thuộc của ma không phải là đệ tử ta.

Này Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng thơ tả diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn này, không nên: thuyết pháp phi thời, thuyết pháp phi xứ, không thỉnh mà thuyết pháp, khinh tâm mà thuyết pháp, chỗ nào cũng thuyết pháp, tự khen mình mà thuyết pháp, khinh người khác mà thuyết pháp, diệt Phật mà thuyết pháp, hưng thịnh pháp thế gian mà thuyết pháp.

Nếu đệ tử của ta thọ trì kinh này mà thuyết pháp phi thời cho đến thuyết pháp để hưng thịnh pháp thế gian, mọi người sẽ khinh chê họ. Vì khinh chê kinh Đại Niết Bàn nên làm cho vô lượng chúng sanh đọa địa ngục. Người thọ trì kinh này mà như vậy thời là ác tri thức của chúng sanh, là quyền thuộc của ma, không phải là đệ tử của ta.

Này Thiện nam tử ! Nếu người thọ trì kinh này, muốn giảng thuyết Đại Niết Bàn, muốn giảng thuyết Phật tánh, muốn giảng thuyết tạng bí mật của Như-Lai, muốn giảng thuyết Đại Thừa, muốn giảng thuyết kinh Phương Đẳng,

muốn giảng thuyết Thanh Văn thừa, Bích Chi Phật thừa, muốn giảng thuyết giải thoát, thấy Phật tánh thời trước phải thanh tịnh thân của mình. Vì thân thanh tịnh thời người không quở trách. Vì không quở trách nên làm cho vô lượng chúng sanh có lòng tin thanh tịnh đối với kinh Đại Niết Bàn. Vì có lòng tin nên càng kính kính này, nếu được nghe một kệ, một câu, một chữ và người thuyết pháp, thời phát đặng tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nên biết người này thật là Thiện tri thức của chúng sanh, là đệ tử của Phật. Đây gọi là Bồ Tát chẳng phải thế gian.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là thế gian chẳng biết, chẳng thấy mà là chỗ thấy, chỗ biết của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là tất cả thế gian chẳng thấy chẳng biết, mà là chỗ thấy chỗ biết của Bồ Tát ? Đây là nói sáu chánh niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm thí, niệm Thiên.

Thế nào là niệm Phật ? Như-Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, thường chẳng biến đổi, đầy đủ mười trí lực, bốn môn vô sở úy, đại Sư Tử Hống, gọi là đại Sa Môn, đại Bà La Môn, đại tịnh, rớt ráo đến nơi bờ kia, đấng Vô

Năng Thắng, đấng Vô Kiến Đảnh, không có bổ úy, chẳng kinh chẳng động, riêng một không bạn vô sự tự ngộ, trí mau lẹ, trí lớn, trí lanh lợi, trí sâu, trí giải thoát, trí bất cộng, trí rộng khắp, trí rốt ráo, trí bảo thành tựu, tượng vương trong loài người, Ngưu vương trong loài người, Long vương trong loài người, trượng phu trong loài người, Liên Hoa trong loài người, hoa Phân Đà Lợi, Điều Ngự Nhân Sư, là đại thí chủ bậc thầy đại pháp, hiệu đại pháp sư, vì biết pháp, vì biết nghĩa, vì biết thời, vì tri túc, vì tri ngã, vì biết đại chúng, vì biết chủng tánh của chúng sanh, vì biết căn tánh lợi độn, vì nói trung đạo, do những cơ này nên hiệu là đại Pháp sư.

Thế nào gọi là Như-Lai ? Như chỗ thuyết pháp của chư Phật quá khứ chẳng biến đổi. Chư Phật quá khứ vì độ chúng sanh nên nói mười hai bộ kinh. Đức Như-Lai cũng vậy nên hiệu là Như-Lai. Chư Phật Thế Tôn từ sáu môn Ba La Mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, mười một pháp không mà đến Đại Niết Bàn. Đức Như-Lai cũng vậy, nên gọi Phật là Như-Lai. Chư Phật Thế Tôn vì chúng sanh nên tùy nghi phương tiện khai thị ba thừa, thọ mạng vô lượng không thể tính đếm. Đức Như-Lai cũng vậy nên gọi Phật là Như-Lai.

Thế nào là Ứng ? Pháp thế gian đều gọi là oan gia, vì đức Như-Lai ứng phá hoại pháp ấy nên gọi là ứng. Luận về tứ ma là oan gia của Bồ Tát, chư Phật Như-Lai lúc làm Bồ Tát, có thể dùng trí huệ phá hoại bốn thứ ma nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là viễn ly, lúc làm Bồ Tát nên phải xa lìa vô lượng phiền não nên gọi là Ứng. Lại Ứng gọi là lạc, chư Phật quá khứ lúc làm Bồ Tát dầu trong vô lượng vô số kiếp vì chúng sanh mà thọ những khổ não, nhưng trọn không khi nào là không vui, mà thường vui đó nên gọi là Ứng. Và lại tất cả nhân thiên nên đem các thứ hoa, hương, chuỗi ngọc, tràng phan, kỹ nhạc để cúng dường đó nên gọi là Ứng cúng.

Thế nào gọi là Chánh Biến Tri ? Chánh là nói chẳng điên đảo. Biến tri là thông đạt tất cả bốn thứ điên đảo. Lại chánh là nói khổ hạnh. Biến tri là biết nhân nơi khổ hạnh quyết định có quả khổ. Lại chánh là nói trong thế gian. Biến tri là rốt ráo quyết định biết tu tập trung đạo thời đặng Vô Thượng Bồ Đề. Lại chánh nói có thể đếm, có thể lường có thể cân. Biến tri là chẳng thể đếm, chẳng thể lường, chẳng thể cân vì thế nên gọi Phật là Chánh Biến Tri.

Này Thiện nam tử ! Thanh Văn, Duyên Giác cũng có

biến tri, cũng chẳng biến tri. Vì biến tri là nói ngũ âm, thập nhị nhập, thập bát giới. Thanh Văn, Duyên Giác cũng đặng biến tri, đây gọi là có biến tri. Giả sử hàng nhị thừa trong vô lượng kiếp quán sát một sắc âm cũng chẳng thể biết được hết, do nghĩa này nên hàng Thanh Văn, Duyên Giác không có biến tri.

Thế nào là Minh Hạnh Túc ? “Minh” là nói đặng vô lượng quả lành. “Hạnh” là chân cẳng. Quả lành gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Chân cẳng là nói giới huệ. Nương nơi chân giới huệ mà đặng Vô Thượng Bồ Đề, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại minh gọi rằng “chú”, hạnh gọi rằng “kiết”, túc gọi rằng “quả”, đây là nghĩa thế gian. “Chú” là nói giải thoát, “Kiết” là nói Vô thượng Bồ Đề, “Quả” là nói Đại Niết Bàn, vì thế nên gọi là Minh Hạnh Túc. Lại “Minh” là quang, “Hạnh” là nghiệp, “Túc” là quả, đây là nghĩa thế gian. “Quang” là nói chẳng phóng dật, “Nghiệp” là nói sáu môn Ba La Mật, “Quả” là nói Vô Thượng Bồ Đề. Và lại “Minh” là tam minh: Một là Bồ Tát minh, hai là chư Phật minh, ba là vô minh minh. Bồ Tát minh là Bát Nhã Ba La Mật. Chư Phật minh là Phật nhãn, vô minh minh là rốt ráo không. “Hạnh” là trong vô lượng kiếp vì chúng sanh nên tu tập các nghiệp

lành. “Túc” là thấy rõ Phật tánh. Do nghĩa này nên gọi là Minh Hạnh Túc.

Thế nào là Thiện Thệ ? “Thiện” là cao. “Thệ” là chẳng cao, đây là nghĩa thế gian. “Cao” gọi là Vô Thượng Bồ Đề. “Chẳng cao” chính là tâm Như-Lai. Đây Thiện nam tử ! Tâm nếu cao thì chẳng gọi là Như-Lai, vì thế nên Như-Lai gọi là Thiện Thệ. Lại “Thiện” là Thiện tri thức, “Thệ” là quả Thiện tri thức, đây là nghĩa thế gian. Thiện tri thức là sơ phát tâm, quả của Thiện tri thức là Đại Niết Bàn. Như-Lai chẳng bỏ sự phát tâm tối sơ nên đặng Đại Niết Bàn, vì thế nên Như-Lai hiệu là Thiện Thệ. Và lại “Thiện” gọi là tốt, “Thệ” gọi là có, đây là nghĩa thế gian. “Tốt” là nói thấy Phật tánh. “Có” là nói Đại Niết Bàn thật chẳng phải có, chư Phật vì thế gian mà nói là có. Như người đời thật không có con mà nói là có con, thật không có đạo mà nói là có đạo. Nhân thuận theo thế gian mà nói là có Niết Bàn. Chư Phật Thế Tôn thành Đại Niết Bàn nên gọi là Thiện Thệ.

Thế nào là Thế Gian Giải ? Thế gian là nói ngũ âm, giải là rõ biết. Chư Phật khéo biết ngũ âm nên hiệu là Thế Gian Giải. Lại thế gian là nói ngũ dục, giải là chẳng tham đắm. Chẳng tham đắm ngũ dục nên hiệu là Thế

Gian Giải. Lại thập phương vô lượng vô số thế giới tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết, chẳng thấy, chẳng hiểu, chư Phật đều biết đều thấy đều hiểu, vì thế nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại thế gian là tất cả phàm phu, giải là biết nhân quả thiện ác của phàm phu, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được, duy Phật có thể biết nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại thế gian là Liên Hoa, giải là nói chẳng ô nhiễm, đây là nghĩa thế gian. Liên Hoa là nói Như-Lai, đức Như-Lai chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, nên Phật hiệu là Thế Gian Giải. Lại chư Phật Bồ Tát thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải. Như nhân ăn mà đặng sống nên gọi ăn là mạng sống. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát vì thấy rõ thế gian nên hiệu là Thế Gian Giải.

Thế nào là Vô Thượng Sĩ ? Thượng Sĩ gọi là dứt, không chỗ dứt gọi là Vô Thượng Sĩ. Chư Phật Thế Tôn không có phiền não nên không chỗ dứt, vì thế Phật hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói tránh tụng, Vô Thượng Sĩ là không có tránh tụng. Như-Lai không tránh tụng nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là lời nói có thể phá hoại, Vô Thượng Sĩ là lời nói chẳng thể phá hoại. Lời nói của Như-Lai không ai phá được nên hiệu là

Vô Thượng Sĩ. Lại Thượng Sĩ là nói bậc thượng tòa, Vô Thượng Sĩ là nói bậc Vô Thượng tòa. Chư Phật ba đời không có ai hơn nên hiệu là Vô Thượng Sĩ. Lại nữa “Thượng” là mới, “Sĩ” là cũ. Chư Phật Thế Tôn thể chúng Đại Niết Bàn không mới, không cũ nên hiệu là Vô Thượng Sĩ.

Thế nào là Điều Ngự Trượng Phu ? Tự mình đã là Trượng Phu, lại điều phục trượng phu khác.

Này Thiện nam tử ! Như-Lai thật chẳng phải trượng phu, cũng chẳng phải chẳng trượng phu, nhân điều phục trượng phu nên gọi Như-Lai là trượng phu. Tất cả nam nữ nếu đủ bốn pháp thời gọi là trượng phu: Một là gần Thiện tri thức, hai là có thể nghe pháp, ba là tư duy nghĩa, bốn là đúng như pháp tu hành. Nếu nam nữ nào không có bốn pháp này thời chẳng được gọi là trượng phu. Vì thân dầu là trượng phu mà hành vi đồng như súc sanh. Như-Lai điều phục những nam nữ ấy nên Phật hiệu là Điều Ngự trượng Phu. Lại như điều khiển ngựa phàm có bốn cách: Một là chạm đến lông, hai là chạm đến da, ba là chạm đến thịt, bốn là chạm đến xương, tùy chỗ chạm đến vừa ý người điều khiển. Cũng vậy, Như-Lai dùng bốn cách điều phục chúng sanh: Một là vì chúng sanh mà

giảng thuyết về sanh khổ khiến lãnh thọ lời Phật, như cách chạm lông thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Hai là giảng thuyết sanh tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông da thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Ba là giảng nói sanh cùng lão bệnh bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển. Bốn là giảng nói sanh, lão, bệnh và tử bèn lãnh thọ lời Phật, như chạm đến lông, da, thịt, xương, thời ngựa tuân theo ý người điều khiển.

Này Thiện nam tử ! Người điều khiển ngựa không có quyết định. Như-Lai điều phục chúng sanh quyết định chẳng lường nên Phật hiệu là Điều Ngự Trượng Phu.

Thế nào là Thiên Nhân Sư ? Sư có hai hạng: Một là dạy điều lành, hai là dạy điều ác. Chư Phật và Bồ Tát thường đem pháp lành dạy bảo chúng sanh. Pháp lành là nói thân, khẩu, ý đều lành. Chư Phật Bồ Tát dạy bảo chúng sanh: Các người nên xa nghiệp chẳng lành nơi thân, vì nghiệp ác nơi thân là thứ có thể xa lìa để được giải thoát, nên ta đem pháp này dạy các người. Nếu nghiệp ác chẳng thể xa lìa để được giải thoát, thời ta trọn chẳng dạy các người. Các chúng sanh nếu lìa ác nghiệp rồi thời không bị đọa ba ác đạo. Do lìa ác nên thành Vô

Thượng Bồ Đề đặng Đại Niết Bàn. Vì thế nên chư Phật và Bồ Tát thường đem pháp lành này giáo hóa chúng sanh. Khẩu và ý cũng như vậy. Vì thế Phật là Vô Thượng Sư. Lại xưa chưa đặng đạo này đã đặng đạo đó, đem đạo đã đặng dạy cho chúng sanh. Từ trước tới nay chưa tu phạm hạnh nay đã tu xong, đem chỗ tu của mình dạy cho chúng sanh. Tự phá vô minh, lại phá vô minh cho chúng sanh. Tự đặng tịnh nhãn lại làm cho chúng sanh cũng đặng tịnh nhãn. Tự biết rõ hai đế lý lại vì chúng sanh mà giảng thuyết hai đế lý. Đã tự giải thoát lại vì chúng sanh nói pháp giải thoát. Tự qua khỏi sông lớn sanh tử không ngăn mé lại làm cho chúng sanh đều được qua khỏi.

Tự được vô úy lại dạy chúng sanh làm cho không còn sợ sệt. Tự đã được Niết Bàn lại vì chúng sanh nói Đại Niết Bàn. Vì thế nên Phật hiệu là Vô Thượng Sư.

“ Thiên ” là nói ban ngày. Trên trời ngày dài đêm ngắn nên gọi là thiên. Lại: “ Thiên ” là nói không sâu nã thường vui sướng nên gọi là thiên. Lại “ Thiên ” là nói đèn sáng có thể phá đen tối thành sáng suốt nên gọi là thiên. Cũng bởi có thể phá nghiệp ác tối tăm đặng nghiệp lành sanh lên trời nên gọi là thiên. Lại vì kiết tường nên gọi là thiên. Lại vì có ánh sáng nên gọi là thiên.

Nhân là nói, là có thể nhiều suy nghĩ nghĩa lý. Lại nhân là thân khẩu diu dàng. Lại nhân là nói kiêu mạn. Lại nhân là nói có thể phá kiêu mạn.

Này Thiên nam tử ! Chư Phật đầu là đại sư Vô Thượng của tất cả chúng sanh, nhưng trong kinh nói là Thiên Nhân Sư, vì trong các loài chúng sanh chỉ có người cùng trời có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, có thể tu mười nghiệp đạo lành, có thể đặng quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La Hán, quả Bích Chi Phật, chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế nên Phật hiệu là Thiên Nhân Sư.

Thế nào là Phật, Phật gọi là giác, đã tự giác ngộ lại có thể giác ngộ người khác. Như có người rõ biết kẻ giặc cướp, thời giặc cướp không hại được. Đại Bồ Tát có thể rõ biết tất cả vô lượng phiền não. Vì rõ biết nên các phiền não không làm não được. Do đây nên gọi là Phật. Do vì giác ngộ nên chẳng sanh, chẳng lão, chẳng bệnh, chẳng tử, do đây gọi là Phật.

Phật hiệu là Bà Đà Bà, “ Bà Đà” là phá, “ Bà” là phiền não. Có thể phá phiền não nên hiệu Bà Đà Bà. Lại có thể thành tựu các pháp lành, lại có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp lại có công đức lớn không ai hơn, lại có

tiếng đồn khắp mười phương, lại có thể bố thí tất cả, lại trong vô lượng a tăng kỳ kiếp là nữ căn.

Này Thiện nam tử ! Hoặc nam hoặc nữ có thể niệm Phật như vậy, lúc đi đứng, lúc ngồi nằm, hoặc ban ngày, hoặc ban đêm, lúc tối, lúc sáng, thường đặng chẳng là thấy Phật Thế Tôn.

Này Thiện nam tử ! Có sao gọi rằng Như-Lai Ứng Cúng Chánh Biến Tri nhân đến Bà Đà Bà mà có vô lượng công đức cùng tiếng tăm lớn như vậy ? Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước, cung kính cha mẹ, hòa thượng, sư trưởng, thượng tọa, trưởng lão. Trong vô lượng kiếp thường vì chúng sanh mà thật hành hạnh Bố Thí, trì Tịnh Giới, tập Nhẫn Nhục, siêng Tinh tấn, Thiền định, Trí Huệ, Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả, vì thế nên ngày nay đặng ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thân kim cương. Và lại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp trước tu tập ngũ căn: Tín, niệm, Tấn, Định, Huệ. Cung kính cúng dường các bậc sư trưởng, thường vì pháp, chẳng vì ăn. Bồ Tát nếu trì mười hai loại kinh, hoặc đọc tụng, thường muốn cho chúng sanh đặng giải thoát an ổn vui sướng, trọn chẳng vì mình. Tại sao vậy ? Vì Bồ tát thường tu tâm xuất thế và tâm xuất gia, lại thường tu tâm vô vi, tâm

vô tránh, tâm vô cầu, tâm vô phược, tâm vô thủ, không tâm che đậy, không tâm vô ký, không tâm sanh tử, không tâm nghi, không tâm tham, không tâm sân, không tâm si, không tâm kiên mạn, không tâm uế trược, không tâm phiền não, không tâm khổ, tu tâm vô lượng, tâm quảng đại, tâm hư không, tâm không, không tâm không, không tâm chẳng điều phục, không tâm chẳng hộ trì, không tâm che giấu, không tâm thế gian, tâm thường định, tâm thường tu, tâm thường giải thoát, tâm không báo đền, tâm không nguyện cầu, tâm nguyện lành, tâm không nói năng, tâm nhu nhuyễn, tâm chẳng trụ, tâm tự tại, tâm vô lậu, tâm đệ nhất nghĩa, tâm bất thối, tâm Vô Thượng, tâm chánh trực, tâm không dua vạy, tâm không đa thiếu, tâm không ương ngạnh, tâm không phạm phu, không tâm Thanh Văn, không tâm Duyên Giác, tâm biết lành, tâm biết cõi, tâm biết sanh cõi nào, tâm biết ở cõi nào, tâm biết cõi tự tại. Vì ngày trước tu những tâm này nên nay đặng mười trí lực, bốn vô sở úy, đại từ bi, tam niệm xứ, thường, lạc, ngã, tịnh, do đây hiệu là Như-Lai nhân đến Bà Đà Bà. Đây gọi là Đại Bồ Tát niệm Phật.

Thế nào là Đại Bồ Tát niệm Pháp ? Đại Bồ Tát suy nghĩ giáo pháp của chư Phật nói ra rất vi diệu hơn tất cả.

Do pháp này có thể làm cho chúng sanh đặng quả hiện tại, chỉ có chánh pháp này không thuộc thời gian, pháp nhãn ngó thấy, nhục nhãn không thấy được. Chẳng thể dùng thí dụ để so sánh. Chánh pháp này chẳng sanh, chẳng xuất, chẳng trụ, chẳng diệt, không thỉ, không chung, vô vi, vô số, kẻ không nhà thời làm nhà cho họ, kẻ không chỗ về thời làm chỗ về, không ánh sáng thời làm ánh sáng, không đến bờ kia thời làm cho đến bờ kia, chỗ không mùi thơm thời làm mùi thơm vô ngại, kẻ không nhìn thấy thời làm cho nhìn thấy rõ ràng. Chánh pháp này chẳng động, chẳng chuyển, chẳng dài, chẳng ngắn, dứt hẳn sự vui mà thường an vui, rốt ráo vi diệu, chẳng phải sắc đã dứt sắc thức mà cũng là thức, chẳng phải nghiệp đã dứt nghiệp, chẳng phải kiết sử, đã dứt kiết sử, chẳng phải vật đã dứt vật mà cũng là vật, chẳng phải giới đã dứt giới mà cũng là giới, chẳng phải hữu đã dứt hữu mà cũng là hữu, chẳng phải nhập đã dứt nhập mà cũng là nhập, chẳng phải nhân đã dứt nhân mà cũng là nhân, chẳng phải quả đã dứt quả mà cũng là quả, chẳng phải hư, chẳng phải thật dứt tất cả thật mà cũng là thật, chẳng phải sanh chẳng phải diệt dứt hẳn sanh diệt mà cũng là diệt, chẳng phải tướng chẳng phải phi tướng dứt tất cả tướng mà cũng là tướng, chẳng phải dạy dỗ, chẳng

phải không dạy dỗ mà cũng là thầy dạy, chẳng phải sợ chẳng phải an dứt tất cả sợ mà cũng là an, chẳng phải nhẫn chẳng phải không nhẫn, dứt hẳn sự chẳng nhẫn mà cũng là nhẫn, chẳng phải dừng ở chẳng phải không dừng ở dứt tất cả dừng ở mà cũng là dừng ở trên danh của tất cả pháp. Chánh pháp này đều có thể dứt hẳn tất cả phiền não, thanh tịnh vô tướng, thoát hẳn các tướng, là chỗ ở rốt ráo của vô lượng chúng sanh. Có thể diệt tất cả ngọn lửa sanh tử, là chỗ đi và ở của chư Phật, là thường còn chẳng biến đổi. Đây gọi là Bồ Tát niệm Pháp.

Thế nào là niệm Tăng ?

Chư Phật Thánh Tăng đúng như Pháp mà trụ thọ trì chánh pháp tùy thuận tu hành, chẳng thể nhìn thấy, chẳng thể cầm nắm, chẳng thể phá hoại, chẳng thể nhiều hại, chẳng thể nghĩ bàn, là ruộng phước tốt của tất cả chúng sanh. Dầu là ruộng phước nhưng không thọ, không lấy, thanh tịnh, không nhớ, vô lậu, vô vi, rộng khắp vô biên, tâm điều nhu bình đẳng không hai, không có loạn trược thường chẳng biến đổi. Đây gọi là niệm Tăng.

Thế nào là niệm giới ?

Bồ Tát suy nghĩ có giới, chẳng phá, chẳng lậu, chẳng hoại, chẳng tạp, dầu không hình sắc mà nên hộ trì, dầu

không xúc đối nhưng khéo tu phương tiện có thể đặng đầy đủ không có lỗi lầm, là chỗ mà chư Phật Bồ tát ngợi khen là nhân của Đại Thừa Phương Đẳng Đại Niết Bàn. Như mặt đất, ghe thuyền, chuỗi ngọc, dòng họ tôn quý, biển lớn, nước tro, nhà cửa, gươm đao, câu kỳ, lương y, thuốc hay, thuốc A Đà Đà, như ý bảo châu, chân, mắt, cha mẹ, bóng mát, không ai trộm cướp được, không ai nhiều hại được, lửa không cháy được, nước không trôi được, là thang bậc lên núi lớn, là tràng báu của chư Phật Bồ Tát, nếu trụ nơi giới này thời đặng quả Tu Đà Hoàn. Tôi cũng có phần này nhưng tôi chẳng cầu, vì nếu tôi đặng quả Tu Đà Hoàn thời không thể độ khắp tất cả chúng sanh. Nếu trụ nơi giới này đặng Vô Thượng Bồ Đề, thời tôi cũng có phần, đây là chỗ mong muốn của tôi: Vì nếu đặng Vô Thượng Bồ Đề, tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết diệu pháp để cứu độ. Đây là Đại Bồ Tát niệm giới.

Thế nào là niệm thí ?

Đại Bồ Tát quán sát kỹ hạnh bố thí là nhân của Vô Thượng Bồ Đề. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh bố thí như vậy, tôi cũng tu tập như vậy. Nếu chẳng bố thí thời không thể trang nghiêm bốn bộ chúng. Bố thí dầu chẳng

thể rốt ráo dứt kiết sử, mà có trừ phá hiện tại phiền não. Do vì bố thí nên thường được chúng sanh trong vô lượng thế giới ở mười phương khen ngợi Đại Bồ Tát bố thí vật thực cho chúng sanh thời là bố thí mạng sống cho chúng sanh. Do quả báo bố thí nên lúc thành Phật thường chẳng biến đổi. Do bố thí làm chúng sanh an vui nên lúc thành Phật đặng an vui. Lúc bố thí, Bồ Tát cầu của cải đúng pháp, chẳng lánh⁴ người kia để cho người này, vì thế nên lúc thành Phật đặng thanh tịnh Niết Bàn. Lúc bố thí, Bồ Tát làm cho chúng sanh chẳng cầu mà đặng, nên lúc thành Phật đặng ngã tự tại. Vì bố thí làm cho người khác đặng sức khỏe, nên lúc thành Phật chúng đặng mười trí lực. Vì bố thí làm cho người đặng nói năng, nên lúc thành Phật đặng bốn môn vô ngại. Chư Phật và Bồ Tát tu tập hạnh bố thí này làm nhân Niết Bàn, tôi cũng tu tập hạnh bố thí như vậy để làm nhân Niết Bàn.

Nói rộng hạnh bố thí như trong kinh Tạp Hoa.

Thế nào là niệm Thiên ?

⁴ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “xâm phạm”

Có cõi trời Tứ Thiên Vương nhân đến cõi trời Phi Tướng, Phi Phi tướng. Nếu có tín tâm đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương v.v... Tôi cũng có phần. Nếu giới, đa văn, bố thí, trí huệ đặng sanh cõi trời Tứ Thiên Vương nhân đến cõi trời phi Tướng, Phi Phi Tướng, tôi cũng có phần nhưng chẳng phải chỗ mong muốn của tôi. Vì trời Tứ Thiên Vương nhân đến trời Phi Phi Tướng đều là vô thường. Vì vô thường nên có sanh già bệnh chết, do lẽ này nên chẳng phải là chỗ tôi mong muốn. Như ảo thuật biến hóa phỉnh gạt người ngu, người trí không bị lầm. Phạm phu ngu mê ham muốn cõi trời Tứ Thiên Vương nhân đến trời Phi Tướng, Phi Phi Tướng. Tôi chẳng đồng với phạm phu. Tôi từng nghe có trời đệ nhất nghĩa, chính là chư Phật và Bồ tát thường chẳng biến đổi. Vì thường trụ nên chẳng có sanh, lão, bệnh, tử. Tôi vì chúng sanh mà cầu trời đệ nhất nghĩa vì trời đệ nhất nghĩa có thể làm cho chúng sanh dứt trừ phiền não, như cây như ý. Nếu tôi có tín, niệm, tán, định và huệ thời có thể đặng trời đệ nhất nghĩa này. Tôi sẽ vì chúng sanh giảng thuyết phân biệt trời đệ nhất nghĩa. Đây gọi là Đại Bồ Tát niệm Thiên.

Này Thiện nam tử ! Đây là thế gian chẳng biết chẳng

thấy, mà là chỗ thấy biết của Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử của ta cho rằng thọ trì đọc tụng biên chép diễn thuyết mười hai bộ kinh cùng với thọ trì đọc tụng biên chép diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn đồng nhau, nói như vậy không đúng nghĩa. Vì Đại Niết Bàn là tạng bí mật rất sâu của tất cả chư Phật Thế Tôn, đây thời là hơn tất cả. Do nghĩa này nên kinh Đại Niết Bàn rất lạ, rất đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật:

“ Tôi cũng biết kinh Đại Niết Bàn là rất lạ, rất đặc biệt chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng chẳng thể nghĩ bàn. Bồ Tát, Bồ Đề, Đại Bát Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn. Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa gì lại nói Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát không ai giáo hóa mà có thể tự phát tâm Bồ Đề, đã phát tâm rồi tinh tấn siêng tu. Giả sử lửa lớn đốt cháy thân thể, trọn chẳng vì cầu cứu mà bỏ tâm niệm Pháp. Vì Đại Bồ Tát thường tự suy nghĩ: Tôi trong vô lượng vô số kiếp hoặc ở địa ngục, ngã quý, súc sanh, trong loài người, trên trời, bị các thứ lửa kiết sử đốt cháy, chưa từng dựng một pháp quyết định, pháp quyết định là Vô Thượng Bồ Đề. Nay tôi vì Vô

Thượng Bồ Đề trọn chẳng tiếc thân mạng, dầu đến phải nát thân như vi trần, tôi trọn chẳng buông bỏ hạnh tinh tấn siêng tu. Vì tâm tinh tấn bền là nhân Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát này lúc chưa thấy Vô Thượng Bồ Đề đã có thể chẳng tiếc thân mạng như vậy, huống là đã thấy. Do đây nên Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lại Đại Bồ Tát thấy sanh tử có vô lượng tội khổ, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Dầu biết sanh tử có vô lượng tội khổ, nhưng vì chúng sanh ở trong đó chịu khổ mà chẳng sanh tâm nhàm lìa. Do đây nên gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn. Đại Bồ Tát vì chúng sanh nên dầu ở trong địa ngục chịu khổ nhưng vui như đệ tam thiên. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ví như nhà Trưởng Giả phát hỏa, Trưởng Giả xem thấy liền bỏ nhà chạy ra. Các con của Trưởng Giả ở sau chưa thoát khỏi nạn lửa. Trưởng Giả vì các con nên trở vào nhà để cứu, chẳng đoái đến hoạn nạn nguy hiểm. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dầu biết sanh tử nhiều tội khổ, nhưng vì cứu chúng sanh nên ở trong sanh tử mà chẳng nhàm. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề, thấy trong sanh tử nhiều tội khổ liền thối tâm Bồ Đề, hoặc làm Thanh Văn hoặc làm Duyên Giác. Nếu Bồ Tát được nghe kinh Đại Niết Bàn này thời trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề. Bồ Tát này dầu chưa đến bậc bất động địa, nhưng tâm bền chắc không thối thất. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Này Thiện nam tử ! Như có người nói rằng tôi có thể tự lợi qua khỏi biển lớn. Người nói như vậy có thể nghĩ bàn được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Lời nói như vậy hoặc có thể nghĩ bàn, hoặc chẳng thể nghĩ bàn. Vì nếu là người lợi qua khỏi biển lớn thời chẳng thể nghĩ bàn. Còn nếu A Tu La lợi qua thời là có thể nghĩ bàn.

- Này Thiện nam tử ! Ta chẳng nói A Tu La, chỉ nói người.

- Bạch Thế Tôn ! Trong loài người cũng có hai hạng: Một là Thánh Nhân, hai là phàm phu. Nếu phàm phu lợi qua thời là chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Thánh nhân thời là có thể nghĩ bàn.

- Này Thiện nam tử ! Ta nói phàm phu chẳng nói Thánh nhân.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu là phàm phu tự nói lợi qua biển lớn được thời thật là chẳng thể nghĩ bàn.

- Nay Thiện nam tử ! Phàm phu thật không thể lợi qua biển lớn được. Bồ Tát đây thật có thể qua khỏi biển lớn sanh tử nên gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

-Nay Thiện nam tử ! Nếu có người có thể dùng chỉ cọng sen treo núi Tu Di, thời có thể nghĩ bàn được chăng ?

- Bạch Thế Tôn ! Không thể nghĩ bàn được.

- Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong khoảng một niệm đều có thể tính lường tất cả sanh tử, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nay Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát trong vô lượng vô số kiếp thường quán sát sanh tử vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì chúng sanh phân biệt diễn thuyết thường, lạc, ngã, tịnh. Dầu diễn thuyết như vậy nhưng chẳng phải là tà kiến. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Nay Thiện nam tử ! Như người vào nước, nước chẳng trôi được, vào lửa, lửa chẳng cháy được. Như vậy thời chẳng thể nghĩ bàn. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dầu ở sanh tử, nhưng chẳng bị sanh tử nào hại. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Loài người có ba hạng: Thượng, trung và hạ.

Hạng người hạ lúc mới nhập thai nghĩ rằng: Nay tôi ở nhà tiêu đầy những hôi như tôi tắm. Lúc mới xuất thai nghĩ rằng nay tôi ra khỏi nhà tiêu, ra khỏi chỗ hôi như tôi tắm.

Hạng người bậc trung nghĩ rằng: Nay tôi vào trong rừng cây, trong sông sạch sẽ, trong nhà cửa. Lúc xuất thai cũng vậy.

Hạng người bậc thượng nghĩ rằng:

Tôi lên điện, ở trong rừng hoa, cõi ngựa, cõi voi trèo lên núi cao. Lúc xuất thai cũng vậy.

Đại Bồ Tát lúc mới nhập thai, tự biết là nhập thai, lúc ở trong thai biết là ở, lúc xuất thai biết là xuất, trọn chẳng sanh tâm niệm tham sân, nhưng chưa lên bậc sơ trụ. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Vô thượng Bồ Đề thật không thể dùng thí dụ để so sánh, nhưng đều có thể nói.

Đại Bồ Tát không có thầy thừa hỏi học tập, mà có thể đặng pháp Vô Thượng Bồ Đề. Đặng pháp này rồi tâm không lẫn tiếc, thường diễn thuyết cho chúng sanh. Do

đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát có thân xa lìa mà chẳng phải khẩu, có khẩu xa lìa mà chẳng phải thân, có chẳng phải thân, chẳng phải khẩu mà cũng xa lìa. Lìa sát, đao, dâm gọi là thân xa lìa mà chẳng phải khẩu. Lìa vọng ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu, vô nghĩa ngữ thời gọi là khẩu xa lìa mà chẳng phải thân. Xa lìa tham lam, ganh ghét, giận hờn, tà kiến thời gọi (là) ý xa lìa, mà chẳng phải thân chẳng phải khẩu. Đại Bồ tát chẳng thấy một pháp nào là thân là nghiệp cùng ông chủ xa lìa, nhưng cũng có xa lìa. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn, khẩu và ý cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Từ nơi thân xa lìa thân, từ nơi khẩu xa lìa khẩu, từ trí huệ xa lìa chẳng phải thân chẳng phải khẩu. Thật có trí huệ này nhưng chẳng thể khiến Bồ tát xa lìa vì không có một pháp nào hoại được làm được. Tánh của pháp hữu vi, lúc sanh khác, lúc diệt khác. Vì thế nên trí huệ này chẳng thể xa lìa.

Này Thiện nam tử ! Trí huệ chẳng thể phá, lửa chẳng thể cháy, nước chẳng thể rã, gió chẳng thể động, đất chẳng thể giữ, sanh chẳng thể sanh, lão chẳng thể lão, trụ chẳng thể trụ, hoại chẳng thể hoại, tham chẳng thể tham,

sân chẳng thể sân, si chẳng thể si. Bởi tánh của pháp hữu vi lúc sanh khác, lúc diệt khác. Đại Bồ Tát trọn chẳng nghĩ rằng tôi dùng trí huệ này phá các phiền não mà tự nói rằng tôi phá phiền não, dầu nói như vậy nhưng chẳng phải hư vọng. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật : “ Thế Tôn ! Nay tôi mới biết Đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, Phật, Pháp, chúng Tăng, kinh Đại Niết Bàn và người thọ trì Bồ Đề Niết Bàn đều chẳng thể nghĩ bàn.

Bạch Thế Tôn ! Phật pháp Vô Thượng thời gian bao lâu sẽ diệt ?

Này Thiện nam tử ! Nếu đệ tử ta còn có người thọ trì đọc tụng biên chép diễn thuyết nghĩa của kinh Đại Niết Bàn, nhân đến năm hạnh: Thánh hạnh, Phạm hạnh, Thiên hạnh, Bệnh hạnh, Anh nhi hạnh, được chúng sanh cung kính tôn trọng tán thán cúng dường, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chưa diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu kinh Đại Niết Bàn lúc lưu hành đầy đủ, hàng đệ tử của ta phần nhiều phạm giới cấm tạo nghiệp ác, không kính tin kinh điển này, vì không tin nên chẳng thọ trì đọc tụng biên chép, giải thuyết ý nghĩa của kinh này, chẳng được mọi người cung kính cúng

dường, lúc thấy người thọ trì lại khinh chê, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp sắp diệt chẳng còn lâu.

Ca Diếp Bồ Tát lại bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Chính tôi từng nghe Phật nói rằng: Chánh pháp của Phật Ca Diếp ở đời bảy ngày thời diệt hết.

Bạch Thế Tôn ! Phật Ca Diếp có kinh Đại Niết Bàn này chẳng ? Nếu như có sao lại nói là diệt ? Nếu như không có thời sao lại nói rằng kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật của chư Phật ?

- Nay Thiện nam tử ! Trước kia ta nói rằng chỉ có Văn Thù Sư Lợi mới hiểu được nghĩa này. Nay ta sẽ nói lại, ông nên chí tâm lắng nghe !

Nay Thiện nam tử ! Chư Phật có hai loại pháp:

Một là thế pháp, hai là đệ nhất nghĩa pháp. Thế pháp thời có hoại diệt, đệ nhất nghĩa pháp không có hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, những pháp này có hoại diệt, hai là thường, lạc, ngã, tịnh, pháp này không hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là pháp của nhị thừa thọ trì đây thời có hoại diệt, hai là pháp của Bồ Tát thọ trì, đây thời

không hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là ngoại pháp thời có hoại diệt, hai là nội pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là pháp hữu vi thời có hoại diệt, hai là pháp vô vi thời không hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là pháp có thể được thời có hoại diệt, hai là pháp không thể được thời không hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là cộng pháp thời có hoại diệt, hai là bất cộng pháp thời không hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là pháp trong loài người thời có hoại diệt, hai là pháp trong loài trời thời không hoại diệt.

Lại có hai loại: Một là mười một bộ kinh thời có hoại diệt, hai là kinh Phương Đẳng thời không hoại diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu hàng đệ tử của ta thọ trì đọc tụng, biên chép giải thuyết cùng cung kính cúng dường tôn trọng tán thán kinh Phương Đẳng Đại Thừa, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp chẳng diệt.

Này Thiện nam tử ! Vừa rồi ông hỏi Phật Ca Diếp có kinh này chăng ?

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn là tạng bí mật

của tất cả Phật. Vì chư Phật đều có mười một bộ kinh, nhưng chẳng nói Phật tánh, chẳng nói thường, lạc, ngã, tịnh của Như-Lai, chẳng nói chư Phật trọn không rốt ráo nhập Niết Bàn. Vì thế nên kinh này gọi là tạng bí mật của Như-Lai. Trong mười một bộ kinh chẳng nói đến nên gọi là tạng. Như thất bảo của người chẳng đem ra ngoài để dùng thì gọi là bảo tạng. Tài vật của người này chứa cất để dùng vào việc tương lai. Nghĩa là dự phòng lúc lúa gạo mắc, giặc đến xâm lăng, chính trị khổ khắc, thời dùng để chuộc mạng, hoặc đường giao thông bế tắc mới đem ra dùng. Cũng vậy, tạng bí mật của Như-Lai cũng để dự phòng đời vị lai các Tỳ Kheo ác chứa vật bất tịnh, đối với tứ chúng nói Như-Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, đọc tụng sách vở thế gian, chẳng kính kinh điển của Phật. Lúc những điều ác như vậy hiện ra nơi đời, đức Như-Lai vì muốn dứt các sự ác ấy nên diễn nói kinh này, khiến mọi người xa lìa những lợi dưỡng tà mạn. Lúc kinh tạng bí mật này dứt diệt, nên biết đó là thời kỳ Phật pháp diệt.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thường còn chẳng biến đổi, sao ông lại hỏi rằng lúc Phật Ca Diếp có kinh này chẳng ?

Này Thiện nam tử ! Thời kỳ Phật Ca Diếp, chúng

sanh ít tham dục, nhiều trí huệ, hàng Đại Bồ Tát điều thuận nhu hòa dễ giáo hóa, có đại oai đức tổng trì chẳng quên, như Đại Tượng Vương. Cõi nước thanh tịnh. Tất cả chúng sanh đều biết Như-Lai chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn thường trụ chẳng biến đổi, nên dầu có kinh này mà chẳng cần diễn thuyết.

Chúng sanh đời nay phiền não nhiều, ngu si ưa giận hờn không trí huệ, lòng tin chẳng vững, nhiều nghi ngờ, cõi nước bất tịnh, chúng sanh cho rằng Như-Lai vô thường dời đổi rốt ráo nhập Niết Bàn. Do có này nên Như-Lai diễn thuyết kinh đây.

Này Thiện nam tử ! Chánh pháp của (Phật) Ca Diếp thật chẳng diệt mất vì chánh pháp thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh đối với chân ngã mà thấy là vô ngã, vô ngã lại thấy là có ngã, chân thường thấy là vô thường, vô thường thấy là thường, chân lạc thấy là vô lạc, vô lạc thấy lạc, chân tịnh thấy là bất tịnh, bất tịnh thấy là tịnh, diệt thấy là bất diệt, bất diệt thấy là diệt, tội thấy là chẳng phải tội, phi tội thấy là tội, tội nhẹ thấy tội nặng, tội nặng thấy là nhẹ, thừa thấy là phi thừa, phi thừa thấy là thừa, đạo thấy là phi đạo, phi

đạo thấy là đạo, thật là Bồ Đề thấy chẳng phải Bồ Đề, thật chẳng phải là Bồ Đề thấy làm là Bồ Đề, khổ thấy chẳng phải khổ, tập thấy chẳng phải tập, diệt thấy chẳng phải diệt, đạo thấy chẳng phải đạo, thật là thế đế lại thấy là đệ nhất nghĩa đế, còn đệ nhất nghĩa đế lại thấy là thế đế, quy⁵ thấy là chẳng quy, chẳng quy thấy là quy, cho lời của Phật nói là lời ma, còn thật lời ma lại cho là lời Phật, vào thời kỳ như trên đây chư Phật bèn nói kinh Đại Niết bàn.

Này Thiện nam tử ! Thà nói vôi con muỗi tọt đến đáy biển lớn, chẳng nên nói chánh pháp của Như-Lai diệt. Thà nói rằng lấy dây vắn buộc luồng gió mạnh, thà nói lấy miệng thổi tan núi Tu Di, thà nói trong đồng lửa hừng mọc bông sen, thà nói thuốc A Đà Đà là độc dược, thà nói có thể làm cho mặt trăng nóng mặt trời lạnh, thà nói bốn đại chủng đều bỏ tánh chất của nó, trọn chẳng nên nói rằng chánh pháp của Như-Lai diệt.

Này Thiện nam tử ! Lúc Phật mới ra đời chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề rồi, hàng đệ tử chưa có người hiểu thấu nghĩa Đại Thừa rất sâu, đức Phật đó bèn nhập Niết

5 Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “trở về”

Bàn, nên biết chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng đệ tử đã hiểu thấu nghĩa Đại-thừa rất sâu, Phật dầu nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chúng Vô Thượng Bồ Đề, hàng đệ tử dầu có người hiểu nghĩa Đại Thừa rất sâu, mà không có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, khi Phật nhập Niết Bàn rồi, thời chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Nếu có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin Phật pháp, Phật dầu nhập Niết Bàn, chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chúng Vô Thượng Bồ Đề, có các đệ tử hiểu nghĩa Đại-thừa rất sâu, cũng có Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử thuyết pháp lại vì danh lợi, chẳng cầu Niết Bàn, khi Phật diệt rồi thì chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại nếu hàng đệ tử thuyết pháp vì cầu Niết Bàn chẳng ham danh lợi, Phật dầu nhập diệt nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chúng đặng Vô Thượng Bồ Đề, dầu có các hàng đệ tử hiểu nghĩa Đại-thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, mà các đệ tử sanh nhiều sự tranh

tụng hơn thua phải quấy lẫn nhau, Phật lại nhập Niết Bàn, thời chánh pháp chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại các đệ tử thật hành pháp hòa kính, chẳng hơn thua phải trái nhau, tôn trọng lẫn nhau, dầu Phật nhập Niết Bàn nhưng chánh pháp vẫn ở lâu chẳng diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chúng Vô Thượng Bồ Đề, có những đệ tử hiểu nghĩa Đại-thừa rất sâu, cũng có hàng Bạch Y Đàn Việt hết lòng kính tin tôn trọng Phật pháp, các đệ tử vì cầu Đại Niết Bàn mà thuyết pháp, cung kính lẫn nhau, nhưng cất chứa những vật bất tịnh, lại khen rằng tôi đặng quả Tu Đà Hoàn, nhần đến quả A La Hán Phật lại nhập Niết Bàn thời chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử chẳng cất chứa những vật bất tịnh cũng chẳng tự nói mình đã chứng quả Tu Đà Hoàn, nhần đến quả A La Hán, Phật dầu diệt độ, nhưng chánh pháp vẫn còn không diệt.

Này Thiện nam tử ! Nếu Phật ra đời chúng Vô Thượng Bồ Đề có các đệ tử đủ những điều kiện trên nhưng lại chấp kiến giải của mình mà lập những dị thuyết: Này Trưởng lão ! Giới của Phật chế, bốn giới trọng nhần đến bảy pháp diệt tránh, vì chúng sanh nên hoặc ngăn, hoặc mở, mười hai bộ kinh cũng như vậy. Vì Phật biết

cõi nước đều sai khác, chúng sanh căn tánh lợi độn chẳng đồng vì thế nên Như-Lai nói có khinh có trọng, hoặc ngăn hoặc mở. Như lương y trị bệnh người bệnh nóng thời cho uống sữa, bệnh lạnh thời ngăn không cho uống sữa. Đức Như-Lai quán sát căn bệnh phiền não của chúng sanh, nên cũng mở cũng ngăn. Nay Trưởng lão tôi đích thân nghe Phật nói nghĩa ấy, chỉ tôi biết chớ Ngài không biết được, chỉ tôi hiểu luật chớ Ngài không hiểu, chỉ tôi biết kinh chớ Ngài không biết được. Nên biết khi Phật diệt độ chánh pháp đó chẳng ở lâu nơi đời. Trái lại hàng đệ tử đủ các điều kiện trên lại không lập dị thuyết. Phật dầu diệt độ nhưng chánh pháp vẫn ở lâu nơi đời.

Này Thiện nam tử ! Lúc chánh pháp của ta diệt, hàng Thanh Văn đệ tử có người nói có thần, hoặc nói không thần, có trung âm hoặc không trung âm, có ba đời hoặc không ba đời, có ba thừa hoặc không ba thừa, hoặc nói tất cả đều có, hoặc nói tất cả đều không, hoặc nói chúng sanh có thì có chung, hoặc nói chúng sanh không thì không chung, hoặc nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói Như-Lai có bệnh khổ, hoặc nói Như-Lai không bệnh khổ, hoặc nói Như-Lai không cho Tỳ kheo ăn mười thứ thịt: Thịt người, thịt rắn,

thịt voi, thịt ngựa, thịt chó, thịt lừa, thịt sư tử, thịt heo, thịt chồn, thịt khỉ vượn, ngoài ra đều cho, hoặc nói tất cả thứ thịt đều không cho ăn, hoặc nói Tỳ kheo chẳng được làm năm việc: Chẳng đặng bán những thứ: Sanh vật, dao, rượu, thuốc nhuộm, dầu mè, ngoài ra đều cho, hoặc nói chẳng cho vào năm thứ nhà: Nhà hàng thịt, nhà dâm nữ, nhà rượu, cung vua, nhà Chiên-đà-la, ngoài ra đều cho, hoặc nói chẳng cho mặc y Kiều-xa-gia, ngoài ra đều cho, hoặc nói Như-Lai cho các Tỳ Kheo lãnh thọ và chữa cất y phục đồ năm trị giá mười muôn lượng vàng, hoặc nói chẳng cho, hoặc nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh, hoặc nói Niết Bàn chính là kiết sử dứt hết không còn có pháp gì khác nên gọi là Niết Bàn, như dẹt chỉ gọi đó là y, y đã hư rách thời gọi là không y, không có pháp gì khác gọi là không y, thể của Niết Bàn cũng như vậy. Đương thời kỳ đó, các đệ tử của ta: Chánh thuyết thời ít tà thuyết thời nhiều, thọ chánh pháp thời ít, thọ tà pháp thời nhiều, thọ lời Phật thời ít, thọ lời ma thời nhiều. Bấy giờ trong nước Câu Diêm Di có hai đệ tử: Một là La Hán hai là phá giới, người phá giới có năm trăm đồ chúng, La Hán có một trăm đồ chúng. Người phá giới nói đức Như-Lai rất ráo nhập Niết Bàn, chính tôi nghe Phật nói nghĩa đó, bốn giới trọng của Phật chế, nếu trì cũng được, nếu phạm

cũng không tội, nay tôi cũng đặng quả A La Hán, bốn trí vô ngại, mà A La Hán cũng phạm tội như vậy, nếu bốn giới trọng thật là tội, thì A La Hán lẽ ra chẳng phạm. Lúc đức Như-Lai còn ở đời bảo phải giữ gìn, đến lúc nhập Niết Bàn thì đều phóng xả.

Lúc đó A La Hán bảo Tỳ Kheo rằng: Nay Trưởng lão ông chẳng nên nói đức Như-Lai rất ráo nhập Niết Bàn. Tôi biết đức Như-Lai thường còn chẳng biến đổi. Đức Như-Lai ở đời cùng lúc đã nhập Niết Bàn, phạm bốn trọng giới, tội không sai khác. Nếu nói A La Hán phạm trọng giới thì không đúng nghĩa. Vì Tu Đà Hoàn còn chẳng phạm cấm giới hương là A La Hán. Nếu Trưởng lão nói rằng tôi là A La Hán. Trưởng lão nên biết A La Hán trọn chẳng tưởng rằng tôi đặng A La Hán. A La Hán chỉ nói pháp lành chẳng nói pháp ác. Lời nói của Trưởng lão thuần là phi pháp. Nếu có người đọc mười hai bộ kinh thì quyết định biết rằng Trưởng lão chẳng phải A La Hán.

Lúc đó đồ chúng của Tỳ Kheo phá giới liền giết A La Hán chết.

Ma Vương nhân hai chúng giận hờn nhau bèn hại cả sáu trăm Tỳ Kheo.

Bảy giờ phàm phu trong đời đều bảo nhau rằng: Thương thay Phật pháp nay đã dứt. Nhưng chánh pháp của ta thật chẳng dứt mất, vì trong nước ấy có mười hai muôn Đại Bồ Tát khéo hộ trì pháp của ta.

Lúc bảy giờ trong Diêm Phù Đề không có một Tỳ Kheo làm đệ tử của ta. Ma Vương Ba Tuần dùng lửa đốt tất cả kinh điển. Trong đó hoặc còn sót, hàng Bà La Môn bèn trộm lấy lượm lật đề vào trong sách của họ. Do đây nên hàng Tiểu Bồ Tát, lúc Phật chưa ra đời đem nhau tin lấy lời của Bà La Môn. Hàng Bà La Môn dẫu nói rằng tôi có trai giới, nhưng thật ra các ngoại đạo đều không có. Hàng ngoại đạo dẫu nói: Có ngã, có lạc, có tịnh, nhưng thật ra họ chẳng hiểu nghĩa lạc, ngã, tịnh. Chính là họ lấy một chữ hai chữ một câu hai câu trong Phật pháp rồi nói là trong sách vở họ có nghĩa như vậy.

Lúc bảy giờ trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, vô lượng vô biên vô số đại chúng nghe lời Phật nói như trên, liền đồng tiếng xưng rằng: “Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng !”

Ca Diếp Bồ Tát bảo đại chúng: Các người chớ lo rầu khóc lóc. Thế gian chẳng trống rỗng vì Phật pháp và Tăng là thường trụ không biến đổi.

Đại chúng nghe lời này liền thối khóc, tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc bấy giờ thành Vương Xá, vua A Xà Thế tánh tình tệ ác, thích chém giết, miệng đủ bốn điều ác, tham, sân, si đầy nơi tâm, chỉ thấy hiện tại chẳng thấy vị lai, thuận dùng người ác để làm quyền thuộc, vì tham ngũ dục hiện đời mà giết vua cha vô tội. Hại cha xong lòng ăn năn bức rức, khắp mình sanh ghẻ lở tanh hôi chẳng ai dám gần. Vua A Xà Thế liền tự nghĩ rằng: Nay ta đã phải thọ lấy quả báo, không bao lâu chắc phải bị quả báo nơi địa ngục.

Thân mẫu của nhà vua là bà Vi Đề Hy lấy các thứ thuốc để thoa xức, nhưng ghẻ càng lở nặng thêm.

Vua A Xà Thế thưa với mẹ: Ghẻ lở này do nơi tâm mà sanh chẳng phải do tứ đại, không thể dùng y dược trong đời mà điều trị được.

Vua bảo các vị đại thần: Nay thân tâm của ta đều đau khổ. Cha ta vô tội, ta lại giết hại. Từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Nay ta đã phạm tội nghịch thân tâm đau khổ, không có lương y nào chữa trị được.

Đại thần Nguyệt Xung liền thưa với nhà vua: Như người thích ngủ nghỉ, ngủ nghỉ càng thêm nhiều, như người mê dâm dục, dâm dục càng thêm nhiều, như người ưa uống rượu, càng lúc càng uống nhiều. Nếu thường sâu khổ nhiều, thêm sâu cũng như vậy.

Như Đại Vương vừa nói người phạm tội ngũ nghịch quyết định chẳng thoát khỏi địa ngục. Có ai đến ngục thấy việc ấy trở về thưa với Đại Vương chẳng ? Lời nói địa ngục chính là người trí ở thế gian nói. Nay có đại y sĩ hiệu là Phú Lan Na đặng sức định tự tại thấy biết tất cả, tu tập hạnh thanh tịnh thường vì mọi người mà diễn thuyết đạo Niết Bàn Vô Thượng, dạy hàng đệ tử rằng không có nghiệp ác, không có báo ác. Không có nghiệp lành không có báo lành. Không có nghiệp lành ác, không có báo lành ác. Không có thượng nghiệp cũng không có hạ nghiệp. Đại sư này hiện nay ở trong thành Vương Xá. Xin Đại Vương giá lâm, để nhờ đại sư ấy điều trị. Vua nói: “Nếu ông ấy có thể diệt trừ tội lỗi của ta, thời ta sẽ quy y”.

Lại có một vị đại thần tên Tạng Đức thưa với nhà vua, mong Đại Vương chớ lo rầu sợ sệt. Có hai thứ pháp luật: Một là xuất gia, hai là vương pháp. Hại cha mình để lên

ngôi trị nước, dầu là nghịch nhưng đối với vương pháp thật không có tội. Như trùng Ca La La phải cắn lủng bụng mẹ mới sanh được. Dầu cắn lủng bụng mẹ nhưng thật ra trùng cũng không có tội. Con la nghén chữa cũng như vậy. Phương pháp trị nước theo phép phải như vậy, dầu giết hại cha anh cũng không có tội. Còn pháp luật xuất gia thời nhĩ đến giết muỗi kiến cũng đều có tội cả. Xin Đại Vương chớ lo rầu, vì càng sâu khổ thời càng thêm sâu khổ. Như người ưa ngủ, thích rượu, tham dâm thời sự ngủ v.v... càng thêm.

Nay có vị đại sư tên Mạt Già Lê Câu Xá Ly Tử thương xót chúng sanh như con đỏ, thấy biết tất cả, đã lìa phiền não có thể cứu vớt chúng sanh khỏi ba mũi tên độc bén nhọn. Đại sư này thường dạy đệ tử rằng: Tất cả chúng sanh thân có bảy nguyên tố: Địa, thủy, hỏa, phong, khổ, lạc và thọ mạng. Bảy thứ ấy chẳng phải hóa, chẳng thể làm chẳng thể hủy hoại, như cỏ Y Sư Ca, an trụ chẳng động như núi Tu Di. Chẳng bỏ chẳng làm dường như sữa, như chất lạc. Chẳng cãi lẽ nhau: Hoặc khổ hoặc vui, là lành hay chẳng lành. Lấy dao bén chặt không chỗ bị thương bị hại, vì trong bảy nguyên tố ấy trống rỗng không ngăn ngại. Mạng cũng không bị hại vì không có

người hại và người chết, không làm không thọ, không nói không nghe không có ai nhớ cũng như không người dạy bảo. Đại sư ấy thường thuyết pháp như vậy làm cho chúng sanh dứt trừ tất cả trọng tội. Nay đại sư ấy hiện ở trong thành Vương Xá. Xin Đại Vương đến đó. Nếu Đại vương gặp được Đại sư ấy thời các tội sẽ tiêu trừ.

Vua A Xà Thế bảo đại thần Tạng Đức:

“ Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y”.

Lại có một đại thần tên là Thật Đức tâu cùng vua rằng: “ Xin Đại Vương chớ sầu khổ. Nếu Tiên Vương tu đạo giải thoát, giết hại thời có tội. Nếu theo phép trị nước thời không có tội. Tất cả chúng sanh đều có nghiệp thừa, do nghiệp này nên thường bị sanh tử. Nếu như Tiên Vương có nghiệp thừa Đại Vương giết hại thời có tội gì. Mong Đại Vương yên lòng chớ sầu khổ vì người thường sầu khổ thời sầu khổ càng thêm.

Hiện nay trong thành Vương Xá có vị đại sư hiệu là San Xà Dạ Tỳ La Chi Tử thấy biết tất cả, trí sâu rộng như biển cả, có oai đức, có thần thông, có thể làm cho chúng sanh lìa các lưới nghi. Ngài dạy hàng đệ tử rằng:

Trong quần chúng nếu là bậc vua chúa, thời tự tại

tùy ý làm việc lành việc ác, trọn không có tội, như lửa đốt cháy đồ vật không luận là sạch cùng chẳng sạch. Như mặt đất chứa chở cả sạch cùng nhơ. Như nước, sạch dơ đều rửa. Như gió, sạch dơ đều thổi. Dầu có các việc như vậy mà đất nước v.v... trọn không giận, không mừng, phép của vua chúa cũng đồng như vậy. Như cây mùa thu trụi lá, mùa xuân thời đâm chồi, dầu chặt cây trụi nhưng không có tội. Cũng vậy chúng sanh ở chỗ này chết trở lại sanh chỗ này, vì sanh trở lại nên không có tội. Những quả báo khổ vui của tất cả chúng sanh đều chẳng phải do nghiệp đời hiện tại chính là do nghiệp nhân đời quá khứ. Hiện tại không nghiệp nhân thì vị lai không quả báo. Do quả hiện tại nên chúng sanh trì giới tinh tấn tu hành để ngăn quả ác hiện tại. Do trì giới thời đặng vô lậu, vì đặng vô lậu thời hết nghiệp hữu lậu, vì hết nghiệp nên đặng hết khổ, vì hết khổ nên đặng giải thoát.

Xin Đại Vương mau đến đó. Nếu Đại Vương được thấy Đại Sư ấy thời tất cả tội đều trừ.

Vua đáp rằng: “ Nếu thật như vậy thời ta sẽ quy y”.

Lại có một đại thần tên Tất Tri Nghĩa tâu cùng vua rằng:

“ Xin Đại Vương thư tâm chớ sầu khổ. Ngày xưa có

vua La Ma giết cha để lên ngôi. Vua Mạc Đê, vua Tỳ Lô Chân, vua Na Hâu Sa, vua Ca Đê Ca, vua Tỳ Xá Khư, vua Nguyệt Quang Minh, vua Nhật Quang Minh, vua Ái Vương, vua Tỳ Đa Nhân, đều giết hại cha mình mà lên ngôi, nhưng không có một vua nào bị đọa địa ngục. Đời nay có vua Tỳ Lưu Ly, vua Ưu Đa Dạ, vua Ác Tánh, vua Thử Vương, vua Liên Hoa, đều giết hại cha mình, mà không một vua nào sanh lòng sâu nã. Dầu nói rằng địa ngục, ngạ quỷ, trên trời, nhưng ai thấy được đó.

Tâu Đại vương chỉ có hai loài: Một là người hai là súc sanh. Dầu có hai loài nhưng chẳng phải do nhân duyên sanh, cũng chẳng phải do nhân duyên chết. Đã chẳng phải do nhân duyên thì có gì là thiện là ác. Mong Đại Vương chớ buồn rầu sợ sệt. Vì người thường sâu khổ thì sâu khổ càng thêm.

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là A Kỳ Đa Xúy Xá Khâm Bà La thấy biết tất cả, xem vàng cùng đất đồng nhau. Đối với người lấy dao chém vào hông bên mặt cùng người lấy chiên đàn thoa vào hông bên trái, tâm của Ngài bình đẳng không sai khác, không oán, không thân, thật là bậc lương y trong đời. Đại sư dạy hàng đệ tử rằng: “Hoặc tự làm, hoặc bảo người làm, hoặc tự chém,

hoặc bảo người chém, hoặc tự đốt, hoặc bảo người đốt, hoặc tự hại, hoặc bảo người hại, hoặc tự trộm, hoặc bảo người trộm, hoặc tự dâm, hoặc bảo người dâm, hoặc tự vọng ngữ, hoặc bảo người vọng ngữ, hoặc tự uống rượu, hoặc bảo người uống rượu, hoặc giết một thôn, một thành, một nước, hoặc dùng đao luân giết tất cả chúng sanh, hoặc phía nam sông Hằng bố thí chúng sanh, phía Bắc sông Hằng giết hại chúng sanh, tất cả đều không tội không phước, không thí, không giới, không định. Nếu Đại Vương gặp được Đại Sư ấy thời những tội lỗi sẽ dứt trừ”.

Vua bảo Đại thần Tất Tri Nghĩa:

“ Nếu thật được như vậy ta sẽ quy y”.

Lại có Đại thần tên là Kiết Đắc tâu cùng vua rằng: “ Ai đến phỉnh gạt Đại Vương mà nói rằng là có địa ngục ? Như đầu gai nhọn ai làm ra ? Loài chim khác màu ai làm ra? Tánh nước nhuần ướt, tánh đá cứng rắn, tánh lửa thời nóng, tánh gió thời động, tất cả muôn vật tự sanh tự chết ai làm ra ? Thuyết địa ngục chính là văn tự của người trí. Hạ thần này xin trình bày nghĩa địa ngục: Chữ địa là đất, chữ ngục nghĩa là phá, phá địa ngục không có tội báo, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là người, chữ ngục là trời,

bởi hại cha mình nên đến trong người trên trời. Do nghĩa này nên Bà Tâu Tiên Nhân nói rằng: Giết dê đặng quả vui cõi trời cõi người, đây gọi là địa ngục. Lại chữ địa là mạng, chữ ngục là dài, do sát sanh nên đặng thọ mạng dài, đây gọi là địa ngục. Tâu Đại Vương do đây nên biết thật không có địa ngục. Như gieo bắp đặng bắp, gieo lúa đặng lúa, giết địa ngục mắc phải địa ngục, giết hại người lẽ ra phải đặng báo người. Đại Vương nên nghe lời hạ thần trình bày, thật không có sự giết hại, vì nếu có ngã thời không hại, nếu không ngã lại không chỗ hại. Vì có ngã thời thường còn không biến đổi, vì thường còn nên chẳng thể giết hại, chẳng phá, chẳng hoại, chẳng trói, chẳng buộc, không giận, không mừng, dường như hư không, sao lại có tội giết hại. Nếu không ngã thời các pháp đều vô thường, vì vô thường nên niệm niệm hoại diệt, vì niệm niệm hoại diệt nên người giết, người chết đều niệm niệm diệt, nếu đã niệm niệm diệt thời ai sẽ có tội. Tâu Đại Vương như lửa đốt cây, lửa không có tội, như búa chặt cây, búa cũng không tội, như liềm cắt cỏ liềm thật không tội, như dao giết người, dao chẳng phải người dao đã không tội, sao người lại có tội? Như thuốc độc giết người, thuốc độc chẳng phải người, thuốc độc đã không tội, sao người lại có tội? Tất cả muôn vật cũng

đều như vậy, thật không giết hại, sao lại có tội. Mong Đại vương chớ nên sầu khổ, vì thường sầu khổ thì sầu khổ càng thêm.

Nay gần thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ca La Cưu Đà Ca Chiên Diên thấy biết tất cả, rõ suốt ba đời, trong khoảng một niệm có thể thấy vô lượng vô biên thế giới, nghe tiếng cũng vậy, Đại Sư ấy có thể làm cho chúng sanh xa lìa tội lỗi, như sông Hằng bao nhiêu đờ như uế, đều làm cho sạch sẽ. Đại sư ấy dạy đệ tử rằng: Nếu người giết hại tất cả chúng sanh mà lòng không ăn năn hối hận thì trọn chẳng đọa ác thú, như hư không chẳng dính bụi dính nước, nếu lòng ăn năn hối hận liền đọa địa ngục, như nước thấm ướt đất. Tất cả chúng sanh đều do Tự Tại Thiên tạo ra. Tự Tại Thiên mừng thì chúng sanh an vui, Tự Tại Thiên sân thì chúng sanh khổ não. Tất cả tội phước của chúng sanh đều do Tự Tại Thiên làm ra, sao lại nói rằng loài người có tội có phước. Ví như thợ máy chế ra người máy, cũng đi đứng ngồi nằm, chúng sanh cũng như vậy. Tự Tại thiên dụ như thợ máy, thân chúng sanh dụ như người máy. Tạo hóa như vậy thì ai là người có tội ?

Nếu Đại vương gặp được Đại Sư ấy thì tội chướng

sẽ tiêu trừ.

Vua bảo Đại Thần Kiết Đắc:

“ Nếu thật được như vậy thì ta sẽ quy y”.

Lại có Đại Thần tên Vô Sở Ủy tâu cùng vua A Xà Thế rằng:

“Xin Đại Vương chớ sâu khổ. Xét về dòng Sát Đế Lợi là dòng vua chúa, nếu vì nước, vì Sa Môn và Bà La Môn, vì vấn đề an ổn nhân dân, dầu có giết hại nhưng không tội.

Tiên Vương dầu cung kính Sa Môn mà chẳng phụng thờ các Bà La Môn, tâm không bình đẳng chẳng phải thật dòng Sát Đế Lợi

Nay Đại Vương muốn cúng dường các Bà La Môn mà giết hại Tiên Vương thì có tội gì ?

Tâu Đại vương ! Thật ra không có giết hại. Xét về sự giết hại là giết hại mạng sống. Mạng là hơi gió, tánh hơi gió không thể giết hại được, sao lại nói rằng hại mạng thì sẽ có tội. Mong Đại vương chớ sâu khổ, vì thường sâu khổ thì sâu khổ càng thêm. Nay trong thành Vương Xá có vị Đại Sư hiệu là Ni Kiên Đà Nhã Đề Tử thấy biết tất cả, thương xót chúng sanh, rõ biết căn tánh lợi độn,

tám pháp thế gian không làm ô nhiễm được Ngài, tu tập phạm hạnh thanh tịnh.

Đại Sư ấy dạy hàng đệ tử rằng:

Không bố thí, không nghiệp lành, không cha, không mẹ, không đời nay, không đời sau, không A La Hán, không đạo hạnh, không tu hành. Tất cả chúng sanh trải qua bốn muôn kiếp, tự nhiên sẽ thoát khỏi dòng sanh tử, không luận là người có tội hay vô tội, như bốn con sông lớn đều chảy vào biển cả, tất cả chúng sanh lúc đặng giải thoát đều đồng nhau không khác. Nếu Đại Vương gặp được Đại sư ấy thời các tội chướng sẽ tiêu trừ”.

Vua bảo Đại Thần Vô Sở Úy:

“ Nếu thật như vậy ta sẽ quy y”.

Mặc dầu các Đại thần khuyên lơn giảng dạy đủ điều như vậy, nhưng vua A Xà Thế vẫn sâu khổ.

Lúc đó Đại Y Sĩ Kỳ Bà tâu cùng vua rằng:

“ Đại Vương ngủ nghĩ có đặng yên chăng ?”

Vua A Xà Thế liền nói kệ rằng:

Nếu có người dứt hẳn được,

Tất cả những phiền não hoặc,

Chẳng tham nhiễm trong ba cõi.

Mới ngủ nghỉ được an ổn.

Nếu người chứng Đại Niết Bàn,

Diễn thuyết nghĩa lý rất sâu.

Gọi là thật Bà La Môn.

Mới ngủ nghỉ được an ổn,

Thân không tạo nghiệp ác,

Miệng xa lìa bốn điều lỗi,

Tâm không có những lưới nghi,

Mới ngủ nghỉ đặng an ổn.

Thân tâm đều không nhiệt nảo,

An trụ nơi chỗ tịch tịnh,

Đặng đến cảnh vui Vô Thượng,

Mới ngủ nghỉ được an ổn.

Trong lòng không có chấp lầy,

Xa lìa những niệm oán thù,

Thường hòa thuận không tránh tụng,

Mới ngủ nghỉ được an ổn.

Nếu chẳng tạo những nghiệp ác,
Thường có tâm niệm hộ thẹn,
Tin làm ác có quả báo,
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Cung kính phụng dưỡng cha mẹ,
Chẳng giết hại một sanh mạng.
Chẳng trộm cướp tài vật người,
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Điều phục sửa trị sáu căn.
Gần gũi bậc Thiện tri thức,
Phá hoại tất cả bốn ma,
Mới ngủ nghỉ được an ổn.
Chẳng thấy lành cùng chẳng lành,
Với những sự khổ sự vui,
Vì cứu độ những chúng sanh,
Nên luân chuyển trong sanh tử,
Nếu người có thể như vậy,
Mới ngủ nghỉ được an ổn.

Ai đặng ngủ nghỉ yên ổn ?

Đáp rằng:

Chính là Chư Phật.

Quán sâu nơi tam muội.

Thân cùng tâm an chẳng động.

Ai ngủ nghỉ được an ổn ?

Đáp rằng:

Là đấng Từ Bi.

Thường siêng tu chẳng phóng dật,

Xem chúng sanh như con một.

Chúng sanh bị tội vô minh,

Chẳng thấy quả khổ phiền não,

Thường gây tạo những nghiệp ác,

Nên ngủ nghỉ chẳng được yên,

Hoặc vì lợi chính thân mình,

Và đến thân những người khác,

Mà gây tạo mười nghiệp ác,

Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.

Nếu nói vì lên ngôi vua,
Hại cha vẫn không tội lỗi,
Thuận theo ác tri thức này,
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Nếu ăn uống không tiết độ,
Uống chất lạnh mà quá nhiều,
Do đây phải mang bệnh khổ,
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Nếu đối với vua có lỗi,
Tà niệm với vợ con người,
Cùng đi trên đường xa vắng,
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.
Trì giới chưa được quả lành.
Thái tử chưa được nối ngôi,
Kẻ trộm chưa lấy được của,
Thời ngủ nghỉ chẳng được yên.

Này Kỳ Bà ! Nay ta mang bệnh nặng này chính vì ta
nghịch lại vua cha. Cha ta trị nước đúng pháp thật không

tội lỗi mà ta lại giết hại. Vì thế nên tất cả lương y diệu dược chú thuật đều không thể trị lành bệnh ta. Lòng ta khổ sở như cá mắc cạn, như nai mắc bẫy v.v... Ta từng nghe người trí bảo rằng người phạm tội nghịch ắt đọa địa ngục. Ta làm sao ngủ yên ổn được. Lại không bậc Vô Thượng đại y sĩ dùng pháp dược để dứt trừ bệnh khổ cho ta.

Kỳ Bà tâu cùng vua:

“ Lành thay ! Lành thay ! Vua dẫu tạo tội nhưng có lòng ăn năn hối hận. Tâu Đại Vương ! Chư Phật thường nói rằng có hai pháp lành có thể cứu chúng sanh. Một là tâm, hai là quý. Tâm là tự chẳng phạm tội. Quý là chẳng bảo người phạm. Tâm là trong lòng tự hối hận. Quý là đối với người phát lồ. Tâm là hối cùng người. Quý là thẹn với trời. Kẻ không tâm, quý thời chẳng gọi là người, nên gọi là súc sanh. Vì có tâm quý thời có thể cung kính cha mẹ sư trưởng. Người có tâm quý thời gọi là cha mẹ, anh em, chị em.

Lành thay ! Đại Vương có lòng tâm quý. Xin Đại Vương nghe hạ thần trình bày.

Hạ thần từng nghe đức Phật nói:

Có hai hạng người trí: Một là người chẳng tạo điều ác, hai là tạo điều ác rồi biết sám hối. Cũng có hai hạng người ngu: Một là người tạo tội, hai là người tạo tội rồi che giấu.

Dầu trước tạo tội lúc sau phát lồ ăn năn hổ thẹn chẳng dám tái phạm, như đem minh châu để trong nước đục, do thể lực của minh châu nước liền trong. Như khói mây tan thời mặt trăng chói sáng. Người tạo tội ác có thể sám hối cũng như vậy.

Đại Vương nếu sám hối có lòng tâm quý thời tội chướng sẽ trừ diệt, trong sạch như xưa.

Tâu Đại Vương ! Giàu có hai hạng: Một là nhiều voi ngựa, lục súc. Hai là nhiều vàng bạc các thứ châu báu. Voi ngựa nhiều chẳng sánh được một hột châu. Cũng vậy, chúng sanh có hai hạng giàu: Một là giàu điều ác, hai là giàu điều lành. Tạo nhiều điều ác chẳng bằng một điều lành. Hạ thần nghe Phật nói tu một tâm lành phá trăm điều ác. Như chút kim cương có thể hoại núi Tu Di. Cũng như chút lửa có thể đốt cháy tất cả. Như chút thuốc độc có thể hại chúng sanh. Cũng vậy, chút ít điều lành có thể phá nghiệp ác lớn. Dầu gọi là chút lành nhưng kỳ thật là lớn, vì phá được nghiệp ác lớn.

Tâu Đại vương ! Như lời Phật nói che giấu là hữu lậu, chẳng che giấu là vô lậu. Phát lồ sám hối tội lỗi thời là vô lậu. Nếu tạo tội mà chẳng che chẳng giấu thời tội mỏng ít. Nếu có lòng tâm quý thời tội tiêu diệt. Giọt nước dầu nhỏ nhưng lần đầy lu lớn. Cũng vậy, mỗi mỗi tâm lành có thể phá điều ác lớn. Nếu người che giấu tội lỗi thời tội lỗi thêm lớn, còn phát lồ hổ thẹn thời tội lỗi tiêu diệt. Vì thế nên chư Phật nói người có trí chẳng che giấu tội lỗi.

Lành thay ! Đại Vương có thể tin nhân quả, tin nghiệp báo. Xin Đại Vương chớ ôm lòng sâu khổ sợ sệt.

Nếu có chúng sanh tạo các tội ác rồi che giấu chẳng sám hối, không lòng hổ thẹn, chẳng thấy nhân quả cùng nghiệp báo, chẳng thể học hỏi nơi người trí, chẳng gần bạn lành, tất cả lương y không thể trị lành bệnh người này, như bệnh Ca Ma La, y sĩ trong đời đều khoanh tay. Người tội này gọi là nhất xiển đề.

Hàng nhất xiển đề chẳng tin nhân quả, không biết hổ thẹn, chẳng tin nghiệp báo, chẳng thấy hiện tại cùng vị lai, chẳng gần bạn lành, chẳng thuận theo lời dạy của Phật, chư Phật Thế Tôn không thể chữa trị bệnh này.

Như tử thi, y sĩ chẳng chữa được.

Nay Đại vương chẳng phải hạng nhất xiển đề, sao lại nói rằng không thể cứu lành.

Như lời Đại vương nói không người nào chữa trị được. Xin Đại vương nên biết rằng: Con vua Tịnh Phạn ở thành Ca Tỳ La họ Cù Đàm tên Tất Đạt Đa, tự giác ngộ thành bậc Vô thượng Chánh giác, thân trang nghiêm đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, thấy tất cả, đại từ đại bi thương xót chúng sanh như La Hầu La, tùy thuận chúng sanh như nghé theo trâu mẹ, thuyết pháp đúng thời, lời Phật chân thật, thanh tịnh, vi diệu, đúng nghĩa đúng pháp, duy nhất, có thể làm cho chúng sanh lìa hẳn phiền não khéo biết căn tánh của chúng sanh, tùy nghi phương tiện không gì chẳng thông đạt. Trí của Phật cao lớn như núi Tu Di, thâm thúy rộng xa như biển cả. Đức Phật có trí Kim Cang phá tất cả tội ác của chúng sanh. Nay Đức Phật cách đây mười hai do tuần trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, đương vì vô lượng vô số Bồ Tát đại chúng mà thuyết pháp. Nếu Đại Vương được nghe Phật dạy về nghĩa vô tác, vô thọ thời bao nhiêu trọng tội sẽ được tiêu trừ.

Xưa kia Thích Đề Hoàn Nhân lúc sắp chết có năm

tướng hiện: Một là áo xiêm như nhóp, hai là hoa trên đầu héo, ba là thân thể hôi dơ, bốn là dưới nách ra mồ hôi, năm là chẳng thích chỗ mình ở. Lúc đó Thiên Đế Thích, hoặc nơi chỗ vắng vẻ thấy Sa Môn, hoặc thấy Bà La Môn, liền đi đến kính ngưỡng như Phật. Các Sa Môn cùng Bà La Môn thấy Thiên Đế Thích đến rất vui mừng nói rằng: Thưa Thiên Chủ ! Nay tôi quy y với Ngài.

Thiên Đế biết chẳng phải Phật, nghĩ rằng: Người đó nếu không phải là Phật thì không thể chữa trị năm tướng suy của ta.

Thiên tử theo hầu tên Bát Giá Thi tâu cùng Thiên Đế: Vua Càn Thát Bà tên Đôn Phù Lôu có công chúa hiệu là Tu Bạt Đà, Thiên Vương nếu ban công chúa này cho hạ thần, hạ thần sẽ chỉ người có thể trừ tướng suy cho Thiên Vương.

Thiên Đế đáp rằng:

Này Thiện Nam Tử ! Nếu được như lời khanh vừa tâu, công chúa Xá Chỉ, con gái của vua A Tu La Tỳ Ma Chát Đa hiện ta đang kính ái, nếu khanh muốn ta cũng sẽ ban cho, huống là công chúa Tu Bạt Đà.

- Tâu Thiên Vương, hiện tại có đức Phật Thế Tôn

hiệu Thích Ca Mâu Ni đang ở thành Vương Xá, Thiên Vương nếu đến cầu pháp nơi Phật thời tướng suy chắc chắn sẽ trừ diệt.

Thiên Đế liền khiến xa giá đến núi Kỳ Xà Quật. Thiên Đế đầu mặt đánh lễ chân Phật, rồi ngồi qua một bên bạch cùng Phật rằng:

“ Thế Tôn ! Trong hàng Thiên Nhân những gì là trói buộc ?”

Phật nói:

“ Này Kiều Thi Ca ! Chính là xan tham và tật đố”.

Bạch Thế Tôn ! Xan tham tật đố nhân đâu mà sanh ?

- Do vô minh mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Vô minh lại do đâu mà sanh ?

- Do phóng dật mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Phóng dật lại do đâu mà sanh ?

- Do điên đảo mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Điên đảo lại do đâu mà sanh ?

- Do lòng nghi mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Đúng như lời Phật dạy, vì tâm tôi

nghi nên sanh điên đảo, đối với người chẳng phải Phật mà tưởng là Phật. Giờ đây tôi được thấy Thế Tôn, lưới nghi của tôi liền trừ. Vì lưới nghi trừ nên điên đảo cũng hết. Vì điên đảo hết nên không có tâm xan tham tâm tật đố.

Phật nói: “ Ông nói rằng không có tâm xan tham tật đố, thời ông đã đặng quả A Na Hàm chẳng ? Bạc A Na Hàm không có tâm tham. Nếu không tâm tham sao lại vì mạng sống mà tìm đến ta. Mà bạc A Na Hàm thật chẳng cầu sống.

- Bạch Thế Tôn ! Người có điên đảo thời có cầu mạng sống, người không điên đảo thời chẳng cầu mạng sống. Nay tôi thật chẳng cầu mạng sống, tôi chỉ cầu pháp thân cùng trí huệ của Phật.

- Nay Kiều Thi Ca ! Người cầu pháp thân cùng trí huệ của Phật, thời tương lai quyết định sẽ được.

Nghe lời Phật nói xong năm tướng suy của Thiên Đế liền tiêu diệt.

Thiên Đế đứng dậy đánh lễ rồi đi nhiễu Phật ba vòng chấp tay cung kính bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Nay tôi sắp chết được sống, sắp mất

mạng được mạng, lại được Phật thọ ký sẽ thành Vô thượng Chánh giác. Bạch Thế Tôn ! Tất cả nhân thiên thể nào được tăng ích ? Lại do nhân gì mà phải tổn giảm ?

- Nay Kiều Thi Ca do đấu tránh nên nhân thiên tổn giảm. Khéo tu hòa kính thời đặng tăng ích.

-Bạch Thế Tôn! Nếu do đấu tránh mà tổn giảm, từ nay trở đi tôi chẳng cùng A Tu La đánh nhau nữa.

- Lành thay ! Lành thay ! Nay Kiều Thi Ca chư Phật Thế Tôn đều nói hạnh nhẫn nhục là nhân Vô Thượng Bồ Đề.

Thích Đề Hoàn Nhân lễ tạ Phật trở về Thiên cung.

Tâu Đại Vương vì đức Như-Lai có thể trừ những tướng ác, nên gọi là Phật chẳng thể nghĩ bàn. Nếu Đại vương ra mắt Phật chắc chắn sẽ trừ được trọng tội.

Ngày trước thanh niên dòng Bà La Môn, tên là Bất Hại, vì giết hại nhiều người nên hiệu là Ương Quạt Ma La. Thanh niên này lại muốn hại mẹ, lúc tâm ác nổi lên cầm gươm tìm mẹ, vì thân tâm ác nên thành nhân tội nghịch, tất phải đọa địa ngục. Lát sau thấy Phật thân tâm khởi ác muốn hại Phật, đây cũng là nhân tội nghịch sẽ đọa địa ngục. Thanh niên này được đức Như-Lai giáo

hóa, tâm ác liên trừ, nghiệp nhân địa ngục tiêu diệt, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Vì thế nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô Thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo kia.

Tâu Đại Vương lại có Vương Tử Tu Tỳ La, vua cha giận chặt cả tay chân xô xuống giếng sâu. Vương mẫu thấy xót thương sai người đem Vương Tử đến trước Phật. Lúc Vương Tử thấy Phật, tay chân đầy đủ lại như cũ, liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Vì Vương Tử được thấy Phật nên đăng quả báo hiện tại. Do đây nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô Thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại vương ngày trước trên bờ sông Hằng có năm trăm ngạ quỷ đã nhiều năm chẳng thấy nước, chẳng được uống, dầu họ đến bên sông nhưng họ thấy thuần là lửa, vì quá đói khát nên họ kêu la than khóc. Lúc đó đức Như-Lai ngồi dưới bóng cây ở rừng Uất Đàm Bát cạnh bờ sông. Các ngạ quỷ đến bạch Phật: “Thế Tôn ! Chúng tôi đói khát sắp chết đến nơi.

Phật nói: “ Sao các người chẳng uống nước sông Hằng ?”

Các ngạ quỷ thưa: “ Đức Như-Lai thấy nước còn

chúng tôi thấy lửa”.

Phật nói: “ Trong sông hằng toàn nước trong mát thật chẳng phải lửa. Vì nghiệp ác nên các người sanh tâm điên đảo cho là lửa. Phật sẽ trừ tâm điên đảo cho các người, để các người thấy được nước.

Như-Lai liền vì các nạ quý giảng nói tội lỗi của tâm xan tham.

Các nạ quý thưa: “ Nay chúng tôi đang đói khát, dầu nghe lời thuyết pháp nhưng đều chẳng nhập tâm”.

Phật nói: “ Các người nếu đói khát có thể vào sông Hằng tha hồ uống đó”.

Nhờ công đức của Phật các nạ quý uống đặng nước. Uống nước xong họ trở về chỗ Phật ngồi. Đức Như-Lai vì họ thuyết pháp, tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Lúc đó năm trăm nạ quý đều đặng sanh lên cõi trời.

Do có đây nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô Thượng, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương ! Nước Xá Bà Đề có đảng cướp năm trăm người, bị vua Ba Tư Nặc bắt được khoét cả đôi mắt bỏ trong rừng sâu. Đảng cướp khổ sở khóc than tưởng niệm đến Phật. Đức Phật xót thương hiện thân trước đảng

cướp khuyển bảo rằng: Các người phải khéo giữ gìn thân khẩu, chớ gây tạo nghiệp ác nữa. Đẳng cướp nghe tiếng Phật dịu dàng trong trẻo, đôi mắt sáng trở lại. Đồng chấp tay đánh lễ Phật bạch rằng: Thế Tôn ! Nay chúng tôi rõ biết Phật có lòng đại từ che chở tất cả chúng sanh, chẳng phải riêng là nhân thiên.

Đức Như-Lai vì họ thuyết pháp tất cả đều được phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên đức Như-Lai thật là lương y Vô Thượng trong thế gian, chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại vương ! Nước Xá Bà Đề có người Chiên Đà la tên là Khí Hứ giết hại nhiều mạng người, gặp được đệ tử của Phật là ngài Ma Ha Mục Kiền Liên, liền phá được nhân địa ngục sanh lên cõi trời Đao Lợi. Vì có hàng Thánh đệ tử như vậy nên đức Như-Lai hiệu là Y Vương Vô Thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Tâu Đại Vương thành Ba La Nại có Trưởng giả tử tên là A Dật Đa, dâm bà mẹ, giết chết ông cha. Bà mẹ lại tư thông với người khác, Trưởng giả tử bèn lại giết mẹ. Có vị A La Hán là thân hữu của nhà này. Vì hổ thẹn nên Trưởng giả tử lại giết A La Hán. Sau đó Trưởng giả tử đến Kỳ Hoàn Tinh Xá cầu xuất gia. Các Tỳ kheo rõ biết

người này phạm ba tội nghịch, nên không vị nào dám nhận. Trưởng giả tử oán giận, giữa đêm phóng lửa đốt phòng của chư Tăng, giết hại nhiều người vô tội. Lúc sau đó Trưởng giả tử qua thành Vương Xá cầu xin đức Như-Lai cho xuất gia. Đức Như-Lai liền nhận, rồi giảng nói pháp yếu khiến tội nghịch nặng lần lần giảm nhẹ, Trưởng giả tử phát tâm Vô Thượng Bồ đề. Do đây nên đức Phật hiệu là Y Vương Vô Thượng.

Đại Vương bốn tánh bạo ác nghe lời người ác là Đề Bà Đạt Đa, thả voi say đê chà Phật, voi thấy Phật liền tỉnh ngộ, Phật lấy tay xoa đầu voi, nói pháp yếu voi phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương! Súc sanh thấy Phật còn phá được nghiệp quả súc sanh, huống là loài người ư !

Đại Vương nếu gặp được Phật, bao nhiêu trọng tội tất sẽ tiêu trừ.

Đức Thế Tôn lúc chưa thành Vô Thượng Bồ Đề, Ma Vương dẫn vô lượng quyến thuộc đến chỗ Bồ Tát ngồi, Bồ Tát dùng sức nhẫn nhục phá tan ác tâm của ma, làm cho ma thọ pháp phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương có Khoáng Dã quý giết hại nhiều

người. Vì cứu Thiện Hiền Trưởng giả, đức Như-Lai đến thôn Khoáng Dã hiện thân thuyết pháp, Khoáng Dã quý nghe pháp mừng vui, bèn đem Thiện Hiền Trưởng giả trao cho Như-Lai, rồi sau bèn phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Tâu Đại Vương ! Nước Ba La Nại có người hàng thịt tên là Quảng Ngạch, mỗi ngày giết hại cả trăm ngàn con dê, gặp ngài Xá Lợi Phất liền thọ Bát quan trai một ngày một đêm. Nhờ công đức này, sau khi chết Quảng Ngạch sanh là con trai của Tỳ Sa Môn Thiên Vương. Đệ tử của đức Như-Lai còn có công đức lớn như vậy huống là Phật.

Tâu Đại Vương ! Thành Tế Thạch ở bắc Thiên Trúc, có vua Long Ân vì tham ngôi vua mà giết hại vua cha, về sau sanh lòng ăn năn bỏ nước đến xin Phật xuất gia, làm Tỳ Kheo, tội nặng tiêu diệt phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Đức Phật có vô lượng vô biên công đức như vậy.

Tâu Đại Vương ! Phật có một người em họ là Đề Bà Đạt Đa, ông này phá Tăng, làm thân Phật chảy máu, giết chết A La Hán Liên Hoa Tỳ Kheo Ni, phạm cả ba tội nghịch, đức Như-Lai vì ông giảng nói pháp yếu làm cho tội nghịch nặng của ông được giảm nhẹ, nên đức Như-

Lai là Y Vương Vô Thượng chẳng phải như hàng lục sư ngoại đạo.

Đại Vương nếu có thể tin lời của hạ thần xin Đại Vương mau đến đức Như-Lai. Nếu Đại Vương chưa tin, hạ thần cũng mong Đại Vương suy nghĩ kỹ lại.

Tâu Đại Vương ! Chư Phật có lòng Đại Bi che chở tất cả, chẳng hạn cuộc nơi một người. Chánh pháp của Phật rộng rãi, bao gồm chẳng sót với kẻ oán người thân Phật xem bình đẳng lòng không ghét không yêu.

Đức Như-Lai chẳng phải là thầy riêng của bốn bộ chúng, mà là thầy của tất cả trời, người, rồng, thần, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Tất cả chúng sanh cũng nên xem Phật như cha mẹ. Đức Như-Lai chẳng riêng vì người sang giàu như vua Bạt Đề Ca mà thuyết pháp, cũng thuyết pháp cho cả người hạ tiện như Ưu Ba Ly. Chẳng riêng thọ sự cúng dường của Trưởng Giả Tu Đạt Đa, Trưởng Giả A Na Bàn Kỳ mà cũng nhận lấy đồ ăn của người nghèo. Đức Phật chẳng riêng vì hạng trí huệ như ngài Xá Lợi Phất mà thuyết pháp, cũng giáo hóa cả người ngu tối như Châu Lợi Bàn đặc. Đức Như-Lai chẳng riêng cho người tánh không tham như ngài Ca Diếp xuất gia, mà cũng cho cả người rất tham như Bàn Đà xuất gia.

Đức Phật chẳng riêng cho người ít phiền não như Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp xuất gia, mà cũng cho người phiền não sâu nặng tạo trọng tội như ông Tu Đà Da, em vua Ba Tư Nặc xuất gia. Đức Phật chẳng vì ông Tá Thảo cung kính cúng dường mà nhỏ trừ gốc sân hận cho ông ấy cũng độ cả kẻ ác tâm muốn làm hại là Ương Quật Ma La. Chẳng riêng độ người xuất gia làm cho chúng đặng bốn Thánh quả, cũng làm cho hàng tại gia chúng đặng ba Thánh quả, đức Như-Lai chẳng riêng vì người nhân tịch như ông Phú Đa La mà thuyết pháp, cũng giảng thuyết cho vua Tần Bà Ta La bận rộn việc nước. Người ghiền rượu như ông Út Già Trưởng Giả Phật cũng giáo hóa chớ chẳng phải riêng vì những người kiêng rượu. Đức Phật cũng giáo hóa nàng Bà Tư Tra là người mẹ cuồng tâm vì con chết, chớ chẳng phải riêng thuyết pháp cho bậc nhập thiên định như Ly Bà Đa. Đức Phật chẳng riêng vì đệ tử của mình mà cũng thuyết pháp cho hàng ngoại đạo Ni Kiên Tử. Phật cũng giáo hóa người già suy tám mươi tuổi, cũng như với hạng trai trẻ hai mươi lăm. Người căn lành chưa thuần thực, cũng được Phật giáo hóa như người đã thuần thực.

Phật thuyết pháp cho dân nữ Liên Hoa cũng như vì

Mạt Lợi phu nhân. Phật nhận món ăn độc của Trương Giả Thi Lợi Cúc Đa như lãnh thực phẩm thượng soạn của vua Ba Tư Nặc.

Tâu Đại Vương Trương Giả Thi Lợi Cúc Đa trước kia cũng tạo tội nghịch, nhờ đến Phật nghe thuyết pháp bèn phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Giả sử trong một tháng thường đem y phục vật thực cung kính cúng dường cho tất cả chúng sanh, chẳng bằng người niệm Phật khoảng một niệm.

Giả sử đúc vàng làm người, xe ngựa chở đầy châu báu đến số trăm dùng để bố thí, chẳng bằng người phát tâm muốn đến Phật dõ chân bước một bước.

Giả sử dùng trăm xe voi chở các thứ trân bảo của nước Đại Tần, cùng trăm người nữ nước ấy thân đeo đầy chuỗi ngọc dùng để bố thí, vẫn không bằng bước một bước hướng đến Phật.

Cho đến giả sử Đại Vương cung kính cúng dường hằng hà sa vô lượng chúng sanh, chẳng bằng một lần đến rừng Long Thọ thành tâm nghe đức Như-Lai thuyết pháp.

Vua A Xà Thế bảo rằng: “Này Kỳ Bà đức Như-Lai tâm tánh đã điều nhu, thời quyền thuộc phải là người điều

nhu, như rừng Chiên Đàn thời thuần cây chiên đàn, đức Như-Lai thanh tịnh quyên thuộc của Ngài cũng thanh tịnh, như rỗng thời thuần dùng rỗng làm quyên thuộc. Đức Như-Lai tịch tịnh không tham không phiền não, quyên thuộc của Ngài cũng không phiền não. Nay ta là người cực ác, thân thể hôi nhe, thuộc hạng địa ngục, đâu đáng là người đến chỗ đức Như-Lai. Giả sử ta có qua, e rằng đức Như-Lai chẳng đoái tới. Khanh dầu khuyên ta, nhưng ta xấu hổ sợ sệt không có lòng muốn đi”.

Vua A Xà Thế nói vừa dứt, trên không bỗng có tiếng rằng: Phật pháp Vô Thượng sắp suy mất, dòng sông pháp rộng sâu sắp cạn, đèn sáng đại pháp sắp tắt, núi pháp sắp lở, thuyền pháp sắp chìm, cầu pháp sắp hư, điện pháp sắp đổ, tràng pháp sắp ngã, cây pháp sắp gãy, bạn lành sắp đi, sự khùng bố sắp đến, chúng sanh sắp đói khát, bệnh dịch phiền não sắp lưu hành, sự tối tăm sắp đến, ma vương vui mừng cởi mở giáp trụ, mặt trời Phật sắp lặn nơi núi Đại Niết Bàn. Phật nếu diệt độ tội nghịch trọng của Đại Vương không còn ai trị được.

- Nay Đại Vương đã tạo tội nghiệp A Tỳ địa ngục, đã có tội nghiệp tất phải thọ báo. Sao gọi là A Tỳ địa ngục ? A là không, Tỳ là xen hở, tức là Vô Gián. Người đọa

trong đó luôn bị khổ không hở, một người tội thân lớn đầy khắp cả ngục tám muôn do tuần, nhiều người tội, thân mỗi người cũng đầy khắp cả ngục không chướng ngại nhau, do đây nên gọi là địa ngục Vô Gian.

Trong địa ngục lạnh tạm thời có gió ấm nóng, trong địa ngục ấm nóng tạm thời có gió mát lạnh, địa ngục A Tỳ toàn không có việc này. Ngục A Tỳ bốn phía có cửa, ngoài mỗi cửa đều có ngọn lửa rất mạnh cháy suốt cả bốn phương tám muôn do tuần, vách ngục bằng sắt, nền cũng bằng sắt, lưới phủ trùm ở trên lửa, dưới nền cháy suốt đến nóc ngục, lửa trên nóc cháy suốt đến nền ngục. Người tội trong đó bị đốt cháy đau khổ như cá bị chiên trong chảo. Phạm một tội nghịch bị trợn sự khổ như vậy, nếu tạo hai tội nghịch, thời sự khổ gấp hai, nếu tạo đủ ngũ nghịch thời sự khổ gấp năm lần. Tôi biết chắc ác nghiệp của Đại Vương không thể thoát khỏi. Mong Đại Vương mau đến gặp Phật, ngoài Phật ra không ai cứu Đại Vương được. Vì xót thương nên tôi có mấy lời khuyên Đại Vương.

Vua A Xà Thế trong lòng quá sợ, toàn thân run rẩy, ngược mặt lên hỏi rằng: Ngài là ai ? Sao chỉ nghe tiếng mà chẳng hiện thân ?

Trên hư không có tiếng đáp: “ Tôi là Tần Bà Ta La, cha đẻ của Đại Vương đó.

Nay Đại Vương phải nghe lời Kỳ Bà, chớ nghe lời tà kiến của sáu đại thần”.

Nghe xong vua A Xà Thế ngất xỉu trên đất, ghê nhọt thêm nhiều càng hôi hơn trước. Dầu ngựa y đem thuốc đến thoa, nhưng ghê độc càng thêm nóng nhức.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn ở trong rừng Song Thọ, Phật nhãn thấy vua A Xà Thế ngất xỉu xuống đất, liền bảo đại chúng: “ Nay Phật sẽ vì vua này ở lại đời đến vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn”.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật: Thế Tôn ! Đức Như-Lai nên vì vô lượng chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Có sao riêng vì vua A Xà Thế ?

- Nay Thiện nam tử ! Trong đại chúng đây không có một người nào cho rằng Phật quyết định nhập Niết Bàn. Vua A Xà Thế cho rằng Phật quyết định sẽ nhập Niết Bàn hẳn nên ngất xỉu.

Này Thiện nam tử ! Như Phật nói vì A Xà Thế chẳng nhập Niết Bàn ý nghĩa ấy rất sâu kín ông chưa hiểu được. Ta nói “vì” là vì tất cả phàm phu, A Xà Thế là khắp đến

tất cả người tạo tội ngũ nghịch. Lại: “vì” chính là tất cả chúng sanh hữu vi. Ta trọn chẳng vì vô vi chúng sanh mà ở lại đời. Luận về vô vi thời chẳng phải là chúng sanh. “A Xà Thế” chính là người đầy đủ phiền não. Lại “vì” chính là chúng sanh chẳng thấy Phật tánh. Nếu đã thấy Phật tánh thời Phật trọn chẳng vì họ mà ở lâu nơi đời. Vì người thấy Phật tánh thời chẳng phải là chúng sanh. “A Xà Thế” chính là tất cả người chưa phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Lại “vì” là vì hai chúng Đại Ca Diếp và A Nan. “A Xà Thế” chính là Phi hậu của nhà vua và tất cả phụ nữ trong thành Vương Xá. Lại “vì” là nói Phật tánh, “A Xà” là chẳng sanh. “Thế” là oán. Bởi chẳng sanh Phật tánh thời sanh phiền não oán thù. Vì sanh phiền não oán thù nên chẳng thấy Phật tánh. Bởi chẳng sanh phiền não thời thấy được Phật tánh. Do thấy Phật tánh thời được an trụ Đại Niết Bàn. Đây gọi là bất sanh, đây gọi là “vì A Xà Thế”.

Này Thiện nam tử ! “A Xà” là chẳng sanh, chẳng sanh gọi là Niết Bàn. “Thế” là nói thế pháp. “Vì” là nói chẳng nhiễm ô. Bởi tám pháp trong đời chẳng ô nhiễm được, vô lượng vô biên vô số kiếp chẳng nhập Niết Bàn.

Do đây nên Phật nói vì A Xà Thế vô lượng kiếp chẳng nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lời nói sâu kín (*của*) Như-Lai chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Bồ Tát Ma Ha Tát đều chẳng thể nghĩ bàn. Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Bây giờ đức Thế Tôn vì vua A Xà Thế mà nhập nguyệt ái tam muội, phóng ánh sáng lớn. Ánh sáng này mát mẽ chiếu đến thân vua. Ghẻ lở trên thân liền lành, hết nóng hết nhức.

Vua bảo Kỳ Bà: “Ta từng nghe: Lúc sắp tận kiếp ba mặt trăng đồng hiện lên, do đó những khổ hoạn của chúng sanh đều trừ. Nay chưa đến thời kỳ ấy, do đâu có ánh sáng mát mẽ chiếu đến thân ta làm cho thân ta được an ổn ghẻ lở đều lành ?

Kỳ Bà tâu: “Đây không phải là tận kiếp, không phải ánh sáng của ba mặt trăng, cũng chẳng phải ánh sáng mặt trời, tinh tú bảo châu, dược thảo cũng chẳng phải ánh sáng chư Thiên”.

Vua lại hỏi như vậy thời là ánh sáng của ai ?

- Tâu Đại vương ! Đây là ánh sáng của đấng Thiên

Trung Thiên. Ánh sáng này chẳng có ngăn mé, chẳng nóng, chẳng lạnh, chẳng thường, chẳng diệt, chẳng phải sắc cùng vô sắc, chẳng phải tướng cùng vô tướng, chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng. Vì độ chúng sanh nên hiện ra có tướng có thể thấy. Dầu thấy được nhưng thật ra ánh sáng này vốn không tướng.

Vua nói: Này Kỳ Bà ! Đấng Thiên Trung Thiên do nhân duyên gì mà phóng ánh sáng này ?

- Tâu Đại Vương ! Nay tướng lành này chính là vì Đại Vương. Bởi vừa rồi Đại Vương nói trong đời không có lương y trị được thân bệnh, tâm bệnh của Đại Vương, nên đức Thế Tôn phóng ánh sáng này, trước chữa lành bệnh nơi thân của Đại Vương, rồi sau sẽ trị bệnh nơi tâm.

- Này Kỳ Bà ! Đức Như-Lai cũng nghĩ tướng đến ta ư ?

- Tâu Đại Vương ! Ví như một người mà có bảy đứa con, một đứa bị bệnh, lòng cha mẹ săn sóc đứa con bệnh tật nhiều hơn. Cũng vậy, đức Như-Lai chẳng phải là không bình đẳng đối với chúng sanh, nhưng với người có tội thì lòng Phật thiên trọng. Với kẻ phóng dật lòng Phật thương tưởng, người chẳng phóng dật thì Phật phóng xả. Người chẳng phóng dật là bậc đệ lục trụ Bồ

Tát. Chư Phật đối với chúng sanh, chẳng nhìn ngó đến dòng họ, già trẻ, giàu nghèo, năm tháng ngày giờ, nghề nghiệp khéo vụng, tột hèn hạ, chỉ ngó đến chúng sanh có tâm lành. Nếu người có tâm lành thời Phật thương tưởng.

Tâu Đại Vương ! Đây chính là đức Như-Lai nhập nguyệt ái tam muội phóng ra ánh sáng ấy.

Nhà vua hỏi: Sao gọi là nguyệt ái tam muội ?

Kỳ Bà tâu: “ Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả hoa sen sanh nở xòe, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho tâm lành chúng sanh nở xòe.

Ví như ánh sáng mặt trăng có thể làm cho tất cả người đi đêm vui mừng, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho người tu tập đạo Niết Bàn vui mừng.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mừng một đến rằm, hình sắc ánh sáng lần lần thêm đầy đủ, cũng vậy, nguyệt ái tam muội làm cho người mới phát tâm những căn lành lần lần thêm lớn đầy đủ đến Đại Niết Bàn.

Ví như ánh sáng mặt trăng từ đêm mười sáu đến đêm ba mươi hình sắc ánh sáng lần lần giảm bớt, cũng vậy, nguyệt ái tam muội có thể làm cho phiền não lần lần tiêu

diệt.

Ví như đang lúc nắng nóng, tất cả chúng sanh thường nghĩ đến ánh sáng mặt trăng, lúc trăng sáng đã soi thời liền hết nóng bức, cũng vậy nguyệt ái tam muội có thể làm cho chúng sanh trừ được phiền não nóng bức.

Ví như mặt trăng tròn là vua trong các tinh tú, là cam lộ vị, tất cả chúng sanh đều ưa thích, cũng vậy, nguyệt ái tam muội là vua trong các pháp lành, là cam lộ vị chúng sanh đều ưa thích.

Vua nói: Ta nghe đức Như-Lai chẳng cùng người ác ở chung đàm luận. Như biển lớn chẳng chứa tử thi. Như chim Oan Ương chẳng đậu nhà xí. Thiên Đế Thích Đè Hoàn Nhân chẳng ở chung với quỷ. Chim Cưu Súc La chẳng đậu cây khô. Cũng vậy, ta đâu có thể gần được đức Như-Lai. Theo ta xét đức Như-Lai thà gần voi say, sư tử, cọp, sói, lửa hùng, trợn chẳng gần gũi nơi người tạo tội ác quá nặng. Vì vậy nên ta không lòng nào dám đến gặp Phật.

Kỳ Bà tâu: Ví như người khát nước thời gặp đến suối trong, người đói cầu vật thực, người kinh sợ cầu cứu, người bệnh tìm lương y, người nóng bức tìm bóng mát, người lạnh tìm lửa. Nay Đại Vương cũng nên cầu Phật

như vậy. Đức Như-Lai còn vì hạng Nhất Xiển Đề mà thuyết pháp huông là Đại Vương chẳng phải Nhất Xiển Đề.

Vua nói: Này Kỳ Bà ! Ta từng nghe Nhất Xiển Đề là kẻ chẳng tin, chẳng nghe, chẳng thể quán sát, chẳng hiểu đặng nghĩa lý, tại sao đức Như-Lai lại thuyết pháp cho họ ?

Kỳ Bà tâu: “ Như có người mang bệnh nặng, đêm ngủ mơ thấy lên trên điện một cột, uống chất tợ dầu mỡ và lấy thoa nơi thân, nằm trên tro ăn tro, leo lên cây khô hoặc thấy cùng khỉ vượn làm bạn, chìm dưới nước, lún trong bùn, té rơi xuống điện lâu, hoặc thấy núi cao, rừng rậm, voi, ngựa, trâu, dê, thân mặc y phục xanh, vàng, đỏ, đen, vui cười ca múa, hoặc thấy kên kên, chồn, cáo phàm, rụng răng, rụng tóc, trần truồng, gói đầu trên mình chó, nằm trên phân nhơ, hoặc thấy cùng người đã chết đi đứng nằm ngồi dặt tay ăn uống, đi trong đường đầy rắn độc, hoặc mơ thấy ôm ẵm người nữ trùm tóc, y phục bằng lá Đa La, ngồi xe lừa hư gãy qua hướng chánh Nam.

Người này tỉnh dậy lòng buồn rầu bệnh nơi thân càng thêm. Vì bệnh thêm nên thân thuộc sai người mời y sĩ. Người đi mời này lùn thấp tàn tật, đầu đầy bụi bặm, y

phục rách nát, ngồi xe hư cũ, đến nói với y sĩ: Xin mau qua thăm bệnh.

Y sĩ tự nghĩ: Người đến mời này tướng mạo chẳng lành, bệnh chắc khó trị. Lại coi ngày, thấy nhằm ngày bệnh khó trị tức là ngày mùng bốn, mùng sáu, mùng tám, mười hai, mười bốn. Lại coi sao cũng nhằm sao khó trị, tức là hỏa tinh, khuê tinh, mảo tinh, Diêm La Tinh, thấp tinh, mẫn tinh. Lại coi nhằm mùa thu, mùa đông, giờ mặt trời lặn nửa đêm, giờ mặt trăng lặn, nhằm những giờ này bệnh cũng khó trị. Y Sĩ lại nghĩ rằng: Dầu tất cả đều chẳng lành, nhưng xem người bệnh nếu có phước đức thời trị được, bằng không phước đức dầu lành tốt có ích gì !

Y Sĩ liền cùng đi với người đến mời, giữa đường nghĩ rằng: Nếu người bệnh có tướng trường thọ thời trị được, nếu là tướng đoản thọ thời chẳng thể trị.

Dọc đường thấy hai đứa trẻ đánh lộn, thấy người cầm lửa tự nhiên tắt, thấy có người đốn cây, lại thấy người kéo tấm da đi trên đường, lại thấy trên đường có vật bỏ rơi, hoặc thấy người xách thùng không, hoặc thấy Sa Môn đi một mình, lại thấy cọp, sói, chồn, kên kên. Y Sĩ suy nghĩ từ người mời này đến ngày giờ thời tiết cùng

những việc dọc đường đều là điềm bất tường, người bệnh chắc khó trị, nhưng nếu ta không đến thời chẳng phải Y Sĩ. Dọc đường lại nghe có tiếng khóc than người chết, tiếng sụp, bể, gãy, tiếng té ngã. Lại nghe phương Nam có tiếng kên kên, có tiếng chim Xá Lợi, tiếng chó, tiếng chuột, tiếng chồn, tiếng thỏ, tiếng heo. Y Sĩ tự nghĩ: Toàn là những điềm bệnh khó trị.

Sau khi đến nhà, thấy người bệnh lúc lạnh lúc nóng, gân xương nhức, mắt đỏ lưu lệ, tiếng lỗ tai nghe đến ngoài, cổ họng nghẹn đau, trên lưỡi nức nở, sắc mặt đen tối, cát đầu không nổi, mình khô không mồ hôi, đại tiện tiểu tiện bế tắc, cả thân sưng phù đỏ hồng dị thường, giọng nói chẳng đều, bụng đầy, nói không rõ.

Y Sĩ xem xong hỏi người khán⁶ bệnh: Từ qua đến nay ý chí người bệnh thế nào ?

Người khán bệnh nói: “ Thưa Y Sĩ ! Người này trước kia vốn kính tin Tam Bảo và chư Thiên, nay bỗng đổi khác không còn tin. Trước kia ưa bố thí nay thời bòn xén,

6 Theo daitangkinh.org, Bồ Niết Bàn, bản 1: “chăm sóc”

trước kia ăn ít nay thời quá nhiều, tánh vốn hào tốt nay thời tệ ác. Tánh vốn nhân từ hiếu thuận, nay thời không cung kính cha mẹ”. Y Sĩ nghe xong đến ngửi người bệnh và sờ bóp trên thân, biết người bệnh quyết định sẽ chết, nhưng chẳng nói ra, bảo người khán bệnh rằng: “Nay tôi có việc gấp ngày mai tôi sẽ trở lại, người bệnh cần dùng thứ gì cứ tha hồ chớ ngăn cản”. Dặn xong Y Sĩ trở về nhà.

Rạng ngày, người nhà bệnh đến rước, Y Sĩ bảo rằng: “Việc tôi chưa xong thuốc cũng chế chưa rồi”.

Nếu là người trí, thấy cử chỉ của Y Sĩ thời biết rằng: Người bệnh ấy chắc chết.

Tâu Đại Vương ! Đức Thế Tôn cũng như vậy, dầu biết rõ căn tánh hàng Nhất Xiển Đề, nhưng đức Phật cũng vì họ mà thuyết pháp vì nếu không thuyết pháp cho họ, tất cả phàm phu sẽ cho rằng Đức Như-Lai không tâm đại từ bi, đâu nên gọi là bậc nhất thiết trí. Vì có tâm đại từ bi mới gọi là bậc nhất thiết trí, do đây nên Đức Như-Lai thuyết pháp cho hạng Nhất Xiển Đề.

Đức Như-Lai gặp những người bệnh thời liền ban bố pháp dược, người bệnh nếu chẳng chịu uống đó chẳng phải là lỗi của Như-Lai.

Hạng Nhất Xiển Đề chia ra làm hai: Một là hạng đặng căn lành hiện tại, hai là hạng đặng căn lành đời sau.

Đức Như-Lai biết rõ hạng Nhất Xiển Đề những kẻ hiện tại có thể đặng thiện căn thời thuyết pháp cho. Những kẻ đời sau đặng thiện căn đức Phật cũng thuyết pháp cho họ, nay dầu vô ích nhưng để làm nhân cho đời sau. Do đây nên đức Như-Lai vì hạng Nhất Xiển Đề mà giảng thuyết pháp yếu.

Lại có hai hạng Nhất Xiển Đề: Một là hạng lợi căn, hai là hạng trung căn. Hạng lợi căn nơi đời hiện tại có thể đặng thiện căn, hạng trung căn thời đời sau sẽ đặng.

Chư Phật không bao giờ thuyết pháp mà không lợi ích.

Ví như người sạch sẽ té trong hầm tiêu, có Thiện tri thức thấy vậy xót thương liền nắm tóc kéo ra khỏi hầm. Cũng vậy, chư Phật thấy chúng sanh đọa trong ba đường ác nên phương tiện cứu tế làm cho đặng thoát khỏi. Do đây nên đức Như-Lai vì hạng Nhất Xiển Đề mà thuyết pháp.

Vua bảo Kỳ Bà: “Nếu đức Như-Lai thật có những điều như vậy, rạng ngày sẽ chọn ngày lành giờ tốt rồi

chúng ta sẽ đến gặp Phật”.

Kỳ Bà tâu: “Trong giáo pháp của đức Như-Lai không có chọn lựa ngày lành giờ tốt. Tâu Đại vương như người bệnh nặng đâu nên chọn ngày giờ tốt xấu, chỉ nên gấp cầu lương y. Nay Đại Vương bệnh nặng phải gấp cầu Phật, chẳng nên chờ chọn ngày lành giờ tốt.

Tâu Đại Vương ! Như lửa chiêm đàn cùng lửa y lan, tướng lửa cháy hai thứ không khác nhau. Cũng vậy, ngày tốt, ngày xấu, nếu đến chỗ Phật đều được diệt tội. Mong Đại Vương giờ đây nên gấp qua gặp Phật”.

Vua A Xà Thế liền bảo cận thần Kiết Tường: “ Nay ta muốn đến chỗ đức Phật, Khanh mau sắm sửa đồ cúng dường”.

Vua A Xà Thế cùng Phu nhân xa giá một muôn hai ngàn cỗ, voi lớn năm ngàn thớt, trên mỗi thớt voi đều chở ba người mang cầm phan lọng, hoa hương, kỹ nhạc, nhiều thứ đồ cúng dường, dắt theo mười tám muôn kỵ mã. Nhân dân trong nước Ma Đà Đà năm mươi tám muôn người đồng đi theo vua.

Lúc bảy giờ nơi thành Câu Thi Na, đại chúng tỵ hội tất cả mười hai do tuần, mọi người đều thấy vua A Xà

Thế cùng quân dân từ xa đi đến.

Đức Phật bảo đại chúng: “ Nhân duyên gần với Vô Thượng Bồ Đề của tất cả chúng sanh không gì trước hơn bạn lành. Vì vua A Xà Thế nếu chẳng nghe lời Kỳ Bà, ngày mừng bảy tháng tới quyết định phải chết đọa ngục A tỳ”.

Vua A Xà Thế lúc đi dọc đường được biết tin vua Tỳ Lưu Ly ngồi thuyền vào biển bị lửa cháy mà chết. Tỳ Kheo Cù Ca Ly, đất nứt, thân sông sa vào địa ngục A Tỳ. Còn Tu Na Sát Đa gây tạo những tội ác đến ra mắt Phật các tội đều đặng tiêu trừ. Vua nghe những tin này nói với Kỳ Bà rằng: “ Nay ta dầu được nghe những tin ấy nhưng còn chưa chắc. Khanh đến ngồi chung một thớt voi với ta. Giả sử ta bị đọa địa ngục trông mong khanh nắm giữ ta chớ để ta bị đọa. Vì ngày trước ta từng nghe những người đắc đạo chẳng vào địa ngục”.

Phật bảo đại chúng: “ Vua A Xà Thế còn lòng nghi, nay Phật sẽ làm cho vua được tâm quyết định”.

Trong Pháp hội có một vị Bồ Tát hiệu là Trì Nhất Thiết bạch Phật rằng: Trước kia Phật nói tất cả pháp đều không có tướng nhất định, sắc không tướng nhất định, nhãn đến Niết Bàn cũng không tướng nhất định. Tại sao

hôm nay nói rằng vì vua A Xà Thế làm cho được tâm quyết định ?

Phật nói: Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiên nam tử ! Nay Phật sẽ làm cho vua A Xà Thế có tâm quyết định, vì nếu tâm nghi ngờ của vua có thể phá hoại được, nên biết rằng tâm này là không quyết định. Nếu tâm của vua là quyết định, thì tội nghịch của vua làm sao tiêu tan được. Vì không quyết định nên có thể tiêu trừ tội nghiệp.

Vua A Xà Thế đến rừng Ta La Song Thọ ngược lên thấy đức Như-Lai đủ ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, dường như tòa núi vàng ròng.

Đức Thế Tôn cất tiếng phạm âm chào vua: “ Đại Vương !”

Lúc đó vua A Xà Thế nhìn ngó hai bên tự nghĩ rằng: Không rõ ai là Đại Vương trong đại chúng này. Ta là người nhiều tội lại không phước đức, đức Như-Lai chẳng lẽ gọi ta là Đại Vương !

Đức Như-Lai lại lên tiếng gọi: “Đại Vương A Xà Thế !”

Vua nghe dứt lời trong lòng rất vui mừng nghĩ rằng: Nay đức Như-Lai chiếu cố đến ta rõ là đức Như-Lai có

lòng đại bi bình đẳng đối với tất cả chúng sanh.

Vua bạch Phật rằng: “ Thế Tôn nay lòng tôi không còn nghi ngờ quyết định biết rằng đức Như-Lai bậc Đại Sư Vô Thượng của tất cả chúng sanh”.

Ca Diếp Bồ Tát nói với Trì Nhất Thiết Bồ Tát: “ Đức Như-Lai đã làm cho vua A Xà Thế được tâm quyết định”.

Vua A Xà Thế bạch Phật: “Thế Tôn ! Giả sử hôm nay tôi được ngồi chung ăn uống với Phạm Vương, Đế Thích cũng chẳng vui mừng bằng một lời kêu gọi của đức Như-Lai”.

Vua liền đem những phan lọng hoa hương kỹ nhạc dâng lên Phật, đánh lễ chân Phật đi nhiều bên hữu ba vòng, rồi ngồi qua một phía.

Phật nói: “ Nay Đại Vương: Nay Phật sẽ vì nhà vua mà nói pháp yếu. Nhà vua nên hết lòng lắng nghe !

Hạng phạm phu cần phải chuyên tâm quán sát nơi thân có hai mươi việc: Một là trong thân của ta đây không có công đức vô lậu, hai là không căn lành, ba là chưa đặng điều thuận, bốn là sa rớt hầm sâu không chỗ nào chẳng đáng sợ, năm là dùng phương tiện gì để thấy Phật tánh, sáu là tu thiền định thế nào để được thấy Phật tánh,

bảy là sanh tử khổ luôn không có thường không ngã không tịnh, tám là khó thoát khỏi tám nạn, chín là thường bị oan gia theo dõi, mười là không có một pháp gì ngăn được những hữu lậu, mười một là chưa thoát khỏi ba đường ác, mười hai là đầy đủ những ác kiến, mười ba là chưa qua khỏi bờ ngũ nghịch, mười bốn là chưa qua khỏi dòng sanh tử không bờ, mười lăm là chẳng tạo nghiệp lành chẳng được quả báo lành, mười sáu là không có ta làm mà người khác chịu quả, mười bảy là chẳng gây nhân vui thời trọn không quả vui, mười tám là nếu đã tạo nghiệp thời quả báo trọn chẳng mất, mười chín là do vô minh mà sanh cũng do vô minh mà chết, hai mươi là quá khứ vị lai và hiện tại thường buông lung phóng dật. Nay Đại Vương ! Người phạm phu nên quán sát thân này có hai mươi điều như vậy. Do quán sát này nên chẳng ưa thích sanh tử. Nếu chẳng ưa thích sanh tử thời được Chỉ Quán.

Theo thứ tự quán tướng sanh, trụ, diệt nơi tâm. Quán định, huệ, tinh tấn, trì giới cũng như vậy. Quán tướng sanh trụ diệt rồi biết rõ tâm tướng nhứt đến giới tướng thời trọn chẳng làm ác, không có sợ chết cũng không sợ ba ác đạo. Nếu chẳng chuyên tâm quán sát hai mươi điều

như vậy thì tâm buông (*lung*) phóng dật không việc ác nào chẳng làm.

Vua thưa: Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa nơi lời Phật dạy: Từ trước tôi chưa từng quán sát hai mươi điều ấy, nên gây tạo những tội ác. Do đó nên sợ chết và sợ ba ác đạo.

Bạch Thế Tôn ! Tôi tự chuốc họa tạo tội ác lớn: Vua cha vô tội, tôi lại làm hại. Đối với hai mươi điều này tôi dầu có quán sát hay không quán sát quyết định sẽ bị đọa địa ngục A Tỳ”.

Phật nói: “Này Đại Vương ! Tất cả pháp, tánh tướng của nó đều vô thường không có quyết định. Sao nhà vua lại nói quyết định sẽ đọa địa ngục A Tỳ ?”

Vua thưa: “Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp không tướng nhất định, thì tội giết cha của tôi cũng sẽ không nhất định. Nếu tội giết hại là nhất định thì tất cả pháp chẳng phải là nhất định”.

Phật nói: “Này Đại Vương ! Lành thay ! Lành thay ! Chư Phật nói tất cả pháp đều không tướng nhất định. Nhà vua lại có thể rõ biết tội giết hại cũng chẳng nhất định.

Này Đại Vương ! Như lời nhà vua nói: Vua cha vô

tội lại làm hại. Gì là cha ? Chỉ ở nơi danh từ giả, năm âm chúng sanh mà vọng tưởng là cha. Trong thập nhị nhập cùng thập bát giới, cái gì là cha ? Nếu sắc âm là cha thì bốn âm kia lẽ ra không phải. Nếu bốn âm là cha thì sắc âm cũng lẽ ra không phải. Nếu sắc âm cùng phi sắc hiệp lại làm cha thì không đúng lý, vì tánh của sắc cùng phi sắc vốn không hiệp.

Này Đại Vương ! Chúng sanh phàm phu đối với sắc âm này vọng tưởng là cha. Sắc âm như vậy cũng không thể hại được. Vì sắc âm có mười thứ, trong mười thứ này riêng sắc là có thể thấy có thể nắm lấy, có thể cân, có thể lường, có thể trói, có thể kéo. Dầu có thể thấy, có thể trói, nhưng tánh của sắc vẫn chẳng trụ. Vì chẳng trụ nên không thể thấy được, cũng không thể nắm cầm cân lường kéo dắt cột trói. Sắc tướng đã như vậy thì thế nào giết hại được. Nếu sắc là cha có thể giết hại mắc phải tội báo, thì chín thứ kia lẽ ra không phải là cha. Nếu chín thứ chẳng phải là cha thì lẽ ra không mắc tội.

Này Đại Vương ! Sắc có ba thứ: Quá khứ, vị lai và hiện tại. Quá khứ và hiện tại thì không thể giết hại. Vì quá khứ đã qua rồi, hiện tại lại niệm niệm diệt. Chỉ vì ngăn vị lai không sanh nên gọi là giết. Một thứ sắc như

vậy, hoặc có giết được, hoặc chẳng giết được. Chẳng giết thời sắc chẳng nhất định. Nếu sắc chẳng nhất định thời giết cũng chẳng nhất định. Vì giết chẳng nhất định nên quả báo cũng chẳng nhất định. Sao nhà vua lại nói quyết định đọa địa ngục ?

Này Đại Vương ! Tội nghiệp của tất cả chúng sanh tạo ra có hai thứ: Một là tội khinh, hai là tội trọng. Nếu tâm và khẩu gây tạo thời gọi là tội khinh, thân khẩu và tâm gây tạo thời gọi là tội trọng. Tâm nghĩ miệng nói mà thân chẳng làm thời mắc quả báo nhẹ. Ngày trước Đại Vương chẳng bảo giết, chỉ nói chặt chân. Đại Vương nếu truyền lệnh lập tức chém đầu vua cha, thị thần liền chém, còn chẳng mắc tội, huống là Đại Vương chẳng truyền lệnh. Nếu Đại Vương mắc tội thời chư Phật lẽ ra cũng mắc tội. Vì Tiên Vương Tần Bà Ta La thường vun trồng những căn lành nơi chư Phật, do đó nên ngày nay được làm vua. Nếu chư Phật chẳng thọ sự cúng dường thời Tiên Vương chẳng có phước làm vua. Nếu Tiên Vương chẳng làm vua thời Đại Vương đâu có vì nước mà giết hại. Nếu Đại vương giết cha mà có tội, thời chư Phật chúng ta lẽ ra cũng có tội. Còn nếu chư Phật không mắc tội sao Đại Vương lại riêng mắc tội ư.

Này Đại Vương ! Tiên Vương Tần Bà Ta La ngày trước có tâm ác. Đi săn nơi núi Tỳ Phú La, tìm muông thú khắp nơi không đặng chỉ gặp một Tiên nhân chứng ngữ thông, Tiên Vương giận nói bị người này nên hôm nay ta đi săn không gặp muông thú. Tiên Vương đuổi đi rồi sai quan hầu theo giết. Lúc sắp chết Tiên Nhân sanh lòng oán giận, mất thần thông, thệ rằng: Ta thật vô tội, người dùng tâm khẩu giết hại ta, đời sau ta cũng dùng tâm khẩu mà hại người.

Tiên Vương nghe lời ấy trong lòng ăn năn bèn cúng dường chôn cất tử thi.

Ngày trước Tiên Vương như vậy còn được thọ báo nhẹ chẳng đọa địa ngục, huống là Đại Vương chẳng như vậy, Tiên Vương tự làm ra trở lại tự thọ lấy, sao nhà vua lại mắc phải tội giết hại.

Như nhà vua nói: Vua cha không tội. Này Đại Vương sao lại nói rằng không tội ? Luận về người không nghiệp ác thời không tội báo, người có tội thời có tội báo. Tiên Vương kia nếu vô tội thời đâu có thọ báo. Tiên Vương Tần Bà Ta La trong hiện đời cũng đặng quả lành cùng quả ác. Do đây nên Tiên Vương cũng là chẳng nhất định. Do vì chẳng nhất định nên giết hại cũng chẳng nhất định,

giết hại đã chẳng nhất định sao nhà vua lại nói rằng quyết định đọa địa ngục.

Này Đại vương ! Chúng sanh điên cuồng có bốn hạng: Một là tham vọng mà điên cuồng, hai là bị thuốc mà điên cuồng, ba là bị bùa chú mà điên cuồng, bốn là do nghiệp duyên đời trước mà điên cuồng.

Trong hàng đệ tử Phật nếu mắc phải bốn chứng điên cuồng này, dầu tạo nhiều tội ác, ta trọn chẳng nhận người này là phạm giới. Người này tạo tội chẳng đọa ba đường ác. Lúc tâm tỉnh trở lại ta cũng chẳng gọi là phạm.

Đại Vương vì tham ngôi Quốc Vương mà nghịch hại vua cha, do tham cuồng gây tạo sao lại gọi mắc tội. Như người say rượu giết hại thân mẫu, lúc đã tỉnh say sanh lòng hối hận, nghiệp giết mẹ này cũng chẳng tội báo.

Đại Vương nay tham say nơi ngôi vua, chẳng phải bốn tâm làm tội nghịch đó, sao lại bảo là mắc tội.

Ví như nhà ảo thuật, nơi ngã tư đường dùng chú thuật hóa ra những thứ trai, gái, voi, ngựa, chuỗi ngọc, y phục. Người ngu cho đó là thật, người trí biết chẳng phải thật.

Cũng vậy, sự giết hại, phạm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Ví như tiếng vang trong khe núi, người ngu cho là tiếng thật, người trí biết là chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như có kẻ oán thù giả đến gần gũi, người ngu si nhận là thật thân thuộc, người trí rõ biết là giả trá. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như người soi gương tự thấy bóng mặt, người ngu cho là mặt thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết là chẳng phải thật.

Như ánh nắng gợn lúc trời nắng gắt, người ngu đứng xa thấy cho là nước, người trí rõ biết chẳng phải nước. Giết hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như thành Càn Thát Bà, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Sát hại cũng như vậy, phàm phu cho là thật, chư Phật biết chẳng phải thật.

Như người ngủ mơ, thấy hương vui ngũ dục, người ngu cho là thật, người trí rõ biết chẳng phải thật. Giết hại

cũng như vậy, phàm phu cho là thật chư Phật biết chẳng phải thật.

Này Đại Vương ! Cách thức giết, nghiệp giết, người giết, quả giết, nhân đến giải thoát, ta đều rõ thấu tất cả, ta vẫn không có tội. Đại Vương dầu biết giết hại, nhưng sao lại có tội ?

Ví như có người cai quản hãng rượu người này nếu không uống thì cũng chẳng say. Lại như người biết lửa cũng chẳng bị đốt cháy. Đại Vương cũng như vậy, dầu biết giết hại nhưng sao lại có tội ?

Này Đại Vương ! Có những chúng sanh lúc mặt trời mọc tạo nhiều tội, lúc mặt trăng mọc lại đi trộm cướp, lúc mặt trời mặt trăng chẳng mọc thì chẳng làm việc ác, dầu nhân mặt trời mặt trăng khiến người đó làm ác, nhưng mặt trời mặt trăng thật không mắc tội. Sát hại cũng như vậy, dầu nhân nơi Đại Vương nhưng Đại Vương thật không mắc tội.

Như trong cung, vua thường xuyên truyền lệnh làm thịt dê, lòng vua vốn không nghi sợ, tại sao ở nơi vua cha riêng sanh lòng sợ, dầu là người cùng cầm súc có tôn ti sai khác, nhưng quý sanh mạng cũng sợ chết không khác nhau. Có sao đối với loài dê lòng khinh không sợ, còn

nói vua cha lòng trọng lo khổ.

Người đời là tội tớ của tham ái, bị tham ái sai khiến mà làm việc giết hại, giả sử có quả báo thời là tội của tham ái, Đại Vương bị sai sử thời có tội gì.

Như Niết Bàn chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Sát hại cũng như vậy, dầu chẳng phải có chẳng phải không mà cũng là có. Người tâm quý thời là chẳng phải có, người không tâm quý thời là chẳng phải không, người thọ quả báo thời gọi là có. Người chấp không thời là chẳng phải có, người chấp có thời là chẳng phải không, người có chấp có cũng gọi là có. Vì người có chấp có thời mắc quả báo, người không chấp có thời không mắc quả báo. Người chấp thường thời là chẳng phải có, người không chấp thường thời là chẳng phải không, người có thường kiến thời chẳng đặng gọi là không, vì người có thường kiến thời có nghiệp quả ác. Nên nghĩa này dầu chẳng phải có chẳng phải không, mà cũng là có.

Này Đại Vương ! Xét về chúng sanh gọi là hơi thở ra vào, vì làm dứt hơi thở ra vào cho nên gọi là giết hại. Chư Phật thuận theo thế tục cho nên cũng nói là giết hại !

Này Đại Vương ! Sắc uẩn là vô thường, nhân duyên

của sắc cũng là vô thường, đã từ nhân vô thường mà sanh, thời sắc uẩn sao lại là thường, nhân đến thức ấm cũng như vậy. Do vô thường nên khổ, do khổ nên không, do không nên vô ngã. Nếu khổ (là vô) thường, khổ, không, vô ngã thời món nào giết hại ?

Giết hại vô thường đặng Niết Bàn thường, giết hại khổ đặng lạc, giết hại không đặng chân thật, giết hại vô ngã đặng chân ngã.

Này Đại Vương ! Nếu giết vô thường, khổ, không, vô ngã thời cùng với Phật đồng. Phật cũng giết vô thường, khổ, không, vô ngã chẳng bị đọa vào địa ngục, Đại Vương sao lại bị đọa ?

Lúc đó vua A Xà Thế đứng theo lời Phật dạy, quán sát sắc ấm nhân đến quán sát thức ấm. Vua quán sát như vậy rồi liền bạch Phật: “ Thế Tôn ! Nay tôi mới biết sắc là vô thường nhân đến thức là vô thường. Trước kia nếu tôi biết được như vậy thời chẳng gây tạo tội nghịch.

Bạch Thế Tôn ! Tôi từng nghe chư Phật là cha mẹ của chúng sanh. Dầu nghe như vậy nhưng chưa có lòng tin chắc. Nay tôi mới tin quyết định.

Bạch Thế Tôn ! Tôi cũng từng nghe núi Tu Di do bốn

chất báu hiệp thành, là vàng, bạc, lưu ly, pha lê. Nếu có loài chim đậu chỗ nào trên núi, màu chim liền đồng với màu núi, dầu nghe như vậy tôi cũng chẳng tin chắc. Nay tôi đến trong pháp hội của Phật liền được đồng màu sắc, nghĩa là tôi rõ biết các pháp vô thường, khổ, không, vô ngã.

Bạch Thế Tôn ! Tôi thấy từ hột y lan mọc lên cây y lan chẳng thấy hột y lan mọc lên cây chiên đàn. Nay tôi mới được thấy từ hột y lan mọc lên cây chiên đàn. Hột y lan chính là thân tôi, cây chiên đàn chính là tâm vô căn tín của tôi. Vô căn chính là từ trước tôi chẳng biết cung kính Như-Lai, chẳng tin chánh pháp cùng Tăng chúng, đây gọi là vô căn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tôi chẳng gặp đức Như-Lai sẽ phải thọ vô lượng khổ nơi đại địa ngục trong vô lượng vô số kiếp. Nay tôi được gặp Phật trọn nên công đức, phá hoại tất cả tâm ác phiền não của chúng sanh.

Phật nói: Lành thay ! Lành thay ! Nay Đại Vương ! Nay Phật biết nhà vua chắc chắn có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh”.

Bạch Thế Tôn: Nếu tôi thật có thể phá hoại tâm ác của chúng sanh, thì tôi thường ở A Tỳ địa ngục trong

vô lượng kiếp vì chúng sanh chịu mọi sự khổ não tôi cũng chẳng lấy làm khổ.

Lúc đó vô lượng nhân dân nước Ma Đà Đà đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Nhờ sự phát tâm của nhân dân, tội nặng của vua A Xà Thế liền nhẹ bớt.

Nhà vua cùng phu nhân các thể nữ đồng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Vua A Xà Thế bảo Kỳ Bà rằng: “ Nay ta chưa chết đã đặng thân trời, bỏ mạng ngắn đặng mạng trường thọ, bỏ thân vô thường đặng thân chân thường. Làm cho các chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề chính là thân trời, mạng trường thọ, thân chân thường, cũng chính là đệ tử của tất cả chư Phật.

Nói xong, nhà vua bèn đem các thứ tràng báu, phan lọng báu, hương hoa, chuỗi ngọc, kỹ nhạc cúng dường đức Phật.

Cúng dường xong nhà vua lại nói kệ tán thán:

Lời chân thật rất vi diệu,

Khéo léo nơi câu cùng nghĩa.

Tạng pháp rất sâu bí mật,

Vì chúng sanh nên hiển bày.
Bao nhiêu lời dạy rộng rãi,
Vì chúng sanh nên nói lược,
Đầy đủ những lời như vậy.
Khéo chữa được bệnh chúng sanh.
Nếu có các hàng chúng sanh,
Đặng nghe lời dạy của Phật.
Có lòng tin hoặc chẳng tin.
Quyết định biết là lời Phật.
Lời chư Phật thường dịu dàng.
Vì chúng sanh nên nói thô.
Lời thô cùng lời dịu dàng,
Đều về đến đệ nhất nghĩa.
Do cơ này nên hôm nay,
Tôi quy y đức Thế Tôn.
Như lời bình đẳng nhất vị.
Dường như nước trong biển cả,
Đây gọi là đệ nhất nghĩa,

Nên không có lời vô nghĩa.
Hôm nay đức Như-Lai nói,
Vô lượng vô số pháp yếu.
Nam nữ già trẻ được nghe.
Đồng thấy đặng đệ nhất nghĩa.
Không có nhân cũng không quả,
Không có sanh và không diệt,
Đây gọi là Đại Niết Bàn,
Người nghe phá kiết sử.
Đức Như-Lai vì tất cả
Thường làm cha cùng mẹ lành,
Nên biết các hàng chúng sanh,
Đều là con của Như-Lai.
Đức Thế Tôn đại từ bi,
Vì chúng sanh nên khổ hạnh,
Như người bị ma quỷ dựa,
Cuồng loạn tạo nhiều tội ác.
Nay tôi đặng thấy Như-Lai,

Ba nghiệp đều được lành tốt,
Nguyện đem những công đức này,
Hồi hướng Phật đạo Vô Thượng.
Hôm nay chỗ tôi cúng dường,
Đức Phật pháp và chúng Tăng.
Nguyện đem những công đức này,
Tam Bảo thường ở thế gian.
Ngày nay chỗ tôi sẽ đặng,
Tất cả vô lượng công đức,
Nguyện dùng đây để phá hoại,
Bốn thứ ma của chúng sanh.
Ngày trước tôi gặp bạn ác,
Gây tạo tội nghiệp ba đời,
Nay đối trước Phật sám hối,
Nguyện sau này chẳng lại phạm.
Cầu cho tất cả chúng sanh,
Đều phát tâm Đại Bồ Đề,
Chuyên tâm thường siêng nghĩ nhớ,

Tất cả chư Phật mười phương.
Lại nguyện tất cả chúng sanh.
Phá hẳn những giấc phiền não,
Được thấy Phật tánh rõ ràng.
Nhu Ngài Văn Thù Bồ Tát.

Đức Thế Tôn khen vua A Xà Thế: “ Lành thay ! Lành thay ! Nếu có người phát được tâm Vô Thượng Bồ Đề, phải biết người này trang nghiêm chư Phật cùng đại chúng.

Này Đại Vương ! Thuở xưa nhà vua ở trước Đức Phật Tỳ Bà Thi đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, từ đó đến ngày nay chưa từng bị đọa địa ngục, nên biết tâm Bồ Đề có vô lượng quả báo lành như thế.

Này Đại Vương ! Từ nay về sau nhà vua phải thường siêng tu tâm Bồ Đề. Vì tu tâm Bồ Đề sẽ tiêu diệt được vô lượng tội ác”.

Vua A Xà Thế cùng nhân dân nước Ma Đà Đà đi nhiều Phật ba vòng, lễ từ trở về cung.

Phẩm Thiên Hạnh như trong kinh Tạp Hoa đã nói.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM ANH NHI HẠNH THỨ HAI MƯỜI MỐT

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: “ Thế nào gọi là Anh Nhi Hạnh ?

Này Thiện nam tử ! Chẳng có thể đứng dậy, đi tới, đi lui, nói chuyện, đây gọi là Anh Nhi. Cũng vậy đức Như-Lai chẳng thể khởi dậy, vì Như-Lai trọn chẳng khởi các pháp tướng. Cũng chẳng thể đứng dừng, vì Như-Lai chẳng chấp trước tất cả pháp. Chẳng thể đến vì thân hình của Như-Lai không có lay động. Cũng chẳng thể đi vì Như-Lai đã đến Đại Niết Bàn. Chẳng thể nói, vì Như-Lai dầu nói pháp cho tất cả chúng sanh nhưng thật ra không chỗ nói. Bởi có chỗ nói thời gọi là pháp hữu vi, do đây nên không chỗ nói. Lại không ngôn ngữ, như Anh Nhi ngôn ngữ chưa rõ, dầu có ngôn ngữ thật ra không ngôn ngữ. Cũng vậy, ngôn ngữ chưa rõ chính là lời bí mật của chư Phật, dầu có nói, chúng sanh cũng chẳng hiểu nên gọi là không ngôn ngữ. Lại như Anh Nhi gọi tên những đồ vật chẳng duy nhất, vì chưa biết rõ tên chánh, dầu gọi

tên đồ vật chẳng duy nhất chưa biết rõ tên chánh, nhưng chẳng phải chẳng nhân nơi đây mà đặng biết đồ vật. Cũng vậy, tất cả chúng sanh, giống loại, nơi chỗ, ngôn ngữ chẳng đồng. Như-Lai phương tiện thuận theo tiếng của họ mà nói, cũng làm cho tất cả loài, nhân nơi đó đặng hiểu biết.

Lại Anh Nhi có thể nói được chữ cái. Cũng vậy, đức Như-Lai nói chữ cái, như nói “Bà” “Hòa”. “Hòa” là hữu vi, “Bà” là vô vi, đây gọi là Anh Nhi. “Hòa” là vô thường, “Bà” là thường. Như-Lai nói thường, chúng sanh nghe rồi vì câu pháp thường mà dứt vô thường, đây gọi là Anh Nhi Hạnh. Lại Anh Nhi chẳng biết khổ, vui, ngày, đêm, cha mẹ. Cũng vậy, Đại Bồ Tát vì chúng sanh nên chẳng biết khổ vui, không tướng ngày đêm, tâm bình đẳng đối với chúng sanh nên không có cha mẹ thân sơ sai khác.

Lại Anh Nhi chẳng thể tạo tác những việc lớn việc nhỏ. Cũng vậy, Bồ Tát chẳng tạo nghiệp sanh tử, đây gọi là chẳng làm việc lớn, việc lớn tức là tội ngũ nghịch. Việc nhỏ tức là tâm Thanh Văn, Duyên Giác. Bồ Tát trọn chẳng thối tâm Bồ Đề mà tu hạnh Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Lại như Anh Nhi lúc kêu khóc, cha mẹ liền lấy lá

dương vàng mà bảo rằng: Nín đi đừng khóc ! Vàng đây ta cho con. Anh Nhi thấy lá dương vàng tưởng là vàng thật bèn thôi không khóc nữa. Nhưng đây là lá dương chẳng phải vàng thật. Trâu gỗ, ngựa gỗ, người gỗ, Anh Nhi cũng tưởng là trâu, ngựa, người thật, liền chẳng khóc nữa. Do vì chẳng phải thật trâu, ngựa v.v... mà tưởng là thật trâu, ngựa v.v... nên gọi là Anh Nhi.

Đức Như-Lai cũng như vậy. Nếu có chúng sanh muốn tạo tội ác đức Như-Lai vì họ mà nói trời Đao Lợi Thiên là cõi tốt đẹp an vui tự tại. Chúng sanh nghe cõi vui đẹp như vậy, sanh lòng ưa thích bèn thôi chẳng tạo tội ác, mà siêng thật hành những nghiệp lành. Nhưng thật ra cõi trời Đao Lợi là sanh tử chẳng phải thật là an vui tự tại.

Lại như có chúng sanh nhằm khổ sanh tử, đức Như-Lai vì họ nói hạnh quả nhị thừa, nhưng thật ra quả nhị thừa chẳng phải rốt ráo chân thật, vì hàng nhị thừa biết lỗi sanh tử, thấy vui Niết Bàn bèn có thể tự biết có dứt cùng chẳng dứt, có chân thật cùng chẳng chân thật, có tu cùng chẳng tu, có chứng đặng cùng chẳng chứng đặng. Như Anh Nhi kia đối với vật chẳng phải vàng mà tưởng là vàng thật.

Đức Như-Lai ở trong chỗ bất tịnh mà nói là tịnh, vì đã chứng được đệ nhất nghĩa đế nên Như-Lai không có hư vọng.

Như Anh Nhi kia đối với những vật không phải trâu ngựa mà tưởng là trâu ngựa thật. Nếu có chúng sanh ở nơi phi đạo mà tưởng là chân đạo, Như-Lai cũng nói phi đạo là đạo, nơi phi đạo thật không có đạo, vì có thể làm chút ít nhân duyên sanh ra đạo nên nói phi đạo là đạo.

Như Anh Nhi kia đối với người gỗ mà tưởng là người thật. Cũng vậy, Như-Lai biết chẳng phải chúng sanh mà nói tướng chúng sanh, nhưng thật ra không có tướng chúng sanh. Nếu Như-Lai nói không chúng sanh thì tất cả chúng sanh sẽ đọa tà kiến. Do đây nên Như-Lai nói có chúng sanh, những người đối với chúng sanh mà tưởng là chúng sanh, thì không thể phá tướng chúng sanh. Nếu ở nơi chúng sanh phá được tướng chúng sanh, người này có thể đặng Đại Niết Bàn. Do đặng Đại Niết Bàn như vậy nên chẳng còn kêu khóc nữa. Đây gọi là Anh Nhi Hạnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thọ trì đọc tụng thơ tả, giải thuyết năm hạnh này, nên biết rằng người này quyết định sẽ được năm hạnh như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: “ Thế Tôn ! Theo

như chỗ tôi hiểu, y cứ theo lời của Phật dạy, thời tôi cũng quyết định sẽ đặng năm hạnh này”.

Phật nói: “ Này Thiện nam tử ! Chẳng riêng gì ông đặng năm hạnh như vậy, nay trong hội này có chín mươi ba muôn người cũng đồng đặng năm hạnh như ông”.

HẾT TẬP I

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

TẬP II

PHẨM QUANG MINH BIÊN CHIẾU CAO QUÝ ĐỨC VƯƠNG BỒ TÁT THỨ HAI MƯỜI HAI

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn bảo Quang Minh Biên Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát:

“ Này Thiện nam tử ! Nếu có Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn như vậy, thời đặng mười công đức mà hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có. Công đức này chẳng thể nghĩ bàn, người nghe đến sẽ kinh sợ. Công đức

này chẳng phải trong ngoài, chẳng phải khó dễ, chẳng phải tướng phi tướng, không có tướng mạo, chẳng phải thể pháp, trong thế gian không có. Đây là mười công đức:

Công đức thứ nhất có năm điều: Một là chỗ chẳng nghe có thể đặng nghe, hai là nghe rồi có thể làm lợi ích, ba là có thể dứt tâm nghi hoặc, bốn là trí huệ chánh trực, năm là có thể biết tạng bí mật của Như-Lai.

Những gì là chỗ chẳng nghe có thể được nghe ? Chính là nghĩa vi mật rất sâu: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật và Pháp cùng Tăng không có sai khác, tánh tướng của Tam Bảo là thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chư Phật không rốt ráo nhập Niết Bàn là thường trụ không biến đổi. Lại Niết Bàn của Như-Lai chẳng phải có không, chẳng phải hữu vi vô vi, chẳng phải hữu lậu vô lậu, chẳng phải sắc phi sắc, chẳng phải danh phi danh, chẳng phải tướng phi tướng, chẳng phải hữu phi hữu, chẳng phải vật phi vật, chẳng phải nhân quả, chẳng phải đãi phi đãi, chẳng phải minh ám, chẳng phải xuất phi xuất, chẳng phải thường phi thường, chẳng phải đoạn phi đoạn, chẳng phải thủ chung, chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải âm phi âm, chẳng phải nhập phi nhập, chẳng phải giới phi giới, chẳng phải thập nhị nhân duyên,

chẳng phải phi nhân duyên. Những pháp như vậy đều vi mật rất sâu, từ trước chỗ chẳng nghe mà có thể được nghe. Lại có chỗ chẳng nghe, như là tất cả sách vở ngoại đạo: Tỳ Đà Luận, Tỳ Đà La Luận, Vệ Thế Sư Luận, Ca Tỳ La Luận, cùng tất cả kỹ nghệ, chú thuật, y dược, thiên văn, địa lý v.v... nay ở kinh này mà đặng biết tất cả. Lại có mười một bộ kinh trừ Tỳ Phật Lược, cũng không có những nghĩa rất sâu như vậy, nay do kinh này mà đặng biết rõ đó. Đây gọi là chỗ chẳng nghe mà có thể được nghe.

Nghe rồi có thể làm lợi ích, chính là nếu có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này, thời có thể biết rõ tất cả kinh điển Phương Đẳng Đại Thừa những nghĩa vi rất sâu. Ví như đối với tấm gương sáng sạch, người thấy rõ ràng sắc tượng của mình. Cũng vậy, Bồ Tát cầm gương Đại Niết Bàn thời đặng thấy rõ tất cả nghĩa rất sâu của kinh điển Đại Thừa. Cũng như có người ở trong nhà tối cầm ngọn đuốc lớn thời thấy rõ các đồ vật. Cũng vậy Bồ Tát cầm đuốc Đại Niết Bàn thời đặng thấy rõ nghĩa rất sâu của Đại Thừa. Cũng như mặt trời mọc có ngàn muôn ánh sáng soi rõ chỗ u ám của các núi, làm cho mọi người thấy những vật rất xa. Cũng vậy, huệ nhật thanh tịnh Đại

Niết Bàn này chiếu rõ chỗ rất sâu của Đại Thừa, làm cho hàng nhị thừa xa thấy Phật đạo, vì có thể nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn vì diệu này.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Đại Bồ Tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này thời đặng biết danh tự của tất cả pháp. Nếu có thể biên chép đọc tụng thông thuộc vì người giảng thuyết, suy nghĩ ý nghĩa thời rõ biết nghĩa lý của tất cả pháp.

Này Thiện nam tử ! Người nghe và lãnh thọ thời chỉ biết danh tự mà chẳng biết ý nghĩa. Nếu có thể biên chép thọ trì đọc tụng, vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể rõ biết được nghĩa.

Này Thiện nam tử ! Người nghe kinh này, nghe có Phật tánh nhưng chưa có thể thấy được. Nếu biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời thấy được Phật tánh. Người nghe kinh này, nghe có danh từ bồ thí nhưng chưa có thể thấy được Đàn Ba La Mật, nếu biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể thấy được Đàn Ba La Mật, nhân đến Bát Nhã Ba La Mật cũng vậy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nếu có thể nghe kinh Đại Niết bàn này thời biết pháp biết nghĩa đủ cả hai đức

vô ngại, đối với hàng Sa Môn, Bà La Môn, hoặc chư thiên, Ma Vương, Phạm Vương, trong tất cả thế gian đều đặng vô sở úy, vì đại chúng khai thị phân biệt mười hai bộ kinh, diễn thuyết ý nghĩa không có sai lầm, có thể tự biết chẳng chờ học với người được gần Vô Thượng chánh đẳng chánh giác. Đây gọi là nghe rồi có thể làm lợi ích.

Này Thiện nam tử ! Có thể dứt tâm nghi lầm. Nghi có hai thứ:

Một là nghi nơi danh từ, hai là nghi ý nghĩa. Người nghe kinh này, dứt tâm nghi danh từ, người suy nghĩ ý nghĩa thời dứt tâm nghi ý nghĩa.

Nghi lại có năm thứ: Một là nghi Phật quyết định nhập Niết Bàn hay chẳng ? Hai là nghi Phật có phải thường trụ chẳng ? Ba là nghi Phật có phải chân lạc chẳng ? Bốn là nghi Phật có phải chân tịnh chẳng ? Năm là nghi Phật có phải chân ngã chẳng ? Người nghe kinh này thời dứt hẳn lòng nghi Phật nhập Niết Bàn. Biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời dứt hẳn bốn điều nghi, thường, lạc, tịnh, ngã.

Nghi lại có ba thứ: Một là nghi Thanh Văn là có hay là không ? Hai là nghi Duyên Giác là có hay là không ?

Ba là nghi Phật thừa là có hay là không ? Người nghe kinh này thời dứt hẳn ba điều nghi như vậy. Còn biên chép đọc tụng vì người giảng thuyết suy nghĩ ý nghĩa thời có thể rõ biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Nếu có chúng sanh chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn này, thời tâm họ nhiều sự nghi ngờ. Như nghi hoặc thường hay vô thường, hoặc lạc hay chẳng lạc, hoặc tịnh hay chẳng tịnh, hoặc ngã hay vô ngã, hoặc mạng hay phi mạng, hoặc chúng sanh hay phi chúng sanh, hoặc rốt ráo hay chẳng rốt ráo, hoặc đời khác, hoặc đời đã qua, hoặc có, hoặc không, hoặc khổ, hoặc chẳng phải khổ, hoặc tập, hoặc chẳng phải tập, hoặc đạo hoặc chẳng phải đạo, hoặc diệt hoặc chẳng phải diệt, hoặc pháp, hoặc phi pháp, hoặc thiện hoặc bất thiện, hoặc không hoặc chẳng phải không. Người nghe kinh này thời dứt hẳn các điều nghi như vậy.

Thiện nam tử ! Nếu có người chẳng nghe kinh này thời lại có nhiều tâm nghi. Như nghi sắc uẩn là ngã ư ? Thọ, tưởng, hành, thức, là ngã ư ? Nhãn là năng kiến ư ? Ngã là năng kiến ư ? Thọ tưởng hành thức là năng kiến ư ? Ngã là năng kiến ư ? Sắc uẩn thọ báo ư ? Ngã thọ báo ư ? Thọ tưởng hành thức thọ báo ư ? Ngã thọ báo ư ? Sắc

uẩn đến đời khác ư ? Ngã đến đời khác ư ? Thọ tướng hành thức cũng như vậy. Những pháp sanh tử là có thì có chung ư ? hay là vô thì vô chung ư ? Người nghe kinh này cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy. Lại có người nghi nhất xiển đề phạm bốn tội nặng tạo tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại Thừa Phương Đẳng, hạng người nghe kinh này cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy.

Lại có người nghi thế gian có ngăn mé hay không có ngăn mé ? Có thập phương thế giới hay không thập phương thế giới. Người nghe kinh này cũng dứt hẳn được những điều nghi như vậy. Đây gọi là có thể dứt tâm nghi lầm, có trí huệ chánh trực không tà vạy. Vì nếu tâm nghi thời chỗ nhận thấy chẳng chánh. Tất cả phàm phu nếu chẳng đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này thời chỗ nhận thấy tà vạy. Nhãn đến Thanh Văn, Duyên Giác chỗ thấy biết cũng vạy vò. Vì phàm phu ở trong hữu lậu mà thấy là thường, lạc, ngã, tịnh nơi Như-Lai lại thấy là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, thấy có chúng sanh có thọ mạng, có tri kiến, chấp trời Phi Tướng, Phi Phi Tướng là Niết Bàn, thấy trời Tự Tại có tám Thánh đạo, chấp có, chấp đoạn, các sự nhận thấy như vậy gọi là tà vạy. Đại

Bồ Tát nếu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này tu hành Thánh hạnh thời dứt trừ được những điều tà vạy như vậy.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy Bồ Tát từ trời Đâu Suất hóa hiện ngự trên Bạch tượng giáng thân vào thai mẹ tại thành Ca Tỳ La, cha hiệu Tịnh Phạn, mẹ tên Ma Gia. Ở thai đủ mười tháng sanh ra. Lúc sanh ra chưa đến đất, Thiên Đế Thích đưa tay đỡ, Nan Đà Long Vương và Bạt Nan Đà Long Vương phun nước tắm.

Đại Thần Vương Ma Ni Bạt Đà cầm lọng báu đứng hầu phía sau. Địa thần hóa hoa sen đỡ dưới chân. Bồ Tát đi qua bốn phương đều đủ bảy bước. Lúc đến Thiên Miếu các thiên tượng đều đứng dậy tiếp nghinh. Tiên A Tư Đà hai tay bông xem tướng, xem xong Tiên nhân buồn khổ thương phận mình sắp chết chẳng được thấy Bồ Tát thành Phật. Lớn lên đến thầy học sách, học toán số, cỡi ngựa, bắn cung, đồ sấm, các nghề nghiệp. Ở trong thâm cung cùng với sáu muôn thể nữ. Ra ngoài thành dạo chơi đến vườn Ca Tỳ La, dọc đường gặp người già, người bệnh, người chết và gặp thầy Sa Môn mặc pháp phục đi trên đường, khi trở về cung, thấy các thể nữ hình mạo như xương khô, xem cung điện không khác gò mả. Nhàm chán, nửa đêm vượt thành xuất gia, đến chỗ các Đại Tiên

nhân Uất Đà Đà, A La La v.v... nghe giảng nói về Thức Vô Biên Xứ và Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ. Nghe rồi quan sát kỹ biết những xứ ấy là vô thường, khổ, bất tịnh, vô ngã, bèn bỏ đi đến núi Tuyết, dưới cội cây tu khổ hạnh trọn sáu năm. Sau đó biết khổ hạnh chẳng đặng thành Vô thượng Chánh giác, bèn đến tắm rửa trong sông A Nậu Bạt Đề. Tắm xong nhận lấy cháo sữa của cô gái chăn bò dâng. Ăn xong lại đến ngồi dưới cây Bồ Đề, phá ma Ba Tuần đặng thành Vô thượng Chánh giác. Đến thành Ba La Nại chuyên pháp luân lần đầu độ năm vị Tỳ Kheo, nhận đến ở rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na này nhập Niết Bàn. Các điều nhận thấy như vậy gọi là chỗ thấy biết vạy vò của Thanh Văn, Duyên Giác.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nghe và lãnh thọ kinh Đại Niết Bàn này, thời dứt trừ đặng những điều thấy biết như vậy. Nếu có thể biên chép đọc tụng thông thuộc vì người diễn thuyết suy nghĩ ý nghĩa, thời đặng trí huệ chánh trực không tà vạy.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, biết rõ Bồ Tát từ vô lượng kiếp nhận lại chẳng từ trời Đâu Suất giáng thân thai mẹ, nhận đến thành Câu Thi Na nhập Niết Bàn. Đây gọi là chỗ thấy biết chánh

trực của Đại Bồ Tát.

Có thể biết nghĩa thâm mật của Như-Lai, tức là biết rõ Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, sám trừ bốn giới trọng, trừ tâm hủy báng chánh pháp, hết tội ngũ nghịch, dứt nhất xiển đề, rồi sau đặng thành Vô thượng Chánh giác.

Lại nghĩa thậm thâm là dầu biết chúng sanh thật không có ngã, nhưng nghiệp quả đời vị lai chẳng mất ; dầu biết năm ấm hiện đây dứt hết, nhưng nghiệp thiện ác trọn chẳng hư mất ; dầu có các hành nghiệp nhưng không có tác giả ; dầu có chỗ đến nhưng không có người đi ; dầu có trời buộc nhưng không người bị trời ; dầu có Niết Bàn nhưng không có người diệt ; đây gọi là nghĩa bí mật rất sâu.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Như tôi hiểu nghĩa được nghe chỗ chưa từng nghe của Phật nói thời nghĩa này chẳng phải. Vì nếu pháp là có, lẽ ra quyết định có, pháp nếu là không lẽ ra quyết định không. Nếu không thời lẽ ra chẳng sanh, nếu có thời lẽ ra chẳng diệt, như nghe thời là nghe, nếu chẳng nghe thời là chẳng nghe, sao lại nói rằng nghe chỗ chẳng nghe. Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe đây là chẳng nghe, còn

nếu đã nghe thời lại chẳng nghe, vì đã đặng nghe. Sao lại nói rằng nghe lại chẳng nghe ?

Ví như người đi, nếu đã đến thời chẳng đi còn đi thời chẳng đến. Cũng như đã sanh thời chẳng sanh, còn chẳng sanh thời là chẳng sanh. Đã đặng thời chẳng đặng, còn chẳng đặng thời là chẳng đặng. Nghe rồi thời chẳng nghe, còn chẳng nghe thời là chẳng nghe. Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà nghe đó, thời tất cả chúng sanh chưa có Bồ Đề lẽ ra cũng có đó, người chưa đặng Niết Bàn lẽ ra cũng đặng đó, người chưa thấy Phật tánh lẽ ra cũng thấy Phật tánh, sao lại nói rằng bậc Thập Trụ Bồ Tát dầu thấy Phật tánh nhưng chưa đặng rõ ràng.

Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng nghe mà nghe, thời đức Như-Lai thuở xưa từ ai mà đặng nghe. Nếu nói rằng đặng nghe, có sao trong kinh A Hàm đức Như-Lai lại nói là không có thầy, nếu chẳng nghe thời là chẳng nghe mà đức Như-Lai đặng thành Vô thượng Chánh giác, thời tất cả chúng sanh chẳng nghe lẽ ra cũng đặng thành Vô thượng Chánh giác. Nếu đức Như-Lai chẳng nghe kinh Đại Niết Bàn mà thấy Phật tánh, thời tất cả chúng sanh chẳng nghe kinh này lẽ ra cũng được thấy Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Phạm là sắc thời hoặc có thể thấy,

hoặc chẳng thấy được, tiếng cũng như vậy, hoặc là có thể nghe, hoặc chẳng nghe được. Đại Niết Bàn này chẳng phải sắc chẳng phải tiếng, sao lại nói rằng có thể thấy nghe được.

Bạch Thế Tôn ! Quá khứ đã diệt thời chẳng thể nghe, vị lai chưa đến cũng chẳng thể nghe, lúc hiện tại lóng nghe thời chẳng gọi là nghe, nghe rồi khiến dứt lại chẳng thể nghe. Kinh Đại Niết Bàn này cũng chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, nếu chẳng phải thời gian thời chẳng thể nói, nếu chẳng thể nói thời chẳng thể nghe, sao lại nói rằng Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn này được nghe chỗ chẳng nghe.

Phật nói: “ Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay ông khéo biết tất cả pháp như huyễn, như dương diệm, như thành Càn Thát Bà, như dầu vẽ trong nước, cũng như bóng nước, bọt nước, cây chuối rỗng không chẳng chắc thật, chẳng phải mạng, chẳng phải ngã, không có khổ vui, như chỗ thấy biết của Thập Trụ Bồ Tát”.

Lúc đó trong đại chúng thoát có ánh sáng lớn chiếu đến, ánh sáng này chẳng phải xanh vàng đỏ trắng, mà thấy là xanh vàng đỏ trắng, chẳng phải sắc, chẳng phải

sáng, mà thấy là sắc là sáng, chẳng phải thấy mà thấy.

Đại chúng gặp ánh sáng này thân tâm vui thích như Tỳ Kheo nhập Sư tử Vương Định.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát bạch Phật:

“ Thế Tôn: Ai phóng ánh sáng này ?”

Đức Như-Lai yên lặng chẳng đáp.

Ca Diếp Bồ Tát lại hỏi Văn Thù Sư Lợi:

Nhân duyên gì mà có ánh sáng này chiếu đến đại chúng ?

Văn Thù Sư Lợi yên lặng chẳng đáp.

Vô Biên Thân Bồ Tát lại hỏi Ca Diếp Bồ Tát:

“ Ai phóng ánh sáng này ?”

Ca Diếp Bồ Tát yên lặng chẳng đáp.

Tịnh Trụ Vương Tử Bồ Tát lại hỏi Vô Biên Thân Bồ Tát:

“ Duyên có gì trong đại chúng đây có ánh sáng này ?”

Vô Biên Thân Bồ Tát yên lặng không đáp.

Lần lượt đến năm trăm vị Bồ Tát xoay vần hỏi nhau, nhưng không ai giải đáp.

Đức Thế Tôn hỏi Văn Thù Sư Lợi:

“Duyên Cớ gì trong đại chúng đây có ánh sáng này ?”

Văn Thù Sư Lợi đáp:

“Bạch Thế Tôn ! Ánh sáng này gọi là trí huệ. Trí huệ chính là thường trụ. Pháp thường trụ không có nhân duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ gì có ánh sáng này.

Ánh sáng này gọi là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn thời gọi là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ gì có ánh sáng này.

Ánh sáng này chính là Như-Lai, Như-Lai chính là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Ánh sáng này gọi là Đại Từ Đại Bi, đại từ bi gọi là thường trụ, pháp thường trụ chẳng phải từ nhân duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Ánh sáng này chính là niệm Phật, niệm Phật là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ.

Áng sáng này là đạo bất cộng với tất cả Thanh Văn, Duyên Giác, đạo bất cộng là thường trụ, pháp thường trụ chẳng từ nhân duyên, sao đức Phật lại hỏi duyên cớ, Đức

Thế Tôn cũng có nhân duyên: Nhân dứt vô minh chứng đặng Vô Thượng chánh đẳng chánh giác”.

Phật nói:

“ Này Văn Thù Sư Lợi ! Nay ông chớ nhập đệ nhất nghĩa đế, nên dùng thế đế để giải đáp”.

Văn Thù Sư Lợi nói:

“ Bạch Thế Tôn ! Từ đây qua phương đông cách hai mươi hằng hà sa thế giới, có cõi bất động, chỗ Phật ngự rộng một muôn hai ngàn do diên. Cõi đó toàn thất bảo không có đất đá, bằng phẳng êm dịu không có hầm hố. Cây cối toàn bằng bốn chất vàng, bạc, lưu ly và pha lê, trên cây thường có hoa trái. Nếu có chúng sanh nào được ngửi mùi thơm của hoa này thời thân tâm an vui như nhập đệ Tam thiên. Khắp nơi có hai ngàn sông lớn nước sông đủ tám vị công đức, nếu có chúng sanh nào tắm trong nước đó thời thân tâm vui vẻ như nhập đệ Nhị thiên. Trong sông có nhiều thứ hoa đẹp: Những hoa sen xanh, vàng, đỏ, trắng. Hai bờ sông cũng có các thứ hoa thơm đẹp. Đáy sông toàn trái cát vàng. Có những thềm bạc bằng vàng, bạc, lưu ly cùng pha lê nhiều màu, nhiều giống chim đẹp bay đậu trên đó. Lại có vô lượng cọp, sói, sư tử v.v... Các cầm thú ấy xem nhau như con đẻ. Trong

cõi đó không có những tội ác cùng hạng nhất xiển đề. Khí hậu điều hòa không có lạnh nóng đói khát khổ sở, không có tham dục, sân hận phóng dật tật đố. Không mặt trời mặt trăng thời tiết như cõi trời Đao Lợi. Nhân dân cõi đó đồng có ánh sáng, không có tâm kiêu mạn. Tất cả đều là Bồ Tát Đại Sĩ đầy đủ thần thông, có công đức lớn, tôn trọng chánh pháp, mến tu Đại Thừa, có đại từ bi thương xót tất cả chúng sanh.

Đức Phật ở cõi đó hiệu là Mãn Nguyệt Quang Minh Như-Lai, đầy đủ mười hiệu. Lúc đức Phật đó thuyết pháp, toàn thể chúng sanh trong cõi Bất Động đều được nghe. Đức Phật đó vì Lưu Ly Quang Bồ Tát mà giảng thuyết kinh Đại Niết Bàn đến đoạn Bồ Tát tu hành kinh này thời đều đặng nghe chỗ chẳng đặng nghe. Lưu Ly Quang Bồ Tát gạn hỏi đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh, như tại đây Cao Quý Đức Vương Bồ Tát vừa hỏi đức Như-Lai giống nhau không khác. Đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh bảo Lưu Ly Quang Bồ Tát rằng:

Phương Tây của cõi Bất Động này cách hai mươi hằng hà sa Phật độ có cõi Ta Bà, cõi ấy đầy những đất đá gai chông hàm hố, gò nổng, thường có những khổ về đói khát lạnh nóng. Nhân dân cõi Ta Bà chẳng biết cung kính

Sa Môn, Bà La Môn, cha mẹ Sư Trưởng, phần nhiều tham đắm phi pháp, tà pháp, chẳng tin chánh pháp, thọ mạng của họ ngắn ngủi. Nhiều kẻ gian trá bị chánh quyền trừng phạt. Dầu đã có nước để cai trị, nhưng vua quan chẳng biết vừa đủ sanh lòng tham kéo binh đánh chiếm nước khác, làm cho những người vô tội lại chết oan. Các nhà lãnh đạo thật hành những điều phi pháp như vậy, nên Tứ Thiên Vương các Thiên thần không hoan hỷ, thường giáng tai họa : hạn hán, bão lụt, mất mùa, đói khát, nhân dân nhiều bệnh, vô lượng sự khổ não. Cõi Ta Bà đó có Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni Như-Lai mười hiệu đầy đủ, hiện ở thành Câu Thi Na trong rừng Ta La Song Thọ, vì đại chúng diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, hiện có Bồ Tát tên Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương đã đem việc này hỏi đức Thích Ca Mâu Ni, nay đức Phật đó đang giải đáp, ông nên mau qua cõi đó sẽ được nghe.

Bạch Thế Tôn ! Lưu Ly Quang Bồ Tát vâng lời đức Phật Mãn Nguyệt Quang Minh cùng tám muôn bốn ngàn vị Đại Bồ Tát sắp đến đây. Do nhân duyên này nên hiện diễm phóng ánh sáng. Đây là có duyên có mà có ánh sáng này.

Lúc đó Lưu Ly Quang Bồ Tát cùng tám muôn bốn

ngàn Đại Bồ Tát mang theo các thứ phan lọng, hương hoa, chuỗi ngọc nhiều thứ kỹ nhạc, đồng đến rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, đầu mặt lễ chân Phật, đem đồ cúng dường dâng lên, cung kính đi nhiều bên hữu ba vòng rồi ngồi qua một phía.

Đức Phật hỏi Lưu Ly Quang Bồ Tát:

Ông vì đến mà lại, hay vì chẳng đến mà lại ?

- Bạch Thế Tôn ! Đến cũng chẳng lại, chẳng đến cũng chẳng lại. Tôi quán sát nghĩa này đều không có lại. Các hành pháp nếu là thường cũng chẳng lại, nếu là vô thường cũng không có lại. Nếu người thấy có chúng sanh tánh thời có lại, chẳng lại. Nay tôi chẳng thấy chúng sanh có định tánh, thời đâu có lại cùng chẳng lại. Người có kiêu mạn thời thấy có đi, có lại. Người không kiêu mạn thời không thấy có đi, có lại. Người có chấp lấy tạo tác thời thấy có đi có lại. Người không chấp lấy tạo tác thời không thấy có đi, có lại.

Nếu thấy Như-Lai rốt ráo nhập Niết Bàn thời có đi, có lại. Người chẳng thấy Như-Lai nhập Niết Bàn thời không đi, không lại.

Người chẳng nghe Phật tánh thời có đi, có lại. Người

nghe Phật tánh thời không đi không lại.

Nếu thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có Niết Bàn thời thấy có đi có lại. Người chẳng thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật có Niết Bàn thời không đi, không lại.

Nếu người thấy hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, thời có đi, có đến. Nếu người không thấy thời không đi, không đến.

Nếu thấy Như-Lai không có thường, lạc, ngã, tịnh thời có đi có đến. Nếu thấy Như-Lai là thường lạc, ngã, tịnh thời không đi không đến.

Bạch Thế Tôn ! Xin để việc đó lại. Nay tôi có chỗ muốn hỏi mong đức Phật thương xót cho phép.

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Giờ đây phải lúc tùy ý ông hỏi ta sẽ giải đáp cho ông. Vì chư Phật khó gặp như hoa Ưu Đàm, pháp cũng khó được nghe, trong mười hai bộ kinh, bộ Phương Đẳng Đại thừa lại khó hơn. Vì thế nên phải chuyên tâm lắng nghe và lãnh thọ.

Lưu Ly Quang Bồ Tát bạch Phật:

Thế Tôn ! Thế nào là Đại Bồ Tát có thể tu hành kinh Đại Niết Bàn được nghe chỗ chẳng nghe.

Phật khen rằng:

“ Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Nay ông muốn cùng tận biển Đại Thừa Đại Niết Bàn, lại gặp Phật có thể khéo giải thuyết. Phật là lương y có thể khéo nhổ mũi tên độc nghi ngờ của ông. Phật có đuốc huệ soi sáng Phật tánh cho ông. Ông muốn qua khỏi sông lớn sanh tử Phật có thể làm thuyền sư cho ông, ông ở nơi Phật tưởng là cha mẹ, Phật cũng ở nơi ông tưởng là con một. Lòng ông tham của báu chánh pháp, gặp Phật có nhiều pháp lại hay bố thí. Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ đó.

Này Thiện nam tử ! Khi nghe pháp rồi phải sanh lòng kính tin tôn trọng. Đối với chánh pháp chớ tìm cầu chỗ lỗi, chớ nghĩ tham sân si. Chớ nhìn xem dòng họ tốt xấu của pháp sư. Sau khi nghe pháp chớ sanh lòng kiêu mạn, chớ vì cung kính, danh dự, lợi dưỡng, phải vì được lợi ích pháp vị cam lộ độ thế gian. Cũng chớ nghĩ rằng, tôi nghe pháp rồi trước tự độ mình sau sẽ độ người, trước sẽ tự giải thoát sau sẽ giải thoát cho người, trước tự an thân sau sẽ làm cho người được an, trước tự được Niết Bàn sau sẽ làm cho người được Niết Bàn. Nên có quan niệm bình đẳng đối với Phật, Pháp, Tăng. Trong sanh tử phải

có quan niệm là khổ oan lớn. Đối với Đại Niết Bàn phải quan niệm là thường, lạc, ngã, tịnh. Trước vì người sau sẽ vì mình. Nên vì Đại Thừa chớ vì Nhị Thừa. Nên không trụ trước đối với tất cả pháp, cũng chớ chuyên chấp tất cả pháp tướng. Đối với các pháp chớ có lòng tham, thường có quan niệm biết pháp, thấy pháp.

Này Thiện nam tử ! Ông có thể hết lòng nghe pháp như vậy, đây thời gọi là được nghe chỗ chẳng nghe.

Này Thiện nam tử ! Có chẳng nghe mà nghe, có chẳng nghe mà chẳng nghe, có nghe mà chẳng nghe, có nghe mà nghe.

Này Thiện nam tử ! Như chẳng sanh mà sanh, chẳng sanh mà chẳng sanh, sanh mà chẳng sanh, sanh mà sanh.

Như chẳng đến mà đến, chẳng đến mà chẳng đến, đến mà chẳng đến, đến mà đến.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là chẳng sanh mà sanh ?

- Này Thiện nam tử ! An trụ nơi thế đế, lúc mới xuất thai đây gọi là chẳng sanh mà sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là chẳng sanh mà chẳng sanh ?

Này Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn đây không có tướng

sanh, đây gọi là chẳng sanh mà chẳng sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là sanh mà chẳng sanh ?

Này Thiện nam tử ! Cứ theo thế đế, lúc chết thời gọi là sanh mà chẳng sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào là sanh mà sanh ?

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu thời gọi là sanh mà sanh. Vì phàm phu sanh, sanh chẳng dứt, vì tất cả hữu lậu niệm niệm sanh luôn, đây gọi là sanh mà sanh. Bậc tứ trụ Bồ Tát thời gọi là sanh mà chẳng sanh, vì sanh mà tự tại.

Này Thiện nam tử ! Trên đó là nói về nội pháp. Còn về ngoại pháp cũng có chưa sanh mà sanh, chưa sanh mà chưa sanh, sanh mà chưa sanh, sanh mà sanh. Như hột giống lúc chưa mọc mầm, được tứ đại hòa hiệp, công người săn sóc, rồi sau mới mọc lên đây gọi là chưa sanh mà sanh. Như hột giống hư và hột giống chưa gặp đủ duyên, thời gọi là chưa sanh, sanh mà chưa sanh. Như mầm đã mọc mà chẳng lớn thêm, thời gọi là sanh mà chưa sanh. Như mầm lớn thêm thời gọi là sanh mà sanh. Tất cả ngoại pháp hữu lậu sanh mà sanh như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp hữu lậu nếu có sanh, thời là

thường hay vô thường ?

Sanh nếu là thường, thời pháp hữu lậu không có sanh, sanh nếu là vô thường thời hữu lậu là thường.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu sanh có thể tự sanh, thời sanh không tự tánh. Nếu có thể sanh cái khác duyên có gì chẳng sanh vô lậu.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu lúc chưa sanh mà có sanh, sao lại đến nay mới gọi là sanh. Nếu lúc chưa sanh là không sanh, có sao chẳng nói hư không là sanh ?

Phật nói:

“ Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Chẳng sanh mà sanh, không thể nói được, cho đến sanh mà sanh cũng không thể nói được, sanh cùng bất sanh đều không thể nói được. Vì có nhân duyên nên cũng có thể nói được.

Thế nào là chẳng sanh mà sanh chẳng thể nói được ? Chẳng sanh lại gọi là sanh, làm sao có thể nói được, vì nó sanh.

Thế nào là sanh mà sanh, chẳng thể nói được ? Vì sanh mà sanh nên là sanh, vì sanh mà sanh nên là chẳng sanh, cũng chẳng nói được.

Thế nào là sanh mà chẳng sanh, chẳng thể nói được ?

Sanh thời gọi là sanh, sanh chẳng tự sanh, nên chẳng thể nói được.

Thế nào là chẳng sanh mà chẳng sanh, chẳng thể nói được ? Chẳng sanh gọi là Niết Bàn, vì Niết Bàn chẳng sanh nên chẳng thể nói được, vì Niết Bàn do tu mà chứng đặng.

Thế nào là sanh cũng chẳng thể nói được ? Vì sanh vốn là không.

Thế nào là chẳng sanh không thể nói được ? Vì có chứng đặng.

Thế nào là vì có nhân duyên cũng có thể nói được ? Mười pháp nhân duyên làm sanh tác nhân do đây nên cũng có thể nói được.

Này Thiện nam tử ! Nay ông chớ nhập thậm thâm không định, vì đại chúng căn trí chậm lụt.

Này Thiện nam tử ! Pháp hữu vi sanh cũng là thường, do trụ vô thường, nên sanh cũng vô thường. Trụ cũng là thường do sanh mà sanh nên trụ cũng vô thường. Dị cũng là thường, do pháp vô thường nên dị cũng vô thường. Hoại cũng là thường, do trước không nay có nên hoại cũng vô thường.

Này Thiện nam tử ! Vì cứ nơi tánh, nên sanh, trụ, dị, hoại đều là thường, vì niệm niệm diệt nên không thể nói là thường, vì Đại Niết Bàn này có thể dứt diệt được, nên lại gọi là vô thường.

Này Thiện nam tử ! Pháp hữu lậu lúc chưa sanh, đã có tánh sanh, vì thế nên sanh có thể sanh được. Pháp vô lậu vốn không tánh sanh, vì thế nên sanh không thể sanh được. Như lửa có tánh sẵn gặp duyên thời phát. Mắt có tánh thấy đủ duyên thời thấy. Sanh pháp của chúng sanh cũng như vậy, do tánh sẵn có, gặp nhân duyên của nghiệp, cha mẹ hòa hiệp thời bèn có sanh. Lưu Ly Quang Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn Đại Bồ Tát nghe pháp này rồi, vọt thân lên hư không cao bảy cây Đa La, chấp tay cung kính bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Tôi nhờ đức Như-Lai ân cần dạy bảo, do Đại Niết Bàn mới đặng tỏ ngộ ý nghĩa nghe chỗ chẳng nghe, cũng làm cho tám muôn bốn ngàn Bồ Tát này hiểu rõ những nghĩa chẳng sanh mà sanh v.v... của các pháp.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã tỏ ngộ dứt hết nghi ngờ, nhưng trong hội này có một Bồ Tát hiệu là Vô Úy lại muốn thưa hỏi mong đức Phật cho phép.

Phật bảo Vô Úy Bồ Tát:

“ Này Thiện nam tử ! Tùy ý ông hỏi, ta sẽ vì ông giải nói”.

Vô Úy Bồ Tát cùng tám muôn bốn ngàn Bồ Tát đồng đứng dậy nghiêm chỉnh y phục, quỳ chấp tay bạch Phật: “ Thế Tôn ! Chúng sanh cõi Ta Bà này phải thật hành hạnh nghiệp gì để được sanh về cõi Bất Động ? Bồ Tát cõi đó thế nào mà đặng đầy đủ trí huệ, đầy đủ các công hạnh, có oai đức lớn, trí huệ lanh lẹ, nghe liền hiểu rõ ?”

Đức Phật liền nói kệ rằng:

Chẳng hại mạng chúng sanh.

Giữ gìn các cấm giới.

Bẩm thọ pháp của Phật.

Thời sanh cõi Bất Động.

Chẳng đoạt của người khác.

Thường ban cho tất cả.

Tạo chiêu đề Tăng phùng.

Thời sanh cõi Bất Động.

Chẳng phạm vợ con người,

Vợ nhà chẳng phi thời.

Thí trì giới ngọa cụ,
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng vì mình hoặc người,
Cầu lợi và khủng bố.
Giữ lời chẳng vọng ngữ.
Thời sanh cõi Bất Động.
Chớ phá Thiện tri thức,
Xa lìa quyến thuộc ác.
Thường nói lời hòa hiệp,
Thời sanh cõi Bất Động.
Như các bậc Bồ Tát,
Thường lìa lời ác khẩu.
Nói ra người thích nghe,
Thời sanh cõi Bất Động.
Nhẫn đến lúc giỡn cười,
Chẳng nói lời phi thời.
Gìn giữ lời chánh pháp,
Thời sanh cõi Bất Động.

Thấy người đặng lợi dưỡng,
Thường sanh lòng vui mừng.
Chẳng sanh lòng tạt đổ,
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng nã hại chúng sanh,
Thường sanh lòng từ bi.
Chẳng làm phương tiện ác,
Thời sanh cõi Bất Động.
Tà kiến bác bỏ thí.
Không cha mẹ, khứ lai.
Chẳng có tà kiến ấy.
Thời sanh cõi Bất Động.
Đường xa làm giếng tốt.
Trồng rừng rậm cây trái.
Thường thí người khát thực.
Thời sanh cõi Bất Động.
Đôi với Phật, Pháp, Tăng.
Cúng một đèn một hương.

Nhấn đến dăng một hoa,
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì có sợ sệt.
Lợi dưỡng cùng phước đức.
Chép một kệ kinh này.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì cầu phước lợi.
Được ở trong một ngày.
Đọc tụng kinh điển này.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì đạo Vô Thượng,
Trong một ngày một đêm.
Thọ trì Bát quan trai.
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng cùng người phạm tội.
Người hủy báng Đại Thừa.
Đồng ở chung một chỗ.
Thời sanh cõi Bất Động.

Nếu thí cho người bệnh.
Nhẫn đến một trái cây.
Vui mừng mà sẵn sóc.
Thời sanh cõi Bất Động.
Chẳng lạm dùng của Tăng.
Khéo giữ vật của Phật.
Tô quét chỗ Phật Tăng.
Thời sanh cõi Bất Động.
Tạo tượng và tháp Phật.
Chừng bằng ngón tay cái.
Thường sanh lòng vui mừng.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu vì kinh điển này.
Đem thân cùng của cải.
Cúng dường người thuyết pháp.
Thời sanh cõi Bất Động.
Nếu nghe và biên chép.
Thọ trì cùng đọc tụng.

Tặng bí mật của Phật.

Thời sanh cõi Bất Động.

Vô Úy Bồ Tát Bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Nay tôi đã biết những công hạnh đặng sanh về cõi nước Bất Động.

Thế Tôn ! Cao Quý Đức Vương Bồ Tát này vì khắp xót thương tất cả chúng sanh nên trước kia có chỗ thưa hỏi, nếu đức Như-Lai giải thuyết thời có thể lợi ích an vui cho hàng trời, người, bát bộ.

Đức Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát:

“ Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Ông nên hết lòng lắng nghe, tôi sẽ vì ông phân biệt giải thuyết.

Vì có nhân duyên nên chưa đến chẳng đến. Vì có nhân duyên nên chẳng đến mà đến, vì có nhân duyên nên đến mà chẳng đến. Vì có nhân duyên nên đến mà đến.

Nay Thiện nam tử ! Xét về chẳng đến gọi là Đại Niết Bàn. Hàng phàm phu chưa đến bởi có tham dục sân khúê và ngu si. Vì hai nghiệp thân và khẩu chẳng thanh tịnh, cùng lãnh thọ tất cả vật bất tịnh, phạm bốn trọng tội, hủy báng Phương Đẳng Đại thừa là hạng nhất xiển đề tạo tội ngũ nghịch, do nghĩa này nên chưa đến chẳng đến.

Chẳng đến gọi là chẳng đến Đại Niết Bàn. Do nghĩa gì mà được đến ? Vì dứt hẳn tham dục sân khuê ngu si và tội ác của thân khẩu, chẳng thọ tất cả vật bất tịnh, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng hủy báng Phương Đăng Đại Thừa, chẳng làm hạng nhất xiển đề, chẳng tạo tội ngũ nghịch. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến.

Bậc Tu Đà Hoàn tám muôn kiếp thì đến, bậc Tư Đà Hàm sáu muôn kiếp thì đến, bậc A Na Hàm bốn muôn kiếp thì đến, bậc A La Hán hai muôn kiếp thì đến, Bích Chi Phật mười ngàn kiếp thì đến. Do nghĩa này nên gọi là chẳng đến mà đến.

Đến gọi là hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sanh đều bị vô lượng phiền não che đậy, qua lại chẳng ngừng dường như bánh xe lăn, đây gọi là đến. Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát vì đã đặng lìa hẳn nên gọi là chẳng đến, lại ba bậc này vì muốn hóa độ chúng sanh nên thị hiện ở trong đó, nên cũng gọi là đến.

Đến chính là hai mươi lăm cõi. Tất cả phàm phu, Tu Đà Hoàn hẳn đến A Na Hàm, vì phiền não nên gọi là đến mà đến.

Này Thiện nam tử ! Nghe chỗ chẳng nghe cũng như vậy. Có chẳng nghe mà nghe, chẳng nghe mà chẳng nghe,

nghe mà chẳng nghe, nghe mà nghe.

Chẳng nghe là Đại Niết Bàn vì chẳng phải hữu vi, vì chẳng phải âm thanh, vì chẳng thể nói. Thế nào là cũng nghe ?

Vì đặng nghe danh từ: Thường, lạc, ngã và tịnh. Do nghĩa này nên gọi là chẳng nghe mà nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Như Phật nói Đại Niết Bàn là chẳng thể nghe được, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh mà có thể nghe được. Vì người đoạn phiền não gọi là đặng Niết Bàn, nếu chưa đoạn gọi là chẳng được. Do nghĩa này tánh Niết Bàn trước không mà nay có. Nếu pháp thế gian trước không mà nay có thì gọi là vô thường. Ví như bình bòn v.v...Trước không mà nay có, đã có hoàn không, nên gọi là vô thường. Niết Bàn nếu như vậy, sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh.

Bạch Thế Tôn ! Phàm do trang nghiêm mà được thành đều gọi là vô thường. Niết Bàn nếu như vậy lẽ ra là vô thường. Những gì trang nghiêm Niết Bàn ? Chính là ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba La Mật, bốn tâm vô lượng, quán tướng xương trắng, a na ba na, lục

niệm xứ, phá tích sáu đại, do những pháp đó mà thành tựu Niết Bàn nên là vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Phàm là có, thời gọi là vô thường. Nếu Niết Bàn là có thời lẽ ra là vô thường. Như ngày trước trong kinh A Hàm Phật nói: Thanh Văn, Duyên Giác, chư Phật đều có Niết Bàn, do nghĩa này nên gọi là vô thường.

Bạch Thế Tôn ! Pháp có thể thấy thời gọi là vô thường. Như ngày trước Đức Phật nói: Người thấy Niết Bàn thời dứt trừ được tất cả phiền não. Ví như hư không chẳng có chướng ngại nên gọi là thường. Giả sử Niết Bàn là thường v.v... có sao chúng sanh lại có người được, người chẳng được. Như vậy Niết Bàn đối với chúng sanh chẳng bình đẳng lẽ ra chẳng gọi là thường.

Ví như trăm người chung có một kẻ oán thù, nếu hại được kẻ này thời nhiều người được an lạc. Giả sử Niết Bàn là pháp bình đẳng, lúc một người được, lẽ ra nhiều người cũng được, một người dứt kiết sử lẽ ra nhiều người cũng dứt, nếu chẳng như vậy sao lại gọi là thường.

Như có người cung kính cúng dường tôn trọng tán thán quốc vương, vương tử, phụ mẫu, sư trưởng thời được lợi dưỡng, đây chẳng gọi là thường. Niết Bàn cũng

vậy, như ngày trước trong kinh A Hàm đức Phật nói với A Nan: Nếu có người cung kính Niết Bàn thời dứt được kiết sử hưởng thọ vô lượng an lạc do đây nên chẳng gọi là thường.

Bạch Thế Tôn ! Nếu trong Niết Bàn có danh từ thường, lạc, ngã, tịnh thời chẳng gọi là thường, như không có, sao lại có thể nói ?

Đức Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát:

“ Thế Niết Bàn chẳng phải trước không nay có. Nếu thế Niết Bàn trước không nay có thời chẳng phải vô lậu. Pháp thường trụ, nay có Phật hay không Phật, tánh tướng vẫn thường trụ. Bởi chúng sanh bị phiền não che đậy nên chẳng thấy Niết Bàn, bèn gọi là không. Đại Bồ Tát dùng giới định huệ siêng tu tâm mình, dứt xong phiền não bèn đặng thấy Niết Bàn. Phải biết Niết Bàn là pháp thường trụ chẳng phải trước không nay có nên gọi là thường.

Như dưới giếng trong nhà tôi có các thứ châu báu, người cũng biết là có nhưng vì tôi nên không thấy. Người có trí thấp đèn sáng lớn cầm soi đó thời thấy châu báu rõ ràng. Người trí này trọn chẳng nghĩ rằng: Nước giếng cùng châu báu, trước không mà nay có.

Cũng vậy, Niết Bàn trước vốn tự có, chẳng phải nay mới có, vì phiền não tối tăm nên chúng sanh chẳng thấy. Đức Như-Lai đại trí thấp đèn trí huệ, làm cho Bồ Tát đặng thấy Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh. Do đây nên người trí chẳng nên nói rằng Niết Bàn trước không mà nay có.

Này Thiện nam tử ! Như ông nói do trang nghiêm nên đặng thành Niết Bàn lẽ ra là vô thường, nghĩa này cũng không phải. Vì thể của Niết Bàn chẳng phải sanh, chẳng phải xuất, chẳng phải thật, chẳng phải hư, chẳng phải tạo tác mà có, chẳng phải là pháp hữu lậu hữu vi, chẳng phải nghe, chẳng phải thấy, chẳng phải đọa, chẳng phải chết, chẳng phải tướng biệt dị, cũng chẳng phải tướng đồng, chẳng phải qua, chẳng phải lại, chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại, chẳng phải một và nhiều, chẳng phải dài và vắn, chẳng phải tròn và vuông, chẳng phải nhọn và méo, chẳng phải có tướng và không tướng, chẳng phải danh và sắc, chẳng phải nhân và quả, chẳng phải ngã và ngã sở. Do những nghĩa này nên Niết Bàn là thường không biến đổi. Phải tu tập pháp lành trong vô lượng kiếp để tự trang nghiêm rồi mới được thấy.

Ví như dưới đất có mạch nước trong mát chúng sanh

chẳng thấy được, người trí ra công đào đất, thời đặng nước. Niết Bàn cũng như vậy.

Ví như người mù chẳng thấy mặt trời mặt trăng lương y điều trị thời đặng thấy. Mặt trời mặt trăng chẳng phải là trước không mà nay có. Niết Bàn cũng như vậy từ trước đã tự có, chẳng phải mới có ngày nay.

Như người có tội bị trói nhốt trong khám, lâu ngày mãn tù mới được thả ra, trở về nhà đặng thấy cha mẹ anh em vợ con quyến thuộc. Niết Bàn cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Ông nói vì nhân duyên nên pháp Niết Bàn lẽ ra vô thường, nghĩa này chẳng đúng.

Này Thiện nam tử ! Xét về nhân có năm thứ: Một là sanh nhân, hai là hòa hiệp nhân, ba là trụ nhân, bốn là tăng trưởng nhân, năm là viễn nhân. Sanh nhân chính là nghiệp phiền não, cũng như hạt giống của cây cỏ.

Hòa hiệp nhân, như pháp lành hòa hiệp với tâm lành, pháp chẳng lành hòa hiệp với tâm chẳng lành, pháp vô ký hòa hiệp cùng tâm vô ký.

Trụ nhân, như dưới có cột thời nóc nhà chẳng sập, núi, sông, cây cối, nhân mặt đất mà đặng đứng vững, cũng vậy, nhờ có tứ đại cùng vô lượng phiền não mà

chúng sanh đặng an trụ. Tăng trưởng nhân, do uống ăn y phục v.v... làm cho chúng sanh tăng trưởng. Ví như lửa chẳng đót, chim chẳng ăn thời hột giống của cây cỏ được tăng trưởng. Như hàng Sa Môn, Bà La Môn nhờ thầy lành bạn tốt mà được tăng trưởng. Như nhờ cha mẹ mà con được tăng trưởng.

Viễn nhân, như nhân thần chú mà quỷ chẳng hại được, độc chẳng trúng được, như nhờ quốc vương không có trộm cướp, như nương đất nước mà mầm mọc lên, như nước khuấy, công người là Viễn nhân của chất tô. Như ánh sáng màu sắc v.v... là Viễn nhân của nhãn thức, tinh huyết của cha mẹ là Viễn nhân của chúng sanh. Như thời tiết v.v... đều gọi là Viễn nhân.

- Nay Thiện nam tử ! Thê Niết Bàn chẳng phải do nhân như vậy làm thành, sao ông lại nói là vô thường ?

- Lại có hai thứ nhân: Một là tác nhân, hai là liễu nhân. Như khí cụ của thợ gốm thời gọi là tác nhân, như đèn đuốc v.v... soi vật trong tối thời gọi là liễu nhân.

- Nay Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn chẳng do tác nhân mà có, chỉ do liễu nhân. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo, sáu pháp Ba La Mật gọi là liễu nhân. Bồ thí là nhân của Niết Bàn, chẳng phải là nhân của Đại Niết Bàn. Đàn Ba La

Mật mới được gọi là nhân của Đại Niết Bàn. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo là nhân của Niết Bàn, chẳng phải nhân của Đại Niết Bàn. Vô lượng vô số pháp trợ Bồ Đề mới được gọi là nhân của Đại Niết Bàn.

Quang Minh Biến Chiếu Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Tại sao bồ thí chẳng được gọi là Đàn Ba La Mật ? Bồ thí thế nào mới được gọi là Đàn Ba La Mật, nhân đến Bát Nhã Ba La Mật ? Thế nào gọi là Niết Bàn và Đại Niết Bàn ?

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành Đại Thừa Phương Đẳng Đại Niết Bàn, chẳng nghe bồ thí cũng chẳng thấy bồ thí. Chẳng nghe Đàn Ba La Mật cũng như chẳng thấy nhân đến chẳng nghe Bát Nhã, chẳng thấy Bát Nhã, cũng chẳng nghe chẳng thấy Bát Nhã Ba La Mật. Chẳng nghe chẳng thấy Niết Bàn và Đại Niết Bàn.

Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn, biết và thấy pháp giới, hiểu rõ thật tướng không có tất cả tướng: Không có tướng hòa hiệp giác tri. Đẳng tướng vô lậu, tướng vô tác, tướng như huyễn hóa, tướng ánh nắng, tướng thành Càn Thát

Bà, tướng trông không. Bồ Tát thấy được những tướng như vậy thời không tham, sân, si, chẳng nghe, chẳng thấy. Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ thật tướng.

Đại Bồ Tát tự biết đây là bố thí, đây là Đàn Ba La Mật nhân đến đây là Bát Nhã Ba La Mật, đây là Niết Bàn, đây là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là bố thí mà chẳng phải Ba La mật ? Thấy có người xin rồi sau mới cho, đây là bố thí chẳng phải Ba La Mật. Nếu không người xin tâm tự thí xả, thời gọi là Đàn Ba La Mật. Nếu bố thí có thời gian thời gọi là bố thí chẳng phải Ba La Mật. Nếu thường thật hành bố thí thời gọi là Đàn Ba La Mật, nếu bố thí rồi trở lại sanh lòng hối hận đây gọi là bố thí chẳng phải Ba La Mật. Thí rồi chẳng ăn năn thời gọi là Đàn Ba La Mật.

Đại Bồ Tát đối với của cải có bốn quan niệm lo sợ: Một là vua quan tịch thân, hai là trộm cướp, ba là nước lụt, bốn là lửa cháy, do đó nên vui vẻ đem bố thí, đây gọi là Đàn Ba La Mật, nếu mong được báo đền mà bố thí thời chẳng phải Ba La Mật. Bố thí chẳng mong báo đền thời gọi là Đàn Ba La Mật.

Nếu vì kính sợ, vì tiếng tăm lợi lộc, vì gia pháp tương truyền, vì cầu vui cõi trời, vì kiêu mạn, vì hơn người, vì

quen thân, vì cầu báo đền, thời như là buôn bán đổi chác. Như người trồng cây để được bóng mát, được bông trái, hoặc để được cây gỗ. Nếu người tu hành mà bố thí như vậy thời gọi là bố thí chẳng phải Ba La Mật.

Đại Bồ Tát tu hành Phương Đẳng Đại Niết Bàn, chẳng thấy người bố thí cũng như chẳng thấy kẻ lãnh thọ và của cải, chẳng thấy thời tiết, chẳng thấy phước điền hay chẳng phải phước điền, chẳng thấy nhân duyên, quả báo, chẳng thấy người làm kẻ thọ, chẳng thấy nhiều hay ít, tịnh hay bất tịnh, chẳng khinh người lãnh thọ cũng như chẳng khinh thân mình hay của cải, chẳng để ý người ngó thấy hay không ngó thấy, chẳng chấp mình cùng người chỉ vì pháp thường trụ Phương Đẳng Đại Niết Bàn mà thật hành bố thí chỉ vì lợi ích tất cả chúng sanh mà thật hành bố thí, vì dứt tất cả phiền não cho chúng sanh mà thật hành bố thí, chỉ vì chúng sanh nên chẳng thấy người thí kẻ thọ cùng của cải, mà thật hành bố thí.

Ví như có người té xuống biển lớn, ôm lấy tử thi mà được thoát nạn, Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn lúc thật hành bố thí cũng như ôm lấy tử thi để được vào bờ.

Ví như có người bị nhốt trong ngục kín, cửa nẻo đều đóng chặt, chỉ có lỗ cầu xí, bèn do nơi đó chui ra mà được

thong thả, Đại Bồ Tát tu hành Đại Niết Bàn lúc thật hành bồ thí cũng như vậy.

Ví như người sang quý phải nạn gấp kinh sợ không có chỗ dựa nương, bèn nương nhờ chiên đà la. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bồ thí cũng như vậy.

Ví như người bệnh nặng, vì muốn được lành mạnh nên uống chất thuốc dơ. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bồ thí cũng như vậy.

Như Bà La Môn gặp lúc mất mùa đói khát vì mạng sống nên ăn thịt chó, Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thật hành bồ thí cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Trong Đại Niết Bàn những việc như vậy, từ vô lượng kiếp đến nay chẳng nghe mà được nghe giới luật cùng Thi La Ba La Mật nhẫn đến Bát Nhã cùng Bát Nhã Ba La Mật, như trong kinh Tạp Hoa đức Phật đã giảng rộng.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn chẳng nghe mà được nghe ? Mười hai bộ kinh nghĩa lý thâm thúy từ trước chẳng nghe, nay nhân kinh này mà được nghe đầy đủ. Trước dầu được nghe nhưng chỉ nghe danh tự, nay ở kinh này mới đặng nghe nghĩa lý. Thanh

Văn, Duyên Giác chỉ nghe danh tự của mười hai bộ kinh mà chẳng nghe nghĩa lý, nay ở kinh này được nghe đầy đủ. Đây gọi là chẳng nghe mà được nghe.

Trong tất cả kinh của Thanh Văn, Duyên Giác chẳng nghe đức Phật có thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng rốt ráo nhập diệt, Tam Bảo và Phật tánh không có tướng sai khác, người phạm bốn trọng tội, hủy báng kinh điển Đại Thừa, tạo tội ngũ nghịch và nhất xiển đề, tất cả đều có Phật tánh. Nay ở kinh này mà đặng nghe đó. Đây gọi là chẳng nghe mà được nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Nếu nhất xiển đề v.v... mà có Phật tánh, tại sao bọn họ lại đọa địa ngục ?

Bạch Thế Tôn ! Giả sử bọn họ có Phật tánh, sao lại nói là không có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Nếu dứt căn lành gọi là nhất xiển đề, lúc dứt căn lành tại sao Phật tánh lại chẳng dứt ? Phật tánh nếu dứt sao lại nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh ? Như Phật tánh chẳng dứt sao lại gọi là nhất xiển đề ?

Bạch Thế Tôn ! Phạm bốn tội nặng gọi là bất định, hủy báng kinh Đại Thừa, tạo tội ngũ nghịch cùng nhất

xiên đề đều gọi là bất định. Những hạng này nếu quyết định làm sao đặng thành Vô Thượng Bồ Đề, Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật cũng gọi là bất định, vì nếu quyết định lẽ ra Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật đều chẳng được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu phạm bốn tội nặng là chẳng quyết định, thời Tu Đà Hoàn nhẫn đến Bích Chi Phật cũng là chẳng quyết định, chư Phật Như-Lai cũng lại chẳng quyết định như thế, thể tánh Niết Bàn cũng lại chẳng quyết định, tất cả pháp cũng chẳng quyết định. Tại sao chẳng quyết định gọi là nhất xiên đề. Trừ nhất xiên đề thời thành Phật đạo. Chư Phật Như-Lai lẽ ra cũng như vậy, nhập Niết Bàn rồi đáng lẽ cũng lại trở ra chẳng nhập Niết Bàn. Nếu như vậy thời tánh Niết Bàn cũng là chẳng nhất định. Vì chẳng nhất định nên biết chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh. Sao lại nói rằng: Nhất xiên đề v.v... sẽ đặng Niết Bàn ?”

Đức Phật nói:

“ Lành thay ! Lành thay ! Ông vì muốn lợi ích an lạc chúng sanh, vì lòng từ bi xót thương thế gian, vì muốn sách tấn các Bồ Tát phát Bồ Đề tâm, nên hỏi Phật những điều như vậy.

Ông đã gàn gũi vô lượng chư Phật quá khứ trông những căn lành, từ lâu đã thành tựu công đức Bồ Đề hàng phục các loài ma, đã giáo hóa vô lượng vô biên chúng sanh đưa họ đến Vô thượng Chánh giác, từ lâu đã thông đạt tạng thâm mật của Như-Lai, đã từng đem những nghĩa thâm mật như trên thưa hỏi hằng hà sa chư Phật thưở quá khứ. Tất cả thế gian hoặc người hoặc trời hoặc Sa Môn hoặc Bà La Môn hoặc Ma Vương, Phạm Vương, ta đều không thấy ai có thể hỏi được như vậy. Ông nên thành tâm lắng nghe.

Này Thiện nam tử ! Nhất xiển đề cũng chẳng nhất định. Vì nếu nhất định thì nhất xiển đề trọn không thể đặng thành Vô thượng Chánh giác. Vì chẳng nhất định nên có thể đặng thành.

Như ông hỏi:

Phật tánh chẳng dứt, sao nhất xiển đề lại dứt căn lành ?

Này Thiện nam tử ! Căn lành có hai thứ: Trong và ngoài. Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên chẳng dứt.

Căn lành lại có hai thứ: Hữu lậu và vô lậu. Phật tánh chẳng phải hữu lậu và vô lậu nên chẳng dứt.

Lại có hai thứ căn lành: Thường và vô thường. Phật tánh chẳng phải thường, chẳng phải vô thường nên chẳng dứt.

Nếu là những thứ bị dứt, thời trở lại đặng. Nếu chẳng trở lại đặng thời gọi là chẳng dứt. Nếu dứt rồi trở lại đặng thời gọi là nhất xiển đề. Phạm bốn tội nặng, hủy báng Đại-thừa, tạo tội ngũ nghịch cũng chẳng nhất định như vậy. Vì nếu nhất định thời những hạng này trọn chẳng thể đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Sắc cùng tướng của sắc, hương, vị, xúc, sanh đến vô minh, ám, nhập, giới, hai mươi lăm cõi, bốn loài sanh, tất cả pháp cũng đều không có tướng nhất định.

Ví như nhà ảo thuật ở trong đại chúng biến hóa làm quân lính, chuỗi ngọc đồ trang sức, xóm làng, thành ấp, rừng cây, suối, ao, sông, giếng. Trong đại chúng có bọn trẻ thơ vì không đủ trí, nên lúc xem coi cho đó là thật. Người trí biết đó là hư dối, do sức ảo thuật làm lầm mắt người.

Tất cả phàm phu nhân đến Thanh Văn, Bích Chi Phật, đối với tất cả pháp thấy có tướng nhất định. Chư Phật Bồ Tát đối với tất cả pháp chẳng thấy tướng nhất định.

Ví như mùa hạ thấy ánh sáng dọn, trẻ thơ cho là nước. Người trí trọn chẳng nhận là nước thật, chỉ là ánh nắng dọn làm lầm mắt người.

Tất cả phàm phu Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả pháp đều cho là thật. Chư Phật Bồ Tát chẳng thấy có tướng nhất định.

Ví như khe núi, do tiếng mà có vang. Trẻ thơ cho là thật tiếng. Người trí hiểu là không thật, chỉ có tướng tiếng phỉnh dối nơi nhĩ thức.

Tất cả phàm phu Thanh Văn, Duyên Giác đối với tất cả pháp thấy có tướng nhất định. Chư Phật Bồ Tát hiểu rõ đều không tướng nhất định, thấy là tướng vô thường, tướng không tịch, tướng không sanh diệt. Do nghĩa này, Đại Bồ Tát thấy tất cả pháp là tướng vô thường.

Này Thiện nam tử ! Cũng có định tướng, chính là thường, lạc, ngã, tịnh nơi quả Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Quả Tu Đà Hoàn cũng chẳng quyết định, vì chẳng quyết định nên trải qua tám muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác. Quả Tư Đà Hàm cũng chẳng quyết định, vì trải qua sáu muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác. Quả A Na Hàm cũng chẳng quyết

định, vì trải qua bốn muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác. Quả A La Hán cũng chẳng quyết định, vì trải qua hai muôn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác.

Bích Chi Phật cũng chẳng quyết định, vì trải mười ngàn kiếp đặng Vô thượng Chánh giác.

Này Thiện nam tử ! Hôm nay Như-Lai ở trong rừng Ta La Song Thọ nơi thành Câu Thi Na, thị hiện nằm dựa trên giường sư tử sắp nhập Niết Bàn, làm cho chúng đệ tử chưa chứng quả A La Hán cùng các lực sĩ rất lo rầu, cũng làm cho trời, người, A Tu la, Càn Thát Bà, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già v.v... trần thiết đồ cúng dường. Muốn khiến mọi người dùng ngàn bức vải lông vắn thân Như-Lai, bảy báu làm quan tài, đựng đầy dầu thơm, chắt những gỗ thơm để thiêu đó. Chỉ trừ hai thứ chẳng thể cháy được: Một là y lót mình, hai là lớp vải vắn phía ngoài hết. Vì chúng sanh nên phân chia Xá Lợi làm tám phần.

Tất cả hàng Thanh Văn đệ tử đều cho rằng Đức Như-Lai nhập Niết Bàn. Phải biết Đức Như-Lai cũng chẳng quyết định rớt rảo nhập Niết Bàn, vì đức Như-Lai thường trụ chẳng biến đổi. Do nghĩa này nên Đức Như-Lai nhập Niết Bàn cũng chẳng nhất định.

Này Thiện nam tử ! Nên biết Như-Lai cũng chẳng quyết định. Như-Lai chẳng phải Thiên. Có bốn hạng thiên: Một là Thế gian thiên, hai Sanh thiên, ba là Tịnh thiên, bốn Nghĩa thiên.

Thế gian thiên, lệ như các vị Quốc vương. Từ Tứ Thiên Vương nhả đến trời Phi Tướng Phi Phi Tướng gọi là Sanh Thiên. Từ Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật gọi là Tịnh Thiên. Thập trụ Bồ Tát v.v... gọi là Nghĩa Thiên, vì có thể hiểu rõ nghĩa của các pháp, chính là thấy nghĩa không của tất cả các pháp.

Này Thiện nam tử ! Như-Lai chẳng phải Quốc Vương, chẳng phải Tứ Thiên Vương, nhả đến trời Phi Phi Tướng, cũng chẳng phải Tu Đà Hoàn, Bích Chi Phật, Thập Trụ Bồ Tát. Do đây nên Như-Lai chẳng phải Thiên. Mặc dù như vậy, nhưng chúng sanh cũng gọi Phật là Thiên Trung Thiên. Vì thế nên Như-Lai chẳng phải là Thiên cũng chẳng phải là chẳng phải Thiên, chẳng phải là người cũng chẳng phải là chẳng phải người, chẳng phải là quý, cũng chẳng phải là chẳng phải quý, chẳng phải là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, cũng chẳng phải là chẳng phải địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chẳng phải là chúng sanh cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sanh,

chẳng phải là pháp cũng chẳng phải là chẳng phải pháp, chẳng phải là sắc cũng chẳng phải là chẳng phải sắc, chẳng phải là dài, vẫn cũng chẳng phải là chẳng phải dài, vẫn. Chẳng phải là tướng cũng chẳng phải là chẳng phải tướng, chẳng phải là tâm cũng chẳng phải là chẳng phải tâm, chẳng phải là hữu lậu, chẳng phải là vô lậu, chẳng phải là hữu vi, chẳng phải là vô vi, chẳng phải là thường, chẳng phải là vô thường, chẳng phải là huyền hóa cũng chẳng phải là chẳng phải huyền hóa, chẳng phải là danh cũng chẳng phải là chẳng phải danh, chẳng phải là định cũng chẳng phải là chẳng phải định, chẳng phải có không cũng chẳng phải là chẳng phải có không, chẳng phải ngôn thuyết cũng chẳng phải là chẳng phải ngôn thuyết, chẳng phải Như-Lai cũng chẳng phải là chẳng phải Như-Lai. Do nghĩa này nên Như-Lai chẳng quyết định.

Này Thiện nam tử ! Có sao Như-Lai chẳng gọi là thế gian Thiên ? Thế gian Thiên chính là của vị Quốc Vương. Đức Như-Lai từ vô lượng kiếp đã bỏ ngôi Quốc Vương, cho nên Như-Lai chẳng phải là Quốc Vương. Như-Lai giáng sanh nơi nhà vua Tịnh Phạn tại thành Ca Tỳ La Vệ, nên Như-Lai chẳng phải là chẳng phải Quốc Vương.

Như-Lai từ lâu đã lìa khỏi các cõi, nên chẳng phải là

sanh thiên. Như-Lai lên trời Đâu Suất xuống Diêm Phù Đề, nên chẳng phải là chẳng phải sanh Thiên.

Như-Lai chẳng phải Tu Đà Hoàn nhân đến Bích Chi Phật, nên Như-Lai chẳng phải là Tịnh Thiên.

Tám pháp trong đời chẳng ô nhiễm được, dường như Liên Hoa chẳng dính bụi, nước, nên Như-Lai chẳng phải là chẳng phải Tịnh Thiên.

Như-Lai chẳng phải là Thập Trụ Bồ Tát, nên Như-Lai chẳng phải là Nghĩa Thiên. Như-Lai thường tu mười tám nghĩa không, nên Như-Lai chẳng phải là chẳng phải Nghĩa Thiên.

Như-Lai chẳng phải là người vì Như-Lai từ vô lượng kiếp đã lìa quả báo người. Như-Lai giáng sanh thành Ca Tỳ La nên chẳng phải là chẳng phải người.

Như-Lai chẳng phải là quý vì chẳng hại tất cả chúng sanh. Như-Lai cũng dùng thân quý để hóa độ chúng sanh nên chẳng phải là chẳng phải quý.

Như-Lai chẳng phải là địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ vì từ lâu đã lìa ác nghiệp, cũng hiện thọ thân trong ác đạo để giáo hóa chúng sanh, nên Như-Lai cũng chẳng phải là chẳng phải địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ.

Như-Lai chẳng phải là chúng sanh vì từ lâu đã lìa tánh chúng sanh.

Có lúc Như-Lai diễn thuyết chúng sanh, nên cũng chẳng phải là chẳng phải chúng sanh.

Các pháp mỗi mỗi đều có tướng sai khác. Như-Lai chỉ có một tướng, nên chẳng phải là pháp. Như-Lai là pháp giới nên cũng chẳng phải là chẳng phải pháp.

Như-Lai chẳng nhiếp trong mười sắc pháp, nên chẳng phải là sắc.

Thân Như-Lai có ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp, nên chẳng phải là chẳng phải sắc.

Vì dứt tất cả sắc nên Như-Lai chẳng phải là cao. Tất cả thế gian không ai thấy được đỉnh đầu của Như-Lai, nên chẳng phải là chẳng phải cao.

Từ lâu, đã xa lìa kiêu mạn, nên Như-Lai chẳng phải là thấp. Vì độ Trưởng Giả, Cù Sư La, Như-Lai hiện thân ba thước, nên chẳng phải là chẳng phải thấp.

Từ lâu đã xa lìa các hình tướng, nên Như-Lai chẳng phải là tướng. Như-Lai biết rành tất cả tướng, nên chẳng phải là chẳng phải tướng.

Như-Lai rộng rang như hư không, nên chẳng phải là

tâm. Vì Như-Lai có mười tâm trí lực, cũng có thể rõ biết tâm của chúng sanh, nên cũng chẳng phải là chẳng phải tâm.

Vì Như-Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, nên chẳng phải là hữu vi. Như-Lai thị hiện có đến, đi, ngồi, nằm cùng thị hiện Niết Bàn nên chẳng phải là vô vi.

Vì có thân phần đoạn nên Như-Lai chẳng phải là thường. Lại vì có biết, vì có nói năng, vì có họ tên, vì có cha mẹ, vì có bốn oai nghi, vì có nơi chốn, do đây nên Như-Lai chẳng phải là thường. Phạm pháp có sanh gọi là vô thường. Như-Lai là vô sanh nên chẳng phải là chẳng phải thường. Phạm pháp thường trụ thời khắp tất cả chỗ như hư không, không chỗ nào không có, Như-Lai khắp tất cả chỗ cũng như vậy nên là thường. Những pháp vô thường thời chỗ này có, chỗ kia không, Như-Lai chẳng như vậy nên là thường. Pháp vô thường thời có lúc có, lúc không, Như-Lai chẳng như vậy nên là thường. Pháp thường trụ không danh, sắc, không nhân, không quả, Như-Lai cũng như vậy nên là thường. Pháp thường trụ chẳng nhiếp trong thời gian ba đời, Như-Lai cũng như vậy nên là thường.

Vì dứt tất cả tâm luống dối, nên Như-Lai chẳng phải

là huyền hóa. Như-Lai có lúc chia một thân làm vô lượng thân, vô lượng thân hiệp làm một thân, đi thẳng qua núi qua vách không bị chướng ngại, đi trên nước như đất, vào trong đất như nước, đi trên hư không như đất bằng, thân tuôn ra khói lửa, hực hỡ như đồng lửa, hiện tiếng mây sấm chân động, hoặc hiện làm thành ấp xóm làng, nhà cửa, núi sông, cây cối, hoặc hiện thân to lớn, hoặc thân nhỏ, thân nam, thân nữ, thân đồng nam, thân đồng nữ, vì thế nên Như-Lai cũng chẳng phải là chẳng phải huyền hóa.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, Như-Lai thị hiện nhập Niết Bàn vì thế nên Như-Lai chẳng phải quyết định. Do vì thường, lạc, ngã, tịnh nên Như-Lai lại cũng chẳng phải là chẳng quyết định.

Vì đã dứt ba thứ lậu: Một là dục lậu tức là tất cả phiền não ở Dục giới trừ vô minh ; hai là hữu lậu tức là tất cả phiền não Sắc giới và Vô Sắc giới trừ vô minh ; ba là vô minh lậu tức là vô minh trong tam giới.

Vì thế nên Như-Lai chẳng phải hữu lậu.

Tất cả phàm phu đối với đời vị lai đều có tâm nghi: Trong đời vị lai sẽ có thân hay chẳng có thân ? Trong đời quá khứ thân vốn có hay là vốn không ? Trong đời hiện

tại thân này có hay thân này không ? Nếu có ngã, thời ngã ấy là sắc hay là chẳng phải sắc ? Là tướng hay chẳng phải tướng ? Thân này thuộc về cái khác hay chẳng thuộc ? Là có mạng có thân hay có thân không mạng ? Thân cùng mạng là thường hay vô thường ? Thân cùng mạng do Tự Tại Thiên tạo ư ? Thời tiết tạo ư ? Vô nhân tạo ư ? Thế tánh tạo ư ? Vi trần tạo ư ? Pháp cùng phi pháp tạo ư ? Sĩ phu tạo ư ? Phiền não tạo ư ? Cha mẹ tạo ư ? Ngã ở nơi tâm hay ở nơi nhãn ? Ngã thấp đầy trong thân ư ? Ngã từ đâu đến, đi đến chỗ nào ? Ai sanh ai chết ? Ngã thưở quá khứ là chủng tánh nào ? Đời vị lai sẽ thuộc chủng tánh nào ? Thưở quá khứ, thân này của ta là nam hay nữ ? Nếu ta sát sanh sẽ phải tội hay không tội ? Nhẫn đến uống rượu sẽ có tội hay không tội ? Ta tự gây tạo hay vì người mà gây tạo ? Ngã thọ báo hay thân thọ báo ?

Vô lượng điều nghi chấp như vậy che đậy chúng sanh làm cho tâm phiền muộn. Do những điều nghi chấp này sanh ra sáu thứ quan niệm: Một là quyết định có ngã, hai là quyết định không ngã; ba là ngã thấy là ngã; bốn là ngã thấy là không ngã; năm không ngã thấy là ngã; sáu là ngã làm ngã thọ, ngã biết. Những quan niệm trên đây gọi là tà kiến.

Như-Lai đã dứt hẳn vô lượng cội gốc tà kiến, hữu lậu như vậy, nên Như-Lai chẳng phải hữu lậu. Đại Bồ Tát tu Thánh hạnh Đại Niết Bàn cũng dứt hẳn được những lậu như vậy. Chư Phật thường tu Thánh hạnh nên là vô lậu.

Này Thiện nam tử ! Phàm phu chẳng thể khéo nhiếp năm căn thời có ba thứ lậu, bị nghiệp ác kéo dắt đến nơi chỗ chẳng lành. Ví như ngựa dữ tánh hung hăng, có thể làm cho người cỡi đến chỗ hiểm nạn. Người không khéo nhiếp năm căn cũng như vậy, có thể làm cho người đó xa lìa pháp lành đến những chỗ ác.

Ví như voi dữ chưa điều thuận, người cỡi nó chẳng thể tùy ý, nó đưa người xa lìa thành ấp đến nơi rừng sâu. Chẳng khéo điều nhiếp năm căn nó sẽ dắt người xa lìa thành ấp Niết Bàn đến nơi rừng rậm sanh tử. Ví như tôi nịnh bảo vua làm ác, như đứa con hư chẳng tuân lời dạy của cha mẹ sư trưởng, chẳng khéo nhiếp ngũ căn nó sẽ khiến người làm ác chẳng thuận pháp lành.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn thường bị địa ngục súc sanh ngạ quỷ tàn hại, như giặc cướp hại người lành.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn chạy theo ngũ trần, như người chăn trâu chẳng khéo giữ gìn để trâu làm hại lúa mạ.

Phàm phu chẳng nhiếp ngũ căn nên thường ở trong ba cõi chịu nhiều sự khổ não. Đại Bồ Tát lúc tu Thánh hạnh Đại Niết Bàn, thường có thể khéo nhiếp ngũ căn, dứt trừ tham dục, sân khuê, ngu si, kiêu mạn, tật đố, để được thành tựu tất cả pháp lành.

Nếu người có thể khéo giữ gìn ngũ căn thời nhiếp được tâm, nếu nhiếp được tâm thời nhiếp ngũ căn. Ví như có người ủng hộ Quốc Vương thời là ủng hộ Quốc Gia, ủng hộ Quốc Gia thời là ủng hộ Quốc Vương.

Đại Bồ Tát nếu đặng nghe kinh Đại Niết Bàn này thời được trí huệ, vì được trí huệ thời được chuyên niệm. Nếu ngũ căn tán loạn thời chánh niệm có thể nhiếp dừng lại, vì là niệm huệ vậy. Như người chần giỏi, giả sử trâu sút dây đi ăn lúa mạ của người thời liền bắt lại. Nhờ niệm huệ nên Đại Bồ Tát thâm nhiếp ngũ căn chẳng cho tán loạn. Nhờ có niệm huệ nên Đại Bồ Tát chẳng thấy ngã tướng, chẳng thấy tướng ngã sở, chẳng thấy chúng sanh cùng chỗ thọ dụng. Thấy tất cả pháp đồng là pháp tánh, sanh ra tướng đất đá ngói sạn. Như nhà cửa do nhiều duyên hiệp lại thành không có tánh nhất định. Thấy chúng sanh do tứ đại ngũ âm hiệp thành không tánh quyết định. Vì không tánh quyết định nên Bồ Tát ở trong đó

chẳng sanh tham đắm. Tất cả phàm phu vì thấy có chúng sanh nên khởi phiền não. Đại Bồ Tát tu Đại Niết Bàn vì có niệm huệ nên đối với chúng sanh chẳng sanh tham trước.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn chẳng chấp trước tướng chúng sanh mà hiện làm ra những pháp tướng. Như thợ vẽ dùng các thứ màu vẽ thành những hình tượng: Hoặc nam, hoặc nữ, hoặc trâu, hoặc ngựa. Phàm phu không trí huệ thấy đó thời cho rằng có tướng nam nữ v.v... thợ vẽ rõ biết không có nam nữ. Cũng vậy vì có niệm huệ nên Đại Bồ Tát đối với tướng sai khác của các pháp thấy là một tướng, trọn chẳng thấy tướng chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn vì khéo quan sát pháp tướng nên lúc thấy nam nữ đoan chánh trọn chẳng sanh lòng tham trước.

Đại Bồ Tát biết ngũ dục không có thật vui, chẳng tạm dùng, như chó ngậm xương khô, như người cầm lửa đi ngược gió, như rắn độc đứng trong tráp, như trong chiêm bao lượm được trái cây trên đường, như khối thịt bày chim đuổi theo, như bóng nước, như dầu vẽ trong nước, như dẹt hết đường canh chỉ, như người tù dắt ra chợ, như

vật mượn tạm. Bồ Tát quan sát ngũ dục nhiều lỗi ác như vậy.

Đại Bồ Tát quan sát chúng sanh vì sắc hương vị xúc, nên từ vô lượng kiếp đến nay, chịu nhiều khổ não. Trong một kiếp, mỗi chúng sanh, xương nơi thân chất như thành Vương xá, như núi Tỳ Phú La. Uống sữa mẹ nhiều như nước trong bốn biển. Máu trong thân chảy ra nhiều hơn nước bốn biển. Nước mắt khóc người chết của cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, nhiều hơn nước bốn biển. Dùng tất cả cỏ cây trên mặt đất làm thẻ dài hơn bốn tấc để đếm cha mẹ cũng không thể hết. Từ vô lượng kiếp, hoặc ở địa ngục súc sanh ngã quỷ chẳng thể tính đếm. Vô quả đất này bằng trái táo còn có thể dễ hết, nhưng sanh tử rất khó hết.

Đại Bồ Tát quán sát tất cả chúng sanh vì ngũ dục mà chịu vô lượng sự khổ như vậy, do đây Bồ Tát chẳng mất niệm huệ.

Ví như trong đời có nhóm người đông đầy chật hai mươi lăm dặm. Vua truyền một quan chức cầm một chén dầu đầy đi qua giữa đám đông ấy mà không được làm đổ, nếu đổ rơi một giọt sẽ bị tội chết. Vua lại sai một người cầm gươm theo sau nếu thấy dầu đổ thì chém. Vì sợ

chết nên quan chức ấy hết lòng gìn giữ chén dĩa, đi qua khỏi đám đông chẳng làm đổ một giọt.

Cũng vậy, Đại Bồ Tát ở trong sanh tử chẳng mất niệm huệ, nên dầu thấy ngũ dục mà tâm không tham trước. Lúc bấy giờ ngũ căn của Bồ Tát thanh tịnh, vì ngũ căn thanh tịnh nên giữ gìn giới căn đầy đủ.

Tất cả phàm phu ngũ căn chẳng thanh tịnh chẳng khéo giữ gìn nên gọi là căn lậu. Bồ Tát đã dứt hẳn nên là vô lậu. Như-Lai đã dứt hẳn cội gốc nên chẳng phải là lậu.

Này Thiện nam tử ! Lại có ly lậu. Đại Bồ Tát vì muốn được quả Phật Vô Thượng cam lồ nên lìa các ác lậu. Nếu có thể tu hành kinh Đại Niết Bàn, biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa, đây gọi là xa lìa.

Này Thiện nam tử ! Ta chẳng thấy trong mười hai bộ kinh có kinh nào lìa được các ác lậu như kinh Đại Thừa Đại Niết Bàn này.

Ví như ông thầy giỏi dạy các đồ đệ, trong hàng đồ đệ người thuận theo lời thầy dạy thời chẳng gây tạo việc ác.

Cũng vậy Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thời tâm chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như trong đời có người giỏi chú thuật, nếu ai một

lần nghe được chú này trong bảy năm chẳng bị trúng độc, rắn độc chẳng cắn được, nếu có người tụng thuộc chú này thời trọn đời không có những sự họa hại. Cũng vậy, nếu có chúng sanh một lần nghe kinh Đại Niết Bàn này thời trọn bảy kiếp chẳng bị đọa ác đạo. Nếu có người biên chép, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa, thời quyết định thấy Phật tánh đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Kinh Đại Niết Bàn này có vô lượng công đức như vậy. Nếu người nào biên chép, đọc, tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa của kinh này, thời thật là đệ tử Phật, khéo lãnh thọ giáo pháp của Phật, là người mà Phật thường thấy thường nhớ, là người biết rõ Phật chẳng nhập Niết Bàn. Người này ở tại chỗ nào thời Phật cũng ở trong đó, thường nhận sự cúng dường của người này, hoặc hiện làm Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di, Bà La Môn, Phạm Chí, người nghèo khổ ăn xin. Người này hoặc ở trong chiêm bao thấy tượng Phật, hoặc thấy Trời, thấy Sa Môn, Thánh Vương, Quốc Vương, Sư Tử Vương, hoa sen, hoa Ưu Đàm, hoặc thấy núi cao, biển lớn, mặt trời, mặt trăng, hoặc thấy Bạch Tượng, bạch Mã, hoặc thấy cha mẹ, đặng bông, đặng trái, vàng bạc, lưu ly, pha lê những châu báu, thấy sữa, lạc, tô, đề hồ v.v... nên biết

chính là Như-Lai nhận sự cúng dường. Người này sau khi tỉnh giấc vui mừng liền đặt những đồ vật cần dùng, tâm chẳng nghĩ điều ác, thích thật hành điều lành.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn có vô lượng vô số công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, nay ông phải tin lấy lời của Phật.

Nếu người nào muốn thấy Phật, muốn cung kính Phật, muốn đồng pháp tánh mà thấy Phật, muốn đặt không định, muốn thấy thật tướng, muốn tu tập Thủ Lăng Nghiêm định, Sư Tử Vương định, muốn phá tám ma: phiền não, ngũ âm, tử ma, thiên ma, vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, muốn đặt hưởng vui trong loài người hay trên trời, thời phải qua gần gũi học hỏi cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán người thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết tư duy ý nghĩa kinh Đại Niết Bàn, rửa tay chân cho người đó, trải giường chiếu cung cấp đầy đủ tất cả đồ cần dùng. Nếu người đó từ xa đến, phải ra rước ngoài mười do diên. Vì tôn trọng kinh Đại Niết Bàn nên đem tất cả vật nhu dụng dâng cúng cho người đó. Nếu không có, phải tự bán thân mình để mua sắm. Vì kinh này khó được gặp hơn hoa Ưu Đàm.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở quá khứ vô lượng

vô biên na do tha kiếp, thuở đó có cõi nước hiệu là Ta Bà, Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni đầy đủ mười hiệu, vì hàng đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết Bàn. Thuở đó ta được nghe kinh này nơi các người bạn. Lòng ta vui mừng muốn sắm đồ cúng dường, nhưng vì quá nghèo thiếu nên không có một vật chi đáng giá. Ta tự đem thân đi bán, nhưng vì bạc phước nên chẳng ai chịu mua. Buồn tủi trở về nhà, giữa đường ta gặp một người, bèn đem tâm sự bày tỏ. Người ấy bảo ta: Nếu ông bằng lòng làm theo nhu cầu của người thì người sẽ mua với giá năm đồng tiền vàng. Người ấy có bệnh lạ y sĩ chế thuốc mỗi ngày cần có ba lượng thịt người. Ta vui mừng nhận lời yêu cầu. Người đó trả tiền trước, sau bảy ngày ta sẽ đến nhà để theo đúng nhu cầu của người. Người ấy bằng lòng nhưng chỉ cho một ngày vì bệnh người phải gấp dùng thuốc.

Sau khi lãnh tiền ta liền đến chỗ Phật đánh lễ chân Phật, rồi đem tất cả năm đồng tiền vàng dâng lên Phật. Cúng dường xong, ta chí thành lắng nghe Phật giảng kinh Đại Niết Bàn. Lúc đó tâm trí ta quá tối, dầu đang nghe kinh nhưng chỉ thọ trì được một bài kệ:

Như-Lai chúng Niết Bàn.

Dứt hẳn nơi sanh tử.

Nếu người hết lòng nghe

Thường được vui vô lượng.

Sau khi thọ trì bài kệ trên đây rồi, ta liền đến nhà người bệnh. Nhờ ta niệm tụng bài kệ, nên dầu mỗi ngày cắt lấy ba lượng thịt nơi thân, nhưng ta chẳng lấy làm đau khổ lắm. Trọn một tháng, mỗi ngày ta cắt lấy thịt cho người làm thuốc, do đó bệnh người được lành mà thân của ta cũng được bình phục, ta liền phát tâm vô thượng Bồ Đề, nguyện đời vị lai đặng thành Phật hiệu Thích Ca Mâu Ni.

Này Thiện nam tử ! Do công đức của một bài kệ ấy làm cho ta ngày nay được thành Phật, ở trong đại chúng tuyên nói kinh Đại Niết Bàn này.

Này Thiện nam tử ! Kinh Đại Niết Bàn thành tựu vô lượng vô biên công đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đây là tạng bí mật rất sâu của chư Phật. Do nghĩa này nên người thọ trì dứt lìa được những ác lậu. Chính là voi ác, ngựa ác, trâu ác, chó ác, rắn độc, chỗ đất nhiều gai, gộp cao, bờ biển, nước xoáy chảy xiết, người ác, nước ác, thành ác, nhà ác, bạn ác v.v... Những nơi đó nếu là nhân ác lậu thì Bồ Tát liền xa lìa, nếu chẳng phải nhân ác lậu thì Bồ Tát chẳng xa lìa. Nếu thêm hữu lậu thì xa lìa,

nếu chẳng thêm thời chẳng xa lìa. Nếu là pháp ác thời bèn xa lìa, nếu có thể làm lành thời chẳng xa lìa. Xa lìa như thế nào ? Chẳng cầm dao gậy, thường dùng trí huệ phương tiện mà xa lìa đó, đây gọi là chánh huệ viễn ly, vì muốn thêm lớn pháp lành thời phải xa lìa pháp ác.

Đại Bồ Tát quán sát thân tướng của mình, xem như ghẻ, như nhọt như oán thù, như tên độc, là chỗ khổ, là cội gốc của tất cả thiện ác. Thân này dầu bất tịnh như vậy, Bồ Tát vẫn săn sóc nuôi dưỡng, chẳng phải vì tham thân, chính là vì pháp lành ; chẳng phải vì sanh tử, chính là vì Niết Bàn ; vì thường, lạc, ngã, tịnh ; vì đạo Bồ Đề ; vì nhất thừa ; vì ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vì Pháp Vương. Đại Bồ Tát thường phải giữ gìn thân thể cho được an toàn để biên chép, thọ trì, đọc tụng, giải thuyết, tư duy ý nghĩa kinh Đại Niết Bàn này. Vì thế nên Bồ Tát phải khéo giữ gìn thân thể. Do nghĩa này nên Bồ Tát đừng xa lìa tất cả ác lậu.

Như người muốn qua sông phải khéo giữ gìn thuyền bè. Người đi đường xa khéo giữ gìn ngựa hay. Như nhà trồng tía khéo giữ gìn phân tro. Như vì chữa độc nên khéo giữ gìn rắn độc. Như người vì của cải nên nuôi dưỡng Chiên Đà La. Như vì muốn phá giặc nên nuôi

dưỡng dưỡng sĩ. Như người lạnh giữ gìn ngọn lửa. Như người bệnh hủi tìm cầu thuốc độc. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dầu thấy thân này đầy vô lượng nhớp nhờn, nhưng vì muốn thọ trì kinh Đại Niết Bàn nên vẫn giữ gìn nuôi dưỡng.

Đại Bồ Tát xem voi ác cùng bạn ác đồng nhau không khác, vì đều làm hại thân. Đối với voi ác, Bồ Tát chẳng sợ bằng bạn ác. Vì voi ác chỉ hại thân mà chẳng hại được tâm. Bạn ác thì hại cả hai thứ thân và tâm. Voi ác chỉ làm hại một thân. Bạn ác có thể làm hại vô lượng thân lành vô lượng tâm lành. Voi ác chỉ có thể phá hoại thân hôi nhờn. Bạn ác có thể phá hoại tịnh thân cùng tịnh tâm. Voi ác chỉ có thể làm hại nhục thân. Bạn ác làm hại đến pháp thân. Bị voi ác giết chẳng sa đến ba đường ác. Bị bạn ác giết tất sa đến ba đường ác. Voi ác chỉ là kẻ oán thù của thân. Bạn ác là kẻ oán thù của pháp lành. Do đây nên Bồ Tát thường phải xa lìa bạn ác.

Những ác lậu như vậy, phàm phu chẳng xa lìa nên sanh ác lậu, Bồ Tát xa lìa thì chẳng sanh ác lậu. Bồ Tát còn không có ác lậu như vậy huống là Như-Lai.

Thế nào là gần gũi ác lậu ? Tất cả phàm phu lãnh lấy y phục vật thực đồ nằm thuốc thang, họ vì sự đòi hỏi của

thân tâm mà tìm cầu những vật như vậy, nên gây tạo nhiều tội ác, chẳng biết là lỗi lầm, phải luân hồi trong ba đường ác, do đây nên gọi là ác lậu. Đại Bồ Tát thấy những lỗi như vậy thời bèn xa lìa.

Lúc cầu y phục Bồ Tát bèn nhận lấy. Chẳng phải vì thân mục đích chỉ vì pháp lành ; chẳng kiêu mạn, thường khiêm tốn, chẳng vì phục sức tốt đẹp, chỉ vì hộ thẹn, để che lạnh che nắng, che gió mưa ngăn muỗi mòng. Bồ Tát dầu lãnh thọ vật thực, nhưng lòng chẳng tham đắm chẳng vì thân chỉ vì chánh pháp, chẳng vì da thịt chỉ vì chúng sanh, để trị bệnh đói, dầu đựng món ăn ngon cũng vẫn không tham đắm.

Bồ Tát lúc nhận lấy phòng nhà cũng như vậy, chẳng để quan niệm tham đắm ở nơi lòng, vì che mưa gió, vì Bồ Đề mà nhận lấy phòng nhà.

Lúc cầu thuốc thang lòng Bồ Tát không tham đắm, chẳng phải vì mạng sống chỉ vì chánh pháp, vì pháp thân huệ mạng. Như người bị ung nhọt, dùng thuốc đắp lên lấy vải bó đó, như vậy là chỉ vì để rút máu mủ cho bệnh được lành. Vì tránh gió độc nên ở trong nhà kín. Cũng vậy, Đại Bồ Tát xem thân thể là ung nhọt nên lấy y phục che đây, vì cứu khiêu máu mủ mà tìm cầu món ăn vật

uống, vì mưa gió độc nên nhận lấy phòng nhà vì bốn độc phát bệnh nên tìm cầu thuốc thang. Vì đạo Bồ Đề mà Bồ Tát lãnh lấy bốn thứ cúng dường chẳng vì mạng sống. Bồ Tát suy nghĩ như vậy: Nếu tôi chẳng nhận lấy bốn thứ cúng dường này, thì thân thể phải chết mất, chẳng thể nhẫn thọ khổ nhọc ; nếu không kham sự khổ nhọc thì không thể tu tập pháp lành ; nếu kham sự khổ nhọc thì có thể tu tập vô lượng pháp lành ; nếu tôi chẳng kham nhẫn các sự khổ, thì sẽ sanh lòng giận hờn đối với việc nghịch trái và sẽ sanh lòng tham đắm đối với cảnh thuận vui ; nếu tìm cầu sự vui mà chẳng đặng thì sanh lớn vô minh mê muội.

Do đây nên phàm phu sanh những ác lậu đối với bốn thứ cần dùng. Bồ Tát vì có thể quan sát như vậy nên chẳng sanh những ác lậu, do đây nên gọi là vô lậu. Bồ Tát còn vô lậu như vậy hướng là Như-Lai. Vì thế nên Như-Lai chẳng gọi là hữu lậu.

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu dù khéo giữ gìn thân tâm nhưng vẫn còn sanh ba thứ ác giác, do có này nên dầu phục trừ phiền não đặng sanh cõi trời phi Phi Tướng, nhưng vẫn phải trở lại đọa trong ba đường dữ. Ví như có người đi qua biển lớn, sắp đến bờ mà bị chết đuối.

Phàm phu trên đây cũng vậy, sắp ra khỏi ba cõi trở lại đọa nơi tam đồ. Đó là do vì không có thiện giác, chính là không có sáu chánh niệm.

Phàm phu tâm lành kém yếu, tâm ác lại lầy lừng. Vì tâm lành kém nên trí huệ cũng kém. Vì trí huệ kém nên thêm lớn những ác lậu.

Bồ Tát nhờ huệ nhãn thanh tịnh thấy lỗi của ba thứ giác quán, biết ba thứ giác quán này có những họa hoạn thường làm oán thù đối với ba thừa. Do ba thứ giác quán này làm cho vô lượng phàm phu chẳng thấy Phật tánh, trong vô lượng kiếp điên đảo cho rằng Phật Thế Tôn không có thường, lạc và ngã, chỉ có tịnh thôi ; lại cho rằng Như-Lai rốt ráo nhập Niết Bàn. Tất cả chúng sanh là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, mà điên đảo cho là có thường, lạc, ngã, tịnh. Thật không có tam thừa mà điên đảo cho là thật có tam thừa. Đạo nhất thừa chân thật mà điên đảo cho là không có nhất thừa.

Ba thứ giác quán này thường bị chur Phật và Bồ Tát quở trách. Ba thứ giác quán này thường hại nơi mình cũng hại đến kẻ khác. Có ba thứ giác quán này thời sanh ra tất cả điều ác. Ba thứ giác quán này chính là ba sợi dây trói liền chúng sanh trong sanh tử vô biên.

Bồ Tát thường quán sát ba thứ giác quán này. Hoặc có lúc vì nhân duyên đáng lẽ phải sanh dục giác Bồ Tát yên lặng chẳng lãnh thọ. Ví như người xinh đẹp sạch sẽ chẳng nhận lãnh tất cả phần nhờ, như hòn sắt nóng không ai cầm lấy, như dòng Bà La Môn chẳng nhận thịt bò ; như người no bụng chẳng nhận đồ ăn dở, như vua Chuyển Luân chẳng ngồi chung một giường với Chiên Đà La, Bồ Tát khinh ghét ba thứ ác giác chẳng nhận chẳng ham cũng như vậy. Bồ Tát thường suy nghĩ: Chúng sanh biết rằng ta là ruộng phước tốt, ta đâu nên nhận pháp ác ấy, nếu ta nhận pháp ác thì chẳng đáng là ruộng phước của chúng sanh. Dầu ta chẳng tự nói mình là ruộng phước tốt, nhưng chúng sanh thấy hình tướng bèn nói ta là ruộng phước. Nếu ta sanh ác giác như vậy thì là khi dối tất cả chúng sanh. Thuở quá khứ, vì khi dối nên trong vô lượng kiếp đọa ba đường ác trôi lăn trong sanh tử. Nếu ta có ác tâm nhận của người cúng thí, tất cả thiên nhân và ngũ thông tiên đều sẽ rõ biết, sẽ bị quả trách. Nếu ta có ác giác nhận sự cúng thí của người, sẽ làm cho thí chủ được phước đức kém ít, hoặc không phước đức, như thế ta là kẻ thù oán của thí chủ. Tất cả thí chủ thường mến kính ta, sao ta lại khi dối họ mà cho làm kẻ oán thù của họ, vì ta làm cho họ được ít phước

đức, hoặc không phước đức.

Bồ Tát thường suy nghĩ: Ta thường tự xưng là người xuất gia. Luận về người xuất gia chẳng sanh ác giác, nếu sanh ác giác thì chẳng phải xuất gia. Người xuất gia thân cùng miệng phải tương ưng, nếu chẳng tương ưng thì chẳng phải xuất gia. Ta bỏ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn bè để xuất gia tu hành, chính là thời kỳ tu tập những thiện giác, chẳng phải là thời gian sanh ác giác. Ví như có người vào biển tìm châu báu, chẳng lấy trân châu mà lại lấy thủy tinh. Cũng như có người bỏ âm nhạc mà đi chơi giỡn trên đồng phân nhơ. Như bỏ bảo nữ mà giao thông với tứ gái. Như bỏ bồn vàng mà dùng chậu sành. Như bỏ vị cam lộ mà uống thuốc độc. Như bỏ y sĩ thân thiện tài giỏi mà cầu thuốc với y sĩ oán thù dờ. Cũng vậy, ta bỏ lìa pháp vị cam lộ của Đại Sư Như-Lai Thế Tôn, mà nhận lấy các thứ ác giác của ma oán. Thân người khó đặng như hoa Ưu Đàm mà ta đã được. Như-Lai khó gặp như hoa Ưu Đàm mà ta đã gặp. Pháp bửu thanh tịnh khó được thấy nghe mà ta được nghe. Như con rùa đui gặp được bông cây nổi. Mạng người chẳng dùng qua mau hơn thác nước đổ, ngày nay dầu còn khó bảo đảm được ngày mai, sao lại buông lung ở nơi pháp ác ?

Thời tráng kiện chẳng dừng qua mau như ngựa chạy, sao lại tự thị sanh lòng kiêu mạn. Bốn ác ma rình rập tìm cầu lỗi lầm của ta, sao lại để cho ác giác sanh khởi ! Ví như nhà hư mục sắp sập, mạng sống của ta cũng vậy, đâu nên sanh việc ác. Phàm Sa Môn gọi là tỏ ngộ nơi thiện giác, ta là Sa Môn sao lại sanh ác giác ? Người xuất gia phải tu đạo lành, nay ta làm ác đâu đáng gọi là xuất gia. Bà La Môn gọi là người tu hạnh thanh tịnh, nay ta thật hành ác giác chẳng thanh tịnh đâu gọi là chân thật Bà La Môn. Nay ta cũng gọi là dòng Sát Đế Lợi. Luận về dòng Sát Đế Lợi thời hay trừ được kẻ oán địch, nay ta chẳng trừ được oán địch ác giác, đâu đáng gọi là dòng Sát Đế Lợi. Tỳ Kheo gọi là phá phiền não, nay ta chẳng phá được ác giác phiền não đâu đáng gọi là Tỳ Kheo.

Trong đời có sáu chỗ khó được gặp gỡ, nay ta đã được, đâu nên để ác giác ở nơi lòng. Những gì là sáu chỗ khó được ? - Một là Phật ra đời khó gặp, hai là chánh pháp khó nghe, ba là tâm lo sợ khó sanh, bốn là khó được ở trung quốc, năm là khó được thân người, sáu là năm căn khó đầy đủ. Sáu việc như vậy khó được mà ta đã được, vì thế nên chẳng nên sanh ác giác.

Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn này thường siêng

quán sát những ác giác như vậy.

Hàng phàm phu chẳng thấy lỗi họa của ác giác, nên lãnh thọ ba thứ ác giác, gọi đó là lãnh thọ ác lậu.

Bồ Tát thấy như thế nên chẳng lãnh chẳng ham, nương nơi tám Thánh đạo để trừ bỏ đó, để chặt đứt đó. Do đây nên Bồ Tát không thọ ác lậu. Sao lại nói rằng Như-Lai có ác lậu ? Do nghĩa này nên Như-Lai chẳng phải là hữu lậu.

Này Thiện nam tử ! Phàm phu nếu gặp lúc thân tâm khổ não thời sanh các sự ác. Lúc bị thân bệnh hay tâm bệnh, khiến thân khẩu, ý tạo những nghiệp ác. Vì tạo nghiệp ác nên luân hồi trong ba đường dữ thọ những sự khổ. Tại sao vậy ? Vì phàm phu không có niệm huệ.

Bồ Tát thường tự suy xét rằng: Ta từ vô số kiếp xưa đến nay, vì thân tâm này mà gây tạo những nghiệp ác, nên phải lưu chuyển trong sanh tử đọa nơi ác đạo chịu đủ sự khổ, làm cho ta xa lìa con đường chân chánh ba thừa. Suy nghĩ như vậy rồi Bồ Tát rất sợ sệt đối với thân tâm của mình, lìa bỏ việc ác mà thẳng đến đạo lành.

Ví như có Quốc Vương đem bốn con rắn độc đựng chung trong một cái tráp, sai người nuôi dưỡng cho ăn,

tắm rửa. Vua ra lệnh nếu để một con rắn giận dữ không vừa lòng, thời ta sẽ xử tử nhà ngươi.

Người đó nghe lệnh nghiêm khắc của Quốc Vương, sợ quá bỏ trống rắn chạy trốn. Vua liền sai năm Chiên Đà La cầm dao rượt theo. Người ấy ngó ngoái lại thấy phía sau năm người rượt gấp bèn vội chạy đi. Năm người lập kế giấu dao, rồi bí mật sai một người giả dạng hiền lành đến khuyên bảo người ấy trở lại. Người ấy chẳng tin chạy thẳng đến một tú lạch kia để ẩn trốn. Lúc đã vào trong tú lạch, xem thấy những nhà cửa đều không có người cũng không có đồ vật, bèn ngồi trên đất. Thoạt nghe trên không có tiếng nói: Này nam tử ! Tú lạch này hoang vắng không có cư dân, đêm nay sẽ có sáu tên cướp đến. Nếu người gặp cướp thời khó bảo tồn tánh mạng. Người ấy nghe tiếng trên hư không bảo như vậy sợ hãi quá bèn bỏ tú lạch mà đi. Dọc đường gặp một con sông nước chảy gấp. Tìm không có thuyền bè, vì sợ nên lấy các thứ cỏ cây kết làm bè. Tự nghĩ rằng: Nếu ta dừng ở nơi đây tất sẽ bị rắn độc, năm Chiên Đà La, một người dôi hiền lành và sáu tên cướp làm nguy hại. Còn nếu qua sông thời chiếc bè này không bảo đảm có thể sẽ phải chìm chết. Nhưng thà chết đuối, trọn chẳng để kẻ ác kia làm hại.

Suy nghĩ xong, kéo bè cỏ xuống nước, thân nằm trên bè, tay ôm bè, chân đạp nước vượt dòng nước chảy xiết mà qua sông.

Lúc đã được qua đến bờ bên kia an ổn không họa hoạn, hết kinh sợ trong lòng rất thơ thới vui vẻ.

Bồ Tát đặng nghe và thọ trì kinh Đại Niết Bàn, suy xét thân này như cái tráp, địa, thủy, hỏa, phong như bốn rắn độc: Kiến độc, Xúc độc, Khí độc, Nọc độc. Tất cả chúng sanh gặp bốn rắn độc này thời phải mất thân mạng. Tứ đại cũng như vậy: Hoặc kiến chấp làm độc, hoặc chạm xúc làm độc, hoặc hà khí làm độc, hoặc cắn nọc làm độc, do đây nên xa lìa những điều lành.

Bồ Tát suy xét bốn rắn độc có bốn dòng họ: Dòng Sát Để Lợi, dòng Bà La Môn, dòng Tỳ Xá, dòng Thủ Đà. Tứ đại cũng có bốn chủng tánh: Tánh cứng, tánh ướt, tánh nóng, tánh động. Vì thế nên Bồ Tát xem tứ đại đồng chủng tánh với bốn rắn độc.

Bồ Tát lại suy xét bốn rắn độc này thường rình hại người: Lúc nào sẽ nhìn ngó, lúc nào sẽ chạm xúc, lúc nào sẽ hà hơi, lúc nào sẽ cắn. Tứ đại cũng như vậy thường rình chờ dịp để hại chúng sanh.

Nếu bị bốn rắn độc hại chết chẳng đến nỗi phải đọa trong ba đường ác. Nếu bị tứ đại giết hại tất sa vào ba đường ác. Bốn rắn độc này dầu sẵn sóc nuôi dưỡng nó nhưng nó cũng thường muốn giết người. Cũng vậy, dầu thường cung cấp, nhưng tứ đại cũng luôn kéo dặt người tạo những nghiệp ác. Bốn rắn độc ấy nếu một con sân giận thời sẽ giết người. Tánh tứ đại nếu một đại phát lên cũng có thể hại người. Bốn rắn độc ấy dầu ở chung một chỗ, nhưng tâm tánh của nó đều riêng khác. Tứ đại dầu đồng ở một thân mà tánh của mỗi đại khác nhau. Bốn rắn độc ấy dầu có cung kính nó cũng khó có thể gần gũi nó, tứ đại cũng như vậy. Bốn rắn độc ấy nếu lúc hại người, có được phù chú thuốc men của Sa Môn hay Bà La Môn thời có thể chữa trị. Tứ đại giết người dầu có Sa Môn hay Bà La Môn dùng thần chú phép tắc cũng chẳng trị được. Như người trí nghe hơi tanh của rắn độc liền tránh xa. Chư Phật Bồ Tát nghe hơi hôi của tứ đại cũng liền tránh xa.

Bồ Tát lại suy nghĩ tứ đại như rắn độc, nên rất sợ sệt chạy đi lo tu tám Thánh đạo.

Năm Chiên Đà La dùng lệ cho năm âm. Bồ Tát quán sát năm âm như Chiên Đà La.

Chiên Đà La thường hay làm cho người phải xa lìa ân ái mà hội họp với oán thù. Cũng vậy, năm ám khiến người tham gần pháp ác mà xa lìa những pháp lành.

Như Chiên Đà La võ trang để tự vệ: Hoặc dao, gậy, cung tên hoặc thuẫn giáp, họ có thể hại người. Cũng vậy, năm ám dùng các thứ phiền não để tự võ trang, hại những người ngu si làm cho sa vào trong ba cõi.

Như Chiên Đà La bắt được người có tội lỗi bèn giết hại. Cũng vậy, năm ám có những kiết sử thường hay hại người.

Do nghĩa này nên Bồ Tát quán sát năm ám như Chiên Đà La.

Lại như Chiên Đà La không tâm từ mẫn họ hại cả người thân cũng như kẻ thù. Cũng vậy, năm ám hại cả pháp lành, pháp ác, không lòng từ mẫn.

Như Chiên Đà La nào hại tất cả mọi người, ngũ ám dùng các thứ phiền não thường nào hại tất cả chúng sanh trong dòng sanh tử.

Chiên Đà La luôn luôn có tâm niệm muốn giết hại, năm ám cũng thường có những kiết sử nào hại.

Như người cụt chân lại không dao gậy không người

hộ vệ, phải biết người này ắt bị Chiên Đà La giết hại. Cũng vậy, chúng sanh không chân, không dao, không hộ vệ, thời bị giặc năm âm làm hại. Chân lệ cho giới, dao lệ cho trí huệ, người hộ vệ lệ cho Thiện tri thức. Nếu không ba điều này tất bị năm âm làm hại. Do đây nên Bồ Tát xem năm âm như Chiên Đà La.

Bồ Tát lại quán sát năm âm còn hơn Chiên Đà La. Vì người bị Chiên Đà La giết hại chẳng đọa địa ngục, còn bị năm âm giết hại thời đọa địa ngục. Do đây nên Bồ Tát lập thệ rằng: Tôi thà trọn đời gần Chiên Đà La, chớ chẳng gần năm âm dầu chỉ tạm thời.

Chiên Đà La chỉ có thể hại nơi người ngu si ở cõi dục. Giặc ngũ âm hại khắp tất cả phàm phu chúng sanh trong ba cõi.

Chiên Đà La chỉ có thể giết hại người có tội, năm âm giết hại chúng sanh không luận có tội hay không tội.

Chiên Đà La chẳng giết hại người già cả, phụ nữ và trẻ thơ, năm âm giết tất cả chúng sanh không luận già trẻ cùng phụ nữ.

Vì thế nên Bồ Tát quán sát năm âm còn hơn Chiên Đà La, lập thệ trọn đời thà ở gần Chiên Đà La chớ chẳng

gần gũi năm ám dẫu chỉ tạm thời.

Chiên Đà La chỉ hại người khác không bao giờ tự hại mình, giặc năm ám hại mình, hại người hơn Chiên Đà La.

Chiên Đà La có thể dùng lời lành, tiền của, châu báu lo lót mà được thoát khỏi. Năm ám chẳng như vậy, không thể dùng lời lành để khuyến dụ cũng không thể dùng tiền của châu báu lo lót mà được thoát khỏi.

Trong ngày đêm Chiên Đà La chẳng ắt luôn luôn giết hại, năm ám thời niệm niệm thường giết hại chúng sanh.

Chiên Đà La chỉ ở một chỗ, có thể trốn lánh khỏi, năm ám thời ở khắp tất cả chỗ nên không thể trốn lánh.

Chiên Đà La dẫu hại người, lúc hại xong, thời chẳng theo nữa. Năm ám khi đã giết hại chúng sanh lại theo dõi luôn chẳng rời.

Do đây nên Bồ Tát lập thế thà trọn đời ở gần Chiên Đà La, quyết không gần gũi năm ám dẫu chỉ tạm thời.

Người có trí huệ dùng phương tiện lành khéo thoát khỏi đặng năm ám. Chính là thật hành tám Thánh đạo, sáu Ba La Mật, bốn vô lượng tâm mà được giải thoát, thân tâm chẳng bị năm ám làm hại. Vì thân như kim cương, tâm như hư không.

Do nghĩa này nên Bồ Tát quán sát năm âm có những điều chẳng lành, lòng rất sợ sệt lo tu tám Thánh đạo. Cũng như người kia sợ bốn rắn độc cùng năm Chiên Đà La, kiếm đường chạy trốn không dám ngoái lại.

Kẻ giả làm bạn thân chính là để lộ cho tham ái. Bồ Tát quán sát kỹ tham ái như kẻ địch giả làm người thân. Nếu đã biết được là giả thì không bị hại, còn nếu chẳng rõ biết tất sẽ bị hại. Cũng vậy, nếu biết được tánh của tham ái thì nó chẳng thể làm cho chúng sanh luân chuyển sanh tử, như không rõ biết thì phải luân hồi trong sáu loài chịu đủ mọi sự khổ. Vì tham ái làm hại khó bỏ lìa, như kẻ địch giả làm người thân nên khó xa lìa. Kẻ oán địch giả làm người thân, luôn rình chờ có dịp để hại người, tham ái làm cho người xa lìa tất cả pháp lành gần gũi tất cả pháp ác cũng như vậy. Bồ Tát quán sát kỹ tham ái như kẻ địch giả người thân, vì thấy mà chẳng thấy, vì nghe mà chẳng nghe, như người phạm phu thấy lỗi sanh tử, dầu có trí huệ nhưng vì si mê che đậy nên rồi lại chẳng thấy lỗi. Hàng Thanh Văn Duyên Giác cũng như vậy: Dầu thấy nhưng chẳng thấy, dầu nghe nhưng chẳng nghe. Do tâm tham ái nên dầu thấy lỗi sanh tử mà không thể mau đến Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên Bồ Tát

xem tham ái như kẻ địch giả người thân.

Như kẻ oán địch chẳng thân mà giả là người thật thân, chẳng thể gần gũi mà giả gần gũi, là ác mà giả là lành, chẳng thân yêu mà giả là thân yêu, để luôn luôn chờ dịp hại người. Tham ái cũng như vậy.

Kẻ địch giả người thân, chỉ thấy được thân và miệng của họ mà chẳng biết được tâm của họ, nên họ có thể phỉnh gạt. Tham ái hư dối khó biết nên nó có thể làm mê lầm tất cả chúng sanh.

Kẻ địch giả người thân thời có trước có sau có thể dễ xa lìa, tham ái không trước không sau nên khó xa lìa được.

Kẻ địch giả người thân, ở xa thời khó biết, gần gũi thời dễ biết. Tham ái gần gũi còn khó rõ biết huống là ở xa.

Tất cả chúng sanh vì tham ái mà xa Đại Niết Bàn gần gũi sanh tử, xa thường, lạc, ngã, tịnh mà gần vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Do đây nên trong các kinh Phật nói là như nhớp trong ba cõi. Nơi việc hiện tại vì vô minh nên chẳng thấy lỗi họa chẳng xa lìa được. Kẻ địch giả người thân trọn chẳng hại được người có trí. Do đây nên

Bồ Tát quán sát kỹ tham ái này, lòng rất sợ lo tu tám Thánh đạo. Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La và một kẻ giả người thân nên kiếm đường chạy trốn chẳng trở lại.

Tụ lạc trống rỗng không cư dân chính là lệ cho lục nhập. Bồ Tát quán sát nội lục nhập trống rỗng không chỗ có như tụ lạc trống. Như người sợ chết kia đã vào tụ lạc nhận đến chẳng thấy có một người ở, tìm khắp nơi cũng chẳng gặp được một món đồ. Cũng vậy, Bồ Tát quán sát kỹ lục nhập trống rỗng không chỗ có, chẳng thấy chúng sanh, chẳng thấy một vật thật có.

Tụ lạc trống rỗng đó, đảng cướp ở xa trọn chẳng tưởng là trống rỗng. Phạm phu cũng như vậy, đối với lục nhập chẳng nghĩ là trống rỗng, do đó nên luân chuyển trong sanh tử thọ vô lượng sự khổ. Bồ Tát quán sát lục nhập này luôn nghĩ tưởng là trống rỗng, nên chẳng bị khổ luân hồi sanh tử. Bồ Tát đối với lục nhập thường không có quan niệm điên đảo, nên chẳng còn luân hồi sanh tử. Như đảng cướp, lúc vào tụ lạc trống rỗng này thời được an vui. Giác phiền não cũng như vậy, lúc vào trong lục nhập thời được an vui. Như đảng cướp vào tụ lạc này thời không lòng sợ sệt.

Giặc phiên não ở nơi lục nhập này cũng không sợ sệt như vậy. Như tụ lạc trống rỗng là chỗ ở của các loài ác thú: Sư tử, cọp, sói. Lục nhập này cũng là chỗ ở của tất cả phiên não ác.

Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ lục nhập trống rỗng không chỗ có là chỗ ở của tất cả việc ác. Tụ lạc này trống rỗng không vui, mà đáng cướp tưởng là có người có vật là an vui. Đối với lục nhập trống rỗng không chỗ có mà người ngu tưởng là có, là vui, chỉ có người trí mới biết được sự thật.

Tụ lạc kia lúc thời có người, lúc thời không người. Lục nhập một mặt luôn không người, vì tánh nó vốn là không, chỉ có người trí biết rõ, chẳng phải là mắt thấy được. Do đây nên Bồ Tát quán sát lục nhập nhiều sự oán thù tai hại, lo tu tám đạo Thánh chẳng thôi chẳng nghỉ. Như người kia sợ bốn rắn độc, năm Chiên Đà La. Một kẻ giả bạn thân cùng sáu tên cướp mà vội vã lên đường chạy thẳng.

Sáu tên cướp dùng lệ cho sáu trần: Bồ Tát quán sát sáu trần này như sáu tên cướp hung dữ, vì chúng nó có thể cướp tất cả những pháp lành, như sáu tên cướp có thể cướp tài vật của tất cả nhân dân.

Như sáu tên cướp vào nhà người thời có thể cướp đoạt tất cả tài sản hiện có trong nhà chẳng chọn tốt xấu, làm cho người giàu to thoát vậy nghèo cùng. Giặc sáu trần này lúc vào nơi sáu căn thời nó có thể cướp giựt tất cả pháp lành của người, làm cho người hết lành hết phước thành kẻ bần cùng Nhất Xiển Đề. Vì thế nên Bồ Tát quán sát sáu trần như sáu tên cướp.

Như sáu tên cướp lúc muốn cướp nhà người phải nhờ người trong nhà làm nội ứng, nếu không người nội ứng thời bọn cướp bèn trở lại. Giặc sáu trần này cũng như vậy, lúc muốn cướp pháp lành cần phải do bề trong chúng sanh có những tướng tri kiến: Thường, lạc, ngã, tịnh, bất không v.v... nếu không có những tướng bề trong như vậy, thời giặc sáu trần chẳng thể cướp được pháp lành.

Người trí trong tâm không có những tướng như vậy, phàm phu thời có, nên sáu trần thường đến xâm đoạt pháp lành của phàm phu.

Người trí có thể khéo dùng trí huệ đề phòng giữ gìn nên chẳng bị cướp đoạt. Do đây nên Bồ Tát quán sát sáu trần này như sáu tên cướp.

Như sáu tên cướp có thể làm khổ não thân tâm của

nhân dân, giấc sáu trần thường làm thân tâm chúng sanh khổ não cũng như vậy.

Sáu tên cướp chỉ có thể đoạt tài sản hiện có của người, giấc sáu trần thường cướp đoạt pháp lành của chúng sanh cả ba đời.

Sáu tên cướp đến đêm tối thời vui mừng, giấc sáu trần ở trong vô minh hắc ám thời nó vui thích. Sáu tên cướp chỉ có nhà vua mới có thể dẹp bắt, giấc sáu trần chỉ có Phật Bồ Tát mới ngăn dứt được nó.

Sáu tên cướp này, lúc muốn cướp giựt, chẳng lựa chọn người xinh đẹp, thông minh, học rộng, giàu sang hay nghèo hèn. Giấc sáu trần lúc muốn cướp pháp lành cũng chẳng lựa chọn người xinh đẹp nhẵn đến nghèo hèn.

Sáu tên cướp này, dầu nhà vua bắt được, chặt tay chân, nhưng vẫn không thể làm cho tâm chúng nó hết hung ác. Giấc sáu trần cũng như vậy, dầu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, chặt đứt nó, cũng chẳng thể làm cho nó chẳng cướp pháp lành. Như người dưng kiện mới có thể dẹp hẳn sáu tên cướp này. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát mới có thể dẹp hẳn giấc sáu trần.

Như có người quyền thuộc đông, giòng họ lớn, bà

con nhiều, thời chẳng bị sáu tên cướp xâm đoạt tài sản. Cũng vậy, chúng sanh nếu có Thiên tri thức thời chẳng bị giặc sáu trần cướp hại.

Sáu tên cướp này nếu thấy tài vật của người, thời có thể trộm cướp. Giặc sáu trần nếu thấy, nếu biết, nếu nghe, nếu ngửi, nếu chạm, nếu hay biết, thời đều có thể cướp đoạt.

Sáu tên cướp chỉ có thể cướp đoạt tài sản của người, cõi dục, giặc sáu trần có thể cướp đoạt tất cả của sáu pháp lành ba cõi.

Do đây nên Bồ Tát quán sát kỹ sáu trần còn hơn sáu tên cướp kia, do đây nên lo tu tám Thánh đạo thẳng tiến chẳng trở lại. Như người kia sợ bốn rắn độc năm Chiên Đà La, một kẻ giả bạn thân cùng sáu tên cướp rời bỏ tự lạc trống rỗng theo đường thẳng chạy đi.

Dọc đường gặp một con sông, chính là lệ cho phiền não.

Bồ Tát quán sát phiền não này như sông lớn, nước sông chảy xiết có thể làm trôi hương tượng. Phiền não cũng có thể làm trôi bậc Duyên Giác.

Sâu khó đến đáy nên gọi là “sông”, bờ xa khó qua

đến nên gọi là “lớn”. Giữa sông có nhiều loài cá hung dữ. Phiền não cũng như vậy, chỉ có Phật và Bồ Tát mới có thể cùng tột nên gọi là rất sâu, chỉ có Phật và Bồ Tát mới qua đến bờ nên gọi là rộng lớn, thường hại tất cả chúng sanh si mê nên gọi là hung dữ. Do đây nên Bồ Tát quán sát phiền não này dường như sông lớn.

Như nước sông lớn có thể sanh trưởng tất cả cỏ cây lùm rùm, phiền não cũng có thể sanh trưởng chúng sanh hai mươi lăm cõi. Như có người té xuống sông lớn mà không hồ thẹn, chúng sanh sa vào trong phiền não cũng không hồ thẹn như té xuống sông chìm chưa đến đáy mà đã chết, chúng sanh sa vào phiền não luân hồi trong hai mươi lăm cõi vẫn chưa đến đáy. Trên đây nói đáy sông là lệ cho tướng không, nếu chẳng tu tướng không này, thời chẳng đặng ra khỏi hai mươi lăm cõi. Tất cả chúng sanh vì chẳng thể khéo tu tướng không nên thường bị phiền não nhận chìm: Do đây nên Bồ Tát quán sát phiền não này dường như sông lớn.

Như sông lớn kia chỉ có thể làm hại thân mạng mà chẳng phá được pháp lành, phiền não thời có thể phá hoại tất cả pháp lành của thân tâm.

Sông lớn kia chỉ có thể làm trôi chìm người trong cõi

dục, phiền não thời có thể hại tất cả nhân thiên trong ba cõi.

Sông lớn trong đời nếu tay ôm phao, vịn bè, chân đạp, thời có thể đến bờ bên kia. Với phiền não thời chỉ có Bồ Tát tu sáu pháp Ba La Mật mới qua khỏi được.

Như sông lớn người khó lội qua, chúng sanh cũng khó thoát qua khỏi phiền não. Thế nào gọi là khó ? Đến bậc thập trụ Bồ Tát vẫn còn chưa rốt ráo thoát khỏi hẳn phiền não, chỉ có chư Phật mới rốt ráo. Do đây nên gọi là khó qua khỏi được.

Như có người bị nước sông đẩy trôi chẳng có thể làm được việc gì, chúng sanh bị phiền não lôi cuốn cũng không thể tu tập pháp lành. Như người té sông bị nước cuốn đi, người có đủ sức thời cứu vớt được. Chúng sanh sa vào phiền não làm nhất xiển đề, hàng Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Chư Phật đều không cứu té được. Sông lớn trong đời phải khô cạn lúc kiếp tận. Với phiền não hàng Thanh Văn, Duyên Giác dầu tu thất giác chi vẫn còn chẳng làm khô được. Vì thế nên Bồ Tát quán sát các phiền não dường như sông lớn.

Như người kia sợ bốn rắn độc năm Chiên Đà La, một kẻ giả bạn thân cùng sáu tên cướp mà bỏ tự lạc trống rỗng

thẳng đường chạy đi đến bên sông lớn, rồi lấy cỏ kết làm bè. Cũng vậy, Bồ Tát sợ tứ đại, ngũ âm, tham ái, lục nhập, lục trần, đến sông phiền não, rồi tu giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu môn ba la mật, ba mươi bảy phẩm trợ đạo, dùng đây làm thuyền bè để vượt qua sông phiền não đến bờ Niết Bàn: Thường, lạc, ngã, tịnh kia. Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn suy nghĩ như vậy: Nếu tôi không suy nghĩ nhận lấy sự khổ nơi thân, sự khổ nơi tâm, thì không thể làm cho tất cả chúng sanh qua khỏi sông phiền não. Nhờ suy nghĩ như vậy nên dầu có khổ não, Bồ Tát vẫn yên lặng nhẫn thọ. Vì nhẫn thọ thì chẳng sanh ác lậu. Bồ Tát còn không có những ác lậu, huống là Như-Lai. Do đây nên chư Phật là vô lậu. Vì Như-Lai thường đi trong hữu lậu, chính là hiện thân trong hai mươi lăm cõi, nên hàng Thanh Văn cùng kẻ phàm phu cho rằng Phật là hữu lậu. Thật ra chư Phật Như-Lai chân thật vô lậu. Do nhân duyên trên đây nên chư Phật Như-Lai không có tướng quyết định. Và cũng do những có trên đây nên người phạm bốn tội nặng, hủy báng kinh Đại Thừa và nhất xiển đề đều không quyết định.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát nói: “ Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời đức Phật dạy, tất cả pháp đều không

quyết định, do đây nên biết Như-Lai cũng chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn.

Như vừa rồi đức Phật nói trong đoạn Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn nghe chỗ chẳng nghe, có nói đến Niết Bàn cùng Đại Niết Bàn. Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Niết Bàn ? Thế nào là Đại Niết Bàn ?

Đức Phật khen:

“ Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát đặng niệm tổng trì, mới có thể thưa hỏi như ông.

Này Thiện nam tử ! Như người đời nói: Có biển, có biển lớn ; có sông, có sông lớn ; có núi, có núi lớn ; có thành, có thành lớn ; có chúng sanh, có chúng sanh lớn ; có vua, có vua lớn ; có người, có người lớn ; có trời, có trời lớn ; có đạo, có đạo lớn ; Niết Bàn cũng vậy: Có Niết Bàn và có Đại Niết Bàn.

Thế nào là Niết Bàn ?

Như người đói đặng chút ít cơm ăn thời gọi là được an vui. Như người bệnh được lành thời gọi là an vui. Như người kinh sợ đặng chỗ nương dựa thời được an vui. Như người nghèo cùng đặng châu báu thời được an vui. Như người quán xương trắng chẳng sanh lòng tham dục thời

được an vui. Tất cả sự an vui trên đây cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn trong phạm vi tương đối.

Này Thiện nam tử ! Nếu người phàm phu nhĩn đến hàng Thanh Văn, hoặc nhân thế tục, hoặc nhân Thánh đạo, mà dứt được kiết sử, cõi dục thời được an vui. Có thể dứt kiết sử cõi sơ thiên nhĩn đến có thể dứt kiết sử cõi Phi Phi Tướng thời được an vui. Những sự an vui này cũng gọi là Niết Bàn, nhưng chẳng được gọi là Đại Niết Bàn, vì còn tập khí phiền não.

Thế nào gọi là tập khí phiền não ?

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác còn có tập khí phiền não, chính là những quan niệm: Thân tôi, áo tôi, tôi đi, tôi đến, tôi nói, tôi nghe, chư Phật Như-Lai nhập Niết Bàn, bốn tánh Niết Bàn không ngã, không lạc, chỉ có thường và tịnh, Phật, Pháp và Tăng có tướng sai khác, Như-Lai rốt ráo nhập Niết Bàn, chỗ chứng đặng Niết Bàn của Thanh Văn, Duyên Giác cùng chư Phật đồng nhau không sai khác, những quan niệm trên đây là tập khí phiền não. Vì thế nên chỗ chứng đặng của hàng nhị thừa chẳng phải là Đại Niết Bàn, vì không có thường, lạc, ngã, tịnh. Có thường, lạc, ngã, tịnh mới được gọi là Đại Niết

Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ví như vùng nào có thể chứa đựng tất cả những dòng nước thì gọi là biển lớn. Chỗ nào Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và Chư Phật chúng nhập thì gọi là Đại Niết Bàn. Tứ Thiên, ba môn tam muội, tám pháp bội xả, tám pháp thắng xứ, mười pháp nhất thiết xứ, vị nào có thể nhiếp thủ vô lượng pháp lành như vậy thì gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ví như có con sông, hương tượng lớn nhất lội không đến đáy thì gọi là sông lớn. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác nhẫn đến thập trụ Bồ Tát chẳng thấy Phật tánh thì gọi là Niết Bàn, chẳng phải Đại Niết Bàn. Nếu có thể thấy rõ Phật tánh thì được gọi là Đại Niết Bàn.

Chỉ có đại tượng vương mới có thể tới đến đáy sông lớn Đại Niết Bàn. Đại tượng vương đây là lệ cho chư Phật.

Này Thiện nam tử ! Nếu các đại lực sĩ trải qua nhiều thời gian không thể leo lên được, mới gọi là núi lớn. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác và Bồ Tát không thể thấy được mới gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Nơi trấn giữ của các vị tiểu vương thời gọi là thành nhỏ, chỗ của vua Chuyển Luân Vương trấn đóng mới gọi là thành lớn. Chỗ chúng nhập của Thanh Văn, Duyên Giác: Tám muôn, sáu muôn, bốn muôn, hai muôn, một muôn kiếp, thời gọi là Niết Bàn. Chỗ chúng nhập của Như-Lai Vô Thượng Pháp Vương mới được gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ví như có người thấy bốn đội binh lòng chẳng sợ sệt, nên biết người này gọi là đại chúng sanh. Nếu có chúng sanh đối với ác đạo phiền não ác nghiệp mà chẳng sợ sệt, có thể ở trong đó rộng độ chúng sanh, nên biết người này đặng Đại Niết Bàn.

Nếu có người cúng dường cha mẹ, cung kính Sa Môn và Bà La Môn thật hành pháp lành, lời nói thành thật không có khi dối, có thể nhẫn những sự ác hại, lại hay bố thí cho kẻ nghèo thiếu, thời gọi là bậc đại trượng phu. Cũng vậy, Bồ Tát có đại từ bi thương xót tất cả, xem chúng sanh như cha mẹ, đưa chúng sanh qua khỏi sông sanh tử, đem đạo nhất thừa chân thật chỉ dạy cho chúng sanh, đây gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Chữ đại là nói chẳng thể nghĩ bàn, nếu chẳng thể nghĩ bàn mà chúng sanh chẳng thể tin

được, thời gọi là Đại Niết Bàn, chỉ có Phật và Bồ Tát thấy được. Lại do vô lượng nhân duyên rồi sau mới có thể được nên gọi là đại. Vì có đại ngã nên gọi là Đại Niết Bàn. Vì Niết Bàn không có đại ngã là tự tại nên gọi là đại ngã. Đại tự tại là vì có tám điều tự tại: Một là có thể thị hiện một thân làm nhiều thân, số thân lớn nhỏ nhiều như vi trần đầy khắp mười phương vô lượng thế giới. Thân Như-Lai thật chẳng phải vi trần vì sức Đại Tự Tại mà thị hiện vi trần thân. Tự tại như vậy thời gọi là đại ngã.

Hai là thị hiện một thân vi trần đầy khắp cõi đại thiên, thật ra thân Như-Lai chẳng đầy nơi cõi đại thiên, vì là vô biên, do sức tự tại nên thị hiện đầy khắp nơi cõi đại thiên. Tự tại như vậy gọi là Đại ngã.

Ba là có thể đem thân khắp cõi đại thiên này bay trên hư không nhẹ nhàng đến nơi hai mươi hằng hà sa thế giới mà không chướng ngại. Thật ra thân Như-Lai không có nặng nhẹ, do sức tự tại nên làm có nhẹ có nặng, đây gọi là đại ngã.

Bốn là Như-Lai chỉ có nhất tâm an trụ chẳng động, do sức tự tại, vô lượng thân hình hóa hiện ra đều làm cho có tâm. Cũng do sức tự tại, có lúc Như-Lai làm một việc mà khiến cho tất cả chúng sanh đều được thành tựu. Do

sức tự tại thân Như-Lai thường ở một cõi mà làm cho tất cả chúng sanh ở cõi khác đều thấy. Tự tại như vậy gọi là đại ngã.

Năm [căn] là căn tự tại, với một căn Như-Lai có thể thấy sắc, nghe tiếng, ngửi mùi, nếm vị, cảm xúc, hay biết. Sáu căn của Như-Lai thật ra chẳng thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm, biết, do sức tự tại nên làm cho sáu căn đều tự tại, do đây gọi là đại ngã.

Sáu là vì tự tại nên chúng đặng tất cả pháp, thật ra tâm Như-Lai không có quan niệm chúng đặng, vì là Vô Sở Đắc. Nếu pháp là có thời có thể gọi là chúng đắc, pháp vẫn không thật có, đâu được gọi là chúng đắc. Giả sử Như-Lai có quan niệm chúng đắc thời chư Phật chẳng được Niết Bàn. Do vì không chúng đắc nên gọi là được Niết Bàn. Do tự tại mà chúng được tất cả pháp nên gọi là đại ngã.

Bảy là diễn thuyết tự tại. Như-Lai diễn thuyết nghĩa một bài kệ trải qua vô lượng kiếp cũng chẳng hết như nói về giới, định, thí, huệ v.v... Đức Như-Lai chẳng có quan niệm rằng ta nói người nghe, cũng chẳng nghĩ là một bài kệ. Người đời dùng bốn câu làm một bài kệ, Như-Lai thuận theo thế tục nên cũng nói là bài kệ. Tất cả pháp

tánh cũng không có ngôn thuyết, do sức tự tại nên Như-Lai diễn thuyết, vì diễn thuyết nên gọi là đại ngã.

Tám là Như-Lai khắp đầy tất cả chỗ như hư không. Tánh hư không chẳng thể thấy được. Như-Lai thật cũng chẳng thể thấy được, vì tự tại nên làm cho chúng sanh được thấy. Tự tại như vậy gọi là Đại ngã.

Do nghĩa tự tại này nên gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như kho báu chứa nhiều thứ châu báu lạ kỳ nên gọi là đại tạng. Cũng vậy, tạng pháp rất sâu, rất diệu của Như-Lai chứa đầy những pháp kỳ lạ chẳng thể nghĩ bàn, nên gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Phật nhiều vô biên mới gọi là đại, Niết Bàn vô biên, vô lượng nên gọi là đại. Này Thiện nam tử ! Lại vì có Đại lạc nên gọi là đại Niết Bàn, Niết Bàn vốn không sự vui, do vì bốn điều vui nên gọi là đại Niết Bàn. Một là vì dứt những sự vui, chẳng dứt sự vui thời gọi là khổ, nếu có khổ thời chẳng gọi là thật vui. Vì dứt sự vui nên không có khổ, không khổ không vui mới gọi là Đại lạc. Tánh Niết Bàn không khổ không vui nên Niết Bàn gọi là Đại lạc. Do nghĩa này mà gọi là (Đại) Niết Bàn.

Vui có hai thứ: Vui của phàm phu và vui của chư Phật. Vui của phàm phu là vô thường bại hoại, nên không có thật vui. Vui của chư Phật là thường là không biến đổi nên gọi là Đại lạc. Lại có ba thứ thọ: Một là khổ thọ, hai là lạc thọ, ba là bất khổ bất lạc thọ. Bất khổ bất lạc đây cũng là khổ. Niết Bàn đầu cũng chẳng khổ, chẳng vui nhưng là thật vui⁷, do đây nên gọi là Đại Niết Bàn.

Hai là vì đại tịch tịnh gọi là Đại lạc. Tánh Niết Bàn là đại tịch tịnh, vì xa lìa tất cả sự ồn náo, do đại tịch tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ba là vì biết tất cả nên gọi là Đại lạc. Như-Lai biết tất cả nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bốn là vì thân chẳng hư hoại nên gọi là Đại lạc. Thân Như-Lai là thân kim cương không hư hoại, chẳng phải thân phiền não, chẳng phải thân vô thường, nên gọi là Đại lạc, là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Danh tự của thế gian hoặc có nhân duyên đặt ra hoặc không nhân duyên đặt ra. Có nhân duyên đặt ra như Xá Lợi Phất, vì bà mẹ tên là Xá Lợi, nhân tên mẹ mà đặt tên ông là Xá Lợi Phất. Như Ma

⁷ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “Niết-bàn chẳng đồng với không khổ không vui mà gọi là vui lớn”

Vu La đạo nhân, vì sanh quán tại nước Ma Vu La, nhân tên nước mà đặt tên cho đạo nhân. Như Mục Kiên Liên, Mục Kiên Liên chính là họ, nhân họ đặt tên gọi là Mục Kiên Liên. Như ta sanh trong dòng Cù Đàm, nhân dòng họ đặt tên gọi ta là Cù Đàm. Như nhà thông thái Tỳ Xá Khư, Tỳ Xá Khư chính là tên một ngôi sao, nhân ngôi sao này đặt tên là Tỳ Xá Khư. Như người có sáu ngón tay, nhân đây gọi là người sáu ngón. Như danh từ Phật nô, Thiên nô, nhân nơi Phật, nhân nơi Thiên, mà gọi là Phật nô, Thiên nô. Như nhân nơi ẩm ướt sanh ra nên gọi là loài thấp sanh. Như nhân nơi tiến mà gọi là Ca Ca La, gọi là Cứu Cứu La. Những danh từ như vậy là có nhân duyên mà đặt tên.

Không nhân duyên mà đặt ra, như hoa sen, như đất, nước, gió, lửa, hư không. Như một danh từ mạn đà bà chỉ cho hai vật: Điện đường và uống nước, điện đường chẳng phải uống nước nhưng cũng đều được gọi là mạn đà bà. Như tát bà sa đa gọi là xà cái, thật chẳng phải là xà cái. Như trên đây gọi là không nhân mà lập danh tự.

Này Thiện nam tử ! Đại Niết Bàn đây cũng không có nhân duyên mà lập danh tự. Như hư không chẳng nhân sự trống rỗng nhỏ mà gọi là đại không, Niết Bàn cũng

chẳng nhân nơi tướng nhỏ mà gọi là Đại Niết Bàn. Ví như có một vật chẳng thể cân lường chẳng thể nghĩ bàn thời gọi là đại, Niết Bàn cũng chẳng thể cân lường chẳng thể nghĩ bàn nên gọi là Đại Niết Bàn.

Do vì thuần thanh tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn. Thanh tịnh có bốn thứ: Một là hai mươi lăm cõi gọi là bất tịnh, vì có thể dứt hẳn nên gọi là thanh tịnh. Thanh tịnh đây tức là Niết Bàn. Niết Bàn này cũng đặng gọi là có. Nhưng thật ra Niết Bàn chẳng phải là có, Như-Lai thuận theo thế tục nên nói Niết Bàn là có. Ví như người đời chẳng phải cha gọi là cha chẳng phải mẹ gọi là mẹ, chẳng phải thật cha mẹ mà nói là cha mẹ. Cũng vậy, tùy thuận theo thế tục nên nói chư Phật có Đại Niết Bàn.

Hai là vì nghiệp thanh tịnh. Tất cả phàm phu vì nghiệp chẳng thanh tịnh nên không có Niết Bàn. Như-Lai vì nghiệp thanh tịnh nên gọi là đại tịnh, do đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Ba là vì thân thanh tịnh. Thân vô thường thời gọi là chẳng thanh tịnh. Thân Như-Lai thường trụ không biến đổi nên gọi là đại tịnh, vì đại tịnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Bốn là vì tâm thanh tịnh. Tâm nếu có ác lậu thời gọi là chẳng thanh tịnh. Tâm của Phật vô lậu nên gọi là đại

tĩnh, vì đại tĩnh nên gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây gọi là nam tử nữ nhân tu hành kinh Đại Niết Bàn này thành tựu đầy đủ phần công đức thứ nhất.

Này Thiện nam tử ! Kế đây là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ hai.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, xưa chỗ chẳng được mà nay được, xưa chỗ chẳng thấy mà nay được thấy, xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe, xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến, xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Thế nào gọi là xưa chẳng được mà nay được ? Chính là nói về thần thông. Thần thông có hai thứ: Một là ngoài, hai là trong. Thần thông ngoài thời cùng ngoại đạo giống nhau. Thần thông trong lại có hai thứ: Một là của nhị thừa hai là của Bồ Tát. Thần thông của Bồ Tát, hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng có được. Hàng nhị thừa biến hóa một tâm hiện làm một chẳng hiện được nhiều. Bồ Tát ở trong một tâm thời có thể hiện đủ tất cả thân trong lục đạo, do vì được thế lực của kinh Đại Niết Bàn. Đây gọi là xưa chỗ chẳng được mà nay được. Lại Bồ Tát

được thân tự tại, tâm tự tại. Tất cả phàm phu thân cũng như tâm đều chẳng tự tại hoặc tâm theo nơi thân, hoặc thân theo nơi tâm. Ví như người say, rượu ở trong thân, lúc bấy giờ thân động tâm cũng động theo, cũng như thân mỏi mệt thì tâm cũng mỏi mệt theo, đây thời gọi là tâm theo nơi thân. Lại như trẻ thơ, thân nó nhỏ bé, tâm nó nhỏ theo, người lớn thân lớn thì tâm cũng lớn theo. Lại như có người thân thể thô rít, tâm họ thường nghĩ đến dầu mỡ muốn thoa cho được trơn nhuyễn, đây cũng gọi là tâm theo nơi thân.

Thế nào gọi là thân theo nơi tâm ? Chính là đi, đến, ngồi, nằm, thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, người sầu não thời thân gầy héo, người vui mừng thời thân tươi nở, người kinh sợ thời thân run rẩy, chuyên tâm thính pháp thời thân vui vẻ, người buồn khóc thời nước mũi nước mắt chảy tuôn đầy thời gọi là thân theo nơi tâm.

Bồ Tát thời chẳng như vậy, thân tâm đều được tự tại, Đại Bồ Tát hiện thân tướng như vi trần, thân vi trần này có thể khắp đến vô lượng vô biên hằng hà sa thế giới không bị chướng ngại, mà tâm Bồ Tát thường định vẫn không di động, đây thời gọi là tâm chẳng theo nơi thân và cũng gọi là xưa chỗ chẳng đến mà nay được đến, vì

tất cả Thanh văn, Bích Chi Phật chẳng thể đến được mà Bồ Tát đến được. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật dầu dùng thần thông chẳng có thể biến thân nhỏ như vi trần khắp đến vô lượng hằng hà sa thế giới. Thanh Văn, Bích Chi Phật lúc thân động thời tâm cũng động theo. Bồ Tát chẳng như vậy, tâm dầu chẳng động mà thân đến khắp tất cả chỗ, đây gọi là tâm chẳng theo nơi thân. Lại Bồ Tát hóa thân lớn bằng đại thiên thế giới, đem thân to lớn này chui vào thân nhỏ như vi trần, tâm của Bồ Tát cũng chẳng nhỏ theo. Thanh Văn, Bích Chi Phật dầu có thể hóa thân to lớn như đại thiên thế giới nhưng chẳng thể đem thân to lớn này chui vào thân nhỏ như vi trần.

Trong việc này nhị thừa còn chẳng làm được huống là có thể khiến tâm chẳng động theo. Đây gọi là Bồ Tát tâm chẳng theo nơi thân.

Đại Bồ Tát dùng một âm thanh có thể làm cho tất cả chúng sanh trong đại thiên thế giới đều nghe, trong tâm Bồ Tát trọn chẳng nghĩ rằng khiến âm thanh này khắp đến các thế giới làm cho chúng sanh được nghe, Bồ Tát nói rằng do tôi thuyết pháp làm cho chúng sanh được nghe nên biết người này trọn chẳng thể đặng Vô thượng Chánh giác. Vì tâm tưởng như trên đây là tâm sanh tử,

tất cả Đại Bồ Tát đã hết tâm sanh tử này vì thế nên thân tâm của Bồ Tát chẳng theo dõi nhau.

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu thân tâm theo nhau. Bồ Tát chẳng như vậy, vì hóa độ chúng sanh nên dầu hiện thân nhỏ nhưng tâm chẳng bé nhỏ vì tâm tánh của Bồ Tát luôn rộng lớn. Dầu lúc hiện thân lớn như đại thiên thế giới, nhưng tâm cũng chẳng lớn. Do nghĩa này nên tâm của Bồ Tát chẳng theo nơi thân Đại Bồ Tát đã từ vô lượng, vô số kiếp xa lìa rượu chẳng uống, nhưng tâm cũng động, tâm không buồn khổ mà thân cũng rơi lệ, thật không kinh sợ mà thân cũng run rẩy, do đây nên biết rằng Bồ Tát thân tâm tự tại, chẳng theo dõi nhau. Đại Bồ Tát dầu hiện một thân, mà các chúng sanh mỗi người tự thấy sai khác.

Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe ? Đại Bồ Tát trước lấy tướng các thứ tiếng: Tiếng voi, tiếng ngựa, tiếng xe, tiếng người, tiếng ốc, tiếng trống, tiếng ống tiêu, tiếng ca, tiếng cười v.v...

Mà luyện tập đó, do luyện tập nên có thể nghe tất cả tiếng của những địa ngục trong vô lượng đại thiên thế giới, lại càng tu tập thêm nên được nhĩ căn khác lạ, khác

hơn thiên nhĩ của Thanh Văn, Bích Chi Phật. Vì nhĩ căn thanh tịnh của nhị thừa nếu nương tứ đại tịnh diệu, của Sơ Thiên thời chỉ nghe tiếng cõi Sơ Thiên chẳng nghe được cõi Nhị Thiên, nhân đến Tứ Thiên cũng như vậy, dầu có thể trong một lúc được nghe tất cả tiếng trong đại thiên thế giới nhưng chẳng thể nghe được tiếng trong vô lượng vô biên hằng sa thế giới. Do nghĩa này nên gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe, Bồ Tát dầu nghe tiếng tâm mà trong lòng vẫn không có tướng nghe tiếng chẳng có tướng thường, lạc, ngã, tịnh, tướng chủ, tướng y, tướng tác, tướng nhân, tướng định, tướng quả. Do nghĩa này nên các vị Bồ Tát xưa chỗ chẳng nghe mà nay được nghe.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch rằng: “ Thế Tôn ! Như Phật nói Bồ Tát chẳng thấy có tướng định, không tướng quả thời không được đúng. Vì trước kia Như-Lai nói: Nếu có người nghe một chữ một câu kinh Đại Niết Bàn này quyết định được thành Vô Thượng Bồ Đề. Giờ đây sao Như-Lai lại nói là không định không quả ? Nếu được Vô Thượng Bồ Đề thời chính là tướng quyết định, chính là tướng quả, sao lại nói rằng không định không quả ? Vì nghe tiếng ác thời sanh tâm ác vì sanh tâm ác

thời đọa tam đồ, nếu đọa tam đồ thời là định quả, sao lại nói rằng không định không quả ?

Như-Lai khen rằng:

“ Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể thưa hỏi như vậy. Giả sử Chư Phật nói các âm thanh là có tướng định quả, đây thời chẳng phải là tướng Chư Phật, mà là tướng Ma vương, là tướng sanh tử, là tướng xa lìa Niết Bàn. Vì tất cả Chư Phật chỗ nói ra không có tướng định quả. Ví như dùng lưỡi dao sáng soi mặt người ; dựng đứng thời thấy mặt dài, để ngang thời thấy mặt rộng. Do nghĩa đây nên Chư Phật phạm nói ra không có tướng định quả. Đại Niết Bàn thật chẳng phải là kết quả của tiếng. Giả sử Niết Bàn là quả của tiếng thời Niết Bàn chẳng phải là pháp thường trụ. Ví như những pháp trong đời theo nhân mà sanh, có nhân thời có quả, không nhân thời không quả, vì nhân vô thường nên quả cũng vô thường, nhân cũng làm quả, quả cũng làm nhân, do nghĩa này nên tất cả pháp không có tướng nhất định. Giả sử Niết Bàn từ nhân mà sanh, vì nhân vô thường nên quả cũng vô thường. Nhưng Niết Bàn chẳng từ nhân mà sanh, thể Niết Bàn chẳng phải là quả, vì thế nên Niết Bàn là thường trụ. Do nghĩa đây nên thể của Niết Bàn là không định không quả.

Này Thiện nam tử ! Luận về Niết Bàn, cũng có thể nói là định, cũng có thể nói là quả. Niết Bàn của tất cả chư Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, nên nói là định, không sanh già hư hoại nên nói là định. Nhất Xiển Đề phạm bốn tội nặng, hủy báng Đại Thừa, tạo tội ngũ nghịch, rời bỏ bốn tâm, thời quyết định chứng đặng Niết Bàn, nên gọi là định.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói: Nếu có người nghe một chữ, một câu kinh Đại Niết Bàn, thời đặng Vô Thượng Bồ Đề. Đối với nghĩa này, ông còn chưa hiểu rõ. Ông nên lắng nghe ! Nếu có người nghe một câu, một chữ kinh Đại Niết Bàn, trong tâm chẳng có quan niệm tướng chữ, tướng câu, chẳng có tướng nghe, tướng Phật, tướng nói pháp, đây gọi là tướng, vô tướng. Do tướng vô tướng nên đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói vì nghe tiếng ác, mà đến tam đồ, nghĩa đó không phải. Vì chẳng phải tiếng ác mà đến tam đồ. Phải biết quả này là do tâm ác. Vì như có người nghe tiếng ác mà tâm chẳng sanh ác, do đây nên biết chẳng phải do tiếng ác mà đọa trong tam đồ. Nhưng chúng sanh do nơi phiền não ác tâm quá nhiều mà phải sanh vào ba đường ác, chẳng phải là do nơi tiếng

ác. Nếu tiếng có tướng quyết định, những người nghe tiếng ác, lẽ ra tất cả đều sanh tâm ác. Nay nghe tiếng ác, mà có người sanh tâm ác, có người chẳng sanh tâm ác, nên biết rằng tiếng không có tướng quyết định. Do vì không tướng quyết định nên dầu nghe tiếng ác mà chẳng sanh tâm ác.

- Bạch Thế Tôn ! Tiếng nếu không quyết định, có sao Bồ Tát nay đặng nghe chỗ xưa chẳng nghe ?

- Nay Thiện nam tử ! Tiếng không có tướng quyết định nên làm cho Bồ Tát nay được nghe chỗ xưa chẳng nghe. Do nghĩa này nên Như-Lai nói xưa chỗ chẳng nghe, mà nay được nghe.

Nay Thiện nam tử ! Thế nào là chỗ xưa chẳng thấy mà nay được thấy ? Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn, trước lấy tướng sáng: Những ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú, đèn đuốc, bảo châu, lửa. Do tu tập ánh sáng mà đặng nhãn căn khác lạ, khác hơn Thiên nhãn của Thanh Văn, Duyên Giác. Thiên nhãn của Nhị thừa nếu nương nơi nhãn căn tứ đại cõi dục thời chẳng thấy sơ thiên, nếu nương nơi nhãn căn sơ thiên thời chẳng thấy cõi trên, cũng chẳng thấy nhãn căn của chính mình, nhiều lắm là thấy tột đến đại thiên thế giới. Đại Bồ Tát chẳng tu thiên

nhãn, thấy sắc thân tốt đẹp đều là tướng xương trắng, dầu thấy sắc tướng trong hăng hà sa thế giới khác, nhưng chẳng tướng là sắc tướng, chẳng tướng là tướng thường, tướng có, tướng vật, tướng danh tự, chẳng tướng là tướng thấy, cũng chẳng nói nhãn căn này có tướng thanh tịnh vi diệu, chỉ thấy là tướng nhân duyên cùng tướng chẳng phải nhân duyên. Thế nào là nhân duyên ? Sắc là cảnh duyên của nhãn căn. Giả sử sắc chẳng phải là nhân duyên, thời tất cả phàm phu lẽ ra chẳng thấy tướng sắc. Thế nào là chẳng phải nhân duyên ? Đại Bồ Tát dầu thấy sắc nhưng chẳng phải tướng là tướng sắc, do đây nên chẳng phải là duyên. Vì thế nên thiên nhãn thanh tịnh của Bồ Tát khác với thiên nhãn của Thanh Văn, Duyên Giác. Trong một lúc, Bồ Tát thấy khắp chư Phật hiện tại ở mười phương thế giới. Cũng có thể thấy vi trần. Hàng Thanh Văn Duyên Giác chẳng thấy được như thế. Bồ Tát dầu thấy nhãn căn của mình mà vẫn không có tướng thấy, thấy tướng vô thường, thấy thân của phàm phu có ba mươi sáu vật, chứa đầy những thứ bất tịnh, thấy rõ như xem trái a ma lặc trong bàn tay. Nếu thấy sắc tướng của chúng sanh, Bồ Tát biết người này là căn tánh Đại-thừa hay tiểu thừa. Đụng chạm đến y phục của họ, Bồ Tát cũng biết người đó có những căn lành hay căn chẳng lành.

Do đây nên gọi là xưa chỗ chẳng thấy mà nay được thấy, cũng gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Vì khi thấy thời biết chỗ xưa chẳng biết, do vì biết nên thấy chỗ xưa chẳng thấy.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết ? Đại Bồ Tát dầu biết tâm tham, sân, si của phàm phu, nhưng vẫn chẳng tưởng là tâm và tâm sở, chẳng tưởng là chúng sanh cùng vật. Thường tu tướng rốt ráo không đê nhất nghĩa, do tu tập tướng không, nên biết được chỗ xưa chẳng biết.

Biết như thế nào ? Biết không có ngã không có ngã sở, biết tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì có Phật tánh nên hàng Nhất Xiển Đề rời bỏ được bốn tâm thời sẽ đặng Vô thượng Chánh giác. Những điều trên đây hàng Thanh Văn, Duyên Giác chẳng biết được mà Bồ Tát có thể biết. Vì thế nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn nhớ đời quá khứ tất cả chúng sanh bao nhiêu những dòng họ cha mẹ, anh em, vợ con, quyến thuộc, bạn thân, kẻ thù. Trong một niệm Bồ Tát đặng trí khác lạ, khác với trí huệ của Thanh Văn, Duyên Giác. Thế nào là khác ? Trí huệ của Thanh Văn,

Duyên Giác nhớ đến dòng họ cha mẹ v.v... của chúng sanh đời quá khứ mà có tướng dòng họ cha mẹ v.v... Bồ Tát đầu nghĩ nhớ dòng họ cha mẹ thưở quá khứ, nhưng trọn chẳng tướng có tướng dòng họ cha mẹ v.v... Mà thường thấy tướng không tịch. Đây gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn đặng tha tâm trí khác với Thanh Văn, Duyên Giác. Thế nào là khác ? Hàng Thanh Văn, Duyên Giác lúc dùng một niệm trí biết tâm của người, thời chẳng thể biết tâm của chư thiên, ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Trong một niệm Bồ Tát biết khắp tất cả tâm của lục đạo chúng sanh. Đây gọi là Bồ Tát xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Bồ Tát lại ở nơi trong một tâm rõ biết từ sơ tâm đến tâm thứ mười sáu của Tu Đà Hoàn. Do đây nên gọi là xưa chỗ chẳng biết mà nay được biết. Đây là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ hai.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ ba ? Đại Bồ Tát bỏ lòng từ đặng lòng từ, lúc đặng lòng từ chẳng do nhân duyên. Thế nào là bỏ lòng từ đặng lòng từ ? Từ gọi là thế đế. Đại Bồ Tát bỏ lòng từ thế đế đặng

lòng từ đệ nhất nghĩa. Lòng từ đệ nhất nghĩa chẳng do nhân duyên. Lòng từ nếu là có thể bỏ thời gọi là lòng từ của phàm phu, lòng từ nếu (có) thể được thời gọi là lòng từ vô duyên của Bồ Tát, đặng lòng từ lân mẫn, đặng lòng từ của Như-Lai, lòng từ này là lòng từ không nhân duyên. Lại bỏ lòng từ của hoàng môn, của người không căn, hai căn, nữ nhân, đồ tể, thợ săn v.v... cũng bỏ lòng từ của Thanh Văn, Duyên Giác, đặng lòng từ vô duyên của Bồ Tát. Chẳng còn thấy lòng từ của mình cũng chẳng thấy lòng từ của người, cũng chẳng thấy trì giới, phá giới. Dầu tự thấy lòng bi nhưng chẳng thấy tướng chúng sanh. Dầu có chịu khổ nhưng chẳng thấy người chịu khổ. Vì Bồ Tát tu hành chân thật không đệ nhất nghĩa nên thành tựu đầy đủ phần công đức thứ ba như vậy. Nay Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tư ? Nơi đây có mười việc: Một là căn lành sâu không bị lay động, hai là đối với thân mình có quan niệm quyết định, ba là chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền, bốn là tu tập công hạnh thanh tịnh Phật độ, năm là diệt trừ ba thứ hữu dư, sáu là dứt trừ nghiệp duyên, bảy là tu thân thanh tịnh, tám là rõ biết các duyên, chín là lìa những oán địch, mười là dứt trừ nhị biên.

Thế nào là căn lành sâu khó lay động. Căn lành đây là nói chẳng phóng dật, chẳng phóng dật là căn lành của Vô Thượng Bồ Đề. Cội gốc pháp lành của tất cả chư Phật đều do chẳng phóng dật. Vì chẳng phóng dật nên những căn lành khác lần lần được tăng trưởng. Như trong các thứ dấu chân, dấu chân của voi là hơn hết, ở trong các pháp lành, chẳng phóng dật cũng là hơn hết. Như trong các thứ ánh sáng, ánh sáng mặt trời là hơn hết, chẳng phóng dật là hơn hết các pháp lành khác. Như vua Chuyển Luân là bậc nhất trong các vua chúa, chẳng phóng dật cũng là bậc nhất trong các pháp lành. Như trong các dòng nước, bốn sông là hơn hết, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành, như núi Tu Di là bậc nhất trong các núi, chẳng phóng dật cũng là hạng bậc nhất trong các pháp lành. Như hoa sen xanh hơn tất cả những hoa mọc trong nước, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Như hoa Bà Lợi Su Ca hơn tất cả thứ hoa mọc trên đất, chẳng phóng dật cũng hơn hết các pháp lành khác. Như trong các loài thú, Sư Tử là hơn hết, chẳng phóng dật hơn những pháp lành khác. Như trong các loài chim, Kim sí điều là bậc nhất, chẳng phóng dật cũng là bậc nhất trong các pháp lành. Như trong các loài thân to lớn, vua A Tu La, La Hầu La, là to

hơn cả, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Như trong tất cả chúng sanh, đức Như-Lai là tôn quý nhất, chẳng phóng dật cũng là bậc nhất trong các pháp lành. Như trong các đoàn thể, chư Tăng là hơn hết, chẳng phóng dật cũng hơn hết trong các pháp lành. Như trong giáo pháp của Phật, kinh Đại Niết Bàn là hơn hết, chẳng phóng dật cũng là hơn hết trong các pháp lành. Do những nghĩa này nên căn lành chẳng phóng dật sâu bền khó lay động.

Thế nào là do chẳng phóng dật mà được thêm lớn các căn lành ? Những căn lành: Tín, Giới, Bố Thí, trí huệ, nhẫn nhục, đa văn, tinh tấn, niệm, định, Thiện tri thức đều do chẳng phóng dật mà được thêm lớn.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là đối với thân mình Bồ Tát có quan niệm quyết định ? Bồ Tát quyết định biết rằng thân của ta đây quyết định sẽ làm pháp khí Vô thượng Bồ-đề ở đời vị lai, chẳng có tâm hẹp nhỏ, chẳng có tâm biến đổi, chẳng sanh tâm Thanh Văn, Bích Chi Phật, chẳng sanh tâm ma, tâm tự hưởng vui, tâm sanh tử. Thường vì chúng sanh cầu tâm từ bi. Đây gọi là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn đối với thân mình sanh lòng quyết định.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền ? Những gì là phước điền ? Ngoại đạo trì giới trên đến chư Phật đây gọi là phước điền. Nếu có người nghĩ rằng những bậc này thuộc về phước điền nên biết tâm niệm này hẹp kém.

Đại Bồ Tát quán sát tất cả chúng sanh không ai chẳng phải là phước điền do vì Bồ Tát khéo tu tập niệm xứ khác lạ, nên quán sát chúng sanh không thấy có trì giới cùng hủy giới. Thường quán sát bốn pháp bố thí của Phật nói ra đều đặn quả báo thanh tịnh. Những gì là bốn thứ bố thí ? Một là thí chủ thanh tịnh, người thọ chẳng thanh tịnh. Hai là thí chủ chẳng thanh tịnh, người thọ thanh tịnh, ba là thí chủ cùng người thọ đều thanh tịnh. Bốn là thí chủ cùng người thọ đều chẳng thanh tịnh.

Thí chủ có đủ trì giới đa văn trí huệ rõ biết nhân cùng quả bố thí, người thọ thời phá giới tà kiến không tin bố thí cùng quả báo, đây gọi thí chủ thanh tịnh mà người thọ chẳng thanh tịnh.

Nếu thí chủ phá giới tà kiến không tin bố thí cùng quả báo, người thọ thời trì giới đa văn trí huệ biết có nhân cùng quả bố thí, đây gọi là thí chủ chẳng thanh tịnh người thọ thời thanh tịnh.

Nếu người bố thí cùng người thọ đều trì giới đa văn trí huệ biết có bố thí cùng quả báo, đây gọi là người thí người thọ đều thanh tịnh.

Nếu người thí người thọ đều phá giới tà kiến không tin nhân cùng quả bố thí, đây gọi là người thí kẻ thọ đều chẳng thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy tại sao lại nói Bồ Tát được quả báo thanh tịnh, vì không thí, không báo nên gọi là thanh tịnh ?

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có người chẳng thấy bố thí cùng quả báo bố thí, nên biết rằng, người này chẳng gọi là phá giới tà kiến.

Nay Thiện nam tử ! Nếu y theo nhị thừa nói rằng chẳng thấy bố thí cùng quả báo, đây gọi là phá giới tà kiến. Nếu nương kinh Đại Niết Bàn này mà chẳng thấy bố thí cùng quả báo thời gọi là trì giới chánh kiến. Đại Bồ Tát có niệm xứ khác lạ, do tu tập niệm xứ này nên chẳng thấy chúng sanh trì giới phá giới người thí người thọ và quả báo bố thí, nên được gọi là trì giới chánh kiến. Vì những nghĩa trên đây nên Đại Bồ Tát chẳng thấy phước điền và chẳng phải phước điền.

Thế nào gọi là thanh tịnh cõi Phật ? Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên lìa tâm giết hại. Do căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật, nguyện chúng sanh đặng thọ mạng dài lâu có thể lực lớn được thần thông lớn. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng trong cõi nước được thọ mạng dài lâu có thể lực lớn và thần thông lớn.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên lìa tâm trộm cướp. Dem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh, đồng thành Phật. Nguyện cõi nước thuần là bảy báu, chúng sanh đầy đủ vật cần dùng tùy theo ý muốn. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước thuần là bảy báu, chúng sanh giàu đủ tùy ý tự tại.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng bồ đề, vì độ chúng sanh, nên lìa tâm tham dục. Dem căn lành này nguyện cùng chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện tất cả chúng sanh không có tham dục, sân khuê, ngu si, cũng không có người đói khát khổ não. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật chúng sanh trong cõi nước xa lìa tâm tham dục sân khuê,

ngu si, không có người đói khát khổ não.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên lìa tâm vọng ngữ. Dem căn lành này nguyện tất cả chúng sanh cùng thành Phật. Nguyện các cõi nước thường có cây bông, cây trái, cây mùi thơm, chúng sanh đều được tiếng nói tốt. Do sức thệ nguyện này nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước thường có cây bông, cây trái, cây mùi thơm chúng sanh đều được tiếng nói tốt thanh tịnh.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm lưỡng thiệt. Dem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện các cõi nước tất cả chúng sanh thường hòa hiệp nhau, cùng nhau giảng nói chánh pháp. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước đều hòa hiệp nhau cùng nhau giảng luận pháp yếu.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề, vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm ác khẩu. Dem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật, nguyện các cõi nước mặt đất bằng phẳng, không có sạn sỏi gai góc, chúng sanh đều có tâm bình đẳng. Do

sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, cõi nước bằng phẳng không có sạn sỏi gai góc, tâm chúng sanh đều bình đẳng.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề, vì độ chúng sanh nên lìa lời nói vô nghĩa. Dem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh không có khổ não. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, tất cả chúng sanh trong cõi nước không có khổ não.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tâm tham lam tật đố. Dem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh không có tham lam tật đố, não hại, tà kiến. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều không có tâm tham lam, tật đố, não hại, tà kiến.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh, nên xa lìa tâm não hại. Dem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh đồng tu tập đại từ đại bi, đặng bậc

nhất tử⁸. Do sức thệ nguyện này nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều tu tập đại từ đại bi, được bậc nhất tử.

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn vì Vô Thượng Bồ Đề vì độ chúng sanh nên xa lìa tà kiến đem căn lành này nguyện cùng tất cả chúng sanh đồng thành Phật. Nguyện chúng sanh đều được Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật. Do sức thệ nguyện này, nên đời vị lai lúc Bồ Tát thành Phật, chúng sanh trong cõi nước đều được thọ trì Ma Ha Bát Nhã Ba La Mật, đây gọi là Bồ Tát tu hành thanh tịnh cõi Phật.

Thế nào Đại Bồ Tát dứt trừ hữu dư ? Hữu dư có ba thứ: Một là phiền não dư báo, hai là dư nghiệp, ba là dư hữu.

Nếu có chúng sanh quen gần tham dục, báo này thành thực phải đọa nơi địa ngục, ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh: BÒ trâu, se sẻ v.v... các loài chim, cá, trạch cùng khỉ, vượn, heo, nai v.v... Nếu được làm người, thời phải thọ thân hoàng môn, phụ nữ, hai căn, không căn, dâm nữ. Nếu được xuất gia thời phạm giới trọng ban đầu.

⁸ Theo daitangkinh.org, đôi khi dịch là “thương như con một”

Đây gọi là dư báo.

Nếu có chúng sanh quen gần sân, khuê, báo này thành thực phải đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh: Rắn độc, sư tử, cọp, sói, beo, gấu, mèo, chồn, ó, diều v.v... Nếu được làm người thời đủ cả mười sáu nghiệp ác. Nếu được xuất gia thời phạm giới trọng thứ ba. Đây gọi là dư báo.

Nếu có chúng sanh quen gần ngu si, báo này thành thực sẽ đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục phải thọ thân súc sanh: Voi, heo, bò, trâu, dê, rận, rệp, muỗi, ruồi, kiến, mối v.v... Nếu được làm người thời bị đui, điếc, câm, ngọng, lưng gù, tàn tật, thời không thể học tập. Nếu được xuất gia thời phạm giới trọng. Đây gọi là dư báo.

Nếu có người quen gần kiêu mạn, báo này thành thực sẽ đọa địa ngục. Ra khỏi địa ngục thọ thân súc sanh: Lạc đà, lừa, ngựa, chó v.v... Nếu được làm người thọ thân tôi tớ nghèo cùng ăn xin. Nếu được xuất gia thường bị chúng sanh khinh tiện, phạm giới thứ tư. Đây gọi là dư báo.

Như trên đây gọi là phiền não dư báo. Đại Bồ Tát do tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể trừ diệt.

Thế nào là dư nghiệp ? Tất cả nghiệp của phàm phu, nghiệp của Thanh Văn: Tu Đà Hoàn có nghiệp bảy lần thọ thân, Tu Đà Hàm có nghiệp hai lần thọ thân, A Na Hàm có nghiệp thọ thân cõi sắc, đây gọi là dư nghiệp. Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể dứt trừ những nghiệp dư này.

Thế nào là dư hữu ? A La Hán đặng quả A La Hán, Bích Chi Phật đặng quả Bích Chi Phật, không nghiệp, không kiết sử, mà còn hai quả, đây gọi là dư hữu.

Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn đều có thể trừ ba thứ hữu dư trên đây, nên gọi là Đại Bồ Tát diệt trừ hữu dư.

Thế nào là Bồ Tát tu thân thanh tịnh ? Đại Bồ Tát tu giới bất sát có năm thứ tâm: Hạ, trung, thượng, thượng thượng, thượng trung thượng, nhĩ đến chánh kiến cũng lại như vậy. Năm mươi tâm này gọi là sơ phát tâm. Quyết định đầy đủ thành tựu năm mươi tâm này đây gọi là viên mãn. Một trăm tâm như vậy gọi là một trăm phước đức. Đầy đủ một trăm phước làm thành một tướng tốt. Lần lượt đầy đủ thành tựu ba mươi hai tướng tốt, thời gọi là thân thanh tịnh. Sở dĩ lại tu tám mươi vẻ đẹp, vì trong đời có chúng sanh phụng thờ tám mươi vị Thiên Thần:

Thập nhị nhựt Thần, mười hai vị Trời lớn, năm ngôi sao lớn, sao Bắc Đẩu, Mã Thiên, Hành Đạo Thiên, Bà La Đọa Bạt Xà Thiên, Công Đức Thiên, Nhị Thập Bát Tú, Địa Thiên, Phong Thiên, Thủy Thiên, Hỏa Thiên, Phạm Thiên, Lô Đà Thiên, Nhân Đề Thiên, Câu Ma La Thiên, Bát Tý Thiên, Ma Hê Thủ La Thiên, Bàn Xà La Thiên, Quỷ Tử Mẫu Thiên, Tứ Thiên Vương Thiên, Tạo Thơ Thiên, Bà Tâu Thiên, đây gọi là tám mươi. Vì những chúng sanh này mà Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm nơi thân. Đây gọi là Bồ Tát tu thân thanh tịnh. Vì tám mươi thiên thần này được chúng sanh kính trọng, nên Bồ Tát tu tập tám mươi vẻ đẹp, thân thể không đổi dời, làm cho chúng sanh tùy theo lòng tin, đều được thấy, sanh lòng tôn kính mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như có người muốn thỉnh Quốc Vương, thời phải sửa sang trần thiết nhà cửa cho thật sạch sẽ khéo léo, sắm đủ trăm thứ thực phẩm thơm ngon rồi sau mới rước Quốc Vương ngự đến nhà. Cũng vậy, Đại Bồ Tát muốn thỉnh đấng Pháp Vương Vô Thượng Bồ Đề, thời phải trước tu thân cho thật thanh tịnh, rồi sau Pháp Vương mới đến ngự.

Ví như có người muốn uống chất cam lộ thời phải

trước rửa thân thật sạch. Cũng vậy, Đại Bồ Tát muốn uống Pháp vị Vô Thượng Bát Nhã Ba La Mật, trước phải tu tám mươi vẻ đẹp để trang nghiêm nơi thân.

Ví như đem bình vàng, chậu bạc đựng nước trong sạch thì cả trong lẫn ngoài đều trong sạch. Cũng vậy, Đại Bồ Tát dùng thân thanh tịnh chứa Vô Thượng Bồ Đề, thì trong ngoài đều thanh tịnh.

Như y trắng Ba La Nại dễ ăn màu thuốc nhuộm, vì chất y vốn trắng sạch. Cũng vậy, Đại Bồ Tát do thân thanh tịnh nên mau thành Vô Thượng Bồ Đề.

Do nghĩa này nên Đại Bồ Tát tu thân thanh tịnh, thế nào là Bồ Tát khéo biết các duyên ?

Đại Bồ Tát chẳng thấy sắc tướng, chẳng thấy sắc duyên, chẳng thấy sắc thể, chẳng thấy sắc sanh, chẳng thấy sắc diệt, chẳng thấy một tướng, chẳng thấy nhiều tướng, chẳng thấy người thấy, chẳng thấy tướng mạo, chẳng thấy người thọ, vì đã rõ nhân duyên. Như đối với sắc, tất cả pháp cũng như vậy. Đây gọi là Bồ Tát rõ biết các duyên.

Thế nào là Bồ Tát lìa các thù địch ?

Bậc Ngũ Trụ Bồ Tát chẳng xem phiền não là oán thù.

Vì do phiền não mà Bồ Tát có thọ sanh, do thọ sanh nên có thể xoay vần giáo hóa chúng sanh.

Những gì là oán thù đối với Bồ Tát ?

Chính là kẻ hủy báng kinh điển Đại Thừa. Bồ Tát thọ sanh không sợ địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chỉ sợ kẻ hủy báng kinh điển Đại Thừa. Có tám thứ ma này là oán thù của Bồ Tát, xa lìa được tám thứ ma này thời gọi là lìa thù địch.

Thế nào là Bồ tát xa lìa hai bên ?

Hai bên là hai mươi lăm cõi và ái phiền não. Bồ Tát luôn xa lìa hai mươi lăm cõi cùng ái phiền não.

Đây gọi là Đại Bồ tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tư.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Như lời đức Phật vừa nói: Nếu Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thời thành tựu mười công đức như vậy. Cớ sao Đức Như-Lai chỉ tu có chín điều mà không tu tịnh độ ?”

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Từ xưa ta thường tu tập đủ cả

mười điều. Tất cả Đại Bồ Tát cùng tất cả Như-Lai không có ai là chẳng tu tập trọn cả mười điều như vậy.

Giả sử thế giới đầy dẫy như uest, không bao giờ Như-Lai xuất hiện nơi ấy.

Này Thiện nam tử ! Ông chớ cho rằng chư Phật xuất hiện nơi thế giới như uest. Nên biết rằng tâm tướng như vậy là kém hẹp chẳng tốt. Ông nên biết rằng thật ra ta không có xuất hiện nơi Diêm Phù Đề.

Như có người nói riêng cõi này có mặt nhật, mặt nguyệt, cõi khác không có. Lời nói này không có nghĩa lý.

Nếu có Bồ Tát nói cõi này như uest xấu xa, cõi khác thanh tịnh xinh đẹp đây cũng là lời không có nghĩa lý.

Này Thiện nam tử ! Về phương Tây, cách cõi Ta Bà này bốn mươi hai hằng hà sa cõi Phật, có thế giới tên là Vô Thắng, những sự trang nghiêm xinh đẹp trong cõi đó đều bình đẳng, như cõi Cực Lạc, như cõi Mãn Nguyệt. Hiện tại ta xuất hiện trong cõi Vô Thắng đó. Vì hóa độ chúng sanh nên ta thị hiện chuyển pháp luân nơi Diêm Phù Đề này.

Chẳng phải riêng gì thân ta thị hiện chuyển pháp luân

nơi cõi này, mà tất cả Chư Phật cũng chuyển pháp luân trong cõi này.

Do nghĩa này nên Chư Phật đều tu đủ cả mười điều như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do thế nguyện, nên đời đương lai, Từ Thị Bồ Tát làm cho cõi này trở thành thanh tịnh trang nghiêm.

Do nghĩa này nên tất cả thế giới của chư Phật đều thanh tịnh trang nghiêm.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ năm ? Nơi đây có năm điều công đức, một là nơi thân các căn đều trọn vẹn ; hai là chẳng sanh chốn biên địa, ba là chư Thiên Thần mền tướng ; bốn là thường được chư Thiên, Ma Vương, Sa Môn, Bà La Môn v.v... cung kính, năm là được trí tức mạng. Do năng lực kinh Đại Niết Bàn mà Bồ Tát đồng đủ năm công đức như vậy.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Ngày trước Phật dạy: Nếu có người bố thí thời được năm công đức. Sao nay Như-Lai lại bảo nhân kinh Đại Niết Bàn mà đặng năm công đức ?”

Phật nói:

“ Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện nam tử ! Các công đức ấy đều có nghĩa sai khác. Nay ta sẽ vì ông mà giảng nói.

Năm điều công đức do bố thí mà được là không định, không thường, không tịnh, không thắng, không lạ, không phải vô lậu, không thể lợi ích an lạc xót thương tất cả chúng sanh.

Nếu là năm điều công đức do y theo kinh Đại Niết Bàn mà được thì là định, là thường, là tịnh, là thắng, là lạ, là vô lậu, có thể lợi ích an lạc xót thương tất cả chúng sanh.

Nay Thiện nam tử ! Xét về người bố thí thời xa lìa đói khát. Kinh Đại Niết Bàn có thể làm cho chúng sanh đều được xa lìa bệnh khát ái trong hai mươi lăm cõi. Do nơi bố thí làm cho sanh tử nối liền, kinh Đại Niết Bàn có thể làm cho sanh tử phải dứt. Nhân bố thí nên thọ lấy pháp phàm phu, nhân kinh Đại Niết Bàn mà được pháp Bồ Tát. Do bố thí nên dứt được sự nghèo cùng khổ não, kinh Đại Niết Bàn có thể dứt tất cả sự nghèo thiếu về pháp. Do bố thí mà có phần, có quả, do kinh Đại Niết Bàn mà được Vô Thượng Bồ Đề không phần không quả.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ năm.

Thế nào là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ sáu ?

Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn được Kim Cang Tam Muội. An trụ trong chánh định này thời phá tan được tất cả pháp. Thấy tất cả pháp đều là vô thường, đều là tướng lay động, là nhân duyên của sự khủng bố, bệnh khổ, cướp trộm, niêm niêm dứt hoại không chân thật. Tất cả đều là cảnh giới của ma, không có tướng đáng thấy.

Đại Bồ Tát an trụ trong tam muội này, nhãn đến không thấy một chúng sanh thật. Vì chúng sanh mà Bồ Tát tinh cần tu tập Thi La Ba La Mật, nhãn đến Bát Nhã Ba La Mật. Nếu Bồ Tát còn thấy có một chúng sanh thời không thể rốt ráo đầy đủ Đản Ba La Mật nhãn đến Bát Nhã Ba La Mật.

Này Thiện nam tử ! Ví như vật gì bị chất kim cang dúa đập thời đều bể tan, mà chất kim cang này không hề hư tổn. Cũng vậy, pháp gì bị Kim cang tam muội chiếu đến thời đều nát rã, mà tam muội này không hề hao tổn.

Trong các thứ châu báu, chất kim cương là hơn tất cả. Cũng vậy, trong các tam muội, Kim cương tam muội là thứ nhất. Vì Bồ Tát tu tập tam muội này thời tất cả tam muội đều đến quy thuộc.

Như các vua chúa nhỏ đều đến quy thuộc Chuyển Luân Thánh Vương, tất cả chánh định đều đến quy thuộc Kim cương tam muội.

Ví như có người là kẻ thù địch của quốc gia mọi người đều nhàm ghét, ai giết được người này thời cả nước đều ngợi khen công lao. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cương tam muội có thể phá hoại oán thù của tất cả chúng sanh, thế nên thường được tất cả tam muội tôn kính.

Ví như có người mạnh mẽ không ai cự lại, nếu có người thắng được người này thời được người đời khen tặng. Cũng vậy, Kim Cương tam muội có sức phá dẹp những pháp khó phá, nên được tất cả tam muội đến quy thuộc.

Như người đến tắm nơi biển lớn, phải biết rằng người này đã dùng nước của các sông ngòi suối ao. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cương tam muội, thời là đã tu tập tất cả tam muội khác.

Như trong Hương Sơn có một suối nước tên A Na Bà Đạp Đa, người nào được uống nước suối này thời không có những bệnh hoạn, vì nước suối này đủ tám vị. Cũng vậy, Kim Cang tam muội đủ tám chánh đạo, Bồ Tát tu tập tam muội này thời dứt sạch những bệnh nặng phiền não tội lỗi.

Như người cúng dường Trời Ma Hê Thủ La, thời là đã cúng dường tất cả Chư Thiên. Cũng vậy, người tu tập Kim Cang tam muội thời là đã tu tập tất cả tam muội khác.

Này Thiện nam tử ! Nếu Bồ Tát an trụ trong Kim Cang tam muội thời thấy tất cả pháp không bị chướng ngại, như xem trái A Ma Lạc trong bàn tay. Bồ Tát này dầu được thấy như vậy, nhưng trọn không có quan niệm là thấy tất cả pháp.

Như có người ngồi nơi ngã tư đường, thấy mọi người đi, đứng, ngồi, nằm. Cũng vậy, Bồ Tát an trụ Kim Cang tam muội thời thấy sự sanh diệt mọc lặn của tất cả pháp.

Như người lên núi cao trông xa thấy rõ tất cả cảnh vật. Cũng vậy, Bồ Tát lên núi Kim Cang chánh định thời thấy rõ tất cả pháp.

Như mùa xuân, trời mưa lất phất, giọt mưa li ti không có chỗ hở trống, người mắt sáng thời thấy rõ ràng. Cũng vậy, Bồ Tát đặng mắt thanh tịnh Kim Cang tam muội, thấy rõ những thế giới thành hoại ở mười phương, không chướng ngại.

Như do núi Càn Đà, bảy mặt trời đồng mọc, bao nhiêu cây cối nơi núi ấy đều cháy cả. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cang tam muội thời bao nhiêu rừng rậm phiền não liền tiêu diệt.

Như chất kim cang dầu có thể phá nát tất cả vật, nhưng trọn không có quan niệm rằng ta hay phá nát. Cũng vậy, Bồ Tát tu tập Kim Cang tam muội có thể phá phiền não mà trọn chẳng có quan niệm rằng ta hay phá hoại phiền não. Như quả đất có thể giữ gìn muôn vật nhưng trọn chẳng có quan niệm rằng sức ta có thể giữ gìn ; lửa cũng chẳng nghĩ rằng ta hay đốt cháy ; nước cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thấm nhuần ; gió cũng chẳng nghĩ rằng ta hay thổi động ; hư không cũng chẳng nghĩ rằng ta hay dung chứa ; Niết Bàn cũng chẳng nghĩ rằng ta làm cho chúng sanh đặng diệt độ. Cũng vậy, Kim Cang tam muội dầu có thể diệt trừ tất cả phiền não, nhưng vẫn không nghĩ rằng ta hay diệt trừ.

Nếu có Bồ Tát an trụ nơi Kim Cang tam muội này, trong khoảng một niệm biến vô lượng thân như Phật, khắp cả hằng hà sa thế giới ở mười phương, dầu biến hóa như vậy nhưng Bồ Tát vẫn không có lòng kiêu mạn. Vì Bồ Tát thường nghĩ rằng: Ai có chánh định này và biến hóa được như vậy ? Chỉ có Bồ Tát an trụ Kim Cang tam muội này mới có thể biến hóa như vậy. Bồ Tát này trong một niệm đi khắp hằng hà sa thế giới ở mười phương rồi trở về bốn xứ, dầu có thần lực như vậy nhưng cũng chẳng nghĩ rằng ta được thần lực ấy đó là do sức của Kim Cang tam muội. Bồ Tát này lại ở trong một niệm có thể dứt những phiền não của chúng sanh trong hằng hà sa thế giới ở mười phương, mà vẫn không có quan niệm rằng ta hay dứt phiền não của chúng sanh, đó là do sức Kim Cang tam muội. Bồ Tát này dùng một tiếng nói để thuyết pháp làm cho tất cả chúng sanh riêng theo loài của mình mà đặng hiểu rõ, lại thị hiện một sắc thân mà làm cho tất cả chúng sanh đều riêng thấy sắc thân riêng khác. Bồ Tát ở an một chỗ thân không dời đổi mà có thể làm cho chúng sanh theo chỗ ở của nó đều đặng thấy Bồ Tát diễn nói một pháp: Hoặc giới, hoặc nhập, mà tất cả chúng sanh đều riêng theo chỗ đã hiểu biết mà đặng nghe đó.

Bồ Tát an trụ Kim Cang tam muội dầu thấy chúng sanh mà vẫn không có tướng chúng sanh, dầu thấy nam nữ nhưng không tướng nam nữ, dầu thấy sắc thọ vị nhưng không có tướng sắc thọ vị, dầu thấy ngày đêm mà không có tướng ngày đêm, dầu thấy tất cả pháp nhưng không có tướng tất cả pháp, dầu thấy tất cả phiền não kiết sử cũng không có tướng tất cả phiền não, dầu thấy tám Thánh đạo mà không có tướng tám Thánh đạo, dầu thấy Bồ Đề, thấy Niết Bàn nhưng không có tướng Bồ Đề, vì tất cả pháp vốn không có tướng. Bồ Tát này do sức Kim Cang tam muội nên thấy tất cả pháp bốn lai không có tướng.

Này Thiện nam tử ! Thế nào gọi là Kim Cang tam muội ? Như chất Kim cang nếu ở trong ánh nắng thời màu sắc chẳng nhất định. Cũng vậy, Kim Cang tam muội ở trong đại chúng cũng chẳng nhất định, vì thế nên gọi là Kim Cang tam muội.

Như chất Kim cang tất cả người đời không thể bình luận giá cả. Cũng vậy, Kim Cang tam muội có bao nhiêu công đức tất cả trời người không thể nghĩ lường được, do đây nên lại gọi là Kim Cang tam muội.

Như người nghèo đặng báu Kim cang thời hết nghèo

cùng khốn khổ, lại khởi ác quỷ tà độc. Cũng vậy, Đại Bồ Tát được tam muội này thời có thể dứt hết phiền não khổ hoạn xa lìa các ma tà độc, do đây nên gọi là Kim Cang tam muội.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ sáu.

Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ bảy ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát này nghĩ rằng: Pháp gì có thể làm nhân duyên gần với Đại Niết Bàn ? Bồ Tát này liền biết có bốn điều: Làm nhân duyên gần, nếu rời bốn pháp này thời không thể được Đại Niết Bàn: Vì thế nếu nói rằng siêng tu tất cả khổ hạnh mà được Đại Niết Bàn, thời không đúng.

Đây là bốn điều: Một là gần gũi bạn lành ; hai là chuyên tâm nghe pháp ; ba là nhiếp niệm tư duy ; bốn là tu hành đúng pháp.

Như có người mang bệnh: Hoặc nóng, hoặc lạnh, hư lao, các tà quỷ độc, người bệnh này, tìm đến lương y, lương y liền theo bệnh cho thuốc. Người bệnh này hết lòng y theo lời chỉ dẫn của lương y, uống thuốc đúng

cách, bệnh được lành, thân được an. Người bệnh dụ cho Bồ Tát. Lương y dụ cho Thiện tri thức. Phương thuốc của lương y nói dụ cho kinh Đại Thừa. Y theo lời chỉ dẫn của lương y dụ cho khéo suy nghĩ nghĩa lý của kinh Đại Thừa. Hiệp thuốc uống đúng cách dụ cho tu hành đúng pháp. Bệnh lành dụ cho dứt hết phiền não. Thân an dụ cho đặng Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Ví như có Quốc Vương muốn cai trị đúng pháp, làm cho nhân dân được an vui, nhà vua hỏi cách cai trị nơi các quan. Các quan bèn đem cách thức của Tiên Vương tâu với Quốc Vương. Quốc Vương liền chí tâm tin tưởng thật hành theo, đúng như pháp cai trị nước nhà, làm cho cả nước không giặc cướp, nhân dân an vui. Quốc Vương dụ cho Bồ Tát, các quan dụ cho bạn lành. Cách thức cai trị của các quan tâu dụ cho mười hai bộ kinh. Quốc Vương hết lòng tin tưởng thật hành dụ cho Bồ Tát nhiếp tâm tư duy nghĩa lý của mười hai bộ kinh. Quốc Vương cai trị đúng pháp dụ cho Bồ Tát tu hành đúng theo sáu môn Ba La Mật. Cả nước không giặc cướp dụ cho Bồ Tát đã lìa phiền não kiết sử. Nhân dân được an vui dụ cho Bồ Tát chứng được Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Như có người bệnh phong hủi, có trí thức bảo rằng:

Nếu ông đến được bên núi Tu Di thời bệnh có thể lành. Vì nơi đó có vị thuốc hay như cam lộ, uống được thuốc đó thời bệnh gì cũng lành. Người bệnh tin theo lời đi đến bên núi hái lấy thuốc cam lộ mà uống, tật bệnh liền hết, thân được an vui. Người bệnh dụ cho phàm phu. Trí thức dụ cho Đại Bồ Tát. Tin theo lời bảo dụ cho bốn tâm vô lượng. Núi Tu Di dụ tám Thánh đạo. Vị thuốc cam lộ dụ cho Phật tánh. Bệnh hủi được lành dụ là phiền não. Đặng an vui dụ đặng Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh.

Ví như có người nuôi những đệ tử thông minh trí huệ, ngày đêm người này luôn dạy dỗ chẳng biết mỏi. Bồ Tát cũng như vậy, tất cả chúng sanh hoặc tin, hoặc chẳng tin, Bồ Tát luôn giáo hóa không biết nhàm mỏi.

Này Thiện nam tử ! Thiện tri thức là nói chư Phật Bồ Tát và hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật, cùng những người tin kinh Đại Thừa. Thế nào gọi là Thiện tri thức ? Hàng Thiện tri thức có thể chỉ dạy cho chúng sanh xa lìa mười điều ác, tu hành mười điều lành, do nghĩa này nên gọi là Thiện tri thức. Lại hàng Thiện tri thức lời nói đúng như pháp thật hành đúng như lời nói, chính là tự mình chẳng sát sanh cũng bảo người chẳng sát sanh, nhấn đến tự mình có chánh kiến, cũng đem chánh kiến dạy cho

người.

Nếu có thể được như đây thời gọi là chân thật Thiện tri thức. Tự mình tu tập Bồ Đề cũng có thể dạy người tu hành Bồ Đề. Tự mình tu hành chánh tín, trì giới, bố thí, đa văn, trí huệ, cũng có thể dạy người như vậy, do đây nên gọi là Thiện tri thức.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thiện tri thức có thiện pháp. Những gì là thiện pháp ? Những việc của mình thật hành chẳng mong cầu tự vui, mà thường vì chúng sanh cầu an vui, thấy người khác có lỗi chẳng rao nói, miệng thường tuyên nói những việc thuần thiện, do đây nên gọi là Thiện tri thức.

Này Thiện nam tử ! Như mặt trăng từ đêm mừng một đến đêm rằm lần lần thêm lớn đầy đủ. Cũng vậy, Thiện tri thức làm cho những người học đạo lần lần xa lìa pháp ác, thêm lớn pháp lành. Nếu người gần gũi Thiện tri thức, từ trước chưa có giới định huệ giải thoát, giải thoát tri kiến nay bèn có đó, người chưa đầy đủ thời được thêm rộng, do vì gần gũi Thiện tri thức. Sự gần gũi này làm cho người lại được rõ thấu nghĩa sâu của mười hai bộ kinh. Nếu có thể chăm nghe nghĩa sâu của mười hai bộ kinh thời gọi là thánh pháp. Nghe kinh Đại Thừa thời gọi

là chân thật thính pháp. Chân thật thính pháp chính là nghe kinh Đại Niết Bàn, nghe có Phật tánh, Như-Lai rốt ráo chẳng nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là chuyên tâm thính pháp. Chuyên tâm thính pháp gọi là tám Thánh đạo, do tám Thánh đạo có thể dứt tham dục, sân khuê, ngu si, nên gọi là thính pháp. Xét về người thính pháp gọi là mười một pháp không, do pháp không này đối với tất cả pháp chẳng thấy có tướng mạo. Xét về người thính pháp gọi là sơ phát tâm nhân đến rốt ráo tâm Vô Thượng Bồ Đề, nhân nơi sơ tâm mà đặng Đại Niết Bàn, chẳng phải do nghe pháp mà đặng Đại Niết Bàn. Chính là do tu tập nên chứng Đại Niết Bàn. Như người bệnh dầu nghe lời chỉ dẫn của lương y cùng tên của món thuốc nhưng chẳng thể lành bệnh, phải do uống thuốc bệnh mới được lành. Dầu nghe mười hai nhân duyên nhưng chẳng thể dứt được tất cả phiền não, cần phải nhiếp niệm khéo tư duy mới dứt được phiền não. Đây gọi là pháp nhiếp niệm tư duy thứ ba. Lại do nghĩa gì gọi là nhiếp niệm tư duy ? Đây là nói ba môn tam muội: Không tam muội, vô tướng tam muội, vô tác tam muội. Không là đối với hai mươi lăm cõi chẳng thấy một cõi nào là có thật. Vô tác là đối với hai mươi lăm cõi chẳng mong cầu. Vô tướng là không có mười tướng, chính là không có sắc tướng, thanh

tướng, hương tướng, vị tướng, xúc tướng, sanh tướng, trụ tướng, diệt tướng, nam tướng, nữ tướng. Tu tập ba môn tam muội như vậy thời gọi là Bồ Tát nhiếp niệm tư duy.

Thế nào gọi là tu hành đúng pháp ? Chính là tu hành Đản Ba La Mật nhân đến Bát Nhã Ba La Mật, biết tướng chân thật của âm nhập giới, cũng biết Thanh Văn, Duyên Giác chư Phật đồng một đạo mà nhập Niết Bàn, chính là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng sanh già, bệnh, chết, chẳng đói khát, khổ não, chẳng thối chuyển chẳng hư mất.

Này Thiện nam tử ! Người hiểu nghĩa sâu của Đại Niết Bàn, thời biết chư Phật trọn chẳng rốt ráo nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Bạc Thiện tri thức chân thật thứ nhất là Bồ Tát và chư Phật, vì bậc này thường dùng ba pháp khéo điều ngự: Một là lời nói hoàn toàn dịu hòa, hai là hoàn toàn quả trách, ba là dịu hòa cùng quả trách. Do đây nên Bồ Tát và chư Phật là bậc Thiện tri thức chân thật. Phật và Bồ tát là bậc đại lương y nên gọi là Thiện tri thức, vì biết bệnh, biết thuốc, cho thuốc đúng bệnh.

Ví như lương y thông thạo tám môn trị bệnh xem bệnh có ba tướng: Phong, nhiệt, hàn. Người bệnh phong cho uống dầu tô, người bệnh nhiệt cho uống thạch mật,

người bệnh hàn cho uống nước gừng. Do biết gốc bệnh cho thuốc được lành nên gọi là lương y. Cũng vậy, Chư Phật và Bồ Tát biết phàm phu có ba thứ bệnh: Tham dục, sân khuê, ngu si. Người tham dục dạy quán tướng xương trắng, người sân khuê dạy quán từ bi, người ngu si dạy quán mười hai nhân duyên. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Như thuyền chủ vì giỏi đưa người nên gọi là đại thuyền chủ. Cũng vậy, Chư Phật và Bồ Tát đưa chúng sanh khỏi biển sanh tử nên gọi là Thiện tri thức.

Này Thiện nam tử ! Do Phật và Bồ Tát làm cho chúng sanh được tu hành đầy đủ những căn lành. Ví như núi Tuyết là nơi sản xuất những cội gốc thuốc hay vi diệu. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát là chỗ xuất sanh tất cả căn lành, do đây nên gọi là Thiện tri thức.

Trong núi Tuyết có vị hương dược tên là Ta Ha, người nào thấy thuốc này thời được sống lâu, không có bệnh khổ, bốn thứ độc không làm hại được. Người nào rờ đựng thuốc này thời sống lâu đủ một trăm hai mươi tuổi. Người nào nhớ thuốc này thời được trí tức mạng. Đó là do thế lực của vị thuốc này. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát, nếu ai được thấy thời tất cả phiền não đều trừ,

bốn ma chẳng nhiều loạn được. Người nào gần gũi chư Phật và Bồ Tát, vì được nghe pháp, nên được trường thọ chẳng bị sanh tử. Người nào tưởng niệm chư Phật và Bồ Tát thời được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Như trong Hương Sơn có ao A Na Bà Đạp Đa, từ ao này thành nguồn bốn con sông lớn: Sông Hằng, sông Vân Đầu, sông Tư Đà, sông Bác Xoa. Người đời thường nói rằng: Nếu người có tội tắm nơi bốn con sông này thời tội đều tiêu diệt. Nên biết lời nói này là hư vọng chẳng thật. Chỉ có chư Phật và Bồ Tát mới là chân thật. Vì người nào được gần gũi thời tất cả tội chướng đều tiêu trừ. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Ví như trên mặt đất có bao nhiêu cỏ thuốc, rừng cây, trăm giống lúa, mía nho, các thứ bông trái. Gặp trời nắng hạn sắp khô chết, Nan Đà Long Vương vì xót thương chúng sanh nên ra khỏi biển lớn làm mưa xối xuống, nhờ đó tất cả cỏ cây bông trái đều được tươi tốt. Cũng vậy, tất cả chúng sanh có bao nhiêu căn lành sắp tiêu diệt, chư Phật và Bồ Tát sanh lòng đại bi từ biển trí huệ rưới pháp cam lồ, làm cho chúng sanh được mười hai pháp lành. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức.

Ví như lương y thông thạo tám môn trị bệnh, thấy những người bệnh thời lo chữa trị, không ngó đến dòng họ, đẹp xấu cũng không nghĩ đến châu báu, do đây nên người đời xưng tụng là đại lương y. Cũng vậy, chư Phật và Bồ Tát thấy chúng sanh có bệnh phiền não, liền sanh lòng từ mẫn mà thuyết pháp, không ngó đến dòng họ đẹp xấu cùng của cải, chúng sanh được nghe pháp, phiền não liền trừ diệt. Do đây nên chư Phật và Bồ Tát gọi là Thiện tri thức. Do vì gần gũi thiện hữu nên được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát nhờ nghe pháp mà đặng gần với Đại Niết Bàn ? Tất cả chúng sanh do nghe pháp mà có tín căn, vì có tín căn nên thích thật hành bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí huệ, được quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả Phật. Do đây nên biết rằng được những pháp lành đều là thế lực của sự nghe pháp.

Ví như Trưởng giả chỉ có một con trai, ông sai con đến nước khác buôn bán đổi chác. Ông chỉ rành đường sá, rồi lại dặn rằng: Nếu gặp dâm nữ thời con phải cẩn thận, chớ gần gũi, nếu thương yêu gần gũi thời mất tiền của và thân mạng cũng khó bảo toàn, cũng chớ giao du với người tệ ác. Người con kính thuận theo lời dạy của

cha, thân tâm an ổn được nhiều của báu mang về.

Đại Bồ Tát giáo hóa chúng sanh cũng như vậy, chỉ rành đường đạo cùng những pháp chương ác. Nhờ nghe pháp mà chúng sanh xa lìa những điều ác, đầy đủ những pháp lành đây là do sự thính pháp mà được gần với Đại Niết Bàn.

Ví như gương sáng soi rõ mặt người. Cũng vậy, người được nghe pháp thời thấy rõ pháp lành, pháp ác, do đây nên được gần Đại Niết Bàn.

Ví như nhà tìm châu báu chẳng biết đường sá, có người hiểu biết chỉ đường, bèn đến được chỗ châu báu. Cũng vậy, tất cả chúng sanh muốn đến chỗ lành để lấy pháp bảo, chẳng biết phương pháp tu hành, nhờ Bồ Tát chỉ dạy, chúng sanh tuân theo mà được đến chỗ lành đặng pháp bảo Vô Thượng Đại Niết Bàn. Đây là do nghe pháp mà đặng gần với Đại Niết Bàn.

Ví như voi say hung dữ, có nhà điều tượng dùng móc sắt móc rách da đầu, voi say liền điều thuận hết tâm hung dữ. Cũng vậy, tất cả chúng sanh do tham, sân, si nên muốn gây tạo nhiều tội ác, Bồ Tát vì họ thuyết pháp, làm cho họ dứt hết tâm ác, do đây nên gần được Đại Niết Bàn. Vì thế nên Như-Lai ở trong các kinh bảo hàng đệ tử phải

nhiếp tâm lóng nghe và lãnh thọ mười hai bộ kinh, tu bảy giác chi, lìa năm thứ cái chướng. Do tu tập bảy giác chi thời được gần Đại Niết Bàn.

Do thính pháp mà Tu Đà Hoàn lìa những sự khủng bố:

Trưởng giả Tu Đạt Đa trước kia mang bệnh nặng, ông rất lo rầu sợ sệt. Sau khi được nghe Xá Lợi Phất nói bậc Tu Đà Hoàn có bốn công đức, dùng mười thứ ví dụ để an ủi. Trưởng giả nghe rồi liền hết sợ sệt. Đây cũng là do thính pháp mà được gần Đại Niết Bàn, vì được mở thông pháp nhãn.

Trong đời có ba người: Một là không con mắt, hai là một con mắt, ba là đủ hai mắt. Người không con mắt dụ cho thường chẳng được nghe pháp. Người một con mắt dụ cho được tạm thời nghe pháp mà tâm không được an trụ. Người đủ hai mắt dụ cho chuyên tâm nghe pháp lãnh thọ và thực hành, do đây được gần Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc ta ở thành Câu Thi Na, Xá Lợi Phất đang bệnh khổ. Ta sai A Nan đến thuyết pháp. Lúc đó Xá Lợi Phất nghe A Nan thuyết pháp, bèn bảo bốn người đệ tử khiêng giường bệnh đến chỗ Phật để nghe pháp. Do phước lực nghe Phật thuyết pháp

nên Xá Lợi Phát được lành bệnh thân thể an ổn. Vì thế nên nghe chánh pháp thời được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn ? Nhân sự tư duy này mà tâm được giải thoát. Vì tất cả chúng sanh thường bị ngũ dục ràng buộc, do tư duy nên đều được giải thoát. Đây là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Tất cả chúng sanh thường bị thường, lạc, ngã, tịnh làm điên đảo. Do tư duy nên được thấy các pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nhờ sự thấy này mà hết điên đảo. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Tất cả pháp có bốn tướng: sanh tướng, lão tướng, bệnh tướng, diệt tướng. Do bốn tướng này làm cho phàm phu đến Tu Đà Hoàn bị nhiều sự khổ não. Nếu người có thể nhiếp niệm khéo tư duy, dầu gặp bốn tướng này nhưng chẳng bị khổ não. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp lành đều do tư duy mà được. Vì có người dầu trải qua vô lượng vô biên vô số kiếp chuyên tâm thính pháp, nếu chẳng tư duy thời trọn không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Đây cũng là do

tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Nếu có chúng sanh tin Phật, Pháp, Tăng không biến đổi nên sanh lòng cung kính. Nên biết rằng đây là do năng lực của sự nhiếp niệm tư duy mới được dứt trừ tất cả phiền não. Đây cũng là do tư duy mà được gần Đại Niết Bàn.

Thế nào là Bồ Tát tu hành đúng chánh pháp ? Đây Thiện nam tử ! Dứt những pháp ác tu các pháp lành thời gọi là Bồ Tát tu hành đúng pháp. Lại thấy tất cả pháp trống rỗng không chỗ có, không thường, không lạc, không ngã, không tịnh, do sự thấy biết này nên thà bỏ thân mạng chẳng phạm cấm giới. Đây gọi là Bồ Tát tu hành đúng pháp.

Tu có hai thứ: Chân thật và chẳng thật. Chẳng biết tướng của Niết Bàn, Phật Tánh, Như-Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, tướng hư không v.v... đây gọi là chẳng thật. Nếu biết thời gọi là chân thật.

Thế nào gọi là biết tướng của Niết Bàn ? Niết Bàn có tám điều: Một là sạch hết, hai là tánh lành, ba là thật, bốn là chân, năm là thường, sáu là lạc, bảy là ngã, tám là tịnh. Niết Bàn lại có tám điều: Một là giải thoát, hai là tánh lành, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là vô

thường, sáu là vô lạc, bảy là vô ngã, tám là vô tịnh.

Niết Bàn lại có sáu tướng: Một là giải thoát, hai là tánh lành, ba là chẳng thật, bốn là chẳng chân, năm là an lạc, sáu là thanh tịnh.

Nếu chúng sanh y theo đạo thế tục mà dứt phiền não, thời Niết Bàn đó có tám điều giải thoát chẳng chân thật, vì là vô thường. Vì vô thường nên là không thật, vì không thật thời không chân. Dầu dứt phiền não nhưng rồi sẽ khổ trở lại, do đây nên không có thường, lạc, ngã, tịnh, đây gọi là Niết Bàn có tám điều giải thoát không thật.

Thanh Văn, Duyên Giác vì dứt phiền não nên gọi là giải thoát nhưng chưa được Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là chẳng thật vì chẳng thật nên chẳng chân. Đời vị lai sẽ được Vô Thượng Bồ Đề nên là vô thường. Vì được tám Thánh đạo vô lậu nên gọi là thanh tịnh an lạc, đây gọi là Niết Bàn có sáu tướng.

Này Thiện nam tử ! Nếu biết như vậy đó là biết Niết Bàn, chẳng gọi là biết Phật tánh, Như-Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không.

Phật tánh có sáu điều: Một là thường, hai là tịnh, ba là thật, bốn là thiện, năm là sẽ thấy, sáu là chân. Phật tánh

lại có bảy điều: Sáu điều như trên, bảy là có thể chứng, đây gọi là Bồ Tát biết Phật tánh.

Như-Lai chính là tướng giác ngộ, tướng lành, là thường, lạc, ngã, tịnh, là giải thoát chân thật, dạy đạo có thể thấy được, đây gọi là Bồ Tát biết tướng Như-Lai.

Pháp là hoặc lành chẳng lành, hoặc thường chẳng thường, hoặc lạc chẳng lạc, hoặc ngã chẳng ngã, hoặc tịnh chẳng tịnh, hoặc tri chẳng tri, hoặc giải chẳng giải, hoặc chân chẳng chân, hoặc tu chẳng tu, hoặc sư chẳng phải sư, hoặc thật chẳng thật, đây gọi là Bồ Tát biết pháp tướng.

Thế nào là Bồ Tát biết Tăng tướng ?

Tăng là thường, lạc, ngã, tịnh, là tướng đệ tử, tướng có thể thấy, là thiện, là chân, chẳng thật, vì tất cả Thanh Văn sẽ được thành Phật, vì tỏ ngộ chân tánh nên gọi là chân. Đây gọi là Bồ Tát biết tướng của Tăng.

Thật tướng là: Hoặc thường, vô thường, hoặc lạc, vô lạc, hoặc ngã, vô ngã, hoặc tịnh, vô tịnh, hoặc thiện, bất thiện, hoặc có, hoặc không, hoặc Niết Bàn, hoặc chẳng phải Niết Bàn, hoặc giải thoát, hoặc chẳng phải giải thoát, hoặc tri, hoặc bất tri, hoặc đoạn, hoặc bất đoạn, hoặc

chúng, hoặc chẳng chúng, hoặc tu, hoặc chẳng tu, hoặc thấy, hoặc chẳng thấy, đây gọi là thật tướng, chẳng phải là Niết Bàn Phật tánh, Như-Lai, Pháp, Tăng, hư không.

Đây gọi là Bồ Tát nhân tu kinh Đại Niết Bàn này biết tướng sai khác của Niết Bàn, Phật tánh, Như-Lai, Pháp, Tăng, thật tướng, hư không.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu kinh Đại Niết Bàn chẳng thấy hư không, vì Phật và Bồ Tát đều có ngũ nhãn nhưng chẳng thấy, chỉ có huệ nhãn mới thấy được. Chỗ thấy của huệ nhãn là không có pháp thấy được nên gọi là thấy. Nếu là không có vật gọi là hư không, thời hư không ấy gọi là thật, do vì thật thời gọi là thường không, vì thường không nên không có lạc, ngã và tịnh.

Này Thiện nam tử ! Trống không gọi là không có pháp, không có pháp gọi là trống không. Như trong đời chỗ không có vật gọi là trống không, tánh hư không cũng như vậy, vì không chỗ có nên gọi là hư không.

Này Thiện nam tử ! Tánh chúng sanh cùng tánh hư không đều không có thật tánh. Như có người nói rằng: Trừ dứt những vật có rồi sau mới là không. Nhưng hư không này thật chẳng thể làm ra, vì là không chỗ có, đã không chỗ có nên biết là không có hư không. Tánh hư

không này nếu có thể làm ra thời gọi là vô thường, nếu là vô thường thời chẳng gọi là hư không.

Này Thiện nam tử ! Như người đời nói rằng hư không là không sắc chất, không cách ngại, là thường chẳng biến đổi, do đây nên trong đời gọi tánh hư không là đại chủng thứ năm. Nhưng hư không này thật ra không có tánh, do ánh sáng nên gọi là hư không, thật ra không có hư không. Như thế để thật ra không có tánh vì thuận theo chúng sanh mà nói là có thể để.

Này Thiện nam tử ! Thể Niết Bàn cũng không có chỗ trụ, chính nơi chư Phật dứt sạch phiền não mà gọi là Niết Bàn. Niết Bàn chính là thường, lạc, ngã, tịnh. Niết Bàn dầu là lạc, nhưng chẳng phải là thọ lạc, bèn là sự vui tịch diệt vi diệu Vô Thượng. Chư Phật có hai thứ vui: Một là tịch diệt lạc, hai là giác tri lạc. Thể thật tướng có ba thứ vui: Một là thọ lạc, hai là tịnh diệt lạc, ba là giác tri lạc. Phật tánh có một thứ vui, vì sẽ được thấy, lúc chứng Vô Thượng Bồ Đề thời gọi là Bồ Đề lạc.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật: “ Bạch Thế Tôn ! Nếu chỗ phiền não dứt là Niết Bàn thời không phải. Vì xưa kia lúc Đức Như-Lai mới thành Phật, đi đến bờ sông Ni Liên Thiên, Ma Vương cùng quyến thuộc đến

chỗ Phật thưa rằng:

Thời kỳ Niết Bàn đã đến sao Thế Tôn chẳng nhập ?”

Phật bảo Ma Vương:

Nay ta chưa có hàng đa văn đệ tử giới hạnh tinh nghiêm trí huệ thông minh, có thể giáo hóa chúng sanh, nên ta chẳng nhập Niết Bàn.

Nếu nói rằng chỗ phiền não dứt là Niết bàn, Bồ Tát từ vô lượng kiếp đã dứt phiền não, có sao chẳng đặng gọi là Niết Bàn ? Đều đồng dứt, có sao gọi riêng chư Phật có Niết Bàn, còn Bồ Tát thời không ? Nếu dứt phiền não chẳng phải là Niết Bàn có sao ngày trước đức Như-Lai bảo ông Sanh Danh: Chính thân của ta đây là Niết Bàn. ?

Lúc Như-Lai ở nước Tỳ Xá Ly, Ma Vương lại đến thưa:

Thế Tôn ngày trước nói rằng vì chưa có hàng đệ tử đa văn trì giới thông minh trí huệ có thể giáo hóa chúng sanh, nên Thế Tôn chẳng nhập Niết bàn. Nay đã đầy đủ có sao Thế Tôn chẳng nhập ? Như-Lai bảo Ma Vương: Sau đây ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Giả sử diệt độ chẳng phải nhập Niết bàn, tại sao đức Như-Lai lại hẹn ba tháng sẽ nhập Niết

Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu dứt phiền não là Niết Bàn, ngày trước lúc đức Như-Lai ngồi nơi đạo tràng Bồ Đề dứt hết phiền não bèn là Niết Bàn, sao lại nói với Ma Vương sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu lúc đó là Niết Bàn, tại sao lại tuyên bố đến cuối đêm sẽ nhập Niết Bàn ?

Đức Như-Lai là đấng thành thật, cứ sao lại nói những lời hư vọng như vậy ?

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát:

“ Này Thiện nam tử ! Như-Lai đã đặng tướng lưỡi rộng dài, phải biết rằng Như-Lai từ vô lượng kiếp đã lìa vọng ngữ. Tất cả chư Phật và Bồ Tát phàm có nói ra đều là lời thành thật chắc chắn không hư dối.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước Ma Ba Tuần thỉnh Phật nhập Niết Bàn, mà Ma Vương chẳng biết tướng Niết Bàn. Ý Ma Vương cho rằng chẳng giáo hóa chúng sanh yên lặng bất động đó là Niết Bàn. Ví như người đời thấy có ai chẳng nói chẳng làm, bèn cho rằng người này như chết. Ý Ma Vương cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Như-Lai chẳng nói Phật, Pháp

và chúng Tăng không có tướng sai khác. Chỉ nói thường trụ và thanh tịnh hai pháp này không sai khác. Phật cũng chẳng nói Phật cùng Phật tánh và Niết Bàn không có tướng sai khác, chỉ nói thường hằng bất biến là không sai khác, Phật cũng chẳng nói Niết Bàn và thật tướng không có tướng sai khác, chỉ nói thường trụ và thật chẳng biến đổi không có sai khác.

Này Thiện nam tử ! Có lúc hàng Thanh Văn đệ tử của ta sanh sự tránh tụng, như các Tỳ Kheo ở nước Câu Diêm Vi trái lời dạy của Phật phạm nhiều cấm giới, chẳng kính trọng Phật, Pháp, Tăng, giới luật hòa thượng. Những Tỳ Kheo ác này chẳng tin lời dạy của Phật. Vì những người này mà ta bảo Ma Ba Tuần ông chớ lo rằng chậm. Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Nhân vì các Tỳ Kheo ác này, khiến hàng Thanh Văn chẳng thấy thân của ta, chẳng nghe ta thuyết pháp, bèn cho rằng Như-Lai nhập Niết Bàn. Chỉ hàng Bồ Tát thấy được thân ta, thường nghe ta thuyết pháp, nên chẳng cho rằng Phật nhập Niết Bàn.

Dầu hàng Thanh Văn nói rằng Như-Lai nhập Niết Bàn, nhưng thật ra ta chẳng nhập Niết Bàn.

Nếu Thanh Văn đệ tử của ta nói rằng Như-Lai nhập

Niết Bàn, phải biết người này chẳng phải đệ tử của Phật, là bè đảng của ma, là người tà kiến chẳng phải chánh kiến. Nếu nói Như-Lai chẳng nhập Niết bàn, phải biết người này thật là đệ tử Phật, là người chánh kiến chẳng phải bè đảng của ma.

Này Thiện nam tử ! Ta chẳng thấy trong hàng đệ tử có người nào cho rằng Như-Lai chẳng giáo hóa chúng sanh yên lặng bất động gọi là Niết bàn.

Ví như Trưởng giả có đông con cái, đi đến xứ khác chưa trở về. Những người con đều cho rằng cha mình đã chết. Nhưng Trưởng giả này thật chẳng chết, mà những người con điên đảo tưởng rằng chết. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử vì chẳng thấy Phật, bèn cho rằng Như-Lai đã nhập Niết Bàn trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na, nhưng thật ra ta chẳng nhập Niết Bàn, mà hàng Thanh Văn tưởng là nhập Niết Bàn.

Ví như ngọn đèn sáng, có người che kín đó, những kẻ không biết cho rằng đèn đã tắt, nhưng đèn sáng này thật chẳng tắt, vì không biết nên cho là tắt. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử dầu có huệ nhãn nhưng bị phiền não che đậy làm cho tâm điên đảo chẳng thấy được thân chân thật của Phật, bèn tưởng là Phật diệt độ, nhưng thật

ra ta chẳng diệt độ.

Như người sanh manh chẳng thấy mặt trời mặt trăng, chẳng biết ngày đêm sáng tối, vì chẳng biết bèn nói rằng không có mặt trời mặt trăng thật, do vì không thấy nên sanh tưởng điên đảo. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử, vì chẳng thấy Như-Lai bèn cho rằng Phật nhập Niết Bàn. Nhưng thật ra Như-Lai chẳng nhập Niết Bàn.

Ví như mây mù che khuất mặt trời mặt trăng, kẻ ngu si cho rằng không có mặt trời mặt trăng. Cũng vậy, Vì các phiền não che đôi mắt trí huệ nên hàng Thanh Văn chẳng thấy Như-Lai bèn cho rằng Như-Lai nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Đây là đức Như-Lai thị hiện Anh Nhi Hạnh chớ chẳng phải diệt độ.

Này Thiện nam tử ! Như lúc mặt trời lặn, vì Hắc Sơn che khuất mặt trời, nên chúng sanh Diêm Phù Đề chẳng thấy, nhưng thật ra mặt trời không có lặn, vì không thấy nên chúng sanh tưởng là lặn. Cũng vậy, hàng Thanh Văn đệ tử bị phiền não che ngăn chẳng thấy thân Phật, vì chẳng thấy nên cho rằng Như-Lai nhập Niết Bàn, nhưng thật ra Phật chẳng nhập Niết Bàn.

Do đây nên Phật ở nước Tỳ Da Ly bảo Ma Ba Tuần: Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như-Lai thấy trước rằng Ca Diếp Bồ Tát sau ba tháng căn lành sẽ thành thực, cũng thấy núi Hương Sơn ông Tu Bạt Đà La an cư xong sẽ đến chỗ ta, nên ta bảo Ma Ba Tuần sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có năm trăm lục sĩ mãn ba tháng cũng sẽ phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vì họ nên ta bảo Ma Ba Tuần sau ba tháng Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Bọn ông Thuần Đà năm trăm Lê Xa tử và Am La nữ. Sau ba tháng thời đạo tâm Vô Thượng sẽ thành thực, vì những người này nên ta bảo Ma Ba Tuần sau ba tháng Như-Lai sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Ông Tu Na Sát Đa theo hàng ngoại đạo Ni Kiên Tử, ta vì ông thuyết pháp trọn mười hai năm, ông chẳng tin chẳng thọ, chẳng bỏ tà kiến, ta biết ác tâm tà kiến của ông sau ba tháng quyết định có thể dứt trừ, nên ta bảo Ma Ba Tuần sau ba tháng Phật sẽ nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Do nhân duyên gì mà ngày trước ở bên sông Ni Liên, ta bảo Ma Ba Tuần vì chưa có hàng

đệ tử đa văn trí huệ nên Phật chẳng nhập Niết Bàn ?

Lúc đó ta muốn chuyển pháp luân độ các ông Kiều Trần Như v.v... cũng muốn độ các ông Da Xá, muốn độ bọn ông Úc Đà Trưởng giả, muốn độ vua Tần Bà Ta La nước Ma Đà Đà cùng vô lượng nhân thiên, muốn độ thầy trò Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp, Đà Da Ca Diếp, cũng muốn độ các ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v... Vì thế nên ta bảo ma Ba Tuần: Như-Lai chẳng nhập Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có Niết Bàn chẳng phải Đại Niết Bàn. Chẳng thấy Phật tánh mà dứt phiền não thời gọi là Niết Bàn chẳng phải Đại Niết Bàn. Bởi chẳng thấy Phật tánh nên không có thường, ngã, chỉ có lạc và tịnh, do đây nên dầu dứt phiền não mà chẳng được gọi là Đại Niết Bàn. Nếu thấy Phật tánh dứt phiền não thời gọi là Đại Niết Bàn, vì thấy Phật tánh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Thiện nam tử ! “ Niết ” nghĩa là chẳng, “ Bàn ” nghĩa là dết, nghĩa chẳng dết gọi là Niết Bàn. “ Bàn ” lại có nghĩa là che, chẳng bị che bèn gọi là Niết Bàn. Bàn lại có nghĩa là đi đến, chẳng đi chẳng đến gọi là Niết Bàn. “ Bàn ” lại có nghĩa là bất định, không bất định gọi là Niết

Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là mới cũ, không mới cũ gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là chướng ngại, không chướng ngại gọi là Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Có hàng đệ tử của phái Ưu Lô Khư, phái Ca Tỳ La nói “Bàn” là danh tướng, không danh tướng gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là có; không có thời gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là hòa hiệp; không hòa hiệp gọi là Niết Bàn. “Bàn” lại có nghĩa là khổ ; không khổ gọi là Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Người dứt phiền não chẳng gọi là tu Niết Bàn, chẳng sanh phiền não thời gọi là Niết Bàn. Chư Phật Như-Lai vĩnh viễn chẳng khởi phiền não nên gọi là Niết Bàn. Có trí huệ ở nơi tất cả pháp không có chướng ngại thời gọi là Như-Lai. Như-Lai chẳng phải phàm phu, Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Đây gọi là Phật tánh.

Thân tâm trí huệ của Như-Lai khắp đầy vô lượng vô biên, vô số cõi, không bị chướng ngại, đây gọi là hư không.

Như-Lai thường trụ không có biến đổi, đây gọi là thật tướng.

Do nghĩa này nên Như-Lai thật chẳng rồ ráo nhập Niết Bàn.

Đây gọi là Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ bảy.

Thế nào là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tám ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn: Trừ dứt năm việc, xa lìa năm việc, thành tựu sáu việc, tu tập năm việc, giữ gìn một việc, gần gũi bốn việc, tin thuận nhất thật, tâm thiện giải thoát, huệ thiện giải thoát.

Trừ dứt năm việc, chính là trừ năm ám: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức: Năm thứ này hay làm chúng sanh sống chết nối mãi, chẳng rời gánh nặng chia lìa tụ hợp, buộc ràng trong ba đời, không thể cầu tìm cho ra nghĩa lý ; do những lẽ này nên gọi là “ÁM”.

Đại Bồ Tát dầu thấy sắc ám, nhưng chẳng thấy tướng của nó, vì trong mười món sắc suy tìm tánh của nó trọn không thể được, vì thuận theo thế tục mà gọi là “ÁM”.

Có một trăm lẻ tám thứ thọ, Bồ Tát dầu thấy thọ ám, nhưng vẫn không thấy tướng của thọ. Vì thọ dầu có một

trăm lẻ tám, nhưng tất cả không có nghĩa lý quyết định thật.

Như sắc và thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Vì thấy rõ năm ấm là cội gốc sanh ra phiền não, nên Đại Bồ Tát dùng phương tiện làm cho dứt.

Đại Bồ Tát xa lìa năm việc, chính là xa lìa năm kiến chấp: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới thủ. Do năm kiến chấp này sanh ra sáu mươi hai thứ kiến chấp. Vì những kiến chấp này mà sanh tử nối mãi chẳng dứt, nên Bồ Tát ngăn ngừa không gần gũi.

Đại Bồ Tát thành tựu sáu việc, chính là thành tựu sáu chánh niệm: Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Thiên, niệm Thí, niệm Giới.

Đại Bồ Tát tu tập năm việc, chính là tu tập năm định: Tri định, tịch định, thân tâm thọ khoái lạc định, vô lạc định, Thủ Lăng Nghiêm định. Tu tập năm thứ định tâm này thời gần với Đại Niết Bàn, vì thế nên Bồ Tát chuyên cần tu tập.

Bồ Tát giữ gìn một việc, chính là giữ gìn tâm Bồ Đề. Đại Bồ Tát luôn siêng năng gìn giữ tâm Bồ Đề, như người đời săn sóc đứa con một, như người chột mắt giữ

gìn một mắt còn lại, như đi giữa rừng hoang vắng giữ gìn người dẫn đường. Do gìn giữ tâm Bồ Đề mà được Vô Thượng Bồ Đề, do được Vô Thượng Bồ Đề nên có đủ thường, lạc, ngã và tịnh, chính là Đại Niết Bàn do đây nên Bồ Tát gìn giữ một tâm Bồ Đề này.

Bồ Tát gằn gỏi bốn việc, chính là gằn bốn tâm vô lượng: Đại từ, đại bi, đại hỷ, đại xả: Do bốn tâm này có thể làm cho vô lượng chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nên Bồ Tát luôn gằn gỏi.

Bồ Tát tin thuận nhất thật, chính là rõ biết tất cả chúng sanh đều về nơi đạo duy nhất, đạo duy nhất này là Đại Thừa: Nơi Đại Thừa này, chư Phật và Bồ Tát chia ra làm ba thừa để dụ dẫn chúng sanh.

Bồ Tát tâm thiện giải thoát chính là đã dứt hẳn tham, sân, si.

Bồ Tát huệ thiện giải thoát, chính là Đại Bồ Tát rõ biết tất cả pháp không chướng ngại. Do huệ giải thoát nên những pháp từ xưa chưa nghe mà nay được nghe, từ xưa chưa thấy mà nay được thấy, từ xưa chưa đến mà nay được đến.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn !

Như lời Phật nói: “ Tâm giải thoát”, xét ra không đúng nghĩa. Vì tâm vốn không hệ phược. Bản tánh của tâm không bị tham, sân, si, hệ phược. Đã là vốn không hệ phược, sao lại nói là giải thoát ?

Thế Tôn ! Nếu bản tánh của tâm chẳng bị tham kiết hệ phược, do nhân duyên gì mà có thể hệ phược được tâm ? Ví như vắt sừng, vì vốn không sữa nên dầu tốn nhiều công lực vẫn không do đâu có sữa chảy ra. Nếu vắt vú bò, tốn công ít mà được nhiều sữa. Cũng vậy, tâm vốn không tham, sao nay lại có. Nếu trước vốn không mà sau mới có, thời chư Phật và Bồ Tát vốn không tham, nay đáng lẽ đều có.

Thế Tôn ! Như thạch nữ vốn không con, dầu tốn nhiều công lực, nhiều nhân duyên vẫn không thể có con. Cũng vậy, tâm vốn không tham, dầu gây tạo nhiều duyên, cũng không do đâu sanh được tham.

Thế Tôn ! Như dùi cây ướt không thể được lửa. Cũng vậy, dầu dùi tìm nơi tâm vẫn không thể có tham. Tại sao tham kiết hệ phược được tâm.

Thế Tôn ! Ví như ép cát không thể có dầu. Cũng vậy, dầu ép nơi tâm vẫn không có tham. Phải biết rằng tham cùng tâm, lý nghĩa của hai thứ riêng khác nhau. Thiết sử

có tham, đâu nhiệm ô được tâm.

Thế Tôn ! Ví như đem nọc cắm giữa hư không trọn không thể đứng cứng được. Cũng vậy, đem tham cắm vào tâm, trọn không thể hệ phục được tâm, dầu dùng nhiều nhân duyên.

Thế Tôn ! Nếu tâm vốn không tham mà lại gọi là giải thoát, thời chư Phật và Bồ Tát sao chẳng nhổ gai trong hư không ?

Thế Tôn ! Tâm quá khứ không gọi là giải thoát. Tâm vị lai cũng không giải thoát ; tâm hiện tại chẳng cùng chung với đạo ; thế thời tâm nào gọi là được giải thoát ?

Thế Tôn ! Như ngọn đèn quá khứ không thể diệt tối ; ngọn đèn vị lai cũng không thể diệt tối ; ngọn đèn hiện tại lại không thể diệt tối ; vì sáng cùng tối, hai thứ ấy không đồng thời có. Tâm cũng như vậy, sao lại nói rằng tâm được giải thoát ?

Thế Tôn ! Tham cũng là có. Nếu tham là không, thời lúc thấy người nữ lẽ ra chẳng sanh tham. Nếu do người nữ mà sanh tham, thời tham là có thật. Vì có tham nên đọa ba đường ác.

Thế Tôn ! Như có kẻ thấy tượng vẽ người nữ cũng

sanh tham, vì sanh tham nên thành có nhiều tội lỗi. Nếu vốn không tham, tại sao thấy tướng vẽ lại sanh tham ? Nếu tâm không tham, tại sao Như-Lai nói Bồ Tát tâm được giải thoát ? Nếu tâm có tham, sao lại phải chờ thấy người nữ rồi sau mới sanh. Người không thấy thì không sanh ? Hiện tại tôi thấy có quả báo ác do tham gây ra, nên biết tham là có sân và si cũng như vậy.

Thế Tôn ! Như chúng sanh có thân không ngã, mà phàm phu chấp có ngã ; dầu chấp có ngã nhưng không vì thế mà đọa ba ác đạo. Tại sao người tham đối với không tướng nữ sanh tướng là nữ mà phải đọa ba ác đạo ?

Thế Tôn ! Ví như dùi cây sanh lửa, nhưng tánh lửa này trong các duyên đều không có, có gì mà được sanh ra lửa ?

Thế Tôn ! Cũng vậy, trong sắc không có tham, trong thính, hương, vị, xúc, pháp cũng đều không có tham, tại sao nơi sắc v.v... lại sanh ra tham ? Nếu trong các duyên đều không có tham, tại sao riêng chúng sanh có tham, mà chư Phật và Bồ Tát không sanh tham ?

Thế Tôn ! Tâm cũng là bất định. Nếu tâm là nhất định thì không có tham sân si. Nếu tâm đã là bất định, sao lại nói rằng tâm được giải thoát ? Tham cũng là bất định,

nếu đã là bất định, tại sao lại nhân nơi tham mà sanh ra ba ác đạo ? Kẻ tham cùng cảnh giới, cả hai đều bất định. Vì đồng chung duyên một cảnh sắc, hoặc sanh tham, hoặc sanh sân, hoặc sanh si. Nếu cả hai đều bất định, tại sao đức Như-Lai nói rằng Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thời tâm được giải thoát ?

Phật bảo Cao Quý Đức Vương Bồ Tát:

Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Tâm cũng chẳng bị tham kiết hệ phược, cũng chẳng phải chẳng bị hệ phược ; chẳng phải giải thoát, cũng chẳng phải chẳng giải thoát ; chẳng phải có ; chẳng phải không ; chẳng phải hiện tại, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai.

Vì tất cả pháp đều không tự tánh.

Này Thiện nam tử ! Có các nhà ngoại đạo cho rằng: Nhân duyên hòa hiệp thời có quả sanh ra.

Nếu trong các duyên vốn không tánh sanh mà có thể sanh ra, thời hư không vốn chẳng sanh lẽ ra cũng sanh được quả. Nhưng hư không vẫn chẳng sanh vì chẳng phải là nhân.

Do vì trong các duyên vốn có tánh của quả, nên hòa

hiệp thời sanh được quả.

Như người đời khi muốn xây vách thời dùng bùn đất không dùng cọ màu, lúc muốn vẽ vờ thời dùng cọ màu mà chẳng dùng cỏ cây, may áo thời dùng kim chỉ mà chẳng dùng dây bunn, cất nhà thời dùng bunn cây mà chẳng dùng kim chỉ. Người dùng đến vật đó là vì nó có thể sanh ra quả, vì sanh được quả nên biết trong các nhân tất đã có tánh. Nếu là không tánh, thời trong một vật lẽ ra phải xuất sanh tất cả vật.

Nếu là đáng lấy, đáng làm, đáng đem ra, nên biết rằng trong đó tất cả trước có tánh của quả. Nếu là không có tánh của quả thời người chẳng lấy, chẳng làm, chẳng đem ra. Chỉ có hư không là chẳng lấy, chẳng làm nên có thể xuất sanh tất cả muôn vật, do vì có nhân.

Như hột Ni Câu Đà mọc lên cây Ni Câu Đà ; trong sữa có tánh chất đề hồ ; trong sợi chỉ có tánh của vải ; trong đất sét có tánh của cái bình.

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu bị vô minh làm mù lòa nên bày ra định thuyết: Sắc có nghĩa tham luyến, tâm có tánh tham. Họ lại cho rằng: Tâm phàm phu có tánh tham, cũng có tánh giải thoát gặp duyên tham thời tâm sanh tham, nếu gặp được duyên giải thoát thời tâm

giải thoát.

Những thuyết này đều không đúng nghĩa.

Có hạng phàm phu lại cho rằng: Trong tất cả nhân đều không có quả; nhân có hai thứ: vi tế và thô đại ; tế thời là thường, thô thời vô thường. Từ nhân vi tế chuyển thành nhân thô, từ nhân thô này lại chuyển thành quả. Vì nhân thô vô thường nên quả cũng vô thường.

Có hạng phàm phu lại cho rằng: Tâm không có nhân, tham cũng không có nhân, do thời tiết thời sanh tâm tham.

Vì không biết được tâm nhân duyên, nên những hạng này luân hồi trong sáu đường, chịu đủ mọi sự sanh tử.

Ví như con chó bị xiềng, tròn ngày đi quanh cột không thể thoát lià. Cũng vậy, tất cả phàm phu bị xiềng vô minh cột vào cột sanh tử, cứ vòng quanh mãi ở hai mươi lăm cõi không thoát ly được.

Ví như có kẻ sa vào hầm xí, đã được ra khỏi rồi lại té vào hầm. Như người bệnh được lành trở lại làm nhân cho bệnh. Như người đi đường xa gặp phải chỗ hoang vắng, đã đi qua được rồi trở lại nữa. Như đã tắm rửa sạch sẽ trở lại lấy bùn đất trét vào. Cũng vậy, tất cả phàm phu đã được thoát khỏi cõi Vô Sở Hữu, chỉ chưa thoát khỏi cõi

Phi Phi Tướng, trở lại sa vào đến ba ác đạo. Vì tất cả phàm phu chỉ biết quán sát nơi quả, mà chẳng suy gẫm nhân duyên.

Như con chó đuổi theo cục đất chẳng chạy theo người. Cũng vậy, hạng phàm phu chỉ nhìn nơi quả mà chẳng nhìn nơi nhân duyên. Do chẳng thấy biết nhân duyên nên từ cõi Phi Phi Tướng sa đến ba ác đạo.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát trọn không bảo nhất định rằng: Trong nhân có quả, trong nhân không quả, trong nhân cũng có cũng không quả, trong nhân chẳng phải có chẳng phải không quả.

Nếu có kẻ nào cho rằng trong nhân quyết định có quả, không quả, cũng có cũng không quả, chẳng phải có chỗ phải không quả, nên biết rằng đây là bè lũ của ma, là thuộc về loài ma là người tham ái, chẳng thể dứt hẳn sự hệ phược của sanh tử, người này chẳng rõ biết tâm tướng và tham tướng.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát hiển bày lý trung đạo: Dầu nói các pháp là chẳng phải có, chẳng phải không, nhưng chẳng quyết định. Vì nhân nơi nhãn, sắc, minh, tâm và niệm mà có thức sanh ra. Thức này quyết định chẳng ở trong nhãn, chẳng ở trong sắc, chẳng ở

trong minh, chẳng ở trong tâm, chẳng ở trong niệm, cũng chẳng ở chặng giữa, chẳng phải có chẳng phải không.

Vì từ các duyên sanh ra nên gọi là có. Vì không tự tánh nên gọi là không. Do đây nên Như-Lai nói các pháp là chẳng phải có chẳng phải không.

Này Thiện nam tử ! Chư Phật và Bồ Tát trọn không quyết định nói tâm có tánh thanh tịnh và tánh chẳng thanh tịnh, tánh tịnh cùng bất tịnh, vì tâm vốn vô trụ.

Do từ nơi duyên sanh ra tham nên nói là chẳng phải không, lại vì vốn không có tánh tham nên nói là chẳng phải có.

Này Thiện nam tử ! Do từ nơi nhân duyên mà tâm sanh ra tham, do từ nơi nhân duyên mà tâm được giải thoát. Nhân duyên có hai thứ: Một là theo sanh tử, hai là theo Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Vì có nhân duyên mà tâm cùng với tham sanh ra, chung với tham cùng diệt, có nhân duyên tâm cùng với tham sanh mà chẳng chung với tham cùng diệt. Có nhân duyên tâm chẳng cùng với tham sanh mà chung với tham cùng diệt. Có nhân duyên tâm chẳng cùng với tham sanh cũng chẳng cùng với tham diệt.

Này Thiện nam tử ! Có hạng phàm phu chưa dứt tâm tham, huân tập tâm tham, những kẻ này, tâm của họ chung với tham cùng sanh cùng diệt.

Như chúng sanh cõi dục, tất cả đều có khí vị sơ thiên, hoặc tu hay chẳng tu, gặp nhân duyên thời bèn được ; nơi đây nói nhân duyên chính là chỉ cho hỏa tai. Cũng vậy, tất cả phàm phu hoặc huân tập hay không huân tập, tâm của họ chung với tham cùng sanh, chung với tham cùng diệt, vì họ chẳng dứt tâm vậy.

Hàng Thanh Văn vì có nhân duyên nên sanh tâm tham, vì sợ tâm tham nên tu tập quán bạch cốt, đây gọi là tâm cùng tham sanh mà chẳng cùng tham diệt. Lại hàng Thanh Văn chưa chứng quả A La Hán vì có nhân duyên nên sanh tâm tham, lúc đã chứng A La Hán thời tham liền diệt, đây cũng gọi là tâm cùng tham sanh mà chẳng chung với tham cùng diệt. Đại Bồ Tát lúc chứng bậc Bất Động cũng như vậy.

Thế nào là tâm chẳng cùng tham sanh mà chung với tham cùng diệt ?

Đại Bồ Tát đã dứt tâm tham, vì độ chúng sanh mà thị hiện có tham, vì thị hiện nên có thể làm cho vô lượng chúng sanh học tập thành tựu pháp lành. Đây gọi là tâm

chẳng cùng tham sanh mà với tham cùng diệt.

A La Hán, Duyên Giác, Chư Phật, Chư Bồ Tát trừ Bất Động Địa, gọi là tâm chẳng chung với tham cùng sanh cùng diệt.

Do những nghĩa trên đây, nên chư Phật và Bồ Tát chẳng quyết định nói tâm tánh vốn thanh tịnh, tâm tánh vốn không thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Tâm này chẳng cùng với tham hòa hiệp, cũng chẳng cùng với sân, si hòa hiệp.

Như mặt trời, mặt trăng, dầu bị khói bụi mây mù và La Hầu A Tu La che chướng, làm cho chúng sanh không thấy, nhưng tánh mặt trời mặt trăng trọn chẳng cùng hòa hiệp với năm thứ ấy.

Cũng vậy, dầu do nhân duyên mà tâm sanh tham, nhưng thật ra tâm tánh chẳng cùng tham hòa hiệp.

Nếu là tâm tham thời chính là tánh tham. Nếu là tâm chẳng tham thời chính là tánh chẳng tham. Tâm chẳng tham không thể làm tham. Tâm tham không thể chẳng tham.

Do nghĩa trên đây nên kiết sử tham dục không thể làm nhiễm ô được tâm.

Chư Phật và Bồ Tát đã phá hẳn tham kiết, nên gọi là tâm được giải thoát.

Tất cả chúng sanh vì do nhân duyên mà sanh tham kiết, vì do nhân duyên mà được giải thoát.

Này Thiện nam tử ! Như núi Tuyết, chỗ cao vót. Người cùng khí vượn đều không đi được, hoặc có chỗ vượn đi được mà người không đi được, hoặc có chỗ vượn cùng người đều đi được.

Chỗ mà người cùng vượn đều đi được đó, như thợ săn dùng keo nhựa bày trên bàn để bắt vượn. Vì ngu si, vượn đến lấy bàn tay rờ bóc, tay dính vào nhựa. Muốn gỡ tay, vượn dùng chân đạp, lại dính luôn chân. Muốn gỡ chân, vượn dùng miệng cạp, lại dính cả miệng. Hai tay, hai chân cùng miệng của vượn đều dính khấn vào nhựa không thể thoát được. Bấy giờ thợ lấy gậy xỏ vượn mang về nhà.

Chỗ cao vót của núi Tuyết dùng dụ cho chánh đạo của Phật và Bồ Tát chúng. Khí vượn dụ cho phàm phu. Thợ săn dụ cho ma Ba Tuần. Keo nhựa dụ cho tham dục.

Người cùng khí vượn đều không thể đi là dụ cho phàm phu và Ma Vương Ba Tuần đều không thể đi đến.

Khỉ vượn đi được mà người thời không, dụ hàng ngoại đạo, có trí huệ, các ác ma dù có dùng ngũ dục cũng không hệ phược được họ.

Người cùng khỉ vượn đều đi được là dụ cho tất cả phàm phu cùng ma Ba Tuần luôn ở trong sanh tử không thể tu hành. Hàng phàm phu bị ngũ dục hệ phược nên ma Ba Tuần tha hồ mang đi. Như thợ săn kia bắt khỉ vượn mang về nhà.

Này Thiện nam tử ! Như Quốc Vương ở trong nước mình thời thân tâm an lạc, nếu qua đến nước khác thời tất phải gặp nhiều sự khổ não. Cũng vậy, tất cả chúng sanh nếu có thể tự trụ nơi cảnh giới của mình thời được an lạc, nếu đến cảnh giới khác tất gặp ác ma bị những khổ não.

Tự cảnh giới là chỉ tứ niệm xứ. Cảnh giới khác là nói ngũ dục.

Thế nào gọi là hệ thuộc nơi ma ? Có những chúng sanh nơi vô thường thấy là thường, nơi thường lại thấy là vô thường ; nơi khổ thấy là lạc, nơi lạc lại thấy là khổ ; nơi bất tịnh thấy là tịnh, nơi tịnh lại thấy là bất tịnh ; nơi vô ngã thấy là ngã, nơi ngã lại thấy là vô ngã. Nơi chẳng phải giải thoát thấy là giải thoát, nơi thật giải thoát lại

thấy là chẳng giải thoát. Nơi chẳng phải thừa thấy là thừa, nơi thừa lại thấy là chẳng phải thừa. Những hạng này gọi là kẻ hệ thuộc nơi ma. Phàm kẻ hệ thuộc nơi ma thời tâm họ không thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy các pháp thật có tướng nhất định là tổng là biệt, nên biết rằng người này lúc thấy sắc liền chấp tướng sắc, nhãn đến lúc thấy thức cũng chấp tướng thức. Lúc thấy nam nữ, nhật, nguyệt, âm, nhập, giới v.v...liền chấp tướng nam, tướng nữ nhãn đến tướng nhập, tướng giới. Kẻ có kiến chấp này gọi là hệ thuộc nơi ma. Kẻ hệ thuộc nơi ma thời tâm họ không thanh tịnh.

Này Thiện nam tử ! Nếu thấy ngã là sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc thuộc nơi ngã ; nhãn đến thấy ngã là thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức thuộc nơi ngã. Kiến chấp này hệ thuộc nơi ma, người này không phải đệ tử Phật.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn đệ tử của ta xa lìa mười hai bộ kinh của Như-Lai, mà tu tập theo sách vở của những ngoại đạo, chẳng tu công hạnh tịch diệt xuất gia, thuần kinh doanh sự vụ tại gia thế tục. Những gì là sự vụ tại gia thế tục ? Nhận chứa tất cả vật bất tịnh, tôi

tổ, ruộng, nhà, voi, ngựa, xe cộ, đà, lừa, gà, chó, khỉ, vượn, heo, dê, các thứ lúa bắp ; xa lìa sư trưởng, chúng Tăng, gần gũi cư sĩ bạch y, trái phản Thánh giáo. Bảo hàng bạch y rằng: Đức Phật cho phép Tỳ Kheo nhận chứa những vật bất tịnh. Đây gọi là sự vụ tại gia.

Có các đệ tử chẳng vì Niết Bàn, chỉ vì lợi dưỡng mà nghe thọ mười hai bộ kinh, ăn dùng của thường trụ như của riêng mình, tham tiệc nhà người cùng danh tiếng, gần gũi Quốc Vương và các Vương Tử, bói xử lành dữ, suy tính đầy vơi, bài bạc, thân thiện Tỳ Kheo Ni cùng các xử nữ, chứa hai hạng sa di, thường đến nhà hàng thịt, thợ săn, quán rượu và chỗ ở của Chiên Đà La, buôn bán các loại, tự tay làm đồ ăn, nhận đi xứ lân quốc, lãnh lệnh đi thơ. Nên biết rằng người như trên đây là quyền thuộc của ma, không phải đệ tử Phật. Do nhân duyên này mà tâm cùng tham chung sanh, chung diệt. Sân và si cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do đây nên tâm tánh chẳng phải tịnh, cũng chẳng phải bất tịnh. Vì thế nên ta nói rằng tâm được giải thoát.

Nếu có người không nhận, không chứa tất cả vật bất tịnh, vì Đại Niết Bàn mà thọ trì đọc tụng mười hai bộ

kinh, biên chép giải thuyết. Nên biết rằng người này thật là đệ tử Phật. Người này không đi nơi cảnh giới của ác ma Ba Tuần. Người này chính là tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Vì tu tập nên chẳng cùng tham mà sanh, cũng chẳng cùng với tham mà diệt.

Đây gọi là Đại Bồ Tát tu hành kinh Đại Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ tám.

Thế nào là thành tựu đầy đủ phần công đức thứ chín ?

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, đầu tiên phát năm điều thời được thành tựu phần công đức này: Một là tín tâm ; hai là trực tâm ; ba là giới ; bốn là gần gũi bạn lành, năm là học rộng nghe nhiều.

Thế nào là tín tâm ?

Bồ tát tin nơi TAM BẢO, bố thí cúng dường thời có quả báo. Tin nơi hai đế lý, đạo nhất thừa không có nẻo nào khác, vì muốn chúng sanh mau được giải thoát mà chư Phật và Bồ tát phân biệt làm ba thừa. Tin đế lý đệ nhất nghĩa. Tin thiện phương tiện: Đây gọi là tin.

Người có lòng tin như trên đây, không ai phá hoại được. Do đức tin này mà được tánh Thánh nhân. Người này tu hành bố thí không luận ít nhiều đều được gần nơi

Đại Niết Bàn, chẳng đọa nơi sanh tử. Như bồ thí, trì giới, đa văn và trí huệ cũng vậy. Dầu có tín tâm này nhưng cũng chẳng chấp. Đây là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn thành tựu điều ban đầu.

Thế nào là trực tâm ?

Đại Bồ Tát đối với chúng sanh, có lòng chất trực.

Tất cả chúng sanh, nếu gặp nhân duyên thời móng lòng đua vạy. Bồ Tát thời không như vậy, vì hiểu rõ các pháp đều là nhân duyên. Bồ Tát dầu thấy chúng sanh có những lỗi lầm, mà trọn không nói đến, vì sợ sanh phiền não, nếu sanh phiền não thời phải đọa ác thú.

Bồ Tát này nếu thấy chúng sanh có chút ít điều lành liền tán thán đó. Gì là lành ? Chính là Phật tánh. Do Bồ Tát tán thán Phật tánh nên chúng sanh phát tâm Bồ Đề.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật: “ Thế Tôn ! Như đức Phật vừa nói: Bồ Tát tán thán Phật tánh làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề. Lời đây không đúng nghĩa. Vì đức Như-Lai lúc mới khai kinh Niết Bàn nói có ba hạng: Một là nếu có người bệnh gặp được thầy giỏi thuốc hay, người khám bệnh khéo thời được lành mạnh, nếu không được như trên thời bệnh không lành ; hai là được

gặp hay không được gặp đều không được lành ; ba là được gặp hay không được gặp bệnh đều lành.

Tất cả chúng sanh cũng có ba hạng như vậy: Một là hạng gặp bạn lành, gặp Phật, Bồ Tát, nghe nói diệu pháp thời được phát tâm Bồ Đề, nếu không gặp thời không phát, đây là chỉ cho các bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na hàm, A La Hán và Bích Chi Phật.

Hai là hạng dầu được gặp bạn lành, gặp Phật, Bồ Tát, được nghe diệu pháp cũng chẳng phát tâm Bồ Đề, đây là nói hạng Nhất Xiển Đề.

Ba là hạng hoặc gặp hay chẳng gặp, tất cả đều có thể phát tâm Bồ Đề, đây là nói Bồ Tát.

Nếu đã nói rằng gặp cùng chẳng gặp tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, giờ đây tại sao đức Như-Lai lại nói: Do tán thán Phật tánh làm cho chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề ?

Thế Tôn ! Nếu nói rằng gặp cùng chẳng gặp đều không thể phát tâm Bồ Đề cả, lời này cũng không đúng nghĩa, vì hạng này sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Hạng Nhất Xiển Đề do vì có Phật tánh, nên hoặc được gặp hay không được gặp, cũng đều sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Thế Tôn ! Như đức Phật định nghĩa Nhất Xiển Đề là dứt thiện căn, cũng không đúng. Vì hạng này không dứt Phật tánh. Cứ lý thời Phật tánh không thể dứt, sao đức Phật nói là dứt thiện căn ?

Như trong mười hai bộ kinh của Phật nói ngày trước, có hai thứ thiện căn: Thường và vô thường. Thiện căn thường thời không dứt, còn vô thường thời dứt.

Thiện căn vô thường có thể dứt nên đọa địa ngục. Còn thường chẳng thể dứt, có sao đức Phật chẳng có lời ngăn ?

Chẳng dứt Phật tánh chẳng phải nhất xiển đề, có sao đức Phật lại nói là nhất xiển đề ?

Thế Tôn ! Nếu nhân Phật tánh mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, có sao Như-Lai lại vì chúng sanh nói rộng mười hai bộ kinh ?

Thế Tôn ! Như bốn con sông lớn từ ao A Na Bà Đạp Đa chảy ra, nếu có trời, người, cùng chư Phật cũng không thể bảo rằng nước sông lớn này không chảy vào biển cả sẽ trở lại nguồn.

Cũng vậy, người có Phật tánh, không luận nghe pháp hay không nghe, có giới hay không giới, có bố thí hay

không bồ thí, có tu hay không tu, có trí hay không trí, tất cả lẽ ra đều được Vô Thượng Bồ Đề.

Thế Tôn ! Như từ núi A Đà Diên, mặt trời mọc lên đến hướng chánh nam, không bao giờ mặt trời có thể nghĩ rằng ta không đến hướng Tây, ta trở lại phương Đông. Cũng vậy, đã có Phật tánh không có lẽ chẳng được Vô Thượng Bồ Đề mặc dầu không nghe pháp, không trì giới, không bồ thí, không tu, không trí huệ.

Thế Tôn ! Như-Lai nói tánh nhân quả là chẳng phải có chẳng phải không. Nghĩa này cũng chẳng đúng.

Vì như trong sữa có tánh của chất lạc, thời tất không có lạc. Như hột Ni Câu Đà không có tánh cây năm trượng cao, thời tất không mọc lên cây cao năm trượng. Nếu trong Phật tánh không có cội Vô Thượng Bồ Đề, sao lại có thể sanh cội Bồ Đề Vô Thượng. Cứ như nghĩa này, thời làm sao hiệp với nghĩa nhân quả chẳng phải có, chẳng phải không của Phật đã nói ?

Đức Thế Tôn tán thán rằng: “ Lành thay ! Lành thay !
Này Thiện nam tử ! Trong đời có hai hạng người rất là hy hữu như hoa Ưu Đàm: Một là người không phạm tội ác ; hai là người có tội biết hối cải.

Lại có hai hạng người rất hy hữu: Một là làm ơn ; hai là nhớ ơn.

Lại có hai hạng người rất hy hữu: Một là học hỏi điều mới ; hai là ôn nhuần điều học cũ không quên.

Lại có hai hạng người rất hy hữu: Một là tạo ra mới, hai là tu sửa chỗ cũ.

Lại có hai hạng người rất hy hữu: Một là thích nghe pháp ; hai là thích thuyết pháp.

Lại có hai hạng người rất hy hữu: Một là khéo gạn hỏi ; hai là khéo giải đáp.

Người khéo gạn hỏi chính là ông vậy. Người khéo giải đáp chính là Như-Lai vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nơi khéo gạn hỏi bèn chuyên được pháp luân Vô Thượng, có thể làm khô cây do mười hai nhân duyên, có thể qua khỏi sông lớn sanh tử vô biên, có thể chiến đấu với ma vương Ba Tuần, có thể xô ngã thắng tràng của Ba Tuần dựng.

Này Thiện nam tử ! Như trước kia Phật nói ba hạng bệnh nhân, hạng gặp thầy giỏi, thuốc hay, khán bệnh khéo, cùng không gặp đều được lành mạnh, đó là vì thọ mạng quyết định, do vì người này trong vô lượng đời đã

tu được ba thứ thiện căn: Thượng, Trung và Hạ, nên được thọ mạng quyết định. Như người Uất Đơn Việt tuổi thọ ngàn năm, nếu mắc phải bệnh, dầu gặp thầy gặp thuốc được săn sóc kỹ, cùng không gặp đều sẽ được lành mạnh cả, vì họ đã được tuổi thọ quyết định.

Hạng bệnh nhân nếu gặp thầy giỏi thuốc hay, khán bệnh khéo thời được lành, bằng không gặp thời chẳng lành, đây là những người thọ mạng không quyết định. Hạng người này dầu thọ mạng chưa hết, song có chín nhân duyên có thể làm họ chết yểu: Một là biết ăn sẽ không an mà cứ ăn, hai là ăn quá nhiều ; ba là ăn chưa tiêu mà lại ăn nữa ; bốn là đại tiểu không điều hòa ; năm là lúc bệnh không nghe theo lời chỉ dẫn của y sĩ ; sáu là chẳng nghe lời dặn bảo của người khán bệnh ; bảy là cố nín nhịn không chịu ói ; tám là đi đêm, vì đi đêm sẽ bị ác quỷ, ác trùng làm hại ; chín là phòng thất quá độ. Do đây nên Phật nói hạng bệnh nhân này gặp thầy gặp thuốc thời lành, nếu không gặp thời không lành.

Hạng bệnh nhân gặp thầy gặp thuốc hay không gặp đều không được lành mạnh, đây là những người tuổi thọ đã hết.

Chúng sanh cũng như vậy. Người phát tâm Bồ Đề,

nếu gặp bạn lành, chư Phật, Bồ Tát, được học hỏi pháp cao sâu, hoặc không được gặp được học, tất cả đều sẽ được thành, vì người này đã có thể phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Như người Uất Đơn Việt có thọ mạng quyết định.

Hàng nhị thừa từ Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật, nếu được nghe thiện hữu, Chư Phật, Bồ Tát giảng nói pháp Đại Thừa thời có thể phát tâm Bồ Đề, nếu không gặp không nghe thời không thể phát tâm Bồ Đề Vô Thượng. Như người thọ mạng không quyết định, do chín duyên làm cho họ phải yếu thọ, nếu gặp Thầy gặp thuốc thời lành, không gặp thời bệnh không lành.

Hạng nhất xiển đề, dầu có gặp thiện hữu, chư Phật, Bồ Tát, có nghe pháp cao sâu, hay không nghe không gặp, đều không thể lìa tâm nhất xiển đề, vì họ đã dứt thiện căn. Hạng nhất xiển đề cũng được thành Vô Thượng Bồ Đề, vì nếu có thể phát tâm Bồ Đề Vô Thượng thời chẳng còn gọi là nhất xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Tại sao nói hạng nhất xiển đề được Vô Thượng Bồ Đề ?

Hạng nhất xiển đề, thật ra không thể được Vô Thượng Bồ Đề, như người tuổi thọ đã hết, dầu gặp thầy gặp thuốc, cũng không lành bệnh được.

Này Thiện nam tử ! “ Nhất Xiển” gọi “Tín”, “Đề” là bất cụ⁹, bất cụ tín gọi là nhất xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tín ; chúng sanh chẳng phải cụ ; bởi bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhất Xiển” gọi là thiện phương tiện ; “Đề” là bất cụ, vì tu thiện phương tiện chẳng đầy đủ nên gọi là nhất xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tu thiện phương tiện ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; bởi bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhất xiển” gọi là tiến: “Đề” là bất cụ ; vì tinh tiến chẳng đầy đủ nên gọi là nhất xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là tiến ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhất Xiển” gọi là niệm ; “Đề” là bất cụ ; vì niệm chẳng đầy đủ nên gọi là nhất xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là niệm, chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhất Xiển” gọi là định, “Đề” là bất cụ ; vì định chẳng đầy đủ nên gọi là nhất xiển đề.

⁹ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “chẳng đủ”

Phật tánh chẳng phải là định ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhất Xiển” gọi là huệ ; “Đề” là bất cụ ; vì huệ chẳng đầy đủ nên gọi là nhất xiển đề.

Phật tánh chẳng phải là huệ ; chúng sanh chẳng phải là cụ ; vì bất cụ nên thế nào dứt được.

“Nhất Xiển” gọi là vô thường thiện ; “Đề” là bất cụ ; vì vô thường thiện chẳng đủ nên gọi là nhất xiển đề.

Phật tánh là thường, chẳng phải thiện, chẳng phải bất thiện. Vì thiện pháp là từ phương tiện mà được, mà Phật tánh chẳng phải từ phương tiện được, nên gọi là chẳng phải thiện.

Do Phật tánh có thể được thiện quả Vô Thượng Bồ Đề, nên nói là chẳng phải bất thiện.

Lại vì thiện pháp sanh rồi mà được, còn Phật tánh không phải sanh rồi mà được nên nói là chẳng phải thiện.

Bởi dứt cả thiện pháp sanh và được, nên gọi là nhất xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Như ông gạn hỏi nếu nhất xiển đề có Phật tánh, tại sao không ngăn tội địa ngục ?

Này Thiện nam tử ! Trong nhất xiển đề không có Phật tánh.

Ví như nhà vua nghe tiếng đàn véo von Thánh thót, quá thích thú say sưa, bèn bảo đại thần: Tiếng quá hay như thế từ đâu mà có ?

Đại thần tâu là từ cây đàn phát ra tiếng ấy.

Nhà vua truyền đem đàn đến trước mặt, rồi bảo cây đàn kêu đi ! Kêu đi ! Cây đàn vẫn không kêu. Nhà vua bèn bứt dây, rọc da, chẻ cây, tìm mãi vẫn không có tiếng. Nhà vua nổi giận trách đại thần là tâu dối.

Đại thần phân trần: Nếu muốn cho đàn kêu ra tiếng thì phải khéo khảy đánh, chớ không phải làm cách như vậy.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, vốn không chỗ trụ. Dùng phương tiện khéo thì thấy được. Vì được thấy nên được Vô Thượng Bồ Đề.

Hạng nhất xiển đề không thấy Phật tánh, làm thế nào ngăn được tội ba ác đạo !

Này Thiện nam tử ! Nếu nhất xiển đề tin có Phật tánh, nên biết rằng người này không bị sa vào ba ác đạo, cũng chẳng còn gọi là nhất xiển đề.

Vì không tự tin có Phật tánh nên phải đọa ác đạo, vì đọa ác đạo nên gọi là nhất xiển đề.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông gạn, nếu trong sữa không có tánh của chất lạc thì lẽ ra chẳng có lạc ; nếu trong hột Ni Câu Đà không có tánh cao năm trượng thì lẽ ra không mọc lên cây cao năm trượng ?

Kẻ ngu si mới nói như thế, người trí không bao giờ nói như thế, vì là không có tánh vậy.

Này thiện nam tử ! Nếu trong sữa có tánh của chất lạc lẽ ra chẳng cần nhờ công lực các duyên. Như nước và sữa trộn lộn, rồi nằm chờ đến mãn tháng trộn không thành lạc. Nếu dùng một giọt sữa rồi tìm nước cây nhều vào bèn thành lạc. Nếu vốn đã có lạc sao lại phải nhờ duyên.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nhờ các nhân duyên thì được thấy, nhờ các nhân duyên được thành Vô Thượng Bồ Đề. Nếu phải chờ các nhân duyên rồi sau mới thành thì chính là vô tánh vậy. Do vô tánh nên có thể thành Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Do có trên đây nên Đại Bồ Tát thường tán thán điều lành của người, chẳng rao nói lỗi

xấu của kẻ khác, đây gọi là chất trực tâm.

Lại thế nào là Bồ Tát có tâm chất trực ? Bồ Tát thường không phạm lỗi ác. Thiết sử có làm lỗi thì liền sám hối với thầy, với bạn đồng học, trọn chẳng che giấu. Tự hổ thẹn, tự trách, chẳng dám tái phạm. Nơi tội khinh xem dường rất nặng. Nếu người gạn hỏi liền đáp rằng thật có phạm, là chẳng tốt, là chẳng lành, tội này là quả ác, là chính tôi gây tạo đây là do phiền não cấu tập. Do trực tâm nên tin có Phật tánh, vì tin Phật tánh nên không gọi là nhất xiển đề. Do trực tâm nên gọi là đệ tử Phật. Nếu lãnh thọ đồ cúng dường của người, dầu mỗi thứ cả ngàn muôn cũng chẳng đủ làm nhiều.

Đây gọi là Bồ Tát tâm chất trực.

Thế nào là Bồ Tát tu trì giới luật ?

Bồ Tát tu trì cấm giới, chẳng cầu sanh thiên, chẳng vì khùng bố, nhẫn đến chẳng thọ cầu giới, kê giới, ngu giới, trĩ giới. Chẳng thật hành phá giới, giới khuyết điểm, giới tỳ vết, giới tạp, giới Thanh Văn, mà thọ trì giới Đại Bồ Tát, thọ trì giới Thi La Ba La Mật được giới đầy đủ chẳng sanh kiêu mạn.

Đây gọi là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn trọn nên công hạnh

thứ ba là giới.

Thế nào là Bồ Tát gần gũi thiện hữu ?

Đại Bồ Tát thường vì chúng sanh nói thiện đạo chẳng nói ác đạo. Nói ác đạo chẳng phải quả báo lành tốt.

Này Thiện nam tử ! Thân của Phật đây là chân Thiện tri thức của tất cả chúng sanh, vì thế nên có thể dứt tà kiến của Bà La Môn Phú Đà La. Nếu có chúng sanh nào gần gũi Phật, dầu có tội địa ngục cũng liền được sanh thiên, như gã Tu Na Sát Đa La v.v... đáng lẽ đọa địa ngục, do gặp được Phật tội liền tiêu trừ mà sanh lên trời cõi sắc.

Dầu có các ông Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v... nhưng chẳng gọi là chân Thiện tri thức của chúng sanh, vì các ông ấy là nhân duyên sanh tâm nhất xiển đề vậy.

Này Thiện nam tử ! Ngày trước lúc Phật ở nước Ba La Nại, ông Xá Lợi Phất có dạy hai đệ tử: Một người tu bạch cốt quán, một người tu sô tức quán. Trải qua nhiều năm tu tập, cả hai người đều không được chánh định bèn sanh tà kiến cho rằng không Niết Bàn vô lậu, giả sử có thời lẽ ra chúng tôi đã được, vì chúng tôi khéo trì giới, tinh tấn tu.

Phật rõ việc này bèn gọi Xá Lợi Phất mà quở rằng: Ông không khéo dạy dỗ. Sao ông thuyết pháp điên đảo cho hai đệ tử như vậy. Hai đệ tử của ông đó, căn tánh đều khác nhau: Một người vốn là thợ giặt, một người vốn là thợ kim hoàn. Thợ kim hoàn nên truyền pháp số tức quán, người thợ giặt phải dạy bạch cốt quán. Vì ông dạy lầm nên làm cho cả hai sanh tà kiến.

Quở xong, Phật chỉ dạy cho hai người đệ tử tu quán như đã bảo với ông Xá Lợi Phất. Sau đó hai người đều chứng quả A La Hán. Vì thế nên Phật là chân Thiện tri thức của tất cả chúng sanh.

Giả sử có chúng sanh nào kiết sử cực trọng mà được gặp Phật, Phật liền dùng phương tiện dứt trừ được cả.

Như em Phật, ông Nan Đà, có dục vọng rất nặng, Phật dùng phương tiện khéo làm cho Nan Đà hết dục vọng.

Như gã Ươn Quật Ma La có lòng sân rất nặng, do gặp Phật mà hết sân.

Vua A Xà Thế có ngu si dày, đến ra mắt Phật liền hết ngu si.

Như Trưởng giả Bà Hy Đà từ vô lượng kiếp quen tập

phiền não rất nặng, quy y với Phật liền sạch phiền não.

Giả sử có kẻ tệ ác hèn hạ, được gần gũi Phật làm đệ tử, thời tất cả trời người đều cung kính mến trọng.

Ông Thi Hội Cúc Đa tà kiến rất nặng, nhân gặp Phật mà hết tà kiến.

Do gặp Phật nên tiêu tội địa ngục thành duyên sanh Thiên, như gã chiên đà la Khí Hứ.

Do gặp Phật, nên lúc sắp chết trở lại được sống lâu, như Thiên Đế Kiều Thi Ca.

Do gặp Phật, nên hết điên cuồng, như Sáu Cù Đàm Di.

Do gặp Phật, nên bỏ nghề giết thịt, như Tỳ Kheo Xiển Đề.

Do gặp Phật, nên thà chết chớ không phạm cấm giới, như các Tỳ Kheo bị trói bằng dây cỏ tươi.

Do nghĩa trên đây, nên A Nan nói nửa phần phạm hạnh là Thiện tri thức, Phật bảo là không phải. Đầy đủ phạm hạnh mới gọi là Thiện tri thức.

Đây là Bồ Tát tu Đại Niết Bàn trọn nên điều thứ tư là gần gũi Thiện tri thức.

Thế nào là Bồ Tát đầy đủ đa văn ?

Đại Bồ Tát vì Đại Niết Bàn, mười hai bộ kinh mà biên chép, đọc tụng, giải thuyết, thời gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Trừ mười một bộ kinh, chỉ thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết bộ Tỳ Phật Lược, cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Trừ cả mười hai bộ kinh, nếu có thể thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết kinh điển vi diệu Đại Niết Bàn này thời gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Không đợi thọ trì toàn bộ kinh này, chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, hoặc chỉ có thể thọ trì câu Như-Lai thường trụ tánh không biến đổi ; đây gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn.

Không đợi như trên, hoặc chỉ biết rằng Như-Lai thường không thuyết pháp, cũng gọi là Bồ Tát đầy đủ đa văn, vì pháp vốn vô tánh. Như-Lai dầu giảng nói tất cả pháp nhưng thường không chỗ nói.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập Đại Niết Bàn trọn nên điều thứ năm là đầy đủ đa văn.

Này Thiện nam tử ! Nếu có nam tử cùng nữ nhân nào

vì Đại Niết Bàn mà trọn nên năm điều như trên thời làm được việc khó làm, nhẫn được việc khó nhẫn, thí được việc khó thí.

Thế nào là Bồ Tát làm được việc khó làm ?

Nếu nghe có người mỗi ngày ăn một hột mè mà được thành Vô Thượng Bồ Đề, vì tin theo đây, Bồ Tát có thể trong vô lượng vô số kiếp, mỗi ngày thường ăn một hột mè.

Nếu nghe rằng vào lửa mà được thành Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát có thể trong vô lượng kiếp vào trong lửa dữ ở ngục A Tỳ.

Thế nào là Bồ Tát nhẫn được việc khó nhẫn ?

Nếu nghe rằng chịu những đau khổ: Tay đánh gậy đập, đá ném, dao chém mà được Đại Niết Bàn, Bồ Tát có thể chịu đủ tất cả sự khổ ấy trong vô lượng kiếp mà không thấy là đau khổ.

Thế nào là Bồ Tát thí được việc khó thí ?

Nếu nghe rằng đem vợ con, nhà nước, đầu mắt tủy não bố thí cho người thời được thành Vô Thượng Bồ Đề, Bồ Tát liền ở trong vô lượng vô số kiếp đem những thứ ấy bố thí cho người, không một niệm hối tiếc.

Bồ Tát dầu làm, dầu nhân, dầu bố thí như vậy, song trọn không có quan niệm rằng tôi làm, tôi nhân, tôi bố thí.

Ví như cha mẹ chỉ có một con trai, rất mến yêu con, cho con ăn ngon mặc đẹp. Nếu bị con khinh khi mắng hỗn, cha mẹ cũng không hờn giận, cũng chẳng nghĩ công nuôi dưỡng.

Cũng vậy, Bồ Tát xem chúng sanh như con một.

Nếu con phải bệnh, thời cha mẹ cũng bệnh, lo tìm thầy chạy thuốc ; khi con đã được lành mạnh, cha mẹ cũng chẳng nghĩ rằng ta lo chạy chữa cho con.

Cũng vậy, Bồ Tát thấy chúng sanh bị mắc bệnh phiền não, thương xót đem chánh pháp dạy cho. Nhờ nghe chánh pháp mà chúng sanh dứt được phiền não. Bồ Tát trọn không nghĩ rằng ta làm cho chúng sanh hết phiền não. Nếu có quan niệm chúng sanh được độ thời không thể thành Vô Thượng Bồ Đề. Chỉ có quan niệm rằng không có một chúng sanh nào được nghe ta thuyết pháp mà dứt phiền não.

Bồ Tát đối với chúng sanh không có lòng sân hận, không có lòng hỷ lạc, vì Bồ Tát khéo tu tập không tam

muội. Nếu là tu tập không tam muội, thời Bồ Tát còn sanh sân, sanh hỷ đối với ai ?

Ví như cụm rừng kia bị người chặt đốn, bị lửa cháy, bị nước ngập, cụm rừng sẽ sanh sân hỷ với ai ? Cũng vậy, đối với chúng sanh Bồ tát không có lòng sân hỷ, vì đã khéo tu tập không tam muội vậy.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật:

“Thế Tôn ! Tất cả các pháp là tánh nó tự không, hay là vì không, không nên không ?

Nếu tánh nó tự không thời chẳng nên tu không rồi sau mới thấy được không. Tại sao đức Như-Lai nói do tu không mà được thấy không ?

Nếu tánh nó tự chẳng không, thời dầu có tu không, cũng chẳng thể làm cho nó thành không ?

Phật bảo:

“ Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp tánh của nó tự không, vì tánh của tất cả pháp vốn là bất khả đắc vậy.

Như sắc tánh bất khả đắc. Thế nào là sắc tánh ? Xét nơi sắc, chẳng phải là địa, thủy, hỏa, phong, cũng chẳng rời ngoài địa, thủy, hỏa, phong ; chẳng phải xanh, vàng, đỏ, trắng, cũng chẳng rời ngoài xanh, vàng, đỏ, trắng ;

chẳng phải có, chẳng phải không, đâu có thể nói là sắc có tự tánh. Vì tánh bất khả đắc nên gọi là không.

Tất cả pháp khác cũng như vậy.

Bởi tương tự tương tục nên phạm phu theo kiến thức của mình mà cho là các pháp tánh chẳng không tịch. Còn Đại Bồ Tát nhờ đầy đủ năm công hạnh nên thấy tất cả pháp, tánh vốn không tịch.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn nào thấy tất cả pháp, tánh chẳng không, phải biết rằng người đó không phải là Sa Môn, Bà La Môn, người đó không tu tập Bát Nhã Ba La Mật, chẳng được vào Đại Niết Bàn, chẳng được hiện tiền thấy Phật, Bồ Tát ; người đó là quyến thuộc của ma.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp tánh nó vốn tự không, cũng do Bồ Tát tu tập không mà thấy các pháp là không.

Này Thiện nam tử ! Như tất cả pháp vì tánh nó vô thường nên diệt có thể diệt được. Nếu chẳng phải là vô thường thì diệt chẳng thể diệt được.

Pháp hữu vi, vì có sanh tướng nên sanh có thể sanh nó, vì có diệt tướng nên diệt có thể diệt nó. Các pháp vì

có tướng khổ nên khổ có thể làm cho khổ ?

Như tánh muối là mặn nên có thể ướp mặn vật khác. Vì tánh mật là ngọt nên có thể ướp ngọt vật khác. Vì tánh giấm là chua nên có thể ướp chua vật khác. Vì tánh gừng là cay nên có thể ướp cay vật khác. Vì A Lê Lặc đắng nên có thể ướp đắng vật khác. Vì trái Am La lạt nên có thể ướp lạt vật khác. Tánh chất độc có thể làm hại, nên ướp vật khác thành độc có thể làm hại. Tánh cam lộ làm cho người không chết, nếu đem hiệp với vật khác cũng có thể thành vị bất tử ?

Bồ Tát tu không cũng như vậy. Vì tu không nên thấy tất cả pháp, tánh của nó đều không tịch.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát lại bạch: “ Thế Tôn ! Nếu như muối có thể làm cho vật không phải mặn thành ra mặn. Tu không tam muội cũng như vậy, thời chánh định này không lành, không diệu, tánh cách điên đảo. Nếu không tam muội chỉ thấy không, không là không có pháp thời là thấy những gì ?”

Phật bảo:

“ Này Thiện nam tử ! Không tam muội này thấy nơi pháp chẳng phải không, mà có thể làm thành không tịch,

nhưng vẫn chẳng phải là điên đảo. Như muối làm vật không mặn thành mặn. Cũng vậy, không tam muội làm pháp chẳng không thành không.

Này Thiện nam tử ! Tham là tánh có chẳng phải tánh không. Nếu tham là tánh không thời lẽ ra chúng sanh chẳng vì tham mà phải đọa địa ngục. Nếu bị đọa địa ngục, thời tham tánh đâu phải là không !

Này Thiện nam tử ! Sắc tánh là có. Gì là sắc tánh ? Chính là điên đảo. Do điên đảo nên chúng sanh tham đắm. Nếu sắc tánh chẳng phải điên đảo thời đâu có thể làm cho chúng sanh tham đắm ! Vì sanh tham nên biết rằng sắc tánh chẳng phải là không có. Do có trên đây nên tu không tam muội chẳng phải là điên đảo vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả phàm phu nếu thấy người nữ liền sanh tướng nữ.

Bồ Tát thời không như vậy, dầu thấy người nữ nhưng không sanh tướng nữ, vì không sanh tướng nữ nên không sanh tham ; tham không sanh chẳng phải là điên đảo vậy.

Vì người đời thấy có người nữ, nên Bồ Tát tùy thuận nói có người nữ. Nếu lúc thấy người nam mà nói là nữ, thời là điên đảo.

Do đây nên Phật bảo Xa Đề rằng:

Này Bà La Môn ! Nếu cho ngày là đêm, thời là điên đảo. Cho đêm là ngày cũng là điên đảo.

Này Thiện nam tử ! Tất cả Bồ Tát trụ bậc cứu địa thấy pháp có tánh, do đây nên không thấy Phật tánh, nếu đã thấy Phật tánh thời chẳng còn thấy tánh tất cả pháp. Do tu tập không tam muội nên chẳng thấy pháp tánh. Vì không thấy Pháp tánh nên thấy Phật tánh.

Chư Phật và Bồ Tát có hai thuyết: Một là có tánh, hai là không tánh.

Vì chúng sanh nên nói có Pháp tánh, vì các bậc hiền Thánh nên nói không Pháp tánh.

Vì muốn người không thấy được pháp không, nên tu không tam muội khiến thấy được không. Người không thấy pháp tánh cũng do tu không nên không. Do nghĩa này nên tu không thời thấy được không.

Này Thiện nam tử ! Ông gạn rằng: Người thấy không đó, không là không có pháp thời thấy những gì ?

Này Thiện nam tử ! Đúng như vậy, Đại Bồ Tát thật không chỗ thấy, không chỗ thấy chính là không chỗ có, không chỗ có chính là tất cả pháp. Đại Bồ tát tu Đại Niết

Bàn nơi tất cả pháp đều không chỗ thấy. Nếu có chỗ thấy thời không thấy Phật tánh, không thể tu tập Bát Nhã Ba La Mật. Chẳng được vào nơi Đại Niết Bàn. Vì thế nên Bồ Tát thấy tất cả pháp, tánh Vô Sở Đắc.

Này Thiện nam tử ! Bồ Tát chẳng những nhân tu tam muội mà thấy không, Bát Nhã Ba La Mật cũng không, thiền Ba La Mật cũng không, Tỳ Lê Gia Ba La Mật cũng không, Sằn Đề Ba La Mật cũng không, Thi La Ba La Mật cũng không, Đàn Ba La Mật cũng không, sắc cũng không, nhãn cũng không, thức cũng không, Như-Lai cũng không, Đại Niết Bàn cũng không. Vì thế nên Bồ Tát thấy tất cả pháp đều là không.

Do đây nên lúc ở thành Ca Tỳ La, Phật bảo A Nan: Ông chớ sầu não khóc lóc !

- A Nan bạch:

Thế Tôn ! Nay quyền thuộc của tôi đều bị giết chết cả, làm sao tôi không sầu não khóc lóc được ! Như-Lai cùng tôi đồng sanh trưởng tại thành này, đồng là thân thích của dòng Thích Ca, tại sao chỉ riêng có Như-Lai là không sầu não, dung nhan lại tươi sáng như vậy ?

- Này A Nan ! Ông thấy thành Ca Tỳ La là có thật,

còn Phật thời thấy là không tịch trọn không chỗ có. Ông thấy dòng Thích Ca là thân thích, còn Phật vì tu không nên đều không chỗ thấy. Vì thế nên ông sanh lòng sâu khổ, còn dung nhan của Phật càng thêm tươi sáng.

Này Thiện nam tử ! Vì chư Phật và Bồ Tát tu tập không tam muội như vậy nên chẳng sanh sâu não.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ chín.

Này Thiện nam tử ! Thế nào là Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, thành tựu đầy đủ phần công đức thứ mười rớt sau cả ?

Bồ Tát tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo vào Đại Niết Bàn thường, lạc, ngã, tịnh. Vì các chúng sanh phân biệt giải thuyết kinh Đại Niết Bàn hiển thị Phật tánh.

Nếu Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát tin lời trên đây thời đều được vào Đại Niết Bàn. Nếu người không tin thời luân hồi sanh tử.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát bạch Phật:

“ Thế Tôn ! Những chúng sanh nào ở trong kinh này chẳng sanh lòng cung kính ?”

Phật bảo:

“ Này Thiện nam tử ! Sau khi ta nhập Niết Bàn có hàng Thanh Văn đệ tử ngu si phá giới ưa sanh sự đấu tranh, bỏ mười hai bộ kinh, mà đi đọc tụng văn kệ sách vở của ngoại đạo, nhận chứa tất cả vật bất tịnh, nói rằng Phật cho phép. Những người ngu si này đem chiên đàn tốt đổi lấy gỗ tạp, đem vàng đổi lấy thau, đem bạc đổi lấy nhôm, hàng lụa đổi bố gai, đem vị cam lộ đổi lấy chất độc.

Thế nào là chiên đàn đổi gỗ tạp ?

Như các đệ tử vì cúng dường mà thuyết kinh pháp cho hàng bạch y. Hàng bạch y phóng dật không thích nghe pháp. Bạch y ngồi cao, Tỳ Kheo ngồi thấp. Nhân đến đem những đồ ăn uống ngon để cung cấp mà họ vẫn chẳng bằng lòng nghe. Đây gọi là đem chiên đàn đổi lấy gỗ tạp.

Thế nào là đem vàng đổi lấy thau ?

Thau là dụ cho sắc, tinh, hương, vị, xúc năm dục trần, vàng là dụ cho giới. Đệ tử của ta vì sắc mà phá giới đã thọ. Đây là đem vàng đổi lấy thau.

Thế nào là đem bạc đổi lấy nhôm ?

Bạc dụ cho thập thiện, nhôm dụ cho thập ác. Đệ tử

của ta vất bỏ mười hạnh lành mà làm mười điều ác. Đây là đem bạc đổi nhôm vậy.

Thế nào là đem lụa đổi gai bố ?

Gai bố dụ cho vô tâm, vô quý. Lụa dụ cho tâm quý. Đệ tử của ta bỏ tâm quý quen tập vô tâm, vô quý. Đây là đem lụa đổi gai vậy ?

Thế nào là vị cam lồ đổi chất độc ?

Chất độc dụ cho các thứ lợi dưỡng. Cam lồ dụ cho pháp vô lậu. Đệ tử của ta vì lợi dưỡng mà tự khen tự khoe với hàng bạch y rằng mình được vô lậu. Đây là cam lồ đổi chất độc.

Sau này kinh Đại Niết Bàn lưu hành ở Diêm Phù Đề, có các đệ tử Phật thọ trì, đọc tụng, biên chép, diễn thuyết sẽ bị các ác Tỳ Kheo đây giết hại.

Lúc đó các ác Tỳ Kheo nhóm họp nhau lập chế ước nghiệm rằng: Vị nào đọc tụng thọ trì biên chép diễn thuyết kinh Đại Niết Bàn, đều chẳng được cùng ở, cùng ngồi, cùng đàm luận chuyện trò. Vì kinh Đại Niết Bàn chẳng phải của Phật nói, do người tà kiến tạo ra. Người tà kiến là lục sư, kinh điển của lục sư chẳng phải kinh điển của Phật. Vì tất cả chư Phật đều nói các pháp là vô

thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Nếu nói các pháp là thường, lạc, ngã, tịnh thì đâu phải là kinh do Phật nói.

Chư Phật cho các đệ tử chứa các thứ vật, còn lục sư chẳng cho các đệ tử cất chứa tất cả vật. Nếu cất chứa thì thế nào lại là lời của Phật ?

Chư Phật chẳng cất đệ tử dứt hẳn năm vị sữa bò và ăn thịt. Còn lục sư chẳng cho ăn năm thứ muối, năm thứ vị sữa bò và huyết mỡ. Nếu cất những thứ này thì đâu phải là kinh điển chánh của Phật !

Chư Phật nói ba thừa, mà kinh này thuần nói nhất thừa và Đại Niết Bàn, thì đâu gọi là kinh điển chánh của Phật được !

Chư Phật rôt ráo nhập Niết Bàn, còn kinh này nói Phật là thường, lạc, ngã, tịnh, chẳng nhập Niết Bàn.

Kinh này không ở trong số mười hai bộ, chính là ma thuyết, chẳng phải Phật thuyết.

Này Thiện nam tử ! Người như trên đây dầu là đệ tử Phật mà chẳng thể tin thuận kinh Đại Niết Bàn này.

Này Thiện nam tử ! Trong thời kỳ vậy, nếu có chúng sanh tin kinh điển này hẳn đến nửa câu, phải biết rằng người này thật là đệ tử của Phật, do sự tin này mà thấy

Phật tánh nhập Đại Niết Bàn.

Cao Quý Đức Vương Bồ Tát nói: “ Lành thay ! Lành thay ! Ngày nay đức Như-Lai khéo khai thị kinh Đại Niết Bàn.

Thế Tôn ! Tôi nhân việc này bèn được giải ngộ kinh Đại Niết Bàn một câu nửa câu. Do hiểu một câu đến nửa câu nên thấy chút phần Phật tánh. Cứ như lời Phật nói, tôi cũng sẽ vào được Đại Niết Bàn.

Đây gọi là Bồ Tát tu tập kinh Niết Bàn thành tựu đầy đủ phần công đức thứ mười.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM SƯ TỬ HỒNG BỒ TÁT THỨ HAI MƯỜI
BA

Bấy giờ Đức Phật bảo tất cả đại chúng: “ Này các Thiện nam tử ! Các người nếu nghi là có Phật không Phật, có Pháp không Pháp, có Tăng không Tăng, có khổ không

khô, có tập không tập, có diệt không diệt, có đạo không đạo, có thật không thật, có ngã không ngã, có lạc không lạc, có tịnh không tịnh, có thường không thường, có thừa không thừa, có tánh không tánh, có chúng sanh không chúng sanh, có hữu không hữu, có chân không chân, có nhân không nhân, có quả không quả, có tác không tác, có nghiệp không nghiệp, có báo không báo, giờ đây tha hồ cho các người hỏi, ta sẽ phân biệt giải thuyết cho.

Ta thật chẳng thấy hoặc có Trời, Người, hoặc có Ma, Phạm, hoặc có Sa Môn hay Bà La Môn nào đến hỏi mà ta không giải đáp được.

Trong pháp hội có Bồ Tát hiệu Sư Tử Hống đứng dậy nghiêm chỉnh y phục đánh lễ đức Phật chấp tay quỳ bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Tôi vừa muốn hỏi, đức Như-Lai đại từ đại đã hứa cho”.

Phật bảo đại chúng rằng:

“ Các người nên cung kính Bồ Tát này, cũng nên tôn trọng tán thán cùng đem các thứ hoa hương kỹ nhạc, anh lạc, phan lọng, y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, phòng nhà, điện đường để cúng dường Bồ Tát. Vì Bồ Tát

này từ quá khứ chư Phật đã sâu trồng thiện căn phước đức đã đầy đủ, vì thế nên muốn ở trước ta mà thưa hỏi.

Như Sư Tử chúa tự biết sức lực nanh răng nhọn bén, bốn chân chống đất đứng trong hang vầy đuôi gầm ra tiếng. Nếu có người nào đủ những tướng như vậy phải biết rằng có thể rống như Sư Tử, thật là Sư Tử chúa sáng sớm ra khỏi hang vươn vai ngáp nhìn ngó bốn phương, cất tiếng rống to. Làm như thế là vì mười một điều: Một là vì muốn phá dẹp những loài chẳng phải thật Sư Tử mà dối làm Sư Tử ; hai là vì muốn thử sức mình ; ba là vì muốn khiến chỗ ở thanh tịnh ; bốn là vì muốn bày Sư Tử con biết chỗ nơi ; năm là vì muốn đoàn Sư Tử không tâm kinh sợ ; sáu là vì muốn kẻ ngủ được thức tỉnh ; bảy là vì muốn tất cả những thú phóng dật được siêng năng chẳng phóng dật ; tám là vì muốn những thú khác đến châu hầu ; chín là vì muốn điều phục đại hương tượng ; mười là vì muốn dạy bảo các con cái ; mười một là vì muốn trang nghiêm quyền thuộc của mình.

Tất cả loài cầm thú nghe tiếng rống của Sư Tử, loài lội dưới nước liền lặn xuống vực sâu, loài chạy trên bờ thời nép trốn trong hang, loài chim bay thời rơi rớt, các đại hương tượng kinh hãi chạy té phần.

Như loài chồn cáo kia dẫu đi theo Sư Tử trọn trăm năm nhưng chẳng thể rống lên tiếng như Sư Tử. Nếu là con Sư Tử, mới đầy ba năm thời có thể kêu rống như Sư Tử chúa.

Này Thiện nam tử ! Như-Lai chánh đẳng giác, trí huệ là nanh vuốt, bốn như ý túc là chân, đầy đủ sáu môn Ba La Mật là thân, thập trí lực hùng mãnh là sức lực, đại từ bi là đuôi an trụ, tứ thiên là hang thanh tịnh, vì chúng sanh mà rống như Sư Tử, dẹp phá quân ma, hiện bày mười trí lực, mở mang chỗ đi của Phật, làm chỗ nương về cho bọn tà kiến, vỗ về những chúng sợ sệt sanh tử, giác ngộ chúng sanh vô minh ngủ nghỉ, làm cho người tạo ác sanh tâm ăn năn, khai thị tà kiến cho tất cả chúng sanh, làm cho họ biết hàng lục sư chẳng phải là tiếng rống của Sư Tử, để phá lòng kiêu mạn của ngoại đạo Phú Lô Na v.v... Làm cho hàng nhị thừa sanh lòng hối hận, dạy bảo các Bồ Tát bậc ngũ trụ cho họ sanh tâm đại lực, làm cho bốn bộ chúng chánh kiến chẳng sợ sệt những đồ chúng tà kiến, nên từ nơi Thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh, vươn vai mà ra. Muốn khiến các chúng sanh phá lòng kiêu mạn nên hà ngáp. Vì khiến chúng sanh thêm lớn pháp lành nên đoái ngó bốn phương. Vì khiến chúng

sanh đặng tứ vô ngại biện nên bốn chân chấm đất. Vì khiến chúng sanh đầy đủ Thi La Ba La Mật nên rỗng như Sư Tử”.

Sư Tử rỗng gọi là quyết định thuyết:

“ Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như-Lai thường trụ không có biến đổi”.

Này Thiện nam tử ! Hàng Thanh Văn, Duyên Giác dầu theo đức Như-Lai trong vô lượng vô số kiếp nhưng trọn không thể làm Sư Tử rỗng. Thập trụ Bồ Tát nếu có thể tu hành ba hạnh như trên, nên biết rằng đó là Sư Tử rỗng.

Này đại chúng ! Bồ Tát Sư Tử Hồng đây, nay muốn làm đại Sư Tử rỗng, nên đại chúng phải nên thâm tâm cúng dường cung kính tôn trọng tán thán.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Sư Tử Hồng Bồ Tát: “ Này Thiện nam tử ! Nếu ông muốn hỏi, giờ đây ông có thể hỏi”.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Phật tánh? Do nghĩa gì nên gọi là Phật tánh ? Có gì lại gọi là thường, lạc, ngã, tịnh ? Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao lại chẳng thấy được Phật tánh của tất cả chúng sanh ? Thập trụ Bồ Tát

trụ những pháp gì mà chẳng thấy Phật tánh rõ ràng ? Phật trụ những pháp gì mà thấy được rõ ràng ? Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì mà thấy chẳng rõ ràng ? Phật dùng con mắt gì mà thấy Phật tánh được rõ ràng ?

Phật bảo:

“ Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Nếu có ai vì pháp mà thưa hỏi thời là đầy đủ hai thứ trang nghiêm: Một là trí huệ, hai là phước đức. Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời biết Phật tánh, cũng lại rõ biết gọi là Phật tánh, nhân đến có thể biết Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì, chư Phật Thế Tôn dùng con mắt gì.

Sư Tử Hống Bồ Tát thưa:

“ Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là trí huệ trang nghiêm ? Thế nào gọi là phước đức trang nghiêm ?

- Này Thiện nam tử ! Trí huệ trang nghiêm chính là từ nhất địa đến thập địa. Phước đức trang nghiêm chính là Đàn Ba La Mật nhân đến Bát Nhã Ba La Mật.

Lại này Thiện nam tử ! Huệ trang nghiêm là nói chư Phật và Bồ Tát. Phước đức trang nghiêm là nói Thanh Văn, Duyên Giác cùng Cửu trụ Bồ Tát.

Lại này Thiện nam tử ! Phước đức trang nghiêm là hữu vi hữu lậu có quả báo, có ngại chẳng phải thường, là pháp phàm phu. Trí huệ trang nghiêm là vô vi vô lậu không quả báo, không ngại là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Nay ông đầy đủ hai thứ trang nghiêm này, nên ông có thể hỏi diệu nghĩa rất sâu Phật cũng đầy đủ hai thứ trang nghiêm này nên có thể giải đáp những nghĩa ấy.

Bạch Thế Tôn ! Nếu có Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm như vậy thời chẳng nên hỏi một thứ hai thứ. Tại sao đức Thế Tôn nói rằng có thể đáp một thứ hai thứ. Vì tất cả pháp không có một thứ hai thứ. Một thứ hai thứ là tướng phàm phu.

Này Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát không hai thứ trang nghiêm thời chẳng phải biết một thứ hai thứ. Phải là Bồ Tát đầy đủ hai thứ trang nghiêm mới có thể rõ biết một thứ hai thứ. Nếu nói các pháp không một hai đó, thời không đúng nghĩa. Vì nếu không một hai thế nào nói là tất cả pháp không một không hai.

Này Thiện nam tử ! Nếu nói một hai là tướng phàm phu, đây bèn gọi là bậc Thập trụ Bồ Tát chẳng phải là phàm phu vậy. Tại sao vậy ? Một đó gọi là Niết Bàn, hai

đó gọi là sanh tử.

Tại sao một đó gọi là Niết Bàn ? Vì Niết Bàn là thường. Tại sao hai đó là sanh tử ? Vì là ái và vô minh vậy.

Niết Bàn thường trụ đó chẳng phải là tướng phàm phu. Sanh tử là hai đó cũng chẳng phải tướng phàm phu. Do nghĩa này nên người đủ hai thứ trang nghiêm thời có thể hỏi có thể đáp.

Ông hỏi thế nào là Phật tánh đó ? Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho ông.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đã gọi là đệ nhất nghĩa không, đệ nhất nghĩa không gọi là trí huệ.

Không đây là chẳng thấy không cùng bất không. Người trí thấy không và bất không thường cùng vô thường khổ với lạc, ngã cùng vô ngã. Không là nói tất cả sanh tử. Bất không là nói Đại Niết Bàn. Nhấn đến vô ngã chính là sanh tử. Ngã đó chính là Đại Niết Bàn.

Thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không thời chẳng gọi là trung đạo. Nhấn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã thời chẳng gọi là trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa này nên Phật tánh là thường

hằng không biến đổi vì vô minh che đậy làm cho chúng sanh chẳng thấy được. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả không mà chẳng thấy bất không, nhĩn đến thấy tất cả vô ngã mà chẳng thấy ngã, do đây nên chẳng được đệ nhất nghĩa không. Vì chẳng đặng đệ nhất nghĩa không nên chẳng đi được nơi trung đạo. Vì không trung đạo nên chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phạm có ba hạng chẳng thấy trung đạo. Một là định lạc hành, hai là định khổ hành, ba là khổ lạc hành.

Định lạc hành chính là Đại Bồ Tát vì thương xót tất cả chúng sanh, nên dầu ở địa ngục A Tỳ nhưng an vui như đệ tam thiên.

Định khổ hành là nói hàng phàm phu.

Khổ lạc hành là nói Thanh Văn, Duyên Giác. Thanh Văn, Duyên Giác hành nơi khổ lạc mà tưởng là trung đạo, do đây nên dầu có Phật tánh mà chẳng thấy được.

Như ông hỏi nghĩa gì gọi là Phật tánh ?

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chính là Vô Thượng Bồ Đề của tất cả chư Phật, là chủng tử của trung đạo.

Lại này Thiện nam tử ! Đạo có ba: Thượng, trung và

hạ.

Đạo bậc hạ là Phạm thiên vô thường nhận làm là thường. Đạo bậc thượng là sanh tử vô thường nhận làm là thường. Tam Bảo là thường chấp là vô thường. Có gì gọi là bậc thượng ? Vì có thể đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Đạo bậc trung gọi là đệ nhất nghĩa không: Vô thường thấy là vô thường, thường thấy là thường. Đệ nhất nghĩa không chẳng gọi là hạ, vì tất cả phàm phu không thể đặng, lại chẳng gọi là bậc thượng, vì chính đây là thượng. Đạo của chư Phật Bồ Tát tu hành chẳng phải thượng chẳng phải hạ nên gọi là trung đạo.

Này Thiện nam tử ! Bờ mé sanh tử phàm có hai thứ cội gốc: Một là vô minh, hai là hữu ái. Chẳng giữa hai thứ này thời có quả khổ sanh già bệnh chết, đây gọi là trung đạo. Trung đạo như đây có thể phá sanh tử nên gọi là trung. Do nghĩa này nên pháp trung đạo gọi là Phật tánh. Vì thế nên Phật tánh là thường lạc ngã tịnh. Bởi chúng sanh chẳng thấy đặng Phật tánh nên là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Phật tánh thật chẳng phải là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh.

Ví như người nghèo trong nhà có kho châu báu vì người này chẳng thấy nên không đặng sung sướng tự tại.

Có người trí dùng phương tiện chỉ bảo cho được thấy. Nhờ thấy có châu báu người này hết khổ đặng sung sướng tự tại.

Cũng vậy, vì chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh. Do Thiện tri thức, chư Phật và Bồ Tát dùng nhiều phương tiện dạy bảo mà chúng sanh thấy Phật tánh. Do thấy Phật tánh nên chúng sanh được thường, lạc, ngã, tịnh.

Kiến chấp của chúng sanh phàm có hai: Thường kiến và đoạn kiến. Hai thứ kiến chấp này chẳng gọi là trung đạo. Không thường không đoạn mới gọi là trung đạo, không thường không đoạn, tức là trí quán chiếu mười hai nhân duyên. Quán trí này gọi là Phật tánh. Hàng nhị thừa dầu quán nhân duyên nhưng còn chẳng được gọi là Phật tánh. Phật tánh dầu là thường bởi chúng sanh bị vô minh che đậy nên không thấy được. Lợi chưa qua được sông mười hai nhân duyên, dụ như thỏ và ngựa kia, vì chẳng thấy Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Trí huệ quán chiếu mười hai nhân duyên đây chính là chủng tử của Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh.

Ví như dưa hấu gọi là bệnh nhiệt, vì dưa này có thể

làm nhân duyên bệnh nhiệt. Mười hai nhân duyên cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh có nhân, có nhân nhân, có quả, có quả quả.

Có nhân đó chính là mười hai nhân duyên. Nhân nhân đó chính là trí huệ. Có quả chính là Vô Thượng Bồ Đề. Quả quả đó chính là Vô Thượng Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Như vô minh là nhân, hành là quả ; hành là nhân, thức là quả. Do nghĩa này nên thể vô minh kia cũng là nhân, cũng là nhân nhân. Thức cũng là quả, cũng là quả quả. Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên mười hai nhân duyên chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng thường, chẳng đoạn, chẳng một, chẳng hai, chẳng đến, chẳng đi, chẳng nhân, chẳng quả.

Là nhân mà chẳng phải quả như Phật tánh.

Là quả mà chẳng phải nhân như Đại Niết Bàn.

Là nhân cũng là quả như những pháp do mười hai nhân duyên sanh.

Chẳng phải nhân chẳng phải quả gọi là Phật tánh. Vì chẳng phải nhân quả nên thường hằng không biến đổi.

Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói mười hai nhân duyên ý nghĩa rất sâu không thể biết, không thể thấy, chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật và Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác đến được.

Do nghĩa gì mà là rất sâu ? Nghiệp hạnh của chúng sanh chẳng thường chẳng đoạn mà có quả báo dầu niệm niệm diệt mà không mất, dầu không tác giả mà có tác nghiệp, dầu không thọ giả mà có quả báo. Thọ giả dầu diệt mà quả chẳng hư. Không có lự tri¹⁰ nhưng hòa hiệp mà có. Tất cả chúng sanh dầu cùng đi với mười hai nhân duyên mà chẳng thấy chẳng biết. Vì chẳng thấy biết nên không có chung thí. Bạc Thập trụ Bồ Tát chỉ thấy chung mà chẳng thấy thí. Chư Phật thấy thí thấy chung. Do nghĩa này nên chư Phật thấy Phật tánh được rõ ràng. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy được mười hai nhân duyên nên phải luân chuyển.

Như tầm làm kén tự sống tự chết. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, vì chẳng thấy Phật tánh nên tự tạo nghiệp mà lưu chuyển sanh tử, dường như đánh trái cầu.

Vì thế nên trong các kinh Phật nói:

¹⁰ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “không có sự suy biết do hòa hợp có”

Nếu có người thấy được mười hai nhân duyên thì là thấy pháp, thấy pháp đó chính là thấy Phật. Phật đó chính là Phật tánh, vì tất cả chư Phật dùng đây làm tánh.

Này Thiện nam tử ! Trí quán mười hai nhân duyên có bốn hạng: Một là hạ, hai là trung, ba là thượng, bốn là thượng thượng.

Quán trí bậc hạ chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng được đạo Thanh văn. Trí quán bậc trung chẳng thấy Phật tánh, vì chẳng thấy nên chứng đặng đạo Duyên Giác. Trí quán bậc thượng thấy Phật tánh chẳng rõ ràng, vì thấy chẳng rõ ràng nên trụ bậc thập trụ. Trí quán bậc thượng thượng thấy Phật tánh rõ ràng nên chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên mười hai nhân duyên gọi là Phật tánh. Phật tánh chính là đệ nhất nghĩa không. Đệ nhất nghĩa không gọi là trung đạo. Trung đạo đó gọi là Phật. Phật đây là Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch Phật:

“Thế Tôn ! Nếu Phật cùng Phật Tánh không sai khác, thì tất cả chúng sanh cần gì tu hành ?”

Phật bảo:

“Này Thiện nam tử ! Lời ông hỏi không đúng. Phật

cùng Phật tánh dầu không sai khác nhưng chúng sanh đều chưa đầy đủ. Ví như có người ác tâm muốn hại mẹ, hại rồi sanh lòng ăn năn, ba nghiệp dầu lành, nhưng người này vẫn gọi là người địa ngục, vì người này quyết định sẽ đọa địa ngục vậy. Hiện tại người này dầu không thân địa ngục nhưng vẫn gọi là người địa ngục.

Do đây nên trong các kinh Phật nói nếu thấy có người tu hành hạnh lành thời gọi là thấy người trời. Thấy người tạo ác thời gọi là thấy địa ngục. Vì quyết định sẽ thọ quả báo.

Này Thiện nam tử ! Vì tất cả chúng sanh quyết định được Vô Thượng Bồ Đề nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhưng thật ra tất cả chúng sanh chưa có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Do nghĩa đây nên nơi kinh này Phật nói kệ rằng:

Trước có nay không

Trước không nay có

Ba đời có pháp

Nghĩa này không đúng.

Này Thiện nam tử ! Có ba thứ có: Một là vị lai có, hai là hiện tại có, ba là quá khứ có.

Tất cả chúng sanh vị lai sẽ có Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là Phật tánh. Tất cả chúng sanh hiện tại đều có phiền não, nên hiện tại không có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tất cả chúng sanh quá khứ có dứt phiền não nên hiện tại được thấy Phật tánh. Do nghĩa này Phật thường tuyên nói:

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhân đến nhất xiển đề cũng có Phật tánh.

Nhất xiển đề không có pháp lành. Phật tánh là pháp lành vị lai họ sẽ có. Nhất xiển đề đều có Phật tánh, vì họ quyết định sẽ đặng thành Vô Thượng Bồ Đề.

Ví như có người trong nhà có sữa lạc. Có người hỏi: Ông có tô không ? Đáp rằng tôi có. Lạc thật chẳng phải tô, do phương tiện khéo, chắc sẽ đặng tô, nên đáp rằng có tô.

Chúng sanh cũng như vậy tất cả đều có tâm. Phàm người có tâm sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa đây nên Phật thường tuyên nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cánh có hai thứ: Một là trang nghiêm tất cánh, hai là cứu cánh tất cánh. Và một là thể

gian tất cánh, hai là xuất thế tất cánh.

Trang nghiêm tất cánh là sáu môn Ba La Mật. Cứu cánh tất cánh là nhất thừa của tất cả chúng sanh chúng được. Nhất thừa đó gọi là Phật tánh. Do nghĩa đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, tất cả chúng sanh đều có nhất thừa, vì vô minh che đậy nên chẳng thấy được.

Như Châu Uất Đon Việt, Đạo Lợi Thiên, vì quả báo che ngăn nên chúng sanh ở đây chẳng thấy được.

Phật tánh cũng như vậy, do các phiền não kiết sử che ngăn nên chúng sanh chẳng thấy được.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội tánh như đề hồ, chính là mẹ của tất cả chư Phật. Do sức của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà chư Phật được thường, lạc, ngã, tịnh. Tất cả chúng sanh đều có Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội vì chẳng tu hành nên không được thấy, vì thế nên không thể được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội có năm tên: Một là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, hai là Bát Nhã Ba La Mật, ba là Kim Cang Tam Muội, bốn là Sư

Tử Hồng Tam Muội, năm là Phật tánh. Tùy theo năng lực chỗ làm của Tam muội mà có tên khác nhau.

Này Thiện nam tử ! Như một Tam Muội có nhiều tên, như thiền gọi là tứ thiền, căn gọi là định căn, lực gọi là định lực, giác gọi là định giác, chánh gọi là chánh định, bát đại nhân giác gọi là định giác, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đầy đủ ba môn định: Thượng, Trung và Hạ. Thượng là nói Phật tánh, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trung là tất cả chúng sanh đầy đủ sơ thiền, lúc có nhân duyên thời có thể tu tập, nếu không nhân duyên thời chẳng thể tu tập. Nhân duyên đây có hai thứ: Một là hỏa tai, hai là phá kiếp sử côi dục, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều đầy đủ định bậc Trung.

Hạ định là định tâm sở trong mười đại địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều đầy đủ định bậc hạ.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì phiền não che đậy nên chẳng được thấy. Thập trụ Bồ Tát dầu thấy nhất thừa nhưng chẳng biết Như-Lai là pháp thường trụ, do đây nên nói rằng Thập trụ Bồ Tát dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! “Thủ Lăng” gọi là nhất thiết sự tất cánh, “Nghiêm” là kiên, nhất thiết sự tất cánh mà đặng kiên cố gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Do đây nên nói rằng Thủ Lăng Nghiêm định gọi là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Một lúc nọ ta ở bên sông Ni Liên Thiên, bảo A Nan rằng:

Nay ta muốn tắm rửa, ông nên lấy y và đem tháo đậu. Ta vào trong nước, tất cả loài chim cùng những loài ở trên đất, ở dưới nước đều tụ đến xem ngó ta. Lúc đó lại có năm trăm vị Phạm Chí đi đến bờ sông bảo nhau rằng: Thế nào mà được thân Kim Cương ? Nếu giả sử ông Cù Đàm chẳng nói đoạn kiến, ta sẽ theo ông để thỉnh thọ trai pháp.

Này Thiện nam tử ! Lúc đó ta dùng tha tâm trí biết tâm niệm của các Phạm Chí, bèn bảo họ rằng tại sao cho rằng ta nói đoạn kiến ?

- Các Phạm Chí đáp:

Lúc trước ở trong các kinh Cù Đàm nói tất cả chúng sanh đều không có ngã, đã nói không ngã sao lại chẳng phải đoạn kiến ? Nếu không ngã thời ai trì giới ? Ai phá giới ?

- Này các Phạm Chí ! Ta nói tất cả chúng sanh đều không ngã. Ta cũng thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Phật tánh đó há chẳng phải là ngã ư ? Do nghĩa này nên ta chẳng nói đoạn kiến. Vì tất cả chúng sanh chẳng thấy Phật tánh nên là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, đây thời gọi là nói đoạn kiến vậy.

Lúc đó các Phạm Chí nghe nói Phật tánh chính là ngã, liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đồng thời xuất gia tu đạo Bồ Đề. Tất cả những loài chim bay cá lội, thú chạy cũng đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đã phát tâm rồi chúng nó liền được bỏ thân chim thú.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đây thật chẳng phải ngã, vì chúng sanh nên nói là ngã. Vì có nhân duyên nên Như-Lai nói vô ngã là ngã, mà thật là vô ngã. Dầu nói như vậy nhưng không hư vọng. Vì có nhân duyên, Như-Lai nói ngã là vô ngã, mà thật là có ngã. Vì thế giới chúng sanh nên dầu nói vô ngã mà không hư vọng. Phật tánh vô ngã Như-Lai nói là ngã, vì Phật tánh là thường. Như-Lai là ngã mà nói là vô ngã, vì được tự tại.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh như Kim Cang Lục Sĩ, do có gì mà tất cả chúng sanh

chẳng được thấy”.

Phật nói:

“Này Thiện nam tử ! Như sắc pháp dầu có màu xanh, vàng, đỏ, trắng, hình chất dài ngắn, mà kẻ mù chẳng thấy. Dầu chẳng thấy nhưng cũng chẳng thể nói rằng không có xanh, vàng, đỏ, trắng hình chất dài ngắn. Vì dầu rằng người mù chẳng thấy, nhưng người mắt sáng thời được thấy.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh dầu chẳng được thấy, nhưng Thập Trụ Bồ Tát thấy được một ít phần, đức Như-Lai thời thấy rõ hoàn toàn. Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh như đêm tối thấy hình sắc, Đức Như-Lai thấy Phật tánh như giữa ban ngày thấy hình sắc.

Như người mắt lòa thấy hình sắc chẳng rõ ràng, lương y điều trị, do công dụng của thuốc nên được rõ ràng. Thập Trụ Bồ Tát cũng như vậy, dầu thấy Phật tánh nhưng chẳng được rõ ràng, nhờ năng lực của Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội mà được thấy rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người thấy tất cả pháp là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, người

như vậy thời chẳng thấy Phật tánh.

Trên đây nói tất cả pháp đó là nói sanh tử. Còn chẳng phải tất cả pháp đó là nói Tam Bảo.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh ; thấy chẳng phải tất cả pháp cũng là vô thường, vô ngã, vô lạc, vô tịnh, vì thế nên chẳng thấy Phật tánh.

Thập Trụ Bồ Tát thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, còn chẳng phải tất cả pháp thời phần ít là thường, lạc, ngã, tịnh do đây nên trong mười phần thấy được một phần.

Chư Phật Thế Tôn thấy tất cả pháp là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh, thấy chẳng phải tất cả pháp là thường, lạc, ngã, tịnh. Vì thế nên Như-Lai thấy Phật tánh xem như trái A ma lạc trong bàn tay. Do nghĩa này nên Thủ Lăng Nghiêm định gọi là tất cánh.

Này Thiện nam tử ! Như đêm mừng một dầu chẳng thấy mặt trăng nhưng chẳng được nói là không. Phật tánh cũng như vậy, tất cả phàm phu dầu chẳng được thấy, cũng chẳng được nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh là mười trí lực, bốn vô

sở úy, đại bi tam niêm. Tất cả chúng sanh thời có ba thứ ấy, vì sau khi phá trừ phiền não thời được thấy. Hàng nhất xiển đề sau khi phá trừ nhất xiển đề thời có thể được ba thứ ấy. Do nghĩa này nên Phật thường tuyên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng có mười hai nhân duyên, cũng có nội, cũng có ngoại.

Những gì là mười hai ?

Phiền não quá khứ gọi là “Vô minh”, nghiệp quá khứ gọi là “hành”. Trong đời hiện tại, lúc sơ khởi thọ thai gọi là “thức”. Năm phần nhập thai chưa đủ bốn căn gọi là “danh sắc”. Đầy đủ bốn căn gọi là “lục nhập”. Chưa phân biệt khổ vui gọi là “xúc”. Nhiễm tập một ái gọi là “thọ”. Quen gần ngũ dục thời gọi là “ái”. Tham cầu trong và ngoài thời gọi là “thủ”. Vì sự trong ngoài mà khởi nghiệp thân, khẩu, ý đây gọi là “hữu”. Thức đời hiện tại gọi là vị lai “sanh”. Hiện tại danh sắc, lục, nhập, xúc, thọ thời gọi là vị lai “lão, bệnh, tử” vậy. Đây gọi là mười hai nhân duyên.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều có mười hai nhân duyên như vậy, hoặc có kẻ chưa đủ như lúc Ca La Lã chết thời không có mười hai. Từ sanh đến lão tử

thời đủ mười hai.

Chúng sanh cõi sắc không có ba thứ thọ, ba thứ xúc, ba thứ ái, không có già bệnh, nhưng cũng được gọi là đầy đủ mười hai.

Chúng sanh cõi vô sắc thời không có sắc nhãn đến không lão bệnh, nhưng cũng được gọi là đủ mười hai, vì quyết định được vậy. Vì thế nên nói rằng chúng sanh đồng đầy đủ có mười hai nhân duyên.

Phật tánh cũng như vậy, tất cả chúng sanh quyết định sẽ đặng thành Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Núi Tuyết có thứ cỏ tên nhãn nhục, nếu bò ăn cỏ này thời sanh chất đề hồ. Trên núi ấy lại có thứ cỏ khác, nếu bò ăn thứ cỏ ấy thời không sanh chất đề hồ. Dầu không sanh chất đề hồ nhưng chẳng thể nói rằng trong núi Tuyết không có cỏ nhãn nhục.

Phật tánh cũng như vậy. Núi Tuyết là nói Như-Lai, cỏ nhãn nhục là nói Đại Niết Bàn, những cỏ khác là nói mười hai bộ kinh. Chúng sanh nếu có thể được nghe, được học hỏi Đại Niết Bàn thời thấy được Phật tánh. Trong mười hai bộ kinh dầu chẳng nghe có, nhưng chẳng

thể nói rằng không có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh đây cũng là sắc, cũng là chẳng phải sắc, chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc ; cũng là tướng cũng là chẳng phải tướng, chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng ; cũng là một cũng là chẳng phải một, chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một ; chẳng phải thường chẳng phải đoạn, chẳng phải chẳng phải thường, chẳng phải chẳng phải đoạn ; cũng là có cũng là không, chẳng phải có chẳng phải không ; cũng là tận cũng là chẳng phải tận, chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận ; cũng là nhân cũng là quả, chẳng phải nhân chẳng phải quả ; cũng là nghĩa cũng là chẳng phải nghĩa, chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa ; cũng là danh tự cũng là chẳng phải danh tự, chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự ; cũng là khổ cũng là lạc, chẳng phải khổ chẳng phải lạc ; cũng là ngã cũng là chẳng phải ngã, chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã ; cũng là không cũng là chẳng phải không, chẳng phải là không chẳng phải là chẳng phải không.

Thế nào là sắc ? Vì là thân Kim Cang. Thế nào là phi sắc ? Vì mười tám pháp bất cộng chẳng phải là sắc pháp.

Thế nào là chẳng phải sắc chẳng phải là chẳng phải sắc ?
Vì sắc cũng chẳng phải sắc không có tướng quyết định.

Thế nào là tướng ? Vì là ba mươi hai tướng. Thế nào là chẳng phải tướng ? Vì tất cả chúng sanh chẳng hiện được tướng tốt. Thế nào là chẳng phải tướng chẳng phải là chẳng phải tướng ? Vì tướng cùng chẳng phải tướng không quyết định vậy.

Thế nào là một ? Vì tất cả chúng sanh đều là nhất thừa. Thế nào là chẳng phải một ? Vì nói ba thừa vậy. Thế nào là chẳng phải một chẳng phải là chẳng phải một ? Vì vô số pháp vậy.

Thế nào là chẳng phải thường ? Vì từ nơi duyên mà thấy.

Thế nào là chẳng phải đoạn ? Vì lìa đoạn kiến vậy.

Thế nào chẳng phải là chẳng phải thường, chẳng phải là chẳng phải đoạn ? Vì không chung không thỉ vậy.

Thế nào là có ? Vì tất cả chúng sanh đều có. Thế nào là không ? Vì từ phương tiện khéo mà đặng thấy vậy. Thế nào là chẳng phải có, chẳng phải không ? Vì hư không tánh vậy.

Thế nào gọi là tận ? Vì đặng Thủ Lăng Nghiêm Tam

Muội. Thế nào là chẳng phải tận ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải tận, chẳng phải là chẳng phải tận ? Vì tất cả tướng tận dứt hết vậy.

Thế nào là nhân ? Vì liễu nhân vậy. Thế nào là quả ? Vì quả quyết định vậy. Thế nào là chẳng phải nhân chẳng phải quả ? Vì là thường vậy.

Thế nào là nghĩa ? Vì đều có thể nhiếp lấy nghĩa không ngại. Thế nào là chẳng phải nghĩa ? Vì chẳng thể nói vậy. Thế nào là chẳng phải nghĩa chẳng phải là chẳng phải nghĩa ? Vì rốt ráo không vậy.

Thế nào là danh tự ? Vì có tên gọi vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự ? Vì có tên mà thật không tên vậy. Thế nào là chẳng phải danh tự chẳng phải là chẳng phải danh tự ? Vì dứt tất cả danh tự vậy.

Thế nào là cũng khổ cũng lạc ? Vì các thọ duyên khởi vậy. Thế nào là chẳng phải khổ chẳng phải lạc ? Vì dứt tất cả thọ vậy.

Thế nào là chẳng phải ngã ? Vì chưa đầy đủ được tám thứ tự tại vậy. Thế nào là chẳng phải chẳng phải ngã ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải ngã chẳng phải là chẳng phải ngã ? Vì chẳng tạo tác chẳng lãnh thọ vậy.

Thế nào là không ? Vì là đệ nhất nghĩa không. Thế nào là chẳng phải không ? Vì là thường vậy. Thế nào là chẳng phải không chẳng phải là chẳng phải không ? Vì có thể là chúng tử cho pháp lành vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người tư duy hiểu rõ được kinh Đại Niết Bàn những nghĩa như vậy, nên biết rằng người này thấy được Phật tánh. Phật tánh đó chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh chẳng phải là âm, giới, nhập, chẳng phải trước không nay có, chẳng phải đã có rồi trở lại không, từ nơi nhân duyên lành mà chúng sanh đặng thấy.

Ví như khối sắt đen để vào lửa đốt thời đỏ, lấy ra nguội thời trở lại đen. Dầu vậy nhưng màu đen này chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do nhân duyên mà có.

Phật tánh cũng như vậy, lửa phiền não tắt dứt thời chúng sanh được nghe được thấy.

Này Thiện nam tử ! Như hột giống biến diệt thời mầm mộng mọc lên, nhưng tánh mầm mộng này chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Nhân đến bông trái cũng

như vậy, đều theo nơi duyên mà có.

Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này thành tựu đầy đủ vô lượng công đức. Phật tánh cũng như vậy đều là vô lượng vô biên công đức kết hợp mà thành tựu.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“Thế Tôn ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ bao nhiêu pháp thời đặng thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng ? Chư Phật Thế Tôn thành tựu bao nhiêu pháp mà đặng thấy rõ ràng ?

Phật bảo:

“Này Thiện nam tử ! Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp đều đặng thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng: Một là thiếu dục, hai là tri túc, ba là tịch tịnh, bốn là tinh tấn, năm là chánh niệm, sáu là chánh định, bảy là chánh huệ, tám là giải thoát, chín là tán thán giải thoát, mười là dùng Đại Niết Bàn giáo hóa chúng sanh”.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“Thế Tôn ! Thiếu dục cùng tri túc có gì sai khác?”

Phật bảo:

“Này Thiện nam tử ! Thiếu dục là chẳng cầu chẳng lấy. Tri túc là lúc đặng ít lòng không hối hận. Thiếu dục

là ít có mong muốn. Tri túc là chỉ vì pháp sự lòng chẳng sâu não.

Này Thiện nam tử ! Dục đó có ba: Một là ác dục, hai là đại dục, ba là dục dục.

Ác dục là nếu có Tỳ Kheo sanh lòng tham dục muốn làm thượng thủ của tất cả đại chúng, muốn cho tất cả chúng Tăng thuận theo phía sau ta, khiến bốn bộ chúng thấy đều cúng dường cung kính tán thán tôn trọng ta. Khiến ta vì chúng thuyết pháp trước nhất, đều muốn cho tất cả tin thọ lời của ta. Cũng khiến Quốc Vương, quan lớn, trưởng giả đều cung kính ta. Khiến ta được nhiều y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, nhà cửa tốt đẹp. Đây là cầu muốn sanh tử nên gọi là ác dục.

Đại dục là thế nào ? Nếu có Tỳ Kheo sanh lòng cầu muốn làm thế nào cho bốn bộ chúng thấy đều biết ta được bậc sơ trụ những đến thập trụ, được Vô Thượng Bồ Đề, được quả A La Hán nhận đến quả Tu Đà Hoàn, ta được tứ thiên nhận đến bốn trí vô ngại. Đây là vì lợi dưỡng nên gọi là đại dục.

Dục dục là, nếu có Tỳ Kheo muốn sanh Phạm Thiên, Ma Thiên, Tụ Tại Thiên, Chuyển Luân Thánh Vương, hoặc Sát Đế Lợi, Cư Sĩ, Bà La Môn, đều được tụ tại. Vì

lợi dưỡng nên gọi là dục dục.

Nếu chẳng bị ba thứ ác dục này làm hại thời gọi là thiếu dục.

Dục đó gọi là hai mươi lăm ái, không có hai mươi lăm ái như vậy thời gọi là thiếu dục. Chẳng cần những sự mong muốn vị lai thời gọi là thiếu dục. Được mà chẳng tham đắm thời gọi là tri túc. Chẳng cầu cung kính gọi là thiếu dục, được mà chẳng chứa nhóm gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Có lúc thiếu dục chẳng gọi là tri túc, cũng có tri túc chẳng gọi là thiếu dục, cũng có thiếu dục mà cũng tri túc, cũng có chẳng tri túc chẳng thiếu dục.

Thiếu dục đó là nói bậc Tu Đà Hoàn. Tri túc đó là nói Bích Chi Phật. Thiếu dục tri túc đó là nói A La Hán. Chẳng thiếu dục chẳng tri túc đó là nói Bồ Tát.

Này Thiện nam tử ! Thiếu dục tri túc lại có hai thứ: Một là thiện, hai là bất thiện. Bất thiện là nói phàm phu. Thiện là nói Thánh nhân và Bồ Tát. Tất cả Thánh nhân dầu chứng được đạo quả mà chẳng tự xưng nói vì chẳng tự xưng nói nên trong lòng chẳng nảo hận, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát tu tập kinh Đại Niết Bàn, vì muốn thấy Phật tánh nên tu tập thiểu dục tri túc.

Thế nào là tịch tịnh ? Tịch tịnh có hai: Một là tâm tịnh, hai là thân tịnh. Thân tịch tịnh thì trọn chẳng gây tạo ba điều ác nơi thân. Tâm tịch tịnh cũng chẳng gây tạo ba điều ác nơi ý, đây gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thân tịch tịnh trọn chẳng gần gũi bốn chúng, chẳng dự việc của bốn chúng. Tâm tịch tịnh là chẳng quen tập tham dục, sân khuê, ngu si. Đây gọi là thân tâm tịch tịnh. Hoặc có Tỷ Kheo thân dầu tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh. Có Tỷ Kheo thân chẳng tịch tịnh mà tâm tịch tịnh. Có Tỷ Kheo thân tâm đều tịch tịnh. Lại có Tỷ Kheo thân tâm đều chẳng tịch tịnh.

Người thân tịch tịnh mà tâm chẳng tịch tịnh, như có Tỷ Kheo ngồi thiền chỗ vắng vẻ xa lìa bốn chúng mà trong lòng luôn chứa nhóm tham dục, sân khuê, ngu si.

Người tâm tịch tịnh mà thân chẳng tịch tịnh, như có Tỷ Kheo gần gũi bốn chúng cùng Quốc Vương, đại thần mà trong lòng dứt tham, sân, si. Người thân tâm đều tịch tịnh, chính là chư Phật và Bồ Tát.

Người thân tâm đều chẳng tịch tịnh chính là các

phàm phu, vì phàm phu thân tâm dầu yên tịnh nhưng không thể quán sát sâu xa lý vô thường vô lạc vô ngã vô tịnh, do đây nên phàm phu không thể tịch tịnh được thân, khẩu, ý ba nghiệp.

Hạng nhất xiển đề phạm bốn tội nặng, tạo năm tội nghịch cũng chẳng gọi là thân tâm tịch tịnh.

Thế nào là tinh tấn ? Nếu có Tỳ Kheo muốn cho thân, khẩu, ý ba nghiệp thanh tịnh nên xa lìa tất cả hạnh nghiệp bất thiện mà tu tập tất cả nghiệp lành, đây gọi là tinh tấn.

Siêng năng tinh tấn như đây thời chuyên niệm tưởng nơi sáu chỗ, chính là Phật Pháp Tăng, giới, thí và thiên, đây gọi là chánh niệm.

Người có chánh niệm thời được tam muội, đây gọi là chánh định.

Người có chánh định, quán sát thấy các pháp dường như hư không, đây gọi là chánh huệ. Người có chánh huệ xa lìa tất cả kiết sử phiền não, đây gọi là giải thoát.

Người được giải thoát vì chúng sanh mà khen ngợi giải thoát, nói rằng giải thoát là thường hằng chẳng biến đổi đây gọi là tán thán giải thoát. Giải thoát chính là Vô Thượng Đại Bát Niết Bàn. Niết Bàn chính là lìa phiền

não kiết sử đã tắt mất. Lại Niết Bàn gọi là nhà cửa, vì có thể ngăn mưa gió phiền não. Lại Niết Bàn gọi là quy y, vì có thể qua khỏi tất cả những sự bố úy. Lại Niết Bàn gọi là côn bãi, vì bốn con sông lớn hung bạo chẳng thể chảy trôi. Những gì là bốn ? Một là dục bạo, hai là hữu bạo, ba là kiến bạo, bốn là vô minh bạo. Do đây nên Niết Bàn gọi là côn bãi. Lại Niết Bàn gọi là rốt ráo về, vì có thể được tất cả sự an lạc rốt ráo.

Nếu có Đại Bồ Tát thành tựu đầy đủ mười pháp như vậy, thời dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử ! Người xuất gia có bốn thứ bệnh nên chẳng chứng được bốn quả Sa Môn.

Những gì là bốn bệnh ? Chính là bốn ác dục: Một là y phục dục, hai là thực dục, ba là ngọa cụ dục, bốn là hữu dục.

Bệnh xuất gia này, có bốn thứ lương dược trị lành được: Phân tảo y trị được bệnh y dục của Tỳ Kheo ; khát thực trị được bệnh vì thực dục ; thọ hạ¹¹ trị được bệnh ngọa cụ dục ; thân tâm tịch tịnh phá được hữu dục của Tỳ Kheo.

¹¹ Ngồi dưới gốc cây

Đây gọi là bốn thứ thuốc trị bốn thứ bệnh, gọi đó là Thánh hạnh. Thánh hạnh này được gọi thiếu dục tri túc.

Người tịch tịnh có bốn điều vui: Một là xuất gia vui, hai là tịch tịnh vui, ba là vĩnh diệt vui, bốn là tất cánh vui. Được bốn điều vui này gọi là tịch tịnh.

Đủ bốn hạnh tinh tấn nên gọi là tinh tấn. Đủ tứ niệm xứ nên gọi là chánh niệm. Đủ tứ thiên nên gọi là chánh định. Thấy bốn điều chân thật của Thánh nên gọi là chánh huệ.

Dứt hẳn tất cả phiền não kiết sử gọi là giải thoát. Quở trách lỗi của tất cả phiền não gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Đại Bồ Tát nghe kinh này rồi gần gũi tu tập, xa lìa tất cả việc thế gian, đây gọi là thiếu dục. Đã xuất gia rồi chẳng sanh lòng hối hận, đây gọi là tri túc. Đã tri túc rồi gần ở nơi chỗ vắng vẻ rảnh rang xa lìa chỗ ồn ào thời gọi là tịch tịnh.

Người chẳng tri túc chẳng thích chỗ vắng vẻ rảnh rang. Luận về người tri túc thời thường thích ở chỗ vắng vẻ. Ở chỗ vắng vẻ rồi thường suy nghĩ rằng: Tất cả thế

gian đều gọi tôi đặng đạo quả Sa Môn, nhưng nay thật ra tôi chưa đặng, nay tôi sao lại phỉnh gạt mọi người, nghĩ như vậy rồi siêng năng tu tập đạo quả Sa Môn, đây gọi là tinh tấn.

Gần gũi tu tập Đại Niết Bàn, đây gọi là chánh niệm. Tùy thuận thiên hạnh gọi là chánh định. An trụ trong định này có chánh kiến chánh tri, đây gọi là chánh huệ. Người chánh tri kiến có thể xa lìa được kiết sử phiền não, đây gọi là giải thoát.

Thập trụ Bồ Tát vì chúng sanh mà khen ngợi Niết Bàn, đây gọi là tán thán giải thoát.

Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy, dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Lại này Thiện nam tử ! Luận về người thiếu dục như có Tỳ Kheo ở chỗ vắng vẻ ngồi ngay thẳng chẳng nằm, hoặc ở dưới cội cây, hoặc ở trong gò mả, hoặc ở chỗ trống, tùy chỗ có cỏ mà ngồi trên đó, khát thực mà ăn đặng gì cũng là đủ cả. Hoặc một lần ngồi ăn, chẳng quá một lần ăn, chỉ chứa ba y, y phẩn tảo, y bố, đây gọi là thiếu dục. Đã thật hành việc này trong lòng chẳng ăn năn, đây gọi là tri túc. Tu không tam muội, đây gọi là tịch tịnh. Đặng bốn quả Sa Môn rồi đối với Vô Thượng Bồ Đề tâm

chẳng thôi dứt, đây gọi là tinh tấn. Chuyên tâm tư duy tánh Như-Lai là thường không có biến đổi đây gọi là chánh niệm. Tu bát giải thoát đây gọi là chánh định. Đặng tứ vô ngại đây gọi là chánh huệ. Xa lìa bảy thứ lậu, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi Niết Bàn không có mười tướng, gọi là tán thán giải thoát. Mười tướng là: Sanh, già, bệnh, chết, sắc, thanh, hương, vị, xúc và vô thường. Xa lìa mười tướng này thời gọi là Đại Niết Bàn. Đây gọi là Đại Bồ Tát đầy đủ mười pháp như vậy dầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Vì đa dục nên gần gũi Quốc Vương, Quan lớn, Trưởng giả, Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Tỳ Xá, Thủ Đà, tự xưng là tôi đặng quả Tu Đà Hoàn nhẫn đến quả A La Hán.

Vì lợi dưỡng nên đi đứng ngồi nằm nhẫn đến đại tiện tiểu tiện, nếu thấy đàn việt vẫn chào hỏi tiếp đãi chuyện vãn.

Người phá ác dục gọi là thiếu dục, dầu người này chưa có thể phá hoại phiền não kiết sử, nhưng có thể đồng hành vi với Như-Lai, đây gọi là tri túc.

Này Thiện nam tử ! Hai pháp như vậy bèn là nhân duyên gần của chánh niệm, chánh định, thường được sư

trường bạn học khen ngợi. Trong các kinh Phật cũng thường ngợi khen tán thán tôn trọng pháp như vậy. Nếu có thể đầy đủ hai pháp này thì được gần môn Đại Niết Bàn và năm điều vui, đây gọi là tịch tịnh. Người giữ giới bền chắc gọi là tinh tấn. Người có tâm quý gọi là chánh niệm, chẳng thấy tâm tướng gọi là chánh định, chẳng cầu tánh tướng nhân duyên của các pháp thì gọi là chánh huệ. Vì không có tướng nên phiền não dứt, đây gọi là giải thoát. Khen ngợi kinh Đại Niết Bàn này thì gọi là tán thán giải thoát.

Đây gọi là Đại Bồ Tát an trụ mười pháp đầu được thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Như ông hỏi Thập trụ Bồ Tát dùng con mắt gì thấy được Phật tánh mà chẳng rõ ràng, chớ Phật dùng con mắt gì mà thấy được Phật tánh rõ ràng ?

Này Thiện nam tử ! Do huệ nhãn mà thấy Phật tánh thì chẳng được rõ ràng, dùng Phật nhãn mà thấy thì được rõ ràng. Vì hạnh Bồ Đề thì chẳng rõ ràng, nếu vô hành vô tác thì được rõ ràng. Trụ nơi thập trụ thì đầu thấy mà chẳng rõ ràng, nếu chẳng trụ chẳng đi thì thấy được rõ ràng. Đại Bồ Tát vì nhân trí huệ nên thấy chẳng rõ ràng, chớ Phật vì dứt nhân quả nên thấy rõ ràng. Bạc

nhất thiết giác gọi là Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát chẳng được gọi là nhất thiết giác, nên dầu thấy mà chẳng rõ ràng.

Này Thiện nam tử ! Thấy có hai thứ: Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy.

Chư Phật con mắt thấy Phật tánh như xem trái cây trong bàn tay. Thập trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh nên chẳng rõ ràng. Thập trụ Bồ Tát dầu có thể tự biết quyết định đặng Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng biết được tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Lại có con mắt ngó thấy: Như Chư Phật cùng Thập trụ Bồ Tát, con mắt thấy Phật tánh. Lại có nghe thấy: Như tất cả chúng sanh nhĩ đến Cửu trụ Bồ Tát nghe thấy Phật tánh.

Bồ Tát nếu nghe tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, chẳng sanh lòng tin thời chẳng gọi là nghe thấy.

Nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân muốn thấy Như-Lai, nên phải tu tập mười hai bộ kinh thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng biết được tâm

tướng của Như-Lai, phải quán tướng thế nào để được biết ?”

Phật bảo:

“ Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh thật ra chẳng biết được tâm tướng của Như-Lai. Nếu muốn quan sát để được biết thì có hai nhân duyên: Một là con mắt thấy, hai là nghe thấy. Nếu thấy thân nghiệp của Như-Lai, nên biết rằng đây là Như-Lai, đây gọi là con mắt thấy. Nếu xem thấy khẩu nghiệp của Như-Lai, nên biết rằng đây là Như-Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy sắc mạo mà tất cả chúng sanh không sánh bằng được, nên biết rằng đây là Như-Lai, đây là con mắt thấy. Nếu nghe tiếng tâm vi diệu tối thắng chẳng đồng với tiếng tâm của chúng sanh, nên biết rằng đây là Như-Lai, đây gọi là nghe thấy. Nếu thấy thần thông của Như-Lai hiện, thần thông này là vì chúng sanh hay là vì lợi dưỡng ? Nếu là vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như-Lai, đây là con mắt ngó thấy. Nếu xem thấy Như-Lai lúc dùng tha tâm trí quán sát chúng sanh, vì lợi dưỡng thuyết pháp hay vì chúng sanh thuyết pháp ?

Nếu vì chúng sanh mà chẳng vì lợi dưỡng, nên biết rằng đây là Như-Lai, đây gọi là nghe thấy.

Tại sao Như-Lai thọ thân này ? Có gì thọ thân ? Vì ai mà thọ thân ? Đây gọi là con mắt ngó thấy.

Nếu quan sát Như-Lai thuyết pháp thế nào ? Có gì thuyết pháp ? Vì ai mà thuyết pháp ? Đây gọi là nghe thấy. Dùng nghiệp ác nơi thân gia hại đó mà chẳng sân hận, nên biết rằng đây là Như-Lai vậy, đây gọi là con mắt thấy. Dùng nghiệp ác nơi miệng gia hại đó mà chẳng giận, nên biết rằng đây là Như-Lai, đây gọi là nghe thấy.

Nếu thấy Bồ Tát lúc mới sanh, ở bốn phương đều đi bảy bước, các thiên thần cảm phan lọng, chấn động vô lượng vô biên thế giới, ánh sáng vàng chói rực khắp hư không, Long Vương dùng thần lực phun nước tắm rửa cho Bồ Tát, Chư Thiên hiện hình tiếp đỡ đánh lễ, tiên A Tu Đà chấp tay cung kính, lớn khôn vất bỏ ngũ dục như bỏ nước miếng nước mũi, chẳng bị sự vui trong đời cám dỗ, xuất gia tu hành, thích ở chỗ vắng lặng, vì phá tà kiến nên khổ hạnh sáu năm, đối với chúng sanh bình đẳng không sai khác, tâm thường ở trong chánh định không bao giờ tán loạn, tướng hảo trang nghiêm nơi thân, đi đến chỗ nào những gò nổi đều bằng, y phục cách rời nơi thân bốn tác chẳng sa xuống, lúc đi nhìn thẳng chẳng ngó hai bên, vật thực của Phật ăn không có lỗi chẳng hoàn

toàn, chỗ Phật ngồi đứng cỏ chẳng động loạn, vì điều phục chúng sanh nên qua thuyết pháp mà tâm không kiêu mạn, đây gọi là con mắt thấy.

Nếu nghe Bồ Tát đi bảy bước rồi xưng rằng: Nay thân này của ta là thân rốt sau cả. A Tư Đà Tiên chấp tay nói rằng:

- Tâu Đại Vương ! Thái Tử Tát Đạt Đa quyết định sẽ thành Vô thượng Bồ Đề, trọn chẳng ở nhà làm Chuyển Luân Vương, vì Chuyển Luân Vương thân tướng chẳng rõ ràng, còn Thái Tử Tát Đạt Đa tất cả tướng tốt nơi thân đều sáng rõ, do đây quyết chắc sẽ được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc thấy người già bệnh chết, Bồ Tát nói rằng:

Tất cả chúng sanh thật đáng xót thương, thường ở trong sanh, già, bệnh, chết mà chẳng biết quan sát, ta sẽ dứt trừ sự khổ ấy. Theo học định vô tướng với Ngũ Thông Tiên Nhân là ông A La Lã, đã thành tựu rồi Bồ Tát bèn nói lỗi của môn định ấy. Lại theo học định phi Phi Tướng với Tiên Nhân Uất Đà Đà, đã thành tựu rồi bèn nói định này chẳng phải Niết Bàn, chính là pháp sanh tử. Sáu năm khổ hạnh không có kết quả: Tu khổ hạnh luống vô ích, nếu là hay thời ta đã được kết quả tốt, vì là hư vọng nên ta không được gì, đây gọi là tà thuật, chẳng

phải là đạo chân chánh.

Lúc đã thành đạo, Phạm Thiên thỉnh:

“ Ngừa mong đức Như-Lai vì chúng sanh mà thuyết pháp cam lộ Vô Thượng”.

Phật bảo:

“ Này Phạm Vương ! Tất cả chúng sanh thường bị phiền não che đậy chẳng thể lãnh thọ lời dạy về pháp chân chánh của Phật”.

Phạm Vương lại bạch:

“ Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh phàm có ba hạng: Lợi căn, trung căn và hạ căn. Hạng lợi căn có thể lãnh thọ chánh pháp. Xin đức Thế Tôn vì họ mà thuyết pháp”.

Phật nói:

“ Này Phạm Vương ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Nay Phật sẽ vì tất cả chúng sanh mở cửa cam lộ”.

Ở thành Ba La Nại, chuyên chánh pháp luân, tuyên nói trung đạo, vì tất cả chúng sanh chẳng phá trừ các kiết sử, chẳng phải là không thể trừ, chẳng phải phá chẳng phải là chẳng phá, nên gọi là trung đạo.

Chẳng độ chúng sanh, chẳng phải là không độ được

nên gọi là trung đạo.

Chẳng phải tất cả thành tựu, chẳng phải là chẳng thành tựu nên gọi là trung đạo.

Phàm có lời nói dạy ra, chẳng tự nói là thầy, chẳng nói là đệ tử, nên gọi là trung đạo.

Thuyết pháp chẳng vì lợi, chẳng phải là không được quả lành nên gọi là trung đạo.

Lời Phật là chánh ngữ, thật ngữ, thời ngữ, chân ngữ, chẳng hư vọng, là vi diệu đệ nhất.

Đây gọi là nghe thấy.

Này Thiện nam tử ! Tâm tướng của Như-Lai thật ra không thể thấy. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhân nào muốn được thấy Như-Lai, phải nên y theo hai nhân duyên như vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như trước kia nói điều dụ trái Am Ma La bốn hạng người v.v... Có hạng người việc làm kỹ mà tâm chẳng chánh thật. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm chẳng chánh thật. Có hạng người tâm kỹ mà việc làm cũng chánh thật. Có hạng người tâm chẳng kỹ việc làm cũng chẳng chánh thật.

Thế Tôn ! Hai hạng đầu, làm thế nào biết được ? Như lời Phật nói, dầu y theo hai nhân duyên ấy, cũng chẳng thể biết được.

Phật nói:

“ Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện nam tử ! Điều dụ trái Am Ma La, hai hạng người này thật khó biết được. Vì khó biết, nên trong kinh Phật nói phải cùng họ ở chung. Ở chung nếu chẳng biết được thời phải ở lâu. Ở lâu nếu chẳng biết được thời nên dùng trí huệ. Dùng trí mà chẳng biết thời nên quán sát suy gẫm kỹ. Do quán sát suy gẫm thời biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử ! Đây đủ bốn điều: Ở chung, ở lâu, trí huệ, quán sát rồi sau mới biết là trì giới cùng phá giới.

Này Thiện nam tử ! Giới có hai thứ, trì giới cũng hai: Một là giới cứu cánh, hai là giới chẳng cứu cánh.

Có người do nhân duyên nên thọ trì cấm giới, người trí phải quán sát người này trì giới là vì lợi dưỡng hay là vì cứu cánh.

Giới của đức Như-Lai không có nhân duyên, vì thế nên được gọi là giới cứu cánh.

Do nghĩa này nên Bồ Tát dầu bị chúng sanh ác làm

tôn hại mà chẳng có lòng giận hờn. Do đây nên Như-Lai
đặt gọi là thành tựu trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử ! Xưa kia có một lúc ta cùng Xá
Lợi Phát và năm trăm đệ tử đồng ở nơi nước Ma Đà Đà
trong thành Chiêm Bà. Có thợ săn đuổi theo một con bò
câu. Bò câu này sợ hãi đến nơi bóng của Xá Lợi Phát vẫn
còn run sợ, nó chạy đến trong bóng của ta thì thân tâm
an ổn hết kinh sợ. Do đây nên biết đức Như-Lai trì giới
rốt ráo nhãn đến bóng của thân còn có năng lực như vậy.

Này Thiện nam tử ! Giới chẳng cứu cánh còn chẳng
được quả Thanh Văn, Duyên Giác, huống là có thể được
quả Vô Thượng Bồ Đề.

Lại có hai thứ: Một là vì lợi dưỡng, hai là vì chánh
pháp. Vì lợi dưỡng mà thợ trì cấm giới, nên biết giới này
chẳng thấy được Phật tánh cùng Như-Lai. Dầu nghe Phật
tánh và danh tự Như-Lai nhưng vẫn chẳng được gọi là
nghe thấy.

Nếu vì chánh pháp mà thợ trì cấm giới, nên biết giới
này có thể thấy được Phật tánh cùng Như-Lai, đây gọi là
con mắt thấy cũng gọi là nghe thấy.

Lại có hai thứ: Một là căn sâu khó lay khó nhổ, hai

là căn cạn dễ động. Nếu có thể tu tập không, vô tướng, vô nguyện, đây gọi là căn sâu. Nếu chẳng tu tập ba môn tam muội này, hoặc dẫu tu tập mà vì hai mươi lăm cõi, đây gọi là căn cạn.

Lại có hai thứ: Một là vì thân mình, hai là vì chúng sanh. Người vì chúng sanh thời có thể thấy Phật tánh và Như-Lai.

Người trì giới lại có hai hạng, một là tánh tự hay trì giới, hai là cần phải người khác dạy bảo nếu đã thọ giới trải qua vô lượng đời không sai phạm hoặc ở nhằm nước ác, gặp bạn ác, thời kỳ ác, đời ác, gặp pháp ác gian tà, ở chung với kẻ tà kiến, dẫu như vậy, nhưng người này vẫn giữ gìn giới pháp như cũ không có hủy phạm, đây gọi là tánh tự hay trì giới. Nếu là người gặp Sư Tăng Bạch Tứ Yết Ma mà đắc giới, thời cần phải nương nhờ Hòa Thượng, các Sư Tăng, bạn lành dạy bảo, mới biết oai nghi cử chỉ đúng pháp, đây gọi là hạng người cần nhờ sự dạy bảo.

Người tánh tự hay trì giới thời con mắt thấy Phật tánh và thấy Như-Lai, cùng gọi là nghe thấy.

Giới lại có hai: Một là giới Thanh Văn, hai là giới Bồ Tát từ sơ phát tâm nhân đến đặng Vô Thượng Bồ Đề, đây

gọi là giới Bồ Tát. Nếu quán bạch cốt nhãn đến chúng quả A La Hán đây gọi là giới Thanh Văn.

Nếu có người trì giới Thanh Văn, nên biết rằng người này chẳng thấy Phật tánh và Như-Lai. Nếu có người trì giới Bồ Tát, nên biết rằng người này được Vô Thượng Bồ Đề, thấy được Phật tánh và Như-Lai Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“Thế Tôn ! Do nhân duyên gì mà thọ trì cấm giới ?”

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Vì tâm chẳng hối hận. Có gì chẳng hối hận ? Vì hưởng thọ an lạc. Có gì hưởng thọ an lạc ? Vì xa lìa. Có gì xa lìa ? Vì an ổn. Có gì an ổn ? Vì thiên định. Có gì thiên định ? Vì tri kiến chân thật. Có gì tri kiến chân thật ? Vì thấy những lỗi họa của sanh tử. Có gì thấy lỗi sanh tử ? Vì tâm chẳng tham đắm. Có gì tâm chẳng tham đắm ? Vì được giải thoát. Có gì được giải thoát ? Vì được Vô Thượng Đại Niết Bàn. Có gì được Đại Niết Bàn ? Vì được thường, lạc, ngã, tịnh. Có gì được thường, lạc, ngã, tịnh ? Vì được bất sanh bất diệt. Có gì được bất sanh bất diệt ? Vì thấy Phật tánh. Do đây nên Bồ Tát tánh tự hay trì giới cứu cánh.

Này Thiện nam tử ! Tỳ Kheo trì giới dầu chẳng phát nguyện cầu tâm chẳng hối hận, mà tự nhiên được, vì pháp tánh như vậy. Dầu chẳng cầu vui, xa lìa, an ổn, tri kiến chân thật, thấy lỗi sanh tử, tâm chẳng tham đắm, giải thoát, Niết Bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, bất sanh, bất diệt, cùng thấy Phật tánh, nhưng tự nhiên được tất cả, vì pháp tánh như vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Nếu do trì giới mà đặng quả chẳng ăn năn, nhân nơi giải thoát mà đặng quả Niết Bàn, thời giới là không nhân, Niết Bàn là không quả. Giới nếu không nhân thời gọi là thường, Niết Bàn có nhân thời là vô thường. Nếu như vậy, thời Niết Bàn là trước không mà nay có. Nếu trước không mà nay có thời là vô thường, như thấp ngọn đèn. Niết Bàn nếu như vậy thời thế nào được gọi là ngã, lạc, tịnh ư ?

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Lành thay ! Lành thay ! Ông đã từng ở nơi vô lượng chư Phật trông những thiện căn, mới có thể hỏi Như-Lai thâm nghĩa như vậy ?

Này Thiện nam tử ! Ông chẳng mất bốn niệm mới

hỏi như vậy ư ?

Ta nhớ thuở xưa, cách đây vô lượng kiếp, nơi thành Ba La Nại có đức Phật ra đời hiệu là Thiện Đức. Đức Phật đó diễn nói kinh Đại Niết Bàn này, trong ba ức năm. Lúc đó ta cùng ông đều ở trong pháp hội đó. Ta đem việc này để hỏi đức Phật Thiện Đức. Lúc ấy đức Phật Thiện Đức vì chúng sanh mà nhập chánh định nên chưa đáp nghĩa này.

Lành thay ! Ông bèn có thể nhớ được việc cũ. Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông giải nói.

Này Thiện nam tử ! Giới cũng có nhân, chính là nghe chánh pháp. Nghe chánh pháp cũng có nhân, chính là gần bạn lành. Gần bạn lành cũng có nhân, chính là tín tâm. Người có tín tâm cũng có nhân, chính là nghe pháp và tư duy ý nghĩa, Tín tâm nhân nơi nghe pháp, nghe pháp nhân nơi tín tâm, hai pháp này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả, mà cũng là quả quả. Như Ni Kiền Tử dựng ba cây treo để bình tròn, làm nhân quả cho nhau chẳng rời được.

Này Thiện nam tử ! Như vô minh, duyên hành, hành duyên vô minh, vô minh và hành này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả mà cũng là quả quả. Sanh

duyên lão tử, lão tử duyên sanh, sanh cùng lão tử này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử ! Pháp sanh có thể sanh ra pháp mà chẳng thể tự sanh, vì chẳng tự sanh nên do sanh mà sanh sanh. Sanh sanh chẳng tự sanh lại nhờ sanh mà sanh, vì thế nên hai thứ sanh này cũng là nhân mà cũng là nhân nhân, cũng là quả mà cũng là quả quả.

Này Thiện nam tử ! Tín tâm và nghe pháp cũng như vậy.

Là quả mà chẳng phải nhân chính là Đại Niết Bàn.

Cớ gì gọi là quả ? Vì là quả Vô Thượng, là quả Sa Môn, là quả Bà La Môn, vì dứt sanh tử, vì phá phiền não, do đây nên gọi là quả. Vì bị các phiền não quở trách nên Niết Bàn gọi là quả. Phiền não gọi là lỗi lầm trên lỗi lầm.

Này Thiện nam tử ! Niết Bàn không có nhân mà thể của nó là quả. Vì nó không sanh diệt, vì không chỗ tạo tác, vì chẳng phải hữu vi, vì là vô vi, vì thường chẳng biến đổi, vì không chỗ nói, vì không thí chung.

Này Thiện nam tử ! Nếu Niết Bàn có nhân thì chẳng đặng gọi là Niết Bàn. Bàn là nói nhân, Niết là nói không,

không có nhân nên gọi là Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Như lời Phật nói Niết Bàn là không nhân. Lời này không đúng. Nếu nói là không thời hiệp sáu nghĩa: Một là tất cánh không nên gọi là không, như tất cả pháp không có ngã không có ngã sở. Hai là có lúc không nên gọi là không, như người đời nói sông ao không có nước, không có mặt trời mặt trăng. Ba là vì ít nên nói là không, như người đời nói trong đồ ăn ít mặn thời gọi là không mặn, nước ngọt ít ngọt thời gọi là không ngọt. Bốn là không lãnh thọ nên gọi rằng không, như Chiên Đà La không thể thọ trì pháp Bà La Môn, nên gọi là không Bà La Môn. Năm là vì thọ pháp ác nên gọi là không, như người đời nói người thọ pháp ác chẳng gọi là Sa Môn, chẳng gọi là Bà La Môn, nên nói không có Sa Môn và Bà La Môn. Sáu là vì đối đãi mà gọi là không, như không trắng gọi đó là đen, không sáng gọi đó là vô minh.

Thế Tôn ! Niết Bàn cũng như vậy, có lúc không nhân nên gọi là Niết Bàn.

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Nay ông nói sáu nghĩa như vậy,

cớ sao ông không dẫn rớt ráo không để dụ cho Niết Bàn, mà ông lại lấy có lúc không, để lệ cho Niết Bàn như vậy.

Này Thiện nam tử ! Thể của Niết Bàn rớt ráo không nhân, cũng như không ngã và không ngã sở.

Này Thiện nam tử ! Pháp thể gian cùng Niết Bàn trọn chẳng tương đối nhau, vì thế nên sáu việc của ông dẫn ra chẳng làm ví dụ được.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp đều không có ngã, mà Niết Bàn này thật không có ngã, do nghĩa này nên Niết Bàn không nhân mà thể của nó là quả. Là nhân mà chẳng phải quả gọi là Phật tánh, vì chẳng phải do nhân sanh, vì chẳng phải quả của Sa Môn nên gọi là chẳng phải quả. Cớ gì gọi là nhân, vì là liễu nhân vậy.

Này Thiện nam tử ! Nhân có hai thứ: Một là sanh nhân, hai là liễu nhân. Hay sanh ra pháp thời gọi là sanh nhân. Đền hay chiếu rõ đồ vật, nên gọi là liễu nhân. Phiền não kiết sử thời gọi là sanh nhân. Cha mẹ của chúng sanh thời gọi là liễu nhân. Như hột lúa v.v... thời gọi là sanh nhân. Đất nước phân tro v.v... thời gọi là liễu nhân. Lại có sanh nhân, chính là sáu môn Ba La Mật, Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhân, chính là Phật tánh Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhân, chính là sáu môn Ba La Mật,

Phật tánh. Lại có sanh nhân, chính là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội Vô Thượng Bồ Đề. Lại có liễu nhân, chính là Bát Chánh Đạo Vô Thượng Bồ Đề. Lại có sanh nhân, chính là tín tâm sáu môn Ba La Mật.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như Phật nói: Thấy Như-Lai và Phật tánh, ý nghĩa đó như thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Thân Như-Lai không có tướng mạo, chẳng phải dài ngắn trắng đen, không có phương sở, chẳng ở trong tam giới, chẳng phải tướng hữu vi, chẳng phải nhãn thức thấy được, như thế thời làm sao có thể thấy được, Phật tánh cũng vậy”.

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Thân của Phật có hai thứ: Một là thường, hai là vô thường. Thân vô thường chính là vì muốn độ thoát tất cả chúng sanh nên phương tiện thị hiện, thân này con mắt thấy được. Thân thường trụ chính là thân giải thoát của Như-Lai, thân này cũng gọi là con mắt thấy, cũng gọi là nghe thấy.

Phật tánh cũng có hai thứ: Một là có thể thấy, hai là chẳng thể thấy. Có thể thấy là nói bậc Thập trụ Bồ Tát

và chư Phật. Chẳng thể thấy là nói tất cả chúng sanh. Con mắt có thấy, chính là Thập trụ Bồ Tát và chư Phật con mắt ngó thấy Phật tánh của chúng sanh. Có nghe thấy, là tất cả chúng sanh và Cửu Trụ Bồ Tát nghe có Phật tánh.

Thân của Phật lại có hai thứ: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là thân giải thoát của Như-Lai. Là chẳng phải sắc vì đức Như-Lai đã dứt hẳn sắc căn.

Phật tánh lại có hai thứ: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là Vô Thượng Bồ Đề. Là chẳng phải sắc chính là phạm phu nhân đến Thập Trụ Bồ Tát. Vì Thập Trụ Bồ Tát thấy chẳng rõ ràng nên gọi là chẳng phải sắc. Phật tánh lại có hai thứ: Một là sắc, hai là chẳng phải sắc. Là sắc chính là chư Phật và Bồ Tát. Là chẳng phải sắc chính là tất cả chúng sanh. Là sắc gọi rằng con mắt thấy. Là phi sắc gọi rằng nghe thấy.

Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, dầu chẳng phải trong ngoài nhưng chẳng phải là hư mất, nên gọi rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như Phật nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, như trong sữa có chất lạc. Kim Cang lực sĩ,

chư Phật, Phật tánh như đề hồ trong sạch. Có sao đức Như-Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?”

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Ta cũng chẳng nói rằng trong sữa có chất lạc. Vì chất lạc từ sữa sanh ra nên nói rằng có chất lạc”.

- Thế Tôn ! Tất cả sanh pháp đều có thời tiết.

- Này Thiện nam tử ! Lúc là sữa thời không có chất lạc, cũng không có các chất sanh tô, thực tô, đề hồ. Tất cả chúng sanh cũng gọi đó là sữa. Vì thế nên ta nói rằng trong sữa không có chất lạc. Như trong sữa đồng thời có chất lạc, có sao chẳng đồng thời có hai thứ tên. Như người có hai nghề thời gọi rằng thợ vàng sắt. Lúc là chất lạc không có sữa cũng như không có sanh tô, thực tô và đề hồ. Chúng sanh cũng gọi là chất lạc chẳng phải sữa, sanh tô, thực tô và đề hồ.

Này Thiện nam tử ! Nhân có hai thứ: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân là như sữa sanh chất lạc. Duyên nhân là như ủ ấm. Vì từ sữa sanh nên gọi là trong sữa có tánh chất lạc.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Nếu sữa không tánh chất lạc, trong sừng bò cũng không có, có sao chẳng từ trong sừng bò mà sanh ?”

- Nay Thiện nam tử ! Sừng bò cũng sanh chất lạc. Vì ta nói rằng duyên nhân có hai thứ: Một là ủ, hai là ẩm. Tánh sừng bò là ẩm nên cũng có thể làm duyên sanh chất lạc.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu sừng bò có thể sanh chất lạc, người tìm chất lạc có sao lại tìm nơi sữa mà chẳng dùng sừng.

- Nay Thiện nam tử ! Do có đó nên ta nói có chánh nhân có duyên nhân.

- Thế Tôn ! Nếu trong sữa vốn không tánh của chất lạc nay mới có, trong sữa vốn không tánh cây Am Ma La, có sao chẳng sanh cây Am Ma La, vì trong sữa cả hai tánh đều không.

- Nay Thiện nam tử ! Sữa cũng có thể sanh cây Am Ma La, nếu dùng sữa tưới trong một đêm, cây Am Ma La cao thêm năm thước. Do nghĩa này nên ta nói có hai thứ nhân.

Này Thiện nam tử ! Nếu tất cả pháp chỉ có một nhân sanh ra thời mới có thể vấn nạn như lời của ông vừa hỏi.

Này Thiện nam tử ! Như tứ đại làm nhân duyên có ra tất cả sắc pháp. Nhưng sắc pháp mỗi mỗi riêng khác chẳng đồng nhau, do nghĩa này nên trong sữa chẳng sanh cây Am Ma La.

- Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói có hai nhân là chánh nhân và duyên nhân, Phật tánh của chúng sanh thuộc về nhân nào ?

- Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh cũng hai thứ nhân: Một là chánh nhân, hai là duyên nhân. Chánh nhân đó chính là các chúng sanh. Duyên nhân đó chính là sáu môn Ba La Mật.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi quyết định biết rằng trong sữa có tánh của chất lạc. Vì tôi thấy trong đời những người tìm chất lạc chỉ lấy nơi trong sữa mà trọn chẳng lấy trong những vật khác. Do đây nên biết rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

- Này Thiện nam tử ! Như lời của ông hỏi, theo nghĩa thời chẳng đúng. Ví như có người muốn soi thấy hình bóng của mặt mình bèn lấy con dao sáng.

- Bạch Thế Tôn ! Do nghĩa này nên trong sữa có tánh của chất lạc, vì nếu trong dao không có hình bóng của gương mặt, có gì lại lẩy dao.

- Nay Thiện nam tử ! Nếu trong con dao này quyết định có hình bóng của gương mặt, có sao lại điên đảo: Dựng đứng thời thấy hình dài, cầm ngang thời thấy bóng rộng. Nếu là mặt của mình có sao lại thấy dài ? Nếu là mặt người khác thời đâu được gọi rằng là hình bóng của mặt mình. Nếu nhân mặt mình mà thấy mặt người khác, có sao chẳng thấy bóng mặt của lừa của ngựa ?

- Bạch Thế Tôn ! Nhãn quang đến nơi kia nên thấy bóng mặt.

- Nay Thiện nam tử ! Thật ra nhãn quang này chẳng đến nơi kia, vì xa gần đồng một thời đều được thấy cả, vì chẳng thấy những vật ở chặng giữa vậy.

Nhãn quang nếu đến nơi kia mà được thấy, thời tất cả chúng sanh đều thấy lửa có sao chẳng bị cháy ? Như người thấy vật trắng ở xa thời chẳng nên nghi rằng đó là chim hạc ? Là phan ? Là người ? Là cây ? Nếu nhãn quang đến nơi kia thế nào thấy được vật ở trong bình thủy tinh, cá cùng đá ở dưới vực sâu. Nếu nhãn quang chẳng đến mà thấy có sao thấy được vật trong bình thủy

ting, mà chẳng thấy được vật ở ngoài vách. Do lẽ này nên nếu nói rằng nhãn quang đến nơi kia mà được thấy đó là không đúng.

Này Thiện nam tử ! Như ông vừa nói trong sữa có tánh của chất lạc, có sao người bán sữa chỉ lấy giá tiền sữa mà chẳng đòi tiền chất lạc. Người bán ngựa cái có sao chỉ lấy tiền ngựa mà chẳng đòi tiền ngựa con.

Này Thiện nam tử ! Người đời vì không con cái nên cầu cưới vợ. Vợ nếu có thai nghén thời chẳng được gọi là con gái. Nếu nói là con gái có tánh của con cái nên phải cưới hỏi thời không đúng. Vì nếu có tánh của con cái lẽ ra cũng phải có tánh của cháu. Nếu có tánh của cháu thời thành ra anh em, vì đồng một bụng sanh ra vậy. Do đây nên ta nói rằng nơi người con gái không có tánh của con cái.

Nếu trong sữa kia có tánh của chất lạc có sao chẳng thấy cả năm vị đồng một thời. Nếu trong hột cây có tánh chất của cây Ni Câu Đà cao năm trượng, có sao chẳng thấy mọng cây, nhánh lá, bông trái, hình sắc sai khác của cây đồng một thời.

Này Thiện nam tử ! Lúc là sữa thời màu khác, vị khác công dụng khác, nhãn đến đề hồ cũng lại như vậy. Làm

sao có thể nói được rằng trong sữa có tánh của chất lạc.

Này Thiện nam tử ! Như có người sáng ngày sẽ uống chất tô, giờ đây đã sợ hôi. Nếu nói rằng quyết định trong sữa có tánh của chất lạc thì cũng như vậy.

Ví như có người dùng viết giấy mực hòa hiệp thành chữ, mà trong giấy này vốn không có chữ, vì vốn không có nên nhờ duyên mà thành có, nếu vốn đã có thì cần gì các duyên.

Như xanh vàng hợp lại thành màu lục, nên biết hai màu này vốn không có tánh của màu lục, nếu vốn đã có cần gì phải hiệp lại mới thành.

Như chúng sanh do ăn mà được sống. Nhưng trong vật thực này thật không có mạng sống. Nếu vốn đã có mạng sống thì lúc chưa ăn lẽ ra vật thực này là mạng sống.

Này Thiện nam tử ! Tất cả các pháp vốn không có tánh, do nghĩa này nên ta nói kệ rằng:

Trước không nay có.

Trước có nay không.

Ba đời có pháp.

Không có lẽ đó.

Này Thiện nam tử ! Tất cả pháp do nhân duyên mà sanh cũng do nhân duyên mà diệt.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, thì tất cả chúng sanh lẽ ra có thân Phật như ta hôm nay.

Phật tánh của chúng sanh chẳng hư, chẳng hoại, chẳng bị kéo, bị bắt, chẳng bị trói, bị buộc. Như trong chúng sanh có hư không, vì tất cả chúng sanh đều có hư không chẳng chướng ngại, chúng sanh đều chẳng tự thấy mình có hư không này. Giả sử nếu chúng sanh chẳng có hư không, thì không có những sự đến đi đứng ngồi nằm, chẳng sống, chẳng lớn. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói tất cả chúng sanh đều có hư không giới, hư không giới đây gọi là hư không. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Bạc Thập trụ Bồ Tát thấy được phần ít như châu kim cương.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh là cảnh giới của chư Phật, chẳng phải là hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Tất cả chúng sanh vì chẳng thấy Phật tánh nên thường bị phiền não trói buộc mà phải lưu chuyển trong sanh tử. Chư Phật vì thấy Phật tánh nên phiền não kiết sử chẳng trói buộc được, do đây giải thoát

sanh tử đặng Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có tánh của Phật tánh như tánh chất lạc trong sữa. Nếu sữa không tánh chất lạc, tại sao Phật nói có hai thứ nhân: Chánh nhân và duyên nhân. Duyên nhân có hai: Ủ và ấm. Hư không vì là không tánh nên không có duyên nhân”.

Này Thiện nam tử: Giả sử trong sữa quyết định có tánh chất lạc, cần gì đến duyên nhân ?

- Bạch Thế Tôn ! Vì có tánh nên phải cần duyên nhân. Vì muốn thấy rõ vậy. Duyên nhân đó chính là liễu nhân. Như trong nhà tối đã trước có những đồ vật, vì muốn thấy rõ nên dùng đèn soi sáng. Nếu vốn không đồ vật thì đèn soi sáng những gì ? Như trong đất sét có bình, nên cần nhân công, nước, vòng dây, gậy v.v... mà làm liễu nhân. Như hột Ni Câu Đà cần đến đất, nước, phân mà làm liễu nhân. Trong sữa cũng vậy, phải nhờ ủ ấm làm liễu nhân. Vì thế nên dầu trước đã có tánh phải nhờ liễu nhân rồi sau mới được thấy. Do nghĩa này nên quyết định biết trong sữa trước có tánh của chất lạc.

- Này Thiện nam tử ! Giả sử nếu trong sữa quyết định

có tánh của chất lạc thời tánh này chính là liễu nhân. Nếu đã là liễu nhân lại cần gì phải dùng liễu.

Này Thiện nam tử ! Nếu liễu nhân đây tánh nó là liễu thời lẽ ra phải thường tự liễu. Nếu chẳng tự liễu thời đâu có thể liễu cái khác.

Nếu nói liễu nhân có hai thứ tánh: Một là tự liễu, hai là liễu tha, thời không đúng nghĩa. Vì một pháp liễu nhân làm sao lại có hai thứ tánh ? Nếu có hai tánh thời sữa lẽ ra cũng có hai thứ. Giả sử trong sữa không có hai thứ, tại sao liễu nhân lại riêng có hai tánh ?

- Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng chúng tôi cộng có tám người: Liễu nhân cũng như vậy: Tự liễu và liễu tha.

- Này Thiện nam tử ! Liễu nhân nếu như vậy thời chẳng phải là liễu nhân, vì là số, có thể đếm, sắc của mình, sắc của người nên được nói là tám, mà sắc tánh này tự nó không có liễu tướng, vì không liễu tướng phải nhờ trí tánh mới đếm được tự và tha. Do đây nên liễu nhân chẳng thể tự liễu cũng chẳng liễu được tha.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đã có Phật tánh có gì lại phải tu tập vô lượng công đức ? Nếu nói tu

tập là liễu nhân thời đã đồng hư hoại như chất lạc.

Nếu nói trong nhân quyết định có quả thời giới, định, huệ lẽ ra không tăng trưởng. Nhưng người đời trước kia không giới, định, huệ theo sư trưởng học tập thời lần lần được có giới, định, huệ. Nếu cho rằng sư trưởng dạy dỗ là liễu nhân, chính lúc dạy dỗ thời chưa có giới, định, huệ, nếu là liễu đó, lẽ ra là liễu thứ chưa có, sao lại gọi rằng liễu giới, định, huệ làm cho được tăng trưởng.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Nếu liễu nhân là không, sao lại được gọi là có sữa có lạc ?”

Này Thiện nam tử ! Sự đáp nạn của thế gian có ba: Một là chuyển đáp, như trước kia nói có gì gọi là giới ? Do vì chẳng ăn năn nhẫn đến vì được Đại Niết Bàn. Hai là nín lặng mà đáp, như có Phạm Chí đến hỏi ta rằng: Ngã là thường ư ? Lúc đó ta nín lặng. Ba là nghi đáp như trong kinh đây nói: Nếu liễu nhân có hai tánh có gì trong sữa chẳng được có hai thứ ?

Này Thiện nam tử ! Nay ta chuyển đáp, như người đời nói rằng có sữa có lạc, vì quyết định được nên được gọi rằng có sữa có lạc. Phật tánh cũng như vậy có chúng

sanh có Phật tánh do vì sẽ được thấy.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật vừa nói không được đúng nghĩa. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến thế nào gọi là có ? Nếu cho rằng sẽ có mà gọi là có đó, thời không đúng. Như người đời thấy không con cái bèn nói không con. Tất cả chúng sanh không có Phật tánh, tại sao nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

- Nay Thiện nam tử ! Quá khứ gọi rằng có. Ví như trồng quít mọng mọc lên thời hột hư mất. Từ mọng lên cây nhánh lá, nhẫn đến kết trái, lúc trái chín bèn có vị ngọt.

Nay Thiện nam tử ! Vị ngọt này đều không từ nơi hột, mọng, cây, nhánh, bông v.v... Lúc trái chín thời sanh vị ngọt, vị ngọt này trước không nay có. Dầu trước không nay có mà chẳng phải là chẳng do nơi hột lúc trước. Thế nên hột lúc trước dầu đã quá khứ nhưng được gọi là có. Do nghĩa này nên quá khứ gọi rằng có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai là có ? Ví như có người gieo trồng cây mè. Có kẻ hỏi có gì trồng thứ này ?

- Đáp rằng vì có dầu.

Thật ra thời chưa có dầu, khi cây mè đã già lấy hột

hấp sôi, giã ép rồi sau mới có dầu chảy ra. Nên biết rằng người này trả lời như vậy chẳng phải là hư vọng. Do nghĩa này nên gọi rằng vị lai có.

Lại thế nào gọi rằng quá khứ có ư ? Ví như có người lén mắng nhà vua, trải qua nhiều năm. Lúc sau vua nghe được đòi đến hỏi có sao mắng ta ? - Tâu Đại Vương ! Tôi chẳng mắng vì người mắng đó mất. - Vua bảo: Kẻ mắng cùng thân ta cả hai đều còn tại sao lại nói rằng mất ? Người kia không trả lời được nên phải bị tội chết.

Này Thiện nam tử ! Hai tánh ấy thật không mà quả chẳng mất, đây gọi là quá khứ có.

Thế nào lại gọi rằng vị lai có ? Như có người đến nhà thợ gốm hỏi có bình không ? Đáp rằng có. Thật ra thợ gốm này chưa có bình vì có đất sét nên đáp rằng có bình, phải biết rằng thợ gốm này chẳng phải vọng ngữ. Trong sữa có chất lạc, chúng sanh có Phật tánh cũng như vậy, muốn thấy Phật tánh, phải nên quán sát thời tiết hình sắc, do đây nên ta nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thật chẳng hư vọng.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh không có Phật tánh,

làm sao mà được Vô Thượng Bồ Đề ?”

- Do chánh nhân, nên khiến chúng sanh được Vô Thượng Bồ Đề. Gì là chánh nhân ? Chính là Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu hột Ni Câu Đà không có cây Ni Câu Đà, tại sao gọi là hột Ni Câu Đà mà chẳng gọi là hột Khư đà la ?

Bạch Thế Tôn ! Như họ Cù Đàm chẳng được gọi là họ A Kỳ Da. Họ A Kỳ Da lại cũng chẳng được gọi là họ Cù Đàm. Hột Ni Câu Đà chẳng được gọi là hột Khư Đà La, còn hột Khư Đà La cũng chẳng được gọi là hột Ni Câu Đà. Cũng như đức Thế Tôn chẳng được bỏ lìa họ Cù Đàm. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều có Phật tánh.

Phật bảo:

“ Này Thiện nam tử ! Nếu nói rằng trong hột có cây Ni Câu Đà thì không đúng. Vì nếu là có có sao chẳng thấy ?

Này Thiện nam tử ! Như những vật trong đời vì có nhân duyên nên chẳng thấy được. Ở xa chẳng thấy được như dấu chim bay giữa hư không. Vì gần nên chẳng thấy được như lông nheo rớt vào mắt. Vì hư hoại nên chẳng

thấy như ngũ căn đã hư. Vì loạn tướng nên chẳng thấy như tâm chẳng chuyên nhất. Vì nhỏ nên chẳng thấy như vi trần. Vì bị che nên chẳng thấy như tinh tú bị mây phủ. Vì nhiều nên chẳng thấy như hột mè trên đồng lúa. Vì tương tợ nên chẳng thấy như hột đậu trong đồng đậu. Cây Ni Câu Đà chẳng đồng tám thứ nhân duyên như vậy, nếu nó là có tại sao chẳng thấy ? Nếu cho rằng vì nhỏ bị che nên chẳng thấy thì không đúng, vì tướng cây to thô. Nếu cho rằng tánh vi tế thời thế nào lại thành cây lớn. Nếu cho rằng bị che ngăn thời lẽ ra luôn luôn chẳng được thấy. Cây trước kia không có tướng thô to, nay thời thấy cây to, nên biết rằng tướng to này vốn không có tánh. Trước kia không có tánh thấy nay thời thấy được, nên biết rằng sự thấy này cũng vốn không có tánh. Hột cũng như vậy: Trước không có cây nay thời có đó, như thế có lỗi gì ?”

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói có hai thứ nhân: Chánh nhân và liễu nhân. Hột Ni Câu Đà do đất, nước, phân làm liễu nhân khiến nhỏ được thành to.

Này Thiện nam tử ! Nếu trước đã có thời cần gì đến liễu nhân ? Nếu trước là không thời liễu nhân là liễu cái gì ? Nếu trong hột Ni Câu Đà vốn không có tướng to, do liễu nhân bèn sanh to, có sao chẳng sanh cây Khư đà la,

vì rằng hai thứ đều là không cả.

Này Thiện nam tử ! Nếu như nhỏ chẳng thấy được, thời lẽ ra to có thể thấy. Như một vi trần thời chẳng thấy được, nhiều vi trần hòa hiệp thời thấy được. Trong hột lẽ ra cũng như vậy, to thời có thể thấy, vì trong đó đã có mọng cây, bông trái, trong mỗi mỗi trái có vô lượng hột, trong mỗi mỗi hột có vô lượng cây cho nên gọi là thô, vì là thô nên lẽ ra có thể thấy.

Nếu hột Ni Câu Đà có tánh cây Ni Câu Đà mà mọc lên cây, con mắt thấy hột này bị lửa đốt cháy thời lẽ ra tánh đốt cháy này cũng là đã có trước. Nếu tánh cháy vốn đã có thời lẽ ra cây chẳng mọc lên. Nếu tất cả pháp vốn đã có sanh diệt, có sao trước sanh rồi sau diệt mà chẳng đồng một thời ư ? Do nghĩa này nên biết là không có tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu hột Ni Câu Đà vốn không tánh cây mà sanh ra cây, thời hột này có gì chẳng sanh ra dầu, vì cả hai tánh đều là không cả ?

- Này Thiện nam tử ! Hột ấy cũng có thể sanh ra dầu, dầu vốn không có tánh dầu, nhưng do nhân duyên mà có.

- Bạch Thế Tôn ! Có sao không gọi là dầu mè ư ?

- Này Thiện nam tử ! Vì chẳng phải là mè.

Như duyên lửa sanh ra lửa, duyên nước sanh ra nước. Dầu hai thứ lửa và nước đều từ nơi duyên, nhưng chẳng thể có lẫn nhau được. Hột Ni Câu Đà và dầu mè cũng như vậy, tuy cả hai đều từ nơi duyên mà đều chẳng sanh lẫn nhau.

Tánh chất của hột Ni Câu Đà hay trị bệnh hàn lãnh. Tánh chất của dầu mè hay trị được bệnh phong.

Như cây mía, do nhân duyên mà thành các thứ đường: đường phèn, đường đen. Dầu cả hai thứ đường đều từ nơi chất mía, nhưng sắc tướng khác nhau, đường phèn trị bệnh nhiệt, đường đen trị hàn lãnh.

- Bạch Thế Tôn ! Như trong sữa không tách lạt, trong mè không tách dầu, trong hột Ni Câu Đà không tách cây, trong đất sét không tách bình tất cả chúng sanh không tách Phật, cứ theo đây thời như trước kia đức Phật nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh vì thế nên được Vô Thượng Bồ Đề. Nghĩa này xét ra không được đúng, vì trời và người đều vô tánh. Vì vô tánh nên người có thể sanh làm trời, trời có thể sanh làm người. Điều là do nhân duyên của nghiệp, không phải do nơi tánh.

Đại Bồ Tát do nhân duyên của nghiệp nên được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu các chúng sanh có Phật tánh thời do nhân duyên gì mà nhất xiển đề dứt căn lành phải đọa địa ngục ? Nếu Bồ Đề tâm là Phật tánh, thời nhất xiển đề lẽ ra chẳng dứt. Nếu là có thể dứt được, sao lại được nói rằng Phật tánh là thường ? Còn nếu chẳng phải là thường thời không gọi là Phật tánh.

Nếu chúng sanh có Phật tánh, cứ sao gọi là sơ phát tâm ư ? Tại sao lại gọi là bậc thối chuyển, bậc bất thối chuyển ? Nếu là bậc thối chuyển thời nên biết rằng người này không có Phật tánh.

Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát nhất tâm hướng đến Vô Thượng Bồ Đề, đại từ, đại bi, thấy tội lỗi của phiền não sanh tử. Quán sát Đại Niết Bàn không có các lỗi sanh tử phiền não. Tin ngôi Tam Bảo và nghiệp nhân quả báo, thọ trì giới cấm. Những tâm hạnh như vậy gọi là Phật tánh.

Nếu rời lìa những tâm hạnh này mà có Phật tánh, thời cần gì dùng những tâm hạnh này để làm nhân duyên.

Bạch Thế Tôn ! Như sữa chẳng chờ duyên tất sẽ thành lạc, nhưng thành tô thời phải chờ đủ duyên: Nhân công, nước, bình, dây, khuấy.

Cũng vậy, những chúng sanh có Phật tánh lẽ ra không cần nhân duyên cũng được Vô Thượng Bồ Đề.

Nếu là quyết định có Phật tánh, có sao người tu hành thấy sự khổ của ba ác đạo, sanh, già, bệnh, chết mà thối tâm ? Nếu quyết định có Phật tánh, cũng chẳng cần tu sáu môn Ba La Mật, lẽ ra được Vô Thượng Bồ Đề, như sữa chẳng cần duyên mà thành lạc. Nhưng thật ra phải nhờ tu sáu môn Ba La Mật mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Do những nghĩa này nên biết rằng chúng sanh đều không có Phật tánh.

Như trước kia đức Phật nói Tăng Bảo là thường trụ. Đã là thường thời tất chẳng phải là vô thường. Đã chẳng phải vô thường, tại sao Tăng Bảo được thành Vô Thượng Bồ Đề.

Tăng nếu là thường, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

Bạch Thế Tôn ! Giả sử nếu chúng sanh từ trước đến nay không tâm Bồ Đề, cũng không tâm Vô Thượng Bồ Đề, về sau mới có, thời Phật tánh của chúng sanh cũng lẽ ra trước không, sau mới có.

Do nghĩa trên đây nên tất cả chúng sanh lẽ ra không

có Phật tánh.

Phật nói:

“ Lành thay ! Lành thay ! Ông từ lâu đã biết rõ nghĩa Phật tánh. Nay ông vì chúng sanh mà thỉnh hỏi như vậy.

Tất cả chúng sanh thật có Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói rằng nếu chúng sanh có Phật tánh lẽ ra chẳng nên có người sơ phát tâm. Phải biết rằng tâm không phải là Phật tánh, vì tâm vốn vô thường, còn Phật tánh là thường.

Ông nói cứ sao có người thối tâm. Thật ra không có thối tâm. Nếu tâm có thối thì tất là trọn chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề, vì được chậm nên gọi đó là thối.

Tâm Bồ Đề này thật chẳng phải là Phật tánh, vì nhất xiển đề dứt căn lành đọa địa ngục.

Nếu tâm Bồ Đề là Phật tánh thì hạng nhất xiển đề, chẳng được gọi là nhất xiển đề. Tâm Bồ Đề cũng chẳng được gọi là vô thường. Do đây nên biết rằng tâm Bồ Đề thật chẳng phải là Phật tánh.

Này Thiện nam tử ! Ông nói nếu chúng sanh có Phật tánh thì lẽ ra chẳng cần nhờ nhân duyên mới được Vô Thượng Bồ Đề, như sữa thành lạc. Lời này không đúng

nghĩa. Vì ông đã nói phải có năm duyên mới thành sanh tô, nên biết rằng Phật tánh cũng như vậy.

Như trong các thứ đá có vàng, có bạc, có đồng, có sắt. Bốn thứ đá đều bốn thọ chất tứ đại, đồng tên là đá, đồng là vật có thật, nhưng mỗi thứ đá sản xuất mỗi chất không đồng nhau, phải cần nhờ đủ các duyên mới sản xuất ra chất vàng, bạc, đồng, sắt. Do đây nên biết rằng trước vốn không có, chờ đủ duyên mà sau mới có.

Phật tánh của chúng sanh chẳng gọi là Phật. Phải do công đức được thấy Phật tánh, rồi sau chúng sanh mới thành Phật.

Ông nói chúng sanh đều có Phật tánh tại sao lại không thấy. Lời này không đúng nghĩa. Vì các duyên công đức chưa đầy đủ nên không được thấy.

Do nghĩa này nên ta nói có hai nhân: Chánh nhân và duyên nhân.

Chánh nhân gọi là Phật tánh, duyên nhân là phát tâm Bồ Đề. Do hai nhân duyên này mà được Vô Thượng Bồ Đề, như đủ duyên thời sản xuất vàng.

Ông nói Tăng Bảo thường trụ thời lẽ ra chúng sanh không có Phật tánh đó. Phải biết rằng Tăng gọi là hòa

hiệp. Hòa hiệp này có hai: Thế gian hòa hiệp và đệ nhất nghĩa hòa hiệp.

Thế hòa hiệp gọi là Thanh Văn Tăng. Nghĩa hòa hiệp gọi là Bồ Tát Tăng.

Thế Tăng là vô thường. Phật tánh là thường trụ. Như Phật tánh, nghĩa Tăng cũng là thường trụ.

Lại có Tăng gọi là pháp hòa hiệp, chính là nói mười hai bộ kinh. Mười hai bộ kinh là thường, nên ta nói pháp và Tăng là thường trụ.

Này Thiện nam tử ! Tăng gọi là hòa hiệp. Hòa hiệp đây chính là nói mười hai nhân duyên. Trong mười hai nhân duyên cũng có Phật tánh. Mười hai nhân duyên là thường, Phật tánh cũng vậy. Do đây nên ta nói Tăng có Phật tánh.

Ông nói:

Nếu chúng sanh có Phật tánh, tại sao có kẻ thối, người không thối ?

Này Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ phân biệt giải thuyết cho:

Có mười ba điều làm cho Bồ Tát thối chuyển đạo Vô Thượng Bồ Đề: Một là tâm chẳng tin ; hai là tâm chẳng

cố làm ; ba là tâm nghi ; bốn là tham tiếc thân mạng và của cải ; năm là có quan niệm quá sợ sệt đối với Niết Bàn: “ Thế nào làm cho chúng sanh diệt độ hẳn ” ; sáu là tâm chẳng kham nhẫn ; bảy là tâm chẳng điều nhu ; tám là sâu não ; chín là chẳng thích vui ; mười là phóng dật ; mười một là tự khinh thân mình ; mười hai (là) tự thấy phiền não không thể phá ; mười ba là không thích những pháp môn tiến đến Bồ Đề.

Trên đây là mười ba điều làm cho Bồ Tát thoái chuyển đạo Bồ Đề Vô Thượng.

Lại có sáu điều làm hư tâm Bồ Đề: Một là bỏn xén pháp ; hai là có tâm chẳng lành [chẳng]¹² đối với chúng sanh ; ba là gần gũi bạn ác ; bốn là chẳng siêng năng tinh tiến ; năm là quá tự kiêu mạn ; sáu là kinh doanh nghề nghiệp thế gian.

Này Thiện nam tử ! Có người được nghe chư Phật là bậc Thầy của cõi Trời và nhân gian, là đáng tối thượng trong tất cả chúng sanh, hơn tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, là bậc có pháp nhãn sáng suốt thấy rõ tất cả pháp, có thể đưa chúng sanh qua khỏi biển khổ lớn. Nghe

¹² Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “hai là đối với các chúng sinh khởi tâm chẳng lành”

như vậy rồi, người này phát nguyện lớn: Nếu trong đời có đấng Vô Thượng như vậy, tôi cũng sẽ được. Do đây nên người này phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Hoặc có người nhờ người khác khuyên dạy mà phát tâm Bồ Đề, hoặc có người nghe nói Bồ Tát trải qua vô số kiếp thật hành những khổ hạnh rồi sau mới được Vô Thượng Bồ Đề. Nghe rồi tự nghĩ rằng: Nay tôi không thể kham nổi những khổ hạnh như vậy, thì làm sao được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên có thói tâm.

Lại còn có năm điều thói tâm Bồ Đề: Một là thích xuất gia theo ngoại đạo ; hai là chẳng tu tâm đại từ ; ba là ưa tìm lỗi pháp sư ; bốn là thường thích ở trong vòng sanh tử ; năm là không thích thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh.

Lại cũng có hai pháp làm thói tâm Bồ Đề: Một là tham ưa ngũ dục ; hai là chẳng thể cung kính tôn trọng ngôi Tam Bảo.

Này Thiện nam tử ! Do những nhân duyên như vậy làm cho Bồ Tát thói tâm Bồ Đề.

Thế nào lại gọi là tâm bất thói ? Có người nghe rằng đức Phật có thể độ chúng sanh khỏi sanh lão bệnh tử. Là

đáng chẳng học với Thầy ; tự tu tập được Vô Thượng Bồ Đề. Nếu đạo Bồ Đề là quả có thể được, tôi cũng tu tập quyết được quả ấy. Do đây nên người này phát tâm Bồ Đề. Bao nhiêu công đức tu tập không luận nhiều ít đều hồi hướng cả về Vô Thượng Bồ Đề.

Người này thệ nguyện thường được gặp Phật cùng đệ tử Phật, thường được nghe pháp Đại-thừa thâm diệu , nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt (*,thân*), cả năm căn đều hoàn cụ, nếu gặp cảnh khổ nạn cũng quyết không mất tâm Bồ Đề này.

Lại nguyện rằng: Mong chư Phật, chư Bồ Tát luôn có lòng hoan hỷ đối với tôi, nguyện tôi đủ năm căn lành. Nếu có chúng sanh nào chặt chém đánh đập giết hại tôi, đối với kẻ này, tôi khởi lòng đại từ, lòng vui mừng, vì nhờ họ mà tôi được thêm lớn công hạnh Bồ Đề. Nếu không có họ, tôi làm sao được quả Vô Thượng Bồ Đề.

Lại nguyện rằng: Đòi đời tôi được khởi những thân nữ, thân hai căn, không căn ; không bị làm nô lệ, không gặp chủ hung ác, không thuộc dưới quyền vua chúa ác ; chẳng sanh vào nước ác.

Nếu được thân xinh tốt, dòng họ cao sang, giàu có, nguyện tôi không có lòng kiêu mạn.

Nguyện tôi thường được nghe mười hai bộ kinh và thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết. Lúc tôi giảng thuyết cho chúng sanh, nguyện cho thính giả đều kính tin không nghi, chẳng sanh ác tâm đối với tôi.

Nguyện cho tôi thà nghe pháp ít mà hiểu được nhiều nghĩa vị, chẳng muốn nghe nhiều mà chẳng rõ nghĩa lý.

Nguyện là thầy của tâm mình, chớ chẳng bị tâm sai sử. Thân, khẩu, ý, ba nghiệp chẳng giao tiếp với kẻ ác, điều ác. Có thể làm cho tất cả chúng sanh được an lạc. Giới hạnh nơi thân cũng như trí huệ nơi tâm đều vững chắc như núi không bị lay động. Vì muốn thọ trì chánh pháp Vô Thượng nên chẳng lẩn tiếc thân mạng và tài sản. Chẳng đem vật bất tịnh làm phước nghiệp. Tâm không tà vạy. Tự sống với chánh mạng. Nếu thọ ơn thời nhớ mãi, trả nhiều hơn thọ. Biết rành những sự nghiệp thế gian ; hiểu rành ngôn ngữ của các địa phương, của mọi loài chúng sanh.

Đọc tụng biên chép mười hai bộ kinh không hề nhầm mỗi biếng lười.

Nếu có chúng sanh không thích nghe kinh, thời tôi tìm phương tiện tiếp dẫn cho họ ưa nghe kinh.

Tôi thường nói lời điệu hòa, miệng không tuyên điều xấu ác.

Chúng bất hòa, tôi làm cho họ hòa hiệp.

Người lo sợ, tôi làm cho họ được vững lòng.

Thời kỳ đói kém, tôi làm cho mọi người được no đủ. Đòi tặt bệnh thời tôi sẽ làm vị đại lương y tự có đủ tài bảo cũng như thuốc men, làm cho người bệnh đều được lành mạnh.

Kiếp binh đao, tôi sẽ có thế lực lớn trừ dứt hết sự tương tàn tương hại.

Tôi sẽ làm cho chúng sanh khỏi các điều kinh sợ như bị giết, bị bắt giam nhốt đánh đập, những nạn về nước lụt, hỏa hoạn, nạn vua chúa, nạn giặc cướp, sự nghèo khổ, phá giới, danh xấu, ác đạo.

Với cha mẹ sư trưởng tôi rất kính mến, với kẻ thù nghịch tôi khởi lòng từ.

Tôi thường tu tập sáu chánh niệm, môn không tam muội, mười hai nhân duyên, quán sanh diệt vô thường, số tức, Thiên hạnh, Phạm hạnh, Thánh hạnh, Kim Cang Tam Muội, Thủ Lăng Nghiêm định. Nơi không có ngôi Tam Bảo, nguyện tôi được tâm tịch tịnh, nếu lúc thân tôi

bị phải sự rất khổ, nguyện không hư mất tâm Bồ Đề Vô Thượng. Chẳng sanh lòng tri túc đối với Thanh Văn, Bích Chi Phật.

Chỗ không ngôi Tam Bảo tôi thường xuất gia trong hàng ngoại đạo để phá tà kiến của họ, đặng pháp tự tại, đặng tâm tự tại, nơi pháp hữu vi thấy rõ sự lỗi lầm.

Nguyện tôi sợ sệt đạo quả nhị thừa như người tiếc thân sợ chết.

Nguyện tôi vì chúng sanh nên thích ở trong ba ác đạo như chúng sanh thích ở cõi trời Đao Lợi.

Nguyện tôi vì mỗi mỗi chúng sanh mà chịu khổ địa ngục trong vô lượng kiếp chẳng sanh lòng hối hận.

Nguyện tôi thấy người khác được lợi ích chẳng sanh lòng ganh ghét, thường có lòng tùy hỷ như chính mình được.

Nếu gặp ngôi Tam Bảo, nguyện tôi sẽ đem y phục đồ uống ăn, thuốc men đồ nằm nhà cửa đèn sáng hoa hương kỹ nhạc, phan lọng, bảy báu cúng dường.

Nếu thọ giới pháp của Phật nguyện tôi giữ gìn bền chắc trọn chẳng sanh lòng hủy phạm. Nếu nghe khổ hạnh khó làm của Bồ Tát, trong lòng vui mừng chẳng hối hận.

Tự biết những việc đời trước trọn chẳng gây nghiệp tham sân si. Chẳng vì quả báo mà chứa nhóm nghiệp nhân. Đối với sự vui hiện tại chẳng sanh lòng tham đắm.

Này Thiện nam tử ! Nếu có người phát được những nguyện như vậy thời gọi là Bồ Tát trọn chẳng thối thất tâm Bồ Đề, cũng gọi là thí chủ có thể thấy đức Như-Lai, thấy rõ Phật tánh, có thể điều phục chúng sanh độ khỏi sanh tử, có thể hộ trì chánh pháp Vô Thượng, có thể được đầy đủ sáu môn Ba La Mật.

Này Thiện nam tử ! Do nghĩa này nên tâm bất thối chẳng gọi là Phật tánh !

Này Thiện nam tử ! Ông chẳng nên vì tâm có thối chuyển mà cho rằng các chúng sanh không có Phật tánh. Thí như có hai người đều nghe phương khác có núi Thất Bảo, trong núi có suối nước trong vị ngọt. Nếu ai đến được núi ấy thời vĩnh viễn khỏi sự nghèo khổ. Ai uống được suối ấy thời sống lâu muôn tuổi. Chỉ vì đường xá xa xôi hiểm trở nhiều tai nạn. Hai người ấy đều muốn cùng nhau đi một người sắm sửa các thứ vật cần dùng đi đường, một người thời đi tay không cùng nhau đồng tiến về hướng núi báu. Dọc đường gặp một người mang nhiều của báu đi ngược chiều. Hai người hỏi rằng: Xin hỏi ông

xứ đó thật có núi báu u ? Đáp rằng: Thật có núi báu, chính tôi đã được bảo vật và được uống nước suối ngọt. Chỉ lo rằng đường xa hiểm trở, trộm cướp quá nhiều, hầm hố gai chông, lại thêm thiếu nước, thiếu cỏ. Muôn ngàn người đi ít người đến được.

Nghe khách nói một người ăn năn cho rằng đường sá gian nan khôn khổ như vậy, vô lượng người đi không mấy người được đến, tôi làm thế nào có thể đến được núi báu. Hiện tại sản nghiệp của tôi cũng tạm đủ dùng. Nếu gắng gượng đi hoặc có thể chẳng toàn thân mạng. Thân mạng đã chẳng còn, còn mong gì được trường thọ.

Một người nói rằng: Có người đến được thời tôi cũng có thể đến được. Tôi quyết đến núi báu lượm lấy bảo vật cùng uống nước suối ngọt, nếu chẳng toại nguyện có chết cũng cam lòng.

Lúc đó hai người, một thời ăn năn trở về, một thời tiến đến núi báu. Người sau này đến được núi kia, uống nước suối ngọt, mang nhiều bảo vật trở về nhà, dùng của ấy phụng dưỡng cha mẹ cung cấp họ hàng thân thuộc.

Bấy giờ người ăn năn thối về trước kia thấy kết quả tốt đẹp của người này trong lòng phát phẫn: Anh ấy mang được bảo vật về nhà, tại sao ta cứ ở mãi bên đây mà

chẳng dám đi ? Liền sắm sửa hành trang thẳng đến núi báu.

Này Thiện nam tử ! Núi báu kia dụ cho Đại Niết Bàn. Nước suối ngọt dụ cho Phật tánh. Hai người kia dụ cho hai vị Bồ Tát sơ phát tâm. Con đường hiểm ác dụ cho sanh tử. Người đi ngược chiều gặp dọc đường dụ cho đức Phật Thế Tôn. Trộm cướp dụ cho tứ ma. Hàm hồ gai chông dụ cho các phiền não. Không nước không cỏ dụ (cho) chẳng tu tập đạo Bồ Đề. Người nghe khó ăn năn trở về dụ cho Bồ Tát thôi chuyển. Người dũng mãnh thẳng tiến dụ cho Bồ Tát bất thối.

Này Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh thường trụ chẳng biến đổi. Như con đường hiểm trở kia không ai có thể bảo rằng, vì có người ăn năn trở lại mà làm cho con đường thành vô thường. Phật tánh cũng như vậy, trong đạo Bồ Đề trọn không có sự thối thất. Như người ăn năn kia thấy bạn mình đặng của báu mang về nhà giàu có tự tại cúng dường cha mẹ cung cấp thân thuộc, an vui sung sướng.

Do đó bèn phát tâm thẳng đến núi báu chẳng tiếc thân mạng Bồ Tát thôi chuyển cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh quyết định sẽ

được thành Vô Thượng Bồ Đề. Do nghĩa này nên trong kinh Phật nói tất cả chúng sanh hẳn đến kẻ tạo tội ngũ nghịch, phạm tứ trọng và nhất xiển đề đều có Phật tánh.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“Thế Tôn ! Bồ Tát thế nào có thối cùng chẳng thối ?”

- Nay Thiện nam tử ! Nếu có Bồ Tát tu tập nghiệp nhân ba mươi hai tướng tốt của Như-Lai thời được gọi là bậc bất thối, thời được gọi là Đại Bồ Tát, cũng gọi là bậc bất động chuyển, là thương xót tất cả chúng sanh, gọi là hơn tất cả hàng Thanh Văn, Duyên Giác, là bậc A Bộ Bạt Trí.

Nay Thiện nam tử ! Nếu Đại Bồ Tát trì giới chẳng lay động, tâm bố thí chẳng dèi dỗi, lời nói chân thật như núi Tu Di, nghiệp duyên trên đây được tướng tốt dưới bàn chân đầy bằng.

Nếu Đại Bồ Tát ở nơi cha mẹ, Hòa Thượng, Sư Trưởng hẳn đến các loài súc sanh, đem của cải đúng pháp cúng dường cung cấp, do nghiệp duyên này được tướng tốt dưới lòng bàn chân có tướng Thiên bức luân.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng sát sanh chẳng trộm cướp, đối với cha mẹ sư trưởng thường có lòng hoan hỷ, do nghiệp

duyên này được thành ba tướng tốt: Một là ngón tay dài vót, hai là gót chân dài, ba là thân mình vuông thẳng, ba tướng tốt này đồng do một nghiệp duyên.

Nếu Đại Bồ Tát tu tập tứ nhiếp pháp để nhiếp thủ chúng sanh, do nghiệp duyên này được tướng tốt ngón tay có màng lưới như ngỗng chúa trắng.

Nếu Đại Bồ Tát lúc cha mẹ sư trưởng có bệnh khổ, tự tay tắm rửa lau chùi dặt đỡ thoa bóp, do nghiệp duyên này được tướng tốt, tay chân dịu dàng.

Nếu Đại Bồ Tát trì giới nghe pháp, cùng bố thí không nhàm chán, do nghiệp duyên này được tướng tốt mắt cá lông đốt đều no đủ, lông trong thân đều xoắn lên trên.

Nếu Đại Bồ Tát chuyên tâm nghe pháp và diễn thuyết chánh pháp, do nghiệp duyên này được tướng tốt đùi vế như nai chúa.

Nếu Đại Bồ Tát đối với chúng sanh chẳng có lòng tổn hại, ăn uống biết đủ thường ưa bố thí khám bệnh, cung cấp thuốc men do nghiệp duyên này được tướng tốt, thân hình tròn đủ như cây Ni Câu Đà, lúc đứng hai tay dài quá đầu gối, đỉnh đầu có nhục kế vô kiến đánh tướng.

Nếu Đại Bồ Tát thấy người gặp sự kinh sợ liền cứu

hộ cho, thấy người lỏa lồ rách rưới thời bố thí y phục, do nghiệp duyên này được tướng tốt mã âm tàng.

Nếu Đại Bồ Tát gần gũi người trí xa lìa kẻ ngu, vui vẻ hỏi đáp quét dọn đường đi, do nghiệp duyên này da thưa mịn màng, lông trên thân xoay về phía hữu.

Nếu Đại Bồ Tát thường dùng y phục đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men, hương hoa, đèn đuốc bố thí cho người, do nghiệp duyên này đặng thân màu vàng ròng thường có ánh sáng chói rõ.

Nếu Đại Bồ Tát lúc bố thí, những vật báu quý có thể đem cho chẳng tiếc chẳng nghĩ là phước điền hay chẳng phải phước điền, do nghiệp duyên này được tướng tốt bảy chỗ trên thân được no đủ.

Nếu Đại Bồ Tát lúc bố thí lòng chẳng nghi ngờ, do nghiệp duyên này được tiếng nói dịu dàng.

Nếu Đại Bồ Tát đúng như pháp làm ra của cải đem bố thí, do nghiệp duyên này được tướng tốt nơi thân chỗ xương thiếu đều đầy đủ thân như sư tử vương, cánh tay thon dài.

Nếu Đại Bồ Tát xa lìa lưỡng thiệt ác khẩu và tâm giận hờn, do nghiệp duyên này được tướng tốt đủ bốn mươi

cái răng trong trắng sạch sẽ, bằng thẳng khít khao.

Nếu Đại Bồ Tát có lòng đại từ bi đối với chúng sanh do nghiệp duyên này được tướng hai răng nanh tốt.

Nếu Đại Bồ Tát thường phát nguyện: Có người đến cầu xin thời cấp cho theo ý của họ xin, do nghiệp duyên này được gò má như sư tử.

Nếu Đại Bồ Tát cung cấp đồ uống ăn theo sở thích của chúng sanh do nghiệp duyên này được tướng tốt trong cổ họng thường rịn chất cam lộ thượng vị.

Nếu Đại Bồ Tát tự thật hành mười điều lành cùng giáo hóa người, do nghiệp duyên này được tướng tốt lưỡi rộng dài.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng rao nói lỗi xấu của người chẳng hủy báng chánh pháp, do nghiệp duyên này đặng tướng tốt tiếng phạm âm.

Nếu Đại Bồ Tát thấy kẻ thù nghịch thời sanh lòng hoan hỷ, do nhân duyên này được tướng tốt, trông mắt màu xanh biếc.

Nếu Đại Bồ Tát chẳng ẩn che tài đức của người mà phô dương điều hay của mình, do nghiệp duyên này được tướng tốt bạch hào.

Này Thiện nam tử ! Nếu Đại Bồ Tát tu tập nghiệp duyên ba mươi hai tướng tốt như vậy thời được chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh chẳng thể nghĩ bàn. Cảnh giới và nghiệp quả của chư Phật cùng Phật tánh cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì bốn pháp này đều là thường, vì thường trụ nên chẳng thể nghĩ bàn. Tất cả chúng sanh vì phiền não che đậy nên gọi là thường. Vì dứt phiền não thường nên gọi là vô thường. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh là thường, có gì lại tu tập tám Thánh đạo ? Tu tập để dứt các sự khổ, các sự khổ nếu đã dứt thời gọi là vô thường, sự vui được hưởng thọ thời gọi là thường. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bị phiền não che đậy mà chẳng thấy được Phật tánh, vì chẳng thấy nên chẳng được Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như lời Phật nói tất cả các pháp có hai thứ nhân là chánh nhân và duyên nhân. Do hai nhân này lẽ ra không có trói buộc, không có giải thoát: Thân ngũ ấm này niệm niệm sanh diệt, nó đã sanh diệt thời có gì là trói buộc và giải thoát.

Bạch Thế Tôn ! Nhân thân ngũ ấm này mà sanh thân

ngũ âm sau. Thân này tự diệt chẳng đến thân kia, dầu chẳng đến kia nhưng có thể sanh ngũ âm kia. Như do hột sanh mọng, hột chẳng đến mọng, dầu hột chẳng đến mọng mà có thể sanh mọng. Chúng sanh cũng như vậy, thế nào có trói buộc và giải thoát ?

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ vì ông phân biệt giải thuyết. Như người lúc chết rất khổ quyền thuộc bao quanh kêu khóc than thở, người này sợ hãi chẳng biết cầu cứu với ai, dầu có năm giác quan mà không hay không biết, tay chân run giựt, không thể tự chủ, thân thể lạnh lạnh sắp hết hơi nóng, thấy những tướng nghiệp báo thiện ác đã tạo từ trước. Như mặt trời sắp lặn, thời bóng của núi gò ngã về hướng đông, không bao giờ trở qua Tây. Nghiệp quả của chúng sanh cũng như vậy, lúc thân ngũ âm này diệt thời ngũ âm kia liền nối sanh. Như đèn cháy lên thời bóng tối mất. Đèn tắt, thời bóng tối hiện ra. Như ấn sấp in vào đất sét, ấn cùng đất sét hiệp, ấn rã, lằn chữ nổi lên, mà ấn sấp này chẳng biến nơi đất sét, lằn chữ chẳng phải từ đất sét ra, cũng chẳng phải chỗ khác đến, do ấn làm nhân duyên mà sanh lằn chữ. Ngũ âm hiện tại diệt, thân trung âm liền sanh.

Ngũ âm hiện tại này trọn chẳng biến làm thân trung âm, thân trung âm cũng chẳng phải tự sanh, cũng chẳng từ nơi khác đến, do thân hiện tại mà sanh thân trung âm. Như ấn sếp in nơi đất sét, ấn rã lặn chữ thành, danh từ dầu không sai khác mà thời tiết đều riêng khác. Do đây nên ta nói thân trung âm chẳng phải nhục nhãn thấy được, thiên nhãn mới ngó thấy. Thân trung âm này có ba cách ăn: Tư thực, xúc thực, ý thực. Thân trung âm có hai thứ: Một là nghiệp quả lành, hai là nghiệp quả ác. Do nghiệp lành nên được giác quán lành, do nghiệp ác nên được giác quán ác. Lúc cha mẹ giao hội phán hiệp theo nhân duyên của nghiệp mà đến chỗ thọ sanh. Đối với mẹ sanh lòng thương, đối với cha sanh lòng sân. Lúc tinh của cha chảy ra cho rằng là của mình, sanh lòng vui mừng. Do nhân duyên của ba thứ phiền não này, thân trung âm diệt mà sanh thân ngũ âm sau. Như ấn sếp in vào đất sét ấn hư lặn chữ thành.

Lúc sanh ra những căn thân có đầy đủ cùng chẳng đủ. Người căn đầy đủ thấy sắc thời sanh lòng tham, vì tham nên gọi là ái. Do hư dối mà sanh lòng tham, đây gọi là vô minh. Do hai nhân duyên tham ái và vô minh nên những cảnh giới xem thấy thấy đều điên đảo: Vô thường

thấy là thường, vô ngã thấy là ngã, vô lạc thấy là lạc, bất tịnh thấy là tịnh. Do bốn thứ điên đảo này nên gây tạo những hạnh nghiệp thiện ác.

Phiền não gây ra nghiệp, nghiệp sanh ra phiền não, đây gọi là hệ phược. Do nghĩa này nên gọi là ngũ ấm sanh.

Người này nếu được gần gũi chư Phật, đệ tử của Phật cùng những Thiện tri thức thời được nghe được học mười hai bộ kinh. Do nghe pháp nên quán những cảnh giới lành. Do quán cảnh giới lành nên được trí huệ lớn, đây gọi là chánh tri kiến. Vì được chánh tri kiến nên sanh lòng hối hận đối với sanh tử. Do tâm hối hận này nên chẳng ưa thích sanh tử, vì chẳng ưa thích nên phá được lòng tham, vì phá lòng tham nên tu tám Thánh đạo, do tu tám Thánh đạo nên được không sanh tử, vì không sanh tử nên gọi là được giải thoát. Như lửa chẳng gặp củi gọi đó là tắt. Vì tắt diệt sanh tử nên gọi là diệt độ. Do nghĩa này nên gọi là thân ngũ ấm diệt.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Trong hư không chẳng có gai thê nào nói rằng nhỏ ? Ngũ ấm không cột trời thê nào gọi rằng hệ phược ? ”

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Vì xiềng xích phiền não trói buộc ngũ ấm, là ngũ ấm rồi thì không có phiền não riêng, là phiền não rồi thì không có ngũ ấm riêng.

Như cột chống đỡ nóc nhà, là nhà thì không cột, là cột thì không nhà. Thân ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy: Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nắm tay, chấp tay, cột gút, ba thứ hiệp tan sanh diệt không có thứ gì riêng. Ngũ ấm của chúng sanh cũng như vậy: Vì có phiền não gọi là hệ phược, vì không phiền não gọi là giải thoát.

Như nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu danh sắc diệt thì không chúng sanh. Là danh sắc không có chúng sanh riêng, là chúng sanh không có danh sắc riêng, cũng gọi là danh sắc hệ phược chúng sanh, cũng gọi là chúng sanh hệ phược danh sắc”.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như con mắt chẳng tự thấy, ngón tay chẳng tự chạm, dao chẳng tự cắt, thọ chẳng tự thọ, sao đức Thế Tôn nói rằng danh sắc hệ phược danh sắc ? Vì

nói danh sắc thời chính là chúng sanh còn nói chúng sanh thời chính là danh sắc. Nếu nói danh sắc hệ phược chúng sanh thời là danh sắc hệ phược danh sắc”.

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Như lúc hai tay chấp lại, thời không có cái gì khác đến chấp. Danh cùng sắc cũng như vậy. Do đây nên ta nói danh sắc hệ phược chúng sanh. Nếu rời danh sắc thời được giải thoát. Vì thế nên ta nói chúng sanh giải thoát”.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Nếu có danh sắc là hệ phược, các vị A La Hán chưa rời danh sắc, lẽ ra cũng là hệ phược !”

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Có hai thứ giải thoát: Một là tử đoạn, hai là quả đoạn”.

Tử đoạn là dứt phiền não. Các vị A La Hán đã dứt phiền não, các kiết sử đã phá hư, nên tử kiết sử dứt chẳng hệ phược được. Vì A La Hán chưa dứt quả nên gọi là quả hệ phược. Các vị A la Hán chẳng thấy Phật tánh. Vì chẳng thấy nên chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên có thể gọi là quả hệ phược mà chẳng được gọi là

đanh sắc hệ phược.

Này Thiện nam tử ! Như thắp đèn, lúc dầu chưa hết thời ánh lửa chẳng tắt. Nếu đã hết dầu, thời lửa quyết phải tắt. Dầu là dụ cho phiền não. Đèn là dụ cho chúng sanh. Vì dầu phiền não nên chúng sanh chẳng nhập Niết Bàn. Nếu dứt hết phiền não, thời tắt nhập Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Đèn cùng dầu tánh cách riêng khác còn chúng sanh và phiền não thời không phải như vậy: Chúng sanh là phiền não, cũng như phiền não là chúng sanh. Chúng sanh gọi là ngũ ấm, chính ngũ ấm gọi là chúng sanh. Ngũ ấm gọi là phiền não, cũng như phiền não gọi là ngũ ấm. Sao đức Như-Lai lại dụ như đèn ?

- Này Thiện nam tử ! Có tám thứ ví dụ: Một là thuận dụ, hai là nghịch dụ, ba là hiện dụ, bốn là phi dụ, năm là tiên dụ, sáu là hậu dụ, bảy là tiên hậu dụ, tám là biến dụ.

Thế nào là thuận dụ ?

Như trong kinh nói: Trời mưa lớn nương rãnh đều đầy nước, vì nương rãnh đầy nước nên hố nhỏ đầy, vì hố nhỏ đầy nên hố lớn đầy, vì hố lớn đầy nên suối nhỏ đầy, vì suối nhỏ đầy nên suối lớn đầy, vì suối lớn đầy nên ao nhỏ đầy, vì ao nhỏ đầy nên ao lớn đầy, vì ao lớn đầy

nên sông nhỏ đầy, vì sông nhỏ đầy nên sông lớn đầy, vì sông lớn đầy nên biển lớn đầy.

Pháp võ của đức Như-Lai cũng như vậy, làm cho chúng sanh đầy đủ giới hạnh ! Vì giới đầy đủ nên tâm chẳng hối hận được đầy đủ: Vì tâm chẳng hối hận đầy nên lòng hoan hỷ đầy đủ, vì lòng hoan hỷ đầy nên sự viên ly đầy đủ, vì sự viên ly đầy nên sự an ổn được đầy đủ, vì sự an ổn đầy nên chánh định đầy đủ, vì chánh định đầy nên chánh tri kiến đầy đủ, vì chánh tri kiến đầy nên sự nhàm lìa đầy đủ, vì yếm ly đầy nên sự quả trách đầy đủ, vì sự quả trách đầy nên giải thoát đầy đủ, vì giải thoát đầy nên Niết Bàn đầy đủ. Đây gọi là thuận dụ vậy.

Thế nào là nghịch dụ ?

Biển lớn có nguồn chính là sông lớn ; sông lớn có nguồn chính là sông nhỏ, sông nhỏ có nguồn chính là ao lớn, ao lớn có nguồn chính là ao nhỏ, ao nhỏ có nguồn chính là suối lớn, suối lớn có nguồn chính là suối nhỏ, suối nhỏ có nguồn chính là hồ lớn, hồ lớn có nguồn chính là hồ nhỏ, hồ nhỏ có nguồn chính là nương rãnh, nương rãnh có nguồn chính là mưa to.

Cũng vậy, Niết Bàn có nguồn chính là giải thoát: Giải thoát từ quả trách, quả trách từ yếm ly, yếm ly từ chánh

tri kiến, chánh tri kiến từ chánh định, chánh định từ an
ôn, an ôn từ viễn ly, viễn ly từ hoan hỷ, hoan hỷ từ chẳng
hối hận, chẳng hối hận từ trì giới, sự trì giới bắt nguồn từ
nơi pháp võ của đức Như-Lai. Đây gọi là nghịch dụ vậy.

Thế nào là hiện dụ ?

Như nói tâm tánh của chúng sanh như khí, vượn.
Tánh của khí, vượn bỏ cái này liền bắt cái kia. Cũng vậy,
tâm tánh của chúng sanh bắt lấy lục trần không lúc nào
tạm dừng. Đây gọi là hiện dụ vậy.

Thế nào là phi dụ ?

Như xưa kia ta bảo vua Ba Tư Nặc:

Đại Vương ! Có người thân tín từ bốn phương đến
báo với nhà vua rằng có bốn hòn núi lớn từ bốn phương
đến muốn hại nhân dân. Nếu nghe như vậy Đại Vương
sẽ lập kế gì ?

- Vua đáp:

Bạch Thế Tôn ! Nếu có như vậy thì không còn có
chỗ trốn tránh, chỉ phải chuyên tâm trì giới bố thí.

- Ta khen rằng:

Lành thay ! Đại vương ! Ta nói bốn hòn núi là sanh

lão bệnh tử của chúng sanh. Bốn sự khổ đó thường đến bức não chúng sanh, sao Đại vương chẳng trì giới bố thí ?

- Vua đáp:

Bạch Thế Tôn ! Trì giới bố thí được quả báo gì ?

-Ta nói:

Trì giới bố thí sẽ được hưởng sự vui sướng ở cõi trời cõi người.

- Vua nói:

Bạch Thế Tôn ! Cây Ni Câu Đà trì giới bố thí cũng được hưởng phước ư ? - Ta nói cây Ni Câu Đà chẳng thể trì giới bố thí, nếu có nó có thể làm được thì cũng được hưởng phước như người. Đây gọi là phi dụ.

Thế nào là Tiên dụ ?

Trong kinh nói: Như có người ưa thích hoa đẹp, lúc hái lấy bị nước cuốn trôi, chúng sanh cũng vậy vì tham ái ngũ dục mà bị sanh tử. Đây gọi là Tiên dụ.

Thế nào là hậu dụ ?

Như kinh pháp cú nói:

Chớ khinh tội nhỏ,

Cho là không hại,

Giọt nước dàu ít,

Lần đầy lu lớn.

Đây gọi là hậu dụ.

Thế nào là Tiên hậu dụ ?

Ví như cây chuối có trái thời chết. Người ngu được lợi dưỡng cũng như vậy. Như con la có thai thời mạng sống chẳng còn lâu. Đây là Tiên hậu dụ.

Thế nào là biến dụ ?

Như trong kinh nói Trời Đao Lợi có cây Ba Lợi Chát Đa, gốc nó sâu năm do diên, cao một trăm do diên, nhánh lá bủa ra bốn phía năm mươi do diên, lúc lá chín thời màu vàng, chư Thiên xem thấy sanh lòng vui mừng. Lá này chẳng bao lâu sẽ rơi rụng. Chư Thiên thấy lá rụng lại sanh lòng vui mừng. Nhánh cây chẳng bao lâu sẽ đổi sắc, chư Thiên thấy nhánh đổi sắc lại sanh lòng vui mừng. Nhánh này chẳng bao lâu sẽ sanh nụ tròn, chư Thiên thấy nụ sanh lòng vui mừng. Những nụ này chẳng bao lâu sẽ dài nhọn, chư Thiên lại sanh lòng vui mừng. Những nụ dài nhọn này chẳng bao lâu sẽ nở ra, lúc nụ nở hơi thơm khắp năm mươi do diên, chiếu sáng tám mươi do diên. Lúc đó chư Thiên ba tháng mùa hạ chơi vui dưới cây này.

Này Thiện nam tử ! Hàng đệ tử của ta cũng như vậy. Lá sắc vàng dụ cho đệ tử của ta có tâm niệm muốn xuất gia. Lá rụng dụ cho đệ tử của ta cạo bỏ râu tóc. Nhánh cây đũa sắc dụ cho đệ tử của ta bạch tứ yết ma thọ giới cụ túc. Mối sanh nụ tròn dụ cho đệ tử của ta phát tâm Bồ Đề, nụ nhọn dài dụ cho Thập Trụ Bồ Tát thấy được Phật tánh. Nở xòe ra dụ cho Bồ Tát được Vô Thượng Bồ Đề. Mùi thơm dụ cho vô lượng chúng sanh thọ trì cấm giới, chiếu sáng dụ cho Như-Lai danh hiệu vô ngại cùng khắp mười phương. Ba tháng mùa hạ dụ cho ba môn chánh định. Chư Thiên chơi vui dụ cho chư Phật ở nơi Đại Niết Bàn được thường, lạc, ngã, tịnh. Đây gọi là biến dụ.

Này Thiện nam tử ! Phàm dẫn ví dụ bất tất phải lấy trọn hết, hoặc lấy phần ít, hoặc lấy phần nhiều, hoặc lấy hoàn toàn. Như nói gương mặt của Phật như mặt trăng tròn, đây gọi là lấy phần ít.

Ví như có người chưa bao giờ thấy sữa, hỏi người khác rằng: Sữa là giống gì ? Đáp: Như nước, mật, vỏ ốc ; nước thì là tương ướt, mật thì vị ngọt, vỏ ốc thì là màu sắc. Dầu dẫn ba thứ dụ nhưng chưa phải thật là sữa. Ta nói ví dụ cái đèn đem dụ cho chúng sanh cũng như vậy. Ta nói là nước thì không có con sông, chúng sanh

cũng vậy lìa năm ấm thời không còn là chúng sanh. Như ngoài thùng, gong, trục, bánh, cãm thời không còn có cái xe. Chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện nam tử ! Nếu muốn đem pháp hiệp với ví dụ cái đèn kia, thời nên lắng nghe: Tim đèn dụ cho hai mươi lăm cõi, dầu dụ cho tham ái, ánh sáng dụ cho trí huệ, trừ bóng tối dụ cho phá vô minh, hơi nóng dụ cho Thánh đạo. Như đèn hết dầu thời ngọn lửa tắt, chúng sanh hết tham ái thời thấy Phật tánh, tuy có danh sắc nhưng chẳng hề phược được, tuy ở trong hai mươi lăm cõi nhưng chẳng bị các cõi làm nhiễm ô.

Bạch Thế Tôn ! Ngũ ấm của chúng sanh rỗng không chẳng có gì, ai lãnh thọ giáo pháp tu tập đạo hạnh ?

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều có niệm tâm, huệ tâm, phát tâm, tinh tấn tâm, tín tâm, định tâm. Những tâm này như vậy dầu niệm niệm diệt nhưng vẫn tương tợ, tương tục chẳng dứt nên gọi là tu hành.

- Bạch Thế Tôn ! Những tâm như vậy đều niệm niệm diệt, niệm niệm diệt này cũng là tương tợ, tương tục, thời thế nào có sự tu tập ?

- Này Thiện nam tử ! Như ngọn đèn dầu niệm niệm

diệt mà có ánh sáng trừ bóng tối. Như chúng sanh ăn uống dầu niệm niệm diệt nhưng cũng làm cho người đói đặng no. Như thuốc hay dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho bệnh được lành. Như ánh sáng mặt trời mặt trăng dầu niệm niệm diệt nhưng cũng có thể làm cho cỏ cây sanh sống.

Ông nói niệm niệm diệt thế nào tu tập ?

Này Thiện nam tử ! Vì tâm nói luôn chẳng dứt nên gọi là tu tập thêm lên. Như người đọc tụng kinh sách, những chữ những câu đọc tụng chẳng đồng một thời gian: Chữ trước chẳng đến giữa, chữ giữa chẳng đến sau, người đọc cùng với chữ và tâm tương tất cả đều niệm niệm diệt, do vì tập lâu mà được thông thuộc.

Này Thiện nam tử ! Như thợ kim hoàn từ lúc ban đầu tập nghề nhẫn đến đầu bạc, dầu niệm niệm diệt trước chẳng đến sau, nhưng do tích tập nên nghề giỏi khéo, do đây được gọi là thợ kim hoàn khéo. Đọc tụng kinh sách cũng như vậy.

Như hột giống kia, đất chẳng bảo rằng người phải sanh mầm, vì tánh tự nhiên nên mầm tự mọc lên, nhẫn đến bông cũng chẳng bảo người nên thành trái, vì tánh tự nhiên mà trái tự thành. Chúng sanh tu hành cũng như

vậy.

Ví như đếm số một chẳng đến hai, hai chẳng đến ba, dầu niệm niệm diệt mà đếm đến ngàn muôn chúng sanh tu hành cũng như vậy.

Như ngọn đèn niệm niệm diệt, ngọn trước diệt chẳng bảo ngọn sau sanh. Như con nghé sanh ra bèn tìm sữa bú, trí khôn tìm sữa thật không ai dạy, dầu niệm niệm diệt mà trước thời đói lúc sau được no. Do đây nên biết rằng trước và sau chẳng giống nhau, nếu giống nhau thời lẽ ra chẳng sai khác.

Chúng sanh tu hành cũng như vậy, lúc mới tu dầu chưa tăng tiến nhưng vì tu tập lâu thời có thể phá hoại tất cả phiền não.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như lời Phật nói người được chứng quả Tu Đà Hoàn rồi, dầu thác sanh cõi nước hung ác, vẫn trì giới chẳng sát sanh, trộm cướp, dâm dật, vọng ngữ, uống rượu. Thân ngũ ấm của Tu Đà Hoàn đã diệt chết ở đây chẳng qua đến nơi cõi nước hung ác, người tu hành cũng chẳng đến cõi nước hung ác, nếu là tương tự thời có sao chẳng sanh nơi cõi nước tịnh diệu ? Nếu thân ngũ ấm ở

cõi nước hung ác chẳng phải là ngũ âm của Tu Đà Hoàn, do đâu mà được chẳng gây tạo nghiệp ác ?

- Nay Thiện nam tử ! Vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác nhưng vẫn chẳng mất danh hiệu Tu Đà Hoàn, thân ngũ âm thời chẳng tương tợ, nên ta dẫn con nghé làm dụ vị Tu Đà Hoàn dầu thác sanh cõi nước hung ác, do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Như núi Hương Sơn có Sư Tử chúa, do đây nên tất cả loài phi cầm tâu thú không dám đến gần núi này. Có lúc Sư Tử chúa đây đến trong núi Tuyết, tất cả chim thú cũng vẫn chẳng đến gần núi Hương Sơn. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Ví như có người uống chất cam lộ, chất cam lộ này dầu đã tiêu hóa mất, nhưng thế lực có thể làm cho người uống chẳng già chẳng chết.

Như núi Tu Di có vị thuốc thượng diệu tên là Lãng Già Lợi, người uống vị thuốc này dầu niệm niệm diệt, nhưng do năng lực của thuốc làm cho người uống chẳng bao giờ phải bệnh khổ.

Như chỗ ngự của Chuyển Luân Vương, dầu vua

chẳng ngự nơi đó nhưng không ai dám đến gần, đây là do oai lực của vua. Vị Tu Đà Hoàn cũng như vậy, dầu sanh nơi cõi nước hung ác, chẳng tu hành nhưng do đạo lực nên chẳng gây tạo nghiệp ác.

Thân ngũ âm Tu Đà Hoàn chết mất ở đây, dầu sanh ngũ âm khác, nhưng vẫn chẳng mất ngũ âm Tu Đà Hoàn.

Ví như chúng sanh vì muốn được trái được hột nên đối với hột giống ra công săn sóc vun phân, bón tưới, chưa gặp được trái được hột mà hột giống lại đã hư diệt, dầu vậy nhưng cũng được gọi là nhân hột giống mà được trái. Ngũ âm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Như có người sản nghiệp to tát, chỉ có một đứa con trai chết sớm, người con này cũng có một đứa con trai ở xứ khác. Lúc người giàu có này qua đời đứa cháu nội nghe tin trở về lãnh lấy sản nghiệp, dầu mọi người đều biết tài sản đó chẳng phải của nó làm ra, nhưng không ai ngăn trở, vì nó là một họ, cháu ruột của phú ông. Ngũ âm của Tu Đà Hoàn cũng như vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng: “ Thế Tôn ! Như bài kệ của Phật nói:

Tỳ Kheo nếu tu tập.

Giới định và trí huệ,
Nên biết là bất thối,
Gần đến Đại Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là tu giới ? Thế nào là tu định ? Thế nào là tu huệ ?

Phật nói:

“ Này Thiện nam tử ! Nếu có người trì giới chỉ vì muốn tự lợi hưởng thọ sự vui cõi trời, cõi người, mà chẳng vì độ thoát tất cả chúng sanh, chẳng vì ủng hộ chánh pháp Vô Thượng, chỉ vì lợi dưỡng, sợ ba ác đạo, vì sống lâu, sắc đẹp, sức mạnh, an ổn, vô ngại biện, vì sợ luật pháp của vua, vì sợ tiếng xấu, vì sự nghiệp thế gian, vì những việc như trên mà hộ trì giới luật thời chẳng được gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là chân thật tu tập giới luật ? Lúc trì giới nếu vì độ thoát tất cả chúng sanh, vì hộ trì chánh pháp để độ người chưa được độ, khai ngộ người chưa tỏ ngộ, quy y người chưa quy y, người chưa nhập Niết Bàn làm cho được nhập, lúc tu tập như vậy chẳng thấy giới, chẳng thấy giới tướng, chẳng thấy người trì, chẳng thấy quả báo, chẳng tìm xem hủy phạm. Nếu có thể được như vậy thời

mới gọi là tu tập giới luật.

Thế nào gọi là tu tập chánh định ? Lúc tu tam muội, vì tự độ, vì lợi dưỡng, mà chẳng vì chúng sanh, chẳng vì hộ pháp, vì thấy những lỗi tham dục ăn uống, vì thấy những căn nam nữ chín lỗ bất tịnh, vì tranh đấu cãi cọ đánh đâm, giết hại lẫn nhau. Nếu vì những việc này mà tu tam muội, đây thời chẳng gọi là tu tập tam muội.

Thế nào gọi là chân thật tu tam muội ? Nếu tu tập tam muội là vì chúng sanh, đối với chúng sanh có tâm bình đẳng, vì làm cho chúng sanh được pháp bất thối, được Thánh tâm, được Đại-thừa, vì muốn hộ trì pháp Vô Thượng, khiến cho chúng sanh chẳng thối tâm Bồ Đề, làm cho chúng sanh được Thủ Lăng Nghiêm tam muội, được Kim Cang tam muội, được Đà La Ni, được tứ vô ngại, được thấy Phật tánh. Lúc thật hành chẳng thấy tam muội, chẳng thấy tướng tam muội, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo. Nếu có thể như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có người tu hành suy nghĩ như vậy: Nếu tôi tu tập trí huệ này thời được thoát khỏi ba ác đạo ? Ai có thể làm lợi ích cho tất cả chúng sanh ? Ai có thể ở trong đường sanh tử mà độ mọi

người ? Phật xuất hiện ra đời khó gặp như hoa Ưu Đàm, nay tôi có thể dứt phiền não kiết sử được quả giải thoát, nên tôi phải siêng năng tu hành trí huệ, để sớm dứt phiền não mau được giải thoát. Tu tập như vậy chẳng được gọi là tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là chân thật tu tập trí huệ ? Người trí nếu quan sát sự khổ sanh lão bệnh tử, tất cả chúng sanh bị vô minh che đậy, chẳng biết tu tập đạo Vô Thượng. Nguyên thân tôi nhận lấy sự khổ não thay thế chúng sanh. Bao nhiêu những sự bần cùng hạ tiện phá giới, những nghiệp tham sân si của chúng sanh, nguyên tất cả đều nhóm chất trên thân tôi. Nguyên cho chúng sanh chẳng tham đắm, chẳng bị danh sắc trói buộc mau thoát khỏi sanh tử, chỉ để một thân tôi ở nơi sanh tử chẳng mỗi nhàm. Nguyên cho tất cả chúng sanh đều được Vô Thượng Bồ Đề. Lúc tu tập như vậy chẳng thấy trí huệ, chẳng thấy tướng trí huệ, chẳng thấy người tu, chẳng thấy quả báo, đây thời gọi là tu tập trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Người tu tập giới định huệ như vậy thời gọi là Bồ Tát. Người không thể tu tập giới định huệ như vậy thời gọi là Thanh Văn.

Thế nào lại gọi là tu tập giới hạnh ? Nếu có thể phá

hoại mười sáu ác luật nghi của tất cả chúng sanh: Một là vì lợi mà nuôi dê, trừu cho mập để bán, hai là vì lợi mua dê trừu để làm thịt, ba là vì lợi nuôi heo cho mập để bán, bốn là vì lợi mua heo để làm thịt, năm là vì lợi nuôi bò con cho mập để bán, sáu là vì lợi mua bò để làm thịt, bảy là vì lợi nuôi gà cho mập để bán, tám là vì lợi mua gà để làm thịt, chín là câu cá, mười là thợ săn, mười một là cướp giựt, mười hai là thái thịt, mười ba là lưới chim, mười bốn là lưỡng thiệt, mười lăm là lính giữ ngục, mười sáu là bùa chú bắt rồng. Có thể vì chúng sanh mà dứt hẳn mười sáu nghiệp ác như vậy thời gọi là tu tập giới hạnh.

Thế nào là tu định ? Có thể dứt tất cả tam muội thế gian, như vô thân tam muội có thể làm cho chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn, cùng những tam muội hữu biên tâm, vô biên tâm, tịnh tụ, thế biên, thế đoạn, thế tánh, thế trượng phu, Phi Tướng, phi Phi Tướng, những môn định này có thể làm chúng sanh có tâm điên đảo cho là Niết Bàn. Nếu có thể dứt hẳn những tam muội như vậy thời gọi là tu tập chánh định.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Có thể phá những ác kiến của thế gian.

Tất cả chúng sanh đều có ác kiến: Chấp sắc là ngã là

ngã sở, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, nhãn đến chấp thức cũng như vậy. Thường tức là ngã, sắc diệt ngã còn. Sắc tức là ngã, sắc diệt ngã cũng diệt. Lại có người cho rằng: Tác giả là ngã, thọ giả là sắc. [*Lại có người nói: Tác giả là sắc, thọ giả là ngã.*] Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả, tự sanh, tự diệt đều chẳng phải nhân duyên. Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả, đều là Tự Tại Thiên chỗ tạo ra. Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả, tất cả đều do thời tiết làm ra. Lại có người nói: Không tác giả, không thọ giả. Địa, thủy, hỏa, phong, không, năm đại này gọi là chúng sanh.

Nếu có thể phá hoại những ác kiến của chúng sanh như vậy thời gọi là tu tập trí huệ.

Này Thiện nam tử ! Tu tập giới hạnh để cho thân được tịch tịnh. Tu tập chánh định để cho tâm được tịch tịnh. Tu tập trí huệ để phá trừ lòng nghi. Phá trừ lòng nghi là để tu tập Phật đạo. Người tu tập Phật đạo là để được thấy Phật tánh. Thấy Phật tánh để được Vô Thượng Bồ Đề. Được Vô Thượng Bồ Đề thời được Vô Thượng Đại Niết Bàn. Được Đại Niết Bàn để dứt tất cả sanh tử, tất cả phiền não, tất cả cõi, tất cả đế của tất cả chúng sanh. Dứt sanh tử nhãn đến dứt tất cả đế là để được thường, lạc,

ngã, tịnh vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như lời Phật nói nếu bất sanh bất diệt gọi là Đại Niết Bàn, thì sanh cũng là bất sanh bất diệt như vậy, có sao chẳng được gọi là Niết Bàn ?

Này Thiện nam tử ! Đúng như lời của ông nói. Sanh dầu cũng là bất sanh bất diệt nhưng có thì có chung.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp sanh tử này cũng là vô thì vô chung. Nếu là vô thì vô chung thì gọi là thường, thường trụ tức là Niết Bàn, có sao chẳng gọi sanh tử là Niết Bàn ?

- Này Thiện nam tử ! Pháp sanh tử này đều có nhân có quả, vì có nhân quả nên chẳng được gọi là Niết Bàn. Thể tánh của Niết Bàn vốn không nhân quả.

- Bạch Thế Tôn ! Luận về Niết Bàn cũng có nhân quả như bài kệ của Phật nói:

Từ nhân nên sanh cõi trời,

Từ nhân mà đọa ác đạo,

Từ nhân nên được Niết Bàn,

Do đây nên đều có nhân.

Xưa kia Phật bảo các Tỳ Kheo: Nay ta sẽ nói đạo quả

của Sa Môn. Nói là Sa Môn đó nghĩa là người có thể tu tập hoàn toàn đạo hạnh giới định huệ, đạo hạnh này là bát Thánh đạo. Quả của Sa Môn chính là Niết Bàn.

Bạch Thế Tôn ! Niết Bàn như vậy há chẳng phải là quả ư ? Có sao hôm nay đức Phật nói rằng thể của Niết Bàn không nhân, không quả ?

Này Thiện nam tử ! Ta tuyên nói nhân của Niết Bàn chính là Phật tánh, tánh của Phật tánh chẳng sanh Niết Bàn, nên ta nói Niết Bàn không có nhân. Vì có thể phá phiền não nên gọi là quả Đại Niết Bàn. Niết Bàn này chẳng từ nơi đạo hạnh sanh ra nên gọi là không có quả. Do đây nên Niết Bàn là không nhân, không quả.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh của chúng sanh là chung có hay là riêng có ? Nếu là chung có thì một người lúc được Vô Thượng Bồ Đề lẽ ra tất cả chúng sanh cũng đồng được. Như hai mươi người đồng có một kẻ oán thù, nếu một người trừ được kẻ thù, thì mười chín người kia cũng đồng hết người thù. Phật tánh cũng như vậy, lúc một người đặng thời lẽ ra những người khác cũng đồng đặng.

Nếu mỗi chúng sanh riêng có Phật tánh thì Phật tánh là vô thường, vì có thể tính đếm được. Nhưng Phật nói:

Phật tánh của chúng sanh chẳng phải một chẳng phải hai. Nếu là riêng có, thời lẽ ra chẳng nên nói rằng chư Phật bình đẳng, cũng chẳng nên nói rằng Phật tánh như hư không.

- Nay Thiện nam tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng một chẳng hai. Chư Phật bình đẳng, dường như hư không. Tất cả chúng sanh đồng chung có đó. Nếu người có thể tu bát Thánh đạo, nên biết người này được thấy rõ.

Nay Thiện nam tử ! Trên núi Tuyết có thứ cỏ tên nhân nhục, nếu bò ăn cỏ này thời sanh ra chất đê hồ, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Cỏ nhân nhục đó là một hay là nhiều ? Như là một, bò ăn thời hết. Nếu là nhiều sao Phật lại nói Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy ?

Như Phật nói: Nếu có người tu tập bát Thánh đạo thời được thấy Phật tánh. Lời đây chẳng đúng nghĩa, vì Thánh đạo nếu là một như cỏ nhân nhục thời lẽ ra phải hết. Nếu Thánh đạo có hết, thời một người tu xong những người khác không có phần. Thánh đạo nếu là nhiều, thời thế nào nói rằng tu tập đầy đủ, cũng chẳng được gọi là tác bà nhã trí.

- Nay Thiện nam tử ! Như đường bằng thẳng, tất cả chúng sanh đồng đi trên đường không chướng ngại nhau. Giữa đường có cây to bóng mát, người đi đường nghỉ ngơi dưới bóng cây. Bóng cây này vẫn thường như vậy, chẳng biến đổi, chẳng hư mất, cũng không ai mang đi.

Đường bằng thẳng dụ cho chánh đạo, bóng mát dụ cho Phật tánh.

Ví như thành lớn chỉ có một cửa, dầu đông người đồng do một cửa này ra vào nhưng đều không chướng ngại, cũng không ai phá hoại hoặc mang đem đi.

Ví như cây cầu nhiều người đi trên đó cũng không chướng ngại không ai phá hoại mang đi.

Ví như lương y trị đủ các chứng bệnh, không ai cấm ngăn lương y này trị người đây bỏ người kia.

Thánh đạo và Phật tánh cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Những điều dụ của Phật dẫn ra đây, theo nghĩa thời chẳng phải. Vì người trước ở trên đường thời trở ngại cho người đi sau, sao lại nói là không chướng ngại. Những điều dụ khác cũng như vậy.

Thánh đạo cùng Phật tánh nếu là như vậy, thời lúc một người tu hành lẽ ra trở ngại những người khác.

Này Thiện nam tử ! Như lời ông vừa gạn hỏi, xét nơi nghĩa thời chẳng tương ưng. Những điều dụ của ta dẫn ra là dụ phần ít chẳng phải dụ tất cả.

Này Thiện nam tử ! Con đường ở đời thời có chướng ngại, kia khác với đây, không có bình đẳng. Đạo vô lậu thời chẳng như vậy, có thể làm cho chúng sanh không có chướng ngại, luôn bình đẳng không hai, không có kia đây sai khác. Thánh đạo như vậy có thể làm liễu nhân cho Phật tánh của tất cả chúng sanh, mà chẳng làm sanh nhân. Như ngọn đèn sáng soi rõ các đồ vật.

Này Thiện nam tử ! Tất cả chúng sanh đều đồng vô minh làm nhân duyên cho hành nghiệp. Không thể nói rằng một người vô minh làm nhân duyên cho hành nghiệp rồi những người khác lẽ ra không có. Tất cả chúng sanh đều có vô minh làm nhân duyên cho hành nghiệp, do đây nên nói rằng mười hai nhân duyên tất cả đều bình đẳng.

Chúng sanh tu hành đạo vô lậu cũng như vậy, đồng dứt phiền não tứ sanh, các cõi các đường, do nghĩa này nên gọi là bình đẳng. Những người đã chứng được, kia đây thấy biết không có chướng ngại, nên được gọi là tát bà nhã trí.

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh chẳng phải đồng một thân: Hoặc là thân người, thân súc sanh, thân ngựa quý, thân địa ngục, những thân sai khác như vậy tại sao nói rằng Phật tánh là một ?

- Nay Thiện nam tử ! Như có người để chất độc trong sữa, sữa thành lạc nhẫn đến thành đề hồ, danh tự dầu biến đổi nhưng chất độc chẳng mất, nếu uống đề hồ cũng có thể bị độc mà chết, thật ra chẳng để độc trong đề hồ.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy dầu ở trong thân sai khác của năm loài, nhưng Phật tánh này vẫn thường trụ duy nhất không biến đổi.

- Bạch Thế Tôn ! Trong mười sáu nước lớn, có sáu thành lớn: Thành Xá Bà Đề, thành Bà Chỉ Đa, thành Chiêm Bà, thành Tỳ Xá Ly, thành Ba La Nại, thành Vương Xá, tại sao đức Như-Lai bỏ những thành lớn ấy mà đến nơi thành Câu Thi Na nhỏ hẹp xấu xa này để nhập Niết Bàn ?

- Nay Thiện nam tử ! Ông chẳng nên nói rằng thành Câu Thi Na là nhỏ hẹp xấu xa, mà nên nói rằng thành này có nhiều công đức trang nghiêm tốt đẹp, vì chỗ này là chỗ mà chư Phật và Bồ Tát thường đi đến. Như nhà của người dân hèn, nếu có vua đi qua, thời nên tán thán

nhà này là phước đức trang nghiêm, nên nhà vua mới ngự giá đến.

Như người bệnh nặng uống chất thuốc dơ xấu, uống xong bệnh liền lành, thời nên vui mừng khen ngợi thuốc này là rất hay, rất tốt, chữa lành được bệnh của tôi.

Như người đi ghe ở trong biển lớn, bị ghe hư chìm nhân ôm tử thi mà được vào bờ, đã đến bờ rồi thời nên vui mừng khen ngợi rằng tôi nhờ tử thi này mà được an ổn.

Thành Câu Thi Na này cũng như vậy, là chỗ đi của chư Phật, Bồ Tát, sao ông lại nói rằng là chỗ nhỏ hẹp xấu xa.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xa xưa cách đây hằng hà sa kiếp. Kiếp ấy hiệu là Thiện Giác. Lúc đó có vị Thánh Vương họ Kiều Thi Ca, bảy báu, ngàn con đều đầy đủ. Vua này là người ban đầu xây dựng thành trì nơi đây, ngang rộng đều mười hai do diên, bảy báu trang nghiêm, có nhiều con sông, nước sông trong sạch nhu nhuyễn ngon ngọt: Sông Ni Liên Thiên, sông Y La Bạt Đề, sông Hy Liên Thiên, sông Y Sru Mạc Hoàn, sông Tỳ Bà Xá Na. Tất cả có năm trăm con sông như vậy. Hai bên bờ sông cây cối rậm rạp, hoa trái sum sê. Người thời

ấy sống lâu vô lượng. Vua Chuyển Luân Thánh Vương qua khỏi trăm năm bèn xưng lên rằng: Như lời Phật nói tất cả pháp đều vô thường, nếu ai có thể tu tập mười pháp lành thời dứt được sự vô thường khổ não ấy. Toàn thể nhân dân nghe Thánh Vương truyền ra như vậy, đều phụng trì mười pháp lành. Thuở đó ta nghe danh hiệu của Phật, suy nghĩ tu tập mười pháp lành, ban đầu phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Ta phát Bồ Đề tâm rồi lại đem pháp lành này chỉ dạy vô lượng vô biên chúng sanh, giảng nói tất cả pháp đều vô thường biến hoại.

Do có trên đây nên hôm nay ta ở nơi chỗ này tiếp tục giảng nói các pháp đều vô thường biến hoại, chỉ có thân của Phật là pháp thường trụ. Ta nhớ việc đời trước nên đến nơi đây để nhập Niết Bàn, cũng là muốn đền đáp ơn đời trước chính tại chỗ này ta thật hành pháp lành phát tâm Bồ Đề. Vì thế nên trong kinh ta nói: Quyển thuộc của ta thọ ơn đều có thể báo đáp.

Này Thiện nam tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ vô lượng, thời thành này hiệu là Câu Xá Bạt Đề, ngang rộng năm mươi do diên. Thuở ấy trong Diêm Phù Đề người ở khít nhau. Có vua Chuyển Luân Thánh Vương hiệu là Thiện Kiến, thất bảo và ngàn con đều đầy

đủ, cai trị khắp bốn cõi. Vị Thái Tử thứ nhất xuất gia tu hành được thành Bích Chi Phật. Thánh Vương thấy Thái Tử của mình thành Bích Chi Phật oai đức trang nghiêm, thần thông hy hữu, liền vất bỏ ngôi vua như nhổ bỏ nước mũi dãi, xuất gia ở nơi rừng Ta La này, trải qua tám muôn năm tu tập từ tâm, tám muôn năm tu tập bi tâm, tám muôn năm tu tập hỷ tâm, tám muôn năm tu tập xả tâm.

Này Thiện nam tử ! Nên biết rằng Thánh Vương Thiện Kiến thuở xưa chính là thân của ta. Do đây nên ngày nay ta thường ưa thích thật hành bốn pháp này, bốn pháp này gọi là chánh định. Do nghĩa này nên thân Như-Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

Này Thiện nam tử ! Vì có trên đây hôm nay ta đến nơi thành Câu Thi Na này ở trong rừng Ta La Song Thọ mà nhập tam muội chánh định.

Này Thiện nam tử ! Ta nhớ thuở xưa cách đây vô lượng kiếp, thành này hiệu là Ca Tỳ La Vệ, trong thành có vua hiệu là Bạch Tịnh, phu nhân hiệu là Ma Da, vua chỉ có một Thái Tử tên là Tất Đạt Đa. Lúc đó Thái Tử chẳng học với Thầy, tự mình tư duy tu tập chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Có hai người đệ tử: Xá Lợi Phất và Đại Mục Kiền Liên. Đệ tử thị giả tên là A Nan. Đức Thế

Tôn ấy ở trong rừng Song Thọ diễn nói kinh Đại Niết Bàn.

Lúc đó ta được dự pháp hội, nghe Phật nói chúng sanh đều có Phật tánh. Nghe xong ta liền được bậc bất thối chuyển, liền phát nguyện rằng: Nguyện đời vị lai lúc tôi được thành Phật, cha, mẹ, cõi nước, danh hiệu, đệ tử, thị giả, thuyết pháp giáo hóa, tất cả đều đồng như đức Thế Tôn. Do nhân duyên phát nguyện thưở xưa, nên hôm nay ta đến nơi đây diễn nói kinh Đại Niết Bàn.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta mới xuất gia chưa được Vô Thượng Bồ Đề, vua Tần Bà Ta La sai sứ đến thưa với ta rằng: Thái Tử Tất Đạt Đa nếu làm Thánh Vương thời tôi sẽ là hạng thần thuộc. Nếu Thái Tử xuất gia được Vô Thượng Bồ Đề, xin trước đến nơi thành Vương Xá để thuyết pháp độ người và thọ sự cúng dường của tôi: Lúc đó ta yên lặng nhận lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La.

Này Thiện nam tử ! Lúc ta mới được Vô Thượng Bồ Đề, bèn đi về hướng nước Kiệt Xà. Lúc đó nơi sông Y Liên Thiên có nhà Bà La Môn họ Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử ở bên sông cầu đạo Vô Thượng. Ta vì người này nên đến thuyết pháp. Ca Diếp nói: Thưa Cù Đàm ! Nay tôi đã già một trăm hai mươi tuổi, trong nước Ma Già Đà,

tất cả nhân dân cùng vua Tần Bà Ta La, đều cho rằng tôi đã chứng quả A La Hán. Nếu nay tôi ở trước Cù Đàm mà nghe pháp thời tất cả mọi người sẽ sanh lòng nghi ngờ. Trông mong Cù Đàm mau đi chỗ khác. Nếu mọi người biết rõ rằng công đức của Cù Đàm hơn tôi, thời chúng tôi sẽ mất sự cúng dường.

Lúc đó ta đáp rằng:

Này ông Ca Diếp. Nếu ông chẳng tôn trọng ta, chẳng thích ta ở đây, xin cho ta nghỉ nhờ một đêm sáng sớm sẽ đi.

Ca Diếp nói:

Thưa Cù Đàm, tôi không có lòng gì khác, thật ra tôi rất kính mến Cù Đàm. Ngặt vì chỗ ở của tôi có một con rồng độc tánh nó hung dữ, sợ rằng nó làm hại Cù Đàm.

Ta nói:

- Ông Ca Diếp ! Độc trong các thứ độc không gì hơn ba thứ độc, nay ta đã dứt, tất cả thứ độc trong đời ta đều chẳng sợ.

Ca Diếp lại nói:

- Nếu Cù Đàm không sợ thời xin mời đến ở.

Lúc đó ta cố ý vì Ca Diếp mà hiện mười tám môn thần biến. Ca Diếp cùng năm trăm đệ tử thấy thần thông nghe ta thuyết pháp đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó Ca Diếp lại có hai người em: Già Da Ca Diếp, Na Đề Ca Diếp. Hai người này có năm trăm đệ tử, nghe ta thuyết pháp cũng đều chứng quả A La Hán.

Lúc đó trong thành Vương Xá, hàng lục sư ngoại đạo nghe việc này, liền sanh lòng rất ác đối với ta. Lúc đó ta nhận lấy lời thỉnh của vua Tần Bà Ta La đi đến thành Vương Xá. Giữa đường gặp vua cùng trăm ngàn người đón rước. Ta vì đại chúng này thuyết pháp. Tám muôn sáu ngàn chư Thiên cõi dục phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Mười hai muôn người đi theo vua Tần Bà Ta La được quả Tu Đà Hoàn. Vô lượng chúng sanh thành tựu nhân tâm.

Sau khi ta vào thành, độ ông Xá Lợi Phát và Đại Mục Kiền Liên cùng hai trăm năm mươi đệ tử của hai người, đều khiến bỏ tâm ngoại đạo theo ta xuất gia. Ta liền ở nơi thành Vương Xá nhận lấy sự cúng dường của vua Tần Bà Ta La. Hàng lục sư ngoại đạo hợp nhau qua ở nơi thành Xá Vệ.

Trong thành Xá Vệ có một Trưởng giả tên Tu Đạt Đa,

nhân việc hỏi vợ cho con nên đến thành Vương Xá, ngụ ở nhà của Trưởng giả San Đàm Na. Giữa đêm Trưởng giả dạy bảo các quyền thuộc lo quét rửa trần thiết nhà cửa cùng sắm sửa những thức ăn uống.

Ông Tu Đạt Đa nghĩ rằng: Nhà này hoặc sắp sửa thỉnh vua, hay có lẽ gả cưới hội hè gì chăng ? Ông đem ý mình nghĩ mà hỏi Trưởng giả San Đàm Na. Được biết rằng sáng ngày sẽ thỉnh Phật cùng giáo hội chư Tăng đến phó trai.

Ông Tu Đạt Đa nghe đến danh hiệu Phật, cả mình rờn ốc, liền hỏi rằng thế nào gọi là Phật ? Trưởng giả đáp: Ông chẳng biết ư ! Thành Ca Tỳ Đàm có Thái Tử Thích Ca hiệu là Tất Đạt Đa, họ Cù Đàm, Phụ Vương là Bạch Tịnh. Lúc Thái Tử sanh ra, các nhà tướng sư bàn quyết định sẽ được làm Chuyển Luân Thánh Vương. Lớn lên Thái Tử bỏ sự giàu sang mà xuất gia, không thầy được giác ngộ chứng Vô Thượng Bồ Đề, hết tham, sân, si, thường trụ không biến đổi, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng còn lo sợ. Đối với chúng sanh, tâm Ngài bình đẳng thương đồng như cha mẹ thương con một. Dầu cao thượng hơn tất cả mà Ngài không kiêu mạn. Với người kính mến cũng như người ghét hại, lòng Ngài không

phân biệt. Trí huệ thông suốt đối với tất cả pháp không chướng ngại, đầy đủ mười trí lực, bốn vô sở úy, năm trí, đại từ, đại bi và tứ niệm xứ, do đầy đủ những công đức trên đây nên hiệu là Phật. Vì sáng ngày đức Phật sẽ đến nhà tôi thọ trai nên phải rộn ràng lo sắp đặt chẳng rời rảnh tiếp đãi nhau.

Tu Đạt Đa nói:

- Lành thay ! Thưa Trưởng giả ! Đức Phật thật là công đức Vô Thượng, hiện nay Phật ngự tại đâu ?

Trưởng giả đáp:

- Hiện nay Phật đang ở tại Trúc Lâm Tịnh xá nơi thành Vương Xá này.

Lúc đó ông Tu Đạt Đa nhất tâm nghĩ tưởng đến công đức của chư Phật. Bỗng nhiên có ánh sáng như ban ngày chiếu đến. Ông liền theo ánh sáng đi đến cửa thành, do thần lực của Phật nên cửa thành tự mở. Ra khỏi cửa thành bên đường có miếu thờ trời, ông Tu Đạt Đa vô miếu lễ cúng. Lúc đó trời tối lại như cũ, ông sanh lòng sợ sệt bèn muốn trở về nhà ngủ. Trên cửa thành có Thiên Thần bảo Tu Đạt Đa rằng: Nếu ông đến chỗ đức Như-Lai thời sẽ được nhiều lợi ích lành tốt.

Ông Tu Đạt Đa thưa với thiên thần thế nào là lợi ích lành tốt ?

Thiên Thần đáp:

- Này Trưởng giả ! Giả sử có người đem trăm xe châu báu vàng bạc cùng voi ngựa và mỹ nữ, nhà cửa chạm trổ tốt đẹp, mâm vàng đựng lúa bạc, mâm bạc đựng lúa vàng, mỗi thứ đều đủ số một trăm, đem tất cả những thứ trên đây bố thí cho một người, lần lượt bố thí khắp tất cả người trong Diêm Phù Đề. Công đức bố thí này chẳng bằng có người phát tâm bước một bước đến chỗ Như-Lai.

Tu Đạt Đa hỏi:

- Ngài là ai ?

Đáp rằng: Này Trưởng giả ! Tôi là Thắng Tướng Bà La Môn, bạn cũ của ông. Lúc còn sống, tôi thấy ngài Xá Lợi Phất và ngài Mục Kiền Liên sanh lòng hoan hỷ cung kính, do đó được sanh làm Thái Tử của Tỳ Sa Môn Thiên Vương, có bốn phận hộ trì thành Vương Xá này. Chỉ do cung kính ngài Xá Lợi Phất và ngài Đại Mục Kiền Liên mà tôi còn được thân trời tốt đẹp thế này, huống là được thấy đức Như-Lai để đánh lễ cúng dường !

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền thẳng đường đến chỗ Phật,

từ xa thấy Phật đi kinh hành thân chiếu sáng màu vàng, ông liền đến đánh lễ dưới chân Phật. Lúc đó đức Phật vì ông mà thuyết pháp. Sau khi nghe pháp, Trưởng giả Tu Đạt Đa chứng đặng quả Tu Đà Hoàn. Ông lại thỉnh Phật đến thành Xá Vệ để giáo hóa mọi người.

Đức Phật hỏi:

“Nước Xá Vệ của ông có Tinh Xá có thể dung nạp giáo hội của ta chăng?”

Tu Đạt Đa thưa:

“Nếu đức Phật xót thương hứa khả, tôi xin tận lực về nước lo xây dựng. Ông lại bạch cùng Phật từ nào tới giờ tôi chưa hiểu cách thức kiến trúc Tinh Xá. Mong đức Phật cử một vị đến Xá Vệ chỉ bày cách thức cho.

Đức Phật liền sai ngài Xá Lợi Phất theo Trưởng giả Tu Đạt Đa qua thành Xá Vệ.

Về đến Xá Vệ, Trưởng giả Tu Đạt Đa thỉnh ngài Xá Lợi Phất chọn khu đất xứng đáng để lập Tinh Xá. Ngài Xá Lợi Phất chọn được khu vườn của Kỳ Đà Thái Tử. Trưởng giả Tu Đạt Đa liền vào cung thưa với Thái Tử xin nhường khu vườn ấy để mình lập Tinh Xá thỉnh Phật về ở.

Thái Tử đáp rằng:

- Tôi không bán vườn, hoặc giả có đem vàng lót khắp mặt đất ta sẽ đổi cho.

Trưởng giả Tu Đạt Đa mừng rỡ thưa rằng:

“ Khu vườn ấy sẽ thuộc về tôi, Thái Tử sẽ lấy vàng”.

Thái Tử nói ta không bán vườn.

Trưởng giả Tu Đạt Đa thưa nếu Thái Tử không bằng lòng xin đến quan đoán sự để giải quyết.

Quan đoán sự phán rằng:

“ Cứ theo lời của Thái Tử và Trưởng giả giao ước nhau thì vườn thuộc về Trưởng giả, Thái Tử lấy vàng”.

Trưởng giả Tu Đạt Đa liền cho voi ngựa chở vàng đến lót, trong một ngày lót gần khắp cả vườn chỉ còn năm trăm bước.

Thái Tử nói:

“ Nếu Trưởng giả hối hận thì tùy ý trả vườn lại tôi”.

Trưởng giả thưa:

“ Tôi chẳng hối hận, tôi đang suy nghĩ coi kho vàng nào đủ lót khoảng đất còn lại.

Thái Tử nghĩ rằng:

“ Có lẽ đức Phật thật là đáng Pháp Vương Vô Thượng, nên khiến ông này không tiếc vàng như vậy. Thái Tử liền bảo Trưởng giả Tu Đạt Đa thôi đừng đem vàng lót nữa, tôi xin dâng hết đất vườn và tự xây dựng cửa ngõ lâu, để Như-Lai thường do nơi đó mà ra vào.

Sau đó Thái Tử Kỳ Đà xây dựng cửa ngõ lâu. Trưởng giả Tu Đạt Đa trong bảy ngày dựng xong ba trăm căn phòng lớn, sáu mươi ba tòa thiên, phòng tịch tịnh, cùng nhà mùa đông, nhà mùa hạ, nhà trù, nhà tắm, chỗ rửa chân, nhà đại tiểu tiện, tất cả cơ sở đều đầy đủ. Trưởng giả tay bung lư hương quỳ hướng về thành Vương Xá mà bạch rằng: Tịnh Xá xây dựng đã xong, ngưỡng mong đức Như-Lai xót thương vì chúng sanh mà nhận ở nơi Tịnh Xá này.

Lúc đó đức Phật ở thành Vương Xá rõ biết tâm niệm của Trưởng giả Tu Đạt Đa, liền cùng đại chúng rời thành Vương Xá đến nước Xá Vệ. Trưởng giả đem tất cả giường nhà đã xây dựng phụng thí nơi Phật. Phật nhận lấy rồi cùng chúng Tăng ở lại Tịnh xá Kỳ Hoàn.

Lúc đó hàng lục sư ngoại đạo sanh lòng tật đố, họp nhau đến ra mắt vua Ba Tư Nặc mà tâu rằng:

“ Tâu Đại Vương, đất nước của Đại Vương nhân tịnh bằng phẳng, thật đáng chỗ cho người xuất gia (ở) tu, nên chúng tôi mới đến cư ngụ. Đại Vương đem phép nước cai trị ngăn trừ sự tai hoạn cho nhân dân. Nay có Sa Môn Cù Đàm tuổi đã nhỏ. Học lực lại kém, đạo thuật không có gì, nay đến ở nơi thành Xá Vệ này, dùng ảo thuật phỉnh gạt nhân dân, nói rằng các pháp đều là vô thường, là khổ, là không, là vô ngã, là không tác giả, không thọ giả. Trong kinh của đạo chúng tôi có đoạn nói rằng qua khỏi ngàn năm có một người yêu thuật huyền hóa ra đời: Lời trên đây chính là ứng chỉ Sa Môn Cù Đàm vậy. Cúi mong Đại Vương cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực. Nếu Cù Đàm hơn chúng tôi, chúng tôi sẽ quy thuộc về Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm, thì họ phải quy thuộc về chúng tôi.

Vua bảo:

“ Nay các Đại Đức ! Các ông đều có phương pháp tu hành riêng, có chỗ ở riêng. Tôi biết chắc rằng đức Như-Lai không làm trở ngại các ông.

Sáu nhà ngoại đạo tâu rằng:

“ Tâu Đại vương ! Sa Môn Cù Đàm đối với chúng tôi có nhiều sự trở ngại, họ dùng ảo thuật gạt gẫm dụ dỗ

nhân dân, làm cho mọi người quy phục theo họ đã hết. Xin Đại vương theo lễ công bình cho phép chúng tôi cùng Sa Môn Cù Đàm so sánh đạo lực.

Vua nói:

“ Này các Đại Đức ! Bởi các ông chưa biết đạo lực thần thông cao cả của đức Như-Lai nên mới nài so sánh. Sợ rằng các ông chẳng bằng được.

- Tâu Đại Vương ! Nay có lễ Đại Vương đã mắc ảo thuật của Sa Môn Cù Đàm. Ngưỡng mong Đại Vương xét kỹ lại, chấp thuận lời yêu cầu của chúng tôi.

- Được lắm ! Được lắm ! Ta chấp thuận lời yêu cầu của các ông.

Sáu nhà ngoại đạo cùng đồ chúng vui mừng tạ ơn vua mà lui về.

Vua Ba Tư Nặc liền xa giá đến lễ Phật và bạch rằng: “ Thế Tôn ! Vừa rồi sáu nhà ngoại đạo yêu cầu tôi cho phép so đạo lực với đức Như-Lai, tôi mạn phép đã hứa với họ”.

Phật nói:

“ Lành thay ! Lành thay ! Này Đại Vương ! Chỉ có điều là nên ở trong nước này tạo lập thêm Tinh xá. Vì

nếu ta cùng họ so sánh đạo lực thần thông, thời trong chúng của họ tất sẽ có nhiều người quy phục theo ta, Tinh Xá Kỳ Hoàn này không đủ chỗ để dung nạp.

Lúc đó, đức Phật vì muốn điều phục sáu phái ngoại đạo, nên trong mười lăm ngày hiện đại thần thông. Vô lượng chúng sanh do đây mà phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vô lượng chúng sanh quy tín ngôi Tam Bảo. Đồ chúng của sáu nhà ngoại đạo, vô lượng người bỏ tâm tà kiến, xuất gia theo chánh pháp. Vô lượng chúng sanh được bất thối đạo Vô Thượng Bồ Đề. Vô lượng chúng sanh được Đà La Ni cùng chánh định. Vô lượng chúng sanh chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

Lúc đó sáu nhà ngoại đạo hổ thẹn dắt nhau qua thành Bà Chỉ Đa để truyền giáo.

Lúc đó, đức Phật lên cung trời Đao Lợi an cư nơi cây Ba Lợi Chát Đa, để vì mẹ và chư thiên mà thuyết pháp.

Sáu nhà ngoại đạo hay tin mừng lắm, chia nhau đi truyền rao rằng: Nay thật là hân hạnh, nhà ảo thuật Cù Đàm đã diệt mất. Họ khuyến dụ vô số người tin theo tà kiến.

Vua Tần Bà Ta La, vua Ba Tư Nặc và bốn bộ chúng

thưa ngài Đại Mục Kiền Liên rằng:

- Bạch Đại Đức ! Nay cõi Diêm Phù Đề này tà kiến thịnh hành, chúng sanh đi vào chỗ tối tăm, thật đáng thương xót. Ngưỡng mong Đại Đức lên cung trời đánh lễ Thế Tôn, thay lời chúng tôi bạch cùng đức Phật: Như con nghé mới sanh, nếu không nhờ sữa trâu mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi và mọi người cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như-Lai thương xót chúng sanh mà trở về.

Đại Mục Kiền Liên yên lặng hứa khả, như trong khoảng co duỗi cánh tay của đại lực sĩ, Ngài đã lên đến cung trời Đạo Lợi bạch Phật rằng:

“ Thế Tôn ! Tứ chúng trong cõi Diêm Phù Đề khao khát được thấy Phật và được nghe pháp của đức Như-Lai. Vua Tần Bà Ta La, vua Ba Tư Nặc và đại chúng đồng đánh lễ đức Như-Lai. Hiện nay chúng sanh trong cõi Diêm Phù Đề mê theo tà kiến, đi trong bóng tối tăm thật đáng thương xót, như con nghé mới sanh, nếu rời sữa mẹ chắc sẽ phải chết, chúng tôi cũng như vậy. Ngưỡng mong đức Như-Lai vì thương xót chúng sanh mà trở lại Diêm Phù Đề.

Phật bảo:

“ Ông mau trở về bảo các Quốc Vương và bốn bộ chúng rằng: Sau bảy ngày đức Phật sẽ trở xuống. Vì sáu nhà ngoại đạo, đức Phật sẽ đến nơi thành Bà Chỉ Đa.

Qua bảy ngày, đức Phật cùng Đệ Thích, Phạm Vương, với vô lượng chư thiên rời cung trời xuống đến thành Bà Chỉ Đa. Đức Phật tuyên rằng: Chỉ trong Phật pháp mới thật có Sa Môn và Bà La Môn. Tất cả các pháp là vô thường, vô ngã, Niết Bàn tịch tịnh rời những lỗi ác, nếu nói giáo pháp khác cũng có Sa Môn và Bà La Môn, có thường, có ngã, (có) Niết Bàn đó thời không bao giờ đúng.

Khi Phật tuyên những lời như trên, vô lượng vô biên chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Sáu nhà ngoại đạo bảo nhau rằng:

“ Nếu trong giáo pháp của chúng ta thật không có Sa Môn và Bà La Môn, tại sao lại được người đời cúng dường. Bây giờ sáu nhà ngoại đạo lại tựu hội đồ chúng đi đến thành Tỳ Xá Ly.

Một thời gian sau, đức Phật đến thành Tỳ Xá Ly ở trong rừng cây Am La.

Hay tin đức Phật ở trong rừng này, nàng Am La

muốn đến ra mắt đức Phật.

Lúc đó đức Phật bảo các Tỳ Kheo:

“ Các ông phải quán Tứ Niệm Xứ, khéo tu trí huệ, phải tinh tấn, chớ phóng dật”.

Thế nào gọi rằng quán Tứ niệm xứ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo quan sát trong thân mình chẳng thấy ngã, chẳng thấy ngã sở, quan sát ngoài thân và quan sát cả trong thân ngoài thân, đều chẳng thấy có ngã và ngã sở. Quan sát thọ, tâm và pháp cũng như vậy. Đây gọi là quan sát niệm xứ.

Thế nào gọi là tu tập trí huệ ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo chân thật thấy tứ đế lý: Khổ, tập, diệt, đạo, đây gọi (là) Thầy Tỳ Kheo tu tập trí huệ.

Thế nào gọi là tâm chẳng phóng dật ? Nếu có Thầy Tỳ Kheo niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm Giới, niệm Xả, niệm Thiên. Đây gọi là Thầy Tỳ Kheo tâm chẳng phóng dật.

Bảy giờ nàng Am La đến đánh lễ và đi nhiễu Phật ba vòng, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì nàng Am La mà giảng nói chánh pháp. Nàng Am La sau khi nghe pháp liền phát tâm Vô Thượng

Bồ Đề. Lúc đó trong thành Tỳ Xá Ly, có năm trăm Lê Xa Tử, đồng đến chỗ Phật đánh lễ đi nhiều, rồi ngồi qua một bên.

Đức Phật vì hàng Lê Xa Tử mà thuyết pháp rằng: Nay các Thiện Nam Tử ! Luận về người phóng dật có năm kết quả không tốt ; Một là chẳng được của cải tự tại, hai là tiếng xấu truyền xa, ba là chẳng thích bố thí cho người nghèo thiếu, bốn là chẳng thích thấy bốn bộ chúng, năm là chẳng đặng thân chư Thiên. Nay các Thiện Nam Tử ! Do nơi chẳng phóng dật có thể sanh ra pháp lành thế gian và xuất thế gian. Nếu có người muốn được Vô Thượng Bồ Đề nên phải siêng năng tu hạnh chẳng phóng dật.

Luận về người phóng dật lại còn có mười ba quả báo: Một là thích vì đời mà làm lụng, hai là thích nói những lời vô ích, ba là thường thích nằm lâu ngủ nhiều, bốn là thích nói việc đời, năm là thích gàn gũi bạn ác, sáu là thích biếng lười, bảy là thường bị người khác khinh dễ, tám là dầu có học hỏi liền quên mất, chín là thích ở nơi biên địa, mười là chẳng thể điều phục các căn, mười một là ăn chẳng biết đủ, mười hai là chẳng thích vắng vẻ, mười ba là chỗ thấy biết chẳng chân chánh.

Này các Thiện Nam Tử ! Luận về người phóng dật dầu được gần Phật và Thánh chúng, nhưng vẫn là cách xa.

Các Lê Xa Tử bạch rằng:

“ Chúng tôi tự biết mình là người phóng dật. Vì nếu chúng tôi chẳng phóng dật, đấng Như-Lai Pháp Vương sẽ ra đời trong cõi nước của chúng tôi.

Lúc đó trong đại hội có nhà Bà La Môn tên là Vô Thắng nói với các Lê Xa Tử rằng:

“ Phải lắm ! Đúng như lời các ông nói. Vua Tần Bà Ta La được lợi ích lớn, vì đức Như-Lai Thế Tôn xuất hiện trong cõi nước đó. Như trong ao lớn mọc lên hoa sen đẹp, hoa sen dầu mọc trong nước, nhưng nước chẳng vậy lắm được.

Đức Phật cũng như vậy, dầu xuất hiện trong nước kia mà chẳng bị pháp thế gian làm trở ngại.

Chư Phật không có xuất hiện, nhưng vì chúng sanh mà xuất hiện ra đời, chẳng bị pháp thế gian làm trệ ngại.

Các ông tự mê tham đắm nơi ngũ dục, chẳng biết gần gũi đấng Như-Lai để nghe pháp, do đó nên gọi là hạng người phóng dật. Chẳng phải đức Phật xuất hiện nơi

nước Ma Già Đà mà gọi các ông là người phóng dật. Vì đức Như-Lai như mặt trời, mặt trăng kia, chẳng phải vì một người hai người mà xuất hiện ra đời.

Năm trăm Lê Xa Tử nghe ông Đức Vô Thắng Bà La Môn nói những lời như trên, liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Đồng tiếng tán thán rằng:

Lành thay ! Lành thay ! Vô Thắng đồng tử nói những lời rất lành, rất hay như vậy. Các Lê Xa Tử mỗi người cõi y đang đắp trên thân đem cúng thí cho Vô Thắng.

Vô Thắng nhận lấy đem dâng lên Phật, bạch rằng: “ Thế Tôn ! Những y này tôi nhận lấy của hàng Lê Xa Tử, xin dâng lên đức Thế Tôn. Ngưỡng mong đức Thế Tôn vì thương xót chúng sanh mà nạp thọ.

Đức Phật mở lòng từ bi liền lãnh lấy những y ấy.

Các Lê Xa Tử đồng chấp tay bạch rằng: Ngưỡng mong đức Như-Lai an cư nơi nước này một mùa và nhận sự cúng dường của chúng tôi. Đức Phật yên lặng nhận lời thỉnh cầu của Lê Xa Tử.

Lúc đó, sáu nhà ngoại đạo nghe được việc này, thầy trò kéo nhau đi qua thành Ba La Nại.

Đức Phật lại đi qua thành Ba La Nại ở bên bờ sông

Ba La.

Nơi thành Ba La Nại có vị Trưởng giả tên là Bửu Xung, ông này say mê ngũ dục chẳng biết lý vô thường. Do Phật đến ở, Trưởng giả Bửu Xung tự nhiên chứng được bạch cốt quán: Tự thấy nhà cửa, điện đường, vợ con, quyến thuộc, tôi tớ, đều toàn là những bộ xương trắng, lòng ông kinh sợ như sợ dao, rắn độc, giặc cướp, lửa. Ông liền ra khỏi nhà, thẳng đến chỗ Phật. Dọc đường, luôn miệng kêu rằng: Sa Môn Cù Đàm ! Nay tôi như là bị giặc rượt đuổi, lòng tôi quá kinh sợ, xin mau cứu tôi !

Phật bảo Trưởng giả:

“Này Thiện Nam Tử ! Phật pháp và chúng Tăng vẫn an ổn, không sợ lo sợ”.

Trưởng giả bạch rằng:

“Nếu trong Tam Bảo không sợ kinh sợ, nay tôi cũng sẽ được không kinh sợ”.

Đức Phật liền cho Trưởng giả xuất gia tu hành.

Trưởng giả này lại có năm mươi người bạn thân, nghe tin Trưởng giả Bửu Xung nhằm chán dục lạc trong đời mà xuất gia, liền cùng nhau đồng xuất gia.

Sáu nhà ngoại đạo nghe việc này, liền dấy đồ chúng

đi qua thành Chiêm Bà.

Lúc đó tất cả nhân dân trong nước Chiêm Bà đều cùng nhau phụng sự sáu nhà ngoại đạo, họ chưa từng nghe danh hiệu của Phật, Pháp, Tăng, phần đông gây tạo những nghiệp rất ác.

Đức Phật vì chúng sanh nên lại đi qua thành Chiêm Bà.

Trong thành này có vị đại Trưởng giả không con nối giòng, bèn phụng thờ sáu nhà ngoại đạo để cầu con. Thời gian sau vợ Trưởng giả có thai. Trưởng giả vui mừng đến thưa với sáu nhà ngoại đạo: Vợ tôi có thai là nam hay nữ ?

Sáu nhà ngoại đạo đáp rằng:

“ Chắc chắn sẽ sanh con gái”.

Trưởng giả nghe lời này sanh lòng sầu não. Thân hữu hỏi Trưởng giả:

“ Cớ sao ông quá sầu não như vậy ?”

Trưởng giả đáp: Vợ tôi có thai chưa biết là nam hay nữ nên tôi đến hỏi lục sư, các Ngài bảo chắc chắn là con gái. Tôi tự nghĩ tuổi đã già, sự nghiệp to lớn, tài sản vô lượng. Nếu không phải con trai thì không người giao phó. Do đây nên tôi sầu não.

Thân hữu nói rằng:

“ Ông không có trí huệ, ngày trước ông cũng đã nghe rằng anh em Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp là đệ tử của ai ? Đệ tử của Phật hay đệ tử của lục sư ? Nếu lục sư là bậc nhất thiết trí, sao ba anh em Ca Diếp bỏ họ mà làm đệ tử của Phật ? Lại Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, các vị Quốc Vương như Tần Bà Ta La, các vị phu nhân như bà Mạt Lợi, các vị đại Trưởng giả như ông Tu Đạt Đa, những người ấy chẳng phải là đệ tử của Phật ư ?

Khoáng Dã quý thần, vua A Xà Thế, Voi say, Ươn Quật Ma La ác tâm muốn hại mẹ, những người này há chẳng phải nhờ đức Phật điều phục ư ?

Đức Như-Lai Thế Tôn biết rõ tất cả Pháp không bị chướng ngại nên hiệu là Phật. Lời nói ra duy nhất, không dòi dôi, nên hiệu là Như-Lai. Dứt hết phiền não nên gọi là A La Hán. Đức Thế Tôn phàm có nói ra trọn không sai. Lục sư chẳng phải như vậy, đâu đáng tin được.

Nay đức Như-Lai đang ở nước này gần nơi đây, nếu ông muốn biết sự thật thời nên đến Phật.

Lúc đó Trưởng giả cùng thân hữu đến chỗ Phật đánh lễ đi nhiễu ba vòng, rồi quỳ chấp tay bạch rằng:

“Đức Thế Tôn đối với chúng sanh bình đẳng không oán không thân. Tôi còn bị tham ái ràng buộc, nay muốn hỏi đức Thế Tôn một việc, nhưng tự mình hổ thẹn chưa dám nói ra.

Bạch Thế Tôn ! Vợ tôi có thai, lục sư bảo rằng chắc chắn là con gái. Xin đức Phật phán việc ấy thế nào ?”

Phật nói:

“Này Trưởng giả, vợ ông có thai quyết định là trai, đứa trẻ này sau khi sanh ra thời phước đức không ai bằng”.

Trưởng giả nghe lời Phật dạy vui mừng làm lễ tạ đức Phật mà trở về nhà.

Sáu nhà ngoại đạo nghe Phật huyền ký vợ ông Trưởng giả quyết định sẽ sanh con trai có phước đức lớn, lòng họ ganh ghét, họ liền lấy trái Am La tẩm thuốc độc, rồi mang đến nhà biếu Trưởng giả mà nói rằng:

Tốt thay ! Ông Cù Đàm bàn điều ấy rất hay. Gần ngày sanh vợ ông nên uống thuốc này sẽ bảo đảm cho mẹ cùng con lúc sanh sản không bệnh hoạn.

Trưởng giả mừng lắm nhận lấy thuốc của lục sư cho vợ uống. Uống xong vợ Trưởng giả trúng độc mà chết.

Lục sư vui mừng chia nhau đi khắp trong thành truyền rao rằng:

Sa Môn Cù Đàm tự khoe là nhất thiết trí, nói vợ Trưởng giả sẽ sanh con trai phước (*đức*) không ai sánh bằng, nay con chưa sanh mà mẹ đã chết.

Trưởng giả lại đối với Phật mất cả lòng tin. Ông liền theo nghi lễ thế gian tẩm liệm thân vợ, rồi đưa ra ngoài thành chôn cất để thiêu.

Do đạo nhân thấy rõ việc này, đức Phật bảo A Nan đem y đến cho Phật đắp và bảo rằng:

Ta muốn đến chỗ hỏa táng để trừ dứt tà kiến cho chúng sanh.

Lúc đó Tỳ Sa Môn Thiên Vương bảo Thiên tướng là Na Ni Bạt Đà rằng: Nay đức Như-Lai muốn đến khu gò mả, khanh phải mau đến đó sửa sang quét tước trái tòa sư tử, rải những hoa đẹp hương thơm, trần thiết trang nghiêm chỗ ấy.

Lục sư thấy Phật đàng xa đi đến họ bảo nhau rằng: Sa Môn Cù Đàm đến trong gò mả này hoặc giả muốn ăn thịt ư !

Lúc bấy giờ nơi ấy có nhóm Ưu Bà Tắc chưa chứng

được pháp nhãn, nghe lời nói của lục sư thời đều hổ thẹn cùng nhau đến Phật bạch rằng: Vợ của Trưởng giả đã chết, xin Thế Tôn chớ đến đó.

A Nan liền nói với các vị Ưu Bà Tắc:

“ Các ông chờ giây lát, đức Như-Lai sẽ hiển bày cảnh giới của chư Phật.

Phật đến gò mả lên ngôi tòa Sư Tử.

Trưởng giả đến trước Phật trách rằng:

“ Bậc nhất thiết trí lời nói ra đúng sự thật không sai mới đáng gọi là Thế Tôn. Nay mẹ thời đã chết làm sao sanh được con trai phước đức ?”

Phật bảo Trưởng giả:

“Hôm trước ông chẳng hỏi tôi về sự chết sống của bà mẹ. Chỉ hỏi có thai là trai hay gái.

Chư Phật Như-Lai phàm lời nói ra đúng thật không sai, do đây nên phải biết rằng ông quyết định sẽ được con trai phước đức.

Lúc đó lửa thiêu tử thi bụng nứt ra, có đứa trẻ trai từ trong bụng lọt ra ngồi ngay thẳng trong lửa như chim Oan Ương đậu trên gương sen.

Lục sư ngó thấy lại to tiếng la lên rằng:

“ Sa Môn Cù Đàm là yêu quái khéo làm ảo thuật”.

Trưởng giả vui mừng quở trách lục sư: Nếu cho là ảo thuật tại sao các ông chẳng làm. Phật liền bảo Kỳ Bà: “Ông vào trong lửa bông đưa trẻ lại đây”.

Kỳ Bà đi đến gần đồng lửa, lục sư lật đật đi đến kéo lại nói rằng:

“ Sa Môn Cù Đàm làm ảo thuật chưa ắt là luôn được hoàn toàn, nếu ông vào trong lửa e không khỏi bị hại. Sao ông lại quá tin lời của Cù Đàm”.

Kỳ Bà đáp rằng:

“ Giả sử đức Như-Lai ra vào địa ngục A Tỳ, lửa dữ trong địa ngục còn không đốt cháy được huống là lửa trong thế gian.

Lúc đó Kỳ Bà đi thẳng vào trong đồng lửa như vào trong nước mát mẻ, bông đưa trẻ trở ra đến chỗ Phật, hai tay trao đưa trẻ cho Phật.

Đức Phật tiếp lấy đưa trẻ mà bảo Trưởng giả rằng: “ Tất cả chúng sanh thọ mạng chẳng quyết định như bóng nước nổi trên mặt nước. Nếu chúng sanh không có nghiệp quả sâu nặng thì lửa chẳng cháy được, độc

chẳng hại được. Phước đức của trẻ này chẳng phải là ta làm ra”.

Trưởng giả bạch rằng:

“ Lành thay ! Bạch Thế Tôn ! Ngưỡng mong đức Như-Lai đặt tên cho nó”. Đức Phật nói: Này Trưởng giả ! Trẻ này sanh ở trong đồng lửa lớn, lửa gọi là thọ đề, nên đặt tên cho nó là Thọ Đề”.

Lúc đó quần chúng hiện diện nghe và thấy việc này vô lượng người phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Sau đó sáu nhà ngoại đạo kéo nhau đi khắp cả sáu nước lớn không chỗ nào ở yên được, họ lại đến nơi thành Câu Thi Na, họ chia nhau đi truyền rao rằng: Mọi người nên biết rằng Sa Môn Cù Đàm là nhà đại ảo thuật, phỉnh gạt trong thiên hạ khắp hết sáu nước lớn. Như nhà ảo thuật hóa làm bốn đạo binh chiến xa, chiến mã, voi trận, bộ binh. Lại biến hóa làm các thứ châu báu, cung điện, thành trì, sông ngòi, cây cối. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, huyền hóa làm ra thân vua để thuyết pháp, hoặc biến làm Sa Môn, Bà La Môn, biến làm thân nam, người nữ, thân nhỏ, thân lớn, hoặc biến làm thân súc sanh quý thần, hoặc nói vô thường, hoặc nói thường trụ, có lúc nói là khổ, có lúc nói là vui, hoặc nói có ngã, hoặc nói không

ngã, có tịnh, không tịnh, lúc thời nói có lúc lại nói không, đó là những lời hư vọng nên gọi là ảo thuật.

Như nhân hột giống mà có trái, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy, do bà Ma Da sanh ra, mẹ đã là huyền ảo thời con không thể chẳng phải là huyền ảo. Sa Môn Cù Đàm không có tri kiến chân thật. Các vị Bà La Môn trải qua nhiều năm tu tập khổ hạnh giữ gìn cấm giới còn tự nói rằng chưa có tri kiến chân thật. Huống là Cù Đàm tuổi còn trẻ, học lực cạn cợt, chẳng tu khổ hạnh, làm sao có được tri kiến chân thật, nếu có thể khổ hạnh đủ bảy năm còn chẳng phải là nhiều, huống là Cù Đàm tu tập khổ hạnh chẳng đầy sáu năm. Có người ngu vô trí mới tin học theo giáo pháp của Cù Đàm. Như nhà huyền thuật phỉnh gạt người ngu, Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy. Sáu nhà ngoại đạo ở trong thành Câu Thi Na này làm cho chúng sanh thêm nhiều tà kiến.

Phật bảo Sư Tử Hồng Bồ Tát:

“ Ta thấy việc như vậy sanh lòng xót thương, nên dùng thần lực triệu thỉnh các vị Bồ Tát ở mười phương vân tập trong rừng này chật cả bốn mươi do diên. Nay ở nơi đây ta hiện đại Sư Tử Hồng.

Ở nơi chỗ trống trải vắng vẻ dầu có thuyết pháp nhiều

cũng chẳng được gọi là Sư Tử Hồng. Ở trong đại chúng toàn bậc trí huệ như đây mà thuyết pháp mới được gọi là chân thật đại Sư Tử Hồng.

Sư Tử Hồng là thuyết minh tất cả pháp đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Chỉ nói Như-Lai là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lục sư lại nói rằng: Nếu Cù Đàm có ngã ta cũng có ngã. Chỗ nói là ngã đó: Cái thấy gọi là ngã.

Này Cù Đàm ! Ví như có người hương trong đây thấy đồ vật, ngã cũng như vậy. Hương là dụ cho con mắt, người thấy dụ cho ngã.

Phật bảo lục sư:

“ Nếu nói cái thấy gọi là ngã, thì không đúng nghĩa. Vì điều dụ của các ông vừa dẫn ra nhân hương mà thấy, người ở một hương, sáu căn đều có tác dụng. Nếu quyết định có ngã nhân nơi con mắt mà thấy, sao lại chẳng như trong một nhãn căn kia đều nhận biết các trần cảnh ? Nếu trong một căn chẳng thể đồng thời nghe cả sáu trần, phải biết rằng đó là không có ngã. Điều dụ hương thấy vật, dầu trải qua trăm năm, người thấy nhân nơi đó chỗ thấy vẫn không khác. Nhãn căn nếu như vậy, đến lúc tuổi già

mắt kém lẽ ra không khác. Người cùng hướng khác nhau, thấy trong thấy ngoài, nhãn căn nếu như vậy lẽ ra cũng trong ngoài đồng một thời đều thấy. Nếu là chẳng thấy, sao lại có ngã.

Lục sư lại nói rằng:

“ Này Cù Đàm ! Nếu không có ngã, thời ai có thể thấy ?”

Phật nói:

“ Có sắc, có ánh sáng, có tâm, có nhãn căn, bốn duyên này hòa hiệp nên gọi là có thấy. Trong đây thật không có người thấy người thọ. Vì điên đảo nên chúng sanh cho là có người thấy có kẻ thọ. Do nghĩa này nên tất cả chúng sanh chỗ thấy biết đều điên đảo, chỗ thấy biết của chư Phật và Bồ Tát là chân thật.

- Này Lục sư ! Nếu nói rằng sắc là ngã thời cũng chẳng phải. Vì sắc thật cũng chẳng phải là ngã. Sắc nếu là ngã lẽ ra chẳng nên có hình dạng xấu xa. Có sao lại có bốn tánh sai khác, chẳng đồng một dòng Bà La Môn ư ? Sao lại có kẻ nô lệ chẳng tự do ? Có người tàn tật, lúc sanh ra căn thân chẳng đầy đủ ? Có sao chẳng làm thân chư thiên, mà lại thọ thân địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ ?

Nếu chẳng có thể tùy ý để làm ra thân, nên biết rằng quyết định là không có ngã. Do vì không ngã nên gọi là vô thường. Vì vô thường nên phải khổ. Vì khổ nên là rỗng không. Vì rỗng không nên điên đảo. Vì điên đảo nên tất cả chúng sanh lưu chuyển trong vòng sanh tử.

Như sắc, thọ, tưởng, hành và thức cũng vậy.

Này Lục sư, Đức Như-Lai Thế Tôn dứt hẳn sự ràng buộc của sắc, cũng như dứt hẳn sự ràng buộc của thức v.v... vì thế nên Như-Lai gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

Lại sắc chính là nhân duyên. Nếu đã là nhân duyên thời gọi là vô ngã. Nếu là vô ngã thời gọi là khổ không.

Thân của Như-Lai chẳng phải nhân duyên. Vì chẳng phải nhân duyên nên gọi là có ngã. Nếu có ngã thời chính là thường, lạc, ngã, tịnh”.

Lục sư lại nói:

“ Này Cù Đàm ! Sắc chẳng phải ngã nhân đến thức cũng chẳng phải ngã, thế thì ngã khắp tất cả chỗ như hư không”.

Phật nói:

“ Nếu khắp mọi chỗ đều có ngã, thời lẽ ra chẳng nên nói rằng: Trước kia tôi chẳng thấy. Nếu trước kia chẳng

thấy, thời biết rằng sự thấy này trước không nay có, nên gọi là vô thường. Nếu gọi là vô thường sao lại nói là khắp được.

Nếu ngã là khắp tất cả chỗ đều có, lẽ ra phải có đủ tất cả thân trong năm loài. Nếu có đủ thân, thời lẽ ra đều thọ báo. Nếu đã đều thọ báo, sao lại nói rằng trở lại thọ thân người thân trời ...?

Các ông nói ngã là khắp đó, thời ngã là một hay là nhiều ?

Ngã nếu là một thời lẽ ra không có cha con, kẻ thù người thân. Ngã nếu là nhiều, căn thân của tất cả chúng sanh lẽ ra đều đồng như nhau, bao nhiêu những việc làm và trí huệ lẽ ra cũng đồng như vậy, nếu đồng như nhau, sao lại nói rằng có người thân căn đầy đủ, có người thiếu kém tàn tật, nghiệp lành nghiệp ác, kẻ ngu, người trí khác nhau ?”

- Nay Cù Đàm ! Ngã của chúng sanh không có ngăn mé, pháp cùng phi pháp thời có chùng ngăn. Chúng sanh thật hành đúng pháp thời được thân tốt đẹp. Nếu chúng sanh thật hành phi pháp thời mang thân xấu xa. Do nghĩa này nên nghiệp quả của chúng sanh chẳng được không sai khác.

- Này Lục sư ! Nếu pháp cùng phi pháp là như vậy thời ngã chẳng cùng khắp. Nếu ngã là cùng khắp thời lẽ ra đều đến tất cả. Nếu ngã đều đến tất cả thời người thật hành pháp lành lẽ ra cũng có ác, người thật hành điều ác lẽ ra cũng có lành. Nếu không như vậy sao lại nói rằng ngã là cùng khắp.

- Này Cù Đàm ! Như trong một nhà thấp trăm ngàn ngọn đèn, mỗi ngọn đèn tự chiếu sáng chẳng trở ngại nhau. Ngã của chúng sanh cũng như vậy, thật hành điều lành điều ác chẳng xen lộn nhau.

- Này Lục sư ! Nếu các ông nói rằng ngã như ngọn đèn thời không đúng nghĩa. Vì ánh sáng ngọn đèn kia theo duyên mà có, ngọn đèn thêm lớn thời ánh sáng cũng thêm nhiều. Ngã của chúng sanh chẳng phải như vậy. Ánh sáng từ ngọn đèn chiếu ra, chỗ của ánh sáng khác chỗ với ngọn đèn. Ngã của chúng sanh chẳng được từ nơi thân mà ra ở nơi chỗ khác. Ánh sáng của ngọn đèn kia ở chung chỗ với bóng tối, vì như trong căn nhà tối, lúc thấp một ngọn đèn chiếu chẳng sáng tỏ, thấp nhiều ngọn đèn thời được tỏ sáng. Nếu ngọn đèn ban đầu phá hết bóng tối thời lẽ ra chẳng cần đến ngọn đèn sau. Nếu cần phải nhờ ngọn đèn sau mới hết bóng tối, thời nên biết

rằng ánh sáng của ngọn đèn ban đầu cùng ở chung chỗ với bóng tối.

- Nay Cù Đàm ! Nếu là không có ngã thời ai làm lành làm ác ?

- Nếu là ngã tạo tác thời sao lại gọi là thường ? Nếu ngã là thường, tại sao có lúc làm lành, có lúc lại làm ác ? Nếu cho rằng có lúc làm lành, có lúc làm ác, tại sao lại nói rằng ngã không ngăn mé. Nếu là ngã tạo tác, có chi lại tập làm điều ác. Nếu như ngã là tác giả, là tri giả, có chi lại sanh nghi rằng chúng sanh không có ngã.

Do nghĩa trên đây nên biết rằng trong pháp của ngoại đạo quyết định không có ngã. Nếu nói là ngã, thời nên biết rằng chính là đức Như-Lai, vì thân Như-Lai không ngăn mé, không ngờ vực, chẳng làm chẳng thọ, nên gọi là thường trụ. Như-Lai bất sanh bất diệt nên gọi là lạc, vì Như-Lai không có phiền não nên gọi là tịnh, không có mười tướng nên gọi là không. Do đây nên Như-Lai là thường, lạc, ngã, tịnh, rỗng rang không có các tướng.

Các nhà ngoại đạo nói rằng:

“ Nếu nói Như-Lai là thường, lạc, ngã, tịnh vì không có tướng nên là không, phải biết rằng giáo pháp của Cù

Đàm nói ra thời chẳng phải là không vậy. Vì thế nên nay chúng ta phải cung kính thọ trì.

Lúc đó trong hàng ngoại đạo có vô lượng người sanh lòng kính tin xuất gia theo Phật pháp.

Phật bảo Sư Tử Hồng Bồ Tát:

“ Này Thiện Nam Tử ! Do nhân duyên nên ta ở nơi rừng Ta La Song Thọ này hiển bày Đại Sư Tử Hồng. Sư Tử Hồng gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Cặp cây bên hướng Đông tiêu biểu rằng phá vô thường mà được thường trụ. Cặp cây bên hướng Nam tiêu biểu rằng phá khổ mà được lạc. Cặp cây bên hướng Tây tiêu biểu rằng phá vô ngã mà được chân ngã. Cặp cây bên hướng Bắc tiêu biểu rằng phá bất tịnh mà được chân tịnh.

Này Thiện Nam Tử ! Chúng sanh trong đây vì bốn cặp cây Song Thọ nên bảo hộ rừng Ta La, chẳng cho người ngoài đến bẻ nhánh hái lá đốt chặt phá hoại. Ta cũng như vậy, vì bốn pháp thường, lạc, ngã, tịnh, nên khiến hàng đệ tử hộ trì Phật pháp.

Bốn cặp Song Thọ này bốn Đại Vương quản trị săn sóc. Ta vì bốn Đại Vương hộ trì chánh pháp của ta, nên

ta ở trong đây mà nhập Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Bốn cặp cây Ta La này bông trái thường sum sê, thường có thể lợi ích cho vô lượng chúng sanh. Ta cũng như vậy, thường có thể lợi ích cho vô lượng Thanh Văn, Duyên Giác. Bông dụ cho ngã, trái dụ cho lạc. Do nghĩa này nên ta ở trong rừng cây Ta La Song Thọ nhập đại tịch diệt. Đại tịch diệt đây gọi là Đại Niết Bàn.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Có gì Đức Như-Lai nhập Niết Bàn trong tháng hai ?”

- Này Thiện Nam Tử ! Tháng hai gọi là mùa xuân, tháng mùa xuân muôn vật đều sanh trưởng, gieo trồng cây cối, bông trái tươi tắn xinh đẹp, sông rạch đầy nước, trăm thú sanh sản, do đây nên chúng sanh phần nhiều có quan niệm là thường là vui.

Vì phá quan niệm cho là thường như vậy, nên ta nói tất cả pháp đều là vô thường, chỉ nói đức Như-Lai là thường trụ chẳng biến đổi.

Này Thiện Nam Tử ! Ở trong ba mùa sáu tiết, mạnh đông cây cối khô héo, mọi người chẳng ưa thích. Mạnh

xuân hòa ẩm mọi người tham ưa. Vì phá sự tham ưa thế gian của chúng sanh nên ta diễn nói thường, lạc, ngã, tịnh. Đức Như-Lai vì phá thế ngã, thế tịnh, nên nói Như-Lai là chân thật ngã tịnh.

Nói tháng hai là dụ cho hai thứ pháp thân của Như-Lai.

Mùa đông chẳng ưa thích, là người trí chẳng thích Như-Lai vô thường nhập Niết Bàn. Tháng hai mùa xuân vui thích, là dụ cho người trí ưa thích Như-Lai: Thường, lạc, ngã, tịnh. Gieo trồng dụ cho chúng sanh nghe pháp vui mừng phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vun trồng các căn lành. Sông rạch là dụ cho các Đại Bồ Tát ở mười phương đến chỗ ta nghe học kinh Đại Niết Bàn.

Trăm thú sanh sản là dụ cho hàng đệ tử của ta sanh các căn lành.

Bông là dụ cho bảy giác chi. Trái là dụ cho bốn đạo quả.

Do những nghĩa này, nên ta nhập Niết Bàn trong tháng hai.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Đức Như-Lai lúc sơ sanh, xuất gia, thành

đạo chuyên pháp luân đều ở vào ngày mùng tám, có chi riêng nhập Niết Bàn ở đêm rằm ?”.

Phật bảo:

“ Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện Nam Tử ! Như mặt trăng rằm tròn đầy không khuyết, chư Phật Như-Lai cũng như vậy, nhập Đại Niết Bàn không có kém khuyết. Vì thế nên Như-Lai nhập Đại Niết Bàn vào đêm rằm.

Này Thiện Nam Tử ! Như đêm rằm, lúc mặt trăng tròn có mười một điều: Một là phá tối tăm ; hai là khiến chúng sanh thấy rõ đường sá, ba là khiến chúng sanh thấy đường ngay đường cong ; bốn là trừ nóng nực được mát mẻ ; năm là phá lòng cao ngạo của lửa đom đóm ; sáu là dứt tất cả tướng niệm trộm cướp ; bảy là trừ lòng sợ ác thú của chúng sanh ; tám là có thể làm cho hoa sen xanh nở ; chín là làm cho hoa sen búp lại ; mười là dẫn phát lòng tiến lên của kẻ đi đường ; mười một là làm cho chúng sanh thích ngũ dục được nhiều khoái lạc.

Như-Lai cũng như vậy: Một là phá hoại vô minh ; hai là diễn thuyết chánh pháp, tà pháp ; ba là chỉ bày sanh tử là tà hiểm, Niết bàn là bằng thẳng ; bốn là làm cho người xa lìa phiền não tham, sân, si ; năm là phá hoại ánh sáng của ngoại đạo ; sáu là phá hoại giặc kiết sử ; bảy là trừ

tâm lo sợ ngũ cái ; tám là làm nẩy nở lòng vun trồng căn lành của chúng sanh ; chín là che trùm tâm ngũ dục của chúng sanh ; mười là phát khởi hạnh tiến tu công hạnh Đại Niết Bàn cho chúng sanh ; mười một là làm cho chúng sanh thích tu hạnh giải thoát.

Do đây nên ta nhập Đại Niết Bàn vào ngày rằm. Dầu vậy, nhưng thật ra ta chẳng có nhập Đại Niết Bàn. Trong hàng đệ tử của ta, những kẻ ngu si, kẻ ác cho rằng Như-Lai quyết định nhập Niết Bàn.

Như bà mẹ kia có đông con. Một hôm bà mẹ bỏ đi đến nước khác, trong thời gian chưa trở về, các con đều nói rằng mẹ đã chết mất, nhưng thật ra bà mẹ này không chết.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Hạng Tỳ Kheo nào có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ này ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, văn nghĩa đúng, thông đạt thâm nghĩa, giải thuyết cho mọi người, chỗ thuyết pháp trước sau giữa đều lành hay, vì muốn lợi ích cho vô lượng chúng sanh mà diễn thuyết phạm hạnh. Tỳ Kheo này có

thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Như chỗ tôi hiểu nghĩa của Đức Phật vừa dạy, thời Tỳ Kheo A Nan chính là người trang nghiêm vậy. Vì A Nan thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, vì đại chúng mà khai thị diễn thuyết, lời cùng nghĩa đều chân chánh.

Như đem nước rót vào bình, A Nan cũng như vậy, đúng như chỗ đã nghe nơi đức Phật đem diễn thuyết lại cho mọi người.

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo đặng thiên nhãn thanh tịnh, thấy đại thiên thế giới ở mười phương như thấy trái am ma lạc trong bàn tay, Tỳ Kheo này cũng có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo A Nâu Lô Đà chính là người trang nghiêm, vì A Nâu Lô Đà có thiên nhãn thấy rõ đại thiên thế giới, tất cả những loài những vật cho đến thân trung âm đều thấy rõ ràng không chướng ngại.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo thiếu dục tri túc, tâm thích tịch tịnh, siêng tu tinh tấn chánh niệm, chánh định, chánh huệ, giải thoát, Tỳ Kheo này có thể

trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Ca Diếp chính là người trang nghiêm, vì Đại Ca Diếp khéo tu những công hạnh thiếu dục tri túc v.v...

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu Tỳ Kheo vì lợi ích chúng sanh chẳng vì lợi dưỡng mà tu tập thông đạt vô tránh tam muội, Thánh hạnh, không hạnh, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Tu Bồ Đề chính là người trang nghiêm. Vì Tu Bồ Đề khéo tu tập hạnh vô tránh, Thánh hạnh, không hạnh.

Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo khéo tu tập thần thông, trong khoảng một niệm có thể hiện các thứ thần thông biến hóa, một tâm một định có thể hiện làm hai thứ là nước với lửa, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Đại Mục Kiền Liên chính là người trang nghiêm. Vì Đại Mục Kiền Liên khéo tu thần thông biến hóa vô lượng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo tu tập đại trí, lợi trí, tập trí, giải thoát trí, thậm thâm trí, quảng trí, vô

biên trí, vô thắng trí, thật trí, thành tựu đầy đủ trí huệ như vậy, tâm bình đẳng đối với người thân kẻ thù nghe đức Phật Như-Lai nhập Niết Bàn chẳng lo buồn, nếu nghe Như-Lai thường trụ chẳng nhập Niết Bàn cũng chẳng mừng rỡ, Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời Tỳ Kheo Xá Lợi Phất chính là người trang nghiêm. Vì Xá Lợi Phất khéo thành tựu đầy đủ đại trí huệ như vậy.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo có thể nói chúng sanh đều có Phật tánh, được thân Kim Cang không có ngăn mé, thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại được tám môn tự tại. Tỳ Kheo này thời có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chỉ có đức Như-Lai mới là người trang nghiêm. Vì thân Như-Lai là thân Kim Cang không ngăn mé, là thường, lạc, ngã, tịnh, thân tâm vô ngại đủ tám môn tự tại.

Bạch Thế Tôn ! Chỉ có đức Như-Lai mới có thể trang nghiêm rừng Ta La Song Thọ, nếu không đức Như-Lai thời chẳng trang nghiêm. Ngưỡng mong đáng Đại Từ Đại Bi vì trang nghiêm mà thường ở trong rừng Ta La

này.

- Nay Thiện Nam Tử ! Tất cả các pháp tánh vốn trụ nơi vô trụ, sao ông lại cầu mong đức Như-Lai trụ.

Nay Thiện Nam Tử ! Phàm nói rằng trụ đó thời gọi là sắc pháp từ nơi nhân duyên mà sanh, nên gọi là trụ. Nhân duyên không nơi chốn nên gọi là vô trụ.

Đức Như-Lai đã dứt tất cả sự ràng buộc của sắc, sao lại nói rằng Như-Lai trụ ? Như sắc pháp, thọ, tưởng, hành, thức cũng vậy.

Nay Thiện Nam Tử ! Trụ gọi là kiêu mạn, vì kiêu mạn nên chẳng được giải thoát, vì chẳng được giải thoát nên gọi là trụ. Ai có kiêu mạn ? Từ chỗ nào mà đến ? Do đây nên được gọi là trụ nơi vô trụ.

Đức Như-Lai đã dứt tất cả kiêu mạn, sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như-Lai trụ ?

Trụ đó gọi là Pháp hữu vi, đức Như-Lai đã dứt Pháp hữu vi, nên là chẳng trụ.

Trụ đó gọi là Pháp không, Đức Như-Lai đã dứt Pháp không như vậy nên được thường, lạc, ngã, tịnh. Tại sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như-Lai trụ ?

Trụ đó gọi là hai mươi lăm cõi. Đức Như-Lai đã dứt

hai mươi lăm cỡi. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như-Lai trụ ?

Trụ đó chính là tất cả phàm phu. Các bậc Thánh nhân thời không khứ, không lai, không trụ. Đức Như-Lai đã dứt những tướng khứ, lai, trụ. Sao lại nói rằng ngưỡng mong đức Như-Lai trụ ?

Luận về vô trụ gọi là vô biên thân. Vì thân vô biên nên chớ nói rằng ngưỡng mong đức Như-Lai trụ nơi rừng Ta La. Nếu trụ nơi rừng này thời là hữu biên. Nếu là thân hữu biên thời là vô thường. Đức Như-Lai là thường, sao lại nói rằng trụ ?

- Luận về vô trụ gọi là hư không, tánh của Như-Lai đồng với hư không, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Kim Cang Tam Muội. Kim Cang Tam Muội phá hoại tất cả trụ. Kim Cang Tam Muội chính là Như-Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là huyễn, Như-Lai đồng huyễn, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là vô chung vô thí, tánh Như-Lai không có thí chung, sao lại gọi rằng trụ.

Lại vô trụ là pháp giới vô biên, pháp giới vô biên

chính là Như-Lai, sao lại nói rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Thủ Lăng Nghiêm tam muội. Tam muội này biết tất cả pháp mà không chấp trước, nên gọi là Thủ Lăng Nghiêm. Đức Như-Lai đầy đủ chánh định Thủ Lăng Nghiêm, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Xứ phi Xứ trí lực. Đức Như-Lai thành tựu trí lực này, sao lại gọi rằng trụ ?

Lại vô trụ gọi là Đàn Ba La Mật. Nếu Đàn Ba La Mật mà có trụ thì chẳng đến được Thi La Ba La Mật, hẳn đến Bát Nhã Ba La Mật, do nghĩa này nên Đàn Ba La Mật gọi là vô trụ. Đức Như-Lai chẳng trụ Đàn Ba La Mật hẳn đến chẳng trụ Bát Nhã Ba La Mật, sao lại nguyện rằng đức Như-Lai thường trụ nơi rừng Ta La.

Lại vô trụ gọi là tu pháp Tứ Niệm Xứ. Nếu đức Như-Lai trụ nơi pháp Tứ Niệm Xứ, thì không thể được Vô Thượng Bồ Đề, đây gọi là trụ nơi chẳng trụ.

Lại vô trụ gọi là chúng sanh giới vô biên. Đức Như-Lai đã đến tận ngàn mé vô biên của tất cả chúng sanh giới mà không chỗ trụ.

Lại vô trụ gọi là không nhà cửa, không nhà cửa gọi là không chỗ có, không chỗ có gọi là vô sanh, vô sanh

gọi là vô diệt, vô diệt gọi là vô tướng, vô tướng gọi là không hệ phược, không hệ phược gọi là không chấp trước, không chấp trước gọi là vô lậu, vô lậu chính là thiện, thiện chính là vô vi, vô vi chính là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn chính là thường, thường chính là ngã, ngã chính là tịnh, tịnh chính là lạc. Thường, lạc, ngã, tịnh chính là Như-Lai.

Này Thiện Nam Tử ! Như hư không chẳng trụ mười phương, đức Như-Lai cũng như vậy chẳng trụ mười phương.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có ai nói rằng thân, khẩu, ý ác mà được quả lành thì là không đúng. Thân, khẩu, ý lành mà được quả ác cũng là không đúng.

Nếu nói phạm phu đặng thấy Phật tánh còn Thập Trụ Bồ Tát chẳng được thấy, lời nói này không đúng.

Nếu nói hạng Nhất Xiển Đề phạm tội ngũ nghịch, hủy báng kinh Đại Thừa phá bốn giới trọng mà được Vô Thượng Bồ Đề, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói lục trụ Bồ Tát do phiền não mà đọa ba ác đạo, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói Đại Bồ Tát dùng thân người nữ thật mà được

Vô Thượng Bồ Đề, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói Nhất Xiển Đề là thường còn, Tam Bảo là vô thường, lời nói này cũng không đúng.

Nếu nói đức Như-Lai trụ nơi thành Câu Thi Na, lời nói này cũng không đúng.

Này Thiện Nam Tử ! Nay đức Như-Lai ở nơi thành Câu thi Na này nhập Đại Tam Muội, vào trong hang thiên định thậm thâm. Vì chúng sanh chẳng thấy Như-Lai nên gọi là Đại Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như-Lai có chi vào nơi hang thiên định ?

Này Thiện Nam Tử ! Vì muốn độ thoát chúng sanh: Người chưa gieo trồng căn lành làm cho được gieo trồng. Người đã gieo trồng căn lành nay được tăng trưởng. Người quả lành chưa thành thực làm cho được thành thực. Đức Như-Lai vì người căn lành đã thành thực mà nói thu hướng Vô Thượng Bồ Đề. Làm cho người khinh tiện pháp lành sanh lòng tôn trọng. Làm cho những kẻ phóng dật rời bỏ sự phóng dật. Vì cùng Văn Thù Sư Lợi các vị Đại Bồ Tát luận bàn diệu nghĩa. Vì muốn giáo hóa người thích đọc tụng làm cho ưa thích thiên định. Vì đem

Thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh giáo hóa chúng sanh. Vì quan sát pháp tạng bất cộng thậm thâm. Vì muốn quở trách hàng đệ tử phóng dật. Đức Như-Lai thường tịch tịnh mà còn ưa chuộng thiên định, huống là các ông chưa dứt hết phiền não mà sanh lòng phóng dật. Vì muốn quở trách các Tỳ Kheo ác nhận tám thứ vật bất tịnh, vì chẳng biết thiếu dục, chẳng biết tri túc. Vì khiến chúng sanh tôn trọng pháp thiên định đã nghe. Do những nhân duyên trên đây nên đức Như-Lai vào hang thiên định.

Bạch Thế Tôn ! Chánh định vô tướng gọi là Đại Niết Bàn, nên Đại Niết bàn gọi là vô tướng. Do nhân duyên gì gọi là vô tướng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì không có mười tướng: Sắc, thính, hương, vị, xúc, (*sanh,*) trụ, hoại, nam, nữ, đây gọi là mười tướng. Vì không mười tướng như vậy nên gọi là vô tướng.

Nay Thiện Nam Tử ! Luận về người chấp tướng thời hay sanh ra si, vì si mà sanh ái, vì ái nên ràng buộc, vì ràng buộc nên thọ sanh, vì sanh nên có tử, vì tử nên là vô thường. Người chẳng chấp tướng thời chẳng sanh si, vì không si nên không ái, vì không ái nên không ràng buộc, vì không ràng buộc nên chẳng thọ sanh, vì chẳng thọ

sanh nên không có tử, vì không có tử nên gọi là thường. Do nghĩa này nên Niết Bàn gọi là thường.

- Bạch Thế Tôn ! Tỳ Kheo nào có thể dứt được mười tướng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo luôn luôn tu tập ba tướng này thì dứt được mười tướng: Luôn luôn tu tập tướng tam muội chánh định, luôn luôn tu tập tướng trí huệ, luôn luôn tu tập tướng xả.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng chánh định, tướng trí huệ và tướng xả ? Chánh định là tam muội, tất cả chúng sanh đều có tam muội, tại sao nay mới nói rằng tu tập tam muội ? Nếu tâm duyên ở một cảnh thì gọi là tam muội, nếu lại duyên cảnh khác thì chẳng gọi là tam muội. Nếu như chẳng định thì chẳng phải là nhất thiết trí, chẳng phải là nhất thiết trí sao lại gọi là định ? Nếu do một hạnh mà được tam muội, những hạnh khác thì chẳng phải là tam muội, nếu chẳng phải là tam muội, thì chẳng phải là nhất thiết trí, nếu chẳng phải nhất thiết trí sao lại gọi rằng tam muội ? Tướng trí huệ và tướng xả cũng như vậy.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như lời ông nói duyên nơi một cảnh được gọi là tam muội, nếu duyên các cảnh khác

chẳng gọi là tam muội, lời nói này không đúng nghĩa. Vì duyên những cảnh khác như vậy cũng vẫn là một cảnh. Do một hạnh cùng những hạnh khác cũng như vậy.

Ông lại nói chúng sanh trước đã có tam muội chẳng cần tu tập, lời này cũng chẳng phải. Vì nói tam muội đây, là nói thiện tam muội, thật ra tất cả chúng sanh chưa có sao lại nói rằng chẳng cần tu tập ? Do trụ trong thiện tam muội như vậy mà quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng thiện trí huệ. Chẳng thấy tướng tam muội cùng tướng trí huệ sai khác nhau thời gọi là tướng xả.

Lại này Thiện Nam Tử ! Nếu chấp tướng sắc, không thể quan sát tướng thường, tướng vô thường của sắc thời gọi là tam muội. Nếu có thể quan sát tướng thường và tướng vô thường của sắc thời gọi là tướng trí huệ. Tam muội cùng trí huệ đồng quan sát tất cả pháp thời gọi là tướng xả.

Này Thiện Nam Tử ! Như người đánh xe bốn ngựa giỏi, điều khiển chậm mau phải lúc. Bồ Tát cũng như vậy, nếu tam muội nhiều thời tu tập trí huệ, nếu trí huệ nhiều thời tu tập tam muội. Tam muội cùng trí huệ đồng nhau thời gọi là xả.

Này Thiện Nam Tử ! Thanh Văn và Duyên Giác sức

tam muội nhiều sức trí huệ ít, do đây nên chẳng thấy Phật tánh. Thập trụ Bồ Tát sức trí huệ nhiều sức tam muội ít, nên thấy Phật tánh chẳng rõ ràng. Chư Phật Thế Tôn vì tam muội cùng trí huệ đồng, nên thấy Phật tánh rõ ràng không chướng ngại như xem trái am ma lạc trong bàn tay. Thấy Phật tánh gọi đó là tướng xả.

Này Thiện Nam Tử ! Xa ma tha gọi là hay dứt trừ, vì hay dứt trừ tất cả phiền não. Lại Xa ma tha gọi là hay điều phục, vì hay điều phục những căn ác chẳng lành. Lại Xa ma tha gọi là tịch tịnh, vì có thể làm cho thân, khẩu, ý đều tịch tịnh. Lại Xa ma tha gọi là viễn ly, vì có thể làm cho chúng sanh xa lìa ngũ dục. Lại Xa ma tha gọi là hay lóng trong, vì hay lóng trong ba pháp như đục tham dục, sân khuê, ngu si. Do những nghĩa này nên gọi là tướng chánh định.

Tỳ Bà Xá Na gọi là chánh kiến, cũng gọi là liễu kiến, năng kiến, biến kiến, thứ đệ kiến, biệt tướng kiến, đây gọi là trí huệ.

Ưu Tát Xoa gọi là bình đẳng, cũng gọi là vô tránh, vô quán, vô hành, đây gọi là xả.

Này Thiện Nam Tử ! Có hai thứ Xa Ma Tha: Thế gian và xuất thế gian.

Lại có hai thứ: Chẳng thành tựu và thành tựu. Chẳng thành tựu là nói Thanh Văn cùng Bích Chi Phật. Thành tựu là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có ba thứ: Hạ, trung và thượng. Hạ là nói hàng phàm phu. Trung là nói Thanh Văn và Duyên Giác. Thượng là nói chư Phật và Bồ Tát.

Lại có bốn thứ: Một là thói, hai là trụ, ba là tấn, bốn là có thể lợi ích lớn.

Lại có năm thứ chính là năm trí tam muội: Một là vô thực tam muội, hai là vô quá tam muội, ba là thân ý thanh tịnh nhất tâm tam muội, bốn là nhân quả câu lạc tam muội, năm là thường niệm tam muội.

Lại có sáu thứ: Một là quán cốt tam muội, hai là từ tam muội, ba là quán thập nhị nhân duyên tam muội, bốn là xuất tức nhập tức tam muội, năm là chánh niệm giác quán tam muội, sáu là quán sanh trụ dị diệt tam muội.

Lại có bảy thứ chính là bảy giác chi: Một là niệm xứ giác chi, hai là trạch pháp giác chi, ba là tinh tấn giác chi, bốn là hỷ giác chi, năm là trừ giác chi, sáu là định giác chi, bảy là xả giác chi.

Lại có bảy thứ: Một là Tu Đà Hoàn tam muội, hai là

Tư Đà Hàm tam muội, ba là A Na Hàm tam muội, bốn là A La Hán tam muội, năm là Bích Chi Phật tam muội, sáu là Bồ Tát tam muội, bảy là Như-Lai giác tri tam muội.

Lại có tám thứ: Chính là tám môn giải thoát tam muội: Một là trong có sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, hai là trong không sắc tướng, ngoài quán sắc giải thoát tam muội, ba là tịnh giải thoát thân chứng tam muội, bốn là không xứ giải thoát tam muội, năm là thức xứ giải thoát tam muội, sáu là vô sở hữu xứ giải thoát tam muội, bảy là phi hữu tướng phi vô tướng xứ giải thoát tam muội, tám là diệt tận định xứ giải thoát tam muội.

Lại có chín thứ chính là cửu thứ đệ định: Tứ thiên, tứ không và diệt tận định tam muội.

Lại có mười thứ chính là mười nhất thiết xứ tam muội: Một là địa nhất thiết xứ tam muội, hai là thủy nhất thiết xứ tam muội, ba là phong nhất thiết xứ tam muội, bốn là thanh nhất thiết xứ tam muội, năm là huỳnh nhất thiết xứ tam muội, sáu là xích nhất thiết xứ tam muội, bảy là bạch nhất thiết xứ tam muội, tám là không nhất thiết xứ tam muội, chín là thức nhất thiết xứ tam muội, mười là vô sở hữu nhất thiết xứ tam muội. Lại có vô số thứ chính là chư Phật và Bồ Tát. Đây gọi là tướng tam muội.

Này Thiện Nam Tử ! Huệ có hai thứ: Thế gian và xuất thế gian. Lại có ba thứ: Bát Nhã, Tỳ Bà Xá Na và Xà Na. Bát Nhã gọi là tất cả chúng sanh. Tỳ Bà Xá Na là tất cả Thánh nhân. Xà Na là chư Phật và Bồ Tát. Lại Bát Nhã gọi là biệt tướng, Tỳ Bà Xá Na gọi là tổng tướng, Xà Na gọi là phá tướng.

Lại có bốn thứ huệ, chính là quán tứ chân đế.

Này Thiện Nam Tử ! Vì ba việc mà tu Xa Ma Tha: Một là vì chẳng phóng dật, hai là vì trang nghiêm đại trí, ba là vì được tự tại.

Lại vì ba việc mà tu Tỳ Bà Xá Na: Một là vì quán quả báo ác của sanh tử, hai là vì muốn tăng trưởng các căn lành, ba là vì phá tất cả phiền não.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như trong kinh nói nếu Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não có gì lại tu tập Xa Ma Tha ?”

Phật nói:

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói Tỳ Bà Xá Na phá phiền não, lời này không đúng. Vì lúc có trí huệ thời không phiền não, lúc có phiền não thời không trí huệ. Sao lại nói rằng Tỳ Bà Xá Na có thể phá phiền não ?

Ví như lúc sáng thời không tối, lúc tối thời không sáng. Nếu nói rằng sáng có thể phá tối, thời không đúng.

Này Thiện Nam Tử ! Ai có trí huệ ? Ai có phiền não ? Sao lại nói rằng trí huệ có thể phá phiền não. Nếu phiền não là không thời không chỗ phá.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói trí huệ có thể phá phiền não, là đến mà phá, hay chẳng đến mà phá ? Nếu chẳng đến mà phá lẽ ra phàm phu cũng phá được. Nếu đến mà phá thời niệm ban đầu lẽ ra đã phá. Nếu niệm ban đầu chẳng phá thời niệm sau cũng chẳng phá. Nếu niệm ban đầu đến bèn đã phá đây thời là chẳng đến. Sao lại nói rằng trí huệ hay phá phiền não ? Nếu nói rằng đến cùng chẳng đến mà có thể phá đó thời không đúng nghĩa.

Lại Tỳ Bà Xá Na phá phiền não đó, là đơn độc có thể phá hay là có bạn mới phá ? Nếu đơn độc có thể phá có gì Bồ Tát tu bát chánh đạo ? Nếu có bạn mới phá thời nên biết rằng đơn độc chẳng phá được. Nếu đơn độc chẳng phá được thời bạn cũng chẳng phá được. Như một người mù chẳng thấy được màu sắc, dầu dắt cả lũ bạn mù cũng chẳng thấy được. Tỳ Bà Xá Na cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như địa đại thời tánh chất là cứng, hỏa đại tánh chất là nóng, thủy đại tánh chất là ướt,

phong đại tánh chất là động. Tánh chất cứng của địa đại nhân đến tánh chất động của phong đại, chẳng phải nhân duyên làm ra, tánh của nó tự như vậy. Như tánh chất của tứ đại, phiền não cũng vậy, tánh của nó là tự phải dứt mất. Nếu là tự dứt mất sao lại nói rằng trí huệ hay dứt. Do nghĩa này nên biết rằng Tỳ Bà Xá Na quyết định chẳng thể phá các phiền não.

Này Thiện Nam Tử ! Như chất muối là mặn làm cho vật khác mặn. Chất mật là ngọt làm cho vật khác ngọt, chất nước là ướt làm cho vật khác ướt. Tánh của trí huệ là diệt làm cho các pháp diệt, nghĩa này chẳng đúng. Vì nếu pháp không diệt thì trí huệ làm thế nào diệt được. Nếu nói muối mặn làm cho vật khác mặn, tánh trí huệ là diệt cũng làm cho pháp khác diệt, lời này cũng chẳng đúng. Vì tánh của trí huệ niệm niệm diệt. Nếu niệm niệm diệt thì đâu có thể diệt pháp khác. Do nghĩa này nên biết rằng tánh trí huệ chẳng phá phiền não.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả các pháp có hai thứ diệt: Một là tánh diệt, hai là rốt ráo diệt. Nếu là tánh diệt sao lại nói rằng trí huệ có thể diệt.

Nếu nói trí huệ có thể diệt phiền não như lửa đốt cháy đồ vật, nghĩa này chẳng đúng. Vì như lửa đốt cháy đồ vật

thời có tro tàn, trí huệ nếu như vậy thời lẽ ra cũng còn có tàn dư. Như búa chặt cây, chỗ bị chặt có thể thấy được, trí huệ nếu như vậy thời có gì là có thể thấy được ?

Trí huệ nếu có thể làm cho phiền não rời lìa đó, thời phiền não kia lẽ ra hiện ra chỗ khác. Như các ngoại đạo rời sáu thành lớn mà hiện đến ở nơi thành Câu Thi Na. Nếu phiền não này chẳng hiện ra nơi khác, thời biết rằng trí huệ chẳng có thể làm cho phiền não rời lìa.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả các pháp nếu tánh nó tự không, thời ai có thể làm cho nó sanh ? Ai có thể làm cho nó diệt ? Sanh khác diệt khác, không ai tạo tác. Nếu người tu tập chánh định thời được biết được thấy chân chánh như vậy. Do nghĩa này nên trong kinh ta nói: Nếu có Tỳ Kheo tu tập chánh định, thời có thể thấy tướng sanh diệt của ngũ ấm.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu chẳng tu tập chánh định, thời việc thế gian còn không thể rõ biết hướng là ở nơi đạo xuất thế. Nếu người không có chánh định, thời té ngã nơi đất bằng, tâm duyên pháp khác, miệng nói lời khác, tai nghe tiếng khác, ý hiểu nghĩa khác, muốn đọc chữ khác, tay biên văn khác, muốn đi đường khác thân bước nẻo khác. Nếu người có tu tập tam muội chánh định thời

được lợi ích lớn nhân đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát đầy đủ hai pháp thời có lợi ích lớn: Một là định, hai là trí.

Này Thiện Nam Tử ! Như cắt cỏ ống nếu kéo mạnh quá thời đứt. Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như nhổ cây cứng, trước dùng tay lay động, lúc sau nhổ lên dễ. Bồ Tát cũng như vậy, trước dùng định để động, rồi sau dùng trí để nhổ.

Này Thiện Nam Tử ! Như giặt y dơ, trước dùng nước tro, sau dùng nước trong, thời y được sạch sẽ. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như trước đọc tụng rồi sau hiểu nghĩa. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Như người dùng kiếm trước dùng khôi giáp đao trượng để tự võ trang, rồi sau ra trận có thể phá tan quân địch. Định huệ của Đại Bồ Tát cũng như vậy.

Như người thợ dùng kèm cùng khuôn để gắp và đung vàng tự tại theo ý muốn: Khuấy, trộn, đốt cháy. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Ví như gương sáng chói rõ mặt, mắt. Định huệ của

Bồ Tát cũng như vậy.

Như trước dọn đất rồi sau mới gieo giống, trước theo thầy học rồi sau mới suy nghĩ nghĩa lý. Định huệ của Bồ Tát cũng như vậy.

Do những nghĩa trên đây, nên Đại Bồ Tát tu tập hai pháp này thời được lợi ích rất lớn.

Đại Bồ Tát tu tập hai pháp định huệ này, điều nhiếp năm căn, kham nhẫn các sự khổ: Đói, khát, lạnh, nóng, đánh đập, mắng nhục, thú dữ cắn, muỗi mòng chích, thường nhiếp tâm mình chẳng cho phóng dật, chẳng vì lợi dưỡng mà làm việc phi pháp, khách trần phiền não chẳng nhiếp ô được, chẳng bị những thuyết tà ngoại đạo làm mê lầm, thường có thể xa lìa những ác giác quán, chẳng bao lâu sẽ thành tựu Vô Thượng Bồ Đề, vì muốn thành tựu lợi ích tất cả chúng sanh.

Đại Bồ Tát tu hai pháp định huệ này thời bốn luồng gió dữ tứ đảo chẳng thể thổi động, như núi Tu Di. Các tà ma dị thuật chẳng thể phỉnh lừa. Thường hưởng thọ sự vui vi diệu thứ nhất. Có thể hiểu nghĩa bí mật rất sâu của Như-Lai. Được vui chẳng mừng gặp khổ chẳng buồn. Chư thiên và người đời cung kính tán thán. Thấy rõ sanh tử và chẳng sanh tử. Có thể rõ biết Pháp giới, Pháp tánh,

Pháp thân, thường, lạc, ngã, tịnh, đây thời gọi là Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Định tướng gọi là không tam muội. Huệ tướng gọi là vô nguyện tam muội. Xả tướng gọi là vô tướng tam muội.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Đại Bồ Tát biết rành thời gian định, thời gian huệ, thời gian xả và biết phi thời, đây gọi là Đại Bồ Tát thật hành đạo Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào là Bồ Tát biết thời cùng phi thời ?

- Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát vì hưởng thọ sự vui mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì thuyết pháp mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì tinh tấn mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì hiểu nghĩa vấn đáp giỏi mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì gần bạn ác mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì bố thí nhiều mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì có công đức lành thế gian mà sanh lòng kiêu mạn, hoặc vì được người giàu sang cung kính mà sanh lòng kiêu mạn, nên biết những lúc như vậy chẳng nên tu tập trí huệ, mà phải tu tập chánh định, đây gọi là Bồ Tát biết thời cùng phi thời.

Nếu có Bồ Tát tinh tấn tu hành chưa được quả Niết

Bàn an lạc, vì chẳng được mà sanh lòng hối hận, vì độn căn nên chẳng điều phục được ngũ căn, vì thế lực phiền não thanh, vì tự nghi giới luật có kém tổn, nên biết rằng lúc như vậy chẳng nên tu chánh định, mà phải tu tập trí huệ, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát hai pháp định huệ chẳng bình đẳng, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, lúc định huệ bình đẳng thời nên tu hạnh xả, đây gọi là Bồ Tát biết thời và phi thời.

Nếu có Bồ Tát lúc tu tập định huệ nếu có phiền não khởi lên, nên biết lúc như vậy chẳng nên tu hạnh xả, mà phải đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm Thiên, niệm thí xả, đây gọi là tu xả.

Nếu có Bồ Tát tu tập ba pháp tướng như vậy, do nhân duyên này đặng vô tướng Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Vì không mười tướng gọi là Đại Niết Bàn là vô tướng. Lại do nhân duyên gì gọi là vô sanh, vô xuất, vô tác, là nhà cửa, còn bãi, chỗ về, là an ổn, diệt độ Niết Bàn, tịch tịnh không các bệnh khổ, là không chỗ có ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì không nhân duyên nên gọi là vô sanh, vì vô sanh nên gọi là vô xuất. Vì không tạo nghiệp nên gọi là vô tác. Vì chẳng vào năm thứ tà kiến nên gọi là nhà cửa. Vì rời lìa bốn dòng nước mạnh nên gọi là cồn bãi. Vì điều phục chúng sanh nên gọi là quy y. Vì phá hoại giặc phiền não nên gọi là an ổn. Vì lửa kiết sử tắt nên gọi là diệt độ. Vì lìa giác quán nên gọi là Niết Bàn. Vì xa ồn náo nên gọi là tịch tịnh. Vì dứt hẳn sanh tử nên gọi là không bệnh tử. Vì tất cả không có nên gọi là không chỗ có. Nếu Đại Bồ Tát quan sát như vậy thời đặng thấy rõ Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Đại Bồ Tát thành tựu bao nhiêu pháp thấy được vô tướng Niết Bàn như vậy hẳn đến không chỗ có.

- Nay Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát thành tựu mười pháp thời thấy rõ Niết Bàn vô tướng, hẳn đến không chỗ có: Một là tín tâm đầy đủ, nghĩa là thâm tín Phật, Pháp và Tăng là thường trụ, thập phương chư Phật phương tiện thị hiện. Tất cả chúng sanh và Nhất Xiển Đề đều có Phật tánh. Chẳng tin đức Như-Lai là sanh lão bệnh tử và tu khổ hạnh. Chẳng tin Đề Bà Đạt Đa là thật phá Tăng làm thân Phật ra máu. Chẳng tin đức Như-Lai rốt ráo nhập

Niết Bàn, chánh pháp diệt hết. Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tín tâm.

Hai là đầy đủ tịnh giới: Nếu có Bồ Tát tự nói rằng giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng với người nữ kia hòa hiệp, lúc thấy người nữ hoặc cùng nhau nói chuyện cợt đùa cười giỡn Bồ Tát như vậy thành dục pháp, hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa giỡn cười nhưng cách vách nghe những tiếng vòng vàng chuỗi ngọc của người nữ khua động, trong lòng sanh niệm ái trước, Bồ Tát như vậy, làm thành dục pháp hủy phá giới thanh tịnh, ô nhục phạm hạnh, làm cho giới tạp uế chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa giỡn cười nghe tiếng khua động, nhưng lúc thấy người nam đi theo người nữ, hoặc lúc thấy người nữ đi theo người nam, bèn sanh niệm tham đắm. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới, ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới. Lại có Bồ Tát tự nói giới thanh tịnh, dầu chẳng cùng người nữ hòa hiệp cợt đùa nghe tiếng khua thấy nam nữ theo

nhau, nhưng lại muốn sanh cõi trời thọ vui ngũ dục. Bồ Tát như vậy làm nên pháp dục, hủy phá tịnh giới ô nhục phạm hạnh khiến giới tạp uế, chẳng được gọi là đầy đủ tịnh giới.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Bồ Tát trì giới thanh tịnh mà chẳng vì giới, chẳng vì Thi La Ba La Mật, chẳng vì chúng sanh, chẳng vì lợi dưỡng, chẳng vì Niết Bàn, chẳng vì Bồ Đề, chẳng vì Thanh Văn và Bích Chi Phật, chỉ vì đệ nhất nghĩa tối thượng mà hộ trì cấm giới, đây gọi là Bồ Tát đầy đủ tịnh giới.

Ba là gần gũi Thiện tri thức: Nếu có người có thể nói tín, giới, đa văn, bố thí, trí huệ, làm cho mọi người thọ trì thật hành, đây gọi là Bồ Tát Thiện tri thức vậy.

Bốn là ưa thích nơi tịch tịnh, nghĩa là thân tâm tịch tịnh quan sát pháp tánh thậm thâm của các pháp.

Năm là tinh tấn: Nghĩa là nhiếp tâm quán bốn chân đế, giả sử lửa cháy trên đầu cũng chẳng buông bỏ.

Sáu là đầy đủ chánh niệm: Nghĩa là niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm giới, niệm Thiên, niệm thí xả.

Bảy là nhuyển ngữ: Nghĩa là lời nói chân thật, lời nói hòa dịu, hỏi thăm trước, nói phải thời, nói chân chánh.

Tám là hộ pháp: Nghĩa là mến thích chánh pháp, thường ưa diễn thuyết, đọc tụng, biên chép, tư duy ý nghĩa, tuyên dương sâu rộng làm cho chánh pháp được lưu bố, nếu thấy người khác biên chép giải thuyết đọc tụng, tán thán tư duy ý nghĩa, vì sanh sống mà cúng dường y phục, ẩm thực, đồ nằm thuốc men, vì hộ pháp nên chẳng tiếc thân mạng.

Chín là Đại Bồ Tát thấy có bạn đồng học đồng giới thiếu thốn đồ cần dùng, như y phục, thuốc men, đồ uống ăn, phòng nhà v.v... thời đi khát xin người khác để cung cấp các vị ấy.

Mười là đầy đủ trí huệ: Nghĩa là quan sát nơi đức Như-Lai thường, lạc, ngã, tịnh, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, quan sát hai tướng không và bất không của các pháp, thường cùng vô thường, lạc cùng vô lạc, ngã cùng vô ngã, tịnh cùng bất tịnh, pháp khác có thể dứt, pháp khác chẳng thể dứt, pháp khác từ duyên sanh, pháp khác từ duyên thấy, pháp khác từ duyên thành quả, pháp khác chẳng phải duyên thành quả, đây gọi là đầy đủ trí huệ.

Này Thiện Nam Tử ! Đây gọi là Bồ Tát đầy đủ mười pháp, có thể thấy rõ Niết Bàn vô tướng.

- Bạch Thế Tôn ! Như trước kia đức Phật bảo Thuần

Đà: Nay ông đã thấy được Phật tánh, được Đại Niết Bàn, thành Vô Thượng Bồ Đề, lời đó nghĩa là thế nào ?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh nói: Nếu bố thí cho súc sanh thời được phước báu trăm lần hơn, bố thí cho Nhất Xiển Đề được phước báu ngàn lần hơn, bố thí cho người trì giới được phước báu trăm ngàn lần hơn, bố thí cho ngoại đạo dứt phiền não được phước báu vô lượng, dâng cúng cho bậc tứ hướng nhân đến bậc tứ quả cùng Bích Chi Phật thời được phước báu vô lượng, dâng cúng cho bậc Bất Thối Bồ Tát, bậc Đại Bồ Tát thân rốt sau, chư Phật Thế Tôn, thời đặng phước báu vô lượng vô biên chẳng thể nghĩ bàn, chẳng thể tính đếm.

Bạch Thế Tôn ! Nếu ông Thuần Đà hưởng thọ vô lượng như vậy, phước báu này vô tận, thời chừng nào ông sẽ được Vô Thượng Bồ Đề?

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại có nói nếu có người do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, nghiệp ác, chắc chắn được quả báo: Hoặc hiện đời, hoặc đời kế hoặc đời sau. Nay ông Thuần Đà do tâm ân trọng mà tạo nghiệp thiện, quyết định được phước báu. Nếu quyết định được phước báu thời thế nào chúng được Vô Thượng Bồ Đề ? Thế nào lại được thấy Phật tánh ?

Bạch Thế Tôn ! Trong kinh lại nói: Bồ thí cho ba hạng người thời được phước báo vô tận: Một là người bệnh, hai là cha mẹ, ba là chư Phật Như-Lai.

Bạch Thế Tôn ! Và lại trong kinh đức Phật bảo A Nan: Tất cả chúng sanh nếu không có nghiệp cõi dục thời được Vô Thượng Bồ Đề không có nghiệp cõi sắc cõi vô sắc cũng như vậy.

Bạch Thế Tôn ! Như bài kệ trong kinh pháp cú:

Chẳng phải hư không, trong biển cả.

Chẳng phải vào núi, trong kẹt đá,

Tất cả mọi nơi, tất cả chỗ,

Không chỗ nào thoát khỏi quả báo.

Lại thuở kia A Nậu Lô Đà bạch Phật: Tôi nhớ đời trước nhờ bồ thí một bữa ăn mà trong muôn kiếp chẳng đọa ác đạo.

Bạch Thế Tôn ! Bồ thí một bữa ăn còn được phước báo như vậy, huống là Thuần Đà do tâm kính tin mà cúng dường Phật thành tựu đầy đủ Đản Ba La Mật.

Bạch Thế Tôn ! Nếu phước báo lành là vô tận, thời hủy báng Đại Thừa phạm tội ngũ nghịch phá bốn giới

trọng, tội Nhất Xiển Đề thế nào hết được? Nếu chẳng hết được thời thế nào có thể được thấy Phật tánh, thành Vô Thượng Bồ Đề ?

Phật nói: “ Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện Nam Tử ! Chỉ có hai hạng người có thể được vô lượng vô biên công đức chẳng thể tính đếm, chẳng thể tính nói, có thể cạn giòng sông sanh tử, hàng phục ma oán, xô ngã tràng ma, có thể chuyển pháp luân Vô Thượng: Một là người khéo hỏi, hai là người khéo đáp.

Nay Thiện Nam Tử ! Trong mười trí lực của Phật, nghiệp trí lực là rất sâu hơn cả.

Có những chúng sanh ở trong nghiệp duyên lòng khinh dễ chẳng tin, vì độ họ mà Phật nói như vậy: Tất cả nghiệp gây tạo ra, có nghiệp nhẹ, có nghiệp nặng. Hai nghiệp lại đều có hai: Một là quyết định, hai là bất định.

Nay Thiện Nam Tử ! Hoặc có người cho rằng ác nghiệp không quả, nếu nói ác nghiệp quyết định có quả báo, tại sao Khí Hứ Chiên Đà La mà được sanh lên trời ? Ươn Quật Ma La được quả giải thoát ? Do đây nên biết tạo nghiệp có quyết định được quả báo và chẳng quyết định được quả báo.

Ta vì trừ tà kiến này, nên trong kinh ta nói rằng tất cả nghiệp tạo ra không nghiệp nào chẳng có quả báo.

Này Thiện Nam Tử ! Hoặ có nghiệp nhẹ có thể làm cho nặng. Chẳng phải tất cả người chỉ có ngu và trí. Do đây nên biết chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, dầu chẳng quyết định có quả nhưng cũng chẳng phải là chẳng có.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh có hai hạng: Người trí và kẻ ngu. Người trí nhờ sức trí huệ có thể làm cho nghiệp địa ngục rất nặng trở thành quả báo nhẹ hiện đời. Người ngu si thời hoặ lại làm cho nghiệp nhẹ hiện đời trở thành quả báo nặng nơi địa ngục.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu như vậy thời chẳng nên cầu phạm hạnh thanh tịnh cùng quả giải thoát.

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả thời chẳng nên cầu phạm hạnh giải thoát. Vì nghiệp bất tịnh nên phải tu phạm hạnh và quả giải thoát.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu xa lìa được tất cả nghiệp ác thời được quả lành. Nếu xa lìa nghiệp lành thời mang quả báo ác. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cần tu tập Thánh đạo, nếu chẳng nên tu tập

Thánh đạo [, nếu chẳng nên tu Thánh đạo] thời không được giải thoát. Tất cả Thánh nhân sở dĩ tu tập Thánh đạo vì để phá hoại định nghiệp thành quả báo nhẹ và làm cho nghiệp bất định không có quả báo. Nếu tất cả nghiệp quyết định có quả, thời chẳng nên cầu tu tập Thánh đạo. Nếu ai xa lìa Thánh đạo thời không bao giờ được giải thoát. Chẳng được giải thoát thời không được Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả nghiệp quyết định có ngã, thời một đời tạo nghiệp thuần thiện lẽ ra phải mãi mãi thường hưởng thọ quả an vui. Một đời gây tạo tội ác rất nặng lẽ ra cũng mãi mãi chịu quả khổ lớn. Nếu nghiệp quả như vậy thời không có sự tu Thánh đạo cùng giải thoát và Niết Bàn, người làm người thọ: Bà La Môn làm Bà La Môn thọ. Nếu như vậy thời lẽ ra chẳng có giòng hạ tiện người hạ tiện. Người lẽ ra luôn luôn là người, Bà La Môn lẽ ra mãi mãi là Bà La Môn. Lúc nhỏ tạo nghiệp lẽ ra lúc nhỏ thọ báo chẳng nên đến lúc trung niên và lúc già mới thọ. Lúc già tạo nghiệp ác khi sanh vào trong địa ngục, thân địa ngục lúc trẻ lẽ ra chẳng phải chịu khổ. Nếu lúc già chẳng sát sanh chẳng nên thuở tráng niên được sống còn, nếu thuở tráng niên chẳng sống còn thời thế nào có tuổi già, vì nghiệp không mất, nếu nghiệp không

mất thể nào mà có tu hành Thánh đạo đến quả Niết bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Có hai thứ nghiệp: Định và bất định. Định nghiệp có hai: Báo định và thời định. Hoặc có báo định mà thời gian bất định, lúc duyên hiệp thời thọ báo, hoặc ba thời gian thọ báo nghĩa là đời hiện tại thọ, đời kế thọ, đời sau thọ.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu định tâm làm những nghiệp lành, nghiệp ác, làm rồi sanh lòng rất tin vui mừng, nếu phát nguyện cúng dường Tam Bảo, đây gọi là định nghiệp.

Này Thiện Nam Tử ! Người trí căn lành sâu chắc khó lay động nên có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người ngu si điều bất thiện sâu dày nên có thể làm cho nghiệp nhẹ trở thành quả báo nặng. Do nghĩa này nên tất cả nghiệp chẳng gọi là quyết định.

Đại Bồ Tát không có nghiệp địa ngục, vì chúng sanh mà phát nguyện sanh trong địa ngục.

Này Thiện Nam Tử ! Thuở xưa lúc chúng sanh tuổi thọ trăm năm, có hằng sa chúng sanh bị quả báo địa ngục, lúc đó ta thấy như vậy liền phát nguyện thọ thân địa ngục. Nên biết rằng lúc đó Bồ Tát thật không có nghiệp địa

ngục, vì chúng sanh mà thọ thân địa ngục. Ở trong địa ngục cả vô lượng năm và vì những người tội mà phân biệt giảng nói mười hai bộ kinh. Những người tội được nghe kinh pháp thoát khỏi quả báo ác làm cho địa ngục trống không, trừ hạng Nhất Xiển Đề.

Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải nơi đời hiện tại, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác.

Này Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp này có vô lượng chúng sanh đọa trong loài súc sanh chịu phải nghiệp báo ác. Ta thấy như vậy, vì muốn thuyết pháp độ chúng sanh, nên phát nguyện làm cheo, nai, gấu, khỉ, rông, voi, Kim sí điều, bò câu, cá trạnh, thỏ, rắn, bò, ngựa.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát thật không có nghiệp súc sanh như vậy, vì nguyện lực muốn độ chúng sanh, nên hiện thọ thân súc sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp ác như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp này, lại có vô lượng vô biên chúng sanh đọa trong loài ngạ quỷ, hoặc ăn đờm dãi, mỡ, thịt, máu, mủ, phân, dãi, thọ mạng vô lượng trăm ngàn muôn năm, không bao giờ nghe đến tên nước hống là con mắt ngó thấy mà được uống. Giả sử

thấy nước đằng xa trong lòng muốn đến để uống, nhưng khi đến gần thì nước biến thành lửa đỏ và máu mủ. Hoặc có lúc nước chẳng biến khác, nhưng lại có nhiều người tay cầm binh khí ngăn cản không cho đến uống. Hoặc có lúc trời mưa, nước mưa rót đến thân họ liền thành lửa. Đây gọi là nghiệp báo ác.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát thật không những nghiệp quả ác như vậy, vì hóa độ chúng sanh làm cho được giải thoát, nên phát nguyện thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp quả ác như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp này, ta từng sanh vào nhà hàng thịt, nuôi gà, nuôi heo, nuôi bò, dê, đi săn bắn, lưới chim, bắt cá, sanh trong nhà Chiên Đà La, làm kẻ cướp, kẻ trộm. Đại Bồ Tát thật không nghiệp ác như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn thọ những thân như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ nghiệp báo ác như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp này, ta lại sanh vào chốn biên địa, làm nhiều việc tham dục, sân khủ, ngu si, quen làm những điều phi pháp, chẳng tin Tam

Bảo và quả báo đời sau, chẳng cung kính cha mẹ tôn trưởng. Thật ra lúc đó Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy. Vì muốn làm cho chúng sanh được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ ác nghiệp như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp này ta lại thọ lấy thân nữ, thân ác, thân tham, thân sân, thân si, thân tật đố, thân bòn xén, thân ảo thuật, thân dối trá, thân đàn độn. Thật ra lúc đó Bồ Tát không có những nghiệp như vậy chỉ vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà được thọ sanh. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau thọ lấy nghiệp ác như vậy.

Đại Bồ Tát hiện thọ những thân huỳnh môn, không căn, hai căn và căn bất định cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Trong Hiền kiếp này, ta lại học tập giáo pháp của ngoại đạo Ni Kiền Tử, tin thọ giáo pháp của họ: Không bố thí, không thờ phụng, không báo bố thí thờ phụng, không nghiệp thiện, nghiệp ác, không quả báo thiện ác, không đời hiện tại, không đời vị lai, không đây không kia, không Thánh nhân, không thân

biến hóa, không đạo Niết Bàn. Thật ra Bồ Tát không có những ác nghiệp như vậy, vì muốn độ chúng sanh cho được giải thoát, nên dùng nguyện lực lớn mà thọ học những tà pháp như vậy. Đây gọi là Đại Bồ Tát chẳng phải hiện đời, đời kế, đời sau, thọ những ác nghiệp như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Ta nhớ thuở xưa cùng Đề Bà Đạt Đa đồng làm chủ đoàn con buôn, mỗi người đều có năm trăm khách buôn, đem nhau đến trong biển lớn để tìm châu báu. Vì nghiệp duyên ác nên dọc đường gặp gió to ghe thuyền hư bể, khách buôn đều chết cả. Lúc đó ta cùng Đề Bà Đạt Đa nhờ nghiệp duyên bất sát được quả báo trường thọ, nên gió thổi tấp vào đất liền. Đề Bà Đạt Đa vì tham tiếc của cải châu báu, nên quá sầu khổ mà khóc lóc. Ta bảo Đề Bà Đạt Đa chẳng nên kêu khóc. Đề Bà Đạt Đa liền nói với ta rằng: Như có người nghèo cùng khốn khổ, đến trong gò mả tay nắm tử thi mà nói rằng trông mong người bố thí sự chết vui cho ta, ta sẽ bố thí đời sống nghèo cùng này cho người. Lúc đó tử thi liền ngồi dậy bảo người nghèo cùng rằng: Đời sống nghèo cùng người tự thọ lấy, nay ta rất thích sự chết vui này thật chẳng ham đời sống nghèo cùng của người.

Đề Bà Đạt Đa nói tiếp: Nhưng ngày nay tôi đã không

được chết vui mà lại gồm cả sự nghèo cùng, bảo tôi chẳng khóc sao được.

Lúc đó ta lại an ủi rằng: Ông chớ sầu khổ, hiện nay tôi còn được hai viên bảo châu giá trị vô lượng, tôi sẽ chia cho ông. Ta liền chia một viên bảo châu cho Đề Bà Đạt Đa, rồi đến nằm ngủ dưới một cội cây.

Vì quá tham lam nên Đề Bà Đạt Đa sanh ác tâm đâm đui hai mắt của ta để cướp lấy viên bảo châu còn lại rồi bỏ đi.

Lúc đó vì quá đau đớn nên ta rên rỉ. Có một cô gái nghe tiếng rên đến gần hỏi ta. Ta liền đem tất cả việc trước thuật lại. Cô gái nghe rồi lại hỏi ta: “ Ông danh hiệu là gì ? ta đáp rằng: Tôi tên là Thật Ngữ. Cô gái lại nói: Làm thế nào biết được ông là Thật Ngữ. Ta liền phát thệ rằng: Nếu hiện nay tôi có lòng quấy nói vu cho Đề Bà Đạt Đa, thì cặp mắt tôi phải mù lòa vĩnh viễn, nếu tôi không hư dối thì xin đôi mắt sáng lại như cũ. Ta phát thệ vừa xong thì đôi mắt ta bình phục như cũ.

Này Thiện Nam Tử ! Đây gọi là Đại Bồ Tát nói về quả báo đời hiện tại.

Này Thiện Nam Tử ! Ta nhớ thuở xưa ta sanh trong

nhà Bà La Môn nơi thành Phú Đôn Na ở Nam Thiên Trúc. Thuở đó có Quốc Vương tên Ca La Phú tánh tình hung dữ tự cao tự mạn, tuổi trẻ say đắm sắc đẹp ngũ dục.

Vì muốn độ chúng sanh, nên ta ở ngoài thành ngồi yên lặng tham thiền. Lúc đó Quốc Vương cùng với cung nhân thể nữ ra ngoài thành dạo chơi, dừng ở dưới rừng cây. Các thể nữ nhân đi chơi giỡn bỏ Quốc Vương mà đến chỗ ta ngồi thiền. Ta liền vì các thể nữ thuyết pháp cho họ bỏ lòng tham dục.

Quốc Vương đi tìm các thể nữ, thấy họ đang ngồi quỳ xung quanh ta. Quốc Vương giận dữ hỏi ta rằng: Nay nhà ngươi đã chứng quả A La Hán chưa ? Ta nói chưa chứng. Quốc Vương lại hỏi nhà ngươi đã được quả A Na Hàm chưa ? Ta đáp chưa được. Quốc Vương lại nói:

“ Nay nhà ngươi chưa được hai quả ấy thì là người còn đầy đủ tham dục, tại sao nhà ngươi dám buông lung nhìn ngó các thể nữ của ta ?”

Ta liền thưa rằng:

“ Đại Vương nên biết cho, nay tôi dầu chưa dứt phiền não tham dục, nhưng trong tâm tôi thật không có niệm tham đắm”.

Quốc Vương nói:

“ Người ngu si ! Trong đời có các tiên nhân khổ hạnh thấy sắc đẹp còn tham, huống là nhà người tuổi còn trai trẻ, chưa dứt tham dục, làm sao thấy sắc đẹp mà chẳng tham đắm ?”

- Tâu Đại Vương ! Người thấy sắc đẹp chẳng tham đắm, thật chẳng phải do khổ hạnh, mà do nhiếp tâm quán vô thường bất tịnh.

Quốc Vương nói:

“ Nếu khinh khi người khác mà phỉ báng, thời thế nào đặng gọi là tu trì tịnh giới ?

- Tâu Đại Vương ! Nếu có tâm đồ kỵ thời có phỉ báng, tôi không tâm đồ kỵ thời đâu có phỉ báng.

Quốc Vương nói:

“Này Đại Đức ! Thế nào gọi là giới ?”

- Tâu Đại Vương ! Nhẫn nhục gọi là giới.

Quốc Vương nói: Nếu nhẫn nhục là giới, ta sẽ cắt lỗ tai của nhà người ; nếu nhà người nhẫn chịu được thời biết là nhà người trì giới.

Quốc Vương liền cắt hai tai. Ta dầu bị cắt tai, nhưng

nhân sắc chẳng biến đổi. Các quan theo vua thấy việc như vậy liền can gián rằng: Bậc đại sĩ như vậy, Đại Vương chẳng nên làm hại.

Quốc Vương càng thêm giận bảo các quan:

Tại sao các khanh biết là bậc đại sĩ ?

- Tâu Đại Vương ! Vì lúc bị cắt hai tai, chúng tôi thấy dung sắc chẳng biến đổi.

Quốc Vương nói: Ta sẽ thí nghiệm coi dung sắc biến đổi hay chẳng biến đổi. Nói xong, Quốc Vương liền theo mũi chặt tay, chặt chân của ta.

Vì Bồ Tát đã trải qua vô lượng vô biên đời tu tập từ bi thương xót chúng sanh, nên không khổ cũng không giận.

Lúc đó Tứ Thiên Vương bất bình liền làm mưa cát mưa đá. Quốc Vương sợ hãi quỳ trước ta mà thưa rằng: Ngưỡng mong xót thương cho tôi sám hối.

Ta nói:

“Đại Vương ! Trong lòng của tôi không sân hận cũng như không tham đắm”.

Quốc Vương nói: Này Đại Đức ! Làm thế nào biết

được rằng tâm Đại Đức không sân hận ?

Ta liền phát thệ: “ Nếu tôi thật không sân hận nguyện cho thân của tôi bình phục như cũ. Phát nguyện vừa xong thân thể của ta liền bình phục.

Đây gọi là Đại Bồ Tát nói quả báo đời hiện tại.

Này Thiện Nam Tử ! Nghiệp lành có quả báo đời kế, quả báo đời sau, nghiệp chẳng lành cũng như vậy.

Đại Bồ Tát lúc được Vô Thượng Bồ Đề, tất cả các nghiệp đều được quả báo hiện tại.

Nghiệp ác chẳng lành mắc lấy quả báo hiện tại như Quốc Vương làm ác bị trời mưa cát mưa đá. Cũng như có người chỉ chỗ ở của gấu và nai bảo sắc¹³, tay người chỉ liền rụng rớt. Đây gọi là nghiệp ác thọ lấy quả báo trong hiện tại.

Đời kế thọ quả báo, như Nhất Xiển Đề phạm bốn tội trọng và tội ngũ nghịch.

Quả báo đời sau, như người trì giới phát nguyện lớn: Nguyện đời vị lai thường được giới thân thanh tịnh như vậy. Như có chúng sanh lúc tuổi thọ trăm năm, tám chục

¹³ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “có sắc quý báu”

năm, trong thời kỳ sẽ làm Chuyển Luân Thánh Vương giáo hóa chúng sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu là nghiệp quyết định được quả báo trong hiện đời, thời không thể được quả báo đời kế cùng đời sau.

Đại Bồ Tát tu nghiệp nhân ba mươi hai tướng tốt, thời không thể được quả báo trong đời hiện tại. Nếu là nghiệp chẳng thọ lấy ba thứ quả báo như vậy thời gọi là nghiệp bất định.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu cho rằng những nghiệp nhân quyết định có quả báo, thời chẳng được có sự tu tập phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời này chẳng phải là đệ tử của Phật mà chính là quyến thuộc của ma.

Nếu nói rằng các nghiệp có định nghiệp và bất định nghiệp. Định nghiệp có quả báo hiện tại, quả báo đời kế, quả báo đời sau. Bất định nghiệp thời lúc nhân duyên hội hiệp bèn thọ báo, chẳng hội hiệp thời chẳng thọ báo. Do đây nên có tu phạm hạnh, giải thoát Niết Bàn. Nên biết rằng người nói lời này thật là đệ tử Phật.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh gây tạo

nghiệp bất định thời nhiều, tạo định nghiệp thời ít. Vì thế nên có tu tập đạo hạnh. Do tu tập đạo hạnh nên định nghiệp trọng có thể làm cho thọ báo nhẹ, những nghiệp bất định chẳng thọ quả báo đời kế.

Này Thiện Nam Tử ! Có hai hạng người: Một là hạng người với nghiệp bất định làm thành quả quyết định, quả báo hiện đời làm thành quả báo đời kế, quả báo nhẹ làm thành quả báo nặng, đáng lẽ thọ báo trong loài người mà lại thọ báo ở địa ngục. Hai là hạng người với định nghiệp làm thành bất định nghiệp, đáng lẽ thọ báo đời kế làm cho thọ báo đời hiện tại, báo nặng làm thành báo nhẹ, đáng thọ báo địa ngục làm cho thọ báo nhẹ trong loài người. Hai hạng này: Một là kẻ ngu, một là người trí. Người trí làm thành nhẹ. Người ngu khiến cho nặng.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người mắc tội với nhà vua, người có quyền thuộc đông đảo thời tội tất sẽ nhẹ, người quyền thuộc ít tội nhẹ trở thành nặng. Người trí kẻ ngu si cũng như vậy: Người trí nhờ nghiệp lành nhiều nên tội trọng mà thọ quả báo nhẹ. Người ngu vì nghiệp lành ít nên tội nhẹ mà thọ quả báo nặng.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người một thời mập mạnh, một thời gầy yếu. Hai người này đều té xuống bùn

sâu. Người mập mạnh lên được, người gầy yếu thời lún mất.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng uống thuốc độc. Một người có thần chú và thuốc A dà đà. Một người không có. Người có thần chú và thuốc thời độc chẳng làm hại được. Người không có bị chất độc hại chết.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng uống nước trái cây ép: Một người nhiệt lực thanh, một người suy yếu. Người nhiệt lực nhiều thời tiêu hóa được. Người suy yếu thời bị nước ấy làm thành bệnh.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người bị nhà vua bắt trói: Một người có trí huệ, một người thời ngu si. Người có trí thời có thể được thoát khỏi. Người ngu si thời không có thời kỳ thoát khỏi.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng đi trên đường hiểm trở. Một thời mắt sáng. Một thời mù lòa. Người mắt sáng đi thẳng qua không hại gì. Người mù bị sụp té xuống hố sâu.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đồng uống rượu. Một thời ăn nhiều. Một thời ăn ít. Người ăn nhiều uống rượu không bị hại. Người ăn ít uống rượu thời thành

bệnh.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người đều đối địch với giặc thù. Một người thời võ trang đầy đủ, một người thời tay không. Người có võ trang ắt phá được kẻ thù. Người tay không ắt chẳng khỏi bị hại.

Này Thiện Nam Tử ! Ví như hai người bị phản nơ vấy vào y phục. Một người vừa biết liền giặt y phục. Một người biết mà chẳng chịu giặt. Người giặt liền đó thời y phục sạch sẽ. Người chẳng chịu giặt thời nơ uế càng tăng thêm.

Này Thiện Nam Tử ! Lại có hai người đều ngồi xe. Một xe (có) trục có cãm, một xe thời không trục không cãm. Người ngồi xe có trục có cãm thời tùy ý mà đi. Người ngồi xe không trục không cãm thời không đi đâu được.

Lại có hai người đều đi trên đường hoang vắng. Một người có mang lương thực, một người thời đi không. Người có mang lương thực qua khỏi được con đường hiểm. Người đi không ắt chẳng qua được.

Lại có hai người bị kẻ cướp giựt. Một người có kho báu kín, một người thời không. Người có kho báu kín

thời không lo rầu. Người không có kho báu thời sâu khổ.

Kẻ ngu người trí cũng như vậy: Người trí có kho báu lành nên nghiệp nặng mà thọ báo nhẹ. Người không có báu lành thời nghiệp nhẹ phải thọ báo nặng.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Như lời Phật nói chẳng phải là tất cả nghiệp đều thành quả nhất định cũng chẳng phải tất cả chúng sanh quyết định thọ báo. Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh làm thế nào khiến quả báo nhẹ hiện tại phải thọ báo nặng ở địa ngục ? Làm thế nào khiến quả báo nặng địa ngục trở thành báo nhẹ trong đời hiện tại ?”

Phật nói:

“ Có hai hạng chúng sanh: Một là trí hai là ngu. Nếu có thể tu tập thân, giới, tâm, huệ, nơi tâm thời gọi là người trí. Nếu chẳng thể tu tập thời gọi là kẻ ngu.

Nếu chẳng thể điều nhiếp năm căn thời gọi là chẳng tu thân. Nếu chẳng thể thọ trì bảy thứ tịnh giới thời gọi là chẳng tu giới. Vì chẳng điều tâm nên gọi là chẳng tu tâm. Chẳng tu tập Thánh hạnh thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể đầy đủ giới thể thanh tịnh. Người chẳng tu giới thời nhận chứa tám

thứ vật bất tịnh. Người chẳng tu tâm thời chẳng thể tu tập ba thứ tướng. Người chẳng tu huệ thời chẳng tu tập phạm hạnh.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng thể quán thân, quán sắc và quán sắc tướng, chẳng quán thân tướng, chẳng biết thân số, chẳng biết thân này từ đây đến kia, ở trong chẳng phải thân mà tưởng là thân, ở trong chẳng phải sắc mà tưởng là sắc, do đây nên tham đắm thân và thân số, đây gọi là chẳng tu thân.

Người chẳng tu giới nếu thọ hạ giới thời chẳng gọi là tu giới, thọ trì biên giới, giới gì tự lợi, giới gì tự điều phục, chẳng thể làm cho khắp chúng sanh được an vui, chẳng phải vì hộ trì chánh pháp Vô Thượng, vì sanh lên cõi trời hưởng thọ ngũ dục, đây chẳng gọi là tu giới.

Người chẳng tu tâm thời tâm tán loạn không thể chuyên nhất duyên nơi tự cảnh. Tự cảnh chính là tứ niệm xứ. Cảnh khác là nói ngũ dục. Nếu không thể tu tập tứ niệm xứ thời gọi là chẳng tu tâm.

Ở trong nghiệp ác nếu chẳng khéo giữ gìn tâm niệm thời gọi là chẳng tu huệ.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quan sát thấu

đáo thân này là vô thường, là vô trụ, là mỏng manh, là niêm niêm diệt hoại, là cảnh giới của ma.

Người chẳng thể tu giới thời không thể đầy đủ Thi La Ba La Mật. Người chẳng tu tâm thời không thể đầy đủ Thiên Na Ba La Mật. Người chẳng tu huệ thời không thể đầy đủ Bát Nhã Ba La Mật.

Lại người chẳng tu thân thời tham đắm thân ta và thân sở hữu của ta, cho rằng thân ta thường hằng không có biến đổi. Người chẳng tu giới thời vì tự thân mà tạo mười nghiệp ác. Người chẳng tu tâm thời ở trong nghiệp ác không thể nhiếp tâm. Người chẳng tu huệ do vì không nhiếp tâm nên không phân biệt được những pháp thiện ác.

Lại người chẳng tu thân thời chẳng dứt ngã kiến. Người chẳng tu giới thời không dứt được giới thủ. Người chẳng tu tâm thời tạo nghiệp tham sân mà phải đọa địa ngục. Người chẳng tu huệ thời không dứt được tâm si.

Lại người chẳng tu thân thời không thể quán thân, dầu thân không lỗi lầm nhưng nó luôn là kẻ oán thù. Ví như có người bị kẻ thù theo dõi, nếu người này có trí thời cẩn thận giữ gìn, nếu không thận trọng ắt bị kẻ thù làm hại, thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường

phải dùng đồ uống món ăn, đồ lạnh đồ ấm để nuôi dưỡng, nếu chẳng khéo giữ gìn nuôi dưỡng thời nó sẽ tan rã.

Như Bà La Môn kính thờ Lửa, họ thường dâng hương hoa tán thán lễ bái, hạn kỳ phải đủ trăm năm, nếu lúc chạm đến liền đốt cháy tay người. Dầu lửa này được cung kính cúng dường như vậy, nhưng trọn không một niệm báo ân cho người phụng sự. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, dầu trong nhiều năm dùng hương hoa, châu ngọc, y phục, đồ uống ăn, đồ nằm, thuốc men tắm rửa mà cung cấp đó, nếu gặp những duyên xấu hoặc trong hoặc ngoài thời liền hoại diệt, nó trọn chẳng nhớ tưởng đến ơn cung cấp ngày trước.

Ví như có Quốc Vương nuôi bốn con rắn độc trong một cái rương, giao phó cho một người bảo phải nuôi nâng săn sóc. Trong bốn con rắn này, nếu một con nổi giận thời có thể giết hại chết người. Người có phận sự săn sóc rắn luôn luôn lo sợ thường tìm món ăn thức uống giữ gìn nuôi nâng. Thân tứ đại của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu một đại nổi giận thời có thể làm cho thân phải hư hoại.

Như người mang bệnh lâu phải nên hết lòng tìm y sĩ chữa trị, nếu chẳng siêng lo điều trị ắt phải chết. Thân

của tất cả chúng sanh cũng như vậy, thường phải nhất tâm chẳng nên buông lung, nếu buông lung thời hoại diệt.

Ví như bình đất chưa hầm thời không chịu được gió mưa đập ném dần dè. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, chẳng chịu được đói khát lạnh nóng, gió mưa đánh đập mắng nhiếc.

Như mụn nhọt chưa muối phải thường giữ gìn chớ cho người chạm đến, nếu để đụng chạm thời đau đớn lắm. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con la mang thai nghén thời tự hại lấy thân nó. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu trong thân có phong lãnh thời thân phải bị hại.

Ví như cây chuối trở buồng thời phải khô chết. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như cây chuối không có lõi cứng. Thân của tất cả chúng sanh cũng như vậy.

Như rắn, chuột, chó sói, mỗi con thường sanh lòng oán hại lẫn nhau. Tứ đại của chúng sanh cũng như vậy.

Ví như con ngỗng chúa chẳng thích gò mả. Bồ Tát cũng như vậy, đối với thân thể cũng chẳng ưa thích.

Như giòng Chiên Đà La bảy đời nói nhau chẳng bỏ

nghiệp hèn, do đây nên bị người khinh tiện. Chủng tử của thân này cũng như vậy, tinh huyết hôi tanh hoàn toàn bất tịnh. Vì bất tịnh nên chư Phật và Bồ Tát quả khinh. Thân này chẳng phải như núi Ma La Da mọc cây Chiên đàn, cũng chẳng thể sanh hoa Ưu Bát La, hoa Phân Đà Lợi, hoa Chiêm Bà, hoa Ma Lợi Ca, hoa Bà Sư Ca. Chín lỗ của nó thường chảy ra máu mủ bất tịnh, chỗ nó sanh hôi dơ xấu xa đáng gớm, nó thường cùng các loài trùng đồng ở một chỗ.

Ví như trong đời dầu có vườn rừng thanh tịnh xinh đẹp, nhưng trong nhà chứa tử thi thời là bất tịnh, mọi người đều lìa bỏ chẳng ưa thích. Cõi sắc cũng như vậy, dầu là thanh tịnh tốt đẹp, nhưng vì có thân nên bị chư Phật cùng Bồ Tát lìa bỏ đó.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu người chẳng thể quan sát như vậy thời chẳng gọi là tu thân.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu chẳng thể quan sát giới luật là thân thang¹⁴ của tất cả pháp lành, cũng là cội gốc của tất cả pháp lành, như mặt đất là chỗ dựa nương của tất cả cây cối, là đạo thủ của các thiện căn, như thương chủ dẫn

¹⁴ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “thêm thang”, bản 2: “thêm bậc”

dắt đoàn người buôn. Giới là thắng tràng của tất cả pháp lành như thắng tràng của Thiên Đế Thích dựng. Giới có thể dứt hẳn tất cả nghiệp ác và ba ác đạo, có thể trị lành những bệnh dữ như dục thọ. Giới là tư lương trên con đường hiểm sanh tử. Giới là giáp trượng đánh dẹp những giặc phiền não hung ác. Giới là thần chú hay diệt rắn độc kiết sử. Giới là cây cầu đi qua khỏi nghiệp ác. Nếu chẳng thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Nếu không thể quan sát tâm niệm động chuyển lăng xăng, khó nắm lấy khó điều phục, lung chạy như voi dữ, niệm niệm mau chóng như chớp nhoáng, nhảy nhót chẳng dừng như khỉ vượn, như huyễn, như dương diệm, tâm niệm này là cội gốc của tất cả điều ác, ngũ dục khó vừa lòng như lửa thêm củi, như biển cả nuốt hết các giòng sông, như núi Mạn Đà cỏ cây quá nhiều, chẳng thể thấy biết sanh tử hư vọng, mê làm say đắm đến nổi thành bệnh, như cá nuốt lưỡi câu. Thường đi trước dẫn theo những tội nghiệp như con bói mầu dắt đàn con. Tham đắm ngũ dục chẳng thích Niết Bàn, như lạc đà ăn mật nhãn đến chết chẳng đoái cở non. Quá tham đắm sự vui hiện tại chẳng nhìn đến lỗi lầm ngày sau, như bò tham ăn lúa mạ chẳng sợ roi gậy. Chạy khắp hai mươi lăm cõi,

như gió mạnh thổi bông Nâu La. Chỗ chẳng đáng tìm cầu mà cầu đó không nhàm đủ như người vô trí cầu lửa không nóng. Thường thích sanh tử chẳng ưa giải thoát, như trùng nhiệm bà thích cây nhiệm bà. Mê lầm tham đắm sanh tử hôi nhơ, như kẻ ngục tù thích gái ngục tốt, cũng như heo trong chuồng ưa chỗ bất tịnh. Nếu có người không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Người chẳng tu huệ, chẳng quan sát trí huệ có thể lực lớn, như kim sí điều có thể hoại nghiệp ác, như ánh sáng mặt trời phá tan tối tăm, trí huệ có thể nhổ cây ngũ âm như nước đẩy trôi đồ vật, đốt cháy tà kiến như lửa hừng trí huệ là cội gốc của tất cả pháp lành, là chủng tử của Phật và Bồ Tát. Nếu không thể quan sát như vậy thời gọi là chẳng tu trí huệ.

Này Thiện Nam Tử ! Trong đệ nhất nghĩa, nếu thấy thân, thân tướng, thân nhân, thân quả, nhiều thân, thân một, thân hai, thân đây, thân kia, thân diệt, thân bình đẳng, thân tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu thân.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu thấy giới, giới tướng, giới nhân, giới quả, giới thượng, giới hạ, giới tụ, giới một, giới hai, giới đây, giới kia, giới diệt, giới bình đẳng, giới

tu, người tu, giới Ba La Mật, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu giới.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu thấy tâm, tâm tướng, tâm nhân, tâm quả, tâm tu, tâm vương, tâm sở, tâm một, tâm hai, tâm đây, tâm kia, tâm diệt, tâm bình đẳng, tâm tu, người tu, tâm thượng trung hạ, tâm thiện, tâm ác, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu tâm.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu thấy huệ, huệ tướng, huệ nhân, huệ quả, huệ tu, huệ một, huệ hai, huệ đây, huệ kia, huệ diệt, huệ bình đẳng, huệ thượng trung hạ, huệ lợi, huệ độn, huệ tu, người tu, nếu có thấy như vậy thời gọi là chẳng tu huệ.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu chẳng tu thân giới tâm huệ, những người như vậy ở nơi nghiệp ác nhỏ mà mắc phải quả báo lớn. Do vì khùng bô nên thường nghĩ rằng: Tôi thuộc người địa ngục làm hạnh địa ngục. Dầu nghe người trí nói khô, địa ngục, thường nghĩ rằng như sắt đập sắt, như đá trở lại đập đá, như gỗ tự đập gỗ, như vi trùng lửa thích lửa, thân địa ngục trở lại giống địa ngục, nếu giống địa ngục thời có gì là khô.

Ví như con lặn xanh bị dính nơi nước miếng chẳng thể bay được, người này cũng vậy ở trong tội nhỏ không

thể thoát khỏi, trọn không lòng ăn năn, chẳng thể tu pháp lành, che giấu tội lỗi, dầu có tất cả nghiệp lành thuở quá khứ, nhưng đều bị tội này làm cầu nhờ, người này có quả báo nhẹ đáng lẽ hiện đời thọ lấy mà trở lại thành quả báo rất nặng nơi địa ngục.

Như trong chậu nước nhỏ đổ vào một thặng muối, nước đó mặn chát, khó uống được, tội nghiệp của người này cũng như vậy.

Ví như có người mắc nợ một tiền chẳng trả được nên thân bị trói buộc chịu nhiều sự khổ, tội nghiệp của người này cũng như vậy.

Sư Tử Hồng Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Có gì người này làm cho quả báo nhẹ hiện thời trở thành quả địa ngục ?

Phật nói:

“ Nay Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh nếu đủ năm việc thời làm cho quả báo nhẹ hiện đời trở thành quả địa ngục: Một là vì ngu si, hai là vì căn lành kém ít, ba là vì ác nghiệp sâu nặng, bốn là vì chẳng sám hối, năm là vì chẳng tu nghiệp lành hiện đang tu tập.

Lại có năm việc: Một là vì tu tập nghiệp ác, hai là vì

không giới đức, ba là vì xa lìa căn lành, bốn là vì chẳng tu thân giới tâm huệ, năm là vì gần gũi bạn ác.

Này Thiện Nam Tử ! Do vì đủ những việc trên đây, nên chúng sanh làm cho quả báo nhẹ hiện đời thành quả địa ngục.

- Bạch Thế Tôn ! Những người nào có thể chuyển báo địa ngục thành quả báo nhẹ hiện đời ?

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu có người tu tập thân giới tâm huệ như đã nói ở trên, có thể thấy các pháp đồng với hư không, chẳng thấy trí huệ cũng như chẳng thấy người trí, chẳng thấy ngu si cũng như chẳng thấy kẻ ngu, chẳng thấy tu tập và người tu tập, đây gọi là người trí. Người này có thể tu tập thân giới tâm huệ. Người này có thể làm cho quả báo địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời: Giả sử người này gây tạo ác nghiệp rất nặng, nhờ tư duy quan sát có thể làm cho nghiệp nặng thành nhẹ. Người này nghĩ rằng: Nghiệp của ta dầu nặng nhưng chẳng bằng nghiệp lành. Như bông vải dầu nhiều nặng cả trăm cân, nhưng chẳng thể sánh bằng một lượng vàng ròng. Như đem một thặng muối ném vào trong sông Hằng, nước sông không vị mặn người uống chẳng biết. Như người giàu to dầu thiếu người ngàn muôn vật báu cũng không

ai bắt bớ làm khổ được. Như đại hương tượng có thể bức dây xích sắt mà đi tự tại. Người trí huệ cũng như vậy, thường suy nghĩ rằng công đức lành của tôi nhiều, nghiệp ác yếu kém, tôi có thể phát lồ sám hối trừ hết tội ác, tôi có thể tu tập trí huệ làm cho sức trí huệ nhiều, sức vô minh ít.

Nghĩ như vậy rồi, gần gũi bạn lành tu tập chánh kiến, thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh. Sinh lòng cung kính đối với những người trì tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh và đem những y phục, đồ uống ăn, phòng nhà, giường nệm, thuốc men, hoa hương mà cúng dường, thường tôn trọng tán thán, đi đến đâu cũng đều khen ngợi hạnh lành của người đó, chẳng nói đến việc kém dở của người đó. Thường cúng dường Tam bảo, kính tin pháp Đại Thừa kinh Đại Niết Bàn. Tin đức Như-Lai thường hằng không có biến đổi. Tin tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Người này có thể làm cho quả báo nặng địa ngục trở thành quả nhẹ hiện đời.

Này Thiện Nam Tử ! Do những nghĩa trên đây nên chẳng phải tất cả nghiệp đều quyết định có quả, cũng chẳng phải tất cả chúng sanh đều quyết định thọ báo.

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả nghiệp chẳng quyết định

có quả, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, lẽ ra phải tu tập tám Thánh đạo, có gì tất cả chúng sanh đều chẳng được Đại Niết Bàn này ?

Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả chúng sanh đều có Phật tánh thì sẽ quyết định được Vô Thượng Bồ Đề, cần gì phải tu tập tám Thánh đạo?

Bạch Thế Tôn ! Như trong kinh này nói người có bệnh nếu gặp đặng thuốc hay và người khám bệnh tùy theo bệnh mà cho ăn uống, hoặc chẳng được như vậy tất cả cũng đều được lành mạnh. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, nếu gặp Thanh Văn, Bích Chi Phật, Chư Phật, Bồ Tát những bậc Thiện tri thức, nghe chánh pháp, tu tập Thánh đạo hoặc chẳng được gặp được nghe, được tu tập, cũng đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn ! Ví như không ai có thể ngăn mặt trời, mặt trăng đi vòng khắp bốn châu thiên hạ, tất cả chúng sanh cũng như vậy, không ai có thể ngăn trở làm cho có thể được đến Vô Thượng Bồ Đề. Tại sao vậy ? Vì do Phật tánh vậy.

Bạch Thế Tôn ! Cứ theo nghĩa này thì tất cả chúng sanh chẳng cần tu hành, do năng lực của Phật tánh đều

đáng được Vô Thượng Bồ Đề.

Bạch Thế Tôn ! Nếu Nhất Xiển Đề phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch chẳng được Vô Thượng Bồ Đề lẽ ra cần phải tu tập, vì do Phật tánh quyết định sẽ được, chẳng phải do tu tập rồi sau mới được.

Bạch Thế Tôn ! Ví như đá nam châm dầu cách xa sắt, nhưng do sức của nó mà sắt bị hút dính. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, nên chẳng cần siêng năng tu tập Thánh đạo.

Phật nói: “ Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện Nam Tử ! Như bên sông Hằng có bảy hạng người hoặc vì tắm rửa, hoặc vì sợ giặc cướp, hoặc vì hái hoa mà vào trong sông:

Người thứ nhất vào nước thì chìm, vì yếu đuối lại chẳng biết lội.

Người thứ hai dầu bị chìm lại nổi lên, nổi rồi lại chìm, vì người này có sức mạnh nên có thể nổi lên, vì chẳng biết lội nên lại chìm.

Người thứ ba chìm rồi liền nổi lên, nổi lên chẳng chìm nữa, vì người này thân nặng nên chìm, do sức mạnh nên nổi lên, vì biết lội nên không bị chìm nữa.

Người thứ tư vào nước bèn chìm, chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi bèn chẳng chìm nữa mà ngó khắp bốn phương, vì người này thân nặng nên chìm, sức mạnh lại nổi lên, biết lộ nên không chìm nữa, chẳng biết lên phía nào nên ngó khắp bốn phương.

Người thứ năm vào nước liền chìm, lại nổi lên rồi không chìm nữa, nhìn ngó phương hướng mà lộ đi, vì có lòng sợ sệt.

Người thứ sáu vào nước liền lộ đi, đến chỗ cạn thời đứng lại, vì để xem giặc cướp gần hay xa.

Người thứ bảy đã qua đến bờ kia leo lên núi lớn không còn sợ sệt, thoát khỏi giặc cướp lòng rất vui sướng”.

Này Thiện Nam Tử ! Sông lớn sanh tử cũng như vậy, có bảy hạng người vì sợ giặc phiền não mà muốn lộ qua sông sanh tử, nên xuất gia cạo tóc thân mặc pháp phục. Đã xuất gia rồi gần gũi bạn ác nghe theo lời của họ mà lãnh thọ tà pháp. Họ bảo rằng thân chúng sanh tức là năm ấm, năm ấm gọi là năm đại, chúng sanh nếu chết thời năm đại dứt hẳn, đã dứt hẳn cần gì tu tập những hạnh nghiệp lành dữ, do đây nên biết rằng không có lành dữ cũng như không có quả báo lành dữ. Hạng người này gọi

là Nhất Xiển Đề, gọi là dút căn lành, vì căn lành đã dút nên chìm trong sông sanh tử không thể ra được, vì nghiệp ác của họ quá nặng, vì họ không có đức tin, như người thứ nhất bên bờ sông Hằng.

Này Thiện Nam Tử ! Nhất Xiển Đề có sáu nhân duyên phải chìm trong ba đường ác không thể thoát được: Một là vì tâm ác quá thạnh, hai là vì chẳng thấy đời sau, ba là vì ưa huân tập phiền não, bốn là vì xa lìa căn lành, năm là vì nghiệp ác ngăn cách, sáu là vì gần gũi bạn ác. Lại có năm điều khiến họ chìm trong ba đường ác: Một là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo, hai là làm việc phi pháp đối với các Tỳ Kheo Ni, ba là tự do dùng của vật của chúng Tăng, bốn là làm việc phi pháp với mẹ, năm là sanh sự thị phi đối với năm bộ Tăng. Lại có năm điều làm cho họ chìm trong ba đường ác: Một là nói không quả báo thiện ác, hai là giết chúng sanh phá Bồ Đề tâm, ba là ưa nói lỗi lầm của pháp sư, bốn là chánh pháp nói là phi pháp, còn phi pháp nói là chánh pháp, năm là vì tìm lỗi của chánh pháp mà đến nghe học. Lại có ba điều làm cho họ chìm trong ba đường ác: Một là nói Đức Như-Lai vô thường nhập diệt vĩnh viễn, hai là nói chánh pháp vô thường dời đổi, ba là nói chúng Tăng

thật có thể hoại diệt.

Người thứ hai muốn qua khỏi sông lớn sanh tử, vì dứt mắt căn lành nên chìm không thoát được. Nói rằng thoát khỏi tức là gần gũi bạn lành thời được tín tâm, chính là tin bổ thí và quả bổ thí, tin nghiệp lành và quả lành, tin nghiệp ác và quả ác, tin sanh tử là khổ, là vô thường hư hoại. Do được tín tâm nên tu tập tịnh giới, trì tụng, biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, thường thích bổ thí, khéo tu trí huệ. Vì độn căn nên lại gặp bạn ác, do đây nên không thể tu tập thân giới tâm huệ, trở lại thọ lấy tà pháp, hoặc gặp thời kỳ ác ở nơi cõi nước ác, nên dứt mất những căn lành mà phải chìm luôn trong sanh tử, như người thứ hai bên sông Hằng.

Người thứ ba muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt mắt căn lành nên chìm đắm ở trong sông. Người này gần gũi bạn lành nên được nổi lâu, tin Đức Như-Lai là bậc nhất thiết trí thường hằng không biến đổi, vì chúng sanh mà nói đạo Vô Thượng, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Như-Lai chẳng phải diệt độ, Pháp và Tăng cũng không hoại diệt. Nhất Xiển Đề nếu chẳng dứt ác pháp của họ thời trọn không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Phải biết rằng cần phải xa lìa rồi sau mới đặng. Do tín tâm nên tu

tịnh giới, tu tịnh giới rồi thọ trì, đọc (*tụng*), biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do căn trí lanh lợi nên trụ vững nơi tín huệ không thối chuyển, như người thứ ba bên sông Hằng.

Người thứ tư muốn qua khỏi sông sanh tử, vì dứt căn lành nên chìm trong sông, vì gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên. Vì được tín tâm nên được thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ tâm không thối chuyển, quan sát khắp bốn phương, quan sát bốn phương đây là nói bốn quả Sa Môn, như người thứ tư bên sông Hằng.

Người thứ năm muốn lội qua sông sanh tử, vì dứt mất căn lành nên phải chìm trong sông, nhờ gần gũi bạn lành nên được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ vì lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, không thối chuyển rồi bèn thẳng đến trước, thẳng đến trước, đây là nói quả Bích Chi Phật, dầu có thể

tự độ nhưng chẳng độ đến chúng sanh, đây gọi là đi, như người thứ năm bên sông Hằng.

Người thứ sáu muốn qua khỏi sông sanh tử, vì mất thiện căn nên chìm trong sông, nhờ gàn gỏi bạn lành mà được tín tâm, đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ cho lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ không thối chuyển, rồi bèn thẳng đến trước gặp chỗ cạn đứng lại chẳng đi nữa. Đứng lại chẳng đi là nói Bồ Tát vì muốn độ chúng sanh nên trụ lại quán sát phiền não, như người thứ sáu bên sông Hằng.

Người thứ bảy muốn thoát khỏi sông sanh tử vì mất căn lành nên chìm trong sông, nhờ gàn gỏi bạn lành mà được tín tâm đây gọi là nổi lên, do tín tâm nên thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết mười hai bộ kinh, rồi vì chúng sanh mà rộng tuyên dương lưu bố, ưa bố thí, tu tập trí huệ, do lợi căn nên đứng vững nơi tín huệ, tâm không thối chuyển, liền thẳng đến bờ kia, leo lên núi cao, lìa khỏi những sự khùng bố, hưởng nhiều sự an vui.

Này Thiện Nam Tử ! Núi cao bên bờ kia dụ cho đức Như-Lai, hưởng sự an vui dụ cho Phật thường trụ, núi

cao lớn dụ cho Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Những người ở bên (bờ) sông Hằng kia đều có đủ tay chân mà không thể qua được. Tất cả chúng sanh cũng như vậy, thật có Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo, đức Như-Lai thường nói pháp yếu, có tám Thánh đạo, có Đại Niết Bàn, mà chúng sanh đều chẳng thể được, đây chẳng phải lỗi của Như-Lai cũng chẳng phải lỗi của Thánh đạo và chúng sanh, nên biết rằng đều là lỗi ác của phiền não, do đây nên tất cả chúng sanh chẳng được Đại Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Như lương y biết rõ bệnh nói phương thuốc, người bệnh chẳng chịu uống, đây chẳng phải là lỗi của Lương Y.

Này Thiện Nam Tử ! Như có thí chủ đem tiền của bố thí cho mọi người, có người chẳng chịu nhận lấy, đây chẳng phải là lỗi của thí chủ.

[Này Thiện Nam Tử ! Như mặt trời mọc lên những chỗ tối tăm đều tỏ sáng, mà người mù lòa kia chẳng thấy đường sá, đây chẳng phải là lỗi của mặt trời.]

Này Thiện Nam Tử ! Như nước sông Hằng có thể giải trừ sự khát nước, có kẻ khát nước chẳng chịu uống,

đây chẳng phải là lỗi của nước.

Này Thiện Nam Tử ! Như mặt đất bình đẳng nuôi sống tất cả cây cỏ, có nông phu kia chẳng chịu gieo trồng, đây chẳng phải là lỗi của mặt đất.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai khắp vì tất cả chúng sanh mà rộng mở bày phân biệt mười hai bộ kinh, chúng sanh chẳng chịu tin thọ, đây chẳng phải là lỗi của Như-Lai.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu người tu tập Thánh đạo thời được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Vừa rồi ông nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh đáng được Vô Thượng Bồ Đề, như đá nam châm hút sắt.

Lành thay ! Lành thay ! Do có năng lực nhân duyên của Phật tánh nên chúng sanh được Vô Thượng Bồ Đề.

Nhưng nếu nói rằng chẳng cần tu tập Thánh đạo thời không đúng.

Này Thiện Nam Tử ! Như có người đi trong đồng hoang vắng khát nước gặp giếng, giếng này sâu thăm tối đen, người này dầu chẳng thấy nước nhưng biết rằng chắc có nước, người này tìm dây gàu múc lên thời thấy

nước. Phật tánh cũng vậy, tất cả chúng sanh mặc dầu đều có, nhưng cần phải tu tập vô lậu Thánh đạo rồi sau mới đặng thấy.

Này Thiện Nam Tử ! Như người có hột mè thời tất được thấy dầu, nhưng rời bỏ phương tiện thời chẳng thấy được. Nơi mía thấy đường cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như cung trời Đao Lợi và Bắc Cu Lô Châu dầu là có, nhưng nếu không nghiệp lành, hoặc thần thông, hoặc đạo lực, thời chẳng thấy được.

Như rễ cỏ trong đất, như mạch nước dưới đất, vì đất che nên chúng sanh chẳng thấy. Phật tánh cũng vậy, vì chẳng tu tập Thánh đạo nên chẳng thấy được.

Này Thiện Nam Tử ! Như vừa rồi ông nói trong đời có người bệnh nếu gặp được lương y, thuốc hay, người khám bệnh giỏi, ăn uống phải cách, hoặc chẳng gặp, đều được lành mạnh.

Này Thiện Nam Tử ! Đó là ta vì bậc lục trụ Bồ Tát mà nói nghĩa ấy.

Này Thiện Nam Tử ! Như hư không đối với chúng sanh, nó chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, vì không phải trong ngoài nên cũng không trở ngại. Phật tánh của

chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như có người để tài sản ở xứ khác, dầu của cải không hiện có, nhưng người này vẫn được tùy ý thọ dụng. Có người hỏi đến tiền của, người này đáp rằng tôi hứa cho. Tại sao vậy ? Vì người này quyết định có của. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải đây chẳng phải kia, vì quyết định được nên ta nói tất cả chúng sanh đều có.

Này Thiện Nam Tử ! Như chúng sanh gây tạo các nghiệp, hoặc nghiệp lành, hoặc nghiệp ác, chẳng phải trong, chẳng phải ngoài, nghiệp tánh này chẳng phải có chẳng phải không, lại cũng chẳng phải là trước không mà nay có, cũng chẳng phải không nhân mà có ra, chẳng phải đây làm rồi đây thọ, chẳng phải đây làm mà kia thọ, chẳng phải kia làm mà kia thọ, nghiệp tánh này không tác giả không thọ giả, lúc thời tiết hòa hiệp thời có quả báo. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng phải là trước không mà nay có, chẳng phải trong chẳng phải ngoài, chẳng phải có chẳng phải không, chẳng phải đây chẳng phải kia, chẳng phải chỗ khác đến, chẳng phải không nhân duyên, cũng chẳng phải là tất cả chúng sanh chẳng thấy, có những Bồ Tát lúc thời tiết nhân duyên hòa

hiệp mà được thấy. Thời tiết đây là nói bậc Thập Trụ Bồ Tát tu tám Thánh đạo được tâm bình đẳng đối với chúng sanh, lúc bấy giờ được thấy Phật tánh, chẳng gọi là tạo tác.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói rằng như đá nam châm hút sắt, cứ nơi nghĩa thời chẳng đúng. Tại sao vậy ? Vì đá ấy chẳng hút sắt, bởi đá ấy không tâm nghiệp. Này Thiện Nam Tử ! Do pháp kia có nên pháp này sanh ra, do pháp kia không nên pháp này diệt hoại không có tác giả cũng không có hoại giả.

Này Thiện Nam Tử ! Như ngọn lửa mạnh chẳng thể đốt cháy củi, lửa ra củi hư gọi đó là cháy củi.

Như bông quỳ xoay theo mặt trời, dầu vậy nhưng bông quỳ này không có tâm cung kính, không thức cũng không nghiệp, vì tánh chất riêng của nó mà tự xoay chuyển.

Như cây chuối nhân tiếng sấm mà được tăng trưởng, cây này không lỗi tai, không có tâm ý thức, do vì có pháp kia nên pháp này tăng trưởng, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây a thục ca, người nữ rờ đụng đến thời cây này

trở bông, cây này không tâm ý, cũng không giác xúc, do vì có pháp kia nên pháp này sanh ra, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây quít được tử thi thời trái thêm nhiều, cây quít này không tâm ý cũng không giác xúc, vì có pháp kia nên pháp này thêm nhiều, vì không pháp kia nên pháp này hư hoại.

Như cây an thạch lựu do phân gạch xương thời trái thêm nhiều, cây an thạch lựu này cũng không tâm ý không giác xúc, vì có pháp khác nên pháp này thêm nhiều, vì pháp khác không nên pháp này hư hoại.

Như đá nam châm hút sắt cũng như vậy, do pháp này có nên pháp kia sanh, vì pháp này không nên pháp kia hư hoại.

Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, chẳng thể đến được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Vô minh chẳng thể hút lấy hành nghiệp, hành cũng chẳng thể hút lấy thức, dầu vậy nhưng cũng gọi là vô minh duyên hành, hành duyên thức.

Hoặc có Phật hay không Phật, pháp giới vẫn thường trụ. Nếu nói rằng Phật tánh ở trong chúng sanh, nên biết

rằng pháp thường hằng thời vô trụ, nếu có chỗ ở thời là vô thường. Như mười hai nhân duyên không chỗ ở nhất định, nếu có chỗ ở thời mười hai nhân duyên chẳng được gọi là thường. Pháp thân của Như-Lai cũng không chỗ ở. Pháp giới, pháp nhập, pháp âm, hư không đều không chỗ ở. Phật tánh cũng không chỗ ở như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như tứ đại dầu thế lực đồng nhau, nhưng có cứng, có nóng, có ướt, có động, có nặng, có nhẹ, có đỏ, có trắng, có vàng, có đen, mà tứ đại này cũng không có nghiệp, vì pháp giới khác nên đều chẳng giống nhau. Phật tánh cũng như vậy vì pháp giới khác đến thời kỳ thời hiện.

Này Thiện Nam Tử ! Vì tất cả chúng sanh chẳng thời mất Phật tánh nên gọi là có, vì bất thời chuyển, vì sẽ có, vì quyết định được, vì quyết định sẽ thấy, nên gọi là tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Ví như có Quốc Vương bảo một đại thần dắt một con voi đem chỉ cho người mù. Đại thần được lệnh Quốc Vương liền họp bọn người mù đến bên con voi. Lúc đó bọn người mù đều lấy tay sờ voi. Đại thần trở về tâu với Quốc Vương đã đem voi chỉ cho bọn người mù rồi. Quốc Vương liền kêu bọn người mù đến hỏi riêng từng người.

Con voi hình dạng như thế nào ? Trong bọn người mù kia, kẻ sờ ngà bèn nói voi hình như củ cải ; kẻ sờ tai nói rằng voi giống như cái ki¹⁵ ; kẻ sờ đầu nói rằng voi giống như khối đá, kẻ sờ vòi nói rằng voi giống như cái chày ; kẻ sờ chân nói rằng voi giống như cái cối gỗ ; kẻ sờ lưng nói rằng voi như cái giường ; kẻ sờ bụng nói rằng voi như cái lu ; kẻ sờ đuôi nói voi như sợi dây.

Này Thiện Nam Tử ! Bọn mù kia chẳng nói trúng thân hình của voi, nhưng cũng chẳng phải là chẳng nói, các hình tướng đó đều chẳng phải hình voi, nhưng rời ngoài những hình này lại không có voi.

Này Thiện Nam Tử ! Quốc Vương là dụ cho Như-Lai đáng chánh biến tri vậy. Đại thần dụ cho kinh Đại Thừa Đại Niết bàn. Voi dụ cho Phật tánh. Bọn mù dụ cho tất cả chúng sanh vô minh.

Những chúng sanh này cho rằng Phật đã nói xong, hoặc có kẻ nói sắc là Phật tánh, vì sắc này dầu diệt, nhưng tuần tự nói luôn do đây được ba mươi hai tướng tốt Vô Thượng của Như-Lai, sắc tướng Như-Lai là thường, vì sắc tướng Như-Lai thường hằng chẳng dứt, do đây nên

¹⁵ Cái sàng

nói sắc là Phật tánh, như vàng thật, chất vàng dầu thay đổi nhưng màu sắc vẫn thường chẳng đổi khác, hoặc làm vòng, làm roi, làm mâm, màu vàng vẫn không đổi khác. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, tánh chất dầu vô thường mà sắc là thường, do đây nên nói sắc là Phật tánh.

Hoặc có kẻ nói thọ là Phật tánh, vì do thọ mà được chân lạc của Như-Lai, thọ của Như-Lai là thọ rốt ráo, là thọ đệ nhất nghĩa. Tánh thọ của chúng sanh dầu là vô thường nhưng nó tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được lạc thọ chân thường của Như-Lai. Như người họ Kiều Thi Ca thân người dầu vô thường mà họ vẫn thường, trải qua ngàn muôn đời không đổi khác. Phật tánh chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thọ ấm là Phật tánh.

Lại có kẻ nói tướng ấm là Phật tánh, vì do tướng mà được chân thật tướng của Như-Lai. Tướng của Như-Lai gọi là tướng mà không tướng chẳng phải tướng của chúng sanh, chẳng phải tướng của nam của nữ, chẳng phải tướng trong sắc thọ tướng hành thức, chẳng phải tâm tướng dứt tướng như tướng của chúng sanh. Dầu tướng này vô thường nhưng do tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tướng thường hằng của Như-Lai. Như mười hai nhân duyên của chúng sanh, dầu chúng sanh

diệt mất mà nhân duyên vẫn thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy, do đây nên nói tướng là Phật tánh.

Lại có kẻ nói hành âm là Phật tánh, vì hành gọi là thọ mạng. Thọ mạng làm nhân duyên nên được thọ mạng thường trụ của Như-Lai. Thọ mạng của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng vì tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được thọ mạng chân thường của Như-Lai. Như mười bộ kinh, người nói người nghe dầu là vô thường, nhưng kinh điển này thường còn chẳng biến đổi. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói hành là Phật tánh.

Lại có kẻ nói thức âm là Phật tánh. Do thức làm nhân duyên mà được tâm bình đẳng của Như-Lai. Ý thức của chúng sanh dầu là vô thường, nhưng thức tuần tự nối nhau chẳng dứt, nên được tâm chân thường của Như-Lai. Như lửa tánh nóng dầu ngọn lửa vô thường, nhưng tánh nóng chẳng phải vô thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên nói thức là Phật tánh.

Lại có kẻ nói rời năm ấm có ngã, ngã này là Phật tánh, vì ngã làm nhân duyên mà được ngã tự tại của Như-Lai. Có các nhà ngoại đạo nói rằng: Đứng đi thấy nghe buồn vui nói năng chính đó là ngã, ngã tướng ấy dầu vô thường nhưng ngã của Như-Lai chân thật thường trụ. Như âm

nhập giới dầu là vô thường nhưng vẫn gọi là thường. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như bọn mù kia mỗi người tự nói hình tướng của voi, dầu chẳng được đúng, nhưng chẳng phải là chẳng nói tướng của voi.

Những người nói Phật tánh cũng như vậy, Phật tánh chẳng phải tức sáu pháp, nhưng cũng chẳng ly sáu pháp. Vì thế nên ta nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải sắc, chẳng phải ly sắc, nhãn đến chẳng phải ngã, chẳng phải ly ngã.

Có các nhà ngoại đạo dầu nói có ngã, nhưng thật ra không có ngã. Ngã của chúng sanh chính là ngũ ấm, rời ngoài ngũ ấm không có ngã riêng biệt.

Ví như cọng, cánh, tua, gương hiệp lại làm hoa sen, lìa ngoài những thứ này thời không có hoa sen riêng biệt. Ngã của chúng sanh cũng như vậy.

Như tường, vách, gỗ, tranh hòa hiệp gọi đó là nhà, lìa ngoài những thứ này thời không có nhà riêng biệt.

Như cây Khư đà la, cây Ba la xa, cây Ni Câu Đà, cây Uất đàm bát hiệp lại thành rừng, rời ngoài những thứ này thời không có rừng riêng biệt.

Như chiến xa, voi, ngựa, bộ binh hiệp lại thành quân đội, rời ngoài những thứ này thời không có quân đội riêng biệt.

Như những chỉ năm màu hiệp lại dệt thành vải ngũ sắc, rời ngoài những chỉ này thời không có vải ngũ sắc riêng biệt.

Như bốn họ hiệp lại gọi là đại chúng, rời ngoài những người này thời không có đại chúng riêng biệt.

Ngã của chúng sanh cũng như vậy, rời ngoài năm âm thời không có ngã riêng biệt.

Này Thiện Nam Tử ! Như-Lai thường trụ thời gọi là ngã. Pháp thân của Như-Lai là vô biên vô ngại, là chẳng sanh chẳng diệt, được đủ tám tự tại nên gọi là ngã.

Thật ra chúng sanh không có ngã như vậy, chỉ vì quyết định sẽ được rốt ráo đệ nhất nghĩa không, nên gọi là Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, vì đại từ đại bi thường theo dõi Bồ Tát như bóng theo hình. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại từ đại bi, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại từ đại bi gọi là Phật tánh, Phật tánh gọi là Như-Lai.

Đại hỷ đại xả gọi là Phật tánh, vì Đại Bồ Tát nếu chẳng xả được hai mươi lăm cõi, thời không thể được Vô Thượng Bồ Đề. Bởi chúng sanh quyết định sẽ được, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại hỷ đại xả chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như-Lai.

Phật tánh gọi là đại tín tâm. Vì do tín tâm mà Đại Bồ Tát được đầy đủ Đàn Ba La Mật nhân đến Bát Nhã Ba La Mật. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được đại tín tâm, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đại tín tâm chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như-Lai.

Phật tánh gọi là nhất tử địa. Vì do nhất tử địa nên Bồ Tát được tâm bình đẳng đối với tất cả chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được nhất tử địa, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Nhất tử địa chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như-Lai.

Phật tánh gọi là trí lực thứ tư. Vì do trí lực thứ tư, nên Bồ Tát có thể giáo hóa chúng sanh. Tất cả chúng sanh quyết định sẽ được trí lực thứ tư, do đây nên nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Trí lực thứ tư chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như-Lai.

Phật tánh gọi là mười hai nhân duyên. Vì do nhân duyên nên đức Như-Lai được thường trụ. Tất cả chúng

sinh quyết định có mười hai nhân duyên như vậy, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Mười hai nhân duyên chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như-Lai.

Phật tánh gọi là bốn trí vô ngại. Do bốn trí vô ngại nên giảng thuyết chữ nghĩa vô ngại. Do chữ nghĩa vô ngại nên có thể giáo hóa chúng sanh. Bốn trí vô ngại chính là Phật tánh, Phật tánh chính là Như-Lai.

Phật tánh gọi là đánh tam muội. Vì do tu đánh tam muội này nên có thể tổng nhiếp tất cả Phật pháp, do đây nên nói đánh tam muội gọi là Phật tánh. Thập Trụ Bồ Tát tu tam muội này chưa được đầy đủ, nên dầu thấy Phật tánh mà chẳng rõ ràng. Vì tất cả chúng sanh quyết định được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Như các thứ pháp đã nói ở trên, vì tất cả chúng sanh quyết định sẽ được, nên nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu ta nói sắc là Phật tánh, chúng sanh nghe lời này tất sanh tà kiến điên đảo, do tà kiến điên đảo tất sẽ phải đọa A Tỳ địa ngục. Đức Như-Lai thuyết pháp để dứt địa ngục nên chẳng nói sắc là Phật tánh, nhữn đến chẳng nói thức là Phật tánh cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu chúng sanh thấy rõ Phật tánh thời chẳng cần tu tập Thánh đạo. Thập Trụ Bồ Tát tu tám Thánh đạo còn thấy Phật tánh một phần ít, huống là người chẳng tu mà được thấy ư !

Này Thiện Nam Tử ! Các vị Đại Bồ Tát như Văn Thù Sư Lợi tu tập Thánh đạo đã trải qua vô lượng đời nên thấy rõ Phật tánh. Hàng Thanh Văn, Duyên Giác làm thế nào biết Phật tánh được !

Nếu chúng sanh muốn biết rõ Phật tánh, thời phải nhất tâm thọ trì, đọc tụng, biên chép, giải thuyết, cúng dường, cung kính, tôn trọng, tán thán kinh Đại Niết Bàn này. Thấy người nào trì tụng nhần đến tán thán kinh Đại Niết Bàn này thời phải đem bốn thứ cúng dường thật tốt mà cung cấp cho người ấy, cùng tán thán lễ bái hỏi thăm.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu người nào đã trải qua vô lượng vô biên đời gần gũi cúng dường vô lượng chư Phật trồng sâu các căn lành, rồi sau mới đặng nghe tên của kinh này.

Này Thiện Nam Tử ! Phật tánh chẳng thể nghĩ bàn. Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chẳng biết

được dầu vậy mà cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Như-Lai thường lạc ngã tịnh cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Tất cả chúng sanh nếu ai tin được kinh Đại Niết bàn này, kẻ ấy cũng chẳng thể nghĩ bàn.

Sư Tử Hồng Bô Tát bạch rằng:

“ Bạch Thế Tôn ! Như lời đức Phật nói tất cả chúng sanh có thể tin kinh Đại Niết Bàn chẳng thể nghĩ bàn như đây. Bạch Thế Tôn ! Trong đại chúng này có tám muôn năm ngàn ức người không có lòng tin đối với kinh này, do đây nên người nào tin kinh này thời gọi người đó chẳng thể nghĩ bàn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Số người trên đây đến đời vị lai cũng sẽ quyết định tin được kinh điển này, được thấy Phật tánh và được Vô Thượng Bồ Đề.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào bất thối Bồ Tát tự biết quyết định có tâm bất thối.

- Nay Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát sẽ dùng khổ hạnh để thí nghiệm lấy tâm của mình: Mỗi ngày ăn một hột mè trộn bảy ngày ; gạo trắng, đậu xanh đậu trắng v.v... mỗi thứ bảy ngày, mỗi ngày một hột cũng như vậy.

Lúc ăn một hột mè, Bồ Tát nghĩ rằng: Khổ hạnh như

vậy đều không lợi ích, việc không lợi ích còn làm được hưởng việc lợi ích mà lại không làm.

Đối với việc không lợi ích, trong lòng có thể nhẫn được sự khổ chẳng thối chẳng chuyển, do đây nên quyết định đặng Vô Thượng Bồ Đề.

Trong những ngày tu khổ hạnh như vậy, da thịt ốm khô lần lần, như cát trái bầu tươi phơi trong nắng. Mắt của Bồ Tát thụt sâu vào như đáy giếng. Hết thịt lồi gân như nhà tranh hư mục, xương sống lộ lên như dây thừng, chỗ Bồ Tát ngồi như dấu chân ngựa. Muốn ngồi thì mọp xuống, muốn đứng thì ngã nghiêng. Dầu chịu lấy sự khổ, không lợi ích như vậy, nhưng chẳng thối chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát vì phá các sự khổ, ban sự an vui cho chúng sanh, nên có thể xả thí của, vật, ngoài thân trong thân đến thân mạng của mình như bỏ cỏ khô.

Nếu có thể chẳng tiếc thân mạng như vậy, Bồ Tát này tự biết quyết định có tâm bất thối, tự biết tôi quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Đại Bồ Tát vì pháp mà khoét thân làm đèn, lấy Tô du

đổ vào, đặt tim để đốt.

Lúc Bồ Tát thọ sự khổ lớn như vậy tự trách tâm mình rằng: Sự khổ này đối với sự khổ ở địa ngục trăm ngàn muôn phần chưa bằng một phần. Ở trong vô lượng trăm ngàn kiếp, ta chịu nhiều sự khổ nào đều không đem lại may mắn lợi ích, nếu ta không chịu được sự khổ nhẹ này, thì làm sao có thể ở nơi trong địa ngục để có thể cứu khổ chúng sanh.

Lúc Bồ Tát suy nghĩ như vậy thì thân chẳng biết khổ, tâm chẳng thôi chuyển, do đây Bồ Tát tự biết chắc rằng tôi quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Lúc đó Bồ Tát còn đầy đủ phiền não, vì chánh pháp mà có thể đem đầu, mắt, óc, tủy, tay, chân, máu, thịt bố thí cho người, lấy đinh đóng trên thân, nhảy từ gộp đá cao xuống, nhảy vào lửa. Dầu chịu lấy vô lượng sự khổ như vậy, nhưng nếu trong lòng chẳng có niệm thôi chuyển, Bồ Tát này nên biết rằng nay tôi quyết định có tâm bất thoái, sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát vì phá trừ khổ não cho tất cả chúng sanh, nên nguyện làm thân súc sanh to lớn, đem máu thịt bố thí cho chúng sanh.

Lúc chúng sanh đến lấy máu ăn, Bồ Tát lại sanh lòng thương xót, lúc đó Bồ Tát nín hơi chẳng thở làm như chết, để cho những kẻ đến lấy thịt chẳng có quan niệm giết hại.

Dầu Bồ Tát thọ thân súc sanh nhưng trọn chẳng tạo nghiệp súc sanh. Vì Bồ Tát đã được tâm bất thối chuyển, thời trọn chẳng gây tạo ác nghiệp. Nếu đời vị lai Bồ Tát có nghiệp quả ác nhỏ nhất bất định, do sức nguyện lớn vì độ chúng sanh nên đều thọ lấy đó. Như người bệnh bị quỷ dựa ở ẩn trong thân, do oai lực của chú thuật, nên liền hiện tướng quỷ: Hoặc nói hoặc cười, hoặc mừng hoặc giận, hoặc mắng hoặc khóc. Đại Bồ Tát thọ lấy nghiệp quả đời vị lai cũng như vậy.

Lúc Bồ Tát thọ lấy thân gấu, thường vì chúng sanh mà diễn nói chánh pháp. Hoặc lúc thọ thân chim Ca Tân Xà La, lúc thọ thân Cù Đà, thân nai, thân thỏ, thân voi, thân dê núi, thân khỉ vượn, thân bò câu trắng, thân kim sí điều, thân rồng, thân rắn, lúc thọ những thân súc sanh như vậy, nhưng trọn chẳng gây tạo nghiệp ác súc sanh, mà thường vì những súc sanh khác diễn thuyết chánh pháp, làm cho những súc sanh kia nhờ nghe pháp mà được mau khỏi thân súc sanh.

Lúc Bồ Tát thọ thân súc sanh mà chẳng gây tạo

nghiệp ác nên biết rằng quyết định có tâm bất thối.

Đại Bồ Tát ở đời đói khát, thấy chúng sanh đói khát, nên nguyện làm thân cá lớn dài nhiều do diên, lại nguyện những chúng sanh nào lấy thịt của tôi, lấy rồi liền sanh trở lại, ai ăn thịt của tôi thời được khỏi đói khỏi khát, tất cả đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, do nơi tôi mà kẻ nào được khỏi đói khát, thời vị lai họ sẽ mau được xa lìa khổ hoạn đói khát trong hai mươi lăm cõi.

Lúc Đại Bồ Tát chịu sự khổ như vậy mà tâm chẳng thối chuyển, thời nên biết quyết định sẽ được Vô Thượng Bồ Đề.

Nhằm đời tật dịch, Bồ Tát thấy nhiều người phải bệnh khổ, bèn suy nghĩ rằng như cây Dược thọ, nếu người bệnh lấy rễ lấy cây, lấy nhánh, lấy lá, lấy bông, lấy trái, lấy vỏ đều trị được lành bệnh. Nguyện thân của tôi đây cũng như vậy, nếu người bệnh nghe tiếng, chạm đến thân, ăn thịt, uống máu, nhấn đến xương tủy đều trị lành bệnh. Nguyện chúng sanh lúc ăn thịt tôi chẳng sanh lòng ác, đều có quan niệm như ăn thịt con. Tôi trị cho họ được lành bệnh rồi sẽ thường vì họ mà thuyết pháp. Nguyện họ nghe pháp kính tin lãnh thọ suy gẫm rồi đem dạy lại người khác.

Bồ Tát đầy đủ phiền não lúc chịu sự khổ nơi thân như vậy vẫn chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề, nên biết quyết định được tâm bất thôi, sẽ thành Vô Thượng Bồ Đề

Nếu có chúng sanh bị quỷ làm bệnh, Bồ Tát thấy việc này liền phát nguyện làm thân quỷ to lớn mạnh mẽ, quyến thuộc đông, khiến người bệnh kia nghe thấy liền hết bệnh quỷ.

Đại Bồ Tát vì độ chúng sanh nên siêng tu khổ hạnh, dầu có phiền não nhưng tâm chẳng nhiễm ô.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát dầu tu hành Lục Ba La Mật, chẳng cũng cầu quả Lục Ba La Mật.

Lúc tu hành Lục Ba La Mật Vô Thượng, Bồ Tát nguyện rằng: Nay tôi đem Lục Ba La Mật này bố thí cho tất cả chúng sanh, mỗi chúng sanh nhận lấy sự bố thí của tôi rồi thời đều sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Tôi cũng tự vì Lục Ba La Mật mà siêng tu khổ hạnh chịu những sự khổ não. Lúc đang chịu khổ nguyện tôi chẳng thôi tâm Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát lúc suy gẫm phát nguyện như vậy thời gọi là tướng chẳng thôi chuyển tâm Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn, vì biết rõ sanh tử, có nhiều tội lỗi, quan sát Đại Niết Bàn có công đức lớn, vì chúng sanh mà ở nơi sanh tử chịu những sự khổ tâm chẳng thối chuyển, do đây nên gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Đại Bồ Tát không có nhân duyên mà vẫn sanh lòng thương xót tất cả chúng sanh, thật chẳng thọ ơn mà còn ghi ơn. Dầu thi ơn mà chẳng cần đền trả, do đây nên lại gọi Đại Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Hoặc có chúng sanh vì lợi ích cho mình mà tu các khổ hạnh. Đại Bồ Tát vì lợi ích cho người, cho chúng sanh mà tu hành khổ hạnh, dầu vậy nhưng vẫn gọi là lợi ích cho mình, do đây nên Đại Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, vì phá hoại quan niệm kẻ oán người thân nên thọ những sự khổ để tu tâm bình đẳng, do đây nên Bồ Tát lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát nếu thấy những chúng sanh hung ác thời hoặc quở trách, hoặc nói dịu ngọt, hoặc đuổi, hoặc bỏ.

Với những kẻ tánh ác, Bồ Tát thị hiện nói lời dịu dàng.

Với kẻ kiêu mạn, Bồ Tát thị hiện làm ngã mạn lớn, nhưng trong tâm của Bồ Tát thật không kiêu mạn. Đây gọi là phương tiện của Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát đầy đủ phiền não, lúc của cái ít mà người cầu xin nhiều, lòng Bồ Tát trọn chẳng hẹp nhỏ. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc Đức Phật ra đời, Bồ Tát biết công đức của Phật, nhưng vì chúng sanh mà thọ thân biên địa nơi chỗ không Phật, như đui, như điếc, như què, như thọt. Đây gọi là Bồ Tát chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát biết rõ chúng sanh có những tội lỗi, vì muốn độ họ nên Bồ Tát thường cùng đi chung với họ, dầu làm theo ý của họ nhưng vẫn không nhiễm lấy tội lỗi. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thấy biết rõ ràng không tương chúng sanh, không phiền não nhiễm ô, không người tu tập Thánh đạo xa lìa phiền não. Dầu vì Bồ Đề nhưng không hạnh Bồ Đề, cũng không có người thành tựu hạnh Bồ Đề, không người thọ khổ và người phá khổ mà cũng có thể vì chúng sanh phá hoại sự khổ thật hành hạnh Bồ Đề. Do đây nên gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Bồ Tát thọ thân rớt sau ở cung trời Đâu Suất, đây cũng gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì trời Đâu Suất là hơn tất cả trong cõi dục, cõi trời dưới thời tâm phóng dật, cõi trời trên thời căn tánh ám độn, do đây nên trời Đâu Suất gọi là hơn. Tu thí, tu giới thời được thân trời cõi trên và cõi dưới. Tu thí, tu giới và tu định thời được thân trời Đâu Suất.

Tất cả Bồ Tát đã tự phá hoại tất cả cõi, trọn chẳng tạo nghiệp trời Đâu Suất để thọ thân nơi cõi trời đó. Vì Bồ Tát nếu ở nơi các cõi khác, cũng đều có thể giáo hóa thành tựu chúng sanh, thật không có dục tâm mà lại sanh vào cõi dục, do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát sanh ở trời Đâu Suất có ba việc thù thắng: Một là mạng, hai là sắc, ba là danh.

Đại Bồ Tát thật chẳng cầu mạng, sắc và danh, dầu không có tâm mong cầu mà chỗ được lại thù thắng. Đại Bồ Tát rất ưa thích Niết Bàn, nhưng có nhân duyên nên mạng, sắc và danh cũng thù thắng. Do đây nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát mạng, sắc và danh dầu hơn Chư Thiên, nhưng Chư Thiên đối với Bồ Tát chẳng có lòng giận, lòng ganh ghét, lòng kiêu mạn, thường có lòng hoan hỷ.

Bồ Tát đối với Chư Thiên cũng chẳng kiêu mạn, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát chẳng tạo nghiệp nhân thọ mạng, mà ở nơi trời Đâu Suất kia, Bồ Tát được thọ mạng rất ráo, đây gọi là mạng thù thắng.

Bồ Tát không tạo nghiệp nhân sắc đẹp, mà thân sắc của Bồ Tát xinh đẹp đầy đủ ánh sáng, đây gọi là sắc thù thắng.

Bồ Tát ở cung trời Đâu Suất chẳng ưa ngũ dục chỉ làm pháp sự, nên tiếng đồn khắp cả mười phương, đây gọi là danh thù thắng. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Lúc Đại Bồ Tát từ trời Đâu Suất giáng sanh, cả đại địa sáu thứ chấn động, nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn. Vì lúc Bồ Tát giáng sanh, chư Thiên cõi dục và cõi sắc đều đến hầu hạ đưa đi, lớn tiếng tán thán Bồ Tát, do hơi gió nơi miệng chư Thiên làm cho đại địa chấn động. Lại lúc Bồ Tát mới nhập thai, có các Long Vương ở dưới đại địa này hoặc khùng bố, hoặc hoan hỷ, nên đại địa chấn động. Do đây nên lại gọi Bồ Tát là chẳng thể nghĩ bàn.

Đại Bồ Tát biết rõ lúc nhập thai, lúc trụ thai, lúc xuất

thai, biết cha, biết mẹ, chẳng nhiệm ô bất tịnh, như bảo châu màu xanh trên búi tóc của Đế Thích nên lại gọi là chẳng thể nghĩ bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Kinh Đại Niết Bàn cũng chẳng thể nghĩ bàn như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Như biển cả có tám điều chẳng thể nghĩ bàn: Một là lần lần càng sâu, hai là sâu khó đến đáy, ba là đồng một vị mặn, bốn là thủy triều chẳng quá hạn, năm là có nhiều thứ kho báu, sáu là những chúng sanh thân to lớn ở trong đó, bảy là chẳng chứa tử thi, tám là tất cả muôn dòng đổ về cùng mưa to xối xuống mà biển vẫn chẳng thêm chẳng bớt.

Này Thiện Nam Tử ! Biển lần lần càng sâu là vì có ba điều: Một là phước lực của chúng sanh, hai là thuận theo gió mà chảy, ba là vì nước trong sông đổ ra. Nhẫn đến chẳng thêm chẳng bớt cũng đều có ba việc.

Kinh Đại Niết Bàn này cũng có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như vậy: Một là lần lần càng sâu, nghĩa là từ giới Ưu Bà Tắc, giới Sa Di, giới Tỳ Kheo, giới Bồ Tát, quả Tu Đà Hoàn, quả Tư Đà Hàm, quả A Na Hàm, quả A La hán, quả Bích Chi Phật, quả Bồ Tát, quả Vô Thượng Bồ Đề. Kinh Đại Niết Bàn này thuyết minh

những pháp như vậy, đây gọi là lần lần càng sâu.

Hai là sâu khó đến đáy: Đức Như-Lai Thế Tôn bất sanh bất diệt, chẳng được Vô Thượng Bồ Đề, chẳng chuyển pháp luân, chẳng ăn chẳng thọ, chẳng thật hành bố thí, do đây nên đặng thường lạc ngã tịnh.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, Phật tánh này chẳng phải sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chẳng rời sắc, thọ, tưởng, hành, thức, là thường trụ có thể thấy: Là liễu nhân chẳng phải tác nhân. Tu Đà Hoàn nhân đến Bích Chi Phật sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, cũng không phiền não, cũng không trụ xứ, dầu không phiền não nhưng chẳng gọi là thường, do đây nên nói là sâu.

Trong kinh này hoặc có lúc nói là ngã, hoặc có lúc nói vô ngã, hoặc có lúc nói là thường, hoặc có lúc nói là vô thường, hoặc có lúc nói là tịnh, hoặc có lúc nói là bất tịnh, hoặc có lúc nói là lạc, hoặc có lúc nói là khổ, hoặc có lúc nói là không, hoặc có lúc nói là bất không, hoặc có lúc nói tất cả đều có, hoặc có lúc nói tất cả đều không, hoặc nói nhị thừa hoặc nói nhất thừa, hoặc nói ngũ âm tức là Phật tánh, là Kim Cang Tam Muội, là Trung Đạo, Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội, mười hai nhân duyên, đệ nhất nghĩa không, từ bi bình đẳng đối với chúng sanh,

đánh trí, tín tâm, trí lực biết các căn, trí không chướng ngại đối với tất cả pháp, dầu có Phật tánh nhưng chẳng nói quyết định. Do đây nên gọi là rất sâu.

Ba là đồng một vị: Tất cả chúng sanh đồng có Phật tánh, đều đồng nhất thừa, đồng một giải thoát một nhân một quả, đồng một cam lộ, tất cả đều sẽ được thường lạc ngã tịnh, đây gọi là đồng một vị.

Bốn là thủy triều chẳng quá hạn: Như trong kinh này chế các Tỳ Kheo chẳng được lần chứa tám vật bất tịnh. Nếu đệ tử của ta có thể thọ trì đọc tụng biên chép giải thuyết phân biệt kinh Đại Niết Bàn này, thà chết chớ trọn chẳng hủy phạm, đây gọi là thủy triều chẳng quá hạn.

Năm là có nhiều thứ kho báu: Kinh này tức là kho báu vô lượng, nghĩa là Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Thánh Đạo, Anh Nhi Hạnh, Thánh Hạnh, Phạm Hạnh, Thiên Hạnh, những thiện phương tiện, Phật tánh của chúng sanh, công đức của Bồ Tát, công đức của Như-Lai, công đức của Thanh Văn, công đức của Duyên Giác, Lục Ba La Mật, vô lượng Tam Muội, vô lượng Trí Huệ, đây gọi là những kho báu.

Sáu là chúng sanh thân to lớn ở trong đó: Vì chư Phật

và Bồ Tát có trí huệ lớn nên gọi là chúng sanh lớn, vì thân lớn, vì tâm lớn, vì trang nghiêm lớn, vì điều phục lớn, vì phương tiện lớn, vì thuyết pháp lớn, vì thế lực lớn, vì đồ chúng lớn, vì thần thông lớn, vì từ bi lớn, vì thường chẳng biến đổi, vì tất cả chúng sanh thân không chướng ngại, vì dung thọ tất cả chúng sanh. Đây gọi là chỗ ở của những chúng sanh thân to lớn.

Bảy là chẳng chứa tử thi, tử thi là nói Nhất Xiển Đề phạm bốn tội trọng, năm tội vô gián, phỉ báng Đại Thừa, tà pháp nói là chánh pháp, chánh pháp nói là tà pháp, nhận chứa tám thứ vật bất tịnh, tùy ý dùng vật của Phật, vật của Tăng, đối với Tỳ Kheo, với Tỳ Kheo Ni làm việc phi pháp, đây gọi là tử thi, kinh Đại Niết Bàn này là những việc như vậy nên gọi rằng chẳng chứa tử thi.

Tám là chẳng thêm chẳng bớt, vì không ngăn mé, vì không thỉ chung, vì chẳng phải sắc, vì chẳng phải tạo tác, vì là thường trụ, vì chẳng sanh diệt, vì đều bình đẳng với tất cả chúng sanh, vì tất cả đồng một tánh Phật tánh, đây gọi là không thêm không bớt. Do đây nên kinh Đại Niết Bàn này có tám điều chẳng thể nghĩ bàn như biển cả kia.

Sư Tử Hống Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Nếu cho rằng Như-Lai bất sanh bất diệt

là thậm thâm đó, thời tất cả chúng sanh có bốn loài sanh: Noãn, thai, thấp, hóa. Trong bốn loài sanh này thời loài người có đủ, như Tỳ Kheo Thi Bà La, Tỳ Kheo Ưu Bà Thi Bà La, mẹ của Trưởng giả Di Ca La, mẹ của Trưởng giả Ni Câu Đà, mẹ của Trưởng giả Bán Xà La, mỗi người đều sanh năm trăm con trai đồng là noãn sanh. Do đây nên biết rằng trong loài người cũng có noãn sanh.

Trong loài người mà thấp sanh, như Phật từng nói rằng: Thuở trước lúc ta tu hạnh Bồ Tát làm Đảnh Sanh Vương và Thủ Sanh Vương, và như nay cô gái Am La, cô gái Ca Bất Ba, nên biết rằng trong loài người cũng có thấp sanh.

Thuở kiếp sơ tất cả chúng sanh đều là hóa sanh.

Đức Thế Tôn đã được tám thứ tự tại, do nhân duyên gì mà chẳng hóa sanh ?

Phật nói:

“ Này Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh từ nơi bốn loài sanh mà sanh ra, khi đã được Thánh pháp thời chẳng được noãn sanh và thấp sanh như trước.

Này Thiện Nam Tử ! Chúng sanh thuở kiếp sơ, thấy đều hóa sanh, trong thời kỳ đó, không có Phật ra đời.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh lúc mang bệnh khổ thời cần thầy, cần thuốc, thưở kiếp sơ chúng sanh đều hóa sanh dầu có phiền não nhưng bệnh phiền não chưa phát, do đây nên đức Như-Lai chẳng hiện ra đời. Lại chúng sanh thưở kiếp sơ, thân tâm của họ chẳng phải pháp khí, nên đức Như-Lai chẳng hiện ra trong thời kỳ đó.

Này Thiện Nam Tử ! Phạm tất cả sự nghiệp của đức Như-Lai đều hơn chúng sanh, như giòng họ, quyến thuộc, cha mẹ. Do hơn chúng sanh, nên chỗ thuyết pháp của Như-Lai mọi người đều tin thọ. Do đây nên đức Như-Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh, hoặc là cha làm theo nghề nghiệp của con, hoặc là con làm theo nghề nghiệp của cha. Đức Như-Lai nếu hóa sanh thời không có cha mẹ, nếu không có cha mẹ thời làm sao khiến tất cả chúng sanh thật hành những nghiệp lành. Do đây đức Như-Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Trong chánh pháp của Phật có hai thứ hộ trì: Một là nội hai là ngoại. Nội hộ là giới cấm. Ngoại hộ là thân tộc, quyến thuộc. Nếu đức Như-Lai hóa sanh thời không ngoại hộ. Do đây nên đức Như-Lai

chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Có người ỷ dòng họ mà sanh kiêu mạn. Vì phá sự kiêu mạn như vậy, nên đức Như-Lai giáng sanh trong dòng họ cao sang, mà chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai có cha mẹ thật, cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Hoàng Hậu Ma Da, mà còn có chúng sanh nói rằng Như-Lai là người huyễn hóa, như thế thời đâu nên hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu Như-Lai hóa sanh, thời làm thế nào có thân thể nát ra thành Xá Lợi. Đức Như-Lai vì muốn cho chúng sanh tăng trưởng phước đức, nên nát rã thân thể mình thành Xá Lợi để cho chúng sanh cúng dường. Do đây nên đức Như-Lai chẳng hóa sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả chư Phật đều không hóa sanh, thời làm sao ta lại riêng mình hóa sanh”.

Sư Tử Hồng Bồ Tát liền quỳ chấp tay nói kệ tán thán Phật:

Như-Lai có vô lượng công đức,
Tôi chẳng thể trình bày đủ hết,
Nay vì chúng sanh nói một phần,

Xin Phật xót thương cho tôi nói:
Chúng sanh đi trong tối vô minh,
Chịu đủ vô biên trăm thứ khổ,
Phật có thể khiến họ xa lìa,
Nên đời gọi Phật là đại bi.
Chúng sanh đi trên dây sanh tử,
Phóng dật mê hoan¹⁶ không an vui.
Phật có thể ban cho an vui,
Do đây dứt hẳn dây sanh tử.
Vì Phật cho chúng sanh an vui,
Nên chẳng tham đắm vui của mình,
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh,
Nên trong đời đều cúng dường Phật.
Thấy người chịu khổ thân run rẩy,
Nên ở địa ngục chẳng biết đau,
Phật vì chúng sanh chịu khổ nhiều,

¹⁶ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1 và 2: “mê man”

Nên là vô lượng không ai hơn.
Phật vì chúng sanh tu khổ hạnh,
Đầy đủ sáu môn Ba La Mật,
Ở trong gió tà tâm chẳng động,
Nên hơn được đại sĩ trong đời.
Chúng sanh thường muốn được an vui,
Mà chẳng biết tu nhân an vui,
Phật có thể dạy bảo tu tập,
Dường như cha lành thương con một,
Phật thấy chúng sanh khổ phiền não,
Lòng khổ như mẹ lo con bệnh,
Thường nghĩ những phương tiện lìa bệnh,
Nên thân Phật hệ thuộc nơi người.
Tất cả chúng sanh làm điều khổ,
Lòng họ điên đảo cho là vui,
Phật diễn nói khổ vui chân thật,
Nên đời gọi Phật là đại bi.
Đời đều ở trong vô minh,

Không có mỗ trí mỗ lũng được,
Mỗ trí của Phật mỗ lũng được,
Nên gọi Phật là mẹ lớn nhất.
Chẳng bị nhiếp trì trong ba đời,
Không có danh tự và hiệu giả,
Hiểu biết nghĩa sâu của Niết Bàn,
Nên gọi Phật là bậc Đại Giác.
Ba cõi xoay chuyển nhận chúng sanh,
Vô minh mù lòa chẳng biết ra,
Phật tự độ mình độ được người,
Nên gọi Phật là đại thuyền sư.
Biết rõ được tất cả nhân quả,
Cũng lại thông đạt đạo tịch diệt,
Thường ban pháp dược cho chúng sanh,
Nên đời gọi Phật là Y Vương.
Ngoại đạo tà kiến nói khổ hạnh,
Nhân hạnh này được vui Vô Thượng,
Đức Phật diễn nói hạnh chân lạc,

Làm cho chúng sanh hưởng an vui,
Nhu-Lai Thế Tôn phá đạo tà,
Chỉ dạy chúng sanh đường chân chánh,
Ai đi đường này được an vui,
Nên đời gọi Phật là Đạo Sư.
Chẳng phải mình và người làm ra,
Chẳng phải chung làm vô nhân làm,
Đức Phật giảng nói những sự khổ,
Đúng thật không như các ngoại đạo.
Thành tựu đầy đủ giới định huệ,
Cũng đem pháp này dạy chúng sanh,
Đem pháp bố thí không lẫn tiếc,
Phật hiệu là Đấng Vô Duyên Từ.
Không tạo tác cũng không nhân duyên,
Chúng đặng báo không nhân không quả,
Do đây tất cả bậc trí giả,
Khen nói đức Phật chẳng cầu báo.
Thường cùng thế gian hành phóng dật,

Mà thân chẳng làm phóng dật hạnh,
Nên gọi Phật là Bất Tư Nghì.
Tám pháp thế gian chẳng nhiễm ô.
Nhu-Lai Thế Tôn không thân thù,
Nên tâm của Phật thường bình đẳng,
Tôi Sư Tử Hống, tán thán Phật,
Rống như vô lượng sư tử rống.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sấm

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM CA DIẾP BỒ TÁT THỨ HAI MƯỜI BỐN

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Đức Như-Lai thương xót tất cả chúng sanh. Có thể điều phục kẻ chẳng điều phục, có thể thanh tịnh kẻ chẳng thanh tịnh, có thể quy y kẻ chẳng quy y, có thể giải thoát kẻ chưa giải thoát, được tám môn tự tại là bậc đại Y Sư, đại Dược Vương.

Bạch Thế Tôn ! Thiện Tinh Tỳ Kheo là con trai của đức Phật lúc chưa xuất gia, sau khi làm Tỳ Kheo, Thiện Tinh thọ trì đọc tụng giải thuyết mười hai bộ kinh, phá kiết sử cõi dục chứng được tứ thiên. Tại sao đức Như-Lai nói Thiện Tinh là hạng Nhất Xiển Đề, là người hạ tiện người không thể trị được phải ở nơi địa ngục cả kiếp. Có gì đức Như-Lai chẳng trước diễn nói chánh pháp cho Thiện Tinh, để được làm Bồ Tát. Nếu đức Thế Tôn chẳng cứu được Thiện Tinh Tỳ Kheo, thời đâu được gọi là có đại từ bi, có đại phương tiện ?”

Phật nói:

“Này Thiện Nam Tử ! Ví như cha mẹ chỉ có ba người con trai: Người trai thứ nhất cung kính cha mẹ có lòng tin thuận, thông minh trí huệ có thể làm xong được sự nghiệp trong đời ; người trai thứ hai không cung kính tin thuận cha mẹ, thông minh trí huệ có thể làm xong sự nghiệp trong đời ; người trai thứ ba không cung kính tin thuận cha mẹ, ngu si vô trí.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu lúc cha mẹ muốn dạy bảo điều gì, thời nên dạy đứa con nào trước, thân ái đứa con nào trước, nên bảo đứa nào làm sự nghiệp trước ?”

- Bạch Thế Tôn ! Cha mẹ đó nên trước dạy bảo đứa

con có lòng cung kính tin thuận thông minh trí huệ hiểu biết sự nghiệp trong đời, kể đến dạy bảo đứa thứ hai, rồi sau mới đến đứa con thứ ba. Hai đứa sau dầu không lòng cung kính tin thuận nhưng vì xót thương nên cũng lần lượt dạy bảo.

- Nay Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai cũng như vậy. Đứa con thứ nhất dụ cho Bồ Tát, đứa giữa dụ cho hàng Thanh Văn, đứa thứ ba dụ cho hạng Nhất Xiển Đề.

Như trong kệ kinh, những nghĩa lý vi tế ta đã trước giảng nói cho các vị Bồ Tát. Những nghĩa cạn cợt thời giảng nói cho hàng Thanh Văn. Những nghĩa thế gian thời giảng nói cho hạng Nhất Xiển Đề phạm tội ngũ nghịch, dầu trong đời hiện tại họ không được lợi ích, nhưng cũng làm chủng tử lành cho đời sau.

Nay Thiện Nam Tử ! Ví như ba hạng ruộng: Hạng thứ nhất nước chảy lưu thông, không có ngói đá gai góc, trồng một trâu được trăm. Hạng thứ hai dầu không ngói đá gai góc, nhưng đường nước không được lưu thông nên hoa màu kém ruộng trên phân nửa. Hạng thứ ba đường nước khó khăn lại nhiều ngói đá gai góc cỏ mọc lan tràn trồng một chỉ trâu được một.

Nay Thiện Nam Tử ! Đến mùa gieo trồng thời nông

phu nên gieo trồng ruộng nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nông phu kia nên gieo trồng ruộng thứ nhất trước, kế đến ruộng thứ hai, sau rốt đến ruộng thứ ba.

- Nay Thiện Nam Tử ! Ruộng thứ nhất dụ cho Bồ Tát, ruộng thứ hai dụ cho Thanh Văn, ruộng thứ ba dụ cho hạng Nhất Xiển Đề.

Nay Thiện Nam Tử ! Ví như ba cái chậu: Cái thứ nhất nguyên vẹn, cái thứ hai rịn chảy, cái thứ ba bể. Nếu muốn đựng sữa, lạc, nước, tô thời trước nên dùng chậu nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trước dùng chậu lành, kế dùng chậu nứt, sau rốt mới đến chậu bể.

- Nay Thiện Nam Tử ! Chậu lành dụ cho Bồ Tát, chậu nứt dụ cho hàng Thanh Văn, chậu bể dụ hạng Nhất Xiển Đề.

Nay Thiện Nam Tử ! Như có ba người bệnh đồng đến y sĩ: Người thứ nhất dễ trị, người thứ hai khó trị, người thứ ba không thể trị. Y Sĩ nên trước trị cho người nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trị cho người dễ trước, kế đến người thứ hai, sau rốt đến người thứ ba, vì là hàng thân thuộc.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người bệnh dễ trị dụ cho Bồ Tát, người bệnh khó trị dụ cho Thanh Văn, người bệnh không thể trị dụ cho hạng Nhất Xiển Đề. Dầu hạng sau rốt này đối với chánh pháp không được quả lành trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như-Lai cũng gieo trồng chủng tử lành cho họ ở đời sau.

Nay Thiện Nam Tử ! Ví như nhà vua có ba hạng ngựa: Hạng thứ nhất điều thuận mạnh mẽ, hạng thứ hai không điều thuận nhưng mạnh mẽ, hạng thứ ba không điều thuận lại già yếu. Lúc muốn cỡi, nhà vua nên cỡi hạng ngựa nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nhà vua nên trước cỡi hạng ngựa điều thuận mạnh mẽ, kế đến hạng thứ hai, sau cùng đến hạng thứ ba.

- Nay Thiện Nam Tử ! Hạng điều thuận mạnh mẽ dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho Nhất Xiển Đề. Dầu hạng sau rốt này không được lợi ích trong đời hiện tại, nhưng vì xót thương nên đức Như-Lai vun trồng chủng tử lành đời sau cho họ.

Nay Thiện Nam Tử ! Như lúc bố thí lớn có ba hạng người đến xin: Hạng thứ nhất dòng sang thông minh giữ giới hiền lành, hạng thứ hai dòng trung lưu ngu tối nhưng

cũng giữ giới hiền lành, hạng thứ ba, dòng hạ tiện ngu tối phá giới hung ác.

Này Thiện Nam Tử ! Thí chủ kia nên bố thí cho hạng nào trước ?

- Bạch Thế Tôn ! Nên trước bố thí cho hạng thứ nhất, kế đến hạng thứ hai, sau rốt đến hạng thứ ba.

- Này Thiện Nam Tử ! Hạng thứ nhất dụ cho Bồ Tát, hạng thứ hai dụ cho Thanh Văn, hạng thứ ba dụ cho Nhất Xiển Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Như đại sư tử lúc giết hương tượng thời dùng hết sức lực, lúc giết thỏ cũng dùng hết sức lực chẳng khinh thường. Chư Phật cũng như vậy, lúc thuyết pháp cho chư vị Bồ Tát dụng công cũng như lúc thuyết pháp cho hạng Nhất Xiển Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Trước kia lúc ta ở thành Vương Xá, Thiện Tinh Tỳ Kheo làm thị giả. Đầu hôm ta nói pháp cho Thiên Đế Thích. Theo phép của thị giả, phải đi nằm sau Thầy.

Lúc đó vì ta ngồi lâu nên Thiện Tinh sanh niệm ác bực với ta rằng mau đi vào thiền thất quý Bạc Câu La đến kia kia. Ta bảo Thiện Tinh, ngươi là kẻ ngu si, ngươi

chẳng biết rằng đức Như-Lai là bậc vô sở úy ư !

Đế Thích hỏi ta rằng:

Bạch Thế Tôn ! Hạng người như vậy mà cũng được vào trong Phật pháp ư ?

Ta nói với Thiên Đế:

Hạng người ấy cũng đặng vào trong Phật pháp, họ cũng có Phật tánh sẽ chứng được Vô Thượng Bồ Đề.

Dẫu ta vì Thiện Tinh mà thuyết pháp, nhưng Thiện Tinh vẫn không có lòng tin.

Này Thiện Nam Tử ! Lại có một lúc ta ở nước Ca Thi, thành Thi Bà Phú La, ta muốn vào thành khát thực. Vô lượng chúng sanh khao khát muốn thấy dấu chân của ta. Thiện Tinh Tỳ Kheo theo hầu phía sau chà bỏ dấu chân của ta, nhưng không chà mất được, lại làm cho chúng sanh có quan niệm chẳng lành.

Khi vào thành rồi, thấy trong nhà cất rượu có một Ni Kiên Tử ngồi xồm khum lưng ăn bã rượu.

Thiện Tinh bạch với ta rằng: Nếu trong đời có bậc A La Hán thời người đó là hơn tất cả, vì người đó tuyên bố rằng không nhân không quả. Ta bảo Thiện Tinh: Người là người ngu si. Người chẳng nghe rằng bậc A La Hán

chẳng uống rượu, chẳng hại người, chẳng khi dối, chẳng trộm cướp, chẳng dâm dật ư ! Ni Kiên Tử đó giết hại cha mẹ, ăn bã rượu sao người nói là bậc A La Hán. Người đó sau khi chết quyết định đọa địa ngục A Tỳ. Bậc A La Hán dứt hẳn ba đường ác, sao người gọi người đó là A La Hán.

Thiện Tinh liền nói:

Tánh của tứ đại còn có thể chuyển đổi, quyết không có lẽ người đó đọa địa ngục A Tỳ.

Ta nói:

Người là người ngu si. Người chẳng thường nghe rằng chư Phật luôn luôn nói lời thành thật ư ?

Dẫu ta khuyên dạy Thiện Tinh, nhưng Thiện Tinh tuyệt không có lòng tin.

Này Thiện Nam Tử ! Có một lúc kia ta cùng Thiện Tinh ở thành Vương Xá, trong thành có một Ni Kiên Tử tên là Khổ Đắc. Người này thường tuyên bố rằng: Chúng sanh phiền não không nhân, không duyên, chúng sanh giải thoát cũng không nhân không duyên.

Thiện Tinh bạch với ta rằng:

Nếu trong đời có bậc A La Hán thì ông Khổ Đắc là

trên hết.

Ta nói ngươi là kẻ ngu si. Ni Kiền Tử Khổ Đắc thật chẳng phải A La Hán chẳng hiểu được đạo A La Hán.

Thiện Tinh nói rằng: Tại sao bậc A La Hán lại tật đồ với A La Hán.

Ta nói ngươi là người ngu. Ta chẳng sanh tật đồ với A La Hán, chính là người tự sanh quan niệm ác tà. Nếu người nói Khổ Đắc là A La Hán, thời ông nên nghe đây, bảy ngày sau Khổ Đắc sẽ bị trúng thực đau bụng mà chết, chết rồi sẽ sanh trong loài quỷ ăn đồ ói mửa khạc nhổ của người. Bạn đồng học sẽ mang thân của Khổ Đắc bỏ trong rừng Tha Ma.

Thiện Tinh liền đem lời này thuật lại với Khổ Đắc rồi bảo Khổ Đắc rằng: Trưởng lão nên khéo tư duy, tu tập phương tiện, làm cho lời ông Cù Đàm thành vọng ngữ.

Sau khi nghe Thiện Tinh nói, Khổ Đắc liền đoạn thực, từ một ngày đến ngày thứ sáu, nhịn đói đủ bảy ngày, Khổ Đắc bèn ăn đường đen, rồi uống nước lã, đau bụng mà chết. Bạn của Khổ Đắc liền mang thi hài bỏ trong rừng Tha Ma, Khổ Đắc sanh làm quỷ đói ăn đồ ói mửa, quanh quẩn ở bên tử thi.

Thiện Tinh hay được việc này liền đến trong rừng Tha Ma, thấy Khổ Đắc thọ thân quý đói, ở bên tử thi ngồi xồm khum lưng. Thiện Tinh hỏi quý đói: Đại Đức đã chết rồi ư ?

Khổ Đắc đáp: Tôi đã chết.

- Tại sao mà chết ?
- Vì đau bụng mà chết.
- Ai mang thầy Đại Đức ra đây ?
- Bạn học của tôi.
- Mang thầy bỏ chỗ nào ?
- Ông là người ngu ! Ông há chẳng biết rằng đây là rừng Tha Ma ư ?
- Đại Đức thọ thân gì ?
- Tôi mang lấy thân quý ăn đồ ối mưa. Ông nên nghe kỹ ! Lời nói của đức Như-Lai, là lời lành, lời chân thật, lời phải thời, lời đúng nghĩa, lời đúng pháp. Sao ông lại chẳng tin lời chân thật của Như-Lai. Nếu có kẻ nào chẳng tin lời nói chân thật của Như-Lai thì kẻ đó cũng sẽ phải thọ lấy thân như tôi.

Thiện Tinh trở về bạch với ta rằng:

Thế Tôn ! Ni Kiên Tử Khổ Đắc sau khi chết được sanh lên cõi trời Đao Lợi.

Ta nói:

Này người ngu ! Bạc A La Hán là bậc vô sanh, sao người lại nói Khổ Đắc được sanh lên cõi trời Đao Lợi ?

Thiện Tinh bạch rằng: Thế Tôn ! Ni Kiên Tử Khổ Đắc thật chẳng sanh lên cõi trời, hiện nay đang thọ thân quý đỏi.

Ta nói:

Này người ngu ! Lời của chư Phật là lời thành thật, không bao giờ nói sai.

Thiện Tinh liền bạch rằng:

Dầu lúc đó đức Như-Lai nói như vậy, nhưng tôi trọn không có lòng tin.

Này Thiện Nam Tử ! Ta cũng thường thuyết pháp cho Thiện Tinh Tỳ Kheo, mà Thiện Tinh tuyệt đối không có lòng tin thuận.

Này Thiện Nam Tử ! Dầu Thiện Tinh đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng được tứ thiên, nhưng chẳng hiểu nghĩa một kệ một câu nhẫn đến một chữ. Vì gần gũi bạn

ác nên mất tứ thiên, sanh kiến chấp tà ác mà nói rằng không Phật, không Pháp, không có Niết Bàn. Sa Môn Cù Đàm giỏi tướng số nên có thể biết được tâm niệm của người.

Ta bảo Thiện Tinh:

“ Những pháp của ta giảng nói: Ban đầu, chặng giữa, rốt sau, đều lành, lời khéo, nghĩa chánh, không xen tạp, thành tựu đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh”.

Thiện Tinh lại nói rằng: Dầu đức Như-Lai vì tôi mà thuyết pháp, nhưng tôi vẫn nói quyết rằng không nhân không quả.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát:

“ Này Thiện Nam Tử ! Nếu ông chẳng tin những việc như vậy, nay Thiện Tinh ở gần sông Ni Liên Thiên, ta cùng ông có thể đến đó để hỏi.

Liền đó đức Như-Lai cùng Ca Diếp Bồ Tát đến chỗ Thiện Tinh tỳ Kheo.

Thiện Tinh thấy Phật từ xa đi đến liền sanh tâm tà ác. Do tâm ác này, hiện thân đọa vào địa ngục A Tỳ.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát:

“Này Thiện Nam Tử ! Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp vô lượng công đức, nhưng trọn không đặng mảy mún lợi ích, đó là vì phóng dật, vì gần bạn ác.

Ví như có người dừ vào biển lớn thấy nhiều châu báu, nhưng vì phóng dật nên không được của báu.

Lại như người vào biển thấy châu báu, hoặc tự giết mình chết, hoặc bị ác quỷ giết chết. Cũng vậy, Thiện Tinh dầu vào trong Phật pháp nhưng bị bạn ác giết hại.

Này Thiện Nam Tử ! Do đây nên đức Như-Lai xót thương thường bảo rằng: Thiện Tinh phóng dật quá nhiều.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu là người trước kia nghèo cùng, với người này dầu có xót thương nhưng lòng thương không nhiều lắm. Nếu là người trước kia giàu lớn, về sau suy sụp nghèo cùng với người này, lòng xót thương sâu đậm hơn.

Thiện Tinh Tỳ Kheo cũng như vậy, đã thọ trì đọc tụng mười hai bộ kinh, chứng đặng tứ thiên, rồi để thối thất rất đáng xót thương. Do đây nên ta nói Thiện Tinh phóng dật quá nhiều nên dứt mất những căn lành. Hàng đệ tử của ta người nào nghe thấy việc này đều sanh lòng xót thương sâu đậm đối với Thiện Tinh Tỳ Kheo.

Từ nhiều năm ta thường cùng Thiện Tinh Tỳ Kheo gần gũi nhau, mà Thiện Tinh tự sanh lòng tà ác, chẳng bỏ ác kiến.

Này Thiện Nam Tử ! Từ xưa ta thấy Thiện Tinh có chút ít căn lành như lông tóc, trọn chẳng huyền ký Thiện Tinh là dứt tuyệt căn lành, là hạng hạ tiện Nhất Xiển Đề phải đọa địa ngục. Bởi Thiện Tinh tuyên bố rằng không nhân không quả, không có tạo nghiệp, do đây nên ta huyền ký Thiện Tinh là hạng Nhất Xiển Đề hạ tiện dứt hẳn căn lành phải đọa địa ngục cả kiếp.

Này Thiện Nam Tử ! Như có người té chìm trong hầm phân, có bạn lành đưa tay mò đó, nếu nắm đặng đầu tóc, bèn muốn kéo lên, mò lâu chẳng được mới có tâm niệm thôi vớt. Cũng vậy ta tìm chút ít căn lành nơi Thiện Tinh để cứu vớt, nhưng trọn ngày tìm cầu mà chẳng được mảy lông tóc căn lành, do đây nên chẳng cứu được tội đọa địa ngục của Thiện Tinh.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng:

“ Thế Tôn ! Đức Như-Lai có gì huyền ký Thiện Tinh sẽ đọa địa ngục A Tỳ”.

- Này Thiện Nam Tử ! Thiện tinh Tỳ Kheo có quyền

thuộc đông, đều cho rằng Thiện Tinh đã chứng được đạo quả A La Hán. Vì ta muốn phá tâm niệm tà ác của họ nên huyền ký Thiện Tinh do phóng dật phải đọa địa ngục.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nên biết rằng lời nói của Như-Lai là lời chân thật không sai. Nếu Phật huyền ký sẽ đọa địa ngục, thời chẳng bao giờ không đọa.

Hàng Thanh Văn, Duyên Giác huyền ký thời có hai thứ hoặc đúng, hoặc chẳng đúng. Như Mục Kiền Liên bảo người nước Ma Già Đà sau bảy ngày trời sẽ mưa, đến kỳ trời trợn chẳng mưa. Có lúc ông dự ký bò cái sẽ đẻ bò con trắng, đến lúc sanh sản lại đẻ bò con vá. Ông ấy dự ký sanh trai, về sau lại sanh con gái.

Này Thiện Nam Tử ! Thiện Tinh thường tuyên bố với vô lượng chúng sanh rằng tất cả đều không có quả lành quả dữ, do đó dứt hẳn tất cả căn lành không còn mảy mún như lông tóc.

Từ lâu ta biết rõ Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, ta vẫn cố ý cùng Thiện Tinh ở chung cả hai mươi năm. Vì nếu ta không ở gần Thiện Tinh, thời Thiện Tinh sẽ khuyên bảo vô lượng chúng sanh tạo những nghiệp ác. Đây gọi là trí lực thứ năm của đức Như-Lai.

Bạch Thế Tôn ! Hạng Nhất Xiển Đề do nhân duyên gì mà không có pháp lành ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì hạng Nhất Xiển Đề dứt căn lành. Chúng sanh đều có năm căn: tín, tấn, niệm, định và huệ, mà hạng Nhất Xiển Đề dứt hẳn căn lành này. Do nghĩa đây nên giết hại con kiến còn mắc phải tội sát sanh, nhưng giết hại hạng Nhất Xiển Đề không mắc tội sát sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Vì Nhất Xiển Đề trọn không pháp lành nên gọi là Nhất Xiển Đề ư ?

- Đúng như vậy !

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh có ba thứ pháp lành: Quá khứ, vị lai và hiện tại. Hạng Nhất Xiển Đề không thể dứt được pháp lành đời vị lai, sao lại nói rằng dứt hết pháp lành gọi là Nhất Xiển Đề.

- Nay Thiện Nam Tử ! Luận về sự dứt có hai thứ: Một là hiện tại dứt, hai là hiện tại chướng ngại vị lai. Hạng Nhất Xiển Đề đủ cả hai thứ này nên ta nói rằng Nhất Xiển Đề dứt hết căn lành.

Nay Thiện Nam Tử ! Ví như có người té chìm trong hầm phẫn, dầu còn một sợi tóc chưa chìm, nhưng một sợi tóc không thể kéo nổi toàn thân. Hạng Nhất Xiển Đề

cũng như vậy dầu đời vị lai sẽ có căn lành nhưng không thể cứu được khổ địa ngục. Đời vị lai dầu có thể cứu khỏi, nhưng đời hiện tại không thể làm sao được. Do đây nên gọi là kẻ không thể cứu vớt.

Do Phật tánh làm nhân duyên thời cứu vớt được, vì Phật tánh chẳng phải quá khứ chẳng phải vị lai chẳng phải hiện tại, nên Phật tánh không bị dứt mất. Như hột mục hư thời không thể mọc mọng, hạng Nhất Xiển Đề cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Hạng Nhất Xiển Đề chẳng dứt Phật tánh, Phật tánh là pháp lành, tại sao nói rằng dứt tất cả pháp lành ?

Này Thiện Nam Tử ! Nếu chúng sanh nào trong đời hiện tại có Phật tánh thời chẳng được gọi là Nhất Xiển Đề. Như ngã tánh trong thế gian. Phật tánh là thường chẳng thuộc về ba đời. Nếu thuộc về ba đời thời gọi là vô thường. Vì đời vị lai sẽ thấy Phật tánh, nên nói rằng chúng sanh đều có Phật tánh. Do nghĩa này nên bậc Thập Trụ Bồ Tát trang nghiêm đầy đủ công hạnh mới thấy được phần ít.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh là thường dường như hư không, tại sao đức Như-Lai nói rằng vị lai ? Nếu đức

Như-Lai nói rằng hạng Nhất Xiển Đề không có pháp lành, lẽ đâu hạng này không có lòng thương tưởng đối với bạn bè, cha mẹ, vợ con thân quyến. Nếu họ có lòng thương tưởng thì lòng thương này chẳng phải là lành ư ?

- Lành thay ! Lành thay ! Lời ông hỏi rất hay Phật tánh dường như hư không, chẳng phải quá khứ, chẳng phải vị lai, chẳng phải hiện tại. Tất cả chúng sanh có ba thứ thân ; Thân quá khứ, thân vị lai, thân hiện tại. Đời vị lai chúng sanh trang nghiêm đầy đủ thân thanh tịnh thấy được Phật tánh, nên ta nói rằng Phật tánh đời vị lai.

Này Thiện Nam Tử ! Ta vì chúng sanh có lúc hoặc nói nhân là quả, có lúc hoặc nói quả là nhân, do đây nên trong kinh nói rằng mạng căn là ăn uống, thấy sắc là chạm xúc. Vì thân đời vị lai thanh tịnh nên nói Phật tánh.

- Bạch Thế Tôn ! Như ý nghĩa của đức Phật nói như vậy, sao lại nói rằng tất cả chúng sanh đều có Phật tánh ?

- Này Thiện Nam Tử ! Dầu Phật tánh hiện tại không, nhưng chẳng được nói rằng chúng sanh không Phật tánh. Như tánh hư không kia, dầu không hiện tại mà chẳng được nói là không. Dầu tất cả chúng sanh là vô thường, còn Phật tánh là thường trụ không biến đổi, do đây nên trong kinh ta nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng

phải trong chẳng phải ngoài, dường như hư không. Nếu có trong có ngoài thì chẳng được gọi là duy nhất, là thường trụ, cũng chẳng được gọi là tất cả chỗ đều có. Dầu hư không chẳng phải trong chẳng phải ngoài nhưng tất cả chúng sanh đều có, Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy.

Ông nói rằng hạng Nhất Xiển Đề có pháp lành đó, lời này không đúng nghĩa. Vì hạng Nhất Xiển Đề tất cả hành động nói năng đều là tà nghiệp, vì họ chẳng tin chẳng cầu nhân quả. Như gốc, cây, nhánh, lá, bông, hạt, trái A Lê Lạc đều đắng, tất cả hành nghiệp của Nhất Xiển Đề cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai thành tựu đầy đủ tri chư căn trí lực¹⁷, do đây nên biết rõ căn tánh thượng trung hạ của tất cả chúng sanh: Biết rõ rằng người này từ bậc hạ lên bậc trung, biết rõ rằng người này từ bậc trung lên bậc thượng, biết rõ rằng người này từ bậc thượng thành bậc trung, biết rõ rằng người này từ bậc trung thành bậc hạ. Do đây nên biết rằng căn tánh của chúng sanh không quyết định, vì không quyết định nên hoặc đã dứt

¹⁷ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “biết đầy đủ các căn và lực”

căn lành rồi trở lại sanh căn lành. Nếu căn tánh của chúng sanh là quyết định thời trọn không có đã dứt mà lại sanh, cũng chẳng nên nói rằng hạng Nhất Xiển Đề đọa địa ngục một kiếp. Nay Thiện Nam tử ! Do đây nên đức Như-Lai nói rằng tất cả pháp không có tướng quyết định.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như-Lai đầy đủ tri chur căn trí lực, biết chắc rằng Thiện Tinh sẽ dứt mất căn lành, tại sao lại cho Thiện Tinh xuất gia ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Thuở ta mới xuất gia, em ta là Nan Đà, em họ là A Nan và Đề Bà Đạt Đa, con trai ta là La Hầu La, những người đó đều theo ta xuất gia tu hành. Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia, thì Thiện Tinh sẽ nói ngói vua có quyền thế sẽ phá hoại Phật pháp, do đó nên ta cho Thiện Tinh xuất gia.

Nay Thiện Nam Tử ! Nếu Thiện Tinh chẳng xuất gia cũng dứt mất căn lành trong vô lượng đời đều không lợi ích. Nay đã xuất gia dầu mất căn lành, nhưng có thể trì giới cung kính cúng dường bậc đức hạnh, tu tập sơ thiền nhẫn đến tứ thiền, những điều này gọi là nhân lành, nhân lành này có thể sanh pháp lành, pháp lành đã sanh thời có thể tu tập đạo hạnh, đã có thể tu tập đạo hạnh thời có thể được Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta cho Thiện

Tinh xuất gia.

Nếu ta chẳng cho Thiện Tinh xuất gia thọ giới thời ta chẳng được gọi là Như-Lai Thế Tôn đầy đủ mười trí lực.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Phật quán sát chúng sanh đủ cả pháp lành và pháp chẳng lành. Vì những người này dầu đủ hai pháp như vậy, nhưng chẳng bao lâu sẽ dứt mất tất cả căn lành mà đủ cả pháp chẳng lành. Vì những chúng sanh này chẳng gần gũi bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, do đây nên sẽ dứt mất căn lành.

Đức Như-Lai lại biết người này hiện đời hoặc đời vị lai, lúc trẻ hoặc lúc già, sẽ gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, thời có thể sanh căn lành trở lại.

Ví như có khe suối gần xóm làng, nước suối ngọt ngon đủ tám công đức. Có người nóng nảy khát nước muốn đến khe suối, người trí quyết định biết rằng người khát này sẽ đến bên nước, vì không còn con đường nào khác. Đức Như-Lai quán sát chúng sanh cũng như vậy. Do đây nên Như-Lai gọi là có đủ tri chư căn trí lực.

Đức Thế Tôn lấy chút đất để trên móng tay rồi bảo Ca Diếp Bồ Tát rằng:

Đất này nhiều hay đất nơi mười phương thế giới nhiều ?

- Bạch Thế Tôn ! Đất dính trên móng tay đâu có thể sánh với đất trong mười phương thế giới !

- Nay Thiện Nam Tử ! Có người đã chết trở lại được thân người, bỏ thân trong ba đường ác mà được thân người, căn thân đầy đủ, sanh nơi trung quốc, có đủ chánh tín, có thể tu tập đạo hạnh, có thể tu tập chánh đạo, có thể được giải thoát, có thể nhập Đại Niết Bàn. Được những điều trên đây thật là hy hữu như số lượng đất trên móng tay.

Bỏ thân người mang thân ba đường ác, bỏ thân ba đường ác trở lại thọ thân ba đường ác, thân căn chẳng đầy đủ, sanh nơi biên địa, tà kiến điên đảo, thật hành đạo tà, chẳng được giải thoát, chẳng được Niết Bàn, những hạng này đông nhiều như số lượng đất trong mười phương thế giới.

Nay Thiện Nam Tử ! Người hộ trì cấm giới tinh tấn chẳng biếng trễ, chẳng phạm bốn tội trọng, chẳng gây năm tội nghịch, chẳng lạm dụng vật của Tăng, chẳng dứt căn lành, chẳng làm Nhất Xiển Đề, tin thọ kinh điển Đại Niết bàn này, những người đây rất hy hữu như lượng số

đất trên móng tay.

Người lười biếng phá giới, phạm bốn tội trọng, gây năm tội nghịch, lạm dùng của Tăng, làm Nhất Xiển Đề dứt mắt căn lành, chẳng tin kinh Niết Bàn này, số lượng đông nhiều như đất trong mười phương thế giới.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai biết rõ căn tánh thượng trung hạ của chúng sanh như vậy nên gọi là đầy đủ tri chur căn trí lực.

Bạch Thế Tôn ! Đức Như-Lai có đủ tri chur căn trí lực như vậy, nên biết rõ căn tánh thượng trung hạ của tất cả chúng sanh, biết rõ căn tánh của chúng sanh đời hiện tại, cũng biết rõ căn tánh của chúng sanh đời vị lai, biết rõ những chúng sanh này sau khi Phật nhập diệt sẽ nói rằng đức Như-Lai rốt ráo nhập Niết Bàn hoặc nói rằng đức Như-Lai không rốt ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói có ngã, hoặc nói không ngã, hoặc cho rằng có trung âm, hoặc không trung âm, hoặc nói có thối thất, hoặc không thối thất, hoặc nói thân Như-Lai là hữu vi hoặc nói là vô vi, hoặc có kẻ nói mười hai nhân duyên là pháp hữu vi, hoặc nói là pháp vô vi, hoặc nói tâm là thường trụ, hoặc nói tâm là vô thường, hoặc có người nói hưởng vui ngũ dục thời hay chướng Thánh đạo, hoặc nói chẳng chướng

ngại, hoặc có kẻ nói thế đệ nhất chỉ thuộc về cõi dục hoặc nói thuộc về cả ba cõi, hoặc nói bổ thí chỉ thuộc nơi ý nghiệp, hoặc nói bổ thí thuộc nơi ngũ âm, hoặc nói có ba pháp vô vi, hoặc nói không ba pháp vô vi, hoặc nói có tạo sắc, hoặc nói không tạo sắc, hoặc nói có vô tác sắc, hoặc nói không vô tác sắc, hoặc nói có tâm sở, hoặc nói không tâm sở ; hoặc nói có năm đại chủng, hoặc nói có sáu đại chủng ; hoặc nói giới Ưu Bà Tắc thọ đầy đủ Bát quan trai, hoặc nói chẳng thọ được đầy đủ ; hoặc nói Tỳ Kheo đã phạm tội tứ trọng mà giới Tỳ Kheo vẫn còn, hoặc nói chẳng còn ; hoặc nói bậc Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm, A Na Hàm, A La Hán, đều được thành Phật, hoặc nói chẳng được thành: Hoặc nói chính nơi chúng sanh có Phật tánh, hoặc nói rời chúng sanh có Phật tánh ; hoặc nói hạng Nhất Xiển Đề phạm bốn tội trọng, năm tội nghịch đều có Phật tánh, hoặc nói không có Phật tánh ; hoặc nói có chư Phật mười phương, hoặc nói không có chư Phật mười phương.

Đức Như-Lai thành tựu đầy đủ tri chư căn trí lực như vậy, tại sao hôm nay chẳng nói quyết định ?

Này Thiện Nam Tử ! Những nghĩa như vậy chẳng phải là nhãn thức biết được nhãn đến chẳng phải là ý thức

biết được, đây là chỗ biết của trí huệ. Nếu với người có trí huệ, thời ta trọn chẳng nói phân hai, người trí này cũng cho rằng Phật chẳng nói phân hai. Với người vô trí thời ta nói bất định người vô trí này cũng cho rằng Phật nói bất định.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả công hạnh lành của Như-Lai đều vì điều phục chúng sanh. Như tất cả phương thuốc của lương y đều để chữa trị những bệnh khổ.

Này Thiện Nam Tử ! Vì quốc độ, vì thời tiết, vì ngôn ngữ của người, vì độ người, vì căn tánh sai khác, nên đức Như-Lai ở trong một pháp mà nói phân hai, nơi một danh từ nói thành vô lượng danh từ, nơi trong một nghĩa nói thành vô lượng, nơi trong vô lượng nghĩa nói thành vô lượng.

Thế nào là một danh từ nói thành vô lượng danh từ ? Như Niết Bàn, cũng gọi là Niết Bàn, là vô sanh, là vô xuất, là vô tác, là vô vi, là quy y, là nhà cửa, là giải thoát, là quang minh, là đèn sáng, là bờ kia, là vô úy, là bất thối, là chỗ an ổn, là tịch tịnh, là vô tướng, là bất nhị, là nhất hạnh, là thanh lương, là không tối tăm, là không chướng ngại, là vô tránh, là vô trước, là quảng đại, là cam lộ, là cát tường.

Thế nào là một nghĩa nói thành vô lượng ? Như Đê Thích: Cũng gọi là Đê Thích, cũng gọi là Kiều Thi Ca, là Bà Ta Bà, là Phú Lan Đà La, là Ma Pháp Bà, là Nhân Đà La, là Thiên Nhân, là Xá Chỉ Thiên, là Kim Cang, là Bửu Đảnh, là Bửu Tràng.

Thế nào là nơi vô lượng nghĩa nói thành vô lượng ? Như Phật Như-Lai cũng gọi là Như-Lai, vì nghĩa khác nên tên cũng khác, gọi là A La Ha, cũng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà, cũng gọi là Thuyền Sư, cũng gọi là Đạo Sư, là Chánh Giác, là Minh Hạnh Túc, là Sư Tử Vương, là Sa Môn, là Bà La Môn, là Tịch Tĩnh, là Thí Chủ, là Đáo Bỉ Ngạn, là Đại Y Vương, là Đại Tượng Vương, là Đại Long Vương, là Thí Nhân, là Đại Lực Sĩ, là Đại Vô Úy, là Bửu Tụ, là Thương Chủ, là Đắc Thoát, là Đại Trượng Phu, là Thiên Nhân Sư, là Đại Phân Đà Lợi, là Vô Đẳng Lữ, là Đại Phước Điền, là Trí Huệ Hải, là Vô Tướng, là Bát Trí.

Lại có một nghĩa mà nói thành vô lượng danh từ, như âm: Cũng gọi là âm, cũng gọi là điên đảo, là đê, là tứ niệm xứ, là tứ thực, là chỗ ở của tứ thức, là hữu, là đạo, là thời, là chúng sanh, là thế, là đệ nhất nghĩa, là ba pháp tu: Thân, giới và tâm, là nhân quả, là phiền não, là giải

thoát, là mười hai nhân duyên, là Thanh Văn, là Bích Chi Phật, là Phật, là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên, là quá khứ, hiện tại, vị lai.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai vì chúng sanh nên trong rộng mà nói lược, trong lược mà nói rộng, nơi đệ nhất nghĩa để nói thành thế đế, nơi thế đế nói thành đệ nhất nghĩa đế.

Thế nào là trong rộng mà nói lược ? Như ta bảo các Tỳ Kheo: Hôm nay ta giảng nói mười hai nhân duyên. Thế nào gọi là mười hai nhân duyên ?

Chính là nhân quả.

Thế nào gọi là trong lược mà nói rộng ? Như ta bảo các Tỳ Kheo: Hôm nay ta giảng nói khổ tập diệt đạo. Khổ là vô lượng sự khổ, tập là vô lượng phiền não, diệt là vô lượng giải thoát, đạo là vô lượng phương tiện.

Thế nào gọi là nơi đệ nhất nghĩa để nói là thế đế ? Như ta bảo các Tỳ Kheo. Thân của ta đây có già bệnh chết.

Thế nào gọi là nơi thế đế nói là đệ nhất nghĩa đế ? Như ta bảo Kiều Trần Như: Vì ông đặc pháp nên gọi là A Nhã Kiều Trần Như.

Do vì tùy theo người tùy theo ý, tùy theo thời như vậy, nên gọi đức Như-Lai có đủ tri chur căn trí lực.

Này Thiện Nam Tử ! Đối với những nghĩa như vậy nếu ta nói quyết định thời ta chẳng được gọi là đức Như-Lai có đủ tri chur căn trí lực. Người có trí biết rằng chỗ mang chở của hương tượng chẳng phải lừa ngựa mang nổi. Tất cả chúng sanh có vô lượng hành nghiệp, nên đức Như-Lai vì họ mà nói vô lượng pháp, đó là do vì chúng sanh có vô lượng phiền não. Nếu đức Như-Lai nói một hạnh một pháp thời chẳng gọi là đức Như-Lai có đủ tri chur căn trí lực. Do đây nên trong các kinh khác ta nói rằng có năm hạng chúng sanh chẳng nên vì họ nói năm thứ pháp: Vì người chẳng có lòng tin thời chẳng tán thán chánh tín, vì người phá giới cấm thời chẳng tán thán trì giới, vì người xan tham thời chẳng tán thán bố thí, vì người giải đãi thời chẳng tán thán đa văn vì người ngu si thời chẳng tán thán trí huệ. Nếu người trí vì năm hạng này mà nói năm việc trên đây, thời nên biết rằng người thuyết pháp này chẳng có đủ tri chur căn trí lực, cũng chẳng được gọi là thương xót chúng sanh. Vì năm hạng này nếu nghe giảng nói năm điều trên đây thời họ sẽ sanh lòng nghi, lòng ác, lòng sân hận, mà phải chịu quả báo

khô trong vô lượng đời. Do đây nên trước kia trong các kinh khác ta bảo Xá Lợi Phất rằng: Ông phải cẩn thận chớ vì người lợi căn mà rộng thuyết pháp, chớ vì người độn căn mà lược thuyết pháp. Xá Lợi Phất bạch rằng: Tôi chỉ vì thương xót mà thuyết pháp, chẳng phải là có đủ trí chur căn trí lực mà thuyết pháp.

Này Thiện Nam Tử ! Thuyết pháp hoặc rộng hoặc lược là cảnh giới của Phật, chẳng phải hàng Thanh Văn và Duyên Giác biết được.

Này Thiện Nam Tử ! Như ông nói rằng sau khi Phật nhập Niết Bàn hàng đệ tử đều nói khác nhau, những người đó đều vì điên đảo nên chẳng được chánh kiến, chẳng thể lợi mình lợi người.

Này Thiện Nam Tử ! Chúng sanh chẳng phải chỉ có một tánh, một hạnh, một căn, một quốc độ, một Thiện tri thức. Do đây nên đức Như-Lai vì chúng sanh mà tuyên nói nhiều pháp yếu. Do nhân duyên này nên chur Phật trong mười phương ba đời vì chúng sanh mà khai thị diễn thuyết mười hai bộ kinh.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai nói mười hai bộ kinh đây chẳng phải để lợi cho mình mà chỉ vì lợi ích cho người, nên trí lực thứ năm của Như-Lai gọi là giải lực.

Do hai trí lực này nên đức Như-Lai biết rõ người này hiện tại có thể dứt căn lành người này đời sau có thể dứt căn lành, người này hiện tại có thể được giải thoát, người này đời sau có thể được giải thoát, do đây nên đức Như-Lai được (*gọi*) là Vô Thượng lực sĩ.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng đức Như-Lai rất ráo nhập Niết Bàn, hoặc nói chẳng ráo nhập Niết Bàn, những người này chẳng hiểu ý của Như-Lai nên nói những lời như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Trong núi Hương Sơn có năm mươi ba ngàn vị tiên nhân, những vị này đã tu tập công đức nơi đức Phật Ca Diếp thuở quá khứ, họ chưa được chánh đạo, chưa được gần gũi Phật để nghe chánh pháp. Vì muốn độ những vị tiên nhân này nên đức Như-Lai bảo A Nan rằng ba tháng sau ta sẽ nhập Niết Bàn. Chư thiên truyền lời này đến núi Hương Sơn. Các vị tiên nhân nghe tin Phật sắp nhập Niết Bàn bèn sanh lòng hối hận mà bảo nhau rằng tại sao chúng ta được sanh trong nhân đạo mà chẳng được gần gũi Phật. Chư Phật ra đời rất khó gặp như hoa Ưu Đàm. Nay chúng ta nên đến ra mắt đức Thế Tôn để được nghe chánh pháp.

Này Thiện Nam Tử ! Lúc đó năm mươi ba ngàn tiên

nhân liền đến ra mắt ta. Ta bèn theo cơ của họ mà thuyết pháp: Này các đại sĩ ! Sắc là vô thường, vì nhân duyên của sắc là vô thường. Đã từ nhân vô thường mà sanh thời sắc đâu phải là thường trụ. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các tiên nhân sau khi nghe pháp yếu trên đây tất cả đều chứng được quả A La Hán.

Này Thiện Nam Tử ! Trong thành Câu Thi Na Kiệt có ba mươi muôn lực sĩ tự thị sức mạnh của mình ngạo nghễ không chịu tùng phục ai.

Vì muốn điều phục các lực sĩ này nên ta bảo Mục Liên đến điều phục các lực sĩ ấy. Lúc đó Mục Kiền Liên tuân lệnh ta, trọn năm năm giáo hóa nhiều cách, nhưng chẳng thể điều phục được một lực sĩ. Do đây nên ta bảo A Nan rằng sau ba tháng đức Phật sẽ nhập Niết Bàn. Các lực sĩ nghe được tin này bèn họp nhau sửa sang đường sá.

Đến ngày ta từ nước Tỳ Xá Ly đến thành Câu Thi Na. Giữa đường thấy các lực sĩ, ta liền hóa thân làm vị Sa Môn hỏi các lực sĩ rằng: Bọn đồng tử kia làm việc gì thế ? Các lực sĩ đều nổi giận nói rằng: Này Sa Môn ! Tại sao ông gọi chúng ta là đồng tử ?

Ta bảo các lực sĩ bọn người đến ba mươi muôn người mà không đủ sức dời nổi hòn đá nhỏ nhít này, nên ta gọi là đồng tử đâu phải lời quá đáng.

Các lực sĩ nói nếu ông gọi chúng ta là đồng tử, thì ông phải là bậc đại nhân.

Này Thiện Nam Tử ! Lúc đó ta dùng hai ngón chân hất văng hòn đá ấy. Các lực sĩ thấy như vậy liền hết khinh ngạo mà nói rằng: Này Sa Môn ! Nay ông có thể dời hòn đá này ra khỏi đường chằng ? - Ta nói này các đồng tử ! Do nhân duyên gì mà các người sửa sang con đường này ? - Các lực sĩ nói: Này Sa Môn ! Đức Thích Ca Như-Lai sẽ do con đường này đi đến rừng Ta La mà nhập Niết Bàn, nên chúng ta họp nhau lại sửa sang. Ta khen rằng: Lành thay ! Các đồng tử đã phát tâm tốt như vậy, ta sẽ dời hòn đá này cho các ông.

Nói xong ta liền lấy tay bưng hòn đá dời lên giữa hư không. Các lực sĩ kinh hãi muốn chạy tránh. Ta liền bảo họ rằng: Các người chằng nên kinh sợ ! Rồi ta lấy tay hứng bắt hòn đá để trên bàn tay mặt.

Các lực sĩ đều vui mừng khen ngợi hỏi rằng: Này Sa Môn ! Hòn đá ấy là thường hay vô thường ?

Ta liền dùng miệng thổi hòn đá tan nát ra như cát bụi.

Các lực sĩ thấy như vậy đồng cất tiếng xướng rằng hòn đá ấy là vô thường ! Họ sanh lòng hổ thẹn không còn có tâm niệm kiêu mạn.

Ta liền hiện lại hình Phật mà vì họ thuyết pháp. Ba mươi muôn lực sĩ đều phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.

Này Thiện Nam Tử ! Nơi thành Câu Thi Na có người thợ tên Thuần Đà. Người này nơi thời kỳ đức Phật Ca Diếp đã phát nguyện rằng: Lúc Thích Ca Như-Lai nhập Niết Bàn ta sẽ là người cúng dường bữa ăn cuối cùng cho Phật. Do đây nên ta ở nước Tỳ Xá Ly bảo Tỳ Kheo Ưu Bà Ma Na rằng: Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn nơi rừng Ta La trong thành Câu Thi Na, ông nên qua cho Thuần Đà hay !

Này Thiện Nam Tử ! Trong thành Vương Xá có vị Ngũ Thông Tiên Nhân tên là Tu Bạt Đà La được một trăm hai mươi tuổi. Tiên nhân này thường tự xưng là bậc Nhất thiết trí sanh lòng kiêu mạn. Tiên nhân này đã vun trồng căn lành nơi vô lượng chư Phật thưở quá khứ.

Vì muốn điều phục Tiên nhân này nên ta bảo A Nan rằng: Sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn ! Tu Bạt Đà La

nghe tin này sẽ sanh lòng kính tin mà đến ra mắt ta. Ta sẽ độ ông chứng quả A La hán.

Này Thiện Nam Tử ! Nơi thành La Duyệt Kỳ, Thái Tử Thiện Kiến muốn hại vua cha là Tần Bà Ta La, mà chưa có dịp hại được. Lúc đó Đề Bà Đạt Đa cũng muốn hại ta, bèn tu tập chứng được ngũ thông, làm bạn thân với Thái Tử Thiện Kiến. Vì Thái Tử mà hiện thần thông. Thái Tử rất kính mến cúng dường trọng hậu.

Một lúc kia Thái Tử thưa với Đề Bà Đạt Đa rằng: Bạch Đại Sư Thánh nhân, nay tôi muốn thấy hoa Mạn Đà La.

Đề Bà Đạt Đa liền đến cung trời Đao Lợi, xin bông Mạn Đà La, vì phước đã hết nên không vị trời nào chịu cho. Xin không được bông, Đề Bà Đạt Đa suy nghĩ rằng: Cây Mạn Đà La vốn không ngã, không ngã sở, nếu ta tự lấy bông nào có tội gì. Nghĩ xong Đề Bà Đạt Đa đến bên cây muốn lấy bông, liền mất thần thông, trở lại thấy thân mình ở nơi Vương Xá, sanh lòng hổ thẹn chẳng dám đến gặp Thái Tử Thiện Kiến. Đề Bà Đạt Đa lại nghĩ rằng nay ta nên đến chỗ Phật đòi đại chúng. Nếu Phật cho ta sẽ tùy ý sai bảo Xá Lợi Phất v.v...

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Phật mà bạch rằng:

Ngưỡng mong đức Như-Lai đem đại chúng này giao phó cho tôi, tôi sẽ thuyết pháp giáo hóa họ.

Phật nói: Người ngu si ! Xá Lợi Phất v.v... là bậc thông minh đại trí mọi người tin phục, mà ta còn chẳng đem đại chúng giao phó, huống người là người ngu si ăn nước miếng của kẻ khác ư !

Lúc đó Đề Bà Đạt Đa càng sanh ác tâm nói rằng: Nay Cù Đàm. Nay dầu ông điều phục đại chúng, nhưng thế cũng chẳng được lâu sẽ phải bị tiêu diệt ! Vừa nói xong đất liền rung động, Đề Bà Đạt Đa té xuống đất, bên ông ấy thân phát ra luồng gió mạnh thổi bụi đất lấm dơ cả mình.

Đề Bà Đạt Đa thấy tướng xấu này lại nói rằng: Nếu thân ta hiện đời phải đọa A Tỳ địa ngục, ta phải báo sự oán thù lớn này.

Đề Bà Đạt Đa liền đến chỗ Thái Tử Thiện Kiến.

Thái Tử hỏi: Đại sư Thánh nhân có sao dung nhan tiều tụy sắc diện lo buồn ?

Đề Bà Đạt Đa nói: Ta luôn luôn như vậy mà Thái Tử chẳng biết ư ?

Thái Tử hỏi: Có nhân duyên gì như vậy ? Xin Đại Sư

dạy rõ.

Đề Bà Đạt Đa nói: Nay ta cùng Thái Tử thân mến nhau. Người ngoài mắng nhiếc Thái Tử, lẽ đâu ta chẳng lo buồn.

Thái Tử hỏi: Người ta mắng nhiếc tôi như thế nào ?

Đề Bà Đạt Đa nói: Mọi người mắng Thái Tử là vị sanh oán.

Thái Tử hỏi: Sao lại gọi tôi là vị sanh oán ? Ai đặt ra danh từ này ?

Đề Bà Đạt Đa nói: Lúc chưa sanh Thái Tử, tất cả tướng sư đều bảo rằng lúc đứa trẻ này lớn lên sẽ giết cha do đó người ngoài đều gọi Thái Tử là vị sanh oán. Người trong cung vì muốn Thái Tử vui lòng nên đặt tên là Thiện Kiến.

Vi Đề Hy phu nhân nghe lời tướng sư, lúc sanh Thái Tử từ trên lầu cao ném xuống đất, làm gãy mất một ngón tay của Thái Tử. Do cơ này nên mọi người lại gọi tên Thái Tử là Chiết Chỉ. Ta nghe những việc này trong lòng lo buồn, nhưng lại chẳng dám nói với Thái Tử.

Đề Bà Đạt Đa đem những việc ác như vậy xúi Thái Tử giết vua cha mà bảo rằng: Nếu Thái Tử giết vua cha,

thời ta cũng có thể giết Sa Môn Cù Đàm.

Thái Tử hỏi đại thần Võ Hành. Đại thần thuật sự tích đặt tên đúng như lời của Đề Bà Đạt Đa.

Thái Tử nghe xong liền cùng đại thần bắt vua cha giam ở ngoài thành sai bốn đội binh giữ gìn nghiêm ngặt. Phu nhân Vi Đề Hy đến thăm vua. Người giữ cửa nhà giam chẳng cho vào. Phu nhân cả giận bèn quở mắng. Người giữ cửa đem việc này thưa với Thái Tử. Thái Tử Thiện Kiến giận dữ vào cung nắm tóc mẹ rút gươm muốn chém.

Kỳ Bà liền đến can rằng: Tâu Đại Vương ! Từ khi lập quốc đến nay, dầu tội rất nặng cũng chẳng xử đến người nữ, huống là mẹ đẻ.

Thái Tử vì nể Kỳ Bà nên không giết phu nhân. Dứt hẳn sự uống ăn thuốc men của vua cha. Quá bảy ngày vua cha chết. Thiện Kiến Thái Tử mới sanh lòng hối hận.

Đại Thần Võ Hành tâu rằng: Tất cả hành nghiệp đều không có tội, sao Đại Vương lại sanh lòng hối hận buồn rầu.

Kỳ Bà tâu rằng: Đại Vương nên biết rằng việc làm của Đại Vương gồm hai tội nặng: một là tội giết cha, hai

là tội giết Tu Đà Hoàn. Tội nặng như vậy trừ Phật không ai có thể làm cho tội đó được trừ diệt.

Vua nói Đức Như-Lai thanh tịnh ta là người tội nhỏ ư làm sao dám đến thấy Phật.

Này Thiện Nam Tử ! Ta biết việc này nên bảo A Nan rằng sau ba tháng ta sẽ nhập Niết Bàn.

Thái Tử Thiện Kiến nghe tin này liền đến ra mắt ta. Ta vì Thiện Kiến mà thuyết pháp, do đây tội nặng được bớt nhẹ, Thiện Kiến được vô căn tín.

Này Thiện Nam Tử ! Hàng đệ tử của ta nghe những lời này chẳng hiểu ý của ta, nên cho rằng đức Như-Lai quyết định nói rõ ráo nhập Niết Bàn.

Phật bảo Ca Diếp Bồ Tát: Này Thiện Nam Tử ! Bồ Tát có hai hạng: Một là thật nghĩa, hai là giả danh.

Giả danh Bồ Tát nghe tin Phật sau ba tháng sẽ nhập Niết Bàn, đều sanh lòng thối thất mà nói rằng: Đức Như-Lai còn là vô thường, tại sao chúng ta lại vì sự vô thường mà phải cần khổ trong vô lượng đời. Đức Như-Lai thành tựu đầy đủ vô lượng công đức mà còn không thể phá hoại được tử ma, huống là bọn ta.

Này Thiện Nam Tử ! Ta vì hạng Bồ Tát này mà nói

rằng Như-Lai thường trụ không có biến đổi.

Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như-Lai trọn chẳng rớt ráo nhập Niết Bàn.

Này Thiện Nam Tử ! Có những chúng sanh chấp đoạn kiến bảo rằng tất cả chúng sanh sau khi thân thể chết mất, những nghiệp thiện, nghiệp ác không có người lãnh thọ. Ta vì những người này mà nói rằng quả báo lành cũng như quả báo ác thật có người lãnh thọ. Do đâu biết rằng có ?

Như thuở quá khứ nơi thành Câu Thi Na có Thiện Kiến Vương: Lúc làm đồng tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, thời kỳ làm Thái tử trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi, đến lúc lên ngôi vua cũng trải qua tám muôn bốn ngàn tuổi. Thiện Kiến Vương ngồi riêng một mình suy nghĩ rằng: Chúng sanh phước mỏng tuổi thọ ngắn ngủi, thường có bốn thứ oan gia theo dõi mà chúng sanh chẳng hay biết, mãi phóng dật. Ta nên xuất gia tu hành dứt tuyệt bốn thứ oan gia sanh, già, bệnh, chết. Nhà vua sai quan xây nhà thất bảo ở ngoài thành rồi bảo quần thần, hậu phi, các vương tử cùng tất cả quyến thuộc: Nay ta muốn xuất gia các người có bằng lòng chăng ? Các đại

thần cùng quyền thuộc đều bằng lòng. Thiện Kiến Vương đem theo một người hầu hạ qua ở nơi nhà thất bảo tu tập từ tâm trải qua tám muôn bốn ngàn năm. Do sự tu tập từ tâm này nên sau đó trải qua tám muôn bốn ngàn đời thường làm Chuyển Luân Thánh Vương, ba mươi đời làm Thích Đề Hoàn Nhân, vô lượng đời làm tiểu quốc vương.

Này Thiện Nam Tử ! Thiện Kiến Vương thuở xưa đó chính là tiền thân của ta. Các đệ tử của ta nghe những lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng: Đức Như-Lai quyết định nói có ngã và có ngã sở.

Lại một thời kỳ kia ta vì chúng sanh mà nói rằng ngã chính là tánh, nghĩa là những nhân duyên trong thân ngoài cảnh, mười hai nhân duyên, ngũ ấm, tâm, giới, công đức, hành nghiệp, tự tại thiên chính đây gọi là ngã. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói có ngã.

Này Thiện Nam Tử ! Ngày kia có một Tỳ Kheo đến bạch rằng: Thế Tôn ! Thế nào gọi là ngã, ai là ngã ? Duyên gì mà có ngã ? Ta bảo Tỳ Kheo đó rằng: Này Tỳ Kheo không có ngã không có ngã sở. Ngã đó chính là trước không mà nay có, có rồi trở lại không. Lúc nó sanh

không từ đâu lại, lúc nó diệt cũng không đến đâu. Dầu có nghiệp quả mà không có tác giả, không có ai rời bỏ ngũ ấm cũng như không có ai thọ lấy ngũ ấm. Như lời ông hỏi thế nào là ngã ? Ngã đó chính là thời kỳ vậy. Ai là ngã ? Chính là nghiệp vậy. Duyên gì mà có ngã ? Chính là ái vậy. Nay Tỳ Kheo ! Như hai tay vỗ nhau trong đó phát ra tiếng. Ngã cũng như vậy, chúng sanh, nghiệp, ái, do ba nhân duyên này mà gọi đó là ngã. Nay Tỳ Kheo ! Nơi tất cả chúng sanh, sắc chẳng phải là ngã, trong ngã không có sắc, trong sắc không có ngã, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Nay Tỳ Kheo ! Các ngoại đạo dầu nói là có ngã nhưng trọn chẳng lìa ngũ ấm. Không bao giờ có thể nói rằng riêng có ngã rời ngoài ngũ ấm. Tất cả chúng sanh, hành nghiệp như huyễn hóa như dương diệm. Nay Tỳ Kheo ! Ngũ ấm đều là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh.

Nay Thiện Nam Tử ! Lúc ta giảng dạy những lời trên đây, có vô lượng Tỳ Kheo quán ngũ ấm là vô ngã, là không ngã sở, mà chứng đặng quả A La Hán.

Nay Thiện Nam Tử ! Các đệ tử của ta nghe lời nói trên đây chẳng hiểu được ý của ta cho rằng đức Như-Lai quyết định nói vô ngã.

Này Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta lại nói rằng do ba sự hòa hiệp mà có thân: Cha, mẹ, trung âm. Hoặc có lúc ta nói bậc A Na Hàm nơi hiện thân nhập Niết Bàn, hoặc nói nơi thân trung âm nhập Niết Bàn. Hoặc nói rằng thân căn của trung âm minh mẫn sáng suốt đều do nơi hạnh nghiệp đời trước, như đề hồ trong sạch.

Này Thiện Nam Tử ! Có lúc ta nói rằng chúng sanh tệ ác thọ thân trung âm xấu xí như vải bố thô. Chúng sanh thuần thiện thọ thân trung âm tốt đẹp như lụa trắng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói có thân trung âm.

Này Thiện Nam Tử ! Ta lại vì những chúng sanh phạm tội nghịch mà nói rằng kẻ tạo tội ngũ nghịch sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ.

Ta lại nói rằng Tỳ Kheo Đàm Ma Lưu Chi, sau khi chết chẳng vào địa ngục A Tỳ, nơi khoảng giữa không chỗ dừng ở.

Ta lại bảo Phạm Chí Độc Tử: Này Phạm Chí ! Nếu có thân trung âm thì có sáu sự có. Ta lại nói chúng sanh cõi Vô Sắc không có thân trung âm. Các đệ tử của ta nghe lời trên đây chẳng hiểu được ý của ta bèn nói rằng đức Phật quyết định nói không thân trung âm.

Này Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta lại nói có thối thất. Nhân nơi vô lượng sự giải đãi biếng trễ, các Tỳ Kheo chẳng tu hành đạo hạnh nên nói có năm điều thối thất: Một là thích nhiều việc, hai là thích nói việc đời, ba là ưa ngủ nghỉ, bốn là ưa gần người tại gia, năm là ưa thường dạo đi, do năm nhân duyên này làm cho Tỳ Kheo thối thất.

Nhân duyên thối thất lại có hai thứ: Một là nội nhân, hai là ngoại nhân, bậc A La Hán dầu rời khỏi nội nhân chẳng lìa ngoại nhân. Do nhân duyên ngoài nên sanh phiền não. Vì sanh phiền não thời thối thất.

Có Tỳ Kheo tên là Cù Đàm, sáu phen thối thất, sanh lòng hổ thẹn lại tiến tu lần thứ bảy bèn được, được rồi sợ thối thất lấy dao tự đâm mình mà chết.

Ta lại nói có lúc giải thoát, hoặc nói sáu hạng A La Hán. Các đệ tử ta nghe những lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói có thối thất.

Này Thiện Nam Tử ! Trong kinh lại nói như đã cháy thành than thời chẳng còn trở lại làm cây gỗ. Như bình đã bể thời không còn công dụng của bình. Phiền não cũng như vậy, A La Hán đã dứt thời trọn chẳng có lại

nữa.

Ta cũng nói chúng sanh nhân duyên có phiền não do ba điều: Một là chưa dứt phiền não, hai là chẳng dứt nhân duyên, ba là chẳng khéo suy nghĩ. Bậc A La Hán không có hai điều: Nghĩa là đã dứt phiền não và đã khéo suy nghĩ. Các đệ tử của ta nghe lời này, chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói không thối thất.

Trong kệ kinh ta nói thân của Như-Lai có hai thứ: Một là sanh thân, hai là pháp thân. Sanh thân là thân phương tiện ứng hóa. Thân này có thể nói là sanh già bệnh chết, cao thấp đen trắng, là đây là kia là học là vô học. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói thân Phật là pháp hữu vi. Pháp thân là thường lạc ngã tịnh, lìa hẳn tất cả sanh già bệnh chết, chẳng phải trắng đen, chẳng phải cao thấp, chẳng phải đây kia, chẳng phải học vô học, Phật ra đời hoặc chẳng ra đời vẫn thường trụ chẳng động không biến đổi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta, bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói thân Phật là pháp vô vi.

Này Thiện Nam Tử ! Trong kệ kinh ta nói mười hai

nhân duyên: Từ vô minh sanh ra hành, từ hành sanh ra thức, từ thức sanh ra danh sắc, từ danh sắc sanh ra lục nhập, từ lục nhập sanh ra xúc, từ xúc sanh ra thọ, từ thọ sanh ra ái, từ ái sanh ra thủ, từ thủ sanh ra hữu, từ hữu sanh ra sanh, từ sanh thời có già chết buồn khổ. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là hữu vi.

Lại một ngày kia ta bảo các Tỳ Kheo rằng mười hai nhân duyên tánh tướng là thường trụ không luận có Phật hay không Phật. Có mười hai duyên chẳng từ duyên sanh, có từ duyên sanh chẳng phải mười hai duyên, có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên, có chẳng phải duyên sanh mà cũng chẳng phải là mười hai duyên.

Có mười hai duyên chẳng phải là duyên sanh, chính là mười hai chi đời vị lai. Có từ duyên sanh mà chẳng phải là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của A La Hán. Có từ duyên sanh cũng là mười hai duyên chính là thân ngũ ấm của phàm phu. Mười hai nhân duyên chẳng phải duyên sanh, chẳng phải mười hai duyên chính là hư không Niết Bàn.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của

ta, bèn cho rằng đức Như-Lai nói mười hai nhân duyên quyết định là vô vi.

Này Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta nói tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác, lúc chết, tứ đại này liền hư hoại. Người tạo nghiệp thuần thiện tâm thức liền đi lên, người tạo nghiệp thuần ác tâm thức liền đi xuống. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói tâm quyết định là thường trụ.

Này Thiện Nam Tử ! Một thuở kia ta nói với vua Tần Bà Ta La rằng: Này Đại vương ! Sắc là vô thường vì từ nhân vô thường mà sanh ra sắc. Nếu sắc đã từ nhân vô thường mà sanh, người trí không bao giờ nói sắc là thường. Nếu sắc là thường lẽ ra chẳng hoại diệt sanh các khổ não. Nay thấy sắc hoại diệt nên biết rằng sắc là vô thường. Như sắc, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói tâm quyết định đoạn diệt.

Này Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta nói hàng đệ tử lãnh thọ những hoa hương, vàng bạc, vật báu, vợ con, tôi tớ, tám vật bất tịnh chúng được chánh đạo, đã chứng

được chánh đạo cũng chẳng rời bỏ những vật ấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói hưởng thọ ngũ dục chẳng chướng ngại Thánh đạo.

Lại có lúc ta nói người tại gia không thể chứng được chánh đạo. Hàng đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói hưởng thọ ngũ dục quyết định chướng ngại chánh đạo.

Trong khế kinh ta nói xa lìa phiền não chưa được giải thoát như cõi dục tu tập pháp thế đệ nhất. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói pháp thế đệ nhất chỉ là cõi dục.

Trong khế kinh ta lại nói noãn pháp, đánh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp thuộc nơi sơ thiên đến tứ thiên. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói bốn pháp ấy thuộc nơi cõi sắc. Trong khế kinh ta lại nói hàng ngoại đạo đã dứt được phiền não cõi tứ thiên tu tập noãn pháp, đánh pháp, nhẫn pháp, thế đệ nhất pháp, quán tứ đế chứng quả A Na Hàm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói thế đệ nhất pháp thuộc nơi cõi vô sắc.

Trong khế kinh ta từng nói trong bốn thứ bồ thí có ba điều trong sạch: Một là thí chủ tin nhân tin quả tin bồ thí, người thọ chẳng tin nhân, chẳng tin quả cùng bồ thí, hai là thí chủ chẳng tin nhân quả và bồ thí, người thọ tin nhân quả và bồ thí ; ba là thí chủ và người thọ cả hai đều có lòng tin ; bốn là thí chủ và người thọ cả hai đều chẳng tin. Bốn thứ bồ thí trên đây ba hạng ban đầu là trong sạch. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói bồ thí chỉ thuộc nơi ý.

Có một lúc kia ta lại nói rằng người bồ thí lúc bồ thí đem năm việc ra bồ thí: Một là bồ thí sắc, hai là bồ thí sức lực, ba là bồ thí an ổn, bốn là bồ thí mạng sống, năm là bồ thí biện tài, do nhân duyên này nên thí chủ trở lại được năm quả báo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói bồ thí tức là năm âm.

Có một lúc ta nói rằng: Niết Bàn tức là viên ly, phiền não dứt hẳn không còn thừa sót, như đèn đã tắt, không còn pháp gì sanh trở lại, Niết Bàn cũng như vậy.

Nói hư không đó tức là không chỗ có, như trong đời gọi chỗ không có là hư không, chẳng phải do trí dứt mới không chỗ có. Nếu hư không là có lẽ ra phải có nhân

duyên nếu đã có nhân duyên lẽ ra phải có dứt diệt, bởi hư không vốn là không nên không có dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói không có ba pháp vô vi.

Một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng luận về Niết Bàn tức là chương cú, tức là dấu vết, tức là chỗ rớt ráo, là chỗ vô sở úy, là bậc đại sư, là đại quả, là trí rớt ráo, là đại nhân, là vô ngại tam muội, là đại pháp giới, là cam lộ vị, là khó thấy biết. Nay Mục Kiền Liên ! Nếu nói rằng không Niết Bàn, tại sao có người sanh lòng hủy báng Niết Bàn lại phải đọa địa ngục. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu được ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói có Niết Bàn.

Lại một lúc kia ta bảo Mục Kiền Liên rằng nhãn căn chẳng bền chắc nhãn đến thân cũng chẳng bền chắc. Vì chẳng bền chắc nên gọi là hư không. Ăn nuốt xuống rồi xoay chuyển tiêu hóa. Tất cả âm thanh đều gọi là hư không. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói có hư không vô vi.

Ta lại bảo Mục Kiền Liên có người chưa được quả Tu Đà Hoàn, lúc trụ nơi nhãn pháp, dứt vô lượng quả báo

trong ba đường dữ, nên biết rằng chẳng phải từ nơi trí mà dứt diệt. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta, bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói có chẳng phải do trí mà dứt diệt. Lại một lúc kia ta nói với Tỳ Kheo Bạt Ba nếu Tỳ Kheo quán nơi sắc: Hoặc quá khứ, vị lai, hiện tại, hoặc gần hoặc xa, hoặc thô hoặc tế, những sắc như vậy chẳng phải là ngã chẳng phải ngã sở: Quán như vậy có thể dứt được lòng tham ái nơi sắc,

- Bạt Ba bạch rằng: Thế nào gọi là sắc ?

- Ta đáp: Tứ đại gọi rằng sắc, thọ tướng hành thức bốn ấm này gọi là danh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai quyết định nói sắc là tứ đại.

Này Thiện Nam Tử ! Ta lại nói rằng như nhân nơi mặt gương mà có bóng hình hiện ra, sắc cũng như vậy nhân nơi tứ đại tạo thành. Chính là những thứ to, nhỏ, rít, trơn, xanh, vàng, đỏ, trắng, dài, vắn, vuông, tròn, cong, ngay, nhẹ, nặng, lạnh, nóng, đói khát, khói, mây, bụi mù, đây gọi là những sắc do tứ đại tạo thành dường như vang bóng. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói có tứ đại thì có sắc do tứ đại tạo thành, hoặc nói có tứ đại mà không có sắc.

Này Thiện Nam Tử ! Trước kia Phương Tử Bồ Đề nói rằng nếu có Tỳ Kheo trì giới lúc phát tâm ác, nên biết rằng lúc đó mất giới Tỳ Kheo. Ta nghe lời này bèn bảo rằng: Này Phương Tử ! Giới có bảy thứ từ nơi thân và miệng mà có vô tác biểu sắc. Do nhân duyên vô tác biểu sắc này nên đầu tâm của Tỳ Kheo ở trong ác vô ký nhưng chẳng gọi là mất giới, vẫn còn gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Phật nói có vô tác biểu sắc.

Này Thiện Nam Tử ! Trong các kinh khác ta có nói rằng giới chính là ngăn chế pháp ác, nếu chẳng làm ác đây gọi là trì giới. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn xướng rằng đức Như-Lai quyết định nói không có vô tác biểu sắc.

Này Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta từng nói sắc ấm của Thánh nhân nhẫn đến thức ấm đều là do vô minh sanh ra. Tất cả phàm phu cũng như vậy, từ vô minh sanh ra ái, nên biết rằng ái này chính là vô minh, từ ái sanh ra thủ, nên biết rằng thủ này chính là vô minh ái. Từ thủ sanh ra hữu, hữu này chính là vô minh ái thủ. Từ hữu sanh ra thọ, nên biết rằng thọ này chính là hành hữu. Từ nơi thọ sanh ra danh sắc, vô minh ái, thủ, hữu, hành, thọ,

xúc, thức, lục nhập v.v... do đây nên thọ chính là mười hai chi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói không có tâm sở.

Này Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta từng nói từ nơi nhãn, sắc, minh và ác dục, do bốn thứ này làm nhân duyên sanh ra nhãn thức. Ác dục trong đây chính là vô minh, lúc dục cầu thời gọi là ái, do ái mà có thủ, thủ đây gọi là nghiệp, nghiệp làm duyên cho thức, thức làm duyên cho danh sắc, danh sắc làm duyên cho lục nhập, lục nhập làm duyên cho xúc, xúc làm duyên cho tướng thọ ái, tín, tinh tấn, định và huệ, những pháp này nhân nơi xúc mà sanh nhưng chẳng phải là xúc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói có tâm sở.

Này Thiện Nam Tử ! Hoặc có lúc ta nói chỉ có một cõi, hoặc nói hai, ba, bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín nhân đến hai mươi lăm cõi. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói có năm cõi, hoặc nói có sáu cõi.

Này Thiện Nam Tử ! Ngày trước lúc ở nơi rừng Ni Câu Đà tại thành Ca Tỳ La Vệ, Thích Ma Nam bạch với ta rằng: Thế Tôn sao gọi là Ưu Bà Tắc ? Ta nói: Nếu có

Thiện nam tử hoặc Thiện nữ nhân nào căn thân đầy đủ thọ ba pháp quy y thời gọi là Ưu Bà Tắc. Thích Ma Nam lại hỏi: Thế Tôn sao gọi là nhất phần Ưu Bà Tắc ? Ta nói: Nếu thọ ba pháp quy y và thọ một giới thời gọi là nhất phần Ưu Bà Tắc. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói Ưu Bà Tắc được thọ từ phần.

Lại một lúc kia ta ở bên sông Hằng, Ca Chiên Diên đến bạch với ta rằng: Thế Tôn ! Tôi giáo hóa chúng sanh khiến họ thọ pháp Bát quan trai: Hoặc một ngày, hoặc một đêm, hoặc một giờ, hoặc một niệm, những người này được thành trai pháp chăng ? Ta nói: Nay Ca Chiên Diên, những người này chỉ được điều lành mà chẳng được gọi là được trai pháp. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn nói rằng đức Như-Lai nói pháp Bát quan trai thọ đủ mới được.

Trong khế kinh ta từng nói rằng nếu có Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng thời chẳng gọi là Tỳ Kheo, gọi là phá Tỳ Kheo, hư mất Tỳ Kheo chẳng còn có thể sanh chủng tử pháp lành, như hột giống đã cháy chẳng còn mọc mầm sanh bông trái, như cây đa la nếu ngọn đã bị đứt thời chẳng còn sanh trái. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng

hiếu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói các Tỳ Kheo phạm giới trọng rồi bèn mất giới Tỳ Kheo.

Trong khế kinh, ta vì Thuần Đà mà nói bốn hạng Tỳ Kheo: Một là hạng rốt ráo đến chánh đạo, hai là hạng chỉ bày chánh đạo, ba là hạng lãnh thọ chánh đạo, bốn là hạng nhiễm ô chánh đạo. Người phạm bốn tội trọng là hạng nhiễm ô chánh đạo. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói các Tỳ Kheo đã phạm bốn tội trọng chẳng mất giới.

Trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo có nhất thừa, nhất đạo, nhất hạnh, nhất duyên, bốn pháp này có thể làm cho chúng sanh được đại tịch tịnh, dứt hẳn tất cả sự ràng buộc sâu khổ, khổ quả cùng khổ nhân, làm cho tất cả chúng sanh đến nơi nhất thừa. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói Tu Đà Hoàn nhân đến A La Hán đều được Phật đạo.

Này Thiện Nam Tử ! Trong khế kinh ta nói Tu Đà Hoàn bảy lần sanh qua lại trong nhân gian cùng cõi trời, bèn chứng A La Hán nhập Niết Bàn. Tu Đà Hàm một lần sanh trong nhân gian và cõi trời bèn nhập Niết Bàn. A Na Hàm phạm có năm hạng: Hoặc có trung gian nhập Niết Bàn nhân đến thượng lưu nhập Niết Bàn. A La Hán

phàm có hai hạng: Một là hiện tại, hai là vị lai, hiện tại cũng dứt phiền não ngũ âm, vị lai cũng dứt phiền não ngũ âm. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói Tu Đà Hoàn đến A La Hán chẳng được Phật đạo.

Trong khế kinh ta từng nói Phật tánh đủ có sáu điều: Một là thường, hai là thật, ba là chân, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh như hư không. Hư không chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, chẳng phải nội ngoại, chẳng phải sắc thính hương vị, xúc, Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói Phật tánh của chúng sanh dường như kho châu báu ẩn kín trong nhà của bần nữ, như Kim Cang bảo châu ẩn trên trán của lực sĩ, như suối Cam Lộ của Chuyển Luân Thánh Vương. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói hàng Nhất Xiển Đề phạm bốn tội trọng, hủy báng kinh điển Đại-thừa, tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Những chúng sanh này đều không có pháp lành. Phật tánh là lành. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói Phật tánh của chúng sanh rời ngoài chúng sanh mà có.

Ta lại nói chúng sanh chính là Phật tánh, vì nếu rời chúng sanh thì chẳng được Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ rờ voi: Như bọn người mù nói hình dạng của voi, dầu chẳng trúng nhưng đều chẳng rời ngoài voi. Chúng sanh nói sắc, nói thọ tướng hành thức là Phật tánh. Cũng như vậy, dầu là chẳng phải là Phật tánh nhưng chẳng phải rời Phật tánh. Như ta vì vua Ba Tư Nặc mà nói ví dụ ống không hầu Phật tánh cũng như vậy. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn lập ra nhiều thuyết khác nhau, như người mù hỏi màu của sữa, Phật tánh cũng như vậy. Do có này, hoặc có người nói hàng Nhất Xiển Đề phạm bốn tội trọng hủy báng kinh Đại Thừa tạo tội ngũ nghịch đều có Phật tánh. Hoặc có người nói là không có Phật tánh.

Trong kệ kinh nhiều lần ta nói rằng một người xuất

thế thời nhiều người được lợi ích. Trong một cõi nước không có hai vua Chuyển Luân. Trong một thế giới không có hai đức Phật xuất thế. Một tứ thiên hạ không có tám Tứ Thiên Vương, nhần đến không có hai Tha Hóa Tụ Tại Thiên. Ta nói từ Diêm Phù Đề, dưới đến địa ngục A Tỳ, trên đến trời Sắc Cứu cánh. Các đệ tử của ta nghe lời này chẳng hiểu ý của ta bèn cho rằng đức Như-Lai nói không có Phật mười phương. Thật ra trong các kinh Đại Thừa ta nói có thập phương chư Phật.

Này Thiện Nam Tử ! Những điều tránh tụng như vậy là cảnh giới của chư Phật chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được. Nếu người nào đối với những việc này sanh lòng nghi còn có thể phá hoại được vô lượng phiền não. Nếu người nào ở trong những việc này sanh lòng quyết định thời gọi là chấp trước.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế nào là chấp trước ?

- Này Thiện Nam Tử ! Những người như vậy hoặc do người khác dạy bảo, hoặc nghe người khác nói, hoặc tự tìm kinh điển, với những điều ham thích chẳng thể buông bỏ đây gọi là chấp trước.

- Bạch Thế Tôn ! Sự chấp trước này là thiện hay là

bất thiện ?

- Này Thiện Nam Tử ! Sự chấp trước như vậy chẳng gọi là thiện, vì không thể phá hoại những lưới nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Những người này vốn tự chẳng nghi, sao lại nói rằng chẳng phá hoại lưới nghi ?

- Này Thiện Nam Tử ! Luận về người chẳng nghi chính là nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có người nói rằng bậc Tu Đà Hoàn chẳng đọa ba ác đạo. Người này cũng nên gọi là chấp trước, là nghi.

- Này Thiện Nam Tử ! Nên gọi là quyết định, mà chẳng được gọi là nghi. Tại sao vậy ? Này Thiện Nam Tử ! Như có người trước kia thấy cây, thấy người, về sau đi ban đêm từ xa thấy gốc cây trụi, bèn nghi rằng đó là người hay là cây ? Như người trước thấy Tỳ Kheo và Phạm Chí, lúc sau đi đường từ xa thấy Tỳ Kheo bèn nghi rằng đó là Sa Môn hay là Phạm Chí ? Như người trước thấy bò và trâu, lúc sau từ xa thấy bò, bèn nghi rằng đó là bò hay trâu ?

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh trước thấy hai vật về sau bèn sanh nghi, vì trong tâm họ chẳng nhận

được rõ ràng.

Ta cũng chẳng nói rằng bậc Tu Đà Hoàn có đọa ba đường ác hay chẳng đọa ba đường ác, có gì người này lại sanh lòng nghi !

- Bạch Thế Tôn ! Như Phật nói phải trước có thấy rồi sau mới nghi. Nhưng có người lúc chưa thấy hai vật cũng lại sanh nghi. Như đối với Niết Bàn. Như có người đi đường gặp dòng nước đục, trước kia chưa từng thấy mà cũng sanh nghi rằng dòng nước này sâu hay cạn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Luận về Niết Bàn chính là dứt khổ, chẳng phải là Niết Bàn thì chính là khổ. Tất cả chúng sanh thấy có khổ cùng chẳng phải khổ. Như thấy đói khát, lạnh nóng, giận mừng, bệnh gầy, an ổn, trẻ, già, sống chết, trói buộc, cởi mở, ân ái biệt ly, oán thù gặp gỡ, sau khi thấy những việc này, chúng sanh bèn nghi rằng sẽ có những gì xa lìa vĩnh viễn những sự khổ não này chẳng ? Do đây nên chúng sanh đối với Niết Bàn mà sanh nghi.

Nếu ông cho rằng người đó từ trước đến nay chưa từng thấy dòng nước đục này sao lại sanh nghi. Lời nói này không đúng nghĩa, vì người đó ở nơi chỗ khác đã từng thấy rồi, nên ở nơi chỗ mới đến này mà sanh nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Người đó lúc trước thấy nước sâu cạn đã chẳng sanh nghi, nay có gì mà sanh nghi ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì trước kia chưa đi nên sanh nghi. Do đây nên ta nói rằng vì trong tâm họ chẳng nhận được rõ ràng nên sanh nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói nghi chính là chấp trước, chấp trước chính là nghi, đây là người nào ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Là người dứt căn lành.

- Bạch Thế Tôn ! Những hạng người nào có thể dứt căn lành.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người thông minh lanh lợi có thể khéo phân biệt, nếu xa lìa bạn lành chẳng nghe chánh pháp, chẳng khéo tư duy, chẳng thật hành đúng pháp, người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này vì thiếu bốn điều trên mà tự suy nghĩ rằng: Không có vật bố thí, vì người thí là rời bỏ của cải, nếu bố thí mà có quả báo, thời thí chủ phải thường nghèo cùng, vì nhân cùng quả giống nhau. Do suy nghĩ những việc như vậy nên người này nói rằng không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy thời gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Thí chủ, người thọ và tài vật đều là vô thường biến đổi, nếu không biến đổi sao lại nói rằng đây là thí chủ, đây là người thọ, đây là của cải, nếu không người thọ sao lại được quả báo, do nghĩa này nên biết rằng không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy thì gọi là dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Lúc thí chủ bố thí có năm sự bố thí: Người thọ thí khi lãnh được của cải rồi hoặc làm lành, hoặc làm điều chẳng lành, mà thí chủ này cũng chẳng mắc phải quả báo lành hay chẳng lành, như trong đời từ hột sanh ra trái, rồi từ trái trở lại có hột. Nhân chính là thí chủ, quả chính là người thọ, mà người thọ này không thể đem điều thiện, điều bất thiện của mình đã làm khiến cho thí chủ được quả báo thiện cùng bất thiện, do nghĩa này nên không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy, nên biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Không có vật bố thí, vì vật bố thí là vô ký, đã là vô ký thì đâu có quả báo lành, không quả báo lành tức là vô ký, của vật nếu là vô ký nên biết rằng không có quả báo thiện ác, nên

không có sự bố thí không nhân không quả. Nếu nói rằng không nhân không quả như vậy phải biết người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Người bố thí do nơi ý, ý này chẳng phải là sắc pháp, không thể thấy không đối tượng, đã chẳng phải là sắc pháp thời đâu có thể bố thí, do đây nên không có sự bố thí không nhân không quả. Nếu nói không nhân không quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh lại suy nghĩ rằng: Nếu thí chủ cúng thí cho tượng Phật, tượng chư Thiên, cho cha mẹ đã qua đời, như vậy là có người thí mà không người thọ, nếu không người thọ thời lẽ ra không quả báo, nếu không quả báo thời là không nhân, nếu đã không nhân thời là không quả. Nếu nói không nhân quả như vậy, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại suy nghĩ rằng: Không cha không mẹ. Nếu nói cha mẹ là nhân sanh ra chúng sanh, đúng lý phải thường sanh không có đoạn tuyệt, vì nhân là thường có, nhưng chẳng thường sanh, do đây nên biết rằng không có cha mẹ. Người này lại nghĩ rằng: Không cha không mẹ. Vì nếu thân chúng sanh do cha mẹ mà có,

lẽ ra một người phải đủ cả hai căn nam nữ, nhưng sự thật không có đủ, do đây biết rằng chúng sanh chẳng phải do cha mẹ mà có. Người này lại nghĩ rằng chẳng phải do cha mẹ mà có ra chúng sanh, vì chính mắt họ thấy chúng sanh chẳng giống với cha mẹ, nghĩa là thân hình diện mạo tâm tánh đi đứng cử động chẳng giống với cha mẹ, nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng trong đời có bốn thứ không có: Một là chưa sanh gọi là không có, như lúc còn là viên đất sét thời chưa có công dụng của cái bình ; hai là đã diệt mất gọi là không có, như cái bình đã bể hư thời gọi là không có ; ba là riêng khác nhau nên lẫn không có¹⁸, như trong bò không có ngựa trong ngựa không có bò ; bốn là rốt ráo gọi là không có, như sừng thỏ lông rùa. Cha mẹ cũng đồng như bốn thứ không có này. Nếu nói cha mẹ là nhân có ra chúng sanh, lúc cha mẹ chết đứa con bất tất cũng chết, do đây nên cha mẹ chẳng phải là nhân sanh ra chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng: Nếu nói cha mẹ là nhân sanh ra chúng sanh, lẽ ra nhân nơi cha mẹ thường sanh ra chúng sanh, nhưng lại có hóa sanh và thấp sanh, do đây nên biết chẳng phải nhân nơi cha mẹ sanh ra

¹⁸ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “nên không có trong nhau”

chúng sanh. Người này lại nghĩ rằng: Tự có chúng sanh chẳng phải nhân nơi cha mẹ mà được sanh trưởng như chim công nghe tiếng sấm nổ mà có trứng, như chim thanh tước uống nước mắt của chim tước trống mà có trứng, như chim cộng mạng thấy chim trống múa bèn có trứng. Người này lúc suy nghĩ những điều trên đây nếu chẳng gặp được bậc Thiện tri thức khai thị, phải biết rằng người này có thể dứt căn lành.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Trong đời không có quả thiện ác, vì có những chúng sanh tu tập đủ mười điều lành, ưa thật hành bố thí siêng làm công đức, mà những người này cũng lại bị các bệnh tật nhóm trên thân, hoặc chết yếu, hoặc mất của, hoặc nhiều sự lo khổ. Cũng có những người tạo đủ mười điều dữ, tham lam bòn xén tật đồ giải đãi, mà lại mạnh khỏe sống lâu, hoặc giàu có không sầu khổ, do đây nên biết rằng không có quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng: Tôi cũng từng nghe các Thánh nhân nói có người tu tập pháp lành khi chết bị đọa trong ba đường dữ. Có người làm điều ác khi chết sanh trong loài người trên trời, do đây nên biết rằng không quả thiện ác. Người này lại nghĩ rằng: Các Thánh nhân nói hai thuyết: Hoặc nói sát sanh được quả báo lành,

hoặc nói sát sanh mắc quả báo dữ. Thánh nhân còn nói bất định, tại sao tôi lại nói quyết định, do đây nên biết không có quả thiện ác.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Trong đời không có Thánh nhân, vì nếu nói là Thánh nhân thì phải chứng được Thánh đạo. Tất cả chúng sanh lúc có đủ phiền não tu hành chánh đạo, nên biết rằng người này đồng thời đủ có phiền não và chánh đạo. Nếu đồng thời có, thì chánh đạo chẳng phá được kiết sử. Nếu không phiền não mà tu hành chánh đạo, thì chánh đạo ấy dùng làm gì ? Do đây nên người đủ phiền não thì chánh đạo chẳng thể phá hoại được, người không phiền não thì chánh đạo lại vô dụng. Do đây nên biết trong đời không có bậc Thánh nhân.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Vô minh làm duyên cho hành, nhân đến sanh làm duyên cho lão tử, mười hai nhân duyên này tất cả chúng sanh đồng có. Tám Thánh đạo tánh nó bình đẳng cũng như vậy, lúc một người được, thì tất cả người lẽ ra cũng được, lúc một người tu hành lẽ ra tất cả khổ đều diệt, vì phiền não bình đẳng. Mà nay chẳng đồng chứng đặng, do đây nên biết rằng không có chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Các Thánh nhân đều có những pháp đồng với phàm phu, như là uống ăn, đi đứng ngồi nằm, ngủ nghỉ, vui cười, đói khát, lạnh nóng, lo buồn, sợ sệt. Nếu đã đồng với phàm phu có những việc như vậy, nên biết rằng bậc Thánh nhân chẳng chứng được Thánh đạo, nếu đã được Thánh đạo lẽ ra phải dứt hẳn những việc như vậy. Những việc như vậy nếu đã chẳng dứt, do đây nên biết rằng không Thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Thánh nhân có thân thọ vui ngũ dục, cũng mắng nhiếc đánh đập người, cũng tật đố kiêu mạn, thọ những sự khổ vui, tạo nghiệp thiện ác, do đây nên biết rằng không có Thánh nhân. Nếu có chánh đạo lẽ ra đã dứt những việc này, nếu những việc này chẳng dứt nên biết rằng không chánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Người nhiều lòng từ mẫn gọi là Thánh nhân. Do nhân duyên gì gọi là Thánh nhân? Nhân nơi Thánh đạo mà gọi là Thánh nhân. Nếu tánh của Thánh đạo là từ mẫn, thì nên thương xót tất cả chúng sanh, chẳng cần chờ tu hành rồi mới đặng. Nếu như không từ mẫn có sao Thánh nhân chứng được Thánh đạo lại hay từ mẫn, do đây nên biết trong đời không có Thánh đạo.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Tất cả tứ đại chẳng từ nhân duyên sanh. Chúng sanh đồng có tánh tứ đại này. Chẳng quán sát chúng sanh đáng đến bờ này, chẳng đáng đến bờ kia, nếu là có Thánh đạo, thời tánh của Thánh đạo lẽ ra cũng như vậy, nhưng nay chẳng phải như vậy, do đây nên biết rằng trong đời không có Thánh nhân.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Nếu các bậc Thánh nhân có một Niết Bàn thời nên biết rằng không có Thánh nhân. Vì Niết Bàn là bất khả đắc. Pháp thường trụ là bất khả đắc chẳng thể lấy chẳng thể bỏ. Nếu các bậc Thánh nhân có nhiều Niết Bàn thời là vô thường, vì là pháp có thể đếm được. Niết Bàn nếu là một, lúc một người được thời lẽ ra tất cả đều được. Nếu Niết Bàn là nhiều thời là có chùng ngăn, nếu là có chùng ngăn thời đâu được gọi là thường trụ. Nếu nói rằng thể của Niết Bàn là một, mà người giải thoát là nhiều, như một cây lọng là một mà cọng cánh lá nhiều, lời nói này chẳng đúng nghĩa, vì mỗi người chứng đặng chẳng phải tất cả người chứng đặng, bởi có chùng ngăn lẽ ra là vô thường nếu đã là vô thường thời đâu được gọi là Niết Bàn. Nếu không có Niết Bàn thời ai là bậc Thánh nhân ? Do đây

nên biết rằng không có Thánh nhân.

Người thông minh này lại nghĩ rằng: Chánh đạo của Thánh nhân chẳng phải do nhân duyên mà được. Nếu chánh đạo của Thánh nhân đã chẳng phải do nhân duyên mà được, có sao tất cả chúng sanh chẳng làm Thánh nhân. Nếu tất cả người chẳng phải là Thánh nhân, thì biết rằng không có Thánh nhân và không có Thánh đạo.

Người thông minh lại nghĩ rằng: Thánh nhân nói có hai nhân duyên được chánh kiến: Một là nghe người khác thuyết pháp, hai là tự mình tư duy. Hai nhân duyên này đã từ duyên sanh, thì duyên này lại từ duyên khác mà sanh, xoay vần mãi như vậy thành ra có lỗi vô cùng. Nếu hai nhân duyên này chẳng từ duyên sanh, thì tất cả chúng sanh do có gì mà chẳng đều được.

Lúc người thông minh này suy nghĩ những điều như trên thì có thể dứt mắt căn lành.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh nào chấp chặt những điều không nhân không quả như vậy người này có thể dứt mắt năm căn: Tín, tấn, niệm, định và huệ. Người dứt mắt căn lành chẳng phải là người hạ liệt, ngu độn, cũng chẳng phải chư thiên, chẳng phải ba ác đạo. Người phá Tăng cũng như vậy.

Ca Diếp Bồ Tát bạch Phật rằng: Thế Tôn ! Người như vậy, lúc nào sẽ có thể sanh căn lành trở lại.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người này có hai lúc sanh căn lành trở lại: Lúc mới vào địa ngục và lúc ra khỏi địa ngục.

Nay Thiện Nam Tử ! Căn lành có ba thứ: Quá khứ, hiện tại và vị lai. Nếu là quá khứ thời tánh nó tự diệt, dầu nhân diệt nhưng quả báo chưa thực nên chẳng gọi là dứt quả quá khứ. Vì dứt nhân lành ba đời nên gọi là dứt mất.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu dứt nhân lành ba đời mà gọi là mất căn lành, người dứt căn lành vẫn có Phật tánh, Phật tánh này là quá khứ, là hiện tại, là vị lai, hay là khắp cả ba đời ? Nếu là quá khứ thế nào gọi là thường. Phật tánh là thường trụ nên biết rằng không phải là quá khứ. Nếu là vị lai thế nào gọi là thường ? Cớ sao Phật nói rằng tất cả chúng sanh quyết định sẽ được ? Nếu quyết định được thời sao lại nói rằng dứt mất ? Nếu là hiện tại sao lại là thường ? Cớ sao lại nói rằng quyết định có thể thấy ?

Đức Như-Lai cũng nói rằng Phật tánh cũng có sáu: Một là thường, hai là chân, ba là thật, bốn là thiện, năm là tịnh, sáu là có thể thấy. Nếu người dứt mất thiện căn mà có Phật tánh thời chẳng được gọi là dứt mất căn lành. Nếu không có Phật tánh sao lại nói rằng tất cả chúng sanh

đều có Phật tánh. Nếu nói rằng Phật tánh cũng có, cũng dứt, thế nào đức Như-Lai lại nói Phật tánh là thường trụ ?

- Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai vì chúng sanh nên có ba thứ giải đáp: Một là đáp quyết định, hai là phân biệt mà đáp, ba là theo lời hỏi mà đáp, bốn là yên lặng mà đáp.

Thế nào là quyết định đáp ? Nếu có ai hỏi rằng nghiệp ác cảm quả lành hay quả chẳng lành ? Thì nên quyết định đáp rằng cảm quả chẳng lành. Hỏi thiện nghiệp cũng đáp như vậy. Nếu hỏi đức Như-Lai có phải là bậc nhất thiết trí chẳng ? Thì nên quyết định đáp rằng là bậc nhất thiết trí. Nếu hỏi Phật pháp là thanh tịnh chẳng ? Thì nên quyết định đáp rằng là thanh tịnh. Nếu hỏi đệ tử của Phật có ăn ở đúng như pháp chẳng ? Thì nên quyết định đáp rằng có đúng như pháp mà ở. Đây gọi là quyết định đáp.

Thế nào là phân biệt mà đáp ? - Như đức Phật giảng nói bốn chân đế. - Thế nào là bốn ? - Là khổ tập diệt đạo. - Sao gọi rằng khổ đế ? - Vì có tám điều khổ nên gọi là khổ đế. - Thế nào là tập đế ? - Vì là nhân của ngũ ấm nên gọi là tập đế. - Thế nào là diệt đế ? - Vì đã dứt hẳn tham sân si nên gọi là diệt đế. - Thế nào là đạo đế ? - Ba mươi

bảy pháp trợ đạo gọi đó là đạo đế. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Thế nào là theo lời hỏi mà đáp ? Hỏi rằng đức Thế Tôn nói những pháp gì là vô thường ? - Đáp rằng đức Như-Lai nói pháp hữu vi là vô thường. Vô ngã cũng như vậy. - Hỏi rằng đức Thế Tôn vì những pháp gì mà nói tất cả đốt cháy ? - Đáp rằng đức Như-Lai vì tham, sân, si mà nói tất cả đốt cháy.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai có mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, Đại Từ Đại Bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v... tám muôn ức môn Tam Muội, ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, năm trí ấn v.v... ba muôn năm ngàn môn Tam Muội, Kim Cang định v.v... bốn ngàn hai trăm môn Tam Muội, vô lượng vô biên phương tiện Tam Muội, những công đức trên đây là Phật tánh của Phật. Phật tánh này có bảy điều: Thường, lạc, ngã, tịnh, chân, thật và thiện. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện Nam Tử ! Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau có sáu điều: Thường, tịnh, chân, thật, thiện và thiếu kiến. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

Như trước kia ông hỏi: Người dứt mắt căn lành có Phật tánh. Người này cũng có Phật tánh của Như-Lai,

cũng có Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau. Hai Phật tánh này vì chướng ngại vị lai nên được gọi là không, vì rốt ráo sẽ được nên gọi là có. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Như-Lai chẳng phải quá khứ, chẳng phải hiện tại, chẳng phải vị lai.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau là hiện tại và vị lai: Vì có thể thấy phần ít nên gọi là hiện tại, vì chưa thấy đầy đủ nên gọi là vị lai.

Đức Như-Lai lúc chưa chứng được Vô Thượng Bồ Đề, về nhân Phật tánh cũng là quá khứ, hiện tại và vị lai. Về quả Phật tánh thời chẳng như vậy: Có là ba đời, có chẳng phải ba đời.

Phật tánh của Bồ Tát thân rốt sau về nhân cũng là ba đời, về quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Phật tánh của Cửu Trụ Bồ Tát có sáu điều: Thường, thiện, chân, thật, tịnh, khả kiến. Nhân Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà nói.

Bát Trụ Bồ Tát xuống đến bậc Lục Trụ, Phật tánh có năm điều: Chân, thật, tịnh, thiện và khả kiến. Nhân Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà đáp.

Ngũ Trụ Bồ Tát xuống đến bậc Sơ Trụ, Phật tánh có năm điều: Chân, thật, tịnh, khả kiến và thiện bất thiện.

Này Thiện Nam Tử ! Năm thứ Phật tánh, sáu thứ Phật tánh, bảy thứ Phật tánh, người dứt mắt căn lành quyết sẽ được nên gọi là có, đây gọi là phân biệt mà đáp.

Nếu nói rằng người dứt mắt căn lành quyết định có Phật tánh quyết định không Phật tánh. Đây gọi là yên lặng mà đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi nghe rằng chẳng đáp mới gọi là yên lặng mà đáp. Nay có gì đức Như-Lai đáp mà lại gọi là yên lặng đáp ?

- Này Thiện Nam Tử ! Ta cũng chẳng nói ra, để đó chẳng giải đáp nên gọi là yên lặng mà đáp.

Này Thiện Nam Tử ! Yên lặng đáp như vậy lại có hai thứ: Một là ngăn dứt, hai là chẳng chấp trước. Do nghĩa này nên được gọi là yên lặng đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói, thế nào gọi rằng nhân Phật tánh cũng là ba đời, quả cũng là ba đời, lại chẳng phải là ba đời ?

- Này Thiện Nam Tử ! Ngũ ấm có hai thứ: Một là nhân hai là quả. Nhân ngũ ấm này cũng là ba đời, quả

ngũ âm này cũng là ba đời mà cũng chẳng phải là ba đời.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả những kiết sử vô minh phiền não đều là Phật tánh, vì là nhân của Phật tánh. Từ vô minh, hành và các phiền não mà được ngũ âm lành, đây gọi là Phật tánh. Từ ngũ âm lành nhân đến chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề. Do đây nên trong kinh ta nói trước rằng Phật tánh của chúng sanh như sữa lẫn lộn trong máu. Máu là nói vô minh, hành v.v... tất cả những phiền não. Sữa là nói ngũ âm lành. Nên ta nói rằng do từ những phiền não và ngũ âm lành mà chúng được Vô Thượng Bồ Đề như thân chúng sanh đều do từ tinh huyết mà được thành, Phật tánh cũng như vậy.

Bậc Tu Đà Hoàn và Tư Đà Hàm dứt phần ít phiền não, Phật tánh của những bậc này như sữa. Bậc A Na Hàm Phật tánh như lạc. Bậc A La Hán Phật tánh như sanh tô. Từ bậc Bích Chi Phật đến Thập Trụ Bồ tát, Phật tánh như thực tô. Phật tánh của đức Như-Lai như đề hồ.

Này Thiện Nam Tử ! Vì phiền não hiện tại chướng ngại làm cho chúng sanh chẳng thấy được Phật tánh. Như trong núi Hương Sơn có cỏ nhân nhục chẳng phải tất cả bò đều có thể được ăn. Phật tánh cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Năm thứ, sáu thứ, bảy thứ Phật tánh, nếu là đến vị lai sẽ có, tại sao nói rằng người dứt căn lành có Phật tánh ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Như các chúng sanh có nghiệp quá khứ, do nghiệp này mà chúng sanh thọ lấy quả báo hiện tại. Có nghiệp vị lai vì chưa sanh nên trọn chẳng thành quả. Chúng sanh hiện tại có phiền não, nếu không phiền não thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải thấy rõ Phật tánh hiện tại. Do đây nên (*người dứt căn lành do phiền não đời hiện tại*) có thể dứt căn lành, do năng lực Phật tánh đời vị lai nên căn lành sanh trở lại.

- Bạch Thế Tôn ! Đời vị lai thế nào có thể sanh căn lành ?

-Nay Thiện Nam Tử ! Như ngọn đèn và mặt trời dầu lại là vị lai mới sáng nhưng cũng phá tối tăm. Tánh vị lai có thể sanh ra chúng sanh, Phật tánh đời vị lai cũng như vậy. Đây gọi là phân biệt mà giải đáp.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu nói ngũ ấm là Phật tánh tại sao nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài.

Nay Thiện Nam Tử ! Có sao quên mất như vậy.

Trước kia ta chẳng nói rằng Phật tánh của chúng sanh là trung đạo ư ?

- Bạch Thế Tôn ! Thật ra tôi chẳng quên lời Phật dạy. Chỉ vì chúng sanh chẳng hiểu được trung đạo này nên bạch hỏi đức Phật như vậy.

- Này Thiện Nam Tử ! Chỗ mà chúng sanh chẳng hiểu được chính đó là trung đạo. Có lúc hoặc có hiểu hoặc có người chẳng hiểu. Ta vì muốn làm cho chúng sanh được hiểu rõ nên nói Phật tánh của chúng sanh chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì kẻ phàm phu cho rằng Phật tánh ở trong ngũ ấm, như trái cây đựng trong chậu. Cũng có kẻ cho rằng rời ngoài ngũ ấm mà có Phật tánh, như hư không. Do đây nên đức Như-Lai nói nghĩa trung đạo: Phật tánh của chúng sanh chẳng phải là sáu căn ở trong, chẳng phải là sáu trần ở ngoài. Vì hiệp trong và ngoài nên gọi là trung đạo. Do đây đức Như-Lai nói rằng: Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, nên gọi là trung đạo, đây là phân biệt mà giải đáp.

Này Thiện Nam Tử ! Thế nào gọi là chẳng phải trong chẳng phải ngoài ?

Này Thiện Nam Tử ! Có người nói rằng Phật tánh chính là ngoại đạo, vì các bậc đại Bồ Tát trải qua vô

lượng kiếp ở trong ngoại đạo, mà dứt phiền não điều phục tâm của mình, giáo hóa vô lượng chúng sanh, rồi sau mới được Vô Thượng Bồ Đề.

Hoặc có người cho rằng Phật tánh chính là nội đạo. Vì đại Bồ Tát dầu trong vô lượng kiếp tập học ngoại đạo, nhưng nếu rời nội đạo thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề.

Đức Như-Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng gọi là trong ngoài, đây là trung đạo.

Có người nói Phật tánh chính là thân Kim Cang của Như-Lai: Ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Có người nói Phật tánh chính là mười trí lực, bốn món vô sở úy, đại từ đại bi, tam niêm xứ, Thủ Lăng Nghiêm v.v... tất cả môn Tam Muội, vì do những Tam Muội này mà sanh ra thân Kim Cang ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Đức Như-Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện Nam Tử ! Có người cho rằng Phật tánh chính là trong tâm khéo tư duy, vì rời khéo tư duy thì chẳng thể được Vô Thượng Bồ Đề. Có người nói rằng

Phật tánh chính là do nghe pháp với người khác, vì nghe pháp với người khác thì có thể trong tâm khéo tư duy, nếu chẳng nghe pháp thì không tư duy.

Do đây nên Như-Lai vì ngăn hai sự chấp trước này nên nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, cũng là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Lại có người nói Phật tánh là ngoài nghĩa là Đản Ba La Mật. Từ Đản Ba La Mật mà chứng được Vô Thượng Bồ Đề. Có người nói Phật tánh là trong nghĩa là năm môn Ba La Mật, vì rời năm môn này thì không có nhân quả Phật tánh.

Do đây nên Như-Lai vì ngăn hai thứ chấp trước này mà nói Phật tánh chẳng phải trong chẳng phải ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện Nam Tử ! Có người nói Phật tánh ở nơi trong, như viên bảo châu trên trán của lực sĩ, vì thường, lạc, ngã, tịnh như bảo châu. Có người nói Phật tánh ở nơi ngoài như kho báu của bần nữ, vì do phương tiện mà được thấy.

Vì ngăn hai thứ chấp trước này nên đức Như-Lai nói rằng Phật tánh chẳng phải trong, chẳng phải ngoài cũng

là trong ngoài, đây gọi là trung đạo.

Này Thiện Nam Tử ! Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có chẳng phải không. Vì Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không. Vì hư không của thế gian dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể thấy được, còn Phật tánh thời có thể thấy, do đây nên Phật tánh dầu là có nhưng chẳng phải như hư không.

Phật tánh dầu là không nhưng chẳng đồng như sừng thỏ. Vì lông rùa, sừng thỏ dầu dùng vô lượng thiện xảo phương tiện cũng chẳng thể sanh lên được, còn Phật tánh thời có thể sanh. Do đây nên Phật tánh chẳng phải có, chẳng phải không, cũng là có, cũng là không.

Thế nào gọi là có ? Tất cả chúng sanh đều có chẳng dứt chẳng diệt, dường như ngọn đèn, mãi đến chứng đặng Vô Thượng Bồ Đề, nên gọi là có Phật tánh.

Thế nào gọi là không ? Tất cả chúng sanh hiện tại chưa có đủ tất cả Phật pháp thường, lạc, ngã, tịnh nên gọi là không Phật tánh.

Vì có và không hiệp lại chính là trung đạo, nên đức Như-Lai nói Phật tánh chúng sanh chẳng phải có, chẳng phải không.

Này Thiện Nam Tử ! Như có người hỏi trong hột giống này có trái hay không ? Tất phải đáp rằng cũng có cũng không. Vì ngoài hột giống thời không thể sanh ra trái nên gọi là có, còn hột giống chưa mọc mọng nên gọi rằng không. Do nghĩa này nên nói cũng có cũng không. Vì thời tiết có khác, nhưng thể chất của hột giống là một. Phật tánh của chúng sanh cũng như vậy. Nếu nói rằng trong chúng sanh riêng có Phật tánh thời không đúng nghĩa. Vì chúng sanh là Phật tánh, Phật tánh là chúng sanh, chỉ do thời gian có tịnh và bất tịnh sai khác.

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu có người hỏi hột này có thể sanh trái chẳng, trái này có thể sanh hột chẳng ? Tất phải đáp rằng cũng sanh cũng chẳng sanh.

- Bạch Thế Tôn ! Như người đời nói rằng trong sữa có chất lạc, nghĩa này như thế nào ?

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói trong sữa có chất lạc thời là chấp trước. Nếu nói trong sữa không chất lạc thời là hư vọng. Tất phải nói rằng cũng có cũng không. Từ sữa sanh ra chất lạc: Nhân là sữa, quả là lạc, đây gọi là có. Màu sắc cùng mùi vị đều khác nhau, ăn dùng cũng chẳng đồng: Bệnh nóng thời dùng sữa, bệnh lạnh thời dùng lạc, sữa sanh bệnh lạnh, lạc sanh bệnh nóng.

Nếu nói trong sữa có tánh của lạc, sữa là lạc, lạc là sữa, hai thứ đồng một tánh, nhân duyên gì mà sữa lại có trước, còn lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu có nhân duyên tại sao tất cả người đời chẳng nói ? Nếu không nhân duyên có sao lạc chẳng sanh ra trước ? Nếu lạc chẳng sanh ra trước thời ai làm ra có thứ tự: Sữa, lạc, sanh, tô, thực tô, đề hồ ? Do đây nên biết rằng chất lạc trước không có nay mới có, nếu là trước không nay có thời là pháp vô thường.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng trong sữa có chất lạc có thể sanh ra lạc, trong nước không có chất lạc nên chẳng sanh ra lạc, lời này không đúng nghĩa. Vì nước cỏ cũng có tánh chất của sữa và lạc, vì do nước cỏ mà sanh ra sữa và lạc. Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, còn nước cỏ không chất lạc, lời này gọi là hư vọng, vì tâm chẳng bình đẳng nên gọi là hư vọng.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói trong sữa quyết định có chất lạc, thời lẽ ra trong chất lạc cũng quyết định có chất sữa. Có gì trong sữa sanh ra lạc mà trong lạc chẳng sanh ra sữa ? Nếu là không duyên có thời nên biết rằng chất lạc này trước không mà nay có. Do đây nên người trí phải nói rằng trong sữa chẳng phải có chất lạc chẳng

phải không chất lạc.

Này Thiện Nam Tử ! Do đây nên đức Như-Lai từng nói trong khế kinh rằng: Nếu cho tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thời gọi là chấp trước, nếu cho không Phật tánh thời gọi là hư vọng. Người trí nên nói rằng: Phật tánh của chúng sanh cũng có cũng không.

Này Thiện Nam Tử ! Do bốn pháp hòa hiệp mà có nhãn thức: Nhãn căn, sắc trần, ánh sáng, tác ý. Tánh nhãn thức này chẳng phải là nhãn căn, chẳng phải sắc trần, chẳng phải ánh sáng, chẳng phải tác ý. Do bốn pháp này hòa hiệp mà nhãn thức được sanh. Nhãn thức như vậy là trước không mà nay có, đã có trở lại không. Do đây nên biết rằng nhãn thức vốn không có tánh. Chất lạc ở trong sữa cũng như vậy.

Nếu nói rằng trong nước không chất lạc nên chẳng xuất sanh ra lạc, còn trong sữa sanh ra lạc, nên trong sữa quyết định có chất lạc. Lời nói trên đây không đúng nghĩa. Vì tất cả pháp: Nhân khác, quả khác, cũng chẳng phải một nhân sanh tất cả quả, chẳng phải tất cả quả từ một nhân sanh. Như do bốn pháp sanh ra nhãn thức, chẳng nên nói rằng từ bốn pháp này phải sanh ra nhãn thức hay tử thức.

Này Thiện Nam Tử ! Rời các phương tiện thời không thể được chất lạc trong sữa, cũng không thể từ chất lạc sanh ra chất tô. Do đây nên cần phải có phương tiện. Người trí chẳng nên có quan niệm rằng rời các phương tiện mà được chất lạc từ nơi sữa. Được sanh tô cũng như vậy.

Do đó nên trong khế kinh ta từng nói: Vì “nhân” sanh nên có pháp, vì “ nhân” diệt nên không pháp.

Này Thiện Nam Tử ! Như muối tánh chất là mặn có thể làm cho vật chẳng phải mặn thành mặn. Nếu vật chẳng phải mặn mà trước có tánh chất mặn, có sao người đời cho rằng chẳng phải là muối ư ! Nếu trước không mặn thời nên biết rằng trước không mà nay có, do các duyên khác mà thành mặn.

Nếu nói rằng tất cả vật chẳng mặn đều có tánh chất mặn vì quá ít nên chẳng biết, do tánh chất quá ít này nên muối có thể làm cho vật ấy thành mặn, nếu vốn không tánh chất mặn thời dầu có muối cũng chẳng thể làm thành mặn được. Như hột giống tự nó có tứ đại, duyên nhờ tứ đại ngoài mà nó được tăng trưởng: Nảy mầm, lên cây, đâm chồi, ra lá, tánh chất của muối cũng vậy. Lời nói trên đây không đúng nghĩa, vì vật chẳng mặn nếu trước

đã có tánh chất mặn, muối lẽ ra cũng có tánh chất chút ít chẳng mặn. Muối này nếu có hai tánh chất như vậy, duyên có gì rời vật chẳng mặn nó không thể riêng dùng ? Do đây nên biết muối vốn không có hai tánh. Như muối không có hai tánh, tất cả vật chẳng mặn cũng không có hai tánh như vậy.

Nếu nói rằng tứ đại ngoài có năng lực làm tăng trưởng tứ đại trong. Lời nói này không đúng nghĩa, vì là theo thứ tự mà nói chẳng phải từ phương tiện: Trong sữa được chất lạc, chất sanh tô, nhĩn đến tất cả pháp đều cũng chẳng phải do phương tiện mà được, tứ đại cũng như vậy. Nếu nói từ tứ đại trong tăng trưởng tứ đại ngoài. Như trái Thi lợi sa, từ trước không hình chất, lúc gặp sao Mão mọc thời sanh trái lớn đủ năm tác. Trái này thật chẳng do nơi tứ đại ngoài mà tăng trưởng.

Này Thiện Nam Tử ! Như mười hai bộ kinh của ta nói: Hoặc tùy tự ý mà nói, hoặc tùy tha ý mà nói, hoặc tùy tự tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự ý mà nói ? Như năm trăm Tỷ Kheo hỏi Xá Lợi Phất:

Bạch Đại Đức ! Phật nói nhân của thân là những gì ? Xá Lợi Phất nói:

Chư Đại Đức cũng đều được chánh giải thoát tự mình nên biết đó, duyên có gì mà hỏi như vậy ?

Có Tỳ Kheo nói:

Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng vô minh là nhân của thân, lúc quán sát như vậy chứng được quả A La Hán.

Lại có Tỳ Kheo nói:

Bạch Đại Đức ! Lúc tôi chưa được chánh giải thoát, cho rằng thọ và vô minh là nhân của thân, lúc quán sát như vậy đặng quả A La Hán.

Hoặc có Tỳ Kheo nói:

Hành, thức, danh, sắc, lục nhập, xúc, thọ, ái, thủ, hữu, sanh, âm thực, ngũ dục là nhân của thân.

Lúc đó năm trăm Tỳ Kheo mỗi người tự nói chỗ hiểu biết của mình rồi, bèn cùng nhau đến đánh lễ chân Phật, đi nhiều ba vòng rồi ngồi qua một bên. Mỗi người tự đem chỗ hiểu của mình như đã nói ở trên mà bạch với Phật. Xá Lợi Phất bạch rằng:

Thế Tôn ! Những Tỳ Kheo này ai là chánh thuyết, ai là không chánh thuyết.

Phật nói:

Lành thay ! Lành thay ! Tất cả Tỳ Kheo đây đều là chánh thuyết cả.

Xá Lợi Phát bạch rằng:

Thế Tôn ! Ý của Đức Phật thế nào ?

- Này Xá Lợi Phát ! Ta vì chúng sanh trong cõi dục mà nói cha mẹ là nhân của thân.

Những kinh như vậy gọi là tùy tự ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tha ý mà nói ? Như Bà Tra La Trưởng giả đến hỏi ta rằng:

Thưa Cù Đàm ! Ngài có biết ảo thuật chăng ? Nếu biết ảo thuật thì Ngài là nhà đại ảo thuật, còn nếu không biết thì Ngài chẳng phải là nhất thiết trí.

Phật nói:

Này Trưởng giả ! Người biết ảo thuật có gọi là người ảo thuật chăng ?

Trưởng giả nói:

Đúng vậy ! Đúng vậy ! Người biết ảo thuật chính là người ảo thuật.

Phật nói:

Này Trưởng giả ! Trong nước Xá Vệ vua Ba Tư Nặc có gã Chiên Đà La tên là Khí Hứ, ông có biết không ?

Trưởng giả thưa rằng:

Từ lâu tôi đã biết người ấy.

Phật nói:

Từ lâu ông đã biết người ấy mà ông có thể chính là Chiên Đà La không ?

Trưởng giả thưa:

Tôi dầu biết gã Chiên Đà La ấy, nhưng thân của tôi chẳng phải Chiên Đà La.

Phật nói:

Ông biết được nghĩa ấy: Người biết Chiên Đà La chẳng phải là Chiên Đà La. Nay có sao ta chẳng được biết ảo thuật mà chẳng phải là ảo thuật ? Này Trưởng giả, thật ra ta biết ảo thuật, biết người ảo thuật, biết quả báo ảo thuật, biết nghề ảo thuật. Ta biết sát nghiệp, biết người sát nghiệp, biết quả báo sát nghiệp, biết giải thoát sát nghiệp, nhân đến biết tà kiến, biết người tà kiến, biết quả báo tà kiến, biết giải thoát tà kiến.

Nếu Trưởng giả nói người chẳng phải ảo thuật gọi là

người ảo thuật, người chẳng phải tà kiến gọi là người tà kiến, thời mắc vô lượng tội.

Trưởng giả nói:

Thưa Cù Đàm ! Cứ như lời của Ngài nói thời tôi mắc tội rất lớn. Nay tất cả của cải của tôi, tôi đem dâng cho Ngài tất cả. Mong Ngài chớ cho vua Ba Tư Nặc biết việc của tôi.

Phật nói:

Này Trưởng giả ! Tội của ông bất tất mất của. Ông sẽ do tội này mà phải bị đọa trong ba ác đạo.

Trưởng giả nghe nói đến ba ác đạo, kinh sợ bạch Phật rằng:

“ Thưa Thánh Nhân ! Nay tôi vì quên sót mà mắc lấy tội lớn. Thánh nhân là bậc nhất thiết trí tất là biết rõ con đường giải thoát. Nay tôi phải thế nào để được thoát khỏi địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh ?”

Lúc đó đức Phật giảng giải về bốn lý chân đế. Nghe xong Trưởng giả chứng được quả Tu Đà Hoàn. Trong lòng hổ thẹn hướng về đức Phật mà sám hối: Tôi vốn ngu si, đức Phật không phải người ảo mà nói là ảo. Ngày nay tôi xin quy y Tam Bảo.

Đức Phật nói: “Lành thay ! Lành thay !”

Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là tùy tự tha ý mà nói ? Như ta từng nói: Trong tất cả thế gian, người trí nói có thời ta cũng nói có, người trí nói không thời ta cũng nói không.

Người trí nói trong đời nói sự vui ngũ dục có vô thường, khổ, vô ngã, đáng dứt diệt, thời ta cũng nói là có như vậy.

Người trí trong đời nói không bao giờ có vui ngũ dục, mà có thường, lạc, ngã, tịnh, thời ta cũng nói là không bao giờ có.

Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện Nam Tử ! Như ta nói bậc Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh một phần ít. Đây gọi là tùy tha ý mà nói.

Thế nào gọi là thấy phần ít ? Thập Trụ Bồ Tát được ba ngàn môn Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội v.v...nên biết rõ mình sẽ được Vô Thượng Bồ Đề, mà chẳng thấy tất cả chúng sanh quyết định được Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói bậc Thập Trụ Bồ Tát thấy Phật tánh phần ít.

Này Thiện Nam Tử ! Ta thường tuyên nói: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh chẳng đoạn chẳng diệt mãi đến chúng được Vô Thượng Bồ Đề. Đây gọi là tùy tự ý mà nói.

Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, vì phiền não che ngăn nên chẳng thể thấy được. Ta nói như vậy, ông cũng nói như vậy. Đây gọi là tùy tự tha ý mà nói.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai có lúc vì một pháp mà nói vô lượng pháp. Như trong khế kinh nói: Tất cả phạm hạnh nhân nơi Thiện tri thức. Tất cả phạm hạnh đều có vô lượng nhân, nhưng nói Thiện tri thức thời đã nhiếp hết cả.

Như ta từng nói: Tất cả ác hạnh nhân nơi tà kiến. Tất cả ác hạnh đều có vô lượng nhân nhưng nói tà kiến thời đã nhiếp hết cả.

Hoặc như ta nói: Tín tâm là nhân của Vô Thượng Bồ Đề, đều Bồ Đề có vô lượng nhân, nhưng nói tín tâm thời đã nhiếp hết cả.

Này Thiện Nam Tử ! Dầu đức Như-Lai nói vô lượng pháp là Phật tánh, nhưng chẳng rời âm, nhập, giới.

Này Thiện Nam Tử ! Vì chúng sanh nên đức Như-Lai thuyết pháp có bảy thứ từ ngữ: Một là từ ngữ về nhân, hai là từ ngữ về quả, ba là từ ngữ về nhân quả, bốn là từ ngữ về ví dụ, năm là từ ngữ bất ưng thuyết, sáu là từ ngữ về thế để lưu bố, bảy là từ ngữ như ý.

Thế nào gọi là từ ngữ về Nhân ?

Trong Nhân hiện tại nói quả báo vị lai. Như ta từng bảo Tỳ Kheo: Ông xem chúng sanh ưa sát hại nhữn đến ưa tà kiến, phải biết đó là người địa ngục vậy. Nếu có người chẳng ưa sát hại nhữn đến chẳng ưa tà kiến, phải biết đó là người cõi trời. Đây gọi là từ ngữ về Nhân.

Thế nào là từ ngữ về Quả ?

Trong quả báo hiện tại nói nhân quá khứ. Như trong khế kinh, ta bảo Tỳ Kheo: Như ông thấy mấy người nghèo khó, hình dung xấu xa, không được thông thả, phải biết rằng những người ấy quyết định đời trước có phá giới, tật đố, sân hận, không lòng hổ thẹn. Nếu thấy người giàu có, lành mạnh, có thế lực, phải biết rằng người này đời trước quyết định có trì giới, bố thí, tinh tấn, hổ thẹn, không lòng tật đố, sân hận. Đây gọi là từ ngữ về Quả.

Thế nào là từ ngữ về Nhân Quả ?

Như trong khế kinh ta bảo các Tỳ Kheo chúng sanh hiện tại lục nhập, xúc làm nhân đây gọi là nghiệp quả quá khứ. Đức Như-Lai cũng gọi đó là nghiệp, nghiệp này làm nhân duyên sẽ có quả vị lai. Đây gọi là từ ngữ về nhân quả.

Thế nào là từ ngữ về Ví Dụ ?

Như nói rằng Sư Tử Vương dụ cho thân của Phật. Cũng nói những ví dụ: Đại Tượng Vương, Đại Long Vương, cây Ba Lợi Chất Đa La, đấng Thất Bảo, Đại Hải, núi Tu Di, quả đất, mưa to, Thuyền Sư, Đạo Sư, Điều Ngự Trượng Phu, Đại Lực Sĩ, Ngu Vương, Bà La Môn, Sa Môn, Đại Thành, cây Đa La, đây gọi là từ ngữ về ví dụ.

Thế nào là từ ngữ Bất Ứng Thuyết ? Như trong kinh ta từng nói: Trời đất có thể hiệp, con sông chẳng chảy vào biển. Như ta nói với vua Ba Tư Nặc bốn phía núi đồng đến. Như ta vì Lộc Mẫu Ưu Bà Di nói: Nếu cây Ta La có thể thọ giới Bát Quan Trai thời nó được hưởng thọ sự vui sướng cõi trời cõi người. Thà nói Thập Trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển chẳng nên nói đức Như-Lai nói hai lời. Thà nói bậc Tu Đà Hoàn đọa ba ác đạo chẳng nên nói Thập Trụ Bồ Tát có tâm thối chuyển. Đây gọi là từ

ngữ Bất Ứng Thuyết.

Thế nào là từ ngữ Thế Đế Lưu Bồ ? Như Phật nói: Nam, nữ, lớn, nhỏ, đến, đi, nằm, ngồi, xe cộ, nhà cửa, bình, áo, chúng sanh, thường, lạc, ngã, tịnh, quân, rừng, thành, ấp, tăng, phường, hiệp, tan. Đây gọi là từ ngữ về Thế Đế Lưu Bồ.

Thế nào là từ ngữ Như Ý ? Như ta quở trách người hủy phạm cấm giới khiến họ tự trách hộ trì cấm giới. Như ta khen ngợi bậc Tu Đà Hoàn, khiến hàng phàm phu sanh tâm lành. Ngợi khen Bồ Tát làm cho chúng sanh phát tâm Bồ Đề, nói những sự khổ não của ba ác đạo khiến chúng sanh tu tập các pháp lành. Chỉ vì tất cả pháp hữu vi mà nói tất cả đều đốt cháy, vô ngã cũng như vậy, nói tất cả chúng sanh đều có Phật tánh khiến mọi người chẳng phóng dật. Đây gọi là từ ngữ Như Ý.

Này Thiện Nam Tử ! Đức Như-Lai lại có từ ngữ tùy tự ý: Như nói Phật tánh của Như-Lai có hai thứ: Một là có, hai là không.

Có, là Như-Lai có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, mười trí lực, bốn vô sở úy, ba niệm xứ, đại từ, đại bi, Thủ Lăng Nghiêm v.v... Vô lượng Tam Muội, Kim Cang v.v... Vô lượng Tam Muội, phương tiện v.v...

Vô lượng Tam Muội, năm trí ấn v.v... vô lượng Tam Muội.

Không, là Như-Lai không có các điều thiện, bất thiện, vô ký, nghiệp nhân quả báo, phiền não, ngũ ấm, mười hai nhân duyên.

Này Thiện Nam Tử ! Như có và không, thiện, bất thiện, hữu lậu, vô lậu, thế gian, phi thế gian, Thánh, phi Thánh, hữu vi, vô vi, thật, bất thật, tịch tịnh, phi tịch tịnh, tránh, phi tránh, giới, phi giới, phiền não, phi phiền não, thủ, phi thủ, thọ ký, phi thọ ký, hữu, phi hữu, tam thế, phi tam thế, thời, phi thời, thường, vô thường, ngã, vô ngã, lạc, vô lạc, tịnh, vô tịnh, sắc, thọ, tướng, hành, thức, phi sắc thọ tướng hành thức, nội nhập, phi nội nhập, ngoại nhập, phi ngoại nhập, thập nhị nhân duyên, phi thập nhị nhân duyên. Đây là Phật tánh của Như-Lai hai thứ có và không, hẳn đến Nhất Xiển Đề Phật tánh hai thứ có và không cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Dầu ta nói rằng: Tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, nhưng chúng sanh chẳng hiểu những từ ngữ tùy tự ý của Phật như vậy. Những lời như vậy bậc tối hậu thân Bồ Tát còn chẳng hiểu được huống là những Bồ Tát khác và hàng nhị thừa.

Này Thiện Nam Tử ! Trước kia có một lúc tại núi Kỳ Xà Quạt, ta cùng Di Lạc Bồ Tát luận về thế đế, mà Xá Lợi Phất v.v... năm trăm vị Thanh Văn đều chẳng hiểu biết những việc ấy, huống là việc xuất thế đế nhất nghĩa đế.

Này Thiện Nam Tử ! Hoặc có Phật tánh Nhất Xiển Đề có, mà người thiện căn thời không. Hoặc có Phật tánh người thiện căn thời có, còn Nhất Xiển Đề thời không. Hoặc có Phật tánh cả hai đều có, hoặc cả hai đều không. Nếu hàng đệ tử của ta hiểu bốn nghĩa như vậy, chẳng nên gạn rằng: Nhất Xiển Đề quyết định có Phật tánh hay quyết định không Phật tánh.

Như nói chúng sanh đều có Phật tánh, đây là từ ngữ tùy tự ý của Như-Lai. Từ ngữ tùy tự ý của Như-Lai như vậy, sao chúng sanh lại nhận hiểu quyết định một bề.

Này Thiện Nam Tử ! Như trong sông Hằng có bảy hạng chúng sanh: Một là chìm luôn, hai là tạm nổi lên lại chìm, ba là nổi lên rồi thời dừng lại, bốn là nổi lên rồi xem khắp bốn phương, năm là xem khắp rồi thời đi, sáu là đi rồi lại đứng lại, bảy là dưới nước trên bờ đều đi.

Nói chìm luôn, là cá lớn mang nghiệp ác lớn thân nặng ở sâu nên chìm luôn.

Nói tạm thời nổi lên rồi lại chìm, là cá lớn vì nghiệp ác thân nặng ở chỗ cạn tạm thời thấy ánh sáng, do ánh sáng tạm thời nổi lên, rồi vì thân nặng mà lại chìm xuống.

Nói nổi lên rồi ở lại, là cá Kỳ Di ở chỗ nước cạn thích thấy ánh sáng nên nổi lên rồi ở lại.

Nói xem khắp bốn phương, là cá Tích vì kiếm ăn mà xem khắp bốn phương.

Xem khắp rồi đi, là nói cá Tích ấy thấy vật đằng xa cho là ăn được nên mau lội đến.

Đi rồi lại đứng lại, là cá này đi rồi đã đặt đồ ăn bèn dừng lại.

Nói dưới nước trên bờ đều đi tức là linh quy vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Con sông Đại Niết Bàn vi diệu này, trong đó cũng có bảy hạng chúng sanh: Từ hạng ban đầu thường chìm, nhẫn đến hạng thứ bảy hoặc xuống nước hoặc lên bờ.

Nói thường chìm, là như có người nghe kinh Đại Niết Bàn, nói rằng đức Như-Lai thường trụ không có biến đổi, là thường, lạc, ngã, tịnh, trọn chẳng nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh, đến hạng Nhất Xiển Đề cũng ắt sẽ thành đạo Bồ Đề, Tu Đà Hoàn, Tư Đà Hàm,

A Na Hàm, A La Hán, Bích Chi Phật v.v.. ắt sẽ được thành Vô Thượng Bồ Đề. Người này nghe lời trên đây không tin mà nghĩ và nói rằng kinh điển Đại Niết Bàn này là sách ngoại đạo chẳng phải kinh Phật. Lúc bấy giờ người này xa lìa bạn lành, chẳng nghe chánh pháp, dầu có lúc được nghe nhưng chẳng thể tư duy, dầu có tư duy nhưng chẳng tư duy pháp lành, vì chẳng tư duy pháp lành nên trụ nơi pháp ác. Người trụ nơi pháp ác có sáu hạng: Một là ác, hai là vô thiện, ba là ô pháp, bốn là tăng hữu, năm là não nhiệt, sáu là thọ quả ác, do đây nên gọi là chìm.

Cớ sao gọi là chìm ? Vì không tâm lành mà thường làm việc ác, vì chẳng tu tập pháp đối trị nên gọi là chìm.

Nói rằng ác là vì Thánh nhân quả trách, vì tâm sợ sệt, vì xa lìa người lành, vì không lợi ích chúng sanh, nên gọi là ác.

Nói rằng vô thiện là vì có thể sanh vô lượng quả báo ác, vì thường bị vô minh buộc ràng, vì thích cùng người ác làm bạn, vì không tu tập những phương tiện lành, vì tâm họ điên đảo luôn sai lầm.

Nói rằng ô pháp là vì thân khẩu thường nhiễm ô, vì nhiễm ô chúng sanh thanh tịnh, vì thêm lớn nghiệp chẳng

lành, vì xa lìa pháp lành, đây gọi là ô pháp.

Nói tăng hữu là ba người như trên thật hành những pháp ác, có thể thêm địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ, chẳng thể tu tập pháp giải thoát, thân, khẩu, ý chẳng nhằm các cõi, đây gọi là tăng hữu.

Nói rằng não nhiệt là những người này, làm đủ bốn việc như trên có thể khiến thân tâm não nhiệt, xa lìa tịch tịnh thời gọi là nhiệt, bị quả báo địa ngục nên gọi là nhiệt, đốt cháy các chúng sanh nên gọi là nhiệt, đốt cháy các pháp lành nên gọi là nhiệt, người này chẳng có tín tâm mát mẻ nên gọi là nhiệt.

Nói rằng thọ lấy quả ác là người này làm đủ năm việc trên khi chết đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Có ba việc ác nên gọi là quả ác: Một là phiền não ác, hai là nghiệp ác, ba là báo ác, đây gọi là thọ lấy quả báo ác. Người này có đủ sáu việc như trên thời có thể làm dứt mất căn lành tạo tội ngũ nghịch, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam bảo, dùng của vật của chúng Tăng, có thể làm những việc phi pháp, do đây nên chìm đắm ở trong địa ngục A Tỳ, thân hình rộng lớn tám muôn bốn ngàn do diên, vì người này nghiệp ác nơi thân, khẩu, ý quá nặng nên không thể ra khỏi được, vì tâm họ chẳng thể sanh pháp lành, dầu có

vô lượng chư Phật ra đời cũng chẳng được nghe được thấy, đây gọi là thường chìm. Như cá lớn trong sông Hằng.

Này Thiện nam tử ! Dầu ta nói Nhất-xiển-đề gọi là thường chìm nhưng lại có hạng thường chìm mà chẳng phải Nhất-xiển-đề. Như người vì cõi hữu lậu mà bố thí, trì giới, làm các việc lành, đây cũng gọi là thường chìm.

Này Thiện nam tử ! Có bốn việc lành mang lấy quả ác. Một là vì hơn người mà đọc tụng kinh điển, hai là vì lợi dưỡng mà thọ trì cấm giới, ba là vì hệ thuộc người khác mà làm việc bố thí, bốn là vì cõi Phi tướng, phi phi tướng mà nhiếp niệm tư duy. Đây là bốn điều lành được quả báo ác. Nếu người thật hành bốn việc như vậy thời gọi là chìm rồi lại nổi lên, nổi lên rồi lại chìm xuống. Vì ưa thích ba cõi hữu lậu nên gọi là chìm. Vì thấy ánh sáng tức là được nghe pháp, trì giới, bố thí, thiền định, đây gọi là nổi lên. Thêm lớn tà kiến, sanh kiêu mạn, nên gọi là lại chìm xuống. Do đây, nên trong khế kinh, ta nói kệ rằng:

Nếu có chúng sanh thích các cõi

Vì các cõi mà tạo nghiệp ác

Người này mê mất đạo Niết-bàn

Đây là tạm nổi lại chìm xuống

Đi nơi biển sanh tử tối tăm

Dầu được giải thoát xen phiền não

Người này lại thọ quả báo ác

Đây là tạm ra lại chìm xuống.

Này Thiện nam tử ! Như cá lớn kia do thấy ánh sáng tạm thời nổi lên khỏi nước, vì thân nặng nên lại chìm xuống. Hai hạng người trên đây cũng lại như vậy.

Này Thiện nam tử ! Hoặc có người tham đắm ba cõi hữu lậu, đây gọi là chìm, được nghe kinh Đại Niết-bàn này mà sanh lòng tin, đây gọi là nổi lên. Duyên có gì gọi đó là nổi lên? Vì nghe kinh này, rời xa lìa pháp ác, tu tập pháp lành, nên gọi là nổi lên. Người này dầu tin nhưng cũng chẳng đầy đủ. Duyên có gì tin tâm chẳng đầy đủ? Người này dù tin Đại Niết-bàn, thường, lạc, ngã, tịnh, mà nói rằng thân Như Lai là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Đức Như Lai có hai thứ Niết-bàn: một là hữu vi, hai là vô vi. Hữu vi Niết-bàn không có thường, lạc, ngã, tịnh; Vô vi Niết-bàn có thường, lạc, ngã, tịnh; dầu tin Phật tánh là chúng sanh có, nhưng bất tất là tất cả đều có, do

đây nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Này Thiện nam tử ! Tín tâm có hai thứ: một là tin, hai là cầu. Người như trên đây dầu có tín tâm nhưng chẳng thể suy cầu nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ: một là từ nghe pháp mà sanh lòng tin, hai là từ tư duy mà sanh lòng tin. Tín tâm của người này do nghe pháp mà sanh, chẳng phải do tư duy, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ: Một là tin có Thánh đạo, hai là tin người đấng đạo. Người này dầu tin có Thánh đạo nhưng trọn chẳng tin có người đấng đạo, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ.

Tín tâm lại có hai thứ: một là tin chánh, hai là tin tà. Nói rằng có nhân quả, có Phật, Pháp, Tăng, đây gọi là tin chánh. Nói rằng không nhân quả, tánh Tam bảo khác nhau, tin theo những lời tà của ngoại đạo, đây gọi là tin tà. Người này dầu tin Phật, Pháp, Tăng, Tam bảo nhưng chẳng tin Tam bảo đồng một tánh, tướng; dầu tin nhân quả nhưng chẳng tin người đấng quả, nên gọi là tín tâm chẳng đầy đủ. Người này trọn nên tín tâm chẳng đầy đủ, thọ trì cấm giới cũng chẳng đầy đủ. Vì nhân chẳng đầy đủ nên chỗ được cấm giới cũng chẳng đầy đủ.

Lại giới có hai thứ: một là oai nghi, hai là tùng giới. Người này dầu đầy đủ những giới về oai nghi nhưng chẳng đầy đủ những giới về tùng giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: một là tác giới, hai là vô tác giới. Người này dầu có tác giới nhưng chẳng đủ vô tác giới, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: một là từ thân, khẩu mà được chánh mạng; hai là từ thân, khẩu chẳng được chánh mạng. Người này dầu từ thân, khẩu nhưng chẳng được chánh mạng, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: một là cầu giới, hai là xả giới. Người này dầu đủ giới do cầu mà có nhưng chẳng được giới do xả mà có, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ: một là tùy hữu, hai là tùy đạo. Người này dầu đủ giới tùy hữu nhưng chẳng đủ giới tùy đạo, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Giới lại có hai thứ : Một là thiện giới, hai là ác giới. Thân khẩu ý lành gọi là thiện giới. Ngưu giới, cầu giới v.v... gọi là ác giới. Người này rất tin cả hai thứ giới đây đều có quả lành, nên gọi là giới chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ hai điều : Tín tâm và giới, nên chỗ tu tập đa văn cũng chẳng đầy đủ. Thế nào gọi là đa văn chẳng đầy đủ ? Mười hai bộ kinh của đức Như Lai nói ra người này chỉ tin sáu bộ, mà chẳng tin sáu bộ, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Người này dầu thọ trì sáu bộ kinh đây nhưng không thể đọc tụng cùng giảng giải cho người, không chỗ lợi ích, nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ. Hoặc người này thọ trì sáu bộ kinh đây rồi mà vì luận nghị, vì hơn người, vì lợi dưỡng, vì các cõi hữu lậu mà đọc tụng giảng thuyết nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Này Thiện Nam Tử ! Ở trong kệ kinh ta từng nói đa văn đầy đủ. Thế nào là đầy đủ ? Nếu có Tỳ Kheo thân khẩu ý đều lành, trước có thể cúng dường Hòa Thượng, chư Sư, những người có đức. Chư Sư này đối với người ấy sanh lòng thương mến, nên đem kinh pháp truyền dạy cho. Người này chí tâm thọ trì tụng tập, được trí huệ. Được trí huệ rồi có thể khéo tư duy thật hành đúng như pháp. Khéo tư duy rồi thời được chánh nghĩa. Được chánh nghĩa rồi thân tâm tịch tịnh. Thân tâm đã tịch tịnh thời sanh hỷ tâm. Do hỷ tâm mà được định. Do được định nên được chánh tri kiến. Được chánh tri kiến rồi sanh

lòng ăn năn nhàm chán các cõi hữu lậu. Vì nhàm chán các cõi nên được giải thoát.

Người trên đây không có những việc như vậy nên gọi là đa văn chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đầy đủ ba việc như vậy nên bố thí cũng chẳng đầy đủ.

Bố thí có hai thứ : Một là tài thí, hai là pháp thí, người này dầu thật hành về tài thí nhưng vì cầu cõi hữu lậu, dầu thật hành pháp thí nhưng cũng chẳng đầy đủ, vì bí ẩn chẳng nói hết sợ người hơn mình, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Hai thứ tài thí, pháp thí đều riêng có hai : Một là Thánh, hai là chẳng phải Thánh. Thánh như bố thí rồi chẳng cầu quả báo. Người chẳng phải Thánh bố thí rồi cầu quả báo. Thánh như bố thí pháp để làm cho pháp được tăng trưởng. Người chẳng phải Thánh bố thí pháp để tăng trưởng các cõi hữu lậu.

Người này vì tăng trưởng của cải mà thật hành tài thí, vì tăng trưởng cõi hữu lậu mà thật hành pháp thí, nên gọi là bố thí chẳng đầy đủ.

Lại người này lãnh thọ sáu bộ kinh, thấy người thọ

pháp thời cung cấp cho, gặp người chẳng thọ pháp thời chẳng cung cấp, nên gọi là bổ thí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng đủ bốn điều như trên nên chỗ tu trí huệ cũng chẳng đầy đủ. Tánh của trí huệ là hay phân biệt. Người này chẳng thể phân biệt Như Lai là thường hay vô thường. Trong kinh Đại Niết Bàn này đức Phật nói Như Lai chính là giải thoát, giải thoát chính là Như lai. Như Lai là Niết bàn, Niết Bàn là giải thoát. Trong những nghĩa đây người này chẳng thể phân biệt được.

Đức Phật lại nói phạm hạnh là Như Lai, Như Lai là từ, bi, hỷ, xả. Từ, bi, hỷ, xả là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là từ, bi, hỷ, xả. Trong những nghĩa đây, người này không phân biệt được nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này lại chẳng phân biệt được Phật tánh, Phật tánh là Như Lai, Như Lai là tất cả pháp bất cộng, pháp bất cộng là giải thoát, giải thoát là Niết Bàn, Niết Bàn là pháp bất cộng. Người này lại chẳng phân biệt được bốn đế lý khô, tập, diệt, đạo, vì không phân biệt được bốn đế lý nên chẳng biết Thánh hạnh, vì chẳng biết Thánh hạnh nên chẳng biết Như Lai, vì chẳng biết Như Lai nên chẳng biết giải thoát, vì chẳng biết giải thoát nên chẳng biết

Niết Bàn, do đây nên gọi là trí chẳng đầy đủ.

Người này chẳng có đủ năm điều như vậy, thời thêm lớn hai pháp : Một là thêm pháp lành, hai là thêm pháp ác.

Thế nào gọi là thêm lớn pháp ác ? Người này chẳng biết rằng mình không đầy đủ, tự cho rằng đầy đủ mà sanh tâm tham trước, đối với người đồng hàng cho mình là hơn, do đây bèn gần gũi những bạn ác đồng với mình đã gần gũi bạn ác rồi lại được nghe những pháp chẳng đầy đủ, sanh tâm vui mừng nhiễm trước, kiêu mạn phóng dật, do phóng dật mà gần gũi người tại gia, thích nghe nói những việc tại gia, xa lìa pháp xuất gia thanh tịnh, do đây nên thêm lớn pháp ác, vì đã thêm pháp ác nên thân khẩu ý gây nghiệp chẳng thanh tịnh, vì ba nghiệp chẳng thanh tịnh nên thêm lớn địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Đây gọi là tạm nổi lên lại chìm xuống.

Trong Phật pháp của ta ai là kẻ tạm nổi lên lại chìm xuống ? Chính là Đề Bà Đạt Đa, Cù Hòa Ly Tỳ Kheo, Uyển Thủ Tỳ Kheo, Thiện Tinh Tỳ Kheo, Tỳ Xá Tỳ Kheo, Mãn Tú Tỳ Kheo, Từ Địa Tỳ Kheo Ni, Khoáng Dã Tỳ Kheo Ni, Phương Tỳ Kheo Ni, Mạn Tỳ Kheo Ni, Tịnh Khiết Trưởng Giả, Câu Hữu Ưu Bà Tắc, Kim Lặc

Thích Chung, Tượng Trưởng Giả, Danh Xung Ưu Bà Di, Quang Minh Ưu Bà Di, Nan Đà Ưu Bà Di, Quân Ưu Bà Di, Linh Ưu Bà Di. Như cá lớn thấy ánh sáng nên nổi lên, vì thân nặng lại chìm xuống.

Thế nào gọi là thân lớn pháp lành ? Người này biết rõ mình công hạnh chẳng đầy đủ, vì tự biết chẳng đầy đủ nên cầu gần bạn lành, vì gần bạn lành nên thích nghe hỏi chỗ chưa được nghe, nghe rồi thích thọ trì, thọ rồi thích tư duy, khéo tư duy rồi có thể ở đúng như pháp, vì ở đúng như pháp nên thêm lớn pháp lành, vì thêm lớn pháp lành nên trọn chẳng còn chìm, đây gọi là nổi lên rồi ở lại.

Trong Phật pháp của ta ai là người nổi lên rồi ở lại ? Chính là Xá Lợi Phất, Đại Mục Kiền Liên, A Nhã Kiều Trần Như v.v... năm vị Tỳ Kheo Da Xá v.v... năm mươi vị Tỳ Kheo, A Nâu Lô Đà, Ma Ha Ca Diếp, Ưu Lô Tần Loa Ca Diếp v.v... ba vị Tỳ Kheo Thập Lực Ca Diếp, Sáu Cù Đàm Di Tỳ Kheo Ni, Ba Tra La Hoa Tỳ Kheo Ni, Thắng Tỳ Kheo Ni, Thiệt Nghĩa Tỳ Kheo Ni, Hải Ý Tỳ Kheo Ni, Bạt Đà Tỳ Kheo Ni, Tịnh Tỳ Kheo Ni, Bất Thối Chuyển Tỳ Kheo Ni, Tần Bà Ta La Vương, Úc Đà Trưởng Giả, Tu Đạt Đa Trưởng Giả, Thích Ma Ha Nam Trưởng Giả, Bần Tu Đạt Đa Thủ Lang Trưởng Giả, Danh

Xung Trưởng Giả, Cự Túc Trưởng Giả, Sư Tử Tướng Quân, Ưu Bà Ly Trưởng Giả, Đao Trưởng Giả, Vô Úy Ưu Bà Di, Thiện Trụ Ưu Bà Di, Ái Pháp Ưu Bà Di, Dũng Kiện Ưu Bà Di, Thiên Đắc Ưu Bà Di, Thiện Sanh Ưu Bà Di, Cự Thân Ưu Bà Di, Ngưu Đắc Ưu Bà Di, Khoáng Dã Ưu Bà Di, Ma Ha Tư Na Ưu Bà Di v.v...

Thế nào gọi là ở lại ? Vì thường thích xem thấy ánh sáng pháp lành. Do nhơn duyên này, hoặc Phật xuất thế, hoặc chẳng xuất thế, những người trên đây trọn chẳng tạo nghiệp ác nên gọi là ở lại. Như cá Kỳ Di thích thấy ánh sáng nên chẳng lặn chẳng chìm. Hạng tứ chúng trên đây cũng như vậy. Trong kinh ta từng nói kệ rằng :

Nếu người khéo phân biệt pháp nghĩa,
Chí tâm cầu được quả Sa Môn,
Quở trách tất cả cõi hữu lậu,
Người này gọi là ở đúng pháp.
Nếu hay cúng dường vô lượng Phật,
Trong vô lượng đời tu Thánh đạo,
Hưởng thọ vui sướng chẳng phóng dật,
Người này gọi là ở đúng pháp.

Gần gũi bạn lành nghe chánh pháp,

Tâm khéo tư duy ở đúng pháp,

Thích thấy ánh sáng tu Thánh đạo,

Chúng được giải thoát thường an ổn.

Này Thiện Nam Tử ! Trí chẳng đầy đủ phạm có năm điều , người này biết rồi cầu gần bạn lành. Bạn lành này nên xem xét người trên đây nhiều tham dục hay nhiều sân khuê, ngu si, tư giác, chấp ngã ?

Nếu biết là nhiều tham dục thì nên dạy cho pháp quán bất tịnh ; Nhiều sân khuê dạy pháp quán từ bi ; nhiều ngu si dạy pháp quán như duyên ; nhiều tư giác dạy pháp quán số tức ; nhiều chấp ngã nên dạy phân tích thập bát giới v.v...

Người này nghe rồi chí tâm thọ trì, thọ trì rồi tu hành đúng như pháp, thật hành đúng như pháp rồi lần lượt chứng được tứ niệm xứ quán thân thọ tâm pháp, đặng pháp quán này rồi lại quán mười hai như duyên, quán rồi chứng được noãn pháp.

Ca Diếp Bồ Tát bạch rằng :

Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều có noãn pháp. Vì đức Phật nói ba pháp hòa hiệp gọi là chúng sanh : Một là

thọ, hai là noãn, ba là thức. Nếu theo nghĩa này thì tất cả chúng sanh lẽ ra trước đã có noãn. Tại sao đức Như Lai nói rằng noãn pháp do bạn lành mà có ?

Phật nói :

“ Này Thiện Nam Tử ! Như noãn pháp của ông hỏi thì tất cả chúng sanh đến Nhứt Xiển Đề đều có. Noãn pháp của ta nói hôm nay phải do phương tiện rồi sau mới được, chẳng phải tất cả chúng sanh đều có trước.

Nay ông chẳng nên gạn rằng tất cả chúng sanh đều có noãn pháp.

Này Thiện Nam Tử ! Noãn pháp này thuộc về cõi sắc, chẳng phải cõi dục có được. Vì cõi dục không có, nên biết rằng tất cả chúng sanh bất tất đều có.

Này Thiện Nam Tử ! Cõi sắc dầu có noãn pháp nhưng chẳng phải tất cả đều có, vì đệ tử của ta thời có, còn ngoại đạo thời không.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả ngoại đạo chỉ quán được sáu hạnh. Đệ tử của ta thời quán đủ cả mười sáu hạnh. Mười sáu hạnh này tất cả chúng sanh bất tất đều có.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là noãn ? Là tánh nó tự noãn hay vì pháp khác mà noãn ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Noãn pháp này tánh nó là noãn chẳng phải do pháp khác mà noãn.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như Lai trước kia nói rằng Mã Sư và Mãn Tú không có noãn pháp, vì hai người này không có tín tâm đối với Tam Bảo. Do đây nên biết rằng tín tâm chính là noãn pháp.

- Nay Thiện Nam Tử ! Tín tâm chẳng phải là noãn pháp, vì do tín tâm mà chứng noãn pháp.

-Nay Thiện Nam Tử ! Luận về noãn pháp chính là trí huệ, vì quán tứ đế nên gọi là mười sáu hạnh. Hạnh đây chính là trí.

-Nay Thiện Nam Tử ! Như lời ông hỏi duyên có gì mà gọi là noãn ?

-Nay Thiện Nam Tử ! Luận về noãn pháp chính là tướng lửa của tám Thánh đạo. Như cọ lửa : Trước có hơi nóng, kế có lửa, rồi sau có khói, đạo vô lậu này cũng như vậy : Hơi nóng là mười sáu hạnh, lửa là quả Tu Đà Hoàn, khói là trong vị tu đạo dứt kiết sử.

Bạch Thế Tôn ! Noãn pháp này cũng là pháp có, cũng là hữu vi. Noãn pháp này được quả báo thân ngũ ấm cõi sắc nên gọi là có. Vì là nhơn duyên nên lại gọi là hữu vi.

Nếu là hữu vi tại sao có thể làm tướng đạo vô lậu ?

-Này Thiện Nam Tử ! Đúng như vậy ! Noãn pháp này dầu là pháp hữu vi hữu lậu, nhưng trở lại có thể phá hoại pháp hữu vi hữu lậu, nên có thể làm tướng đạo vô lậu. Như người cỡi ngựa cũng thương ngựa nhưng cũng đánh ngựa. Noãn pháp cũng vậy : Vì ái mà thọ sanh, vì nhàm mà tu quán hạnh, do đây nên dầu là hữu lậu hữu vi mà có thể làm tướng cho chánh đạo kia.

Có bảy mươi ba hạng người được noãn pháp : Cõi dục mười hạng người. Mười hạng người này đầy đủ tất cả phiền não : Từ dứt một phần đến chín phần. Như cõi dục, Sơ thiên nhẫn đến Vô Sở Hữu Xứ cũng như vậy. Đây gọi là bảy mươi ba. Những người này được noãn pháp rồi thời chẳng còn lại có thể dứt căn lành tạo tội ngũ nghịch phạm bốn tội trọng. Những người này có hai hạng : Một là gặp bạn lành, hai là gặp bạn ác.

Người gặp bạn ác tạm thời nổi lên rồi chìm trở lại. Người gặp bạn lành thời quan sát khắp bốn phương. Quan sát bốn phương chính là đánh pháp, đánh pháp này dầu cũng là tánh ngũ âm, nhưng vẫn duyên nơi bốn đế lý, nên được gọi là quan sát khắp bốn phương. Được đánh pháp rồi kế được nhẫn pháp. Nhẫn pháp này tánh nó cũng

là ngũ âm, cũng duyên bốn đế lý. Người này kể được thể đệ nhứt pháp, pháp này dầu tánh là ngũ âm nhưng cũng duyên bốn đế lý. Người này kể được khổ pháp nhãn, tánh của nhãn là huệ duyên nơi một đế lý. Pháp nhãn này duyên một đế lý rồi nhãn đến kiến đạo dứt phiền não đặng quả Tu Đà Hoàn. Đây gọi là quan sát khắp bốn phương, bốn phương chính là bốn đế lý.

Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Phật nói rằng những phiền não của bậc Tu Đà Hoàn dứt, dường như dòng nước rộng bốn mươi dặm, những phiền não còn lại như giọt nước đầu sợi lông.

Nơi đây sao lại nói dứt ba món kiết sử gọi là bậc Tu Đà Hoàn : Một là ngã kiến, hai là chẳng phải như thấy là như, ba là lưới nghi.

- Bạch Thế Tôn ! Như duyên gì gọi là Tu Đà Hoàn xem khắp bốn phương ? Lại do duyên gì mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Duyên có gì đem cá Tích để dụ bậc Tu Đà Hoàn ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Bậc Tu Đà Hoàn dầu có thể dứt vô lượng phiền não, nhưng ba món kiết này nặng nhứt và cũng nhiếp tất cả những kiết sử của bậc Tu Đà Hoàn dứt, nên nói là dứt ba món kiết sử.

Như Quốc Vương lúc đi tuần du, dầu có các quan và bốn đạo binh, nhưng người đời chỉ nói rằng nhà vua đến, nhà vua đi. Trong đây nói dứt ba món phiền não này cũng như vậy. Duyên có gì ba món kiết này là nặng ? Vì tất cả chúng sanh thường khởi phiền não này và vì vi tế khó biết, nên gọi là nặng. Vì ba món kiết này khó dứt được, vì nó có thể làm nhờn cho tất cả phiền não, là oán địch bị đối trị của giới, định, huệ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Có những chúng sanh nghe bực Tu Đà Hoàn có thể dứt vô lượng phiền não như vậy, thời chúng nó sanh lòng thối chuyển mà nói rằng : Chúng ta thế nào có thể dứt vô lượng phiền não như vậy. Do đây nên đức Như Lai phương tiện nói dứt ba kiết sử.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bực Tu Đà Hoàn quán tứ đế được bốn điều : Một là kiên cố trụ chánh đạo, hai là có thể khắp quan sát, ba là có thể thấy đúng như thật, bốn là có thể phá hoại oán địch lớn. Bực Tu Đà Hoàn, thành tựu tín v.v... Ngũ căn không ai có thể lay động, nên gọi là kiên cố trụ nơi chánh đạo. Bực này đều có thể quở trách những phiền não trong và ngoài, nên gọi là khắp quan sát. Thấy đúng như thật chính là nhãn trí. Oán địch lớn là nói bốn thứ điên đảo.

- Này Thiện Nam Tử ! Chữ Tu là vô lậu, chữ Đà Hoàn là tu tập, vì tu tập vô lậu nên gọi là Tu Đà Hoàn. Lại có nghĩa chữ Tu là dòng, vì ngược dòng nên gọi là Tu Đà Hoàn.

Bạch Thế Tôn ! Nếu theo nghĩa này, duyên có gì những bậc Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hán chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Này Thiện Nam Tử ! Từ bậc Tu Đà Hoàn nhĩ đến chư Phật cũng đều được gọi là Tu Đà Hoàn cả. Nếu bậc Tu Đà Hàm đến chư Phật mà không có danh nghĩa Tu Đà Hoàn, thì đâu được gọi là Tu Đà Hàm nhĩ đến Phật.

- Tất cả chúng sanh về danh tự có hai thứ : Một là tên cũ, hai là tên mới. Lúc còn phàm phu có danh tự thế tục, lúc đã đắc đạo lại đặt tên gọi là Tu Đà Hoàn. Trước gọi là Tu Đà Hoàn, vì lúc sau đắc quả nên gọi là Tu Đà Hàm. Người này cũng gọi là Tu Đà Hoàn, cũng gọi là Tu Đà Hàm, nhĩ đến chư Phật cũng như vậy.

- Này Thiện Nam Tử ! Có hai thứ dòng : Một là giải thoát, hai là Niết Bàn. Tất cả Thánh nhơn đều có hai dòng này, nên cũng được gọi là Tu Đà Hoàn cũng gọi là Tu Đà Hàm, nhĩ đến Phật cũng như vậy.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bực Tu Đà Hoàn cũng gọi là Bồ Tát. Vì Bồ Tát chính là tận trí và vô sanh trí. Bực Tu Đà Hoàn cũng mong cầu hai trí này, nên được gọi là Bồ Tát. Bực Tu Đà Hoàn cũng được gọi là giác. Vì chánh giác kiến đạo dứt phiền não, vì chánh giác như quả, vì chánh giác cộng đạo và bất cộng đạo. Bực Tu Đà Hoàn hẳn đến bực A La Hán cũng như vậy.

- Nay Thiện Nam Tử ! Có hai hạng Tu Đà Hoàn : Lợi căn và độn căn. Bực độn căn bảy lần sanh cõi người cõi trời, hoặc sáu lần, năm lần, bốn lần, ba lần, hai lần sanh cõi người cõi trời mới chứng quả A La Hán. Bực lợi căn hiện đời chứng quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán.

- Nay Thiện Nam Tử ! Cá Tích có bốn điều : Một là xương nhỏ nên nhẹ, hai là có cánh nên nhẹ, ba là thích thấy ánh sáng, bốn là ngậm được vật thời giữ chặt. Bực Tu Đà Hoàn cũng có bốn điều : Một là phiền não nhỏ nhẹ như cá Tích nhỏ xương, hai là có chỉ có quán như cá Tích có cánh, ba là kiến đạo, như cá Tích thích thấy ánh sáng, bốn là nghe thấy đức Phật nói nghĩa vô thường khổ vô ngã bất tịnh thời kiên trì chẳng bỏ như cá Tích ngậm được vật thời giữ chặt.

Như trước kia Ma Vương hóa làm thân Phật. Thủ La

Trưởng Giả xem thấy trong lòng kính sợ, Ma thấy tâm Trưởng giả động bèn bảo Trưởng giả rằng : Trước kia ta nói bốn chơn đế, thuyết đó không chơn thật. Nay ta vì ông mà nói năm đế, sáu âm, mười ba nhập, mười chín giới. Thủ La Trưởng Giả nghe lời này liền quan sát pháp tướng đều không có lý đó, nên kiên trì nghĩa cũ, tâm ông chẳng lay động.

- Bạch Thế Tôn ! Bực Tu Đà Hoàn này vì đắc đạo trước mà gọi là Tu Đà Hoàn hay là vì chứng sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn ? Nếu vì đắc đạo trước, thời lúc được khổ pháp nhẫn có sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn mà gọi là Hướng ? Nếu vì được sơ quả, thời người ngoại đạo trước dứt phiền não đến vô sở hữu xứ tu đạo vô lậu được quả A Na Hàm, có sao chẳng gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì được sơ quả mà gọi là Tu Đà Hoàn, lúc đó người này đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh.

- Bạch Thế Tôn ! Người được A Na Hàm cũng đầy đủ tám trí và mười sáu hạnh. Có sao chẳng được gọi là Tu Đà Hoàn ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Mười sáu hạnh hữu lậu có hai thứ : Cộng và bất cộng. Mười sáu hạnh vô lậu cũng có

hai : Hương quả và đặc quả. Tám trí cũng có hai: hương quả và đặc quả. Bực Tu Đà Hoàn rời bỏ mười sáu hạnh cộng, chúng được mười sáu hạnh bất cộng, rời bỏ tám trí hương quả chúng được tám trí đặc quả. Bực A Na Hàm thời chẳng như vậy. Do đây nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bực Tu Đà Hoàn duyên nơi tứ đế, bực A Na Hàm chỉ duyên nhứt đế, nên sơ quả gọi là Tu Đà Hoàn.

Do nhưn duyên trên đây nên dùng cá Tích để ví dụ, ngó khắp bốn phương rồi bèn đi. Nói đi là chỉ cho bực Tu Đà Hàm nhiếp tâm tu hành để dứt trừ tham, sân, si, mạn.

Như cá Tích kia nhìn xem khắp bốn phương rồi vì kiếm ăn nên đi, đi rồi lại đứng lại, đây là dụ bực A Na Hàm được món ăn rồi thời dừng lại. Có hai hạng A Na Hàm : Một là hiện tại được quả A Na Hàm rồi tiến tu được quả A La Hán, hai là hạng tham trước Tam Muội tịch tịnh trong cõi sắc và cõi vô sắc, bực này chẳng thọ thân cõi dục nên gọi là A Na Hàm. Bực A Na Hàm này lại có năm hạng : Một là trung bát Niết Bàn, hai là thọ thân bát Niết Bàn, ba là hành bát Niết Bàn, bốn là vô

hành bát Niết Bàn, năm là thượng lưu bát Niết Bàn. Lại có sáu hạng là thân hiện tại bát Niết Bàn. Lại có bảy hạng là thân vô sắc giới bát Niết Bàn.

Hạng hành bát Niết Bàn có hai : Hoặc thọ hai thân, hoặc thọ bốn thân. Nếu thọ hai thân thời gọi là lợi căn, nếu thọ bốn thân thời gọi là độn căn. Lại có hai hạng, một là tinh tấn mà không chánh định tự tại, hai là giải đãi mà có chánh định tự tại. Lại có hai hạng : Một là có đủ tinh tấn và chánh định tự tại, hai là chẳng có cả hai.

- Này Thiện Nam Tử ! Chúng sanh trong cõi dục, cõi sắc có hai thứ nghiệp : Tác nghiệp và thọ sanh nghiệp. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn chỉ có tác nghiệp mà không thọ sanh nghiệp, nên bỏ thân cõi dục lúc chưa đến cõi sắc, vì lợi căn mà bát Niết Bàn. Bực A Na Hàm trung bát Niết Bàn này có bốn tâm : Một là phi học, phi vô học, hai là học, ba là vô học, bốn là phi học, phi vô học nhập Niết Bàn. Thế nào lại gọi là trung bát Niết Bàn ?

- Này Thiện Nam Tử ! Trong bốn thứ tâm của bực A Na Hàm này hai tâm là Niết Bàn, hai tâm là chẳng phải Niết Bàn, do đây nên gọi là trung bát Niết Bàn. Bực A Na Hàm thọ thân bát Niết Bàn có hai thứ : Một là tác nghiệp, hai là sanh nghiệp. Bực này bỏ thân dục giới thọ

thân sắc giới, tinh tấn tu hành mãn thọ mạng thời nhập Niết Bàn.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu là thọ mạng hết nhập Niết Bàn, tại sao gọi rằng thọ thân Niết Bàn ?

- Này Thiện Nam Tử ! Bực này thọ thân rồi sau mới dứt hết phiền não trong tam giới, nên gọi là thọ thân Niết Bàn. Bực A Na Hàm thường tu hành do sức Tam Muội hữu vi có thể dứt phiền não nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là hành bát Niết Bàn. Bực A Na Hàm rõ biết quyết định sẽ chứng được Niết Bàn nên giải đãi, cũng do sức Tam Muội hữu vi mãn thọ mạng thời được nhập Niết Bàn, do đây nên gọi là vô hành bát Niết Bàn.

Nếu bực A Na Hàm được đệ tứ thiên rồi lại sanh lòng mến sơ thiên do đây sanh xuống trời sơ thiên. Nơi đây có hai dòng : Dòng phiền não và dòng đạo mà mến nhị thiên, nên sanh lên trời nhị thiên, lần đến trời tứ thiên cũng như vậy.

Bực này trong trời tứ thiên lại có hai hạng : Một là vào cõi vô sắc, hai là vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bực này, bực thích Tam Muội thời vào cõi vô sắc. Bực thích trí huệ thời vào trời Ngũ Tịnh Cư. Hai bực trên đây, một hạng tu đệ tứ thiên có năm tầng cấp, một hạng chẳng tu.

Thế nào là năm từng cấp ? Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng. Bực tu thượng thượng thời ở trời Sắc Cứu cánh, bực tu trung thượng thời ở trời Thiện Hiện, bực tu thượng phẩm thời ở trời Thiện Kiến, bực tu trung phẩm thời ở trời Vô Nhiệt, bực tu hạ phẩm thời ở trời Vô Phiền.

Hai bực này, một thời ưa luận nghị ở trời Ngũ Tịnh Cư, một thời ưa tịch tịnh vào cõi Vô Sắc.

Lại có hai hạng : Một thời tu huân thiên vào trời Ngũ Tịnh Cư, một thời chẳng tu huân thiên sanh cõi Vô Sắc mãn thọ mạng mà nhập Niết Bàn, do đây gọi là thượng lưu bát Niết Bàn. Nếu muốn vào cõi Vô Sắc thời không thể tu năm từng cấp tứ thiên. Nếu tu năm từng cấp này thời có thể quả trách định Vô sắc.

- Bạch Thế Tôn ! Bực trung bát Niết Bàn là lợi căn. Nếu là lợi căn có sao chẳng hiện tại nhập Niết Bàn ? Có sao dục giới có hạng trung bát Niết Bàn mà sắc giới thời không .

- Nay Thiện Nam Tử ! Người này thân tứ đại hiện tại yếu kém không thể hành đạo. Dầu có Tỳ Kheo thân thể tráng kiện nhưng những duyên nhà cửa, y phục, uống ăn, thuốc men v.v... chẳng đủ, nên chẳng được hiện tại bát

Niết Bàn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Ngày trước có một lúc ta ở nước Xá Vệ tại tịnh xá A Na Phân Chỉ, có một Tỳ Kheo đến bạch với ta rằng ông luôn tu hành mà chẳng thể được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Lúc đó ta liền bảo A Nan rằng : Nay ông nên lo đủ đồ cần dùng cho Tỳ Kheo này.

A Nan liền dắt Tỳ Kheo đó đến rừng Kỳ Đà cho ở phòng nhà tốt. Tỳ Kheo đó nói với A Nan rằng : Trông mong Đại Đức vì tôi mà trần thiết phòng nhà, dọn dẹp thật sạch sẽ, dùng thất bảo trang nghiêm, treo phan lọng bằng lụa.

- A Nan nói : Người nghèo trong thế gian mới gọi là Sa Môn, tôi làm sao sắm được những đồ như vậy?

- Tỳ Kheo nói : Nếu Đại Đức có thể sắm sửa được cho tôi thời tốt lắm, bằng không thời tôi sẽ trở về ra mắt Phật.

A Nan liền trở về đem việc ấy bạch với Phật. Đức Phật liền bảo A Nan sắm sửa tất cả đồ dùng theo ý của Tỳ Kheo đó. Tỳ Kheo đó được những đồ cần dùng theo ý mình muốn, liền nhiếp niệm tu hành, không bao lâu chứng được quả Tu Đà Hoàn lần đến quả A La Hán.

- Nay Thiện Nam Tử ! Vô lượng chúng sanh đáng được nhập Niết Bàn, nhưng vì thiếu thốn chướng ngại loạn động tâm niệm của họ, nên chẳng chứng được.

- Nay Thiện Nam Tử ! Lại có chúng sanh thích giáo quá nhiều, tâm họ bực bội nhiều việc chẳng thể được chánh định nên hiện tại không được bát Niết Bàn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như lời ông hỏi, duyên có gì bỏ thân dục giới có hạng trung bát Niết Bàn, còn sắc giới thời không ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Người này quán phiền não cõi dục có hai hơn duyên : Nội và ngoại, mà trong cõi sắc thời không ngoại hơn duyên. Cõi dục lại có hai thứ ái tâm : Dục ái và sắc ái, quán hai ái tâm này rồi hết lòng quả trách, do quả trách này mà được nhập Niết Bàn. Trong cõi dục có thể quả trách được những phiền não thô : Xan tham, sân hận, tật đố, vô tâm, vô quý, do đây nên được nhập Niết Bàn. Lại người trong cõi dục tánh chất dũng kiện, vì được hưởng quả, nên trong cõi dục có trung bát Niết bàn, trong cõi sắc thời không.

- Nay Thiện Nam Tử ! Trung bát Niết Bàn có ba hạng : Thượng, trung và hạ. Hạng thượng lúc bỏ thân chưa rời cõi dục bèn được Niết Bàn. Hạng trung mới rời cõi dục

chưa đến cõi sắc bèn được Niết Bàn. Hạng hạ rời khỏi cõi dục đến ranh cõi sắc bèn được Niết Bàn. Như cá Tích khi đi kiếm được đồ ăn thời dừng lại, hạng này cũng vậy, ở nơi cõi sắc và cõi vô sắc mà được thọ thân nên gọi là dừng lại. Và cũng do chẳng còn thọ thân nhơn, thiên, địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ trong cõi dục nên gọi là dừng lại. Vì đã dứt vô lượng phiền não kiết sử còn thừa lại chút ít nên gọi là dừng lại. Lại vì vĩnh viễn chẳng gây tạo nghiệp phàm phu nên gọi là dừng lại. Lại vì tự mình chẳng còn sợ sệt, cũng chẳng làm cho người khác sợ sệt nên gọi là dừng lại. Vì xa lìa hai ác tâm : Xan tham, sân hận nên gọi là dừng lại.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bực đến bờ kia là A La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát, Chư Phật Thế Tôn, dụ như thần quy trên bờ dưới nước đều đi tự tại. Duyên có gì dùng thần quy để ví dụ ? Vì thần quy khéo giấu năm chi. Bực A La Hán nhẫn đến chư Phật cũng khéo giấu che năm căn. Dưới nước là dụ thế gian, trên bờ là dụ xuất thế. Các bực Thánh này có thể quán sát tất cả ái phiền não lên đến bờ kia, nên dụ như thần quy dưới nước trên bờ đều đi tự tại.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như bảy hạng chúng sanh

trong sông Hằng, dầu có tên cá rùa nhưng chẳng rời khỏi nước, kinh Đại Niết Bàn này từ Nhứt Xiển Đề lên đến chư Phật, dầu có tên khác nhau nhưng cũng chẳng rời khỏi Phật tánh.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bảy hạng chúng sanh đây, hoặc pháp lành hoặc pháp ác, hoặc đạo phương tiện, hoặc đạo giải thoát, hoặc đạo thứ đệ, hoặc nhơn, hoặc quả, tất cả đều là Phật tánh. Đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu có nhơn thời có quả, không nhơn thời không quả. Niết Bàn gọi là quả, là thường trụ nên không nhơn. Nếu đã không nhơn tại sao gọi là quả ? Niết Bàn đây cũng gọi là Sa Môn, cũng gọi là Sa Môn quả. Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong thế gian có bảy thứ quả : Một là phương tiện quả, hai là báo ân quả, ba là thân cận quả, bốn là dư tàn quả, năm là bình đẳng quả, sáu là quả báo quả, bảy là viễn ly quả.

Như người đời, mùa thu thâu gặt được nhiều lúa, bảo nhau rằng được phương tiện quả. Phương tiện quả gọi là nghiệp hành quả. Quả này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là hột giống, viễn nhơn là nước

phân nhơn công. Đây gọi là phương tiện quả.

Như người đời phụng dưỡng cha mẹ. Cha mẹ nói rằng chúng tôi đã được quả báo ơn phụng dưỡng. Người con có thể báo ơn gọi đó là quả. Quả này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn, cận nhơn là nghiệp thuận thiện đời quá khứ của cha mẹ, viễn nhơn là sanh ra người con có hiếu. Đây gọi là báo ân quả.

Như có người gần gũi bạn lành, hoặc được quả Tu Đà Hoàn đến quả A La Hán. Người này nói rằng nay tôi được quả báo thân cận. Quả báo này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là tín tâm, viễn là bạn lành. Đây gọi là thân cận quả.

Như do chẳng sát sanh mà được thân thứ ba sống lâu, đây gọi là dư tàn quả. Quả này cũng có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận là thân khẩu ý thanh tịnh, viễn là sống lâu. Đây gọi là dư tàn quả.

Bình đẳng quả là nói khí thế giới, quả này cũng có hai nhơn : Một là cận nhơn, hai là viễn nhơn. Cận nhơn là chúng sanh tu mười nghiệp lành. Viễn nhơn là đại tam tai.

Quả báo quả là như người chứng đặng thân thanh tịnh

rồi tu ba nghiệp thân, khẩu, ý thanh tịnh, người này bèn nói tôi được quả báo. Quả này có hai nhơn : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là hiện tại thân, khẩu, ý thanh tịnh. Viễn nhơn là quá khứ thân, khẩu, ý thanh tịnh.

Viễn ly quả tức là Niết Bàn lìa các phiền não, tất cả nghiệp lành là nhơn Niết Bàn. Nhơn Niết Bàn này có hai : Cận nhơn và viễn nhơn. Cận nhơn là ba môn giải thoát, viễn nhơn tức là pháp lành đã tu từ vô lượng đời.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như pháp thế gian hoặc nói sanh nhơn, hoặc nói liễu nhơn. Pháp xuất thế cũng như vậy, cũng nói sanh nhơn cũng nói liễu nhơn. Ba môn giải thoát, ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể làm cho sanh nhơn của tất cả phiền não chẳng sanh được, mà cũng làm liễu nhơn cho Niết Bàn. Xa lìa phiền não thời đặng thấy rõ Niết Bàn, nên Niết Bàn chỉ có liễu nhơn mà không có sanh nhơn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như lời ông hỏi : Thế nào là Sa Môn ? Thế nào là Sa Môn quả ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Sa Môn Na tức là bát chánh đạo, Sa Môn Quả là từ nơi đạo rốt ráo xa lìa tất cả tham, sân, si v.v... đây gọi là Sa Môn Na và Sa Môn Quả.

- Bạch Thế Tôn ! Duyên có gì bát chánh đạo gọi là Sa Môn Na ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong đời nói Sa Môn gọi đó là thiếu thốn, Na gọi là đạo. Đạo này dứt tất cả thiếu thốn, và dứt tất cả đạo, do nghĩa này gọi bát chánh đạo là Sa Môn Na . Từ trong đạo này chứng được Thánh quả nên gọi là Sa Môn Quả.

Lại Sa Môn Na, như người đời có ai thích tịch tịnh cũng gọi là Sa Môn, đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người tu hành xa lìa những sự ác tà mạng v.v... của thân, khẩu, ý đặng vui tịch tịnh nên gọi đó là Sa Môn Na.

Như trong đời, người dưới có thể làm người trên, đây gọi là Sa Môn. Đạo này cũng như vậy, có thể làm cho người dưới thành người trên nên được gọi là Sa Môn Na. Bực A La Hán tu đạo này được quả Sa Môn. Được gọi là đến nơi bờ kia. Quả A La Hán chính là năm phần pháp thân vô học : Giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến. Do năm phần này được đến bờ kia, nên gọi là đến bờ kia. Do đến bờ kia nên tự nói rằng tôi đã hết sanh tử, phạm hạnh đã trọn, chỗ làm đã xong, chẳng thọ thân đời sau.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bực A La Hán dứt hẳn nhơn duyên sanh tử ba đời, nên tự nói tôi đã hết sanh tử. Bực

này cũng dứt thân ngũ ấm trong ba cõi nên lại nói rằng tôi đã hết sanh tử. Chỗ tu phạm hạnh đã rốt ráo, nên xưng rằng phạm hạnh đã trọn, lại vì xả học đạo nên cũng gọi là đã trọn. Như chỗ mong cầu, lúc trước ngày nay đã được, nên lại xưng rằng chỗ làm đã xong. Hành đạo được quả cũng nói rằng đã xong. Vì được tận trí và vô sanh trí nên nói rằng tôi đã hết sanh tử, dứt hết kiết sử hữu lậu. Do nghĩa này nên gọi bực A La Hán đặng đến bờ kia. Như A La Hán, bực Bích Chi Phật cũng lại như vậy.

Bồ Tát và Phật thành tựu đầy đủ sáu môn Ba La Mật gọi là đến bờ kia. Phật và Bồ Tát được Vô Thượng chánh giác rồi gọi là đầy đủ sáu môn Ba La Mật, vì được quả của sáu môn Ba La Mật như vậy. Do được quả nên gọi là đầy đủ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bảy chúng sanh đây vì chẳng thể tu tập bốn điều : Thân, giới, tâm và huệ, nên hay gây tạo tội ngũ nghịch, dứt căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Phật, Pháp, Tăng, do đây nên gọi là thường chìm đắm.

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong bảy hạng chúng sanh này ai có thể gần gũi thiện tri thức chí tâm nghe và nhận

lấy chánh pháp của Như Lai, trong tâm khéo tư duy ở đúng pháp, siêng năng tu tập thân, giới, tâm, huệ, do đây nên được gọi là qua khỏi sông sanh tử đến nơi bờ kia.

Nếu có người nói rằng : Nhứt Xiển Đề được Vô Thượng chánh giác, lời này gọi là nhiệm trước. Nếu nói rằng chẳng được, thời gọi là lời hư vọng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Bảy hạng này, hoặc có một người đủ cả bảy, hoặc mỗi người mỗi hạng.

Nếu có người nào tâm tưởng khác, miệng nói khác, cho rằng Nhứt Xiển Đề đặng Vô Thượng chánh giác, phải biết người này hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói không được thời cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói rằng Bát Chánh đạo là của phàm phu được, hoặc nói chẳng phải phàm phu được, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh, hoặc nói quyết định không Phật tánh, đều gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Do đây nên trong khế kinh ta nói rằng có hai hạng người hủy báng Phật, Pháp, Tăng : Một là người chẳng tin, vì họ giận hờn ; hai là người dầu tin nhưng vì chẳng hiểu nghĩa.

Nếu người tin mà không có trí huệ thời hay thêm lớn vô minh. Nếu người có trí huệ mà không có tín tâm thời hay tăng trưởng tà kiến.

Người chẳng tin vì tâm họ giận hờn nên nói rằng không có Phật, Pháp, Tăng. Người tin mà không trí huệ giải nghĩa điên đảo làm cho người nghe pháp hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Do đây nên ta nói người chẳng tin vì lòng hờn giận, người tin lại không trí huệ, những người này hay hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng Nhứt Xiển Đề chưa sanh pháp lành bèn được Vô Thượng chánh giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng. Nếu nói Nhứt Xiển Đề rời bỏ Nhứt Xiển Đề ở trong thân khác được Vô Thượng chánh giác, người này cũng gọi là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Nhứt Xiển Đề có thể sanh căn lành, sanh căn lành rồi nói luôn chẳng dứt chứng được Vô Thượng chánh giác, nên gọi rằng Nhứt Xiển Đề được Vô Thượng Bồ Đề, phải biết rằng người này chẳng hủy báng Tam Bảo.

Nếu có người nói rằng tất cả chúng sanh quyết định có Phật tánh thường, lạc, ngã, tịnh, bất tác, bất sanh, do

vì phiền não nên chẳng thấy được, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng tất cả chúng sanh đều không có Phật tánh cũng như sừng thỏ, do từ phương tiện mà sanh, trước kia không nay mới có, có rồi trở lại không, người này là hủy báng Phật, Pháp, Tăng.

Nếu nói rằng Phật tánh của chúng sanh chẳng phải có như hư không, chẳng phải không như sừng thỏ. Vì hư không là thường, sừng thỏ là không, nên được nói là cũng có cũng không. Vì có nên phá sừng thỏ, vì không nên phá hư không. Thuyết trên đây chẳng hủy báng Tam Bảo.

- Nay Thiện Nam Tử ! Luận về Phật tánh chẳng gọi là một pháp, chẳng gọi là mười pháp, chẳng gọi là trăm pháp, chẳng gọi là ngàn pháp, chẳng gọi là muôn pháp.

Lúc chưa được Vô Thượng chánh giác, tất cả thiện , bất thiện, vô ký đều gọi là Phật tánh. Có lúc đức Như Lai trong nhơn nói quả, trong quả nói nhơn, đây gọi là từ ngữ tùy tự ý của Như Lai. Vì tùy tự ý mà nói nên gọi là Như Lai, ứng cúng, chánh đẳng chánh giác.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời của Phật nói : Phật tánh của chúng sanh dường như hư không. Thế nào gọi là như hư

không ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Tánh hư không chẳng phải quá khứ, vị lai, hiện tại. Phật tánh cũng như vậy. Hư không chẳng phải quá khứ, vì không phải hiện tại. Nếu pháp là hiện tại mới có thể nói là quá khứ, vì không hiện tại nên không quá khứ. Hiện tại cũng không, vì không vị lai. Nếu pháp là vị lai mới có thể nói là hiện tại. Vì không vị lai nên không hiện tại. Vị lai cũng không vì không hiện tại và quá khứ. Nếu pháp có hiện tại và quá khứ thì có vị lai, vì không quá khứ hiện tại nên không vị lai. Do nghĩa trên đây nên tánh của hư không chẳng phải nhiếp trong ba đời.

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì hư không là không nên không có ba đời, chẳng phải vì có mà không có ba đời. Như hoa đóm hư không vì chẳng phải là có nên không có ba đời. Hư không cũng như vậy.

Nay Thiện Nam Tử ! Không có vật chính đó là hư không, Phật tánh cũng như vậy. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời. Vì Phật tánh là thường nên chẳng nhiếp trong ba đời.

- Nay Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai đã được Vô Thượng Bồ Đề, đức Như Lai chỗ được Phật tánh và tất

cả Phật pháp là thường trụ không biến đổi. Do nghĩa này nên không có ba đời duality như hư không.

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì hư không là không nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài. Vì Phật tánh là thường trụ nên chẳng phải trong chẳng phải ngoài, do đây nên nói rằng Phật tánh duality như hư không .

- Nay Thiện Nam Tử ! Nhưng trong đời chỗ không chứng ngại thời gọi là hư không.

Đức Như Lai được Vô Thượng Bồ Đề rồi, nói tất cả Phật pháp đều không có chứng ngại, nên nói rằng Phật tánh duality như hư không.

- Bạch Thế Tôn ! Phật tánh và Niết bàn của Như Lai chẳng nhiếp trong ba đời mà gọi là có, hư không cũng chẳng nhiếp trong ba đời, có sao chẳng được gọi là có ư ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì chẳng phải Niết Bàn gọi là Niết Bàn, vì chẳng phải Như Lai gọi là Như Lai, vì chẳng phải Phật tánh gọi là Phật tánh.

Thế nào gọi là chẳng phải Niết Bàn ? Nghĩa là tất cả phiền não những pháp hữu vi. Vì phá những phiền não hữu vi này mà gọi là Niết Bàn.

Thế nào là chẳng phải Như Lai ? Chính là Nhứt Xiển

Đề nhần đến bực Bích Chi Phật. Vì phá Nhứt Xiển Đề nhần đến Bích Chi Phật này mà gọi là Như Lai.

Thế nào là chẳng phải Phật tánh ? Chính là tất cả vật vô tình như tường, vách, ngói, đá v.v...lìa những vật vô tình này gọi là Phật tánh.

- Nay Thiện Nam Tử ! Tất cả thế gian không gì chẳng phải hư không đối với hư không.

- Bạch Thế Tôn ! Thế gian cũng không gì chẳng phải là đối với tứ đại, mà còn được gọi tứ đại là có, hư không chẳng có đối có sao chẳng được gọi đó là có.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu cho rằng Niết Bàn chẳng nhiếp trong ba đời, hư không cũng như vậy. Lời nói này chẳng đúng nghĩa. Vì Niết Bàn là có thấy được chứng được, là dấu vết của sắc, của sắc pháp, là có chương cú, là tướng, là duyên, là chỗ quy y, là bờ kia, tịch tịnh sáng suốt an ổn, do đây nên được gọi là nhiếp trong ba đời. Tánh hư không chẳng có những pháp như vậy, nên gọi là không. Nếu có cái gì lìa những pháp như vậy mà lại là có thời nhiếp trong ba đời. Hư không nếu đồng là pháp có thời chẳng được chẳng nhiếp trong ba đời.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như người đời cho rằng hư

không là không sắc, không đối, không thể xem thấy. Nếu là không sắc, không đối, không thể thấy thời chính là tâm sở pháp. Hư không nếu đồng tâm sở pháp, thời chẳng được chẳng nhiếp trong đời. Nếu nhiếp trong ba đời tức là bốn âm. Do đây nên rời bốn âm thời không có hư không.

- Nay Thiện Nam Tử ! Những nhà ngoại đạo nói rằng : Hư không chính là quang minh. Nếu là quang minh thời là sắc pháp hư không, nếu là sắc pháp như vậy bèn là vô thường. Vì là vô thường nên nhiếp trong ba đời. Sao ngoại đạo lại nói là chẳng phải ba đời. Nếu đã nhiếp trong ba đời thời chẳng phải là hư không. Sao lại nói rằng hư không là thường.

- Nay Thiện Nam Tử ! Lại có người cho rằng : Hư không là chỗ an trụ. Nếu có chỗ an trụ thời là sắc pháp. Tất cả chỗ đều là vô thường nhiếp trong ba đời, hư không cũng là thường chẳng phải nhiếp trong ba đời. Nếu nói là chỗ thời biết rằng không phải hư không.

Lại có người nói rằng hư không là thứ đệ. Nếu là thứ đệ thời là pháp số. Nếu đã là có thể tính đếm được thời nhiếp trong ba đời, nếu nhiếp trong ba đời sao lại gọi rằng thường?

- Nay Thiện Nam Tử ! Lại có người nói rằng luận về hư không thời là ba pháp, một là không, hai là thật, ba là không thật. Nếu nói là không thời nên biết rằng hư không là pháp vô thường, vì không có trong phạm vi thật. Nếu nói là thật thời nên biết hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Nếu nói là không thật thời nên biết rằng hư không cũng là vô thường, vì không có trong phạm vi không. Do những nghĩa này nên trong phạm vi không là không có.

- Nay Thiện Nam Tử ! Có người nói hư không là pháp bị làm ra, như nói bỏ cây, bỏ nhà mà làm hư không, san bằng cho trống không, che hư không, lên hư không, cùng tận hư không như nước biển cả, do đây nên hư không là pháp bị làm ra. Tất cả pháp làm ra đều là vô thường, dường như ngôi bình v.v... Hư không nếu như vậy thời phải là vô thường.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người đời nói trong tất cả pháp chỗ không chướng ngại gọi đó là hư không. Chỗ không chướng ngại này nơi tất cả pháp là có tất cả hay là có từng phần ? Nếu là có tất cả thời những chỗ khác không có hư không. Nếu có từng phần thời là pháp kia và pháp đây có thể tính đếm. Nếu đã là tính đếm được

thời là vô thường.

Có người cho rằng hư không gồm hiệp không chướng ngại cùng có chướng ngại. Và lại nói rằng hư không ở nơi sự vật như trái đưng trong bình chậu. Hai thuyết trên đều chẳng đúng. Nếu nói gồm cả hai thời có ba thứ : Một là nghiệp khác nhau mà cùng hiệp, như chim bay đậu trên cây. Hai là cộng nghiệp cùng hiệp, như hai con dê đưng nhau. Ba là đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp ở một chỗ.

Nếu nói nghiệp khác nhau cùng hiệp, khác nhau đây có hai : Một là nghiệp sự vật, hai là nghiệp hư không. Nếu nghiệp hư không hiệp với vật thời hư không là vô thường. Nếu nghiệp sự vật hiệp với hư không, sự vật thời chẳng cùng khắp, đã chẳng cùng khắp thời chẳng là vô thường. Nếu nói hư không là thường, tánh của nó chẳng lay động mà cùng với động vật hiệp, thời không đúng nghĩa. Vì nếu hư không là thường thời vật lẽ ra cũng là thường. Nếu vật là vô thường thời hư không cũng là vô thường. Không thể nói rằng hư không cũng là thường cũng là vô thường.

Thuyết cộng nghiệp hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì hư không gọi là cùng khắp, nếu hiệp với nghiệp

thời lẽ ra nghiệp cũng cùng khắp, nếu là cùng khắp thời phải khắp tất cả, nếu khắp tất cả thời lẽ ra hiệp với tất cả, chẳng nên nói rằng có hiệp cùng chẳng hiệp.

Thuyết đã hiệp rồi lại cùng hiệp như hai đôi ngón tay hiệp nhau cũng không đúng nghĩa. Vì trước không có hiệp về sau mới hiệp, trước không sau có là pháp vô thường. Nên chẳng được nói rằng hư không đã hiệp rồi lại cùng hiệp. Như các pháp trong đời trước không sau có là vô thường, nếu hư không như vậy thời cũng phải là vô thường.

Thuyết hư không ở nơi sự vật như trái đưng trong bình chậu cũng không đúng nghĩa. Vì lúc chưa có bình chậu hư không kia ở chỗ nào ? Nếu có chỗ ở thời có nhiều hư không. Đã là nhiều sao lại nói là thường, là duy nhất, là cùng khắp. Giả sử hư không rời hư không có chỗ ở, thời sự vật lẽ ra cùng rời hư không có chỗ ở, do đây nên biết rằng không có hư không.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu cho rằng chỗ ngón tay ở gọi là hư không , theo thuyết này thời hư không là pháp vô thường, vì ngón tay có bốn phương hướng, hư không cũng phải có bốn phương, tất cả pháp thường trụ đều không có phương sở. Nếu có phương sở thời hư không

là vô thường. Nếu là vô thường thì chẳng rời năm ấm. Nếu muốn rời năm ấm thì thành ra không chỗ có.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có pháp nào do nhơn duyên mà tồn tại thì pháp đó là vô thường. Như tất cả chúng sanh cùng cây cối do nơi đất mà tồn tại. Vì đất là vô thường, nên những vật trên đây cũng là vô thường. Như đất nhơn nơi nước, vì nước vô thường nên đất cũng vô thường. Như nước nhơn nơi gió vì gió vô thường nên nước cũng vô thường. Gió nương nơi hư không, vì hư không vô thường nên gió cũng vô thường. Sao lại nói rằng hư không là thường khắp tất cả chỗ ?

Vì hư không là không chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại, cũng như sừng thỏ là vật không có nên chẳng phải quá khứ vị lai hiện tại. Do đây nên ta nói Phật tánh thường trụ chẳng nhiếp trong ba đời. Vì hư không là không nên chẳng nhiếp trong ba đời.

- Nay Thiện Nam Tử ! Ta trọn chẳng trái cãi với thế gian. Vì người trí nói có thì ta cũng nói có, vì người trí nói không thì ta cũng nói không.

- Bạch Thế Tôn ! Bồ Tát có đủ mấy pháp thì chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm ?

- Này Thiện Nam Tử ! Bồ Tát có đủ mười pháp thời được hai điều trên : Một là tín tâm, hai là có giới, ba là gần gũi bạn lành, bốn là trong tâm khéo tư duy, năm là có tinh tấn, sáu là có chánh niệm, bảy là có trí huệ, tám là có chánh ngữ, chín là thích chánh pháp, mười là thương xót chúng sanh. Bồ Tát có đủ mười pháp này thời chẳng trái cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm, như hoa Ưu Bát La.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói : Người trí trong đời nói có, Phật cũng nói có, người trí trong đời nói không, Phật cũng nói không. Những gì là có với không ?

- Này Thiện Nam Tử ! Người trí trong đời nói sắc là vô thường, khổ, không, vô ngã, nhân đến thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói có, ta cũng nói có. Người trí nói sắc chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Đây là người trí trong đời nói không, ta cũng nói không.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí trong đời chính là Phật và Bồ Tát tất cả Thánh nhơn. Nếu sắc ấm của các Thánh nhơn là vô thường, khổ, không, vô ngã, tại sao đức Như lai nói sắc thân của Phật là thường hằng không biến đổi. Người trí trong đời nói chẳng có thường, lạc, ngã, tịnh,

tại sao Đức Như Lai nói là có? Đức Thế Tôn nói những lời như vậy sao lại nói rằng chẳng tranh cãi với thế gian, chẳng bị pháp thế gian làm nhiễm ô. Đức Như Lai đã lìa ba thứ điên đảo : Tướng đảo, tâm đảo, và kiến đảo. Lẽ ra nên nói rằng sắc thân của Phật thiết là vô thường. Nay lại nói là thường, thế nào đặng gọi là xa lìa điên đảo chẳng tranh cãi với thế gian ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Sắc thân của phàm phu từ phiền não mà sanh, nên người trí nói sắc thân là vô thường, khổ, không, vô ngã. Sắc thân của Như Lai xa lìa phiền não, nên nói là thường hằng không biến đổi.

- Bạch Thế Tôn ! Sắc ám do phiền não sanh ra như thế nào ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Phiền não có ba thứ : Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu. Người trí phải quán sát tội lỗi của ba thứ lậu này. Vì có biết tội thời có thể xa lìa. Như y sư coi mạch biết bệnh rồi mới cho thuốc.

Như dốt người mù đến trong rừng gai rồi bỏ đó mà trở về, người mù này rất khó ra khỏi rừng dầu được ra khỏi nhưng thân thể phải bị trầy trụa.

Phàm phu trong đời cũng như vậy, vì không biết

được tội lỗi của ba món lậu nên đi theo nó. Nếu người nào thấy được tội lỗi của ba món lậu thì có thể xa lìa. Người đã biết tội lỗi dầu có thọ quả báo nhưng quả báo cũng nhẹ nhàng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Có bốn hạng người : Một là lúc tạo nghiệp thời nặng, lúc thọ báo thời nhẹ, hai là lúc tạo nghiệp thời nhẹ, lúc thọ báo thời nặng, ba là lúc tạo nghiệp thời nặng, lúc thọ báo cũng nặng, bốn là lúc tạo nghiệp thời nhẹ, lúc thọ báo cũng nhẹ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có người có thể quán sát tội lỗi của phiền não thời tạo nghiệp cùng thọ báo đều nhẹ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người có trí nghĩ rằng : Ta nên xa lìa ba thứ lậu như vậy, chẳng nên gây tạo những nghiệp xấu xa như vậy, vì ngày nay ta chưa được giải thoát lực đạo. Nếu ta tu hành phải nương sức này để phá hoại các sự khổ. Suy nghĩ như vậy rồi thì tham sân si của người này kém yếu. Người này thấy phiền não của mình nhẹ nên lòng họ vui mừng, lại nghĩ rằng ta được như vậy đều do công đức tu hành, làm cho ta lìa đặng pháp ác, gần gũi pháp lành, nên hiện tại ta được thấy Thánh đạo, vậy ta phải nên siêng năng tu tập thêm. Do

công đức siêng năng tu hành, người này xa lìa vô lượng phiền não và thoát khỏi lục đạo luân hồi.

Do đây nên trong kệ kinh Phật nói phải quán sát tất cả phiền não hữu lậu và Nhơn của hữu lậu. Vì người trí nếu chỉ quán hữu lậu mà chẳng quán Nhơn của hữu lậu thì không thể dứt các phiền não. Vì người trí quán sát hữu lậu do Nhơn này mà sanh, nay ta dứt Nhơn này thì hữu lậu chẳng còn sanh. Như y sư trước trừ Nhơn của bệnh thì bệnh chẳng còn. Do đây nên người trí phải trước quán sát Nhơn, kế đó quán sát quả báo, biết rằng từ Nhơn lành sanh ra quả lành, từ Nhơn ác sanh quả ác. Khi rõ biết quả báo rồi thì xa lìa Nhơn ác. Lại phải quán phiền não nhẹ hay nặng, trước lìa phiền não nặng thì phiền não nhẹ tự mất.

- Nay Thiện Nam tử ! Người trí nếu biết phiền não, biết Nhơn của phiền não, biết quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ hay nặng, bấy giờ người này siêng năng tu hành chẳng ngừng nghỉ, chẳng hối tiếc, thường gần gũi bạn lành chí tâm nghe pháp để dứt trừ những phiền não như vậy. Như người bệnh tự biết bệnh nhẹ có thể trị lành, nên dầu uống thuốc đắng vẫn không ăn năn. Người trí siêng tu Thánh đạo thường vui mừng chẳng sầu, chẳng

ngĩ, chẳng ăn năn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu người biết được phiền não, nhờn của phiền não, quả báo của phiền não, biết phiền não nhẹ nặng, vì trừ phiền não mà tu Thánh đạo, người này chẳng do phiền não sanh sắc thân, cũng chẳng do phiền não sanh thọ, tưởng, hành, thức. Nếu chẳng biết được phiền não v.v... chẳng siêng tu tập, người này từ phiền não sanh thân ngũ ấm.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người rõ biết phiền não v.v...vì dứt trừ phiền não mà tu hành Thánh đạo, đây chính là đức Như Lai do nhờn duyên này nên sắc thân của Như Lai cùng thọ, tưởng, hành, thức, đều là thường trụ.

Kẻ chẳng biết phiền não v.v... chẳng tu hành Thánh đạo, đây là phàm phu. Do nhờn duyên này nên sắc, thọ, tưởng, hành, thức của phàm phu đều là vô thường.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí trong đời : Tất cả Thánh nhờn, Bồ Tát, chư Phật đều nói hai nghĩa trên đây, ta cũng nói hai nghĩa như vậy, do đây nên ta nói rằng chẳng tranh cãi với người trí trong đời, chẳng bị thế pháp làm nhiệm ô.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Do trong tâm có giác quán chẳng lành, như nơi duyên ngoài mà sanh ra dục lậu. Ngày trước lúc ở thành Vương Xá, ta bảo A Nan rằng : Nay ông thọ lấy bài kệ tụng của cô gái này nói. Bài kệ đây là lời của chư Phật quá khứ. Do đây nên tất cả giác quán chẳng lành trong tâm cùng những như duyên ngoài gọi đó là dục, đây là dục lậu. Trừ dục lậu ở cõi dục, những ác pháp nơi trong cùng các như duyên nơi ngoài của cõi sắc và vô sắc gọi là hữu lậu. Chẳng thể rõ biết ngã cùng ngã sở, chẳng biện biệt được trong cùng ngoài, đây gọi là vô minh lậu.

- Nay Thiện Nam Tử ! Vô minh là cội gốc của tất cả các lậu, vì tất cả chúng sanh do vô minh nên ức tướng chấp trước nơi ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, đây gọi là chúng sanh, cũng gọi là tướng đảo, tâm đảo, kiến đảo. Do như duyên này sanh ra tất cả các lậu. Vì thế nên trong mười hai bộ kinh, ta nói vô minh là như của tham, sân, si.

- Bạch Thế Tôn ! Trước kia đức Như Lai nói rằng do chẳng khéo tư duy mà có tham, sân, si. Nay duyên có gì

mà nói do vô minh ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Hai pháp đây làm nhờn quá lẫn nhau, tăng trưởng lẫn nhau : Chẳng khéo tư duy sanh vô minh, do vô minh nên chẳng khéo tư duy.

- Nay Thiện Nam Tử ! Những gì có thể sanh trưởng các phiền não thời đều gọi là nhờn duyên của phiền não. Gần gũi những nhờn duyên của phiền não như vậy thời gọi là vô minh. Chẳng khéo tư duy dụ như hột giống lên mộng : Hột giống là cận nhờn, nước đất là viễn nhờn. Phiền não cũng như vậy.

- Bạch Thế Tôn ! Như lời Phật nói vô minh tức là lậu, sao lại nói rằng nhờn nơi vô minh mà sanh các lậu ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vô minh lậu là nội vô minh. Nhờn nơi vô minh sanh ra các lậu là nội ngoại nhờn. Nếu nói vô minh lậu thời gọi là nội đảo : Chẳng biết vô thường, khổ, không và vô ngã. Nếu nói nhờn duyên của tất cả phiền não, đây gọi là chẳng rõ biết ngoại ngã và ngã sở. Nếu nói vô minh lậu, đây gọi là vô thí vô chung : Từ nơi vô minh sanh ra âm, nhập, giới v.v...

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết nhờn của các lậu ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí nên quán sát rằng :
Nhơn duyên gì sanh ra phiền não này ? Làm hạnh nghiệp
gì sanh ra phiền não này ? Trong thời kỳ nào sanh ra
phiền não này ? Lúc ở chung với ai sanh ra phiền não
này ? Ở chỗ nào sanh ra phiền não này ? Quán sát việc
gì sanh ra phiền não này ? Thọ lãnh đồ ăn đồ dùng của ai
sanh ra phiền não này ? Duyên có gì chuyển hạ làm trung,
chuyển trung làm thượng ? Hạ nghiệp làm trung, trung
nghiệp làm thượng ? Bồ Tát lúc quán sát như vậy thời xa
lìa được nhơn duyên sanh ra các lậu. Lúc quán sát như
vậy những phiền não chưa sanh ngăn ngừa làm cho
chẳng sanh, những phiền não đã sanh thời trừ diệt được.
Do đây nên trong kệ kinh ta nói rằng người trí phải quán
sát nhơn duyên sanh ra phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Chúng sanh có một thân làm sao có
thể khởi ra các thứ phiền não ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Như trong một cái chậu đựng
nhiều thứ hạt giống, lúc có nước mưa thời mỗi hạt giống
đều tự mọc lên. Chúng sanh cũng như vậy, thân dầu chỉ
có một, do nhơn duyên tham ái mà có thể sanh trưởng
các thứ phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát quả báo như thế

nào ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí nên quán sát Nhơn duyên của các lậu có thể sanh thân tam đồ, Nhơn duyên của các lậu được thân Nhơn thiên, đều là vô thường, khổ, không, vô ngã. Trong thân này có ba thứ khổ, ba thứ vô thường. Nhơn duyên của các lậu này có thể làm cho chúng sanh tạo tội ngũ nghịch thọ lấy ác báo, có thể dứt mất căn lành, phạm bốn tội trọng, hủy báng Tam Bảo.

Người trí lại nên quán sát ngày nay ta đã có thân như vậy, chẳng nên sanh khởi những phiền não như vậy để khởi mang lấy những ác quả.

- Bạch Thế Tôn ! Có quả vô lậu. Lúc người trí dứt những quả báo, quả báo vô lậu này có ở trong số bị dứt đây chăng ? Những người đắc đạo có quả vô lậu. Người trí kia cầu quả vô lậu. Tại sao đức Phật nói rằng tất cả người trí nên dứt quả báo. Nếu dứt quả báo thời ngày nay làm sao có các bậc Thánh Nhơn ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Có lúc đức Như Lai trong Nhơn mà nói quả, có lúc trong quả mà nói Nhơn. Như người đời nói đất sét, chính là cái bình, những sợi chỉ chính là cái áo, đây gọi là trong Nhơn mà nói quả. Như người đời nói con bò chính là nước và cỏ, người chính là

đồ ăn, đây là trong quả mà nói nhơn. Ta cũng ở trong nhơn mà nói quả như vậy. Như trong khế kinh trước kia ta từng nói rằng : Ta từ nơi tâm mà thân đến cõi Phạm Thiên, đây gọi là trong nhơn mà nói quả. Lục nhập này là nghiệp quá khứ, đây gọi trong quả mà nói nhơn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Thật ra tất cả Thánh nhơn không có quả báo vô lậu. Tất cả Thánh nhơn tu hành Thánh đạo được quả báo chẳng còn sanh các lậu do đây nên gọi là quả báo vô lậu.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí lúc quán sát như vậy liền dứt hẳn được quả báo của phiền não. Vì dứt quả báo phiền não này mà tu tập Thánh đạo : Không, vô tướng và vô nguyện. Tu tập Thánh đạo này có thể dứt tất cả quả báo của phiền não.

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả chúng sanh đều do phiền não mà có quả báo. Phiền não chính là ác. Từ phiền não ác sanh ra phiền não cũng gọi là ác. Phiền não như vậy có hai thứ : Nhơn và quả. Vì nhơn ác nên quả ác, vì quả ác nên nhơn ác.

Như trái Nhâm Bà vì hột nó đắng, nên bông trái cây lá tất cả đều đắng. Như cây độc vì hột nó độc nên trái cũng độc.

Nhơn là chúng sanh, quả cũng chúng sanh. Nhơn là phiền não, quả cũng phiền não. Nhơn quả phiền não chính là chúng sanh. Chúng sanh chính là nhơn quả phiền não.

Nếu cứ theo nghĩa này, có sao đức Như Lai trước kia nói dụ núi Tuyết cũng có cỏ độc, cũng có cây thuốc hay ?

Nếu nói phiền não là chúng sanh, chúng sanh là phiền não, sao Phật lại nói trong thân chúng sanh có thuốc hay ?

- Lành thay ! Lành thay ! Này Thiện Nam Tử ! Vô lượng chúng sanh đều đồng nghi như vậy. Nay ông vì chúng sanh mà thưa hỏi. Ta cũng có thể giải thích để trừ nghi. Ông nên lắng nghe khéo suy nghĩ và ghi nhớ đó.

- Này Thiện Nam Tử ! Núi Tuyết kia dụ cho chúng sanh, cỏ độc là nói phiền não, cây thuốc hay là chỉ cho phạm hạnh thanh tịnh.

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh tu tập phạm hạnh thanh tịnh như vậy, thời gọi là trong thân có thuốc hay.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào chúng sanh có phạm hạnh thanh tịnh.

- Này Thiện Nam Tử ! Như trong đời, từ hột sanh ra

trái. Trái này có thứ sanh ra hột, có thứ chẳng sanh. Thứ có thể sanh hột thời gọi là quả tử. Thứ không thể sanh chỉ được gọi là quả chẳng được gọi là tử.

Tất cả chúng sanh cũng như vậy, có hai hạng : Một là có quả phiền não là non phiền não, hai là có quả phiền não chẳng phải non phiền não. Hạng sau đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Nay Thiện Nam Tử ! Chúng sanh quán sát thọ ấm, biết nó là cận non của tất cả lậu. Vì thọ ấm làm non duyên nên không thể dứt tuyệt tất cả các lậu, cũng không thể ra khỏi ngục tam giới. Non nơi thọ mà chúng sanh chấp ngã và ngã sở, sanh ra tâm đảo, tưởng đảo và kiến đảo. Do đây nên chúng sanh trước phải quán sát thọ ấm, thọ này là cận non của tất cả ái. Do đây nên người trí muốn dứt tham ái, trước phải quán sát thọ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh, mười hai non duyên chỗ gây tạo nghiệp thiện ác đều non nơi thọ. Do đây nên ta từng bảo A Nan rằng : Tất cả chúng sanh tạo nghiệp thiện ác đều do non thọ. Nên người trí trước phải quán sát thọ. Đã quán sát thọ rồi lại phải quán sát thọ này do non duyên gì mà sanh ? Nếu do non duyên sanh, thời non duyên đó lại từ đâu mà sanh ? Nếu không

nhơn duyên mà sanh, thời không nhơn kia có sao chẳng sanh không thọ ?

Lại quán sát thọ này chẳng phải do Tự Tại Thiên sanh, chẳng do sĩ phu sanh, chẳng do vi trần sanh, chẳng phải thời tiết sanh, chẳng do tướng sanh, chẳng do tánh sanh, chẳng phải tự sanh, chẳng phải tha sanh, chẳng phải vô nhơn sanh. Thọ này từ các duyên hòa hiệp mà sanh, duyên đây chính là ái. Trong sự hòa hiệp này chẳng phải có thọ chẳng phải không thọ. Do đây nên ta phải dứt sự hòa hiệp này. Vì dứt hòa hiệp nên chẳng sanh ra thọ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát nhơn rồi kế quán sát quả báo : Chúng sanh do nơi thọ mà thọ báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân đến thọ vô lượng sự khổ não trong tam giới. Do nơi thọ mà thọ lấy sự vui hư huyền vô thường. Do nơi thọ mà dứt căn lành. Do nơi thọ mà được giải thoát. Lúc quán sát như vậy thời chẳng làm nhơn cho thọ.

Thế nào gọi là chẳng làm nhơn cho thọ ? Chính là phân biệt thọ : Những thọ gì có thể làm nhơn cho ái ? Những ái gì có thể làm nhơn cho thọ ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu chúng sanh có thể quán sát rành rẽ ái nhơn và thọ nhơn như vậy, thời có thể dứt

ngã và ngã sở.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu người nào có thể quán sát những điều như vậy, thời nên biện biệt ái cùng thọ dứt tại chỗ nào ? Bèn thấy ái và thọ có chỗ diệt phần ít, do đây nên biết rằng cũng phải có diệt hoàn toàn. Bây giờ ở nơi giải thoát người này sanh tín tâm, quán sát chỗ giải thoát này do đâu mà được. Quán sát rồi biết rõ từ bát chánh đạo nên liền tu tập. Thế nào gọi là bát chánh đạo ? Đạo này quán sát thọ có ba tướng : Một là khổ, hai là lạc, ba là bất khổ bất lạc. Ba tướng này đều có thể làm cho thân tâm tăng trưởng. Nhơn duyên gì mà có thể tăng trưởng ? Vì xúc làm nhơn duyên. Xúc này có ba : Một là vô minh xúc, hai là minh xúc, ba là phi minh phi vô minh xúc. Minh xúc đây chính là bát chánh đạo. Hai xúc kia thời tăng trưởng thân tâm và ba món thọ. Do đây nên phải dứt hai món xúc này. Xúc đã dứt nên chẳng sanh ba món thọ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Thọ này cũng gọi là nhơn cũng gọi là quả. Người trí phải quán sát cũng nhơn cũng quả này : Nhơn thọ sanh ra ái gọi đó là nhơn. Thọ nhơn nơi xúc mà sanh đây gọi là quả. Người trí quán sát thọ như vậy rồi, kể lại quán sát ái. Quả báo của thọ gọi là ái. Quán

sát ái có hai thứ: Một là tạp thực, hai là vô thực. Tạp thực ái làm nhờn sanh ra già bệnh chết tất cả những cõi hữu lậu. Vô thực ái thời dứt sanh già bệnh chết tất cả các cõi mà tham ưa đạo vô lậu.

Lại nên nghĩ rằng : Nếu ta sanh tạp thực ái này, thời không thể dứt được sanh, lão, bệnh, tử . Nay dầu ta tham đạo vô lậu, nếu chẳng dứt thọ nhờn, thời không thể được đạo quả vô lậu. Do đây nên phải dứt xúc này trước. Xúc đã dứt thời thọ tự diệt. Thọ đã diệt thời ái cũng mất theo. Đây gọi là bát chánh đạo.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh nào quán sát như vậy, dầu hiện tại có thân ác độc, nhưng trong đó cũng có cây thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc tốt.

Những chúng sanh này dầu do phiền não mà có quả báo, những quả báo này chẳng còn lại sanh phiền não, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí phải quán sát hai thứ thọ và ái do nhờn duyên gì sanh ra ? Biết do nơi tưởng mà sanh. Vì chúng sanh lúc thấy sắc cũng chẳng sanh tham. Đến lúc quán thọ cũng chẳng sanh tham. Nếu ở trong sắc mà sanh tưởng điên đảo, cho rằng sắc là thường,

lạc, ngã , tịnh. Thọ là thường hằng không biến đổi. Do tướng điên đảo này mà sanh tham, sân, si. Do đây nên người trí phải quán sát.

Và phải suy nghĩ rằng : Tất cả chúng sanh lúc chưa được chánh đạo đều có tướng điên đảo : Ở trong chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh mà nhận là thường, lạc, ngã, tịnh. Nơi pháp chẳng phải nam, nữ, lớn, nhỏ, ngày, đêm, năm, tháng, y phục, nhà cửa v.v... mà tướng là nam, là nữ v.v...

Tướng này có ba thứ : Tiểu, đại và vô lượng. Vì nhơn duyên nhỏ nên sanh tướng nhỏ. Vì nhơn duyên lớn nên sanh tướng lớn. Vì vô lượng duyên nên sanh tướng vô lượng.

Lại có tướng nhỏ chính là chưa nhập định, tướng lớn là nói đã nhập định, vô lượng tướng là nói mười nhứt thiết nhập.

Lại có tướng nhỏ là tất cả tướng ở cõi dục, tướng lớn là tất cả tướng ở cõi sắc, vô lượng tướng là tất cả tướng ở cõi vô sắc. Vì ba thứ tướng này diệt nên thọ cũng tự diệt. Vì tướng thọ diệt nên gọi là giải thoát.

- Bạch Thế Tôn ! Diệt tất cả pháp gọi là giải thoát,

sao đức Như Lai nói tướng thọ diệt gọi là giải thoát ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Như Lai có lúc như chúng sanh mà thuyết pháp, người nghe hiểu được pháp.

Như trước kia ta bảo Đại Ca Diếp : Lúc chúng sanh diệt thời pháp lành diệt. Hoặc có lúc ta như nơi pháp mà nói chúng sanh, người nghe cũng hiểu là nói chúng sanh. Như trước kia ta bảo A Nan rằng : Đức Phật cũng chẳng nói gần gũi tất cả pháp, lại cũng chẳng nói chẳng gần gũi tất cả pháp. Nếu đã gần nơi pháp mà pháp lành kém suy, pháp ác lừng thạnh, thời chẳng nên gần pháp đó. Nếu đã gần nơi pháp nào mà điều ác suy diệt, điều lành thêm lớn, thời nên gần gũi pháp đó.

- Nay Thiện Nam Tử ! Dầu đức Như Lai nói tướng thọ diệt, nhưng đã tổng nói dứt tất cả pháp nên dứt. Người trí đã quán tướng như vậy rồi, kể lại quán như của tướng : Vô lượng tướng này như đâu mà sanh ? Biết rằng như xúc mà sanh. Xúc này có hai : Một là do phiền não mà có xúc, hai là do giải thoát mà có xúc. Do vô minh sanh gọi là phiền não xúc, do minh sanh gọi là giải thoát xúc. Như nơi phiền não xúc sanh ra đảo tướng. Như nơi giải thoát xúc sanh ra bất đảo tướng. Quán sát như của tướng rồi kể lại quán sát quả báo.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu vì nhơn nơi tướng phiến não này mà sanh đảo tướng, thời tất cả Thánh nhơn thiết có đảo tướng mà không phiến não.

- Nay Thiện Nam Tử ! Thế nào là Thánh nhơn mà có đảo tướng ?

- Bạch Thế Tôn ! Tất cả Thánh nhơn đối với con bò, con ngựa tướng là bò, là ngựa rồi cũng nói là bò, là ngựa. Đối với nam, nữ, lớn, nhỏ, nhà, cửa v.v... cũng như vậy, do đây nên gọi là đảo tướng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Tất cả phàm phu có hai thứ tướng : Một là thế lưu bố tướng, hai là chấp trước tướng. Tất cả Thánh nhơn chỉ có thế lưu bố tướng, không có chấp trước tướng. Tất cả phàm phu vì ác giác quán nên đối với thế lưu bố sanh ra chấp trước tướng. Tất cả Thánh nhơn vì thiện giác quán nên đối với thế lưu bố chẳng sanh tướng chấp trước. Do đây nên phàm phu gọi là đảo tướng. Thánh nhơn dầu biết các pháp mà chẳng gọi là đảo tướng.

Người trí quán sát nhơn của tướng rồi kể lại quán quả báo : Ác tướng này thọ quả nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn và Thiên. Như ta do vì dứt ác giác quán nên vô minh xúc dứt, do đây mà tướng dứt, vì tướng dứt nên quả báo cũng dứt. Người trí vì dứt nhơn của tướng nên

tu bát chánh đạo.

Nếu có người quán sát được như vậy, thời gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Này Thiện Nam Tử ! Như trên đây gọi là trong thân ác độc của chúng sanh mà có thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc hay.

- Này Thiện Nam Tử ! Người trí kể lại quán sát dục, tức là sắc, thanh, hương, vị, xúc. Đây là đức Như Lai ở trong nhơn mà nói quả, vì từ năm trần này mà sanh ra dục, thiết ra năm trần chẳng phải dục.

- Này Thiện Nam Tử ! Người ngu si vì tham cầu thọ lấy nên đối với sắc sanh ra tưởng điên đảo, đối với thanh, hương, vị, xúc cũng sanh ra tưởng điên đảo. Do đảo tưởng làm nhơn duyên mà sanh ra thọ. Do đây nên trong đời nói rằng nhơn đảo tưởng sanh ra mười món tưởng.

Do dục làm nhơn duyên mà thọ lấy quả báo ác nơi thế gian. Dem sự ác làm hại cha mẹ, Sa Môn, Bà La Môn v.v... chỗ chẳng nên làm ác mà cố làm chẳng tiếc thân mạng. Người trí quán sát ác tưởng này làm nhơn duyên mà sanh ra dục tâm.

Quán sát nhơn duyên của dục rồi kể lại quán sát quả

báo : Dục này có nhiều quả báo ác : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhơn và Thiên.

Nếu những ác tướng này đã trừ diệt được, thời vĩnh viễn chẳng sanh dục tâm này, vì không dục tâm nên chẳng sanh ác thọ, đã không ác thọ thời không ác quả, do đây nên phải dứt ác tướng trước. Ác tướng đã dứt thời những pháp ác khác tự nhiên đều dứt. Do có trên đây nên người trí vì dứt ác tướng mà tu bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc (*hay*).

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí quán dục như vậy rồi kể nên quán nghiệp. Phải suy nghĩ rằng : Bốn thứ thọ, tướng, xúc và dục chính là phiền não. Phiền não này có thể làm sanh nghiệp mà chẳng làm thọ nghiệp. Phiền não này cùng đi với nghiệp có hai thứ : Một là làm sanh nghiệp, hai là làm tác nghiệp.

Do đây nên người trí phải quán sát nơi nghiệp. Nghiệp này có ba : Thân, khẩu và ý. Hai nghiệp thân, khẩu tên là nghiệp mà cũng gọi là nghiệp quả, ý chỉ gọi là nghiệp, vì là nhơn của nghiệp nên gọi là nghiệp. Hai nghiệp thân, khẩu là nghiệp ngoài, ý gọi là nghiệp trong.

Ba thứ nghiệp này đi cùng với phiền não làm thành hai thứ nghiệp : Một là sanh nghiệp, hai là thọ nghiệp.

- Nay Thiện Nam Tử ! Chánh nghiệp tức là ý, kỳ nghiệp¹⁹ tức là thân khẩu. Phát sanh trước gọi là ý nghiệp, từ ý nghiệp sanh ra gọi là thân khẩu nghiệp. Do đây nên ý nghiệp được gọi là chánh.

Người trí đã quán nghiệp rồi kể lại quán nghiệp như. Nghiệp như đây là vô minh xúc. Do nơi vô minh xúc mà chúng sanh cầu lấy có. Như duyên cầu lấy có tức là ái. Như nơi ái mà gây tạo ba thứ nghiệp thân, khẩu, ý. Người trí quán nghiệp như rồi kể lại quán quả báo. Quả báo đây có bốn : Một là hắc hắc quả báo, hai là bạch bạch quả báo, ba là tạp tạp quả báo, bốn là bất hắc bất bạch quả báo. Hắc hắc quả báo là lúc tạo nghiệp như đục quả báo cũng như đục. Bạch bạch quả báo là lúc tạo nghiệp thanh tịnh quả báo cũng thanh tịnh. Tạp tạp quả báo là lúc tạo nghiệp tạp quả báo cũng tạp. Bất hắc bất bạch quả báo là nói vô lậu nghiệp.

- Bạch Thế Tôn! Trước kia đức Như Lai nói vô lậu không có quả báo, cứ sao nay lại nói vô lậu là bất bạch

¹⁹ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 2: “nghiệp có kỳ hện”

bất hắc quả báo.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nghĩa này có hai : Một là cũng quả cũng báo, hai là chỉ quả chẳng phải báo. Hắc hắc quả báo là quả cũng là báo : Do nghiệp nhơn hắc mà sanh ra nên gọi là quả, nó lại có thể làm nhơn nên lại gọi là báo. Bạch bạch và tạp tạp cũng như vậy. Quả vô lậu nhơn nơi hữu lậu mà sanh nên gọi là quả, nó chẳng làm nhơn cho pháp khác nên chẳng gọi là báo. Do đây nên vô lậu gọi là quả mà chẳng gọi là báo.

- Bạch Thế Tôn ! Nghiệp vô lậu này chẳng phải là hắc pháp, duyên có gì chẳng gọi nó là bạch ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì vô lậu không có báo nên chẳng gọi là bạch. Vì đối trị hắc nên gọi là bạch. Nay ta nói thọ quả báo gọi là hắc bạch. Vì nghiệp vô lậu này chẳng thọ báo nên chẳng gọi là bạch mà gọi là tịch tịnh.

Nghiệp như vậy có chỗ định thọ báo, như mười pháp ác quyết định ở địa ngục, ngã quý, súc sanh, mười nghiệp lành quyết định ở nhơn, thiên.

Mười pháp ác có thượng, trung và hạ : Nghiệp thượng thọ thân địa ngục, nghiệp trung thọ thân súc sanh, nghiệp hạ thọ thân ngã quý.

Mười nghiệp lành về Nhơn đạo có bốn hạng : Nghiệp hạ sanh Bắc Câu Lô Châu, nghiệp trung sanh Tây Ngu Hó Châu, nghiệp thượng sanh Đông Thắng Thần Châu, nghiệp thượng thượng sanh Diêm Phù Đề.

Người trí quán sát như vậy rồi liền nghĩ rằng : Ta phải làm thế nào dứt những quả báo ấy ? Lại nghĩ rằng Nhơn duyên của những nghiệp này do vô minh xúc sanh ra, nếu ta dứt trừ vô minh cùng xúc, thì nghiệp quả này dứt mất chẳng còn sanh. Vì dứt trừ vô minh và xúc nên người trí tu bát chánh đạo, đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh. Cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay, như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát nghiệp và quán sát phiền não rồi, kể lại quán sát quả báo của hai thứ này : Tức là khổ. Đã biết là khổ thì có thể xa lìa tất cả sự thọ sanh. Người trí lại quán sát phiền não làm Nhơn duyên sanh ra phiền não, nghiệp cũng làm Nhơn duyên sanh ra phiền não. Phiền não lại làm Nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm Nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm Nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm Nhơn duyên sanh ra khổ hữu, hữu làm Nhơn duyên sanh ra khổ,

khổ làm nhơn duyên sanh ra hữu, hữu làm nhơn duyên sanh ra nghiệp, nghiệp làm nhơn duyên sanh ra phiền não, phiền não làm nhơn duyên sanh ra khổ, khổ làm nhơn duyên sanh ra nghiệp.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu ai có thể quán sát như vậy, nên biết rằng người này có thể quán sát nghiệp khổ, vì những điều quán sát như vậy chính là mười hai nhơn duyên sanh tử, người này chẳng gây tạo nghiệp mới, có thể phá hoại nghiệp cũ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát sự khổ nơi địa ngục. Quán sát nơi địa ngục nhân đến ba trăm ba mươi sáu sở. Mỗi địa ngục đều có các sự khổ, đều do phiền não và nghiệp sanh ra. Quán sát địa ngục rồi kể lại quán sát những sự khổ của ngạ quỷ và súc sanh. Kể lại quán sát những sự khổ của nhơn gian và của chư thiên. Những sự khổ như vậy đều do nơi phiền não và nghiệp sanh ra.

- Nay Thiện Nam Tử ! Trên các cõi Trời dầu không những sự khổ nào lớn, nhưng thân thể của chư thiên mềm dịu mịn trơn, lúc năm tướng suy hiện ra họ cũng thọ lấy sự khổ lớn, như sự khổ của địa ngục.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát những sự

khô của tam giới đều do nơi phiền não và nghiệp mà sanh. Như đồ bằng đất chưa hầm thời dễ bể hư. Thân thể của chúng sanh cũng như vậy, là những đồ đầy sự khô. Như cây to bông trái sum sê bầy chim có thể làm hư hại. Như nhiều cỏ khô chút lửa cũng có thể cháy hết. Thân thể của chúng sanh bị những sự khô làm hư hoại cũng như vậy. Người trí nếu có thể quán sát tám thứ khô, người này có thể dứt được những sự khô.

- Nay Thiện Nam Tử ! Đã quán sát tám sự khô rồi kể lại quán sát khổ nhơn. Khổ nhơn đây là ái cùng vô minh. Có hai thứ : Một là cầu thân thể, hai là cầu của cải, hai thứ này đều là khô, do đây nên biết ái cùng vô minh là khổ nhơn. Lại có hai thứ : Một là nội, hai là ngoại. Nội có thể gây nghiệp, ngoại có thể làm tăng trưởng. Nội lại có thể gây nghiệp, ngoại làm thành nghiệp quả.

Đã dứt nội ái thời nghiệp cũng dứt, dứt được ngoại ái thời quả cũng dứt. Nội ái có thể sanh khổ đời vị lai, ngoại ái có thể sanh khổ đời hiện tại. Do đây nên ái là khổ nhơn.

Đã quán khổ nhơn rồi kể lại quán sát quả báo. Quả báo của khổ chính là thủ, ái quả gọi là thủ. Nhơn duyên của thủ này tức là nội ái và ngoại ái do đây có ái khô.

Người trí phải quán sát ái làm nhơn duyên cho thủ,

thủ nhọn duyên nơi ái, nếu có thể dứt ái và thủ thì chẳng tạo nghiệp thọ khổ. Do đây nên người trí vì dứt trừ ái khổ mà tu bát chánh đạo. Đây gọi là phạm hạnh thanh tịnh, cũng gọi là trong thân độc của chúng sanh có vị thuốc hay. Như trong núi Tuyết dầu có cỏ độc nhưng cũng có cây thuốc.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Này Thiện Nam Tử ! Chính là tất cả pháp.

- Bạch Thế Tôn ! Nghĩa của tất cả pháp chẳng như định. Vì đức Như Lai có lúc nói là thiện, bất thiện. Có lúc nói là tứ niệm xứ quán. Hoặc nói là thập nhị nhập. Hoặc nói là thiện tri thức. Hoặc nói là thập nhị nhọn duyên. Hoặc nói là chúng sanh. Hoặc nói là chánh kiến, tà kiến. Hoặc nói là mười hai bộ kinh. Hoặc nói là nhị đế.

Hôm nay đức Như Lai lại nói tất cả pháp là phạm hạnh thanh tịnh, đó là những tất cả pháp gì ?

- Này Thiện Nam Tử ! Kinh Đại Niết Bàn vi diệu này là bảo tạng trong tất cả pháp. Như biển cả là kho chứa những châu báu, kinh Đại Niết Bàn này cũng như vậy, là bí tạng của tất cả chữ nghĩa. Như núi Tu Di là cội gốc

của các vị thuốc, kinh này cũng là cội gốc của giới Bồ Tát. Như hư không là chỗ ở của tất cả vật, kinh này cũng là chỗ ở của tất cả pháp lành. Như luồng gió mạnh không gì trói buộc được. Tất cả Bồ Tát thật hành kinh này cũng chẳng bị tất cả phiền não trói buộc. Như chất kim cương không gì phá hoại được, kinh này dầu có ngoại đạo ác tà cũng chẳng phá hoại được. Như cát sông Hằng không ai đếm được, ý nghĩa của kinh này cũng không ai đếm được.

Kinh này là pháp tràng của Bồ Tát, như bảo tràng của Thiên Đế Thích.

Kinh này là vị thương chủ thẳng đến thành Niết Bàn, như bực đạo sư dẫn các thương như thẳng đến biển cả.

Kinh này có thể làm ánh sáng pháp cho Bồ tát, như mặt trời mặt trăng có thể phá tối tăm ở thế gian.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho chúng sanh mang bệnh khổ, như trong núi Tuyết có cây thuốc hay trị được các thứ bệnh. Kinh này có thể làm gậy cho Nhứt Xiển Đề, như người quá yếu nhờ gậy mà đứng dậy được.

Kinh này có thể làm cầu đò cho tất cả người ác, như cây cầu là chỗ tất cả người đi qua.

Kinh này làm bóng mát cho những ai bị nóng phiền

não trong hai mươi lăm cõi, như cây lọng che nắng nóng.

Kinh này là vua đại vô úy có thể phá hoại tất cả ác ma phiền não, như Sư Tử Vương hàng phục bầy thú.

Kinh này là đại thần chú có thể phá hoại tất cả ác quỷ phiền não, như chú sư trong đời có thể đuổi trừ quỷ vọng lượng.

Kinh này là mưa đá Vô Thượng có thể phá hoại tất cả quả báo sanh tử.

Kinh này có thể làm vị thuốc hay cho người hư con mắt giới, như thuốc An Xà Na trị lành con mắt đau.

Kinh này có thể làm chỗ ở cho tất cả pháp lành, như mặt đất làm chỗ ở cho muôn vật.

Kinh này là gương sáng của chúng sanh phá giới, như gương sáng soi các hình tượng.

Kinh này có thể làm y phục cho người không tầm quý, như áo xiêm che đậy thân thể của người đời.

Kinh này làm cửa báu lớn cho người nghèo pháp lành, như Công Đức Thiên lợi ích ban sự lợi ích cho người nghèo.

Kinh này làm nước cam lộ cho chúng sanh khát

ngưỡng chánh pháp, như nước bát công đức làm no đủ cho người khát nước.

Kinh này làm giường pháp cho người phiền não, như người đời gặp được giường nằm an ổn.

Kinh này là cỗ xe trân bảo, chuỗi ngọc hoa hương trang nghiêm thanh tịnh của bực sơ địa Bồ Tát nhẫn đến bực Thập Địa Bồ Tát, hơn tất cả chỗ vui vi diệu của sáu môn Ba La Mật, như cây Ba Lợi Chất Đa La trên cung Trời Đạo Lợi.

Kinh này là cây búa trí huệ cứng bén có thể chặt tất cả cây to phiền não, là dao bén có thể cắt đứt tập khí, là lực sĩ dũng kiện có thể trừ dẹp ma tà oán địch, là ngọn lửa trí huệ đốt củi phiền não, là tạng nhưn duyên xuất sanh Bích Chi Phật, là tạng Thanh Văn sanh ra bực Thanh Văn, là con mắt của tất cả chư Thiên, là con đường chánh của mỗi người là chỗ nương của tất cả loài súc sanh, là chỗ giải thoát của nạ quỷ, là đấng Vô Thượng tôn của địa ngục, là chỗ Vô Thượng của tất cả chúng sanh trong mười phương, là phụ mẫu của chư Phật.

Do đây nên kinh này nhiếp tất cả pháp.

- Nay Thiện Nam Tử ! Trước kia ta nói kinh này đầu

nhiếp tất cả pháp, nhưng ta nói phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nếu rời ba mươi bảy phẩm này thì trọn chẳng được quả Thanh Văn nhẫn đến quả Vô Thượng Bồ Đề, cũng chẳng thấy Phật tánh cùng quả Phật tánh. Do đây nên phạm hạnh là ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Vì ba mươi bảy phẩm này tánh của nó chẳng phải điên đảo, nó có thể phá hoại điên đảo ; tánh của nó chẳng phải ác kiến, nó có thể phá hoại ác kiến ; tánh của nó chẳng phải bố úy, nó có thể phá hoại bố úy ; tánh của nó là phạm hạnh, nó có thể làm cho chúng sanh rốt ráo thật hành phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp hữu lậu cũng có thể làm nhơn cho pháp vô lậu, cứ sao đức Như Lai chẳng nói pháp hữu lậu là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Tất cả pháp hữu lậu là điên đảo, nên tất cả pháp hữu lậu chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhất là hữu lậu hay là vô lậu.

- Nay Thiện Nam Tử ! Là hữu lậu.

- Bạch Thế Tôn ! Pháp thế đệ nhất là hữu lậu

nhưng tánh nó chẳng phải điên đảo, có sao chẳng gọi nó là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Pháp thể đệ nhất là nhơn của pháp vô lậu, vì giống với vô lậu và hướng về vô lậu nên chẳng gọi là điên đảo. Phạm hạnh thanh tịnh phát tâm tương tục mãi đến rốt ráo. Còn pháp thể đệ nhất chỉ là một niệm, nên chẳng được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Năm thức của chúng sanh cũng là hữu lậu nhưng chẳng phải là điên đảo, lại chẳng phải là một niệm, có sao chẳng gọi là phạm hạnh thanh tịnh ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Năm thức của chúng sanh đều chẳng phải một niệm nhưng là hữu lậu lại là điên đảo. Vì thêm các lậu nên gọi là hữu lậu, thể của nó chẳng phải chơn thật vì là tướng chấp trước nên là điên đảo.

Thể nào gọi là thể của nó chẳng phải chơn thật vì tướng chấp trước nên điên đảo ? Vì trong vật chẳng phải nam nữ nó sanh tướng nam nữ, nhãn đến nhà cửa xe cộ v.v... cũng như vậy, nên gọi là điên đảo.

- Nay Thiện Nam Tử ! Ba mươi bảy phẩm trợ đạo tánh của nó không điên đảo nên được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Bồ Tát đối với ba mươi bảy phẩm này mà biết căn, biết nhờn, biết nhiếp, biết tăng, biết chủ, biết đạo, biết thắng, biết thật và biết rốt ráo, Bồ Tát này được gọi là phạm hạnh thanh tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là biết căn, nhẫn đến biết rốt ráo ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Bồ Tát thưa hỏi thường vì hai điều : Một là vì mình, hai là vì người. Nay ông đã biết mà vì vô lượng chúng sanh nên thưa hỏi những việc như vậy. Lành thay ! Lành thay !

- Nay Thiện Nam tử ! Căn bản của ba mươi bảy phẩm trợ đạo là dục, nhờn là minh xúc, nhiếp thủ là thọ, tăng trưởng là thiện tư duy, chủ là niệm, đạo dẫn là định, thắng là trí huệ, thật là giải thoát, rốt ráo là Đại Bát Niết Bàn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Thiện dục là căn bản của sơ phát tâm nhẫn đến Vô Thượng Bồ Đề, do đây nên ta nói dục là căn bản. Như người đời nói tất cả khổ não do ái làm căn bản. Tất cả bệnh tật do ăn cách đêm làm căn bản. Tất cả sự phán đoán do đấu tranh làm căn bản. Tất cả việc ác do hư vọng làm căn bản.

- Bạch Thế Tôn ! Trong kinh này trước kia đức Như

Lai nói rằng tất cả pháp lành do bất phóng dật làm căn bản. Sao nay đức Phật lại nói rằng dục là căn bản ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu luận về sanh nhơn thời là thiện dục, còn liễu nhơn thời là bất phóng dật. Như người đời nói rằng tất cả trái cây do hột làm nhơn, hoặc có người nói hột là sanh nhơn, đất là liễu nhơn.

- Bạch Thế Tôn ! Trong những kinh khác đức Phật từng nói rằng Phật là cội gốc của ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Nghĩa này như thế nào ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Đức Như Lai ngày trước nói rằng chúng sanh mới biết ba mươi bảy phẩm trợ đạo thời Phật là căn bản. Nếu tự chứng đặng thời dục là căn bản.

- Bạch Thế Tôn ! Sao mình xúc gọi là nhơn ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Có lúc đức Như Lai nói mình là huệ, hoặc nói mình là tín. Do tín tâm mà gần gũi bạn lành đây gọi là xúc. Do gần gũi bạn lành được nghe chánh pháp, đây gọi là xúc. Do nghe chánh pháp mà thân, khẩu, ý thanh tịnh, đây gọi là xúc. Do ba nghiệp thanh tịnh mà được chánh mạng, đây gọi là xúc. Do chánh mạng được giới căn thanh tịnh, do giới căn thanh tịnh mà thích nơi tịch tịnh, do thích tịch tịnh nên có thể tư duy

hiếu biết, do thiện tư duy mà được an trụ đúng pháp, do an trụ đúng pháp mà được ba mươi bảy phẩm trợ đạo, do đây có thể phá hoại vô lượng phiền não ác, đây gọi là xúc.

- Nay Thiện Nam Tử ! Thọ gọi là nhiếp thủ, vì lúc chúng sanh cảm thọ có thể làm việc lành việc ác. Do nơi thọ mà sanh các phiền não. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể phá hoại những phiền não này, nên dùng thọ làm nhiếp thủ.

Do thiện tư duy có thể phá phiền não, nên gọi là tăng trưởng. Vì siêng năng tu tập nên được ba mươi bảy phẩm trợ đạo như vậy.

Nếu quán lực có thể phá những phiền não ác cần phải nhờ chuyên niệm, do đây nên dùng niệm làm chủ. Như trong đời tất cả binh chủng đều theo ý của chủ tướng. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng đều theo nơi niệm chủ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Đã nhập chánh định rồi thời ba mươi bảy phẩm trợ đạo có thể khéo phân biệt tất cả pháp tướng, nên dùng làm dẫn đạo. Phân biệt pháp tướng này do trí huệ là tối thắng, nên dùng huệ làm thắng. Trí huệ này rõ biết phiền não, vì năng lực của trí huệ và phiền não tiêu diệt. Như trong đời bốn binh chủng phá hoại oán

địch, hoặc một hoặc hai người dũng kiện có công năng phá địch. Ba mươi bảy phẩm trợ đạo cũng như vậy, do năng lực của trí huệ có thể phá hoại phiền não, nên lấy trí huệ làm thắng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Dầu do tu tập ba mươi bảy phẩm trợ đạo mà chứng được tứ thiên thần thông an lạc nhưng cũng chẳng gọi là thật. Nếu phá hoại phiền não lúc chứng được giải thoát mới gọi là thật.

Ba mươi bảy phẩm trợ đạo này từ khi phát tâm tu hành, dầu được thế lạc và xuất thế lạc, chứng bốn quả Sa Môn được giải thoát, cũng chẳng gọi là rốt ráo. Nếu có thể dứt trừ được những công hạnh do ba mươi bảy phẩm trợ đạo này thật hành, đây gọi là Niết Bàn, nên ta nói rốt ráo là Đại Niết Bàn.

- Nay Thiện Nam Tử ! Lại tâm thiện ái niệm chính là dục. Do thiện ái niệm mà gần gũi bạn lành nên gọi là xúc, đây là nhơn. Do gần gũi bạn lành nên gọi là thọ, đây là nhiếp thủ. Do gần bạn lành mà có thể thiện tư duy nên gọi là tăng trưởng. Do bốn pháp này có thể sanh trưởng chánh đạo, dục, niệm, định và trí, đây gọi là chủ, là dẫn đạo, là tối thắng vậy. Do ba pháp này mà được hai thứ giải thoát, do dứt trừ ái nên tâm được giải thoát, do dứt

trừ vô minh nên huệ được giải thoát, đây gọi là thật. Tâm pháp như vậy rốt ráo được quả gọi là Niết Bàn, nên Đại Niết Bàn gọi là rốt ráo.

- Nay Thiện Nam Tử ! Lại dục chính là phát tâm xuất gia, xúc là bạch tứ yết ma, đây gọi là nhơn. Nhiếp thủ chính là thọ hai thứ giới : Một là Ba La Đề Mộc Xoa giới, hai là tịnh căn giới, đây gọi là thọ, đây gọi là nhiếp thủ. Tăng trưởng là tu tập tứ thiền. Chủ là quả Tu Đà Hoàn và quả Tư Đà Hàm. Dẫn đạo là quả A Na Hàm. Tối thắng là quả A La Hán, thật là quả Bích Chi Phật. Rốt ráo là quả Vô Thượng Bồ Đề.

- Nay Thiện Nam Tử ! Lại dục gọi là thức, xúc gọi là lục nhập, nhiếp gọi là thọ, tăng trưởng gọi là vô minh, chủ gọi là danh sắc, dẫn đạo gọi là ái, thắng gọi là thủ, thật gọi là hữu, rốt ráo gọi là sanh, lão, bệnh, tử.

- Bạch Thế Tôn ! Căn bản cùng nhơn với Tăng, ba pháp này khác nhau thế nào ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Căn bản tức là sơ phát tâm. Nhơn là tương tợ chẳng dứt. Tăng trưởng là tương tợ dứt rồi có thể sanh tương tợ. Lại căn là tạo tác. Nhơn chính là quả. Tăng trưởng là có thể dùng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Đòi vị lai dầu có quả báo, nhưng vì chưa thọ nên gọi là nhơn. Đến khi thọ thời gọi là tăng trưởng. Lại căn là mong cầu. Được tức là nhơn. Dùng được tức là tăng trưởng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong kinh này, căn là kiến đạo, nhơn là tu đạo, tăng là vô học đạo. Lại căn là chánh nhơn, phương tiện gọi là nhơn, từ chánh nhơn này chứng được quả báo gọi là tăng trưởng.

- Bạch Thế Tôn ! Như đức Phật nói rôt ráo là Đại Niết Bàn, Đại Niết Bàn này làm thế nào chứng được ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Hoặc Bồ Tát hoặc Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, hoặc Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di có thể tu tập mười quán tưởng, thời người này có thể được Niết bàn : Một là vô thường tưởng, hai là khổ tưởng, ba là vô ngã tưởng, bốn là yếm ly thuật tưởng, năm là nhứt thiết thế gian bất khả lạc tưởng, sáu là tử tưởng, bảy là đa tội quá tưởng²⁰, tám là ly tưởng, chín là diệt tưởng, mười là vô ái tưởng. Người nào tu tập mười thứ quán tưởng như vậy thời rôt ráo quyết định được Niết Bàn. Chẳng do nơi người, tự mình có thể phân biệt thiện bất thiện v.v... đây

²⁰ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 1: “bốn là tưởng nhàm chán xa lìa ăn uống, năm là tưởng tất cả thế gian không thể vui, sáu là tưởng chết, bảy là tưởng nhiều tội lỗi, tám là tưởng xa lìa”

gọi là thật xứng nghĩa Tỳ Kheo, nhân đến xứng nghĩa Ưu Bà Di.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là Bồ Tát nhân đến Ưu Bà Di tu tập vô thường tướng ?

- Này Thiện Nam Tử ! Có hai hạng Bồ Tát : Một là sơ phát tâm, hai là đã hành đạo. Vô thường tướng cũng có hai thứ : Thô và tế. Bồ Tát sơ phát tâm lúc quán vô thường tướng, suy nghĩ rằng : Vạn vật trong đời phàm có hai loại : Nội và ngoại. Những loại thuộc về nội vật đều vô thường biến đổi. Tôi thấy lúc sanh, lúc nhỏ, lúc lớn, lúc mạnh, lúc già, lúc chết đều khác nhau, do đây nên biết những loại thuộc về nội vật đều vô thường. Lại suy nghĩ rằng tôi thấy chúng sanh hoặc có kẻ mập mạnh tươi tốt, hoặc có kẻ bệnh hoạn héo gầy, hoặc có người giàu có dư giả, hoặc thấy người nghèo cùng thiếu thốn, hoặc thấy người có vô lượng công đức, hoặc thấy người tạo vô lượng tội lỗi, do đây nên quyết định biết rằng những loại thuộc về nội vật là vô thường.

Lại suy nghĩ rằng, những vật ngoài thời kỳ hột, thời kỳ mọc mộng, lên cây ra lá trở bông, kết trái đều chẳng đồng, lại có thứ đầy đủ, có thứ chẳng đầy đủ, do đây nên biết rằng tất cả vật ngoài quyết định là vô thường.

Đã quán sát những vật bị thấy là vô thường, kể lại là quán sát những pháp bị nghe : Tôi từng nghe chư thiên có thần thông tự tại hưởng sự vui rất vi diệu nhưng cũng có năm tướng suy, do đây nên biết rằng là vô thường. Tôi lại từng nghe thuở kiếp sơ có các chúng sanh đầy đủ công đức, thân thể sáng chói chẳng cầu mặt trời mặt trăng, vì vô thường biến đổi mà công đức hao tổn, ánh sáng tắt mất. Tôi lại nghe thuở xưa có Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, có đủ thất bảo thể lực tự tại dầu vậy nhưng cũng không thể tránh khỏi vô thường. Lại quán quả địa cầu, ngày xưa người ở đông đảo, có đủ cây thuốc hay, rừng cây bông trái sum sê. Ngày nay vì chúng sanh phước bạc, nên những sanh vật trên mặt đất thành hư hao. Do đây nên biết rằng tất cả vật trong thân ngoài cảnh đều vô thường. Đây gọi là tướng vô thường thô.

Đã quán tướng tướng thô rồi, kể lại quán sát tướng vô thường tế. Bồ Tát quán sát tất cả vật trong ngoài, nhãn đến vi trần, tại thời kỳ vị lai đã là vô thường, vì tất cả đều có đủ tướng phá hoại vậy. Nếu sắc uẩn vị lai chẳng phải là vô thường, thì chẳng nên nói sắc uẩn có mười thời kỳ sai biệt : Thời kỳ đông lại, thời kỳ nổi bóng, thời kỳ ung

nhọt, thời kỳ khôi thịnh, thời kỳ mọc đầu và tứ chi, thời kỳ bé thơ, thời kỳ trẻ, thời kỳ thiếu niên, thời kỳ tráng niên, thời kỳ già suy. Nếu không phải là vô thường thời đông vắng không thành bóng, nhọt nhẩn đến không có già suy. Nếu những thời kỳ chẳng phải niệm niệm hoại diệt, thời trọn chẳng có lần lần lớn lên, đáng lẽ phải đồng thời trưởng thành tất cả. Do đây biết rằng quyết định có niệm niệm vi tế vô thường.

Lại thấy có người thân thể toàn vẹn, nhan sắc tươi đẹp, lúc sau lại thấy người ấy gầy gò tiêu tụy. Do đây biết rằng người này quyết định có niệm niệm vô thường.

Lại quán sát tứ đại và bốn oai nghi, trong ngoài đều có hai khổ như : Đói khát và lạnh nóng. Nếu không có niệm niệm vi tế vô thường, thời cũng lẽ ra không có bốn điều khổ ấy.

Suy xét như trên đây gọi là quán tưởng vô thường tế.

Như trong thân và ngoại cảnh tâm pháp cũng như vậy, vì tâm duyên theo sáu trần hoặc sanh lòng mừng, lòng giận, lòng yêu, v.v... lần lượt thay đổi khác, không trụ một niệm. Do đây nên biết rằng tất cả sắc pháp và tâm pháp đều vô thường cả.

Nếu Bồ Tát có thể ở trong một niệm thấy rõ tất cả pháp đều sanh diệt vô thường, đây gọi là Bồ Tát có đủ vô thường tướng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí tu tập vô thường tướng rồi thời xa lìa quan niệm điên đảo chấp thường. Kế lại tu tập khổ tướng. Duyên có gì có sự khổ như vậy ? Biết rõ rằng sự khổ này do nơi vô thường. Do vô thường mà có sanh, già , bệnh, chết. Vì có sanh, già, bệnh, chết nên gọi là vô thường. Vì vô thường mà chịu lấy những sự khổ : Đói, khát, lạnh, nóng v.v...

Lại quán sát thân thể này chính là khí cụ vô thường, là khổ. Vì là khí cụ khổ nên bao nhiêu sự nhận lấy của thân đều là khổ cả.

Lại quán sát sanh là khổ, diệt là khổ. Sanh diệt chính là vô thường, chẳng phải ngã, chẳng phải ngã sở, nên tu vô ngã tướng.

Lại quán sát khổ là vô thường, vô thường tức là khổ. Nếu đã là khổ vô thường, người trí đâu nên cho rằng có ngã ! Khổ không phải là ngã, vô thường cũng vậy. Cả năm ấm đều là khổ là vô thường, sao chúng sanh lại cho là có ngã !

Lại quán sát tất cả pháp có nhiều thứ hòa hiệp sai khác. Chẳng phải từ một hòa hiệp sanh tất cả pháp. Lại một pháp chẳng phải là quả của tất cả hòa hiệp. Tất cả hòa hiệp đều không tự tánh, cũng không một tánh, cũng không tánh sai khác, cũng không vật tánh, cũng không tự tại. Các pháp đã có những tướng như vậy, người trí đâu nên nói là có ngã.

Lại suy nghĩ rằng : Trong tất cả pháp không có một pháp nào là tác giả. Một pháp đã không phải tác giả, thời nhiều pháp hòa hiệp cũng không thể là tác giả. Tánh của các pháp không thể tự sanh tự diệt, do hòa hiệp mà diệt, do hòa hiệp mà sanh. Khi pháp đã sanh, chúng sanh điên đảo tưởng rằng là hòa hiệp, từ hòa hiệp sanh. Chúng sanh điên đảo tưởng niệm không có chơn thật. Như thế thời đâu có thật ngã ! Do đây nên người trí quán sát vô ngã.

Lại quán sát duyên có gì mà chúng sanh nói là ngã ? Ngã này nếu là có, thời là một hay nhiều. Nếu ngã chỉ có một, thời sao lại có Sát Đế Lợi, Bà La Môn v.v...nhân đến như, thiên, quý, súc? Nếu ngã là nhiều, sao lại nói rằng ngã của chúng sanh là duy nhất, là khắp, là không biên tế. Cho là một hay là nhiều, cả hai đều không có ngã cả. Người trí đã quán vô ngã rồi, kể lại quán tướng yêm

ly thực.

Nên suy nghĩ rằng : Nếu tất cả pháp là vô thường, khổ, vô ngã, sao lại vì sự ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo ác nghiệp ! Nếu có chúng sanh nào vì tham ăn mà thân, khẩu, ý gây tạo nghiệp ác, bao nhiêu của cải có ra, mọi người đều cùng hưởng dụng, về sau lúc mất quả khổ, không một ai cùng chia.

Lại quán sát tất cả chúng sanh vì ăn uống mà thân tâm chịu khổ. Nếu từ các sự khổ mà được ăn uống, sao ta lại đối với sự ăn uống mà sanh lòng tham đắm.

Kế lại nên quán sát thân nhơn. Do nơi uống ăn mà thân thể tăng trưởng. Nay ta xuất gia vì muốn xả thân nên thọ giới tu hành, nếu tham đắm ăn uống thời sao gọi là xả thân ! Quán sát như vậy rồi, dầu có ăn uống, nhưng coi như quỷ Khoáng Dã ăn thịt con của nó, trong lòng nhàm ghét không biết ngon ngọt.

Quán sát rõ món ăn uống có lỗi như vậy rồi, kế lại quán xúc thực : Như con bò bị lột da, có vô số kiến ruồi bu cắn. Kế quán tư thực như đồng lửa lớn. Quán thức thực như ba trăm mâu nhọn.

Người trí quán sát bốn thứ thực này rồi thời không

còn có quan niệm tham ưa. Nếu còn tham ưa thì nên quán bất tịnh để lìa hẳn sự ái nhiễm đối với tứ thực. Phải khéo phân biệt sự bất tịnh của tất cả thứ uống ăn. Lúc thọ ăn món ngon món dở, xem như thuốc thoa ghẻ, trọn không sanh lòng tham ái. Nếu có thể quán sát như trên đây thì gọi là người trí trọn nên quán tướng yếm ly thực.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát món ăn là bất tịnh , đó là thật quán hay hư quán ? Nếu là thật quán thì thức ăn đương quán thật chẳng phải bất tịnh. Nếu là hư quán, thì sao lại gọi là thiện tướng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Quán tướng như vậy, cũng là thật cũng là hư : Vì có thể trừ quan niệm tham ăn nên gọi là thật ; vì không phải trùng dòi mà thấy là trùng dòi nên gọi là hư.

- Nay Thiện Nam Tử ! Tất cả pháp hữu lậu đều gọi là hư, mà cũng có thể được thật.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khát thực, tự nghĩ rằng : Tôi sẽ đi khát thực, mong được món ăn ngon, nhiều và mau được, đừng được món ăn dở, ít và chậm lâu. Tỳ Kheo này chẳng được gọi là có yếm ly tướng đối với sự ăn uống, pháp lành sẽ suy hao dần, pháp chẳng lành sẽ càng ngày càng tăng trưởng.

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo lúc muốn đi khát thực, phải nguyện trước rằng : Cầu mong cho những người khát thực đều được no đủ, người bố thí vô lượng phước. Nếu tôi được món ăn, cũng chỉ là dùng để chữa bệnh cho thân thể ác độc này, để tu tập pháp lành, cho thí chủ được lợi ích. Tỳ Kheo lúc phát nguyện trên đây thời pháp lành lần tăng trưởng, pháp chẳng lành tiêu diệt lần. Tỳ Kheo này chẳng lường ăn của tín thí.

- Này Thiện Nam Tử ! Người trí có đủ bốn pháp quán tưởng như vậy thời có thể tu pháp quán tưởng “ Thế gian không đáng ưa thích”. Suy nghĩ rằng : Tất cả thế gian không chỗ nào chẳng có sự sanh, già, bệnh, chết, mà thân của tôi không chỗ nào chẳng sanh. Thế gian đã không có một chỗ nào là được sự sanh, già, bệnh, chết, như vậy tại sao tôi lại ưa thích thế gian ! Tất cả thế gian không có gì tiến đắc mà chẳng phải thối thất, nên thế gian quyết định là vô thường. Đã là vô thường, người trí đâu nên ưa thích thế gian.

Mỗi chúng sanh trải qua khắp tất cả thế gian, hưởng thọ đủ cả sự khổ vui, đều được thân Phạm Thiên cho đến Trời Phi Phi Tướng, lúc mạng chung cũng lại phải sa vào ba ác đạo. Dầu được thân Trời Tứ Thiên Vương cho đến

Trời Tha Hóa Tự Tại, lúc mạng chung hoặc phải sanh trong loài súc sanh làm thân sư tử, cọp, sói, voi, ngựa, bò, lừa v.v...

Kể lại suy nghĩ : Chuyển Luân Thánh Vương thống lãnh bốn châu thiên hạ, sang giàu tự tại, lúc hết phước phải nghèo khổ ăn mặc không đủ.

Người trí quán tưởng như trên đây rồi, thời có quan niệm thế gian không đáng ưa thích.

Người trí lại quán sát tất cả tài vật, châu báu, nhà cửa, hương hoa v.v... ở thế gian dầu dùng để đỡ khổ, nhưng những vật ấy chính nó là khổ, sao lại dùng khổ để lìa khổ.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát như vậy rồi thời chẳng còn ưa thích tài vật ở thế gian. Như có người thân mang bệnh nặng, dầu có những thứ âm nhạc ca hát hoa hương chuỗi ngọc, nhưng trọn chẳng sanh lòng ưa thích. Người trí quán sát những điều trên đây không tham ưa tài vật châu báu ở thế gian cũng như vậy.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát tất cả thế gian đều chẳng phải chỗ quy y, chẳng phải chỗ giải thoát, chẳng phải chỗ tịch tịnh, chẳng phải chỗ đáng ưa, chẳng phải bờ kia, chẳng phải thường, lạc, ngã, tịnh. Nếu tôi

tham ưa nơi thế gian thời tôi làm thế nào là được thế gian, như người chẳng thích ở trong tối muốn tìm ánh sáng mà lại trở về trong tối. Trong tối là thế gian, ánh sáng là xuất thế. Nếu tôi ưa thích thế gian thời là thêm lớn sự đen tối mà muốn xa là đen tối. Đen tối là vô minh, ánh sáng là trí minh. Chính quan niệm chẳng ưa thích thế gian là nhơn của trí minh. Tất cả kiết sử tham ưa dầu hay trói buộc, nhưng nay tôi tham ưa trí minh mà chẳng tham ưa thế gian.

Người trí quán sát rõ những sự trên đây rồi thời có đủ quan niệm rằng thế gian là chẳng đáng ưa thích.

- Này Thiện Nam Tử ! Người trí kể lại tu tập tử tưởng : Quán sát thọ mạng này thường bị vô lượng oán thù vây quanh, niệm niệm tồn diệt không có tăng trưởng, như nước dốc trên núi không thể đứng dừng, cũng như sương móc ban mai thế chẳng còn lâu, như người tù bị dắt ra chợ mỗi bước gần đến chỗ chết, như dắt bò dê đến chỗ hàng thịt.

- Bạch Thế Tôn ! Người trí quán sát niệm niệm diệt như thế nào ?

- Này Thiện Nam Tử ! Như bốn người đều có tài bắn giòi hạp nhau ở một chỗ, mỗi người riêng bắn qua một

hướng đồng nghĩ rằng bốn mũi tên của chúng tôi đồng thời bắn ra đồng thời rơi xuống. Lại có một người nghĩ rằng lúc bốn mũi tên này chưa rơi xuống, trong một lúc tôi có thể dùng tay bắt lấy.

- Này Thiện Nam Tử ! Đáng gọi người này là mau lẹ chẳng ?

- Bạch Thế Tôn ! Người này thật mau lẹ.

- Này Thiện Nam Tử ! Địa Hành quý còn lẹ hơn người này. Phi Hành quý lại mau hơn Địa Hành quý. Tứ Thiên Vương mau hơn Phi Hành quý. Nhựt Nguyệt Thần Thiên mau hơn Tứ Thiên Vương. Hành Kiên Tật Thiên mau hơn Nhựt Nguyệt Thần Thiên. Thọ mạng của chúng sanh lại mau hơn Kiên Tật Thiên.

- Này Thiện Nam Tử ! Một hơi thở một nháy mắt, thọ mạng của chúng sanh có bốn trăm lần sanh diệt. Nếu có thể quán sát thọ mạng như vậy thì gọi là có thể quán niệm niệm diệt.

- Này Thiện Nam Tử ! Người trí quán sát thọ mạng thuộc nơi vua chết, nếu tôi là được vua chết này thì dứt hẳn được thọ mạng vô thường. Lại nên quán sát thọ mạng này như cây to bên bờ sông lở, như người phạm tội lúc

bị xử tử không ai xót thương, như lúc Sư Tử Vương quá đói, như lúc rắn độc hít gió to, như lúc ngựa khát nước nó giữ gìn nước, như lúc đại ác quỷ phát sân, vua chết của chúng sanh cũng dữ độc như vậy.

Người trí nếu có thể quán sát như vậy thời gọi là tu tập tử tưởng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Người trí lại nên quán sát rằng nay tôi xuất gia dầu thọ mạng chỉ có bảy ngày bảy đêm, trong thời gian ấy tôi sẽ tinh tấn tu hành giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh, đây là người trí tu tập tử tưởng.

Lại vì bảy ngày bảy đêm còn là nhiều, nếu được sáu ngày, hoặc năm ngày, bốn ngày, ba ngày, hai ngày, một ngày, một giờ, nhẫn đến trong khoảng một hơi thở ra vào, trong thời gian này tôi sẽ tinh tấn tu hành, giữ gìn cấm giới, thuyết pháp giáo hóa lợi ích chúng sanh. Đây gọi là người trí khéo tu tập tử tưởng.

Người trí có đủ sáu pháp quán tưởng trên đây có thể làm nhơn cho bảy pháp quán tưởng. Đây là bảy pháp quán tưởng : Một là quán tưởng thường tu tập, hai là quán tưởng thích tu tập, ba là quán tưởng không sân hận, bốn là quán tưởng không tật đố, năm là quán tưởng phát

nguyên lành, sáu là quán tướng không kiêu mạn, bảy là quán tướng tam muội tự tại.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo nào có đủ bảy pháp quán tướng này, thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn, là tịch tịnh, là tịnh khiết, là giải thoát, là người trí, là chánh kiến, là đáo bỉ ngạn, là đại Y Vương, là đại thương chủ, là hiểu rõ pháp bí mật của Như Lai, là biết bảy thứ lời nói của chư Phật , là tri kiến chơn chánh, dứt được những lưới nghi trong bảy thứ lời nói của chư Phật.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu người nào có đủ sáu pháp quán tướng như trên, nên biết rằng người đó có thể quả trách ba cõi, xa lìa ba cõi, dứt trừ ba cõi, chẳng ưa đắm ba cõi. Đây gọi là người trí có đủ mười pháp quán tướng.

Nếu Tỳ Kheo nào có đủ mười pháp quán tướng này thời đáng được gọi là tướng Sa Môn. Lúc đó Ca Diếp Bồ Tát liền ở trước Phật nói kệ tán thán :

Đấng Đại Y Vương thương thế gian,

Thân và trí huệ đều tịch tịnh,

Trong pháp vô ngã có chơn ngã,

Nên tôi kính lễ Vô Thượng Tôn.

Phát tâm và rốt ráo không sai khác,

Hai tâm này tâm trước khó hơn,
Mình chưa được độ, độ người trước,
Nên tôi kính lễ sơ phát tâm.
Sơ tâm đã là Thầy, Trời, người,
Hơn bực Thanh Văn và Duyên Giác,
Phát tâm như vậy hơn ba cõi,
Nên được gọi là Tội Vô Thượng.
Trong đời phải cầu rồi mới được,
Phật không chờ tỉnh mà làm Thầy,
Phật theo thế gian như ghé con,
Nên được gọi là đáng đại bi.
Công đức của Phật khắp mười phương,
Phàm phu vô trí chẳng thể khen,
Nay tôi tán thán tâm từ bi,
Đề báo đáp hai nghiệp thân khẩu.
Thế gian thường ưa tự lợi ích,
Đức Phật trọn chẳng có như vậy,
Dứt báo thế gian cho chúng sanh,

Nên tôi kính lễ Tụ Tha Lợi,
Người đời làm lợi cho thân nhơn,
Đức Phật lợi ích không thân thù,
Phật không riêng biệt như người đời,
Do đây tâm Phật thường bình đẳng .
Người đời nói khác việc làm khác,
Nói làm của Phật đều không sai,
Phàm chỗ tu hành xả các hạnh,
Do đây được gọi là Như Lai.
Trước đã rõ biết lỗi phiền não,
Thị hiện ở đó vì chúng sanh,
Từ lâu đã giải thoát thế gian,
Vì từ bi mà ở sanh tử.
Dầu hiện thân trời cùng thân người,
Từ bi theo dõi như ghé con,
Đức Phật là mẹ của chúng sanh,
Từ tâm chính là ghé con nhỏ.
Tự chịu khổ não vì chúng sanh.

Do xót thương nên lòng chẳng hối.
Quá xót thương mà chẳng biết khổ,
Nên tôi cúi lạy đáng cứu khổ.
Đức Phật dầu làm vô lượng phước,
Nhưng thân khẩu ý thường thanh tịnh,
Thường vì chúng sanh chẳng vì mình,
Nên tôi kính lễ nghiệp thanh tịnh.
Đức Phật chịu khổ chẳng biết khổ,
Thấy người chịu khổ như mình khổ,
Dầu vì chúng sanh ở địa ngục,
Chẳng có niệm khổ và ăn năn.
Chúng sanh chịu khổ đều khác nhau,
Mà Như Lai một mình chịu khổ,
Biết rồi tâm Phật càng kiên cố,
Do đây siêng tu đạo Vô Thượng.
Phật đủ tâm đại từ duy nhứt,
Thương xót chúng sanh xem như con,
Chúng sanh chẳng biết Phật cứu mình,

Nên hủy báng Phật cùng Pháp, Tăng.

Thế gian có đủ những phiền não,

Cũng có vô lượng những lỗi ác,

Phiền não và tội lỗi như vậy,

Lúc sơ phát tâm đã dứt trừ.

Chư Phật mới tán thán được Phật,

Ngoài Phật không ai tán thán được,

Nay tôi chỉ tán thán một điều,

Là tâm đại từ thương thế gian.

Từ tâm của Phật là pháp lớn,

Từ tâm này độ được chúng sanh,

Chính đây là Vô Thượng giải thoát,

Giải thoát này là Đại Niết Bàn.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM KIỀU TRẦN NHƯ THỨ HAI MƯỜI LĂM

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như: “ Sắc là vô thường, do dứt sắc này được sắc thân thường trụ giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng đều vô thường, do dứt thức ấm này mà được thức uẩn giải thoát thường trụ.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là khô, dứt sắc ấm này mà được sắc thân an lạc giải thoát. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là không, do dứt sắc không này mà được sắc uẩn giải thoát phi không. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là vô ngã, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chân ngã. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là bất tịnh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát thanh tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là tướng của sanh, lão, bệnh, tử, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải tướng sanh, lão, bệnh, tử. Thọ, tưởng, hành

và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là nhân của vô minh do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhân của vô minh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Nhãn đến sắc ấm là nhân của sanh, do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhân của sanh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhân của bốn tướng điên đảo, do dứt sắc ấm điên đảo này mà được sắc uẩn giải thoát chẳng phải nhân của bốn tướng điên đảo. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc ấm là nhân của vô lượng ác pháp: Nào là thân nam, thân nữ v.v... nào là thực ái, dục ái, tham sân, tật đố, ác tâm, xan tâm, đoàn thực, xúc thực, tư thực, thức thực, noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, ngũ dục, ngũ cái v.v... Tất cả ác pháp này đều nhân nơi sắc cả. Do dứt sắc ấm này mà được sắc uẩn giải thoát không có vô lượng ác pháp như vậy. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là trói buộc, do dứt sắc này

mà được sắc giải thoát không trói buộc. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là lưu chuyển, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không lưu chuyển. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc chẳng phải chỗ quy y, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát quy y. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc là ghê lở, do dứt sắc này mà được sắc giải thoát không tội lỗi. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Sắc chẳng tịch tịnh, do dứt sắc này được sắc Niết Bàn tịch tịnh. Thọ, tưởng, hành và thức cũng như vậy.

Này Kiều Trần Như ! Người nào rõ biết được như trên đây thời gọi là Sa Môn, là Bà La Môn có đủ những pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn.

Nếu ngoài Phật pháp thời không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Tất cả ngoại đạo dối trá tự xưng, toàn hư giả không có thật hạnh. Dầu họ tưởng rằng họ có hai bậc này, nhưng thật

ra thời không có. Vì nếu đã không có pháp Sa Môn và Bà La Môn, làm sao có được hai bậc Sa Môn và Bà La Môn.

Ta thường ở giữa đại chúng xướng to những lời này. Các ông cũng nên xướng to như vậy.

Bấy giờ có số đông ngoại đạo sanh lòng bất bình rằng: Cù Đàm nói trong giáo phái của chúng ta không có Sa Môn và Bà La Môn, cũng không có pháp Sa Môn, pháp Bà La Môn. Chúng ta làm thế nào tỏ cho Cù Đàm biết rằng trong giáo phái của chúng ta có hai bậc và hai pháp như vậy.

Có một Phạm Chí lên tiếng nói:

“ Này các Ngài ! Lời nói của Cù Đàm như điên như cuồng, cần gì kiểm giáo ! Người điên cuồng trong đời hoặc ca, hoặc múa, hoặc khóc, hoặc cười, hoặc mắng, hoặc khen, không phân biệt kẻ thân người thù. Sa Môn Cù Đàm cũng như vậy: Có lúc nói ta sanh trong cung vua Tịnh Phạn, có lúc nói là chẳng sanh. Hoặc nói sau khi sanh tự đi bảy bước, lại nói là chẳng đi. Hoặc nói ta từ thuở nhỏ học tập văn võ, nghề nghiệp thế gian, rồi lại tự nói là bậc nhất thiết trí. Có lúc ở cung hưởng lạc thú sanh con trai, rồi lại nhàm chê là ác tiện. Có lúc đích thân tu

khô hạnh sáu năm, lại quở trách sự khô hạnh của ngoại đạo. Hoặc nói theo học với ông Uất Đầu Lam Phát, ông A La Lã v.v... có lúc nói các ông ấy không chỗ hiểu biết. Hoặc nói nơi cội Bồ Đề ta chứng được đạo Vô Thượng giác, có lúc lại nói ta không có đến cây Bồ Đề, không có chứng đắc. Hoặc nói thân ta đây chính là Niết Bàn, lại nói thân diệt mới là Niết Bàn.

Lời nói của Cù Đàm như điên cuồng, các Ngài lo rầu làm gì ?

Có các Bà La Môn nói: “ Trước kia Sa Môn Cù Đàm nói vô thường, khô, không, vô ngã, bất tịnh. Hàng đệ tử trong giáo phái ta nghe lời này mà kinh sợ. Nay Cù Đàm đến rừng Ta La này tuyên bố có thường, lạc, ngã, tịnh. Hàng đệ tử ta nghe lời này đều bỏ phái ta, hoặc thọ lấy lời của Cù Đàm. Như thế bảo ta không sâu khô sao được !

Lại có một Bà La Môn bảo rằng các Ngài lóng nghe tôi nói đây: Sa Môn Cù Đàm gọi rằng từ bi, xét ra thời lời nói này là hư vọng, chẳng phải chân thật. Vì nếu có từ bi sao ông ấy lại giáo hóa hàng đệ tử của chúng ta thọ lấy pháp của ông ấy. Lòng từ bi là tùy thuận theo ý của người, nay ông ấy làm trái bốn nguyện của chúng ta thời đâu phải là từ bi.

Nếu nói rằng Sa Môn Cù Đàm chẳng bị tám pháp thế gian làm ô nhiễm, lời này cũng là hư vọng: Vì nếu Cù Đàm là thiếu đức tri túc, hôm nay sao lại cướp lấy lợi dưỡng của chúng ta.

Nếu nói Cù Đàm thuộc về dòng họ cao thượng, lời này cũng hư vọng. Vì từ xưa đến nay chưa từng nghe thấy Sư Tử Vương tàn hại con chuột bé nhỏ. Nếu Cù Đàm là dòng cao thượng ngày nay sao lại nã loạn chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có thể lực lớn, lời này cũng là hư vọng. Vì từ xưa đến nay cũng chẳng từng thấy nghe Kim Sứy Điều Vương đua tranh cùng các chim. Nếu Cù Đàm thật có thể lực lớn, việc gì lại tranh đấu với chúng ta.

Nếu cho rằng Cù Đàm có tha tâm trí, xét ra cũng là hư vọng. Vì nếu có tha tâm trí có sao Cù Đàm chẳng rõ biết tâm niệm của chúng ta.

Này các Ngài ! Xưa kia tôi từng nghe bậc tôn túc nói rằng sau đây một trăm năm thế gian sẽ có một yêu huyễn ra đời. Yêu huyễn này chính là ông Cù Đàm. Ông ấy sắp sẽ diệt mất tại trong rừng Ta La này, các Ngài chẳng nên sầu não.

Có một Ni Kiên Tử nói rằng:

“ Nay tôi sầu khổ chẳng phải vì đệ tử và sự cúng dường của riêng mình, chỉ vì người đời ngu tối không có con mắt, chẳng thấy biết phước điền cũng chẳng phải phước điền, bỏ bậc Bà La Môn niên cao nhiều trí mà cúng dường người tuổi trẻ, do đây nên tôi lo rầu mà thôi.

Sa Môn Cù Đàm biết chú thuật, do sức chú thuật mà ông ấy có thể biến một thân thành vô lượng thân, biến vô lượng thân hườn lại một thân, hoặc biến thân làm hình nam, nữ, bò, dê, voi, ngựa. Sức của tôi có thể trừ việc chú thuật như vậy. Chú thuật của Cù Đàm đã mất, các Ngài sẽ được an vui thọ hưởng nhiều sự cúng dường”.

Lại có một Bà La Môn nói rằng: Này các Ngài, Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức, các Ngài chẳng nên tranh đua.

Chúng ngoại đạo phản đối lại: Người ngu si kia ! Sao ông lại nói Sa Môn Cù Đàm có công đức lớn ? Lúc Cù Đàm sanh ra bảy ngày thời mẹ của ông ấy chết, như thế có thể được gọi là tướng phước đức chăng ?

Bà La Môn đáp rằng: Bị mắng chẳng giận, bị đánh chẳng đánh lại, đây là tướng đại phước đức. Thân của Cù

Đàm có đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, lại có vô lượng thần thông, đây là tướng đại phước đức. Không kiêu mạn thừa hỏi trước, lời nói dịu dàng không cộc cằn, lúc trai tráng chí ý hưng thịnh mà tâm chẳng nóng nảy, nước lớn của nhiều mà không tham luyến, bỏ cung điện đi xuất gia như nhổ bỏ nước miếng. Do những điều trên đây nên tôi nói rằng Sa Môn Cù Đàm thành tựu đầy đủ vô lượng công đức.

Chúng ngoại đạo nói:

“ Sa Môn Cù Đàm thật có vô lượng thần thông biến hóa như lời ông nói, chúng tôi chẳng thử thách thần thông với Cù Đàm.

Cù Đàm bản tánh nhu nhuyễn, chẳng kham khổ hạnh, sanh trưởng chốn thâm cung chẳng rõ thấu được việc ngoài. Chỉ được lời nói dịu dàng mà chẳng biết nghề nghiệp văn hóa luận nghị. Chúng tôi xin tranh biện pháp yếu với Cù Đàm. Nếu ông Cù Đàm hơn, chúng tôi sẽ theo hầu Cù Đàm. Nếu chúng tôi hơn Cù Đàm thì Cù Đàm phải phụng sự chúng tôi”.

Lúc đó một số đông ngoại đạo họp nhau đến ra mắt vua A Xà Thế.

Vua hỏi các Ngài mỗi phái riêng tu tập theo đạo của mình, đều là người xuất gia rời bỏ danh lợi, nhân dân trong nước của ta đều kính trọng cúng dường, nay duyên có gì họp nhau đến đây ?

Các Ngài đều có pháp tu tập khác nhau, giới cấm khác nhau, mỗi người tự theo giáo phái của mình mà xuất gia tu hành, nay duyên có gì lại họp nhau một lòng như những lá rụng bị gió trốt thổi gom lại một chỗ.

Ta thường ủng hộ người xuất gia nhẫn đến chẳng tiếc thân mạng. Nay duyên có gì mà các Ngài họp nhau đến đây ?

Chúng ngoại đạo đồng thưa: Tâu Đại Vương ! Nay Đại Vương là cây cầu đại pháp, có tiếng tăm lớn, có công đức lớn, là căn bản của các nước, là tấm gương sáng của tất cả nước, là hình tượng của chư thiên, là cha mẹ của nhân dân. Nhà vua coi việc nước chẳng riêng rẽ người thân kẻ thù, lòng vua bình đẳng như đất, nước, gió, lửa, do đây nhà vua đáng gọi là công đức tạng.

Tâu Đại Vương ! Dầu chúng sanh hiện tại tuổi đời ngắn ngủi, nhưng công đức của nhà vua như các vua thời kỳ trường thọ an lạc thuở xưa: Như các vua Đánh Sanh, Thiện Kiến, Nhẫn Nhục, Na Hầu Sa, Da Da Đế, Thi Tỳ,

Nhất Xoa Câu v.v... Nhờ nhà vua mà trong nước an vui, nhân dân giàu mạnh. Do đây nên tất cả người xuất gia đều mến nước Ma Đà Đà này.

Tâu Đại Vương ! Trong kinh của chúng tôi có nói: Nếu người xuất gia ở nơi nước nào mà tinh tấn trì giới tu hành, thời vua nước ấy cũng có phần tu công đức lành.

Tâu Đại Vương ! Tất cả trộm cướp nhà vua đã dẹp xong, nên người xuất gia không còn sợ sệt. Hiện nay chỉ còn có một người đại ác là Sa Môn Cù Đàm nhà vua chưa xét đến, chúng tôi rất lo sợ. Cù Đàm tự thị dòng họ cao quý, thân hình đẹp mạnh, lại do phước bố thí đời trước mà được cúng dường nhiều. Cù Đàm cậy những việc này mà quá kiêu mạn, hoặc cậy chú thuật giỏi mà ngạo nghễ. Cù Đàm không thể tu khổ hạnh lành và chữa những y phục nệm chăn mịn nhuyễn, nên những người ác trong đời vì tham lợi dưỡng mà theo làm quyến thuộc. Do sức chú thuật, Cù Đàm điều phục Ca Diếp, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...

Nay đến chỗ ở của chúng tôi, nơi rừng Ta La, tuyên bố rằng thân này là thường, lạc, ngã, tịnh để khuyến dụ hàng đệ tử của chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Ngày trước Cù Đàm nói thân người

là không thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi còn có thể nhận được. Nay Cù Đàm tuyên bố thân này là thường, lạc, ngã, tịnh chúng tôi thật chẳng chịu được.

Xin Đại Vương cho phép chúng tôi luận nghị với Cù Đàm.

Vua A Xà Thế nói: Hôm nay các Ngài do ai bày vẽ mà tâm trí cuồng loạn chẳng định như vậy ? Khác nào nước nổi sóng, vòng lửa xoay, khí vượn leo cây, thật đáng hổ thẹn.

Người trí nghe được việc này tất sẽ xót thương cho các Ngài. Kẻ ngu nghe biết thời tất chê cười các Ngài. Lời nói của các Ngài chẳng phải là lời của người xuất gia. Các Ngài nếu mang phải bệnh tật, ta đều có thuốc trị lành được. Nếu như mắc bệnh ma quỷ, thời anh ta là Kỳ Bà có thể trị được.

Nay các Ngài muốn lấy móng tay mà chẻ núi Tu Di, muốn dùng răng để cắn nghiền chất Kim Cang, khác nào người ngu thấy Sư Tử Vương lúc đói nằm ngủ mà muốn chọc cho thức dậy, như người lấy ngón tay muốn để trong miệng rắn độc, như muốn lấy tay đập ngọn lửa, như con chồn rừng muốn kêu rống như sư tử, như con muỗi muốn bay đua với Kim Sứy Điều, như con thỏ lội qua

biển muốn chân đụng đến đáy. Nay các Ngài cũng như vậy. Các Ngài như chiêm bao thấy hơn Sa Môn Cù Đàm, đây là mơ mộng điên cuồng, chẳng nên tin tưởng.

Nay các Ngài có quan niệm muốn tranh biện với Sa Môn Cù Đàm, khác nào con phi nga tự đập vào đồng lửa lớn. Các Ngài phải theo lời của ta chẳng cần nói nữa.

Các Ngài dầu tán thán ta là bình đẳng như cán cân, nhưng chớ để cho người ngoài nghe được lời này.

Các ngoại đạo lại thưa: Tâu Đại Vương ! Sa Môn Cù Đàm có lẽ dùng chú thuật đến bên nhà vua, nên làm cho lòng vua nghi mà chẳng tin các vị Thánh nhân này. Nhà vua chẳng nên khinh miệt chúng tôi.

Tâu Đại Vương ! Mặt trăng tròn khuyết, nước biển mặn v.v... những việc như thế ai làm ra ? Há chẳng phải hàng Bà La Môn chúng tôi ư !

Nhà vua chẳng nghe nước sông Hằng dừng ở trong lỗ tai của A Kiệt Đa Tiên trọn mười hai năm ư ? Nhà vua chẳng nghe Cù Đàm Tiên nhân cả hiện thân thông mười hai năm biến làm Đế Thích, rồi biến thân Đế Thích làm thân dê đực, biến ngàn nữ căn ở thân Đế Thích ? Nhà vua chẳng nghe Kỳ Nâu Tiên trong một ngày uống hết nước

bốn biển làm cho quả đất khô ?

Nhà vua chẳng nghe bà Tầu Tiên làm ba con mắt cho Tụ Tại Thiên ư ? Nhà vua chẳng nghe La Lã Tiên biến thành Ca La Phú làm nước mọi ư ?

Tâu Đại Vương ! Trong phái Bà La Môn có những Tiên nhân thần thông như vậy, sao nhà Vua lại khinh miệt ư ?

Vua nói:

“ Các Ngài nếu chẳng tin theo lời của ta, đức Như-Lai chánh giác hiện ở trong rừng Ta La, các Ngài có thể qua đó tùy ý vắn nạn, Đức Như-Lai cũng sẽ giải thích vừ ý các Ngài”.

Liên đó vua A Xà Thế cùng chúng ngoại đạo đến chỗ Phật. Vua đầu mặt làm lễ đi nhiễu ba vòng ngồi qua một bên bạch Phật rằng:

“ Thế Tôn ! Các nhà ngoại đạo này muốn được tùy ý vắn nạn, xin đức Như-Lai tùy ý đáp đó”.

Phật nói:

“ Này Đại Vương ! Như-Lai tự biết phải lúc”.

Trong chúng ngoại đạo có Bà La Môn Xà Đề Thủ Na

lên tiếng hỏi:

“Này Cù Đàm! Ngài nói Niết Bàn là pháp thường trụ phải chăng ?”

- Này Đại Bà La Môn ! Đúng như vậy.

- Nếu Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ thì không đúng nghĩa. Vì như những sự vật trong đời, từ hạt sanh ra trái rồi luôn chẳng dứt, như từ đất sét làm ra cái bình, từ những sợi chỉ mà có cái áo. Cù Đàm thường nói rằng tu quán tưởng vô thường chứng được Niết Bàn. Nhân là vô thường sao quả lại thường trụ ?

Cù Đàm lại nói giải thoát dục tham chính là Niết Bàn, giải thoát sắc tham và vô sắc tham chính là Niết Bàn. Dứt vô minh v.v... tất cả phiền não thì là Niết Bàn. Từ dục, sắc, nhãn, đến vô minh phiền não đều là vô thường. Nhân đã vô thường, thì quả Niết Bàn cũng phải vô thường.

Cù Đàm lại nói từ nghiệp nhân nên sanh cõi Trời, do nghiệp nhân nên sanh địa ngục, do nghiệp nhân mà được giải thoát, nên các pháp đều do nơi nhân mà sanh. Nếu đã từ nơi nhân sanh mà được giải thoát, sao lại nói Niết Bàn là thường ?

Cù Đàm cũng nói rằng sắc theo duyên mà sanh nên

gọi là vô thường, thọ, tướng, hành, thức cũng như vậy. Giải thoát như vậy, nếu là sắc thời là vô thường, nếu là thọ, tướng, hành, thức cũng là vô thường. Nếu ngoài năm ấm mà có giải thoát, thời giải thoát này chính là hư không. Nếu đã là hư không thời chẳng được nói rằng do nhân duyên sanh, vì hư không là thường là duy nhất, là khắp tất cả.

Cù Đàm cũng nói rằng: Phạm do nhân duyên sanh ra thời là khổ, nếu đã là khổ sao lại nói giải thoát là lạc.

Cù Đàm lại nói: Vô thường là khổ, khổ là vô ngã. Nếu đã là vô thường, là khổ, là vô ngã thời là bất tịnh. Tất cả những pháp do nhân duyên sanh ra, đều là vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh, sao lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã tịnh ?

Nếu Cù Đàm nói rằng cũng là thường, cũng vô thường, cũng khổ, cũng vui, cũng là ngã, cũng là vô ngã, cũng tịnh cũng bất tịnh, như thế há chẳng phải là hai lời ư ?

Tôi cũng từng nghe bậc tôn túc nói nếu Phật ra đời thời lời nói không hai. Nay Cù Đàm nói hai lời, lại xưng rằng Phật chính là thân ta đây. Xin giải thích những điều tôi đã hỏi.

Phật nói:

Này Bà La Môn ! Cứ theo lời của ông, nay tôi hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Bà La Môn ! Tánh của ông là thường hay là vô thường ?

- Tánh của tôi là thường.

Này Bà La Môn ! Tánh ấy có thể làm nhân cho tất cả pháp trong và ngoài chăng ?

- Chính thế, thưa Cù Đàm.

- Này Bà La Môn ! Tánh ấy làm nhân như thế nào ?

- Thưa Cù Đàm ! Từ tánh sanh ra đại, từ đại sanh mạn, từ mạn sanh mười sáu pháp: Năm đại là địa, thủy, hỏa, phong, không, năm tri căn là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, năm nghiệp căn là tay, chân, miệng tiếng, nam căn, nữ căn, cùng tâm bình đẳng căn. Mười sáu pháp này do năm pháp: Sắc, tinh, hương, vị, xúc sanh ra. Hai mươi một pháp này có ba pháp căn bản: Nhiễm, thô và đen. Nhiễm là ái, thô là sân, đen là vô minh. Hai mươi bốn pháp này, đều nhân nơi tánh mà sanh.

- Này Bà La Môn ! Những pháp đại, mạn v.v... là thường hay vô thường ?

- Thừa Cù Đàm theo giáo pháp của tôi thời tánh là thường, những pháp đại v.v... đều là vô thường.

- Nay Bà La Môn ! Như trong pháp của ông nhân là thường còn quả là vô thường. Trong pháp của ta dầu nhân là vô thường nhưng quả là thường, thời có lỗi gì ?

Nay Bà La Môn ! Trong pháp của các ông có hai nhân chăng ?

- Thừa Cù Đàm, có.

- Thế nào là hai ?

- Thừa Cù Đàm ! Một là sanh nhân, hai là liễu nhân.

- Thế nào là sanh nhân ? Thế nào là liễu nhân ?

- Sanh nhân như đất sét làm ra cái bình. Liễu nhân như đèn soi đồ vật.

- Hai nhân này là một tánh. Đã là một tánh có thể khiến sanh nhân làm liễu nhân chăng ? Có thể khiến liễu nhân làm sanh nhân chăng ?

- Thừa Cù Đàm ! Không.

- Nếu như sanh nhân chẳng làm liễu nhân, liễu nhân chẳng làm sanh nhân, có thể nói là nhân tướng chăng ?

- Thừa Cù Đàm ! Dầu hai nhân chẳng làm thành lẫn

nhau, nhưng vẫn có nhân tướng.

- Này Bà La Môn ! Vật của liễu nhân chiếu rõ có đồng với liễu nhân chẳng ?

- Thưa Cù Đàm ! Không.

Phật nói:

Trong pháp của ta, dầu do từ vô thường chứng đặng Niết Bàn, nhưng Niết Bàn này chẳng phải là vô thường. Do từ liễu nhân mà được nên là thường, lạc, ngã, tịnh. Do từ sanh nhân mà được nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Do đây nên đức Như-Lai nói có hai thuyết thường và vô thường. Hai thuyết này không có hai lời, nên Phật gọi là không nói hai lời.

Như lời ông nói từng nghe bậc tôn túc bảo rằng Phật ra đời không có hai lời. Lời nói trên đây rất đúng. Tất cả chư Phật mười phương ba đời không bao giờ có lời nói sai, vì có thời đồng nói có, không thời đồng nói không, nên gọi là đồng một nghĩa, do đây nên gọi Phật không nói hai lời.

Này Bà La Môn ! Đức Như-Lai dầu gọi là hai lời, nhưng vì để hiểu rõ một lời. Thế nào là hai lời để hiểu rõ một lời ? Như nhãn căn cùng sắc trần đây là hai lời, sanh

ra thức đây là một lời. Nhẫn đến ý căn cùng pháp trần sanh ra thức cũng như vậy.

- Cù Đàm khéo phân biệt được ngữ nghĩa như vậy. Nay tôi chưa hiểu dùng hai lời để hiểu rõ một lời.

Đức Thế Tôn liền vì Bà La Môn mà tuyên nói pháp tứ đế: Này Bà La Môn ! Khổ Đế cũng hai cũng một, nhẫn đến đạo đế cũng hai cũng một.

Bà La Môn thưa:

“ Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết rồi”.

- Này Thiện Nam Tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Khổ đế, tất cả phàm phu thời hai, còn Thánh nhân thời một. Nhẫn đến đạo đế cũng như vậy.

- Lành thay ! Đã hiểu.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi nghe pháp đã được chánh kiến, tôi quy y Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo. Cúi xin Đức Đại Từ cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như:

“Ông nên cạo bỏ râu tóc cho Xà Đề Thủ Na, cho ông xuất gia”.

Ngài Kiều Trần Như vâng lời Phật cạo tóc cho Xà Đề

Thủ Na. Đương lúc cạo có hai thứ rơi xuống: Một là râu tóc, hai là phiền não. Xà Đề Thủ Na liền ở nơi chỗ ngồi chứng đặng quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí Bà Trư Tra hỏi Phật:

“ Cù Đàm nói Niết Bàn là thường trụ phải chăng ?”

- Nay Phạm Chí ! Đúng như vậy.

- Cù Đàm toan chẳng nói rằng không phiền não là Niết Bàn ư ?

- Nay Phạm Chí ! Đúng như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Ở thế gian có bốn thứ gọi là không: Một là những pháp chưa có ra thời gọi là không, như cái bình lúc chưa ra khỏi viên đất thời gọi là không có cái bình. Hai là những pháp đã diệt mất gọi là không, như cái bình đã hư bể thời gọi là không. Ba là lần không có tướng loại khác mà gọi là không, như trong bò không có ngựa, trong ngựa không có bò. Bốn là rốt ráo không nên gọi là không, như lông rùa sừng thỏ.

Thưa Cù Đàm ! Nếu vì đã dứt trừ phiền não mà gọi là Niết Bàn, thời Niết Bàn là không có. Nếu đã là không Niết Bàn, sao lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Niết Bàn đây chẳng phải là

trước không có như cái bình lúc còn là viên đất, cũng chẳng phải đứt mất thành không như cái bình lúc hư bể, cũng chẳng phải rớt ráo không như lông rùa sừng thỏ. Niết Bàn này đồng với khác loại mà không.

Như lời ông nói, dầu trong bò không có ngựa, nhưng chẳng được nói rằng bò cũng là không. Dầu trong ngựa không có bò nhưng cũng chẳng được nói rằng ngựa cũng là không. Niết Bàn cũng như vậy: Trong phiền não không Niết Bàn, trong Niết Bàn không phiền não, do đây nên gọi là lẫn không có tướng khác nhau.

Thưa Cù Đàm ! Nếu cho Niết Bàn là lẫn không tướng khác nhau, sự không này không có thường, lạc, ngã, tịnh, sao Cù Đàm lại nói Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Như không tướng khác nhau của ông nói có ba thứ không: Bò, ngựa đều là trước không sau có, đây gọi là trước không ; đã có trở thành không đây gọi là hư hoại mà không ; không có tướng khác nhau thời như ông đã nói. Niết bàn không có ba tướng này, nên Niết Bàn là thường, lạc, ngã, tịnh.

Như ba thứ bệnh của người đời ; Bệnh nhiệt, bệnh phong, bệnh hàn. Ba thứ thuốc có thể trị được: Tô trị được bệnh nhiệt, dầu trị được bệnh phong, mật trị được

bệnh hàn.

Này Thiện Nam Tử ! Trong bệnh phong không có dầu, trong dầu không có bệnh phong, nên dầu có thể trị được bệnh phong. Hai thứ kia cũng như vậy.

Tất cả chúng sanh có ba thứ bệnh: Tham, sân và si. Có ba thứ pháp được trị được ba bệnh này: Bất tịnh quán là thuốc trị được bệnh tham, từ tâm quán là thuốc trị được bệnh sân, nhân duyên quán là thuốc trị được bệnh si.

Này Thiện Nam Tử ! Vì trừ tham nên quán pháp chẳng phải tham, vì trừ sân nên quán pháp chẳng phải sân, vì trừ si nên quán pháp chẳng phải si. Trong ba thứ bệnh không ba thứ thuốc pháp, trong ba thứ thuốc pháp không ba thứ bệnh.

Này Thiện Nam Tử ! Vì trong ba thứ bệnh không có ba thứ thuốc pháp, nên là vô thường, vô lạc, vô ngã, vô tịnh. Trong ba thứ thuốc pháp không có ba thứ bệnh nên được gọi là thường, lạc, ngã, tịnh.

- Bạch Thế Tôn ! Đức Như-Lai vì tôi nói thường và vô thường. Xin giải thích thế nào là thường, thế nào là vô thường ?

- Này Thiện Nam Tử ! Sắc ấm là vô thường, giải thoát

sắc ám là thường. Nhẫn đến thức ám là vô thường, giải thoát thức ám là thường.

Nếu có người nào quán sắc nhẫn đến thức là vô thường, nên biết rằng người này chứng được pháp thường trụ.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi đã biết pháp thường và pháp vô thường.

- Nay Thiện Nam Tử ! Ông rõ biết pháp thường và vô thường như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi biết sắc ám của tôi là vô thường, được giải thoát là thường, nhẫn đến thức cũng như vậy.

- Lành thay ! Nay Thiện Nam Tử ! Nay ông đã đền xong thân này.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như: Bà Trư Tra đã chứng quả A La Hán, ông nên ban cho Bà Trư Tra ba y và bát.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật trao y bát cho Bà Trư Tra.

Lãnh y bát xong, Bà Trư Tra thưa rằng: Bạch Đại Đức Kiều Trần Như ! Nay tôi do thân tỳ ác này mà được quả lành. Xin Đại Đức vì tôi đến bạch với đức Thế Tôn:

Tôi là người ác xúc phạm đến họ Cù Đàm của đức Như-Lai. Mong Đại Đức vì tôi mà sám hối tội này. Tôi cũng không thể ở lâu nơi thân ác độc này. Nay xin nhập Niết Bàn.

Ngài Kiều Trần Như liền đến bạch Phật: Thế Tôn ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra sanh lòng hổ thẹn, tự nói là hung dữ xúc phạm họ Cù Đàm của đức Như-Lai. Nay ông ấy muốn diệt thân, nhờ tôi sám hối.

Phật nói :

Này Kiều Trần Như ! Tỳ Kheo Bà Trư Tra đã thành tựu căn lành nơi vô lượng Phật quá khứ, nay thọ giáo với ta mà trụ đúng pháp, vì trụ đúng pháp nên chứng được chánh quả. Các ông phải cúng dường thân của ông ấy.

Ngài Kiều Trần Như nghe Phật dạy xong, đến nơi thân của Bà Trư Tra mà trần thiết cúng dường.

Lúc thiêu thân, Bà Trư Tra hiện các thứ thần thông.

Chúng ngoại đạo thấy việc này đồng to tiếng xưng rằng: Bà Trư Tra đã được chú thuật (của) Sa Môn Cù Đàm, chẳng bao lâu ông sẽ hơn Sa Môn Cù Đàm.

Lại có Phạm Chí Tiên Ni hỏi Phật:

Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm có ngã không ?

Đức Như-Lai nín lặng.

Tiên Ni lại hỏi:

Thưa Cù Đàm ! Cù Đàm không có ngã ư ?

Đức Như-Lai cũng nín lặng.

Tiên Ni hỏi luôn mấy lần như vậy, đức Phật đều nín lặng.

Tiên Ni nói:

Thưa Cù Đàm ! Nếu tất cả chúng sanh có ngã khắp tất cả chỗ là một tác giả, có sao Cù Đàm nín lặng chẳng trả lời ?

Phật nói:

Này Tiên Ni ! Ông nói ngã đó là khắp tất cả chỗ phải không ?

- Thưa Cù Đàm ! Chẳng những là tôi nói, mà tất cả người trí cũng nói như vậy.

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu ngã đó cùng khắp tất cả chỗ lẽ ra phải đồng thời thọ báo trong ngũ đạo. Nếu đồng thời thọ báo nơi ngũ đạo, hàng Phạm Chí các ông duyên có gì chẳng gây tạo những điều ác để khỏi địa ngục, mà lại tu những pháp lành để được thân Trời ?

- Thừa Cù Đàm ! Ngã trong giáo pháp của chúng tôi có hai thứ: Một là ngã tác thân, hai là ngã thường thân. Vì ngã tác thân mà phải lìa nghiệp ác để khỏi địa ngục, phải tu những pháp lành để được sanh lên Trời.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như ông đã nói ngã khắp tất cả chỗ. Ngã đó nếu ở trong tác thân thời là vô thường. Nếu trong tác thân không có ngã sao lại nói là khắp ?

- Thừa Cù Đàm ! Ngã của chúng tôi lập cũng ở trong tác thân, mà cũng là thường trụ. Như người lúc để lửa cháy nhà, chủ nhà chạy ra ngoài, chẳng thể nói rằng nhà cửa bị cháy chủ nhà cũng bị cháy. Ngã này cũng như vậy, đang lúc tác thân vô thường, ngã này xuất ra đi, nên ngã này cũng là khắp, cũng là thường.

- Nay Thiện Nam Tử ! Như lời ông nói ngã đó cũng khắp cũng thường, nghĩa này không đúng. Vì khắp có hai thứ: Thường và vô thường. Lại có hai thứ : Sắc và vô sắc. Do đây nên nếu nói rằng khắp tất cả thời cũng là thường cũng là vô thường, cũng là sắc cũng là vô sắc.

Nếu nói chủ nhà chạy ra khỏi nên chẳng gọi là vô thường, nghĩa này chẳng đúng. Vì nhà chẳng gọi là chủ, chủ chẳng gọi là nhà. Cái bị cháy khác, người chạy ra khác, nên được như vậy. Ngã này thời chẳng như vậy, vì

ngã là sắc, sắc là ngã, ngã là vô sắc, vô sắc là ngã, sao lại nói rằng đang lúc sắc thân vô thường ngã xuất ra khỏi.

Này Thiện Nam Tử ! Ý ông nếu cho rằng: Tất cả chúng sanh đồng một ngã, thời trái với pháp thế gian và xuất thế gian. Vì pháp thế gian có cha mẹ, con trai, con gái. Nếu ngã là một, thời cha là con trai, con trai là cha, mẹ là con gái, con gái là mẹ, thù là thân, thân là thù, đây là kia, kia là đây. Nên nếu nói rằng tất cả chúng sanh đồng một ngã thời là trái với pháp thế gian và xuất thế gian.

Tiên Ni nói:

“ Tôi chẳng nói tất cả chúng sanh đồng một ngã. Mà tôi nói mỗi người đều riêng có một ngã”.

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu ông nói một người đều riêng có một ngã, đây là nhiều ngã, thời không đúng nghĩa. Vì như trước kia ông nói, ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đã khắp tất cả thời tất cả chúng sanh lẽ ra phải đồng một nghiệp căn: Lúc được Trời mà thấy thời lúc được Phật cũng thấy, lúc được thân Trời làm, thời lúc được Phật cũng làm, nghe biết và nhận đến tất cả pháp cũng như vậy.

Nếu được thân Trời mà thấy chẳng phải là được Phật mà thấy thời chẳng nên nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu ngã chẳng khắp thời là vô thường.

- Thừa Cù Đàm ! Ngã của tất cả chúng sanh khắp tất cả. Còn pháp cùng phi pháp chẳng khắp tất cả. Do nghĩa này nên tác dụng của Phật khác, tác dụng của Trời khác. Chẳng nên nói rằng lúc Phật thấy lẽ ra Trời cũng thấy, lúc Phật nghe Trời cũng nên nghe.

- Nay Thiện Nam Tử ! Pháp và phi pháp chẳng phải là nghiệp làm ra ư ?

- Thừa Cù Đàm ! Là nghiệp làm ra.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu pháp cùng phi pháp là nghiệp làm ra thời là đồng pháp, sao nói rằng khác. Vì chỗ nghiệp của Phật có ngã của Trời, chỗ ngã của Trời có ngã của Phật, do đây nên lúc Phật tác dụng, Trời cũng tác dụng, pháp và phi pháp cũng phải như vậy.

Nay Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả chúng sanh pháp cùng phi pháp là như vậy, thời quả báo lẽ ra chẳng khác.

Nay Thiện Nam Tử ! Từ nơi nhân sanh ra quả, nhân này trọn chẳng suy nghĩ phân biệt ta chỉ nên là quả Bà La Môn, chẳng làm quả cho Sát Lợi, Tỳ Xá, Thủ Đà. Vì

từ nhân sanh ra quả trọn chẳng trở ngại đối với bốn giòng như vậy. Pháp cùng phi pháp cũng như vậy, không thể phân biệt ta chỉ nên làm quả Phật, chẳng làm quả Trời, hoặc ta chỉ làm quả Trời chẳng làm quả Phật. Vì nghiệp bình đẳng vậy.

- Thừa Cù Đàm ! Như trong một nhà có trăm ngàn ngọn đèn, ngọn đèn có khác nhưng ánh sáng thì không khác. Ngọn đèn khác nhau dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng không sai khác dụ cho ngã của chúng sanh.

- Nay Thiện Nam Tử ! Ông đem đèn sáng để dụ cho ngã đó, không được đúng nghĩa. Vì đèn khác nhà khác. Ánh sáng của đèn cũng ở bên ngọn đèn mà cũng khắp trong nhà. Ngã của ông nói nếu đồng như vậy thì bên pháp và phi pháp đều phải có ngã, trong ngã cũng phải có pháp và phi pháp. Nếu pháp cùng phi pháp không có ngã, thì chẳng được nói rằng ngã khắp tất cả chỗ. Nếu đều chung có cả, đâu đặt dùng đèn và ánh sáng để làm ví dụ.

Nay Thiện Nam Tử ! Nếu ý của ông cho rằng ngọn đèn cùng ánh sáng thật khác nhau, duyên có gì ngọn đèn thêm thì ánh sáng nhiều, ngọn đèn lụn thì ánh sáng mất. Do đây chẳng nên đem pháp cùng phi pháp dụ như

ngọn đèn, ánh sáng không khác dụ cho ngã. Vì pháp và phi pháp cùng với ngã ba thứ là một.

- Thừa Cù Đàm ! Ngài dẫn ví dụ ngọn đèn, việc đó chẳng tốt. Vì ví dụ ngọn đèn nếu là tốt thì tôi đã dẫn trước rồi. Như ví dụ đó chẳng tốt có sao Ngài lại nói ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Ví dụ ta dẫn ra đó đều chẳng làm tốt cùng chẳng tốt, đó là theo ý của ông để nói. Trong ví dụ đó cũng trình bày hai nghĩa rời ngoài ngọn đèn có ánh sáng và chính nơi ngọn đèn có ánh sáng, ý ông chẳng bình đẳng nên ông nói ngọn đèn dụ cho pháp cùng phi pháp, ánh sáng thì dụ cho ngã. Do đây nên ta trách ông: Ngọn đèn chính là ánh sáng, rời ngọn đèn có ánh sáng. Trong pháp có ngã, trong ngã có pháp, trong phi pháp có ngã, trong ngã có phi pháp. Nay có gì ông chỉ nhận lấy một bên bỏ một bên. Ví dụ như vậy là chẳng tốt đối với ông, nên nay ta trở lại dẫn ví dụ đó để dạy bảo ông.

Nay Thiện Nam Tử ! Ví dụ như vậy thì chẳng thành, vì chẳng thành ví dụ nên với ta thì tốt, mà chẳng tốt đối với ông.

Nay Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng nếu tôi chẳng tốt thì Ngài cũng chẳng tốt. Ý nghĩ này chẳng đúng, vì thấy người đời dùng sức mình để hại lấy mình,

tự mình làm ra mà người khác thọ dụng. Ví dụ của ông dẫn ra đó cũng như vậy. Nơi ta thời tốt, nơi ông thời chẳng tốt.

- Thưa Cù Đàm ! Vừa rồi Ngài trách tôi tâm chẳng bình đẳng, nay lời nói của Ngài cũng chẳng bình đẳng. Vì Ngài lấy tốt về mình, mà chẳng tốt lại để cho tôi. Cứ đây mà suy thời thật là chẳng bình đẳng.

- Nay Thiện Nam Tử ! Sự bất bình của ta có thể phá được sự bất bình của ông, do đây nên ông được bình, sự bất bình của ta chính là tốt vậy. Sự bất bình của ta phá sự bất bình của ông, làm cho ông được bình cũng chính là ta bình đẳng, vì đồng được bình đẳng với các Thánh nhân.

- Thưa Cù Đàm ! Ngã thường là bình đẳng, sao Ngài lại nói phá hoại sự bất bình của tôi. Tất cả chúng sanh bình đẳng có ngã sao Ngài nói rằng ngã là bất bình ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Ông cũng có nói rằng: Sẽ thọ quả địa ngục, sẽ thọ quả ngạ quỷ, sẽ thọ quả súc sanh, sẽ thọ quả nhân, thiên. Nếu ngã đã khắp trong ngũ đạo, sao ông lại nói sẽ thọ quả nơi các loài ?

Ông cũng nói rằng cha mẹ hòa hiệp rồi sau mới sanh con. Nếu con đã có trước, sao ông lại nói hòa hiệp rồi

mới có. Nếu một người có thân trong ngũ đạo, đã là trước có thân trong ngũ đạo, duyên có gì lại vì thân mà tạo nghiệp. Do nghĩa trên đây nên là chẳng bình đẳng.

Này Thiện Nam Tử ! Ý của ông nếu cho rằng ngã là tác giả, thời cũng chẳng đúng. Vì nếu ngã là tác giả, duyên có gì ngã lại tự làm ra sự khổ. Nhưng hiện nay chúng sanh thật có bị khổ nên biết rằng ngã chẳng phải tác giả.

Nếu ông nói sự khổ này chẳng phải ngã làm ra, chẳng do nơi nhân sanh, thời tất cả pháp cũng phải như vậy, chẳng do nhân sanh, có gì lại nói là ngã làm ra.

Này Thiện Nam Tử ! Sự khổ vui của chúng sanh thật do nơi nhân duyên. Sự khổ vui này có thể làm chúng sanh lo và mừng. Lúc lo không mừng, lúc mừng không lo, hoặc mừng hoặc lo, người trí đâu nên nói đó là thường trụ.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói ngã là thường. Nếu đã là thường, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác. Đã là thường lẽ ra chẳng có thời kỳ độn thai nhân đến thời kỳ già.

Phật pháp thường như hư không còn chẳng có một

thời kỳ, huông lại có cả mười thời kỳ !

Nếu ngã chẳng phải là thời kỳ đậu thai nhân đến chẳng phải thời kỳ già, sao lại nói có mười thời kỳ sai khác.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu ngã là tác giả, ngã này cũng có lúc thanh lúc suy, chúng sanh cũng có lúc thanh lúc suy. Nếu ngã đã như vậy sao lại là thường.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu ngã là tác giả, sao một người lại có khôn lanh, có đàn độn ? Nếu ngã là tác giả, ngã này có thể làm ra thân nghiệp và khẩu nghiệp. Thân nghiệp và khẩu nghiệp nếu là ngã làm ra, sao miệng lại nói rằng không có ngã ư ? Sao lại tự nghi có ngã hay không có ngã ?

Này Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng rời ngoài nhãn căn có sự thấy. Lời này không đúng, vì nếu ngoài nhãn căn đã riêng có sự thấy thì cần gì đến nhãn căn này ? Như nhãn căn, nhĩ căn v.v... cũng như vậy. Nếu ý ông cho rằng dầu ngã có thể thấy nhưng cần phải do nhãn căn mới thấy, nghĩa này cũng chẳng đúng. Như có người nói rằng bông Tu mạn na có thể đốt cháy cả thôn xóm lớn, tại sao có thể cháy ? Vì lửa có thể cháy. Ông lập ngã có thể thấy cũng như vậy.

- Thừa Cù Đàm ! Như người cầm liềm thời có thể cắt cỏ. Ngã nhân nơi năm căn mà có thể thấy nghe nhận đến xúc cũng như vậy.

- Nay Thiện Nam Tử ! Liềm cùng người đều khác nhau, nên người cầm liềm thời cắt được cỏ. Rời ngoài năm căn không có ngã riêng khác, sao lại nói rằng ngã nhân nơi năm căn mà có công năng ?

Nay Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng vì cầm liềm nên có thể cắt cỏ, ngã cũng như vậy. Như thế thời ngã có tay hay không tay ? Nếu có tay sao ngã chẳng tự cầm ? nếu ngã không có tay sao lại nói rằng ngã là tác giả ?

Nay Thiện Nam Tử ! Có thể cắt cỏ đó chính là cái liềm, chẳng phải ngã cũng chẳng phải người. Nếu ngã và người có thể cắt cỏ sao lại nhân nơi cái liềm !

Nay Thiện Nam Tử ! Người có hai tác động: Một là nắm lấy cỏ, hai là cầm cái liềm. Cái liềm này thời chỉ có công năng xén cắt.

Chúng sanh ngộ thấy các pháp cũng như vậy: Nhãn căn có thể thấy sắc, từ nhân duyên hòa hiệp mà có ra sự thấy đó. Nếu đã từ nhân duyên hòa hiệp, người trí sao lại nói là có ngã ?

Này Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng thân làm mà ngã thọ, cũng không đúng nghĩa. Vì trong đời không bao giờ thấy Trời tạo nghiệp mà Phật thọ quả.

Nếu nói rằng chẳng phải là thân làm, ngã chẳng phải thọ, có sao các ông lại từ nơi nhân duyên tu hành để cầu giải thoát ?

Thân này của ông trước kia chẳng phải nhân duyên sanh. Khi được giải thoát rồi cũng lẽ ra không do nhân duyên mà lại sanh ra thân. Như thân, tất cả phiền não cũng như vậy.

- Thừa Cù Đàm ! Ngã có hai thứ: Một là hữu tri, hai là vô tri. Ngã vô tri có thể thọ lấy thân, ngã hữu tri có thể rời bỏ thân. Như cái bình đất, khi đã bị nung rồi thì mất màu sắc đất, chẳng còn sanh trở lại, phiền não của người trí cũng như vậy, đã dứt mất rồi thì trọn chẳng còn sanh.

- Này Thiện Nam Tử ! Ông nói là hữu tri đó, là trí có thể biết hay ngã có thể biết ? Nếu trí có thể biết sao lại nói rằng ngã là hữu tri ? Nếu ngã có thể biết có gì phải dùng phương tiện tu hành để cầu có trí ? Nếu ý ông cho rằng ngã nhân nơi trí mà có biết thì đồng với điều dụ bông đốt cháy trước kia.

Này Thiện Nam Tử ! Như cây gai tánh của nó tự có thể đâm, chẳng được nói rằng cây cầm gai để đâm. Trí cũng như vậy: Trí tự có thể hiểu biết. Sao lại nói rằng ngã cầm lấy trí để biết ?

Này Thiện Nam Tử ! Như trong pháp của ông nói ngã được giải thoát, là ngã vô tri được giải thoát, hay là ngã hữu tri được ?

Nếu là ngã vô tri được thời phải biết rằng vẫn còn đủ phiền não. Nếu là ngã hữu tri được thời nên biết rằng đã có ngũ căn, vì ngoài ngũ căn không còn có sự biết. Nếu đã đủ ngũ căn thời sao lại nói là được giải thoát ?

Nếu cho rằng tánh của ngã này thanh tịnh rời ngoài ngũ căn, sao lại nói rằng ngã khắp trong ngũ đạo, duyên có gì tu các pháp lành để được giải thoát ?

Này Thiện Nam Tử ! Như có người nhổ gai hư không. Ông cũng như vậy: Nếu ngã đã thanh tịnh sao lại nói rằng dứt các phiền não ?

Nếu ý ông cho rằng chẳng do nhân duyên mà được giải thoát, có gì tất cả chúng sanh lại chẳng được ?

- Thừa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì có thể ghi nhớ ?

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu có ngã có gì lại quên ?

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nhớ là ngã, có gì lại nhớ những niệm ác, nhớ chỗ chẳng đáng nhớ, chẳng nhớ chỗ đáng nhớ ?

- Thưa Cù Đàm ! Nếu không có ngã thời cái gì thấy, cái gì nghe ?

- Này Thiện Nam Tử ! Trong có sáu căn, ngoài có sáu trần, căn trần hòa hiệp sanh ra sáu thức. Sáu thức này theo nhân duyên mà được có tên.

Do một thứ lửa do nơi cây mà có lửa thời gọi là lửa cây, nhân nơi cỏ thời gọi là lửa cỏ, nhân nơi trấu thời gọi là lửa trấu, nhân nơi phân bò thời gọi là lửa phân bò.

Ý thức của chúng sanh cũng như vậy: Nhân nơi nhãn căn, sắc trần, ánh sáng và tác ý thời gọi đó là nhãn thức. Nhãn thức này chẳng ở trong nhãn căn nhãn đến chẳng ở trong tác ý, do bốn thứ hòa hiệp nên sanh ra thức này. Nhãn đến ý thức cũng lại như vậy.

Nếu đã là nhân duyên hòa hiệp mà sanh ra, người trí chẳng nên nói rằng sự thấy chính là ngã, sự nghe nhãn đến chạm xúc chính là ngã.

Này Thiện Nam Tử ! Do nghĩa trên đây nên ta nói

rằng nhãn thức nhãn đến ý thức, tất cả các pháp đều là như huyễn,

Thế nào là như huyễn ? Vì trước không nay mới có, đã có rồi trở lại không.

Như tỏi, bột, mật, gừng, tiêu, tất lãng, nho, hồ đào, thạch lựu, hột quỳ, các thứ ấy hòa hiệp lại gọi là huờn thuốc hoan hỷ. Rồi ngoài sự hòa hiệp này thời không có huờn hoan hỷ.

Do căn nơi trong, trần nơi ngoài mà gọi là chúng sanh, là ngã, nhân, sĩ phu. Ngoài căn và trần này không riêng có chúng sanh, ngã, nhân, sĩ phu.

- Thừa Cù Đàm ! Nếu không có ngã, sao lại nói rằng : Ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui, ta lo, ta mừng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu cho rằng ta thấy, ta nghe v.v... gọi là có ngã đó, có gì người đời, lại nói rằng tội của người làm ra chẳng thấy nghe ?

Như bốn đoàn binh hiệp lại gọi là quân đoàn, bốn đoàn binh chẳng gọi là một, mà cũng nói rằng quân ta mạnh mẽ quân ta thắng địch.

Nội căn ngoại trần hòa hiệp làm ra cũng như vậy, dầu chẳng phải là một, nhưng cũng được nói rằng: Ta làm, ta

thọ, ta thấy, ta nghe, ta khổ, ta vui.

- Thừa Cù Đàm ! Cứ như lời Ngài: “ Nội căn và ngoại trần hòa hiệp”, thời ai ra tiếng nói rằng: Ta làm ta thọ ?

- Nay Tiên Ni ! Từ ái vô minh nhân duyên sanh ra nghiệp, từ nghiệp sanh ra hữu, từ hữu xuất sanh vô lượng tâm sở, tâm sở sanh ra giác quán, giác quán động đến hơi gió, hơi gió theo tâm chạm xúc cổ, họng, lưỡi, răng, môi, chúng sanh điên đảo phát ra tiếng nói rằng: Ta làm, ta thọ, ta thấy, ta nghe.

Này Thiện Nam Tử ! Như cái linh đầu cột phướn, do gió động bèn phát ra tiếng, gió lớn thời tiếng lớn, gió nhỏ thời tiếng nhỏ, không có tác giả.

Lại như sắt nóng ném vào trong nước phát ra nhiều tiếng, nơi đây thật ra cũng không có tác giả.

Này Thiện Nam Tử ! Phạm phu không thể tư duy phân biệt việc như vậy, nên nói rằng có ngã và ngã sở, ngã tác, ngã thọ.

Như Cù Đàm nói không có ngã và ngã sở, duyên có gì Ngài lại nói có thường, lạc, ngã, tịnh ?

Này Thiện Nam Tử ! Ta chẳng nói sáu căn sáu trần và sáu thức là thường, lạc, ngã, tịnh. Mà ta tuyên bố rằng

diệt sáu thức do nội căn ngoại trần sanh ra gọi đó là thường, do thường đây mà gọi đó là ngã, vì có thường ngã nên gọi là lạc, vì có thường lạc nên gọi là tịnh.

Này Thiện Nam Tử ! Chúng sanh nhàm sự khổ mà dứt khổ nhân này, được xa lìa tự tại đây gọi là vô ngã. Do nhân duyên này nên nay ta thiết thật nói rằng thường, lạc, ngã, tịnh.

Tiên Ni thưa rằng: Bạch Thế Tôn ! Xin đức Đại Từ dạy bảo cho tôi phải làm thế nào để được thường, lạc, ngã, tịnh như vậy.

- Này Thiện Nam Tử ! Từ trước đến nay tất cả thế gian có đủ sự ngã mạn lớn, lại tăng trưởng ngã mạn, cũng lại làm ra mạn nhân, mạn nghiệp, nên nay thọ lấy quả báo của mạn, không thể xa lìa tất cả phiền não để được thường, lạc, ngã, tịnh.

Nếu chúng sanh muốn được xa lìa tất cả phiền não, trước hết phải xa lìa ngã mạn.

- Bạch Thế Tôn ! Phải lắm ! Phải lắm ! Đúng như lời Phật dạy. Từ trước tôi có ngã mạn, do ngã mạn nên gọi đức Như-Lai là Cù Đàm. Nay tôi đã lìa ngã mạn đó nên thành tâm thỉnh cầu giáo pháp: Làm thế nào sẽ được

thường, lạc, ngã, tịnh.

- Này Thiện Nam Tử ! Lóng nghe ! Lóng nghe ! Ta sẽ giải thuyết cho ông.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu người có thể chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, xa lìa pháp này.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rõ, đã được chánh pháp nhãn.

- Này Thiện Nam Tử ! Do đâu mà ông nói rằng đã biết, đã hiểu, đã được chánh pháp nhãn.

- Bạch Thế Tôn ! Sắc ấm chẳng phải tự, chẳng phải tha, chẳng phải chúng sanh, thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy. Tôi quán sát như vậy mà được chánh pháp nhãn.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất muốn xuất gia tu học, xin đức Như-Lai nhận cho.

Đức Phật gọi: “ Thiện Lai Tỳ Kheo !”

Liền đó Tiên Ni được đầy đủ phạm hạnh thanh tịnh chứng quả A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí họ Ca Diếp lên tiếng rằng: Thừa Cù Đàm ! Thân tức là mạng, hay là thân khác mạng khác ?

Đức Như-Lai nín lặng.

Phạm Chí hỏi lần thứ hai, lần thứ ba, đức Như-Lai vẫn nín lặng.

Phạm Chí lại nói: Thưa Cù Đàm ! Như người lúc chết chưa thọ lấy thân sau, chặng giữa đó đâu được chặng gọi rằng thân khác mạng khác. Nếu là khác tại sao Cù Đàm nín lặng chặng trả lời ?

- Này Thiện Nam Tử ! Ta nói thân và mạng đều từ nhân duyên, chặng phải là không nhân duyên. Như thân mạng tất cả pháp cũng như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Tôi thấy thế gian cũng có pháp không từ nhân duyên.

Này Phạm Chí ! Ông thấy thế gian có pháp chặng từ nhân duyên như thế nào ?

- Tôi thấy lửa lớn đốt cháy lùm cây, gió thổi bức ngọn lửa rớt ở chỗ khác, đây há chặng gọi là không nhân duyên ư ?

- Này Thiện Nam Tử ! Lửa này cũng từ nhân mà sanh, chặng phải là không nhân.

Thưa Cù Đàm ! Lúc ngọn lửa bức bay đi chặng nhân củi than, sao lại nói rằng từ nơi nhân mà sanh.

Này Thiện Nam Tử ! Dầu không củi than nhưng nhân gió mà đi, do gió nên ngọn lửa đó chẳng tắt.

- Thừa Cù Đàm ! Nếu người chết lúc chưa thọ thân sau, thọ mạng ở chặng giữa cái gì làm nhân duyên ?

- Này Phạm Chí ! Chính vô minh cùng ái làm nhân duyên mà thọ mạng này được còn.

Này Thiện Nam Tử ! Vì có nhân duyên nên thân là mạng, mạng là thân, vì có nhân duyên nên thân khác, mạng khác. Người trí chẳng nên một bề nói rằng thân khác mạng khác.

- Bạch Thế Tôn ! Xin giải thuyết cho tôi rõ biết được nhân quả.

- Này Phạm Chí ! Nhân là ngũ ấm, quả cũng là ngũ ấm.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có chúng sanh chẳng đốt lửa thời không khói.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu rồi.

Này Thiện Nam Tử ! Ông hiểu biết như thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Lửa là nói phiền não có thể đốt cháy nơi địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên. Khói là nói

quả báo phiền não: Vô thường, bất tịnh, hôi nhơ đáng ghét đáng nhàm. Nếu chúng sanh chẳng khởi phiền não thì không có quả báo của phiền não. Do đây nên đức Như-Lai nói không đốt lửa thì không có khói.

Bạch Thế Tôn ! Tôi đã được chánh kiến xin thương xót cho tôi xuất gia.

Đức Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí này xuất gia thọ giới.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật hòa hiệp chúng Tăng cho Phạm Chí xuất gia thọ giới Cụ Túc. Năm ngày sau, Phạm Chí này chứng được A La Hán.

Trong chúng ngoại đạo lại có Phạm Chí Phú Na lên tiếng rằng: “ Thưa Cù Đàm ! Ngài thấy thế gian là pháp thường trụ mà nói là thường phải chăng ?

Nghĩa như vậy là thật hay hư ? Là thường hay vô thường ? Là cũng thường, vô thường ? Là chẳng phải thường, chẳng phải vô thường ? Là hữu biên, là vô biên ? Là cũng hữu biên cũng vô biên ? Là chẳng phải hữu biên, chẳng phải vô biên ? Là thân là mạng ? Thân khác mạng khác ? Như-Lai sau khi diệt độ, như mà đi hay chẳng như mà đi ? Cũng như mà đi cũng chẳng như mà đi ? Chẳng

phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi ?

- Này Phú Na ! Ta chẳng nói thế gian là thường, là hư, là thật, là vô thường v.v... nhĩn đến cũng chẳng nói chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi.

- Thưa Cù Đàm ! Nay thấy tội lỗi gì mà Ngài chẳng nói như vậy ?

- Này Phú Na ! Nếu có người nói rằng thế gian là thường, chỉ đây là chân thật ngoài ra đều là vọng ngữ. Quan niệm này gọi là kiến, chỗ bị thấy gọi là kiến hành, gọi là kiến nghiệp, gọi là kiến trước, gọi là kiến phược, gọi là kiến khổ, gọi là kiến thủ, gọi là kiến bố, gọi là kiến nhiệt, gọi là kiến triền.

Này Phú Na ! Phàm phu bị kiến chấp ràng buộc nên không thể xa lìa sanh, già, bệnh, chết mà lưu chuyển trong sáu đường, thọ vô lượng sự khổ. Nhĩn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi cũng như vậy.

Này Phú Na ! Ta thấy kiến chấp này có lỗi như vậy, nên ta chẳng chấp trước, cũng chẳng nói với người.

- Thưa Cù Đàm ! Nếu thấy tội lỗi như vậy mà chẳng chấp trước chẳng nói. Nay Cù Đàm thấy gì ? Trước gì ?

Tuyên thuyết những gì ?

Này Thiện Nam Tử ! Luận về người kiến trước gọi là pháp sanh tử. Như-Lai đã rời pháp sanh tử nên chẳng kiến trước. Như-Lai gọi là năng kiến, năng thuyết, mà chẳng phải là chấp trước.

- Thưa Cù Đàm ! Thế nào là năng kiến ? Thế nào là năng thuyết ?

- Này Thiện Nam Tử ! Ta có thể thấy rõ khổ tập diệt đạo, ta phân biệt tuyên thuyết bốn đế lý này như vậy. Vì ta thấy như vậy nên xa lìa được tất cả kiến chấp, tất cả ái, tất cả lưu, tất cả mạn. Do đây nên ta có đủ phạm hạnh thanh tịnh, tịch tịnh, Vô Thượng, được thân thường trụ. Thân đây chẳng phải đông tây nam bắc.

- Thưa Cù Đàm ! Có gì thân thường trụ chẳng phải đông tây nam bắc ?

- Này Thiện Nam Tử ! Nay ta hỏi ông tùy ý ông đáp.

Này Thiện Nam Tử ! Như ở trước ông đốt đồng lửa lớn, đang lúc lửa cháy ông có biết là lửa cháy không ?

- Tôi biết là lửa cháy.

- Lúc lửa tắt ông có biết là lửa tắt không ?

- Tôi biết là lửa tắt.

- Này Phú Na ! Nếu có người hỏi ông đồng lửa trước mặt ông từ đâu mà cháy ? Tắt rồi đi về đâu ? Thời ông sẽ đáp thế nào ?

- Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng: Lúc lửa này có ra là nhờ các duyên. Duyên cũ đã hết, duyên mới chưa đến thời lửa này phải tắt.

- Này Phú Na ! Nếu họ lại hỏi lửa này đã tắt đi đến chỗ nào ? Thời ông sẽ đáp ra sao ?

- Thưa Cù Đàm ! Tôi sẽ đáp rằng: Duyên hết nên tắt chẳng đến chỗ nào.

- Này Thiện Nam Tử ! Như-Lai cũng như vậy. Sắc vô thường nhẫn đến thức vô thường do ái mà cháy lên, vì cháy lên mà phải thọ lấy thân trong hai mươi lăm cõi. Lúc cháy lên đó có thể nói là Đông, Tây, Nam, Bắc. Hiện tại ái đã diệt, quả báo hai mươi lăm cõi chẳng còn cháy, vì chẳng cháy nên không thể nói là có Đông, Tây, Nam, Bắc...

Này Thiện Nam Tử! Như-Lai đã dứt sắc ấm vô thường nhẫn đến dứt thức ấm vô thường, nên thân của Như-Lai là thường trụ. Thân đã là thường chẳng nói rằng

có Đông, Tây, Nam, Bắc.

Phú Na thưa rằng: Xin trình bày một ví dụ, mong Thế Tôn nghe cho.

- Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ tùy ý mà nói.

- Bạch Thế Tôn ! Như ngoài thôn lớn có rừng Ta La, trong rừng có một cây mọc trước khi thành rừng đủ một trăm năm. Lúc đó chủ rừng lấy nước tưới cây này, theo thời tiết mà săn sóc. Cây này già, mục, vỏ, lá, nhánh đều rơi rớt chỉ còn lõi chắc.

Đức Như-Lai cũng như vậy: Tất cả những gì có đã cũ, hư thảy đều trừ hết, chỉ còn có tất cả pháp chân thật.

Bạch Thế Tôn ! Nay tôi rất thích xuất gia tu hành.

Phật bảo:

“Thiện Lai Tỳ Kheo !”

Vừa dứt tiếng, Phú Na liền biến thành tướng Tỳ Kheo, dứt hết phiền não, chứng được quả A La Hán.

Lại có Phạm Chí tên Thanh Tịnh lên tiếng rằng: “Thưa Cù Đàm ! Do chẳng biết pháp gì mà tất cả chúng sanh thấy thế gian là thường, là vô thường, cũng thường, cũng vô thường, chẳng phải thường, chẳng phải vô

thường, nhãn đến chẳng phải như mà đi, chẳng phải chẳng như mà đi ?”

- Nay Thiện Nam Tử ! Vì chẳng biết sắc, nhãn đến chẳng biết thức nên thấy thế gian là thường, nhãn đến thấy chẳng phải chẳng như mà đi.

- Thưa Cù Đàm ! Do chúng sanh biết pháp gì mà chẳng thấy thế gian là thường, nhãn đến chẳng thấy chẳng phải, chẳng phải chẳng như mà đi ?

Nay Thiện Nam Tử ! Vì biết sắc, thọ, tưởng, hành, thức nên chẳng thấy thế gian là thường, nhãn đến chẳng thấy, chẳng phải chẳng như mà đi.

- Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi mà giải thuyết thế gian là thường cùng vô thường.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu người bỏ nghiệp cũ chẳng gây tạo nghiệp mới, người này có thể biết thường cùng vô thường.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết.

- Nay Thiện Nam Tử ! Ông thấy biết thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Cũ là nói vô minh cùng ái, mới là nói thủ và hữu. Nếu người xa lìa vô minh ái này mà chẳng gây tạo thủ và hữu, người này thật biết thường và

vô thường.

Nay tôi đã được pháp nhãn thanh tịnh, quy y Tam Bảo. Xin đức Như-Lai cho tôi xuất gia.

Phật bảo Kiều Trần Như cho Phạm Chí Thanh Tịnh này xuất gia.

Ngài Kiều Trần Như tuân lời Phật, dắt Thanh Tịnh đến trong Tăng làm pháp Yết Ma cho xuất gia. Sau đó mười lăm ngày, Tỳ Kheo Thanh Tịnh dứt hết phiền não chứng quả A La Hán.

Phạm Chí Độc Tử thưa rằng:

“Thưa Cù Đàm ! Nay tôi muốn hỏi Ngài có cho phép chăng ?”

Đức Như-Lai nín lặng.

Thưa lần thứ hai lần thứ ba, Đức Như-Lai vẫn nín lặng.

Độc Tử thưa rằng: “Từ lâu tôi cùng Ngài vẫn là thân hữu, Ngài cùng tôi nghĩa không có khác, nay tôi muốn hỏi han, có sao Ngài nín lặng ?”

Lúc đó Đức Thế Tôn nghĩ rằng:

“Phạm Chí này tánh tình nhu nhã thuận thiện ngay

thẳng. Thường vì muốn hiểu biết mà đến thưa hỏi, chẳng phải vì não loạn. Nếu ông ấy có hỏi, ta nên tùy ý đáp”.

Suy nghĩ xong, Phật nói rằng:

Lành thay ! Lành thay ! Ông cứ theo chỗ nghi mà hỏi ta sẽ giải đáp cho.

Độc Tử thưa rằng:

“ Thế gian có pháp lành chẳng ?”

- Này Phạm Chí ! Thế gian có pháp lành.

- Thưa Cù Đàm ! Thế gian có pháp chẳng lành chẳng ?

- Này Phạm Chí ! Thế gian có pháp chẳng lành.

- Xin Cù Đàm vì tôi mà giảng nói, cho tôi biết pháp lành và pháp chẳng lành.

- Này Thiện Nam Tử ! Ta có thể phân biệt giảng rộng nghĩa đó. Nay sẽ vì ông mà nói lược.

- Này Thiện Nam Tử ! Dục gọi là pháp chẳng lành, giải thoát dục gọi là pháp lành. Sân cùng si cũng như vậy. Sát sanh là pháp chẳng lành, chẳng sát sanh là pháp lành, nhẫn đến tà kiến cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Ta đã vì ông mà nói ba thứ pháp lành cùng chẳng lành và nói mười thứ pháp lành cùng

chẳng lành. Nếu hàng đệ tử của ta có thể hiểu biết ba thứ
nhẫn đến mười thứ pháp lành cùng chẳng lành như vậy,
phải biết rằng người này có thể dứt hết tham sân, si tất cả
phiền não, dứt tất cả quả báo sanh tử.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo
nào được như vậy chăng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp chẳng phải
chỉ có một hai người nhẫn đến trăm ngàn người, mà có
vô lượng Tỳ Kheo dứt được tham, sân, si tất cả phiền não,
tất cả quả báo sanh tử như vậy.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có một Tỳ Kheo
Ni nào được như vậy chăng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp đây cũng có
vô lượng Tỳ Kheo Ni dứt được tham, sân, si tất cả phiền
não, tất cả quả báo sanh tử.

- Thưa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc nào
siêng năng giữ giới dứt được lưới nghi chăng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp của ta có vô
lượng Ưu Bà tắc tinh tấn giữ giới thanh tịnh, dứt được
năm phẩm kiết sử bậc hạ, được quả A Na Hàm, dứt được
lưới nghi.

- Thừa Cù Đàm ! Trong Phật pháp có Ưu Bà Di nào tinh cần trì giới thanh tịnh dứt được lưới nghi chăng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp ta có vô lượng Ưu Bà Di tinh cần trì giới thanh tịnh dứt năm phẩm kiết sử bậc hạ, dứt được lưới nghi, chứng quả A Na Hàm.

- Thừa Cù Đàm ! Ngoài những vị trên, trong Phật pháp có Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di nào hưởng lạc thú ngũ dục mà tâm dứt được lưới nghi chăng ?

- Nay Thiện Nam Tử ! Trong Phật pháp ta vô lượng Ưu Bà Tắc cũng như Ưu Bà Di dứt ba phẩm kiết sử được quả Tu Đà Hoàn. Người tham, sân, si mỏng thời được quả Tư Đà Hàm.

- Bạch Thế Tôn ! Nay tôi thích nói thí dụ, xin Ngài cho phép.

- Lành thay ! Ông thích nói thời cứ nói.

- Bạch Thế Tôn ! Như Long Vương Nan Đà và Bạt Nan Đà bình đẳng mưa to. Pháp dụ của Như-Lai cũng như vậy, bình đẳng mưa xuống hàng Ưu Bà Tắc và Ưu Bà Di.

Bạch Thế Tôn ! Nếu hàng ngoại đạo muốn đến Phật pháp để xuất gia, chẳng rõ đức Như-Lai thử họ trong mấy

tháng ?

- Này Thiện Nam Tử ! Thử họ trong bốn tháng, nhưng bất tất hết thảy đều một hạng.

- Bạch Thế Tôn ! Nếu chẳng đều một hạng, xin đức Đại Từ cho tôi xuất gia.

Đức Thế Tôn bảo Kiều Trần Như cho Độc Tử xuất gia thọ giới.

Sau đó mười lăm ngày, Độc Tử được quả Tu Đà Hoàn.

Độc Tử nghĩ rằng nếu người có trí huệ do nơi học mà được, nay tôi đã được có thể đến ra mắt Phật.

Liên đến lễ Phật bạch rằng:

“Thế Tôn ! Những người có trí huệ từ nơi học mà được, nay tôi đã được. Xin đức Thế Tôn vì tôi mà giảng thuyết cho tôi được trí huệ vô học.

- Này Thiện Nam Tử ! Ông nên tinh tấn tu tập hai pháp: Chỉ và quán. Nếu có Tỳ Kheo muốn được quả Tu Đà Hoàn cũng phải siêng tu tập hai pháp như vậy. Nếu muốn được quả Tư Đà Hàm, A Na hàm, A La Hán cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Tỳ Kheo muốn được tứ thiên, tứ vô lượng tâm, lục thần thông, bát bội xả, bát thắng xứ, vô tránh trí, đánh trí, tất cánh trí, tứ vô ngại trí, Kim Cang tam muội, tận trí, vô sanh trí, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu muốn được bậc Thập Trụ, vô sanh pháp nhẫn, vô tướng pháp nhẫn, bất khả tư nghĩ pháp nhẫn, Thánh hạnh, phạm hạnh, thiên hạnh, Bồ Tát hạnh, hư không tam muội, trí ấn tam muội, không vô tướng, vô tác tam muội, địa tam muội, bất thối tam muội, Thủ Lăng Nghiêm tam muội, Kim Cang tam muội, Vô Thượng Bồ Đề Phật hạnh, cũng phải tu tập hai pháp như vậy.

Độc Tử nghe xong lễ Phật lui ra, ở trong rừng Ta La tu tập hai pháp chỉ quán, chẳng bao lâu được quả A La Hán.

Lúc đó lại có vô lượng Tỳ Kheo muốn đến chỗ Phật. Độc Tử hỏi rằng:

Chư Đại Đức muốn đến đâu ?

Các Tỳ Kheo nói:

Chúng tôi muốn đến Phật.

Độc Tử lại nói:

Nếu chư Đại Đức đến chỗ Phật, xin vì tôi bạch cùng Phật rằng: Độc Tử Tỳ Kheo đã tu tập hai pháp chỉ quán được trí vô học, nay báo ơn Phật mà nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo đem lời này đến bạch cùng Phật.

Phật bảo các Tỳ Kheo: Nay các Thiện Nam Tử ! Độc Tử đã được quả A La Hán, các ông nên đến cúng dường thân thể của Độc Tử.

Các Tỳ Kheo tuân lời Phật trở về cúng dường thi hài của Độc Tử.

Nạp Y Phạm Chí lại lên tiếng hỏi Phật: Thừa Cù Đàm ! Như lời Cù Đàm nói trong vô lượng đời làm điều lành, điều chẳng lành, đời vị lai trở lại được thân lành thân chẳng lành. Theo ý tôi, lời trên đây không đúng.

Vì như Cù Đàm từng nói nhân phiền não mà cảm lấy thân này. Đã nhân nơi phiền não mà có thân, thời thân có trước hay phiền não có trước ? Nếu phiền não có trước thời ai làm và ở chỗ nào ? Nếu thân có trước thời sao lại nói nhân phiền não mà có thân ? Do đây nên nếu nói phiền não ở trước hay thân ở trước đều không được. Nếu nói đồng một thời cũng chẳng được. Thế là hoặc trước,

hoặc sau, hoặc đồng một thời, đều chẳng được. Do đây nên tôi nói tất cả pháp đều có tự tánh chẳng phải từ nơi nhân duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại cũng là tánh của địa đại, ướt là tánh của thủy đại, nóng là tánh của hỏa đại, động là tánh của phong đại, không chướng ngại là tánh của hư không, tánh của năm đại này chẳng phải từ nhân duyên mà có. Nếu trong thế gian có tánh của một pháp chẳng phải từ nhân duyên mà có, thì tánh của tất cả pháp cũng phải như vậy. Nếu có một pháp từ nơi nhân duyên, có gì tánh của ngũ đại lại chẳng từ nơi nhân duyên ?

Thưa Cù Đàm ! Chúng sanh mà có thân lành, thân chẳng lành, hoặc được giải thoát đều là tự tánh cả, chẳng phải từ nơi nhân duyên. Nên tôi nói rằng tất cả các pháp do tự tánh mà có, chẳng phải là nhân duyên sanh.

Thưa Cù Đàm ! Pháp thế gian có chỗ dùng nhất định, như người thợ nói cây này có thể làm xe cộ, cây này có thể làm cửa, làm ván, làm giường, làm ghế. Lại như thợ kim hoàn làm ra những đồ trang sức: Đội trên trán thời gọi là tràng, đeo dưới cổ thời gọi là chuỗi, đeo trên tay thời gọi là xuyên, đeo nơi ngón tay thời gọi là nhẫn. Vì chỗ dùng nhất định nên gọi là định tánh. Do đây biết rằng

tất cả chúng sanh cũng như vậy: Vì có tánh ngũ đạo nên có địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nhân, thiên. Nếu đã như vậy sao lại nói rằng từ nơi nhân duyên.

Thưa Cù Đàm ! Lại tất cả chúng sanh tánh của họ đều khác, nên gọi là tất cả tự tánh. Như con rùa sanh trên đất cao mà nó tự có thể lặn xuống nước, bò con lúc sanh ra nó tự có thể uống sữa, cá thấy môi tự nhiên nuốt ăn, rắn độc lúc sanh ra tự nhiên ăn đất, những việc như vậy có ai dạy bảo ? Như gai sanh ra tự nhiên đầu nhọn, lông cánh của loài chim bay tự nhiên có màu sắc riêng khác. Chúng sanh trong thế gian cũng như vậy: Có khôn lanh, có đần độn, có giàu, có nghèo, có đẹp, có xấu, có người được giải thoát, có kẻ chẳng được. Do đây nên biết trong tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

Thưa Cù Đàm ! Lại như Ngài từng nói tham, sân, si từ nơi nhân duyên mà sanh, ba món độc này do nơi năm trần làm duyên. Theo ý tôi lời trên đây không đúng.

Vì chúng sanh lúc ngũ xa lìa năm trần mà cũng vẫn sanh tham, sân, si. Lúc ở trong thai cũng vậy. Lúc mới ra khỏi thai chưa phân biệt được năm trần là tốt hay xấu mà cũng sanh lòng tham, sân, si. Các vị Tiên Nhân ở nơi chỗ vắng vẻ. Không có ngũ trần mà cũng sanh tham, sân, si.

Lại cũng có người nhân nơi năm trần mà sanh vô tham, vô sân, vô si. Do đây nên bất tất từ nơi nhân duyên sanh ra tất cả pháp, vì tự tánh nó sẵn như vậy.

Thưa Cù Đàm ! Tôi lại thấy trong đời có người căn thân chẳng đầy đủ mà giàu có thế lực lớn, có người thân thể hoàn bị mà nghèo cùng hèn hạ làm tôi làm tớ. Nếu có nhân duyên có sao lại như vậy ? Do đây nên các pháp đều riêng có tự tánh chẳng phải do nhân duyên.

Thưa Cù Đàm ! Trong đời những trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần, chúng nó hoặc cười hoặc khóc. Lúc cười biết nó mừng, lúc khóc biết nó buồn. Do đây nên biết tất cả pháp đều riêng có tự tánh.

- Thưa Cù Đàm ! Thế pháp có hai: Có và không. Có là hư không, không là sừng thỏ. Hư không vì là có nên chẳng từ nơi nhân duyên, sừng thỏ vì là không nên cũng chẳng từ nơi nhân duyên. Do đây nên biết các pháp có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên.

Phật nói:

“ Này Thiện Nam Tử ! Như lời ông nói tất cả pháp cũng như tánh của năm đại. Nghĩa này không đúng.

Vì như trong pháp của ông cho năm đại là thường,

duyên có gì mà tất cả pháp đều chẳng phải là thường ? Nếu sự vật trong đời là vô thường, tánh của năm đại này duyên có gì chẳng phải vô thường. Nếu năm đại là thường thời lẽ ra sự vật trong đời cũng là thường. Do đây nên ông nói tánh của năm đại vì có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên, khiến tất cả pháp đồng như năm đại, thời không đúng nghĩa.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói vì chỗ dùng nhất định nên có tự tánh, nghĩa này không đúng. Vì tất cả đồ dùng đều từ nơi nhân duyên mà được có danh tự, nếu đã từ nhân duyên có danh tự, thời cũng từ nhân duyên mà có nghĩa.

Thế nào gọi là từ nhân duyên mà có danh tự ? Như đồ trang sức ở trên trán thời tên là tràng, ở dưới cổ thời tên là chuỗi, ở nơi tay thời gọi là xuyên và như ở nơi xe thời tên là bánh xe, lửa ở nơi cỏ cây thời tên là lửa cỏ, lửa cây.

Này Thiện Nam Tử ! Cây gỗ lúc mới sanh không có tánh mũi tên và cây lao. Vì từ nơi nhân duyên thợ đẽo làm mũi tên, vì từ nơi nhân duyên thợ đẽo làm cây lao. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp là có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói như con rùa sanh trên

đất mà tánh tự nó có thể lặn xuống nước, bò con mới sanh ra tánh nó có thể uống sữa, lời này không đúng. Vì nó chẳng phải nhân duyên mà rùa tự xuống nước, sao rùa lại chẳng vào lửa ? Đây là vì đều chẳng phải nhân duyên. Bò con lúc sanh ra chẳng từ nơi nhân duyên mà tánh nó tự có thể mút vú, sao bò con chẳng tự mút sừng ? Đây là đều chẳng phải nhân duyên cả.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh, chẳng cần dạy bảo tập làm, không có thêm lên, lời này không đúng nghĩa. Vì hiện nay thấy có sự dạy bảo, nhân nơi dạy bảo mà được thêm lên. Do đây nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả pháp có tự tánh riêng, thời hàng Bà La Môn chẳng nên vì được thân thanh tịnh mà giết dê để cúng tế, nếu đã vì thân mà cúng tế thời nên biết rằng không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Ngũ pháp của thế gian đại phạm có ba thứ: Muốn làm, lúc làm, làm rồi. Nếu tất cả pháp đều có tự tánh cơ sao thế gian lại có ba ngũ pháp này ? Đã có ba ngũ pháp này nên biết tất cả pháp đều không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói các pháp đều có tự tánh,

nên biết các pháp đều có định tánh. Nếu có định tánh thì một thứ mía duyên có gì làm ra mật mía, đường, rượu, rượu đắng. Nếu chỉ có một tự tánh duyên có gì lại sanh ra nhiều vị như vậy ?

Nếu trong một thứ mà sanh ra nhiều thứ thì nên biết rằng các pháp chẳng phải là nhất định riêng có một tự tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu tất cả pháp có tánh nhất định, có gì Thánh nhân uống nước mía, ăn đường, lúc thành rượu thì chẳng uống, lúc thành rượu đắng lại uống ? Do đây nên biết không có tánh nhất định. Nếu đã không tánh nhất định tại sao lại chẳng phải từ nhân duyên mà có ?

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói tất cả pháp đều có tự tánh, tại sao ông lại nói thí dụ ? Nếu đã có thí dụ thì nên biết rằng các pháp không có tự tánh. Người trí trong đời đều nói thí dụ, nên biết rằng các pháp không có tự tánh không có tánh nhất định.

Này Thiện Nam Tử ! Ông gạn hỏi thân có trước hay phiền não có trước, lời hỏi này không đúng. Vì nếu ta nói thân có trước, ông mới nên vấn nạn. Ông cũng đồng như ta cho thân chẳng có trước có gì lại vấn nạn như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Tất cả chúng sanh, thân cùng phiền não đều không có trước sau, là đồng một thời mà có. Dầu đồng một thời nhưng phải nhân nơi phiền não mà được có thân, trọn chẳng nhân nơi thân mà có phiền não.

Nếu trong ý ông cho rằng như đôi mắt của người đồng thời mà có, mắt tả chẳng nhân hữu, mắt hữu chẳng nhân mắt tả, phiền não và thân cũng như vậy. Ý nghĩ này chẳng đúng. Vì trong đời con mắt ngó thấy ngọn đèn cùng ánh sáng dầu là đồng một thời, nhưng ánh sáng cần phải nhân nơi ngọn đèn, chẳng phải nhân nơi ánh sáng mà có ngọn đèn.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu ý ông cho rằng vì thân chẳng có trước nên biết là không nhân duyên ý này chẳng đúng. Vì nếu cho rằng trước thân không có nhân duyên nên gọi là không, thời ông chẳng nên nói tất cả các pháp không có nhân duyên. Nếu nói vì chẳng thấy nên chẳng nói, nay thấy cái bình v.v... từ nơi nhân duyên mà có, có sao chẳng nói như cái bình, nhân duyên ở trước thân cũng như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Thấy cùng chẳng thấy, tất cả các pháp có ra đều từ nơi nhân duyên, không có tự tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói tất cả pháp đều có tự tánh không do nhân duyên, có gì ông lại nói năm đại ? Tánh của năm đại này chính là nhân duyên. Dầu năm đại là nhân duyên như vậy, cũng chẳng nên nói rằng các pháp đều đồng năm đại làm nhân duyên. Như người đời nói tất cả người xuất gia tinh tấn trì giới, bọn Chiên Đà La cũng phải tinh tấn trì giới như vậy.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói năm đại có tánh chắc nhất định. Theo ta thấy thời tánh này chuyển biến chẳng nhất định. Tô, bạch lạp, hồ giao, những thứ này trong pháp của ông gọi là địa, địa này chẳng nhất định, hoặc đồng với nước, hoặc đồng với đất, nên chẳng được nói rằng tự tánh cứng chắc.

Này Thiện Nam Tử ! Nhôm, chì, kẽm, đồng, sắt, vàng, bạc, những thứ này trong pháp của ông gọi là hỏa. Hỏa này có bốn tánh: Lúc chảy là tánh nước, lúc động là tánh gió, lúc nóng là tánh lửa, lúc cứng là tánh đất, sao lại nói rằng nhất định gọi là hỏa tánh.

Này Thiện Nam Tử ! Tánh của nước gọi là chảy, nếu lúc nước đông cứng chẳng gọi là địa mà gọi là hỏa tánh, có gì lúc sóng động chẳng gọi là phong ? Nếu nổi sóng chẳng gọi là phong, thời lúc đông đặc cũng chẳng nên

gọi là hỏa. Nếu bốn tánh này từ nơi nhân duyên, có sao nói rằng tất cả pháp chẳng từ nơi nhân duyên ?

Này Thiện Nam Tử ! Nếu nói rằng năm căn, vì tánh nó hay thấy, nghe, giác, xúc, nên đều là có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên. Lời này không đúng nghĩa. Vì tánh của tự tánh là không thể chuyển đổi. Nếu nói tánh của nhãn căn là thấy, lẽ ra phải thường thấy, chẳng nên có lúc thấy, có lúc chẳng thấy. Do đây nên biết rằng nhãn căn thấy là có nhân duyên, chẳng phải không nhân duyên.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói chẳng phải nhân nơi trần mà có tham cùng giải thoát, lời này không đúng nghĩa. Vì dầu chẳng phải do nơi năm trần mà có tham cùng giải thoát, nhưng vì ác giác quán thời sanh tham dục, vì thiện giác quán thời được giải thoát. Do nội nhân duyên mà có tham cùng giải thoát, do ngoại nhân duyên mà hai món này được tăng trưởng. Do đây nên lời ông nói tất cả pháp đều riêng có tự tánh, chẳng nhân nơi năm trần sanh tham và giải thoát, là không đúng nghĩa.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói người thân thể đầy đủ lại nghèo thiếu chẳng tự do, người tàn tật thời giàu có tự do, nhân đây chứng minh là có tự tánh, chẳng từ nơi nhân duyên. Lời này chẳng đúng.

Này Thiện Nam Tử ! Chúng sanh do nơi nghiệp mà có quả báo. Quả báo này có ba: Hiện báo, sanh báo và hậu báo. Những người nghèo cùng giàu có, lành lặn hay tàn tật, đều do nghiệp riêng khác. Nếu là có tự tánh, người lành lặn lẽ ra phải giàu có, người giàu có lẽ ra phải lành lặn. Nay chẳng như vậy, nên biết rằng không có tự tánh, mà đều từ nơi nhân duyên.

Này Thiện Nam Tử ! Ông nói trẻ nhỏ chưa phân biệt được năm trần mà cũng khóc cũng cười, để chứng minh tất cả đều có tự tánh. Lời này chẳng đúng. Vì nếu có tự tánh lẽ ra cười phải thường cười, khóc phải thường khóc, chẳng nên một cười một khóc. Nếu đã một cười một khóc, thì biết rằng tất cả đều từ nhân duyên. Do đây chẳng nên nói rằng tất cả pháp đều có tự tánh chẳng từ nơi nhân duyên.

Phạm Chí nói: Bạch Thế Tôn ! Nếu tất cả pháp từ nhân duyên mà có, thân thể này từ nhân duyên nào ?

- Này Thiện Nam Tử ! Phiền não cùng nghiệp là nhân duyên của thân này.

- Bạch Thế Tôn ! Như thân này từ nơi phiền não và nghiệp mà có, vậy phiền não và nghiệp này có thể dứt được chăng ?

- Có thể dứt được.

- Bạch Thế Tôn ! Xin vì tôi giải nói, cho tôi được nghe liền đây đều dứt được phiền não và nghiệp.

- Nay Thiện Nam Tử ! Nếu rõ biết hai bên và chặng giữa không chướng ngại, thì người này có thể dứt phiền não và nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Tôi đã hiểu biết, đã được chánh pháp nhãn.

Ông biết thế nào ?

- Bạch Thế Tôn ! Hai bên là sắc và sắc giải thoát, trung gian chính là bát chánh đạo. Thọ, tưởng, hành, thức cũng như vậy.

- Lành thay ! Lành thay ! Nay Thiện Nam Tử ! Ông biết rõ hai bên phiền não và nghiệp.

- Bạch Thế Tôn ! Xin cho tôi xuất gia.

- Thiện Lai Tỳ Kheo !

Liền đó Nạp Y Phạm Chí dứt trừ phiền não trong ba cõi được quả A La Hán.

Lại có Bà La Môn Hoằng Quảng nói rằng: Cù Đàm biết tâm niệm hiện tại của tôi chẳng ?

Phật nói: Này Thiện Nam Tử ! Niết Bàn là thường, hữu vi là vô thường, cong là tà kiến, ngay là Thánh đạo.

- Có gì Cù Đàm nói như vậy ?

- Này Thiện Nam Tử ! Ý của ông thường cho rằng khát thực là thường, biệt thỉnh là vô thường, cong là cửa khóa, ngay là tràng của Thiên Đế. Do đây nên ta nói những lời vừa rồi, chẳng phải như chỗ suy nghĩ của ông.

- Cù Đàm thật biết được tâm niệm của tôi. Bát chánh đạo đó có thể làm cho chúng sanh, tất cả đều được tận diệt chăng ?

Đức Thế Tôn nín lặng.

- Cù Đàm đã biết tâm niệm của tôi, nay tôi hỏi sao lại nín lặng mà chẳng đáp ?

Lúc đó Kiều Trần Như liền nói: Này Đại Bà La Môn ! Nếu có người hỏi thế gian là hữu biên hay vô biên, thời Đức Như-Lai thường nín lặng.

- Này Đại Bà La Môn ! Bát Thánh đạo là ngay, Niết Bàn là thường, nếu tu bát Thánh đạo thời được diệt tận, nếu chẳng tu tập thời chẳng được.

Như thành lớn kia bốn vách chỉ có một cửa, người giữ cửa rất thông minh kẻ đáng cho đi thời cho, kẻ đáng

ngăn thời ngăn lại, người này dầu chẳng biết được số người ra vào nhiều ít nhưng chắc chắn biết rằng tất cả người ra vào đều phải do người này.

Này Đại Bà La Môn ! Đức Như-Lai cũng như vậy. Thành lớn dụ cho Niết Bàn, cửa dụ bát chánh đạo, người giữ cửa dụ Đức Như-Lai.

Nay Đức Như-Lai dầu chẳng trả lời là diệt tận cùng chẳng diệt tận, nhưng người được diệt tận, cần phải tu tập bát chánh đạo này.

Lành thay ! Lành thay ! Đại Đức Kiều Trần Như ! Đức Như-Lai khéo nói pháp vi diệu. Nay tôi thật muốn biết thành lớn, biết đạo, tự mình làm người giữ cửa.

Kiều Trần Như nói: Lành thay ! Lành thay ! Ông có thể phát tâm Vô Thượng rộng lớn.

Phật nói: Này Kiều Trần Như ! Ông Bà La Môn Hoằng Quảng này chẳng phải mới phát tâm Vô Thượng. Thuở quá khứ cách đây vô lượng kiếp có Phật ra đời hiệu là Phổ Quang Minh đầy đủ mười hiệu, ông Hoằng Quảng này ở chỗ Đức Phật đó đã phát tâm Vô Thượng Bồ Đề. Trong Hiền Kiếp này Hoằng Quảng sẽ được thành Phật. Ông ấy từ lâu đã thông đạt pháp tướng, vì chúng sanh mà

hiện ở ngoại đạo. Do đây nên Kiều Trần Như chẳng nên khen ông ấy là hiện nay có thể phát tâm Vô Thượng.

Lúc đó đức Thế Tôn đã biết mà hỏi Kiều Trần Như rằng: “ A Nan Tỳ Kheo nay ở đâu ?”

Kiều Trần Như thưa:

“ Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo ở ngoài rừng Ta La, cách đại hội này mười hai do tuần, đang bị sáu muôn bốn ngàn ức thiên ma nhiễu loạn. Chúng thiên ma này đều tự biến thân làm hình Như-Lai mà tuyên nói những pháp khác nhau, hoặc lại thị hiện thần thông biến hóa.

Bạch Thế Tôn ! A Nan Tỳ Kheo nghe và thấy những việc này nghĩ rằng những thần thông biến hóa từ trước chưa từng thấy. Ai làm ra ? Hoặc giả Đức Thích Ca Thế Tôn hiện ra chăng ? A Nan muốn đứng dậy muốn nói, mà thân thể không theo ý muốn. A Nan lọt vào trong rọ của ma, tự nghĩ rằng: Chư Phật nói pháp riêng khác chẳng đồng, nay tôi nên lãnh thọ lời của Đức Phật nào ?

Bạch Thế Tôn ! Hiện nay A Nan rất khổ sở, dầu nghĩ nhớ Đức Như-Lai mà không ai cứu thoát, do đó nên chẳng đến trong đại chúng này.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi Đại Bồ Tát bạch Phật rằng:

“ Thế Tôn ! Trong đại chúng này có hàng Bồ Tát đã từ một đời đến vô lượng đời phát tâm Bồ Đề, đã cúng dường vô lượng chư Phật, tâm chí bền chắc tu hành đầy đủ sáu môn Ba La Mật, trọn nên công đức lớn, từ lâu đã gần gũi vô lượng chư Phật, phạm hạnh thanh tịnh, tâm Bồ Đề chẳng thoái chuyển, đặng nhãn bất thối, trì bất thối, được như pháp nhãn, Thủ Lăng Nghiêm v.v... vô lượng Tam Muội. Hàng Bồ Tát này nghe kinh Đại Thừa trọn chẳng sanh nghi mà có thể khéo phân biệt, tuyên nói Tam Bảo đồng một tánh tướng thường trụ bất biến. Nghe pháp bất tư nghi chẳng kinh sợ, nghe các pháp Không lòng chẳng rúng động, thông đạt rành rẽ tất cả pháp tánh, thọ trì được tất cả mười hai bộ kinh và hiểu rõ ý nghĩa, cũng có thể thọ trì mười hai bộ kinh của vô lượng chư Phật.

Hàng Bồ Tát này lo gì chẳng thọ trì được kinh Đại Niết Bàn này, có gì Đức Như-Lai lại hỏi Kiều Trần Như A Nan ở đâu ?

Đức Thế Tôn bảo Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát: Lóng nghe ! Lóng nghe ! Nay Thiện Nam Tử ! Ngày trước ta thành Phật đã trải qua ba mươi năm, lúc ở thành Vương Xá, ta có bảo các Tỳ Kheo rằng nay trong đại chúng này ai có thể vì ta mà thọ trì mười hai bộ kinh và cung cấp

hầu hạ cho ta, cũng khiến nơi mình chẳng mất lợi lành. Lúc đó Kiều Trần Như đến bạch với ta để lãnh. Ta bảo Kiều Trần Như đã già yếu cần phải có người hầu hạ, sao lại muốn hầu hạ ta. Lúc đó Xá Lợi Phất cũng đến lãnh, ta cũng bảo Xá Lợi Phất như đã bảo Kiều Trần Như. Lần lượt đến năm trăm vị A La Hán, ta đều chẳng nhận làm thị giả.

Lúc đó Đại Mục Kiền Liên liền nhập chánh định quán sát biết ý của Phật muốn A Nan làm thị giả liền xuất định nói với Kiều Trần Như.

Lúc đó Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đến nói với A Nan rằng: “ Này A Nan ! Nay ông nên làm thị giả cho Đức Như-Lai, nên đến thưa với Đức Như-Lai để nhận lấy việc ấy.

A Nan nói: “ Thưa chư Đại Đức ! Thật tôi chẳng kham hầu hạ Như-Lai. Vì Đức Như-Lai tôn trọng như Sư Tử Vương, như rồng, như lửa, tôi thời yếu đuối như nhóp dâu có thể kham được.

Các A La Hán khuyên bảo A Nan đến lần thứ ba, A Nan vẫn từ chối.

Đại Mục Kiền Liên nói rằng: Này A Nan, nay ông

chưa rõ biết duyên cớ.

A Nan thưa: Bạch Đại Đức xin nói cho.

Đại Mục Kiền Liên nói: Vừa rồi, đức Như-Lai cầu thị giả, năm trăm A La Hán đều xin lãnh mà Đức Như-Lai chẳng bằng lòng. Tôi nhập định thấy ý của Như-Lai muốn cho ông làm. Sao ông trở lại chẳng chịu.

A Nan nghe xong liền quỳ chấp tay thưa rằng: Bạch Chư Đại Đức ! Nếu có việc như vậy, Đức Thế Tôn cho tôi ba điều nguyện, tôi sẽ tuân mạng lệnh chư Tăng mà làm thị giả:

Một là giả sử Đức Như-Lai đem y cũ ban cho tôi, xin cho phép tôi chẳng nhận. Hai là giả sử Đức Như-Lai thọ biệt thỉnh của đàn việt, xin cho phép tôi chẳng đi theo. Ba là xin cho phép tôi ra vào không luận là giờ khắc nào.

Nếu Đức Thế Tôn bằng lòng ba điều nguyện này, thời tôi xin tuân mạng lệnh chư Tăng mà làm thị giả cho Như-Lai.

Kiều Trần Như cùng năm trăm A La Hán đem việc trên mà bạch lại với Phật.

Đức Phật Thế Tôn khen ngợi A Nan rằng: “ Lành thay ! Lành thay ! A Nan Tỳ Kheo có đủ trí huệ dự thấy

mà tránh trước sự cơ hiểm. Vì sẽ có người cho rằng vì y thực mà A Nan hầu hạ Đức Như-Lai, nên A Nan xin phép chẳng lãnh y cũ và chẳng theo Phật thọ biệt thỉnh. Lại A Nan có đủ trí huệ, biết rằng nếu ra vào có giờ thời không thể làm lợi ích rộng cho bốn bộ chúng, nên A Nan xin phép ra vào không luận giờ nào.

Ta bằng lòng cho phép A Nan ba điều như A Nan đã xin.

Đại Mục Kiền Liên trở lại bảo A Nan rằng: “ Chúng tôi đã đem lời ông yêu cầu bạch lên Đức Như-Lai. Đấng Đại Từ đã bằng lòng.

A Nan thưa: “ Bạch Đại Đức ! Nếu Như-Lai đã bằng lòng, tôi xin qua làm thị giả.

Phật bảo Văn Thù Sư Lợi: “ Hơn hai mươi năm nay, A Nan hầu hạ có đủ tám điều chẳng thể nghĩ bàn:

Một là hơn hai mươi năm, A Nan không bao giờ theo ta thọ biệt thỉnh. Hai là không bao giờ lãnh lấy y cũ của ta. Ba là không bao giờ đến ta mà phi thời. Bốn là dầu còn đủ phiền não nhưng khi theo ta vào cung vua, đến nhà sang giàu, thấy các người nữ, thiên nữ, long nữ, A Nan không bao giờ có dục tâm. Năm là mười hai bộ kinh

của ta nói ra, nghe qua một lần A Nan đều nhớ rõ chẳng cần hỏi lại, như nước trong bình này rót qua bình kia, chỉ trừ một lần hỏi: Thuở Lưu Ly Thái Tử giết hại họ Thích Ca, phá thành Ca Tỳ La, A Nan buồn khổ khóc lóc đến bạch với ta rằng tôi cùng Như-Lai đồng sanh trưởng trong thành này, đồng một họ Thích, tại sao dung nhan của Như-Lai như thường, mà tôi thời tiêu tụy. Ta đáp A Nan rằng vì ta tu Không định nên chẳng đồng như ông.

Ba năm sau, A Nan trở lại hỏi ta rằng: Bạch Thế Tôn ! Tôi qua thành Ca Tỳ La kia từng nghe Đức Như-Lai tu Không Tam Muội, việc đó là hư hay thật ? Ta bảo A Nan đúng như vậy. Sáu là từ khi hầu hạ ta đến nay, dầu chưa được tha tâm trí, mà A Nan thường biết những chánh định của Như-Lai nhập. Bảy là từ khi hầu hạ ta đến nay, dầu chưa được nguyện trí, mà A Nan có thể biết rõ người này đến chỗ Như-Lai hiện tại có thể được bốn quả Sa Môn, người này ngày sau sẽ được, người này sẽ được thân Trời hay thân người. Tám là từ khi hầu hạ ta đến nay, những lời bí mật của Như-Lai, A Nan đều biết được cả.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo có đủ tám điều bất tư nghì như vậy nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan lại có đủ tám pháp nên

có thể thọ trì hoàn toàn mười hai bộ kinh: Một là tín căn kiên cố, hai là tâm ý chất trực, ba là thân không bệnh, bốn là thường tinh tấn, năm là có đủ niệm tâm, sáu là không kiêu mạn, bảy là thành tựu định ý, tám là có đủ trí huệ do nghe pháp mà sanh.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Thị giả của Phật Tỳ Bà Thi tên là A Thúc Ca cũng có đủ tám pháp như vậy. Thị giả của Phật Thi Khí tên là Sai Ma Ca La, thị giả của Phật Tỳ Xá Phù tên là Ưu Ba Phiến Đà, thị giả của Phật Câu Lưu Tôn tên là Bạt Đề, thị giả của Phật Câu Na Hàm Mâu Ni tên là Tô Đàn. Thị giả của Phật Ca Diếp tên là Diệp Đà Mật Đa, đều cũng có đủ tám pháp như vậy. Nay A Nan thị giả của ta cũng có đủ tám pháp ấy, nên ta gọi A Nan là đa văn tạng.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Trong đại chúng này dầu có vô lượng vô biên Bồ Tát, nhưng các Bồ Tát này đều có trọng nhiệm là đại từ đại bi, đều có công vụ gấp rút: Điều phục quyến thuộc và trang nghiêm tự thân. Do đây nên sau khi ta nhập Niết Bàn, những vị này không thể tuyên thông mười hai bộ kinh. Nếu có Bồ Tát hoặc có lúc tuyên thuyết mà người chẳng tin thọ.

Này Văn Thù Sư Lợi ! A Nan Tỳ Kheo là em của ta,

hầu hạ ta hơn hai mươi năm, những pháp được nghe đều thọ trì đầy đủ như nước rót vào một cái bình. Nên ta cố hỏi A Nan ở đâu, muốn khiến A Nan thọ trì kinh Đại Niết Bàn này.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, những pháp mà A Nan được nghe, ông ấy tự có thể tuyên thông, những pháp A nan chưa được nghe thời Hoàng Quang Bồ Tát có thể lưu bố.

Này Văn Thù Sư Lợi ! Nay A Nan ở cách ngoài đại hội này mười hai do tuần, đang bị sáu muôn bốn ngàn ức thiên ma não loạn, ông nên qua đó nói lớn rằng: Tất cả loài ma nên lắng nghe ! Nay Đức Như-Lai nói Đại Đà La Ni, tất cả thiên long bát bộ cùng chư vị thần kỳ đều cung kính thọ trì Đà La Ni này. Mười hằng hà sa chư Phật cũng đồng tuyên nói Đà La Ni này. Đà La Ni này có thể chuyển thân nữ, tự biết túc mạng. Nếu thọ trì năm điều: Phạm hạnh, đoạn nhục, đoạn tửu, đoạn tâm, thích ở vắng lặng, rời chí tâm, tín thọ, đọc tụng, biên chép Đà La Ni này, người này sẽ được vượt khỏi bảy mươi bảy ức thân tệ ác.

Liên đó đức Thế Tôn nói thần chú:

- A Ma Lệ, Tỳ Ma Lệ, Niết Ma Lệ, Mông Già Lệ, Hê

Ma La Nhã Kiệt Bệ, Tam Mạn Na Bạt Đề Lệ, Ta Bà La Đà Ta Đàn Ni, Ba La Ma Tha Ta Đàn Ni, Ma Na Tư, A Chuyết Đề, Tỳ La Kỳ, Am Ma Lại, Đàn Bà Táp Ma, Tá Lệ Phú La Nê, Phú La Na, Ma Nô Lại Đề.

Lúc đó Văn Thù Sư Lợi lãnh Đà La Ni này đến chỗ A Nan y theo lời Phật to tiếng bảo chúng ma.

Ma Vương nghe Đà La Ni này rồi liền phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, bỏ nghiệp ma và thả A Nan.

Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát cùng A Nan đồng đến chỗ Phật, A Nan thấy Phật chí tâm kính lễ.

Phật bảo A Nan, ngoài rừng Ta La này có một Phạm Chí tên Tu Bạt Đà La đã một trăm hai mươi tuổi, ông ấy dầu được ngũ thông mà chưa bỏ kiêu mạn, được phi Phi Tướng định cho là nhất thiết trí đã được Niết Bàn. Ông nên đến nói với Tu Bạt Đà La rằng: Đức Như-Lai ra đời như hoa Ưu Đàm. Giữa đêm nay đức Như-Lai sẽ nhập Niết Bàn. Nếu có chỗ phải làm nên làm kịp thời, chớ để ngày sau sanh lòng hối hận.

Ông nói, Tu Bạt Đà La chắc sẽ tin thọ. Vì ông thuở quá khứ đã từng năm trăm đời làm con trai của Tu Bạt Đà La. Lòng yêu thương của ông ấy vẫn còn, nên có thể

tin thọ lời của ông.

A Nan tuân lời Phật đến nói với Tu Bạt Đà La.

Tu Bạt Đà La bảo rằng: Lành thay ! Thưa ngài A Nan !
Nay tôi sẽ đến chỗ Như-Lai.

A Nan cùng Tu Bạt Đà La trở về ra mắt Phật.

Thăm hỏi xong, Tu Bạt Đà La nói: Thưa Cù Đàm !
Nay tôi muốn xin hỏi Ngài đáp cho.

Phật liền hứa khả.

Tu Bạt Đà La nói: Thưa Cù Đàm ! Có các nhà Sa Môn, Bà La Môn nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều theo nơi nghiệp đã tạo ra ngày trước. Do đây nếu có người trì giới tinh tấn, thân tâm chịu khổ thời phá hoại được nghiệp đời trước. Nghiệp cũ đã hết thời quả khổ cũng dứt hết, khổ đã dứt thời chúng được Niết Bàn. Nghĩa trên đây là thế nào ?

- Này Thiện Nam Tử ! Nếu có Sa Môn hay Bà La Môn nói như vậy, ta sẽ vì xót thương mà thường đến chỗ người ấy để hỏi rằng: Quả thật Ngài có nói như vậy chẳng ? Nếu họ đáp là có và họ bảo rằng vì họ thấy chúng sanh làm điều ác mà giàu sang tự tại, lại thấy người làm lành mà nghèo hèn mất tự do, lại thấy có người ra công

ra sức nhiều mà không có của, thấy kẻ ở không tự nhiên có của, có người từ tâm chẳng sát sanh mà chết yếu, thấy kẻ ưa sát sanh lại sống lâu, có người tinh tấn trì giới phạm hạnh thanh tịnh hoặc được giải thoát hoặc chẳng được, do đây nên nói rằng tất cả chúng sanh thọ báo khổ vui đều do nghiệp nhân ngày trước.

Này Tu Bạt Đà La ! Ta sẽ hỏi họ các Ngài có thật thấy nghiệp quá khứ chẳng ? Nếu có, nghiệp ấy nhiều hay ít ? Khổ hạnh hiện tại phá được nhiều ít ? Các Ngài biết được nghiệp này đã hết hay chẳng hết chẳng ? Nghiệp này đã hết là hết tất cả chẳng ? - Nếu họ đáp là họ thật chẳng biết, thì ta sẽ vì họ mà dẫn ví dụ: Như có người thân bị tên độc, gia quyến rước y sĩ đến để nhổ mũi tên độc, lấy độc xong người đó được lành mạnh. Sau đó mười năm, người này còn nhớ rõ rằng: Y sĩ đó nhổ tên độc cho tôi rồi dùng thuốc thoa đắp khiến tôi được lành mạnh an vui.

Các Ngài đã chẳng biết nghiệp nhân quá khứ làm sao biết được khổ hạnh hiện tại quyết định phá được nghiệp quá khứ ?

Nếu họ nói rằng: Nay Cù Đàm cũng có nghiệp quá khứ, có sao lại riêng trách nghiệp quá khứ của chúng tôi ?

Trong kinh của Cù Đàm cũng nói rằng: Nếu thấy người giàu sang tự tại, thời nên biết người này đời trước ưa bố thí. Như vậy chẳng phải gọi là nghiệp quá khứ ư ?

Ta bảo họ rằng: Nay các Ngài ! Biết như vậy gọi là tử tri, chẳng gọi là chân tri. Trong Phật pháp hoặc có do nhân mà biết quả, hoặc có do quả mà biết nhân. Trong Phật pháp có nghiệp quá khứ có nghiệp hiện tại. Các Ngài thời chẳng như vậy, chỉ có nghiệp quá khứ mà không biết nghiệp hiện tại.

Phật pháp của ta do nơi phương tiện mà dứt nghiệp, giáo pháp của các Ngài thời chẳng từ nơi phương tiện mà dứt nghiệp.

Giáo pháp của các Ngài cho rằng nghiệp đã hết thời hết khổ, Phật pháp của ta thời phiền não đã hết nghiệp và khổ cũng hết. Do đây nên ta trách nghiệp quá khứ của các Ngài.

Nếu họ nói rằng: Thừa Cù Đàm ! Chúng tôi thật chẳng biết, đó là lời của thầy chúng tôi, không phải lỗi của chúng tôi.

Ta sẽ bảo họ rằng thầy của các Ngài là ai ? Nếu họ đáp là Phú Lan Na. Thời ta lại bảo họ rằng: Trước kia

sao các Ngài chẳng thừa hỏi cho rõ ràng coi thầy của các Ngài có thật biết nghiệp quá khứ không ? Nếu Thầy của các Ngài bảo là chẳng biết, tại sao các Ngài lại nhận lấy lời ấy. Nếu thầy của các Ngài bảo là biết thì nên hỏi rằng: Hạ khổ làm nhân duyên có thọ trung và thượng khổ chẳng ? Trung khổ làm nhân duyên có thọ hạ và thượng khổ chẳng ? Thượng khổ làm nhân duyên có thọ hạ và trung khổ chẳng ? Nếu đáp là không thì nên lại hỏi: Sao nhà thầy nói báo khổ vui chỉ do nghiệp quá khứ mà chẳng phải nghiệp hiện tại ?

Lại nên hỏi: Khổ hiện tại, quá khứ có chẳng ? Nếu quá khứ có khổ thì nghiệp quá khứ đều đã dứt hết, nếu đã đều dứt hết sao lại còn thọ lấy thân ngày nay ? Nếu quá khứ không khổ chỉ có nơi hiện tại, tại sao lại nói chúng sanh khổ vui đều do nghiệp quá khứ ?

Này các Ngài ! Nếu cho rằng khổ hạnh hiện tại có thể phá hoại nghiệp quá khứ, lại lấy gì để phá khổ hạnh hiện tại ? Nếu như chẳng phá thì khổ là thường, nếu khổ là thường sao lại nói rằng được giải thoát khổ ? Nếu lại có hạnh nghiệp phá hoại khổ hạnh, thì quá khứ đã hết tại sao có khổ ?

Này các Ngài ! Khổ hạnh như vậy có thể làm cho

nghiệp vui thọ lấy quả khổ chẳng ? Có thể làm cho nghiệp khổ thọ lấy quả vui chẳng ? Có thể làm cho nghiệp không khổ không vui chẳng thọ quả chẳng ? Có thể làm cho báo hiện tại thành báo đời kế chẳng ? Có thể làm cho báo đời kế thành báo hiện tại chẳng ? Có thể làm cho hai báo này thành không quả báo chẳng ? Có thể làm cho định báo thành không quả báo chẳng ? Có thể làm cho không quả báo thành định báo chẳng ?

Nếu họ trả lời rằng không thể được, ta sẽ bảo rằng: Nay các Ngài ! Nếu như không thể được, duyên có gì các Ngài lại thọ khổ hạnh này ?

Các Ngài nên biết rằng quyết định có nghiệp quá khứ và nhân duyên hiện tại. Do đây nên tôi nói nhân nơi phiền não mà sanh ra nghiệp, nhân nơi nghiệp mà thọ quả báo.

Các Ngài nên biết rằng tất cả chúng sanh có nghiệp quá khứ và có nhân hiện tại. Dầu chúng sanh có nghiệp sống lâu quá khứ, nhưng phải nhờ nhân duyên ăn uống hiện tại. Nếu nói chúng sanh thọ khổ thọ vui quyết định chỉ do nơi nghiệp quá khứ thì không phải. Vì như có người trừ được kẻ thù cho nhà vua, do đây mà được vua ban cho nhiều của báu, do có nhiều tiền của mà hiện tại được sung sướng. Người này hiện tại làm nhân sung

sương nên thọ báo sung sướng hiện tại. Lại như có người giết chết Vương Tử, do đây mà phải bị tru lục. Người này hiện tại tạo nhân khổ nên phải thọ báo khổ hiện tại.

Này các Ngài ! Tất cả chúng sanh hiện tại nhân nơi tứ đại, thời tiết, đất đai, nhân dân mà thọ khổ, thọ vui. Do đây nên ta nói tất cả chúng sanh bất tất đều nhân nơi nghiệp đời trước mà thọ khổ, thọ vui.

Này các Ngài ! Nếu do nhân duyên dứt nghiệp mà được giải thoát, thì tất cả Thánh nhân chẳng được giải thoát. Vì bản nghiệp quá khứ của tất cả chúng sanh là vô thỉ vô chung. Do đây nên ta nói lúc tu Thánh đạo, Thánh đạo này có thể ngăn nghiệp vô thỉ vô chung.

Này các Ngài ! Nếu thọ khổ hạnh bèn đắc đạo đó, thì tất cả loài súc sanh lẽ ra đều đắc đạo. Do đây nên phải trước điều phục tâm mình mà chẳng điều phục thân. Vì thế nên trong kinh ta nói chặt đốn rừng này chớ chặt đốn cây, vì do nơi rừng sanh kinh sợ chẳng phải do cây. Muốn điều phục thân phải trước điều phục tâm. Tâm dụ như rừng, thân dụ như cây.

Tu Bạt Đà La thưa: Bạch Thế Tôn ! Tôi đã trước điều phục tâm rồi.

Phật nói: Nay Thiện Nam Tử ! Nay ông làm thế nào có thể trước điều phục tâm ông ?

- Bạch Thế Tôn ! Tôi trước suy nghĩ rằng: Dục ái là vô thường, vô lạc, vô tịnh, quán sát sắc là thường, lạc, ngã, tịnh. Suy nghĩ như vậy rồi kiết sử cõi dục dứt mà được sắc xử, nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi quán sát sắc là vô thường: Như mụn nhọt, mụn ghẻ, như thuốc độc, như mũi tên, thấy vô sắc là thường tịch tịnh trong sạch. Quán sát như vậy rồi kiết sử cõi sắc dứt mà được vô sắc xử. Do đây nên gọi là trước điều phục tâm.

Kế đó tôi lại quán sát tướng là vô thường như nhọt, như ghẻ, như độc, như tên. Quán sát như vậy rồi được Phi Tướng phi Phi Tướng xử. Phi Phi Tướng xử này là nhất thiết trí vắng lặng thanh tịnh thường hằng bất biến không sa đọa. Do đây nên tôi có thể điều phục lấy tâm mình.

Phật nói: Nay Thiện Nam Tử ! Như thế thời ông đâu có điều phục được tâm ! Phi tướng phi Phi Tướng xử định của ông được vẫn còn gọi là tướng, Niết Bàn là vô tướng, sao ông nói rằng chúng được Niết Bàn ?

Này Thiện Nam Tử ! Trước ông đã có thể nhàm trách thô tướng, nay ông lại tham trước nơi tế tướng. Chẳng biết nhàm trách Phi Tướng phi Phi Tướng xứ định, định này vẫn gọi là tướng như nhọt, như ghẻ, như độc, như tên.

Này Thiện Nam tử ! Thầy của ông là Uất Đầu Lam Phát thông minh lanh lợi còn không thể dứt được Phi Tướng phi Phi Tướng xứ này mà phải thọ lấy thân ác đạo, hưởng là những kẻ khác.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào có thể dứt được tất cả các cõi ?

- Này Thiện Nam Tử ! Người quán thật tướng có thể dứt tất cả các cõi.

Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là thật tướng ?

- Này Thiện Nam Tử ! Tướng vô tướng gọi là thật tướng.

- Bạch Thế Tôn ! Thế nào gọi là tướng vô tướng ?

- Này Thiện Nam Tử ! Tất cả pháp không tự tướng, không tha tướng và không tự tha tướng, không tướng vô nhân, không tướng tác, không tướng thọ, không tướng tác giả, không tướng thọ giả, không tướng pháp, tướng

phi pháp, không tướng nam nữ, không tướng sĩ phu, không tướng vi trần, không tướng thời tiết, không tướng làm ra mình, không tướng làm ra người, không tướng làm ra mình ra người, không tướng có tướng không, không tướng sanh, tướng sanh giả, không tướng nhân, tướng nhân nhân, không tướng quả, tướng quả quả, không tướng ngày đêm, không tướng sáng tối, không tướng kiến tướng, kiến giả, không tướng văn tướng văn giả, không tướng giác tri, tướng giác tri giả, không tướng Bồ Đề, không tướng Đắc Bồ Đề giả, không tướng nghiệp, tướng nghiệp chủ, không tướng phiền não, tướng phiền não chủ.

Này Thiện Nam Tử ! Những tướng như vậy tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là tướng chân thật. Tất cả pháp đều gọi là hư giả, tùy theo chỗ nó diệt thời gọi là thật. Đây gọi là thật tướng, là pháp giới, là tất cánh trí, là đệ nhất nghĩa đế, là đệ nhất nghĩa không.

Này Thiện Nam Tử ! Nơi thật tướng này, người hạ trí quán đó thời được Thanh Văn Bồ Đề, người trung trí quán đó thời được Duyên Giác Bồ Đề, người thượng trí quán đó thời được Vô Thượng Bồ Đề.

Lúc Phật nói pháp này, có mười ngàn Bồ Tát chứng

được nhất sanh thật tướng, có mười lăm ngàn Bồ Tát chúng được nhị sanh pháp giới, có hai mươi lăm ngàn Bồ Tát được tât cánh trí, có ba mươi lăm ngàn Bồ Tát ngộ đệ nhất nghĩa đế. Đệ nhất nghĩa đế này cũng gọi là đệ nhất nghĩa không, cũng gọi là Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Lại có bốn mươi lăm ngàn Bồ Tát được hư không Tam Muội, hư không Tam Muội này cũng gọi là Quảng Đại Tam Muội, cũng gọi là Trí Ấn Tam Muội. Năm mươi lăm ngàn Bồ Tát được bất thối nhẫn, bất thối nhẫn này cũng gọi là như pháp nhẫn, cũng gọi là như pháp giới. Có sáu mươi lăm ngàn Bồ Tát được Đà La Ni, Đà La Ni này cũng gọi là Đại Niệm Tâm, cũng gọi là vô ngại trí. Có bảy mươi lăm ngàn Bồ Tát được Sư Tử Hống Tam Muội, Tam Muội này cũng gọi là Kim Cang Tam Muội, cũng gọi là Ngũ Trí Ấn Tam Muội. Có tám mươi lăm ngàn Bồ Tát được bình đẳng Tam Muội, Tam Muội này cũng gọi là Đại Từ Đại Bi. Có vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Duyên Giác, vô lượng hằng hà sa chúng sanh phát tâm Thanh Văn. Có hai muôn ức nhân nữ và thiên nữ hiện đời chuyển thân nữ được thân nam.

Lúc đó Tu Bạt Đà La nghe đức Phật nói pháp thậm

thâm vi diệu, được pháp nhãn thanh tịnh bỏ tà kiến xin xuất gia.

Phật nói: “ Lành thay ! Lành thay ! Thiện Lai Tỳ Kheo !”

Tu Bạt Đà La vui mừng hơn hở, râu tóc tự rụng thành tướng Sa Môn, dứt hết phiền não đặng quả A La Hán.

Được chứng quả rồi, Tu Bạt Đà La chiêm ngưỡng tôn nhan, đầu mặt đánh lễ chân Phật, quỳ chấp tay tự trách tội lỗi ngày trước của mình mà bạch Phật rằng: “Bạch Thế Tôn ! Tôi rất hờn thân độc này nhiều kiếp đến nay luôn khi dối, làm cho tôi chìm mãi trong vô minh tà kiến trôi dắm theo giáo pháp của ngoại đạo. Rất đau đớn thay ! Thân này làm hại quá nhiều. May mắn thay ! Nay nhờ ơn Như-Lai mà được vào chánh pháp.

Trí huệ của Đức Thế Tôn như biển cả, lòng từ bi của đức Thế Tôn vô lượng. Tôi tự suy xét dầu nhiều kiếp nát thân cũng chưa báo được ơn đức này.

Tu Bạt Đà La buồn khóc rơi lệ không thể tự ngăn được, lại bạch Phật rằng: “ Bạch Thế Tôn ! Tôi tuổi đã già suy, không còn sống bao lâu, bị hành khổ bức não. Xin đức Thế Tôn nán lại để dạy dỗ chớ nhập Niết Bàn.

Đức Thế Tôn nín lặng chẳng hứa.

Thỉnh Phật chẳng được, Tu Bạt Đà La sàu khổ kêu to lên rằng: “ Khổ thay ! Khổ thay ! Thế gian trống rỗng ! Thế gian trống rỗng ! Nay có gì sự kinh sợ lớn liền đến, khắp nơi phải khổ não.

Than ôi ! Chúng sanh phước đã hết ; huệ nhãn đã dứt.

Than xong, ông càng khóc lóc nghẹn ngào, cả mình ửng máu, té xuống trước Phật hôn mê ngất xỉu.

Giây lâu tỉnh lại, ông nghẹn ngào rơi lệ mà bạch Phật rằng: “ Bạch Thế Tôn ! Nay tôi không nữa thấy đức Như-Lai nhập Niết Bàn xin Đức Thế Tôn cho phép tôi diệt thân này trước, rồi sau Đức Thế Tôn sẽ nhập Niết Bàn.

Bạch xong, Tu Bạt Đà La liền ở trước Phật mà nhập Niết Bàn.

Lúc đó có vô số hằng hà sa Bồ Tát, Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Thiên, Nhân, A Tu La v.v... đồng kêu to lên rằng: “ Khổ thay ! Khổ thay ! Cớ sao đáng chánh giác lại sớm bỏ lìa khiến chúng tôi không có chủ, không chỗ về, không nơi nương, không chỗ đến.

Đại chúng buồn than khóc lóc đấm ngực té xỉu. Tiếng kêu khóc khắp cõi Đại Thiên. Lúc đó Đức Thế Tôn bảo

khấp đại chúng: Chớ quá khóc lóc như trẻ nít. Đại chúng phải cố dần chớ để tâm mê loạn !

Đại chúng ở trong biển lớn sanh tử phải siêng năng tu hành cho tâm được thanh tịnh, chớ để mất chánh niệm chánh huệ, phải gấp cầu chánh trí mau thoát khỏi các cõi. Nếu thọ thân trong ba cõi thời bị khổ luân hồi không ngăn mé, vô minh là ông chủ, ân ái là ma vương, sai khiến thân tâm như tôi tớ, duyên theo trần cảnh tạo nghiệp sanh tử, tham sân si niệm niệm làm hại, từ vô lượng kiếp đến nay thường thọ lấy sự khổ não. Đâu có người trí mà chẳng đi ngược lại nguồn sanh tử này !

Đại chúng nên biết rằng từ nhiều kiếp đến nay ta đã nhập Đại Niết Bàn, không còn có ấm giới nhập, mà đã dứt hẳn các cõi, thường ở trong bảo tạng Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh. Hôm nay ta ở nơi đây thị hiện sức phương tiện bất tư nghì mà nhập Đại Niết Bàn đồng với pháp thế gian. Đó là ta muốn cho chúng sanh rõ biết thân như chớp nhoáng, dòng [họ] sanh tử chảy quá mau, những hành pháp luân chuyển vô thường lẽ phải như vậy.

Như-Lai nhập Đại Niết Bàn là rất sâu rất sâu chẳng thể nghĩ bàn, là cảnh giới của chư Phật Bồ Tát, chẳng phải hàng Thanh Văn, Duyên Giác biết được.

Đức Phật lại bảo đại chúng: Tu Bạt Đà La đây đã từng cúng dường hằng hà sa chur Phật, đã trồng sâu căn lành, do sức đại nguyện, ông ấy thường xuất gia trong phái ngoại đạo Ni Kiên Tử, dùng phương tiện huệ để dắt dẫn chúng sanh tà kiến cho họ được vào chánh trí. Tu Bạt Đà La nương nơi bốn nguyện lực, hôm nay được gặp ta sắp nhập Niết Bàn, được nghe chánh pháp, được quả A La Hán. Đã được quả rồi lại nhập Niết Bàn.

Từ khi ta thành Phật độ A Nhã Kiều Trần Như, đến sắp nhập Niết Bàn độ Tu Bạt Đà La, công việc của ta đã trọn vẹn, dầu ta có mãi ở lại cũng không có gì khác với ngày nay.

Nói xong Đức Thế Tôn lại xướng rằng: Lành thay ! Lành thay ! Tu Bạt Đà La vì báo ân Phật mà nhập Niết Bàn. Đại chúng phải nên cúng dường thi hài của ông ấy và xây lập tháp miếu.

Lúc đó đại chúng buồn khổ thảm thiết, gạt lệ dần lấy lòng, y theo lời Phật dạy, dùng gỗ thơm trà tỳ thi hài của Tu Bạt Đà La.

Đương lúc thiêu, thi hài của Tu Bạt Đà La ở trong lửa phóng ánh sáng lớn, hiện đủ mười tám sự biến hóa: Trên thân ra nước, dưới thân ra lửa, hông mặt ra lửa,

hông trái ra nước, hiện thân lớn khắp trong hư không rồi lại hiện nhỏ v.v...

Lúc đó trong đại chúng có vô lượng ngoại đạo tà kiến được chánh kiến phát tâm Bồ Đề.

Sau khi hiện thần thông, thi hài của Tu Bạt Đà La trở vào trong lửa.

Trà Tỳ xong, đại chúng thâu lấy xá lợi, dựng tháp cúng dường.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM DI GIÁO THỨ HAI MƯƠI SÁU

Lúc bấy giờ Đức Phật bảo A Nan và đại chúng: Sau khi ta diệt độ, hàng tứ chúng phải siêng hộ trì kinh Đại Bát Niết Bàn của ta. Trong vô lượng vô số kiếp ta tu tập pháp Đại Niết Bàn khó đặng này, nay đã giải thuyết rõ ràng cho đại chúng.

Các người nên biết pháp Đại Niết Bàn này là bảo tạng

Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh hoàn toàn viên mãn của tất cả chư Phật. Tất cả chư Phật đều ở nơi pháp Đại Niết Bàn này mà nhập Niết Bàn. Pháp này là pháp tối hậu rốt ráo chí lý cùng tột không thiếu sót. Chư Phật đều phóng xả thân mạng nơi đây, do đó nên gọi là Đại Niết Bàn.

Đại chúng muốn đặng chân thật báo ân Phật, mau chúng Bồ Đề, được chư Phật rờ đầu, đời đời sanh ra chẳng mất chánh niệm, thập phương chư Phật thường hiện trước mình ngày đêm giữ gìn làm cho tất cả mọi người được pháp xuất thế, thời phải siêng năng tu tập kinh Đại Niết Bàn này.

Phật bảo A Nan: Lúc ta chưa thành Phật thị hiện vào trong pháp ngoại đạo của Uất Đầu Lam Phát, tu học tứ thiên bát định.

Từ khi ta thành Phật đến nay bác bỏ những pháp ấy khuyến dụ lần lần các phái ngoại đạo, cuối cùng đến ông Tu Bạt Đà La, cho họ đều vào Phật Đạo.

Đức Như-Lai dùng đuốc đại trí đốt tràng tà kiến, như đem lá cỏ khô ném vào trong ngọn lửa lớn.

Này A Nan ! Nay những người dòng Thích Ca ta rất lo nghĩ đến họ. Sau khi ta nhập Niết Bàn, ông phải siêng

năng đem điều lành dạy răn, hàng quyền thuộc của ta, hết lòng dạy dỗ cho họ được diệu pháp. Chớ để họ phóng dật tán tâm chơi bời hoặc theo tà pháp.

Người chưa thoát khỏi sự thống khổ trong ba cõi phải sớm cầu giải thoát. Phải lo sợ chôn ngũ trược ái dục này, một khi mất thân người rất khó được lại, trọn đời phải thường soi xét. Khó lấy tình để cầu thoát khỏi quỷ vô thường.

Phải thương xót chúng sanh, chớ giết hại dẫu là côn trùng nhỏ nhít.

Thân nghiệp thanh tịnh thường sanh cõi tốt đẹp. Khẩu nghiệp thanh tịnh xa lìa những lỗi ác. Chớ ăn thịt, chớ uống rượu.

Điều phục con rắn tâm cho nó vào đạo quả.

Phải suy nghĩ kỹ nghiệp nhân thiện ác cảm báo tốt xấu. Nhân quả trong ba đời tuần hoàn chẳng mất, như bóng theo hình. Đời này luống qua về sau ăn năn không kịp.

Giờ Niết Bàn đã đến, ta tóm tắt dạy bảo như vậy.

A Nan nghe lời Phật dạy, thân thể run, tâm động, buồn khóc nghẹn ngào, mê muội té xuống trước mặt Phật

như người chết.

Lúc đó ngài A Nâu Lô Đà an ủi A Nan rằng:

“ Đâu nên quá sầu khổ như vậy ! Đã đến giờ Đức Như-Lai nhập Niết Bàn, ngày nay dầu có Phật, sáng mai thời đã không. Ông y theo lời tôi đề thưa hỏi Đức Như-Lai bốn điều.

- Sau khi Phật nhập Niết Bàn Lục Quân Tỳ Kheo làm việc ô tha gia, cùng Xa Nặc ác tánh, các Tỳ Kheo làm thế nào để cùng họ cộng trụ và chỉ dạy họ ?

Đức Như-Lai còn thời dùng Phật làm Thầy, Đức Như-Lai diệt độ rồi lấy gì để làm Thầy ?

- Lúc Phật còn nương nơi Phật mà trụ, Như-Lai đã diệt độ nương gì để trụ ?

- Sau khi Phật diệt độ, lúc kết tập pháp tạng, đầu các kinh phải đề những lời gì ?

A Nan như ở trong mộng nghe ngài A Nâu Lô Đà khuyên bảo hỏi Phật bốn điều. Lần lần được tỉnh ngộ chẳng xiết buồn thảm, A Nan đem bốn điều trên hỏi Phật.

Đức Như-Lai bảo A Nan:

“ Sao lại quá buồn khổ như vậy ! Chư Phật thuyết

pháp giáo hóa việc làm đã xong, theo phép phải về nơi đây.

Lành thay ! Lành thay ! Bốn điều ông vừa hỏi, là lời hỏi tối hậu, có lợi ích lớn cho tất cả thế gian. Các ông lắng nghe và khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Sau khi Phật nhập Niết Bàn, Tỳ Kheo Xa Nặc tâm tánh sẽ lần lần điều phục nhu hòa bỏ ác tánh cũ.

Này A Nan ! Ông Nan Đà trước kia rất nặng ái dục, tánh rất xấu ác, Đức Như-Lai dùng thiện phương tiện chỉ dạy cho ông ấy được lợi ích vui mừng. Phật rõ biết căn tánh của ông ấy, dùng huệ bát nhã mà giảng thuyết mười hai nhân duyên: Chính là vô minh duyên hành, hành duyên thức, nhân đến lão tử ưu bi khổ não, đều là rừng bụi vô minh yêu ghét, tất cả hành khổ đầy tràn trong ba cõi, chạy khắp trong lục đạo. Cội gốc sự khổ từ vô minh khởi lên. Dùng huệ bát nhã hiển bày tánh tịnh, quán sát kỹ cội gốc thời dứt được tội lỗi trong ba cõi. Vì cội gốc vô minh dứt nên vô minh dứt, vô minh dứt thời hành dứt, nhân đến lão tử ưu bi khổ não đều dứt.

Lúc được quán niệm này nhiếp tâm đứng dừng thời được nhập Tam Muội, do sức Tam Muội được nhập sơ thiền lần lượt nhập tứ thiền không rời chánh niệm luôn

tu tập như vậy, rồi sau tự sẽ được chứng thượng quả thoát khỏi khổ trong ba cõi Nan Đà Tỳ Kheo, tin sâu lời dạy của Phật, siêng năng tu tập trong một ít lâu được chứng quả A La Hán.

Này A Nan ! Sau khi ta nhập Niết Bàn, các ông nên y theo giáo pháp chánh quán của ta mà chỉ dạy cho Lục Quân cùng Xa Nặc, hết lòng nương theo chánh pháp thanh tịnh này, tự sẽ được chứng thượng quả.

Này A Nan ! Phải biết rằng đều do nơi vô minh mà tăng trưởng cây sanh tử trong ba cõi, nên mãi trôi chìm trong ái hà, chịu khổ mãi dưới vực tối tăm, vòng quanh cột sanh tử. Sáu thức là nhánh, vọng niệm là gốc, lượn sóng vô minh xúc khiến tâm thức dạo chơi theo lục trần, sanh mầm các sự khổ não. Vô minh nó tự tại như vua, không ai chế ngự được. Do đây nên ta nói ông chủ vô minh niệm niệm làm hại, chúng sanh chẳng hay biết, mãi luân chuyển trong sanh tử.

Này A Nan ! Tất cả chúng sanh vì vô minh này mà khởi những tham ái, bị ngã kiến che đậy, tám muôn bốn ngàn phiền não sai sử thân họ, làm cho thân tâm họ tan vỡ không được tự tại.

Này A Nan ! Nếu vô minh dứt thời ba cõi đều hết,

nên gọi là người xuất thế.

Này A Nan ! Nếu có thể quán sát kỹ mười hai nhân duyên rất ráo không có ngã, sâu vào nơi bốn tánh thanh tịnh, thời có thể xa lìa ngọn lửa lớn ba cõi.

Này A Nan ! Đức Như-Lai là đấng chân ngữ nói lời thành thật, đây là lời phó chúc tối hậu, các ông phải y theo tu hành.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật diệt độ lấy gì làm Thầy ? Nên biết giới Ba La Đề Mộc Xoa là Đại Sư của các ông. Nương theo đó tu hành thời có thể được định huệ xuất thế.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Phật nhập Niết Bàn nương gì để trụ ? Phải nương pháp tứ niệm xứ mà trụ: Quán sát tánh tướng của thân đồng như hư không gọi là thân niệm xứ, quán sát sự cảm thọ chẳng ở trong, chẳng ở ngoài, chẳng ở chặng giữa, gọi là thọ niệm xứ, quán sát tâm chỉ có danh tự tánh danh tự rời rạc gọi là tâm niệm xứ, quán sát pháp thiện chẳng thể được pháp bất thiện cũng chẳng thể được gọi là pháp niệm xứ. Tất cả người tu hành phải nương theo pháp tứ niệm xứ này mà trụ.

Này A Nan ! Ông hỏi sau khi Như-Lai diệt độ lúc kết

tập pháp tạng, đầu tất cả kinh để những lời gì ?

Này A Nan ! Sau khi Như-Lai diệt độ lúc kết tập pháp tạng đầu tất cả kinh nên để như vậy: “ Như thị ngã văn nhất thời Phật trụ mô²¹ phương mô xứ, cùng hàng tứ chúng mà nói kinh này”.

A Nan lại bạch Phật: Lúc Phật ở đời, hoặc sau khi Phật nhập Niết Bàn, có tín tâm đàn việt đem vàng bạc bảy báu cùng tất cả đồ cần dùng dâng cúng cho Như-Lai thời phải xử trí thế nào ?

Phật nói: Lúc Phật còn, những vật cúng dường Phật, thời chúng Tăng nên biết. Sau khi Phật diệt độ những vật cúng dường Phật, thời nên dùng tạo tượng Phật và tạo y của Phật, phan lọng bảy báu, sắm các thứ hương dầu bông để cúng dường Phật. Trừ việc cúng dường Phật ngoài ra chẳng được dùng. Người lạm dụng thời phạm tội lấy trộm vật của Phật.

A Nan lại bạch: Lúc Phật còn, có người đem vàng bạc bảy báu điện đường phòng nhà y phục đồ uống ăn tất cả đồ cần dùng, hoặc vợ con tôi tớ mà cung kính cúng dường Như-Lai. Sau khi Phật nhập diệt nếu có người

²¹ Theo daitangkinh.org, Bộ Niết Bàn, bản 3: “ở nơi nào đó, xứ nào đó”

đem những vật như trên mà cung kính cúng dường tượng Phật. Bạch Thế Tôn! Phước đức của hai người này ai nhiều hơn ?

Phật nói: Vì đều cung kính cúng dường cả nên phước đức của hai người được đồng nhau. Dầu Phật diệt độ nhưng pháp thân vẫn thường còn, nên cung kính cúng dường được phước vẫn đồng như Phật hiện tại.

A Nan lại bạch : Lúc Phật hiện tại, nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường Phật, sau khi Như-Lai nhập Niết Bàn, nếu có người đem những vật như trên cung kính cúng dường toàn thân Xá Lợi, phước đức của hai người này, ai nhiều hơn ?

Phật nói: Hai người này được phước đồng nhau công đức rộng lớn vô lượng vô biên nhân đến hết khổ, phước đó chẳng hết.

A Nan lại bạch: Lúc Phật hiện tại, nếu có người cung kính cúng dường Phật như trên, sau khi Phật nhập Niết Bàn nếu có người cung kính cúng dường nửa thân Xá Lợi ai được phước nhiều hơn ?

Phật nói: Vì hai người đều cung kính cúng dường nên được phước đồng nhau phước đức này vô lượng vô biên.

Này A Nan ! Nhân đến cung kính cúng dường một phần tư Xá Lợi, một phần tám, một phần trăm, một phần ngàn, một phần muôn, một phần hằng hà sa, hoặc chùng bằng hột cải, người này được phước cũng đồng như người cung kính cúng dường Đức Như-Lai hiện tại.

A Nan nên biết rằng hoặc Phật hiện tại hoặc đã nhập Niết Bàn, nếu có người cung kính cúng dường lễ bái tán thán, được phước đức đồng nhau không khác.

Phật bảo A Nan cùng đại chúng: Sau khi ta nhập Niết Bàn, tất cả chúng sanh hoặc thiên thượng hay nhân gian, được Xá Lợi của ta mà vui mừng thương cảm cung kính lễ bái cúng dường thời được vô lượng vô biên công đức.

Này A Nan ! Nếu thấy Xá Lợi của Như-Lai thời là thấy Phật, thấy Phật là thấy Pháp, thấy Pháp là thấy Tăng, thấy Tăng là thấy Niết Bàn.

A Nan nên biết rằng do nhân duyên trên đây mà Tam Bảo thường trụ không biến đổi, có thể làm chỗ quy y cho tất cả chúng sanh.

A Nan bạch Phật: Sau khi Như-Lai nhập Niết Bàn, tất cả đại chúng y theo phép tắc nào để trà tỳ thân Như-Lai để được Xá Lợi cung kính cúng dường.

Phật nói: “ Khi ta nhập Niết Bàn rồi, đại chúng nên y theo phương pháp trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương”.

A Nan bạch Phật: “ Pháp tắc trà tỳ Chuyển Luân Thánh Vương như thế nào ?”

Phật nói: Sau khi Chuyển Luân Thánh Vương mạng chung, đình thi hài bảy ngày mới để vào quan tài vàng, rồi lấy dầu thơm vi diệu đổ đầy quan tài đậy lại thật kín. Đủ bảy ngày đem thi hài ra, dùng nước thơm tắm rửa, đốt hương thơm cúng dường. Dùng bông Đâu La Miên bao khắp thân thể, sau đó dùng ngàn bức bạch điệp tốt đẹp vô giá thứ tự vấn chồng lên nhau khắp thi hài của Luân Vương. Vấn xong đổ dầu thơm đầy trong kim quan rồi mới để thi hài Luân Vương vào. Đậy kín quan tài xong, chở trên xe thất bảo, bốn mặt treo các chuỗi ngọc, dùng châu báu trang nghiêm xe ấy, vô số phan lọng bằng châu báu tốt đẹp giăng treo trên xe. Đốt hương thơm, thổi đại nhạc để cúng dường. Sau đó dùng thuần những gỗ thơm cùng những dầu thơm mà trà tỳ. Trà tỳ xong hốt lấy Xá Lợi, xây tháp thất bảo giữa đường ngã tư trong thành, bốn phía tháp có bốn cửa an trí Xá Lợi trong đó, để cho tất cả mọi người đồng chiêm ngưỡng.

Này A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương kia do chút

ít phước đức được nối ngôi vua, chưa thoát khỏi ba cõi, còn đủ ngũ dục thô thiếp, ác kiến tham, sân, si, tất cả phiền não kiết sử chưa dứt được một mảy. Sau khi mạng chung mà thế gian còn theo cách thức như vậy, dựng tháp cúng dường để mọi người chiêm ngưỡng, hưởng là Đức Như-Lai đã trải qua vô lượng, vô biên, vô số kiếp bỏ hẳn ngũ dục, tinh tấn thật hành tất cả khổ hạnh xuất thế của Bồ Tát, đã thành tựu đạo hạnh thậm thâm vi diệu thanh tịnh, giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, sáu môn Ba La Mật, tu tập thập lực, đại bi, bốn vô sở úy, ba môn giải thoát, mười tám đại không, lục thông, ngũ nhãn, ba mươi bảy phẩm, mười tám bất cộng, ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, thọ mạng của tất cả chư Phật, tất cả cõi Phật thanh tịnh, tất cả pháp thành tựu chúng sanh, tất cả khổ hạnh khó làm, tất cả nhiếp luật nghi giới, tất cả nhiếp thiện pháp giới, tất cả nhiếp chúng sanh giới, tất cả công đức, tất cả trí huệ, tất cả trang nghiêm, tất cả đại nguyện, tất cả phương tiện, tất cả trí huệ phước đức chẳng thể nghĩ bàn như vậy, đều đã thành tựu đầy đủ, dứt trừ tất cả ác, dứt trừ tất cả phiền não, dứt trừ tất cả phiền não tập khí, thông đạt tứ đế thập nhị nhân duyên, nơi cõi Bồ Đề hàng phục bốn ma thành tựu nhất thiết chủng trí. Được tất cả chư Phật xưng lời khen: Lành thay ! Lành

thay ! Đồng lấy nước trí pháp tánh, rưới trên đỉnh Pháp thân, mới thành Vô thượng Bồ Đề. Do nhân duyên như vậy nên nay ta hiệu là Thiên Nhân Sư thập lực đẳng giác, Thế Tôn Vô Thượng, nhân gian thiên thượng không ai bằng, bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, do đó ta hiệu là Như-Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn.

Duyên giáo hóa thế gian đã xong, ta vì chúng sanh nên hôm nay thị hiện nhập Niết bàn. Vì muốn cho chúng sanh khắp được cúng dường, nên ta theo pháp thế gian như vua Chuyển Luân, mà tấn táng cùng trà tỳ.

Tứ chúng nhân thiên đem Xá Lợi của Như-Lai đựng trong bình thất bảo xây dựng tháp thất bảo để cúng dường Xá Lợi, có thể làm cho chúng sanh được công đức lớn, lìa khổ ba cõi đến vui Niết Bàn.

Này A Nan ! Hàng tứ chúng xây tháp thất bảo cúng dường Xá Lợi của Phật rồi, lại nên xây ba thứ tháp để cúng dường: Tháp Bích Chi Phật, tháp A La hán, tháp Chuyển Luân Thánh Vương, vì muốn cho mọi người biết chỗ quy y vậy.

A Nan bạch Phật: Đức Như-Lai ra đời thương xót

chúng sanh, hiển bày thập lực, đại bi, bốn vô sở úy, ba môn giải thoát, tứ đế, mười hai nhân duyên, tám thứ phạm âm vang rền ba cõi, từ quang ngũ sắc soi khắp lục đạo, tùy thuận tâm nghiệp của chúng sanh mà chuyển pháp luân, có người chứng được bốn quả của nhị thừa tu tập, hoặc chứng đạo Duyên Giác vô lậu vô vi, hoặc nhập lực Bồ Tát bất diệt bất sanh, hoặc được vô lượng Đà La Ni, hoặc được ngũ nhãn, hoặc được lục thông, hoặc thoát ba ác đạo, hoặc ra khỏi tám nạn, hoặc lìa khổ trôi người ba cõi. Đức từ thanh tịnh của Như-Lai, pháp môn giải thoát của Như-Lai đều chẳng thể nghĩ bàn.

Sau khi nhập diệt, hàng tứ chúng dựng tháp bảy báu cúng dường Xá Lợi được công đức lớn, có thể làm cho chúng sanh thoát khổ ba cõi, được chánh giải thoát. Do nhân duyên này nên khi Phật nhập Niết Bàn, tất cả thế gian vì báo đáp từ ân vô lượng của Phật mà xây tháp thất bảo để cúng dường Xá Lợi, theo lẽ phải như vậy. Ba thứ pháp kia có những lợi ích gì đối với chúng sanh mà đức Phật bảo dựng tháp cúng dường ?

Phật nói: “ Bích Chi Phật tỏ ngộ nhân duyên của các pháp chứng nhập pháp tánh, đã thoát tất cả khổ hoạn trong tam giới, có thể làm phước điền cho nhân thiên. Do

đây nên xây tháp cúng dường Bích Chi Phật được phước đức kể nơi sự cúng dường Như-Lai, có thể làm cho chúng sanh đều được diệu quả.

Này A Nan ! A La Hán kia đối với ba cõi đã hết sanh tử chẳng thọ thân đời sau, phạm hạnh đã lập có thể làm phước điền cho thế gian, nên xây tháp cúng dường được phước đức kể sự cúng dường Bích Chi Phật, cũng làm cho chúng sanh được nhân duyên giải thoát.

Này A Nan ! Chuyển Luân Thánh Vương dầu chưa dứt phiền não, chưa giải thoát ba cõi, nhưng do phước đức mà cai trị bốn thiên hạ, đem pháp thập thiện giáo hóa nhân dân, là bậc tôn kính của mọi người, nên tứ chúng dựng tháp cúng dường, được phước đức cũng là vô lượng.

A Nan bạch Phật: “ Sau khi Phật nhập Niết Bàn, hàng tứ chúng nên làm lễ trà tỳ đức Như-Lai tại chỗ nào ?”

Phật nói: “ Sau khi ta nhập Niết Bàn, nếu tứ chúng làm lễ trà tỳ ở trong thành Câu Thi Na này, người trong thành tất tranh giành đánh đập nhau và cũng làm cho tất cả mọi người được phước chẳng đồng nhau. Nên tứ chúng phải làm lễ trà tỳ ở ngoài thành, cho mọi người đều bình đẳng được phước”.

A Nan bạch Phật: “Trà tỳ xong, tứ chúng dùng bình báu để đựng Xá Lợi, thời nên dựng tháp thất bảo ở tại chỗ nào để cho tất cả mọi người đều được cung kính cúng dường ?”

Phật nói: “Nên ở trong thành Câu Thi Na, nơi ngã tư đường mà xây tháp cao mười ba tầng, trước tháp có tướng pháp luân, phan lọng, lan can đều bằng thất bảo, bốn mặt tháp đều mở một cửa, từng lớp cửa nỏ xứng nhau an trí bình báu đựng Xá Lợi của Như-Lai trong đó cho tất cả trời người chiêm ngưỡng cúng dường.

Tháp của Bích Chi Phật nên mười một tầng. Tháp của A La Hán nên bốn tầng. Cũng đều dùng các thứ báu mà trang nghiêm.

Tháp của Chuyển Luân Vương cũng xây bằng bảy báu nhưng không có tầng cấp, vì Luân Vương chưa thoát khổ sanh tử trong ba cõi”.

A Nâu Lô Đà bạch Phật: Khi trà tỳ xong, tất cả Trời người cùng bốn bộ chúng phân chia Xá Lợi của Phật như thế nào ?

Phật nói: “Nên dùng tâm bình đẳng phân chia Xá Lợi của Phật khắp ba cõi để tất cả thế gian đều được cúng

dường. “

Thiên Đế Thích Đề Hoàn Nhân bạch Phật: “ Nay tôi xin cung kính thỉnh nửa thân Xá Lợi của Như-Lai để cúng dường”.

Phật bảo Thiên Đế: “ Đức Như-Lai bình đẳng xem chúng sanh như La Hầu La, ông chẳng nên thỉnh nửa thân Xá Lợi, vì phải để cho chúng sanh bình đẳng được lợi ích. Nay ta cho ông một cái răng nanh Xá Lợi hàm trên bên hữu, có thể xây tháp cúng dường ở trên Trời, làm cho ông được phước đức vô tận”.

Lúc đó tất cả đại chúng Trời người buồn thương rơi lệ không tự dẫn được.

Đức Thế Tôn bảo khắp đại chúng: “ Khi Phật nhập Niết Bàn rồi, đại chúng chớ quá sầu não. Vì dầu Phật nhập Niết Bàn mà Xá Lợi vẫn thường còn để cúng dường. Lại có những pháp bảo Vô Thượng, tạng Tu Đa La, tạng Tỳ Nại Da, tạng Ma Ha Đạt Ma, do đây Tam Bảo và tứ đế vẫn thường trụ ở thế gian, làm chỗ quy y cho chúng sanh. Vì cúng dường Xá Lợi tức là Phật Bảo, thấy Phật Bảo là thấy pháp thân, thấy pháp thân là thấy hiện Thánh, thấy hiện Thánh là thấy tứ đế, thấy tứ đế là thấy Niết Bàn. Do đây nên biết rằng Tam Bảo thường trụ không biến

đôi, có thể làm chỗ quy y cho thế gian.

Đại chúng chớ quá sâu khổ. Nay ta ở đây sắp nhập Niết Bàn. Trong những pháp: Quy y, giới luật, thường, vô thường, Tam Bảo, tứ đế, lục độ, mười hai nhân duyên v.v... nếu ai có điều chi nghi phải mau thưa hỏi, đây là lời hỏi rất ráo cuối cùng để sau khi Phật nhập Niết Bàn không còn nghi hối”.

Đức Phật phổ cáo trong đại chúng ba lần như vậy.

Tất cả đại chúng không ai thưa hỏi, vì ai nấy đều thông đạt hiểu rõ không còn nghi ngờ.

Đức Thế Tôn khen rằng: Lành thay ! Lành thay ! Đại chúng đã có thể thông đạt các pháp không còn nghi ngờ như nước sạch rửa hết bụi nhơ nơi thân. Đại chúng phải tinh tấn sớm được giải thoát, chớ sâu nã mê muội loạn tâm.

Lúc đó Đức Thế Tôn ngồi trên tòa Sư Tử, lấy tay vàng vạch y Tăng già lê để lộ ngực huỳnh kim cho đại chúng thấy rồi bảo rằng: Tất cả đại chúng Trời người nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của Như-Lai !

Đại chúng chiêm ngưỡng sắc thân vàng ròng của Phật thấy đều sung sướng như Tỳ Kheo nhập đệ tam

thiền.

Sau đó Đức Thế Tôn phóng vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức ánh sáng Đại Niết Bàn chiếu khắp tất cả thế giới mười phương, che khuất ánh sáng của tất cả mặt trời mặt trăng.

Phóng ánh sáng trên đây rồi Đức Phật bảo đại chúng: Mọi người nên biết rằng Đức Như-Lai vì tất cả đại chúng mà cần khổ trong nhiều kiếp, đến chặt tay chân lóc da thịt, đại bi đại nguyện thành bậc Vô thượng Chánh giác nơi đời ngũ trược này, được sắc thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, vô lượng ánh sáng chiếu khắp tất cả. Ai thấy được hình, gặp được ánh sáng của Phật, đều được giải thoát cả.

Này đại chúng ! Phật ra đời rất khó gặp khó thấy như hoa Ưu Đàm. Đại chúng gặp ta đây là lần sau cùng, đối với thân này chớ để luống qua. Do sức thế nguyện mà ta sanh nơi cõi uế ác này. Duyên giáo hóa đã hoàn tất, nay ta muốn nhập Niết Bàn. Đại chúng nên chí thành nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta, cố gắng tu tập nghiệp thanh tịnh như vậy, đời vị lai sẽ được quả báo này.

Đức Thế Tôn ba phen ân cần khuyên bảo như vậy, đồng thời bày thân chân kim cho đại chúng thấy.

Sau đó Đức Phật từ trên giường thất bảo sư tử bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, bảo một lần rằng: “ Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !”

Lần lượt đức Phật bay trên cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử Đức Phật lại bảo: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !

Đức Thế Tôn từ trên giường sư tử lại bay lên hư không cao bằng một cây Đa La, thời một lần bảo đại chúng, lần lượt bay cao bằng bảy cây Đa La, bảy lần bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta !

Từ hư không xuống ngồi trên giường sư tử Đức Phật lại kêu đại chúng mà bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân huỳnh kim của ta!

Lần thứ ba, Đức Thế Tôn cũng từ trên giường sư tử bay lên hư không cao bằng bảy cây Đa La, đồng thời cũng bảy lần bảo đại chúng như vậy. Từ hư không xuống

ngồi trên giường thất bảo Đức Phật lại bảo: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem nơi sắc thân của ta !

Đức Phật hai mươi bốn lần ân cần bảo đại chúng như vậy, rồi lại bảo rằng: Ta sắp nhập Niết Bàn, đại chúng nên chí tâm nhìn xem sắc thân Vô úy Kim Cang bất hoại của ta rất khó gặp như hoa Ưu Đàm, như người quá khát gặp nước trong mát thời uống đến no không còn khao khát, đại chúng cũng như vậy, nên chí tâm chiêm ngưỡng sắc thân của Như-Lai lần sau cùng, sau lần thấy này không còn thấy lại nữa. Đại chúng nên chiêm ngưỡng cho thỏa mãn để về sau khỏi ăn năn.

Sau khi ta nhập Niết Bàn, đại chúng phải tinh tấn tu hành sớm ra khỏi ba cõi, chớ có giải đãi phóng dật tán tâm.

Lúc đó tất cả đại chúng Trời người trong tất cả thế giới mười phương được gặp ánh sáng Niết Bàn, được chiêm ngưỡng đức Phật đều được giải thoát. Những chúng sanh được gặp được thấy đều được dứt hẳn tam đồ bát nạn, bốn tội trọng, năm tội nghịch, đến tất cả phiền não đều dứt hẳn không còn thừa.

Sau khi lộ bày sắc thân huỳnh kim cho tứ chúng

chiêm ngưỡng và ân cần khuyến cáo xong, Đức Thế Tôn kéo y Tăng già đắp lại như cũ.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sấm

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM ỨNG TẬN HUỒN NGUYÊN THỨ HAI MƯỜI BẢY

Đức Phật bảo đại chúng: “Giờ đây ta nhập Niết Bàn, cả mình ta đau nhức”.

Nói vừa xong, đức Phật liền nhập sơ thiên, xuất sơ thiên nhập nhị thiên, xuất nhị thiên nhập tam thiên, xuất tam thiên nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập bất dụng xứ định, xuất bất dụng xứ định nhập Phi Tướng phi Phi Tướng xứ định, xuất phi Phi Tướng xứ định nhập Diệt tận định, xuất Diệt tận định nhập Phi Tướng phi Phi Tướng xứ định, xuất Phi Tướng xứ định nhập bất dụng xứ định, xuất bất dụng xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập không xứ định, xuất

không xứ định nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập tam thiên, xuất tam thiên nhập nhị thiên xuất nhị thiên nhập sơ thiên.

Đức Thế Tôn thuận nghịch nhập các Thiên định xong, lại phổ cáo đại chúng: “ Ta dùng thậm thâm bát nhã xem khắp ba cõi tất cả lục đạo chúng sanh, ba cõi này bốn tánh rời lìa rốt ráo tịch diệt đồng như hư không, không danh, không thức, dứt hẳn các cõi, bốn lai bình đẳng không có tướng niệm cao hạ, không thấy nghe, không hay biết, không hệ phục, không giải thoát, không chúng sanh, không thọ mạng, không sanh không diệt, chẳng phải thế gian chẳng phải chẳng thế gian, Niết Bàn sanh tử đều không thể được, trước sau bình đẳng vì bình đẳng với các pháp, nhàn cư tịnh trụ không có chỗ thi vi, an trí rốt ráo quyết định bất khả đắc, từ pháp vô trụ pháp tánh thi vi, dứt tất cả tướng, trọn không chỗ có. Pháp tướng như vậy, ai biết rõ thời gọi là người xuất thế, kẻ chẳng biết như vậy thời gọi là đầu mối sanh tử. Đại chúng phải dứt vô minh, diệt đầu mối sanh tử !

Bảo xong, Đức Thế Tôn nhập thiên định siêu việt: Từ sơ thiên xuất liền nhập tam thiên, xuất tam thiên nhập không xứ định, xuất không xứ định nhập vô sở hữu xứ định, xuất vô sở hữu xứ định nhập diệt tận định, xuất diệt

tận định nhập Phi Tướng phi Phi Tướng xứ định, xuất Phi Tướng xứ định nhập thức xứ định, xuất thức xứ định nhập tứ thiên, xuất tứ thiên nhập nhị thiên, xuất nhị thiên nhập sơ thiên.

Đức Thế Tôn nghịch thuận nhập thiên định siêu việt xong, lại bảo đại chúng: “ Ta dùng Ma Ha Bát Nhã xem khắp ba cõi tất cả nhân pháp hữu tình vô tình thấy đều rốt ráo, không hệ phược, không giải thoát, không chủ, không y, không thể nhiếp trì, chẳng ra ba cõi, chẳng vào các cõi, bốn lai thanh tịnh không cấu nhơ, không phiền não, đồng như hư không, chẳng bình đẳng chẳng phải chẳng bình đẳng, dứt hết những động niệm tư tưởng tâm thức. Pháp tướng như vậy gọi là Đại Niết Bàn, thấy rõ được pháp tướng này thời gọi là giải thoát, phàm phu chẳng thấy biết thời gọi là vô minh.

Nói xong Đức Phật lại nhập thiên định siêu việt xuất sơ thiên nhập tam thiên nhẫn đến nhập diệt tận định, xuất diệt tận định nhẫn đến nhập sơ thiên.

Nghịch thuận nhập thiên định siêu việt xong, Đức Thế Tôn lại bảo đại chúng: “ Ta dùng Phật nhãn xem khắp ba cõi tất cả các pháp, thể tánh của vô minh vốn là giải thoát, tìm khắp mười phương trọn không thể được.

Vì cội gốc đã không nên nhánh lá thảy đều giải thoát. Vì vô minh giải thoát nên hành đến lão tử đều được giải thoát. Do đây nên ngày nay ta an trụ thường tịnh diệt quang gọi là Đại Niết Bàn.

Lúc đó A Nan quá sầu khổ bi ai tâm trí cuồng loạn, như người quá say không còn biết những việc xung quanh, chẳng thấy đại chúng, cũng chẳng biết Như-Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa.

Đức Thế Tôn nhập siêu thiên định thuận nghịch ba lần, xem khắp pháp giới ba phen phổ cáo đại chúng, Đức Như-Lai lần lượt nhập các thiên định hai mươi bảy lần như vậy.

Vì chẳng biết, nên khi Phật nhập một thiên định A Nan liền hỏi một lần, hai mươi bảy lần hỏi ngài A Nâu Lô Đà: Phật nhập Niết Bàn hay chưa ?

Ngài A Nâu Lô Đà rõ biết Như-Lai nhập các thiên định, hai mươi bảy lần đều trả lời với A Nan rằng Phật chưa nhập Niết Bàn.

Sau khi ba lần thuận nghịch nhập các thiên định cùng phổ cáo đại chúng, đức Thế Tôn nằm nghiêng bên hữu trên giường thất bảo: Gối đầu phương bắc, chân chỉ thẳng

phương Nam, mặt hướng về phương Tây, lưng day qua phương Đông.

Bốn phía giường, tám cây Ta La chia làm bốn cặp: Một cặp phương Tây ở trước mặt Như-Lai, một cặp phương Đông che sau lưng Như-Lai, một cặp phương Bắc che trên đầu Như-Lai, một cặp phương Nam đứng phía chân Như-Lai.

Lúc đó đúng giữa đêm Đức Như-Lai nằm trên giường thất bảo trong rừng Ta La nhập tứ thiên yên lặng mà Bát Niết Bàn.

Liền đó bốn cặp cây Ta La: Cặp hướng Đông, cặp hướng Tây ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, cặp hướng Nam, cặp hướng Bắc ngọn bốn cây hiệp làm một tàng, che giường thất bảo trùm trên thân Như-Lai. Những cây Ta La đó, tất cả lá biến thành sắc trắng như bạch hạc, nhánh lá bông trái da và thân cây thảy đều rụng rớt nứt nẻ, lần lần khô héo gãy rớt.

Đồng thời trong lúc đó vô lượng thế giới ở mười phương đều chấn động vang ra tiếng rằng: “ Khổ thay ! Khổ thay ! Thế giới trống rỗng”.

Lại vang ra tiếng buồn than diễn nói nghĩa vô thường,

khô, khô.

Tất cả những núi trong mười phương thế giới: Núi Mục Chân Lân Đà, núi Đại Mục Chân Lân Đà, núi Thiết Vi, núi Đại Thiết Vi, Hắc Sơn, Hương Sơn, Kim Sơn, Bảo Sơn, núi Tu Di đồng thời rúng động vang ra tiếng lớn: Khô thay ! Khô thay ! Tại sao một mai mà thế giới bơ vơ, huệ nhật tắt mất vào núi Đại Niết Bàn, tất cả chúng sanh mất cha lành, mất chỗ chiêm ngưỡng.

Tất cả biển lớn trong mười phương thế giới đều đục ngầu, sóng cuộn cuộn nổi lên vang ra các thứ tiếng: Khô thay ! Khô thay ! Đáng Vô thượng Chánh giác đã diệt, chúng sanh phải tội khô trôi mãi trong biển lớn sanh tử, mê mất con đường chân chánh không do đâu để giải thoát được.

Tất cả sông rạch khe suối, nương rãnh, giếng ao thảy đều nghiêng ngửa khô cạn.

Mười phương thế giới vắng lặng tối tăm. Sâu nào tối tăm bao trùm cả thế giới. Lúc đó bỗng có gió to thổi bay bụi cát, khắp nơi đều mờ tối. Tất cả cỏ cây trên mặt đất gãy ngã rơi rụng. Tất cả chư thiên vân tập chặt cả hư không, than thở kêu khóc tiếng động cả cõi đại thiên, rưới vô số trăm ngàn hoa trời hương trời cúng dường Đức

Như-Lai, lại rải vô số thiên tràng, thiên phan, thiên anh lạc, thiên bảo cái, thiên bảo châu biến thành bửu đài giữa hư không để cúng dường Đức Như-Lai. Chư thiên lại ở trên hư không tấu vô số thiên nhạc xưng rằng: Khổ thay ! Khổ thay ! Đức Phật đã nhập Niết Bàn. Thế giới trống rỗng, chúng sanh đã mất con mắt, quỷ La Sát phiền não lan tràn khắp nơi, sự khổ nối liền xoay vần chẳng dứt.

Lúc đó A Nan mê muội, chẳng biết Đức Như-Lai đã nhập Niết Bàn hay chưa nhập, chỉ nghe thấy những cảnh những tiếng lạ thường nên lại hỏi.

Ngài A Nâu Lô Đà đáp rằng: “ Đấng Đại Giác Thế Tôn đã nhập Niết Bàn”.

Nghe lời này, A Nan té xỉu xuống đất, mất thở như người chết.

Ngài A Nâu Lô Đà lấy nước lạnh rải trên mặt A Nan đỡ dậy nhiều lời an ủi rằng: Thảm thay ! Thảm thay ! Rất đáng đau khổ. Nhưng ông chớ quá buồn rầu mà tâm trí điên loạn. Hóa duyên của Đức Như-Lai đã hoàn tất, tất cả trời, người không ai cầm lại được. Khổ thay ! Khổ thay ! Biết làm sao được ! Nào ngờ ngày nay Đấng Thiên Nhân Sư việc làm đã rốt ráo không ai cầm lại được. Ông cùng tôi phải đồng dẫn sự buồn khổ. Đức Phật dầu nhập

Niết bàn, nhưng còn Xá Lợi và Pháp Bảo Vô Thượng thường trụ nơi thế gian, có thể làm chỗ quy y cho chúng sanh. Các ông cùng tôi phải tinh tấn đem Pháp Bảo của Phật truyền lại cho chúng sanh, khiến họ thoát khổ, dùng đây để báo ân đức của Như-Lai.

A Nan nghe lời an ủi trên, lần lần tỉnh ngộ nghẹn ngào buồn khóc.

Trong rừng Ta La nơi thành Câu Thi Na rộng mười hai do tuần, đại chúng trời người chật khắp trong đó. Chỗ nhỏ bằng đầu mũi kim dung thọ vô lượng chúng, không một chút hở trống, dầu vậy nhưng chẳng trở ngại, chẳng che khuất nhau.

Vô số ức Bồ Tát cùng đại chúng nhân thiên đều mê muội loạn tâm, thấy thế giới biến động khác thường và nghe ngài A Nâu Lô Đà bảo là Đức Phật đã nhập Niết Bàn, có nhiều người ngất xỉu té xuống đất. Trong đó có người nhập diệt theo Phật, có người mất trí, có người thân tâm run rẩy, có người nghẹn ngào nước mắt tuôn rơi, có người đấm ngực kêu to, có người cào đầu bứt tóc. Hoặc than khổ thay khổ thay, hoặc kêu sao Đức Như-Lai nhập Niết Bàn quá mau, hoặc khóc tôi đã mất đáng tôn kính, hoặc than thế giới trống rỗng, con mắt chúng sanh

đã mất, hoặc than quý phiền não lan tràn hoặc than mầm lành của chúng sanh đã chết, hoặc nói ma vương mừng rỡ cõi khô giáp ra nghỉ, hoặc tự trách thân tâm suy giảm vô thường hoặc chánh quán được giải thoát, hoặc cảm thương mắt chổ quy y. Có người máu ửng đỏ khắp thân chảy lan ra đất. Tất cả đại chúng kêu khóc tiếng động khắp thế giới.

Lúc đó Khi Thích Đại Phạm Thiên Vương biết Phật đã nhập Niết Bàn, liền cùng chư thiên từ cõi sắc bay xuống khóc to nghẹn ngào xiu té trước Như-Lai, giây lâu tỉnh lại buồn than nói kệ rằng:

Thuở xưa Thế Tôn có lời nguyện,
Vì chúng tôi mà ở Ta Bà,
Ẩn giấu vô lượng sức tự tại,
Đem pháp phương tiện độ chúng sanh,
Tùy theo cơ nghi mà thuyết pháp,
Chúng sanh thọ pháp được an lạc,
Dìu dắt ra khỏi ba cõi khổ,
Rốt ráo đều đến đạo Niết Bàn.
Phật là mẹ lành nuôi chúng sanh,

Khấp cho uông sữa Đại Từ Bi,
Nào ngờ nay lại sớm xả ly,
Trời người bơ vơ mất nương cậy.
Thương thay mầm lành của chúng sanh,
Không có cam lồ để tăng trưởng,
Mầm lành lần lần héo mất rồi,
Tội nghiệp kéo nhau đọa ác đạo.
Thế giới trống rỗng biết làm sao,
Huệ nhãn chúng sanh nay đã tắt,
Đi trong đường hắc ám vô minh,
Đọa lạc ba cõi trôi chìm khổ.
Chúng sanh tội ác không ai cứu,
Nguyện nương Xá Lợi cầu giải thoát,
Nhờ sức Đại Bi của Như-Lai,
Cứu giúp chúng tôi thoát chốn khổ.
Ngờ đâu giữa cõi đời ác trược,
Phật bỏ chúng tôi nhập Niết Bàn.
Lúc đó Thích Đề Hoàn Nhân cùng chư thiên từ hư

không xuống than thở khóc lóc ngất xỉu trước Như-Lai,
giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào rơi lệ quỳ trước Phật nói kệ
than thở:

Như-Lai nhiều kiếp tu khổ hạnh,
Vì lợi ích quần sanh chúng tôi,
Được thành đạo chánh giác Vô Thượng,
Đồng thương chúng sanh như con một,
Ban cho thuốc pháp thuốc Vô Thượng,
Y Sư trị bệnh là Y Vương,
Mây đại từ bi che chúng sanh,
Mưa huệ cam lồ rưới tất cả.
Ánh sáng huệ nhật soi vô minh,
Chúng sanh vô minh thấy Thánh đạo,
Từ quang Thánh nguyệt chiếu lục thú,
Ba cõi được soi thoát các khổ.
Nào ngờ hôm nay bỏ đại bi,
Đã nhập Niết Bàn chẳng còn thấy,
Bồn thệ Đại Bi nay ở đâu,

Rời bỏ chúng sanh như mũi dãi.
Tất cả hàng chúng sanh chúng tôi,
Nhu ghé mắt mẹ ắt phải chết,
Đại chúng cầm tay nhau kêu khóc,
Đắm ngực buồn than động Đại Thiên.
Khổ thay mọi người trong ba cõi,
Cớ gì một mai đều cô cút,
Chúng tôi hết phước rất là khổ,
Mầm lành cháy khô không nước nhuần.
Nguyện ánh sáng pháp bảo Xá Lợi,
Chiếu đến tôi thoát khỏi ba cõi,
Buồn thay khổ thay cho chúng tôi,
Bao giờ lại được thấy Như-Lai.

Lúc bấy giờ ngài A Nâu Lô Đà buồn than rơi lệ quỳ
trước Phật nói kệ than rằng:

Chánh pháp Pháp Vương nuôi chúng tôi,
Cho uống Pháp nhũ lớn khắp thân,
Chúng sanh Pháp thân chưa thành lập,

Lại thêm huệ mạng thiếu tư lương,
Dùng tám phạm âm thường diễn thuyết.
Đại chúng nghe rồi đều ngộ đạo,
Thường phóng Đại Bi ngũ sắc quang,
Đại chúng được soi đều giải thoát.
Hôm nay sao lại nhập Niết Bàn,
Chúng sanh tội khổ nương về đâu,
Khổ thay Thế Tôn bỏ Đại Bi,
Chúng tôi cô cùng ắt phải chết,
Dầu biết Thế Tôn hiện phương tiện,
Chúng tôi không thể chẳng buồn thương,
Đại chúng mê muội mất bản tâm,
Khóc động trời đất rúng ba cõi.
Riêng mình Thế Tôn ở an lạc,
Chúng sanh quá khổ sao bỏ đi,
Thuở xưa Thế Tôn vì chúng tôi,
Bỏ đầu chặt tay trong nhiều kiếp.
Được thành đạo chánh giác vô thượng,

Chẳng ở đời lâu vội Niết Bàn,
Đại chúng, chúng tôi ở vô minh,
Ma vương mừng rỡ cười khôi giáp,
Nguyện sức từ bi của Thế Tôn,
Xá Lợi phóng quang nhiếp chúng tôi,
Cúi xin Thế Tôn thương tứ chúng,
Pháp bảo lưu truyền mãi chẳng cùng,
Chúng tôi không thể liều tự chết,
Mạng sống thừa này được bao lâu,
Khổ thay đau đớn khó chịu nổi,
Bao giờ lại thấy Đức Như-Lai.

Lúc bấy giờ A Nan ngất xỉu lần lần tỉnh lại giờ tay
vỗ đầu đấm ngực nghẹn ngào buồn khóc rơi lệ quỳ trước
Phật nói kệ buồn than:

Xưa tôi cùng Phật đồng thệ nguyện,
May mắn đồng sanh trong giòng Thích,
Như-Lai đặng thành đạo chánh giác,
Tôi làm thị giả hai mươi năm,

Hết lòng cúng dường chưa thỏa lòng,
Nay Phật bỏ tôi vào Niết Bàn,
Than ôi, than ôi sao quá khổ,
Từ đây mãi mãi lòng đón đau.
Thân tôi chưa thoát lưới ba cõi,
Vỏ trứng vô minh chưa ra khỏi,
Mỏ huệ Thế Tôn chưa mổ vỡ,
Sao lại bỏ tôi vội Niết Bàn.
Tôi như trẻ nít vừa mới sanh,
Mất mẹ chẳng lâu ắt phải chết,
Cớ gì Thế Tôn bỏ rơi tôi.
Để riêng hưởng vui ngoài ba cõi.
Nay tôi sám hối với Thế Tôn,
Hầu Phật đến nay hai mươi năm,
Trong lúc đứng ngồi nhiều biếng trễ,
Không được vui đẹp lòng Thế Tôn,
Nguyện dâng chánh giác Đại Từ Bi,
Ban pháp cam lộ tôi an vui,

Tôi nguyện cùng tận thuở vị lai,
Thường gặp Thế Tôn làm thị giả.
Ngưỡng mong Thế Tôn đại từ quang,
Tất cả thế giới nhiếp thọ tôi,
Than ôi khổ thay nói chẳng được,
Ỗn Phật nghẹn ngào chẳng thể bày.

Lúc bấy giờ vô số hằng hà sa Bồ Tát tất cả đại chúng trời người buồn khóc rơi lệ chẳng xiết than thở. Mọi người khuyên nhủ nhau dần bớt lòng buồn khổ, lo sắm sửa vô số hương hoa vi diệu: Hoa mạn đà la, hoa ma ha mạn đà la, hoa mạn thù sa, hoa ma ha mạn thù sa, hương hải thử ngạn, chiêm đàn, trầm thủy, hòa hương, hương thủy, hương nê, cùng trăm ngàn muôn thứ lọng báu, tràng báu, phan báu, chuỗi ngọc, trân châu đem đến cúng dường Như-Lai.

Nhân dân nam nữ lớn nhỏ trong thành Câu Thi Na đều buồn khóc rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa phan lọng tốt đẹp đem đến cúng dường Như-Lai.

Tứ Thiên Vương cùng thiên chúng buồn than rơi lệ, sắm sửa vô số hương hoa, phan lọng đem đến cúng dường Như-Lai.

Đạo Lợi Thiên Vương, Dạ Ma Thiên Vương, Đâu Suất Thiên Vương, Hóa Lạc Thiên Vương, Tha Hóa Thiên Vương, Sắc Giới Thiên Vương, Vô Sắc Giới Thiên đều cùng thiên chúng buồn thương than thở mang vô số hoa hương, phan lọng vi diệu đến cúng dường Như-Lai.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sấm

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM TRÀ TỖ THỨ HAI MƯỜI TÁM

Lúc đó tất cả nhân dân nam nữ trong thành Câu Thi Na hỏi ngài A Nan pháp tắc trà tỳ đối với Đức Như-Lai.

Ngài A Nan thuật lại lời Phật nên theo pháp tắc Chuyển Luân Thánh Vương.

Tất cả nhân dân buồn khóc rơi lệ trở vào trong thành làm kim quan dùng thất bảo trang nghiêm, cùng lo sắm ngàn bức bạch điệp vô giá, vô số bông Đâu La Miên mềm nhuyễn, vô số chiên đàn, trầm thủy, hòa hương, hương thủy, hương nê, phan lọng, hoa hương v.v... Sắm sửa xong, cùng nhau đến trước Phật rơi lệ nghẹn ngào mà

dâng lên cúng dường.

Lúc đó đại chúng buồn thương cung kính dùng bạch điệp tốt che tay đỡ Như-Lai vào trong kim quan đồ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Nhân dân trong thành Câu Thi Na vì tham phước lành, không muốn cho đại chúng trời người khiêng kim quan của Phật, họ sai bốn đại lực sĩ thỉnh kim quan của Phật vào trong thành để cúng dường. Bốn đại lực sĩ này vận dụng hết sức mình mà vẫn không động được kim quan. Trong thành lại sai tám đại lực sĩ, rồi đến mười sáu đại lực sĩ, nhưng vẫn không khiêng nổi.

Ngài A Nâu Lô Đà thông thả bảo các lực sĩ rằng: “Dầu cho tất cả nhân dân trong thành cũng không khiêng nổi kim quan, huống là các ông. Các ông phải thỉnh đại chúng cùng chư thiên trợ lực các ông mới khiêng kim quan vào thành được.

Lúc đó Thiên Đế Thích cùng chư thiên cầm lọng thất bảo lớn cùng vô số hoa hương, phan lọng các thứ âm nhạc, khóc lóc rơi lệ ở giữa hư không giăng che cúng dường kim quan của Phật. Lục dục thiên cùng Sắc giới thiên cũng đồng cúng dường kim quan như Đế Thích.

Đức Đại Bi của Thế Tôn muốn cho thế gian được tâm bình đẳng đồng được phước, kim quan liền từ rừng Ta La tự bay lên hư không cao bằng một cây Đa La.

Nhân dân trong thành Câu Thi Na và tất cả đại chúng trời người, vì không được khiêng kim quan nên tự cảm thương kêu khóc.

Chư thiên đem hoa hương châu ngọc rải trước kim quan, vãn vũ quanh kim quan. Đồng than thở xướng to rằng: Khổ thay ! Khổ thay ! Chúng ta vô phước chẳng đặng khiêng kim quan.

Lúc đó kim quan của Phật bay trên hư không, từ rừng Ta La bay chậm chậm vào cửa Tây thành Câu Thi Na, Tất cả nhân dân đại chúng trời, người, Bồ Tát, Thanh Văn, hoặc đi dưới đất, hoặc đi trên hư không, theo sau kim quan buồn khóc than thở nghẹn ngào rơi lệ.

Thành Câu Thi Na mỗi phía rộng bốn mươi tám do tuần. Kim quan của Phật bay chậm chậm trên hư không vòng ra cửa Đông hữu nhiều vào cửa Nam, rồi vẫn bay chậm chậm trên hư không mà ra cửa Bắc, lại tả nhiều vào cửa Tây. Bay nhiều đủ ba vòng như vậy, kim quan bay chậm chậm trên không vào cửa Tây rồi ra cửa Đông, tả nhiều vào cửa Bắc lại ra cửa Nam, hữu nhiều trở lại vào

cửa Tây, bay như vậy đủ bốn vòng.

Lúc kim quan của Phật bay vào thành, vô số đại chúng mang vô số gỗ thơm, chiên đàn, trầm thủy, tất cả hương báu cùng vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc đến chỗ trà tỳ.

Tứ Thiên Vương cùng chư thiên cũng đem những thứ hương thượng diệu cõi trời đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi trời Đao Lợi nữa đến chư thiên cõi trời Tha Hóa cũng đều đem vô số thứ hương thượng diệu cõi trời và phan lọng hoa hương chuỗi ngọc gấp bội trời Tứ Thiên Vương đến chỗ trà tỳ.

Chư thiên cõi sắc, cõi vô sắc chỉ đem hương hoa đến chỗ trà tỳ.

Ngài A Nâu Lô Đà, lệ đầy mắt chẳng xiết buồn thương, khát gỗ thơm chiên đàn trầm thủy cõi trời đủ sáu ngàn cây đem đến chỗ trà tỳ.

Lúc Đức Thế Tôn mới thành đạo, bờ phía Bắc sông Hằng mọc lên một cây chiên đàn, lớn như bánh xe, cao bằng bảy cây Đa La. Hơi thơm bay tỏa khắp nơi Thọ Thần của cây chiên đàn này sanh đồng thời với cây, thường đem hương của cây này đến cúng dường Phật.

Giờ Phật nhập Niết Bàn, cây chiên đàn này liền chết nhánh lá khô rụng, Thọ Thần này cũng chết theo cây. Các vị thần khác đem cả cây chiên đàn đã chết khô này đến chỗ trà tỳ để cúng dường.

Nơi đây là chỗ trà tỳ của tam thế chư Phật. Nơi đây có vô lượng tháp báu của chư Phật quá khứ. Nơi đây là chỗ đất Kim Cang cứng chắc.

Lúc đó kim quan của Phật bay chậm chậm trên không hữu nhiều tả nhiều bay quanh thành Câu thi Na đủ bảy vòng, rồi từ từ hạ xuống trên giường thất bảo, trong thời gian đó trải qua bảy ngày.

Nhân dân đại chúng trời người, Thanh Văn, Bồ Tát cầm phan lọng hoa hương buồn khóc rơi lệ theo sau kim quan trọn bảy ngày.

Do thần lực của Phật, tất cả đại chúng đều không đói khát, không một ai nghĩ đến ăn uống, chỉ thành tâm cung kính mến luyến Đức Như-Lai.

Vì đã đủ bảy ngày sắp đem Như-Lai ra khỏi kim quan, đại chúng kêu khóc chấn động thế giới, dùng bạch điệp mịn nhuyễn che tay cung kính phò thân Kim Cang bất hoại đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Như-

Lai an lành ra khỏi kim quan để trên giường thất bảo.

Đại chúng càng thêm buồn thương than khóc, đem hoa hương, trỗi âm nhạc cúng dường Như-Lai.

Mọi người mắt đầy lệ, miệng nghẹn ngào, dùng vô số hương thủy, cung kính tắm rửa thân Như-Lai từ đầu đến chân. Cũng rửa kim quan trong ngoài sạch sẽ.

Tắm rửa thân Như-Lai xong, đại chúng lại đem vô số hương hoa phan lọng buồn thương khóc lóc, cúng dường Như-Lai. Dùng vô số bông Đâu La Miên mịn màng bao bọc thân Kim Cang của Như-Lai từ đầu đến chân. Rồi lấy bạch điệp vô giá tuần tự quán ngoài bông Đâu La Miên đủ một ngàn bức.

Đại chúng lại khóc than cúng dường rồi lấy bạch điệp che tay cung kính phò thân Như-Lai vào trong kim quan, đổ đầy dầu thơm, nắp kim quan liền đóng kín lại.

Đại chúng lại buồn than khóc lóc trỗi âm nhạc dâng hương hoa cúng dường kim quan.

Sau đó đại chúng chắt gỗ thơm chiên đàn trầm thủy thành lều hương lớn, bốn phía treo giăng những lọng báu phan đèn, chuỗi ngọc, dây vàng. Mùi gỗ thơm bay tỏa khắp thành.

Sau khi dâng hoa hương, trỗi âm nhạc thương khóc cúng dường, đại chúng trời người dùng bạch điệp che tay cung kính khiêng kim quan để lên lầu hương.

Đại chúng lại than khóc, nhiều người ngất xỉu. Khi tỉnh lại đồng kêu rằng: Khổ thay ! Khổ thay ! Nào ngờ cuối cùng không chỗ nương cậy ! Than xong nghẹn ngào rơi lệ lại rải hương hoa, treo phan lọng, trỗi âm nhạc cúng dường Như-Lai.

Lúc đó sắp sửa nôi lửa trà tỳ, đại chúng lại kêu gào than khóc chấn động cõi đại thiên trần thiết cúng dường kim quan của Phật.

Mọi người vừa khóc lóc lệ đầy mắt, đều cầm đuốc hương lớn cả ôm, cháy sáng cả vùng, đem đến châm vào lầu gỗ thơm. Khi đến gần lầu gỗ thơm, tất cả ngọn đuốc đều tự nhiên tắt. Đại chúng lại thay vô số đuốc khác ném vào dưới lầu hương, tất cả ngọn đuốc cũng đều tắt.

Trăm ngàn Hải Thần đem đuốc lớn thất bảo đến châm vào lầu hương, những đuốc này cũng đều tắt.

Đại chúng chẳng biết có gì trà tỳ chẳng được, đây có lẽ là Đức Như-Lai còn có nhân duyên gì chưa xong.

Lúc đó ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo

ở tại núi Kỳ Xà Quật cách thành Câu Thi Na năm mươi do tuần, đang nhập Tam Muội, bỗng nhiên tim nháy thân rung, liền xuất định thấy núi cây đều chấn động, biết rằng Đức Như-Lai đã nhập Niết Bàn. Ngài bảo các Tỳ Kheo: Đức Đại Sư Thế Tôn của chúng ta đã nhập Niết Bàn bảy ngày rồi, hiện đã vào trong kim quan.

Khô thay! Khô thay! Chúng ta phải mau đến chỗ Đức Như-Lai, sợ rằng đã trà tỳ rồi chẳng còn được thấy sắc thân chân tịnh ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp của Đức Phật.

Ngài Ma Ha Ca Diếp vì lòng kính trọng Phật nên chẳng dám dùng thần thông bay đi, bèn dắt các Thầy Tỳ Kheo đi bộ bảy ngày mới tới thành Câu Thi Na.

Trên đầu đường cửa Đông, ngài Ma Ha Ca Diếp thấy một Bà La Môn tay cầm một nhánh thiên hoa đi ngược chiều, liền hỏi: “ Ông từ đâu mà đến đây?”

Bà La Môn đáp: “ Đức Phật đã nhập Niết Bàn, tôi vừa ở chỗ trà tỳ về”.

- Ông đang cầm đó là hoa gì ?

- Tôi ở chỗ trà tỳ được cành hoa trời này.

Ngài Ma Ha Ca Diếp ngỏ ý xin hoa ấy.

Bà La Môn nói: “ Không được ! Tôi muốn đem hoa này về cho thân tộc tôi cúng dường trong nhà”.

Ngài Ma Ha Ca Diếp bèn mượn cành hoa, hai tay cung kính để lên đầu mình, liền ngắt xiu té xuống đất. Giây lâu tỉnh lại suy nghĩ rằng: Ở đây than khóc, chẳng thấy được sắc thân huỳnh kim của Như-Lai cũng không ích gì.

Nghĩ xong, liền cùng các Tỳ Kheo đi gấp vào cửa Bắc thành Câu Thi Na, ghé vào một Tăng phòng thấy các Tỳ Kheo đang hội họp.

Các Tỳ Kheo này bảo Ngài rằng: Xem các ông dường như từ xa mới đến, có lẽ nhọc nhằn đói khát, nên ngồi nghỉ chờ đến giờ ăn.

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói: Đấng Đại Sư đã nhập Niết Bàn, chúng tôi còn lòng nào ở yên đây chờ ăn.

- Đại Sư là ai ?

- Khổ thay, đau đớn thay ! Các Thầy chẳng biết ư ? Đấng Đại Giác Thế Tôn nay đã nhập Niết Bàn.

Các Tỳ Kheo này nghe rồi vui mừng lắm, nói rằng: “ Sướng lắm ! Sướng lắm ! Đức Như-Lai còn tại thế cấm răn chúng ta, đặt ra giới luật nghiêm tuấn, chúng ta chẳng

chịu nổi. Nay đã nhập diệt, những giới luật nghiêm tuấn ấy cũng phải bỏ. Các ông thông thả chờ ăn uống, có gì phải vội gấp”.

Đức Phật dùng thần lực bít tai chư thiên và các Tỳ Kheo theo Ngài Ca Diếp. Những Tỳ Kheo này cùng chư thiên đều chẳng nghe những lời ác của các Tỳ Kheo vừa nói. Chỉ một mình Ngài Ma Ha Ca Diếp nghe thôi.

Lúc đó, Ngài Ca Diếp dắt các Tỳ Kheo rời Tăng phòng vội vã đến chỗ Phật. Vừa đi vừa suy nghĩ chúng tôi làm sao được có những đồ cúng dường, để khi đến chỗ Phật dâng lên cúng dường ?

Ngài Ma Ha Ca Diếp lại suy nghĩ: Tôi vốn sanh trưởng ở trong thành này, nay xin đồ cúng dường có lẽ cũng được.

Ngài liền dắt các Tỳ Kheo ghé từng nhà để xin, được ngàn bức bạch điệp tốt, vô số bông Đâu La Miên, cùng rất nhiều hương hoa, hương nê, hương thủy, hương du, phan lọng, hàng màu, chuỗi ngọc.

Xin đồ cúng dường xong, các Ngài lật đật mang ra cửa Tây. Từ xa nghe vắng tiếng đại chúng than khóc ở chỗ trà tỳ. Nghe đại chúng hỏi Thiên Đế cúng dường đã

xong làm sao có lửa để đốt lều hương ? Nghe Thiên Đế đáp rằng đại chúng nên chờ, ngài Ma Ha Ca Diếp sắp đến.

Tất cả đại chúng đang buồn khóc thấy ngài Ma Ha Ca Diếp cùng năm trăm Tỳ Kheo vừa đi, vừa khóc mà đến, liền tránh đường nhường chỗ cho ngài Ma Ha Ca Diếp đi thẳng vào lều hương. Ngài Ma Ha Ca Diếp dắt các Tỳ Kheo vòng lên kim quan mà lễ bái kêu khóc ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nước mắt tuôn rơi, hỏi đại chúng rằng: “ Làm sao để được mở kim quan của Phật ?”

Đại chúng đáp: “ Phật nhập Niết Bàn đã trải qua hai thất, sợ có tổn hoại chăng ?”

Ngài Ma Ha Ca Diếp nói: “ Thân của Như-Lai là thân Kim Cang thường, lạc, ngã, tịnh, không thể có sự hư rã, thân Phật thơm tho ngào ngạt như núi Chiên Đàn”.

Nói xong các Ngài liền đến bên kim quan than thở khóc lóc.

Lúc đó Đức Như-Lai Đại Bi bình đẳng vì ngài Ma Ha Ca Diếp nên kim quan tự nhiên mở nắp. Ngàn trương bạch điệp cùng bông Đâu La Miên đều tự tháo tung, lộ bày thân huỳnh kim ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ

đẹp. Vừa thấy kim thân của Phật lộ ra, các Ngài liền ngất xỉu té xuống, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào than khóc, nước mắt chảy tuôn đem hoa hương phan lọng hàng màu chuỗi ngọc của mình xin dâng dâng lên cúng dường, rồi lấy hương nê hương thủy tắm rửa kim thân của Như-Lai, đốt hương rải hoa khóc lóc cúng dường. Sau đó các Ngài đem bông Đâu La Miên của mình bao trùm kim thân kẻ lấy bông Đâu La Miên cũ bao ngoài. Lại lấy ngàn bức bạch điệp của mình tuần tự quấn ngoài bông (Đâu) La Miên, kẻ đó lấy ngàn bức bạch điệp cũ cũng theo thứ tự quấn ngoài bạch điệp mới. Sau khi quấn bạch điệp xong nắp kim quan liền đóng lại.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo khóc lóc rơi lệ đi nhiều kim quan bảy vòng, quỳ gối chấp tay nói kệ than thở:

Khô thay! Khô thay! Đáng Đại Thánh,

Nay tôi đau đớn như cắt lòng,

Thế Tôn diệt độ sao quá sớm,

Đại Bi chẳng thể nán chờ tôi.

Trong thiên định ở núi Xà Quật,

Tôi khắp tìm Phật đều chẳng thấy,

Nhìn lại thấy Phật đã Niết Bàn,
Thoạt vậy thân tâm tôi kinh động.
Bỗng thấy mây đen khắp thế gian,
Lại thấy núi cây đều chấn động,
Liền biết Như-Lai đã Niết Bàn,
Chúng tôi vội đến chẳng được thấy.
Thế Tôn Đại Bi chẳng đến tôi,
Khiến tôi chẳng thấy Phật nhập diệt,
Chẳng được nghe một lời dạy bảo,
Tôi nay cô cùng biết nương đâu !
Thế Tôn ôi ! Tôi quá đau đớn,
Rối loạn tinh thần tâm mê muội
Nay tôi cúi lạy đầu Thế Tôn,
Và cũng kính lạy ngực Thế Tôn,
Kính lễ hai tay của Đại Thánh,
Và cũng kính lễ lưng Thế Tôn,
Cung kính đánh lễ rún Thế Tôn,
Thâm tâm kính lễ chân của Phật.

Khổ thay! Chẳng thấy Phật Niết Bàn,
Xin hiện bày chỗ tôi kính lễ.

Như-Lai ở đời chúng an vui,
Nay nhập Niết Bàn đều rất khổ.

Buồn thay! Buồn thay! Quá đau đớn,
Đại Bi hiện bày chỗ tôi lễ.

Lúc ngài Ma Ha Ca Diếp khóc than nói kệ rồi, đấng đại bi Thế Tôn liền hiện hai bàn chân Thiên bực luân tướng ra ngoài kim quan. Từ Thiên bực luân phóng ngàn tia sáng chiếu khắp tất cả thế giới ở mười phương.

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo thấy chân Phật, đồng thời cúi lạy tướng Thiên bực luân. Vì quá cảm động, các Ngài mê muội ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào kêu khóc, đi nhiễu bảy vòng rồi lại đánh lễ chân Phật buồn khóc nói kệ rằng:

Như-Lai tâm Đại Bi trọn vẹn,
Từ quang bình đẳng không phân biệt,
Chúng sanh có cảm đều ứng hiện,
Cho tôi được thấy tướng túc luân.
Nay tôi thâm tâm quy mạng lễ,

Đấng hai chân Thiên bức luân tướng,
Trong thiên luân phóng ngàn tia sáng,
Chiếu khắp cõi Phật ở mười phương.
Nay tôi quy y cúi đầu lạy,
Thiên bức luân tướng phóng ánh sáng,
Chúng sanh được chiếu đều giải thoát,
Tam đồ bát nạn đều lìa khổ.
Tôi lại quy y cúi đầu lạy,
Ánh sáng khắp cứu các ác thú.
Thuở xưa Thế Tôn từ nhiều kiếp,
Vì chúng tôi siêng tu khổ hạnh,
Ngày nay chúng được thân Kim Cang,
Do đây dưới chân ngàn tia sáng.
Buồn thương cúi đầu quy mạng lễ,
Thiên luân an lạc các chúng sanh.
Phật tu công đức vì tất cả,
Dưới cội đạo thọ hàng bốn ma,
Bốn ma hàng rồi dẹp ngoại đạo,

Nhân đây chúng sanh được chánh kiến.
Cung kính quy y cúi đầu lạy,
Chân sáng khiến chúng được chánh kiến,
Phật là cha lành của tất cả,
Chân sáng bình đẳng độ chúng sanh.
Tôi lại quy y cúi đầu lạy,
Chân sáng bình đẳng cứu thoát khổ,
Tôi gặp chân sáng Thiên bất luân,
Buồn mừng xen lộn đau đớn lòng.
Tôi lại khóc than cúi đầu lạy,
Tướng sáng thiên luân có cảm ứng,
Quy y cúi lạy ánh sáng chân,
Nương thừa rót ráo ra ba cõi.
Kính lễ chân trời người quy y,
Ánh sáng khắp soi ba cõi khổ,
Chúng sanh chưa được giải thoát khổ,
Thảy đều quy mạng chân thiên quang.
Chúng tôi luân hồi chưa ra khỏi,

Cớ sao chân Phật lại bỏ rơi !

Thương thay, thương thay cho chúng sanh.

Tia sáng thiên luân mãi chẳng thấy,

Sám hối với đấng Đại Từ Bi,

Đánh lễ chân vàng ngàn tia sáng.

Buồn thay nay gặp tướng Thiên Luân,

Từ đây lúc nào được thấy lại !

Ngài Ma Ha Ca Diếp cùng các Tỳ Kheo nói kệ trên đây rồi, lại ngất xỉu mê muội, giây lâu tỉnh lại nghẹn ngào buồn thương không dẫn được.

Hai chân Kim Cang Thiên bức luân tướng của Đấng Đại Giác Thế Tôn tự rút vào kim quan đóng kín như cũ.

Tất cả nhân dân đại chúng trời người ngó thấy ngài Ma Ha Ca Diếp càng thêm sầu khổ đấm ngực kêu gào, tiếng khóc than vang động cả thế giới, đem lễ vật nghẹn ngào dâng cúng.

Lúc đó, trong thành Câu Thi Na sai bốn lực sĩ đeo chuỗi ngọc trang nghiêm nơi thân, tay cầm đuốc lớn như bánh xe ngọn lửa chói sáng, đến đốt lều hương để trà tỳ Như-Lai. Vừa đến lều hương lửa đuốc liền tắt. Trong

thành lại sai tám lực sĩ, lần lượt sai đến ba mươi sáu đại lực sĩ, mỗi lực sĩ vác đuốc lớn đến châm vào lều hương để đốt. Tất cả lửa đuốc đều tắt.

Ngài Ma Ha Ca Diếp bảo các lực sĩ cùng mọi người rằng kim quan của Phật, lửa trong tam giới không thể đốt cháy được. Đại chúng nên biết rằng giả sử tất cả những lửa trên trời cùng nhân gian đều không thể trà tỳ kim quan của Như-Lai. Mọi người chớ gắng gượng luống đốt nhọc nhằn.

Đại chúng nghe lời trên đây càng thêm buồn khổ đồng nhau đánh lễ cúng dường đi nhiều kim quan bảy vòng, tiếng khóc than vang động cả mười phương.

Lúc bảy giờ Đức Như-Lai dùng sức Đại Bi, từ nơi ngực phóng ngọn lửa ra ngoài kim quan, lần lần đốt cháy lều hương trải qua bảy ngày mới cháy hết.

Tất cả đại chúng trời người cùng nhân dân nam nữ trong thành cũng buồn than khóc lóc trợn bảy ngày không dứt tiếng, đồng thời chẳng ngớt cúng dường đánh lễ.

Lúc đó Tứ Thiên Vương đều nghĩ rằng: Tôi dùng nước thơm rưới tắt lửa, gấp lượm lấy Xá Lợi đem về cõi

trời cúng dường. Nghĩ xong, Tứ Thiên Vương liền mang bình vàng đựng đầy nước thơm, lại đem bốn cây cam nhũ, bốn cây này mọc ở trên bốn triền núi Tu Di, mỗi cây cao trăm do tuần, lớn một ngàn ôm, đồng đến chỗ trà tỳ. Thiên Vương trút nước thơm trong bình, bốn cây tuôn nước cam nhũ tưới trên ngọn lửa. Tưới xong, thấy lửa càng mạnh không tắt.

Lúc đó Hải Thần cùng Ta Già La Long Vương và Giang Thần, Hà Thần thấy Tứ Thiên Vương tưới nước thơm chẳng tắt lửa, đều nghĩ rằng: Chúng ta đem nước thơm tưới tắt lửa thân gấp Xá Lợi đem về cúng dường tại chỗ của chúng ta. Nghĩ xong, mỗi thần cầm bình báu đựng vô lượng nước thơm mang đến chỗ trà tỳ đồng thời tưới trên lửa, thấy lửa như cũ không tắt chút nào.

Ngài A Nâu Lô Đà hỏi Tứ Thiên Vương cùng các Thần: “ Các ông tưới nước thơm, có phải muốn lửa tắt để lấy Xá Lợi về cúng dường tại chỗ ở của các ông chăng ?”

- Thưa ngài A Nâu Lô Đà ! Đúng như vậy.

Ngài A Nâu Lô Đà bảo Tứ Thiên Vương: “ Các ông lòng quá tham ! Nếu tất cả Xá Lợi đều theo các ông về thiên cung, người ở địa cầu làm sao lên trời được để cúng

dường ?

Ngài lại bảo các Thần: “ Các ông ở trong biển lớn dưới sông sâu, nếu các ông đem Xá Lợi của Đức Như-Lai về chỗ ở của các ông, thì người trên mặt đất này làm sao đến đó để cúng dường ?”

Tứ Thiên Vương cùng chư Thần đều sám hối.

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

[^]

KINH ĐẠI BÁT NIẾT BÀN

Hán Dịch: Bắc Lương Pháp Sư Đàm Vô Sám

Việt Dịch: Tỳ Kheo Thích Trí Tịnh

PHẨM CÚNG DƯỠNG XÁ LỢI THỨ HAI MƯỜI CHÍN

Lúc đó, Thiên Đế cầm bình thất bảo cùng đồ cúng dường đến chỗ trà tỳ, ngọn lửa tự nhiên đồng thời tắt. Thiên Đế liền mở nắp kim quan, muốn thỉnh răng nanh của Phật.

Ngài A Nâu Lô Đà liền ngăn lại và hỏi: “Ông làm gì thế ?”

Thiên Đế nói: “ Tôi muốn thỉnh răng nanh Phật về

trời cúng dường”.

Ngài A Nâu Lôu Đà bảo: “ Chớ vội lấy ! Ông nên chờ đại chúng để cùng nhau chia”.

Thiên Đế nói: “ Trước kia đức Phật hứa cho tôi một răng nanh Xá Lợi, vì có ấy nên tôi vừa đến thời lửa liền tắt”.

Nói xong, Thiên Đế liền lấy một răng nanh Xá Lợi ở hàm trên bên hữu đem về thiên cung xây tháp cúng dường.

Lúc đó có hai quý La Sát Thiệp Tập ẩn thân theo sau Đế Thích, mọi người đều chẳng thấy, hai quý trộm lấy một cặp răng nanh Xá Lợi của Phật.

Tất cả đại chúng cùng nhân dân trong thành đồng thời muốn tranh lấy Xá Lợi.

Ngài A Nâu Lôu Đà bảo rằng: Đại chúng nên chậm rãi chờ ! Như lời Phật dạy phải theo đúng pháp cùng nhau chia để cúng dường.

Mọi người chẳng nghe theo lời ngài A Nâu Lôu Đà, đều võ trang muốn dành lấy Xá Lợi. Đồng áp đến bên kim quan, nhìn thấy bông Đâu La Miên cùng bạch điệp còn nguyên chẳng cháy. Thấy thế mọi người đứng nhìn

cát tiếng khóc than, đồng cúng dường đánh lễ, quỳ xuống
rơi lệ nói kệ tán thán rằng:

Như-Lai do sức Đại Tự Tại,
Tất cả thế gian được tự tại,
Đại Bi bốn nguyện ở cõi này,
Vòng quanh biển khổ độ chúng sanh.
Vô lượng trí huệ sức thần thông,
Ra vào sanh tử không chướng ngại,
Một thân hiện ra làm nhiều thân,
Nhiều thân một thân làm vô lượng.
Thần biến ứng khắp người đều thấy,
Không duyên liền hiện nhập Niết Bàn,
Chúng tôi hết phước không duyên ứng,
Nên bị Như-Lai buông bỏ rời.
Kim quan của Phật nơi Song Thọ,
Tất cả lực sĩ không khiêng nổi,
Do sức Đại Bi tự cất lên,
Bay trên hư không một Đa La.

Chậm rãi bay vòng thành Thi Na,
Bảy ngày bay đủ bảy vòng thành,
Sau đó tự đến chỗ trà tỳ,
Thần lực bất cộng làm việc ấy.
Đại chúng trời người không lường được,
Đức Phật ở trong Đại Niết Bàn,
Kim Cang bất hoại sức tự tại,
Tất cả lửa đước đều chẳng cháy,
Từ nơi giữa ngực phóng chân hỏa,
Bảy ngày đốt cháy mới hết củi,
Trời người không thể tắt lửa này,
Đại Bi Thế Tôn hiện thần lực.
Đế Thích vừa đến lửa bèn tắt,
Bông Đâu La Miên bao thân Phật,
Ngọn lửa quá to mà chẳng cháy,
Ngàn trương bạch điệp quán thân Phật,
Ở trong lửa hừng mà chẳng cháy,
Mới biết Như-Lai sức tự tại.

Tự tại với pháp là Pháp Vương,
Kính lễ Từ Tôn trong ba cõi,
Lễ đáng Vô úy trong các thành,
Lễ đáng đại từ che tất cả,
Lễ đáng thần biến Đại Tự Tại,
Chúng tôi từ nay xa Thế Tôn,
Buồn khổ không ai cứu vớt được,
Buồn thay, thương thay đáng Đại Thánh,
Vĩnh biệt ngày nào lại thấy Phật !
Đại chúng nói kệ xong, than khóc cúng dường.

Lúc đó ngài A Nâu Lô Đà vì tất cả đại chúng mà
chấm rãi tháo bạch điệp cùng bông Đâu La. Ngàn bức
bạch điệp của Ma Ha Ca Diếp đều còn nguyên vẹn. Ngàn
bức bạch điệp của nhân dân trong thành trừ một lớp
ngoài còn nguyên, ngoài ra đều cháy ra tro tất cả. Bông
Đâu La Miên còn nguyên như cũ.

Ngài A Nâu Lô Đà đem bạch điệp và Đâu La Miên
còn nguyên không cháy này cắt nhỏ ra chia cho đại chúng
khiến đem về xây tháp cúng dường. Ngài lại đem tro
bạch điệp cũng chia cho đại chúng. Những thứ tro khác

đại chúng riêng tự lấy đẽ đem về xây tháp cúng dường.

Người trong thành Câu Thi Na đã sắm sẵn tám cái ché bằng vàng, mỗi ché dung lượng một hộc, cùng tám tòa sư tử trang nghiêm bằng bảy báu. Ché vàng để trên tòa sư tử, mỗi tòa có ba mươi hai lục sĩ khiêng. Trên mỗi tòa có ba mươi hai gái đẹp trang sức lộng lẫy: Áo màu, chuỗi ngọc. Tám người vịn ché vàng, tám người cầm lọng báu, tám người cầm gươm báu, tám người cầm cờ Tiết dựng bốn mặt ché.

Theo sau mỗi tòa, có vô lượng đại chúng trời nhạc cầm phan lọng rải hương hoa. Lại có vô lượng võ sĩ cầm cung, tên, kiếm, kích vệ hộ tòa sư tử.

Lúc khiêng tám tòa sư tử ra khỏi thành, nhân dân trong thành liền đem vô số hương thủy, hương nê theo sau lục sĩ, để sửa sang mặt đất làm thành con đường bằng phẳng thơm sạch thẳng đến chỗ trà tỳ. Nhân dân lại giăng treo vô số phan lọng hương hoa chuỗi ngọc trên châu trang nghiêm hai bên đường để chờ cung nghinh Xá Lợi của Như-Lai.

Lúc các lục sĩ khiêng tám tòa sư tử báu đến chỗ trà tỳ đại chúng cất tiếng kêu khóc vang động, cùng nhau đánh lễ chí tâm cúng dường Như-Lai.

Đức Thế Tôn dùng sức Đại Bi làm cho thân Kim Cang nát thành hột Xá Lợi nhỏ, chỉ bốn răng nang còn nguyên vẹn.

Đại chúng ngó thấy Xá Lợi càng thêm buồn thương than khóc đồng đánh lễ cúng dường.

Ngài A Nâu Lô Đà cùng người trong thành vừa khóc than rơi lệ, vừa thâu lấy Xá Lợi để vào trong ché vàng trên tòa sư tử. Tám ché vàng đựng đầy Xá Lợi của Phật mới hết.

Đại chúng thấy thâu Xá Lợi vào ché vàng xong, lại khóc lóc đánh lễ cúng dường.

Các đại lực sĩ cùng nhân dân đại chúng rước Xá Lợi vào thành Câu Thi Na để giữa ngã tư đường. Người trong thành võ trang bốn đội quân phòng vệ bốn mặt thành. Lại sai năm trăm nhà chú thuật giỏi chia ra gìn giữ bốn cửa thành. Dầu võ trang phòng vệ như vậy, nhưng trọn không có lòng chiến tranh.

Ngoài thành cũng như trong thành, nhân dân treo vô số phan lọng.

Tám ché vàng đựng Xá Lợi để yên trên tòa sư tử trọn bảy ngày.

Đại chúng trời người cũng trọn bảy ngày khóc than chẳng dứt và không ngớt đánh lễ cúng dường.

Mỗi tòa sư tử đều có năm trăm nhà chú thuật giữ gìn, phòng ngừa có Thiên, Long, Dạ Xoa, Quỷ Thần đến lén lấy Xá Lợi.

Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng dòng Thích Ca thân quyến của Phật, vì thần lực của Phật nên sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn hai mươi một ngày mới hay tin. Quốc Vương cùng dòng họ Thích lật đật đến thành Câu Thi Na, thấy khắp thành phan lọng rợp trời, quân đội và các nhà chú thuật gìn giữ bốn cửa thành nghiêm ngặt.

Quốc Vương Ca Tỳ La hỏi thăm biết rằng Phật nhập Niết Bàn đã qua hai mươi tám ngày, trà tỳ rồi sắp sửa chia Xá Lợi. Quốc Vương xin phép các nhà chú thuật cùng quân đội giữ thành để được vào đánh lễ Xá Lợi của Đức Như-Lai. Người giữ thành liền cho Quốc Vương cùng dòng họ Thích vào thành.

Vừa thấy Xá Lợi của Phật đựng trong ché vàng trên tòa sư tử, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng người họ Thích Ca đều rơi lệ nghẹn ngào cúi đầu đánh lễ rồi đi nhiễu bảy vòng, muốn thỉnh một phần Xá Lợi của Đức Như-Lai đem về nước cúng dường.

Đại chúng đáp rằng: “ Dầu biết các ông là quyền thuộc dòng Thích Ca, nhưng Đức Thế Tôn trước kia có dặn phân chia Xá Lợi, chưa nghe nói đến các ông. Xá Lợi này đều có thỉnh chủ, đâu dám chia cho các ông, các ông nên trở về”.

Quốc Vương cùng người dòng Thích Ca thỉnh Xá Lợi chẳng được, vì quá đau đớn nên kêu gào ngất xỉu, giây lâu tỉnh lại bảo đại chúng rằng: “ Đức Thế Tôn giáng sanh trong dòng Thích Ca của chúng tôi, nay vì thương xót các ông mà nhập Niết Bàn tại đây. Sao các ông lại hẹp hòi khinh khi chúng tôi mà chẳng chịu chia một phần Xá Lợi. Nói xong, đồng đánh lễ Xá Lợi đi nhiều bảy vòng, buồn khóc rơi lệ ôm giận mà trở về Ca Tỳ La Vệ.

Vua A Xà Thế chúa nước Ma Già Đà chẳng hay Đức Như-Lai nhập Niết Bàn. Trong đêm Đức Phật nhập Niết Bàn, vua nằm mộng thấy mặt trăng rớt, mặt trời từ đất mọc lên, các ngôi sao rơi rớt khắp nơi, hơi khói từ đất bay lên, bảy sao chổi hiện ra trên trời, lửa lớn cháy khắp hư không rồi đồng thời sa xuống đất. Khi tỉnh giấc lòng vua kinh sợ triệu các quan đến để hỏi.

Các quan tâu rằng: Đây là điềm Đức Phật nhập Niết Bàn. Sau khi Đức Phật diệt độ, lục đạo chúng sanh phiền

não nổi dậy, nên nhà vua thấy lửa to cháy từ hư không sa xuống đất. Nguyệt ái từ quang của Phật đều tắt mất nên nhà vua thấy mặt trăng lặn. Tám muôn luật nghi tắt cả giới pháp, chúng sanh không tuân hành mà theo tà pháp đọa nơi địa ngục, nên nhà vua thấy các ngôi sao sa xuống. Tam đồ ác đạo hiện khắp thế gian, chúng sanh bị khổ như ánh nắng gay gắt nóng bức, nên nhà vua thấy mặt trời từ đất mọc lên.

Vua A Xà Thế liền cùng các quan suốt đêm thặng đến thành Câu Thi Na, muốn vào thành để đánh lễ Kim Cang Xá Lợi của Như-Lai, người giữ cửa thành cho vua cùng các quan vào thành. Đến giữa ngã tư đường nhà vua thấy ché vàng đựng Xá Lợi để trên tòa sư tử, liền rơi lệ khóc lóc, cùng các quan đồng đánh lễ cúng dường đi nhiễu Xá Lợi bảy vòng. Vua A Xà Thế yêu cầu đại chúng cho thỉnh một phần Xá Lợi để đem về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Vua A Xà Thế thỉnh Xá Lợi không được liền đánh lễ buồn tức trở về nước.

Vua nước Tỳ Gia Ly, vua nước A Lạc Già La, vua nước Tỳ Nậu, vua nước Sư Già Na, vua nước Ba Kiên La, hay tin Phật nhập Niết Bàn đều dắt các quan đi gấp đến thành Câu Thi Na, thấy vô số quân binh phòng vệ

bốn cửa thành, các vua xin vào thành để đánh lễ cúng dường Xá Lợi. Người giữ thành liền mở cửa cho vào. Sau khi buồn than đánh lễ cúng dường Xá Lợi xong, các vua đều xin chia phần Xá Lợi để thỉnh về nước cúng dường. Đại chúng không bằng lòng. Các vua sầu khổ đánh lễ Xá Lợi buồn tức trở về nước.

Khi về đến nước nhà, Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ cùng vua các nước đều sai sứ đến thành Câu Thi Na để xin thỉnh Xá Lợi. Người trong thành Câu Thi Na bảo rằng: “Đức Thế Tôn đã nhập Niết Bàn tại nước của chúng tôi, toàn thân Xá Lợi phải để tại nước chúng tôi cúng dường mãi mãi, quyết chẳng chia cho người nước ngoài”.

Sứ giả của các nước bảo rằng: “Nếu chịu chia Xá Lợi cho các nước thời tốt, bằng không, chúng tôi, buộc phải dùng sức mạnh để đoạt lấy”.

Vua A Xà Thế lại sai đại tướng Võ Hành đem binh đến bảo người trong thành Câu Thi Na: “Nếu chịu chia Xá Lợi thời tốt, bằng không chúng tôi sẽ thêm binh lực để đoạt lấy”.

Người trong thành đều trả lời tùy ý. Rồi tất cả những tráng sĩ cùng nam nữ trong thành đồng võ trang kéo bốn

bộ binh ra thành muốn giao chiến với binh các nước.

Lúc đó nước Tỳ Gia Ly sai quân đội đến thành Câu Thi Na. Nước Tỳ Nậu, nước Giá La Ca La, nước Sư Gia Na, nước Ba Kiên La cùng Quốc Vương Ca Tỳ La Vệ, năm nước này cũng đều sai quân đội đến thành Câu Thi Na.

Quân của bảy nước vây kín thành Câu Thi Na.

Lúc đó trong đại chúng có một Bà La Môn họ Yên ở giữa quân đội của tám nước to tiếng khuyên rằng: “ Xin các lực sĩ thành Câu Thi Na lắng nghe ! Đức Thế Tôn từ vô lượng kiếp chứa công đức lành, tu hạnh nhẫn nhục, các Ngài cũng thường nghe Đức Phật khen ngợi hạnh nhẫn nhục. Hôm nay Đức Như-Lai vừa diệt độ, các Ngài đâu nên vì Xá Lợi mà đánh đập nhau, hành động này chẳng phải là cử chỉ tôn kính Xá Lợi. Các Ngài nên chia Xá Lợi của Như-Lai làm tám phần để cúng dường ở tám nước”.

Các lực sĩ đáp rằng: “ Xin kính tuân lời đề nghị ấy”.

Lúc đó Yên Bà La Môn liền chia Xá Lợi làm tám phần bằng nhau. Chia xong Yên Bà La Môn to tiếng xin thỉnh cái bình dùng lường Xá Lợi để đem về tụ lạc Đâu

Na La xây tháp cúng dường. Đại chúng đồng bằng lòng.

Các Cư Sĩ và Bà La Môn ở nước Tát Ba Diên Na xin thỉnh tro chổ trà tỳ. Đại chúng cũng bằng lòng.

Lúc đó người thành Câu Thi Na lãnh được phần Xá Lợi thứ nhất. Người nước Ba Kiên La thỉnh được phần Xá Lợi thứ hai. Người nước Sư Già Na thỉnh được phần Xá Lợi thứ ba. Người nước A Lạc Già thỉnh được phần Xá Lợi thứ tư. Người nước Tỳ Nậu thỉnh được phần Xá Lợi thứ năm. Người nước Tỳ Gia Ly thỉnh được phần Xá Lợi thứ sáu. Người nước Ca Tỳ La Vệ thỉnh được phần Xá Lợi thứ bảy. Chúa nước Ma Già Đà Vua A Xà Thế thỉnh được phần Xá Lợi thứ tám. Người trong tám nước đều xây tháp cúng dường Xá Lợi tại nước mình.

Yên Bà La Môn thỉnh bình đựng Xá Lợi về xây tháp tại tụ lạc Đầu Na La.

Người nước Ba La Diên Na cũng thỉnh tro đem về xây tháp cúng dường.

Lúc đó trong Diêm Phù Đề có tám tháp thờ Xá Lợi của Phật, một tháp thờ bình lường Xá Lợi, một tháp thờ tro. Thế là việc phân chia Xá Lợi đã xong.

Lúc đó chư Bồ Tát, hàng Thanh Văn, Trời, Người,

Bát Bộ Quý Thần, Quốc Vương, Trưởng Giả, Quan, Dân
toàn thể đại chúng buồn khóc rơi lệ cúi đầu đánh lễ Xá
Lợi của Phật mà đi.

Phật Thuyết Phương Đẳng Bát Nê Hoàn Kinh

* * * TRỌN BỘ * * *

HẾT

BỔ KHUYẾT TÂM KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát hành thâm bát nhã ba la mật đa
thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử ! Sắc bất dị không, không bất dị sắc ; sắc
tức thị không, không tức thị sắc ; thọ, tưởng, hành, thức,
diệt phục như thị. Xá Lợi Tử ! Thị chư pháp không tướng:
Bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm.
Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức ; vô
nhãn, nhĩ, tỷ, thật thân, ý ; vô sắc, thanh, hương, vị xúc,
pháp ; vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới ; vô vô minh,
diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận ;
vô khổ, tập, diệt, đạo ; vô trí diệc vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố,
Bồ đề tát đỏa y Bát nhã ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại,
vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng

tướng cứu cánh Niết Bàn.

Tam thế chư Phật y Bát nhã ba la mật đa cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Cổ tri Bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị Vô Thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhất thiết khổ chân thật bất hư.

Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật đa chú, tức thuyết chú viết:

“ Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha”.

VÃNG SANH QUYẾT ĐỊNH CHƠN NGÔN

Nam mô A di đà bà dạ, đà tha già đà dạ, đà điệt dạ tha, A di rị đô bà tỳ, a di rị đà, tất đām bà tỳ, A di rị đà, tỳ ca lan đế, A di rị đà, tỳ ca lan đà, già di nị, già già na, chỉ đà ca lệ ta bà ha. (3 lạy)

Khê thủ Tây phương An lạc quốc.

Tiếp dẫn chúng sanh đại đạo sư.

Ngã kim phát nguyện nguyện vãng sanh.

Duy nguyện từ bi ai nhiếp thọ,

Ngã kim phổ vị tứ ân tam hữu,

Cập pháp giới chúng sanh cầu ư chư Phật.

Nhất thừa Vô Thượng Bồ Đề đạo cố,

Chuyên tâm trì niệm A Di Đà Phật,

Vạn đức hồng danh kỳ sanh Tịnh Độ.

Duy nguyện Từ Phụ A Di Đà Phật,

Ai lân nhiếp thọ từ bi gia hộ.

A Di Đà Phật thân kim sắc,

Tướng hảo quang minh vô đẳng luân.

Bạch hào uyển chuyển ngũ Tu Di,

Hám mục trừng thanh tứ đại hải.

Quang Trung hóa Phật vô số ức,

Hóa Bồ Tát chúng diệc vô biên,

Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh,

Cửu phẩm hàm linh đấng bửu ngạn.

Nam mô Tây Phương Cực Lạc thế giới Đại từ Đại bi
tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật.(niệm 10, 20, 30 câu tùy
ý)

Nam mô Quán Thế Âm Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (10 tiếng)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (10 tiếng)

HỒI HƯỞNG

Đệ tử chúng đấng, hiện thị sanh tử phàm phu, tội chướng thâm trọng, luân hồi lục đạo, khổ bất khả ngôn ; kim ngộ tri thức, đắc văn A Di Đà danh hiệu, bốn nguyện công đức, nhất tâm xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, nguyện Phật từ bi bất xả, ai lân nhiếp thọ, đệ tử chúng đấng, bất thức Phật thân, tướng hảo quang minh, nguyện Phật thị hiện, linh ngã đắc kiến cập kiến Quán Âm Thế Chí chư Bồ Tát chúng, bỉ thế giới trung, thanh tịnh trang nghiêm, quang minh diệu tướng đấng, linh ngã liễu liễu đắc kiến, A Di Đà Phật.

Ngã kim trì niệm A Di Đà

Tức phát Bồ Đề quảng đại nguyện:

Nguyện ngã định huệ tốc viên minh

Nguyện ngã công đức giai thành tựu

Nguyện ngã thắng phước biến trang nghiêm

Nguyện cộng chúng sanh thành Phật đạo.
Vãng tích sở tạo chư ác nghiệp
Giai do vô thí tham sân si
Tùng thân ngữ ý chi sở sanh
Nhất thiết ngã kim giai sám hối.
Nguyện ngã lâm dục mạng chung thời
Tận trừ nhất thiết chư chướng ngại
Diện kiến ngã Phật A Di Đà
Tức đắc vãng sanh Cực Lạc sát.
Ngã ký vãng sanh Cực Lạc dĩ
Hiện tiền thành tựu thứ đại nguyện
Nhất thiết viên mãn tận vô dư
Lợi lạc nhất thiết chúng sanh giới.
Ngã Phật chúng hội hàm thanh tịnh,
Ngã thời ư thắng liên hoa sanh
Thân đồ Như-Lai Vô Lượng Quang
Hiện tiền thọ ngã Bồ Đề ký.
Mong ngã Như-Lai thọ ký dĩ

Hóa thân vô số bá cu chi
Trí lực quảng đại biến thập phương
Phổ lợi nhất thiết chúng sanh giới
Chúng sanh vô biên thế nguyện độ.
Phiền não vô tận thế nguyện đoạn,
Pháp môn vô lượng thế nguyện học,
Phật đạo Vô Thượng thế nguyện thành.
Nguyện sanh Tây Phương tịnh độ trung,
Cửu phẩm liên hoa vi phụ mẫu,
Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,
Bất Thối Bồ Tát vi bạn lữ
Nguyện dĩ thử công đức
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ.
Nhược hữu kiến văn giả
Tức phát Bồ Đề tâm,
Tận thử nhất báo thân,

Đồng sanh Cực Lạc Quốc,

Tận thử nhất báo thân

Đồng sanh An Dưỡng Quốc.

NGUYỄN

A Di Đà Phật, thường lai hộ trì, linh ngã thiện căn, hiện tiền tăng tấn, bất thất tịnh nhân, lâm mạng chung thời, thân tâm chánh niệm, thị thính phân minh, diện phụng Di Đà, giữ chư Thánh chúng, thủ chấp hoa đài, tiếp dẫn ư ngã.

Nhất sát na khoảnh, sanh tại Phật tiền, cụ Bồ Tát đạo, quảng độ chúng sanh đồng thành chủng trí.

Chí tâm đánh lễ: Nam Mô A Di Đà Phật Thế Tôn.

Nguyện ngã Tội chướng tất tiêu diệt (1 lay)

Nguyện ngã Thiện căn nhứt tăng trưởng (1 lay)

Nguyện ngã Thân tâm hàm thanh tịnh(1 lay)

Nguyện ngã Nhất tâm tạo thành tựu (1 lay)

Nguyện ngã Tam muội đặc hiện tiền (1 lay)

Nguyện ngã Tịnh nhân tốc viên mãn (1 lay)

Nguyện ngã Liên đài tự tiêu danh (1 lay)

Nguyện ngã Kiến Phật ma đánh ký (1 lạy)

Nguyện ngã Dự tri mạng chung thời (1 lạy)

Nguyện ngã Vãng sanh Cực Lạc Quốc (1 lạy)

Nguyện ngã Viên Mãn Bồ Tát đạo (1 lạy)

Nguyện ngã Quảng độ chư chúng sanh (1 lạy)

Chí tâm quy mạng đánh lễ: Nam Mô Tây Phương
Cực Lạc thế giới giáo chủ, thọ quang thể tướng vô lượng
vô biên, từ thế hoằng thâm, tứ thập bát nguyện độ hàm
linh, đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Như-Lai biến
pháp giới Tam Bảo (1 lạy)

Tự quy y Phật, đương nguyện chúng sanh, thể giải
đại đạo, phát Vô Thượng tâm (1 lạy)

Tự quy y Pháp, đương nguyện chúng sanh, thâm
nhập kinh tạng, trí huệ như hải.(1 lạy)

Tự quy y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý
đại chúng, nhất thiết vô ngại. (1 lạy)
